

LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Tập 10 của bộ Toàn tập C.Mác và Ph.Ăng-ghe-nơ bao gồm các tác phẩm của hai nhà kinh điển viết trong thời gian từ tháng Giêng 1854 đến tháng Giêng 1855. Đó là thời kỳ những hiện tượng khủng hoảng đã bắt đầu bộc lộ trong nền kinh tế một số nước châu Âu, đặc biệt là nước Anh, và cuộc chiến tranh Crưm đã bùng nổ giữa Nga và Thổ Nhĩ Kỳ - Anh - Pháp - vương quốc Xéc-bi-ni.

Trong các tác phẩm viết vào thời kỳ này, C.Mác và Ph.Ăng-ghe-nơ đi sâu phân tích tình hình kinh tế một số nước tư bản chủ nghĩa châu Âu, đặc biệt là nước Anh, và chỉ ra xu hướng không thể tránh khỏi khủng hoảng ở các nước đó. Về cuộc chiến tranh Crưm, hai ông nêu lên thái độ của các giai cấp cầm quyền ở các nước khác nhau, đặc biệt là thái độ của giai cấp công nhân các nước đối với cuộc chiến tranh đó. Đồng thời hai ông cũng dành nhiều bài nói về cuộc đấu tranh cách mạng ở Tây Ban Nha và những nguyên nhân dẫn cuộc đấu tranh đó đến thất bại.

Tập này được dịch dựa vào bản tiếng Nga bộ Toàn tập C.Mác và Ph.Ăng-ghe-nơ, tập 10 do Nhà xuất bản chính trị quốc gia Liên Xô xuất bản tại Mát-xcơ-va năm 1958. Ngoài phần chính văn, chúng tôi còn in kèm theo phần chú thích và các bản chỉ dẫn do Viện nghiên cứu chủ nghĩa Mác - Lênin Liên Xô (trước đây) biên soạn để bạn đọc tham khảo.

Đồng thời với việc xuất bản bộ Toàn tập C.Mác và Ph.Ăng-ghe-nơ, chúng tôi sẽ tổ chức biên soạn sách giới thiệu nội dung mỗi tập và các tư tưởng cơ bản trong tác phẩm chính của hai nhà kinh điển.

Tháng 7-1993
NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA

PH.ĂNG-GHEN

CUỘC CHIẾN TRANH CHÂU ÂU¹

Vấn đề Thổ Nhĩ Kỳ chờ đợi giải quyết từ lâu thì, rút cục, hình như đã bước vào giai đoạn mà giới ngoại giao, với những thủ đoạn quanh co dai dẳng, dễ tiện và vô hiệu của nó đã không thể kìm giữ vấn đề đó trong tay nó được nữa. Hạm đội của Pháp và của Anh đã tiến vào Hắc Hải để ngăn chặn cuộc tiến công của hạm đội Nga vào hạm đội Thổ Nhĩ Kỳ hoặc bờ biển Thổ Nhĩ Kỳ. Nga hoàng Ni-cô-lai từ lâu đã tuyên bố rằng đối với nhà vua một hành động như thế sẽ là dấu hiệu tuyên chiến. Thế thì hiện nay Nga hoàng liệu có bỏ qua việc ấy hay không?

Không thể trông chờ rằng hạm đội liên quân ngay lập tức sẽ tấn công và tiêu diệt hạm đội Nga hoặc các điểm phòng thủ và các xưởng đóng tàu ở Xê-va-xtô-pôn. Trái lại, chúng ta có thể tin rằng chỉ thị của các nhà ngoại giao cho hai vị đô đốc^{1*} của mình là dùng tất cả mọi biện pháp để tránh bất cứ cuộc xung đột nào. Nhưng sau khi mệnh lệnh về việc đó đã ban ra, thì việc chuyển quân trên biển và trên bộ không còn tuân theo ý muốn và các kế hoạch của các nhà ngoại giao nữa, mà lại tuân theo các quy luật riêng của nó, và nếu vi phạm chúng thì sẽ làm cho toàn bộ đoàn chiến hạm viễn chinh lâm nguy. Các nhà ngoại giao không hề có ý định làm cho quân Nga bị đánh tan ở Ôn-tê-nít-sa; nhưng khi Ô-me-rô-pa-sa được quyền tự do hành động một chút và các hoạt động quân sự bắt đầu, thì hành động của các vị tư lệnh của hai bên đối địch lại chuyển sang một địa hạt mà trên mức độ rất lớn không còn thuộc sự kiểm soát của các vị đại sứ đóng ở Công-xtăng-ti-nô-pơ nữa.

Vì vậy, một khi các tàu chiến đã nhổ neo rời cảng Bây-cô-dơ, thì không ai có thể nói được rằng bao lâu nữa chúng sẽ sa vào tình thế mà cả những lời hô hào hòa bình của huân tước A-béc-đin lẫn hiệp ước bí mật giữa huân tước Pan-móc-xton với nước Nga đều không thể cứu chúng ra nổi và chúng buộc phải lựa chọn hoặc là sự rút lui nhục nhã hoặc là trận quyết chiến. Một vùng biển hẹp và khép kín như Hắc Hải thì các tàu thù

1* - Đôn-đa-xơ và Ha-me-lanh

địch nhau vị tất có thể lẫn tránh nhau được, nên trong hoàn cảnh kể trên chính đó là nơi có thể khó tránh khỏi xảy ra xung đột vào bất cứ lúc nào. Và không thể trông chờ Nga hoàng Ni-cô-lai chịu để cho hạm đội của mình bị phong tỏa ở Xê-va-xtô-pôn mà không chống trả gì.

Nếu như sau bước ấy sẽ phải nổ ra cuộc chiến tranh châu Âu thì rất có thể đó sẽ là cuộc chiến tranh giữa một bên là nước Nga với bên kia là Anh, Pháp, Thổ Nhĩ Kỳ. Rất có thể xảy ra sự kiện ấy, nên chúng ta buộc phải đem hết khả năng của mình để so sánh những triển vọng thắng lợi và so sánh lực lượng chiến đấu tích cực của hai bên.

Nhưng nước Nga có đơn độc không? Trong cuộc chiến tranh quy mô này, Áo, Phổ và các quốc gia Đức và I-ta-li-a phụ thuộc vào hai nước này sẽ đứng về phía nào? Nghe nói, dường như Lu-i Bô-na-pác-tơ đã nghĩ ý cho Chính phủ Áo hiểu rằng nếu xảy ra xung đột với Nga mà Áo đứng về phía Nga thì Chính phủ Pháp sẽ lợi dụng làn sóng sục sôi cách mạng ở Hung-ga-ri và I-ta-li-a mà chỉ cần một đốm lửa là có thể bùng lên thành đám cháy lớn, và Pháp sẽ tìm cách phục hưng lại hai dân tộc I-ta-li-a và Hung-ga-ri. Sự đe dọa ấy sẽ ảnh hưởng đến lập trường của Áo, và làm cho Áo phải giữ thái độ trung lập trong một thời gian khá dài, nhưng không thể hy vọng rằng Áo sẽ đứng lâu ở bên ngoài cuộc đấu tranh đó, nếu như nó xảy ra. Điều này cũng có thể gây ra ở I-ta-li-a những cuộc khởi nghĩa cục bộ, và làm cho Áo càng trở nên một chư hầu phụ thuộc vào Nga nhiều hơn và ngoan ngoãn hơn. Và, rút cục, tấn tuồng kiểu Na-pô-lê-ông ấy² chẳng phải đã được diễn một lần rồi đó sao? Phải chăng có thể trông chờ ở con người đã đưa giáo hoàng trở lại ngôi báu trần tục của ông ta và đã chuẩn bị sẵn người nối ngôi vua ở Na-plô³, sẽ đem lại cho người I-ta-li-a cái mà họ hằng theo đuổi không kém gì sự theo đuổi của họ hướng tới nền độc lập tách khỏi Áo, tức là sự thống nhất của nước I-ta-li-a? Chẳng lẽ có thể hy vọng rằng nhân dân I-ta-li-a cứ lao bừa vào cái bẫy đó sao? Không còn nghi ngờ gì nữa, người I-ta-li-a đang chịu đau khổ nặng nề dưới cái ách của Áo. Nhưng họ vị tất có nguyện vọng mãnh liệt là giúp sức củng cố uy thế của một đế quốc đã mất chỗ dựa ở ngay nước Pháp, và củng cố niềm vinh quang của một con người đứng lên chống lại cách mạng I-ta-li-a trước nhất. Tất cả những điều đó, Chính phủ Áo biết rõ cả, và do đó có thể dự đoán rằng hành động của Chính phủ Áo sẽ chịu ảnh hưởng của sự khốn quẫn về tài chính của mình nhiều hơn là chịu ảnh hưởng những lời đe dọa của Bô-na-pác-tơ; đồng thời có thể tin

rằng, vào giờ phút quyết định thì ảnh hưởng của Nga hoàng sẽ chiếm ưu thế ở Viên và sẽ kéo Áo về phía Nga.

Phổ muốn diễn lại tấn tuồng mà họ đã diễn vào những năm 1780, 1800 và 1805⁴. Kế hoạch của họ là thành lập một liên minh các nước trung lập ở vùng Ban-tích hoặc Bắc Đức, mà đứng đầu khối này Phổ có thể đóng vai trò khá quan trọng và sẽ ngả về phía nào hứa hẹn đem lại nhiều lợi lộc nhất cho Phổ. Như lịch sử đã chứng minh, tất cả những ý đồ đó, với một sự đơn điệu hầu như mang tính chất lối bịch, đều luôn luôn kết thúc bằng việc Chính phủ Phổ tham lam, dao động và hèn nhát lại ngả vào vòng tay của nước Nga. Lần này thì nước Phổ chắc gì đã thoát khỏi cái số phận thông thường ấy của nó. Nó sẽ thò vòi đi khắp các phía, sẽ công khai tự bán đấu giá bản thân nó, giở ngón mưu mẹo với hai phe, nuốt lạc đà và khạc ra muối⁵, mất nốt chút uy tín có thể còn sót lại của mình, sẽ bị thui và rút cục sẽ rơi vào tay người trả giá rẻ nhất, nghĩa là - lần này cũng như mọi lần khác - rơi vào tay nước Nga. Đối với Nga, Phổ sẽ không phải là bạn đồng minh mà là một gánh nặng, bởi lẽ, vì lợi ích và để thỏa mãn bản thân mình, nó cho rằng phải để quân đội của nó thua trận ngay từ trước.

Chừng nào mà chỉ một trong những cường quốc Đức chưa bị lôi cuốn vào cuộc chiến tranh châu Âu thì cuộc chiến chỉ có thể diễn ra dữ dội ở Thổ Nhĩ Kỳ, ở Hắc Hải và ở biển Ban-tích mà thôi. Trong thời kỳ này, cuộc chiến tranh trên biển sẽ có ý nghĩa quan trọng nhất. Không còn nghi ngờ gì nữa, hạm đội của các nước đồng minh có thể phá hủy Xê-va-xtô-pôn và tiêu diệt hạm đội Hắc Hải của Nga; các nước đồng minh có thể đánh phá và chiếm giữ Crưm, chiếm đóng Ô-đét-xa, phong tỏa biển A-dốp và làm cho các dân tộc vùng núi Cáp-ca-dơ được rảnh tay. Nếu hành động nhanh chóng và kiên quyết thì chẳng có gì dễ hơn nữa. Nếu giả sử việc đó cần một tháng đầu tích cực tác chiến, thì sang tháng sau các tàu thủy chạy bằng hơi nước của hạm đội các nước đồng minh có thể đến được La-Măng-sơ, mà bỏ lại ở phía sau những tàu buồm chạy chậm hơn. Vì rằng những việc còn lại phải làm ở Hắc Hải thì hạm đội Thổ Nhĩ Kỳ có thể hoàn thành được dễ dàng. Để ăn than ở biển La-Măng-sơ, và để tiến hành những công việc chuẩn bị khác thì cần phải mất thêm hai tuần nữa. Và sau khi các tàu thủy ấy hội quân với hạm đội Anh và Pháp ở Đại Tây Dương và La-Măng-sơ thì hạm đội của quân đồng minh có thể xuất hiện ở vùng cửa biển vào cảng Crôn-stát trước cuối tháng Năm với số lượng hạm tàu đủ để bảo đảm cho cuộc tiến công thắng lợi.

Rõ ràng là ở biển Ban-tích cũng phải tiến hành những công việc như đã tiến hành ở Hắc Hải. Cần liên minh với Thụy Điển bằng bất cứ giá nào, nếu cần thì phải đe dọa Đan Mạch, phát động cuộc khởi nghĩa ở Phần Lan bằng cách đổ bộ lên Phần Lan với một số lượng quân đầy đủ và hứa hẹn rằng sẽ chỉ ký hòa ước khi vùng này lại hợp nhất với Thụy Điển. Số quân đổ bộ vào Phần Lan có thể uy hiếp Pê-téc-bua, đồng thời hạm đội có thể pháo kích được Crôn-stát. Pháo đài này quả thực là một vị trí rất kiên cố. Đường vào cảng hầu như không cho phép hai chiến hạm đi sóng đôi và khi đi qua thì hai bên sườn của các chiến hạm đó sẽ ở dưới tầm hỏa lực của các khẩu đội pháo bố trí không những ở hòn đảo chính, mà còn cả trên những mỏm núi đá, trên bãi cạn và trên các đảo nhỏ xung quanh nữa. Không thể nào tránh khỏi ít nhiều tổn thất về người và cả về hạm tàu nữa. Nhưng nếu tính trước đến điều đó trong khi đặt kế hoạch tấn công, nếu quyết tâm hy sinh một số hạm tàu và nếu thực hiện kế hoạch một cách nhất quán và kiên quyết thì nhất định đánh chiếm được Crôn-stát. Kết cấu bằng đá của các cứ điểm phòng thủ của nó không thể chịu đựng được lâu hỏa lực tập trung của trọng pháo kiểu Pếch-xan⁶ là loại pháo có sức công phá lớn nhất dùng để bắn phá các loại tường đá. Những tàu lớn có chân vịt với đầy đủ các loại pháo đó sẽ có thể nhanh chóng phát huy uy lực không gì chống đỡ nổi, mặc dù đương nhiên lúc đó chúng cũng có nguy cơ bị tiêu diệt. Nhưng ba hoặc bốn chiếc tàu tuần dương kiểu chân vịt thì có nghĩa lý gì so với Crôn-stát, chiếc chìa mở cửa vào đế quốc Nga, nếu chiếm được thì Pê-téc-bua không có gì che chở nữa.

Nếu như Phần Lan được giải phóng, còn quân địch thì đến sát cửa ngõ của thủ đô và các con sông, cửa biển của Nga đều bị phong tỏa thì cái nước Nga không còn Ô-đét-xa, Crôn-stát, Ri-ga và Xê-va-xtô-pôn sẽ biến thành cái gì? Một người khổng lồ không tay, không mắt, không còn biết làm gì ngoài việc thử dùng sức nặng của thân hình vụng về để đè bẹp quân địch, ném nó lung tung, đến bất cứ chỗ nào nghe thấy có tiếng hò hét khiêu chiến của kẻ địch. Nếu như các cường quốc trên biển của châu Âu hành động kiên quyết và mạnh mẽ như vậy, thì Phổ và Áo sẽ có thể triệt để thoát khỏi sự kiểm soát của Nga, tới mức là thậm chí nhập vào các nước đồng minh. Vì hai cường quốc Đức ấy một khi thấy mình được an toàn trong chính ngôi nhà của mình rồi thì họ sẽ sẵn sàng lợi dụng hoàn cảnh khó khăn của Nga ngay. Nhưng đừng trông mong gì huân

tước A-bóc-đin và Đruên Đờ Luy-xơ dùng những biện pháp hết sức kiên quyết đó. Các giới cầm quyền không muốn đánh những đòn quyết định, và nếu cuộc chiến tranh rộng khắp nổ ra thì quyền chủ động của các tướng lĩnh sẽ bị hạn chế tới mức là họ hoàn toàn không hành động gì được. Nếu như đạt được những thắng lợi có tính chất quyết định thì người ta cũng chỉ cho là ngẫu nhiên và cốt lo sao cho những hậu quả của những thắng lợi đó hết sức vô hại đối với kẻ thù.

Chiến tranh ở bờ Hắc Hải thuộc phía châu Á có thể chấm dứt ngay bằng hoạt động của hạm đội; nhưng ở bờ biển thuộc phía châu Âu nó sẽ còn tiếp diễn mà không có sự gián đoạn đáng kể. Quân Nga bị đánh đuổi khỏi Hắc Hải, bị mất Ô-đét-xa và Xê-va-xtô-pôn, sẽ không thể nào vượt sông Đa-nuýp mà lại không chịu mối nguy hiểm lớn (trừ phi đi theo hướng Xéc-bi để gây ra những cuộc bạo động ở đó), nhưng họ có thể hoàn toàn giữ vững được các công quốc thuộc vùng sông Đa-nuýp, chừng nào họ chưa buộc phải rút khỏi Va-la-ki trước lực lượng trội hơn của quân địch và trước nguy cơ của nhiều lực lượng đổ bộ lớn vào hậu phương và từ bên sườn của họ. Chừng nào chưa có những hoạt động quân sự chung thì quân Nga không thể giải tỏa Môn-đa-vi-a; vì rằng khi Sô-tin và Ki-si-nhốp còn bảo đảm được đường liên lạc an toàn với nước Nga, thì việc triển khai lực lượng ở hậu phương và bên sườn chẳng có ý nghĩa gì lớn.

Nhưng chừng nào chiến tranh còn hạn chế trong giới hạn cuộc giao tranh giữa một bên là các cường quốc phương Tây và Thổ Nhĩ Kỳ với bên kia là Nga, thì nó không thể trở thành cuộc chiến tranh châu Âu, giống như cuộc chiến tranh mà chúng ta đã thấy sau năm 1792. Song, một khi chiến tranh nổ ra thì thái độ bất động của các cường quốc phương Tây và sự tích cực của Nga sẽ nhanh chóng buộc Áo và Phổ phải đứng về phía vua Nga chuyên chế. Về Phổ thì có lẽ không cần đặc biệt chú ý, vì điều có thể xảy ra hơn cả là quân đội Phổ, dù chất lượng ra sao đi nữa thì nó vẫn sẽ nhận được bài học I-ê-na thứ hai⁷ vì nó quá tự tin. Trái lại, mặc dù ở vào tình cảnh gần như phá sản, mặc dù có khả năng nổ ra các cuộc khởi nghĩa ở I-ta-li-a và Hung-ga-ri, nhưng Áo sẽ là một địch thủ phải được tính đến. Bản thân Nga buộc phải giữ binh lực của mình ở các công quốc thuộc vùng sông Đa-nuýp và ở biên giới Cáp-ca-dơ, buộc phải chiếm đóng Ba Lan, buộc phải có quân đội để bảo vệ bờ biển Ban-tích và, nhất là Pê-téc-bua và Phần Lan, nên chỉ có rất ít quân dùng vào các trận tấn

công. Nếu Áo, Nga và Phổ (trong trường hợp nếu quân Phổ chưa bị đánh bại hẳn) có thể tập trung ở vùng sông Ranh và núi An-pơ từ 50 đến 60 vạn quân thì con số ấy lớn hơn con số có thể dự tính theo sự phán đoán hợp lý. Chỉ có một mình người Pháp là đối phó được với đội quân đồng minh 50 vạn người này với điều kiện là đứng đầu quân đội Pháp là những tướng lĩnh, về chất lượng, không thua kém các tướng địch; trong số các tướng lĩnh của địch chỉ quân Áo mới có các thống soái thực sự xứng đáng với danh hiệu đó. Các tướng Nga thì không đáng sợ, còn người Phổ thì nói chung không có được các tướng lĩnh, các sĩ quan của người Phổ là những tay cai đội bẩm sinh.

Nhưng không được quên rằng ở châu Âu còn có một cường quốc thứ sáu mà vào những giờ phút nhất định nó sẽ cho thấy sự thống soái của mình đối với tất cả năm cái gọi là "đại" cường quốc kia và làm cho mỗi cường quốc đó phải run sợ. Cường quốc thứ sáu ấy là Cách mạng. Nó im lặng từ lâu và rút lui, nhưng bây giờ khủng hoảng thương nghiệp và đói rét lại kêu gọi nó xông lên chiến trận. Từ Man-se-xơ đến La Mã, từ Pa-ri đến Vác-sa-va và Pét, đâu đâu cũng cảm thấy sự có mặt của nó, đâu đâu nó cũng ngừng đầu lên và đã thức tỉnh. Có rất nhiều triệu chứng cho cho thấy là Cách mạng đang phục sinh; những triệu chứng ấy biểu hiện khắp nơi qua những làn sóng sục sôi và tâm trạng không chịu ngồi yên đang bao trùm giai cấp vô sản. Chỉ cần một tín hiệu là đủ để cái cường quốc thứ sáu lớn nhất châu Âu ấy tiến ra, giáp trụ sáng ngời, bảo kiếm trong tay, giống như thần Mi-néc-va bước ra từ trong đầu thần Ô-lem-pơ. Tín hiệu ấy sẽ phát ra bởi cuộc chiến tranh châu Âu sắp bùng nổ, và đến lúc ấy mọi dự tính về thế cân bằng của các cường quốc sẽ bị phá vỡ do sự xuất hiện của một nhân tố mới với khí thế luôn luôn tràn đầy sức sống và muôn đời tươi trẻ sẽ đập tan mọi kế hoạch của các cường quốc châu Âu già cỗi và của các tướng lĩnh của chúng, giống như điều này đã xảy ra vào những năm 1792 - 1800.

*Do Ph.Ăng-ghen viết ngày 8 tháng Giêng 1854
Đã đăng làm xã luận trên báo "New-York
Daily Tribune" số 3992, ngày 2 tháng Hai 1854*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Anh*

C.MÁC

*CÁC CƯỜNG QUỐC PHƯƠNG TÂY VÀ THỔ NHĨ KỲ

Luân Đôn, thứ ba, ngày 10 tháng Giêng 1854

Lời buộc tội ông Xê-me-rơ về việc ông đã tiết lộ địa điểm giấu chiếc vương miện Hung-ga-ri⁸, trước tiên là do tờ "Soldatenfreund" - được công khai thừa nhận là cơ quan ngôn luận của sở cảnh sát Áo - đưa ra, điều đó hoàn toàn đủ chứng minh cho tính chất giả dối của lời buộc tội đó.

Chưa có đầy đủ căn cứ mà đã cung khai ra kẻ đồng lõa của chính mình thì đó không phải là thói thường của sở cảnh sát, nhưng một thủ đoạn thường dùng của nó là hướng sự nghi ngờ vào người vô tội để che đậy cho tội phạm. Vị tất có thể giả định rằng cảnh sát Áo lại đem hy sinh một nhân vật nổi tiếng và có thể lực như ngài Xê-me-rơ một khi nó đã được đảm bảo nhận được sự hợp tác của ông này. Nếu như điều bí mật không do một nhân viên nào đó của Cô-sút tiết lộ ra (điều đó cũng không có gì là khó tin cả) thì tôi chỉ còn nghi đó là sự phản bội của bá tước C. Bát-ti-a-ni hiện cư trú tại Pa-ri. Ông ta là một trong số rất ít người biết địa điểm giấu chiếc vương miện, và là người duy nhất trong số đó đã xin tòa án Viên ân xá. Tôi cho rằng việc này thì ông ta sẽ không phủ nhận.

Người ta đã khuyên tổng tư lệnh Anh là huân tước Hác-đinh rút đơn từ chức. Còn về công tước Noóc-phôn-cơ thì, theo lời của phóng viên báo "Dublin Evening Mail",

"mọi người đều biết ít nhiều về những điều dơ dáy trong triều đình. Một vị công tước cao quý nào đó tạm thời giữ một chức vụ nào đó trong triều và được hưởng tước vị phong kiến thế tập cao quý nhất của quốc gia, dường như đã uống sâm banh quá chén trong bữa tiệc của nữ hoàng nên đã mất thăng bằng một cách cao thượng nhất ngay trong phòng bếp, và thậm chí đã đẩy nữ hoàng vào vòng tai ương. Hậu quả của sự cố đáng tiếc ấy là việc công tước cao quý bị cách chức và bá tước Xpen-xe-rơ được bổ nhiệm giữ chức quan hầu cận trong cung nữ hoàng".

Ngài Xát-lơ, nhân viên giao dịch của tập đoàn Ai-rơ-len, lại đệ đơn từ chức vụ của mình trong nội các mà ông đang đảm nhận, và lần này thì huân tước A-bốc-đin chấp nhận sự từ chức của ông ta. Tình cảnh của ngài Xát-lơ đã trở nên rất khó khăn sau khi ông bị vạch mặt ở tòa án

công. Nếu Áo, Nga và Phổ (trong trường hợp nếu quân Phổ chưa bị đánh bại hẳn) có thể tập trung ở vùng sông Ranh và núi An-pơ từ 50 đến 60 vạn quân thì con số ấy lớn hơn con số có thể dự tính theo sự phán đoán hợp lý. Chỉ có một mình người Pháp là đối phó được với đội quân đồng minh 50 vạn người này với điều kiện là đứng đầu quân đội Pháp là những tướng lĩnh, về chất lượng, không thua kém các tướng địch; trong số các tướng lĩnh của địch chỉ quân Áo mới có các thống soái thực sự xứng đáng với danh hiệu đó. Các tướng Nga thì không đáng sợ, còn người Phổ thì nói chung không có được các tướng lĩnh, các sĩ quan của người Phổ là những tay cai đội bẩm sinh.

Nhưng không được quên rằng ở châu Âu còn có một cường quốc thứ sáu mà vào những giờ phút nhất định nó sẽ cho thấy sự thống soái của mình đối với tất cả năm cái gọi là "đại" cường quốc kia và làm cho mỗi cường quốc đó phải run sợ. Cường quốc thứ sáu ấy là Cách mạng. Nó im lặng từ lâu và rút lui, nhưng bây giờ khủng hoảng thương nghiệp và đói rét lại kêu gọi nó xông lên chiến trận. Từ Man-se-xơ đến La Mã, từ Pa-ri đến Vác-sa-va và Pét, đâu đâu cũng cảm thấy sự có mặt của nó, đâu đâu nó cũng ngừng đầu lên và đã thức tỉnh. Có rất nhiều triệu chứng cho cho thấy là Cách mạng đang phục sinh; những triệu chứng ấy biểu hiện khắp nơi qua những làn sóng sục sôi và tâm trạng không chịu ngồi yên đang bao trùm giai cấp vô sản. Chỉ cần một tín hiệu là đủ để cái cường quốc thứ sáu lớn nhất châu Âu ấy tiến ra, giáp trụ sáng ngời, bảo kiếm trong tay, giống như thần Mi-néc-va bước ra từ trong đầu thần Ô-lem-pơ. Tín hiệu ấy sẽ phát ra bởi cuộc chiến tranh châu Âu sắp bùng nổ, và đến lúc ấy mọi dự tính về thế cân bằng của các cường quốc sẽ bị phá vỡ do sự xuất hiện của một nhân tố mới với khí thế luôn luôn tràn đầy sức sống và muôn đời tươi trẻ sẽ đập tan mọi kế hoạch của các cường quốc châu Âu già cỗi và của các tướng lĩnh của chúng, giống như điều này đã xảy ra vào những năm 1792 - 1800.

*Do Ph.Ăng-ghen viết ngày 8 tháng Giêng 1854
Đã đăng làm xã luận trên báo "New-York
Daily Tribune" số 3992, ngày 2 tháng Hai 1854*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Anh*

C.MÁC

*CÁC CƯỜNG QUỐC PHƯƠNG TÂY VÀ THỔ NHĨ KỲ

Luân Đôn, thứ ba, ngày 10 tháng Giêng 1854

Lời buộc tội ông Xê-me-rơ về việc ông đã tiết lộ địa điểm giấu chiếc vương miện Hung-ga-ri⁸, trước tiên là do tờ "Soldatenfreund" - được công khai thừa nhận là cơ quan ngôn luận của sở cảnh sát Áo - đưa ra, điều đó hoàn toàn đủ chứng minh cho tính chất giả dối của lời buộc tội đó.

Chưa có đầy đủ căn cứ mà đã cung khai ra kẻ đồng lõa của chính mình thì đó không phải là thói thường của sở cảnh sát, nhưng một thủ đoạn thường dùng của nó là hướng sự nghi ngờ vào người vô tội để che đậy cho tội phạm. Vị tất có thể giả định rằng cảnh sát Áo lại đem hy sinh một nhân vật nổi tiếng và có thể lực như ngài Xê-me-rơ một khi nó đã được đảm bảo nhận được sự hợp tác của ông này. Nếu như điều bí mật không do một nhân viên nào đó của Cô-sút tiết lộ ra (điều đó cũng không có gì là khó tin cả) thì tôi chỉ còn nghi đó là sự phản bội của bá tước C. Bát-ti-a-ni hiện cư trú tại Pa-ri. Ông ta là một trong số rất ít người biết địa điểm giấu chiếc vương miện, và là người duy nhất trong số đó đã xin tòa án Viên ân xá. Tôi cho rằng việc này thì ông ta sẽ không phủ nhận.

Người ta đã khuyên tổng tư lệnh Anh là huân tước Hác-đinh rút đơn từ chức. Còn về công tước Noóc-phôn-cơ thì, theo lời của phóng viên báo "Dublin Evening Mail",

"mọi người đều biết ít nhiều về những điều dơ dáy trong triều đình. Một vị công tước cao quý nào đó tạm thời giữ một chức vụ nào đó trong triều và được hưởng tước vị phong kiến thế tập cao quý nhất của quốc gia, dường như đã uống sâm banh quá chén trong bữa tiệc của nữ hoàng nên đã mất thăng bằng một cách cao thượng nhất ngay trong phòng bếp, và thậm chí đã đẩy nữ hoàng vào vòng tai ương. Hậu quả của sự cố đáng tiếc ấy là việc công tước cao quý bị cách chức và bá tước Xpen-xe-rơ được bổ nhiệm giữ chức quan hầu cận trong cung nữ hoàng".

Ngài Xát-lơ, nhân viên giao dịch của tập đoàn Ai-rơ-len, lại đệ đơn từ chức vụ của mình trong nội các mà ông đang đảm nhận, và lần này thì huân tước A-bốc-đin chấp nhận sự từ chức của ông ta. Tình cảnh của ngài Xát-lơ đã trở nên rất khó khăn sau khi ông bị vạch mặt ở tòa án

Ai-rơ-len về những mưu mô bỉ ổi mà ông dùng để chui vào nghị viện. Ảnh hưởng của "nội các của những tài năng"⁹ đối với tập đoàn Ai-rơ-len chắc gì đã tăng lên sau cái sự kiện không hay ấy.

Những cuộc nổi loạn lương thực xảy ra vào thứ sáu và thứ bảy ở Crê-di-tôn thuộc vùng Ê-vơ-n-sia¹⁰ là một sự trả lời của nhân dân đối với những điều phồn vinh được mô tả một cách rực rỡ mà báo chí của chính phủ và của phái mật dịch tự do thấy cần đưa ra để mua vui bạn đọc nhân dịp tiền năm cũ 1853.

Như người ta đã báo tin từ Tơ-ra-pê-dun cho tờ báo "Patrie"¹¹, khi đại biện lâm thời của Nga ở Tê-hê-ran yêu cầu cách chức hai vị đại thần có danh tiếng nhất của quốc vương Ba Tư, thì trong nhân dân bắt đầu nổi lên làn sóng công phẫn và tư lệnh quân cận vệ tuyên bố rằng ông ta không thể chịu trách nhiệm về tình hình an ninh xã hội, nếu như yêu cầu ấy được thỏa mãn. Theo tin ấy thì chính vì lo sợ trước sự bùng nổ lòng căm phẫn của nhân dân đối với nước Nga mà quốc vương Ba Tư buộc phải khôi phục quan hệ với đại biện lâm thời của Anh.

Bên cạnh cả một lô văn kiện ngoại giao vốn đã được công bố nay lại có thêm *thông điệp của bốn cường quốc*, thông qua ngày 12 tháng Chạp¹² và do đại sứ bốn cường quốc đó ở Công-xtăng-ti-nô-pơ cùng trao cho Chính phủ Thổ Nhĩ Kỳ, và có cả thông tri mới của ngài Đruên Đờ Luy-xơ ký ở Pa-ri ngày 30 tháng Chạp gửi các đại diện ngoại giao của Pháp. Đọc kỹ thông điệp của bốn cường quốc thì có thể hiểu được tại sao khi được biết Chính phủ Thổ Nhĩ Kỳ chấp thuận thông điệp đó, ở Công-xtăng-ti-nô-pơ bắt đầu nổi lên làn sóng phản đối, tại sao ngày 21 tháng Chạp đã nổ ra bạo động và tại sao nội các Thổ Nhĩ Kỳ buộc phải trình trọng tuyên bố rằng việc tiếp tục các cuộc đàm phán hòa bình sẽ không thể chấm dứt, cũng không tạm ngừng được chiến sự. Thật vậy, đúng chín ngày sau khi tin tức về cuộc chém giết bội tín và hèn nhát ở Xi-nô-pơ truyền đến Công-xtăng-ti-nô-pơ làm xuất hiện, ở khắp Đế quốc Ôt-tô-man, lời kêu gọi nhất tề đòi phải trả thù, thì bốn cường quốc đã thản nhiên kêu gọi - còn các sứ thần Anh và Pháp thậm chí còn cường bức - Chính phủ Thổ Nhĩ Kỳ đàm phán với Nga hoàng trên cơ sở sau đây: *khôi phục lại tất cả các hiệp ước trước kia*; sẽ có những sự đảm bảo mới đối với mỗi cường quốc, và do đó cả đối với Nga hoàng nữa, để bổ sung cho những sắc chỉ của vua Thổ Nhĩ Kỳ ban những đặc quyền tôn giáo cho các thần dân của vua theo đạo Cơ Đốc; Chính phủ Thổ Nhĩ Kỳ cử người được ủy quyền ký

kết đình chiến; Chính phủ Thổ Nhĩ Kỳ cho phép nước Nga xây dựng nhà thờ và bệnh viện ở Giê-ru-da-lem và cam kết trước các cường quốc (và do vậy trước cả Nga hoàng nữa) về việc cải tiến chế độ hành chính trong nước mình. Chính phủ Thổ Nhĩ Kỳ không những không được khoản bồi thường nào về những thiệt hại nặng nề do hành động cướp biển của người Nga gây ra, mà trái lại, cái xiềng xích mà nước Nga quàng lên cổ Thổ Nhĩ Kỳ suốt một phần tư thế kỷ nay lại được rèn mới thêm, và kẻ bị xiềng xích càng bị xiềng chặt hơn trước kia. Chính phủ Thổ Nhĩ Kỳ phải phụ thuộc vào lòng thương hại của vị vua chuyên chế đó, ngoan ngoãn bảo đảm với hắn ta về việc thi hành các sắc chỉ dành những đặc quyền tôn giáo cho các thần dân theo Cơ Đốc giáo trong nước mình và phải trình trọng bảo đảm về chế độ hành chính trong nước mình. Như vậy là Chính phủ Thổ Nhĩ Kỳ đồng thời phải chịu sự bảo hộ của Nga hoàng về các vấn đề tôn giáo và chịu sự chi phối của Nga hoàng về các vấn đề quản lý dân sự. Để đền bù cho sự đầu hàng ấy của Chính phủ Thổ Nhĩ Kỳ, người ta hứa sẽ "giải tỏa hết sức nhanh chóng khỏi các công quốc thuộc vùng sông Đa-nuýp" mà việc xâm chiếm những công quốc ấy đã được huân tước Clan-ri-các-đơ gọi là "hành động cướp biển", và người ta cũng cam đoan rằng lời mở đầu của hiệp ước ký ngày 13 tháng Bảy 1841¹³, là sự "bảo đảm rất chắc chắn" chống lại nước Nga, sẽ được chính thức phê chuẩn.

Tuy sự bỉ ổi chưa từng thấy của các "cường quốc" vô liêm sỉ ấy đã đạt tới đỉnh cao khi họ, mấy ngày sau khi xảy ra sự kiện ở Xi-nô-pơ, đã ép buộc Chính phủ Thổ Nhĩ Kỳ phải đàm phán trên cơ sở ấy, thủ đoạn bỉ ổi ấy cũng không giúp chúng thoát khỏi những khó khăn. Nga hoàng đã đi quá xa, y không chịu để cho bất cứ cường quốc châu Âu nào đụng chạm, dù chút ít, đến quyền bảo hộ mà y duy trì đối với những thần dân theo đạo Cơ Đốc ở Thổ Nhĩ Kỳ.

"Áo" - phóng viên tờ "Times"¹⁴ ở Viên đưa tin, - "đã thăm dò xem triều đình Nga có phản đối sự bảo hộ của cường quốc nào đó ở châu Âu đối với các tín đồ Cơ Đốc giáo ở Thổ Nhĩ Kỳ hay không. Điều đó đã được trả lời rất dứt khoát là Nga không cho phép bất kỳ một cường quốc nào khác can thiệp vào công việc của giáo hội Chính thống giáo. Người ta cho thấy rằng Nga đã ký hiệp ước với Chính phủ Thổ Nhĩ Kỳ và chỉ giải quyết vấn đề này với Chính phủ Thổ Nhĩ Kỳ thôi".

Đồng thời chúng ta đọc thấy trên tờ "Standard"¹⁵ những dòng sau đây:

"Ni-cô-lai không có ý định chấp nhận một kiến nghị nào nếu không do bản thân vua Thổ Nhĩ Kỳ trực tiếp đưa ra; như thế là Ni-cô-lai đã bác bỏ mọi quyền làm trung gian hoặc can thiệp của

các cường quốc châu Âu và như vậy đã xúc phạm các cường quốc này, một sự xúc phạm không thể được coi là oan".

Điều quan trọng duy nhất trong thông tri của ngài Đruên Đờ Luy-xơ là tin tức về việc hạm đội quân đồng minh đã tiến vào Hắc Hải, nhằm "phối hợp hành động của mình để ngăn chặn bất cứ cuộc tấn công mới nào của lực lượng hải quân Nga vào lãnh thổ hoặc hạm đội của Thổ Nhĩ Kỳ". Non bis in idem^{1*}. La moutarde après la viande^{2*}. Báo "Morning Chronicle"¹⁶ số ra hôm qua đã đăng bức điện ngày 30 tháng Chạp của phóng viên báo đó ở Công-xtăng-ti-nô-plơ báo tin cho biết hạm đội quân đồng minh đã tiến vào Hắc Hải.

"Hạm đội", - tờ "Daily News"¹⁷ viết - "chắc là tiến vào Hắc Hải chỉ để làm cái việc nó đã làm ở Bô-xpho, nghĩa là không làm gì cả".

Theo tin của tờ "Press"¹⁸, thì

"đã có lệnh truyền cho một tàu của hạm đội Anh và một tàu của hạm đội Pháp tiến vào Hắc Hải và treo cờ trắng đi vào cảng Xê-va-xtô-pôn. Khi đã đến đó thì các tàu này phải báo cho đô đốc Nga biết rằng nếu ông ta rời khỏi cảng Xê-va-xtô-pôn thì tàu ông ta sẽ bị bắn phá ngay lập tức".

Tuy nhiên, trong thời tiết rất không thuận lợi này và sau chiến công vẻ vang của mình ở Xi-nô-pơ, hạm đội Nga không có lý do đặc biệt nào để xuất hành tiến vào Hắc Hải, song Nga hoàng không chịu để cho Anh và Pháp đẩy mình, dù chỉ tạm thời, ra khỏi vùng biển này, là nơi mà chính Nga hoàng đã đẩy được Anh và Pháp một cách thắng lợi ra khỏi vùng biển đó vào năm 1833¹⁹. Nga hoàng sẽ mất uy tín, nếu như nhận được thông báo ấy mà không tuyên chiến.

"Việc Nga tuyên chiến với Pháp và Anh", - tờ "Neue Preußische Zeitung"²⁰ tuyên bố - "là điều có khả năng xảy ra hơn là việc ký kết nhanh chóng hòa ước giữa Nga và Thổ Nhĩ Kỳ".

Ở Niu-ri (Ôn-xtéc) đã diễn ra một cuộc mít tinh lớn về vấn đề Nga vô cớ tấn công Thổ Nhĩ Kỳ. Tôi lấy làm hân hạnh là ngài Uốc-các-tơ đã có nhã ý gửi cho tôi bản tường thuật về cuộc mít tinh ở Niu-ri, nên tôi có thể giới thiệu với bạn đọc của các ngài mấy đoạn lý thú nhất trong bài diễn văn của đáng trọng phu ấy. Vì tôi đã nhiều lần trình bày quan điểm của tôi về vấn đề phương Đông, cho nên tôi cho rằng không cần nhấn mạnh những điểm mà tôi buộc lòng không thể đồng ý với ông Uốc-các-tơ được²¹. Tôi chỉ xin phép nêu lên rằng quan điểm của ông ta đã được chứng thực trong những tin tức dưới đây:

1* - Một tội không bị xử phạt hai lần.

2* - Lịch sự vuốt đuôi.

"Nông dân xứ Tiểu Va-la-ki, được sự hỗ trợ của binh sĩ Va-la-ki, đã nổi lên chống lại người Nga. Tất cả vùng xung quanh Ca-la-phát và cả dọc theo tả ngạn sông Đa-nuýp đã chuyển động. Các quan chức Nga đã rời bỏ Tuốc-man".

Sau mấy lời nhận xét mào đầu, ngài Uốc-các-tơ nói:

"Trong những vấn đề có liên quan đến lợi ích trọng đại nhất của chúng ta và có liên quan đến quan hệ của chúng ta với quốc gia khác không thấy có sức mạnh cường bức của pháp luật, không có sự chỉ đạo có hệ thống, không thấy có ý thức trách nhiệm trước dân tộc, không có sự trừng phạt về tội không thực hiện trách nhiệm và về sự phạm tội. Ở đây các ngài bị hoàn toàn tước đoạt mọi biện pháp tác động của hiến pháp, vì rằng các ngài hoặc bị giam hãm ở tình trạng không biết tin tức gì cả, hoặc được báo tin không đúng sự thật. Như vậy, hệ thống đó là nhằm hủ hóa nhân dân, mua chuộc chính phủ và gây nguy hại cho nhà nước. Trong khi đó, các ngài là đối tượng thù ghét của cái chính phủ xảo quyệt và nhất quyết nhất ấy, hiểu chiến nhất và vô liêm sỉ nhất ấy, nó đã dựa vào sự giúp đỡ của các chính phủ mà nó đang tìm cách lật đổ để mở ra cho mình con đường đi tới làm bá chủ, tạo ra mối đe dọa cho toàn thế giới. Mà đặc điểm của tình thế của chúng ta là ở chỗ, giống như trước kia ở A-ten, nước Nga đã tìm được hoặc đã tạo ra được những công cụ chủ yếu của sức mạnh của nó ở trong lòng một nước, tại đó các cơ quan đại nghị lại hoàn toàn xa lạ với chính sách của nước Nga. Nguyên nhân chủ yếu của tình hình này là Anh hết sức mù tịt trong các vấn đề ấy. Ở Hợp chúng quốc Mỹ có một vị tổng thống được hưởng những đặc quyền vốn nằm trong vương quyền. Ở đây có thượng nghị viện giám sát quyền hành pháp và biết trước được các hoạt động của nó. (Chú ý! Chú ý! Vô tay.) Ở Pháp người ta đã nhiều lần lập ra các tiểu ban của nghị viện để điều tra các công việc quốc gia; những tiểu ban ấy yêu cầu đệ trình các văn kiện và triệu tập bộ trưởng Bộ Ngoại giao ra tường trình. Đồng thời, nhân dân ở đây rất cảnh giác và chỉ ít cũng rất chú ý đến những tin tức nhận được; cả chính phủ cũng có thái độ như vậy đối với các tin tức ấy, vì rằng điều đó quyết định số phận của các nội các và các vương triều. Ở Áo ít ra còn có một ông vua hiểu rõ hành động của tên tôi tớ của mình. Ở Thổ Nhĩ Kỳ và Nga thì các ngài thấy điều sau đây: ở một trong hai nước này, ý muốn của nhân dân kiểm chế chính phủ, còn ở nước kia thì chính phủ thể hiện ý chí của dân tộc. Chỉ có ở Anh là vua không có quyền lực, chính phủ không có hệ thống, nghị viện không có quyền giám sát, còn dân tộc thì chẳng am hiểu điều gì hết. (Chú ý! Chú ý!) Bây giờ chúng ta trở lại tình hình hiện nay và những sự kiện mà chúng ta là những người đã mục kích, trước hết tôi phải nói rằng - và đây là vấn đề rất quan trọng, - nước Nga không có lực lượng để thực hiện những sự đe dọa của mình, nó chỉ mong có điều kiện để hù dọa các ngài, nó tuyệt nhiên không có ý định đánh nhau với Thổ Nhĩ Kỳ, nó không có tiền chi cho việc đó, nó thậm chí chưa chuẩn bị cho việc đó, nó chỉ mong các ngài kiểm chế được Thổ Nhĩ Kỳ và như vậy là tạo khả năng cho nó chiếm đóng đất đai của Thổ Nhĩ Kỳ; và hiện nay Nga hy vọng rằng các ngài buộc Thổ Nhĩ Kỳ phải thực hiện những yêu sách vô liêm sỉ của nó nhằm làm sụp đổ Đế quốc Ôt-tô-man. (Chú ý! Chú ý!) Nhờ sự giúp đỡ của đại sứ của các ngài ở Công-xtăng-ti-nô-plơ, nhờ sự giúp đỡ của hạm đội các ngài ở Bô-xpho, nước Nga có thể thực hiện được mục đích của mình. Ở đây, tôi phải lưu ý các ngài đến lời tuyên bố của người bạn cao quý của tôi là đại tá Sê-xni, và đồng thời bổ sung những chỗ sơ xuất của ông. Ông nói rằng nhìn vào tình thế trước cuộc vượt sông Prút, thì Thổ Nhĩ Kỳ mạnh hơn Nga, nhưng ông ta chưa trình bày với các ngài sự đánh giá cao của ông hiện nay và trước đây về phẩm chất chiến đấu của

quân Thổ Nhĩ Kỳ. Ông tuyên bố rằng thậm chí giờ đây, nhờ sự giúp đỡ của các ngài mà tất cả những ưu thế lớn lao đã chuyển về phía nước Nga, ông vẫn hoài nghi Thổ Nhĩ Kỳ có thực sự yếu hơn Nga không. Tôi không hoài nghi chút nào về điều là Thổ Nhĩ Kỳ không tỏ ra yếu hơn, nhưng với hai điều kiện mà tôi xin phép trình bày với các ngài: một là, đại sứ và hạm đội của các ngài phải được gọi về; hai là, Thổ Nhĩ Kỳ không được tự làm yếu mình qua việc gửi gắm hy vọng vào người nước ngoài. Nhưng sau đó ông lại có một bản tuyên bố mới không phải là không có sự ngập ngừng do dự, bản tuyên bố ấy xuất phát từ một nhân vật có uy tín cao như vậy - mà trong những vấn đề này không có người nào có uy tín lớn hơn nữa, - có thể làm cho người ta không hiểu được đúng ý nghĩa hoặc có thể bị xuyên tạc đi. Đại tá Sê-xni tuyên bố rằng tình hình hiện nay có thể thuận lợi cho Nga, vì rằng sông Đa-nuýp đã đóng băng và điều đó tạo khả năng cho Nga điều quân đội sang Bun-ga-ri. Nhưng Nga có bao nhiêu binh lực để điều sang Bun-ga-ri? Trong nhiều tháng nay, châu Âu chỉ nhận được những tin tức phóng đại. Người ta sốt sắng đưa tin về sự tập trung lớn của quân Nga chuẩn bị cho các hoạt động quân sự. Người ta tính rằng quân số lên tới 150 000 binh lính, và mọi người sẵn sàng tin rằng 150 000 binh lính đủ để đánh chiếm nước Thổ Nhĩ Kỳ. Cách đây không lâu, tôi nhận được tin tức chính thức cho biết tổng số quân vượt sông Prút đã lên tới 80 000 quân, trong đó có 20 000 - 30 000 quân lính đã chết vì bệnh tật hoặc phải nằm viện. Tôi gửi tin ấy cho một tờ báo, nhưng không được đăng, vì bị coi là không chính xác. Hiện nay chính Nga đã công bố tin cho biết tổng quân số đã giảm xuống tới 70 000 người. (Vỗ tay.) Nếu như không nói đến sự so sánh lực lượng của hai đế quốc trong trường hợp nếu họ điều động toàn bộ quân đội của mình, thì chúng ta cần thấy rõ rằng với quân số như vậy, Nga không có ý định tác chiến. Thổ Nhĩ Kỳ còn có thể đưa ra bao nhiêu lực lượng để chống trả? Lúc ấy Thổ Nhĩ Kỳ có ít nhất 180 000 quân đóng ở giữa Ban-căng và Đa-nuýp, hiện nay con số đó tăng lên tới 200 000 quân đóng giữ những trận địa vững mạnh, trong khi đó quân số của Nga giảm sút, nhiều nhất là còn 50 000 quân, mà lại bị sa sút tinh thần vì thua trận và nạn đói. Còn về chất lượng của quân Thổ Nhĩ Kỳ và ưu thế của nó so với quân Nga thì các ngài đã được nghe tướng Bem xác nhận, các ngài cũng có bằng chứng sống là đại tá Sê-xni mà những lời ông ta nói đã được chứng thực qua những sự kiện gây ra sự kinh ngạc và thán phục của cả châu Âu. Xin chú ý là vấn đề chúng ta quan tâm hiện nay không phải là so sánh lực lượng của hai đế quốc, mà là ý đồ và phương thức hành động của một trong hai đế quốc đó - của nước Nga. Tôi cho rằng Nga không có ý định tham chiến; bởi vì, một mặt, nó chưa chuẩn bị được lực lượng cần thiết, còn mặt khác, thì nó có thể trông cậy ở nội các Anh. Nga trước đây không có ý định tham chiến, bây giờ nó cũng không có ý định đó. Ngay trước khi bắt đầu xảy ra chiến sự tôi đã nói rằng Nga sẽ xâm nhập và chiếm lĩnh ác công quốc thuộc vùng sông Đa-nuýp với sự giúp đỡ của Anh. Tại sao tôi có thể dự kiến điều đó? Dĩ nhiên, không phải là vì tôi biết rõ ý đồ của Nga, mà nhiều người cũng biết như tôi, hoặc thậm chí hơn tôi, mà chính vì tôi biết nước Anh đóng vai trò gì. Song, chúng ta hãy xem xét lại vấn đề ấy một lần nữa - nó rất quan trọng nên chúng ta không thể bỏ qua. Đại tá Sê-xni tuyên bố rằng toàn bộ vấn đề là ở lực lượng dự bị mà Nga đã có trong tay ở bên kia sông Prút. Gần đây ông ta đã nghe được nhiều tin tức về lực lượng dự bị ấy. Chẳng hạn, người ta nói rằng Ô-xten-Xa-ken đã dẫn 5000 binh sĩ hoàn toàn theo đội hình hành quân tiến về sông Đa-nuýp để trả thù cho trận thất bại ở Ôn-tê-nít-sa. Sau đó 50000 biến thành 18000, mà lý thú nhất là ngay số 18000 này cũng không đến được địa điểm. (Có tiếng cười và vỗ tay.) Nếu như chúng ta lấy con số 75000 của đại tá Sê-xni rồi trừ đi số bị chết và ốm đau, còn lại

50000, rồi thêm vào đó 18000 quân trong số lực lượng dự bị có khả năng có mặt ở khắp nơi cùng một lúc, thì tựu trung chỉ có cả thảy 70000 quân mà phải đương đầu với 200000 quân đã đào xong công sự chắc chắn, lại ở địa hình đồi núi và vào cái mùa trong năm mà xưa nay người Nga vẫn tránh tác chiến.

Bây giờ cho phép tôi nhắc lại những sự kiện của cuộc chiến tranh trước đây vào những năm 1828-1829. Bấy giờ Thổ Nhĩ Kỳ đang có những vụ chấn động trong nước. Người Hồi giáo chém giết lẫn nhau, các tỉnh nổi loạn, Hy Lạp khởi nghĩa, lực lượng quân sự trước đây bị tiêu diệt, chỉ có tất cả 33000 tân binh, mà lại thiếu kỷ luật. Cuộc bắn phá của Anh vào cảng Na-va-rin đã cướp mất quyền thống trị của Thổ Nhĩ Kỳ trên Hắc Hải; được Anh và Pháp ủng hộ, lúc đó Nga đã đột nhiên tấn công và tiến thẳng đến trung tâm các lãnh địa của Thổ Nhĩ Kỳ ở châu Âu trước khi Thổ Nhĩ Kỳ nhận được tin tuyên chiến. Các ngài thử nghĩ xem lúc bấy giờ Nga tính toán cần phải điều động bao nhiêu binh lực? 216000. (Vỗ tay.) Do thủ đoạn lừa gạt và do ảnh hưởng của đại sứ Anh - thật không may, hiện nay ông ta đã về nước - mà trước cuộc tấn công bất ngờ thúc bách Thổ Nhĩ Kỳ buộc lòng phải ký hiệp ước A-dri-a-nô-pôn. (Hãy nghe đây! Hãy nghe đây!) Các ngài hãy nhìn xem Thổ Nhĩ Kỳ hiện nay với sự đoàn kết nhất trí, với tinh thần anh dũng, với lòng thiết tha yêu tổ quốc và lòng căm ghét bạo lực, với quyền lực tập trung và tài nguyên phong phú, họ có thể tập hợp 300000 lính tinh nguyện thiện chiến chưa từng thấy trên thế giới; họ có 250000 binh sĩ có tinh thần kỷ luật cao đã nhiều lần chiến thắng ở châu Á, nắm quyền bá chủ trên Hắc Hải, quyền bá chủ đó tuyệt nhiên không mất đi - như tôi sẽ chứng minh - trong trận Xi-nô-pô, họ có hạm đội chạy bằng hơi nước có thể vận chuyển một cách an toàn và nhanh chóng bộ đội của mình từ những nơi xa xôi nhất của đế quốc để chiến trường; từ đỉnh núi Cáp-ca-dô phủ tuyết cho đến sa mạc A-rập hoang vu, từ châu Phi bao la đến vịnh Ba Tư, đầu đầu cũng nổi lên lòng căm phẫn và tinh thần anh dũng quật cường. (Hãy nghe đây! Hãy nghe đây! Vỗ tay) Nhưng, cũng như trong cuộc chiến tranh trước đây, trận Na-va-rin đã dẫn người Cô-dắc đến Ban-căng, ngày nay thậm chí không có chiến tranh và những bộ phận chân vịt của người Anh vẫn có thể đưa những chiếc tàu cũ kỹ của nước Nga vào Đắc-da-nen được. Song, tôi đang nói về ý định của nước Nga. Thực chất của vấn đề chính là ở chỗ này. Thắng lợi ngày nay phải được giành lấy ở phố Đao-ninh, chứ không phải ở phương Đông. Thế nhưng, chẳng lẽ các ngài lại không bị thiệt hại gì hay sao? Chẳng lẽ trong những người tham dự lại không có ai bị thiệt hại đáng kể hay sao? Phải chăng có người nào lại không phải mua bánh mì đắt hơn, có người nào lại không bị khó khăn hơn trong việc kiếm việc làm hoặc trong việc sử dụng tư bản của mình? (Hãy nghe đây! Hãy nghe đây!) Ai là người không bị tăng thuế? Chẳng lẽ phố Sê-in^{1*} không lên cơn sốt hay sao? Chẳng lẽ chúng ta đã không chính mắt mình trông thấy sự hỗn loạn trên thị trường tiền tệ, do cuộc tấn công đó của quân Nga gây ra, đã xấp xỉ bằng hai phần ba tình trạng hỗn loạn năm 1847 trước đây hay sao? Thế nhưng nước Nga vẫn không hề có ý định đánh nhau. Chẳng lẽ chúng ta không thấy sự tan rã của các chính phủ ở châu Âu và sự xuất hiện những tiền đề cho các cuộc khởi nghĩa và những sự chấn động? Thế nhưng nước Nga vẫn tuyệt nhiên không có ý định đánh nhau. Chẳng lẽ chúng ta không thấy đế quốc Ô-tô-man đã bị phá sản như thế nào do việc duy trì một đội quân khổng lồ nửa triệu người, vì nước Nga đã điều động 70000 quân mà việc cung cấp phải dựa vào túi tiền của Thổ Nhĩ Kỳ và của công nhân Anh? Tất cả những điều đó sẽ dĩ nhiên xảy ra là vì các ngài

1* - một phố ở Luân Đôn có sở giao dịch.

tín nhiệm những người cả tin, họ cho rằng Nga mạnh đến mức không ai địch nổi, còn Thổ Nhĩ Kỳ thì yếu đến mức không một sự viện trợ nào có thể giúp họ được. Chúng ta quả đang sống trong thời đại đầy những mơ mộng và huyền thoại; chúng ta có thể không những tin điều đó, mà còn tin rằng nước Nga hùng mạnh hơn tất cả các cường quốc trên thế giới liên kết nhau chống lại nó. Tờ "Times" bình luận về quân đội Hồi giáo với một giọng khinh thường; nó cũng đánh giá thấp quân đội Pháp và hải quân Anh và trịnh trọng báo cho chúng ta biết rằng cả châu Âu với cả Thổ Nhĩ Kỳ cũng không đủ sức ngăn cản quân Nga tiến vào Công-xtăng-ti-nô-pơ, giống như ngăn cản gió bắc thổi vào đồng bằng Xắc-mát... Những điều nói về châu Âu cũng chính xác như những điều nói về Thổ Nhĩ Kỳ, nhưng nếu như các ngài cứ tiếp tục hành động như trước thì Thổ Nhĩ Kỳ sẽ bị diệt vong. Nước Nga mới điều có 70000 quân mà Thổ Nhĩ Kỳ đã chìm ngập trong sự sợ hãi và căm phẫn, Anh phát run lên vì sợ hãi và kinh hoàng, còn Nga cũng run lên vì... tiếng cười âm ỉ. (Có tiếng cười và vỗ tay hồi lâu.) Tôi đã hứa trở lại nói về trận đánh ở Xi-nô-pơ, hay, như người ta đã đặt một cái tên gọi xác đáng cho nó, là trận Na-va-rin nhỏ. Tôi không muốn nhắc lại sự kiện không vui này nhân hành động của chúng ta - trong trường hợp này chúng ta đã hành động một cách xấu xa không kém gì những trường hợp khác - sở dĩ tôi nói đến sự kiện này chỉ vì nó cho thấy rõ so sánh lực lượng của hai bên. Xét theo góc độ đó thì sự kiện ấy không tăng cường gì cho sức mạnh của quân Nga, cũng không hề làm suy yếu Thổ Nhĩ Kỳ, mà trái lại: nó nói lên hết sức rõ ràng rằng quân Nga có đủ mọi lý do để e sợ sự dũng cảm của quân Thổ Nhĩ Kỳ. Ở đây chúng ta thấy một sự việc chưa từng có thậm chí trong lịch sử hải quân chúng ta: những chiến thuyền nhỏ đứng cùng hàng với các chiến hạm lớn, các sĩ quan chỉ huy tự tay ném thuốc vào khoang thuốc súng để tự hiến dâng thân mình cho tổ quốc. Để chống lại một chính phủ đã trở thành đối tượng căm hờn và oán ghét của mọi người ở mọi nơi mọi chốn, nhất là trong trường hợp này, thì có gì mà người ta chẳng làm được. Xin chú ý là lực lượng hải quân của Thổ Nhĩ Kỳ vẫn còn nguyên vẹn: không mất một chiến hạm lớn nào, không mất một tàu nào chạy bằng hơi nước. Hiện nay Thổ Nhĩ Kỳ sẽ bảo đảm được gấp đôi quyền bá chủ của mình trên Hắc Hải, nếu như các quan chức ngoại giao bị triệu hồi; vì rằng chính họ - và chỉ có họ - đã gây ra cái gọi là thảm họa ở Xi-nô-pơ. Nhưng thảm họa được chuẩn bị cho mục đích khác; nó phải được dùng làm chiếc roi để quất những con vật thô hàng đang tụt lại ở Luân Đôn và Pa-ri, buộc chúng áp đặt các điều kiện thương lượng cho các bên tham chiến. Trước khi đến tham dự cuộc hội họp này, tôi nghe thấy một ủy viên trong ủy ban tuyên bố rằng Anh và Pháp, với tư cách là người trung gian, đã hành động đúng nếu như họ hy vọng đảm bảo được hòa bình bằng cách ấy. Tôi biết rằng điều ông ta nói là cảm tưởng chung của tất cả mọi người ở Anh, nhưng, dẫu sao, tôi nghe thấy điều đó mà cảm thấy sợ hãi. Ai cho các người cái quyền đi khắp thiên hạ để dùng vũ lực áp đặt một nền hòa bình? Chống lại xâm lược là một việc, tiến hành xâm lược lại là chuyện khác. (Hãy nghe đây! Hãy nghe đây!) Ngoài cách tuyên chiến với Nga, các ngài không thể can thiệp bằng cách nào khác, thậm chí để cứu vớt Thổ Nhĩ Kỳ. Sự trung gian của các ngài chỉ có lợi cho Nga, nó tiến hành dưới sự điều khiển của Nga và nó sẽ dẫn tới chỗ Thổ Nhĩ Kỳ buộc phải nhận những điều kiện dẫn họ đến sự diệt vong... Trong khi đàm phán, lẽ ra các ngài để nghị Thổ Nhĩ Kỳ huỷ bỏ mọi hiệp ước đã ký trước đây với Nga để hy vọng vào sự thỏa thuận của toàn châu Âu. Cái lý lẽ ấy thực tế đã được đưa ra và được sự hoan nghênh của một nước mà bao giờ cũng sẵn sàng khoai trá với mọi điều xuyên tạc. Lạy chúa đây lòng nhân ái! Sự thỏa thuận của châu Âu! Đây là điều mà Thổ Nhĩ Kỳ phải trông chờ vào đó! Nhưng bản điều ước Viên của các ngài dĩ nhiên cũng là

sự thỏa thuận của châu Âu, song kết quả của nó ra sao? Hiệp nghị ấy quan trọng trong chừng mực nó tạo ra nước Ba Lan; nhưng tình hình ở Ba Lan thì ra sao? Khi Ba Lan bị suy sụp, thì vị bộ trưởng của các ngài nói với các ngài về hiệp ước đó như thế nào? Ông ta bảo rằng: "Nước Anh được quyền đưa ra ý kiến về các sự kiện ở Ba Lan". Sau khi tuyên bố tiếp rằng ông đã kháng nghị về vấn đề này trước khi sự kiện xảy ra, ông nói: "Nhưng trong trường hợp ấy Nga lại có quan điểm khác". Hiệp nghị hiện nay của các ngài cũng sẽ diễn ra như vậy: Nga lại giữ một quan điểm khác. (Vỗ tay nhiệt liệt.) Những câu ấy đã được phát biểu tại hạ nghị viện, chính từ của miệng cái vị bộ trưởng (huân tước Pan-mốc-xtơn) "mà hiện nay đang nắm trong tay mình vận mệnh của Thổ Nhĩ Kỳ cũng như đã nắm vận mệnh của Ba Lan vậy. Nhưng bây giờ thì các ngài đã biết trước, còn trước kia thì các ngài hoàn toàn không hay biết gì cả... Cho phép tôi trích dẫn những tài liệu đăng trên tờ "Times" số ra cách đây mấy ngày. Tờ báo ấy đưa tin vị công sứ nước ta ở Ba Tư đã bất đồng ý kiến với Chính phủ của vua Thổ Nhĩ Kỳ, chính phủ này đã sẵn sàng nhượng bộ thì vị sứ thần của Nga đột nhiên xen vào với mục đích làm cho cuộc tranh luận trở thành gay go thêm. Các ngài thấy đấy, kết quả là, đi đôi với việc Nga gạt Anh ra khỏi Ba Tư, Anh lại áp đặt sự thống trị của Nga cho Thổ Nhĩ Kỳ. Báo ấy cũng đưa tin rằng đoàn đại biểu ngoại giao đã đến Tê-hê-ran; lại còn đưa tin rằng người Áp-ga-ni-xtan rất phần nộ và kẻ tử thù của Nga là Đô-xtơ-Mô-ha-mét hết sức quan tâm đến sự thành công của đoàn đại biểu ngoại giao của mình trong việc thúc đẩy Ba Tư chi viện cho Thổ Nhĩ Kỳ. Các ngài chắc còn nhớ rằng 16 năm trước đây, Anh đã tuyên chiến với người Áp-ga-ni-xtan để lật đổ Đô-xtơ-Mô-ha-mét vì bấy giờ ông ta là kẻ thù của Anh và là đồng minh trung thành của Nga. Có lẽ, chính phủ của các ngài tin vào điều đó? Nếu quả như vậy thì thật là kỳ quặc, vì rằng nó không đánh Nga mà lại đi đánh người Áp-ga-ni-xtan, nghĩa là trực tiếp đẩy họ vào vòng tay của nước Nga. Song, chính phủ của các ngài không tin như thế; lúc bấy giờ nó biết rất rõ rằng Đô-xtơ-Mô-ha-mét - như hiện nay đã trở nên rõ ràng - là kẻ tử thù của Nga, và chính vì nguyên nhân ấy mà nó tấn công Đô-xtơ-Mô-ha-mét. Sự việc ấy đã rõ ràng, thế mà ở hạ nghị viện thì người ta đã chứng minh rằng những văn kiện mà trong đó đã miêu tả sai lầm rằng Đô-xtơ-Mô-ha-mét là đồng minh của Nga, đều hoàn toàn là các văn kiện giả. Vị công sứ Anh đã đích thân gửi nguyên bản về nước để công bố. (Nhục nhã thay!) Tất cả điều đó chỉ là kết quả tất nhiên của tình trạng sau đây: hoạt động của chính phủ bị giữ kín, còn quốc dân thì mù tịt, điều này tôi đã nói rồi, trong cuộc hội họp của chúng ta, tôi không thấy một người nào lại không phải là kẻ đồng loã im lặng của tội ác ấy, tôi không thấy một người nào lại không rơi xuống địa vị nô lệ vì bàng quang với việc nước và danh dự của quốc gia, mặc dù người đó tự cho mình là người tự do. (Hãy nghe đây! Hãy nghe đây!) Hãy cho phép tôi mách các ngài đôi điều về việc người nước ngoài nghĩ về các ngài như thế nào. Trước đây ít lâu, các ngài đã nghe thấy nói nhiều về ảnh hưởng của người Đức trong triều đình. Các ngài liệu có muốn nghe ý kiến của những người Đức anh em thân thiết của nữ hoàng hay không? Thế thì hãy cho phép tôi nói với các ngài rằng nếu như Đức rơi vào ảnh hưởng của Nga, thì đó là Anh gây nên. Chỉ cần nghe kỹ những câu sau đây thôi:

"Nếu Anh và Pháp không can thiệp vào công việc của Thổ Nhĩ Kỳ thì Thổ Nhĩ Kỳ sẽ thắng. Trái lại, nếu như các cường quốc phương Tây, bị mù quáng vì thói bộ đã, không thể tự kiềm chế khỏi vai trò "trung gian", nghĩa là không tránh được hành động can thiệp vào công việc phương Đông, thì số phận của Thổ Nhĩ Kỳ đã bị định đoạt rồi, và quân Cô-dắc của Mát-xơ-va chẳng mấy chốc sẽ trở thành những kẻ định đoạt vận mệnh toàn thế giới! Và tuy vậy, bất chấp mọi tội

ác của các quan chức ngoại giao, mặc dù Thổ Nhĩ Kỳ đã tưởng lầm bè lũ giết người là bạn của mình, mọi hành động của nước Thổ Nhĩ Kỳ bất hạnh cho tới nay vẫn tỏ ra cao thượng làm sao. Sự tình thật đáng buồn, điều đó khỏi phải nói! Tôi thấp thỏm lo rằng hạm đội của quân đồng minh sẽ bắn phá thủ đô của Thổ Nhĩ Kỳ để làm nhụt tinh thần anh dũng của nó và buộc nó phải đầu hàng nhục nhã. Người Thổ Nhĩ Kỳ, quả thực, có thể nói rằng: "Longa est injuria, longae ambages, sed summa sequor fastigia rerum!"^{1*} Hành động hiện nay của người Thổ Nhĩ Kỳ và hành động của Anh trong những trường hợp tương tự thì trái ngược nhau biết bao! Họ chiến đấu, còn nước Anh thì ăn cướp. Các ngài chỉ cần nhớ lại "bản tuyên ngôn ở Lima" và cuộc xâm lược Áp-ga-ni-xtan, cuộc bắn phá Cô-pen-ha-gen và trận đánh Na-va-rin, rồi suy nghĩ về Thổ Nhĩ Kỳ và tình cảnh hiện nay của Thổ Nhĩ Kỳ là đủ hiểu. Thổ Nhĩ Kỳ bị làm nhục và bị đe dọa, thậm chí lãnh thổ của nó bị xâm phạm và nó bị "thế giới văn minh" khiêu khích, còn nó, giữa tất cả các thủ thách đó, vẫn bình tĩnh và tỉnh táo, kiên cường, kiên quyết và tự bình thần".

Từ tất cả điều đó, các ngài có thể thấy rằng những kẻ ở địa vị cao sang nhất chỉ có thể uống công than vãn về cái đặc quyền mà các ngài sốt sắng dành cho tôi, cho phép tôi thổ lộ sự bất bình và báo trước những sự kiện sẽ xảy ra. Hãy cho phép tôi trình bày cái tình cảnh mà các ngài đang lâm vào. Nước Anh có hai đặc điểm: ở trong nước, nó là một thằng ngốc và ở ngoài nước nó là một thằng điên, một thằng điên được vũ trang gây ra sự nguy hiểm cho cuộc sống của chính nó và cho cuộc sống của người khác. Tách riêng ra thì mỗi người trong các ngài không phải là hạng người như thế, nhưng gộp chung lại thì các ngài là như thế. Mong rằng trí sáng suốt cá nhân được thức tỉnh trong các ngài và ngăn chặn được thằng điên tập thể ấy, chừng nào các ngài còn có thể chữa được cái đầu óc bệnh hoạn - cái cơ quan này là nguyên nhân của mọi tai ương". (Vỗ tay vang dậy và kéo dài).

Tôi có thể bổ sung cho bài diễn văn của ngài Uốc-các-tơ một điều là cái coup d'éclat^{2*} vừa rồi của huân tước Pan-móc-xtơn và mối thiện cảm mà ông ta được nhân dân dành cho, đã làm cho ông ta nếu không trở thành thủ tướng chính thức, thì cũng trở thành thủ tướng thực thụ²².

*Do C.Mác viết ngày 10 tháng Giêng 1854
Đã đăng trên tờ "New-York Daily
Tribune" số 3988, ngày 28 tháng Giêng 1854
Ký tên: Các Mác*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Anh*

1* - "Sự bất công kéo dài, tình trạng không hay biết cứ kéo dài, nhưng tôi muốn vươn tới những đỉnh cao nhất của sự vật!"

2* chiến công

C.MÁC

*CUỘC CHIẾN TRANH Ở PHƯƠNG ĐÔNG²³

Luân Đôn, ngày 14 tháng Giêng 1854

Chắc là vấn đề phương Đông chờ đợi giải quyết từ lâu rút cục đã đi tới mức gay gắt là giới ngoại giao đã bị mất quyền kiểm soát vấn đề đó và đã không thể lợi dụng nó vào những hoạt động thất thường và thường xuyên vô hiệu quả của mình. Ngày 3 tháng Giêng hạm đội Pháp và Anh đã tiến vào Hắc Hải để ngăn chặn cuộc tấn công của hạm đội Nga vào hạm đội Thổ Nhĩ Kỳ hoặc bờ biển Thổ Nhĩ Kỳ. Nga hoàng Ni-cô-lai đã có lần tuyên bố rằng vua Nga sẽ coi hành động đó là tín hiệu tuyên chiến. Vậy thì giờ đây Nga hoàng liệu có bỏ qua sự việc ấy chẳng? Hôm nay đã nhận được tin là lực lượng đồng minh của hạm đội Pháp và Anh cùng với hải đoàn thứ nhất của hạm đội Thổ Nhĩ Kỳ đang chờ 17000 quân Thổ Nhĩ Kỳ đến Ba-tum. Nếu tin ấy đúng sự thật, thì đây là một hành động chiến tranh, không khác gì cuộc tấn công trực tiếp vào Xê-va-xtô-pôn, và Nga hoàng chỉ còn cách là tuyên chiến ngay tức khắc.

Nhưng Nga có bị cô lập không? Áo và Phổ sẽ đứng về bên nào trong cuộc đại chiến này?

Nghe nói, hình như Lu-i Bô-na-pác-tơ đã cho Chính phủ Áo hiểu rằng nếu xảy ra xung đột với Nga mà Áo lại đứng về phía Nga, thì Chính phủ Pháp sẽ lợi dụng phong trào cách mạng ở I-ta-li-a và Ba Lan mà chỉ cần một đốm lửa là đủ làm cho phong trào đó bùng lên thành một đám cháy lớn, và Pháp sẽ tìm cách phục hồi lại hai quốc gia I-ta-li-a và Ba Lan. Nhưng có thể suy đoán chắc chắn rằng Chính phủ Áo chịu ảnh hưởng của những khó khăn tài chính của bản thân nhiều hơn là sự đe dọa của Bô-na-pác-tơ.

Về tình hình ngân khố quốc gia của Áo thì có thể suy đoán qua sự tăng thêm gần đây của số lượng giấy bạc mất giá đang lưu hành và qua biện pháp khẩn cấp cách đây ít lâu của chính phủ dùng pháp luật quy định giảm giá 15% số giấy bạc mà chính họ đã phát hành. Cái biện pháp nhằm

ác của các quan chức ngoại giao, mặc dù Thổ Nhĩ Kỳ đã tưởng lầm bè lũ giết người là bạn của mình, mọi hành động của nước Thổ Nhĩ Kỳ bất hạnh cho tới nay vẫn tỏ ra cao thượng làm sao. Sự tình thật đáng buồn, điều đó khỏi phải nói! Tôi thấp thỏm lo rằng hạm đội của quân đồng minh sẽ bắn phá thủ đô của Thổ Nhĩ Kỳ để làm nhụt tinh thần anh dũng của nó và buộc nó phải đầu hàng nhục nhã. Người Thổ Nhĩ Kỳ, quả thực, có thể nói rằng: "Longa est injuria, longae ambages, sed summa sequor fastigia rerum!"^{1*} Hành động hiện nay của người Thổ Nhĩ Kỳ và hành động của Anh trong những trường hợp tương tự thì trái ngược nhau biết bao! Họ chiến đấu, còn nước Anh thì ăn cướp. Các ngài chỉ cần nhớ lại "bản tuyên ngôn ở Lima" và cuộc xâm lược Áp-ga-ni-xtan, cuộc bắn phá Cô-pen-ha-gen và trận đánh Na-va-rin, rồi suy nghĩ về Thổ Nhĩ Kỳ và tình cảnh hiện nay của Thổ Nhĩ Kỳ là đủ hiểu. Thổ Nhĩ Kỳ bị làm nhục và bị đe dọa, thậm chí lãnh thổ của nó bị xâm phạm và nó bị "thế giới văn minh" khiêu khích, còn nó, giữa tất cả các thủ thách đó, vẫn bình tĩnh và tỉnh táo, kiên cường, kiên quyết và tự bình thần".

Từ tất cả điều đó, các ngài có thể thấy rằng những kẻ ở địa vị cao sang nhất chỉ có thể uống công than vãn về cái đặc quyền mà các ngài sốt sắng dành cho tôi, cho phép tôi thổ lộ sự bất bình và báo trước những sự kiện sẽ xảy ra. Hãy cho phép tôi trình bày cái tình cảnh mà các ngài đang lâm vào. Nước Anh có hai đặc điểm: ở trong nước, nó là một thằng ngốc và ở ngoài nước nó là một thằng điên, một thằng điên được vũ trang gây ra sự nguy hiểm cho cuộc sống của chính nó và cho cuộc sống của người khác. Tách riêng ra thì mỗi người trong các ngài không phải là hạng người như thế, nhưng gộp chung lại thì các ngài là như thế. Mong rằng trí sáng suốt cá nhân được thức tỉnh trong các ngài và ngăn chặn được thằng điên tập thể ấy, chừng nào các ngài còn có thể chữa được cái đầu óc bệnh hoạn - cái cơ quan này là nguyên nhân của mọi tai ương". (Vỗ tay vang dậy và kéo dài).

Tôi có thể bổ sung cho bài diễn văn của ngài Uốc-các-tơ một điều là cái coup d'éclat^{2*} vừa rồi của huân tước Pan-móc-xtơn và mối thiện cảm mà ông ta được nhân dân dành cho, đã làm cho ông ta nếu không trở thành thủ tướng chính thức, thì cũng trở thành thủ tướng thực thụ²².

*Do C.Mác viết ngày 10 tháng Giêng 1854
Đã đăng trên tờ "New-York Daily
Tribune" số 3988, ngày 28 tháng Giêng 1854
Ký tên: Các Mác*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Anh*

1* - "Sự bất công kéo dài, tình trạng không hay biết cứ kéo dài, nhưng tôi muốn vươn tới những đỉnh cao nhất của sự vật!"

2* chiến công

C.MÁC

*CUỘC CHIẾN TRANH Ở PHƯƠNG ĐÔNG²³

Luân Đôn, ngày 14 tháng Giêng 1854

Chắc là vấn đề phương Đông chờ đợi giải quyết từ lâu rút cục đã đi tới mức gay gắt là giới ngoại giao đã bị mất quyền kiểm soát vấn đề đó và đã không thể lợi dụng nó vào những hoạt động thất thường và thường xuyên vô hiệu quả của mình. Ngày 3 tháng Giêng hạm đội Pháp và Anh đã tiến vào Hắc Hải để ngăn chặn cuộc tấn công của hạm đội Nga vào hạm đội Thổ Nhĩ Kỳ hoặc bờ biển Thổ Nhĩ Kỳ. Nga hoàng Ni-cô-lai đã có lần tuyên bố rằng vua Nga sẽ coi hành động đó là tín hiệu tuyên chiến. Vậy thì giờ đây Nga hoàng liệu có bỏ qua sự việc ấy chẳng? Hôm nay đã nhận được tin là lực lượng đồng minh của hạm đội Pháp và Anh cùng với hải đoàn thứ nhất của hạm đội Thổ Nhĩ Kỳ đang chờ 17000 quân Thổ Nhĩ Kỳ đến Ba-tum. Nếu tin ấy đúng sự thật, thì đây là một hành động chiến tranh, không khác gì cuộc tấn công trực tiếp vào Xê-va-xtô-pôn, và Nga hoàng chỉ còn cách là tuyên chiến ngay tức khắc.

Nhưng Nga có bị cô lập không? Áo và Phổ sẽ đứng về bên nào trong cuộc đại chiến này?

Nghe nói, hình như Lu-i Bô-na-pác-tơ đã cho Chính phủ Áo hiểu rằng nếu xảy ra xung đột với Nga mà Áo lại đứng về phía Nga, thì Chính phủ Pháp sẽ lợi dụng phong trào cách mạng ở I-ta-li-a và Ba Lan mà chỉ cần một đốm lửa là đủ làm cho phong trào đó bùng lên thành một đám cháy lớn, và Pháp sẽ tìm cách phục hồi lại hai quốc gia I-ta-li-a và Ba Lan. Nhưng có thể suy đoán chắc chắn rằng Chính phủ Áo chịu ảnh hưởng của những khó khăn tài chính của bản thân nhiều hơn là sự đe dọa của Bô-na-pác-tơ.

Về tình hình ngân khố quốc gia của Áo thì có thể suy đoán qua sự tăng thêm gần đây của số lượng giấy bạc mất giá đang lưu hành và qua biện pháp khẩn cấp cách đây ít lâu của chính phủ dùng pháp luật quy định giảm giá 15% số giấy bạc mà chính họ đã phát hành. Cái biện pháp nhằm

giảm giá tiền tệ của nước mình như thế có lẽ là đỉnh cao của sự phát minh về mặt thu thuế, bởi vì nó quy định thêm loại thuế cho việc trả thuế. Theo tin tức của báo chí Đức, thì ngân sách của Áo năm 1854 sẽ thâm hụt 45 000 000 phlo-rin về chi phí thông thường và 50 000 000 về chi phí bất thường. Áo đã quyết định vay nợ lần thứ một trăm, nhưng xem chừng không thể có kết quả. Trong trường hợp này người ta dự định vay 50 000 000 phlo-rin rõ ràng nhằm mục đích trang trải lợi tức cho các trái khoán đã tới hạn trả và một số yêu cầu khác không thể trì hoãn được.

Khi tin tức về hạm đội quân đồng minh sắp sửa tiến vào Hắc Hải truyền đến Viên, thì các chủ ngân hàng bận túi bụi, tấp nập đổi tiền giấy lấy bạc. Những người có giấy bạc 100 và 200 phlo-rin chen chúc nhau ở văn phòng các ngân hàng, cố gắng cứu vãn số tiền tích lũy của mình đang bị đe dọa. Tuy nhiên, trong giờ phút quyết định, thì ảnh hưởng của Xanh - Pê-téc-bua đối với Viên vẫn thắng thế, Áo sẽ bị lôi cuốn vào cuộc xung đột sắp sửa nổ ra và đứng về phía Nga. Còn Phổ thì vẫn định diễn lại tấn tuồng đã diễn vào những năm 1780, 1800 và 1805, đó là việc thành lập liên minh các quốc gia trung lập vùng Ban-tích hoặc Bắc Đức, và một khi đứng đầu liên minh ấy thì Phổ có thể đóng vai trò quan trọng, và nó muốn ngã về phía nào đem lại cho nó nhiều lợi nhất.

Không còn nghi ngờ gì nữa, hạm đội của quân đồng minh Thổ Nhĩ Kỳ - châu Âu có thể phá huỷ Xê-va-xtô-pôn và tiêu diệt hạm đội Hắc Hải của Nga; quân đồng minh có thể đánh phá và chiếm giữ Crum, chiếm đóng Ô-đét-xa, phong tỏa biển A-dốp và tạo điều kiện cho các dân tộc miền núi Cáp-ca-dơ được rảnh tay. Dĩ nhiên, những gì cần phải thực hiện ở biển Ban-tích thì cũng phải được thực hiện ở Hắc Hải: nhất thiết phải liên minh với Thụy Điển bằng bất kỳ giá nào; nếu cần phải hù dọa Đan Mạch, phát động khởi nghĩa ở Phần Lan bằng cách đổ bộ lên đó đủ một số lượng quân và bảo đảm rằng chỉ ký hòa ước khi nào hợp nhất được tỉnh này vào Thụy Điển. Quân đổ bộ lên Phần Lan sẽ uy hiếp Pê-téc-bua, đồng thời hạm đội các nước đồng minh thì có thể bắn phá Crôn-stát.

Tất cả những cái đó đều tùy thuộc ở chỗ các cường quốc trên biển của châu Âu có hành động kiên quyết và mạnh mẽ hay không.

Tờ "Neue Preussische Zeitung" ra ngày 29 tháng Chạp đã khẳng định tin hoàng đế Nga đã ra lệnh cho tất cả quân đội của đế chế chuẩn bị sẵn

sàng chiến đấu. Hoàng đế Nga không những rút tiền khoản của mình ở các ngân hàng Anh và Pháp, mà còn ra lệnh tổ chức quyền góp tự nguyện trong tầng lớp quý tộc và ngừng xây dựng đường sắt để sử dụng số nhân lực và tiền của rút ra được ấy vào những nhu cầu của chiến tranh.

Mặt khác, Pháp đã tăng cường vũ trang mạnh mẽ hơn trước kia; đã gọi nhập ngũ nốt một nửa trong tổng số 800 000 quân thuộc đợt tuyển quân năm 1852. Từ lâu Pháp cũng đã dự định phát hành 200 000 000 phrăng công trái (khoảng 8 000 000 pao xtéc-linh) song tình hình lương thực đắt đỏ, nho mất mùa và tư nguyên liệu giảm sản lượng, công thương nghiệp đình đốn phổ biến, những lo ngại nghiêm trọng về các khoản thanh toán vào cuối tháng Hai tới, chiều hướng sụt giá của chứng khoán quốc gia và cổ phiếu đường sắt - tất cả tình hình đó không hề tạo điều kiện dễ dàng cho việc phát hành công trái.

Theo tờ "Times" đưa tin thì Chính phủ Anh đang dự định tăng số lượng lính thủy đánh bộ và lính thủy thuộc hạm đội lên 53000 trong năm nay, nghĩa là vượt con số mà nghị viện thông qua năm ngoái khoảng 8000 người và vượt con số động viên trong thời kỳ nội các của huân tước Đốc-bi là 5000 người. Do đó, có thể nói rằng quân số của hải quân từ năm 1852 đến nay đã tăng khoảng 13000 người. Trong lực lượng hải quân có 38000 lính thủy và lính thủy thiếu niên và 15000 lính thủy đánh bộ.

Cái bí mật bao trùm trận đánh Xi-nô-pơ, rút cục, đã vỡ lở ra. Căn cứ vào những tin tức đã được công bố về so sánh lực lượng giữa Nga và Thổ Nhĩ Kỳ ở Xi-nô-pơ, thì quân Nga nhiều hơn Thổ Nhĩ Kỳ ba tàu chiến hai boong chạy bằng hơi nước, một tàu chiến ba boong và 680 khẩu pháo. Vì vậy, những sự kiện ở Xi-nô-pơ không hề làm tăng thêm thực lực của Nga và không hề làm yếu thực lực của Thổ Nhĩ Kỳ; mà nói cho đúng, là ngược lại. Ở đây chúng ta thấy một sự việc chưa từng có trong lịch sử hạm đội Anh: các chiếm hạm và các tàu tuần dương dần thành một tuyến và sĩ quan chỉ huy vút đuốc vào khoang đạn dược và đã hy sinh vì tổ quốc. Chủ lực của hải quân Thổ Nhĩ Kỳ vẫn nguyên vẹn; nó không mất một tàu tuần dương nào, một tàu chạy bằng hơi nước nào. Hơn thế nữa. Theo tin gần đây cho biết thì một trong những chiếc tàu ba boong tốt nhất của hạm đội Nga là tàu "Rô-xti-xláp" trang bị 120 khẩu pháo đã bị quân Thổ Nhĩ Kỳ bắn chìm. Sự tổn thất này cho tới nay được che

đây dưới cái lý do có vẻ chính đáng là tàu "Rô-xti-xláp" bị đắm không phải trong chiến đấu mà là tự nhiên bị đắm sau chiến đấu, và hiện nay đã được người Nga công khai thừa nhận. Tổn thất này đã cân bằng một cách đáng kể những tổn thất của hạm đội Thổ Nhĩ Kỳ²⁴. Nếu như tàu chiến ba boong ấy quả thực đã chìm xuống đáy biển, thì có thể suy đoán rằng các tàu khác của Nga cũng bị hư hại nặng trong chiến đấu và xét cho cùng thì thắng lợi ở Xi-nô-pơ đã làm yếu hạm đội Nga nhiều hơn là hạm đội Thổ Nhĩ Kỳ. Pa-sa Ai Cập vừa được tin về thảm họa ở Xi-nô-pơ, ông ta liền ra lệnh trang bị cho 6 chiến hạm, 5 hải phòng hạm và 3 tàu hai buồm để bù đắp cho thiệt hại về trang bị của hạm đội Thổ Nhĩ Kỳ.

Chiến hạm chạy bằng hơi nước của Ai Cập là "Péc-va Bắc-ri" sau 5 giờ chiến đấu bị loại khỏi vòng chiến đấu và bị chiến hạm chạy bằng hơi nước lớn hơn nhiều của Nga là "Vla-di-mia" bắt, đã bị đạn bắn lỗ chỗ đến mức khó khăn lắm mới về tới được Xê-va-xtô-pôn, đến đây thì nó chìm ngay tức khắc. Tàu "Péc-va Bắc-ri" sở dĩ về được vịnh Xê-va-xtô-pôn là nhờ có sự giúp đỡ của thợ máy chính, người Anh tên là Ben, anh ta đã được đô đốc Coóc-ni-lốp hứa rằng nếu hoàn thành tốt nhiệm vụ này thì sẽ được trả tự do ngay. Đến Xê-va-xtô-pôn, Ben không những không được phóng thích mà còn bị giam cầm nghiêm ngặt cùng với những người giúp việc của mình là các thợ máy và thợ đốt lò, và mỗi ngày chỉ được khẩu phần ít ỏi là 3 pen-ni, và được người ta báo cho biết là họ sẽ phải đi bộ 80 dặm vào nội địa nước này trong thời tiết khắc nghiệt đó. Công tước Men-si-cốp, người chỉ huy ở Xê-va-xtô-pôn, đã được sự tán thành của Nga hoàng và các bộ trưởng của Nga hoàng phớt lờ sự dè dặt của công sứ Anh ở Ô-đét-xa và đại sứ Anh ở Xanh-Pê-téc-bua. Mọi người đều biết rằng trong cuộc hỗn chiến ở Xi-nô-pơ, hai tàu buôn Anh có việc riêng đến nơi đó đã bị bắn chìm một cách tàn nhẫn mà chẳng có lý do gì hết. Dưới đây là bài tường thuật thẳng thắn về diễn biến của việc bắn chìm hai tàu ấy đăng trên một tờ báo Pháp:

"Ngày 30 tháng Mười một, chiếc tàu buôn hạng nhẹ "Hô-vác-đơ" xuất phát từ Bi-đơ-phóc, một hải cảng ở bờ biển miền Nam nước Anh, đã bốc xong than cho ngài Pi-ren-xơ, vị công sứ Áo ở Xi-nô-pơ, đang thả neo để xếp các vật giữ thăng bằng cho tàu và chuẩn bị đi Phát-xa lấy lương thực ở đó chở về Anh. Hạm đội Nga đột nhiên xuất hiện và, không báo trước mà cũng không để cho các tàu nước ngoài ra khỏi vùng nguy hiểm, đã nổ súng mãnh liệt vào hạm đội Thổ Nhĩ Kỳ đậu ở đó. Chỉ trong mấy phút tàu "Hô-vác-đơ" và các tàu buôn khác đang đậu ở cảng đều bị bắn chìm toàn bộ".

Hành động vi phạm hết sức thô bạo luật pháp quốc tế này đã được công bố trên thông báo chiến sự Ô-đét-xa. Đồng thời báo chí Nga còn tuyên bố với những lời lẽ lăng mạ rằng trong khi hạm đội Anh không dám tiến vào Hắc Hải, thì Chính phủ Anh cũng không dám can trở chiến hạm Nga lợi dụng xưởng chữa tàu của Anh để tu sửa.

Những thư tín gần đây lại đem đến cho chúng tôi tin tức bổ sung về những sự kiện quân sự diễn ra ở châu Á thời gian vừa qua. Rõ ràng là quân Thổ Nhĩ Kỳ đã phải rút lui toàn bộ khỏi Ác-mê-ni-a, lãnh thổ thuộc Nga, nhưng chưa nhận được tin tức xác thực về kết quả của những trận đánh đã buộc họ phải rút lui. Một quân đoàn của Thổ Nhĩ Kỳ đi theo con đường thẳng từ Ác-đa-gan đến A-khan-xích, trong khi đó một đơn vị khác ở về phía nam tiến theo con đường từ Các-xơ vượt qua A-lếch-xăng-đrô-pôn (tiếng Gru-di-a là Gum-ri) đến Ti-philít. Hình như hai quân đoàn ấy đều đụng phải quân Nga. Theo tin tức của Nga, thì quân Thổ Nhĩ Kỳ đã bị đánh tan trên cả hai hướng và bị mất chừng 40 khẩu pháo; chúng tôi chưa nhận được thông báo chiến sự chính thức của Thổ Nhĩ Kỳ, nhưng theo một số tin riêng thì sở dĩ có sự rút lui là do cần phải trở về doanh trại mùa đông. Chỉ có điều hiển nhiên là quân Thổ Nhĩ Kỳ đã rút khỏi lãnh thổ Nga, trừ cứ điểm thánh Ni-cô-lai, quân Nga đã truy kích họ và tiền quân của Nga thậm chí đã dám tiến đến cách Các-xơ một dặm, nhưng bị đánh bật trở lại. Ngoài ra, chúng tôi biết rằng đạo quân A-na-tô-li của Thổ Nhĩ Kỳ điều từ các tỉnh châu Á về là trụ cột của chế độ dã man Hồi giáo cổ, trong hàng ngũ của nó có một số lượng lớn binh sĩ không chính quy, không đáng tin cậy, tuy rằng, nói chung là dũng cảm, họ là những kẻ mạo hiểm và trộm cướp ở Cuốc-đi-xtan, đạo quân A-na-tô-li này không có điểm nào giống với đạo quân Ru-mê-li yên phận, có kỷ luật và được huấn luyện khắc nghiệt, ở đây người chỉ huy hàng ngày biết rõ dưới quyền mình có bao nhiêu binh sĩ và họ như thế nào, ở đây có điều lệnh quân sự và tòa án quân sự mặt trận để ngăn chặn cái máu liều lĩnh và thói cướp bóc của cá nhân. Chúng tôi biết rằng quân Nga thời kỳ đầu của chiến dịch ở châu Á rất cần bộ đội, sau đó được tăng cường sư đoàn bộ binh thứ 13 (16 000 binh sĩ) dưới quyền chỉ huy của trung tướng Ô-bru-sép đệ nhị và một đơn vị quân Cô-dắc sông Đông; chúng tôi biết rằng người Nga đã khống chế được dân cư miền núi và giữ được tuyến giao thông qua dãy núi Cáp-ca-dơ đến Vla-di-cáp-ca-dơ, cũng như trên biển - tới Ô-đét-xa và Xê-va-xtô-pôn. Trong mọi tình huống như

vậy, cũng như xét đến chỗ viên tư lệnh của quân Thổ Nhĩ Kỳ Áp-đi-pa-sa nếu không phải là một tên phản bội, thì cũng là một thằng ngốc (về sau hắn bị triệu hồi và A-khmet-pa-sa được cử đến thay hắn), thì nói chung chẳng có gì đáng ngạc nhiên trước việc quân Thổ Nhĩ Kỳ thua trận cả, tuy nhiên không còn nghi ngờ rằng các thông báo chiến sự của Nga theo lệ thường vẫn là phóng đại.

Ở sông Đa-nuýp, cách đây ít lâu quân Nga đã tấn công đồn Mét-sin ở trên một trong các nhánh của con sông này. Có một tàu chiến chạy bằng hơi nước và hai pháo thuyền kéo đến đồn này đã bị pháo bắn dữ dội; nghe nói, các pháo thuyền bị bắn chìm, còn tàu chiến cũng bị thương nặng cho nên vội vã rút lui là hơn hết. Đã có ba hoặc bốn cuộc đụng độ, nơi thì giữa các đồn tiền tiêu ở Ca-la-phát, nơi thì giữa một góc của quân Nga trên sông Đa-nuýp với những đơn vị nhỏ của quân Thổ Nhĩ Kỳ vượt sông định đánh úp họ. Quân Thổ Nhĩ Kỳ cho rằng họ đã thắng thế trong tất cả những trận đánh nhỏ ấy. Chỉ có thể lấy làm tiếc rằng bộ đội phi chính quy của Thổ Nhĩ Kỳ là lực lượng thích hợp với loại hoạt động này hơn bất cứ bộ đội nào khác đã không được sử dụng thật sớm hơn vào việc tiến hành một cách tích cực hơn những trận chiến đấu nhỏ ấy. Những đơn vị này hoàn toàn có thể chọi lại lính Cô-dắc, phá hoại tuyến đồn tiền tiêu vì kéo dài 300 dặm nên không tránh khỏi mỏng yếu của địch, phá rối kế hoạch của quân Nga, trinh sát được rất rõ mọi cuộc điều quân của địch và, chỉ cần có sự thận trọng và dũng cảm cần thiết là thắng được trong mỗi cuộc xung đột.

Chúng tôi vừa mới nhận được bức điện đưa tin rằng

"Ngày 6 tháng Giêng, một sư đoàn quân Thổ Nhĩ Kỳ với 15000 quân và 15 khẩu pháo đã tấn công và chiếm được một trận địa gồm những chiến hào ở Sê-ta-te gần Ca-la-phát; quân Nga mất 2500 người; quân tăng viện của Nga gồm 18 000 người từ Ca-ra-u-la kéo tới đã buộc phải rút lui và bị thiệt hại 250 người".

Theo một bức điện khác thì một bộ phận lớn dân cư vùng Tiểu Va-la-ki đã khởi nghĩa chống lại quân Nga; quân Nga đã bao vây Crai-ô-va.

Song nước Nga đã bị kiệt sức, phải sử dụng đến thủ đoạn mua chuộc và dọa nạt ở khắp nơi trên thế giới, ở biên giới Ấn Độ thuộc Anh, ở Ba Tư, ở Xéc-bi, ở Thụy Điển, ở Đan Mạch v.v.. Ở Ba Tư đã xảy ra một cuộc tranh chấp nhỏ giữa viên công sứ Anh và chính phủ của vua Thổ Nhĩ Kỳ; chính phủ này đã sẵn sàng nhượng bộ, nhưng sứ thần Nga lại can thiệp

vào, tìm mọi cách không những gây ra sự căm tức của vua Thổ Nhĩ Kỳ đối với Anh, mà còn lôi cuốn công sứ Anh vào những hoạt động tích cực thù địch chống lại Chính phủ Thổ Nhĩ Kỳ và xúi giục nó tuyên chiến với Thổ Nhĩ Kỳ. Nhưng, nghe nói những âm mưu đó đã bị thất bại vì vị đại biện lâm thời Anh là ngài Tôm-xơn dọa sẽ rời khỏi Tê-hê-ran, do sợ trong nhân dân sẽ lập tức nổi lên làn sóng công phần chống lại Nga, đồng thời do đoàn đại biểu ngoại giao Áp-ga-ni-xtan đến cũng dọa rằng nếu Ba Tư liên minh với Nga thì người Áp-ga-ni-xtan sẽ đánh chiếm lãnh thổ Ba Tư.

Cũng lúc đó, nhiều gián điệp Nga đã được bố trí khắp Xéc-bi; chúng thăm dò các nơi và tìm kiếm những người trước đây nổi tiếng vì trung thành với vương triều Ô-bren-nô-vích đã bị lật đổ; nói chuyện với một số người về công tước Mi-kha-in trẻ tuổi, với một số người khác về người cha già của công tước là Mi-lô-sô, khi thì bọn chúng ngấm gơi cho họ hy vọng mở rộng biên giới của Xéc-bi dưới sự bảo hộ của Nga, thành lập một vương quốc I-li-ri-a mới liên kết tất cả những người nói tiếng Xéc-bi hiện nay đang ở dưới chính quyền của Thổ Nhĩ Kỳ và Áo, khi thì bọn chúng dọa họ rằng nếu chống lại thì các đạo quân ô ạt của Nga sẽ xâm nhập và hoàn toàn chinh phục Xéc-bi. Dù liên tục sử dụng những mưu mô ấy, Nga vẫn không phá vỡ nổi mối quan hệ gắn bó giữa người Xéc-bi với vua Thổ Nhĩ Kỳ. Ngược lại, ở Ben-grát người ta đang chờ đợi nhận từ Công-xtăng-ti-nô-pô-ly hai sắc lệnh của vua Thổ Nhĩ Kỳ, một sắc lệnh cắt đứt mọi quan hệ hiện có giữa Xéc-bi với Nga, còn một sắc lệnh khẳng định mọi đặc quyền đã được thừa nhận cho nhân dân Xéc-bi các thời kỳ trước đây. Hơn nữa, Chính phủ Nga tích cực tiến hành đàm phán ở Xtốc-khôm và ở Cô-pen-ha-gen để thuyết phục các chính phủ Thụy Điển và Đan Mạch đứng về phía Nga trong cuộc xung đột sắp tới ở châu Âu; mục đích chính của việc Nga mưu toan liên minh với các nước ấy là phong tỏa các eo biển Dun-đơ và Ben-tơ đối với các cường quốc phương Tây. Tất cả những gì mà Nga đạt được tới nay, thì đó là việc Thụy Điển, Đan Mạch và Phổ đã ký kết với nhau một hiệp ước về trung lập vũ trang và chuẩn bị vũ trang hiển nhiên là nhằm chống lại chính nước Nga. Trong một số thư riêng gửi từ Thụy Điển người ta thấy được niềm hân hoan về khả năng trả lại cho vương quốc Xcan-di-na-vơ công quốc Phần Lan mà nước Nga không tuyên chiến đã chiếm đoạt một cách vô liêm sỉ. Còn Đan Mạch thì thái độ - không phải của nhân dân mà là của triều đình - kém phần rõ ràng. Thậm chí còn có tin đồn rằng bộ trưởng Bộ ngoại giao hiện nay của Đan Mạch đã đệ đơn từ chức và bá tước

Rê-ven-tơ-lốp-Cri-mi-nin, một người nổi tiếng về quan hệ mật thiết với triều đình Xanh Pê-téc-bua, sẽ thế chân. Ở pháp, do ảnh hưởng của Nga sự "hợp nhất" giữa phái Oóc-lê-ăng và phái chính thống²⁵ đã có ít nhiều kết quả, trong khi đó cái ảnh hưởng đó đang tìm mọi cách phá vỡ entente cordiale²⁶ hiện có giữa hai chính phủ Anh và Pháp, và reo rắc trong họ sự không tin cậy lẫn nhau. Một số tờ báo ở Pa-ri ăn tiền của ngài Ki-xê-lép, mưu toan khơi dậy sự nghi ngờ về việc không trung thực của Chính phủ Anh, và chúng ta cũng thấy ở Anh có một tờ báo ăn tiền của ngài Brun-nốp, đến lượt nó, lại hoài nghi sự thành thực của Chính phủ Pháp. Một đôn khác chủ yếu là chia vào các cường quốc phương Tây là việc Nga cấm Ba Lan xuất khẩu lương thực.

Vậy mà hoạt động ngoại giao của các cường quốc phương Tây tuyệt nhiên không mang tính chất thù địch với Nga; ngược lại, khi có vấn đề về việc khôi phục lại sự công bằng thì họ lại biểu hiện khuynh hướng dấy đưa khá mạnh mẽ, khi có vấn đề về hành vi phạm tội thì họ lại biểu hiện khuynh hướng thỏa hiệp hết sức rõ rệt. Nhưng hiện nay thì mọi người đều thấy hoàn toàn rõ là các hành động như vậy là sai lầm và có hại. Những sự kiện chủ yếu trong lịch sử ngoại giao sáu tuần qua là: hội nghị Viên đã nhóm họp trở lại và ngày 5 tháng Chạp năm ngoái, các bên tham gia đã định ra một nghị định thư; đại sứ Anh và Pháp ở Công-xtăng-ti-nô-plơ đã gửi thư cho Rê-sít-pa-sa²⁷; ngày 15 tháng Chạp, bốn đại cường quốc đã trao một công hàm chung cho Chính phủ Thổ Nhĩ Kỳ và đã được vua Thổ Nhĩ Kỳ tiếp nhận ngày 31 tháng Chạp; ngài Đruên Đờ Luy-xơ đã gửi bức thông tri đề ngày 30 tháng Chạp cho các đại diện ngoại giao Pháp báo tin các hạm đội liên quân đã tiến vào Hắc Hải. Còn về nghị định thư của hội nghị Viên, thì bạn đọc của tờ báo này sẽ hiểu được nội dung của nó sau khi đọc hết mấy dòng sau đây. Có lẽ không có gì phi lý hơn là điều khẳng định sau đây trong nghị định thư ấy, đó là

"những điều cam đoan của hoàng đế Nga trong các thời kỳ trước đây đã loại bỏ mọi ý nghĩ cho rằng đức hoàng đế chỉ tôn đang có ý đồ nào đó nhằm phá hoại sự toàn vẹn lãnh thổ của Đế quốc Ôt-tô-man".

Có lẽ không có gì độc ác hơn là lời tuyên bố trong nghị định thư cho rằng việc thỏa thuận ký kết hiệp định đình chiến trong ba tháng là điều thỏa đáng đối với Thổ Nhĩ Kỳ. Hai ngày sau khi tin tức về trận đánh nhục nhã ở Xi-nô-pơ truyền đến Công-xtăng-ti-nô-plơ, ngày 5 tháng Chạp Rê-sít-pa-sa đã gửi thư cho huân tước Xơ-rát-phơ Đơ Rét-clíp-phơ và

tướng Ba-ra-ghe d'In-li-ê báo cho biết tin tức về Xi-nô-pơ và yêu cầu cho hạm đội tiến vào Hắc Hải. Ngày 12 tháng Chạp, một tuần sau khi Rê-sít-pa-sa gửi thông điệp, ông ta đã nhận được sự trả lời rất lạnh nhạt của hai vị đại sứ thông báo cho ông rõ rằng

"sự xuất hiện của hạm đội liên quân chỉ có "ý nghĩa chính trị" và do đó, không hề có ý nghĩa quân sự nào, và đây là "sự chi viện về tinh thần" và, do đó, tuyệt nhiên không phải là chi viện về quân sự".

Thế là chính phủ Thổ Nhĩ Kỳ buộc phải chấp nhận bức công hàm chung của bốn cường quốc gửi ngày 15 tháng Chạp. Bức công hàm ấy không những không quy định một sự bồi thường nào cho Chính phủ Thổ Nhĩ Kỳ về sự thiệt hại mà Chính phủ Thổ Nhĩ Kỳ phải chịu do hành động cướp biển của kẻ chuyên chế; công hàm đó không những đòi phải khôi phục lại tất cả những hiệp ước cũ - hiệp ước Cai-nắc-gia, hiệp ước A-đri-a-nô-pôn, hiệp ước Un-ki-ác-I-xkê-lê-xi²⁸ và những hiệp ước khác là những hiệp ước mà suốt nửa thế kỷ nay Nga vẫn sử dụng làm kho vũ khí từ đó dùng để lừa bịp, can thiệp, xâm nhập và thôn tính; công hàm ấy còn cho phép Nga hoàng có quyền bảo hộ đối với Thổ Nhĩ Kỳ trong các vấn đề tôn giáo và quyền chỉ đạo trong các vấn đề quản lý dân chính, bởi vì trong công hàm có ghi rằng, đối với tất cả các cường quốc thì

"Chính phủ Thổ Nhĩ Kỳ tối cao phải thông báo nội dung các sắc lệnh mà nó ban các đặc quyền tôn giáo cho tất cả các thần dân Thổ Nhĩ Kỳ không theo Hồi giáo, đồng thời phải có sự cam đoan tương ứng đối với mỗi cường quốc",

còn Chính phủ Thổ Nhĩ Kỳ thì phải bày tỏ sự quyết tâm kiên định của mình trong việc bắt đầu thi hành chế độ hành chính của mình và tiến hành cải cách nội bộ một cách tích cực hơn.

Tuy rằng theo nguyên văn của những kiến nghị mới ấy thì năm cường quốc châu Âu được quyền bảo hộ chung đối với các thần dân theo đạo Cơ Đốc của Thổ Nhĩ Kỳ, nhưng trên thực tế chỉ Nga có quyền đó thôi. Thực chất của hiệp nghị ấy là Pháp và Áo là những nước theo đạo Thiên chúa La Mã phải bảo hộ dân cư theo đạo Thiên chúa La Mã ở Thổ Nhĩ Kỳ, Anh và Phổ là những nước theo đạo Tin lành phải bảo hộ các thần dân theo đạo Tin lành của vua Thổ Nhĩ Kỳ, còn Nga thì phải bảo hộ những người theo Chính thống giáo. Nhưng vì rằng số người theo đạo Thiên chúa không tới 800 000 người, còn số người theo đạo Tin lành chưa đầy 200 000 trong khi đó số người theo Chính thống giáo lên tới gần 10 000 000, cho nên rõ ràng là trên thực tế Nga hoàng được quyền bảo hộ các thần dân theo đạo Thiên chúa ở Thổ Nhĩ Kỳ. Chính phủ Thổ Nhĩ

Kỳ vừa mới chấp nhận những kiến nghị đó của bốn cường quốc vào ngày 19 tháng Chạp khi mà Ri-da-pa-sa và Ha-lin-pa-sa tham gia nội các do đó bảo đảm thắng lợi cho phái "chủ hòa", hay còn gọi là "thân Nga".

Ngày 21 tháng Chạp, khi mọi người đều biết rằng hội đồng các bộ trưởng đã báo cho bốn vị đại sứ biết về những kiến nghị mà họ đưa ra đã được chấp nhận, thì các giáo sinh, sinh viên đã tụ tập lại để đưa đơn thỉnh cầu phản đối quyết định của chính phủ, và chỉ sau khi bắt giữ được những kẻ chủ mưu thì mới ngăn cản được phong trào nổ ra. Ngọn lửa công phần bao trùm Công-xtăng-ti-nô-pơ bùng mạnh đến nỗi hôm sau vua Thổ Nhĩ Kỳ^{1*} không dám ra Phòng hội nghị của nhà vua, và cũng không dám như lệ thường đến nhà thờ Hồi giáo Tô-pơ-ha-nơ giữa những loạt đại bác chào mừng và giữa những tiếng tung hô "muôn năm" của đoàn chiến hạm nước ngoài nữa, còn Rê-sít-pa-sa đi tìm nơi ẩn náu đã chạy trốn từ dinh của mình ở Xtam-bun đến một dinh thự ở bên cạnh cung vua Thổ Nhĩ Kỳ. Ngày hôm sau, vua Thổ Nhĩ Kỳ đã ra bản cáo thị tuyên bố rằng chiến sự sẽ không ngừng lại nên dư luận lắng đi ít nhiều.

Những hoạt động ngoại giao lộn xộn, rụt rè và khó hiểu ấy của phương Tây trong suốt 9 tháng âm u vừa qua hầu như khiến cho công chúng không nhận ra được nữa và gây ra sự nghi ngờ đối với sự thành thực của Chính phủ Anh. Vì không hiểu được nguyên do của sự dây dưa ấy về phía các cường quốc phương Tây, nên công chúng đã bắt đầu bàn tán về những thế lực bí mật, và người ta ra sức phao đi một tin đồn là hoàng thân An-be, chồng của nữ hoàng, đã can dự vào triều chính, ông ta không những cùng bà vợ nắm quyền tối cao của mình tham gia các hội nghị của Hội đồng cơ mật, mà còn lợi dụng ảnh hưởng của mình để kiểm soát hành động của các ủy viên có trọng trách trong Hội đồng đó, lợi dụng khả năng được tham gia các cuộc thương nghị của nữ hoàng với các bộ trưởng của bà ta, ông ta đồng thời duy trì sự quan hệ thường xuyên và trực tiếp với tất cả các triều đình nước ngoài - trong đó kể cả triều đình Nga nữa - trừ Pháp. Theo những tin đồn khác thì sự "hợp nhất" của dòng họ Óóc-lê-ăng với nhánh cả của dòng họ Buốc-bông, một ương triều cũ ở Pháp, đã được sự ủng hộ của triều đình Anh gần giống như của triều đình Nga; để chứng minh cho điều này, người ta đã dẫn chứng cuộc viếng thăm cung đình nữ hoàng Vích-tô-ri-a của công tước Nê-muốc-xơ ngay sau cuộc thương nghị với "Hăng-ri V"^{2*}.

1* - Áp-đun-Mét-gít

2* - bá tước Săm-bo.

Tin đồn thứ tư là, được sự đồng ý của Nga, các cuộc đàm phán về vấn đề phương Đông được hoàn toàn ủy thác cho bá tước Bu-ôn-Sao-en-stai-nơ, em trai của vợ bá tước Mây-en-đoóc-phơ, - tin đồn này được đưa ra để chứng minh rằng Chính phủ Anh không bao giờ mong muốn đàm phán một cách độc lập và có hiệu quả và vờ chống lại các âm mưu của Nga và đồng minh theo Nga, ngay từ đầu đã ra sức thực hiện âm mưu ấy. Người ta khẳng định rằng ngài Rô-bác có ý định nêu lên một cách rộng rãi vấn đề về ảnh hưởng của Cô-buốc-gơ trước hạ nghị viện, còn huân tước Brum thì cũng có ý định như vậy trước thượng nghị viện. Không còn nghi ngờ gì nữa, hiện nay vấn đề về ảnh hưởng của dòng họ Cô-buốc-gơ hầu như là chủ đề bàn bạc duy nhất ở thủ đô. Nghị viện sẽ họp lại vào ngày 31 tháng Giêng.

Từ năm 1809 đến nay, ở đây chưa bao giờ có một mùa đông khắc nghiệt như năm nay. Nhưng cái đáng sợ nhất không phải là cái rét ác liệt mà là nhiệt độ và thời tiết thay đổi thất thường. Xe lửa chạy hết sức khó khăn; có nơi giao thông đường như hoàn toàn gián đoạn mà phương tiện giao thông của Anh thì đã lạc hậu xa với thời đại. Để giảm bớt những bất tiện do tuyết phủ trở ngại việc chuyển các giấy tờ về thương nghiệp gây ra, để ngăn ngừa việc từ chối thanh toán kỳ phiếu do không báo trước được việc hoàn thanh toán, người ta bắt đầu sử dụng điện báo. Tuy nhiên việc từ chối thanh toán trên 500 kỳ phiếu ở Luân Đôn đã minh họa cho tình trạng hỗn loạn do mùa đông khắc nghiệt gây ra cho xã hội. Báo chí đăng nhan nhản những tin tức về các tai nạn tàu bè kinh khủng do bão tuyết và bão biển gây ra, nhất là ở bờ biển phía đông. Mặc dầu bảng thống kê về thương nghiệp, hàng hải và thu nhập công bố gần đây chứng tỏ rằng sự phồn vinh bắt đầu từ năm 1853 vẫn còn tiếp tục, nhưng mùa đông khắc nghiệt, cũng như sự lên giá của nhu yếu phẩm hàng đầu, nhất là lương thực, than đá và dầu ăn đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến đời sống của các giai cấp bên dưới. Có vô số người chết đói. Phong trào cướp lương thực ở miền tây đất nước hiện đang hòa nhịp với sự giãn thợ ở miền bắc.

Vì không đủ thời gian nên đành để đến bài sau sẽ nói tỉ mỉ về tình hình của công thương nghiệp.

Do C.Mác viết ngày 14 tháng Giêng 1854

Đã đăng trên tờ "Zuid Afrikaan" ngày 6 tháng Ba 1854 xuất bản bằng tiếng Anh và tiếng Hà Lan

In theo bản đăng trên báo

*Nguyên văn là tiếng Anh; bản tiếng Nga dịch từ bản tiếng Anh đã đối chiếu với bản tiếng Hà Lan
In bằng tiếng Nga lần đầu*

C.MÁC

*CHIẾN SỰ Ở PHƯƠNG ĐÔNG. - NỀN TÀI CHÍNH ÁO VÀ PHÁP. - CÔNG CUỘC PHÒNG THỦ CÔNG-XTĂNG-TI-NÔ-PLO

Luân Đôn, thứ sáu, ngày 20 tháng Giêng 1854

Chuyến bưu kiện vừa rồi đã đem đến cho chúng tôi một số tin tức bổ sung về chiến sự xảy ra gần đây ở châu Á. Xem ra thì quân Thổ Nhĩ Kỳ đã phải hoàn toàn rút khỏi lãnh thổ Ác-mê-ni-a thuộc Nga rồi. Nhưng chưa có tin tức xác thực về kết cục của các cuộc chiến đấu buộc họ phải rút lui. Quân Thổ Nhĩ Kỳ đã đi theo con đường chạy thẳng từ Ác-đa-gan đến A-khan-xích; đồng thời một quân đoàn của nó hành quân theo con đường ở phía nam chạy từ Các-xơ qua A-lếch-xăng-đrô-pôn (theo tên gọi Gru-di-a là Gum-ri) đến Ti-phlít. Có lẽ, hai quân đoàn ấy đều đụng phải quân Nga. Theo tin tức của quân Nga cho biết, thì quân Thổ Nhĩ Kỳ đã bị đánh tan trên hai ngã đường ấy và mất chừng 40 khẩu pháo; chúng tôi chưa nhận được tin tức chính thức của Thổ Nhĩ Kỳ, nhưng trong một số thư riêng thì nói rằng cuộc rút lui đó là do cần phải chuyển về các doanh trại mùa đông.

Chỉ có điều chắc chắn là quân Thổ Nhĩ Kỳ đã rút khỏi lãnh thổ Nga, trừ đồn quân thánh Ni-cô-lai, quân Nga đã truy kích họ, tiền quân của Nga thậm chí đã dám tiến đến cách Các-xơ một dặm, nhưng bị đánh bật trở lại. Ngoài ra chúng tôi được biết rằng đạo quân A-na-tô-li của Thổ Nhĩ Kỳ được điều từ các tỉnh châu Á về là trụ cột của chế độ dã man Hồi giáo cổ, và trong hàng ngũ của nó có một số lượng lớn binh sĩ không chính quy, không đáng tin cậy, tuy rằng, nói chung là dũng cảm, họ là những kẻ mạo hiểm và trộm cướp, đạo quân A-na-tô-li này không có điểm nào giống với đạo quân Ru-mê-li nghiêm chỉnh, có kỷ luật và được huấn luyện nghiêm ngặt, ở đơn vị này người chỉ huy hàng ngày biết rõ dưới quyền mình có bao nhiêu binh sĩ và các binh sĩ đó như thế nào, ở đây có điều lệnh quân sự và tòa án quân sự mặt trận để ngăn ngừa cái

máu liều lĩnh và thói cướp bóc của cá nhân. Chúng tôi được biết rằng quân Nga thời kỳ đầu của chiến dịch ở châu Á rất cần bộ đội đã nhận được sự tăng viện là 16.000 người dưới quyền chỉ huy của trung tướng Ô-bru-sép đề nghị và một đơn vị quân Cô-dắc sông Đông; chúng tôi biết rằng người Nga đã khống chế được dân cư miền núi và giữ được tuyến giao thông của mình qua dãy núi Cáp-ca-dơ đến Vla-đi-cáp-ca-dơ, cũng như trên biển đến Ô-dét-xa và Xê-va-xtô-pôn.

Trong mọi tình huống như vậy, cũng như xét đến chỗ viên tư lệnh quân Thổ Nhĩ Kỳ là Áp-đi-pa-sa nếu không phải là một tên phản bội thì cũng là một thằng ngốc (về sau hắn bị triệu hồi và bị bắt tại Các-xơ; A-khmet-pa-sa được cử đến thay hắn), thì nói chung chẳng có gì đáng ngạc nhiên trước việc quân Thổ Nhĩ Kỳ thua trận cả, song cũng không còn nghi ngờ rằng các thông cáo của quân Nga thường vẫn là phóng đại. Chúng tôi đọc thấy trên tờ "Augsburger Zeitung"²⁹ rằng

"cuối tháng Mười một, Sa-min mưu toan tuyệt vọng đột phá vòng vây ở phía nam để liên hệ trực tiếp với quân Thổ Nhĩ Kỳ. Quân số của đơn vị ông ta là 10-16 ngàn người. Người ta nhận định rằng cái tinh hoa của quân đội ông ta là bọn cuồng tín Hồi giáo đã bị đánh tan".

Nhưng tin tức này cần chờ xác minh đã.

Cái điều bí mật bao trùm lên trận đánh Xi-nô-pơ cuối cùng đã bị phơi ra ánh sáng. Ở đây, quân Thổ Nhĩ Kỳ đã bắn chìm một trong những chiếc tàu chiến ba boong tốt nhất của hạm đội Nga, đó là chiếc "Rô-xti-xláp" trang bị 120 khẩu pháo. Sự tổn thất này cho tới nay vẫn bị che đậy dưới cái lý do có vẻ chính đáng là tàu "Rô-xti-xláp" bị chìm không phải trong chiến đấu mà là tự nhiên bị đắm sau chiến đấu, và hiện nay đã được người Nga công khai thừa nhận, tổn thất này đã được bù trừ đáng kể so với tổn thất của hạm đội Thổ Nhĩ Kỳ. Nếu như quả thực tàu chiến ba boong ấy bị đánh đắm, thì có thể suy đoán rằng các tàu khác của Nga cũng bị hư hại rất nặng trong chiến đấu và xét cho cùng thì thắng lợi ở Xi-nô-pơ đã làm yếu hạm đội Nga hơn là hạm đội Thổ Nhĩ Kỳ. Nhìn chung, thì trên biển người Thổ Nhĩ Kỳ, có lẽ, đã chiến đấu như người Thổ Nhĩ Kỳ thực thụ^{1*}. Tàu tuần dương hạm vừa chạy bằng hơi nước của Ai Cập là "Péc-va Bắc-ri" sau 5 giờ chiến đấu bị loại khỏi vòng chiến đấu và bị tàu tuần dương chạy bằng hơi nước lớn hơn nhiều của Nga là

1* Chối chữ: "like Turko" có nghĩa là "giống người Thổ Nhĩ Kỳ", mà cũng còn có nghĩa là "kịch liệt".

"Vla-di-mia" bắt, đã bị đạn bắn lỗ chỗ đến mức khó khăn lắm mới về tới được Xê-va-xtô-pôn, đến đây thì nó chìm ngay tức khắc. Như vậy là hiện nay chiến lợi phẩm của Nga là con số không. Và sự thực là: việc Nga không đưa được một chiếc tàu bị bắt nào rời khỏi Xi-nô-pơ chứng tỏ rằng người Thổ Nhĩ Kỳ đã chống cự ngoan cường, và hạm đội Nga đã bị thiệt hại nặng trong chiến đấu.

Theo một trong các nguồn tin, thì hạm đội liên quân Anh - Pháp cùng thủy đội thứ nhất của hạm đội Thổ Nhĩ Kỳ đang chuyển 17.000 quân Thổ Nhĩ Kỳ đến Ba-tum. Nếu tin ấy đích thực, thì chúng ta đang đứng trước một hành động quân sự ngang như một cuộc tấn công trực tiếp vào Xê-va-xtô-pôn, và Nga hoàng chỉ còn một cách là tuyên chiến ngay lập tức. Ngay trước khi hạm đội liên quân tiến vào Hắc Hải, thì hình như Nga hoàng đã ra lệnh cho tất cả tàu chiến Nga ở biển này quay về Xê-va-xtô-pôn. Bức thư từ Ô-dét-xa gửi ngày 24 tháng Chạp cho biết rằng

"viên tư lệnh hạm đội Nga ở biển A-dốp đã cử một sĩ quan tùy tùng của ông ta đến Xê-va-xtô-pôn báo cáo rằng ông ta đang lâm vào tình cảnh nguy ngập như thế nào. Hai quân đoàn cỡ 12.000 người đã chuẩn bị sẵn sàng đi Xê-va-xtô-pôn, thì tin tức về hạm đội liên quân sắp xuất hiện ở Hắc Hải đã làm cho chiến dịch quân sự ấy đột nhiên ngừng lại".

Theo những bức điện nhận được gần đây thì quân Nga định mở một cuộc tổng công kích vào các vị trí của quân Thổ Nhĩ Kỳ ở Ca-la-phát vào ngày 13 tháng Giêng là ngày tết năm mới của người Nga. Họ đã điều động được chừng 10.000 quân tiến vào, cố thủ trong các chiến hào ở Sê-ta-te (một thôn cách Ca-la-phát 9 dặm Anh về phía Bắc), nhưng họ không tập trung được toàn bộ lực lượng hiện có, vì một viên tướng Thổ Nhĩ Kỳ đã đi trước họ. Với sự hỗ trợ của 15.000 - 18.000 quân, viên tướng này đã tấn công vào các chiến hào của đối phương, đã giành được thắng lợi sau một loạt đợt đánh giáp lá cà hết sức đẫm máu vào những ngày 6, 7, 8, 9 và 10 tháng Giêng và, rút cục, đã buộc quân Nga lui về hướng Crai-ô-va. Chính người Nga đã thừa nhận rằng họ bị chết 1000 người và bị thương 4000 người. Theo tin điện, thì tướng An-rép "tư lệnh quân Nga cũng như tướng Tui-nan đều bị thương nặng". Tin tức cũng cho biết rằng ngày 10 tháng Giêng, quân Thổ Nhĩ Kỳ dưới quyền chỉ huy của Xê-lim-pa-sa (Dét-lin-xki, người Ba Lan) lại rút về Ca-la-phát. Cho tới nay, những tin điện ấy là nguồn tin duy nhất về những sự kiện hết

sức quan trọng đó. Cái tin tức cuối cùng còn nói rằng, một đảng thì quân Nga *rút* lui về Crai-ô-va, còn một đảng thì quân Thổ Nhĩ Kỳ rút lui về Ca-la-phát, đều khiến chúng tôi ngờ rằng cả hai bên địch thủ lại mắc những sai lầm lớn về chiến lược. Có tin rằng Ô-me-rô-pa-sa đã buộc cả một quân đoàn vượt sông Đa-nuýp ở khoảng giữa hai sông A-luy-ta và Sin, tạo thành sự uy hiếp đối với tuyến giao thông của một quân đoàn Nga ở Crai-ô-va. Nhưng quân Thổ Nhĩ Kỳ làm thế nào mà vượt được sông Đa-nuýp đầy rẫy những tảng băng trôi ở bất cứ mọi nơi, trừ Ca-la-phát là địa điểm duy nhất mà họ đã có sự chuẩn bị cần thiết để vượt sông?

Thất bại mà quân Nga vấp phải ở Ca-la-phát, có lẽ, mang ý nghĩa lớn về mặt chính trị hơn là về mặt quân sự. Thất bại này cùng với việc hạm đội liên quân tiến vào Hắc Hải loại trừ được khả năng cuối cùng về sự nhượng bộ của Nga hoàng đối với lời thỉnh cầu trân trọng về hòa bình mà sứ giả của hội nghị Viên cử tới Xanh Pê-téc-bua trình bày với Nga hoàng. Mặt khác, ảnh hưởng của sự thất bại này làm tăng cường tức khắc phe dân tộc ở Xéc-bi láng giềng và gây ra sự hoảng sợ của những kẻ ủng hộ Nga, là bọn gần đây đã hành động một cách hết sức vô liêm sỉ ở Ben-grát. Sự thật thì công tước A-lếch-xăng-đrô và quần chúng nhân dân Xéc-bi không tin rằng cần phải cắt đứt mọi quan hệ của nước họ với vua Thổ Nhĩ Kỳ, mặc dầu rất nhiều gián điệp Nga được bố trí khắp Xéc-bi và giở mọi mưu mô trên tất cả các mặt: chúng thăm dò các nơi và tìm kiếm những người trước đây đã có tên tuổi vì trung thành với vương triều Ô-bren-nô-vích đã bị lật đổ; chúng nói chuyện với một số người về công tước Mi-kha-in trẻ tuổi, với một số người khác về người cha già của công tước là Mi-lô-sô. Khi thì chúng ngấm gơi cho họ hy vọng mở rộng biên giới của Xéc-bi dưới sự bảo hộ của Nga, thành lập một vương quốc I-li-ri-a mới hợp nhất tất cả những người nói tiếng Xéc-bi hiện nay đang ở dưới chính quyền của Thổ Nhĩ Kỳ và Áo, khi thì chúng đe dọa họ rằng, nếu chống lại thì các đạo quân ô ạt của Nga sẽ xâm nhập và hoàn toàn chinh phục Xéc-bi. Các ngài biết rằng, công tước Mi-lô-sô hiện ở Viên đã từ lâu trở thành kẻ được Mét-téc-ních che chở, còn con trai y là Mi-kha-in thì chẳng qua là một tên thuộc hạ của nước Nga năm 1842 đã vút bỏ ngai vàng trốn khỏi Xéc-bi. Ngoài ra, thất bại của Nga ở Ca-la-phát còn giải thoát cho Áo khỏi cái mối lo rằng quân đội Nga sẽ

xuất hiện ở Ben-grát, và sẽ thức tỉnh trong những thần dân Áo có cùng gốc và cùng tôn giáo với Nga cái ý thức về sức mạnh của mình và về sự nhục nhã mà họ phải chịu đựng dưới quyền thống trị của người Đức.

Về Áo thì en passant^{1*} tôi có thể nói rằng, kết cục, nó đã tiêu tan hy vọng vay được những khoản tiền mới mà nó trông đợi từ lâu. Về tình hình ngân khố của Áo thì ta có thể thấy được qua biện pháp mà Chính phủ Áo thi hành gần đây là việc đánh sụt thị giá của tiền giấy 15%; thủ đoạn tài chính này chỉ có thể đem sánh với những mưu mô bịp bợm của rois faux monoyeurs^{2*} tháo vát của nước Pháp mà thôi, các ngài này đã nâng thị giá của tiền khi cần chi ra, và hạ thị giá của tiền khi cần thu vào. Theo báo chí Đức thì ngân sách của Áo năm 1884 sẽ hụt đi 45 000 000 phlo-rin về các khoản chi thường xuyên và 50 000 000 phlo-rin về các khoản chi bất thường. Mỗi khi ở Viên nhận được tin tức được mùi thuốc súng thì người ta chen nhau vào các ngân hàng để đổi tiền giấy lấy tiền bạc.

Như mọi người đều biết, Pháp từ lâu cũng đã chuẩn bị phát hành 200 000 000 phrăng (8 000 000 pao xtéc-linh) công trái. Nhưng nạn thiếu lương thực, nho mất mùa và tư sống giảm sản lượng, công thương nghiệp đình đốn phổ biến, những lo ngại nghiêm trọng về các khoản thanh toán cuối tháng Hai, chiều hướng sụt thị giá của chứng khoán quốc gia và của cổ phiếu đường sắt, - tất cả tình hình đó không hề tạo điều kiện dễ dàng cho việc phát hành công trái. Bô-na-pác-tơ không tìm được ở sở giao dịch những chủ mua công trái mới. Chỉ còn một biện pháp mà người ta chỉ thi hành vào đêm trước coup d'état^{3*} - đó là cử Péc-xi-nhi đến Ngân hàng nước Pháp để rút ra 50 000 000 phrăng (10 000 000 đô-la), và để lại một số tiền tương đương bằng trái khoán ngân khố quốc gia làm "bảo đảm". Việc đó quả thực đã được tiến hành vào ngày đầu năm mới. Kết quả của coup d'état tài chính ấy là thị giá chứng khoán sụt xuống mức 69%. Theo tin chính thức hiện nay thì chính phủ vay được của Ngân hàng nước Pháp 2 000 000 hoặc 3 000 000 phrăng bảo đảm bằng trái khoán ngân khố quốc gia. Những người không biết sự việc đã

1* - tiền đây

2* - các vị vua in tiền giả

3* - cuộc đảo chính

diễn ra trong phòng khách của Ngân hàng vào ngày đầu năm mới thì đương nhiên không thể hiểu được làm thế nào mà lại được Ngân hàng ấy đồng ý cho vay khoản tiền mà sở giao dịch từ chối.

Những tin tức về Ba Tư vẫn mâu thuẫn nhau như trước đây. Theo một số tin tức thì quân đội Ba Tư đang tiến về Éc-dê-rum và Bát-da, nhưng theo một số tin tức khác thì âm mưu của Nga đã thất bại vì rằng vị đại biện lâm thời của Anh là ngài Tôm-xơn dọa sẽ rời khỏi Tê-hê-ran, vì sợ rằng lòng căm thù của nhân dân Ba Tư đối với nước Nga sẽ dẫn tới ngay một cuộc bùng nổ, và cũng vì rằng đoàn đại biểu ngoại giao của Áp-ga-ni-xtan đến đã đe dọa rằng nếu Ba Tư liên minh với Nga thì người Áp-ga-ni-xtan sẽ đánh chiếm lãnh thổ Ba Tư.

Căn cứ vào các thư riêng gửi từ Công-xtăng-ti-nô-plơ đăng trên tờ "Patrie", thì Đì-van quyết định phòng thủ Công-xtăng-ti-nô-plơ về phía đất liền. Nghe nói, một ủy ban hỗn hợp gồm những sĩ quan của các nước châu Âu và Thổ Nhĩ Kỳ đã bước đầu sơ bộ quan sát địa hình. Công cuộc phòng thủ Công-xtăng-ti-nô-plơ sẽ hoàn toàn làm thay đổi tính chất của các chiến dịch trong cuộc chiến tranh Nga - Thổ Nhĩ Kỳ và sẽ là một đòn nặng nề nhất vào lúc nào đó sẽ giáng vào những ước mơ lâu đời của kẻ mạo xưng là người kế thừa các hoàng đế Bi-dăng-xơ.

Báo chí Đức phủ nhận tin đồn là Áo đã tập trung ở Ba-nát một quân đoàn sẽ do tướng Slích-cơ, bá tước, chỉ huy.

Theo tin tức của tờ "Correspondenz" ở Béc-lin thì các cấp chính quyền đều đã nhận được chỉ thị chung về việc chuẩn bị động viên quân hậu bị³⁰.

Xanh Pê-téc-bua đã gửi kiến nghị cho nội các Cô-pen-ha-ghe yêu cầu nhường cho Nga các đảo ở Boóc-nơ-khôn-mơ.

"Boóc-nơ-khôn-mơ" - tờ "Daily News" nhận xét đúng, - "có thể trở thành Man-tơ hoặc Gi-bran-ta của biển Ban-tích. Nó chỉ cách eo biển Dun-tơ và Cô-pen-ha-ghe có một ngày đường biển và ở ngay cửa ra vào biển Ban-tích".

Thông tri của huân tước Rét-clíp-phơ gửi tổng đốc Xê-va-xtô-pôn nêu lên sự xuất hiện của hạm đội liên quân Hắc Hải có vạch rõ mục đích duy nhất của việc điều động này là "bảo vệ lãnh thổ Ôt-tô-man khỏi mọi cuộc tấn công hoặc hành động thù địch", nhưng hoàn toàn không đề cập đến việc bảo vệ hạm đội Ôt-tô-man.

Vì tất cả các tin tức nhận được từ Pa-ri, Viên, Béc-lin, Công-xtăng-ti-nô-plơ và Xanh Pê-téc-bua đều nêu ra khả năng nổ ra chiến tranh, cho nên trên tất cả các thị trường hai bên biển La-Măng-sơ, hàng hóa đều xuống giá một cách phổ biến.

*Do C. Mác viết ngày 20 tháng Giêng 1854
Đã đăng trên tờ "New-York Daily Tribune"
số 3997, ngày 8 tháng Hai 1854
Ký tên: Các Mác*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Anh*

PH.ĂNG-GHEN

TRẬN CHIẾN ĐẤU GẦN ĐÂY TRÊN CHIẾN TRƯỜNG CHÂU ÂU

Những bài viết của phóng viên chúng tôi ở Luân Đôn và những tin tức trên báo chí châu Âu, rút cục, đã cho phép chúng tôi có một khái niệm hoàn chỉnh về một trận chiến đấu kéo dài giữa quân Thổ Nhĩ Kỳ và quân Nga diễn ra ở Sê-ta-te, một thôn nhỏ cách Ca-la-phát 9 dặm về phía bắc. Trong một loạt trận đánh đẫm máu mà chúng ta bàn đến, quân Thổ Nhĩ Kỳ đã biểu hiện tinh thần dũng cảm cao độ và đã giành được thắng lợi, song có điều hết sức đáng chú ý là những trận đánh ấy không đem lại kết quả thực tế nào, vì rằng vấn đề là đẩy quân Nga ra khỏi Va-la-ki. Nguyên nhân của nó là sai lầm của quân Thổ Nhĩ Kỳ mà chúng tôi đã nhiều lần lưu ý bạn đọc. Chúng tôi muốn nói đến việc quân Thổ Nhĩ Kỳ điều một đơn vị độc lập đến Ca-la-phát để cắt đứt con đường đi tới Xéc-bi, trong khi đó sự bảo đảm tốt nhất chống lại sự xâm nhập của quân Nga vào khu vực này là duy trì một đội quân mạnh và tập trung ở gần Ru-súc và Hiéc-xô-va. Đạo quân này sẽ uy hiếp tuyến giao thông của bất cứ đạo quân Nga nào tiến về phía tây, còn như các cầu và cứ điểm đầu cầu (giống như điểm phòng thủ ở Ca-la-phát) ở Ôn-tê-nít-sa hoặc vùng lân cận sẽ trở thành cứ điểm của quân Thổ Nhĩ Kỳ trên tả ngạn sông Đa-nuýp. Nhưng dù không có điều kiện đó đi nữa, thì quân Nga cũng không thể vượt thượng lưu sông Đa-nuýp tiến vào Xéc-bi mà không tạo khả năng cho Thổ Nhĩ Kỳ vượt hạ lưu sông Đa-nuýp mà tiến về Bu-ca-rét. Đương nhiên, khi khẳng định điều đó, chúng tôi đều xuất phát từ sự so sánh lực lượng thực tế của hai bên và cho rằng đạo quân Ru-mê-li của Thổ Nhĩ Kỳ vượt xa đạo quân Va-la-ki của Nga về mặt quân số.

Cần vạch rõ rằng quân Thổ Nhĩ Kỳ đã làm hết khả năng để biến ưu thế của mình thành con số không và chuẩn bị điều kiện cho sự thất bại cuối cùng. Đáng lẽ phải tập trung lực lượng của mình ở hạ lưu sông Đa-nuýp, thì họ lại đem phân tán đi. Trong khi 30 000 - 35 000 quân

Vì tất cả các tin tức nhận được từ Pa-ri, Viên, Béc-lin, Công-xtăng-ti-nô-plơ và Xanh Pê-téc-bua đều nêu ra khả năng nổ ra chiến tranh, cho nên trên tất cả các thị trường hai bên biển La-Măng-sơ, hàng hóa đều xuống giá một cách phổ biến.

*Do C. Mác viết ngày 20 tháng Giêng 1854
Đã đăng trên tờ "New-York Daily Tribune"
số 3997, ngày 8 tháng Hai 1854
Ký tên: Các Mác*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Anh*

PH.ĂNG-GHEN

TRẬN CHIẾN ĐẤU GẮN ĐÂY TRÊN CHIẾN TRƯỜNG CHÂU ÂU

Những bài viết của phóng viên chúng tôi ở Luân Đôn và những tin tức trên báo chí châu Âu, rút cục, đã cho phép chúng tôi có một khái niệm hoàn chỉnh về một trận chiến đấu kéo dài giữa quân Thổ Nhĩ Kỳ và quân Nga diễn ra ở Sê-ta-te, một thôn nhỏ cách Ca-la-phát 9 dặm về phía bắc. Trong một loạt trận đánh đẫm máu mà chúng ta bàn đến, quân Thổ Nhĩ Kỳ đã biểu hiện tinh thần dũng cảm cao độ và đã giành được thắng lợi, song có điều hết sức đáng chú ý là những trận đánh ấy không đem lại kết quả thực tế nào, vì rằng vấn đề là đẩy quân Nga ra khỏi Va-la-ki. Nguyên nhân của nó là sai lầm của quân Thổ Nhĩ Kỳ mà chúng tôi đã nhiều lần lưu ý bạn đọc. Chúng tôi muốn nói đến việc quân Thổ Nhĩ Kỳ điều một đơn vị độc lập đến Ca-la-phát để cắt đứt con đường đi tới Xéc-bi, trong khi đó sự bảo đảm tốt nhất chống lại sự xâm nhập của quân Nga vào khu vực này là duy trì một đội quân mạnh và tập trung ở gần Ru-súc và Hiéc-xô-va. Đạo quân này sẽ uy hiếp tuyến giao thông của bất cứ đạo quân Nga nào tiến về phía tây, còn như các cầu và cứ điểm đầu cầu (giống như điểm phòng thủ ở Ca-la-phát) ở Ôn-tê-nít-sa hoặc vùng lân cận sẽ trở thành cứ điểm của quân Thổ Nhĩ Kỳ trên tả ngạn sông Đa-nuýp. Nhưng dù không có điều kiện đó đi nữa, thì quân Nga cũng không thể vượt thượng lưu sông Đa-nuýp tiến vào Xéc-bi mà không tạo khả năng cho Thổ Nhĩ Kỳ vượt hạ lưu sông Đa-nuýp mà tiến về Bu-ca-rét. Đương nhiên, khi khẳng định điều đó, chúng tôi đều xuất phát từ sự so sánh lực lượng thực tế của hai bên và cho rằng đạo quân Ru-mê-li của Thổ Nhĩ Kỳ vượt xa đạo quân Va-la-ki của Nga về mặt quân số.

Cần vạch rõ rằng quân Thổ Nhĩ Kỳ đã làm hết khả năng để biến ưu thế của mình thành con số không và chuẩn bị điều kiện cho sự thất bại cuối cùng. Đáng lẽ phải tập trung lực lượng của mình ở hạ lưu sông Đa-nuýp, thì họ lại đem phân tán đi. Trong khi 30 000 - 35 000 quân

chiếm giữ Vi-din và Ca-la-phát, thì bộ phận còn lại lại đóng ở hạ lưu và trung lưu sông Đa-nuýp. Họ bố trí thành hình cánh cung, còn quân Nga lại bố trí theo dây cung đó. Vì vậy quân Nga khi cần tập trung bộ đội của mình vào địa điểm cần thiết thì phải qua một cự ly ngắn hơn. Hơn nữa, con đường ngắn hơn của quân Nga chạy qua địa hình bằng phẳng, còn con đường dài hơn của quân Thổ Nhĩ Kỳ lại chạy qua núi non và nhiều khe suối. Vì vậy, trận địa của quân Thổ Nhĩ Kỳ ở vào tình trạng hết sức bất lợi, tuy nhiên họ vẫn chiếm lĩnh để phù hợp với một thiên kiến cũ kỹ cho rằng muốn ngăn cản bước tiến của địch một cách có hiệu quả nhất thì phải cắt ngang đường đi của địch.

Ngày 20 tháng Chạp, Ô-me-rơ-pa-sa ở Sum-la được tin quân Nga chuẩn bị mở cuộc tổng công kích vào Ca-la-phát ngày 13 tháng Giêng. Bấy giờ ông ta còn một thời gian là 22 ngày; nhưng căn cứ vào vị trí của Ca-la-phát so với các địa điểm bố trí khác của quân Thổ Nhĩ Kỳ thì xem ra Ô-me-rơ-pa-sa không thể tăng viện cho Ca-la-phát ngoài việc điều từ Xô-phi-a về đấy một số quân dự bị ít ỏi. Mặt khác, quân Nga chưa nhận được từ nước Nga một sự bổ sung binh lực tương đối quan trọng nào - ngày 3 tháng Giêng, quân đoàn Ô-xten-Xa-ken xuất đầu lộ diện khắp nơi còn chưa đến Bu-ca-rét - đã dám tập trung lực lượng ở xa về phía tây, tình hình này chứng tỏ rằng hoặc là tình hình thời tiết và nước sông Đa-nuýp lên cao không cho phép quân Thổ Nhĩ Kỳ vượt sông này ở phía hạ lưu, hoặc Goóc-tra-cốp có những căn cứ khác dự tính rằng quân Thổ Nhĩ Kỳ chưa hoạt động gì ở khu vực này. Quân Thổ Nhĩ Kỳ ở Ca-la-phát được lệnh tấn công quân Nga khi nó chưa tập trung được binh lực. Để làm việc này thì tốt hơn hết là lặp lại thể nghiệm đã thực hiện ở Ôn-tê-nít-sa³¹. Tại sao không làm như vậy? Mặc dù là mùa đông và có băng trôi, cầu ở Ca-la-phát vẫn đứng vững, mà ở phía hạ lưu không có nơi nào có thể xây dựng được một chiếc cầu với công sự đầu cầu như thế. Phải chăng Ô-me-rơ-pa-sa đã nhận được lệnh đóng ở lại hữu ngạn sông Đa-nuýp? Hành động của quân Thổ Nhĩ Kỳ mâu thuẫn như thế, những biện pháp mạnh dạn, cơ trí thường xuyên xen kẽ với những sơ suất và sai lầm không thể tha thứ được như thế chứng tỏ rằng không nghi ngờ gì là đằng sau tất cả những cái ấy đang ẩn náu những âm mưu ngoại giao. Dù sao thì Goóc-tra-cốp cũng sẽ không tiến một bước nào đến Ca-la-phát nếu như ông đã không tin chắc rằng quân Thổ Nhĩ Kỳ sẽ không lặp lại cách đánh ở Ôn-tê-nít-sa.

Rõ ràng là binh lực mà quân Nga tung vào Ca-la-phát cả thảy là khoảng 30 000 người, vì với một lực lượng ít hơn vị tất họ đã quyết định tấn công một trận địa có công sự do 10 000 quân đồn trú đóng giữ và còn ít nhất là 10 000 người làm lực lượng dự bị hoặc lực lượng xuất kích. Vì vậy, ở địa điểm này quân Nga đã tập trung được ít nhất là một nửa số lực lượng tác chiến ở Va-la-ki. Còn một nửa kia phân tán trên một tuyến rất dài có thể ngăn chặn quân Thổ Nhĩ Kỳ vượt sông ở gần Ôn-tê-nít-sa, Xi-li-xtơ-ri hoặc Hiéc-xô-va, tại địa điểm nào và như thế nào? Nếu như giữ được liên lạc dễ dàng giữa Vi-din và Ca-la-phát thì có thể vượt sông ở những chỗ khác. Như vậy quân Nga dựa vào vị trí của mình trên dây cung của cánh cung mà quân Thổ Nhĩ Kỳ bố trí, có thể tập trung ưu thế binh lực ở chiến trường Sê-ta-te trong khi đó tuy quân Thổ Nhĩ Kỳ biết trước từ lâu quân địch chuẩn bị tấn công, cũng không thể tăng cường cho quân đoàn ở Ca-la-phát. Quân Thổ Nhĩ Kỳ vừa không thể tiến hành hoạt động nghi binh để ngăn ngừa toàn bộ trận đánh, vừa không hy vọng gì vào viện trợ, chỉ còn dựa vào sự dũng cảm của mình với niềm hy vọng đánh tan từng bộ phận quân địch khi nó chưa kịp tập trung binh lực. Nhưng ngay niềm hy vọng ấy cũng không đáng trông cậy, vì rằng quân Thổ Nhĩ Kỳ không thể đi xa khỏi Ca-la-phát, còn bất cứ quân đoàn nào của địch có binh lực ít hơn đều có thể tránh khu vực hoạt động của quân Thổ Nhĩ Kỳ. Thế là, sau 5 ngày chiến đấu mà phần nhiều là thắng lợi, quân Thổ Nhĩ Kỳ vẫn buộc phải rút về công sự của mình ở các làng xung quanh Ca-la-phát, vì quân Nga cuối thời gian đó đã nhận được viện binh mới tạo cho họ có ưu thế có tính chất quyết định. Kết quả là cuộc tấn công của quân Nga vào Ca-la-phát rất có thể bị ngăn chặn hoặc hoãn lại, còn quân Thổ Nhĩ Kỳ đã tỏ ra có thể chiến đấu giỏi không những sau tường lũy và chiến hào mà cả trên địa hình trống trải nữa. Về tính chất quyết liệt của trận đánh thì có thể thấy được qua một bức thư từ Bu-ca-rét gửi về nói rằng trong chiến đấu, một trung đoàn bộ binh Nga bị tiêu diệt gọn, còn một trung đoàn kỵ binh nhẹ chỉ sống sót có 465 người.

Quân Nga tấn công trận địa phòng thủ của quân Thổ Nhĩ Kỳ ở Ôn-tê-nít-sa; còn quân Thổ Nhĩ Kỳ lại tấn công trận địa phòng thủ của quân Nga ở Sê-ta-te. Trong hai trường hợp quân Thổ Nhĩ Kỳ đều thắng, nhưng không thu được thành quả thắng lợi của mình. Trận đánh ở

Ôn-tê-nít-sa diễn ra đúng vào lúc mà tin tức đình chiến lan truyền từ Công-xtăng-ti-nô-pơ về Đa-nuýp. Còn trận đánh ở Sê-ta-te lại trùng hợp lạ lùng với tin tức về việc Đì-van đã tiếp nhận những đề nghị giảng hòa gần đây mà các nước đồng minh phương Tây³² đem ép buộc cho Thổ Nhĩ Kỳ. Trong trường hợp thứ nhất, những mưu mô ngoại giao đã bị cuộc xung đột vũ trang xoá sạch, trong trường hợp thứ hai, cuộc chiến tranh đẫm máu đã trở thành không kết quả vì một số hoạt động ngoại giao bí mật nào đó.

*Do Ph.Ăng-ghen viết ngày 19 tháng Giêng 1854
Đã đăng làm xã luận trên tờ "New-York Daily
Tribune" số 3997, ngày 8 tháng Hai 1854*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Anh
In bằng tiếng Nga lần đầu*

C.MÁC

***QUAN ĐIỂM CỦA NGA HOÀNG. - HOÀNG THÂN AN-BE**

Luân Đôn, thứ ba, ngày 24 tháng Giêng 1854

Ý định của quân Nga đồng thời vượt sông Đa-nuýp trên tất cả các hướng tác chiến - ở Mét-sin, Giuyéc-giê-vô và Ca-la-phát - nên được coi là hoạt động trinh sát hơn là một cuộc tấn công quan trọng mà tướng Goóc-tra-cốp vị tất đã quyết định tiến hành với lực lượng ông ta hiện có.

Tờ "Press" - cơ quan ngôn luận của Đì-xra-e-li - số ra ngày thứ bảy đã đăng bài bình luận về cuộc hội đàm tiến hành mới đây ở Gát-si-na giữa Nga hoàng với một nhân vật "kiệt xuất" người Anh nào đó. Hầu hết các báo chí Anh ra hàng ngày đều đăng lại bài bình luận ấy, trong đó ngoài những lời bàn về chính sách ngoại giao của Nga mà ai nấy đều biết và nghe đã chán ngấy rồi cũng có một số luận điểm đáng chú ý.

Nga hoàng "tuyên bố rành rọt rằng bức tối hậu thư của Men-si-cốp không gặp phải sự phản đối ở Luân Đôn và Chính phủ Anh khi được biết rằng Chính phủ Thổ Nhĩ Kỳ có thể sẽ tiếp nhận tối hậu thư thì cho rằng đây là biện pháp thoả đáng nhất để giải quyết vấn đề".

Tất cả điều đó chỉ chứng tỏ rằng Giôn Rót-xen đáng thương đã bị nam tước Brun-nốp *thông báo sai* về những ý định "có thể có" của Chính phủ tối cao Thổ Nhĩ Kỳ, và trách nhiệm về việc Chính phủ Thổ Nhĩ Kỳ từ chối ngay tức khắc tiếp nhận tối hậu thư của Men-si-cốp³³, dù sao thì cũng không thể đổ lên đầu nội các liên hiệp. Tiếp đó Nga hoàng còn báo tin cho vị quân tử "kiệt xuất" ấy rằng

"sau khi mọi người đều biết tin về thắng lợi ở Xi-nô-pơ, thì tướng Ca-xten-ba-giắc (đại sứ Pháp) đã gửi cho ông ta một bức thư đại khái mở đầu như sau: "Hãy cho phép thần, nhân danh một tín đồ Cơ Đốc và một quân nhân, bày tỏ với đức hoàng thượng lời chúc mừng nhân thắng lợi vẻ vang mà hạm đội của hoàng thượng đã thu được".

Ở đây tôi muốn nêu lên rằng Ca-xten-ba-giắc, một người theo phái Chính thống kỳ cựu và họ hàng của La-rô-giắc-cơ-lanh, nhận được

Ôn-tê-nít-sa diễn ra đúng vào lúc mà tin tức đình chiến lan truyền từ Công-xtăng-ti-nô-pơ về Đa-nuýp. Còn trận đánh ở Sê-ta-te lại trùng hợp lạ lùng với tin tức về việc Đì-van đã tiếp nhận những đề nghị giảng hòa gần đây mà các nước đồng minh phương Tây³² đem ép buộc cho Thổ Nhĩ Kỳ. Trong trường hợp thứ nhất, những mưu mô ngoại giao đã bị cuộc xung đột vũ trang xoá sạch, trong trường hợp thứ hai, cuộc chiến tranh đẫm máu đã trở thành không kết quả vì một số hoạt động ngoại giao bí mật nào đó.

*Do Ph.Ăng-ghen viết ngày 19 tháng Giêng 1854
Đã đăng làm xã luận trên tờ "New-York Daily
Tribune" số 3997, ngày 8 tháng Hai 1854*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Anh
In bằng tiếng Nga lần đầu*

C.MÁC

***QUAN ĐIỂM CỦA NGA HOÀNG. - HOÀNG THÂN AN-BE**

Luân Đôn, thứ ba, ngày 24 tháng Giêng 1854

Ý định của quân Nga đồng thời vượt sông Đa-nuýp trên tất cả các hướng tác chiến - ở Mét-sin, Giuyéc-giê-vô và Ca-la-phát - nên được coi là hoạt động trinh sát hơn là một cuộc tấn công quan trọng mà tướng Goóc-tra-cốp vị tất đã quyết định tiến hành với lực lượng ông ta hiện có.

Tờ "Press" - cơ quan ngôn luận của Đì-xra-e-li - số ra ngày thứ bảy đã đăng bài bình luận về cuộc hội đàm tiến hành mới đây ở Gát-si-na giữa Nga hoàng với một nhân vật "kiệt xuất" người Anh nào đó. Hầu hết các báo chí Anh ra hàng ngày đều đăng lại bài bình luận ấy, trong đó ngoài những lời bàn về chính sách ngoại giao của Nga mà ai nấy đều biết và nghe đã chán ngấy rồi cũng có một số luận điểm đáng chú ý.

Nga hoàng "tuyên bố rành rọt rằng bức tối hậu thư của Men-si-cốp không gặp phải sự phản đối ở Luân Đôn và Chính phủ Anh khi được biết rằng Chính phủ Thổ Nhĩ Kỳ có thể sẽ tiếp nhận tối hậu thư thì cho rằng đây là biện pháp thoả đáng nhất để giải quyết vấn đề".

Tất cả điều đó chỉ chứng tỏ rằng Giôn Rốt-xen đáng thương đã bị nam tước Brun-nốp *thông báo sai* về những ý định "có thể có" của Chính phủ tối cao Thổ Nhĩ Kỳ, và trách nhiệm về việc Chính phủ Thổ Nhĩ Kỳ từ chối ngay tức khắc tiếp nhận tối hậu thư của Men-si-cốp³³, dù sao thì cũng không thể đổ lên đầu nội các liên hiệp. Tiếp đó Nga hoàng còn báo tin cho vị quân tử "kiệt xuất" ấy rằng

"sau khi mọi người đều biết tin về thắng lợi ở Xi-nô-pơ, thì tướng Ca-xten-ba-giắc (đại sứ Pháp) đã gửi cho ông ta một bức thư đại khái mở đầu như sau: "Hãy cho phép thần, nhân danh một tín đồ Cơ Đốc và một quân nhân, bày tỏ với đức hoàng thượng lời chúc mừng nhân thắng lợi vẻ vang mà hạm đội của hoàng thượng đã thu được".

Ở đây tôi muốn nêu lên rằng Ca-xten-ba-giắc, một người theo phái Chính thống kỳ cựu và họ hàng của La-rô-giắc-cơ-lanh, nhận được

kiếm tướng không phải nhờ chiến công trên trận địa mà là nhờ vào việc phục vụ ít gian nguy hơn ở sân rồng và cuồng nhiệt sùng bái những nguyên tắc bảo hoàng cao cả. Bô-na-pác-tơ bổ nhiệm ông ta làm sứ thần ở triều đình Xanh Pê-téc-bua để tỏ lòng tôn trọng ý muốn của cá nhân Nga hoàng, tuy biết rất rõ rằng Ca-xten-ba-giắc tất sẽ đồng mưu với Nga hoàng để khôi phục lại vương triều Bốc-bông hơn là quan tâm đến lợi ích của đảng quân vương trên danh nghĩa của mình. Vì vậy, cái vị Ca-xten-ba-giắc ấy là nhân vật thích hợp nhất để "nhân danh một quân nhân và một tín đồ Cơ Đốc giáo" chúc mừng Nga hoàng về cuộc tàn sát không kết quả ở Xi-nô-pơ. Hình như Nga hoàng đã tuyên bố rằng: "Tôi không tin rằng nước Anh với nghị viện *tư sản* của nó có thể tiến hành chiến tranh một cách vẻ vang". Không còn nghi ngờ gì nữa, Nga hoàng biết rõ những Cốp-đen và những Brai-tơ của mình và đánh giá đúng phẩm chất cái lòng dạ hèn hạ và bỉ ổi của giai cấp tư sản châu Âu. Sau hết, Nga hoàng hoàn toàn đúng khi nói rằng một mặt thì Nga hoàng không chuẩn bị cho chiến tranh - vì rằng ông ta hoàn toàn tin tưởng rằng bằng sự đe dọa bình thường ông ta có thể đạt được mọi điều mong muốn-, mặt khác, nếu chiến tranh xảy ra thì đấy là "chiến tranh của những con người tầm thường", nghĩa là những người nhát gan mong muốn tránh chiến tranh lại làm cho chiến tranh không sao tránh khỏi và rút cục bản thân họ lại lao vào chiến tranh một cách liều mạng để che đậy cho những sai lầm của mình và duy trì địa vị của mình.

"Dư luận xã hội hầu như có khuynh hướng đưa hoàng thân An-be ra làm vật hy sinh của những lời đồn đại. Những tiếng thì thảo nhẹ nhàng ban đầu lưu truyền có lợi cho một chính đảng nào đó đã biến thành những lời oán trách, còn những câu ám chỉ có nghĩa sâu xa đã phát triển thành những lời bịa đặt hiển nhiên và rùng rợn. Việc mỗi người đến bệ kiến nữ hoàng tất nhiên đều gặp hoàng thân An-be ở chỗ nữ hoàng đã gây ra sự đồng tình và tôn trọng của xã hội Anh; nhưng sau đó mọi người đều biết rõ rằng hoàng thân đều tham dự các cuộc hội nghị của nữ hoàng với các bộ trưởng, hơn nữa, các bộ trưởng còn phải chú ý đến sự tham dự của hoàng thân, mặc dầu họ không muốn có mặt người thứ ba khi thảo luận vấn đề, họ vẫn buộc phải làm, thậm chí họ còn phải bảo vệ ý kiến của mình trước mặt hoàng thân, trên thực tế hoàng thân đã can dự vào các hội nghị của họ với nữ hoàng; hoàng thân không những đã có ảnh hưởng đến ý kiến của nữ hoàng, mà, nhờ khả năng tự do giao thiệp với các triều đình nước ngoài, ông ta còn trở thành đầu mối trao đổi tình báo không bị kiểm tra giữa Hội đồng cơ mật của nữ hoàng với các nội các của các vị quân chủ nước ngoài, có thể, những kẻ thù địch với Anh, - nói tóm lại, hoàng thân An-be đã phản bội nữ hoàng, đã phạm tội phản quốc và, sau hết, do tội phản quốc mà ông ta đã bị bắt và bị giam trong Pháo đài ở Luân Đôn. Đây là câu chuyện mà hai ngày trước đây không những được bàn tán khắp nơi ở nước Anh, mà thậm chí có người còn cho là có thực".

Tôi trích dẫn đoạn ấy trong báo "Spectator"³⁴ để chứng minh với bạn đọc của các ngài rằng báo chí của Pan-móc-xton đã tạo ra dư luận xã hội như thế nào, tìm mọi cách biến con người trẻ tuổi thiển cận đáng thương ấy thành kẻ bị hành hạ của các vị bộ trưởng có trách nhiệm. Hoàng thân An-be là một hoàng thân nước Đức có quan hệ họ hàng với phần lớn các chính phủ độc tài chuyên chế ở châu Âu³⁵. Sau khi được nâng lên địa vị làm chồng nữ hoàng Anh, ông ta đã dùng một phần thời gian để nuôi lợn, một phần thời gian để sáng chế cho quân đội một kiểu mũ đến buồn cười, để quy hoạch nhà nghỉ đêm kiểu mẫu nhưng hết sức bất tiện, để chuẩn bị cuộc triển lãm ở công viên Hai-dơ và chơi trò trận giả. Ông nổi tiếng là một người nhả nhặn và không mất lòng ai, trí tuệ phát triển phần nào dưới mức trung bình, là người cha đồng con và người chồng dễ bảo. Nhưng thời gian gần đây, người ta cố tình biến ông ta thành một người có uy tín nhất, một trong những nhân vật nguy hiểm nhất trong Vương quốc liên hiệp dường như xoay chuyển toàn bộ bộ máy nhà nước theo những chỉ thị bí mật của nước Nga. Đương nhiên, vị tất có thể hoài nghi rằng hoàng thân đã có ảnh hưởng đối với công việc trong triều và hơn nữa, dĩ nhiên, có lợi cho chế độ chuyên chế. Hoàng thân chỉ có thể hành động như một hoàng thân; phải chăng có ai lại ngốc đến mức nghĩ rằng phải làm khác đi? Nhưng tôi không cần nhắc bạn đọc của các ngài rằng tập đoàn cầm quyền Anh đã làm yếu quyền lực của nữ hoàng đến mức nào; chẳng hạn, mọi người đều biết rằng nhà vua Uy-li-am IV là kẻ thù không đội trời chung của Nga, thế mà bộ trưởng Bộ ngoại giao của ông ta^{1*}, thành viên của tập đoàn cầm quyền thuộc đảng Vích, lại buộc ông ta phải hành động như một kẻ thù của Thổ Nhĩ Kỳ. Nếu như chỉ qua mấy việc nhỏ vụn vặt nào đó trong cung đình như về việc cái cuống huân chương thảm hại hay cái ngôi sao loè loẹt mà cho rằng hoàng thân An-be có khả năng làm được việc gì đó chống lại ý muốn của nội các thì thật là phi lý biết bao! Penchants^{2*} mang tính chất chuyên chế của hoàng thân đã bị lợi dụng để đánh lạc hướng sự chú ý của nhân dân đang chĩa vào những hoạt động âm mưu và những hành vi phản quốc của các bộ trưởng có trọng trách. Nếu như nhìn chung toàn bộ sự rùm beng và sự công kích ấy đều có một ý nghĩa nào đó, thì mới chỉ được coi như là sự tấn công vào các thể chế quân chủ mà thôi. Nếu như không có nữ hoàng, thì

1* - Pan-móc-xton

2* - Các khuynh hướng

cũng chẳng có hoàng thân; nếu không có ngôi vua thì cũng không có ảnh hưởng của triều đình. Nếu như không có các ngôi vua nâng đỡ các hoàng thân và các hoàng thân có thể dựa vào, thì các hoàng thân sẽ mất hết quyền lực của mình. Nhưng, xin các ngài chú ý là, chính những tờ báo phô trương một cách rõ rệt nhất "sự dũng cảm ghê gớm" của mình, hò hét to tiếng hơn ai hết và mưu toan kiếm cho mình phần nào đó cái vốn chính trị trong câu chuyện xảy ra với hoàng thân An-be, - lại là những tờ báo đã ra tay sốt sắng nhất trong sự trung thành của mình với ngôi vua và tâng bốc nữ hoàng một cách vô liêm sỉ. Còn về báo chí của đảng To-ri, thì việc đó tự nó đã rõ rồi. Còn về tờ "Morning Advertiser"³⁶ của phái cấp tiến, thì chính là tờ báo đã hoan nghênh coup d'état^{1*} của Bô-na-pác-tơ và cách đây không lâu đã công kích một tờ báo Ai-rơ-len về việc dám chỉ trích nữ hoàng trong cuộc đi thăm Đu-blin; chính tờ báo ấy đã chỉ trích những người cách mạng Pháp về những quan điểm cộng hòa của họ và bao giờ cũng mô tả huân tước Pan-móc-xtơn như một vị cứu tinh của nước Anh. Toàn bộ câu chuyện ấy là mảnh khoé của Pan-móc-xtơn. Pan-móc-xtơn đã mất sạch uy tín vì xu hướng thân Nga của ông ta bị bóc trần và vì ông ta chống đối lại đạo luật cải cách mới. Hành động cuối cùng này đã xé toạc lớp mạ vàng tự do khỏi những chiếc bánh bèo mồm meo được đem tô điểm của ông ta. Dầu vậy, ông ta vẫn cần tới uy tín để làm một vị thủ tướng hoặc ít ra làm vị bộ trưởng ngoại giao. Một cơ hội tuyệt vời biết bao để trở lại tư thế của một nhà tự do và đóng vai trò của Bru-tút, một kẻ bị âm mưu của triều đình hãm hại! Việc công kích chống của nữ hoàng là miếng mồi ngon biết bao đối với nhân dân! Ông ta tất trở thành nhà hoạt động nhà nước có danh tiếng nhất thời nay. Một cái cớ đưa ra để làm nhục đồng sự của mình, ra sức đả phá họ là công cụ của hoàng thân An-be và buộc triều đình phải tiếp đón Pan-móc-xtơn theo những điều kiện của chính ông ta đặt ra - mới tuyệt vời làm sao! Dĩ nhiên là đảng To-ri ủng hộ tiếng kêu gào ấy, bởi vì đối với họ thì nhà thờ và ngôi vua có đáng kể gì so với những đồng pao xtéc-linh và những lãnh địa hiện đang được chuyển gáp từ bọn họ sang tay các vị huân tước ngành sợi bông! Một khi đảng To-ri nhân danh "hiến pháp" và "tự do" mà công kích hoàng thân bằng những lời lẽ đầy tức giận, thì trong những người thuộc phái tự do có giáo dục, ai mà không thành kính phục lăn dưới chân họ?

1* - cuộc đảo chính

Tại hội nghị hàng năm của hội liên hiệp thương mại Man-se-xtơ, chủ tịch là ngài A-xpi-nan Tơ-ne-rơ khi nói đến vấn đề bãi công, giãn thợ và các phong trào phản đối của công nhân nói chung - mà ông đã nhận định một cách đúng đắn là "cuộc nội chiến diễn ra ở Lan-kê-sia giữa giới chủ và giới thợ", - đã tuyên bố rằng "giống như Man-se-xtơ lật đổ ách bạo tàn của nhà vua và ách bạo tàn của tầng lớp quý tộc, ông ta sẽ lật đổ ách bạo tàn của nền dân chủ".

"Trước mắt chúng ta" - tờ "Press" thốt lên - "là sự vô tình thừa nhận chính sách của trường phái Man-se-xtơ. Ở Anh quyền lực tối cao thuộc về nhà vua ư? - Các bạn hãy hạn chế các quyền hạn của nhà vua đi! tầng lớp quý tộc làm cản trở các bạn ư? - Hãy gạt nó ra bên đường! Các phong trào phản đối đang nổi lên trong công nhân ư? - Hãy tiêu diệt công nhân!"

*Do C.Mác viết ngày 24 tháng Giêng 1854
Đã đăng trên tờ "New-York Daily Tribune"
số 4000, ngày 11 tháng Hai 1854
Ký tên: Các Mác*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Anh*

C.MÁC VÀ PH.ĂNG-GHEN

***CÔNG CUỘC PHÒNG THỦ CÔNG-XTĂNG-
TI-NÔ-PLO. - SỰ TRUNG LẬP CỦA ĐAN MẠCH. -
THÀNH PHẦN NGHỊ VIỆN ANH. -
NẠN MẤT MÙA Ở CHÂU ÂU**

Luân Đôn, thứ sáu, ngày 27 tháng Giêng 1854

Công cuộc phòng thủ Công-xtăng-ti-nô-plo, như tôi đã nêu lên trong một bài gần đây^{1*}, là biện pháp quan trọng nhất trong tất cả những biện pháp mà quân Thổ Nhĩ Kỳ có thể thực hiện. Nếu như Công-xtăng-ti-nô-plo được bố phòng, còn như các đồn quân ở Bô-xpho và ở Đắc-đa-nen được tăng cường một cách tương ứng, thì Thổ Nhĩ Kỳ, - cũng như bất cứ cường quốc nào khác khi chiếm được đô thành này, - sẽ không cần sự bảo đảm của bất kỳ nước ngoài nào đối với nền độc lập của mình. Không có thành phố nào được bố phòng để hơn Công-xtăng-ti-nô-plo. Chỉ có một cạnh của khu vực tam giác này, tức cạnh hướng về đất liền, là cần xây dựng tường lũy liên tục; cạnh thứ hai hướng về biển Cẩm thạch, và cạnh thứ ba hướng về vịnh Chiếc sừng vàng, chúng có thể không cần đến công sự. Phòng tuyến lô cốt biệt lập bố trí cách tường lũy theo một cự ly thích đáng và kéo dài ra phía đông để bảo vệ Pê-ra, Ga-la-ta và bờ biển đông-bắc của vịnh Chiếc sừng vàng, có thể đồng thời sử dụng để tăng cường cho tường lũy và để ngăn chặn quân địch đánh vu hồi tường lũy và cản trở quân địch xây dựng công sự vây đánh trên các điểm cao ở phía sau Pê-ra và Ga-la-ta và không chế thành phố.

Một pháo đài như vậy hầu như không thể đánh chiếm được. Các tuyến giao thông của nó chỉ có thể bị cắt đứt trong trường hợp Đắc-đa-nen hoặc Bô-xpho bị chiếm; trong trường hợp này, thành phố cũng thất thủ ngay. Nhưng hai eo biển hẹp như vậy có thể được phòng thủ một cách dễ dàng mạnh đến mức không hạm đội địch nào có thể qua nổi. Quân Nga tấn

1* Xem tập này, tr. 40-42.

công từ đất liền muốn liên lạc được với Xê-va-xtô-pôn và Ô-dét-xa thì buộc phải đi đường biển nguy hiểm và chắc gì có đủ sức duy trì được lâu dài cho đến lúc chiếm được thành phố; quân số luôn luôn hao hụt, quân Nga sẽ không thể chịu đựng nổi những đòn của quân phòng thủ thành phố và của viện binh từ châu Á kéo tới.

Công hàm phúc đáp của Nga đối với bản tuyên bố về sự trung lập của Đan Mạch³⁷ đã gửi tới Cô-pen-ha-ghe ngày 20 tháng Giêng. Nghe đâu Nga cự tuyệt thừa nhận sự trung lập và yêu cầu Đan Mạch liên kết với bên này hoặc bên kia. Ngay sau khi nhận được tin đó, các đại sứ Pháp, Anh và Nga^{1*} đã có một cuộc họp với các bộ trưởng Đan Mạch. Nhưng theo nguồn tin hoàn toàn đáng tin cậy thì tôi được biết rằng - đương nhiên, dù sao tôi vẫn không thể bảo đảm cho tính chính xác của tin tức - kháng nghị của nội các Xanh Pê-téc-bua chỉ là một thủ đoạn dựa vào đó để thúc đẩy các cường quốc khác chính thức thừa nhận thật nhanh chóng các điều kiện mà nên trung lập của Đan Mạch để mất. Người ta báo tin cho tôi rằng trước đây không lâu, giữa một bên là Đan Mạch với một bên là Pháp và Anh đã tiến hành đàm phán quy định rằng nếu xảy ra chiến tranh thì hải quân của Anh phải chiếm lấy eo biển Dun-đơ, còn quân đoàn của Pháp thì phải chiếm đóng công quốc Slê-dơ-vích. Để phá hoại hành động liên kết ấy mà bộ trưởng Éc-xtét đã báo cho bá tước Nê-xen-rô-de biết, nước Nga hình như đã yêu cầu nội các Cô-pen-ha-ghe ra bản tuyên bố về sự trung lập mà hiện nay Nga giả vờ phản đối; nếu Pháp và Anh thừa nhận sự trung lập của Đan Mạch, thì do đấy không những kế hoạch ban đầu của họ bị phá vỡ, mà đồng thời hàng hóa được vận chuyển trên các tàu của nước trung lập cũng sẽ không bị tịch thu do hiệu lực của các luật lệ quân sự, do đó bảo đảm cho hàng hóa của Nga xuất khẩu qua được biển Ban-tích.

Kháng nghị của Nga hoàng đối với việc Phổ đánh chiếm cảng Ôn-đen-buốc ở biển Bắc là một kháng nghị bona fide^{2*}, mặc dầu công chúng Béc-lin rất ngạc nhiên trước biểu hiện mới này của sự can thiệp khắp nơi của người kế thừa Ti-mua Ta-méc-lan.

Cuộc "mít-tinh" lớn "của những người ủng hộ cuộc cải cách ở Man-se-xơ" đã được tiến hành, - như tờ báo "Englishman" đã nhận định

1* - Đô-tê-đắc, Biu-ke-ne và nam tước Un-géc-nơ-Stéc-nơ-béc.

2* - hoàn toàn tốt lành

đúng, - là một mẫu mực tuyệt vời về trò lừa bịp. Ca tụng chính sách của A-bóc-din, lăng nhục Thổ Nhĩ Kỳ, khen ngợi Nga và không thừa nhận mọi sự can thiệp vào công việc nước khác - mấy đề tài ấy, - vì người ta bàn về chính sách đối ngoại, - đã thành ra vốn liếng chính của trường phái Man-se-xto³⁸; các ông Cốp-đen, Brai-tơ và "những người chất phác và khiêm tốn" khác lại đem nhai lại những thứ ấy, họ đang muốn có ở bộ tổng tham mưu quân đội Anh "một người ủng hộ hòa bình" và tuyên bố trước thượng nghị viện việc giãn thợ để bán rẻ nhân dân Anh, còn nhân dân các nước khác thì còn đem bán đấu giá rẻ hơn.

Bài diễn văn của ngài Cốp-đen không phải cái gì khác hơn là sự lặp lại - hơn nữa lặp lại một cách vô liêm sỉ - bài diễn văn mà ông ta đã đọc ở phiên họp bế mạc của quốc hội. Điều xa hoa duy nhất mà ông ta có khả năng làm được là hai đòn công kích, một chống nước Pháp, một chống nước Mỹ. Có điều rất đáng nghi ngờ là, chính cái con người đã đóng vai trò xuất sắc trong việc ký liên minh với nước Pháp vào lúc mà những chiến công của "các nhà hoạt động chống Chạp" đã đẩy lên những tiếng thét phẫn nộ ở Anh, - chính cái con người ấy giờ đây lại phá hoại sự nghiệp của chính tay mình làm nên, nhạo báng sự liên minh ấy và tuyên bố rằng sự nghiệp đó "thiếu chín chắn" và "không hợp thời" nữa.

Về nước Mỹ thì Cốp-đen tuyên bố rằng chính sự phát triển công thương nghiệp của Mỹ, - chứ hoàn toàn không phải chính sách hiếu chiến của Nga, - có thể đe dọa sự phồn vinh vĩ đại của Anh về mặt kinh tế và dân tộc. Điều đó làm thế nào mà phù hợp được với những luận thuyết về mậu dịch tự do có tính chất nhà nghề và giả nhân giả nghĩa của ông ta, những luận thuyết này cho rằng sự phồn vinh thương nghiệp của một dân tộc phụ thuộc vào *sự phát triển* công thương nghiệp của tất cả các dân tộc khác; còn tư tưởng về sự cạnh tranh gay gắt giữa hai dân tộc công nghiệp là sai lầm của bọn "lang băm" theo chính sách thuế quan bảo hộ? Điều đó làm sao mà phù hợp được với luận điểm cho rằng

"Với tác dụng thần kỳ của nền sản xuất bằng máy móc của mình, Anh đã vĩnh viễn nổi lên hai bán cầu biệt lập, bằng những mối quan hệ hòa bình, đặt châu Âu và châu Mỹ vào thế phụ thuộc lẫn nhau hoàn toàn và không thể phá bỏ được"?

Không phải là lần đầu tiên Cốp-đen mưu toan đánh lạc hướng sự hoài nghi và căm thù của nhân dân Anh đối với Nga, ra sức hướng sự hoài nghi và căm thù đó vào Hợp chúng quốc Mỹ. Vào năm 1836, khi việc tàu

chiến Nga chặn bắt một tàu Anh ở bờ biển Tréc-kê-xi, những biện pháp tài chính của nội các Xanh Pê-téc-bua đối với việc chạy tàu trên sông Đa-nuýp³⁹, cũng như những bài tố giác đăng trên tờ "Portfolio"⁴⁰, đã gây nên sự căm phẫn của nhân dân Anh và, chủ yếu là của các thương nhân chống lại Nga, thì ngài Cốp-đen - bấy giờ mới "bước vào làng văn và chưa quen diễn thuyết trước công chúng"⁴¹ - đã cho công chúng một bài văn công kích nhỏ khuyết danh, lấy nhan đề là: "Nước Nga: thuốc chữa chứng sợ Nga. Do một chủ xưởng Man-se-xto viết"⁴². Trong bài văn công kích nhỏ này, ông ta chứng minh rằng "không đầy hai chục năm nữa, những quan điểm ấy (chính là lo sợ sự phồn vinh tăng lên của Mỹ, chứ hoàn toàn không phải sợ sự bành trướng của Nga) sẽ được toàn thể nhân dân Anh tán thành, và *chính phủ trong nước cũng sẽ buộc phải thừa nhận* những quan điểm ấy". Cũng trong bài văn ấy, Cốp-đen viết:

"Sau khi nghiên cứu các lý do mà những người bàn bạc về vấn đề này dựa vào để có thái độ thù địch với nước Nga, chúng tôi lấy làm ngạc nhiên vô cùng nhưng cũng vững tin ở sự chính xác của mình mà phát hiện ra rằng một trăm năm thống trị của *giới quý tộc* ở Anh đã tiêm nhiễm cho tất cả các giai cấp trong xã hội cái tư tưởng tự cao và ngạo mạn của "những kẻ cầm quyền của họ" (đối với nước Nga hiền lành). "Nếu như Chính phủ Xanh Pê-téc-bua dời đô đến bờ biển Bô-xpho, thì chưa đầy 20 năm nữa, kinh đô Thổ Nhĩ Kỳ đầy rẫy những nhà tranh hiện nay sẽ biến thành một thành phố lộng lẫy và giàu có kiểu châu Âu; nơi đây sẽ mọc lên những toà nhà tuyệt diệu, sẽ xuất hiện các tổ chức khoa học, nền mỹ thuật sẽ phát triển. Nếu như Chính phủ Nga quả thực đạt được sức mạnh như vậy, thì nó sẽ chấm dứt chiến tranh với thanh kiếm trong tay và sẽ bắt đầu cuộc đấu tranh chống lại tình trạng dã man, xây dựng đường sắt, xây cầu, thúc đẩy tích lũy tư bản, thúc đẩy *sự phát triển của thành phố và thành tựu của văn minh và tự do*... Chế độ nô lệ vẫn làm ô nhục Công-xtăng-ti-nô-pơ lập tức sẽ bị thủ tiêu, còn thương nghiệp và những luật lệ bảo vệ cuộc sống và tài sản" (chẳng hạn như điều đó đang diễn ra ở Môn-da-vi-a và Va-la-ki) "sẽ chiếm địa vị xứng đáng".

Để chứng minh cho trình độ văn minh của Nga và, do đó, chứng minh cho việc Nga có quyền chiếm Thổ Nhĩ Kỳ, ngài Cốp-đen đã báo tin cho các độc giả sùng sốt của mình rằng một thương nhân Nga có 10000 - 15000 rúp không những có thể tham gia ngoại thương, mà còn "*được miễn các nhục hình và có quyền ngồi xe song mã*". Một khi đã như vậy thì có gì phải ngạc nhiên, nếu như gần đây hoàng đế Nga tỏ ý tin tưởng rằng "nước Anh với nghị viện tư sản của nó không thể tiến hành chiến tranh một cách vẻ vang được"? Năm 1836, ngài Cốp-đen đã nhận thức được sâu sắc "sự không đứng đắn của các nhà chính luận và các diễn giả" đã dám chỉ trích đức vua chuyên chế toàn Nga, cho nên một trong những kết luận trong bài văn công kích của ông là câu hỏi dưới đây:

"Những tác giả và diễn giả đó là ai, và họ là những người như thế nào? Chẳng lẽ cứ để cho bọn lừa bịp chính trị ấy không bị trừng phạt gì về hành vi kích động và khuấy đảo tâm trí của cả một dân tộc lâu mãi như thế ư?".

Chúng tôi cho rằng họ là "những nhà chính luận và những diễn giả quan phương" nằm trong tay 10000 - 15000 rúp, họ có thể ngồi xe song mã và, ít ra, cũng được miễn "*nhục hình*". Cho tới nay, một số người cho rằng cái bệnh cuồng tín thân Nga của ngài Cốp-đen là một trong nhiều điều kỳ quặc vốn có ở ông ta, một số người khác cho rằng cái bệnh đó là kết luận tất yếu rút ra từ học thuyết về hòa bình của ông ta. Song, cách đây ít lâu, một vị^{1*} có quyền tự xưng là "con ngựa tồ hoặc, - nếu các ngài cho phép, - con lừa trong làng văn" của cái Đồng minh chống những đạo luật về ngũ cốc⁴³ quá cố, đã nói với công chúng rằng trước khi viết cuốn sách nhỏ thứ nhất, ngài Cốp-đen "đã đi Nga vào những năm 1834 và 1835 vì công việc buôn bán và chuyến đi ấy đã hữu ích", rằng "năm 1836 trái tim và vại hoa của ông đã ở lại nước Nga", còn sự phẫn nộ của ông đối với "các nhà chính luận, các diễn giả, các tác giả và các nhà báo Anh" là xuất phát từ sự phê phán của họ đối với một khách hàng mới của ông ta là Ni-cô-lai chúa tể toàn Nga.

Vì còn mấy ngày nữa là hạ nghị viện Anh sẽ họp lại cho nên thiết tưởng việc chúng tôi đưa ra một bản thống kê, dù là dưới hình thức văn tắt, về số ghế trong nghị viện Anh cũng là điều hợp lý.

Số	Số ghế	Chiếm tỷ lệ %
Họ hàng của các quý tộc	103	}
Quý tộc Ai-rơ-len	6	
Quý tộc lãnh địa	266	41,3
Giới hoạt động văn học và khoa học	20	3,0
Lục quân và hải quân	30	4,6
Đại biểu giới thương nghiệp và tài chính	109	7,1
Luật sư	107	17,0
Công nhân	không	
Tổng cộng số ghế trong nghị viện	641	

1* A. Xô-mơ-vin

Quý tộc Ai-rơ-len ở hạ nghị viện⁴⁴ gồm có: tử tước Pan-móc-xtôn ở vùng Ti-véc-tôn; tử tước Bác-rinh-tôn ở Béc-cơ-sia; bá tước An-xli ở Grim-xbi; tử tước Môn-cơ ở Poóc-xmút; tử tước Gô-lu-ây ở Rét-voóc-đơ, cuối cùng là huân tước Ha-tem ở Đông Y-oóc-sia. *Giới hoạt động văn học và khoa học* gồm có: Ben-gia-min Đì-xra-e-li ở Bắc-kinh-hêm; nhà sử học Tô-mát Ma-cô-lây ở Ê-đin-buốc; nhà thống kê thương nghiệp Mác Grê-gô ở Gla-xgô; tác giả tác phẩm "Biên niên sử các nhà nghệ thuật Tây Ban Nha" và v.v. là Uy-li-am Xtéc-linh ở Péc-tơ-sia; tác giả tác phẩm "Nhà nước và giáo hội" và những tác phẩm khác là Uy-li-am Gla-xtôn ở Trường đại học tổng hợp Ốc-xphốt; tác giả cuốn "Ni-vê-ri-a trên đồng tro tàn" v.v. là tiến sĩ Ô-xtin H. Lây-ác ở Ây-xbơ-ri; chủ biên tạp chí "Economist"⁴⁵ là Giêm-xơ Uyn-xơn ở Uê-xtơ-bê-ri; người biên soạn những tác phẩm của Hốp-xơ v.v. là ngài Uy-li-am Môn-xơ-uốt ở Xao-tu-ác; nhà thơ, nhà viết kịch và viết truyện ngắn là ngài E.L.Bun-vơ-Lít-tôn ở Hác-phoóc-sia; một tác gia của Đồng minh chống những đạo luật về ngũ cốc là Uy-li-am Giôn-xơn Phốc-xơ ở Ôn-đêm; tác giả của tác phẩm (rất thảm hại) "Lịch sử nền văn minh" v.v. là U.A. Mác-kin-nôn ở Rai; tác giả tác phẩm "Những cảm tưởng đi đường" v. v. là R. Môn-cơ-tôn Min-xơ và tác giả tác phẩm "Chuyến đi phương Đông" là Ben-gia-min Ô-li-vây-ra - cả hai đều ở Pôn-tê-phrắc-tơ; tác giả các tác phẩm về thần học và chính trị học là Ê-đu-a Mai-an ở Rô-đen; tác giả tác phẩm "Lịch sử văn học Hy Lạp" là Uy-li-am Mui-rơ ở Ren-phriu-sia thuộc Xcốt-len; tác giả cuốn "Thân thể Phrăng-se-xcô Xphoóc-xa" là U.P.Uốc-các-tơ ở tỉnh Uê-xtơ-mít thuộc Ai-rơ-len; kỹ sư đường sắt nổi tiếng là Rô-bóc Xte-phen-xơn ở Uýt-bi; bác sĩ Uy-li-am Mai-cơ ở Bốt-min; nhà phẫu thuật Giôn Brây-đi ở Li-tơ-rim. Tôi không có ý định xét xem có nên đưa cả huân tước Giôn Rốt-xen vào danh sách các văn sĩ không.

Ít ra là có 100 ghế thuộc về những người trên danh nghĩa là do các khu vực bầu cử của mình bầu ra, nhưng thực tế được chỉ định ra bởi các công tước, bá tước, hầu tước, các quý bà và những nhân vật khác dựa vào thế lực của họ ở địa phương để hưởng lợi ích chính trị. Chẳng hạn như hầu tước Oét-min-xtơ khổng chế hai ghế ở Se-xtơ là một thành phố có 2524 cử tri; công tước Noóc-phôn-cơ khổng chế một ghế ở A-ren-đen; công tước Xa-thơ-len khổng chế hai ghế ở Niu-cát-xơ-an-đéc Lai-nơ; hầu tước Lan-xdao-nơ khổng chế một ghế ở Can-nơ; bá tước Phít-xơ-uy-li-am

khống chế hai ghế ở Môn-tơn; công tước Rít-sơ-mơn khống chế hai ghế ở Si-séc-tơ; tiểu thư Piéc-xơ khống chế một ghế ở Noóc-tan-léc-tơn v.v..

Qua mấy thí dụ dưới đây có thể xét đoán được sự không ăn khớp giữa một mặt là số cử tri và mặt khác là số nghị sĩ được bầu, với tổng số dân cư.

Ở Béc-cơ-sia, số dân là 170065 người, còn số cử tri là 7980 người. Khu vực này bầu tất cả là 9 đại biểu vào hạ nghị viện, trong khi đó Lê-xtơ-sia với số dân là 230 308 người và 13081 cử tri chỉ được 6 ghế; Lin-côn với số dân là 407 222 người và 24782 cử tri thì chiếm 13 ghế trong hạ nghị viện, trong khi đó Mít-đơn-xếch với số dân là 1886576 người và 113490 cử tri thì chỉ được bầu vào hạ nghị viện có 14 đại biểu. Lan-kê-sia với số dân là 2031236 người chỉ có 81786 cử tri và được bầu vào hạ nghị viện chỉ có 26 đại biểu, trong khi đó Bắc-kinh-hêm với số dân là 163723 người và 8125 cử tri lại được bầu 11 đại biểu. Xút-xếch với số dân là 336844 người và có 18054 cử tri lại được bầu 18 đại biểu, trong khi đó Xtáp-phốc-sia với số dân là 608716 người và 29607 cử tri thì chỉ được bầu 17 đại biểu.

Tỷ lệ của số cử tri so với dân số như sau:

Ở Anh mỗi cử tri của khu vực nông nghiệp đại biểu cho 20,7 dân trong tỉnh.

Ở Oen-xơ mỗi cử tri của khu vực nông nghiệp đại biểu cho 20 dân.

Ở Xcốt-len mỗi cử tri của khu vực nông nghiệp đại biểu cho 34,4 dân.

Ở Anh mỗi cử tri thành thị đại biểu cho 18 dân thành thị.

Ở Oen-xơ mỗi cử tri thành thị đại biểu cho 24,4 dân thành thị.

Ở Xcốt-len mỗi cử tri thành thị đại biểu cho 23,3 dân thành thị.

Về Ai-rơ-len thì không có số liệu thật đầy đủ như về Anh và Xcốt-len. Tuy nhiên, những con số dưới đây về đại thể cũng gần sát với tình hình thực tế những năm 1851 - 1852:

Mỗi cử tri của khu vực nông nghiệp đại biểu cho 36 dân.

Mỗi cử tri thành thị Ai-rơ-len đại biểu cho 23 dân thành thị.

Những khó khăn phổ biến trên các thị trường lương thực ở châu Âu biểu hiện như sau. Ở Pháp, lương thực thiếu không phải là 10 triệu héc-tô-lít như tờ "Moniteur"¹⁴⁶ khẳng định để trấn an nỗi kinh hoàng, mà

là vượt xa 20 triệu héc-tô-lít, nghĩa là hơn 8 triệu quác-tơ Anh; khoai tây bị hụt đi ít ra là một phần tư sản lượng thu hoạch trung bình trong 5 năm qua, còn rượu nho, mỡ thực vật và hạt dẻ thì càng bị hụt nhiều hơn. Ở Bỉ và Hà Lan, sản phẩm lương thực bị thiếu hụt khoảng 4 triệu héc-tô-lít; ở các tỉnh vùng sông Ranh, ở Phổ và Thụy Sĩ, theo con số tính toán chưa đầy đủ, thì cũng thiếu hụt hơn 10 triệu héc-tô-lít. Về I-ta-li-a thì người ta chỉ biết tin rằng ở đó mất mùa nghiêm trọng, tuy rất khó xác định ngay cả con số phỏng chừng. Nhưng ít nhất cũng phải lên đến con số 10 triệu héc-tô-lít lương thực; do đó, con số thiếu hụt lương thực ở các khu vực sản xuất lương thực lớn ở Tây Âu phải lên tới ít nhất là 44 triệu héc-tô-lít (17 triệu quác-tơ). Về tình hình thiếu lương thực ở Anh thì người ta biết rằng nó vượt 5 triệu quác-tơ, mà theo một số tài liệu tính toán đáng được đặc biệt chú ý thì con số ấy chỉ nói về lúa tiểu mạch thôi. Vì vậy, chỉ riêng ở Tây Âu, nạn mất mùa nghiêm trọng năm ngoái đã gây ra sự thiếu hụt lương thực ít ra là 22 triệu quác-tơ; nếu như tính cả chất lượng rất kém và sự mất mùa của các loại ngũ cốc khác vào đó nữa, cũng như bệnh khoai tây lan tràn khắp nơi, thì toàn bộ số thiếu hụt này - quy ra lúa tiểu mạch - lên tới ít ra là 5 triệu quác-tơ, và như thế là chúng ta sẽ có tổng số lương thực thiếu hụt là 27 triệu quác-tơ.

Còn về triển vọng nhập khẩu lương thực từ thị trường nước ngoài, thì theo các tin tức của nguồn tin rất thông thạo trong các vấn đề thương mại, tình hình sẽ như sau:

"Ở Ba Lan, lương thực thu hoạch rất kém. Ở Nga thì mất mùa: giá lương thực cao ở các cảng thuộc vùng biển Ban-tích chứng minh điều đó, hơn nữa, giá cả đã tăng lên ngay trước khi người ta biết rằng chúng ta thiếu lương thực. Các công quốc thuộc vùng sông Đa-nuýp, thực ra, không bị mất mùa, nhưng ở đó - cũng như ở Ô-đét-xa - do xuất khẩu nhiều lương thực sang các nước ven Địa Trung Hải và Pháp cho nên lương thực dự trữ bị giảm đi rất nhiều. Còn Mỹ thì không thể nào cung cấp được ngay cả 2 triệu quác-tơ. Trong khi đó ngay cả toàn bộ số tàu bè trên thế giới cũng không đủ để vận chuyển dù chỉ một nửa hoặc gần một nửa số lương thực mà - cả nước Anh đều biết điều này - chúng ta đang thiếu".

Do C.Mác và Ph.Ăng-ghen viết ngày 26-27 tháng Giêng 1854

Đã đăng trên tờ "New-York Daily Tribune" số 4004, ngày 16 tháng Hai 1854

Ký tên: Các Mác

In theo bản đăng trên báo Nguyên văn là tiếng Anh

C. MÁC

*SỨ MỆNH CỦA BÁ TƯỚC OÓC-LỐP. - NỀN TÀI CHÍNH CHIẾN TRANH CỦA NGA

Luân Đôn, thứ sáu, ngày 3 tháng Hai 1854

Ở gần trụ sở của bộ tổng tư lệnh quân đội, tôi đã có cơ hội thấy được nghi thức long trọng đưa nữ hoàng đến dự buổi khai mạc của nghị viện. Đại sứ Thổ Nhĩ Kỳ đã được đón tiếp bằng những lời chào mừng và những tiếng reo hò hoan hô rầm rộ. Hoàng thân An-be mặt tái nhợt vì bị quần chúng đứng hai bên đường cầm phần hò la; trước những biểu lộ bất bình khác thường ấy của dân chúng, nữ hoàng có rất ít cử chỉ đáp lễ như thường lệ và chỉ mỉm cười vẻ gượng mệ. Trong một bài trước đây tôi đã nêu lên quy mô thực tế của phong trào phản đối An-be và đã chứng minh rằng nó chỉ là một thủ đoạn trong cuộc đấu tranh giữa các đảng phái mà thôi^{1*}. Dù vậy, đối với cuộc biểu tình của công chúng thì vẫn phải có thái độ thật nghiêm túc, bởi vì nó chứng tỏ rằng sự ngoan ngoãn bề ngoài của nhân dân Anh chỉ là một thể thức có tính chất ước lệ, chỉ là một nghi thức giả dối không chịu nổi ngay cả một đòn giáng nhẹ nhàng nhất. Có thể là cuộc biểu thị này sẽ buộc nữ hoàng phải bãi nhiệm nội các mà chính sách phản dân tộc của nó có thể đe dọa tới sự an toàn của chính bản thân nữ hoàng.

Khi mọi người đều biết tin về sứ mệnh gần đây của bá tước Oóc-lốp tại nội các Viên⁴⁷, thì tờ "Times" đã báo tin cho các độc giả cả tin của mình rằng Oóc-lốp chính là người mà Nga hoàng thường xuyên dùng vào những hoạt động hòa bình. Song, dĩ nhiên, tôi không phải nhắc, chắc các bạn cũng nhớ rằng chính cái vị Oóc-lốp này vào mùa xuân năm 1833 đã đến Công-xtăng-ti-nô-pơ để buộc Chính phủ Thổ Nhĩ Kỳ phải chấp nhận Hiệp ước Un-ki-ác - I-xkê-lê-xi⁴⁸. Hiện nay ông ta lại đến cầu cạnh nội các Viên cho phép đưa một quân đoàn của Nga từ Vác-sa-va đi qua Hung-ga-ri để tiến đến chiến trường ở vùng sông Đa-nuýp. Có thể coi kết

1* Xem tập này, tr. 47-51.

quả thứ nhất trong chuyến đi của ông ta đến Viên là việc Áo kiên quyết yêu cầu Chính phủ Thổ Nhĩ Kỳ cách chức các viên tư lệnh Thổ Nhĩ Kỳ hiện nay ở vùng sông Đa-nuýp - Xê-lim-pa-sa, I-xma-in-pa-sa và Ô-me-rô-pa-sa bị coi như là những kẻ bội giáo và làm cách mạng. Phàm người nào đã hiểu được lịch sử quá khứ của Thổ Nhĩ Kỳ thì đều biết rằng ngay từ khi có quốc gia Ôt-tô-man, tất cả các tướng lĩnh, đô đốc, các nhà ngoại giao và các bộ trưởng cỡ lớn của nó bao giờ cũng là những kẻ bội giáo theo Cơ Đốc giáo: đó là người Xéc-bi, người Hy Lạp, người An-ba-ni v.v.. Vậy tại sao không đòi Nga phải thả hồi bốn chục hoặc năm chục người mà nó thu nạp ở khắp các xó xỉnh châu Âu và hình thành nên toàn bộ vốn liếng cơ bản của nó trong lĩnh vực nghệ thuật ngoại giao, trí tuệ chính trị và những tài năng quân sự? Trong khi đó Áo đã tập hợp được tại Tơ-ran-xin-va-ni ở biên giới Thổ Nhĩ Kỳ và Hung-ga-ri 80000 người và đã điều một quân đoàn người Séc chừng 30000 người đến hợp nhất với lực lượng trên. Về phía mình, Chính phủ Phổ hình như đã từ chối thực hiện ý muốn của Nga hoàng là người đã ra lệnh cho Phri-đrich-Vin-hem IV cử một đạo quân 100000 người nhân danh nước Nga và vì lợi ích của Nga để chiếm đóng Ba Lan và do đó có thể tạo điều kiện cho quân đồn trú đang đóng ở đây tiến về phía nam để tác chiến ở các công quốc thuộc vùng sông Đa-nuýp.

Trong một bài trước đây^{1*}, tôi đã lưu ý các bạn về thủ đoạn tài chính mà Chính phủ Áo thực hiện cách đây ít lâu, Chính phủ đó yêu cầu khi nộp thuế thì giá tiền giấy phải tính giảm đi 15% so với giá trị danh nghĩa của nó. Cái thủ đoạn "đánh thuế vào thuế" tinh vi ấy hiện nay cũng được thi hành ở I-ta-li-a. Tờ "Gazzetta di Milano" số ra ngày 22 tháng Giêng đã công bố sắc lệnh của bộ trưởng Bộ tài chính Áo tuyên bố rằng "vì tiền giấy sụt giá cho nên cơ quan thuế quan sẽ tính theo hối suất hạ 17% so với giá trị danh nghĩa của tiền giấy".

Về tình hình ngân khố nước Nga thì ngay khi bắt đầu cái gọi là sự rắc rối ở phương Đông, tôi đã có dịp báo trước với bạn đọc của các ngài đề phòng những tin đồn mà người ta ra sức tung ra về những kho báu "bí mật" được cất giữ ở dưới các hầm của ngân hàng Xanh Pê-téc-bua, và đề phòng những lời phóng đại đến nực cười về số tiền bạc khổng lồ mà nước Nga có thể có được vào bất cứ lúc nào⁴⁹. Các sự kiện xảy ra đã hoàn toàn

1* Xem tập này, tr. 39-41.

chứng thực cho các quan điểm của tôi. Nga hoàng không những buộc phải rút số tiền kim loại dự trữ ở các ngân hàng Anh và Pháp, mà, ngoài ra, còn thi hành cả việc tịch thu bịp bợm nữa. Công tước Pa-xkê-vích đã thông tri cho ngân hàng cho vay - chiết khấu Vác-sa-va rằng vốn của ngân hàng ấy sẽ được dùng làm khoản công trái cưỡng bức, mặc dù điều lệ của ngân hàng này cấm không cho vay tiền với bất kỳ hình thức đảm bảo nào, trừ sự bảo đảm bằng tài sản ruộng đất. Đồng thời chúng tôi còn nghe nói rằng Chính phủ Nga có ý định phát hành 60000000 rúp tiền giấy không thể hoán đổi được để trang trải cho các chi phí quân sự. Đây không phải lần đầu tiên nội các Pê-téc-bua dùng đến các mảnh lối tinh vi kiểu ấy. Vào cuối năm 1768, để trang trải các chi phí cho cuộc chiến tranh với Thổ Nhĩ Kỳ, Ê-ca-tê-ri-na II đã thành lập ngân hàng phát hành tiền giấy dường như dựa trên nguyên tắc phát hành tiền giấy có thể đổi được. Nhưng đồng thời người ta hết sức cẩn thận quên báo cho công chúng biết loại tiền giấy này sẽ đổi lấy được loại tiền nào, và mấy tháng sau người ta mới bắt đầu đổi cho, nhưng chỉ đổi bằng tiền đồng. Do một điều "bất ngờ" không may khác, giá trị của loại tiền đồng ấy lại cao hơn 50% so với giá trị kim loại chứa đựng trong loại tiền ấy, và loại tiền ấy sở dĩ có thể lưu hành theo giá trị danh nghĩa là vì số lượng phát hành ít ỏi và vì tình trạng thiếu tiền lẻ dùng trong thương nghiệp bán lẻ. Do đó việc đổi tiền chẳng qua chỉ là một mảnh khoe. Thoạt đầu Ê-ca-tê-ri-na hạn chế tổng số phát hành là 40 triệu rúp bằng loại tiền giấy 25 rúp; đồng rúp là loại tiền đúc bằng bạc tính theo giá hối đoái thì tương đương với 38 đến 40 pen-ni của Anh; đồng rúp trị giá hơn 100 cô-pêch đồng một chút. Năm 1796, cho tới lúc Ê-ca-tê-ri-na chết, số lượng tiền giấy đó tăng lên đến 157000000 rúp, nghĩa là gần gấp bốn lần so với số lượng phát hành ban đầu. Thị giá hối đoái ở Luân Đôn năm 1787 là 1 rúp ăn 41 pen-ni, đến năm 1796 hạ xuống 1 rúp ăn 31 pen-ni. Trong hai khóa chính phủ tiếp sau đó, số lượng phát hành tăng rất nhanh; năm 1810 số lượng giấy bạc lưu hành lên tới 577000000, và tiền giấy một rúp chỉ trị giá có 25 2/5 cô-pêch, nghĩa là bằng một phần tư giá trị của nó năm 1788; còn thị giá ngoại hối ở Luân Đôn hồi mùa thu năm 1810 tụt xuống 1 rúp ăn 11 1/2 pen-ni, chứ không phải ăn 38-40 pen-ni như trước kia. Năm 1817, theo lời tuyên bố của bá tước Gu-ri-ép thì số lượng giấy bạc đang lưu hành đã lên tới 836000000 rúp. Vì thuế quan và các thứ thuế khác đều tính theo rúp bạc, nên giờ đây chính phủ tuyên bố rằng số tiền giấy

phát hành sẽ được thu nhận theo tỷ lệ 4 trên 1, như vậy là thừa nhận sụt giá 75%. Trong khi tiền tiếp tục mất giá, thì giá cả hàng hóa lại tăng lên một cách tương ứng, bị biến động rất lớn, đến nỗi làm cho chính phủ bắt đầu lo lắng và buộc phải vay nợ nước ngoài để rút bớt một phần giấy bạc ra khỏi lưu thông. Đến ngày 1 tháng Giêng 1821, theo sự công bố, thì số lượng giấy bạc đã giảm xuống đến 640000000. Những cuộc chiến tranh nối tiếp nhau với Thổ Nhĩ Kỳ, Ba Tư, Ba Lan, Si-va v.v. lại làm tăng thêm số lượng giấy bạc ngân hàng, thị giá hối đoái lại sụt xuống, và giá cả của mọi thứ hàng hóa lại lên xuống đột ngột và không đều. Mãi đến ngày 1 tháng Bảy 1839, khi thị giá hối đoái được điều chỉnh nhờ xuất khẩu được một số lớn lương thực sang Anh, Nga hoàng mới ra thông cáo rằng từ ngày 1 tháng Bảy 1840, toàn bộ số tiền giấy ngân hàng phát hành phải chuyển thành tín phiếu ngân hàng, những tín phiếu này phải được đổi theo đồng rúp bạc với giá trị đầy đủ là 38 pen-ni. Nga hoàng A-lếch-xan-đơ trước đây đã tuyên bố rằng số tiền giấy ngân hàng sẽ được nhân viên thuế vụ thu nhận theo tỷ lệ 4/1; dựa vào sự biến hóa, Nga hoàng Ni-cô-lai dường như đã phục hồi lại đầy đủ giá trị của nó. Song, có một điều bổ sung lý thú quy định rằng cứ ba tờ rưỡi tín phiếu cũ thì được tính như một tờ tín phiếu mới. Như vậy là, tuy không tuyên bố tín phiếu cũ bị giảm 28% giá trị ban đầu của nó, nhưng lại thừa nhận ba tờ rưỡi tín phiếu cũ ngang giá với một tờ tín phiếu *mới*. Từ đó chúng ta có thể rút ra kết luận rằng, một mặt, trong công việc tài chính, Chính phủ Nga cũng tận tâm và rất thận trọng như trong hoạt động ngoại giao, và mặt khác, chỉ nguyên nguy cơ nổ ra cuộc chiến tranh sắp tới gần cũng đủ gây trở lại những khó khăn về tài chính mà Ni-cô-lai cố tìm cách thoát ra khỏi trong gần 20 năm nay.

Các chính phủ ở châu Âu nối gót nhau đọc diễn văn và kêu gọi cái túi tiền của các thần dân yêu quý của mình. Thậm chí đức vua của những người Hà Lan trầm tĩnh^{1*} cũng yêu cầu Hội nghị ba đẳng cấp chỉ cho 600000 ri-gơ-xđa-lơ để xây dựng công sự và bố trí quốc phòng và còn bổ sung rằng "tình thế có thể buộc nhà vua động viên một phần quân đội và cử hạm đội của mình đi".

Nếu như dùng phương pháp kế toán khéo léo có thể giúp cho việc giải quyết tình hình thực tế thiếu tiền và làm đầy được các két bạc trống

1* - Vin-hem III

rõng, thì người lập ra ngân sách của nước Pháp vừa được công bố gần đây trên tờ "Moniteur", có lẽ, đã đạt được ít nhiều kết quả rồi. Nhưng thậm chí người tiểu thương nhỏ nhất ở Pa-ri cũng không lăm lăm về một sự thực là nhờ vào sự tập hợp khéo léo nhất đối với các chữ số thì cũng không thể nào xóa được tên anh ta khỏi cuốn sổ nợ của các chủ nợ của anh ta, còn vị anh hùng ngày 2 tháng Chạp^{1*} cho rằng cái túi tiền của nhân dân không bao giờ cạn thì lại tăng bữa quốc trái mà chẳng có suy nghĩ gì.

Không có gì ngây thơ hơn là lời tuyên bố của nội các Đan Mạch tại phiên họp của hạ nghị viện ngày 17 tháng Giêng nói rằng Chính phủ dự định hoãn đến một thời gian *thích hợp* hơn việc thực hiện kế hoạch sửa đổi những thiết chế cơ bản của Đan Mạch và việc thi hành Hiến pháp toàn quốc (Gesamtstaatsverfassung)⁵⁰ được chờ đợi từ lâu.

*Do C.Mác viết ngày 3 tháng Hai 1854
Đã đăng trên tờ "New-York Daily Tribune"
số 4007, ngày 20 tháng Hai 1854
Ký tên: Các Mác*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Anh*

C.MÁC

*** NHỮNG CUỐN SÁCH XANH. - NHỮNG CUỘC
TRANH LUẬN Ở NGHỊ VIỆN NGÀY 6 THÁNG HAI. -
SỨ MỆNH CỦA BÁ TƯỚC OÓC-LÔP. - NHỮNG HOẠT
ĐỘNG CỦA HẠM ĐỘI ĐỒNG MINH. - TẬP ĐOÀN
AI-RÔ-LEN. - TIẾN TỚI TRIỆU TẬP NGHỊ VIỆN
CÔNG NHÂN**

Luân Đôn, thứ ba, ngày 7 tháng Hai 1854

Tôi đã hết sức chăm chú đọc hết cuốn "Quyền lợi và đặc quyền của giáo hội Chính thống và giáo hội Thiên chúa" như người ta gọi một cách hóm hỉnh là cuốn Sách xanh của chính phủ về vấn đề phương Đông⁵¹, và tôi có ý định trong thời gian tới sẽ điểm tình hình một cách ngắn gọn với độc giả của các ngài về cái mớ bong bong ngoại giao ấy. Bây giờ tôi chỉ hạn chế ở chỗ khẳng định rằng trong lịch sử có lẽ chưa bao giờ có một chứng cứ quái gở nào hơn nói lên sự đê tiện và ngu xuẩn của chính phủ. Đồng thời cho phép chúng tôi nhắc lại sự đánh giá của ngài Bây-li tại hạ nghị viện về những cuốn sách xanh ấy:

"Về lượng thông tin thì trong sách này không thiếu gì, nhưng xin chú ý đây không phải là thông tin chính thức, mà chỉ là những cái người ta có thể biết được từ trong một cuốn Sách xanh được biên soạn cẩn thận và không dă động tí gì đến tất cả những cái mà chính phủ muốn giấu giếm. Tôi nói như vậy là theo kinh nghiệm bản thân (có tiếng la lên: "Hãy nghe đây, Hãy nghe đây!") và có tiếng cười trong các hàng ghế của chính phủ). Tôi biết rõ những cuốn Sách xanh về vấn đề chính sách đối ngoại đưa ra trước nghị viện đã được chuẩn bị như thế nào".

Tôi biết hết sức rõ ràng, có lần khi huân tước Pan-móc-xton bị chỉ trích về việc xuyên tạc văn kiện về cuộc chiến tranh Áp-ga-ni-xtan, về tội giấu giếm một số điểm hết sức quan trọng trong các báo cáo chính thức, thậm chí về tội cố tình bịa đặt ra một số điểm khác⁵², thì ông ta đã trả lời hóm hỉnh như sau:

"Thưa quý ngài, nếu quả có chuyện như vậy thì cái gì đã cản trở hai khóa chính phủ đã thay thế chúng tôi và thuộc phái đối địch với chúng tôi, - mà trong đó có một khóa đã cầm quyền 5 năm, - công bố sự việc ấy và công bố những văn kiện gốc?"

1* - Na-pô-lê-ông III

rõng, thì người lập ra ngân sách của nước Pháp vừa được công bố gần đây trên tờ "Moniteur", có lẽ, đã đạt được ít nhiều kết quả rồi. Nhưng thậm chí người tiểu thương nhỏ nhất ở Pa-ri cũng không lăm lăm về một sự thực là nhờ vào sự tập hợp khéo léo nhất đối với các chữ số thì cũng không thể nào xóa được tên anh ta khỏi cuốn sổ nợ của các chủ nợ của anh ta, còn vị anh hùng ngày 2 tháng Chạp^{1*} cho rằng cái túi tiền của nhân dân không bao giờ cạn thì lại tăng bữa quốc trái mà chẳng có suy nghĩ gì.

Không có gì ngây thơ hơn là lời tuyên bố của nội các Đan Mạch tại phiên họp của hạ nghị viện ngày 17 tháng Giêng nói rằng Chính phủ dự định hoãn đến một thời gian *thích hợp* hơn việc thực hiện kế hoạch sửa đổi những thiết chế cơ bản của Đan Mạch và việc thi hành Hiến pháp toàn quốc (Gesamtstaatsverfassung)⁵⁰ được chờ đợi từ lâu.

*Do C.Mác viết ngày 3 tháng Hai 1854
Đã đăng trên tờ "New-York Daily Tribune"
số 4007, ngày 20 tháng Hai 1854
Ký tên: Các Mác*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Anh*

C.MÁC

*** NHỮNG CUỐN SÁCH XANH. - NHỮNG CUỘC
TRANH LUẬN Ở NGHỊ VIỆN NGÀY 6 THÁNG HAI. -
SỨ MỆNH CỦA BÁ TƯỚC OÓC-LÔP. - NHỮNG HOẠT
ĐỘNG CỦA HẠM ĐỘI ĐỒNG MINH. - TẬP ĐOÀN
AI-RÔ-LEN. - TIẾN TỚI TRIỆU TẬP NGHỊ VIỆN
CÔNG NHÂN**

Luân Đôn, thứ ba, ngày 7 tháng Hai 1854

Tôi đã hết sức chăm chú đọc hết cuốn "Quyền lợi và đặc quyền của giáo hội Chính thống và giáo hội Thiên chúa" như người ta gọi một cách hóm hỉnh là cuốn Sách xanh của chính phủ về vấn đề phương Đông⁵¹, và tôi có ý định trong thời gian tới sẽ điểm tình hình một cách ngắn gọn với độc giả của các ngài về cái mớ bong bong ngoại giao ấy. Bây giờ tôi chỉ hạn chế ở chỗ khẳng định rằng trong lịch sử có lẽ chưa bao giờ có một chứng cứ quái gở nào hơn nói lên sự đê tiện và ngu xuẩn của chính phủ. Đồng thời cho phép chúng tôi nhắc lại sự đánh giá của ngài Bây-li tại hạ nghị viện về những cuốn sách xanh ấy:

"Về lượng thông tin thì trong sách này không thiếu gì, nhưng xin chú ý đây không phải là thông tin chính thức, mà chỉ là những cái người ta có thể biết được từ trong một cuốn Sách xanh được biên soạn cẩn thận và không dă động tí gì đến tất cả những cái mà chính phủ muốn giấu giếm. Tôi nói như vậy là theo kinh nghiệm bản thân (có tiếng la lên: "Hãy nghe đây, Hãy nghe đây!") và có tiếng cười trong các hàng ghế của chính phủ). Tôi biết rõ những cuốn Sách xanh về vấn đề chính sách đối ngoại đưa ra trước nghị viện đã được chuẩn bị như thế nào".

Tôi biết hết sức rõ ràng, có lần khi huân tước Pan-móc-xton bị chỉ trích về việc xuyên tạc văn kiện về cuộc chiến tranh Áp-ga-ni-xtan, về tội giấu giếm một số điểm hết sức quan trọng trong các báo cáo chính thức, thậm chí về tội cố tình bịa đặt ra một số điểm khác⁵², thì ông ta đã trả lời hóm hỉnh như sau:

"Thưa quý ngài, nếu quả có chuyện như vậy thì cái gì đã cản trở hai khóa chính phủ đã thay thế chúng tôi và thuộc phái đối địch với chúng tôi, - mà trong đó có một khóa đã cầm quyền 5 năm, - công bố sự việc ấy và công bố những văn kiện gốc?"

1* - Na-pô-lê-ông III

Nhưng tôi cũng biết rất rõ rằng cái bí mật của những trò bịp ấy trong các cuốn Sách xanh nằm ngay trong bản thân chế độ hai đảng Vích và To-ri luân phiên nắm chính quyền, một chế độ trong đó mỗi đảng, vì lợi ích của bản thân, đều không muốn phá hoại "uy tín" chính trị của địch thủ mình, mà ngược lại, cố sức giữ gìn cho nó khả năng thay chân mình để khởi phá hoại cơ sở thống trị của các giai cấp cầm quyền. Và người Anh coi đây là sự phát huy chức năng của hiến pháp quang vinh của mình.

Huân tước Clan-ri-các-đơ đã báo trước rằng ông sẽ đề nghị bắt đầu cuộc thảo luận về vấn đề phương Đông tại phiên họp của thượng nghị viện đã được ấn định vào ngày hôm qua. Do vậy người ta đặt nhiều hy vọng vào phiên họp này, và thượng nghị viện hầu như chật ních. Trên tờ "Morning Advertiser" số ra hôm qua, ngài Uốc-các-tơ thậm chí đã không chút do dự gọi huân tước Clan-ri-các-đơ là lãnh tụ tương lai của phái dân tộc, nhắc lại rằng năm 1829 huân tước ấy là người duy nhất phản đối việc người Nga vượt qua Ban-căng. Nhưng dĩ nhiên là ngài Uốc-các-tơ đã quên mất rằng, trong thời kỳ hết sức quan trọng vào những năm 1839-1840, chính vị hầu tước cao quý ấy đã làm đại sứ của huân tước Pan-mốc-xơn tại triều đình Xanh-Pê-téc-bua và là công cụ chủ yếu của ông ta trong việc ký hiệp ước riêng rẽ năm 1840 và trong việc cắt đứt quan hệ với Pháp⁵³.

Cong chúng rõ ràng là thất vọng đối với các cuộc tranh luận, vì rằng hầu tước Clan-ri-các-đơ vin cổ báo chí đưa tin "hình như ở Viên một cuộc gì đó giống như đàm phán còn đang tiếp tục" để tuyên bố rằng "ông rất không muốn gây ra một cuộc tranh luận khiến có thể làm trở ngại đến kết cục hòa bình của các cuộc đàm phán ấy". Vì vậy, cuối cùng ông ta nêu lên rằng ông có ý định một tuần lễ nữa sẽ đưa ra kiến nghị về chính cái vấn đề ấy. Vị hầu tước cao quý chỉ hạn chế ở chỗ hỏi huân tước Cla-ren-đôn "đã nhận được sự phúc đáp của hoàng đế Nga đối với các kiến nghị của Viên chưa" và "đã ra chỉ thị gì cho đại sứ Anh ở Xanh-Pê-téc-bua". Huân tước Cla-ren-đôn trả lời rằng "mãi sáng hôm nay mới nhận được tin chính thức từ Viên nói về tình hình sự việc". Hoàng đế Nga đã bác bỏ bức thông điệp của Viên và thay vào đó đưa ra một phản kiến nghị của mình. Về phía mình, hội nghị họp vào ngày 2 tháng Hai đã bác bỏ bản phản kiến nghị ấy.

"Nhưng kiến nghị mới do Nga đưa ra", - huân tước Cla-ren-đôn nói tiếp, - "hoàn toàn không thể chấp nhận được: không thể chuyển nó cho Công-xtăng-ti-nô-pô-ri, vì vậy không nên bàn thêm

về nó nữa. Tôi không có căn cứ gì để cho rằng sẽ có những cuộc đàm phán mới về vấn đề ấy. Còn như hy vọng về việc giữ gìn hòa bình thì tôi hoàn toàn không có".

Trả lời cho câu hỏi khác của huân tước Clan-ri-các-đơ, huân tước Cla-ren-đôn tuyên bố:

"Tôi thứ bảy, nam tước Brun-nốp đến gặp tôi ở Bộ ngoại giao và trao cho tôi một bức thông điệp nói rằng ông ta đã nhận được của tôi sự phúc đáp về những câu hỏi mà ông ta nêu lên theo chỉ thị của chính phủ ông ta, phúc đáp này không cho phép ông ta tiếp tục duy trì quan hệ ngoại giao nữa, vì vậy quan hệ ngoại giao giữa Nga và Anh bị cắt đứt. Nam tước Brun-nốp từ biệt tôi vào tối thứ bảy, nhưng lúc bấy giờ rồi Luân Đôn thì đã quá khuya rồi, và theo tôi được biết, thì ông ta phải đi vào sáng sớm hôm nay".

Theo tin điện thì ngài Ki-xê-lép hôm qua đã rời Pa-ri và đi Bruy-xen. Báo chí chính thức hay là của chính phủ đưa tin rằng tòa đại sứ ở Luân Đôn sẽ đóng cửa và tất cả người Nga sẽ rời khỏi nước Anh. Trái lại, căn cứ vào các nguồn tin hết sức chắc chắn, tôi biết rằng số lượng người Nga ở Anh chỉ giảm đi có một mình viên đại sứ, còn toàn thể personnel^{1*} đều ở lại Luân Đôn dưới sự lãnh đạo của bí thư thứ nhất đại sứ quán là ngài Béc-gơ. Còn về tình hình đại sứ Anh ở triều đình Xanh Pê-téc-bua thì huân tước Cla-ren-đôn tuyên bố rằng:

"Vi nam tước Brun-nốp đến gặp tôi vào hồi 6 giờ rưỡi ngày thứ bảy và vì cần phải trao đổi trước với Chính phủ Pháp, nên lúc đó không thể ra chỉ thị cho đại sứ Anh ở Xanh Pê-téc-bua được, nhưng chúng tôi đã tham khảo vấn đề ấy với đại sứ Pháp, và ngày mai sẽ gửi chỉ thị cho ngài H. Xây-mua và tướng Đơ Ca-xten-ba-giắc và do đó họ cũng sẽ bị đặt vào tình thế giống như đại sứ Nga ở đây, còn quan hệ ngoại giao giữa hai nước với nước Nga sẽ bị cắt đứt".

Ở hạ nghị viện, huân tước Giôn Rốt-xen đã lặp lại lời tuyên bố của huân tước Cla-ren-đôn ở thượng nghị viện, còn huân tước Pan-mốc-xơn thì báo tin rằng

"ông ta có ý định đưa ra một dự luật hợp nhất tất cả mọi luật lệ về dân sinh - một dự luật quy định tổ chức các đơn vị dân binh cho Xcốt-len và Ai-rơ-len mà thời gian tuyển quân phải do hạ nghị viện quy định thông qua bỏ phiếu".

Quân đội Anh sẽ được tăng thêm ngay 11000 người; ngoài ra phải điều ngay cho các hạm tàu 1500 người trong lực lượng phòng thủ bờ biển để làm lực lượng dự bị cho các đội thủy thủ mới được bổ sung của các hạm tàu mới đây đã chuẩn bị nhổ neo. Nữ hoàng đã ra lệnh cấm xuất khẩu

1* - số nhân viên

sang Nga bất kỳ loại chiến hạm nào, bất kỳ thiết bị chiến tranh nào và đạn dược nào. Các nhà đương cục hải quân đã kiểm tra các xưởng đóng tàu tư nhân trên sông Tem-dơ, đã cho niêm phong hai chiếc tàu đang đóng cho Nga. Ở Cô-pen-ha-ghen nhân danh Chính phủ Anh người ta đã ký kết một hợp đồng về cung cấp than cho các tàu hơi nước, với tổng công suất là 11000 sức ngựa. Ngài đô đốc Sác-lơ Nây-pia sẽ nhận chức tổng tư lệnh hạm đội Ban-tích vừa mới được thành lập.

Theo tin của tờ "Wiener Zeitung", cơ quan ngôn luận chính thức, thì

"chính phủ đã nhận được thông báo trong đó Nga trực tiếp tuyên bố với bốn cường quốc rằng Nga cho rằng mình không còn bị ràng buộc với lời hứa ở Ôn-muýt-xơ về việc duy trì trạng thái phòng ngự ở các công quốc thuộc vùng sông Đa-nuýp".

Về những mục đích mà bá tước Óc-lốp ở Viên có sứ mệnh theo đuổi, thì có nhiều tin đồn trái ngược nhau; đáng tin nhất trong đó xem ra là tin đồn được đề cập đến trong một bản tin từ Béc-lin, đăng trên tờ "Times" số ra ngày hôm nay.

"Nước Nga", - phóng viên viết, - "đề nghị Áo và Phổ ký với họ một hiệp ước trung lập, có hiệu lực trong mọi tình huống; Nga đề nghị bản tuyên bố của họ sẽ mang tính chất bản tuyên bố trung lập đối với toàn bộ Hiệp bang Đức, Nga đồng ý giúp đỡ Hiệp bang ấy nếu như một thành viên nào của nó bị tấn công và cam kết rằng trong trường hợp nếu như sau khi chiến tranh kết thúc mà diễn ra những thay đổi nào đó về lãnh thổ, thì Nga sẽ không ký hòa ước mà lại không chú ý một cách thích đáng đến những lợi ích của các cường quốc Đức trong những thay đổi về lãnh thổ ấy. Trong đề nghị về hiệp ước trung lập ấy rõ ràng có sự viện dẫn những nguyên tắc và những quy định của Liên minh thần thánh năm 1815".

Còn như quyết định có thể có của Áo và Phổ, thì tôi chỉ có thể nhắc lại ý kiến mà tôi đã nêu lên về vấn đề này^{1*}. Chừng nào có thể được thì Áo sẽ cố sức tìm mọi cách giữ lập trường trung lập của mình, và hễ gặp thời cơ thuận lợi nó sẽ đứng về phía Nga. Mặt khác, có lẽ Phổ lại bỏ lỡ một thời cơ thích hợp để từ chối sự trung lập và kết cục sẽ là tự chuốc lấy nỗi nhục của một I-ê-na mới.

1* Xem tập này, tr. 9-14.

Theo tin từ Công-xtăng-ti-nô-plơ cho biết thì hạm đội của quân đồng minh đã trở về bến đỗ của nó ở Bây-cô-dơ, bất chấp việc "Xam-xơn", nhân danh các vị đại sứ, đã chuyển cho nó mệnh lệnh sau đây:

"Các vị đại sứ hết sức ngạc nhiên về quyết định bất ngờ của các đô đốc, nhất là trong lúc này, khi mà đội tàu chạy bằng hơi nước của Thổ Nhĩ Kỳ chờ đạn dược và các loại hàng khác cho đạo quân A-na-tô-li, đã chuẩn bị sẵn sàng nhổ neo. Trong mệnh lệnh của mình, các Chính phủ Pháp và Anh đã ra chỉ thị chính thức và rõ ràng" (quả thực như vậy, nhưng điều đó không liên quan đến mệnh lệnh thoát đầu gửi cho các vị đô đốc, mà chỉ liên quan đến mệnh lệnh họ vừa mới nhận được), "rằng hạm đội quân đồng minh phải đảm nhận việc bảo vệ hạm đội và lãnh thổ của Đế quốc Ôt-tô-man. Vì vậy, một lần nữa lưu ý hai vị đô đốc đến tính chất nghiêm ngặt của những chỉ thị ấy được chuyển giao cho hai vị một cách cần thiết. Có lẽ, các vị đô đốc cho rằng những biện pháp giao cho họ thực hiện đều có thể hoàn thành như nhau bất kể quân đội mà họ chỉ huy được bố trí ở nơi nào - ở Bây-cô-dơ hay ở Xi-nô-pơ". (Trong trường hợp này, những người khác có thể cho rằng các chỉ thị ấy cũng có thể được thực hiện, ngay cả khi hạm đội an nhàn lưu lại Man-tơ và Tu-lông). "Nhưng vấn đề ấy phải được quyết định thế nào thì hoàn toàn do họ suy nghĩ và chịu trách nhiệm".

Như mọi người đều biết, hạm đội Nga đang đỗ ở Ca-pha, gần eo biển Kéc-sơ, từ đấy đi Ba-tum chỉ bằng một phần ba đường so với đi Bây-cô-dơ. Thử hỏi, các vị đô đốc có thể ngăn ngừa tái diễn một vụ "Xi-nô-pơ" ở Ba-tum, "bất kể họ ở đâu - ở Bây-cô-dơ hay ở nơi khác" chăng?

Chắc các bạn còn nhớ, trong lời kêu gọi đầu tiên của Nga hoàng, vua Thổ Nhĩ Kỳ đã bị chỉ trích là ông ta tập hợp dưới ngọn cờ của mình những "cặn bã" cách mạng từ khắp châu Âu. Thế mà đúng vào lúc huân tước Xtơ-rát-phơ Đơ Rét-clíp-phơ tuyên bố với huân tước Đa-dli Xtiu-át rằng ông ta không thể giúp Đa-dli tổ chức một đội quân tình nguyện lấy từ một bộ phận nào đó của những "cặn bã" ấy, thì chính Nga hoàng là người đầu tiên đã thành lập một đội quân "cách mạng" được gọi là quân đoàn Hy Lạp - Nam Tư, với mục đích thật sự là kích động các cuộc nổi loạn của các thần dân của vua Thổ Nhĩ Kỳ. Đơn vị này được thành lập ở Va-la-ki và, theo tin tức của Nga, thì đã có trên 3000 người được trả công không phải bằng bons à perpétuité^{1*}, mà là bằng tiền mặt: đại tá mỗi ngày được 5 đu-ca, thiếu tá - 3 đu-ca, đại uý - 2 đu-ca, hạ sĩ quan - 1 đu-ca, còn binh sĩ - 2 xvan-xi-gơ; vũ khí của họ do Nga cung cấp.

1* - trái khoán vô thời hạn

Tuy nhiên, ở Pháp rõ ràng là không còn chỉ có ý định tiến hành vũ trang trên giấy nữa. Như các bạn đều rõ, lính hậu bị năm 1851 đã nhập ngũ, và mấy ngày gần đây, một khối lượng lớn thiết bị chiến tranh đã được chuyển từ A-rát đến Mét-xơ và Xtơ-ra-xbua. Tướng Pê-li-xi-ê đã đi An-giê-ri, nơi đây, theo mệnh lệnh mà ông nhận được, ông sẽ tuyển chọn mấy quân đoàn cho cuộc viễn chinh sắp tới đến Công-xtăng-ti-nô-plơ, nơi mà ngài Gi. Buyéch-gô-in và đại tá Ác-đăng đã đến trước để chuẩn bị doanh trại.

Tin đồn về cuộc điều động một đội quân rất lớn dưới quyền Ô-me-rơ-pa-sa còn phải chờ xác minh, mặc dù rằng để thực hiện công việc đó chắc gì đã có thể gặp thời cơ thuận lợi hơn, vì như mọi người đều biết, quân Nga đã tập kết ở Crai-ô-va, giữa Bu-ca-rét và Ca-la-phát.

Tôi xin phép trở lại hoạt động của nghị viện Anh, mặc dù về thực chất ở đó có rất ít sự kiện đáng nêu lên, nếu như không kể tới việc đưa ra bản dự luật cho mậu dịch tự do ven biển đối với tàu nước ngoài, mà đề nghị này cũng không gặp phải sự phản đối nào. Dĩ nhiên, mọi sự phản đối đều bị chấm dứt, một khi tỏ ra bất lực không chống lại được cái nguyên tắc mậu dịch hiện nay đang chinh phục toàn thế giới: anh hãy mua mọi thứ anh cần ở thị trường rẻ nhất. Còn như đội thủy thủ rẻ tiền nhất có khả năng bảo đảm tính mệnh và tài sản của con người như thế nào thì thảm họa gần đây của tàu "Tay-lo"⁵⁴ đã chứng minh rồi.

Tại phiên họp hôm qua của hạ nghị viện, ngài Bát đã nói ra ý định của mình là

"ngày mai sẽ đưa ra đề nghị để thư ký của nghị viện tuyên đọc trên diễn đàn một bài báo được đăng trên tờ "Times" số ra ngày hôm nay, cũng như một số tin tức trước đây của tờ "Dublin Freeman's Journal", trong đó buộc tội một số nghị sĩ" (Ai-rơ-len) "đã đem bán các chức tước để lấy tiền. Đồng thời ông ta cũng dự định đề nghị cử ra một ủy ban để điều tra những điều nói về hiện tượng buôn bán chức tước nêu ra trong các tin tức ấy".

Bất kỳ ai còn nhớ kỳ họp trước đã quy định rằng việc buôn bán bằng bất cứ phương thức nào khác đều hợp pháp, thì tất hiểu rõ tại sao ông Bát chỉ căm phẫn đối với việc buôn bán chức tước. Bắt đầu từ năm 1830, phố Dao-ninh đã ở vào địa vị phụ thuộc tập đoàn Ai-rơ-len⁵⁵. Chính các nghị sĩ Ai-rơ-len đã tùy tiện bổ nhiệm và ủng hộ các bộ trưởng. Năm 1834, họ đã gạt ngài Gi. Grê-hêm và huân tước Xten-li ra khỏi nội các.

Năm 1835 họ đã buộc Uy-li-am IV cho nội các Pin từ chức và khôi phục Chính phủ Men-buốc. Từ cuộc tổng tuyển cử năm 1837 cho đến cuộc bầu cử năm 1841, mặc dầu các nghị sĩ Anh thù địch với nội các ấy chiếm đa số trong hạ nghị viện lúc đó, số phiếu của tập đoàn Ai-rơ-len vẫn đủ mạnh để giữ vai trò quyết định và giữ nội các ấy cầm quyền. Cũng chính tập đoàn Ai-rơ-len ấy đã lập lại nội các liên hiệp. Tuy có khả năng lập ra các nội các, song tập đoàn này chưa một lần nào ngăn chặn được bất cứ một hành động đề tiện nào đối với Ai-rơ-len, bất cứ một sự bất công nào đối với nhân dân Anh. Thời kỳ Ô'Cô-nen từ 1834 đến 1841 là thời kỳ lớn mạnh nhất của tập đoàn Ai-rơ-len. Thời kỳ ấy phục vụ lợi ích của ai? Công tác tuyên truyền cổ động của Ai-rơ-len bao giờ cũng chỉ là những lời hò hét om sòm ủng hộ đảng Vích chống lại đảng To-ri để bằng cách cưỡng đoạt mà chiếm lấy của đảng Vích một số chức vị. Ai đã biết được dù ít nhiều về cái gọi là hiệp định dinh Li-xphin-đơ⁵⁶, thì đều thừa nhận điều đó. Theo hiệp định này, Ô'Cô-nen đã cam kết sẽ *ủng hộ* đảng Vích, mặc dù ông ta được phép làm om sòm *chống lại* họ, với điều kiện là ông ta phải được quyền bổ nhiệm những nhân vật có chức sắc ở Ai-rơ-len. Đã đến lúc tập đoàn Ai-rơ-len vứt bỏ cái mặt nạ yêu nước của nó. Đã đến lúc nhân dân Ai-rơ-len từ bỏ sự thù hằn ngấm ngấm của mình đối với người Anh và đòi hỏi các vị đại biểu của mình phải trả lời về tội lỗi của họ gây ra.

"Hội nghệ thuật và lừa bịp"⁵⁷ mới đây định vận dụng nghệ thuật của mình để phá hoại Nghị viện công nhân^{1*} bằng một mẹo với ý đồ "ngăn chặn" cuộc đấu tranh không ngừng giữa các nhà tư bản và công nhân ở Anh. Một cuộc hội nghị đã được triệu tập dưới quyền chủ tọa của một vị huân tước cao quý nào đó và đề nghị đại biểu hai bên sẽ bày tỏ ý kiến của mình hoàn toàn theo tinh thần của các phiên họp ở cung Lúc-xăm-buốc do Lu-i Blăng chủ trì⁵⁸. Ngài Êc-ne-xơ Giôn-xơ đã nhân danh giai cấp công nhân lên tiếng phản đối cái trò bịp ấy, còn ông già Rô-bốt Ô-oen đã tuyên bố với các vị quân tử có học thức rằng, bất cứ sự trọng tài nào, bất cứ mảnh khoé nào hoặc mưu mô nào cũng không khi nào có thể lấp bằng được cái hố sâu ngăn cách hai giai cấp lớn, cơ bản ở Anh cũng như ở bất cứ nước nào khác. Có lẽ chẳng cần nói thêm rằng hội nghị ấy đã phải giải

1* Xem tập này, tr. 131 và những trang tiếp theo.

tán sau khi trở thành trò cười cho thiên hạ. Ngày hôm sau, đã diễn ra hội nghị công khai của phái Hiến chương Luân Đôn và của các đại biểu của các tổ chức Hiến chương trong tỉnh, hội nghị đã nhất trí thông qua đề nghị triệu tập Nghị viện công nhân, và dự định sẽ khai mạc ở Man-se-xơ vào ngày 11 tháng Ba.

*Do C.Mác viết ngày 7 tháng Hai 1854
Đã đăng trên tờ "New-York Daily Tribune"
số 4008, ngày 21 tháng Hai 1854
Ký tên: Các Mác*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Anh*

C. MÁC

***NỀN NGOẠI GIAO CỦA NGA. - SÁCH XANH VỀ VẤN ĐỀ PHƯƠNG ĐÔNG. - VÙNG SÉC-NÔ-GÔ-RI-A**

Luân Đôn, thứ sáu, ngày 10 tháng Hai 1854

Khi Đan Mạch và Thụy Điển ký hiệp ước trung lập, tôi đã nêu ra ý kiến^{1*} cho rằng trái với ý kiến đang lan rộng ở Anh và Pháp, hiệp ước đó dù sao cũng không thể được coi là thắng lợi của các cường quốc phương Tây, và sự phản đối vờ vịt của Nga đối với hiệp ước đó chỉ là một thủ đoạn mà thôi. Báo chí Xcăng-di-na-vơ và phóng viên của tờ "Times" trích dẫn những báo chí ấy, hiện nay đều nhất trí bày tỏ ý kiến đó và tuyên bố rằng toàn bộ hiệp ước trên là do bàn tay Nga tạo nên.

Những kiến nghị của bá tước Óc-lốp đưa ra trước hội nghị Viên và đã bị hội nghị bác bỏ, là:

- 1) khôi phục lại những hiệp ước cũ;
- 2) quyền bảo hộ của Nga đối với các thần dân Thổ Nhĩ Kỳ theo Chính thống giáo;
- 3) trục xuất tất cả những người lưu vong chính trị ra khỏi Đế quốc Ôt-tô-man;
- 4) Nga cự tuyệt chấp nhận sự điều đình của bất cứ cường quốc nào và cự tuyệt tiến hành đàm phán trừ phi trực tiếp thông qua đại diện toàn quyền của Thổ Nhĩ Kỳ được cử đến Xanh Pê-téc-bua.

Về điều khoản cuối cùng này thì bá tước Óc-lốp tỏ ý sẵn sàng nhượng bộ nhưng hội nghị đã khước từ. Tại sao hội nghị lại khước từ như vậy? Hoặc tại sao hoàng đế Nga lại bác bỏ những điều kiện cuối cùng của hội nghị? Nên nhớ rằng những kiến nghị của hai bên đều trùng hợp. Việc khôi phục các hiệp ước cũ đã được thông qua, quyền bảo hộ của Nga cũng vậy, chỉ có đôi điều sửa đổi trên hình thức, về điều khoản cuối cùng của

^{1*} Xem tập này, tr. 53-54.

tán sau khi trở thành trò cười cho thiên hạ. Ngày hôm sau, đã diễn ra hội nghị công khai của phái Hiến chương Luân Đôn và của các đại biểu của các tổ chức Hiến chương trong tỉnh, hội nghị đã nhất trí thông qua đề nghị triệu tập Nghị viện công nhân, và dự định sẽ khai mạc ở Man-se-xơ vào ngày 11 tháng Ba.

*Do C.Mác viết ngày 7 tháng Hai 1854
Đã đăng trên tờ "New-York Daily Tribune"
số 4008, ngày 21 tháng Hai 1854
Ký tên: Các Mác*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Anh*

C. MÁC

***NỀN NGOẠI GIAO CỦA NGA. - SÁCH XANH VỀ VẤN ĐỀ PHƯƠNG ĐÔNG. - VÙNG SÉC-NÔ-GÔ-RI-A**

Luân Đôn, thứ sáu, ngày 10 tháng Hai 1854

Khi Đan Mạch và Thụy Điển ký hiệp ước trung lập, tôi đã nêu ra ý kiến^{1*} cho rằng trái với ý kiến đang lan rộng ở Anh và Pháp, hiệp ước đó dù sao cũng không thể được coi là thắng lợi của các cường quốc phương Tây, và sự phản đối vờ vịt của Nga đối với hiệp ước đó chỉ là một thủ đoạn mà thôi. Báo chí Xcăng-di-na-vơ và phóng viên của tờ "Times" trích dẫn những báo chí ấy, hiện nay đều nhất trí bày tỏ ý kiến đó và tuyên bố rằng toàn bộ hiệp ước trên là do bàn tay Nga tạo nên.

Những kiến nghị của bá tước Óc-lốp đưa ra trước hội nghị Viên và đã bị hội nghị bác bỏ, là:

- 1) khôi phục lại những hiệp ước cũ;
- 2) quyền bảo hộ của Nga đối với các thần dân Thổ Nhĩ Kỳ theo Chính thống giáo;
- 3) trục xuất tất cả những người lưu vong chính trị ra khỏi Đế quốc Ôt-tô-man;
- 4) Nga cự tuyệt chấp nhận sự điều đình của bất cứ cường quốc nào và cự tuyệt tiến hành đàm phán trừ phi trực tiếp thông qua đại diện toàn quyền của Thổ Nhĩ Kỳ được cử đến Xanh Pê-téc-bua.

Về điều khoản cuối cùng này thì bá tước Óc-lốp tỏ ý sẵn sàng nhượng bộ nhưng hội nghị đã khước từ. Tại sao hội nghị lại khước từ như vậy? Hoặc tại sao hoàng đế Nga lại bác bỏ những điều kiện cuối cùng của hội nghị? Nên nhớ rằng những kiến nghị của hai bên đều trùng hợp. Việc khôi phục các hiệp ước cũ đã được thông qua, quyền bảo hộ của Nga cũng vậy, chỉ có đôi điều sửa đổi trên hình thức, về điều khoản cuối cùng của

^{1*} Xem tập này, tr. 53-54.

mình thì chính Nga đã bác bỏ nó; yêu sách của Áo về việc trục xuất những người lưu vong chính trị⁵⁹ cũng không thể là nguyên nhân tuyệt giao giữa Nga và phương Tây. Hiển nhiên là hoàng đế Nga hiện nay đang lâm vào hoàn cảnh không thể chấp nhận *bất cứ* điều kiện nào mà Anh và Pháp đưa ra và *phải* bắt Thổ Nhĩ Kỳ lệ thuộc vào mình, bất kể điều đó có gây ra chiến tranh châu Âu hay không.

Giới quân sự đã cho rằng chiến tranh không thể tránh khỏi, và chuẩn bị chiến tranh trên tất cả các trận tuyến. Đô đốc Bruy-a đã rời Brê-xtơ đi An-giê-ri, nơi đây ông phải chuyển 10000 quân xuống tàu; 16 trung đoàn Anh đóng ở Ai-rơ-len đã nhận được lệnh chuẩn bị đi Công-xtăng-ti-nô-plơ. Cuộc viễn chinh chỉ có thể có hai mục đích: hoặc buộc Thổ Nhĩ Kỳ phải khuất phục Nga, như ngài Uốc-các-tơ khẳng định, hoặc thực sự tiến hành chiến tranh chống lại Nga. Trong cả hai trường hợp, người Thổ Nhĩ Kỳ không tránh khỏi phải chịu cùng một số phận như nhau. Nếu như Thổ Nhĩ Kỳ lại rơi - dù rằng không phải trực tiếp - vào tay Nga và chịu sự tác động của sức tàn phá của Nga thì đế quốc Ôt-tô-man, giống như đế quốc Bi-dăng-xơ trước đây, sẽ nhanh chóng thu hẹp vào một mảnh lãnh thổ tiếp giáp với thủ đô. Nếu như người Thổ Nhĩ Kỳ rơi vào sự bảo hộ độc chiếm của Pháp và Anh, thì họ cũng sẽ bị mất đi quyền lực đối với lãnh địa ở châu Âu của mình.

"Nếu như chúng ta phải nắm trong tay mình việc tiến hành chiến tranh" - tờ "Times" nhận định - "thì chúng ta cần phải có được khả năng chỉ đạo toàn bộ các chiến dịch nữa".

Trong trường hợp này, Chính phủ Thổ Nhĩ Kỳ sẽ chịu sự chỉ đạo trực tiếp của các đại sứ các cường quốc phương Tây, Bộ chiến tranh Thổ Nhĩ Kỳ sẽ chịu sự chỉ đạo của các bộ chiến tranh Anh và Pháp, còn quân đội Thổ Nhĩ Kỳ thì ở dưới quyền chỉ huy của các tướng lĩnh Anh và Pháp. Đế quốc Thổ Nhĩ Kỳ không còn tồn tại dưới dạng trước đây của nó nữa.

Sau "thất bại" hoàn toàn của mình ở Viên, bá tước Oóc-lốp hiện đã trở về Xanh Pê-téc-bua, "sau khi được bảo đảm rằng trong bất cứ tình huống nào, Áo và Phổ vẫn giữ trung lập".

Mặt khác, tin điện từ Viên cho biết rằng Chính phủ Thổ Nhĩ Kỳ đã có sự thay đổi, vì viên xê-ra-xkia và viên ca-pu-đan - pa-sa^{1*} đã đệ đơn từ chức. Tờ "Times" không thể hiểu được tại sao phái chủ chiến lại có thể bị

thất bại đúng vào lúc Anh và Pháp chuẩn bị phát động chiến tranh. Nếu như tin ấy đúng thực, thì về phần mình, tôi có thể coi sự kiện "cứu nguy" ấy chỉ là việc làm của vị đại diện cho nội các liên hiệp Anh ở Công-xtăng-ti-nô-plơ mà thôi, của chính các vị đại diện, trong các báo cáo khẩn cấp của mình được công bố trong cuốn Sách xanh, thường tỏ ý tiếc rằng "áp lực của mình đối với nội các Thổ Nhĩ Kỳ hiện nay còn xa mới có thể đạt được mức mong muốn".

Cuốn Sách xanh mở đầu bằng bản báo cáo nêu lên những yêu sách mà Pháp đưa ra về vấn đề đất thánh, những yêu sách đó chưa được những ca-pi-tu-la-rô⁶⁰ trước đây thừa nhận đầy đủ, và rõ ràng là nhằm tạo ra ưu thế cho giáo hội Thiên chúa giáo La Mã hơn giáo hội Chính thống giáo. Tôi hoàn toàn không tán thành quan điểm của ngài Uốc-các-tơ cho rằng chính Nga hoàng, lợi dụng ảnh hưởng ngầm của mình ở Pa-ri, đã xúi giục Bô-na-pác-tơ gây ra cuộc xung đột đó, tìm mọi cách tạo cơ cho bản thân Nga can thiệp vào một cách có lợi cho các tín đồ Chính thống giáo. Mọi người đều biết rất rõ rằng Bô-na-pác-tơ cố sức coùte que coùte^{1*} giành lấy sự ủng hộ của phe Thiên chúa giáo mà ngay từ đầu ông ta đã coi là điều kiện chủ yếu cho sự thành công của việc tiến vị của mình. Bô-na-pác-tơ hiểu rất rõ giáo hội Thiên chúa giáo đã có ảnh hưởng như thế nào đối với nông dân Pháp; mà chính là nông dân đã phải làm cho ông ta trở thành hoàng đế trái với ý chí của giai cấp tư sản và giai cấp vô sản. Ngài Phan-lu, một tín đồ thuộc phái dòng Tên, là một ủy viên có uy tín nhất trong khóa đầu của Chính phủ Bô-na-pác-tơ, trong đó soi-disant^{2*} người theo phái Vôn-te là Ô-di-lông Ba-rô chỉ là người đứng đầu trên danh nghĩa mà thôi. Quyết định đầu tiên được chính phủ ấy thông qua, ngay ngày đầu sau khi Bô-na-pác-tơ nhận chức tổng thống, là quyết định về cuộc viễn chinh nổi tiếng chống nước Cộng hòa La Mã. Ngài Mông-ta-lăm-be, thủ lĩnh phái dòng Tên, là công cụ đắc lực nhất của Bô-na-pác-tơ trong việc chuẩn bị lật đổ chế độ nghị viện và trong coup d'état ngày 2 tháng Chạp. Năm 1850, tờ "Univers", cơ quan ngôn luận chính thức của phái dòng Tên, ngày này qua ngày khác yêu cầu Chính phủ Pháp phải có những biện pháp kiên quyết để bảo vệ giáo hội Thiên chúa giáo ở phương Đông. Bô-na-pác-tơ vốn muốn lấy lòng giáo hoàng, muốn lôi kéo giáo hoàng về phía mình và nhờ giáo hoàng tấn

1* - bộ trưởng Bộ chiến tranh và bộ trưởng Bộ hải quân

1* - bằng bất cứ giá nào

2* - cái gọi là

phong cho mình, nên có lý do để lắng nghe yêu cầu ấy và tự đóng vai hoàng đế Pháp "ngoan đạo Thiên chúa nhất"⁶¹. Bởi vậy nguồn gốc thực sự của cuộc khủng hoảng ở phương Đông hiện nay là sự tiếm vị của Bô-na-pác-tơ. Tuy nhiên, Bô-na-pác-tơ đã khôn ngoan rút lui những tham vọng của mình ngay khi phát hiện rằng hoàng đế Ni-cô-lai muốn biến chúng thành cái cớ để gạt ông ta ra khỏi hội đồng hồng y giáo chủ châu Âu, còn nước Nga, theo lẽ thường của nó, lại ra sức giành lấy lợi ích từ những tình huống mà bản thân nó không đủ sức tạo ra, trái với điều mà ngài Uốc-các-tơ nghĩ. Dù sao đi nữa, một điều rất đáng chú ý đối với các nhà sử học là sự kiện sau đây: cuộc khủng hoảng hiện nay của Đế quốc Ôt-tô-man chính là nảy sinh từ sự xung đột giữa giáo hội Thiên chúa và giáo hội Chính thống, một sự xung đột trước kia đã thúc đẩy sự thành lập đế quốc này ở châu Âu.

Tôi không muốn nghiên cứu sâu toàn bộ nội dung "quyền lợi và đặc quyền của giáo hội Thiên chúa và giáo hội Chính thống", cho nên không nêu lên trước một vụ việc cực kỳ quan trọng mà cuốn Sách xanh cố tình lờ đi. Đây là cuộc tranh cãi của Áo và Thổ Nhĩ Kỳ về vùng Séc-nô-gô-ri-a. Việc tìm hiểu trước sự kiện này càng cần thiết ở chỗ nó cho phép bóc trần một kế hoạch được thoả thuận giữa Nga và Áo đang diễn ra nhằm tiêu diệt và chia cắt đế quốc Thổ Nhĩ Kỳ. Điều đó còn cần thiết vì rằng chính việc Anh chuyển giao cho Áo các cuộc đàm phán tiếp tục giữa triều đình Xanh Pê-téc-bua với Chính phủ Thổ Nhĩ Kỳ đã làm sáng tỏ một cách lạ lùng cái thái độ của nội các Anh trong suốt thời gian cuộc khủng hoảng ở phương Đông. Vì không có văn kiện chính thức nào về vấn đề Séc-nô-gô-ri-a, nên tôi dựa vào tác phẩm vừa mới xuất bản của L.Ph. Xim-xơn "Sách tham khảo về vấn đề phương Đông"⁶².

Cứ điểm Gia-bli-ác của Thổ Nhĩ Kỳ (ở biên giới Séc-nô-gô-ri-a - An-ba-ni) đã bị một đơn vị vùng Séc-nô-gô-ri-a tấn công vào tháng Chạp 1852. Độc giả chắc còn nhớ rằng Ô-me-rô-pa-sa đã được Chính phủ Thổ Nhĩ Kỳ cử đi đẩy lùi cuộc tấn công đó. Chính phủ Thổ Nhĩ Kỳ tối cao tuyên bố phong tỏa toàn bộ bờ biển An-ba-ni. Biện pháp đó, hiển nhiên, chỉ có thể chĩa vào Áo và hạm đội của Áo và chứng tỏ nội các Thổ Nhĩ Kỳ tin chắc rằng cuộc nổi loạn của vùng Séc-nô-gô-ri-a là do Áo khiêu khích.

Sau đó, tờ "Allgemeine Zeitung" ở Au-xbuốc đã đăng bài bình luận ngắn dưới đây từ Viên gửi về đề ngày 29 tháng Chạp 1852:

"Nếu như Áo quả thực muốn chỉ viện cho người Séc-nô-gô-ri-a thì cuộc phong tỏa cũng sẽ không thể cản trở được việc đó. Miễn là người Séc-nô-gô-ri-a xuống núi, thì Áo có thể cung cấp vũ khí và đạn dược cho họ ở Cát-ta-rô, mặc dầu có hạm đội Thổ Nhĩ Kỳ ở biển A-dri-a-tích. Áo không ủng hộ cuộc tấn công hiện nay của người Séc-nô-gô-ri-a, cũng như cuộc bạo động sắp sửa nổ ra trong dân cư theo đạo Cơ Đốc ở Héc-tê-gô-vi-na và Bô-xni-a. Áo bao giờ cũng phản đối việc áp bức tín đồ Cơ Đốc giáo và làm điều đó là xuất phát từ những lý do nhân đạo. Áo buộc lòng phải giữ trung lập đối với giáo hội phương Đông. Những tin tức gần đây từ Giê-ru-da-lem chứng tỏ rằng ngọn lửa hận thù tôn giáo ở đây đã bùng lên với một sức mạnh ghê gớm như thế nào. Cho nên các nhà hoạt động Áo phải đem hết sức mình để giữ gìn nền hòa bình giữa dân cư theo đạo Chính thống và dân cư theo đạo Thiên chúa ở đế quốc Áo".

Qua bài bình luận ngắn ấy, chúng ta biết rằng, một là, người ta *kiến quyết* trông chờ vào cuộc bạo động trong dân cư Cơ Đốc giáo ở Thổ Nhĩ Kỳ; hai là, Áo đã chuẩn bị căn cứ cho Nga phê phán việc áp bức giáo hội Chính thống; ba là, người ta dự đoán rằng tính chất rắc rối trong các cuộc tranh chấp tôn giáo về vấn đề "đất thánh" sẽ quyết định vai trò "trung lập" của Áo.

Cũng trong tháng ấy, Nga đã gửi cho Chính phủ Thổ Nhĩ Kỳ một bức công hàm đề nghị Nga sẽ đứng ra điều đình về vấn đề Séc-nô-gô-ri-a. Sự điều đình ấy đã bị cự tuyệt với lý do là đích thân vua Thổ Nhĩ Kỳ có thể sẽ đứng ra bên vực quyền lợi của mình. Chúng ta thấy rằng, trong trường hợp này Nga đã hành động giống y như trong thời gian nổ ra cách mạng Hy Lạp⁶³: ban đầu Nga tỏ ra sẵn sàng bảo vệ vua Thổ Nhĩ Kỳ chống lại các thần dân của vua Thổ Nhĩ Kỳ để sau đó, trong trường hợp, nếu như sự giúp đỡ của Nga không được tiếp nhận, thì Nga sẽ bảo vệ các thần dân của vua Thổ Nhĩ Kỳ chống lại chính vua Thổ Nhĩ Kỳ.

Về việc Nga và Áo lúc đó đã có hiệp ước về chiếm đóng các công quốc thuộc vùng sông Đa-nuýp, thì có thể thấy được qua một đoạn trích khác từ tờ "Allgemeine Zeitung" ở Au-xbuốc ra ngày 30 tháng Chạp 1852.

"Nước Nga cách đây không lâu đã thừa nhận nền độc lập của Séc-nô-gô-ri-a, vì tất cả có thể giữ thái độ bàng quang đối với các sự kiện. Hơn nữa, qua các công văn nhận được từ Môn-đa-vi-a và Va-la-ki, và qua các câu chuyện của khách du hành có thể thấy rõ rằng từ Vô-lun đến cửa sông Prút chỗ nào cũng đầy rẫy quân Nga và quân tăng viện vẫn không ngừng kéo đến".

Đồng thời, báo chí ở Viên cũng đưa tin rằng một đơn vị trinh sát của Áo đã tập kết ở biên giới Áo - Thổ Nhĩ Kỳ.

Ngày 6 tháng Chạp 1852, huân tước Sten-li đã hỏi huân tước Man-mơ-xbê-ri về tình hình vùng Séc-nô-gô-ri-a, và người bạn cao quý ấy của Bô-na-pác-tơ đã tuyên bố như sau:

"Ngài huân tước cao quý tỏ ý muốn hỏi xem có sự biến đổi gì không trong tình hình chính trị của cái nước đã man giáp tiếp với An-ba-ni mang cái tên là Séc-nô-gô-ri-a. Tôi cho rằng tình hình chính trị ở đây chẳng có sự thay đổi gì cả. Người đứng đầu quốc gia này mang hai chức vụ: ông ta là người cầm đầu giáo hội chính thống của nước này và đồng thời lại là vị quốc vương thế tục. Với địa vị của mình là người cầm đầu giáo hội, ông ta *phục tùng quyền xét xử của hoàng đế Nga là người được coi là cầm đầu toàn bộ giáo hội Chính thống*. Thủ lĩnh vùng Séc-nô-gô-ri-a (tôi cho rằng cũng như tất cả những vị tiền bối của ông ta), theo lệ thường vẫn nhận của hoàng đế Nga sự phê chuẩn và công nhận những quyền lực và tước hiệu giáo chủ của họ. Về nền độc lập của nước này, tuy người ta có những ý kiến như thế nào chẳng nữa về các ưu thế của địa vị đó thì sự thực vẫn là *vùng Séc-nô-gô-ri-a đã là một xứ sở độc lập trong thời gian gần 150 năm rồi*. Và bất chấp Thổ Nhĩ Kỳ đã nhiều lần mưu toan chinh phục đất nước này, nhưng những mưu đồ ấy đã nối tiếp nhau thất bại, và hiện nay đất nước này đang ở vào tình trạng giống như tình trạng 200 năm trước đây".

Trong bài diễn văn ấy huân tước Man-mơ-xbê-ri bấy giờ là bộ trưởng Bộ ngoại giao của chính phủ thuộc đảng To-ri đã ngang nhiên chia cắt Đế quốc Ôt-tô-man, tách ra khỏi Đế quốc này một nước xưa nay vẫn phụ thuộc nó, đồng thời thừa nhận những tham vọng nắm quyền thống trị về tinh thần của hoàng đế Nga đối với các thần dân của Chính phủ Thổ Nhĩ Kỳ. Có thể nói gì hơn về hai tập đoàn thống trị đầu sỏ ấy, ngoài việc chúng đua nhau làm những chuyện ngu xuẩn?

Đương nhiên là Chính phủ Thổ Nhĩ Kỳ hết sức lo lắng về bài diễn văn ấy của vị bộ trưởng Anh, và liền sau đó một tờ báo Anh đã đăng bức thư sau từ Công-xtăng-ti-nô-plơ gửi về đề ngày 5 tháng Giêng 1853:

"Chính phủ Thổ Nhĩ Kỳ hết sức ngạc nhiên về lời tuyên bố của huân tước Man-mơ-xbê-ri tại thượng nghị viện cho rằng Séc-nô-gô-ri-a là một nước độc lập. Ông ta đã tiếp tay cho Nga và Áo; vì cái trò đó mà Anh mất đi cái uy thế và sự tín nhiệm mà cho tới nay Anh vẫn giữ được. Điều một của Hiệp ước Xi-xtốp đã được ký kết (với sự hòa giải của Anh, Nga và Hà Lan) giữa Chính phủ Thổ Nhĩ Kỳ và Áo năm 1791, quy định rõ ràng là phải ân xá cho các thần dân của hai cường quốc đã nổi dậy chống lại *các vua chúa hợp pháp* của mình; đồng thời đã nêu lên các thần dân nổi loạn của Chính phủ Thổ Nhĩ Kỳ là người Xéc-bi, *Séc-nô-gô-ri-a*, Môn-da-vi-a và Va-la-ki. Người Séc-nô-gô-ri-a cư trú ở Công-xtăng-ti-nô-plơ có chừng 2000 - 3000, đều nộp thuế ruộng đất hoặc thuế thân và khi tòa án xét xử các thần dân những cường quốc khác ở Công-xtăng-ti-nô-plơ thì họ vẫn luôn luôn được coi và được nói tới như là những thần dân của Thổ Nhĩ Kỳ mà không có sự phản đối nào".

Đầu năm 1853, đúng vào khi mà Chính phủ Áo cử nam tước Ken-nơ Phôn Quê-len-stai-nơ, sĩ quan tùy tùng của hoàng đế, đến Cát-ta-rô để theo dõi tình hình tiến triển của các sự kiện, thì ngài Ô-de-rốp, đại biện lâm thời của Nga ở Công-xtăng-ti-nô-plơ, đã tuyên bố phản đối Đi-van về

những nhượng bộ đối với giáo hội Thiên chúa trong vấn đề đất thánh. Cuối tháng Giêng, bá tước Lai-ninh-nghen đã đến Công-xtăng-ti-nô-plơ và ngày 3 tháng Hai được phép yết kiến vua Thổ Nhĩ Kỳ, và ông ta trao cho vua Thổ Nhĩ Kỳ một bức thư của hoàng đế Áo. Chính phủ Thổ Nhĩ Kỳ từ chối thực hiện những yêu sách nêu lên trong bức thư ấy, và sau đó bá tước Lai-ninh-nghen đã đưa tối hậu thư hạn cho Chính phủ Thổ Nhĩ Kỳ trong bốn ngày phải trả lời. Chính phủ Thổ Nhĩ Kỳ lập tức yêu cầu sự bảo hộ của Anh và Pháp, nhưng hai nước này không dành cho Chính phủ Thổ Nhĩ Kỳ sự bảo hộ nào cả, trong khi đó, về phía mình, bá tước Lai-ninh-nghen cũng cự tuyệt vai trò trung gian của Anh và Pháp. Ngày 15 tháng Hai, ông ta đã đạt được tất cả những gì mà ông yêu sách (trừ điều III), và tối hậu thư của ông ta đã được chấp nhận. Tối hậu thư ấy gồm những điều sau đây:

- I. Rút hết quân ngay khỏi Séc-nô-gô-ri-a và khôi phục lại status quo ante bellum^{1*}.
- II. Phía Chính phủ Thổ Nhĩ Kỳ tuyên bố cam kết duy trì status quo của các vùng Clếch và Xu-tô-rin và thừa nhận chủ quyền của Áo ở vùng mare clausum^{2*}.
- III. Nghiêm khắc truy nã những hành động cuồng tín của những tín đồ Hồi giáo chống lại dân theo đạo Cơ Đốc ở Bô-xni-a và Héc-txê-gô-vi-a.
- IV. Quét sạch tất cả bọn lưu vong chính trị và bọn phản bội hiện đang náu ở các tỉnh giáp giới Áo.
- V. Bồi thường 200000 phlo-rin cho các thương nhân Áo về thiệt hại do sự tùy tiện huỷ bỏ hợp đồng đã ký với họ gây ra, tuân thủ các hợp đồng ấy trong suốt thời hạn mà hợp đồng được ký kết.
- VI. Bồi thường 50000 phlo-rin cho mỗi thương nhân nào có tàu và hàng hóa bị tịch thu một cách phi pháp.
- VII. Đặt một loạt lãnh sự quán ở Bô-xni-a, Xéc-bi, Héc-txê-gô-vi-na và các nơi ở Ru-mê-li.
- VIII. Lên án những hành động của các nhà cầm quyền Thổ Nhĩ Kỳ đối với người lưu vong năm 1850.

Theo ông Xim-xon thông báo, thì trước khi tán thành tối hậu thư này, Chính phủ Thổ Nhĩ Kỳ Ôt-tô-man đã gửi thông điệp cho đại sứ Anh và Pháp yêu cầu họ hứa chấp nhận giúp đỡ thực tế cho mình trong trường hợp xảy ra chiến tranh với Áo. "Vì rằng hai vị đại sứ không thể tự rằng buộc bằng một sự cam kết nào đó", nên Chính phủ Thổ Nhĩ Kỳ mới nhượng bộ những yêu cầu mạnh mẽ của bá tước Lai-ninh-nghen.

1* - hiện trạng trước chiến tranh.

2* - biển đóng kín.

Ngày 28 tháng Hai, bá tước Lai-ninh-nghen về đến Viên, còn hầu tước Men-si-cốp thì đến Công-xtăng-ti-nô-plơ. Ngày 3 tháng Ba, huân tước Giôn Rốt-xen đã trả lời một cách vô liêm sỉ câu chất vấn của huân tước Đa-đli Xtiu-át, rằng

"đáp lại thư đệ trình gửi Chính phủ Áo, người ta đã chấp nhận được những lời cam đoan rằng Chính phủ Áo vẫn giữ vững các quan điểm về vấn đề này, như Chính phủ Anh; và tuy ông ta không thể trình bày một cách chính xác về sự thỏa thuận này, nhưng sự can thiệp của Anh và Pháp đã *thành công*, và ông ta lấy làm tin tưởng rằng những bất đồng cuối cùng đã được xóa bỏ. Phương châm của Chính phủ Anh là dùng lời khuyên Thổ Nhĩ Kỳ nhằm góp phần giữ gìn danh dự và nền độc lập của Thổ Nhĩ Kỳ... Về phần mình, ông ta cho rằng, xét theo quan điểm chính nghĩa, luật pháp quốc tế, sự trung thành với đồng minh của mình, đồng thời cũng xét theo quan điểm chính sách chung và tính hợp lý, thì *việc giữ gìn sự toàn vẹn và nền độc lập của Thổ Nhĩ Kỳ là yếu tố quan trọng và quyết định trong chính sách đối ngoại của Anh*".

*Do C. Mác viết ngày 10 tháng Hai 1854
Đã đăng trên tờ "New-York Daily
Tribune" số 4013, ngày 27 tháng Hai 1854
Ký tên: Các Mác*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Anh*

PH.ĂNG-GHEN

VẤN ĐỀ CHIẾN TRANH Ở CHÂU ÂU

Tuy tàu "Nê-svin" cập bến không đem lại cho chúng tôi tin tức gì quan trọng từ chiến trường, nhưng nếu chú ý đến tình hình hiện nay, thì dầu sao chúng tôi cũng biết được một sự kiện hết sức quan trọng. Thực chất của sự kiện đó là, hiện nay, vào giờ phút cuối cùng, khi mà các đại sứ Nga đã rời Pa-ri và Luân Đôn, khi mà các đại sứ Anh và Pháp đã bị triệu hồi khỏi Xanh Pê-téc-bua, khi mà các lực lượng hải, lục quân của Anh và Pháp đã tập trung để hành động tức khắc - chính vào giờ phút cuối cùng ấy hai chính phủ các nước phương Tây lại đề nghị đàm phán với Nga, mà bản thân đề nghị ấy đã bao hàm sự nhượng bộ hầu hết trước mọi yêu sách của Nga. Cần nhắc nhở rằng, yêu sách chủ yếu của Nga là đòi thừa nhận Nga có quyền trực tiếp giải quyết với Chính phủ Thổ Nhĩ Kỳ - mà không có sự can thiệp của các cường quốc khác - sự tranh chấp mà Nga cho là chỉ có liên quan đến Nga và Thổ Nhĩ Kỳ mà thôi. Bây giờ người ta đã thừa nhận cái quyền ấy của Nga. Những yêu sách này đã được ghi trong một bức thư của Na-pô-lê-ông⁶⁴ mà chúng tôi nêu ra ở một chỗ khác, chung quy lại là Nga có thể trực tiếp tiến hành đàm phán với Thổ Nhĩ Kỳ, nhưng hiệp ước mà họ ký kết với nhau phải do bốn cường quốc bảo đảm. Sự bảo đảm này làm giảm bớt ý nghĩa của sự nhượng bộ, bởi vì nó tạo cho các cường quốc phương Tây một cái cớ sẵn sàng để can thiệp vào bất kỳ cuộc xung đột nào tương tự trong tương lai. Tuy thế, tình cảnh của Nga không vì thế mà xấu hơn hiện nay, khi mà hoàng đế Ni-cô-lai không thể không thấy rằng bất cứ ý định chia cắt Thổ Nhĩ Kỳ nào của mình cũng đều có nguy cơ xảy ra chiến tranh với Anh và Pháp. Song lợi ích thực tế của Nga sẽ do tính chất của hiệp ước còn chưa ký kết quyết định. Nga hiện nay thấy các cường quốc phương Tây đang ra sức tránh phải tiến hành chiến tranh một cách hèn nhát như thế nào, nên sẽ chỉ kìm giữ quân đội của mình ở tư thế tập trung và thi hành chính sách đe dọa như trước kia để đạt được mục đích của mình trên mọi điều khoản khi đàm phán. Hơn nữa chính sách ngoại giao của Nga có thể

Ngày 28 tháng Hai, bá tước Lai-ninh-nghen về đến Viên, còn hầu tước Men-si-cốp thì đến Công-xtăng-ti-nô-plơ. Ngày 3 tháng Ba, huân tước Giôn Rốt-xen đã trả lời một cách vô liêm sỉ câu chất vấn của huân tước Đa-đli Xtiu-át, rằng

"đáp lại thư đệ trình gửi Chính phủ Áo, người ta đã chấp nhận được những lời cam đoan rằng Chính phủ Áo vẫn giữ vững các quan điểm về vấn đề này, như Chính phủ Anh; và tuy ông ta không thể trình bày một cách chính xác về sự thỏa thuận này, nhưng sự can thiệp của Anh và Pháp đã *thành công*, và ông ta lấy làm tin tưởng rằng những bất đồng cuối cùng đã được xóa bỏ. Phương châm của Chính phủ Anh là dùng lời khuyên Thổ Nhĩ Kỳ nhằm góp phần giữ gìn danh dự và nền độc lập của Thổ Nhĩ Kỳ... Về phần mình, ông ta cho rằng, xét theo quan điểm chính nghĩa, luật pháp quốc tế, sự trung thành với đồng minh của mình, đồng thời cũng xét theo quan điểm chính sách chung và tính hợp lý, thì *việc giữ gìn sự toàn vẹn và nền độc lập của Thổ Nhĩ Kỳ là yếu tố quan trọng và quyết định trong chính sách đối ngoại của Anh*".

*Do C. Mác viết ngày 10 tháng Hai 1854
Đã đăng trên tờ "New-York Daily
Tribune" số 4013, ngày 27 tháng Hai 1854
Ký tên: Các Mác*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Anh*

PH.ĂNG-GHEN

VẤN ĐỀ CHIẾN TRANH Ở CHÂU ÂU

Tuy tàu "Nê-svin" cập bến không đem lại cho chúng tôi tin tức gì quan trọng từ chiến trường, nhưng nếu chú ý đến tình hình hiện nay, thì dầu sao chúng tôi cũng biết được một sự kiện hết sức quan trọng. Thực chất của sự kiện đó là, hiện nay, vào giờ phút cuối cùng, khi mà các đại sứ Nga đã rời Pa-ri và Luân Đôn, khi mà các đại sứ Anh và Pháp đã bị triệu hồi khỏi Xanh Pê-téc-bua, khi mà các lực lượng hải, lục quân của Anh và Pháp đã tập trung để hành động tức khắc - chính vào giờ phút cuối cùng ấy hai chính phủ các nước phương Tây lại đề nghị đàm phán với Nga, mà bản thân đề nghị ấy đã bao hàm sự nhượng bộ hầu hết trước mọi yêu sách của Nga. Cần nhắc nhở rằng, yêu sách chủ yếu của Nga là đòi thừa nhận Nga có quyền trực tiếp giải quyết với Chính phủ Thổ Nhĩ Kỳ - mà không có sự can thiệp của các cường quốc khác - sự tranh chấp mà Nga cho là chỉ có liên quan đến Nga và Thổ Nhĩ Kỳ mà thôi. Bây giờ người ta đã thừa nhận cái quyền ấy của Nga. Những yêu sách này đã được ghi trong một bức thư của Na-pô-lê-ông⁶⁴ mà chúng tôi nêu ra ở một chỗ khác, chung quy lại là Nga có thể trực tiếp tiến hành đàm phán với Thổ Nhĩ Kỳ, nhưng hiệp ước mà họ ký kết với nhau phải do bốn cường quốc bảo đảm. Sự bảo đảm này làm giảm bớt ý nghĩa của sự nhượng bộ, bởi vì nó tạo cho các cường quốc phương Tây một cái cớ sẵn sàng để can thiệp vào bất kỳ cuộc xung đột nào tương tự trong tương lai. Tuy thế, tình cảnh của Nga không vì thế mà xấu hơn hiện nay, khi mà hoàng đế Ni-cô-lai không thể không thấy rằng bất cứ ý định chia cắt Thổ Nhĩ Kỳ nào của mình cũng đều có nguy cơ xảy ra chiến tranh với Anh và Pháp. Song lợi ích thực tế của Nga sẽ do tính chất của hiệp ước còn chưa ký kết quyết định. Nga hiện nay thấy các cường quốc phương Tây đang ra sức tránh phải tiến hành chiến tranh một cách hèn nhát như thế nào, nên sẽ chỉ kìm giữ quân đội của mình ở tư thế tập trung và thi hành chính sách đe dọa như trước kia để đạt được mục đích của mình trên mọi điều khoản khi đàm phán. Hơn nữa chính sách ngoại giao của Nga có thể

không sợ gì đương đầu với các vị đại sứ lừng danh đã vẽ ra bức thông điệp đầu tiên ở Viên nổi tiếng là thất sách⁶⁵.

Tuy nhiên, người ta còn chưa rõ, liệu Nga hoàng có chấp nhận những kiến nghị ấy không, hay là ông ta cho rằng dựa vào quân đội của mình thì hơn. Nga hoàng không thể cho phép mình cứ năm năm lại tiến hành vũ trang như vậy và phải rải quân trên khắp đế quốc bao la của mình. Sự chuẩn bị chiến tranh đã được tiến hành trên quy mô rất lớn đến mức phí tổn của nó chỉ có thể đền bù bằng những lợi ích vật chất hết sức to lớn. Nhiệt tình chiến đấu của dân chúng Nga đã được hâm nóng cẩn thận. Chúng tôi đã xem bản sao một bức thư của một nhà buôn Nga - ông ta không phải là một trong nhiều nhà buôn Đức, Anh hoặc Pháp định cư ở Mát-xcơ-va, mà là một người Mát-xcơ-va lão thành chính cống, đưa con cháu chính của nước Nga thần thánh với tư cách là người đại lý đã dự trữ trong kho của mình hàng hóa Anh để chuẩn bị đem bán; có người hỏi ông ta hàng hóa ấy liệu có nguy cơ bị tịch thu khi nổ ra chiến tranh hay không. Vị người Nga lão thành ấy tỏ ra bất bình trước sự hoài nghi về việc đó đối với chính phủ mình, và nắm vững được câu nói chính thức cho rằng trái với các quốc gia "cách mạng và xã hội chủ nghĩa" ở phương Tây, Nga là người bảo vệ vĩ đại của "trật tự, tài sản, gia đình và tôn giáo", ông ta đã bác lại vấn đề đó rằng

"may mắn thay, ở nước Nga chúng tôi, sự khác nhau giữa *"của tôi"* và *"của anh"* còn hoàn toàn có hiệu lực, và tài sản của các anh để ở đây là an toàn hơn bất cứ nơi nào khác. Tôi thậm chí còn khuyên các anh chuyển tài sản của mình đến đây càng nhiều càng tốt, vì rằng gửi ở đây, có lẽ, sẽ tốt hơn là để ở nơi hiện nay đang để. *Các anh lo lắng cho đồng bào của mình, có thể, còn lo, chứ tuyệt nhiên không cần lo lắng cho tài sản của mình*".

Trong khi đó Anh và Pháp cũng chuẩn bị chiến tranh trên những quy mô lớn nhất. Hạm đội xuyên đại dương của Pháp ở Brê-xô đã bị gọi từ Brê-xô về Tu-lông để chở quân sang Cận Đông. Theo các nguồn tin khác nhau thì người ta dự định điều đi 40 hoặc 60 ngàn quân, trong đó phần lớn sẽ lấy từ quân đội châu Phi; đội quân viễn chinh sẽ tăng cường nhiều lính bộ binh, và sẽ do Ban-ra-ghe đ'In-li-ê, hoặc Xanh-Ác-nô chỉ huy. Chính phủ Anh chuẩn bị điều đi chừng 18000 binh sĩ (22 trung đoàn, mỗi trung đoàn gồm 850 người): đúng hôm phát đi những tin tức mà chúng tôi vừa nhận được, một bộ phận của đội quân ấy đã được chở đi đảo Man-tơ là địa điểm tập hợp chung. Bộ binh thì chở bằng tàu hơi nước,

còn thuyền buồm thì dùng cho kỵ binh. Tối ngày 6 tháng Ba hạm đội Ban-tích phải tập trung ở cửa sông Tem-dơ, gần Siéc-nét-xơ, sẽ gồm 15 chủ lực hạm, 8 tàu loại ba cột buồm và 17 tàu nhỏ hơn. Đây là hạm đội lớn nhất mà người Anh gây dựng kể từ cuộc chiến tranh gần đây⁶⁶; vì một nửa hạm đội ấy phải là những tàu chạy bằng bánh xe hoặc chân vịt, đồng thời vì thể tích của tàu và hỏa lực của pháo trên tàu hiện nay mạnh hơn 50% so với nửa thế kỷ trước đây, cho nên hạm đội Ban-tích có thể được trang bị mạnh nhất so với bất cứ nước nào trước đây. Chỉ huy hạm đội ấy là ngài Sác-lơ Nây-pia; nếu xảy ra chiến tranh, thì không ai giỏi hơn ông ta về mặt biết chia ngay nòng pháo vào địa điểm có ý nghĩa quyết định.

Trên sông Đa-nuýp, trận đánh ở Sê-ta-te hình như đã đẩy lùi thời gian tấn công của quân Nga vào Ca-la-phát. Cuộc chiến đấu 5 ngày đó đã cho quân Nga thấy rằng việc chiếm một cứ điểm có khả năng mở những cuộc tập kích như vậy, - thì không phải chuyện dễ. Có lẽ, sau kinh nghiệm đó, thậm chí lệnh truyền trực tiếp của chính đức vua chuyển chế cũng không đủ để đẩy quân đội của mình vào một cuộc tấn công vội vàng. Việc tướng Sin-đéc, chỉ huy quân đội công trình, được đặc phái từ Vác-sa-va đến đây, hình như thậm chí lại dẫn tới kết quả hoàn toàn trái ngược với lệnh của hoàng đế: việc quan sát các công sự từ một cự ly nào đó hoàn toàn đủ làm cho Sin-đéc tin rằng không nên mở nhanh cuộc tấn công, mà phải tăng thêm binh lực và trọng pháo với số lượng nhiều hơn là số có thể tập trung trong một thời gian ngắn. Vì vậy, trong một thời gian nhất định quân Nga đã tập trung xung quanh Ca-la-phát tất cả binh lực có thể điều động, mà đồng thời còn đang gửi tới đó pháo công thành, loại pháo, như người ta đưa tin, đã có 72 khẩu được đưa đến Va-la-ki rồi. Tờ "Times" ở Luân Đôn nhận định lực lượng quân Nga là 65000 người, - chúng tôi cho là có phần phóng đại - nếu như nhớ lại tổng số quân Nga ở các công quốc thuộc vùng sông Đa-nuýp. Đội quân ấy hiện nay gồm có 6 sư đoàn bộ binh, ba sư đoàn kỵ binh và gần 300 khẩu pháo dã chiến, không kể lính cô-dắc, lính bộ binh và các đơn vị khác nữa; tổng số quân Nga trước khi xảy ra chiến sự được công bố chính thức là 12 vạn người. Nếu trừ đi 30000 quân vừa bị chết, bị thương và bị bệnh, thì có thể ước tính quân Nga hiện nay còn 90000 người làm nhiệm vụ được. Trong số này ít nhất phải cần 35000 quân trấn giữ tuyến sông Đa-nuýp, đóng giữ các thành phố chính và bảo đảm các tuyến giao thông. Vì vậy, nhiều lắm cũng chỉ còn 55000 người để tấn công Ca-la-phát.

Bây giờ chúng ta hãy xem xét trận địa của quân đội hai bên. Quân Nga không chú ý đến toàn tuyến sông Đa-nuýp, không bận tâm đến trận địa của Ô-me-rơ-pa-sa ở Sum-la, mà tập trung chủ lực và thậm chí cả trọng pháo của mình ở cuối cánh phải, ở địa điểm mà họ cách Bu-ca-rét, căn cứ tác chiến gần nhất của mình, xa hơn cả quân Thổ Nhĩ Kỳ. Vì vậy, hậu phương của họ đã bị hở đến hết mức. Tệ hơn nữa là, muốn được sự yểm hộ bằng cách nào đi nữa của hậu phương, quân Nga vẫn buộc phải phân tán binh lực của mình và phải có mặt ở Ca-la-phát, mà không có ưu thế binh lực rõ ràng để bảo đảm cho thắng lợi của họ và biện minh cho cuộc cơ động này. Quân Nga đã để lại 30 đến 40% binh sĩ của mình bố trí phân tán ở phía sau quân chủ lực, và đương nhiên là lực lượng ấy không đủ sức đẩy lùi một cuộc tấn công nào đó có phần quyết liệt. Bởi vậy, việc chiếm lấy Ca-la-phát không được bảo đảm, mà các tuyến giao thông của quân bao vây lại dễ bị ăn đòn. Sai lầm này hiển nhiên và nghiêm trọng đến mức chỉ có thực tế tuyệt đối xác thực mới có thể làm cho một quân nhân tin rằng quả thực có sai lầm ấy.

Nếu như Ô-me-rơ-pa-sa hiện vẫn nắm một lực lượng lớn hơn, đem 70000 người chẳng hạn, vượt sông Đa-nuýp ở bất cứ điểm nào giữa Ru-súc và Hiéc-sô-va, thì quân đội Nga hoặc sẽ bị tiêu diệt hoàn toàn, hoặc buộc phải tìm nơi ẩn náu ở Áo. Ô-me-rơ-pa-sa có cả một tháng trời để tập trung một số lượng quân như vậy. Tại sao ông ta không vượt sông khi mà hiện nay đã hết băng trôi? Tại sao thậm chí ông ta không chiếm lại tète de pont^{1*} ở Ôn-tê-nít-sa để có thể xuất quân bất cứ lúc nào? Không thể tin rằng Ô-me-rơ-pa-sa lại không thấy cái dịp may mà sự thất sách nghiêm trọng của quân Nga đưa đến tận tay ông. Vì vậy có thể suy đoán rằng, ông ta đã bị những hoạt động ngoại giao ràng buộc. Rõ ràng là, sự án binh bất động của ông làm phai mờ cái ấn tượng của cuộc dạo chơi trên biển của hạm đội liên quân ở Hắc Hải. Không thể để quân Nga bị tiêu diệt hoặc bị đánh đuổi sang Áo, vì rằng như vậy sẽ gây ra những trở ngại mới cho việc ký kết hòa ước. Thế là, để chiều theo những âm mưu và những hoạt động vô lương tâm của những nhà ngoại giao - đầu cơ, mà Ô-me-rơ-pa-sa đành phải cam chịu cho quân Nga bắn phá Ca-la-phát, đành phải ngồi nhìn quân Nga bố trí toàn bộ quân đội, toàn bộ pháo công thành của nó ngay dưới tầm đánh của mình, mà ông không có quyền lợi dụng cơ hội đó. Sự thực là, nếu như viên tư lệnh quân Nga

không được sự bảo đảm hoàn toàn chắc chắn rằng các bên sườn và hậu phương của ông ta sẽ không bị tập kích, thì chúng tôi tin rằng, không bao giờ ông ta dám có hành động gì đối với Ca-la-phát. Nếu không, dù ông ta nhận được chỉ thị gì đi nữa, thì ông ta cũng bị tòa án quân sự mặt trận kết tội và đem xử bắn. Nếu như hôm nay hoặc chậm nhất mấy ngày tới, sau khi tàu đến mà chúng tôi không nhận được tin tức gì về việc Ô-me-rơ-pa-sa vượt sông Đa-nuýp và tấn công và Bu-ca-rét, thì chúng tôi khó bề bác bỏ cái kết luận cho rằng, các cường quốc phương Tây đã ký kết với nhau một hiệp định chính thức, theo đó Ca-la-phát được làm vật hy sinh cho cái thói hư danh quân phiệt của Nga, còn Thổ Nhĩ Kỳ thì không được phép dùng đến biện pháp duy nhất có hiệu quả để bảo vệ Ca-la-phát, tức là vận động tấn công ở hạ lưu sông Đa-nuýp⁶⁷.

*Do Ph.Ăng-ghen viết ngày 13 tháng Chạp 1854
Đã đăng làm xã luận trên tờ "New-York Daily
Tribune" số 4019, ngày 6 tháng Ba 1854*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Anh
In bằng tiếng Nga lần đầu*

1* - lô cốt đầu cầu, cứ điểm đầu cầu

C.MÁC

*TUYÊN BỐ CỦA NỘI CÁC PHỔ. - KẾ HOẠCH CỦA BÔ-NA-PÁC-TÔ. - CHÍNH SÁCH CỦA PHỔ

Từ một nguồn tin rất đáng tin cậy ở Luân Đôn, chúng tôi đã nhận được những tin tức sau, nếu được chứng thực thì sẽ có ý nghĩa hết sức lớn lao và những tin đó chỉ xuất hiện một phần trên các báo Anh, mà lại dưới hình thức xuyên tạc.⁶⁸

I. Ngày 3 tháng Hai, bản tuyên bố sau đây của nội các Phổ đã được gửi đi Pa-ri và Luân Đôn:

"1) Vì sau sự giải thích của bá tước Oóc-lốp, không còn nghi ngờ gì nữa, rằng mọi ý định tiếp tục điều đình với nội các Xanh Pê-téc-bua đều trở nên vô ích, cho nên Phổ chính thức tuyên bố không điều đình nữa, vì điều kiện điều đình không còn nữa.

2) Đề nghị của bá tước Oóc-lốp về việc ký hiệp ước trung lập *chính thức* và có tính chất ràng buộc đã bị kiên quyết bác bỏ, và đã có công hàm riêng thông tri cho ông ta, bởi lẽ, dù cho không được sự đồng ý của Áo, về phía mình, Phổ kiên quyết có ý định giữ vững sự trung lập nghiêm chỉnh nhất mà Phổ đã quyết định bảo đảm vào thời cơ thích hợp bằng các biện pháp *vũ trang thích đáng*.

3) Liệu Phổ có cùng Áo đưa ra đề nghị vũ trang toàn Hiệp bang Đức hay không - điều này sẽ tùy thuộc ở thái độ của các cường quốc trên biển đối với Đức".

II. Lu-i Bô-na-pác-tô đã cử người được ủy quyền (ngài Brê-ni-ê) mang theo công hàm với nội dung sau đến Tu-rin gặp quốc vương Pi-ê-mông và ngài Ca-vuốc. Ở Pác-mơ, Pi-a-sen-txa, Gu-át-xtan-la và Mô-đê-na vào thời điểm nhất định sẽ nổ ra phong trào cách mạng. Bấy giờ Xác-di-ni sẽ phải chiếm lấy những vùng ấy, đuổi bọn vua chúa hiện đang thống trị ở đấy đi. Na-pô-lê-ông bảo đảm với quốc vương Pi-ê-mông sẽ sáp nhập vào Xác-di-ni ba công quốc đầu nói trên và có thể cả Mô-đê-na nữa; để bù lại, lãnh địa của bá tước Xa-voa phải nhượng cho Pháp. Có thể nói là Anh sau khi phản đối ở chừng mực nào đó, đã đồng ý với âm mưu ấy mặc dù rất miễn cưỡng. Sau đó ngài Brê-ni-ê tiếp tục chuyển đi của mình ở I-ta-li-a đến Na-plơ, nơi đây sự

xuất hiện của ông ta đã để lại "một ấn tượng hết sức nặng nề". Ngài Brê-ni-ê có sứ mạng chuẩn bị cho cuộc khởi nghĩa ở I-ta-li-a, vì Na-pô-lê-ông thực sự tin rằng mình không những có thể nhóm lên một đám cháy lớn ở I-ta-li-a, mà còn có thể quy định được một cách chính xác đường biên giới định rõ để cấm ngọn lửa có thể cháy lan qua đó. Ông ta dự định tập trung quân đội ở những địa điểm sau:

- 1) 100000 binh sĩ ở biên giới Xa-voa;
- 2) 60000 binh sĩ ở Mét-xơ;
- 3) 80000 binh sĩ ở Xtơ-ra-xbua.

III. Phổ không phản đối 100000 quân Pháp đóng ở biên giới Xa-voa, nhưng cho rằng việc tập trung một quân đoàn ở Mét-xơ và một quân đoàn khác ở Xtơ-ra-xbua là sự đe dọa trực tiếp đối với mình. Nó cảm thấy hình như là khởi nghĩa đã lan tràn Baden, Hét-xen, Vuyéc-tem-béc v.v. và 100000 nông dân từ miền nam nước Đức tiến tới biên giới Phổ. Cho nên Phổ tuyên bố phản đối hai biện pháp ấy, và nội dung điều thứ ba trong bản tuyên bố của Phổ chính là ám chỉ điều đó. Dù sao chăng nữa, *đến* cuối tháng Ba, và có thể *sớm hơn nữa*, Phổ sẽ nâng quân số lên mức ngang thời chiến. Phổ dự định sẽ tùy tình hình mà gọi nhập ngũ từ 200000 đến 300000 người. Nhưng nếu Na-pô-lê-ông cứ một mực giữ quyết định của mình là tập trung hai quân đoàn ở Mét-xơ và Xtơ-ra-xbua thì Chính phủ Phổ cũng đã *quyết định* đưa quân số của mình lên 500000 người rồi. Nghe nói, tâm trạng lo lắng và hoảng hốt bao trùm nội các Béc-lin, trong đó nhà vua và một phần lớn các bộ trưởng đã ngã sang hợp tác với Nga và chỉ nhờ có Man-toi-phen - được sự ủng hộ của hoàng thân Phổ - mà bản tuyên bố về trung lập mới được thông qua (Man-toi-phen ban đầu đã đề nghị liên minh chính thức với Anh). Đã có nghị quyết chính thức của nội các (Kabinets - Beschluss) quy định rằng, trong những tình huống nhất định, trong vòng một đêm là phải bắt giữ tất cả các nhà dân chủ nổi tiếng nhất trong vương quốc, trước hết là ở phần nước Phổ vùng Ranh, và đưa họ tới những pháo đài ở Đông Phổ, tại đó họ sẽ mất khả năng góp sức thực hiện các kế hoạch lật đổ của Na-pô-lê-ông (die Umsturzpläne Napoleon's!!) và tổ chức phong trào

nhân dân nói chung. Người ta dự định rằng nếu ở I-ta-li-a bắt đầu lộn xộn hoặc nếu Na-pô-lê-ông tập trung quân đội ở Mét-xơ và Xtơ-ra-xbua, thì biện pháp ấy sẽ được thi hành. Như chúng tôi được biết, quyết định ấy đã được *nhất trí* thông qua, song *tất cả* các tình huống mà nội các cho rằng nếu xảy ra thì cần thi hành biện pháp ấy - thì lại chưa được dự tính trước.

*Do C.Mác viết ngày 17 tháng Hai 1854
Đã đăng làm xã luận trên tờ "New-York
Daily Tribune" số 4022, ngày 9 tháng Ba
1854*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Anh
In bằng tiếng Nga lần đầu*

C.MÁC

NHỮNG CUỘC TRANH LUẬN TẠI NGHỊ VIỆN⁶⁹

Luân Đôn, thứ ba, ngày 21 tháng Hai 1854

Ngân sách lục quân và ngân sách hải quân đã được đệ trình trước nghị viện. Toàn bộ quân số của lục quân được quy định cho năm tới là 112927 người, nghĩa là tăng hơn năm trước 10694 người. Tổng số chi phí cho lục quân phục vụ trong và ngoài nước trong năm tài chính đến ngày 31 tháng Ba 1855 lên tới 3923288 pao xtéc-linh, không kể các khoản chi về hậu cần ở các thuộc địa châu Úc và các khoản chi do Công ty Đông Ấn gánh chịu. Tổng cộng là 4877925 p.xt., nghĩa là đủ để chu cấp cho 5719 sĩ quan, 9956 hạ sĩ quan, 126925 binh sĩ. Trong năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng Ba 1855, ngân sách hải quân tại ngũ là 5979866 p.xt., nghĩa là tăng hơn năm trước 1172446 pao xtéc-linh. Chi phí vận chuyển quân đội và pháo lên tới 225050 p.xt., nghĩa là tăng một cách tương ứng tới 72100 pao xtéc-linh. Tổng số tiền chi ra trong năm là 7447948 pao xtéc-linh. Tổng số nhân viên sẽ là 41000 lính thủy, 2000 thủy thủ thiếu niên, 15500 lính thủy đánh bộ - tất cả 58616 người, kể cả 116 người phụ việc.

Vào tối thứ sáu tuần trước, ông Lây-ác tuyên bố rằng ông ta dự định làm cho người ta lưu ý đến vấn đề phương Đông, và đề nghị được phát biểu đúng vào lúc chủ tịch hạ nghị viện chuẩn bị rời ghế chủ tọa để nghị viện có thể chuyển sang xét duyệt ngân sách hải quân⁷⁰. Hơn 4 giờ, các hành lang của nhà quốc hội đã đầy người, đến 5 giờ thì các nghị sĩ đến đông đủ. Hai giờ đồng hồ đã trôi đi để bàn những chuyện không đâu khiến cho nghị sĩ và công chúng tỏ ra rất bức bối. Tính hiếu kỳ của các nghị sĩ đáng tôn kính ấy đã lên đến mức các vị đã hoãn bữa ăn tối đến 8 giờ để tham gia vào buổi mở đầu cuộc tranh luận lớn, một điều hiếm thấy trong sinh hoạt nghị trường của các hạ nghị sĩ.

Ngài Lây-ác - mà lời phát biểu luôn luôn bị những tràng vỗ tay ngắt quãng - thoạt đầu đã tuyên bố rằng chính phủ đã đặt các nghị sĩ vào một

nhân dân nói chung. Người ta dự định rằng nếu ở I-ta-li-a bắt đầu lộn xộn hoặc nếu Na-pô-lê-ông tập trung quân đội ở Mét-xơ và Xtơ-ra-xtua, thì biện pháp ấy sẽ được thi hành. Như chúng tôi được biết, quyết định ấy đã được *nhất trí* thông qua, song *tất cả* các tình huống mà nội các cho rằng nếu xảy ra thì cần thi hành biện pháp ấy - thì lại chưa được dự tính trước.

*Do C.Mác viết ngày 17 tháng Hai 1854
Đã đăng làm xã luận trên tờ "New-York
Daily Tribune" số 4022, ngày 9 tháng Ba
1854*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Anh
In bằng tiếng Nga lần đầu*

C.MÁC

NHỮNG CUỘC TRANH LUẬN TẠI NGHỊ VIỆN⁶⁹

Luân Đôn, thứ ba, ngày 21 tháng Hai 1854

Ngân sách lục quân và ngân sách hải quân đã được đệ trình trước nghị viện. Toàn bộ quân số của lục quân được quy định cho năm tới là 112927 người, nghĩa là tăng hơn năm trước 10694 người. Tổng số chi phí cho lục quân phục vụ trong và ngoài nước trong năm tài chính đến ngày 31 tháng Ba 1855 lên tới 3923288 pao xtéc-linh, không kể các khoản chi về hậu cần ở các thuộc địa châu Úc và các khoản chi do Công ty Đông Ấn gánh chịu. Tổng cộng là 4877925 p.xt., nghĩa là đủ để chu cấp cho 5719 sĩ quan, 9956 hạ sĩ quan, 126925 binh sĩ. Trong năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng Ba 1855, ngân sách hải quân tại ngũ là 5979866 p.xt., nghĩa là tăng hơn năm trước 1172446 pao xtéc-linh. Chi phí vận chuyển quân đội và pháo lên tới 225050 p.xt., nghĩa là tăng một cách tương ứng tới 72100 pao xtéc-linh. Tổng số tiền chi ra trong năm là 7447948 pao xtéc-linh. Tổng số nhân viên sẽ là 41000 lính thủy, 2000 thủy thủ thiếu niên, 15500 lính thủy đánh bộ - tất cả 58616 người, kể cả 116 người phụ việc.

Vào tối thứ sáu tuần trước, ông Lây-ác tuyên bố rằng ông ta dự định làm cho người ta lưu ý đến vấn đề phương Đông, và đề nghị được phát biểu đúng vào lúc chủ tịch hạ nghị viện chuẩn bị rời ghế chủ tọa để nghị viện có thể chuyển sang xét duyệt ngân sách hải quân⁷⁰. Hơn 4 giờ, các hành lang của nhà quốc hội đã đầy người, đến 5 giờ thì các nghị sĩ đến đông đủ. Hai giờ đồng hồ đã trôi đi để bàn những chuyện không đâu khiến cho nghị sĩ và công chúng tỏ ra rất bức bối. Tính hiếu kỳ của các nghị sĩ đáng tôn kính ấy đã lên đến mức các vị đã hoãn bữa ăn tối đến 8 giờ để tham gia vào buổi mở đầu cuộc tranh luận lớn, một điều hiếm thấy trong sinh hoạt nghị trường của các hạ nghị sĩ.

Ngài Lây-ác - mà lời phát biểu luôn luôn bị những tràng vỗ tay ngắt quãng - thoạt đầu đã tuyên bố rằng chính phủ đã đặt các nghị sĩ vào một

tình huống kỳ quặc đến mức họ khó mà xác định được lập trường của mình. Trước khi các nghị sĩ biểu quyết về ngân sách yêu cầu, chính phủ phải trình bày *ý định của mình là gì*. Nhưng trước khi chất vấn chính phủ rằng chính phủ định làm gì, vị diễn giả muốn biết *chính phủ đã làm những gì*. Năm ngoái ông ta đã nói rằng nếu như chính phủ có một giọng điệu tương xứng hơn với đất nước ta, thì có lẽ đã không bị lôi cuốn vào chiến tranh; và giờ đây, sau khi đã nghiên cứu kỹ các cuốn Sách xanh dày cộp mới xuất bản gần đây, ông ta không có lý do gì để thay đổi ý kiến của mình. So sánh nội dung các tin tức khác nhau nhận được từ các phía, vị diễn giả đi đến kết luận rằng nội các đã bỏ qua những sự kiện hiển nhiên nhất, không hiểu được xu hướng hiển nhiên nhất và đã tin vào những lời cam đoan rõ ràng là giả dối. Sau khi tuyên bố rằng tấn thảm kịch ở Xi-nô-pơ đã bôi nhọ uy tín nước Anh, và yêu cầu phải được trình bày tỉ mỉ, vị diễn giả dựa vào những văn kiện đã được công bố để chứng minh rằng các đô đốc của hạm đội liên quân có thể ngăn ngừa thảm họa hoặc bản thân người Thổ Nhĩ Kỳ cũng có thể ngăn ngừa được, nếu như không có những chỉ thị hèn nhát và mập mờ của Chính phủ Anh. Từ những bản tuyên bố gần đây của chính phủ, vị diễn giả kết luận rằng chính phủ vẫn muốn như trước đây tiến hành đàm phán trên cơ sở status quo ante bellum^{1*}; vị diễn giả lên án việc làm đó. Ông ta yêu cầu chính phủ thực hiện nghĩa vụ của mình, ông tin tưởng rằng nhân dân Anh sẽ làm tròn nghĩa vụ của mình.

Ngài Giêm-xơ Grê-hêm trả lời với thái độ vô liêm sỉ vốn có rằng các nghị sĩ hoặc phải tín nhiệm các bộ trưởng, hoặc phải phế bỏ họ đi. Còn "hiện nay chúng tôi sẽ *không lãng phí thời gian* vào những cuốn Sách xanh" đâu.

Ông ta nói, chính phủ đã bị Nga - một đồng minh lâu đời và đáng tin cậy của Anh - lừa dối, song "sự hoài nghi mờ ám và độc địa không dễ gì sinh ra trong những tâm hồn cao thượng". Con cáo già ấy, "thằng nhỏ đầu sai" của ngài Rô-bốt Pin ấy, tên đồ tể giết hai anh em Ban-đê-ê-ra⁷¹ ấy, - khi nói về "tâm hồn cao thượng" và về thái độ "không thích nghi ngờ" - xem ra thật có sức hấp dẫn.

Phát biểu tiếp sau là huân tước Gioóc-xlin và huân tước Đa-đli Xtui-át, mà các lời phát biểu của họ được đăng đầy trên các báo ngày hôm sau,

1* - hiện trạng trước chiến tranh

nhưng lại làm cho nghị viện trống rỗng chiều hôm ấy. Một diễn giả sau nữa là ngài Rô-bốt - mở đầu bài phát biểu của mình bằng lời biện bạch cho hành vi của các bộ trưởng rằng họ rơi vào hoàn cảnh khó xử, và cuối cùng tuyên bố rằng hiện đã đến lúc chính phủ phải *nói rõ rằng chính phủ định làm gì*. Huân tước Giôn Rốt-xen đã lên tiếng phát biểu, - dường như để trả lời cho vấn đề ấy - biện bạch cho chính phủ, ông ta điếm lại nguồn gốc những ý kiến bất đồng nảy sinh trong thời gian gần đây, nhưng biết rằng điều đó chẳng đem lại kết quả gì, nên ông làm ra vẻ như sắp nói cho các nghị sĩ biết "chính phủ định làm gì", mặc dầu bản thân ông ta chắc gì đã biết được điều đó một cách chắc chắn. Theo lời ông ta, thì chính phủ đã ký kết với Pháp một cái gì đó giống như liên minh không cố định, không phải bằng hiệp ước, mà bằng trao đổi công hàm. Hiện nay Anh và Pháp đề nghị Thổ Nhĩ Kỳ ký kết một cái gì đó giống như hiệp ước mà căn cứ vào đó Chính phủ Thổ Nhĩ Kỳ không được ký hòa ước nếu không được sự đồng ý của hai nước trên. Chính phủ hết sức thất vọng bởi hành động bội ước không thể tưởng tượng được của Nga hoàng. Ông ta (Rốt-xen) cảm thấy thất vọng về khả năng giữ gìn hòa bình. Không loại trừ khả năng tham chiến của chính phủ, bởi vậy ông ta đề nghị tăng thêm số chi của ngân sách tới 3000000 p.xt. so với năm ngoái. Bí mật là điều kiện của thắng lợi trong chiến tranh, cho nên ông không thể ngay lúc này báo cho nghị viện biết chính phủ định làm gì nếu xảy ra chiến tranh. Vì phần kết thúc, hoặc nói cho đúng hơn, phần có kịch tính trong lời phát biểu của ông ta được cất lên rất hùng hồn và để lộ ra sự bất bình đối với Nga hoàng - "kẻ sát nhân", nên rất được hoan nghênh, và nghị viện tràn đầy sự hào hứng đã định phê chuẩn ngân sách, thì bỗng nhiên ngài Đê-xra-e-li đứng lên phát biểu khiến cho cuộc tranh luận phải lùi đến phiên họp tối thứ hai sau mới tiếp tục.

Cuộc tranh luận tiếp tục tối hôm qua và đến hai giờ đêm mới kết thúc.

Người phát biểu đầu tiên là ngài Cốp-đen đã hứa sẽ bám chặt lấy vấn đề cụ thể nêu trên. Dựa vào cuốn sách Xanh, ông ta ra sức chứng minh điều mà không ai phủ nhận, đó là, với sứ mệnh của ông La-ve-le-tơ về vấn đề đất thánh và với việc ông buộc Thổ Nhĩ Kỳ phải nhượng bộ⁷², Chính phủ Pháp đã gây ra "cuộc tranh luận đáng tiếc" ấy. Tổng thống Pháp bấy giờ có triển vọng trở thành hoàng đế, chắc muốn kiếm ít vốn chính trị nên đã nhân danh những tín đồ Cơ Đốc - Thiên chúa giáo đưa ra cho Thổ Nhĩ Kỳ những yêu cầu ấy. Cho nên những biện pháp đầu tiên của Nga có

thể được giải thích bằng hành động của Pháp trong vấn đề nêu trên. Bức thông điệp ở Viên không ký được, lỗi không phải ở Chính phủ Thổ Nhĩ Kỳ, mà ở các nước đồng minh. Vì nếu như uy hiếp Chính phủ Thổ Nhĩ Kỳ bằng việc rút hạm đội khỏi vịnh Bê-di-ca thì Chính phủ Thổ Nhĩ Kỳ sẽ ký ngay. Cóp-đen nói, chúng ta hiện đang đứng trước cuộc chiến đấu, vì chúng ta đã yêu cầu Thổ Nhĩ Kỳ gửi công hàm thông báo cho Nga rằng Thổ Nhĩ Kỳ cự tuyệt cái mà chúng ta muốn nhận được, tức sự bảo đảm đối xử tốt hơn đối với tín đồ Cơ Đốc giáo. Tuyệt đại đa số dân cư ở Đế quốc Thổ Nhĩ Kỳ đang sát sao theo dõi những thành tựu của chính sách mà hiện Nga đang thi hành (như đối với Môn-đa-vi-a - Va-la-ki chẳng hạn). Cũng dựa vào những cuốn Sách xanh đó, vị diễn giả bắt tay vào chứng minh rằng sự xúc phạm và áp bức mà dân cư theo đạo Cơ Đốc phải chịu đựng là không thể tha thứ được; đồng thời ông ta còn chủ yếu viện dẫn những báo cáo của huân tước Cla-ren-đôn được viết với mục đích hiển nhiên là để phục vụ Nga hoàng. Ở một trong những báo cáo ấy huân tước Cla-ren-đôn viết:

"Chính phủ Thổ Nhĩ Kỳ phải quyết định xem liệu Chính phủ Thổ Nhĩ Kỳ sẽ tiếp tục giữ lấy nguyên tắc tôn giáo sai lầm của mình với cái giá phải trả là hy sinh sự đồng tình và ủng hộ của đồng minh của mình, hay không".

Điều đó khiến ngài Cóp-đen đặt câu hỏi:

"Phải chăng nghị viện tin không có khả năng có một dân tộc như dân chúng Thổ Nhĩ Kỳ cuồng tín theo đạo Hồi mà lại từ bỏ được tôn giáo của mình? Vì nếu không hoàn toàn vứt bỏ những điều giáo huấn trong kinh Hồi giáo thì hoàn toàn không thể có sự bình đẳng về quyền lợi giữa tín đồ Cơ Đốc giáo đang sống ở Thổ Nhĩ Kỳ với người Thổ Nhĩ Kỳ được".

Về phần mình, chúng tôi có thể hỏi ngài Cóp-đen rằng trong điều kiện quốc giáo hiện hành của Anh và pháp luật hiện hành của Anh, phải chăng có sự bình đẳng về quyền lợi giữa công nhân Anh và cái lũ Cóp-đen và Brai-tơ?

Tiếp đó, dựa vào thư từ của huân tước Xơ-ra-pho Đơ Rét-clíp-phơ và các đại diện lãnh sự Anh, ông Cóp-đen đã ra sức chứng minh rằng trong dân cư theo đạo Cơ Đốc ở Thổ Nhĩ Kỳ đang bao trùm một sự bất mãn phổ biến đe dọa biến thành cuộc bạo động rộng khắp.

Đã thế thì chúng tôi lại xin hỏi ngài Cóp-đen rằng phải chăng trong nhân dân các nước châu Âu đang bao trùm sự bất mãn phổ biến đối với chính phủ của mình và giai cấp thống trị của mình và phải chăng sự bất

mãn đó đang đe dọa biến thành cuộc cách mạng rộng khắp? Nếu như Đức, I-ta-li-a, Pháp hoặc cả Anh nữa cũng phải chịu đựng - như điều đó đã xảy ra với Thổ Nhĩ Kỳ - sự xâm lược của quân đội nước ngoài thù địch với chính phủ mình và kích động tinh thần bạo động, thì liệu các nước ấy có giữ được bình tĩnh lâu dài như dân cư theo đạo Cơ Đốc ở Thổ Nhĩ Kỳ không?

Ngài Cóp-đen kết luận rằng, nếu tham gia vào cuộc chiến tranh bảo vệ Thổ Nhĩ Kỳ, thì Anh sẽ chiến đấu cho ưu thế của dân cư Thổ Nhĩ Kỳ trong Đế quốc Ôt-tô-man và chống lại lợi ích của đại đa số nhân dân trong nước. Giữa một bên là quân đội Nga với bên kia là quân đội Thổ Nhĩ Kỳ đang diễn ra cuộc tranh chấp tôn giáo thuần túy. Lợi ích của Anh gắn bó Anh với Nga. Sự buôn bán của Anh với Nga có quy mô rất lớn. Quả thực, tổng ngạch xuất khẩu của Anh sang Nga hiện nay chỉ có 2000000 p.xt., nhưng đây chỉ là kết quả tạm thời của tình trạng Nga vẫn còn chịu ảnh hưởng của những ảo tưởng thuế quan bảo hộ. Song Anh lại nhập khẩu của Nga 13000000 pao xtéc-linh hàng hóa. Trừ Hợp chúng quốc Mỹ ra, Anh chưa buôn bán với nước nào rộng rãi bằng Nga. Nếu Anh định đánh nhau thì tại sao lại điều lực quân sang Thổ Nhĩ Kỳ mà không chỉ sử dụng hạm đội thôi? Nếu như giờ phút chiến đấu giữa người Cô-dắc và người cộng hòa đã diễn ra thì tại sao Phổ, Áo, các quốc gia Đức khác, Bỉ, Hà Lan, Thụy Điển và Đan Mạch vẫn giữ trung lập, trong khi đó Pháp và Anh lại phải chiến đấu mà không có sự viện trợ nào cả? Nếu như vấn đề ấy có ý nghĩa đối với cả châu Âu, thì điều giả định cho rằng ai ở gần nơi nguy hiểm phải tham chiến đầu tiên, không phải là lý do đương nhiên hay sao? Ngài Cóp-đen kết thúc bằng lời tuyên bố rằng "ông ta phản đối chiến tranh với Nga". Theo ông, "tốt hơn hết là trở về với bức thông điệp ở Viên".

Huân tước Giôn Man-nóc-xơ cho rằng chính phủ đáng chê trách về sự sơ xuất và lòng tự tin vô căn cứ của mình. Ngay trong những thông tri đầu tiên gửi cho các Chính phủ Nga, Pháp và Thổ Nhĩ Kỳ, huân tước Cla-ren-đôn đã không thống nhất hành động với Pháp, mà lại kiên quyết từ chối sự hợp tác ấy và báo cho Chính phủ Nga biết rằng Anh sẽ không hợp tác với Pháp, và điều đó đã thúc đẩy hoàng đế Nga ra cho hâu tước Men-si-cốp một mệnh lệnh đem lại tai họa lớn. Chẳng có gì đáng ngạc nhiên rằng, khi Anh, cuối cùng, báo tin mình dự định có những biện pháp hữu hiệu ở Công-xtăng-ti-nô-pơ, thì Chính phủ pháp tất phải phần

nào nghi ngờ lòng thành của Chính phủ của nữ hoàng. Không phải Anh khuyên Chính phủ Thổ Nhĩ Kỳ bác bỏ tối hậu thư của hầu tước Men-si-cốp, mà, trái lại, chính các bộ trưởng của vua Thổ Nhĩ Kỳ hành động nhận lấy mọi trách nhiệm về mình, không trông chờ sự giúp đỡ nào của Anh cả. Những cuộc đàm phán ngoại giao kéo dài mà Chính phủ Anh tiến hành sau khi Nga chiếm các công quốc thuộc vùng sông Đa-nuýp đã đem lại tổn thất lớn cho lợi ích của Thổ Nhĩ Kỳ, nhưng hoàn toàn có lợi cho Nga. Nga đã chiếm lĩnh các công quốc thuộc vùng sông Đa-nuýp mà không tuyên chiến để đề phòng việc xóa bỏ các hiệp ước trước đây là công cụ thực tế cho Nga gây sức ép đối với Thổ Nhĩ Kỳ. Vì vậy, ngày nay khi mà Thổ Nhĩ Kỳ đã tuyên chiến, thì việc đòi khôi phục lại những hiệp ước ấy để làm cơ sở cho đàm phán lại là điều phi lý. Vấn đề chủ yếu và thực sự cấp thiết là: tham gia vào cuộc chiến tranh đáng sợ ấy, chính phủ theo đuổi những mục đích gì? Người ta tuyên bố chung chung với chúng tôi rằng - Man-nóc-xơ nói - cần phải giữ gìn danh dự và nền độc lập của Thổ Nhĩ Kỳ; nhưng điều tối cần thiết là bàn hết sức cụ thể hơn rằng nên hiểu lời tuyên bố ấy như thế nào.

Ngài Hoóc-xphôn ra sức bác bỏ những luận cứ sai lầm của ngài Cóp-đen. Thực chất của vấn đề không phải là bản thân Thổ Nhĩ Kỳ hiện nay ra sao, mà là Nga sẽ ra sao, nếu Thổ Nhĩ Kỳ được đưa vào số các lãnh địa của nó; vấn đề là: hoàng đế Nga có cũng là hoàng đế Thổ Nhĩ Kỳ hay không? Ngài Hoóc-xphôn nói - đối với Nga, chỉ có một mục đích được công nhận là tăng cường thực lực chính trị của mình bằng chiến tranh. Nga theo đuổi việc bành trướng lãnh thổ của mình; mở đầu bằng cái trò bịp ghê gớm còn in dấu trên những biện pháp đầu tiên mà ông vua chuyên chế nước Nga đã thực hiện trong việc đó, và kết thúc bằng cuộc chém giết khủng khiếp ở Xi-nô-pơ, hoạt động của hãn có đặc trưng là tàn bạo, giả dối và phạm những tội ác thậm chí hiếm thấy trong biên niên sử nước Nga là một nước mà toàn bộ lịch sử đầy rẫy tội ác, và kinh khủng nhất là Nga hoàng đã tự cho phép mình trích dẫn một cách báng bổ giáo lý Cơ Đốc mà cơ sở đã bị hãn chà đạp một cách thô bạo đến vậy. Trái lại, hành động của người bị hy sinh nói trên lại tuyệt đẹp. Rồi ngài Hoóc-xphôn đem hết sức mình cố biện bạch cho sự dao động của chính phủ trước tình thế khó khăn mà nó lâm vào. Ông ta bảo rằng, sự thiếu kiên định trong chính sách ngoại giao của chính phủ chính là đã sinh ra từ đó. Nếu như tất cả các chính phủ châu Âu, tất cả các nhà ngoại giao

giàu kinh nghiệm nhất đều nhất tề đứng lên chống lại tên vua chuyên chế ấy, thì cũng không thể nào đẩy hãn vào một tình cảnh gian khổ, khó khăn, tuyệt vọng, chứa chất nhiều mối nguy và thiệt hại hơn là tình cảnh hiện nay hãn lâm vào, do sai lầm của các bộ trưởng của chúng ta hoặc do sự gian xảo của các bộ trưởng của chính hãn. Nửa năm trước đây, hoàng đế Ni-cô-lai còn là trụ cột chính của trật tự và pháp chế ở châu Âu; ngày nay, vứt bỏ mặt nạ, hãn đã xuất hiện như một nhà cách mạng cực kỳ vĩ đại. Phải chịu thất bại trong những âm mưu chính trị của mình, không đạt được chiến quả ở châu Á, bị Thổ Nhĩ Kỳ đánh bại trên sông Đa-nuýp, Nga hoàng đã bắt đầu mất đi nhanh chóng địa vị của mình, điều mà người ta chỉ có thể lấy làm thích thú. Trách nhiệm của Chính phủ Anh hiện nay là, trong trường hợp hoạt động quân sự tái diễn lại, thì phải làm sao cho hòa ước chỉ được ký kết trong những điều kiện tạo ra được sự đảm bảo đầy đủ và chắc chắn rằng không có khả năng tái diễn sự tấn công tương tự trong tương lai. Theo ý kiến vị diễn giả thì, một trong những điều kiện để khôi phục hòa bình là Nga phải bồi thường cho Thổ Nhĩ Kỳ những khoản chi phí mà Thổ Nhĩ Kỳ buộc phải gánh chịu, còn Thổ Nhĩ Kỳ thì sẽ thu hồi những đất đai bị Nga chiếm để làm bảo đảm vật chất.

Ngài Đram-môn-dơ cho rằng Anh đang bị lôi cuốn vào một cuộc chiến tranh tôn giáo và bắt đầu tiến hành một cuộc viễn chinh thập tự mới để bảo vệ phần mộ của Gôt-phrít Bu-li-ôn-xki đã bị phá hoại đến mức ở đó không còn chỗ nào ngồi được nữa. Như mọi người đều rõ là tên trùm tội phạm ngay từ đầu đã là giáo hoàng La Mã. Anh không hề bận tâm gì đến vấn đề Thổ Nhĩ Kỳ, còn cuộc chiến tranh giữa Anh và Nga cũng không hề phân rõ thắng bại, vì rằng hai bên sẽ còn đánh nhau lâu dài, nhưng không bao giờ gây được nguy hại cho nhau.

"Trong cuộc chiến tranh hiện nay, chúng ta sẽ chẳng thu được gì ngoài những đòn giáng nặng nề".

Ngài Đram-môn-dơ nhắc lại rằng, cách đây không lâu ngài Cóp-đen đã đề nghị chặn tay nước Nga lại; nếu như hiện nay ông làm được điều đó thì đã giải thoát cho nước Anh nhiều điều phiền phức rồi. Sự thực thì cuộc tranh luận hiện nay là: ai sẽ phải làm đẹp cho các thần tượng trên mộ thánh: những thương nhân Pa-ri bán đồ trang sức hay là những thương nhân Pê-téc-bua. Chính phủ Anh đột nhiên phát hiện ra rằng

Thổ Nhĩ Kỳ là đồng minh cũ của mình và không có Thổ Nhĩ Kỳ thì không thể giữ thế cân bằng ở châu Âu được. Nhưng làm thế nào mà Anh không phát hiện ra điều đó sớm hơn, trước khi Thổ Nhĩ Kỳ bị cướp mất toàn bộ vương quốc Hy Lạp, hoặc trước khi Thổ Nhĩ Kỳ bị thất bại trong trận chiến đấu ở Na-va-rin⁷³, trận này, tôi còn nhớ, huân tước Xanh-Hê-len miêu tả là một trận đánh xuất sắc, chỉ có điều đáng nói thêm là chưa giáng một đòn chí mạng vào kẻ đáng ăn đòn. Tại sao Anh không suy nghĩ đến điều đó, khi quân Nga vượt Ban-căng và khi Anh có thể dùng hạm đội của mình để chi viện thực tế cho Thổ Nhĩ Kỳ? Chỉ đến tận bây giờ, khi mà Đế quốc Ôt-tô-man đã đi đến chỗ mục nát cực độ, người ta mới cho rằng phải ủng hộ cái đế quốc sắp tan rã ấy với cái cớ là, duy trì thế cân bằng ở châu Âu. Sau một vài nhận xét có tính chất châm biếm sâu cay cái thói si mê đột ngột đối với Bô-na-pác-tô, ngài Dram-môn-dơ đặt câu hỏi, ai tất sẽ làm bộ trưởng Bộ chiến tranh? Tất cả mọi người đều có dịp thấy rõ rằng bánh lái của con thuyền quốc gia đang ở trong tay người lái yếu kém. Vị diễn giả không tin rằng tên tuổi cao quý của bất cứ vị đô đốc hoặc vị tướng nào lại có thể không bị nhor bắn dưới chính phủ hiện nay là chính phủ sẵn sàng hy sinh bất cứ ai để lấy lòng một tập đoàn này hay một tập đoàn khác trong nghị viện. Nếu như quyết định chiến đấu, thì phải đánh vào thẳng trung tâm nước Nga, chứ không nên phí toi đạn pháo ở Hắc Hải. Trước hết phải tuyên bố khôi phục lại vương quốc Ba Lan. Vị diễn giả đặc biệt muốn biết rõ ý đồ của chính phủ là gì.

"Người đứng đầu chính phủ", - ngài Dram-môn-dơ nói, - "lấy làm tự hào rằng mình khéo giữ bí mật và có lần bảo rằng ông ta muốn xem một ai đó đã dò được ở ông những tin tức mà ông không dự định công bố. Câu nói này làm tôi nhớ lại câu chuyện hài hước sau mà có lần tôi đã nghe được ở Xcôt-len: một người Xcôt-len đi du lịch Ấn Độ và khi trở về nước Anh thì có đem làm quà cho vợ một con vẹt nói rất hay. Một người hàng xóm của anh ta không chịu thua, đã đi Ê-din-buốc và đem về làm quà cho vợ một con cú mèo lớn. Khi có người bảo anh ta rằng không bao giờ dạy được cú mèo nói, thì anh ta trả lời: cũng có thể là như vậy đấy, nhưng các bạn hãy chú ý đến vẻ mặt đắm chiêu suy nghĩ của nó kìa".

Ngài Bát tuyên bố rằng kể từ thời kỳ cách mạng đến nay, đây là lần đầu tiên nội các tham dự hội nghị của nghị viện và yêu cầu ngân sách quân sự mà không có lý do rõ ràng và tỉ mỉ về đề nghị của mình. Theo ý nghĩa pháp lý của danh từ thì Anh hiện chưa ở vào tình trạng chiến tranh, và nghị viện khi biểu quyết ngân sách yêu cầu, có quyền biết điều

gì đã cản trở việc tuyên chiến với Nga. Vì tình hình hạm đội Anh ở Hắc Hải rất mờ ám! Đô đốc Đôn-đa-xơn đã nhận được lệnh dồn các tàu thuyền Nga vào một trong những cảng của Nga. Mà nếu như chấp hành mệnh lệnh ấy, đô đốc sẽ đánh đắm một tàu nào đó của Nga, trong khi quan hệ hòa bình với Nga chưa chính thức phá vỡ, thì làm thế nào? Các vị bộ trưởng có sẵn sàng tìm lời biện bạch cho những hành động ấy không? Vị diễn giả hy vọng rằng nghị viện sẽ được giải thích rõ ràng có nên ủng hộ những điều kiện rất nhục nhã quy định rằng, để ký hòa ước với Nga, Thổ Nhĩ Kỳ phải chịu sự chi phối giữa Anh và Pháp, hay không? Nếu như chính sách của Anh là như vậy, thì việc người ta yêu cầu nghị viện phê chuẩn vũ trang bổ sung hiện nay sẽ nhằm để nô dịch Thổ Nhĩ Kỳ, chứ không phải để đảm bảo cho nền độc lập của Thổ Nhĩ Kỳ. Và ngài Bát tỏ ra có phần nghi ngờ rằng, việc chuẩn bị chiến tranh mà người ta đang bàn tán phải chăng chỉ là cái trò các vị bộ trưởng bày ra để chuẩn bị ký kết một hòa ước nhục nhã.

Bộ trưởng Bộ chiến tranh, ngài X.Héc-bóc đã đọc một bài phát biểu tầm thường và ngu xuẩn đến mức không thể tin rằng đây là lời lẽ của một vị bộ trưởng của chính phủ liên hiệp trong lúc xảy ra cuộc khủng hoảng nghiêm trọng như thế này. Chính phủ ở vào giữa hai đồng lửa; nó không sao biết rõ được ý kiến thực sự của nghị viện về vấn đề này như thế nào. Các quý ngài đáng kính, các vị đại biểu của phe đối lập đều có cái ưu thế là viện dẫn được các sự việc; họ phê phán quá khứ; chính phủ thì lại không nắm được các sự việc có thể đem ra viện dẫn: họ chỉ có thể đưa ra giả thiết về tương lai. Nó có khuynh hướng lao vào cuộc chiến tranh này không phải chủ yếu để bảo vệ Thổ Nhĩ Kỳ mà chủ yếu để chống lại Nga. Đây là tất cả những điều "về tương lai" mà nghị viện biết được từ cửa miệng của ông Héc-bóc đáng thương. Hơn thế nữa, ông ta còn cho biết một cái gì đó hoàn toàn mới mẻ. Theo lời ông Héc-bóc, thì "ông Cốp-đen đang phản ánh tâm trạng của giai cấp đông đảo nhất trong nhân dân Anh". Khi mà từ tứ phía trong nghị viện người ta đều bác bỏ điều đó, ông Héc-bóc còn bổ sung rằng:

"Vị nghị sĩ đáng kính là đại biểu, nếu không phải cho giai cấp đông đảo nhất, thì chí ít, cũng đại biểu cho một bộ phận to lớn trong giai cấp công nhân nước ta".

Ông Héc-bóc đáng thương thay! Hội trường lại trở nên náo nhiệt khi ông Đi-xra-e-li kế tiếp ông Héc-bóc lên phát biểu, khi một nhà luận chiến chân chính thay chân một kẻ ba hoa.

Ám chỉ lời tuyên bố đầy kịch tính mà huân tước Giôn Rốt-xen đã dùng để kết thúc bài phát biểu của mình vào tối thứ sáu, ông Đì-xra-e-li bắt đầu với lời tuyên bố như sau:

"Tôi luôn luôn giữ ý kiến cho rằng nhân dân bất cứ nước nào, và nhất là nước ta, nếu như họ thực sự biết rõ mình chiến đấu cho cái gì thì họ sẽ biểu hiện sự sẵn sàng nhiều hơn và nguyện vọng lớn hơn rất nhiều trong việc chịu đựng cái gánh nặng do tình hình chiến tranh gây ra, hơn là khi họ bị người ta lừa vào chiến trận với việc khơi dậy lòng hăng hái của họ bằng những lời kêu gọi sôi nổi và lợi dụng cái tâm trạng bị kích động của họ; cái thủ đoạn nói sau cùng đó, ngay lúc đầu, có thể có lợi cho vị bộ trưởng nào đấy, nhưng qua vài tháng sau nó sẽ gây ra những hậu quả không thể tránh khỏi của tâm trạng không hay biết, những hậu quả này có thể nghiêm trọng hơn bởi thất bại về quân sự".

Cuộc chiến tranh năm 1828 - 1829 trong đó Anh đứng về phía Nga, chứ không phải về phía Thổ Nhĩ Kỳ, là như vậy đó. Cục diện phức tạp hiện nay đối với Thổ Nhĩ Kỳ, cũng như tình trạng tuyệt vọng mà Thổ Nhĩ Kỳ lâm vào trong thời gian gần đây đều hoàn toàn do cuộc chiến tranh trên đây gây nên, trong đó Anh và Pháp liên kết lại chống Thổ Nhĩ Kỳ. Vào thời gian đó không có một hạ nghị sĩ nào thực sự có được một chút khái niệm nào đó về việc tại sao họ lại tham gia vào cuộc chiến tranh, hoặc về mục đích mà họ muốn theo đuổi khi chia đôn tấn công của mình vào Thổ Nhĩ Kỳ. Chính vì lẽ đó mà cần phải hiểu rõ những nguyên nhân và mục đích của cuộc chiến tranh hiện nay. Người ta chỉ được biết điều đó qua những cuốn Sách xanh. Còn như điều gì dẫn tới cục diện hiện nay, thì có thể trực tiếp biết được qua những báo cáo đặt trên bàn này. Chính sách được trình bày trong những báo cáo ấy đã chuẩn bị cho cái tương lai - nếu như tin vào các vị bộ trưởng - đang hoàn toàn thu hút sự chú ý của các vị ấy. Vì vậy vị diễn giả phản đối cái học thuyết của ngài Giêm-xơ Grê-hêm. Ông Héc-béc chỉ phản đối việc đọc có một số trang lẻ trong những báo cáo ấy. Nhưng, ông Đì-xra-e-li không thể hứa sẽ đọc tất cả những cuốn Sách xanh ấy trong nghị viện. Dù sao thì, nếu ý kiến phản đối của đảng quân tử cao quý ấy được coi là chính đáng, thì hiển nhiên là không thể làm khác được. Theo ý kiến nhất trí của tất cả những người am hiểu vấn đề phương Đông, cũng như theo ý kiến cá nhân ông ta, thì Nga không hề có ý định chinh phục Đế quốc Ôt-tô-man bằng sức mạnh, mà nó chỉ muốn dùng chính sách khôn khéo và những phương pháp hoàn thiện để giành lấy ảnh hưởng đối với dân cư theo đạo Cơ Đốc ở Đế quốc

Thổ Nhĩ Kỳ, cái ảnh hưởng đem lại cho Nga uy tín, xem ra, không kém gì uy tín mà việc chiếm lĩnh thủ đô của cường quốc của vua Thổ Nhĩ Kỳ đem lại. Khi mới bắt đầu các cuộc đàm phán đó, bản thân bá tước Nê-xen-rô-de đã trình bày rõ ràng chính sách của Nga trong các bản báo cáo của mình từ tháng Giêng và tháng Sáu 1853. Nga muốn chiếm được ưu thế trong Đế quốc Thổ Nhĩ Kỳ, gây ảnh hưởng đặc biệt tới 12000000 người chiếm tuyệt đại đa số thần dân của vua Thổ Nhĩ Kỳ. Trong những công văn khẩn của Nga gửi cho Chính phủ Anh không những trình bày rõ ràng chính sách ấy, mà còn thông báo cho Chính phủ Anh biết một cách không kém phần thẳng thắn về biện pháp thực hiện chính sách ấy - không phải bằng chinh phục, mà bằng việc duy trì các hiệp ước hiện hành và giải thích mở rộng những hiệp ước đó. Vì vậy, ngay từ khi mới bắt đầu cuộc tranh luận quan trọng này, hiệp ước được ký kết ở Quy-súc-Cai-nắc-gia đã là cơ sở cho hoạt động ngoại giao. Theo hiệp ước này thì những thần dân theo Cơ Đốc giáo của Chính phủ Thổ Nhĩ Kỳ sẽ được đặt dưới sự bảo hộ đặc biệt của vua Thổ Nhĩ Kỳ. Nga thì giải thích hiệp ước theo cách khác, tuyên bố rằng, các thần dân theo Cơ Đốc giáo của vua Thổ Nhĩ Kỳ được đặt dưới sự bảo hộ của Nga hoàng. Căn cứ vào hiệp ước này, Nga có thể yêu cầu bảo vệ nhà thờ mới của mình (tòa nhà ở phố Bâ-y-oóc-glu), người Nga cũng giải thích điều khoản ấy trong hiệp ước theo ý nghĩa là, Nga có quyền đứng ra bảo hộ mọi giáo hội Chính thống và, đương nhiên là, tất cả các đoàn thể tôn giáo thuộc tôn giáo đó ở trên lãnh thổ của vua Thổ Nhĩ Kỳ và chiếm tuyệt đại bộ phận thần dân của vua Thổ Nhĩ Kỳ. Đây là sự giải thích thẳng thắn của Nga về Hiệp ước Cai-nắc-gia. Mặt khác, qua báo cáo ngày 8 tháng Giêng 1853 của ngài Ha-min-tơn Xây-mua có thể biết rằng bá tước Nê-xen-rô-de đã thông báo cho ngài Ha-min-tơn, và tước sĩ Ha-min-tơn lại thông báo cho huân tước Cla-ren-đôn biết rằng "cần ủng hộ chính sách ngoại giao của Nga bằng việc biểu dương lực lượng". Cũng theo bản báo cáo đó, thì cơ sở để bá tước Nê-xen-rô-de tin rằng vấn đề sẽ được giải quyết một cách thoả đáng là "những cố gắng mà các vị đại sứ của nữ hoàng ở Pa-ri và ở Công-xtăng-ti-nô-pơ phải ra tay". Vì vậy, Nga đã công khai tuyên bố rằng việc biểu dương lực lượng chỉ là sự biểu dương mà thôi, còn mục đích thì phải đạt được bằng biện pháp hòa bình, bằng những cố gắng của các vị đại sứ Anh ở Pa-ri và ở Công-xtăng-ti-nô-pơ.

"Vây thì", - Đì-xra-e-li nói tiếp, - "tôi muốn biết các vị đại sứ ấy, - sau khi đã trình bày mục đích, nêu rõ các biện pháp và, sau hết, đứng trước các chính sách ngoại giao như vậy, - đã có thái độ đối với phương kế ấy như thế nào?"

Về vấn đề đất thánh, ông Đì-xra-e-li cho rằng bàn đến là thừa. Thực ra nó sắp sửa được giải quyết ở Công-xtăng-ti-nô-plơ. Thậm chí bá tước Nê-xen-rô-đe ngay từ đầu cuộc đàm phán đã tỏ ra ngạc nhiên và hài lòng, và chứng minh cho tinh thần yêu chuộng hòa bình của Pháp. Tuy nhiên, trong suốt khoảng thời gian ấy, quân đội Nga vẫn tập kết ở biên giới Thổ Nhĩ Kỳ, còn bá tước Nê-xen-rô-đe thì bao giờ cũng nói với huân tước Cla-ren-đôn rằng chính phủ của ông ta yêu cầu bồi thường ngang giá cho những đặc quyền mà giáo hội Chính thống giáo bị mất đi ở Giê-lu-xa-lem và vấn đề này sẽ giải quyết không có sự tham gia của chính phủ ông. Lúc bấy giờ thậm chí sứ mệnh của công tước Men-si-cốp cũng được nhắc tới, điều này có thể thấy được qua các báo cáo của ngài Ha-min-tơn Xây-mua. Lần trước, huân tước Giôn Rốt-xen có tuyên bố rằng bá tước Nê-xen-rô-đe đã hành động như một tên bịp bợm. Mặt khác, cũng chính huân tước Rốt-xen lại thừa nhận bá tước Nê-xen-rô-đe đã nhiều lần tuyên bố rằng hoàng đế của ông ta yêu cầu bồi thường ngang giá cho giáo hội Chính thống giáo; đồng thời huân tước lại oán trách rằng bá tước Nê-xen-rô-đe đã chưa bao giờ nói ra cái điều mà ông ta muốn nói.

"Bá tước Nê-xen-rô-đe thật tồi tệ! (Có tiếng cười.) Thủ đoạn hai mặt bịp bợm của các nhà hoạt động quốc gia Nga! (Có tiếng cười.) Tại sao vị huân tước cao quý lại không biết được cái mà ông ta cần phải biết? Để ngài Ha-min-tơn Xây-mua ngồi ở Xanh Pê-téc-bua làm gì, nếu như không thể nhận được ở ông ta những tin tức cần thiết?"

Nếu như bá tước Nê-xen-rô-đe chưa bao giờ nói với huân tước cao quý điều mà ông ta muốn nói, thì đó là do huân tước cao quý chưa lần nào dám nêu ra với ông ta những câu chất vấn tương ứng. Trong giai đoạn đó của cuộc đàm phán, các vị đại sứ phải nêu ra với nội các Xanh Pê-téc-bua một vấn đề dứt khoát. Nếu như Chính phủ Nga không thể nêu rõ yêu cầu của mình, thì việc tuyên bố rằng Chính phủ Anh cự tuyệt sự giúp đỡ hữu nghị ở Pa-ri và Công-xtăng-ti-nô-plơ là hoàn toàn thích hợp. Khi huân tước Giôn Rốt-xen từ chức và huân tước Cla-ren-đôn lên thay ông ta thì tính chất của hoạt động ngoại

giao đã chuyển biến có lợi cho Nga. Giữ chức vụ bộ trưởng ngoại giao, huân tước Cla-ren-đôn nhất định phải ra những chỉ thị cho huân tước Xto-rát-phơ Đơ Rết-clíp-phơ đi nhận nhiệm vụ làm đại sứ của nữ hoàng. Nhưng chỉ thị ấy như thế nào? Khi mà Thổ Nhĩ Kỳ lâm vào tình cảnh hết sức khốn quẫn và nguy ngập, thì chúng phải dạy cho Thổ Nhĩ Kỳ về những cuộc cải cách phải tiến hành trong lĩnh vực nội chính và thương mại. Chúng phải gợi ý cho Thổ Nhĩ Kỳ rằng thái độ của Chính phủ Thổ Nhĩ Kỳ phải hết sức ôn hòa và sáng suốt, nghĩa là phải tán thành những yêu sách của Nga. Đồng thời, vẫn như trước đây, chính phủ không được đòi Nga phải giải thích tường tận về những ý đồ của Nga. Hầu tước Men-si-cốp đã đến Công-xtăng-ti-nô-plơ. Sau khi nhận được những bức thư đầy lo lắng của đại tá Rô-dơ và những báo cáo có tính chất báo động của ngài Ha-min-tơn Xây-mua, thì trong thư gửi đại sứ Anh ở Pa-ri là huân tước Cau-li, huân tước Cla-ren-đôn chỉ trích việc ra lệnh điều động hạm đội Anh của đại tá Rô-dơ, tỏ ý lấy làm tiếc về việc ra lệnh cho viên đô đốc hải quân Pháp rời hải phận Hy Lạp, lên lớp cho Pháp với giọng khinh khi rằng "chính sách hoài nghi là không sáng suốt và khá nguy hiểm", và tuyên bố sự tin tưởng hoàn toàn của mình đối với hoàng đế Nga đã trịnh trọng cam đoan sẽ bảo vệ Đế quốc Thổ Nhĩ Kỳ. Tiếp đó huân tước Cla-ren-đôn viết thư cho đại sứ của mình ở Công-xtăng-ti-nô-plơ rằng ông ta hoàn toàn tin tưởng rằng những mục đích mà công tước Men-si-cốp có sứ mệnh theo đuổi "dù sao cũng không gây nguy hiểm gì cho chính quyền của vua Thổ Nhĩ Kỳ cũng như sự toàn vẹn các lãnh địa của vua Thổ Nhĩ Kỳ". Hơn thế nữa! Huân tước Cla-ren-đôn thậm chí còn lên án người bạn đồng minh duy nhất của Anh ở châu Âu rằng, nếu như Anh giờ đây có thể bị cục diện khó khăn ở phương Đông đe dọa, thì đó chỉ là do lập trường mà Pháp nhất thời bám giữ trên vấn đề đất thánh. Vì vậy bá tước Nê-xen-rô-đe đã chúc mừng huân tước A-bóc-đin về "beau rôle"^{1*} (trong cuốn Sách xanh dịch là "vai trò quan trọng") mà ông ta nắm giữ trong việc làm cho Pháp "isolée"^{2*}. Ngày 1 tháng Tư, nhờ đại tá Rô-dơ mà Anh được biết về

1* - "vai trò cao quý"

2* - "bị cô lập"

hiệp ước *bí mật* mà Nga đưa ra cho Thổ Nhĩ Kỳ. Chỉ sau mười ngày, huân tước Xto-rát-pho đã đến Công-xtăng-ti-nô-plơ và chứng thực mọi tin tức của đại tá Rô-dơ. Sau tất cả những điều đó, ngày 16 tháng Năm huân tước Cla-ren-đôn viết thư cho ngài Ha-min-tơn Xây-mua:

"Mọi giải thích của hoàng đế Nga đưa ra" - những giải thích này không có trong những cuốn Sách xanh - "tạo cho chúng ta lý do không phải để chia sẻ, mà là coi thường những lo lắng do hành động của hầu tước Men-si-cốp phối hợp với sự chuẩn bị chiến tranh ở miền nam nước Nga gây nên một cách rất hiển nhiên khắp cả châu Âu".

Sau đó, ngày 20 tháng Sáu, bá tước Nê-xen-rô-đe có thể thông báo không ngại ngần gì cho huân tước Cla-ren-đôn rằng, Nga đã chiếm được các công quốc thuộc vùng sông Đa-nuýp. Trong văn kiện này, bá tước Nê-xen-rô-đe tuyên bố rằng

"hoàng đế có ý định giữ những tỉnh ấy làm vật đảm bảo cho đến khi ngài đạt được thỏa mãn; trong hành động của mình, ngài vẫn trung thành với lời tuyên bố mà ngài đưa ra trước Chính phủ Anh; khi trao đổi ý kiến với nội các Luân Đôn về vấn đề chuẩn bị chiến tranh diễn ra cùng một lúc với việc mở đầu đàm phán, ngài không hề giấu giếm rằng có thể đã tới lúc mà ngài buộc lòng phải nhờ tới sự viện trợ của Anh, và hoan nghênh Chính phủ Anh đã bày tỏ những ý định hữu hảo đối với ngài, đồng thời đem đối chiếu hành động của Anh với của Pháp và đem trút mọi trách nhiệm về những thất bại tiếp theo sau của hầu tước Men-si-cốp lên đầu huân tước Xto-rát-pho".

Sau tất cả những điều đó, ngày 4 tháng Bảy, huân tước Cla-ren-đôn viết một bức thông tri trong đó ông vẫn trông đợi ở lòng chính trực và sự ôn hòa của hoàng đế, vin vào việc vị đó đã nhiều lần tuyên bố rằng hoàng đế không có ý định xâm phạm sự toàn vẹn của Đế quốc Thổ Nhĩ Kỳ. Và ngày 18 tháng Bảy, vị hoàng đế ấy viết cho huân tước Xto-rát-pho rằng

"Pháp và Anh đã bắt tay vào việc một cách nghiêm túc, hoàn toàn có thể dập tan lực lượng của Nga, nhưng không loại trừ khả năng là trong thời gian ấy Thổ Nhĩ Kỳ sẽ bị thất bại hoàn toàn, và bởi vậy con đường đúng đắn duy nhất là đàm phán hòa bình".

Nhưng nếu như ngài Di-xra-e-li cho rằng luận cứ ấy thích hợp với lúc bấy giờ, thì hiện nay nó vẫn thích hợp. Hoặc là Chính phủ Anh tỏ rõ sự tin cậy, mà sự tin cậy này mang tính chất cả tin quá đáng, hoặc là mắc phải tội dung túng. Chiến tranh là kết quả của việc chính phủ của nữ hoàng tiến hành đàm phán trong suốt bảy tháng qua. Nếu

Chính phủ Anh bị chi phối bởi sự cả tin, thì có nghĩa là với hành động bội tín của mình Nga đã đẩy nhanh cuộc xung đột có lẽ không tránh khỏi, và sẽ đảm bảo cho nền độc lập của châu Âu, sự an toàn cho Anh và nền văn minh. Nếu Chính phủ Anh bị chi phối bởi thái độ dung túng thì đây sẽ là một cuộc chiến tranh hèn nhát, một cuộc chiến tranh không kiên quyết, không kết quả, hoặc, đúng hơn là một cuộc chiến tranh đem lại chính cái kết cục mà chúng ta đã xét đến ngay từ đầu. Ngày 25 tháng Tư, huân tước Cla-ren-đôn đã phát biểu tại thượng nghị viện một lời tuyên bố giả dối rằng Men-si-cốp đến để hòa giải cuộc tranh cãi về đất thánh, tuy ông ta biết rằng điều đó trái với thực tế. Tiếp đó ngài Di-xra-e-li đã trình bày vắn tắt quá trình ra đời của bức thông điệp Viên để chứng minh rằng, chính phủ hoặc tỏ ra hết sức ngu xuẩn, hoặc nhắm mắt làm ngơ trước triều đình Xanh Pê-téc-bua, rồi ông quay lại bàn đến thời kỳ thứ ba, xảy ra trong khoảng giữa thất bại của bức thông điệp Viên và trận đánh ở Xi-nô-pơ. Lúc bấy giờ bộ trưởng Bộ tài chính là ngài Glát-xtôn phát biểu ý kiến trong một cuộc hội nghị công khai đã nói về Thổ Nhĩ Kỳ với giọng rất khinh bỉ. Một số tờ báo bán chính thức cũng đề cập tới vấn đề đó như vậy. Chỉ nhờ vào nghị lực của bản thân người Thổ Nhĩ Kỳ mà tình hình và vận mệnh của Thổ Nhĩ Kỳ mới có sự biến đổi khiến cho chính phủ phải nói với một giọng khác. Nhưng trận đánh ở Ôn-tê-nít-sa vừa bắt đầu, thì bọn ủng hộ chính sách cả tin cũng như chính sách nhắm mắt làm ngơ lại giở giọng ngay cái trò bần thiêu của họ ra. Dù sao, cuộc đại bại ở Xi-nô-pơ vẫn gây ra sự đồng tình của người ta đối với Thổ Nhĩ Kỳ. Các hạm đội được lệnh tiến vào Hắc Hải. Nhưng họ hành động như thế nào? Họ quay về Bô-xpho! Còn về tương lai, thì huân tước Giôn Rốt-xen trình bày một cách rất mập mờ về các điều kiện liên minh Anh - Pháp. Ngài Di-xra-e-li khuyên mọi người chớ nên lẫn lộn việc duy trì thế cân bằng ở châu Âu với việc duy trì tình trạng phân chia lãnh thổ hiện nay ở châu Âu. Tương lai của I-ta-li-a chủ yếu tùy thuộc vào việc có thừa nhận chân lý ấy hay không.

Sau bài phát biểu xuất sắc của ngài Di-xra-e-li mà, đương nhiên, tôi chỉ dẫn chứng về đại thể, huân tước Pan-móc-xơ đã lên tiếng phát biểu nhưng bị thất bại hoàn toàn. Ông ta lặp lại một phần bài diễn

văn mà ông ta đọc trong phiên bế mạc kỳ họp lần trước của quốc hội, biện bạch rất vô căn cứ cho chính sách của nội các và hết sức chú ý tránh bất cứ câu nào mang một tin tức gì mới.

Tiếp đó, theo đề nghị của ngài Giôn Grê-hêm, người ta đã thông qua không có tranh luận một số điểm sửa đổi về dự án ngân sách hải quân.

Sau hết, điều đáng chú ý nhất là, sau các cuộc tranh luận hết sức sôi nổi, nghị viện hoàn toàn không thành công trong việc làm cho các bộ trưởng phải chính thức tuyên chiến với Nga, cũng như trong việc nêu rõ những mục đích của sự tham chiến bắt buộc của Anh. Kết quả là nghị viện, cũng như công chúng đều không biết gì hơn điều mà cho tới nay họ đã biết. Họ không nhận được tin tức mới nào cả.

*Do C.Mác viết ngày 21 tháng Hai 1854
Đã đăng trên tờ "New-York Daily Tribune"
số 4022, ngày 9 tháng Ba 1854
Ký tên: Các Mác*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Anh*

C.MÁC

TRANH LUẬN Ở NGHỊ VIỆN NGÀY 22 THÁNG HAI. - BÁO CÁO KHẨN CỦA PỐT-XÔ-ĐI-BOỐC-GÔ. - CHÍNH SÁCH CỦA CÁC CƯỜNG QUỐC PHƯƠNG TÂY

Luân Đôn, thứ sáu, ngày 24 tháng Hai 1854

Báo chí đăng đầy rẫy những lời bàn tán vô bổ về "những hoạt động chuẩn bị chiến tranh" của Cô-sút và về những cuộc "điều động" dự định tiến hành của ông ta. Tuy nhiên, tình cờ tôi được nghe một sĩ quan Ba Lan - đã đi Công-xtăng-ti-nô-pơ và đã trao đổi với Cô-sút về việc đó - nói rằng nhà cầm quyền trước đây đã khuyên Cô-sút không nên rời Luân Đôn; Cô-sút đã tỏ ra hoàn toàn không tán thành về khả năng tham gia của các sĩ quan Hung-ga-ri và Ba Lan vào cuộc chiến tranh Thổ Nhĩ Kỳ hiện nay, với lý do là hoặc họ sẽ phải tiến hành chiến tranh dưới ngọn cờ của Sác-tô-rư-xki, hoặc phải từ bỏ tín ngưỡng Cơ Đốc giáo của mình; ông ta cho rằng, điều thứ nhất thì trái với chính sách của ông, còn điều thứ hai thì trái với những nguyên tắc của ông.

Cái ấn tượng do sự bóc trần tài tình của ngài Đì-xra-e-li đối với chính sách của chính phủ gây ra đã sâu sắc đến mức "nội các của mọi tài năng" thấy cần phải dùng đến cái mưu toan muợn màng là phải im mọi chuyện đi bằng cách bày đặt ra một vở hài kịch ngắn do các vị bộ trưởng và ngài Hi-um trình diễn vào phiên họp sáng thứ tư tại hạ nghị viện. Huân tước Pan-móc-xtôn kết thúc câu trả lời yếu ớt của mình đối với sự lựa chọn có tính chất châm biếm về một giải pháp phải chọn mà ngài Đì-xra-e-li đặt ra - "sự cả tin" quá đáng hoặc "sự dung túng" tới mức phản bội, rằng từ vị trí đối lập ông ta kêu gọi sự xét xử công minh của đất nước, thế là ngài Hi-um được vinh dự là

văn mà ông ta đọc trong phiên bế mạc kỳ họp lần trước của quốc hội, biện bạch rất vô căn cứ cho chính sách của nội các và hết sức chú ý tránh bất cứ câu nào mang một tin tức gì mới.

Tiếp đó, theo đề nghị của ngài Giôn Grê-hêm, người ta đã thông qua không có tranh luận một số điểm sửa đổi về dự án ngân sách hải quân.

Sau hết, điều đáng chú ý nhất là, sau các cuộc tranh luận hết sức sôi nổi, nghị viện hoàn toàn không thành công trong việc làm cho các bộ trưởng phải chính thức tuyên chiến với Nga, cũng như trong việc nêu rõ những mục đích của sự tham chiến bắt buộc của Anh. Kết quả là nghị viện, cũng như công chúng đều không biết gì hơn điều mà cho tới nay họ đã biết. Họ không nhận được tin tức mới nào cả.

*Do C.Mác viết ngày 21 tháng Hai 1854
Đã đăng trên tờ "New-York Daily Tribune"
số 4022, ngày 9 tháng Ba 1854
Ký tên: Các Mác*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Anh*

C.MÁC

TRANH LUẬN Ở NGHỊ VIỆN NGÀY 22 THÁNG HAI. - BÁO CÁO KHẨN CỦA PỐT-XÔ-ĐI-BOỐC-GÔ. - CHÍNH SÁCH CỦA CÁC CƯỜNG QUỐC PHƯƠNG TÂY

Luân Đôn, thứ sáu, ngày 24 tháng Hai 1854

Báo chí đăng đầy rẫy những lời bàn tán vô bổ về "những hoạt động chuẩn bị chiến tranh" của Cô-sút và về những cuộc "điều động" dự định tiến hành của ông ta. Tuy nhiên, tình cờ tôi được nghe một sĩ quan Ba Lan - đã đi Công-xtăng-ti-nô-pơ và đã trao đổi với Cô-sút về việc đó - nói rằng nhà cầm quyền trước đây đã khuyên Cô-sút không nên rời Luân Đôn; Cô-sút đã tỏ ra hoàn toàn không tán thành về khả năng tham gia của các sĩ quan Hung-ga-ri và Ba Lan vào cuộc chiến tranh Thổ Nhĩ Kỳ hiện nay, với lý do là hoặc họ sẽ phải tiến hành chiến tranh dưới ngọn cờ của Sác-tô-rư-xki, hoặc phải từ bỏ tín ngưỡng Cơ Đốc giáo của mình; ông ta cho rằng, điều thứ nhất thì trái với chính sách của ông, còn điều thứ hai thì trái với những nguyên tắc của ông.

Cái ấn tượng do sự bóc trần tài tình của ngài Đì-xra-e-li đối với chính sách của chính phủ gây ra đã sâu sắc đến mức "nội các của mọi tài năng" thấy cần phải dùng đến cái mưu toan muợn màng là phải im mọi chuyện đi bằng cách bày đặt ra một vở hài kịch ngắn do các vị bộ trưởng và ngài Hi-um trình diễn vào phiên họp sáng thứ tư tại hạ nghị viện. Huân tước Pan-móc-xtôn kết thúc câu trả lời yếu ớt của mình đối với sự lựa chọn có tính chất châm biếm về một giải pháp phải chọn mà ngài Đì-xra-e-li đặt ra - "sự cả tin" quá đáng hoặc "sự dung túng" tới mức phản bội, rằng từ vị trí đối lập ông ta kêu gọi sự xét xử công minh của đất nước, thế là ngài Hi-um được vinh dự là

nhân danh đất nước mà trả lời, giống như anh thợ mộc Xna-gô đóng vai sứ tử trong "cái chết vô cùng thảm khốc của Pi-ram và Ti-xbi"^{1*}. Trong suốt cuộc đời nghị sĩ của mình, ngài Hi-um bao giờ cũng ra sức làm cho phe đối lập được vừa lòng, đưa ra những điều sửa đổi để rồi sau đó lại rút về, và bao giờ cũng tỏ ra thuộc cái gọi là phe đối lập độc lập, nó luôn luôn làm hậu vệ cho bất cứ nội các nào thuộc đảng Vích và nhất thiết cứu giúp nội các ấy ngay khi mà những kẻ ủng hộ chính thức của nó vừa tỏ ra dao động. Hi-um là "kẻ chữa cháy" vĩ đại nhất và parexcellence^{2*} của nghị viện. Ông ta không những là nghị sĩ lão thành nhất, mà còn là một nghị sĩ độc lập, không những là nghị sĩ độc lập, mà còn là một phần tử cấp tiến, không những là phần tử cấp tiến, mà còn là một nhà thông thái rôm, là con Xéc-be^{3*} coi giữ túi tiền của nhà nước được mọi người đều công nhận; sứ mệnh của ông ta là để lạng lã mất đi nhiều đồng pao trong khi người ta lại tranh cãi nhau về những khoản không đáng một phắc-tinh.

Ngài Hi-um trình trọng tuyên bố rằng đây là lần đầu tiên trong toàn bộ đời hoạt động nghị trường của mình, ông ta phát biểu không phải là để chỉ trích dự án ngân sách nhà nước, mà là để tán thành nó. Ông không quên nêu rõ rằng sự kiện khác thường đó phải được dùng làm chứng cứ không thể bác bỏ được về việc nội các đã không uống công vô ích trong việc kêu gọi lương tri trong nước, sau khi bị những lời buộc tội có tính chất vu khống oan uổng của phe đối lập, và về việc phải trình trọng tuyên bố bác bỏ lời buộc tội về sự cả tin và sự dung túng. Sự chứng minh của ông ta có tính chất tiêu biểu. Để cứu vãn các ngài bộ trưởng khỏi sự chỉ trích phải chọn một giữa hai cái cả tin hay là dung túng, ông ta đã chứng minh sự cả tin của các bộ trưởng trong việc đàm phán với nước Nga. Do đó, ông ta đã hiểu rõ ý nghĩa thực sự của lời kêu gọi của huân tước Pan-móc-xton. Tất cả những gì mà nội các đạt được, thì đó là sự gỡ bỏ lời buộc tội về việc rắp tâm phản bội mà thôi. Còn như sự cả tin, thì chẳng phải là chính ngài Giêm-xơ Grê-hêm cao quý đã từng nói rằng "trong những tâm hồn cao thượng

1* Séc-xpia. "Giấc mộng đêm hè", màn I, cảnh 2.

2* - xuất sắc nhất

3* - Xéc-be: theo thần thoại cổ Hy Lạp là con chó ba đầu gác cửa âm phủ.

không dễ gì sản sinh ra sự hoài nghi", đó sao? Vì rằng cuộc chiến tranh có thể nổ ra là kết quả của những thất bại về ngoại giao của chính các ngài bộ trưởng thì, dĩ nhiên, nó là cuộc chiến tranh của chính các vị, và do đó - theo ý kiến ngài Hi-um - các vị ấy có thể tiến hành thắng lợi hơn ai hết. Theo ngài Hi-um, ngân sách quân sự đề nghị lần này tương đối ít là bằng chứng hùng hồn về quy mô của cuộc chiến tranh dự định tiến hành. Đương nhiên là, huân tước Pan-móc-xton cảm tạ ngài Hi-um về sự xét xử mà ông này nhân danh đất nước đưa ra và để khích lệ, huân tước còn làm cho những thính giả của mình sướng tai bằng những lời bàn bạc về các văn kiện của nhà nước. Theo ông, văn kiện không cần phải trình trước nghị viện và quốc dân, chừng nào mà sự việc chưa hỗn loạn đến mức việc công bố không còn ý nghĩa nữa. Đây là toàn bộ sự sáng suốt vượt đuôi mà nội các liên hiệp có thể làm được sau khi suy nghĩ chín chắn. Nhiệm vụ đặt ra cho huân tước Pan-móc-xton, người lãnh đạo nội các liên hiệp, không những là làm mờ nhạt cái ấn tượng của các lời phát biểu của địch thủ mà còn là làm mất tác dụng của lời kêu gọi có tính chất đóng kịch của chính ông ta, thay mặt cho nghị viện, hướng tới đất nước.

Chiều thứ ba, ngài Hoóc-xphôn, nghị sĩ của Li-vóc-pun, đã chất vấn như sau:

"Những hiệp ước ký kết với nước ngoài, hoặc những biện pháp mà chính phủ của nữ hoàng dự định thi hành khi có chiến tranh, liệu thực sự có mang tính chất là những biện pháp có thể ngăn cản một cách hữu hiệu các tàu cướp tư nhân tự vũ trang chống lại hạm đội Anh ở các cảng trung lập, hay không?"

Huân tước Pan-móc-xton trả lời:

"Quý ngài và nghị viện nên tự hiểu rằng trong tình hình hiện nay, về câu hỏi đó không thể đưa ra câu trả lời có tính chất giải thích".

Tờ "Morning Post"⁷⁴, moniteur^{1*} riêng của Pan-móc-xton nhận định về câu trả lời đó của ông chủ mình như sau:

"Huân tước cao quý không thể trả lời khác được (dù rằng chính phủ hiểu rõ việc ấy như thế nào đi nữa), trong khi chưa nghiên cứu vấn đề tế nhị nhất, nan giải nhất mà hiện nay có thể là đối tượng của các cuộc đàm phán. Nếu như người ta muốn rằng vấn đề ấy được giải quyết thuận lợi,

1* - người truyền tin chính thức

thì phải tin vào tinh thần công minh tự nhiên của các cường quốc không mong muốn khôi phục lại hành động cướp biển được hợp pháp hóa trong thế kỷ văn minh này của chúng ta".

Một mặt, cơ quan ngôn luận của huân tước Pan-móc-xơn công bố rằng "vấn đề nan giải" mà người ta đang bàn đến là đối tượng của các cuộc đàm phán hiện đang tiến hành, mặt khác, lại nói rằng trong khi giải quyết vấn đề ấy phải tin vào "tinh thần công minh tự nhiên" của các cường quốc hữu quan. Nếu như hiệp ước trung lập giữa Đan Mạch và Thụy Điển - được người ta ca tụng - không phải được ký theo chỉ thị của nội các Xanh Pê-téc-bua, thì không nói cũng rõ, nó phải bao gồm việc ngăn cấm các nước ấy trang bị cho các tàu cướp biển ở trong các cảng của mình. Thực ra, toàn bộ vấn đề chỉ có thể liên quan đến Hợp chúng quốc Mỹ mà thôi, vì rằng biển Ban-tích dự định do các tàu tuần dương chủ lực của Anh chiếm lĩnh, còn Hà Lan, Bỉ, Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha và các cảng của I-ta-li-a ở Địa Trung Hải đều hoàn toàn nằm trong tay Anh và Pháp. Vậy thì - theo nội các Xanh Pê-téc-bua - vai trò của Hợp chúng quốc sẽ như thế nào trong trường hợp cuộc chiến tranh Thổ Nhĩ Kỳ dẫn đến cuộc chiến tranh giữa Anh và Nga? Chúng ta chỉ có thể trả lời chính xác vấn đề ấy khi dựa vào một bản công văn khẩn mà Pốt-xô-di-Boóc-gô gửi cho bá tước Nê-xen-rô-đe vào mùa thu năm 1825⁷⁵. Lúc đó Nga đã thông qua quyết định xâm nhập Thổ Nhĩ Kỳ. Cũng như hiện nay, bấy giờ Nga cũng dự định bắt đầu chiếm lĩnh bằng phương thức hòa bình các công quốc thuộc vùng sông Đa-nuýp.

"Nếu giả định rằng kế hoạch ấy được chấp nhận", - Pốt-xô-di-Boóc-gô nói - "thì điều thích hợp nhất là nên đàm phán với Chính phủ Thổ Nhĩ Kỳ bằng giọng ôn hòa nhất và bảo đảm với họ rằng, nếu họ không muốn bị lôi cuốn vào chiến tranh, thì hoàng đế đồng ý dàn xếp một cách hòa bình những bất đồng ấy".

Sau khi nêu lên tất cả những biện pháp cần tiến hành, Pốt-xô-di-Boóc-gô nói tiếp:

"Tốt hơn hết là thông tri cho Hợp chúng quốc Mỹ về tất cả những hành động ấy để tỏ sự tôn trọng của nội các của hoàng đế và để chứng minh cho sự coi trọng của nội các này đối với tín tức đúng đắn của dư luận Mỹ và thậm chí tranh thủ sự ủng hộ của dư luận ấy".

Pốt-xô-di-Boóc-gô nói: trong trường hợp Anh liên kết với Thổ Nhĩ Kỳ và khai chiến với Nga, thì

"nó" (Anh) "sẽ phong tỏa các hải cảng của chúng ta dựa vào cái quyền tưởng tượng của nó là chống các nước trung lập trên mặt biển. Hợp chúng quốc Mỹ không thể làm ngơ việc đó! Và điều đó sẽ dẫn tới những bất đồng gay gắt và tình huống nguy hiểm".

Vì rằng, theo nhận định đúng đắn của nhà sử học Nga là Ca-ram-din rằng, "chính sách đối ngoại của chúng ta (Nga) không hề thay đổi"⁷⁶, thì chúng ta có căn cứ để giả định rằng, hiện nay hoặc, có lẽ, từ tháng Hai 1853, Nga đã thông tri cho "Hợp chúng quốc Mỹ biết tất cả những hoạt động của mình" và dùng mọi biện pháp, bằng cách nịnh nọt để làm cho nội các Oa-sinh-tơn ít ra cũng giữ lập trường trung lập. Đồng thời nó đặt hy vọng - nếu xảy ra chiến tranh với Anh - vào những cuộc tranh chấp có thể xảy ra về "quyền trên biển của các nước trung lập", nhưng cuộc tranh chấp này tất sẽ dẫn tới "những bất đồng gay gắt và tình huống nguy hiểm" và lôi kéo theo Hợp chúng quốc Mỹ vào khối liên minh ít nhiều công khai với Xanh Pê-téc-bua.

Một khi đã trích dẫn một công văn khẩn nổi tiếng nhất của Pốt-xô-di-Boóc-gô, thì tiện đây tôi cũng dẫn ra một đoạn nói về Áo. Đoạn này không hề mất đi ý nghĩa nóng hổi của nó sau những sự kiện đã xảy ra từ năm 1825 ở Ga-li-xi, I-ta-li-a và Hung-ga-ri.

"Chính sách của chúng ta", - Pốt-xô nói, - "đòi hỏi chúng ta phải giữ lập trường uy hiếp đối với quốc gia này; sự chuẩn bị của chúng ta phải làm cho nó tin rằng nếu như nó có một hành động gì chống lại chúng ta, thì nó sẽ phải gánh chịu một cơn bão táp mà nó chưa từng gặp bao giờ. Hầu tước Méc-téc-ních có thể hoặc là tuyên bố với người Thổ Nhĩ Kỳ rằng việc chúng ta tiến vào các công quốc thuộc vùng sông Đa-nuýp là do chính người Thổ Nhĩ Kỳ gây nên, hoặc là có thể đích thân ông ta - tùy theo ý muốn của mình - sẽ xâm nhập các tỉnh khác của Đế quốc Ôt-tô-man. Trường hợp thứ nhất thì có nghĩa là chúng ta đã thỏa thuận, trường hợp thứ hai có nghĩa là chúng ta đi tới thỏa hiệp. Điều duy nhất mà chúng ta phải lo lắng đó là hành động công khai chống lại chúng ta. Nếu hầu tước Méc-téc-ních sáng suốt, thì ông ta sẽ tránh được chiến tranh, nếu ông ta có ý định dùng bạo lực, thì sẽ bị trừng phạt. Đối với một nội các đã rơi vào tình cảnh như ông ta, thì một chính phủ như của chúng ta, khi cần, sẽ tìm ra hàng ngàn cách để chấm dứt sự bất đồng".

Những lời phát biểu có tính chất kích động của huân tước Giôn^{1*}, sự rùm beng về danh dự nước Anh, lòng căm phẫn chính đáng đối với sự thất tín của Nga, ảo ảnh về những pháo đài nổi của Anh tuần tiểu dưới chân thành Xê-va-xtôn-pôn và Crôn-stát, sự đe dọa chiến tranh và việc điều võ dương oai đưa quân xuống tàu - tất cả những màn kịch ấy

1* - Rốt-xen

hoàn toàn làm cho dư luận rối mù và che mắt nó bằng một màn sương mù làm cho nó không thấy gì ngoài những ảo giác của chính nó. Phải chăng có thể có sự tự cảm dỗ nào lớn hơn là sau khi các cuốn Sách xanh đã bị bóc trần mà còn cho rằng cái nội các này đột nhiên biến thành cái nội các không những có thể tiến hành chiến tranh nói chung, mà thậm chí có thể tiến hành một cuộc chiến tranh khác chống lại nước Nga, cuộc chiến tranh này không những để phô trương, mà chính là vì lợi ích của kẻ địch mà cuộc chiến tranh đó tưởng như được tiến hành để chống lại? Bây giờ chúng ta xem xét những điều kiện trong đó diễn ra những hoạt động chuẩn bị chiến tranh.

Không có sự tuyên chiến chính thức nào với nước Nga. Nội các thậm chí không thể công khai trình bày về những mục đích của chiến tranh. Quân đội được chở bằng tàu thủy đến đâu cũng không ai biết chính xác. Kinh phí yêu cầu thì quá ít đối với một cuộc chiến tranh lớn và lại quá nhiều đối với một cuộc chiến tranh nhỏ. Chính phủ liên hiệp - một chính phủ nổi tiếng về tài bịa có để nuốt lời hứa trang trọng nhất của mình và về tài bày đặt lý do để trì hoãn những cuộc cải cách cấp bách nhất -, đột nhiên, với tinh thần trung thực đặc biệt trỗi dậy, cảm thấy mình phải thực hiện một cách hết sức vội vã những lời hứa trước đây, và qua việc đề ra một dự luật cải cách mới làm cả nước phải ngạc nhiên nó đã làm phức tạp thêm cuộc khủng hoảng nghiêm trọng mà đất nước đang chịu đựng. Việc đưa ra dự luật ấy mà những người ủng hộ cải cách nghị viện một cách sốt sắng nhất cũng cho là không hợp thời, không do một sức ép nào từ bên ngoài gây nên cả và đã bị tất cả các phía tiếp nhận với một thái độ hết sức thờ ơ và hoài nghi. Chẳng phải rõ ràng là, kế hoạch chính là ở chỗ nhằm đánh lạc hướng sự chú ý của dư luận đối với chính sách đối ngoại bằng cách đưa ra vấn đề có ý nghĩa đối nội quan trọng hay sao?

Việc ra sức làm cho công chúng hiểu lầm quan hệ của Anh với nước ngoài là điều khá hiển nhiên. Cho tới nay người ta vẫn chưa ký kết với Pháp một hiệp ước nào có tính chất ràng buộc, nhưng lại tạo ra một thứ thể phẩm dưới hình thức "trao đổi thông điệp". Nhưng ngay từ năm 1839 Anh đã trao đổi những thông điệp đại loại như vậy với nội các của Lu-i Phi-líp, những thông điệp này quy định rằng hạm đội của

liên quân phải tiến vào Đắc-đa-nen và ngăn chặn nước Nga nếu một mình hoặc cùng những cường quốc khác can thiệp vào công việc phương Đông. Tất cả chúng ta đều biết rõ cái gì đã nảy sinh từ sự trao đổi thông điệp ấy - đó là việc Liên minh thân thánh chống lại nước Pháp và hiệp ước về Đắc-đa-nen⁷⁷. Người ta đã suy nghĩ thận trọng và nghiêm túc về liên minh Anh Pháp như thế nào, điều đó có thể thấy rõ qua sự kiện xảy ra trong phiên họp hôm qua của hạ nghị viện. Qua tờ "Moniteur", các bạn có thể biết Bô-na-pác-tơ đã đe dọa như thế nào những người khởi nghĩa ở Hy Lạp và gửi cho chính phủ của vua Ôt-tôn một bản tường trình tương ứng. Khi ngài Giôn Uôn-sơ chất vấn nội các về vấn đề này, huân tước Giôn Rốt-xen tuyên bố rằng

"ông không hề biết gì về hiệp nghị giữa Chính phủ Pháp và Anh về vấn đề trên và ông cũng chưa bàn với bộ trưởng Bộ ngoại giao về vấn đề ấy. Nhưng ông có ấn tượng là Pháp chưa đưa ra một lời tuyên bố nào, và dù sao đi nữa cũng chưa có sự đồng ý hoặc sự tham gia của Chính phủ Anh".

Nếu quả thực Chính phủ Anh có ý định khai chiến với Nga, thì tại sao cứ cố lẩn tránh những hình thức tuyên chiến thường dùng trên thế giới? Nếu có ý định ký kết liên minh thực sự với Pháp, thì tại sao cứ cố tình lẩn tránh hình thức ký kết liên minh thường dùng trên thế giới? Về các quốc gia Đức thì ngài Giêm-xơ Grê-hêm tuyên bố rằng họ đã ký kết liên minh với Anh, còn huân tước Giôn Rốt-xen thì ngược lại, cũng ngay chiều hôm đó đã quả quyết rằng tưởng như quan hệ với các quốc gia ấy hiện nay vẫn giống như khi bắt đầu xảy ra tình hình rắc rối ở phương Đông. Các bộ trưởng tuyên bố rằng chính lúc này đây họ đang có ý định điều chỉnh mối quan hệ với Thổ Nhĩ Kỳ và đề nghị ký kết hiệp ước với nước này. Họ đã điều quân đi để chiếm lấy Công-xtăng-ti-nô-pơ, mà không ký trước hiệp ước với Thổ Nhĩ Kỳ. Cho nên chúng tôi không hề ngạc nhiên khi được biết - qua một bức thư gửi từ Công-xtăng-ti-nô-pơ - rằng Chính phủ Thổ Nhĩ Kỳ đã cử một phái viên bí mật từ Viên đi Xanh Pê-téc-bua để đề nghị với Nga hoàng ký kết một hiệp ước bí mật. Phóng viên viết:

"Sau khi nhận rõ sự phản bội và sự ngu xuẩn của bạn bè giả dối của mình, người Thổ Nhĩ Kỳ đã ký kết liên minh với kẻ thù sáng suốt của mình để trả thù lũ bạn ấy là hoàn toàn hợp lý. Những điều kiện của hiệp ước mà người ta muốn áp đặt cho Thổ Nhĩ Kỳ còn nguy hại gấp mười so với những yêu sách của Men-si-cốp".

Theo nội các Anh, thì về những hành động của quân đội Anh người ta có thể hiểu được đúng đắn qua tất cả những sự việc mà hạm đội của liên quân đã và hiện đang làm. Qua 20 ngày sau khi tiến vào Hắc Hải, họ lại trở về Bô-xpho. Trước khi xảy ra sự việc này mấy hôm, chúng tôi được tin

"các bộ trưởng của Chính phủ Thổ Nhĩ Kỳ, xuất phát từ sự tôn trọng lời tuyên bố của đại sứ Anh, đã phải bắt giam chủ bút báo Hy Lạp "Télégraphe du Bosphore" là người đã tuyên bố trên tờ báo của mình rằng, chẳng bao lâu nữa hạm đội Anh và Pháp sẽ phải rút từ Hắc Hải về Bô-xpho. Chủ biên tờ "Journal de Constantinople" được phép tuyên bố rằng hai hạm đội ấy vẫn tiếp tục ở lại Hắc Hải".

Để tỏ lòng biết ơn sự chỉ bảo của các đô đốc Anh và Pháp đối với mình, ngày 19 tháng Hai, đô đốc Nga đã cho hai chiếc tàu hơi nước đi nã pháo vào người Thổ Nhĩ Kỳ ở Sép-can-tin; các tàu hơi nước của Nga tuần tiễu ở vùng Tơ-ra-pê-dun, trong khi đó hạm đội liên quân không có hạm tàu của mình ở Hắc Hải, trừ một chiến hạm Anh và một chiến hạm Pháp đang ở Xê-va-xtô-pôn. Trận Xi-nô-pơ và việc tàu chiến Nga bắn phá Sép-can-tin - đó là những chiến công duy nhất mà hạm đội quân đồng minh có thể đem khoe khoang. Cuộc tranh cãi giữa các vị đại sứ và các đô đốc đã dẫn tới chỗ làm cắt đứt hoàn toàn quan hệ của họ với nhau, - huân tước Xơ-rát-phơ Đơ Rết-clíp-phơ cự tuyệt tiếp đô đốc Đôn-đa-xơ, còn Ban-ra-ghe đ'In-li-ê không cho đô đốc Pháp và các sĩ quan của ông ta tham gia buổi khiêu vũ chính thức, - sự tranh cãi này chỉ có ý nghĩa phụ thuộc, vì rằng các nhà ngoại giao khoắc lác cảm thấy danh dự của mình bị tổn thương do việc công bố các báo cáo khẩn của họ ở Luân Đôn và Pa-ri, hiển nhiên là bằng bất kỳ giá nào cũng phải khôi phục lại uy tín đã mất đi của mình, dù phải hy sinh bao nhiêu tàu chiến và lính thủy đi nữa.

Song thực chất của vấn đề là ở chỗ các chỉ thị công khai gửi cho các đại sứ đã bị những mệnh lệnh bí mật gửi cho các vị đô đốc xóa bỏ, và các vị đô đốc quả thực không thể chấp hành những mệnh lệnh mâu thuẫn nhau được. Mà các chỉ thị ấy làm sao có thể khác được, nếu như không xảy ra việc tuyên chiến trước đó? Một mặt, họ được lệnh tấn công các tàu Nga ở Hắc Hải để buộc chúng phải rút về Xê-va-xtô-pôn, nhưng mặt khác, họ không được vượt ra ngoài tư thế *phòng ngự* đơn

thuần. Sau hết, nếu như đây là một cuộc chiến tranh nghiêm trọng, thì làm sao mà vị đại sứ Anh ở Công-xtăng-ti-nô-pơ lại có thể coi là một thắng lợi lớn trong việc ông ta đã cách chức được bộ trưởng Bộ chiến tranh, lãnh tụ phái chủ chiến trong Chính phủ Thổ Nhĩ Kỳ, là Mếch-mét-A-li-pa-sa, và thay thế bằng "người đem lại hòa bình" là Ri-da-pa-sa, đồng thời giao chức tổng tư lệnh cho Mếch-mét-pa-sa, là thuộc hạ của Rê-sít-pa-sa.

Còn một khía cạnh khác hết sức quan trọng. Quân đội Anh và Pháp chỉ được cử đi sau khi Luân Đôn và Pa-ri nhận được tin cuộc khởi nghĩa của nhân dân Hy Lạp đã nổ ra ở An-ba-ni và lan sang Phét-xa-li và Mê-xê-doan⁷⁸. Như các báo cáo khẩn của Rốt-xen, Cla-ren-đôn và Xơ-rát-phơ Đơ Rết-clíp-phơ đã cho thấy, nội các Anh ngay từ đầu đã nóng lòng chờ đợi cuộc khởi nghĩa ấy. Nó tạo cho nội các Anh cái cơ tốt nhất để can thiệp vào sự bất hòa giữa vua Thổ Nhĩ Kỳ với các thần dân theo đạo Cơ Đốc của vua Thổ Nhĩ Kỳ, lấy nê là người hòa giải giữa người Nga và người Thổ Nhĩ Kỳ. Từ khi tín đồ Thiên chúa giáo can thiệp vào công việc của người Hy Lạp (ở đây tôi chỉ dùng từ này theo ý nghĩa tôn giáo^{1*}) thì có thể mong đợi chắc chắn sẽ có một hiệp định giữa 11000000 dân cư trên đất Thổ Nhĩ Kỳ thuộc châu Âu với Nga hoàng, trong trường hợp này Nga hoàng sẽ thực sự trở thành người bảo hộ họ về mặt tôn giáo. Giữa tín đồ Hồi giáo và các thần dân theo đạo Chính thống của họ không có sự xích mích gì về tôn giáo, nhưng sự thù hằn về tôn giáo đối với các tín đồ Thiên chúa giáo có thể nói là đã hình thành nên mối liên hệ chung duy nhất giữa các dân tộc khác nhau cư trú ở Thổ Nhĩ Kỳ và theo đạo Chính thống. Về mặt này thì chưa hề có sự thay đổi gì kể từ khi Mếch-khơ-mét II bao vây Công-xtăng-ti-nô-pơ, từ khi Lu-ca Nô-ta-ra-xơ, một đô đốc Hy Lạp, con người quyền thế nhất Đế quốc Bi-dăng-xơ công khai tuyên bố rằng ông ta vui lòng nhìn thấy ở thủ đô thắng lợi của chiếc khăn Thổ Nhĩ Kỳ hơn là của chiếc mũ La Mã, nhưng, mặt khác, người ta lại thấy lưu truyền lời tiên tri ở Hung-ga-ri nói rằng các tín đồ Cơ Đốc giáo chỉ thực sự được hạnh phúc khi mà

1* Trong nguyên bản "greeks" nghĩa là "người Hy Lạp", đồng thời cũng có nghĩa là "người theo đạo Chính thống".

những kẻ tà đạo theo Chính thống giáo đáng nguyên rủa bị tiêu diệt và người Thổ Nhĩ Kỳ sẽ huỷ diệt Công-xtăng-ti-nô-pơ. Vì vậy bất kỳ sự can thiệp nào của các cường quốc phương Tây vào mối quan hệ giữa vua Thổ Nhĩ Kỳ và các thần dân theo đạo Chính thống của ông ta, đều có lợi cho các kế hoạch của Nga hoàng. Người ta cũng có thể đạt được kết quả như thế, nếu Áo nẩy ra ý định - như điều này nó đã làm vào năm 1791⁷⁹ - chiếm lấy Xéc-bi với cái cớ là chống lại các âm mưu phiến loạn của phái thân Nga ở công quốc này. Tôi xin nói thêm rằng, ở Luân Đôn đang có tin đồn cuộc khởi nghĩa của dân cư Ê-pia dường như được chỉ viện của những người Hy Lạp từ quần đảo I-ô-niêng đến tham gia với họ, trong việc này nhà cầm quyền Anh không đối phó lại, và rằng tờ "Times", cơ quan ngôn luận của chính phủ liên hiệp, trong số ra ngày thứ bảy đã coi tin tức về cuộc khởi nghĩa của người Hy Lạp là một sự kiện rất đáng mong đợi.

Về phần mình, tôi hoàn toàn không nghi ngờ gì về hành vi phản bội được ẩn giấu sau những hoạt động chuẩn bị chiến tranh rùm beng của nội các liên hiệp. Đương nhiên, Bô-na-pác-tơ lao vào cuộc chiến tranh này một cách hoàn toàn thật sự. Cách mạng trong nước hay là chiến tranh ở ngoài nước - đối với ông ta thì không còn một lối thoát nào khác. Ông ta không còn có thể tiếp tục, như trước đây, kết hợp chế độ chuyên chế tàn bạo của Na-pô-lê-ông I với cái chính sách hòa bình bán mình của Lu-ri Phi-líp. Nếu như ông ta không thể đưa ngay quân đội Pháp ra nước ngoài, thì ông ta buộc phải ngừng việc liên tục đưa hàng loạt tù nhân đi đây sang Cây-en-na. Nhưng mâu thuẫn giữa những ý đồ lộ liễu của Bô-na-pác-tơ với các kế hoạch bí mật của nội các liên hiệp chỉ có thể làm cho tình hình thêm rối rắm hơn mà thôi. Từ tất cả những điều đó, tôi tuyệt nhiên không kết luận rằng chiến tranh sẽ không xảy ra; trái lại, cuộc chiến tranh sẽ có một quy mô đáng sợ, sẽ mang một tính chất cách mạng mà những con người tầm thường bé nhỏ trong nội các liên hiệp không thể tưởng tượng được. Và chính sự bội tín của họ là thủ đoạn để biến cuộc xung đột cục bộ thành cuộc chiến tranh toàn châu Âu.

Nhưng, dù rằng nội các Anh có tỏ ra thành thực đến mức bằng mức độ giả dối như hiện nay của nó, thì sự can thiệp của nó rút cục vẫn chỉ

có thể đẩy nhanh sự tan rã của Đế quốc Ôt-tô-man mà thôi. Không yêu cầu Chính phủ Thổ Nhĩ Kỳ bảo đảm cho các thần dân theo đạo Cơ Đốc của nó, thì người Anh không thể can thiệp được, mà chỉ có đẩy nó đến chỗ tan rã thì người Anh mới có thể đạt được sự bảo đảm ấy. Thậm chí phóng viên ở Công-xtăng-ti-nô-pơ - mà tôi đã nêu trên đây - tuy là người thân Thổ Nhĩ Kỳ, cũng buộc phải thừa nhận rằng

"kiến nghị của các cường quốc phương Tây về quyền bình đẳng hoàn toàn cho tất cả các thần dân của Chính phủ Thổ Nhĩ Kỳ trong những quan hệ thế tục và tôn giáo, lập tức sẽ dẫn đến sự rối loạn, nội chiến và sự tan rã hoàn toàn và nhanh chóng của đế quốc".

*Do C.Mác viết ngày 24 tháng Hai 1854
Đã đăng trên tờ "New-York Daily
Tribune" số 4025, ngày 13 tháng Ba 1854
Ký tên: Các Mác*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Anh*

C. MÁC

SỰ PHÁ SẢN CỦA NƯỚC ÁO

Mặc dầu có sự đe dọa của chiến tranh và những nhu cầu cấp bách, cả Chính phủ Pháp lẫn Chính phủ Áo cho tới nay vẫn chưa củng cố được *nervus belli*⁸⁰, nghĩa là tình hình tài chính của mình. Tuy bộ trưởng Bộ tài chính Pháp đã mở tiệc linh đình chiêu đãi các quan chức chủ chốt của ngành tài chính, các nhà lãnh đạo của *Crédit Mobilier*⁸¹ và các chủ ngân hàng lớn ở Pa-ri, song tất cả các nhà tư bản ấy vẫn tỏ ra không mấy may mắn xúc động và vẫn giữ cái thú chủ nghĩa yêu nước thận trọng ấy, nó quen thói làm thiệt hại lợi ích của nhà nước để thỏa mãn lợi ích cá nhân, kiếm chác ở nhà nước những món lời lớn nhất. Vì thế cho tới nay vẫn chưa xác định được những điều kiện để thu được hai trăm triệu phrăng công trái Pháp theo dự kiến.

Về nước Áo, thì không nghi ngờ gì nữa, một trong những động cơ chủ yếu khiến cho nó có thái độ hữu nghị đối với các cường quốc phương Tây chính là ở chỗ nó hy vọng rằng bằng cách đó sẽ khôi phục lại sự tín nhiệm của giới tài chính và để thoát khỏi những khó khăn về tài chính. Quả thực, một tờ báo của chính phủ ở Viên vừa mới tiết lộ tin tức về sự trung lập của Áo và sự hòa thuận tốt đẹp với Pháp, lại lập tức làm cho công chúng hết sức ngạc nhiên trước việc đăng một tin bất ngờ về dự định bán phần lớn số ruộng đất công gồm sáu triệu a-cơ-rơ, và sắc lệnh ngày 23 tháng Hai 1854 quy định rằng toàn bộ số giấy bạc quốc gia hiện đang lưu hành theo thị giá cưỡng bức, với tổng số là 150000000 phlo-rin, đều phải được chuyển giao cho Ngân hàng quốc gia và đổi dần thành giấy bạc ngân hàng. Khi đổi xong thì toàn bộ số tiền giấy do ngân khố quốc gia phát hành sẽ được rút khỏi lưu thông, còn việc phát hành sắp tới tiền giấy quốc gia theo thị giá cưỡng bức cũng sẽ bị đình chỉ. Khi thực hiện việc đổi tiền này, chính phủ của hoàng đế phải bảo đảm với ngân hàng rằng chính phủ sẽ chịu trách nhiệm về số tiền giấy quốc gia chuyển giao cho ngân hàng, và sẽ thanh toán cho ngân hàng mọi chi phí về vụ đổi tiền này; hàng năm chính phủ sẽ phải chi phí ít nhất 10000000 phlo-rin để

thanh toán nợ nần do việc đó gây ra; chính phủ trao cho ngân hàng quyền được trích tiền trong thu nhập thuế quan của nhà nước để bảo đảm thanh toán đúng kỳ hạn; thanh toán phải dùng tiền kim loại theo tỷ suất ngang với tỷ suất tiền kim loại khi thu thuế. Đồng thời chính phủ phải có mọi biện pháp hỗ trợ để ngân hàng có thể làm tròn nghĩa vụ của mình và có thể tiếp tục thanh toán bằng tiền kim loại. Về phần ngân hàng, để cho người có giấy bạc có thể tùy ý đổi giấy bạc lấy những giấy có giá được trả lãi, mà được thanh toán bằng tiền kim loại, ngân hàng bắt đầu phát hành trái khoán có lãi mà về tất cả mọi phương diện đều ngang giá với trái khoán quốc gia hoặc công trái. Ngoài ra, chính phủ dự định tập trung về tay mình tất cả cái gọi là những chứng khoán chuộc và chứng khoán ứng trước để rút toàn bộ các loại giấy đó ra khỏi lưu thông.

Việc đổi tiền giấy quốc gia theo thị giá cưỡng bức thành giấy bạc ngân hàng không hoán đổi, sẽ không thể làm giảm bớt số lượng tiền giấy và không nâng cao được thị giá của nó, mà chỉ đơn giản hóa các tên gọi của số tiền giấy phát hành mà thôi. Vì nhà nước nắm được số kinh phí mà nó cấp cho ngân hàng để chuộc lại số tiền giấy, nên bản thân nhà nước có thể sử dụng kinh phí ấy, nếu như nó không biết rằng nó đã mất tín nhiệm đến mức sự tín nhiệm đối với nó chỉ có thể khôi phục lại được nhờ vào một ngân hàng không phải là sở hữu của nhà nước. Do đó, sự lệ thuộc của hoàng đế vào các chủ ngân hàng người Do Thái ở Viên đã tăng lên theo với sự tăng cường tính chất quân phiệt của nền thống trị của ông ta. Tháng Giêng 1852, ông ta đã đem cầm cho các chủ ngân hàng các mỏ muối ở Gmun-den, A-út-dơ và Sta-lây-nơ. Tháng Hai 1854, các chủ ngân hàng được hưởng các quyền cầm cố là được hưởng các khoản thu nhập thuế quan trong toàn vương quốc. Từng bước một, ngân hàng trở thành ông chủ thực sự, còn chính phủ chỉ là ông chủ trên danh nghĩa của đế quốc. Áo càng cự tuyệt việc thỏa mãn yêu sách tham gia chính quyền của giai cấp tư sản, thì nó càng buộc phải khuất phục trước sự chuyên chế vô hạn độ của một trong các phái thuộc giai cấp ấy - đó là bọn tài phiệt - chủ nợ.

Cái sắc lệnh mà thực chất của nó được chúng ta nêu lên ở đây, che giấu cho ý đồ vay nợ mới dưới hình thức giúp đỡ người có giấy bạc ngân hàng bằng cách biến các giấy bạc này thành trái khoán có lãi; mà lãi đó phải trả bằng tiền kim loại. Năm 1852, chính phủ cũng bảo đảm thanh toán cho các món nợ nhỏ và các trái khoán bằng tiền kim loại, nhưng vì

tiền thuế chỉ thu được bằng tiền giấy quốc gia hoặc giấy bạc ngân hàng thôi, nên chính phủ buộc phải ký vay nợ ở Luân Đôn và Phran-phuốc 35 triệu phlo-rin. Thật dễ hiểu là, những khoản vay mới đã làm tăng thêm khoản thâm hụt cũ, và tình hình đó dẫn tới đợt phát hành thêm số tiền giấy mà chính các khoản vay mới ấy phải ngăn ngừa việc phát hành quá nhiều cùng với sự sụt giá tương ứng của số tiền giấy ấy. Sự chênh lệch rất lớn mà chính phủ quy định giữa các khoản thanh toán bằng tiền kim loại với các khoản thanh toán bằng giấy bạc ngân hàng không thể xóa bỏ cái tiếng tăm xấu xa của giấy bạc ngân hàng, cũng giống như việc tăng số tiền thanh toán của ngân hàng lên 150 triệu không thể giúp nó hoàn thành những cam kết của mình và khôi phục việc thanh toán bằng tiền mặt. Chính phủ phải thanh toán cho ngân hàng các khoản bằng tiền kim loại theo tỷ suất của loại tiền này khi thu thuế; nhưng mọi người đều biết rằng ở Áo không những nông dân mà cả dân cư các thành phố nhỏ đều muốn tích tiền như người Trung Quốc và người Ấn Độ; năm 1850 thậm chí người ta tích trữ cả tiền bằng đồng, còn năm 1854 mọi thứ thuế đều nộp bằng tiền giấy, tuy rằng điều đó làm cho mất đi 17%.

Ai đã biết rõ lịch sử ngân khố nước Áo thì sẽ không thấy gì mới mẻ trong sự hứa hẹn của sắc lệnh mới, cũng như trong những biện pháp tài chính hiện đang được thi hành. Tiền giấy được phát hành lần đầu ở Áo dưới thời nữ hoàng Ma-ri-a Tê-re-di-na vào cuối cuộc chiến tranh bảy năm. Ban đầu đây là một loại giấy bạc ngân hàng phải đem đổi lấy bạc trong các cơ quan nhà nước. Năm 1797, những khó khăn về tài chính, do cuộc chiến tranh với Pháp gây ra, đã buộc chính phủ xóa bỏ việc đổi lấy bạc. Nếu như lần phát hành đầu tiên dưới thời nữ hoàng Ma-ri-a Tê-re-di-na là 12 triệu phlo-rin, thì đến năm 1809 tổng số giấy bạc ngân hàng đã lên tới 1060793653 phlo-rin, đồng thời sự sụt giá của giấy bạc ngân hàng đã đạt tới mức tối đa. Ngày 20 tháng Hai 1811, chính phủ đã công bố một sắc lệnh quy định hoàn toàn đình chỉ lưu hành giấy bạc ngân hàng và đổi những giấy bạc ngân hàng ấy - theo tỷ giá 100 ắn 20 lấy một thứ tiền giấy mới gọi là Wiener Währung^{1*} (do đó mà có cái tên là chứng khoán chuộc). Chính phủ tuyên bố rằng những chứng khoán ấy là tiền thực sự của nước nhà và hứa rằng những chứng khoán ấy không bao giờ phát hành với số lượng nhiều hơn số lượng cần thiết để đổi giấy

1* - tiền giấy Viên

bạc ngân hàng. Tháng Năm 1811 tỷ giá của Wiener Währung đã sụt 8% và người ta đã phát hành các chứng khoán ứng trước, sở dĩ gọi như vậy là vì dùng chúng để ứng trước 12 năm cho một phần thuế khoá. Sự thực thì lần phát hành đầu tiên loại chứng khoán ứng trước chỉ có 45 triệu phlo-rin. Để chuộc lại những chứng khoán này, thì trong vòng 12 năm mỗi năm phải chi 3750000 phlo-rin, số tiền này dự tính có được nhờ thu thuế ruộng đất.

Nhưng do chiến tranh, những đợt phát hành mới loại chứng khoán ứng trước đã lạng lẽ nối tiếp nhau, mỗi lần đều kèm theo sự sụt giá tương ứng. Năm 1815 số chênh lệch giá của bạc so với Wiener Währung đã lên tới 400%. Ngày 1 tháng Sáu 1816 có sắc lệnh của hoàng đế tuyên bố rằng từ nay nhà nước sẽ không bao giờ phát hành loại tiền giấy không hoán đổi, rằng số tiền giấy hiện đang lưu hành phải dần dần được thu hồi lại, còn tiền kim loại lại phải trở thành phương tiện lưu thông tiêu chuẩn. Để thực hiện những lời hứa ấy, ngày 18 tháng Giêng 1818 người ta đã thành lập Ngân hàng quốc gia đặc quyền mà chính phủ đã thỏa thuận trước với nó là giao cho nó trách nhiệm chuộc lại số tiền giấy không hoán đổi được. Tuy thế, tháng Sáu 1852 chúng tôi lại thấy trên một tờ báo của chính phủ đăng lời tuyên bố của bộ trưởng Bộ tài chính nói rằng từ nay tuyệt nhiên sẽ không còn loại công trái cưỡng bức, thuế đặc biệt, tiền sụt giá nữa, còn tiền giấy của Áo nếu như không phải hiện nay, thì, dĩ nhiên, trong tương lai sẽ được đổi nguyên giá lấy tiền kim loại, và khoản công trái mà tiền kim loại hiện đang được thảo luận sẽ nhằm mục đích thu hồi tiền giấy quốc gia và thanh toán các khoản nợ của nhà nước cho ngân hàng. Không gì có thể chứng minh hùng hồn hơn cho tính chất không đáng tin cậy của những lời hứa đó bằng sự lặp lại có tính chất chu kỳ chính những lời hứa đó.

Dưới thời Ma-ri-a Tê-re-di-na, Chính phủ Áo còn đủ mạnh để phát hành giấy bạc ngân hàng của mình có thể đổi lấy tiền kim loại và thậm chí còn có tỷ giá cao đối với bạc. Năm 1818, để thu về tiền giấy, nhà nước buộc phải thành lập ngân hàng đặc quyền là sở hữu của các nhà tư nhân; ngân hàng này được hưởng những đặc quyền gây nên một gánh rất nặng đối với nhà nước, nhưng nó phải phát hành giấy bạc có thể hoán đổi được. Năm 1854, chính phủ phải nhờ đến sự giúp đỡ của ngân hàng mà giấy bạc của nó cũng bị sụt giá và không hoán đổi được, giống như tiền giấy mà chính nhà nước phát hành.

Từ 1815 đến 1846, mặc dù Áo được hưởng lợi hầu như liên tục nhờ có hòa bình và yên ổn trong nước, nhưng sau một thời kỳ dài như vậy thì đòn giáng đầu tiên đã làm cho nó hoàn toàn không kịp trở tay. Cuộc khởi nghĩa Cra-cốp và các vụ lộn xộn ở Ga-li-xi vào cuối tháng Hai 1848⁸² làm cho chi tiêu của nhà nước tăng hơn 10000000 phlo-rin so với năm 1845. Nguyên nhân quan trọng nhất của sự tăng lên ấy là kinh phí cho quân đội: năm 1845 kinh phí ấy là 50624120 phlo-rin, nhưng năm 1846 tăng thêm 7000000, trong khi đó chi phí cho quản lý dân chính ở các tỉnh thuộc đế quốc này cũng tăng thêm 2000000 phlo-rin. Năm 1847, khủng hoảng thương nghiệp và mùa màng sút kém đã làm giảm rất nhiều thu nhập về thuế khoá, trong khi đó ngân sách quân sự tăng lên đến 64000000 phlo-rin, chủ yếu là do các phong trào phản đối nổ ra ở I-ta-li-a. Sự thâm hụt năm ấy là 7000000 phlo-rin. Năm 1848 và 1849, ở nhiều khu vực chẳng thu nhập được gì, lại thêm chi phí quân sự ở I-ta-li-a và Hung-ga-ri nữa. Số thâm hụt năm 1848 là 45000000, năm 1849 là 121000000 phlo-rin. Năm 1849 sẽ phát hành 76000000 phlo-rin giấy bạc với thị giá cưỡng bức và có mức lãi 3%. Trước đó rất lâu, ngân hàng đã ngừng thanh toán bằng tiền kim loại và các đợt phát hành tiền ngân hàng đã bị chính phủ tuyên bố là không đổi được tiền kim loại. Năm 1850, số thâm hụt là 54000000, và nguy cơ chiến tranh với Phổ làm cho thị giá của tiền giấy sụt 60%. Tổng số tiền giấy quốc gia phát hành trong những năm 1849 - 1851 là 219000000 phlo-rin. Năm 1852 số thâm hụt tăng thêm 8000000 so với năm 1849 và 46000000 so với năm 1847. Năm 1851, ngân sách quân sự là 126000000, nghĩa là áng chừng gấp đôi năm 1847. Năm 1852, kinh phí cho cảnh sát là 9000000, gấp bốn lần năm 1848. Còn năm 1853 kinh phí cho quân đội và cảnh sát còn tăng hơn nữa.

Nhưng, vấn đề thực sự không phải là giải đáp xem Áo đã rơi vào tình trạng bế tắc về tài chính như thế nào, mà là giải thích tại sao, bị sa vào cảnh bần vị giả và nợ nần, Áo vẫn có thể tránh được sự phá sản công khai. Năm 1850, thu nhập của nhà nước tăng hơn năm 1848 là 196 triệu và tăng hơn năm 1849 là 42 triệu. Năm 1851, thu nhập của nhà nước tăng hơn năm 1850 là 216 triệu. Năm 1852, tổng thu nhập lên tới 226 triệu, vượt năm 1851 - 6 triệu. Vậy là, thu nhập của nhà nước tăng lên không ngừng, tuy rằng thu nhập năm 1852 không tăng nhiều như năm 1851, mà năm 1851 không tăng nhiều như năm 1850.

Do đâu mà có sự tăng thu nhập ấy? Nếu không tính đến các khoản thu nhập đặc biệt như bồi thường chiến tranh ở Xác-di-ni và tịch thu tài sản ở Lôm-bác-di - Vơ-ni-dơ⁸³, thì việc biến người nông dân Áo thành những người sở hữu ruộng đất tự do, đương nhiên, đã làm tăng thêm khả năng nộp thuế của nông thôn và tăng thu nhập về thuế ruộng đất. Đồng thời việc xóa bỏ tòa án kế thừa tài sản đã chuyển vào ngân quỹ quốc gia những khoản thu nhập mà trước đây bọn quý tộc được hưởng dựa vào quyền tư pháp của mình, và từ năm 1849, nguồn thu nhập này ngày càng tăng lên. Ngoài ra, thuế thu nhập do sắc lệnh ngày 29 tháng Mười 1849 quy định làm cho thu nhập tăng lên rất nhiều. Loại thuế này đem lại thu nhập đặc biệt lớn ở các tỉnh của I-ta-li-a thuộc Áo. Chẳng hạn, năm 1852, tổng số thuế thu nhập ở các tỉnh ở Đức và Xla-vơ tăng được 601 triệu, còn riêng các tỉnh ở I-ta-li-a đã tăng được 639 triệu phlo-rin. Nhưng nguyên nhân chủ yếu cứu đế quốc Áo tránh được sự phá sản chính thức, không nghi ngờ gì nữa, là việc xâm chiếm Hung-ga-ri và quyền bình đẳng của Hung-ga-ri với các tỉnh khác về mặt nộp thuế.

Có thể coi thuế ruộng đất là cơ sở của toàn bộ chế độ thuế khóa của Áo. Ngày 23 tháng Chạp 1817 một sắc lệnh được công bố, trong đó hoàng đế Phran-txo tuyên bố quyết định của mình về thi hành một chế độ thu thuế ruộng đất thống nhất đối với tất cả các tỉnh ở Đức, các tỉnh có người Xla-vơ và các tỉnh ở I-ta-li-a. Trong một điều khoản của sắc lệnh ấy có quy định rằng từ nay về sau không miễn thuế ruộng đất "do người sở hữu ruộng đất hoặc sở hữu nhà cửa có những đặc quyền cá nhân", và nhìn chung nguyên tắc ấy đã được thi hành. Ở đại công quốc Áo, năm 1834 đã thực hiện chế độ địa bạ mới, và trong các lãnh địa thế tập của vương quốc Áo, công quốc ấy là nơi đầu tiên thi hành chế độ mới. Lôm-bác-di thuộc Áo đã có địa bạ hoàn thiện nhất từ thời Sác-lơ VI, địa bạ này được gọi là Censimento Milanese. Nhưng, Hung-ga-ri và Tơ-ran-xin-va-ni hoàn toàn không phải chịu gánh nặng thuế ruộng đất và các thứ thuế khác như các tỉnh khác của đế quốc. Theo hiến pháp của Hung-ga-ri, các điền chủ người Hung-ga-ri, nắm trong tay phần lớn ruộng đất, được miễn thuế trực thu, thậm chí Hung-ga-ri và Tơ-ran-xin-va-ni không phải đóng một số thuế gián thu mà các tỉnh khác phải đóng. Dân số của Hung-ga-ri, Tơ-ran-xin-va-ni và Biên giới quân sự⁸⁴ năm 1846 là 14549958 người, còn dân số ở các khu vực khác của vương quốc là 24901675, như thế là các khu vực đầu nói trên phải nộp 7/18 toàn bộ số thuế. Nhưng trên thực

tế, năm 1846 họ chỉ nộp có 23 triệu phlo-rin, không đầy 1/7 toàn bộ số thuế là 164 triệu phlo-rin. Các tỉnh ở Hung-ga-ri chiếm 5855 dặm vuông Đức trong số 12123 dặm vuông Đức của toàn bộ diện tích vương quốc Áo, nghĩa là chiếm một nửa lãnh thổ vương quốc Áo.

Hoàng đế I-ô-dép II có mục đích chủ yếu là tập trung hóa và Đức hóa toàn bộ vương quốc Áo, đã tùy tiện thi hành chế độ mới ở Hung-ga-ri để san bằng địa vị của Hung-ga-ri với địa vị của các tỉnh khác. Nhưng các biện pháp của ông ta đã gây ra sự công phẫn trong dư luận Hung-ga-ri đến nỗi, vào lúc cuối đời mình, ông ta thậm chí còn lo sợ người Hung-ga-ri sẽ khởi nghĩa như người Hà Lan⁸⁵.

Các hoàng đế Lê-ô-pôn II, Phran-xơ I và Phéc-đi-năng I không dám lặp lại cuộc thử nghiệm duy hiềm ấy. Tình hình ấy, nghĩa là sự cản trở của hiến pháp Hung-ga-ri đối với việc bình quân hóa thuế khóa, không còn nữa sau khi cách mạng Hung-ga-ri bị bóp nghẹt với sự giúp đỡ của Nga. Hoàng đế Phran-xơ - I-ô-xíp chưa hề tuyên thệ trung thành với hiến pháp Hung-ga-ri và chính vì vậy mà chiếm được ngôi hoàng đế của Phéc-đi-năng, lập tức thi hành thuế ruộng đất ở Hung-ga-ri cũng theo cách thức như ông đã thi hành ở các lãnh địa khác của vương quốc Áo. Ngoài ra, việc thủ tiêu biểu thuế quan nội bộ Hung-ga-ri kể từ ngày 1 tháng Mười 1850 đã làm cho thuế quan cũng như các loại thuế khác đều được thu thống nhất trên toàn bộ lãnh thổ của vương quốc Áo. Thuế hàng hóa tiêu dùng và độc quyền thuốc lá cũng bắt đầu được thi hành ở đây từ ngày 1 tháng Ba 1851. Chỉ tính riêng thuế trực thu ở các tỉnh ở Hung-ga-ri thì năm 1851 đã tăng thêm 11,5 triệu phlo-rin, còn năm 1852 tăng khoảng 8 triệu.

Bởi vậy, đi tới một kết luận hiển nhiên là sự sống còn của Đế quốc Áo không những về chính trị, mà cả về kinh tế, đều phụ thuộc vào việc có chiếm được Hung-ga-ri và Lô-m-bác-đi hay không; nếu mất đi các đất đai ấy thì sự phá sản kéo dài từ lâu của quốc gia này sẽ trở thành không tránh khỏi.

*Do C.Mác viết ngày 3 tháng Ba 1854
Đã đăng làm xã luận trên tờ
"New-York Daily Tribune" số 4033,
ngày 22 tháng Ba 1854*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Anh*

C.MÁC

***CÁC KẾ HOẠCH QUÂN SỰ CỦA PHÁP VÀ ANH. - CUỘC KHỞI NGHĨA Ở HY LẠP. - TÂY BAN NHA. - TRUNG QUỐC**

Luân Đôn, thứ sáu, ngày 3 tháng Ba 1854

Như tôi đã nêu trong một bài gần đây, ngài Sác-lơ Nây-pia được bổ nhiệm làm tư lệnh hạm đội Ban-tích chính là nhờ ông ta đã công khai tỏ ý không tin cậy vào sự liên minh với Pháp và chỉ trích Pháp về hành vi phản bội đối với Anh năm 1840, nhưng thực ra lúc bấy giờ Chính phủ Anh đã bí mật câu kết với Ni-cô-lai để chống lại Lu-i Phi-líp. Tôi cần phải bổ sung thêm rằng vị đô đốc thứ hai ở Hắc Hải, ngài Ét-môn Lai-ôn-xơ, trong thời gian giữ chức công sứ Anh ở Hy Lạp, đã từng tỏ ra là kẻ thù công khai của Pháp và đã bị cách chức vì sự đề xuất của huân tước Xơ-rát-phơ Đơ Rét-clíp-phơ. Như vậy là, nội các dùng sự bổ nhiệm của mình đã làm tất cả những gì có thể làm được để gieo rắc mối bất hòa không những giữa các bộ tư lệnh Anh và Pháp, mà còn giữa các đô đốc với đại sứ Anh ở Công-xtăng-ti-nô-pơ.

Việc Bô-na-pác-tơ tự chúc mừng bản thân mình nhân sự liên minh chặt chẽ của mình với Anh trong bài diễn từ trước các nghị sĩ không thể được coi là điều mâu thuẫn với những sự thực ấy, hướng hô là phủ nhận những sự thực ấy. Cái Entente cordiale⁸⁶, dĩ nhiên, là có phần nào cũ hơn so với việc dán lại cái nhãn hiệu của đế chế. Điều đặc sắc nhất trong bài diễn văn của Bô-na-pác-tơ không phải là ở chỗ lặp lại những lời nói của Lu-i Phi-líp, cũng không phải ở việc bóc trần các kế hoạch đầy tham vọng của Nga hoàng, mà đúng hơn cả là ở chỗ ông ta tuyên bố mình là kẻ bảo hộ nước Đức, và đặc biệt là bảo hộ Áo chống lại thù trong và giặc ngoài.

Các văn kiện phê chuẩn hiệp ước của Chính phủ Thổ Nhĩ Kỳ với các cường quốc phương Tây - trong đó có một điều khoản quy định rằng Chính phủ Thổ Nhĩ Kỳ không được ký hòa ước với Nga nếu không có sự

tế, năm 1846 họ chỉ nộp có 23 triệu phlo-rin, không đầy 1/7 toàn bộ số thuế là 164 triệu phlo-rin. Các tỉnh ở Hung-ga-ri chiếm 5855 dặm vuông Đức trong số 12123 dặm vuông Đức của toàn bộ diện tích vương quốc Áo, nghĩa là chiếm một nửa lãnh thổ vương quốc Áo.

Hoàng đế I-ô-dép II có mục đích chủ yếu là tập trung hóa và Đức hóa toàn bộ vương quốc Áo, đã tùy tiện thi hành chế độ mới ở Hung-ga-ri để san bằng địa vị của Hung-ga-ri với địa vị của các tỉnh khác. Nhưng các biện pháp của ông ta đã gây ra sự công phẫn trong dư luận Hung-ga-ri đến nỗi, vào lúc cuối đời mình, ông ta thậm chí còn lo sợ người Hung-ga-ri sẽ khởi nghĩa như người Hà Lan⁸⁵.

Các hoàng đế Lê-ô-pôn II, Phran-xơ I và Phéc-đi-năng I không dám lặp lại cuộc thử nghiệm duy hiềm ấy. Tình hình ấy, nghĩa là sự cản trở của hiến pháp Hung-ga-ri đối với việc bình quân hóa thuế khóa, không còn nữa sau khi cách mạng Hung-ga-ri bị bóp nghẹt với sự giúp đỡ của Nga. Hoàng đế Phran-xơ - I-ô-xíp chưa hề tuyên thệ trung thành với hiến pháp Hung-ga-ri và chính vì vậy mà chiếm được ngôi hoàng đế của Phéc-đi-năng, lập tức thi hành thuế ruộng đất ở Hung-ga-ri cũng theo cách thức như ông đã thi hành ở các lãnh địa khác của vương quốc Áo. Ngoài ra, việc thủ tiêu biểu thuế quan nội bộ Hung-ga-ri kể từ ngày 1 tháng Mười 1850 đã làm cho thuế quan cũng như các loại thuế khác đều được thu thống nhất trên toàn bộ lãnh thổ của vương quốc Áo. Thuế hàng hóa tiêu dùng và độc quyền thuốc lá cũng bắt đầu được thi hành ở đây từ ngày 1 tháng Ba 1851. Chỉ tính riêng thuế trực thu ở các tỉnh ở Hung-ga-ri thì năm 1851 đã tăng thêm 11,5 triệu phlo-rin, còn năm 1852 tăng khoảng 8 triệu.

Bởi vậy, đi tới một kết luận hiển nhiên là sự sống còn của Đế quốc Áo không những về chính trị, mà cả về kinh tế, đều phụ thuộc vào việc có chiếm được Hung-ga-ri và Lô-m-bác-đi hay không; nếu mất đi các đất đai ấy thì sự phá sản kéo dài từ lâu của quốc gia này sẽ trở thành không tránh khỏi.

*Do C.Mác viết ngày 3 tháng Ba 1854
Đã đăng làm xã luận trên tờ
"New-York Daily Tribune" số 4033,
ngày 22 tháng Ba 1854*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Anh*

C.MÁC

***CÁC KẾ HOẠCH QUÂN SỰ CỦA PHÁP VÀ ANH. - CUỘC KHỞI NGHĨA Ở HY LẠP. - TÂY BAN NHA. - TRUNG QUỐC**

Luân Đôn, thứ sáu, ngày 3 tháng Ba 1854

Như tôi đã nêu trong một bài gần đây, ngài Sác-lơ Nây-pia được bổ nhiệm làm tư lệnh hạm đội Ban-tích chính là nhờ ông ta đã công khai tỏ ý không tin cậy vào sự liên minh với Pháp và chỉ trích Pháp về hành vi phản bội đối với Anh năm 1840, nhưng thực ra lúc bấy giờ Chính phủ Anh đã bí mật câu kết với Ni-cô-lai để chống lại Lu-i Phi-líp. Tôi cần phải bổ sung thêm rằng vị đô đốc thứ hai ở Hắc Hải, ngài Ét-môn Lai-ôn-xơ, trong thời gian giữ chức công sứ Anh ở Hy Lạp, đã từng tỏ ra là kẻ thù công khai của Pháp và đã bị cách chức vì sự đề xuất của huân tước Xơ-rát-phơ Đơ Rét-clíp-phơ. Như vậy là, nội các dùng sự bổ nhiệm của mình đã làm tất cả những gì có thể làm được để gieo rắc mối bất hòa không những giữa các bộ tư lệnh Anh và Pháp, mà còn giữa các đô đốc với đại sứ Anh ở Công-xtăng-ti-nô-pơ.

Việc Bô-na-pác-tơ tự chúc mừng bản thân mình nhân sự liên minh chặt chẽ của mình với Anh trong bài diễn từ trước các nghị sĩ không thể được coi là điều mâu thuẫn với những sự thực ấy, hướng hô là phủ nhận những sự thực ấy. Cái Entente cordiale⁸⁶, dĩ nhiên, là có phần nào cũ hơn so với việc dán lại cái nhãn hiệu của đế chế. Điều đặc sắc nhất trong bài diễn văn của Bô-na-pác-tơ không phải là ở chỗ lặp lại những lời nói của Lu-i Phi-líp, cũng không phải ở việc bóc trần các kế hoạch đầy tham vọng của Nga hoàng, mà đúng hơn cả là ở chỗ ông ta tuyên bố mình là kẻ bảo hộ nước Đức, và đặc biệt là bảo hộ Áo chống lại thù trong và giặc ngoài.

Các văn kiện phê chuẩn hiệp ước của Chính phủ Thổ Nhĩ Kỳ với các cường quốc phương Tây - trong đó có một điều khoản quy định rằng Chính phủ Thổ Nhĩ Kỳ không được ký hòa ước với Nga nếu không có sự

đồng ý của bốn cường quốc - vừa mới được trao đổi ngày 5 tháng Hai ở Công-xtăng-ti-nô-plơ, thì các đại biểu của bốn cường quốc này cùng Chính phủ Thổ Nhĩ Kỳ đã mở đầu ngay cuộc đàm phán về tình hình sắp tới của các tín đồ Cơ Đốc giáo ở Thổ Nhĩ Kỳ. Tờ "Times" ra ngày thứ tư đã đề lộ mục đích thực sự của cuộc đàm phán này như sau:

"Tình hình của một số khu vực trong Đế quốc Thổ Nhĩ Kỳ - căn cứ vào các sắc lệnh của vua Thổ Nhĩ Kỳ và một số hiệp ước, thì các khu vực này đã được quyền tự trị nội bộ hoàn toàn với điều kiện thừa nhận chủ quyền của Chính phủ Thổ Nhĩ Kỳ - đã tạo ra một tiền lệ có thể đem áp dụng rộng rãi ra nữa mà chẳng gây thiệt hại gì cho cả đôi bên và, hơn nữa, có lẽ lại còn chỉ ra được con đường tốt nhất để có thể giúp đỡ cho các lãnh địa châu Âu thuộc Thổ Nhĩ Kỳ trong tình hình hiện nay của họ".

Nói cách khác, nội các liên hiệp có ý định duy trì sự toàn vẹn của Đế quốc Thổ Nhĩ Kỳ ở châu Âu bằng cách biến Bô-xni-a, Crô-a-xi, Héc-tê-gô-vi-na, Bun-ga-ri, An-ba-ni, Ru-mê-li và Phết-xa-li thành những quốc gia, kiểu giống như các công quốc thuộc vùng sông Đa-nuýp. Nếu Chính phủ Thổ Nhĩ Kỳ chấp nhận những điều kiện ấy, thì, trong trường hợp quân đội Thổ Nhĩ Kỳ thắng lợi, điều đó tất sẽ dẫn đến cuộc nội chiến giữa người Thổ Nhĩ Kỳ với nhau.

Hiện nay mọi người đều biết rằng, việc phát giác âm mưu ở Vi-đin chỉ đẩy nhanh cuộc khởi nghĩa của người Hy Lạp mà ở Bu-ca-rét người ta coi là việc đã xong xuôi, khi mà nó còn chưa bắt đầu. Pa-sa Scu-ta-ri đang tập trung toàn bộ quân đội của mình để ngăn cản người Séc-nô-gô-ri-a liên kết với người Hy Lạp khởi nghĩa.

Vì nói đến ý đồ *hiện nay* của Chính phủ Anh, nên chỉ có thể coi cuộc viễn chinh của Anh - Pháp là một sự lừa bịp mới. Địa điểm dự định đổ bộ cho người Pháp là ở Rô-đô-xtơ, cho người Anh là E-nô-xơ. Thành phố E-nô-xơ nằm trên một bán đảo nhỏ gần cửa sông, phía sau là vùng đầm lầy rộng lớn của thung lũng sông Ma-ri-sa, dĩ nhiên là rất thuận lợi cho tình hình vệ sinh doanh trại. Thành phố này không những ở ngoài khu vực Bô-xpho, mà còn ở ngoài khu vực Đắc-đa-nen nữa, và quân đội muốn đến Hắc Hải thì lại phải xuống tàu và thưởng thức một cuộc hành trình 250 hải lý ngược eo biển hoặc phải đi bộ 160 dặm qua một khu vực không có đường sá - một cuộc hành trình, hiển nhiên, phải mất hai tuần lễ. Người Pháp ở Rô-đô-xtơ ít ra còn ở trên biển Cẩm Thạch và cách Công-xtăng-ti-nô-plơ cả bảy ngày đường.

Quân đội hiện nay cần làm gì trong tình hình không sao hiểu nổi ấy? Rõ ràng là, quân đội được lệnh hoặc là đến A-dri-a-nô-pôn để từ đó bảo vệ thủ đô, hoặc, ít ra là tập kết ở eo Khéc-xô-nét Phra-ki-a để bảo vệ Đắc-đa-nen. Tờ "Times" nói thế, có dẫn ra "những nguồn tin đáng tin cậy", và thậm chí trích dẫn những nhận định có tính chất chiến lược của nguyên soái Mác-môn để chứng minh cho sự sáng suốt của kế hoạch ấy.

Dùng 10 vạn quân Pháp và Anh để bảo vệ thủ đô không bị ai uy hiếp và, có lẽ, trong vòng 12 tháng tới cũng không bị uy hiếp! Thực thà mà nói, họ cứ ở nhà cũng đạt được thành tựu như thế.

Nếu như kế hoạch ấy được thực hiện, thì, nói trắng ra, đây là kế hoạch tồi nhất mà người ta có thể nghĩ ra được. Nó dựa trên phương pháp tồi nhất để tiến hành chiến tranh phòng ngự, nghĩa là dựa vào phương pháp tìm nguồn sức mạnh trong sự án binh bất động tuyệt đối. Nhưng thậm chí dù có giả định rằng cuộc viễn chinh chủ yếu phải mang tính chất phòng ngự, thì rõ ràng là điều ấy dễ đạt được hơn cả, nếu như tạo được cho quân Thổ Nhĩ Kỳ - có lực lượng dự bị lớn như vậy - khả năng chuyển sang tấn công hoặc, ít ra là chiếm lĩnh lấy một vị trí từ đó có thể mở cuộc tấn công cục bộ, vì tình huống cho phép làm điều đó. Nhưng, quân Pháp và Anh ở E-nô-xơ và Rô-đô-xtơ là hoàn toàn vô tác dụng.

Tệ hơn cả là đội quân 100000 người có đầy đủ tàu chạy bằng hơi nước để vận chuyển, được sự chi viện của một hạm đội thuyền buồm gồm 20 tàu tuần dương chủ lực, tự nó đã là một lực lượng có thể mở cuộc tấn công có tính chất quyết định nhất vào bất cứ khu vực nào ở Hắc Hải. Một lực lượng như vậy hoặc là phải chiếm lĩnh Crưm và Xê-va-xtô-pôn, Ô-đét-xa và Khéc-xôn, phong tỏa biển A-dốp, phá hủy các cứ điểm của Nga ở ven biển Cáp-ca-dơ, bắt sống và áp giải hạm đội Nga về đến Bô-xpho mà không tổn thất gì, hoặc là không hiểu gì về sức mạnh của mình và chức trách của mình với tư cách là quân đội tác chiến. Những người ủng hộ nội các quả quyết rằng những hành động đó chỉ có thể tiến hành sau khi 100000 quân ấy đã tập trung ở Thổ Nhĩ Kỳ, còn cuộc đổ bộ của mấy sư đoàn đầu tiên ở E-nô-xơ và Rô-đô-xtơ chỉ là để đánh lừa quân địch. Nhưng thậm chí cả trong trường hợp này mà quân đội không đổ bộ trực tiếp vào một cứ điểm nào đó trên bờ Hắc Hải thì thật là lãng phí thời gian và công sức. Kẻ địch sẽ không bị mắc lừa. Chỉ cần hoàng đế Ni-cô-lai được tin về cuộc viễn chinh được tuyên bố âm ỉ gồm 100000 quân, là ông ta phải đốc tất cả binh sĩ ở trong tay mình vào

Xê-va-xtô-pôn, Ca-pha, Pê-tê-rốp và Ê-ni-ca-lơ. Không thể, trước tiên thì đem lực lượng vũ trang to lớn của mình ra dọa kẻ địch, rồi sau đó lại buộc nó phải tin rằng mình không muốn dùng lực lượng ấy để gây cho nó sự tổn thất dù là nhỏ nhất nhất. Trò chơi ấy quá dễ lộ tẩy, và nếu như người ta định dùng những thủ đoạn thâm hại ấy để lừa người Nga, thì trong trường hợp này, chính sách ngoại giao của Anh lại mắc một sai lầm nghiêm trọng.

Vì vậy tôi cho rằng, kẻ nào nghĩ ra cuộc viễn chinh ấy chẳng qua là muốn lừa gạt vua Thổ Nhĩ Kỳ và giả vờ muốn gây cho nước Nga sự kinh hoàng lớn nhất, nhưng dù sao thì cũng cố gắng làm cho nước Nga bị thiệt hại nhỏ nhất.

Nếu như Pháp và Anh chiếm Công-xtăng-ti-nô-plơ và một phần Ru-mê-li, Áo chiếm Xéc-bi và, có thể cả Bô-xni-a và Séc-nô-gô-vi-a nữa, thì Nga sẽ có cơ hội củng cố các vị trí của mình ở Môn-đa-vi-a và Va-la-ki, thì điều đó sẽ là gì nếu không phải là sự chia cắt phần lãnh thổ châu Âu thuộc Thổ Nhĩ Kỳ? Thổ Nhĩ Kỳ hiện nay đang lâm vào tình cảnh tồi tệ hơn năm 1772. Lúc bấy giờ, để buộc nữ hoàng Ê-ca-tê-ri-na rút khỏi các công quốc thuộc vùng sông Đa-nuýp mà sự chiếm đóng chúng đe dọa gây ra cuộc xung đột ở châu Âu, vua Phổ đề nghị việc chia cắt Ba Lan lần thứ nhất, việc chia cắt này có thể bồi thường cho chi phí chiến tranh Nga - Thổ Nhĩ Kỳ. Người ta còn nhớ rằng, lúc bấy giờ, ban đầu Chính phủ Thổ Nhĩ Kỳ tham chiến chống Ê-ca-tê-ri-na để bảo vệ Ba Lan khỏi tham vọng của Nga, nhưng rút cục Ba Lan đã trở thành vật hy sinh cho "nền độc lập và sự toàn vẹn" của Đế quốc Ôt-tô-man.

Chính sách dây dưa phản bội mà nội các liên hiệp thực hiện đã tạo khả năng cho các đặc sứ Nga đặt kế hoạch và chuẩn bị cho cuộc khởi nghĩa của người Hy Lạp mà huân tước Cla-ren-đôn vẫn nóng lòng chờ đợi. Cuộc khởi nghĩa nổ ra ngày 28 tháng Giêng và, theo các báo cáo khẩn gần đây của Viên, thì đến ngày 13 tháng Hai đã có quy mô hết sức nguy hiểm. Xem ra thì một số khu vực ở A-các-na-ni-a và E-tô-li và một số vùng ở I-lút-xa và Đê-lô-ni-a đã bị lôi cuốn vào cuộc khởi nghĩa. Người ta khẳng định rằng ở thủ phủ của Ép-bê-a là Ê-gri-pô đã nổ ra bạo động, mà tính chất nghiêm trọng không thua gì ở An-ba-ni. Việc quân Thổ Nhĩ Kỳ rút bỏ và người Hy Lạp chiếm lĩnh hai thành phố Ác-ta và Gia-ni-na không có ý nghĩa lớn, vì rằng các cứ điểm không chế hai thành phố ấy còn nằm trong tay quân Thổ Nhĩ Kỳ, mà căn cứ vào nhiều cuộc chiến tranh giữa

các tín đồ Cơ Đốc giáo với người Thổ Nhĩ Kỳ, chúng ta biết rằng ở An-ba-ni phải chiếm trước các cứ điểm ấy rồi mới chiếm được hoàn toàn hai thành phố trên. Các khu vực ở vịnh Côn-téc-xơ và vịnh Xa-lô-ni-ki và bờ biển An-ba-ni sẽ bị giới nghiêm. Trong một bài viết khác, tôi đã nêu lên^{1*} rằng một trong những hậu quả tai hại nhất của cuộc khởi nghĩa của người Hy Lạp đối với Chính phủ Thổ Nhĩ Kỳ là nó sẽ tạo ra cho các cường quốc phương Tây có cơ để can thiệp vào quan hệ giữa vua Thổ Nhĩ Kỳ với các thần dân của vua Thổ Nhĩ Kỳ; đáng lẽ phải đấu tranh chống người Nga, thì các cường quốc phương Tây lại xúi giục người Hy Lạp Cơ Đốc giáo liên minh với Nga hoàng. Việc các cường quốc phương Tây vội vã lợi dụng cái cơ ấy như thế nào, thì điều đó có thể thấy rõ qua tin tức nhận cùng với một bưu phẩm nói rằng, Chính phủ Thổ Nhĩ Kỳ đã tiếp nhận hiệp ước do Anh và Pháp đưa ra, rằng đại sứ Anh và Pháp đã cử hai chiếc tàu chạy bằng hơi nước đi giúp Thổ Nhĩ Kỳ, đồng thời công sứ toàn quyền của Anh ở A-ten đã thông tri cho chính phủ của quốc vương Ôt-tôn biết ý định của Anh can thiệp vào sự kiện ở các khu vực xảy ra khởi nghĩa. Kết quả trực tiếp của cuộc khởi nghĩa xét theo quan điểm quân sự đã được phóng viên ở Viên nhận định rõ ràng trên tờ "Times" số ra ngày hôm nay:

"Mấy ngày gần đây, trong bộ tư lệnh ở Vi-đin đã bắt đầu xuất hiện một sự sút tinh thần nào đó, vì rằng quân tăng viện mà người ta trông chờ nhận được lệnh tiến về hướng ngược lại và hiện đang trên đường đi về vùng tây - nam Thổ Nhĩ Kỳ. Tin tức về cuộc bạo động của tín đồ Cơ Đốc giáo ở Ê-pia đã gây ra sự xôn xao trong những người Ác-na-út và An-ba-ni ở khu vực Đa-nuýp, và họ kiên quyết yêu cầu cho phép họ trở về nhà. Các chuẩn tướng Hi-u-xê-in-bây và Xu-lây-man-pa-sa đã mất hết mọi ảnh hưởng đối với binh lính không kiểm chế nổi của mình. Có người lo rằng nếu định dùng vũ lực không chế họ thì kết quả sẽ là sự nổi loạn công khai. Nhưng nếu cho phép họ về, thì họ sẽ cướp phá các vùng theo Cơ Đốc giáo trên đường họ về nhà. Nếu như phong trào thù địch của dân cư theo đạo Cơ Đốc ở miền Tây mang quy mô nguy hiểm hơn, thì cánh phía tây của quân Thổ Nhĩ Kỳ sẽ buộc phải rút lui, một cuộc rút lui làm cân bằng đòn đánh mà nước Nga gánh chịu qua việc hạm đội liên quân tiến vào Hắc Hải.

Đây là một số trong những kết quả đầu tiên của chính sách dây dưa mà Grê-hêm, Rốt-xen, Cla-ren-đôn và Pan-móc-xtôn hết lời ca ngợi để biện bạch cho chính sách của nội các về vấn đề phương Đông. Vào đêm khuya ngày thứ sáu khi được biết tin rằng Nga hoàng, không cần chờ đợi lệnh của Chính phủ Anh triệu hồi ngài Ha-min-tơn - Xây-mua, đã ngang

^{1*} Xem tập này, tr. 113-114.

nhiên và thẳng thừng ra lệnh cho ông ta phải rời Xanh Pê-téc-bua, những nhân vật này mới triệu tập nội các họp hai lần: một lần vào ngày thứ bảy và một lần nữa vào chiều chủ nhật. Kết quả của các cuộc họp đó là họ đã trì hoãn thêm cho Nga hoàng từ ba đến bốn tuần lễ qua một bức thông điệp, trong đó

"họ khẩn thiết yêu cầu Nga hoàng trong vòng 6 ngày, kể từ khi nhận được thông báo này, trình trọng cam kết và hứa ra lệnh cho quân đội của mình rút hết khỏi các công quốc thuộc vùng sông Đa-nuýp chậm nhất là vào ngày 30 tháng Tư".

Xin chú ý là, bức thông điệp ấy cũng *không* đe dọa *tuyên chiến* trong trường hợp Nga hoàng cự tuyệt. Đương nhiên, có thể nói rằng - tờ "Times" nói về điều đó - người ta vẫn tích cực chuẩn bị chiến tranh bất chấp việc trì hoãn thêm đó. Nhưng cần nêu lên rằng, một mặt, Chính phủ Thổ Nhĩ Kỳ không thể tiến hành được hoạt động tích cực nào ở vùng Đa-nuýp, do chỗ các cường quốc phương Tây hứa sẽ trực tiếp tham chiến, - mà ở khu vực này kéo dài ngày nào là tình hình quân Thổ Nhĩ Kỳ thêm khó khăn ngày ấy, vì rằng quân Nga có thể củng cố thêm những vị trí tiên tiêu của họ và những người Hy Lạp khởi nghĩa ở hậu phương quân đội Đa-nuýp này càng trở thành mối đe dọa thực tế; mặt khác, việc đổ bộ lên E-nô-xơ và Rô-đô-xtơ có thể tăng thêm khó khăn cho vua Thổ Nhĩ Kỳ, nhưng, đương nhiên, không thể ngăn chặn được người Nga.

Người Nga đã thỏa thuận rằng quân viễn chinh Anh sẽ gồm khoảng 30000 người, còn Pháp khoảng 80000 người. Nếu như trong quá trình diễn biến mà phát hiện ra rằng Áo vô liên kết với các cường quốc phương Tây, mà chỉ muốn che đậy sự thỏa thuận với Nga, thì Bô-na-pác-tơ tất sẽ rất hối hận về sự phân tán lực lượng quá ư bất hợp lý đó của mình.

Một cuộc nổi dậy khác, cũng có thể coi như là một cuộc nổi dậy phá hoại có lợi cho Nga, đó là cuộc nổi dậy ở *Tây Ban Nha*. Mọi phong trào ở Tây Ban Nha đều không tránh khỏi gây ra sự va chạm giữa Anh và Pháp. Như chúng ta thấy được qua cuốn "Hội nghị Vê-rô-na" của Sa-tô-bri-ăng⁸⁷, năm 1823 Nga là người cổ vũ cho sự can thiệp của Pháp vào Tây Ban Nha. Sự can thiệp của Anh - Pháp năm 1834⁸⁸ rút cục đưa đến sự tan vỡ của entente cordiale giữa hai nước đều do cùng một nguyên nhân, điều đó có thể kết luận từ chỗ Pan-móc-xtơ là người khởi xướng ra nó. "Các cuộc hôn nhân ở Tây Ban Nha"⁸⁹ đã dọn đường cho việc lật đổ vương triều Oóc-lê-ăng. Giờ đây, việc I-da-ben-la "vô tội" bị lật đổ làm

cho một trong những người con của Lu-i Phi-líp là công tước Mông-păng-xi-ê có thể đặt vấn đề quyền kế thừa của mình đối với ngôi vua Tây Ban Nha, đồng thời làm cho Bô-na-pác-tơ nhớ lại rằng có một thời kỳ một ông bác ruột^{1*} của mình đã đóng đô ở Ma-đrít. Dòng họ Oóc-lê-ăng được sự ủng hộ của dòng họ Cô-buốc-gơ, nhưng lại vấp phải sự chống đối của dòng họ Bô-na-pác-tơ. Vì vậy, cuộc bạo động ở Tây Ban Nha tuyệt nhiên không phải là một cuộc cách mạng nhân dân, mà chỉ có thể là một công cụ mạnh mẽ để phá huỷ cái tòa nhà rất đối ọp ẹp là liên minh Anh - Pháp mà thôi.

Nghe nói người ta đưa tin về một hiệp ước liên minh đã được ký kết giữa Nga, Si-va, Bu-ca-ra và Ca-bun.

Về Đô-xtơ Mô-ha-mét, một thủ lĩnh Hồi giáo ở Ca-bun, nếu như hiện nay ông ta có mưu toan trả thù Anh, nước đồng minh bội ước của mình, thì điều đó là hoàn toàn tự nhiên. Bởi vì năm 1838 ông ta đã đề nghị với Anh tuyên bố Nga vĩnh viễn là *kẻ thù không đội trời chung*, nếu Chính phủ Anh muốn điều đó, bằng cách ra lệnh giết phái viên của Nga hoàng cử tới chỗ mình; và sự căm phẫn của ông ta đối với Anh lại nhen lên do vai trò mà ông ta buộc phải đóng năm 1839 trong thời kỳ cuộc viễn chinh ở Áp-ga-ni-xtan, lúc đó ông ta bị truất ngôi, còn đất nước ông thì bị cướp phá tàn khốc và sạch sành sanh⁹⁰. Nhưng còn dân cư Si-va, Bu-ca-ra và Ca-bun gồm những người Hồi giáo thuộc phái xun-ni chính giáo, - trong khi đó người Ba Tư lại theo những giáo lý dị giáo của phái si-ít, - thì vị tất có thể cho rằng họ sẽ liên minh với Nga là đồng minh của người Ba Tư mà họ căm ghét và khinh bỉ, để chống lại Anh là đồng minh công khai của pa-đi-sắc mà họ coi là thủ lĩnh tối cao của tất cả những tín đồ chính giáo.

Có khả năng là, Nga có thể trông chờ vào các đồng minh là Tây Tạng và hoàng đế người Tác-ta^{2*} của Trung Quốc, nếu như vị hoàng đế này bị đuổi về Mãn Châu Lý và thoái vị ngôi vua ở chính Trung Quốc. Các bạn đều biết rằng những người Hoa khởi nghĩa đã bắt đầu

1* - Giô-dép Bô-na-pác-tơ

2* Ở đây Mác dùng từ "Tác-ta" mà trong sách báo Tây Âu thế kỷ XIX dùng để chỉ người Mông Cổ, Mãn Châu Lý và những bộ lạc người Tạng khác cư trú ở Á Đông.

cuộc viễn chinh thập tự thật sự chống lại Phật giáo, đốt chùa và giết sư⁹¹. Nhưng tôn giáo của người Tác-ta là Phật giáo, mà Tây Tạng - nó thừa nhận chủ quyền của Trung Quốc - là nơi toạ thiền của đại la-ma và được coi là đất thánh của tất cả những người theo Phật giáo. Vì vậy, nếu như Thiên Vương đuổi được vương triều Mãn Châu Lý ra khỏi Trung Quốc, thì sau đó lại phải tiến hành một cuộc chiến tranh tôn giáo với chính quyền Phật giáo của người Tác-ta. Vì đạo Phật thống trị ở cả hai bên dãy núi Hi-ma-lay-a và Anh không thể không ủng hộ vương triều mới ở Trung Quốc, nên không nghi ngờ gì nữa, Nga hoàng sẽ đứng về phía các bộ lạc người Tác-ta, sẽ đẩy họ chống lại Anh và tìm mọi cách gây ra các cuộc bạo động tôn giáo ở ngay Nê-pan.

Qua thư từ từ phương Đông mới gửi về, chúng ta được biết rằng

"thấy trước sẽ bị mất Bắc Kinh, hoàng đế Trung Quốc đã ra lệnh cho tổng đốc các tỉnh chuyển các khoản thu nhập của hoàng đế về Nhiệt Hà, một lãnh địa thị tộc cũ của hoàng đế và cung mùa hè hiện nay của hoàng đế ở Mãn Châu Lý, cách Trường thành khoảng 80 dặm về phía đông - bắc".

Như vậy là, trong tương lai không xa có thể sẽ nổ ra một cuộc chiến tranh tôn giáo lớn giữa người Trung Quốc và người Tác-ta, cuộc chiến tranh này nhất định sẽ lan đến Ấn Độ.

*Do C. Mác viết ngày 3 tháng Ba 1854
Đã đăng trên tờ "New-York Daily Tribune"
số 4030, ngày 18 tháng Ba 1854
Ký tên: Các Mác*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Anh*

C.MÁC

*** KHAI MẠC NGHỊ VIỆN CÔNG NHÂN. - NGÂN SÁCH QUÂN SỰ CỦA ANH**

Luân Đôn, thứ ba, ngày 7 tháng Ba 1854

Các đại biểu của Nghị viện công nhân⁹² đã họp vào hồi 10 giờ sáng hôm qua tại cung nhân dân ở Man-se-xtơ. Phiên họp đầu tiên, dĩ nhiên, chỉ nhằm thảo luận về công tác chuẩn bị. Giêm-xơ Uy-li-am, đại biểu của Xtốc-poóc và Giêm-xơ Blai, đại biểu của Luân Đôn, đã đưa ra đề nghị, được Éc-ne-xtơ Giôn-xơ ủng hộ, về việc mời tiến sĩ Mác tham gia hội nghị của Nghị viện công nhân với tư cách là đại biểu danh dự; đề nghị đã được nhất trí tán thành. Những quyết định giống thế cũng được thông qua đối với các ngài Lu-i Blăng và Na-đô. Dù kết quả trực tiếp của Nghị viện công nhân ra sao đi nữa, thì bản thân việc triệu tập nghị viện này đánh dấu một thời kỳ mới trong lịch sử giai cấp công nhân. Có lẽ có thể coi cuộc hội nghị họp ở Cung điện Lúc-xăm-buốc ở Pa-ri sau Cách mạng tháng Hai⁹³ là tiền bối của nó trên con đường này. Nhưng thoát nhìn đã thấy ngay sự khác nhau xa giữa hai cái: Ủy ban Lúc-xăm-buốc được thành lập theo sáng kiến của chính phủ, còn Nghị viện công nhân được thành lập theo sáng kiến của chính công nhân; ý đồ của việc thành lập Ủy ban Lúc-xăm-buốc là nhằm gạt những ủy viên theo chủ nghĩa xã hội trong chính phủ lâm thời ra khỏi trung tâm hoạt động và làm cho họ không thể thực sự tham gia những công việc hiện nay của nước nhà; sau hết, Ủy ban Lúc-xăm-buốc gồm toàn những đại biểu là hội viên của những cái gọi là corps d'états, của những hiệp hội, ít nhiều tương ứng với các phường hội thời trung cổ hoặc các hội công liên hiện đại, còn Nghị viện công nhân là cơ quan đại diện chân chính của công nhân của tất cả các ngành nghề trong phạm vi cả nước. Kết quả của Nghị viện công nhân chủ yếu sẽ tùy thuộc, - nếu không phải là hoàn toàn, - ở chỗ nó có xuất phát từ nguyên tắc này hay không: vấn đề hiện nay không phải ở cái gọi là tổ chức lao động, mà là ở tổ chức chân chính của giai cấp công

cuộc viễn chinh thập tự thật sự chống lại Phật giáo, đốt chùa và giết sư⁹¹. Nhưng tôn giáo của người Tác-ta là Phật giáo, mà Tây Tạng - nó thừa nhận chủ quyền của Trung Quốc - là nơi toạ thiền của đại la-ma và được coi là đất thánh của tất cả những người theo Phật giáo. Vì vậy, nếu như Thiên Vương đuổi được vương triều Mãn Châu Lý ra khỏi Trung Quốc, thì sau đó lại phải tiến hành một cuộc chiến tranh tôn giáo với chính quyền Phật giáo của người Tác-ta. Vì đạo Phật thống trị ở cả hai bên dãy núi Hi-ma-lay-a và Anh không thể không ủng hộ vương triều mới ở Trung Quốc, nên không nghi ngờ gì nữa, Nga hoàng sẽ đứng về phía các bộ lạc người Tác-ta, sẽ đẩy họ chống lại Anh và tìm mọi cách gây ra các cuộc bạo động tôn giáo ở ngay Nê-pan.

Qua thư từ từ phương Đông mới gửi về, chúng ta được biết rằng

"thấy trước sẽ bị mất Bắc Kinh, hoàng đế Trung Quốc đã ra lệnh cho tổng đốc các tỉnh chuyển các khoản thu nhập của hoàng đế về Nhiệt Hà, một lãnh địa thị tộc cũ của hoàng đế và cung mùa hè hiện nay của hoàng đế ở Mãn Châu Lý, cách Trường thành khoảng 80 dặm về phía đông - bắc".

Như vậy là, trong tương lai không xa có thể sẽ nổ ra một cuộc chiến tranh tôn giáo lớn giữa người Trung Quốc và người Tác-ta, cuộc chiến tranh này nhất định sẽ lan đến Ấn Độ.

*Do C. Mác viết ngày 3 tháng Ba 1854
Đã đăng trên tờ "New-York Daily Tribune"
số 4030, ngày 18 tháng Ba 1854
Ký tên: Các Mác*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Anh*

C.MÁC

*** KHAI MẠC NGHỊ VIỆN CÔNG NHÂN. - NGÂN SÁCH QUÂN SỰ CỦA ANH**

Luân Đôn, thứ ba, ngày 7 tháng Ba 1854

Các đại biểu của Nghị viện công nhân⁹² đã họp vào hồi 10 giờ sáng hôm qua tại cung nhân dân ở Man-se-xtơ. Phiên họp đầu tiên, dĩ nhiên, chỉ nhằm thảo luận về công tác chuẩn bị. Giêm-xơ Uy-li-am, đại biểu của Xtốc-poóc và Giêm-xơ Blai, đại biểu của Luân Đôn, đã đưa ra đề nghị, được Éc-ne-xtơ Giôn-xơ ủng hộ, về việc mời tiến sĩ Mác tham gia hội nghị của Nghị viện công nhân với tư cách là đại biểu danh dự; đề nghị đã được nhất trí tán thành. Những quyết định giống thế cũng được thông qua đối với các ngài Lu-i Blăng và Na-đô. Dù kết quả trực tiếp của Nghị viện công nhân ra sao đi nữa, thì bản thân việc triệu tập nghị viện này đánh dấu một thời kỳ mới trong lịch sử giai cấp công nhân. Có lẽ có thể coi cuộc hội nghị họp ở Cung điện Lúc-xăm-buốc ở Pa-ri sau Cách mạng tháng Hai⁹³ là tiền bối của nó trên con đường này. Nhưng thoát nhìn đã thấy ngay sự khác nhau xa giữa hai cái: Ủy ban Lúc-xăm-buốc được thành lập theo sáng kiến của chính phủ, còn Nghị viện công nhân được thành lập theo sáng kiến của chính công nhân; ý đồ của việc thành lập Ủy ban Lúc-xăm-buốc là nhằm gạt những ủy viên theo chủ nghĩa xã hội trong chính phủ lâm thời ra khỏi trung tâm hoạt động và làm cho họ không thể thực sự tham gia những công việc hiện nay của nước nhà; sau hết, Ủy ban Lúc-xăm-buốc gồm toàn những đại biểu là hội viên của những cái gọi là corps d'états, của những hiệp hội, ít nhiều tương ứng với các phường hội thời trung cổ hoặc các hội công liên hiện đại, còn Nghị viện công nhân là cơ quan đại diện chân chính của công nhân của tất cả các ngành nghề trong phạm vi cả nước. Kết quả của Nghị viện công nhân chủ yếu sẽ tùy thuộc, - nếu không phải là hoàn toàn, - ở chỗ nó có xuất phát từ nguyên tắc này hay không: vấn đề hiện nay không phải ở cái gọi là tổ chức lao động, mà là ở tổ chức chân chính của giai cấp công

nhân.

Các đặc quyền của các giai cấp cầm quyền hiện tại và chế độ nô lệ đối với giai cấp công nhân ở mức độ như nhau đều dựa vào tổ chức lao động *hiện hành*, mà dĩ nhiên sẽ được giai cấp thống trị bảo vệ và ủng hộ bằng tất cả mọi thủ đoạn nó có trong tay, trong đó có bộ máy nhà nước hiện đại. Vì vậy, để xóa bỏ tổ chức lao động hiện hành và thay thế nó bằng một tổ chức mới, thì phải có lực lượng - lực lượng xã hội và chính trị -, lực lượng không những để kháng cự, mà còn để tấn công; nhưng để có một lực lượng như thế thì phải tổ chức lại thành một đội quân có đủ năng lực về tinh thần và vật chất để đấu tranh với bọn địch. Nếu như Nghị viện công nhân để lãng phí thời gian của mình vào việc thảo luận những vấn đề lý luận thuần túy thôi, mà không mở đường cho việc tổ chức thực sự một chính đảng trong phạm vi toàn quốc, thì nó cũng sẽ thất bại như Ủy ban Lúc-xăm-buốc.

Ban chấp hành của phái Hiến chương đã được bầu lại theo điều lệ của Hội Hiến chương toàn quốc⁹⁴. Người ta tuyên bố rằng Éc-ne-xtơ Giôn-xơ, Giêm-xơ Phin-len (Luân Đôn) và Giôn Sâu (Lít-xơ) đã được bầu theo đúng quy định vào Ban chấp hành Hội Hiến chương toàn quốc với nhiệm kỳ là 6 tháng.

Vì mưu toan vay nợ của Bô-na-pác-tơ tại Sở giao dịch bị thất bại do sự chống đối tiêu cực của các nhà tư bản Pa-ri, nên ngân sách mà bộ trưởng Bộ tài chính của Bô-na-pác-tơ đem trình trước thượng nghị viện có một điều như sau:

"Do nhu cầu của ngân khố và phục vụ cho nghiệp vụ của Ngân hàng Pháp, bộ trưởng Bộ tài chính được quyền phát hành một loạt trái khoán ngân khố dài hạn có lãi được thanh toán theo những kỳ hạn nhất định. Trái khoán ngân khố không được lưu hành quá con số 250000000 phrăng (10000000 pao xtéc-linh), những chứng phiếu được chuyển thành quỹ trả nợ theo sắc lệnh ngày 10 tháng Sáu 1833 lại không bao gồm trong con số trên và không thể được giao cho Ngân hàng Pháp và các cơ quan chiết khấu khác dùng làm tiền bảo đảm".

Trong khoản bổ sung có quy định rằng "hoàng đế có quyền phát hành bổ sung chứng khoán bằng sắc lệnh thông thường" với sự phê chuẩn cuối cùng của thượng nghị viện.

Qua một bức thư từ Pa-ri gửi về tôi được biết rằng đề nghị ấy làm cho toàn bộ giai cấp tư sản kinh hoàng, vì rằng, một mặt, trái khoán ngân khố không được vượt quá con số 250000000 phrăng, nhưng mặt khác -

nó có thể vượt tổng số ấy với bất cứ số lượng nào mà hoàng đế cho là cần thiết, còn Ngân hàng Pháp hoặc các cơ quan chiết khấu khác thậm chí không được nhận những trái khoán phát hành như thế làm tiền bảo đảm. Các bạn đều biết rằng, con số 60000000 phrăng rút từ Caisses des dépôts et consignations^{1*} thì ngân hàng đã xuất bằng trái khoán ngân khố.

Những con người hùng của tháng Chạp thậm chí đã ra sức dùng cả bóng ma chiến tranh để đẩy lui nốt những trở ngại nhỏ nhặt cuối cùng vẫn cản trở họ xâm phạm vào ngân khố quốc gia. Trong khi triển vọng tan rã không tránh khỏi của tín dụng quốc gia - hiện đã lung lay dữ dội - làm cho giai cấp tư sản hoảng sợ, thì đề nghị tăng thuế muối và những thứ thuế khác hiểm có tương tự lại gây ra sự công phẫn trong quần chúng nhân dân. Vì vậy, cuộc chiến tranh - nó hiển nhiên sẽ đem lại cho Bô-na-pác-tơ ít nhiều tiếng tăm ở nước ngoài - dầu sao cũng có thể đẩy nhanh sự sụp đổ của ông ta ở nước Pháp.

Giả thiết của tôi cho rằng những khó khăn hiện nay ở Tây Ban Nha có thể là nguyên nhân dẫn đến sự hiểu lầm nghiêm trọng giữa Anh và Pháp, đã được tin sau đây của một tờ báo ở Luân Đôn chứng thực:

"Hoàng đế Pháp - thông qua ngài Va-lép-xki - hỏi huân tước Cla-ren-đôn rằng nếu nữ hoàng I-da-be-la bị lật đổ thì Chính phủ Anh có đồng ý giúp hoàng đế đưa người rắp ranh chiếm ngôi vua thuộc phái Các-lốt lên ngôi vua Tây Ban Nha không. Nghe nói, huân tước Cla-ren-đôn trả lời rằng, may sao, nữ hoàng còn ngồi vững trên ngai vàng và ở một nước trung thành với chế độ quân chủ như vậy, thì cách mạng chỉ là một khả năng xa xôi; nhưng dù cách mạng nổ ra ở Tây Ban Nha và nữ hoàng bị lật đổ, thì nội các Anh cũng phải từ chối sự ràng buộc vào bất cứ nghĩa vụ nào.

Đề nghị của hoàng đế đưa bá tước Đơ môn-tê-mô-lin lên ngôi vua là xuất phát từ nguyện vọng hết sức tự nhiên của ngài là muốn gạt nữ công tước Mông-păng-xi-ê khỏi sự kế thừa ngôi vua của chị của nữ công tước đó; hoàng đế cho rằng để con trai Lu-i Phi-líp, với tư cách phu quân của nữ hoàng Tây Ban Nha, làm người hàng xóm của mình là điều bất tiện".

Trong phiên họp của hạ nghị viện vào thứ sáu vừa rồi, huân tước Giôn Rốt-xen tuyên bố rằng ông ta buộc phải tạm thời rút dự luật cải cách của mình, nhưng, dự luật này sẽ được đưa ra xem xét vào ngày 24 tháng Tư, nếu như trong thời gian ấy vấn đề phương Đông được giải quyết do hoàng đế Nga tiếp nhận những đề nghị mới. Thực ra, sau

1* - quỹ tiết kiệm

việc công bố bản tuyên ngôn của Nga hoàng đối với các thần dân của ông ta và bức thư của Nga hoàng gửi cho Bô-na-pác-tô⁹⁵ thì càng ít khả năng giải quyết vấn đề ấy hơn bao giờ hết. Nhưng, dầu sao, sự tuyên bố của chính phủ vẫn nói lên rằng, dự luật cải cách được đưa ra chỉ nhằm có một mục đích là đánh lạc hướng và xoa dịu dư luận xã hội khi mà chính sách ngoại giao của nội các liên hiệp đạt tới chỗ khôi phục được status quo ante bellum^{1*} của nước Nga. Vai trò xuất sắc mà Pan-móc-xtôn thủ giữ trong các âm mưu ấy của nội các, đã được tờ "Morning Advertiser" - cơ quan ngôn luận là một trong những người ủng hộ sốt sắng nhất của ông ta - mô tả như sau:

"Huân tước A-đốc-đin là thủ tướng trên danh nghĩa, chứ không phải trên thực tế. Thủ tướng thực sự của nữ hoàng là huân tước Pan-móc-xtôn. Ông là người nắm tư tưởng của nội các. Từ khi Pan-móc-xtôn trở lại nắm quyền, bạn đồng sự của ông ta luôn luôn lo sợ ông ta đột nhiên lại xa rời họ, và dĩ nhiên là không dám cản trở việc thực hiện những quan điểm mà họ biết rằng ông ta cho là có ý nghĩa quan trọng. Vì vậy, ông bao giờ cũng đạt được những điều mình muốn. Tuần lễ trước đã có một ví dụ rõ ràng chứng minh cho ảnh hưởng của ông ta trong nội các của nữ hoàng. Đạo luật cải cách mới đã chính thức được đưa ra nội các xét duyệt và còn tồn tại vấn đề là thảo luận nó trong kỳ họp này của nghị viện hay là bỏ nó đi. Huân tước A-bốc-đin, huân tước Giôn Rốt-xen, ngài Giêm-xơ Grê-hêm và ngài Uy-li-am Môn-xơ-uốt tán thành đưa đạo luật đó ra thảo luận. Huân tước Pan-móc-xtôn đề nghị rút đạo luật về và lớn tiếng tuyên bố - như chúng tôi đã viết về việc này mấy hôm trước đây - rằng nếu ông ta bị thất bại trong nội các, thì ông ta sẽ bỏ phiếu xóa bỏ vấn đề ấy tại hạ nghị viện. Kết quả của cuộc thảo luận hoặc tọa đàm đó là thắng lợi của Pan-móc-xtôn. Những người phản đối ông ta, trong đó có lãnh tụ của đảng cầm quyền ở thượng nghị viện và lãnh tụ của đảng này ở hạ nghị viện, đã thất bại. Một thắng lợi khác của huân tước Pan-móc-xtôn trong tuần qua là bổ nhiệm được ngài Sác-lơ Nây-pia giữ chức tư lệnh hạm đội Ban-tích. Ai nấy đều biết rằng huân tước Giôn Rốt-xen và ngài Giêm-xơ Grê-hêm phản đối việc bổ nhiệm ấy, nhưng huân tước Pan-móc-xtôn lại tán thành, và do đó vẫn có sự bổ nhiệm. Tối nay vị huân tước cao quý sẽ chủ tọa bữa tiệc chúc mừng vị đô đốc anh dũng tại Câu lạc bộ cải cách, là điều hoàn toàn tự nhiên".

Tối qua, ngài Glát-xtôn đưa ra hạ nghị viện một trò chơi mới mà thế hệ ngày nay không biết đến - đó là ngân sách quân sự. Qua lời phát biểu của ông, có thể biết rõ rằng chính phủ quyết định đưa ra hạ nghị viện xét duyệt những biện pháp tài chính của mình sớm như vậy là để báo trước về những hậu quả hoàn toàn bất lợi của chiến tranh đối với túi tiền của các tư nhân, do đó để làm nguội đi cái máu hiếu chiến ở trong nước. Một

1* - tình hình trước chiến tranh

đặc điểm chủ yếu khác trong bài phát biểu của ông ta là ông ta chỉ yêu cầu số tiền ấy cần thiết để *rút về* 25000 người đang chuẩn bị rời bờ biển Anh trong trường hợp chiến tranh đột nhiên bị ngừng lại.

Ông ta mở đầu bằng việc trình bày tình hình thu chi thực tế trong năm tài chính vừa qua. Glát-xtôn nhấn mạnh rằng, vì chưa hết năm nên thu nhập tháng cuối cùng chỉ có thể suy đoán theo dự toán. Toàn bộ thu nhập trong năm tính đến ngày 18 tháng Tư 1853 theo dự toán là 52900000 p.xt., trong khi đó thu nhập thực tế trong năm đạt tới 54025000 p.xt.; như vậy là thu nhập thực tế vượt thu nhập dự toán 1035000 pao xtéc-linh. Mặt khác, chi tiêu đã tiết kiệm được 10.12000 pao xtéc-linh, so với dự toán. Do đó, Glát-xtôn tính rằng, nếu như không có tình hình đặc biệt xảy ra trong nước hiện nay, thì thu nhập năm nay vượt chi tiêu khoảng 2854000 pao xtéc-linh.

Tiếp đó Glát-xtôn chuyển sang trình bày những kết quả của việc *giảm thuế* mà ông ta thực hiện. Thuế quan tuy giảm nhưng vẫn đạt được 20600000 p.xt. trong những năm 1853-1854, trong khi đó năm 1852-1853 chỉ đạt được 20396000 pao. Như vậy là, tăng được 204000 pao. Việc giảm thuế chè chỉ làm hụt mất 375000 pao. Về thuế tem, việc dùng thuế đồng loạt một pen-ni thay cho thuế nhiều mức từ 3 pen-ni đến 10 si-linh, không làm thiệt dự toán mà còn tăng nguồn thu được 36000 pao xtéc-linh.

Sau nữa, Glát-xtôn đề cập đến những kết quả của các đạo luật về *tăng thuế* mà kỳ họp trước đã thông qua. Việc thu thuế thu nhập ở Ai-rơ-len đã gặp phải sự trở ngại của nhiều tình huống, nhưng vẫn thu được 20000 p.xt; nhiều hơn so với dự tính. Việc mở rộng phạm vi thuế phải nộp (từ 150 đổi thành 100 p.xt.) ở Anh chắc chắn sẽ đem lại nhiều hơn dự toán là 100000 p.xt., tức là 250000 pao xtéc-linh. Ở Xcốt-len thuế phụ thu về rượu mỗi ga-lông thu thêm một si-linh chỉ tăng thêm thu nhập được 209000 p.xt., mà theo dự toán thì phải tăng 278000 pao xtéc-linh.

Mặt khác, thu nhập về thuế rượu ở Ai-rơ-len đã tăng 213000 p. xt. so với 198000 pao trong dự toán tăng trước đây. Thuế đánh vào tài sản thừa kế phải thu trong cả năm tài chính chỉ có nửa triệu pao. Đây là báo cáo của ngài Glát-xtôn về tình hình tài chính ở Anh trong năm nay, tính đến ngày 5 tháng Tư.

<u>Dự toán thu nhập năm 1854 - 1855</u> (tính thành p.xt.)	
Thuế quan	20175000
Thuế tiêu dùng	14595000
Thuế tem	7090000
Thuế thông thường	3015000
Thuế thu nhập	6275000
Thuế bưu chính	1200000
Tài sản quốc gia	259000
Dự trữ cũ	420000
Thu nhập khác	320000
Tổng thu nhập	53349000
<u>Dự toán chi</u> (tính theo p.xt.)	
Quốc trái dài hạn	27000000
Quốc trái không dài hạn	546000
Chứng khoán gia hạn	2460000
Lục quân	6857000
Hải quân	7488000
Pháo binh	3846000
Quân nhu	645000
Các khoản chi khác	4775000
Dân binh	530000
Hoạt động tình báo	792000
Khoản chi về các hoạt động phương Đông	1250000
Tổng chi tiêu	56189000
Thâm hụt	2840000

Trước khi nói đến nguồn đền bù cho số thiếu hụt, ngài Glát-xtôn nêu lên những biện pháp mà chính phủ không dự định đưa ra hạ nghị viện thông qua. Ông ta không muốn trở lại khôi phục - dù chỉ là một phần - những thứ thuế mà năm ngoái ông đã đề nghị giảm thuế suất và đã có hiệu lực về pháp luật. Ông không muốn yêu cầu khôi phục lại một cách vô ích những thứ thuế mà các chính phủ trước đây đã bỏ đi. Nhưng, nếu như cuộc đấu tranh mà hiện nay đất nước bị lôi cuốn vào, kéo dài một năm nữa thì lúc đó chính phủ vị tất có thể duy trì lâu dài sự hạ thấp thuế suất như thế. Tóm lại, Glát-xtôn không có ý định đề nghị nâng thuế gián thu. Ông cũng không muốn phát hành công trái, vì rằng không có nước

nào mà tình hình tài sản lại chồng chất nợ nần như ở Anh. Cuối cùng, sau tất cả những lời giáo đầu ấy, Glát-xtôn chuyển sang trình bày những đề nghị của chính phủ. Đó là việc trong vòng 6 tháng nâng mức thuế thu nhập lên gấp đôi và hoàn toàn xóa bỏ việc phân chia kỳ phiếu hiện nay thành kỳ phiếu trong nước và kỳ phiếu ngoài nước. Thuế suất bình quân của hối phiếu, tuy được phân chia không đồng đều, nhưng cho tới nay vẫn là 100 si-linh được trả 1 si-linh 6 pen-ni. Glát-xtôn đề nghị bỏ con số lẻ, giảm xuống 1 si-linh. Theo ông tính toán, thì sự thay đổi ấy phải tăng thu nhập được 60000 pao xtéc-linh. Còn thuế suất của thuế thu nhập thì phải tăng từ 7 lên $10\frac{1}{2}$ pen-ni mỗi pao đối với thu nhập từ 150 p.xt. trở lên và tăng từ 5 lên $7\frac{1}{2}$ pen-ni mỗi pao đối với thu nhập từ 100 đến 150 pao xtéc-linh. Đồng thời Glát-xtôn đề nghị hạ nghị viện thông qua một đề án cho phép ông ta phát hành - trước khi thu được thuế - 1750000 p.xt. chúng khoán ngân khố được thanh toán bằng khoản thu tăng thêm về thuế thu nhập. Cuối cùng, ngài Glát-xtôn định - hoàn toàn không thành công - biện bạch cho những biện pháp cuối cùng của mình nhằm giảm bớt nợ nần của nhà nước, những biện pháp, như các bạn đã biết, kết thúc bằng sự thất bại nhục nhã.

Trong cuộc tranh luận tiếp sau bản báo cáo ấy, có nhiều nghị sĩ tham gia, nhưng lời phát biểu duy nhất đáng chú ý là của ngài Đì-xra-e-li. Ông ta nói rằng ông không hề phản đối những đề nghị mà chính phủ cho rằng mình phải có trách nhiệm đề ra với hạ nghị viện, để bảo đảm có thể tiến hành chiến tranh với toàn bộ năng lực và - ông hy vọng - đi đến thắng lợi. Nhưng nếu như chiến tranh kéo dài, thì ông sẽ phản đối việc biến thuế trực thu thành nguồn cung cấp duy nhất các kinh phí cho việc tiến hành chiến tranh. Còn về phần thứ hai của bản báo cáo của Glát-xtôn, tức phần nói về tình hình tài chính hiện nay trong nước, cũng như về số tiền mặt nhàn rỗi hiện có, thì ông cho rằng đặc điểm của nó là không rõ ràng, không ra vẻ một bản báo cáo tài chính, ít ra cũng không ra vẻ một bản báo cáo đưa ra trong tình hình hiện nay. Ông cho rằng cán cân thanh toán hiện nay của ngân khố là bị hụt và không đạt yêu cầu. Khi chính phủ hiện nay lên cầm quyền, thì cán cân thanh toán của ngân khố vào ngày 3 tháng Giêng 1853 là 9000000 p.xt., mà qua một năm vào tháng Giêng 1854 chỉ còn lại một nửa. Ông Đì-xra-e-li tính toán rằng bằng cân đối thu chi của ngân khố vào ngày 5 tháng Tư sẽ tụt xuống 3000000 p.xt., vì rằng khoản trả lãi cho các khoản nợ của nhà nước và

khoản chi phí cho việc đổi trái khoán sẽ mất đi tất cả từ 9000000 đến 10000000 pao xtéc-ling. Một quan chức đáng kính đã tuyên bố rằng không cần đưa khoản đó vào bảng cân đối thu chi của ngân khố, mà nên đưa con số thiếu hụt vào khoản thâm hụt của ngân sách. Đi-xra-e-li quả quyết rằng điều hết sức quan trọng là làm cho bảng cân đối thu chi hiện nay hoàn toàn ăn khớp với nhau, nhưng thay vì câu hỏi trước kia là thu chi bằng bằng hay là còn số dư trên bảng cân đối thu chi, thì hiện nay câu hỏi lại là xét xem nhìn chung thu chi có bằng bằng không, hay là có sự thâm hụt lớn; thực ra không chỉ có sự bằng bằng nào đó, mà là sự thâm hụt lớn do bộ trưởng Bộ tài chính gây ra do hai nguyên nhân. Một là, ông ta hạ mức lãi của chứng khoán ngân khố xuống $1\frac{1}{2}\%$, trong khi giá trị của tiền tệ tăng lên, và, hai là, cuộc hoán đổi tai hại đối với trái khoán của Công ty Nam Hải⁹⁶, nghĩa là một hoạt động không những ngốn sạch tồn khoản, mà còn để lại cho ông ta một khoản thâm hụt là 2000000 pao xtéc-ling.

Sau một vài ý kiến không quan trọng của những nghị sĩ khác đưa ra, nghị viện kết thúc cuộc xét duyệt bản báo cáo về dự toán và thông qua nghị quyết

*Do C.Mác viết ngày 7 tháng Ba 1854
Đã đăng trên tờ "New-York Daily Tribune"
số 4035, ngày 24 tháng Ba 1854
Ký tên: Các Mác*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Anh*

C.MÁC

THƯ GỬI NGHỊ VIỆN CÔNG NHÂN

Luân Đôn, ngày 9 tháng Ba 1854
phố Đin, số nhà 28, Xô-hô

Tôi hết sức lấy làm tiếc rằng tôi không thể, ít ra là trong lúc này, rời Luân Đôn và, do đó, không thể đích thân bày tỏ niềm tự hào và sự cảm kích mà tôi cảm thấy khi nhận được lời mời tham gia Nghị viện công nhân với tư cách là đại biểu danh dự. Bản thân việc triệu tập Nghị viện công nhân đó đã chứng tỏ rằng thời đại mới trong lịch sử thế giới đã đến. Tin tức về sự kiện tuyệt vời này sẽ thúc tỉnh niềm hy vọng của công nhân khắp nơi ở châu Âu và châu Mỹ.

Trong tất cả các nước, Anh là nước mà sự chuyên chế của tư bản và sự nô dịch đối với lao động đã đạt đến đỉnh cao nhất. Không có ở nước nào mà tầng lớp trung gian giữa bọn triệu phú có cả hàng loạt đội quân công nghiệp và những người nô lệ làm thuê sống vất vưởng qua ngày đoạn tháng, lại bị tiêu diệt triệt để đến như thế. Ở đây không còn có giai cấp đông đảo nông dân và thợ thủ công sống dựa - hầu như ở mức độ như nhau - vào sở hữu và vào lao động của mình, như ở các nước trên lục địa châu Âu. Ở Anh, sở hữu đã hoàn toàn tách rời khỏi lao động. Vì vậy, không có ở nước nào mà cuộc chiến tranh giữa hai giai cấp hợp thành xã

khoản chi phí cho việc đổi trái khoán sẽ mất đi tất cả từ 9000000 đến 10000000 pao xtéc-ling. Một quan chức đáng kính đã tuyên bố rằng không cần đưa khoản đó vào bảng cân đối thu chi của ngân khố, mà nên đưa con số thiếu hụt vào khoản thâm hụt của ngân sách. Đi-xra-e-li quả quyết rằng điều hết sức quan trọng là làm cho bảng cân đối thu chi hiện nay hoàn toàn ăn khớp với nhau, nhưng thay vì câu hỏi trước kia là thu chi bằng bằng hay là còn số dư trên bảng cân đối thu chi, thì hiện nay câu hỏi lại là xét xem nhìn chung thu chi có bằng bằng không, hay là có sự thâm hụt lớn; thực ra không chỉ có sự bằng bằng nào đó, mà là sự thâm hụt lớn do bộ trưởng Bộ tài chính gây ra do hai nguyên nhân. Một là, ông ta hạ mức lãi của chứng khoán ngân khố xuống $1\frac{1}{2}\%$, trong khi giá trị của tiền tệ tăng lên, và, hai là, cuộc hoán đổi tai hại đối với trái khoán của Công ty Nam Hải⁹⁶, nghĩa là một hoạt động không những ngốn sạch tồn khoản, mà còn để lại cho ông ta một khoản thâm hụt là 2000000 pao xtéc-ling.

Sau một vài ý kiến không quan trọng của những nghị sĩ khác đưa ra, nghị viện kết thúc cuộc xét duyệt bản báo cáo về dự toán và thông qua nghị quyết

*Do C.Mác viết ngày 7 tháng Ba 1854
Đã đăng trên tờ "New-York Daily Tribune"
số 4035, ngày 24 tháng Ba 1854
Ký tên: Các Mác*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Anh*

C.MÁC

THƯ GỬI NGHỊ VIỆN CÔNG NHÂN

Luân Đôn, ngày 9 tháng Ba 1854
phố Đin, số nhà 28, Xô-hô

Tôi hết sức lấy làm tiếc rằng tôi không thể, ít ra là trong lúc này, rời Luân Đôn và, do đó, không thể đích thân bày tỏ niềm tự hào và sự cảm kích mà tôi cảm thấy khi nhận được lời mời tham gia Nghị viện công nhân với tư cách là đại biểu danh dự. Bản thân việc triệu tập Nghị viện công nhân đó đã chứng tỏ rằng thời đại mới trong lịch sử thế giới đã đến. Tin tức về sự kiện tuyệt vời này sẽ thúc tỉnh niềm hy vọng của công nhân khắp nơi ở châu Âu và châu Mỹ.

Trong tất cả các nước, Anh là nước mà sự chuyên chế của tư bản và sự nô dịch đối với lao động đã đạt đến đỉnh cao nhất. Không có ở nước nào mà tầng lớp trung gian giữa bọn triệu phú có cả hàng loạt đội quân công nghiệp và những người nô lệ làm thuê sống vất vưởng qua ngày đoạn tháng, lại bị tiêu diệt triệt để đến như thế. Ở đây không còn có giai cấp đông đảo nông dân và thợ thủ công sống dựa - hầu như ở mức độ như nhau - vào sở hữu và vào lao động của mình, như ở các nước trên lục địa châu Âu. Ở Anh, sở hữu đã hoàn toàn tách rời khỏi lao động. Vì vậy, không có ở nước nào mà cuộc chiến tranh giữa hai giai cấp hợp thành xã

hội hiện đại lại có quy mô đồ sộ và mang những nét rõ ràng và hiển nhiên đến như vậy.

Chính vì thế mà sớm hơn tất cả các giai cấp khác, giai cấp công nhân Anh được chuẩn bị và gánh trách nhiệm lãnh đạo phong trào vĩ đại mà kết quả cuối cùng là giải phóng hoàn toàn lao động. Gánh vác được sứ mạng như vậy là vì giai cấp này đã nhận thức được rõ địa vị của mình, vì có ưu thế lớn lao về số lượng, có kinh nghiệm đấu tranh gian khổ trước đây và lực lượng tinh thần hiện nay của mình.

Hàng triệu công nhân Anh lần đầu tiên đã đặt cơ sở thực tế cho một xã hội mới - nền công nghiệp hiện đại, nó đã biến lực lượng phá hoại của tự nhiên thành lực lượng sản xuất của loài người. Giai cấp công nhân Anh với nghị lực không mệt mỏi, đổ mồ hôi, vắt hết trí não tạo ra tiền đề vật chất để làm cho chính lao động trở thành cao quý và nâng cao năng suất lao động đến mức có thể tạo ra sản phẩm dồi dào một cách phổ biến.

Tạo ra lực lượng sản xuất vô cùng tận của nền công nghiệp hiện đại, giai cấp công nhân Anh đã hoàn thành điều kiện đầu tiên cho sự nghiệp giải phóng lao động. Hiện nay, nó phải thực hiện điều kiện thứ hai cho sự nghiệp giải phóng ấy. Nó phải giải phóng lực lượng sản xuất ra của cải ấy khỏi gông xiềng nhục nhả của tổ chức độc quyền và đặt chúng dưới sự giám sát tập thể của người sản xuất là những người cho tới nay vẫn phó mặc cho chính những sản phẩm do lao động của họ làm ra quay trở lại chống lại họ và trở thành những công cụ áp bức chính bản thân họ.

Giai cấp công nhân đã chinh phục được tự nhiên; giờ đây nó phải chinh phục con người. Nó có đủ lực lượng để hoàn thành thắng lợi sự nghiệp ấy, nhưng cần phải tổ chức tất cả những lực lượng ấy lại, tổ chức giai cấp công nhân trên qui mô cả nước - tôi nghĩ rằng đây là mục tiêu vĩ đại và vinh quang đặt ra trước Nghị viện công nhân.

Nếu như Nghị viện công nhân vẫn trung thành với tư tưởng đã sản sinh ra nó, thì các nhà sử học tương lai sẽ chép rằng năm 1854 ở Anh có hai nghị viện - nghị viện ở Luân Đôn và nghị viện ở Man-se-xtơ, một nghị viện của nhà giàu và một nghị viện của người nghèo, - nhưng những con người chân chính chỉ tham gia nghị viện công nhân, chứ không tham gia nghị viện của bọn chủ.

Người bạn chân thành của các bạn

Các Mác

Viết ngày 9 tháng Ba 1854
Đã đăng trên tờ "The People's Paper" số 98,
ngày 18 tháng Ba 1854

In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Anh

C.MÁC
NGHỊ VIỆN CÔNG NHÂN

Luân Đôn, thứ sáu, ngày 10 tháng Ba 1854

Anh là nước mà sự chuyên chế của tư bản và sự nô dịch đối với lao động đã đạt đến đỉnh cao nhất. Không có ở nước nào mà tầng lớp trung gian giữa bọn triệu phú có hàng loạt đội quân công nghiệp và những người nô lệ làm thuê sống vất vưởng qua ngày đoạn tháng, lại bị tiêu diệt triệt để đến như thế. Ở đây không còn có giai cấp đông đảo nông dân và thợ thủ công sống dựa - hầu như mức độ như nhau - vào sở hữu và vào lao động của mình như ở các nước trên lục địa châu Âu. Ở Anh, tài sản đã hoàn toàn tách rời khỏi lao động. Vì vậy, không có ở nước nào mà cuộc chiến tranh giữa hai giai cấp hợp thành xã hội hiện đại có quy mô đồ sộ và mang những nét rõ ràng và hiển nhiên đến như vậy.

Chính vì thế mà sớm hơn tất cả các giai cấp khác, giai cấp công nhân Anh được chuẩn bị và gánh trách nhiệm lãnh đạo phong trào vĩ đại mà kết quả cuối cùng là giải phóng hoàn toàn lao động. Gánh vác được sứ mạng như vậy là vì giai cấp này đã nhận thức được rõ địa vị của mình, vì có ưu thế lớn lao về số lượng, có kinh nghiệm đấu tranh gian khổ trước đây và lực lượng tinh thần hiện nay của mình.

Báo chí hàng ngày ở Luân Đôn thi hành "chính sách đánh bài lờ" đối với hoạt động của Nghị viện công nhân. Họ hy vọng bóp nghẹt Nghị viện công nhân bằng cái "conspiracy de silence"^{1*} rộng lớn của mình. Báo chí ấy đã làm cho công chúng chán ngấy về vô số bài đăng trong mấy tháng trời bàn tán Nghị viện ấy có triệu tập được hay không, thì giờ đây lại cố ý lờ tịt đi một sự thực là Nghị viện đó đã ra đời và bắt đầu làm việc. Cái tài trí của con đà điểu tưởng rằng giả vờ không thấy nguy hiểm thì có

^{1*} - "âm mưu thâm lặng"

thể tránh được nguy hiểm ấy không ăn tiền trong thời đại chúng ta. Báo chí sẽ buộc phải bàn đến Nghị viện công nhân, và, dù nó có miễn cưỡng thờ ơ đi nữa, thì các nhà sử học tương lai sẽ ghi lại rằng vào năm 1854 ở Anh có hai nghị viện - nghị viện ở Luân Đôn và nghị viện ở Man-se-xtơ, một nghị viện của nhà giàu và một nghị viện của người nghèo - nhưng những con người chân chính chỉ tham gia nghị viện công nhân, chứ không tham gia nghị viện của bọn chủ.

Dưới đây là bản báo cáo mà ủy ban soạn thảo cương lĩnh hành động của Nghị viện công nhân trình bày:

"Ủy ban cho rằng nhiệm vụ của Nghị viện công nhân là:

- thúc đẩy kết thúc thắng lợi - có lợi cho công nhân - các cuộc bãi công và giãn thợ tiến hành trong thời gian này, và tiến hành những biện pháp để nhờ đó trong tương lai không xảy ra những vụ như thế nữa;

- bảo đảm sự đối xử công bằng đối với công nhân trong thời gian làm việc;

- cứu giúp phụ nữ và trẻ em khỏi chế độ công xưởng;

- lập quỹ giáo dục công nhân và chấm dứt hành động khẫu trừ tiền công và giấu ngấm giảm tiền công.

Ngoài ra, do nhận thức rằng nhiệm vụ của Nghị viện là đấu tranh bảo đảm cho người lao động được dự phần hợp lý vào lợi nhuận mà lao động của họ tạo ra, trước hết là tạo ra những điều kiện trong đó họ có thể trở thành người chủ lao động của chính mình để *hoàn toàn giải phóng khỏi chế độ nô lệ làm thuê*, ủy ban tin chắc rằng bước quyết định trong phương hướng đó là lập quỹ cần thiết cho hoạt động, nên ủy ban đưa ra để các đồng chí xem xét những điều sau đây:

1. tổ chức quyên góp để lập quỹ công nhân toàn quốc;
2. các biện pháp nhằm bảo đảm duy trì quỹ quyên góp được bằng cách đó;
3. việc sử dụng quỹ này và bảo đảm quyền lợi của công nhân;
4. tổ chức Phong trào quần chúng.

I. LẬP QUỸ CÔNG NHÂN TOÀN QUỐC

a) Hằng tuần trích trong tiền công căn cứ vào mức tiền công, như sau:

mức lương dưới	4	si-linh mỗi tuần thì trích	1/2	pen-ni
"	8	"	"	3/4
"	12	"	"	1
"	15	"	"	1 1/2
"	20	"	"	2
"	30	"	"	3
"	40	"	"	4

b) Những người có chức trách thuộc các tổ chức công nhân nào đã gia nhập Phong trào quần chúng, sẽ nộp số tiền thu được cho ban quản trị Phong trào.

II. VIỆC BẢO ĐẢM DUY TRÌ QUỸ

a) Mỗi tuần một lần, những người có chức trách thuộc các tổ chức địa phương đem nộp cho ban quản trị của Phong trào số tiền quyên góp được cho Phong trào quần chúng, theo sự chỉ dẫn cụ thể dưới đây. Người có chức trách được chỉ định thu nhận tiền phải lập tức trao biên lai nhận tiền cho người quyên góp.

b) Các thành viên của ban quản trị phải lấy danh nghĩa tập thể ban quản trị mà gửi vào ngân hàng toàn bộ số tiền thu được cho Phong trào quần chúng (không được giữ lại quá 50 p.xt.); toàn bộ số tiền hoặc những khoản tiền, cũng như một phần các khoản đó đều không thể rút ra từ ngân hàng, trừ phi xuất trình sổ ghi biên bản của ban quản trị có ghi quyết định tương ứng của ban quản trị và chữ ký của đa số thành viên của nó.

c) Số tiền rút ra từ tài khoản vãng lai theo thủ tục ấy (nếu số tiền ấy quá 5 p.xt.) thì phải nhận bằng ngân phiếu mà số hiệu phải được ghi vào một cuốn sổ để tiện kiểm tra, và số tiền rút ra ấy phải công bố trên báo; số ngân phiếu nhận của ngân hàng phải chia làm nhiều phần, mỗi phần do một nhân viên nào đó của ban quản trị giữ; trường hợp rút ra một số tiền lớn thì phải chia thành các phần bằng nhau do mỗi nhân viên ban quản trị giữ.

d) Mỗi nhân viên ban quản trị nhận giữ tiền theo phương thức ấy phải đưa một tờ biên nhận số tiền tương ứng với số tiền lĩnh ở ngân hàng, - giả định rằng số tiền ấy phải căn cứ vào số nhân viên của ban quản trị mà chia thành những phần bằng nhau; khi cần chi tiền - theo nghị quyết được thông qua - mà anh ta từ chối trao lại số ngân phiếu anh ta giữ thì lập tức có thể dựa vào giấy biên nhận của anh ta mà truy cứu và giấy này chỉ hết hiệu lực sau khi anh ta đã trả lại số ngân phiếu ấy; những giấy biên nhận tiền như thế phải cất giữ trong két sắt hoặc hòm bảo hiểm để giao cho một nhân viên không có liên quan (không phải thành viên của ban quản trị) giữ, nhân viên này chỉ được phép rút giấy biên nhận ấy ra khỏi két sắt và trao khi có mặt đông đủ thành viên của ban quản trị.

e) Tiền rút từ ngân hàng để thanh toán hoặc mua hàng, thì ban quản trị chỉ được chi khi có mặt đông đủ các thành viên.

III. SỬ DỤNG QUỸ

a) Quỹ quyên góp sẽ được sử dụng như sau: trợ giúp các thành phố và các địa phương có bãi công, thanh toán tất cả những món nợ tích lũy lại trong thời gian các lần bãi công và các vụ giãn thợ trước đây và hiện nay. Sự giúp đỡ cho các thành phố sẽ phân phối ngang nhau theo tỷ lệ số người hiện đang thất nghiệp. Cũng theo nguyên tắc thực hiện như trên tàu biển - nghĩa là khi lương thực sắp cạn, thì mỗi người đều được nhận phần bằng nhau - sự giúp đỡ ở đây phải ngang nhau, bất kể tiền công có cao thấp khác nhau. Tuy sự giúp đỡ sẽ dành cho tất cả những người tham gia các cuộc bãi công và giãn thợ hiện nay, nhưng trong tương lai sẽ chỉ dành cho những tổ chức thừa nhận và ủng hộ Phong trào quần chúng.

b) Phải thành lập tiểu ban điều chỉnh giá cả lao động. Muốn thế, hàng tháng phải công bố các báo cáo về giá cả nguyên liệu dùng trong tất cả các ngành sản xuất có công nhân tham gia Phong trào quần chúng, về giá cả lao động, về giá bán thành phẩm và về những chi phí sản

xuất khác. Dựa vào những tư liệu ấy, ban quản trị sẽ công bố những số liệu về lợi nhuận của các chủ xí nghiệp và phải bao gồm tất cả những số liệu về chi phí đặc biệt hoặc chi phí bổ sung nào đó có liên quan đến sản xuất, các số liệu ấy có thể nhận được ở các chủ xí nghiệp. Trên cơ sở đó, phải điều chỉnh giá cả lao động và quy định một cách tương ứng biểu kê mức tiền công. Những biện pháp tương tự phải được thi hành cả trong ngành sản xuất nông nghiệp.

c) Ngoài quyền hiển nhiên là được dự phần lợi nhuận của các chủ xí nghiệp, công nhân còn có quyền khác còn hiển nhiên hơn là quyền trở thành người làm chủ lao động của chính mình. Muốn thế, và cũng là để điều chỉnh tiền công có hiệu quả hơn bằng cách tước đoạt của bọn chủ xí nghiệp cái quyền lực mà chúng có được nhờ thâu tóm sức lao động thặng dư, - thì ngoài ra quỹ của Phong trào quần chúng còn phải được dùng để mua ruộng đất. Ruộng đất sẽ mua với danh nghĩa cá nhân không phải thành viên của ban quản trị, và sẽ được chia thành các nông trại có quy mô khác nhau, tùy theo chất đất và tùy theo việc sử dụng đất ấy cho cá nhân lĩnh canh hoặc để canh tác theo kiểu hợp tác quy mô lớn. Ruộng đất ấy thuộc quyền sở hữu của Phong trào quần chúng và không được chuyển nhượng. Ruộng đất sẽ phát canh ngắn hạn và theo giá cả công bằng, hợp lý. Trong hợp đồng phát canh sẽ có điều khoản riêng quy định rằng người nộp tô không đúng hạn thì lập tức sẽ mất quyền thuê ruộng đất. Theo một điều khoản khác của hợp đồng thì người lĩnh canh phải nộp tô cho người được ủy thác theo giấy chuyển giao, được nói đến dưới đây. Người đứng tên mua ruộng đất phải ký vào giấy chuyển giao, giấy này quy định rằng người lĩnh canh không nộp tô cho những cá nhân nói trên, mà cho các thành viên hiện hữu của ban quản trị Phong trào quần chúng. Thành viên của ban quản trị phải ký giấy cam đoan rằng nếu khi thôi nhiệm vụ mà không ký giấy chuyển giao số tiền tô đã nhận được cho người thay mình trong ban quản trị, thì sẽ phải nộp 5000 p.xt. tiền phạt cho hai người được chỉ định không phải là người mua ruộng đất; người thay thế cũng chịu sự ràng buộc bởi một giấy cam đoan như thế.

d) Để bảo đảm tốt hơn quyền của công nhân được trở thành người chủ lao động của chính mình và để tránh tình trạng thị trường lao động thừa sức lao động, ủy ban còn đề nghị với các đồng chí hãy chi phí vào việc tổ chức các công xưởng, xưởng thủ công và các kho hàng có tính chất hợp tác xã, những cơ sở ấy là tài sản của phong trào quần chúng. Những người làm việc ở các xí nghiệp ấy, ngoài tiền công được quy định trong biểu tiền công - như đã nói trên kia - còn được hưởng một nửa số lợi nhuận ròng nhờ bán sản phẩm của các xí nghiệp ấy; còn nửa lợi nhuận thứ hai thì phải đưa vào thu nhập của Phong trào quần chúng. Nhân viên quản lý của mỗi xí nghiệp hợp tác do công nhân bầu ra phải được sự phê chuẩn của ban quản trị. Nhân viên quản lý mỗi xí nghiệp điều chỉnh việc mua vào và bán ra, mỗi tháng phải báo cáo lên ban quản trị về số mua vào, bán ra, về các khoản thanh toán, về các khoản lỗ hoặc lãi. Khi đơn kiện về sự bất đồng giữa công nhân và người quản lý có đủ căn cứ, thì công nhân có quyền bãi miễn người quản lý và bầu người quản lý mới, nhưng phải được đa số ít nhất là ba phần tư tổng số phiếu tán thành. Nhân viên quản lý phải nộp một nửa lợi nhuận ròng của xí nghiệp hợp tác cho ban quản trị của Phong trào quần chúng. Đối với tài sản mà Phong trào quần chúng sẽ mua cho các xí nghiệp hợp tác, phải áp dụng những biện pháp giữ gìn cũng giống như đối với ruộng đất vậy".

Sau cuộc thảo luận kéo dài, bản báo cáo của ủy ban, tính đến phần II, đã được thông qua trong phiên họp của Nghị viện công nhân vào thứ tư vừa rồi. Tham gia ủy ban soạn thảo cương lĩnh hành động đó của phong trào quần chúng có: Éc-ne-xơ Giôn-xơ, Giêm-xơ Phin-len, Giêm-xơ Uy-li-am, A-bra-ham Rô-bin-xơn và Giêm-xơ Blai.

*Do C.Mác viết ngày 10 tháng Ba 1854
Đã đăng trên tờ "New-York Daily
Tribune" số 4039, ngày 29 tháng Ba 1854
Ký tên: Các Mác*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Anh*

C.MÁC

CUỘC KHỎI NGHĨA CỦA NGƯỜI HY LẠP

Cuộc khởi nghĩa của các thần dân Hy Lạp của vua Thổ Nhĩ Kỳ gây ra sự lo lắng sâu sắc ở Pa-ri và Luân Đôn thì nay đã bị đàn áp, nhưng người ta cho rằng khả năng nổ ra bạo động nữa vẫn chưa hết. Về điểm này, chúng tôi có thể nói rằng sau khi đọc kỹ những văn kiện có liên quan tới toàn bộ sự kiện, chúng tôi khẳng định như sau: những người khởi nghĩa chỉ gồm những người thuộc dân cư miền núi cư trú ở sườn phía nam dãy núi Pin-đơ; họ không được sự đồng tình của các thần dân Cơ Đốc giáo khác của Thổ Nhĩ Kỳ trừ những tín đồ cuồng tín trong số những người thuộc miền Séc-nô-gô-ri-a tự do; dân cư đồng bằng Phét-xa-li - đây là dân cư Hy Lạp có số lượng đông đảo duy nhất còn sống dưới quyền thống trị của Thổ Nhĩ Kỳ - lại sợ đồng bào của mình hơn là sợ chính người Thổ Nhĩ Kỳ. Chớ nên quên rằng bộ phận dân cư này do hèn nhát mà không dám bạo động ngay trong thời kỳ chiến tranh giành độc lập của Hy Lạp⁹⁷. Bộ phận còn lại của dân cư Hy Lạp ước tính chừng 300000 người sống rải rác ở các thành phố của Đế quốc Thổ Nhĩ Kỳ đã bị tín đồ Cơ Đốc giáo thuộc các dân tộc khác ác cảm đến nỗi nơi nào mà phong trào nhân dân thắng lợi, chẳng hạn như ở Xéc-bi và Va-la-ki, thì ở nơi ấy tất cả các giáo sĩ gốc Hy Lạp đều bị đuổi đi và thay thế bằng những giáo sĩ người bản xứ.

Tuy bản thân cuộc khởi nghĩa này của người Hy Lạp nhìn chung không quan trọng, nhưng dù sao vẫn có ý nghĩa ở chỗ là nó tạo cho các cường quốc phương Tây cái cớ để can thiệp vào quan hệ giữa Chính phủ Thổ Nhĩ Kỳ với đại đa số các thần dân của Chính phủ Thổ Nhĩ Kỳ thuộc các phần đất châu Âu, trong đó người Hy Lạp chỉ chiếm có một triệu so với mười triệu người thuộc các dân tộc khác theo Chính thống giáo. Những người Hy Lạp cư trú ở vương quốc Hy Lạp, cũng như những người Hy Lạp cư trú ở quần đảo I-ô-niêng dưới quyền thống trị của Anh, đương nhiên cho rằng nghĩa vụ dân tộc của

mình là đánh đuổi người Thổ Nhĩ Kỳ ra khỏi tất cả những nơi nào nói tiếng Hy Lạp, và sáp nhập Phét-xa-li và Ê-pia vào quốc gia Hy Lạp. Hãy cứ để họ thậm chí mơ tưởng cả việc khôi phục lại Đế quốc Bi-dăng-xơ, - tuy nhiên, nhìn chung đây là một dân tộc biết nhìn rất xa cho nên không thể tin vào ảo tưởng ấy. Nhưng tất cả những kế hoạch đó của người Hy Lạp về việc mở rộng quốc gia dân tộc và về độc lập lúc đó đang được sự ủng hộ của các hoạt động âm mưu của Nga - như âm mưu của linh mục A-pha-na-xi bị phát hiện cách đây không lâu đã chứng minh - và cũng là những tư tưởng mà bọn cướp miền núi đề xướng, nhưng không được sự hưởng ứng của nông dân vùng đồng bằng, - tất cả những kế hoạch này không liên quan gì đến vấn đề quyền lợi tôn giáo của các thần dân Thổ Nhĩ Kỳ mà người ta mưu toan gán ghép vào những kế hoạch ấy.

Qua báo chí Anh và qua báo cáo của huân tước Sép-xbe-ri tại thượng nghị viện và của ngài Mơn-cơ-tôn Min-xơ tại hạ nghị viện, chúng tôi được biết chính phủ Anh, một phần nhân có phong trào ấy của dân Hy Lạp, sẽ có những biện pháp để cải thiện tình hình của các thần dân theo Cơ Đốc giáo của Chính phủ Thổ Nhĩ Kỳ. Bản báo cáo ấy nói rõ ràng rằng mục tiêu vĩ đại mà các cường quốc phương Tây theo đuổi là sự bình đẳng về quyền lợi của đạo Cơ Đốc và đạo Ma-hô-mét ở Thổ Nhĩ Kỳ. Nhưng, điều đó hoặc không có ý nghĩa gì cả, hoặc có nghĩa là thừa nhận quyền chính trị và quyền công dân cho tín đồ Hồi giáo cũng như cho tín đồ Cơ Đốc giáo, bất kể ai thuộc tôn giáo nào, và nói chung độc lập với các tôn giáo. Nói khác đi, điều đó có nghĩa là sự tách rời hoàn toàn của nhà nước ra khỏi giáo hội, của tôn giáo ra khỏi chính trị. Nhưng nhà nước Thổ Nhĩ Kỳ, cũng như tất cả các nhà nước phương Đông, lại được xây dựng trên cơ sở sự hòa nhập hết sức chặt chẽ và gần như là sự đồng nhất giữa nhà nước và giáo hội, giữa chính trị và tôn giáo. Đối với đế quốc Thổ Nhĩ Kỳ và nhà cầm quyền của nó, thì kinh Hồi giáo vừa là nguồn gốc tín ngưỡng, vừa là nguồn gốc của pháp luật. Nhưng kinh Hồi giáo có thể làm cho tín đồ đạo Chính thống và tín đồ dị giáo, người Hồi giáo và người Gia-ua-rơ bình đẳng về quyền lợi không? Điều đó trên thực tế tất

nhiên có nghĩa là thay thế kinh Hồi giáo bằng bộ dân luật mới, nói cách khác, điều đó có nghĩa là phá hoại cơ cấu của xã hội Thổ Nhĩ Kỳ và xây dựng một trật tự mới trên sự đổ nát của nó.

Mặt khác, đặc trưng chủ yếu phân biệt Chính thống giáo với các giáo phái khác của đạo Cơ Đốc là sự đồng nhất nhà nước với giáo hội, sinh hoạt công dân với sinh hoạt tôn giáo. Ở Đế quốc Bi-dăng-xơ, nhà nước và giáo hội quện chặt với nhau đến mức không thể nào trình bày lịch sử quốc gia mà lại không trình bày lịch sử giáo hội. Ở Nga cũng có sự đồng nhất như vậy, song ở đây có điểm khác với ở Bi-dăng-xơ, giáo hội trở thành công cụ thông thường của nhà nước, trở thành công cụ áp bức trong nước và xâm lược nước ngoài. Ở Đế quốc Ôt-tô-man, theo quan niệm phương Đông của người Thổ Nhĩ Kỳ, thân quyền Bi-dăng-xơ có thể phát triển tới mức giáo sĩ ở một giáo khu nhỏ đồng thời là quan toà, xã trưởng, thầy giáo, người trưởng khế, người thu thuế, người được ủy thác có mặt khắp nơi trong đời sống thế tục, không phải là một chức sự thông thường, mà là một người tinh thông mọi việc. Sự chê trách chủ yếu có thể đưa ra ở đây đối với người Thổ Nhĩ Kỳ không phải ở chỗ họ hạn chế đặc quyền của giới tăng lữ Cơ Đốc giáo mà, trái lại, ở chỗ là dưới nền thống trị của họ, sự giám hộ chuyên chế bao trùm tất cả ấy, sự kiểm soát và can thiệp của giáo hội ấy đã có thể xâm nhập vào mọi lĩnh vực của đời sống xã hội. Ngài Phan-mê-rai-ơ đã mô tả hết sức ngộ nghĩnh trong tác phẩm "Những bức thư phương Đông" của mình rằng ông ta đã làm cho một vị giáo sĩ Chính thống giáo, phải ngạc nhiên, vì nói với giáo sĩ ấy rằng giới tăng lữ Thiên chúa giáo không có quyền lực gì về phân phối và không gánh vác chức năng phần đời. Giáo sĩ đó kinh ngạc thốt lên: "Thế thì những đạo hữu Thiên chúa giáo của chúng tôi làm thế nào mà lấp hết được thời gian của mình?".

Từ tất cả những điều nói trên có thể thấy rõ rằng việc thi hành ở Thổ Nhĩ Kỳ một bộ dân luật mới hoàn toàn không đáng gì đến tôn giáo và dựa trên cơ sở tách rời hoàn toàn giữa quốc gia và giáo hội, thì không những có nghĩa là huỷ bỏ đạo Ma-hô-mét, mà còn có nghĩa là tiêu diệt giáo hội Chính thống giáo dưới hình thức tồn tại hiện nay ở

Đế quốc Thổ Nhĩ Kỳ. Chẳng lẽ có người ngây thơ đến mức tin thực sự rằng đường như phe phản động hèn nhát và nhu nhược nằm trong Chính phủ Anh hiện nay có thể nghĩ đến việc gánh vác lấy cái nhiệm vụ to lớn là thực hiện cải cách xã hội triệt để ở một nước như Thổ Nhĩ Kỳ hay sao? Điều đó hoàn toàn phi lý. Họ chỉ có thể có một mục đích: bịt mắt nhân dân Anh và nhân dân châu Âu.

*Do C.Mác viết ngày 10 tháng Ba 1854
Đã đăng làm xã luận trên tờ "New-York
Daily Tribune" số 4039, ngày 29 tháng Ba
1854*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Anh
In bằng tiếng Nga lần đầu*

PH.ĂNG-GHEN

QUÂN NGA RÚT KHỎI CA-LA-PHÁT⁹⁸

Quân Nga đã rút khỏi Ca-la-phát và, nghe nói, đã hoàn toàn thay đổi kế hoạch chiến dịch của mình. Đây là kết cục vẻ vang của những cố gắng và hiềm nghèo qua ba tháng tiến quân, trong thời gian đó đã tiêu hao nốt những tài nguyên cuối cùng của Va-la-ki. Đây là chiến quả của cuộc tiến quân khó hiểu vào Tiểu Va-la-ki, một cuộc tiến quân, xem ra, đã hoàn toàn coi thường những nguyên tắc sơ đẳng nhất về chiến lược; để chiếm Ca-la-phát, điểm phòng thủ đầu cầu duy nhất nằm trong tay quân Thổ Nhĩ Kỳ trên tả ngạn sông Đa-nuýp, quân Nga đã tập trung chủ lực ở cuối cánh phải khiến cho mũi trung tâm và cánh trái vốn đã yếu trở thành hoàn toàn mất sự yểm hộ, một khi quân địch mở bất cứ cuộc tấn công nào, và biểu hiện sự thiếu quan tâm chưa từng thấy trong lịch sử tiến hành chiến tranh đối với các tuyến giao thông và đường rút quân. Ô-me-rô-pa-sa sở dĩ không lợi dụng được sơ hở ấy chỉ có thể nói là do sự can thiệp của đại sứ Anh ở Công-xtăng-ti-nô-plơ. Còn như tại sao quân Nga rút cục buộc phải rút lui một cách nhục nhã, không đạt được mục đích của mình, thì đó là điều mà tôi hiện có ý định trình bày.

Chúng tôi gọi đó là một cuộc rút lui nhục nhã, bởi vì cuộc tiến công bắt đầu rầm rộ, chỉ chiếm được một vị trí có tính chất uy hiếp và kết thúc bằng một cuộc rút lui âm thầm, và khiêm nhường, thậm chí không thử tiến hành một cuộc chiến đấu cho ra trò, - bởi vì cái chiến dịch gồm một loạt những sai lầm liên tiếp và phi lý không đạt được gì ngoài khả năng cho các vị tướng lĩnh tin tưởng mình là những thắng tướng; tất cả những cái đó đều nhục nhã đến cực độ.

Nhưng chúng ta hãy đi vào thực chất của sự việc.

Cuối năm 1853, quân Nga có những đơn vị sau đây ở Va-la-ki, Môn-đa-vi-a và Bết-xa-ra-bi-a:

1) quân đoàn 4 (Đan-nen-béc-gơ): ba sư đoàn bộ binh, một sư đoàn kỵ binh, 4 lữ đoàn pháo binh; tất cả là 45000 người, không kể thương vong;

2) một phần quân đoàn 5 (Li-đéc-xơ): một sư đoàn bộ binh, một sư đoàn kỵ binh, hai lữ đoàn pháo binh; tất cả là 15000 người;

3) quân đoàn 3 (Ô-xten-Xa-ken): ba sư đoàn bộ binh, một sư đoàn kỵ binh, 4 lữ đoàn pháo binh; tất cả là 55000 người.

Tổng cộng khoảng 115000 người, không kể nhân viên không trực tiếp chiến đấu và một sư đoàn thuộc quân đoàn Li-đéc-xơ đóng ở ngoại vi Ô-đét-xa phải làm nhiệm vụ bảo vệ và do đó không nên tính vào tổng số trên.

Cho đến đầu tháng Chạp, các đạo quân Nga duy nhất ở các công quốc thuộc vùng sông Đa-nuýp là những đơn vị dưới quyền chỉ huy của Đan-nen-béc-gơ và Li-đéc-xơ. Sự tiến gần của quân đoàn Ô-xten-Xa-ken phải được xem là dấu hiệu của sự tập trung binh lực lớn để tấn công vào Ca-la-phát. Trận địa của nó trên sông Búc và sông Prút phải do quân đoàn 6 (Sê-ô-đa-ép) đang trên đường hành quân từ Mát-xcơ-va tới, đóng giữ. Sau khi hội quân với quân đoàn 6, quân đội ở vùng sông Đa-nuýp lên tới 170000 người, nhưng có thể còn được tăng cường thêm, nếu như tân binh ở các tỉnh tây-nam được đưa thẳng ra chiến trường.

Nhưng tổng tư lệnh quân Nga cho rằng chỉ cần 115-120 nghìn để giữ toàn bộ trận tuyến trên đoạn sông Đa-nuýp từ Brai-lốp đến Ni-cô-pôn và còn có thể tách ra đủ lực lượng tập trung ở cuối cánh phải để tấn công vào Ca-la-phát.

Khi kế hoạch ấy bắt đầu thực hiện vào cuối tháng Chạp, thì ở Ca-la-phát e rằng không có quá 10000 - 12000 quân đóng giữ, còn có 8000 quân ở Vi-đin, nhưng sự chi viện của lực lượng này không được chắc chắn, vì họ phải vượt qua một con sông chảy xiết vào mùa mưa lũ. Song sự vận động chậm chạp của quân Nga, sự do dự của hâu tước Goóc-tra-cốp, nhưng, chủ yếu là sự dũng cảm và cương quyết của I-xma-in-pa-sa chỉ huy ở Ca-la-phát đã tạo điều kiện cho quân Thổ Nhĩ Kỳ tập trung đến vị trí bị uy hiếp ấy 40000 quân và biến Ca-la-phát từ chỗ là một vị trí đầu cầu thông thường không thể chống lại cuộc công kích của quân địch có binh lực gấp đôi quân đóng giữ thành một cứ điểm có thể che chở cho ít ra là 30000 người và chống lại được mọi cuộc tập kích của địch, trừ vây đánh chính quy. Nói rằng thắng lợi lớn nhất của người xây dựng công sự dã chiến là buộc quân địch phải cấu trúc chiến hào chống lại công sự ấy, là hoàn toàn đúng. Nếu như trên thực tế quân Nga không làm việc ấy, thì chỉ là vì họ thấy rằng cả với những biện pháp

cực đoan ấy cũng không có khả năng chiếm được Ca-la-phát trong thời hạn quy định cho hoạt động này. Vì vậy, từ nay về sau Ca-la-phát cũng như các thành tựu vĩ đại về khoa xây dựng công sự đã chiến như chiến lũy của Phri-đích II ở Bun-xen-vi-xơ, công sự của Tô-re-xơ-Vê-đra-sơ và chiến hào của đại công tước Các-lơ ở ngoại thành Vê-rô-na, sẽ được ghi vào sử sách như là những mẫu mực điển hình về nghệ thuật chiến tranh⁹⁹.

Bây giờ chúng ta nghiên cứu những biện pháp mà quân Nga dùng để tấn công. Số pháo công thành mà họ chuyển đến Crai-ô-va chứng tỏ họ đích thực muốn chiếm Ca-la-phát. Nhân tiện xin nói luôn rằng, có một trong những sự việc không thể nào hiểu nổi theo quan điểm quân sự mà chỉ có thể giải thích bằng ảnh hưởng ngoại giao là việc Ô-me-rơ-pa-sa bỏ mặc không cản trở gì việc quân Nga điều động trở đi trở lại những khẩu pháo ấy. Điều duy nhất mà quân Nga cần đến hiện nay là phải có đủ binh lực để đánh lui quân Thổ Nhĩ Kỳ, bảo vệ chiến hào và các khẩu đội pháo và xung phong qua đột phá khẩu ngay khi vừa mở được. Và ở đây I-xma-in lại hành động như một vị thống soái kiên quyết và có tài. Cuộc xuất kích của ông ở Sê-ta-te ngày 6 tháng Giêng, cuộc tấn công kiên quyết của ông kết thúc bằng thất bại của lực lượng ưu thế của quân Nga, hoạt động tấn công không ngừng lặp đi lặp lại của ông trong suốt thời gian mà quân Nga còn tiếp tục tập trung binh lực, mà lực lượng ưu thế của quân Nga chưa hoàn toàn phong toả được ông ở một bán đảo nhỏ nhỏ ở sông Đa-nuýp, - tóm lại, phương pháp phòng ngự của ông bằng những đòn công kích tập trung vào các điểm biệt lập của chính diện quân Nga để tiêu diệt từng bộ phận quân địch nếu lực lượng của mình cho phép là hoàn toàn đúng với điều mà một vị thống soái ở trong hoàn cảnh như ông phải làm, và đó là sự đối lập lý thú với phương pháp phòng ngự tiêu cực của Ô-me-rơ-pa-sa ở Ôn-tê-nít-sa hoặc với tình trạng án binh bất động lười nhác của ông ta trong suốt thời gian đóng giữ hạ lưu sông Đa-nuýp. Vì rằng, nếu như Ô-me-rơ-pa-sa cũng có tiến hành một cuộc tấn công nhỏ nào đó - xem ra không bao giờ đúng lúc mà còn tiếp tục một cách mù quáng, ngoan cố mấy ngày liền ở cùng một địa điểm, ngay cả khi không thể trông chờ một kết quả nào - thì những cuộc tấn công nhỏ nhỏ đó không đáng kể gì, trong khi cần điều 40000 - 60000 người vượt sông Đa-nuýp.

Rút cục, đến cuối tháng Giêng, quân Nga đã hoàn thành việc tập trung xung quanh Ca-la-phát. Ở đồng bằng, quân Nga chiếm ưu thế rõ

rệt và, bởi vậy, ở đấy chắc phải có 30000 - 40000 người. Trong con số 115000 người mà trừ đi 30000 - 40000, lại trừ thêm 20000 hoặc 30000 cần thiết cho việc bảo vệ phòng tuyến từ Brai-lốp đến bờ biển, thì chúng ta thấy rằng ở toàn bộ Đại Va-la-ki, kể cả quân đồn trú chỉ còn từ 50000 đến 65000 người - một đội quân còn xa mới đủ để bảo vệ chiến tuyến kéo dài đó và các đường giao thông *đi song song với chiến tuyến* ở gần phía sau chiến tuyến. Một cuộc công kích mạnh mẽ vào bất cứ điểm nào với một đội quân ít hơn 65000 người ấy đều có thể kết thúc bằng sự thất bại hoàn toàn của tất cả những lực lượng phân tán đó của quân Nga và chiếm được tất cả các kho đạn dược của họ. Ô-me-rơ-pa-sa sớm muộn cũng phải giải thích tại sao ông ta đã bỏ lỡ cơ hội ấy.

Vậy mà, dù đã cố hết sức mình, quân Nga cũng chỉ có thể tập trung được trước Ca-la-phát một binh lực đủ đánh lui các vị trí tiền tiêu của quân Thổ Nhĩ Kỳ, nhưng không đủ để tấn công vào chính cứ điểm. Nó đã mất đi gần năm tuần lễ để thu được những thắng lợi tạm thời và giả dối ấy. Tướng Sin-đéc, chỉ huy bộ đội công binh đã nhận được mệnh lệnh trực tiếp là phải chiếm lấy Ca-la-phát. Ông ta đã đến, đã xem xét và quyết định không hành động gì hết, chùng nào mà Sê-ô-da-ép chưa tới, do đó chưa điều được quân sinh lực từ phía giữa và cánh trái.

Từ năm tuần nay, quân Nga lâm vào tình trạng nguy hiểm là bị hở sườn và hở sau lưng, dường như cố tình nhử địch tấn công, một cuộc tấn công mà nó không thể chống cự được dù chỉ trong một phút. Và năm tuần nay, Ô-me-rơ-pa-sa được ở một vị trí uy hiếp bên sườn và sau lưng quân Nga, từ vị trí này không cần kính và ống nhòm cũng có thể thấy rõ nhược điểm của quân Nga, - mà vẫn không hành động gì. Quả thực, cái phương pháp tiến hành chiến tranh hiện đại này dưới sự bảo trợ của các cường quốc đồng minh không tài nào hiểu nổi!

Đột nhiên có tin truyền đến Luân Đôn là quân Nga đã hoàn toàn rút khỏi Ca-la-phát. Ô! - tờ "Times" thốt lên, - đây là thắng lợi của đồng minh chúng ta là người Áo đã tập trung quân ở Tô-ran-xin-va-ni, hậu phương của quân Nga. Đương nhiên, đây là thắng lợi của sự liên minh vinh quang với Áo, thắng lợi này đến lượt nó lại là thắng lợi của chính sách vinh quang của huân tước A-bóc-đin! A-bóc-đin muôn năm! Nhưng ngày hôm sau đã xuất hiện bản tuyên bố đích thực của Áo nói rằng không có sự liên minh nào với Áo cả, rằng cho tới nay người Áo chưa nói, và, hình như, hiện nay cũng chưa biết tại sao lại phái đội quân ấy đến nơi mà hiện nay nó đang đóng. Và, vì vậy mà hiện nay, người ta hoàn toàn không biết gì về nguyên nhân cuộc rút lui của quân Nga.

Hiện nay có người nói với chúng tôi rằng quân Nga định vượt sang bên kia sông Đa-nuýp ở khu vực giữa Brai-lốp và Ga-lát và sẽ đánh thẳng vào A-đri-a-nô-pôn như năm 1828 - 1829. Nếu như không có sự hiểu biết lẫn nhau đầy đủ giữa một bên là quân Nga, và một bên là hạm đội Anh - Pháp, thì cuộc tiến quân ấy không thể tiến hành về mặt chiến lược được. Chúng tôi còn nghe nói đến một nguyên nhân khác của cuộc rút lui của quân Nga. Người ta nói, hình như cuộc tiến quân của Sê-ô-đa-ép đã ngừng lại để lập một doanh trại có 30000 hoặc 40000 người ở phía bắc Ô-đét-xa. Nếu đúng như thế, thì ông ta không thể thay thế đơn vị nào ở khu vực sông Prút và sông Xê-rét, cũng không thể tăng viện cho Goóc-tra-cốp ở Ca-la-phát. Do đó, hâu tước Goóc-tra-cốp buộc phải rút lui cũng có trật tự như khi ông ta tiến quân. Vở bi hài kịch vĩ đại của cuộc tiến quân của quân Nga đến Ca-la-phát kết thúc như thế đấy^{1*}.

*Do Ph. Ăng-ghen viết ngày 13 tháng Ba 1854
"The*

*Đã đăng trên tờ "The People's Paper" số 98,
ngày 18 tháng Ba 1854 và đăng làm xã luận
trên tờ "New-York Daily Tribune" số 4040,
ngày 30 tháng Ba 1854*

In theo bản đăng trên tờ

*People's Paper" có đôi chiếu
với tờ "New-York Daily
Tribune"*

Nguyên văn là tiếng Anh

1* Đoạn cuối của bài đăng trên tờ "New-York Daily Tribune" như sau: "Vì vậy, các chiến hữu Anh của chúng ta hoàn toàn không hiểu gì về nguyên nhân cuộc rút lui của quân Nga. Nhưng nguyên nhân đó ra sao? Rất đơn giản: quân Pháp và Anh đang tiến về Công-xtăng-ti-nô-plit. Không có gì dễ dàng và đơn giản hơn là từ đây phái quân đến Ô-đét-xa hoặc Bét-xa-ra-bi-a và cắt đường giao thông của quân Nga.

Nhưng dù ý đồ thực sự của các nước đồng minh không có ác ý như thế nào đi nữa, thì áp lực bên ngoài vẫn có thể buộc họ hành động thực sự. Rõ ràng, Goóc-tra-cốp không tin vào sứ mệnh ngoại giao thuần túy của quân đội phương Tây. Thậm chí ông ta hoàn toàn tin nước Anh, nhưng đối với nước Pháp ông ta không thể tin như thế. Thậm chí ông ta có thể tin tất cả các nội các, nhưng ông ta không thể tin các tướng lĩnh. Khi tại nơi đó chỉ có quân Thổ Nhĩ Kỳ, ông ta có thể hành quân mạo hiểm tạt sườn địch; nhưng một khi quân Pháp và quân Anh tiến gần và uy hiếp sườn mình, thì ông ta phải xử sự nghiêm túc hơn. Vì vậy, Sê-ô-đa-ép được lệnh ngừng tiến quân và được giao nhiệm vụ xây dựng một doanh trại gồm 30000 hoặc 40000 người ở phía trên Ô-đét-xa. Vì vậy ông ta không thể điều quân đến khu vực Prút hoặc Xê-rét. Vì vậy, không thể trông đợi một đội quân nào đến tăng cường cho Goóc-tra-cốp ở Ca-la-phát được. Vì vậy, không thể cường tập nơi này. Vì vậy, hâu tước Goóc-tra-cốp buộc phải rút lui cũng có trật tự như khi ông ta tiến quân. Vở bi hài kịch vĩ đại của cuộc tiến quân của quân Nga đến Ca-la-phát kết thúc như thế đấy".

C.MÁC

NHỮNG TÀI LIỆU VỀ VIỆC CHIA CẮT THỔ NHĨ KỲ

Luân Đôn, thứ ba, ngày 21 tháng Ba 1854

Có một sự kiện quan trọng nhất là các vị bộ trưởng đã buộc phải công bố những công hàm bí mật¹⁰⁰ mà họ trao đổi với hoàng đế Nga trong suốt thời gian ba tháng đầu họ nắm chính quyền, cũng như bị vong lục về cuộc hội kiến giữa Nga hoàng với huân tước A-bóc-đin năm 1844 mà huân tước công bố để trả lời sự thách thức của tờ "Journal de St. - Pétersbourg"¹⁰¹ đối với ông.

Tôi bắt đầu từ việc phân tích "bị vong lục" của bá tước Nê-xen-rô-đe gửi Chính phủ Anh dựa theo những thông báo của hoàng đế Nga sau chuyến đi thăm Anh của hoàng đế vào tháng Sáu 1844. Bị vong lục nêu rõ tình hình hiện nay của Đế quốc Ôt-tô-man "là phù hợp nhất với lợi ích chung về giữ gìn hoà bình", Anh và Nga đã đi đến thỏa thuận trên cơ sở ấy và do đó thống nhất cố gắng của mình để duy trì status quo^{1*} ấy. "Điều quan trọng nhất để đạt được mục đích ấy là để cho Chính phủ Thổ Nhĩ Kỳ yên ổn, khi không cần thiết thì không làm phiền nó bởi những cuộc tranh luận về ngoại giao, và khi không hết sức cần thiết thì không can thiệp vào công việc nội bộ của nó". Nhưng thực hiện "chính sách không can thiệp" ấy như thế nào cho có kết quả? Một là, Anh không được cản trở sự giải thích mà Nga cho rằng cần đưa ra đối với các hiệp ước của Nga với Thổ Nhĩ Kỳ, mà trái lại, phải thúc đẩy Thổ Nhĩ Kỳ hành động cho phù hợp với sự giải thích mà Nga đưa ra đối với những hiệp ước ấy; hai là Nga phải tạo khả năng "thường xuyên" can thiệp vào quan hệ giữa vua Thổ Nhĩ Kỳ và các thần dân theo Cơ Đốc giáo của vua Thổ Nhĩ Kỳ. Tóm lại, "chính sách không can thiệp" đối với Chính phủ Thổ Nhĩ Kỳ có nghĩa là chính sách cùng tham gia đối với Nga. Nhưng, cái đề nghị kỳ quặc ấy lại được diễn đạt còn xa mới thẳng thắn như vậy.

1* - Hiện trạng

Hiện nay có người nói với chúng tôi rằng quân Nga định vượt sang bên kia sông Đa-nuýp ở khu vực giữa Brai-lốp và Ga-lát và sẽ đánh thẳng vào A-đri-a-nô-pôn như năm 1828 - 1829. Nếu như không có sự hiểu biết lẫn nhau đầy đủ giữa một bên là quân Nga, và một bên là hạm đội Anh - Pháp, thì cuộc tiến quân ấy không thể tiến hành về mặt chiến lược được. Chúng tôi còn nghe nói đến một nguyên nhân khác của cuộc rút lui của quân Nga. Người ta nói, hình như cuộc tiến quân của Sê-ô-đa-ép đã ngừng lại để lập một doanh trại có 30000 hoặc 40000 người ở phía bắc Ô-đét-xa. Nếu đúng như thế, thì ông ta không thể thay thế đơn vị nào ở khu vực sông Prút và sông Xê-rét, cũng không thể tăng viện cho Goóc-tra-cốp ở Ca-la-phát. Do đó, hâu tước Goóc-tra-cốp buộc phải rút lui cũng có trật tự như khi ông ta tiến quân. Vỡ bi hài kịch vĩ đại của cuộc tiến quân của quân Nga đến Ca-la-phát kết thúc như thế đấy^{1*}.

*Do Ph. Ăng-ghen viết ngày 13 tháng Ba 1854
Đã đăng trên tờ "The People's Paper" số 98,
ngày 18 tháng Ba 1854 và đăng làm xã luận
trên tờ "New-York Daily Tribune" số 4040,
ngày 30 tháng Ba 1854*

*In theo bản đăng trên tờ "The
People's Paper" có đổi chữ
với tờ "New-York Daily
Tribune"
Nguyên văn là tiếng Anh*

^{1*} Đoạn cuối của bài đăng trên tờ "New-York Daily Tribune" như sau: "Vì vậy, các chiến hữu Anh của chúng ta hoàn toàn không hiểu gì về nguyên nhân cuộc rút lui của quân Nga. Nhưng nguyên nhân đó ra sao? Rất đơn giản: quân Pháp và Anh đang tiến về Công-xtăng-ti-nô-pô-ri. Không có gì dễ dàng và đơn giản hơn là từ đây phái quân đến Ô-đét-xa hoặc Bét-xa-ra-bi-a và cắt đường giao thông của quân Nga.

Nhưng dù ý đồ thực sự của các nước đồng minh không có ác ý như thế nào đi nữa, thì áp lực bên ngoài vẫn có thể buộc họ hành động thực sự. Rõ ràng, Goóc-tra-cốp không tin vào sứ mệnh ngoại giao thuần túy của quân đội phương Tây. Thậm chí ông ta hoàn toàn tin nước Anh, nhưng đối với nước Pháp ông ta không thể tin như thế. Thậm chí ông ta có thể tin tất cả các nội các, nhưng ông ta không thể tin các tướng lĩnh. Khi tại nơi đó chỉ có quân Thổ Nhĩ Kỳ, ông ta có thể hành quân mạo hiểm tạt sườn địch; nhưng một khi quân Pháp và quân Anh tiến gần và uy hiếp sườn mình, thì ông ta phải xử sự nghiêm túc hơn. Vì vậy, Sê-ô-đa-ép được lệnh ngừng tiến quân và được giao nhiệm vụ xây dựng một doanh trại gồm 30000 hoặc 40000 người ở phía trên Ô-đét-xa. Vì vậy ông ta không thể điều quân đến khu vực Prút hoặc Xê-rét. Vì vậy, không thể trông đợi một đội quân nào đến tăng cường cho Goóc-tra-cốp ở Ca-la-phát được. Vì vậy, không thể cường tập nơi này. Vì vậy, hâu tước Goóc-tra-cốp buộc phải rút lui cũng có trật tự như khi ông ta tiến quân. Vỡ bi hài kịch vĩ đại của cuộc tiến quân của quân Nga đến Ca-la-phát kết thúc như thế đấy".

C.MÁC

NHỮNG TÀI LIỆU VỀ VIỆC CHIA CẮT THỔ NHĨ KỲ

Luân Đôn, thứ ba, ngày 21 tháng Ba 1854

Có một sự kiện quan trọng nhất là các vị bộ trưởng đã buộc phải công bố những công hàm bí mật¹⁰⁰ mà họ trao đổi với hoàng đế Nga trong suốt thời gian ba tháng đầu họ nắm chính quyền, cũng như bị vong lục về cuộc hội kiến giữa Nga hoàng với hâu tước A-bóc-đin năm 1844 mà hâu tước công bố để trả lời sự thách thức của tờ "Journal de St. - Pétersbourg"¹⁰¹ đối với ông.

Tôi bắt đầu từ việc phân tích "bị vong lục" của bá tước Nê-xen-rô-đe gửi Chính phủ Anh dựa theo những thông báo của hoàng đế Nga sau chuyến đi thăm Anh của hoàng đế vào tháng Sáu 1844. Bị vong lục nêu rõ tình hình hiện nay của Đế quốc Ôt-tô-man "là phù hợp nhất với lợi ích chung về giữ gìn hoà bình", Anh và Nga đã đi đến thỏa thuận trên cơ sở ấy và do đó thống nhất cố gắng của mình để duy trì status quo^{1*} ấy. "Điều quan trọng nhất để đạt được mục đích ấy là để cho Chính phủ Thổ Nhĩ Kỳ yên ổn, khi không cần thiết thì không làm phiền nó bởi những cuộc tranh luận về ngoại giao, và khi không hết sức cần thiết thì không can thiệp vào công việc nội bộ của nó". Nhưng thực hiện "chính sách không can thiệp" ấy như thế nào cho có kết quả? Một là, Anh không được cản trở sự giải thích mà Nga cho rằng cần đưa ra đối với các hiệp ước của Nga với Thổ Nhĩ Kỳ, mà trái lại, phải thúc đẩy Thổ Nhĩ Kỳ hành động cho phù hợp với sự giải thích mà Nga đưa ra đối với những hiệp ước ấy; hai là Nga phải tạo khả năng "thường xuyên" can thiệp vào quan hệ giữa vua Thổ Nhĩ Kỳ và các thần dân theo Cơ Đốc giáo của vua Thổ Nhĩ Kỳ. Tóm lại, "chính sách không can thiệp" đối với Chính phủ Thổ Nhĩ Kỳ có nghĩa là chính sách cùng tham gia đối với Nga. Nhưng, cái đề nghị kỳ quặc ấy lại được diễn đạt còn xa mới thẳng thắn như vậy.

^{1*} - Hiện trạng

Bị vong lục dường như nói về "tất cả các cường quốc lớn", nhưng rõ ràng là để người ta hiểu rằng ngoài Nga và Anh ra thì không có cường quốc lớn nào khác nữa. Bị vong lục nói rằng Pháp "đứng trước *sự cần thiết* hành động cho phù hợp với phương thức hoạt động đã được thỏa thuận giữa Xanh-Pê-téc-bua và Luân Đôn". Áo được mô tả như một vật phụ thuộc giản đơn vào Nga, không có sự tồn tại độc lập, cũng như chính sách rõ ràng của mình, ngoài cái chính sách "gắn bó chặt chẽ" với chính sách của Nga "bởi nguyên tắc *nhất trí hoàn toàn*". Phổ bị coi là một nước bé nhỏ không đáng nêu tên, do đó nó hoàn toàn không được nhắc tới. Do đó, "tất cả các cường quốc lớn" không phải là cái gì khác hơn là một hình ảnh khoa trương mà người ta vẫn quan niệm đó là nội các Xanh-Pê-téc-bua và Luân Đôn, còn phương thức hành động mà tất cả các cường quốc lớn phải dựa vào để liên hợp lại cũng không phải cái gì khác hơn là phương thức hành động mà Xanh-Pê-téc-bua quy định và Luân Đôn phải thi hành. Bị vong lục viết:

"Chính phủ Thổ Nhĩ Kỳ thường xuyên tỏ ý muốn rũ sạch nghĩa vụ mà nó phải gánh vác theo các hiệp ước nó đã ký kết với các nước khác. Nó hy vọng đạt được điều đó mà không bị trừng phạt, bởi vì nó trông đợi ở sự cạnh tranh giữa nội các các nước với nhau. Nó cho rằng, khi nó không làm tròn nghĩa vụ của nó đối với một nội các nào đó, thì các nội các khác sẽ đứng về phía nó và sẽ tạo điều kiện cho nó giải thoát khỏi mọi trách nhiệm.

Điều quan trọng là không ủng hộ Chính phủ Thổ Nhĩ Kỳ trong sự tính toán sai lầm ấy. Mỗi khi nó không làm tròn nghĩa vụ của mình đối với một cường quốc nào đó, thì lợi ích chung của tất cả các nước khác đòi hỏi: buộc nó phải thừa nhận sai lầm của mình và thực sự thúc đẩy nó thỏa mãn cho nội các đã đưa ra những đòi hỏi chính đáng. *Chỉ khi nào Chính phủ Thổ Nhĩ Kỳ thấy rằng các nội các khác không ủng hộ nó nữa, thì nó sẽ nhượng bộ, và các cuộc tranh luận xảy ra sẽ được giải quyết bằng thương lượng, không gây ra cuộc xung đột nào*".

Đấy là công thức đề ra với Anh để Anh giúp Nga buộc Thổ Nhĩ Kỳ dựa vào những hiệp ước cũ mà có những nhượng bộ mới.

"Cần cứu vãn tâm trạng hiện nay của người châu Âu, các nội các không thể làm ngơ trước tình trạng dân cư theo Cơ Đốc giáo ở Thổ Nhĩ Kỳ đang chịu sự áp bức tàn khốc và sự hãm hại của tôn giáo. Phải thường xuyên làm cho các vị bộ trưởng Ôt-tô-man nhận thức được chân lý này và làm cho họ vững tin rằng họ chỉ có thể nhận được tình hữu nghị và sự ủng hộ của các cường quốc phương Tây với điều kiện họ phải có thái độ rộng lượng và mềm mỏng đối với các thần dân Cơ Đốc giáo của Chính phủ Thổ Nhĩ Kỳ.

Tuân theo những nguyên tắc ấy, các đại biểu nước ngoài phải hành động theo tinh thần hoàn toàn nhất trí với nhau. Gửi công hàm cho Chính phủ Thổ Nhĩ Kỳ, họ phải làm cho những công hàm ấy mang tính chất nhất trí thực sự, nhưng dù sao cũng không dùng hình thức mệnh lệnh".

Ôn tồn gợi ý Anh như vậy, Nga muốn Anh ủng hộ những tham vọng của mình về *quyền bảo hộ tôn giáo* đối với các tín đồ Cơ Đốc giáo ở Thổ Nhĩ Kỳ.

Như vậy, sau khi trình bày những tiền đề của "chính sách không can thiệp" của mình, Nga không thể giấu diếm người bạn thân của mình rằng, chính sự không can thiệp đó có thể nguy hiểm hơn bất cứ chính sách can thiệp nào và có thể thúc đẩy tới mức độ đáng sợ sự phát triển của "các yếu tố tan rã" đã có ở Đế quốc Ôt-tô-man đến nỗi một buổi sáng nào đó "*những tình huống bất ngờ* có thể thúc đẩy *sự tan rã* của nó mà các nội các thân thiện không thể ngăn cản nổi". Tiếp đó, một vấn đề được nêu lên là: trong trường hợp những tình huống bất ngờ dẫn tới tai họa không thể cứu vãn được ở Thổ Nhĩ Kỳ, thì phải làm gì?

Điều duy nhất cần thiết trong trường hợp xảy ra mối đe dọa không tránh khỏi về sự tan rã của Thổ Nhĩ Kỳ là - bị vong lục viết - "*Anh và Nga thỏa thuận sơ bộ trước khi đi vào hành động*". Về điểm này, bị vong lục khẳng định, "về nguyên tắc đã có sự nhất trí trong chuyến đi thăm vừa rồi của hoàng đế Nga ở Luân Đôn" (trong cuộc thương lượng kéo dài của ông vua chuyên chế đó với công tước Oen-lin-ton, ngài Rô-bốt Pin và bá tước A-bóc-đin). Kết quả là "*sự cam kết có tính chất quy ước giữa Nga và Anh được thỏa thuận trước với nhau về hành động chung của mình, nếu như xảy ra sự kiện bất ngờ nào đó ở Thổ Nhĩ Kỳ*".

Sự cam kết có tính chất quy ước đó là gì? Một là, Nga và Anh phải có sự hiểu biết lẫn nhau trước về vấn đề chia cắt Thổ Nhĩ Kỳ; hai là, trong trường hợp ấy, Anh phải ký kết liên minh thần thánh với Nga và Áo, cái gọi là alter ego^{1*} của Nga, chống lại Pháp là nước "*buộc phải*", nghĩa là bị cưỡng bức hành động theo các mục đích của những nước trên. Kết quả tất nhiên của sự hiểu biết lẫn nhau đó là Anh bị lôi cuốn vào cuộc chiến tranh đẫm máu với Pháp, còn Nga thì hoàn toàn rảnh tay để thi hành chính sách của mình ở Thổ Nhĩ Kỳ.

Bị vong lục nhấn mạnh hết sức dai dẳng nhiều lần "các tình huống bất ngờ" có thể đẩy nhanh sự tan rã của Thổ Nhĩ Kỳ. Tuy nhiên, ở cuối văn kiện này, câu nói mập mờ ấy cũng biến đi và thay thế bằng một cách nói rõ ràng hơn: "Nếu chúng ta thấy rằng Đế quốc Ôt-tô-man phải tan rã",

1* - "cái tôi" thứ hai

thì Anh và Nga sẽ phải đi vào thỏa thuận trước v.v.. Cứ như thế, thì tình huống bất ngờ duy nhất là lời tuyên bố bất ngờ của Nga rằng Đế quốc Ôt-tô-man hiện đang phải tan rã. Kết quả chủ yếu của sự cam kết có tính chất quy ước là dành cho Nga cái quyền nhìn thấy bất cứ lúc nào sự tan rã đang đến với Thổ Nhĩ Kỳ và buộc Anh phải đi vào đàm phán về cái thảm họa không tránh khỏi ấy trên cơ sở hiểu biết lẫn nhau.

Do đó mà mười năm đã trôi qua kể từ khi viết bị vong lục, Anh nhận được thông tri theo hình thức quy định rằng sức sống của Đế quốc Ôt-tô-man đã cạn và hiện nay đã đến lúc đi vào thỏa thuận trước về việc gạt Pháp, nghĩa là về vấn đề tổ chức âm mưu sau lưng Pháp và Thổ Nhĩ Kỳ. Kiến nghị này mở màn cho một loạt văn kiện bí mật và được giữ kín trao đổi giữa Xanh-Pê-téc-bua và nội các liên hiệp.

Ngày 11 tháng Giêng 1853, đại sứ Anh ở Xanh-Pê-téc-bua là ngài G. H. Xây-mua đã gửi bản báo cáo mật và được giữ kín đầu tiên cho huân tước Gi. Rốt-xen bấy giờ là bộ trưởng Bộ ngoại giao. Tối ngày 9 tháng Giêng, ông ta được "vinh dự" bệ kiến hoàng đế Nga tại cung của quận chúa Ê-lê-na, quận chúa kính mời phu nhân và huân tước Xây-mua đến hội kiến ở hoàng cung. Hoàng đế thân mật hiền từ bước đến chỗ ông và tỏ ý rất hài lòng về tin thành lập nội các liên hiệp mà hoàng đế cầu chúc cho sẽ tồn tại lâu dài; hoàng đế nhờ đại sứ chuyển lời chúc mừng tới A-bóc-đin cao tuổi và nhờ đại sứ nói với huân tước Giôn Rốt-xen rằng

"điều vô cùng quan trọng là hai chính phủ, - Chính phủ Anh và tôi, tôi và Chính phủ Anh, - phải duy trì được quan hệ tốt nhất, và sự cần thiết đó chưa bao giờ lớn như hiện nay".

Nên nhớ rằng câu đó nói vào tháng Giêng 1853, đúng vào lúc Áo - theo bị vong lục cho là "hoàn toàn đồng ý về nguyên tắc với Nga trên vấn đề Thổ Nhĩ Kỳ" - đang công khai khuấy đảo ở Séc-nô-gô-ri-a.

"Một khi chúng ta đạt được hiệp nghị", - Nga hoàng nói - "còn người khác sẽ nghĩ gì và làm gì thì đều không quan trọng. Thổ Nhĩ Kỳ", - Nga hoàng tiếp tục với giọng nói có vẻ cảm thông giả dối, - "hiện đang ở vào tình trạng rất gay go và có thể gây cho tất cả chúng ta rất nhiều điều phiền phức".

Nói rồi, Nga hoàng thân mật chìa tay cho ngài H. Xây-mua, dường như để từ biệt. Nhưng ngài Ha-min-tôn "nghĩ ngay rằng câu chuyện chưa kết thúc", nên đã lấy "hết can đảm" kính cẩn yêu cầu vị vua chuyên chế "nói tỉ mỉ hơn về vấn đề Thổ Nhĩ Kỳ".

"Lời nói và thái độ của hoàng đế tuy vẫn hết sức thân thiện", - ngài Ha-min-tôn nhận xét, - "đã nói lên rằng đức hoàng thượng không có ý định bàn với tôi về cuộc biểu dương lực lượng mà ngài chuẩn bị tiến hành ở miền nam".

Cần vạch rõ rằng ngay trong báo cáo của mình ngày 7 tháng Giêng 1853, ngài Ha-min-tôn đã báo cho Chính phủ Anh rằng:

"corps d'armée"^{1*} 5 đã nhận được lệnh tiến về biên giới các tỉnh vùng sông Đa-nuyp, còn quân đoàn 4 sẽ nhận được lệnh chuẩn bị sẵn sàng hành quân khi cần".

Trong báo cáo ngày 8 tháng Giêng 1853, ông cho biết rằng Nê-xen-rô-đe đã nói với ông về ý kiến của ông ta về "Sự cần thiết ủng hộ chính sách ngoại giao của Nga bằng việc biểu dương lực lượng". Ngài Ha-min-tôn nói tiếp trong báo cáo của mình:

"Hoàng đế ban đầu nói năng còn giữ gìn, nhưng sau đó đã nói toạc móng heo ra rằng "Thổ Nhĩ Kỳ hiện nay đang ở vào tình trạng hết sức hỗn loạn. Có lẽ, bản thân nước đó đang ở vào đêm trước của sự diệt vong (menace ruine). Sự tan rã của nó sẽ là điều bất hạnh lớn, và điều rất quan trọng là Anh và Nga đi đến nhất trí hoàn toàn về vấn đề ấy và không một nước nào trong hai cường quốc ấy khi có biện pháp quyết định mà lại không thông tri cho nước kia.

Các người hãy xem - hoàng đế thốt lên - một con người ốm, ốm rất nặng đang ở trong tay chúng ta! Ta nói thẳng với các người rằng, nếu như trong một ngày gần đây, anh ta chết đi, nhất là, nếu như việc ấy xảy ra trước khi tiến hành mọi công việc chuẩn bị cần thiết, thì đấy là điều bất hạnh lớn. Nhưng hiện nay chưa phải lúc tôi nói với ngài về việc ấy".

Con gấu đó cho rằng người bệnh sắp chết, *phải* ăn thịt nó đi. Ngài Ha-min-tôn có phần sợ hãi trước sự chẩn đoán "bất ngờ" đó của vị thầy thuốc Mát-xơ-va, đã trả lời với lòng cung kính thực sự:

"Thưa hoàng đế nhân từ, hãy cho phép tôi nói thêm một điều. Hoàng đế bảo rằng đấy là người ốm, điều đó hoàn toàn đúng; nhưng ngài hãy tha thứ cho tôi, nếu như tôi cả gan nói rằng công việc của một người rộng lượng và khỏe mạnh là nên thương lấy con người ốm đau và yếu đuối".

Đại sứ Anh tự an ủi rằng mình đã đồng ý với Nga hoàng về cách nhìn đối với Thổ Nhĩ Kỳ và với những căn bệnh và đã kêu gọi sự rộng lượng đối với người ốm, "ít ra những điều đó cũng không xúc phạm hoàng đế". Ngài Xây-mua đã kết thúc như vậy bản báo cáo về cuộc nói chuyện được giữ kín của mình với Nga hoàng; tuy trong cuộc vis-à-vis^{2*} ấy ông đã tỏ ra là một quan triều đình thực thụ, nhưng ông còn giữ được đủ lý trí để nhắc nhở nội các của mình và nói với họ như sau:

1* - Binh đoàn

2* - Hội kiến

"Bất cứ kiến nghị nào thuộc loại này đều chỉ nhằm đặt ra một sự lựa chọn hóc búa. Theo tôi, sự lựa chọn hóc búa đó là: nếu như chính phủ của nữ hoàng không đi tới thỏa thuận với Nga về biện pháp sẽ tiến hành trong trường hợp Thổ Nhĩ Kỳ đột nhiên bị tan rã, thì chính phủ càng ít lý do để oán trách người khác, nếu như hậu quả bất lợi cho Anh. Trái lại, nếu chính phủ của nữ hoàng tham gia thảo luận về những khả năng ấy, thì chính phủ sẽ trở thành một nhân tố thúc đẩy, trên chừng mực nào đó, cái tai họa ấy trong khi điều mà chính phủ quan tâm nhất lại là ra sức trì hoãn nó càng lâu càng tốt".

Ngài Ha-min-tôn kết thúc bản báo cáo của mình bằng một câu châm ngôn như sau, tựa như một bài thơ trào phúng:

"Kết luận rút ra từ tất cả những điều nói trên xem ra là: đối với Anh, điều mong muốn nhất là thỏa thuận chặt chẽ với Nga nhằm mục đích ngăn ngừa sự tan rã của Thổ Nhĩ Kỳ; đối với Nga, tốt nhất là hiệp nghị ấy đưa tới những sự kiện gây ra sự tan rã ấy".

Như báo cáo của ngài G.H.Xây-mua gửi huân tước G. Rót-xen ngày 22 tháng Giêng 1853 cho biết, ngày 14 tháng Giêng ông ta lại hội đàm bí mật với Nga hoàng, "ông ta được tiếp riêng". Vị vua chuyên chế đã có nhã ý thuyết giáo cho đại sứ Anh một bài về vấn đề phương Đông. Những mong muốn và những kế hoạch của nữ hoàng Ê-ca-tê-ri-na II ông biết rất rõ, nhưng ông không tán thành. Theo ông, thì trái lại, đối với nước Nga có lẽ chỉ tồn tại một nguy cơ là mở rộng thêm nữa những lãnh địa vốn đã quá rộng của nó. (Bạn đọc hẳn còn nhớ rằng, tôi đã nêu lên điều này khi trích dẫn công văn khẩn của bá tước Pốt-xô-đi-Boóc-gô). Statusquo ở Thổ Nhĩ Kỳ đáp ứng lợi ích của Nga hơn tất cả. Một mặt, người Thổ Nhĩ Kỳ đã mất trí tiến thủ về quân sự; mặt khác, "nước này còn đủ sức hoặc *cho tới nay* còn đủ sức để giữ gìn nền độc lập của mình và bảo đảm cho mình được các nước khác tôn trọng". Nhưng ở đế quốc ấy còn cư trú mấy triệu tín đồ Cơ Đốc giáo mà ông phải quan tâm, cho dù nhiệm vụ ấy đôi khi cũng khó khăn và "không thuận lợi" biết nhường nào. Quyền lợi của ông, nghĩa vụ của ông và tôn giáo của ông đồng thời đòi hỏi ông làm như vậy. Sau đó Nga hoàng đột nhiên chuyển sang cái câu ngụ ngôn của mình về người ốm, người ốm nặng mà dù sao đi nữa cũng không được để người đó "đột nhiên chết đi trong tay họ" (de leuréchapper^{1*}). "Sự hỗn loạn, sự lộn xộn và tính tất yếu của cuộc chiến tranh châu Âu sẽ đi kèm cái thảm họa, nếu nó xảy ra bất ngờ *trước khi định ra được một kế hoạch cho tương lai*".

1* - Tuột đi khỏi tay họ

Liên sau sự ám chỉ mới đó về cái chết không tránh khỏi của Đế quốc Ôt-tô-man, Nga hoàng lại yêu cầu Anh - căn cứ vào "sự cam kết có tính chất quy ước" - cùng Nga suy nghĩ về vấn đề gia tài. Nhưng, Nga hoàng giữ tránh để lộ "những kế hoạch" cho tương lai của mình, mà vui lòng dùng ngôn ngữ nghị trường nêu lên điểm chủ yếu cần chú ý trong khi chia cắt:

"Tôi muốn nói với ngài như với người bạn và *người quân tử*. Nếu nước Anh và tôi có thể đi tới thỏa thuận về vấn đề này, thì những vấn đề khác không quan trọng bao nhiêu đối với tôi. Người khác làm gì hoặc nghĩ gì, tôi không cần biết. Vì vậy, tôi muốn nói rất cởi mở với ngài rằng, nếu Anh có ý định sắp tới đây sẽ đặt quyền thống trị của mình ở Công-xtăng-ti-nô-plơ, thì tôi sẽ không cho phép. Tôi không khẳng định rằng các ngài có ý đồ ấy, nhưng trong những trường hợp tương tự thì tốt hơn hết là nói thẳng ra. Về phần mình, tôi cũng sẵn sàng bảo đảm không đặt quyền thống trị ở đó, - đương nhiên là với tư cách kẻ chiếm đóng vĩnh viễn, - còn như đóng vai người bảo hộ tạm thời, thì tôi không từ chối. Nếu như không có sẵn những biện pháp, nếu tất cả đều dựa vào ngẫu nhiên, thì tình thế có thể buộc tôi phải chiếm lấy Công-xtăng-ti-nô-plơ".

Như vậy, Anh bị cấm đặt quyền thống trị của mình ở Công-xtăng-ti-nô-plơ. Còn Nga hoàng sẽ làm điều đó nếu như không phải với tư cách người chiếm đóng vĩnh viễn, thì, ít ra, cũng với tư cách người bảo hộ tạm thời. Đại sứ Anh cảm ơn hoàng đế về sự giải thích thẳng thắn đó. Tiếp đó Ni-cô-lai đã dẫn ra cuộc nói chuyện trước đây với công tước Oen-lin-tôn, một bài tường thuật, hay có thể nói là bản tóm tắt cuộc nói chuyện ấy đã được ghi trong bị vong lục năm 1844. Khi chuyển sang vấn đề cấp bách, nghĩa là nói tới những tham vọng của Nga hoàng đối với đất thánh, đại sứ Anh tỏ ra lo ngại như sau:

"Trường hợp quân Nga xuất hiện có thể dự kiến hai loại hậu quả: hoặc là Pháp có thể tổ chức biểu dương lực lượng chống đối, hoặc - điều này nghiêm trọng hơn - cư dân Cơ Đốc giáo bạo động chống lại chính quyền của vua Thổ Nhĩ Kỳ vốn đã bị suy yếu vì tình trạng hỗn loạn và khủng hoảng tài chính nghiêm trọng. Hoàng đế bảo đảm với tôi rằng quân đội của ngài chưa tiến hành một cuộc vận động nào (n'ont pas bougé); và ngài tỏ ý hy vọng rằng quân đội của ngài không cần tiến hành một cuộc vận động nào. *Về cuộc viễn chinh của Pháp vào các lãnh địa của vua Thổ Nhĩ Kỳ*, thì hoàng đế ám chỉ rằng biện pháp đó sẽ lập tức dẫn tới khủng hoảng; ý thức về danh dự buộc ngài đưa quân đội của mình sang Thổ Nhĩ Kỳ ngay tức khắc và không do dự; nếu như phương thức hành động ấy kéo theo sự tan rã của hoàng đế Thổ Nhĩ Kỳ (le Grand Turc), thì ngài tỏ ý tiếc về hậu quả ấy, nhưng vẫn cho rằng làm như vậy là bắt buộc phải làm".

Như thế là Nga hoàng hiện nay đưa ra một vấn đề mà Anh phải nghiên cứu: Anh phải định ra "kế hoạch cho tương lai" để tiêu diệt Đế quốc Ôt-tô-man "và phải đi tới một hiệp nghị sơ bộ về vấn đề trật tự mới cần thay thế cho trật tự hiện hành". Nga hoàng khích lệ cậu học trò của mình rằng nếu giải đáp tốt vấn đề ấy thì sẽ được khen thưởng, và còn khuyên bảo như một người cha:

"Nếu như có thể lấp chỗ trống do sự tiêu vong của nền thống trị của đạo Ma-hô-mét tạo ra ở châu Âu, mà không phá hoại nền hòa bình chung, - tức là bằng biện pháp ngăn ngừa của hai chính phủ chủ yếu quan tâm nhất đến vận mệnh của Thổ Nhĩ Kỳ, - thì đấy sẽ là thắng lợi vĩ đại của nền văn minh thế kỷ XIX".

Sau lời kêu gọi đó của Nga hoàng đối với Anh, huân tước Rót-xen đã ra sân khấu và trả lời bằng một văn kiện mật và được giữ kín ngày 9 tháng Hai 1853. Nếu như huân tước Giôn hiểu đầy đủ kế hoạch thâm hiểm của Nga hoàng - đặt Anh vào tình thế bị hiểu nhầm do chỗ Anh tham gia mật đàm về sự chia cắt sau này đối với nước đồng minh, - thì ông ta cũng sẽ hành động như Nga hoàng, chỉ trả lời miệng nam tước Brun-nốp, chứ không gửi công hàm chính thức của chính phủ cho Xanh-Pê-téc-bua. Trước khi các văn kiện mật được đưa ra nghị viện, tờ "Times" đã gọi văn kiện của huân tước Giôn là "sự bác bỏ" mạnh mẽ và "phần nộ" đối với kiến nghị của Nga hoàng. Trong số báo ra hôm qua, tờ "Times" đã rút lại những lời ca tụng huân tước Rót-xen và tuyên bố rằng "văn kiện không đáng được ca ngợi, một sự ca ngợi do tin tức không chính xác gây ra". Huân tước Giôn đã gây ra sự tức giận của tờ "Times" là do lời tuyên bố của ông tại phiên họp hạ nghị viện vào thứ sáu vừa rồi có nói rằng ông không có thói quen cung cấp tin tức cho tờ báo ấy và rằng cái bài báo ám chỉ đến thư trả lời của ông gửi ngài G.H. Xây-mua, thì mãi ba ngày sau khi nó xuất hiện ông mới đọc tới.

Ai đã biết rõ cái giọng điệu hạ mình và xu nịnh mà tất cả các vị bộ trưởng Anh - thậm chí kể cả Ca-ninh - dùng để nói chuyện với nước Nga từ sau năm 1814, thì đều sẽ phải nhận định rằng văn kiện của huân tước Giôn có thể được coi là hành động anh hùng của tên quỷ lùn choắt đó.

Vì rằng văn kiện đó là một khoản cống hiến xuất sắc cho lịch sử và có thể minh họa cho quá trình đàm phán, cho nên chắc bạn đọc của quý báo cũng không chê, nếu như tôi cho đăng in extenso^{1*}.

1* - Toàn bộ

HUÂN TƯỚC GIÔN RỐT-XEN GỬI NGÀI G.H.XÂY-MUA

(bí mật và được giữ kín)

Bộ ngoại giao, ngày 9 tháng Hai 1853

Thưa ngài!

Tôi đã nhận được và đệ trình lên nữ hoàng bản báo cáo bí mật và được giữ kín của quý ngài đề ngày 22 tháng Giêng. Cũng như trước đây, đức nữ hoàng hài lòng thấy trong đó sự hòa nhã, cởi mở và thiện cảm hữu nghị của đức hoàng đế. Nữ hoàng ra lệnh cho tôi đáp lại vấn đề được thảo luận cũng với tinh thần hòa nhã, thành thực và hữu nghị như thế. Vấn đề mà đức hoàng đế nêu ra rất quan trọng. Về sự tan rã có khả năng xảy ra, thậm chí sắp sửa xảy ra, của Đế quốc Thổ Nhĩ Kỳ, thì vấn đề đặt ra là: nếu như tai họa xảy ra bất ngờ và sớm hơn việc định ra kế hoạch cho tương lai, đồng thời kèm theo tai họa là sự hỗn loạn, sự lộn xộn và cuộc chiến tranh châu Âu không sao tránh khỏi, thì có sẵn một số biện pháp cho tình hình đó chẳng tốt hơn sao. "Đấy là điều - hoàng đế nói - mà tôi hy vọng ngài lưu ý chính phủ ngài". Khi nghiên cứu vấn đề quan trọng ấy, chính phủ của nữ hoàng trước hết dựa vào những lý lẽ sau: chưa hề xảy ra cuộc khủng hoảng thực tế nào buộc chúng ta phải giải quyết vấn đề châu Âu rộng lớn đó. Cuộc tranh luận về đất thánh đã nổ ra; nhưng cuộc tranh luận này ở ngoài phạm vi quản lý nội bộ của Thổ Nhĩ Kỳ và liên quan đến Nga và Pháp hơn là chính phủ Thổ Nhĩ Kỳ tối cao. Có những sự bất hòa trong quan hệ giữa Áo và chính phủ Thổ Nhĩ Kỳ do cuộc tấn công của quân Thổ Nhĩ Kỳ vào Séc-nô-gô-ri-a gây ra; nhưng điều đó liên quan đến những nguy cơ đe dọa biên giới Áo hơn là đe dọa chính quyền và sự an toàn của vua Thổ Nhĩ Kỳ; như thế là không có đủ căn cứ để tuyên bố với vua Thổ Nhĩ Kỳ rằng vua Thổ Nhĩ Kỳ không đủ sức giữ gìn trật tự trong nước hoặc duy trì quan hệ hữu nghị với các nước lân cận. Hơn nữa, chính phủ của Nữ hoàng phải chỉ ra rằng không thể khẳng định khi nào thì sự kiện ấy sẽ xảy ra. Khi Vin-hem III và Lu-i XIV ký hiệp ước về chế độ thừa sau khi Sác-lơ II của Tây Ban Nha mất, các vị vua ấy đã có những biện pháp đối với sự kiện không thể kéo dài. Bệnh tình của vua Tây Ban Nha và sự kết thúc tất yếu của cuộc sống của bất cứ ai làm cho sự kiện dự kiến hiển nhiên là sẽ đến và đang đến gần. Cái chết của vua Tây Ban Nha không hề vi hiệp ước chia cắt Tây Ban Nha mà đến sớm hơn. Người ta cũng có thể nói như vậy về hiệp định ký kết thế kỷ trước quyết định số phận của Tô-xe-nơ sau cái chết của ông vua cuối cùng của dòng họ Mê-di-si. Nhưng khả năng tan rã của Đế quốc Ôt-tô-man lại hoàn toàn khác. Sự tan rã đã có thể xảy ra sau đây 20, 50 hoặc 100 năm. *Trong tình hình đó, sự phân chia sẵn lãnh thổ thuộc quyền thống trị của vua Thổ Nhĩ Kỳ vị tất đã phù hợp với tình hữu nghị đối với vua Thổ Nhĩ Kỳ đang có vũ hoàng đế Nga không kém gì nữ hoàng Anh.* Ngoài lý lẽ trên, cần chỉ rõ rằng việc ký kết hiệp nghị trong tình hình đó nhất thiết sẽ đẩy nhanh sự tập hợp của những tình huống mà nó nhằm vào. Giữ không cho Áo và Pháp biết về hiệp nghị này là không công bằng, mà sự che giấu ấy không phù hợp với nhiệm vụ là ngăn ngừa chiến tranh châu Âu. Thực ra thì sự giấu diếm ấy không thể nằm trong ý định của nữ hoàng. Cần nhận thấy rằng miễn là Anh và Nga đi tới hiệp định về phương thức hành động thích đáng và muốn làm cho nó có hiệu lực, thì hai nước sẽ thông báo ý định của mình cho các nước lớn châu Âu. Hiệp nghị ký kết và thông tri như vậy không thể giữ bí mật được lâu dài; tin tức về sự tồn tại của hiệp nghị ấy làm cho vua Thổ Nhĩ Kỳ không yên tâm và không hài lòng, sẽ

kích động tất cả mọi kẻ thù của vua Thổ Nhĩ Kỳ tăng cường hoạt động bạo lực và đấu tranh ngoan cường hơn. Họ chiến đấu với niềm tin tưởng rằng rút cục họ phải thắng lợi, trong khi đó tướng lĩnh và quân đội của vua Thổ Nhĩ Kỳ cảm thấy rằng mọi thắng lợi tạm thời đều không thể cứu vãn sự nghiệp của họ khỏi sự sụp đổ cuối cùng. Cái tình trạng vô chính phủ mà hiện nay người ta lo sợ đã được tạo thành và ngày một nghiêm trọng như vậy đấy, còn dự kiến của bạn bè của người bệnh sẽ trở thành nguyên nhân của cái chết của người bệnh. E rằng chính phủ của nữ hoàng không cần trình bày nhiều hơn về mối nguy mà việc thi hành bất kỳ một hiệp nghị nào thuộc loại này đem lại. Thí dụ về "cuộc chiến tranh giành quyền thừa kế ngôi vua" chứng minh đầy đủ rằng những hiệp nghị như thế chẳng được tôn trọng khi mà sức cám dỗ mạnh mẽ thúc giục người ta phá hoại nó. Địa vị của hoàng đế Nga với tư cách là người bảo hộ tạm thời, chứ không phải là người chiếm lĩnh vĩnh viễn Công-xtăng-ti-nô-plơ chứa chất đủ mọi nguy hiểm có thể có sinh ra từ những tham vọng lâu đời của nhân dân nước Nga, cũng như từ cuộc cạnh tranh của các nước châu Âu. Dù người chiếm lĩnh cuối cùng là ai chăng nữa, e rằng cũng không vừa lòng sự lừa nhác và tinh thần sa sút của những người thừa kế Mếch-khơ-mét II. Người chiếm lĩnh Công-xtăng-ti-nô-plơ không chế của ngõ Địa Trung Hải và Hắc Hải, lẽ tự nhiên là có ảnh hưởng lớn đến các sự việc ở châu Âu. Ảnh hưởng ấy có thể được sử dụng vì lợi ích của Nga, nhưng cũng có thể được dùng để khống chế và hạn chế thực lực của Nga. Hoàng đế nói rất chính xác và sáng suốt rằng: "Đất nước của tôi rộng lớn như thế và ở vào hoàn cảnh mỹ mãn về mọi mặt như vậy mà về phần mình nếu tôi lại còn muốn lãnh thổ rộng hơn và thực lực lớn hơn là tôi hiện có, thì thật là ngu xuẩn. Trái lại, - ngài nói tiếp, - mối nguy lớn và, có lẽ, duy nhất đối với tôi là mở rộng thêm nữa bản đồ đế quốc vốn đã rất lớn rồi. Nhưng một quốc gia hùng mạnh và hiếu danh thay thế chính phủ Thổ Nhĩ Kỳ tối cao có thể làm cho - về phía nước Nga - chiến tranh trở thành cần thiết đối với hoàng đế hoặc những người nối ngôi ngài". Chính các thủ đoạn đưa ra để ngăn ngừa chiến tranh châu Âu lại có thể gây ra cuộc chiến tranh này, vì rằng cả Anh lẫn Pháp, có thể là cả Áo, không thể chấp nhận việc Công-xtăng-ti-nô-plơ vĩnh viễn nằm trong tay Nga. Về phần Anh, thì chính phủ của nữ hoàng tuyên bố dứt khoát rằng chính phủ Anh không hề có ý định hoặc mong muốn chiếm lĩnh Công-xtăng-ti-nô-plơ. Hoàng đế Nga có thể hoàn toàn tin vào điều đó. Chính phủ cũng sẵn sàng bảo đảm rằng nếu không thương lượng trước với hoàng đế Nga, thì sẽ không ký kết một hiệp nghị nào về những biện pháp cần có khi Thổ Nhĩ Kỳ bị tan rã. Như vậy, nhìn chung chính phủ của nữ hoàng hoàn toàn tin tưởng rằng không thể có chính sách nào sáng suốt, vô tư và có lợi cho châu Âu hơn là chính sách mà hoàng đế Nga theo đuổi từ lâu và nó làm cho tên tuổi của ngài lừng lẫy hơn cả tên tuổi của những ông vua hiển hách nhất đi tìm sự bất tử trong các cuộc xâm lăng bất chính và trong cái vinh dự chốc lát. Để cho chính sách ấy thắng lợi, tốt hơn hết là đối xử với Thổ Nhĩ Kỳ bằng sự tự kiềm chế lớn nhất; tốt hơn hết là làm cho mọi yêu sách mà các đại cường quốc châu Âu có thể đặt ra với Thổ Nhĩ Kỳ, trở thành đối tượng của đàm phán hữu nghị hơn là những yêu sách vô điều kiện; hết sức tránh biểu dương lực lượng hải lục quân chống vua Thổ Nhĩ Kỳ; những ý kiến bất đồng về những vấn đề có liên quan đến Thổ Nhĩ Kỳ và thuộc thẩm quyền của Chính phủ Thổ Nhĩ Kỳ tối cao thì phải giải quyết theo hiệp nghị giữa các đại cường quốc, chứ không được cưỡng bách Chính phủ Thổ Nhĩ Kỳ nhỏ yếu phải tiếp nhận. Thêm vào những sự phòng ngừa đó, chính phủ của nữ hoàng còn muốn bổ sung một điểm mà mình cho là hết sức quan trọng - khuyên vua Thổ Nhĩ Kỳ đối xử với các thần dân theo Cơ

Đức giáo nước mình phù hợp với những nguyên tắc công bằng và tự do tín ngưỡng mà các dân tộc văn minh ở châu Âu thực hiện ở khắp mọi nơi. Chính phủ Thổ Nhĩ Kỳ càng thi hành pháp luật bình đẳng và quản lý công bằng, thì hoàng đế Nga càng không cho rằng cần phải thi hành trên thực tế quyền bảo hộ đặc biệt mà ngài cho rằng rất phiền phức và bất tiện, tuy rằng, không nghi ngờ gì quyền lợi ấy là nghĩa vụ phải gánh vác và do hiệp ước quy định cho ngài. Quý ngài có thể đọc văn kiện này cho bá tước Nê-xen-rô-đe và thậm chí, nếu thấy thỏa đáng, thì hãy trao bản sao cho chính hoàng đế. Trong trường hợp này, khi trao bản sao, quý ngài phải bảo đảm với hoàng đế tình hữu nghị và lòng tin tưởng của nữ hoàng đối với hoàng đế, tình hữu nghị và lòng tin tưởng xứng đáng với phương thức hành động của hoàng đế nêu ra.

Xin gửi quý ngài lời chào kính trọng

Gi.Rót-xen

Tôi buộc lòng phải kết thúc sự trình bày của tôi trong bài sau^{1*}. Trước khi chấm dứt bài này, tôi muốn báo cho các bạn một tài liệu mới nhất mà tôi nhận được từ một nguồn mà đông đảo công chúng không kiếm được, coi như là sự bổ sung về lập trường và các kế hoạch của Phổ mà tôi đã nói trước đây.

Khi cuộc xung đột giữa một bên là Nga với một bên là khối đồng minh Anh - Pháp đã đạt tới đỉnh cao nhất nào đó, hoàng đế Ni-cô-lai đã gửi cho em trai vợ^{2*} ở Béc-lin một bức thư chính tay hoàng đế viết. Trong thư này hoàng đế nói rằng tuy Pháp và Anh có thể gây cho ông ít nhiều thiệt hại trên biển, nhưng trên bộ thì ông không sợ họ, vì rằng đến cuối tháng tư ông có thể chuẩn bị ra quân 600000 người. Trong số quân này, ông chuẩn bị giao 200000 cho Phri-đrich Vin-hem nắm giữ, nếu như Phri-đrich Vin-hem đồng ý sẽ tiến quân về Pa-ri và lật đổ Lu-i Na-pô-lê-ông. Vị vua ngu xuẩn sốt sắng với kế hoạch này đến mức *Man-toi-phen* đã phí ba ngày trời để khuyên vua không chấp nhận đề nghị ấy. Đây là về phần nhà vua.

Còn về bản thân ngài *Phôn Man-toi-phen*, một "vĩ nhân" mà giai cấp tư sản Phổ lấy làm tự hào ấy, thì toàn bộ cái con người ấy sẽ hiện ra trước mắt chúng ta rõ ràng như lòng bàn tay, khi chúng ta đọc các chỉ thị mật mà ông ta gửi cho Bun-đen, đại sứ Phổ ở Luân Đôn đúng vào lúc nhận được bức thư nói trên của Nga và đã rơi vào tay tôi, tuy nhiên bằng

1* Xem tập này, tr. 167 - 183.

2* - Phri-đrich Vin-hem IV

con đường hoàn toàn khác hẳn với con đường mà thư riêng của tôi rơi vào tay ông Bun-đen¹⁰². Nội dung của các chỉ thị đó với bút pháp lập lò vô sỉ đã phơi bày bộ mặt thật của một tên vừa là một sách vừa là hạ sĩ quan ấy, đại khái như sau:

"Phải xem cho kỹ, gió thổi theo chiều nào. Nếu như ngài thấy rằng Anh liên minh chặt chẽ thực sự với Pháp và quyết tâm tiến hành chiến tranh, thì ngài phải giữ vững "sự toàn vẹn và nền độc lập" của Thổ Nhĩ Kỳ. Nếu như ngài thấy Anh dao động trong chính sách của mình và không có ý định tiến hành chiến tranh, thì bấy giờ ngài phải dừng cầm lao vào cuộc tranh cãi vì danh dự và sự tôn nghiêm của quốc vương, tức đức vua của tôi và của ngài".

Đấy, ông vua chuyên chế Nga lại không đúng hay sao khi coi Phổ chỉ là một đại lượng bé nhỏ?

*Do C.Mác viết ngày 21 tháng Ba 1854
Đã đăng trên tờ "New-York Daily
Tribune" số 4049, ngày 5 tháng Tư 1854
Ký tên: Các Mác*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Anh*

C.MÁC

THƯ TÍN NGOẠI GIAO BÍ MẬT

Luân Đôn, thứ sáu, ngày 24 tháng Ba 1854

Nếu như nhìn chung có thể coi văn kiện của huân tước Giôn Rốt-xen^{1*} là sự cự tuyệt lịch sự lời đề nghị của Nga hoàng về việc ký kết một hiệp nghị sơ bộ về sự chia cắt Thổ Nhĩ Kỳ có thể xảy ra, thì nó vẫn có những chỗ hết sức lạ lùng mà tôi muốn lưu ý bạn đọc của quý báo. Huân tước Giôn viết:

"Không có đủ căn cứ để tuyên bố với vua Thổ Nhĩ Kỳ rằng vua Thổ Nhĩ Kỳ không đủ sức giữ gìn trật tự trong nước hoặc duy trì quan hệ hữu nghị với các nước láng giềng".

Nhưng trong các báo cáo mật của ngài H. Xây-mua, chúng tôi không thấy chỗ nào nói rằng Nga hoàng đề nghị tuyên bố với vua Thổ Nhĩ Kỳ như thế. Do đó chúng ta phải giả định rằng, hoặc huân tước Rốt-xen giả vờ phản đối biện pháp đó, nhưng thực tế chính mình lại muốn gợi ý người khác làm, hoặc một số trong những báo cáo mật của ngài Ha-min-tơn bị rút khỏi các văn kiện đệ trình nghị viện. Điều làm cho người ta nghi ngờ hơn nữa là chỉ 16 ngày sau, vào ngày 25 tháng Hai 1853, khi nhận chức bộ trưởng Bộ ngoại giao, huân tước Cla-ren-đôn đã đưa ra những chỉ thị sau đây cho huân tước Xơ-rát-phơ đơ Rét-clíp-phơ:

"Thưa quý ngài, ngài hãy thành thực và thẳng thắn - là điều thích hợp với thái độ thận trọng và phẩm giá của vua Thổ Nhĩ Kỳ - với vua Thổ Nhĩ Kỳ về những nguyên nhân khiến chính phủ của nữ hoàng lo lắng rằng hiện nay Đế quốc Ôt-tô-man phải chẳng đang lâm vào tình cảnh đặc biệt nguy hiểm. Những yêu sách ngày một tăng của nước ngoài mà Chính phủ Thổ Nhĩ Kỳ không thể hoặc không chịu thỏa mãn, tình hình nội trị tệ hại và sự bất lực ngày một tăng lên của cơ quan hành pháp ở Thổ Nhĩ Kỳ đã khiến cho các nước đồng minh của Thổ Nhĩ Kỳ trong thời gian gần đây đã dỗi giọng và làm cho người ta không yên tâm. Nếu như tình hình ấy còn tiếp diễn, nó có thể dẫn tới cuộc bạo động rộng khắp của các thần dân theo đạo Cơ Đốc của chính phủ Thổ Nhĩ Kỳ và trở thành vô cùng nguy hại đối với nền độc lập và sự toàn vẹn của đế chế - tai họa mà chính phủ của nữ hoàng rất lấy làm tiếc, nhưng chính phủ cho rằng mình có nghĩa vụ thông báo cho Chính phủ Thổ Nhĩ Kỳ, còn như một số đại cường quốc châu Âu thì lại cho rằng tai họa đó có thể

1* Xem tập này, tr. 162 - 166

con đường hoàn toàn khác hẳn với con đường mà thư riêng của tôi rơi vào tay ông Bun-đen¹⁰². Nội dung của các chỉ thị đó với bút pháp lập lò vô sỉ đã phơi bày bộ mặt thật của một tên vừa là một sách vừa là hạ sĩ quan ấy, đại khái như sau:

"Phải xem cho kỹ, gió thổi theo chiều nào. Nếu như ngài thấy rằng Anh liên minh chặt chẽ thực sự với Pháp và quyết tâm tiến hành chiến tranh, thì ngài phải giữ vững "sự toàn vẹn và nền độc lập" của Thổ Nhĩ Kỳ. Nếu như ngài thấy Anh dao động trong chính sách của mình và không có ý định tiến hành chiến tranh, thì bấy giờ ngài phải dừng cầm lao vào cuộc tranh cãi vì danh dự và sự tôn nghiêm của quốc vương, tức đức vua của tôi và của ngài".

Đấy, ông vua chuyên chế Nga lại không đúng hay sao khi coi Phổ chỉ là một đại lượng bé nhỏ?

*Do C.Mác viết ngày 21 tháng Ba 1854
Đã đăng trên tờ "New-York Daily
Tribune" số 4049, ngày 5 tháng Tư 1854
Ký tên: Các Mác*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Anh*

C.MÁC

THƯ TÍN NGOẠI GIAO BÍ MẬT

Luân Đôn, thứ sáu, ngày 24 tháng Ba 1854

Nếu như nhìn chung có thể coi văn kiện của huân tước Giôn Rốt-xen^{1*} là sự cự tuyệt lịch sự lời đề nghị của Nga hoàng về việc ký kết một hiệp nghị sơ bộ về sự chia cắt Thổ Nhĩ Kỳ có thể xảy ra, thì nó vẫn có những chỗ hết sức lạ lùng mà tôi muốn lưu ý bạn đọc của quý báo. Huân tước Giôn viết:

"Không có đủ căn cứ để tuyên bố với vua Thổ Nhĩ Kỳ rằng vua Thổ Nhĩ Kỳ không đủ sức giữ gìn trật tự trong nước hoặc duy trì quan hệ hữu nghị với các nước láng giềng".

Nhưng trong các báo cáo mật của ngài H. Xây-mua, chúng tôi không thấy chỗ nào nói rằng Nga hoàng đề nghị tuyên bố với vua Thổ Nhĩ Kỳ như thế. Do đó chúng ta phải giả định rằng, hoặc huân tước Rốt-xen giả vờ phản đối biện pháp đó, nhưng thực tế chính mình lại muốn gợi ý người khác làm, hoặc một số trong những báo cáo mật của ngài Ha-min-tơn bị rút khỏi các văn kiện đệ trình nghị viện. Điều làm cho người ta nghi ngờ hơn nữa là chỉ 16 ngày sau, vào ngày 25 tháng Hai 1853, khi nhận chức bộ trưởng Bộ ngoại giao, huân tước Cla-ren-đôn đã đưa ra những chỉ thị sau đây cho huân tước Xơ-rát-phơ đơ Rét-clíp-phơ:

"Thưa quý ngài, ngài hãy thành thực và thẳng thắn - là điều thích hợp với thái độ thận trọng và phẩm giá của vua Thổ Nhĩ Kỳ - với vua Thổ Nhĩ Kỳ về những nguyên nhân khiến chính phủ của nữ hoàng lo lắng rằng hiện nay Đế quốc Ôt-tô-man phải chẳng đang lâm vào tình cảnh đặc biệt nguy hiểm. Những yêu sách ngày một tăng của nước ngoài mà Chính phủ Thổ Nhĩ Kỳ không thể hoặc không chịu thỏa mãn, tình hình nội trị tệ hại và sự bất lực ngày một tăng lên của cơ quan hành pháp ở Thổ Nhĩ Kỳ đã khiến cho các nước đồng minh của Thổ Nhĩ Kỳ trong thời gian gần đây đã dỗi giọng và làm cho người ta không yên tâm. Nếu như tình hình ấy còn tiếp diễn, nó có thể dẫn tới cuộc bạo động rộng khắp của các thần dân theo đạo Cơ Đốc của chính phủ Thổ Nhĩ Kỳ và trở thành vô cùng nguy hại đối với nền độc lập và sự toàn vẹn của đế chế - tai họa mà chính phủ của nữ hoàng rất lấy làm tiếc, nhưng chính phủ cho rằng mình có nghĩa vụ thông báo cho Chính phủ Thổ Nhĩ Kỳ, còn như một số đại cường quốc châu Âu thì lại cho rằng tai họa đó có thể

1* Xem tập này, tr. 162 - 166

xảy ra và sắp tới nơi rồi". (Xem Sách xanh về các quyền lợi và đặc quyền của giáo hội Chính thống và giáo hội thiên chúa giáo, t.I, tr. 31, 32.)

Nhưng chẳng lẽ đây không phải là Anh đã "*tuyên bố*" rành rọt với vua Thổ Nhĩ Kỳ rằng "vua Thổ Nhĩ Kỳ không đủ sức giữ gìn trật tự trong nước hoặc duy trì quan hệ hữu nghị với các nước láng giềng" hay sao? Nga hoàng đã tuyên bố thẳng thừng với ngài Ha-min-tơn rằng ông ta *không cho phép* Anh đặt nền thống trị ở Công-xtăng-ti-nô-pơ, nhưng bản thân ông ta lại dự định đặt nền thống trị của mình ở đây, nếu không phải với tư cách *người chiếm lĩnh vĩnh viễn*, thì chí ít cũng với tư cách người bảo hộ tạm thời. Huân tước Giôn đã trả lời như thế nào đối với lời tuyên bố càn rỡ ấy? Nhân danh nước Anh, ông ta phủ nhận "mọi dự định hoặc ý muốn chiếm lĩnh Công-xtăng-ti-nô-pơ". Ông không yêu cầu Nga hoàng sự bảo đảm đó.

"Địa vị của hoàng đế Nga", - Rốt-xen nói, - "với tư cách người bảo hộ tạm thời, chứ không phải người chiếm lĩnh vĩnh viễn Công-xtăng-ti-nô-pơ chứa chất đủ mọi nguy cơ có thể phát sinh từ những tham vọng lâu đời của dân tộc Nga, cũng như từ cuộc cạnh tranh của các nước châu Âu".

Cuộc cạnh tranh của các nước châu Âu, chứ không phải sự phản đối của Anh! Còn đối với Anh, thì Anh không cho phép như thế, - song, huân tước Giôn Rốt-xen không dám nói với Nga bằng cái giọng mà Nga nói với Anh, - Anh "*không hài lòng*, nếu như Công-xtăng-ti-nô-pơ *vĩnh viễn* nằm trong tay Nga". Như thế là Anh sẽ không hài lòng, nếu như Công-xtăng-ti-nô-pơ *tạm thời* nằm trong tay Nga. Nói cách khác, Anh hoàn toàn đồng ý với đề nghị mà chính Nga hoàng đưa ra. Anh không cho phép làm cái điều mà bản thân Nga hoàng cự tuyệt, nhưng Anh sẵn sàng dung thứ cái điều mà Nga hoàng định làm.

Không "hài lòng" về việc đưa Nga hoàng trở lại Công-xtăng-ti-nô-pơ làm người bảo hộ theo dự tính, huân tước Giôn Rốt-xen nhân danh Chính phủ Anh tuyên bố rằng "nếu không thương lượng *trước* với Nga thì chính phủ sẽ không ký kết hiệp nghị nào về những biện pháp cần có khi Thổ Nhĩ Kỳ bị tan rã". Nói cách khác, tuy Nga hoàng đã tuyên bố với Ngài H. Xây-mua rằng ông ta *đã* ký hiệp nghị với Áo, mà không thông báo trước việc này cho Anh, thì về phần mình, Anh vẫn cam kết thương lượng với Nga trước khi ký kết hiệp nghị với Pháp.

"Tóm lại", - huân tước Giôn nói, - "không thể có một chính sách nào sáng suốt, vô tư và có lợi cho châu Âu hơn là chính sách mà hoàng đế Nga đã theo đuổi từ lâu".

Đức hoàng đế Cô-dắc đã thi hành một cách hoàn toàn nhất quán chính cái chính sách mà ông ta đã công bố ngay từ khi lên ngôi và hiện nay huân tước Giôn, người thuộc phái tự do, tuyên bố đó là chính sách hết sức vô tư, hết sức có lợi cho châu Âu.

Điểm tranh luận rõ rệt và chủ yếu trong cuộc tranh chấp hiện nay ở phương Đông là những tham vọng của Nga về quyền bảo hộ tôn giáo đối với các tín đồ Cơ Đốc giáo chính thống trong Đế quốc Ôt-tô-man. Nga hoàng tuyệt nhiên không giấu diếm những tham vọng của mình, đã nói thẳng với ngài Ha-min-tơn rằng "quyền bảo hộ mấy triệu tín đồ Cơ Đốc giáo ấy là do hiệp ước quy định thuộc về ông ta", rằng ông ta "thực hiện quyền hạn của mình một cách ôn hòa và thận trọng", rằng nó "có khi làm cho ông ta phải gánh vác những nghĩa vụ rất bất tiện". Phải chăng huân tước Giôn đã làm cho Nga hoàng hiểu rằng không hề có hiệp ước ấy và Nga hoàng không có cái quyền ấy, rằng Nga hoàng không còn có quyền can thiệp vào công việc của các thần dân theo đạo Chính thống ở Thổ Nhĩ Kỳ, cũng như Anh không có quyền can thiệp vào công việc của những thần dân theo đạo Tin lành ở Nga, hoặc Pháp không có quyền can thiệp vào công việc của người Ai-rơ-len ở Anh? Ta hãy nhường lời cho chính Rốt-xen:

"Chính phủ của nữ hoàng còn muốn bổ sung một điểm mà chính phủ cho là hết sức quan trọng - khuyến vua Thổ Nhĩ Kỳ đối xử với các thần dân theo đạo Cơ Đốc nước mình tuân theo những nguyên tắc công bằng và tự do tín ngưỡng... Chính phủ Thổ Nhĩ Kỳ càng thi hành pháp luật bình đẳng và quản lý công bằng, thì hoàng đế Nga càng không cho rằng cần phải thi hành trên thực tế *quyền bảo hộ đặc biệt* mà ngài cho là rất phiền phức và bất tiện, tuy rằng, không nghi ngờ gì quyền lợi ấy là *nghĩa vụ phải gánh vác và do hiệp ước quy định cho ngài*".

"*Quyền bảo hộ đặc biệt*" của Nga đối với các thần dân của Thổ Nhĩ Kỳ do *hiệp ước quy định*! Về điều này thì *hoàn toàn không còn nghi ngờ gì nữa*, - huân tước Giôn nói: mà huân tước Giôn là người trung thực; và huân tước Giôn nhân danh chính phủ của nữ hoàng nói lên điều đó, và huân tước Giôn nói với chính vị vua chuyên chế. Giữa Anh và Nga còn sự tranh chấp gì nữa? Tại sao tăng thuế thu nhập lên gấp đôi, tại sao làm cho toàn thể giới phải lo âu bởi sự chuẩn bị chiến tranh của mình? Làm thế nào mà cách đây mấy tuần huân tước Giôn có thể phát biểu tại nghị viện theo tinh thần Ca-xăng-đơ, nhấn nhó và kiêu căng tung ra những lời nguyên rửa công khai om sòm đối với Nga hoàng bội tín và quỷ quyệt? Chẳng lẽ không phải ông ta đã nói với hoàng đế rằng những tham vọng

của hoàng đế về "quyền bảo hộ đặc biệt" "là nghĩa vụ phải gánh vác và do hiệp ước quy định" hay sao?

Nội các liên hiệp có thể oán trách không phải sự che giấu hoặc sự thận trọng quá mức của Nga hoàng, mà trái lại, đúng ra là sự thành thực vô liêm sỉ mà nó đã dốc bầu tâm sự trước các vị bộ trưởng và biến họ thành những kẻ đại biểu cho các kế hoạch kín đáo nhất của chính nó, biến nội các phố Dao-ninh thành văn phòng của đức hoàng thượng ở đại lộ Nép-xki. Có một người nào đó đã thổ lộ với anh về ý định của hấn giết bạn anh. Hấn đề nghị với anh thỏa thuận trước với hấn về việc chia của cướp được. Nếu người đó là hoàng đế Nga, còn anh là bộ trưởng Anh, thì anh không đưa hấn lên ghế bị cáo, mà lại còn xun xoe cảm tạ sự tín nhiệm cao cả của hấn đối với anh và giống như huân tước Giôn Rót-xen cho rằng mình rất hạnh phúc đã được thấy "sự ôn tồn, sự cởi mở và sự thiện cảm hữu hảo của hấn".

Nhưng chúng ta hãy trở lại với Xanh-Pê-téc-bua.

Tối ngày 20 tháng Hai, - vậy là, chỉ một tuần sau khi hầu tước Men-si-cốp đến Công-xtăng-ti-nô-plơ, - trong soirée^{1*} của nữ đại hầu tước, vợ của hoàng thái tử, vị vua chuyên chế đến bên ngài Ha-min-tơn Xây-mua, và giữa hai "bậc quân tử" nói chuyện với nhau như sau:

Nga hoàng: "Thế nào, ngài đã nhận được trả lời và ngày mai phải đưa cho chúng tôi".

Ngài Ha-min-tơn: "Chúng tôi lấy làm hân hạnh làm việc đó, nhưng bệ hạ đã rõ, nội dung của thư trả lời hoàn toàn nhất trí với điều mà chúng tôi đã lưu ý bệ hạ".

Nga hoàng: "Chúng tôi lấy làm tiếc khi nghe thấy điều đó, nhưng chúng tôi cảm thấy chính phủ ngài hiểu không đúng ý định của chúng ta. Chúng ta không quan tâm đến điều cần làm khi người ốm sắp chết, mà là muốn thương lượng với Anh về điều gì không nên làm trong tình hình đó".

Ngài Ha-min-tơn: "Nhưng, tâu hoàng thượng, cho phép chúng tôi nhận định rằng chúng ta không có căn cứ gì để cho rằng người ốm sắp chết... Các quốc gia không tàn lụi đi một cách vội vã như vậy. Thổ Nhĩ Kỳ sẽ tồn tại nhiều năm nữa, nếu như không xảy ra khủng hoảng bất ngờ. Tâu hoàng thượng, chính là để ngăn ngừa mọi tình huống có thể gây ra cuộc khủng hoảng đó, mà chính phủ của nữ hoàng trông mong ở sự giúp sức cao cả của hoàng thượng".

Nga hoàng: "Cần nói để ngài rõ rằng nếu như chính phủ của các ngài buộc phải tin rằng Thổ Nhĩ Kỳ vẫn còn duy trì được những nhân tố duy sức sống nào đó, thì có lẽ chính phủ các ngài đã nhận được những tin tức không chính xác. Chúng tôi nhắc lại với ngài rằng "người ốm" sắp chết. Dù sao thì chúng ta cũng không nên để cho sự kiện ấy làm cho chúng ta trở tay không kịp. Chúng

1* - buổi dạ hội

ta cần đi tới một hiệp nghị nào đó... Và, xin chú ý là chúng tôi không yêu cầu một hiệp ước, một nghị định thư. *Một hiệp nghị về đại thể* - chúng tôi không yêu cầu nhiều hơn; *giữa những người quân tử với nhau*, điều đó đủ rồi. Nhưng hôm nay không bàn thêm nữa. Ngày mai ngài đến chỗ chúng tôi".

Ngài Ha-min-tơn "thành tâm cảm ơn hoàng đế", nhưng vừa rời phòng khách của hoàng cung và về đến nhà thì trong đầu ông ta thoáng nảy ra mối hoài nghi. Ông ta liền ngồi vào bàn giấy, viết báo cáo về cuộc nói chuyện để gửi cho huân tước Giôn và kết thúc bức thư của mình bằng những ý kiến đáng chú ý sau đây ghi ở ngoài lề:

"Vị tất có thể nghi ngờ gì nữa, hoàng đế *kiên trì nói như vậy về sự sụp đổ sắp tới của nước láng giềng*, là trong đầu óc ngài đã *xác định* rằng nếu không phải là giờ phút tan rã thì dầu sao cũng là giờ phút *gây ra sự tan rã*, đã đến gần... Nhưng vị tất hoàng thượng đã dám khẳng định như thế, nếu không có sự hiểu biết lẫn nhau, - có thể, được phác họa trên đại thể nhưng dù sao cũng *chặt chẽ* - giữa Nga và Áo.

Nếu như sự hoài nghi của tôi là có căn cứ, thì *mục đích của hoàng đế là thúc đẩy chính phủ của nữ hoàng cùng với nội các của hoàng đế cũng như với nội các Viên cùng nhau định ra kế hoạch chia cắt triệt để Thổ Nhĩ Kỳ*, và đồng thời không để Pháp tham gia".

Bản báo cáo ấy đến Luân Đôn ngày 6 tháng Ba khi huân tước Cla-ren-đôn đã thay huân tước Rót-xen giữ chức bộ trưởng Bộ ngoại giao. Cái ấn tượng mà những điều báo trước đây lo âu của đại sứ gây ra đối với tâm lý của con người sùng bái Thổ Nhĩ Kỳ và nhát gan này, thật hết sức lạ lùng. Là người hoàn toàn biết rõ kế hoạch bội tín của Nga hoàng về việc chia cắt Thổ Nhĩ Kỳ không có sự tham gia của Pháp, ông ta đã nói với bá tước Va-lép-xki, đại sứ Pháp ở Luân Đôn rằng "trái với Pháp, ông ta có xu hướng tin ở hoàng đế Nga", rằng "chính sách bất tín nhiệm là không sáng suốt và không có lợi", rằng "tuy ông hy vọng Chính phủ Anh và Pháp luôn luôn cùng nhau hành động, *bởi vì chính sách và lợi ích của họ nhất trí với nhau*, nhưng ông vẫn phải nói thẳng ra rằng *hành động của Chính phủ Pháp trong thời gian gần đây không thể trông chờ đạt được kết quả mà nó hy vọng*" (Xem Sách xanh, tập I, tr. 93, 98.)

En passant^{1*} cần chỉ rõ rằng đúng vào lúc Nga hoàng đang chỉ giáo cho đại sứ Anh ở Xanh-Pê-téc-bua, thì tờ "Times" ở Luân Đôn ngày nào cũng lặp lại rằng tình cảnh của Thổ Nhĩ Kỳ là tuyệt vọng. Đế quốc Ô-tô-man đang tan rã và nó chẳng còn lại cái gì ngoài ảo ảnh về "cái đầu quần khăn của người Thổ Nhĩ Kỳ".

1* - Tiễn đây

Vào một buổi sáng, sau cuộc nói chuyện tại soirée hoàng đế, ngài G.H. Xây-mua y hẹn đến yết kiến Nga hoàng. Giữa họ đã diễn ra một "*cuộc đối thoại*" kéo dài một giờ hai mươi phút" mà ngài Xây-mua lại thông báo với huân tước Gi. Rốt-xen trong bản báo cáo ngày 22 tháng Hai 1853.

Hoàng đế bắt đầu bằng việc yêu cầu ngài Ha-min-tôn đọc to cho ông ta nghe văn kiện mật được giữ kín của huân tước Giôn ngày 9 tháng Hai. Đương nhiên, ông ta nói rằng những lời tuyên bố trong văn kiện ấy là hoàn toàn thỏa đáng; ông ta "chỉ có thể hy vọng rằng những lời tuyên bố ấy rõ ràng hơn chút nữa". ông nhắc lại rằng thảm họa của Thổ Nhĩ Kỳ có thể xảy ra từng phút và

"tai họa có thể xảy ra bất cứ lúc nào, hoặc do chiến tranh với nước ngoài, hoặc do cuộc phân tranh giữa phái Thổ Nhĩ Kỳ cổ và phái chủ trương tiến hành "những cải cách bề ngoài mới theo kiểu của Pháp", hoặc do cuộc bạo động của những tín đồ Cơ Đốc giáo mà, như mọi người đều biết, đang nóng lòng muốn lật đổ cái ách Hồi giáo".

Hoàng đế không bỏ lỡ dịp để tuôn ra những câu nói khoe khoang cũ rích như "nếu năm 1829 ông ta không ngăn cản cuộc tiến quân thắng lợi của tướng Đê-bích, thì chính quyền vua Thổ Nhĩ Kỳ đã hết đời từ lâu". Trong khi đó ai cũng biết rằng trong số 200000 quân được ông ta phái sang Thổ Nhĩ Kỳ lúc bấy giờ chỉ có 50000 người trở về nhà, mà tàn quân của Đê-bích lẽ ra cũng đã bị tiêu diệt ở đồng bằng A-đri-a-nô-pôn, nếu như không xảy ra sự phản bội của các pa-sa Thổ Nhĩ Kỳ cùng với các đại sứ nước ngoài.

Hoàng đế nhấn mạnh rằng ngài tuyệt nhiên không yêu cầu một kế hoạch được thỏa thuận hoàn toàn giữa Anh và Nga quyết định trước số phận của các lãnh thổ thuộc quyền vua Thổ Nhĩ Kỳ, và càng không yêu cầu một hiệp định chính thức giữa hai nội các, mà chỉ yêu cầu một hiệp nghị gì đó về đại thể hoặc một cuộc trao đổi ý kiến, qua đó mỗi bên sẽ thông báo riêng cho nhau những điều mà mình không muốn làm,

"những gì mâu thuẫn với lợi ích của Anh và những gì mâu thuẫn với lợi ích của Nga, để khi xảy ra tình hình đó thì mỗi bên có thể tránh được những hành động đi ngược lại ý muốn của bên kia".

Bằng những hiệp nghị *không chính thức rõ ràng* ấy, Nga hoàng sẽ có thể đạt được mọi cái mà ông ta theo đuổi. Một là, sự sụp đổ của Đế quốc

Ốt-tô-man đã được Nga và Anh coi như *fait accompli*^{1*}, dù là dưới hình thức không chính thức rõ ràng và giả định: vì hiện nay điều này hoàn toàn tùy thuộc ở Nga hoàng là làm rối tung vấn đề để có thể tuyên bố phần nào y như có thật với Anh rằng điều dự kiến thì *đã* diễn ra rồi. Hai là, kế hoạch bí mật về hành động thống nhất của Anh và Nga dù có mang tính chất không xác định và không chính thức rõ ràng như thế nào đi nữa, thì cũng tất nhiên kế hoạch đó cũng làm cho Anh và Pháp đối lập nhau, vì rằng nó được thảo ra không có sự tham gia của Pháp và sau lưng Pháp. Ba là, vì Anh bị ràng buộc bởi lời hứa phủ định của mình về những việc Anh sẽ *không* làm, Nga hoàng có thể hoàn toàn yên trí đặt kế hoạch hành động chính thức của mình. Ngoài ra, rõ ràng là hai bên đã thỏa thuận với nhau về những điều mà họ *không* cho phép nhau làm trong tình huống nhất định, do vậy, họ đã thỏa thuận với nhau dưới hình thức che đậy những điều mà họ *cho phép* nhau làm. Hình thức không chính thức ấy của hiệp nghị sẽ chỉ tạo điều kiện có lợi hơn cho kẻ khôn ngoan hơn trong hai bên ký kết.

Ngài Ha-min-tôn e dè nói lúng búng: "Thưa hoàng đế, có lẽ hoàng đế vui lòng nói cho thần biết về bản ý của hoàng đế, về *chính sách không chính thức* ấy". Ban đầu, Nga hoàng còn vờ khiêm tốn từ chối, nhưng sau đó, tuồng như nhượng bộ trước sức ép của sự ôn tồn, đã tuyên bố những lời hết sức tuyệt vời sau đây:

"Tôi không cho phép người Nga *vĩnh viễn* chiếm lĩnh Công-xtăng-ti-nô-pơ; nói về điều đó, tôi thấy cần chỉ rõ rằng Công-xtăng-ti-nô-pơ sẽ không bao giờ rơi vào tay người Anh, người Pháp hoặc bất cứ một nước lớn nào khác. Tôi cũng không bao giờ cho phép thực hiện một ý đồ nào nhằm khôi phục lại Đế quốc Bi-dăng-xơ, mọi ý đồ mở rộng Hy Lạp thành một cường quốc; tôi càng không cho phép chia cắt Thổ Nhĩ Kỳ thành những nước cộng hòa nhỏ - nơi lánh nạn của những kẻ như Cô-sút, Mát-di-ni và những tên cách mạng khác ở châu Âu. Thà rằng tôi phát động một cuộc chiến tranh và sẽ tiến hành cuộc chiến tranh ấy chừng nào còn lại dù chỉ một người lính, một cây súng, còn hơn là cam chịu một trong những khả năng ấy".

Không muốn Đế quốc Bi-dăng-xơ, không muốn mở rộng Hy Lạp hơn nữa, không muốn liên bang các nước cộng hòa nhỏ, không muốn một cái gì giống thế! Vậy thì Nga hoàng muốn gì? Đại sứ Anh không cần đoán lâu. Trong quá trình nói chuyện, hoàng đế đột nhiên nói ra ý kiến sau:

1* - Việc đã rồi

"Trên thực tế, các công quốc thuộc vùng sông Đa-nyúp là một quốc gia độc lập dưới quyền bảo hộ của tôi. Có thể dễ nguyên như thế. Xéc-bi có thể nhận một chính thể như vậy. Bun-ga-ri cũng vậy; xem ra, không có căn cứ để khiến cho khu vực ấy lại không thể tạo thành một quốc gia độc lập. Còn về Ai-cập, tôi hoàn toàn hiểu rõ ý nghĩa quan trọng của lãnh thổ ấy đối với Anh. Do đó, tôi chỉ có thể nói rằng, nếu trong việc chia di sản của Đế quốc Ôt-tô-man sau sự sụp đổ của Đế quốc ấy mà các ngài chiếm lấy Ai-cập, thì tôi không có gì phản đối. Đối với Can-đi-a cũng có thể nói như vậy; có lẽ hòn đảo ấy thích hợp với các ngài, và tôi không hiểu tại sao nó lại không thể thuộc về người Anh".

Như Nga hoàng đã chứng minh, "nếu Đế quốc Thổ Nhĩ Kỳ tan rã thì - theo Nga hoàng - việc giải quyết thỏa đáng vấn đề lãnh thổ không khó như người ta thường nghĩ". Nga hoàng tuyên bố trắng ra điều mà ông ta muốn, - *việc chia cắt Thổ Nhĩ Kỳ*, - và phác họa hết sức rõ ràng đường nét của sự chia cắt đó, rõ ràng như điều mà ông ta nói, cũng như điều mà ông ta lảng tránh. Ai Cập và Can-đi-a thuộc về Anh; các công quốc thuộc vùng sông Đa-nyúp, Xéc-bi, Bun-ga-ri là các nước chư hầu của Nga; Crô-a-xi thuộc Thổ Nhĩ Kỳ, Bô-xni-a, Héc-tê-gô-vi-na mà ông ta cố tình lảng tránh, sẽ sáp nhập vào Áo; Hy Lạp sẽ được mở rộng "không quá mức", chẳng hạn, bằng việc sáp nhập vùng hạ Phết-xa-li và một phần An-ba-ni. Công-xtăng-ti-nô-pơ phải tạm thời do Nga hoàng chiếm lĩnh, rồi sau đó sẽ trở thành thủ đô của một quốc gia bao gồm Ma-xê-đoan, Phra-ki-a và bộ phận còn lại của lãnh thổ châu Âu thuộc Thổ Nhĩ Kỳ. Nhưng ai sẽ trở thành kẻ chiếm hữu chính thức cái quốc gia bé nhỏ ấy, quốc gia này có lẽ còn mở rộng đến một số bộ phận của A-na-tô-li? Nga hoàng nín lặng về điều đó; nhưng không còn bí mật gì nữa, ông ta đã nhằm sẵn người nào đó vào địa vị ấy, đó chính là người con trai thứ^{1*} của ông ta đang khao khát có một vương quốc cho riêng mình. Còn Pháp thì sao? Lẽ nào nó không được gì cả? Có lẽ thế! Nhưng không, nó cũng sẽ nhận được một của bố thí, đó là - ai mà có thể tin được điều đó! - *Tuy-ni-di*. "Không còn nghi ngờ gì nữa, một trong những mục đích của nó là chiếm Tuy-ni-di", - Nga hoàng nói với ngài Ha-min-tơn, và trong trường hợp chia cắt Đế quốc Ôt-tô-man thì, có lẽ, ông ta sẽ thực sự tỏ ra khá hào hiệp để thỏa mãn sự thèm khát của Pháp đối với Tuy-ni-di.

1* - Mi-kha-in

Đối với Pháp, Nga hoàng bao giờ cũng nói với cái giọng khinh thường đặc biệt ngạo mạn. Ông ta nói: "Hình như Chính phủ Pháp đang ra sức làm cho tất cả chúng ta xích mích với nhau về vấn đề phương Đông". Còn như đối với bản thân ông ta, thì Pháp chẳng ra cái thá gì.

"Về phần mình, Nga hoàng rất ít bận tâm về đường lối hành động mà Pháp cho là thích hợp trong vấn đề phương Đông; cách đây hơn một tháng, Nga hoàng đã thông báo cho vua Thổ Nhĩ Kỳ rằng nếu cần đến sự giúp đỡ của ông ta để chống lại sự đe dọa của Pháp, thì ông ta sẵn sàng giúp vua Thổ Nhĩ Kỳ!

Tóm lại, hoàng đế nói tiếp: "như tôi đã nói từ trước với các ngài, tất cả điều mà tôi hy vọng là một hiệp nghị thiện chí với Anh, không phải là về điều phải làm, mà là về điều không nên làm. Khi đạt được hiệp nghị ấy thì, giữa Chính phủ Anh và tôi, giữa tôi và Chính phủ Anh sẽ có được một sự hoàn toàn tin cậy lẫn nhau, và tất cả những việc còn lại đều không có ý nghĩa gì đối với tôi".

"Nhưng, thưa hoàng đế, ngài đã quên không nói đến Áo!", ngài Ha-min-tơn thốt lên.

"Ồ" - hoàng đế có ý bác lại, khiến Ha-min-tơn rất đỗi ngạc nhiên, - "ngài nên hiểu rằng khi ta nói về Nga thì cũng tức là nói về Áo; cái gì thích hợp với nước này thì cũng thích hợp với nước kia; về vấn đề Thổ Nhĩ Kỳ, lợi ích của hai nước chúng tôi là hoàn toàn nhất trí".

Như vậy, hoàng đế nói về Nga cũng chính là nói về Áo. Về miền Séc-nô-gô-ri-a, Nga hoàng tuyên bố không úp mở rằng ông ta "tán thành lập trường của nội các Áo".

Nếu như trong những cuộc nói chuyện trước đây Nga hoàng gọi vua Thổ Nhĩ Kỳ là một Grand Turc^{1*} như trong vở ca kịch ngắn, thì bây giờ lại gọi là ce monsieur^{2*} theo văn phong của Pôn đơ Cốc. Và Nga hoàng trân trọng ngài ấy biết bao! Ông ta chỉ cử có Men-si-cốp đến Công-xtăng-ti-nô-pơ, "mà cần biết rằng nếu tôi muốn, tôi có thể cử quân đội đến đây - không có gì ngăn cản được nó cả"; sau này ông ta đã chứng minh cho điều đó ở Ôn-tê-nít-sa và Sê-ta-te, cũng như bằng cuộc rút quân oai hùng của ông ta ra khỏi Ca-la-phát.

Vị hoàng đế Cô-dắc đã nói với ngài Ha-min-tơn khi chia tay: "Tóm lại, ngài hãy giục chính phủ ngài phát biểu một lần nữa bằng văn bản về những vấn đề ấy, - bằng văn bản rõ ràng hơn và đừng do dự".

1* - Hoàng đế Thổ Nhĩ Kỳ

2* - ngài ấy

Ngày 7 tháng Ba, không bao lâu sau cuộc đối thoại, - hay nói đúng hơn, cuộc độc thoại - hết sức lý thú ấy, bá tước Nê-xen-rô-de mời đại sứ Anh đến và trao bản "bị vong lục mật được soạn ra theo chỉ thị của hoàng đế và được coi là sự phúc đáp hoặc lời bình luận về bản thông báo của huân tước Giôn Rốt-xen". Bá tước Nê-xen-rô-de yêu cầu vị đại sứ đọc văn kiện "được dành cho ông ta" ấy. Do đó, ngài Ha-min-tôn đã nghiên cứu văn kiện và ông ta - một con người trước đây chưa hề có một lời nào phản đối sự lãng nhịch rõ ràng là cố tình của vua Nga đối với nước Pháp - bỗng giật nảy mình lên vì phát hiện thấy rằng "bản bị vong lục đã được viết do một ấn tượng sai lầm, - tức là ấn tượng cho rằng trong sự bất hòa giữa Nga và Pháp, hình như chính phủ của nữ hoàng ngả về phía Pháp". Thế là ngay sáng sớm hôm sau, ông ta vội vã gửi cho bá tước Nê-xen-rô-de một *billet doux*^{1*}, bảo đảm với bá tước rằng:

"trong thời kỳ đàm phán hết sức nghiêm chỉnh gần đây, các cố vấn của nữ hoàng *không những không ngả về phía Pháp*, mà, ngược lại, còn tỏ ý mong muốn - *trong phạm vi nói chung có thể làm* đối với một chính phủ *buộc phải* (!) giữ lập trường *trung lập* - để những đòi hỏi có căn cứ của hoàng thượng được thỏa mãn đầy đủ".

Kết quả của bức thư xu nịnh đó là, ngài Ha-min-tôn, đương nhiên, có một cuộc "nói chuyện" khác "rất hữu nghị và thỏa đáng với thủ tướng", ông ta an ủi đại sứ Anh với sự quả quyết rằng đại sứ không hiểu một điểm trong bị vong lục của hoàng đế và điểm ấy tuyệt nhiên không phải là chê trách Anh trong việc thiên vị Pháp. Bá tước Nê-xen-rô-de nói rằng "ở đây người ta chỉ hy vọng chính phủ của nữ hoàng cố gắng mở mắt cho các bộ trưởng Pháp bằng cách *chỉ rõ sự độ lượng và lòng công bằng của hoàng đế*". Do đó, "ở đây" người ta chỉ mong rằng nước Anh quy lụy và khuất phục trước "một tên can-mức" và lên giọng nghiêm khắc ra lệnh đối với Pháp. Để cho thủ tướng tin tưởng Chính phủ Anh đã trung thành chấp hành phân thứ hai của nhiệm vụ ấy đến mức nào, ngài Ha-min-tôn đã đọc một đoạn trích trong một văn kiện của huân tước Giôn Rốt-xen cho ông ta nghe, coi như một "ví dụ về thứ *ngôn ngữ* mà các bộ trưởng Anh dùng để nói chuyện với Chính phủ Pháp". Bá tước Nê-xen-rô-de tin rằng điều đó đã vượt cả sự mong đợi táo bạo nhất của mình. Ông chỉ "lấy làm tiếc rằng ông không có sớm hơn trong tay mình *bằng chứng vững chắc* ấy".

1* - bức thư tình cảm

Ngài Ha-min-tôn cho rằng bị vong lục của Nga trả lời văn kiện của huân tước Giôn Rốt-xen là "một trong những văn kiện xuất sắc nhất không phải do văn phòng nhà nước Nga, mà là do ủy ban cơ mật hoàng gia phát ra". Quả là như vậy. Nhưng chúng ta không cần đi vào chi tiết đó làm gì, vì rằng bản thân nó chỉ là sự trình bày tóm tắt những quan điểm mà Nga hoàng đã phát triển trong cuộc "đối thoại" của mình. Bị vong lục cố sức gợi ý Chính phủ Anh rằng "dù kết quả của cuộc đàm phán ấy ra sao, nó vẫn phải được giữ *bí mật* giữa hai chính phủ". Bị vong lục nêu rõ: cách làm của Nga hoàng, "đúng như bản thân nội các Anh đã *thừa nhận* là *bao giờ* cũng có thái độ đối xử độ lượng" đối với Chính phủ Thổ Nhĩ Kỳ. Pháp đã có phương châm hành động khác và do đó buộc Nga và Áo, về phía họ, cũng phải có hành động đe dọa. Trong suốt bị vong lục, Nga và Áo được coi như nhau. Bị vong lục nêu *thẳng* ra rằng một trong những nguyên nhân có thể gây ra sự tan rã lập tức của Thổ Nhĩ Kỳ là *vấn đề đất thánh* và "tình cảm tôn giáo của những tín đồ Chính thống giáo cảm thấy bị nhục trước những nhượng bộ đối với tín đồ Thiên chúa giáo". Cuối cùng, bị vong lục tuyên bố rằng "*sự chứng minh về tình hữu nghị và sự tin cậy của nữ hoàng* mà ngài Ha-min-tôn Xây-mua được ủy thác chuyển tới hoàng đế" cũng "không kém giá trị" so với những điều bảo đảm trong văn kiện của Rốt-xen. Sự "chứng minh" đó về lòng trung thành kiểu chư hầu của nữ hoàng Vich-tô-ri-a đối với Nga hoàng đã được che giấu cẩn thận trước công chúng Anh, nhưng, có lẽ, chẳng bao lâu nữa sẽ được công bố trên những trang "Journal de St Pétersbourg".

Khi bình luận về cuộc nói chuyện của mình với hoàng đế và bị vong lục của người Nga, ngài Ha-min-tôn lại một lần nữa lưu ý nội các của mình đối với lập trường của Áo.

"Nếu như cho rằng việc hai vị hoàng đế đã ký kết hiệp nghị hoặc hiệp ước về vấn đề Thổ Nhĩ Kỳ là một sự thật được xác định dứt khoát và đã được công nhận, thì điều hết sức quan trọng là phải tìm hiểu xem nghĩa vụ mà họ gánh vác với nhau đã đi xa đến mức nào. Còn về phương thức ký kết hiệp nghị ấy, thì, theo tôi, vị tất có thể gây ra sự nghi ngờ.

Không còn nghi ngờ gì nữa, cơ sở của hiệp nghị ấy đã được ấn định trong một trong những cuộc hội kiến của hai vị hoàng đế vào mùa thu năm ngoái, và sau đó kế hoạch chắc là do nam tước Mây-en-đoóc-phơ - đại sứ Nga tại triều đình Áo mà mùa đông năm ngoái đã ở Xanh-Pê-téc-bua và hiện đang ở đây - soạn thảo thêm".

Sau những sự bóc trần ấy, Chính phủ Anh còn phải chất vấn Áo chẳng? Không, nó chỉ chê trách Pháp mà thôi. Sau cuộc xâm nhập của Nga vào các công quốc thuộc vùng sông Đa-nuýp, Chính phủ Anh làm cho Áo trở thành người trung gian, trong các thành phố đã chọn lấy chính Viên làm địa điểm hiệp thương, trao cho bá tước Bu-ôn quyền điều khiển cuộc đàm phán và cho đến nay còn tiếp tục lừa gạt Pháp, cố tình làm cho Pháp tin rằng Áo có thể trở thành đồng minh trung thành trong cuộc chiến tranh chống người Nga vì sự toàn vẹn và nền độc lập của Đế quốc Ôt-tô-man, tuy rằng hơn một năm nay, Chính phủ Anh đã biết rành rành là Áo đồng ý chia cắt đế quốc ấy.

Ngày 19 tháng Ba, báo cáo của ngài Ha-min-tơn về cuộc đối thoại của mình với Nga hoàng đã về đến Luân Đôn. Bấy giờ huân tước Cla-ren-đôn đã thay huân tước Giôn và cố sức vượt qua người đi trước mình. Bốn ngày sau khi nhận được báo cáo lạ lùng trong đó Nga hoàng đã cho rằng không cần che đậy âm mưu của mình chống lại Pháp và Chính phủ Thổ Nhĩ Kỳ, mà còn công khai thừa nhận nó, vị bá tước cao quý đã gửi công văn khẩn sau đây cho ngài Ha-min-tơn:

"Chính phủ của nữ hoàng lấy làm tiếc rằng sự lo âu và phần nộ bao trùm Pa-ri đã thúc đẩy Chính phủ Pháp phải ra lệnh cho hạm đội của mình tiến vào hải phận Hy Lạp; nhưng về nhiều mặt, hoàn cảnh của Chính phủ Pháp khác với của chính phủ của nữ hoàng. Theo chính phủ của nữ hoàng biết, thì Chính phủ Pháp không nhận được sự bảo đảm của hoàng đế về cái chính sách mà hoàng đế dự định thi hành đối với Thổ Nhĩ Kỳ" (Xem Sách xanh, t.I, tr. 102.)

Nếu như Nga hoàng cũng cho Pháp biết rằng "người ốm sắp chết" và hiện đã có kế hoạch tử tử về việc chia gia tài, thì lẽ dĩ nhiên, Pháp sẽ không hề cảm thấy lo âu, cũng như không nghi ngờ gì về số phận của Thổ Nhĩ Kỳ, về những mục đích thực sự trong sứ mệnh của Men-si-cốp và về quyết định không xuy xuyển của hoàng đế Nga là duy trì sự toàn vẹn và nền độc lập của đế quốc mà hoàng đế Nga gọi là không còn "những nhân tố đầy sức sống" nữa.

Cũng ngày 23 tháng Ba, bá tước Cla-ren-đôn gửi cho ngài Ha-min-tơn Xây-mua một văn kiện khẩn thứ hai, nó không thuộc loại được "chế biến" dành cho các cuốn Sách xanh, mà bao gồm sự trả lời bí mật cho cái báo cáo mật được gửi đi từ Xanh-Pê-téc-bua. Báo cáo của ngài Ha-min-tơn về cuộc nói chuyện với Nga hoàng được kết thúc bằng lời đề nghị thận trọng như sau:

"Tôi đánh bạo yêu cầu rằng *trong công văn khẩn gửi cho tôi sẽ có một số câu nhằm mục đích chấm dứt việc nghiên cứu thêm nữa*, hoặc, ít ra là chấm dứt việc thảo luận thêm nữa những vấn đề hết sức không đáng coi là *cần phải thảo luận*".

Bá tước Cla-ren-đôn cảm thấy mình là người thích hợp nhất để nắm trong tay những vấn đề gay cấn, đã hành động hoàn toàn theo các chỉ thị của Nga hoàng và ngược hẳn với sự báo trước của đại sứ của mình. Bá tước mở đầu văn kiện bằng lời tuyên bố rằng chính phủ của nữ hoàng "hoan nghênh ý muốn của hoàng đế là tiếp tục thảo luận vấn đề một cách hoàn toàn cởi mở". Hoàng đế đã "*nhận được* cái quyền" được biết "sự trình bày ý kiến một cách cởi mở nhất của Chính phủ Anh", bởi, "niềm tin cao cả" rằng Chính phủ Anh sẽ giúp mình chia cắt Thổ Nhĩ Kỳ, bán rẻ Pháp và, khi nền thống trị Ôt-tô-man bị lật đổ, sẽ dè bẹp mọi ý đồ của dân cư theo đạo Cơ Đốc định thành lập những quốc gia tự do và độc lập của họ.

"Chính phủ của nữ hoàng", - con người Anh xuất thân từ dân tự do viết tiếp, - "hoàn toàn tin tưởng rằng giả thử việc ký kết nào đó liên quan với tình hình mới xảy ra, là thích hợp và thực sự có khả năng tiến hành, thì *lời nói của hoàng thượng sẽ được ưa chuộng* hơn là bất cứ hiệp ước nào có thể được ký kết".

Trong bất kể trường hợp nào, lời nói của Nga hoàng đều có giá trị như một hiệp ước có thể được ký kết với ông ta; *vì các cố vấn của nữ hoàng Anh từ lâu đã tuyên bố rằng mọi hiệp ước ký kết với Nga đều mất hết hiệu lực do sự phá hoại từ phía Nga*.

"Chính phủ của nữ hoàng tiếp tục giữ niềm tin tưởng rằng Thổ Nhĩ Kỳ vẫn còn những nhân tố đầy sức sống". Và để chứng minh cho sự thành thực của niềm tin ấy, bá tước đã ôn tồn bổ sung:

"Nếu như ý kiến của hoàng đế cho rằng những ngày còn lại của Đế quốc Thổ Nhĩ Kỳ có thể đếm được, được đem công bố rộng rãi, thì sự tan rã của đế quốc này sẽ diễn ra sớm hơn là hoàng đế dự tính".

Như thế là chỉ cần "người can-mức" đưa ra ý kiến của mình là người ốm sắp chết là đủ để anh ta chết thật. Cái sức sống là như vậy đó! Ở đây thậm chí không cần đến chiếc tù và của Giê-ri-cô. Cái mệnh tôn nghiêm của hoàng đế sẽ thổi một cái là đế quốc Ôt-tô-man tan tành.

"Chính phủ của nữ hoàng *hoàn toàn* tán thành ý kiến của hoàng đế cho rằng việc một cường quốc nào đó chiếm lĩnh Công-xtăng-ti-nô-pơ là không thể dung hòa với việc duy trì thế cân bằng hiện nay giữa các cường quốc và với việc giữ gìn hoà bình ở châu Âu, và phải lập tức coi là không thể dễ xảy ra được; ý kiến đó còn cho rằng không có điều kiện để khôi phục Đế quốc Bi-đăng-xơ;

rằng tình hình rối loạn ở Hy Lạp không góp phần vào sự mở rộng lãnh thổ của nó; rằng *vì không có cơ sở để xây dựng quyền tự trị của khu vực hoặc địa hạt*, mà việc phó mặc cho các tỉnh ở Thổ Nhĩ Kỳ tự mình hoặc cho phép họ thành lập các nước cộng hòa riêng biệt sẽ dẫn tới tình trạng vô chính phủ".

Xin chú ý là vị bộ trưởng Anh lại nhấn nhac nghe theo sự điều khiển của ông chủ Tác-ta của mình và lấp lại như một tên nô lệ những lời nói của ông chủ, thậm chí không biết xấu hổ khi lấp lại những lời dối trá quái gở rằng dường như ở Thổ Nhĩ Kỳ không có "cơ sở để xây dựng quyền tự trị của khu vực và địa hạt", trong khi chính sự phát triển mạnh mẽ của đời sống các khu vực và các địa hạt đã tạo ra cho Thổ Nhĩ Kỳ khả năng cho tới nay vẫn chống đỡ được những đòn hết sức tàn khốc từ trong và ngoài nước. Tán thành mọi giả thiết mà Nga hoàng đưa ra, nội các Anh đã biện minh cho tất cả những kết luận mà Nga hoàng rút ra từ những giả thiết ấy.

Nếu đế quốc Thổ Nhĩ Kỳ tan rã, - vị bá tước anh dũng nói tiếp, - thì "hội nghị châu Âu là biện pháp duy nhất để đạt tới kết cục hòa bình". Nhưng ông ta sợ hậu quả của hội nghị này không phải vì sự giảo quyệt của Nga, - là nước trong hội nghị Viên đã dắt mũi Anh đến mức Na-pô-lê-ông ở đảo Xanh-Ê-len-na phải thốt lên rằng: "Nếu như ta thắng ở Oa-téc-lô, ta cũng không thể áp đặt cho Anh những điều kiện nhục nhã hơn", - mà là vì sợ Pháp.

"Trong trường hợp đó, hiệp ước 1815 cần phải sửa đổi, và chắc rằng Pháp sẽ sẵn sàng liều mình lao vào cuộc chiến tranh châu Âu để thoát khỏi những nghĩa vụ mà Pháp cho là sự sỉ nhục đối với lòng tự tôn dân tộc của mình; những nghĩa vụ do kẻ địch chiến thắng áp đặt cho Pháp là nguồn gốc của sự phản nộ thường xuyên đối với Pháp".

Chính phủ của nữ hoàng "muốn duy trì Đế quốc Thổ Nhĩ Kỳ" không phải với tư cách là một thành trì chống lại nước Nga và cũng không phải vì rằng sự tan rã của Thổ Nhĩ Kỳ buộc Anh phải chống lại Nga để bảo vệ những lợi ích *hoàn toàn đối lập* ở phương Đông của mình. Ô, không! - bá tước nói, - *những lợi ích của Nga và Anh ở phương Đông là hoàn toàn nhất trí*".

Anh muốn duy trì Đế quốc Thổ Nhĩ Kỳ không phải là dựa vào những lý do nào đó có liên quan đến vấn đề phương Đông, mà "vì sự tin tưởng rằng không một vấn đề quan trọng nào ở phương Đông được đưa ra lại không *trở thành nguồn gốc của sự tranh chấp ở phương Tây*". Do đó, vấn đề phương Đông sẽ gây ra không phải *cuộc chiến tranh của các cường quốc phương Tây chống lại Nga*, mà là cuộc chiến tranh giữa các cường

quốc phương Tây với nhau, *cuộc chiến tranh của Anh chống lại Pháp*. Cũng chính vị bộ trưởng đã viết những câu ấy, và các bạn đồng nghiệp của ông ta đã phê chuẩn những câu ấy muốn lừa gạt chúng ta, buộc chúng ta phải tin rằng họ đang thực sự chuẩn bị tiến hành một cuộc chiến tranh liên minh với Pháp chống lại Nga, và hơn nữa, cuộc chiến tranh ấy là "do vấn đề nảy sinh ở phương Đông gây ra", mặc dầu "lợi ích của Nga và Anh ở phương Đông là nhất trí"!

Vị bá tước dũng cảm còn đi xa nữa.

Tại sao ông ta sợ *cuộc chiến tranh với Pháp*, mà theo ông nói nó là "hậu quả tất nhiên" của sự tan rã và chia cắt của Đế quốc Thổ Nhĩ Kỳ? Bản thân cuộc chiến tranh với Pháp là một vấn đề rất thú vị. Nhưng nó liên quan đến một tình huống tế nhị

"là, mọi vấn đề quan trọng ở phương Tây đều sẽ mang tính chất cách mạng và bao hàm sự xem xét lại đối với toàn bộ chế độ xã hội, điều mà các chính phủ ở lục địa đương nhiên là không sẵn sàng làm.

Hoàng đế hoàn toàn biết rõ những lực lượng thường xuyên trong trạng thái bất bình dưới cái vỏ ngoài xã hội, và khả năng bùng nổ của những lực lượng ấy thậm chí cả trong những thời kỳ hoà bình; vì thế mà hoàng thượng có lẽ đồng ý với ý kiến cho rằng tiếng đại bác đầu tiên có thể sẽ là tín hiệu cho sự xuất hiện của một cục diện thậm chí còn nguy hiểm hơn cả những tai họa mà chiến tranh sẽ tất yếu đem lại".

"Do đó", - vị sứ giả hòa bình thành thực thốt lên, - "mà chính phủ của nữ hoàng khao khát muốn *ngăn ngừa tai họa*". Nếu như phía sau việc chia cắt Thổ Nhĩ Kỳ không ẩn giấu một cuộc chiến tranh với Pháp, mà phía sau cuộc chiến tranh với Pháp không ẩn giấu cái bóng ma cách mạng, thì Chính phủ Anh và cả hoàng thượng "Cô-dắc" nữa, đã nuốt phăng Grand Turc với sự thèm khát như nhau rồi.

Trung thành với các chỉ thị nhận được của văn phòng hoàng đế Nga thông qua ngài H.Xây-mua, Cla-ren-đôn dũng cảm đã kết thúc văn kiện của mình bằng sự cầu xin "sự rộng lượng và tinh thần công bằng của hoàng đế".

Trong văn kiện khẩn thứ hai đề ngày 5 tháng Tư 1853 của vị bá tước của chúng ta có ủy nhiệm ngài Ha-min-tơn thông báo cho thủ tướng Nga rằng

"từ tước Xơ-rát-phơ đơ Rét-clip-phơ đã được lệnh trở lại chức vụ của mình; sứ mệnh của ông ta mang *tính chất đặc biệt* do bức thư chính tay nữ hoàng viết bởi vì người ta cho rằng

Chính phủ Thổ Nhĩ Kỳ sẽ vui lòng tiếp thu hơn những lời khuyên *đúng mức* của tử tước Xto-rát-pho đơ Rét-clíp-phơ ở vào địa vị cao sang như thế và tinh thông vấn đề Thổ Nhĩ Kỳ như thế, - những lời khuyên Chính phủ Thổ Nhĩ Kỳ cần phải đối xử với các thần dân theo Cơ Đốc giáo của mình bằng thái độ ôn hòa nhất".

Cũng cái vị Cla-ren-đôn là người đã ra những chỉ thị *đặc biệt* ấy lại viết trong văn kiện mật ngày 23 tháng Ba 1853:

"Sự đối xử với tín đồ Cơ Đốc giáo không tàn bạo. Thổ Nhĩ Kỳ tỏ ra rộng lượng đối với một bộ phận thần dân đó của mình, sự rộng lượng này có thể thành tấm gương cho một số chính phủ vẫn khinh miệt Thổ Nhĩ Kỳ là nước dã man".

Văn kiện mật này thừa nhận rằng huân tước Xto-rát-pho được cử đi Công-xtăng-ti-nô-plơ với tư cách là người chấp hành lành lợi nhất và ngoan ngoãn nhất để gây sức ép đối với vua Thổ Nhĩ Kỳ. Báo chí của nội các lúc bấy giờ coi việc cử ông ta là một sự phô trương mạnh mẽ đối với Nga hoàng, vì rằng huân tước cao quý từ lâu đã đóng vai trò là kẻ thù riêng của nước Nga.

Một loạt văn kiện mật đệ trình nghị viện được kết thúc bằng bị vong lục của Nga, trong đó Ni-cô-lai lấy làm vui mừng rằng quan điểm của mình hoàn toàn nhất trí với quan điểm của nội các Anh trong vấn đề về cục diện chính trị nên tránh trước hết nếu chẳng may xảy ra các sự kiện bất thường ở phương Đông.

Bị vong lục đề rõ ngày 15 tháng Tư 1853. Nó bảo đảm rằng "biện pháp tốt nhất để duy trì sự tồn tại của chính phủ Thổ Nhĩ Kỳ là *không quấy rầy nó bằng những yêu cầu quá đáng làm tổn thương đến lòng tự tôn và nền độc lập của nó*". Việc đó xảy ra đúng vào lúc mà Men-si-cốp diễn vở hài kịch của mình là ngày 19 tháng Tư, ông ta đã trao một bức công hàm không ký tên, viết "bằng một thứ ngôn ngữ, may thay, rất hiếm thấy trong hoạt động ngoại giao", như huân tước Cla-ren-đôn nói tại thượng nghị viện. Tuy nhiên, ngài bá tước cao quý càng tin chắc rằng Nga hoàng có ý định tha cho người ốm. Lòng tin của bá tước lại càng kiên định hơn khi quân Cô-dắc xâm nhập các công quốc thuộc vùng sông Đa-nuýp.

Nội các liên hiệp chỉ tìm được một khe hở để trốn tránh những văn kiện lật tẩy ấy. Nó khẳng định rằng mục đích hiển nhiên của sứ mệnh của công tước Men-si-cốp là vấn đề đất thánh; còn sự trao đổi ý kiến về việc chia cắt Thổ Nhĩ Kỳ chỉ dính dáng đến một tương lai xa xôi vô định.

Nhưng trong bị vong lục đầu tiên của mình Nga hoàng đã nói rõ rằng vấn đề sự tan rã của Thổ Nhĩ Kỳ "đối với ông ta tuyệt nhiên không phải là ảo tưởng hoặc khả năng xa xôi", rằng nội các Anh đã lầm khi "cho rằng hai vấn đề - Séc-nô-gô-ri-a và đất thánh - chỉ là những vấn đề tranh chấp thông thường, không khác gì những khó khăn thường vấp phải trong hoạt động ngoại giao", - rằng vấn đề đất thánh "có thể xảy ra diễn biến nghiêm trọng nhất và "dẫn tới tai hoạ". Bản thân nội các không những đồng ý rằng Nga hoàng bị đối xử không công bằng trong vấn đề này, mà còn đồng ý rằng Nga hoàng có "quyền bảo hộ đặc biệt do hiệp ước quy định" đối với mười một triệu thần dân của vua Thổ Nhĩ Kỳ. Và nếu như nội các liên hiệp không đạt tới chỗ làm cho Chính phủ Thổ Nhĩ Kỳ tiếp nhận những yêu sách của Men-si-cốp, thì Nga hoàng - đang có ý định giết hại ce monsieur - sẽ hành động theo tinh thần của bị vong lục năm 1844, theo hiệp nghị đã đạt được với nội các ấy, và theo lời tuyên bố miệng của mình với ngài H.Xây-mua rằng "ông ta không cho phép trêu đùa ông ta". Ở đây thậm chí không nảy sinh ra vấn đề thái độ của ông ta đối với nội các có đúng hay không; vấn đề duy nhất là thái độ của bản thân nội các đối với ông ta, thậm chí ngay lúc này có "thích hợp" không. Ai đã đọc kỹ những văn kiện ấy đều phải thấy rõ rằng, nếu như cái nội các nhục nhã ấy vẫn ở lại chức vụ của mình, thì chỉ nguyên tình hình phức tạp ở bên ngoài cũng đủ đẩy nhân dân Anh tới một cuộc cách mạng đáng sợ, nó quét sạch ngôi vua, nghị viện và giai cấp thống trị đã mất ý chí và năng lực duy trì địa vị của Anh trên thế giới.

Qua tờ "Journal de St. - Pétersbourg" mà thách thức nội các liên hiệp - cho công bố những bằng chứng bí mật về sự nhục nhã của nội các ấy - Ni-cô-lai lần này đã hành động theo tinh thần châm ngôn của mình:

"Je hais ceux qui me résistent; je méprise ceux qui me servent"^{1*}

Do C.Mác viết ngày 24 tháng Ba 1854

Đã đăng trên tờ "New-York Daily

Tribune" số 4050, ngày 11 tháng Tư 1854

Ký tên: Các Mác

In theo bản đăng trên báo

Nguyên văn là tiếng Anh

1* - "Tôi căm ghét những kẻ chống lại tôi; tôi khinh bỉ những kẻ phục vụ tôi". Ặ

C. MÁC

*TUYÊN CHIẾN - BÀN VỀ LỊCH SỬ PHÁT SINH VẤN ĐỀ PHƯƠNG ĐÔNG¹⁰³

Luân Đôn, thứ ba, ngày 28 tháng Ba 1854

Cuối cùng, cuộc chiến tranh đã được tuyên bố. Chiều chỉ của nữ hoàng đã được tuyên đọc chiều hôm qua tại cả hai viện: do huân tước A-bóc-đin đọc tại thượng nghị viện và huân tước G. Rót-xen đọc tại hạ nghị viện. Chiều chỉ đã nói đến những biện pháp sẽ được tiến hành "để phản kháng tích cực sự xâm phạm của Nga đối với Thổ Nhĩ Kỳ". Hôm qua tờ "London Gazette" đã đăng văn bản chính thức của thư tuyên chiến, còn vào thứ sáu tới nghị viện sẽ thảo luận về lời phúc đáp chiều chỉ của nữ hoàng.

Cùng một lúc với bản tuyên bố của Anh, Lu-i Na-pô-lê-ông đã ra lời kêu gọi tương tự đối với thượng nghị viện và Corps Législatif*.

Việc tuyên chiến với Nga đã không thể trì hoãn lâu hơn được nữa, sau khi đại uý Blê-cơ-vút là người trao ultima-tissimum^{2*} của Anh - Pháp cho Nga hoàng, đã trở về vào thứ bảy tuần trước với sự trả lời rằng, Nga tuyệt nhiên không có ý định phúc đáp văn kiện ấy. Nhưng sứ mệnh của đại uý Blê-cơ-vút không phải hoàn toàn không kết quả. Nhờ sứ mệnh ấy, Nga đã tranh thủ được tháng Ba là tháng nguy hiểm nhất cho quân Nga trong năm.

Việc công bố những thư tín mật trao đổi giữa Nga hoàng và Chính phủ Anh lẽ ra phải gây ra sự bùng nổ của sự phẫn nộ trong xã hội, thì lại tạo ra cho tất cả báo chí hàng ngày và hàng tuần - incredibile dictu^{3*} - cái lý do để chúc mừng nước Anh có được Chính phủ dân tộc

1* - Quốc hội lập pháp

2* - tối hậu thư khẩn cấp

3* - điều không thể tin được

chân chính của nó. Nhưng theo tôi biết thì sẽ triệu tập một cuộc mít-tinh để mở mắt cho công chúng Anh mù quáng thấy rõ hành động thực sự của chính phủ. Cuộc mít-tinh ấy sẽ diễn ra vào thứ năm tuần sau tại phòng hòa nhạc ở phố Xto; người ta dự kiến rằng huân tước Pôn-xơn-bi, ngài Lây-ác, ngài Uốc-các-tơ v.v. sẽ tham dự.

Tờ "Hamburger Correspondent" đã đăng một tin ngắn sau:

"Theo tin tức ở đây nhận được ngày 16 tháng Ba từ Pê-téc-bua, thì chính phủ Nga đã dự định công bố những văn kiện khác về vấn đề phương Đông. Trong số văn kiện này có mấy bức thư của hoàng thân An-be".

Điều đáng chú ý là chính trong cái buổi chiều đọc chiếu chỉ của nữ hoàng tại hạ nghị viện, Chính phủ Anh đã vấp phải *thất bại* đầu tiên của mình trong kỳ họp này. Bất chấp những cố gắng của Chính phủ, việc tuyên đọc lần thứ hai dự luật cưỡng bức dân nghèo trở về nơi ở cũ¹⁰⁴ đã bị hoãn đến ngày 28 tháng Tư theo đa số 209 phiếu so với 183 phiếu. Chính phủ bị thất bại không phải do ai khác, mà là do ngài Pan-mốc-xơn.

"Quý ngài đó", - tờ "Times" viết, - "*khéo* đặt mình và đồng sự của mình vào giữa hai làn đạn (giữa đảng To-ri và đảng Ai-rơ-len), không đặt hy vọng đặc biệt vào việc giải quyết vấn đề không có sự can thiệp của người ngoài".

Chúng tôi được tin rằng ngày 12 tháng Ba, hiệp ước về đồng minh tay ba đã được ký kết giữa Pháp, Anh và Thổ Nhĩ Kỳ¹⁰⁵, nhưng bất chấp việc vua Thổ Nhĩ Kỳ đã có thư riêng gửi cho mình, vị đại cao tăng Hồi giáo được sự ủng hộ của *hiệp hội* u-lê-ma đã cự tuyệt ra phét-va¹⁰⁶ phê chuẩn nghị quyết về việc thay đổi địa vị của tín đồ Cơ Đốc giáo trong nước Thổ Nhĩ Kỳ; các nghị quyết ấy dường như trái với giáo lý của kinh Hồi giáo. Xem ra tin này có ý nghĩa lớn, vì rằng nó buộc huân tước Đốc-bi phải ra tuyên bố như sau:

"Tôi chỉ muốn trình bày nguyện vọng chân thành của mình là, chính phủ ra lời tuyên bố giải thích cái tin tức lưu truyền trong mấy ngày gần đây có thực hay không: hình như trong hiệp nghị ký kết giữa Anh, Pháp và Thổ Nhĩ Kỳ có những điều khoản quy định cho chúng ta quyền bảo hộ, một thứ quyền bảo hộ ít ra cũng bị lên án như quyền bảo hộ của nước Nga mà chúng ta đã phản đối".

Nếu lên chính sách của chính phủ hoàn toàn trái ngược với chính sách của huân tước Đốc-bi, tờ "Times" hôm nay viết:

"Chúng tôi rất lấy làm tiếc, nếu như hành vi đối lập nghiêm trọng nào đó đối với chính sách ấy là kết quả của sự cuồng tín tôn giáo của vị cao tăng Hồi giáo hoặc của u-lê-ma".

Muốn hiểu tính chất của những mối quan hệ giữa Chính phủ Thổ Nhĩ Kỳ với các nhà nắm quyền tôn giáo ở Thổ Nhĩ Kỳ, hoặc những khó khăn mà vấn đề bảo hộ các thần dân theo đạo Cơ Đốc của Chính phủ Thổ Nhĩ Kỳ - tức vấn đề thoát nhìn dường như là nguồn gốc của những tranh chấp hiện nay ở phương Đông - hiện đang đặt ra trước Chính phủ Thổ Nhĩ Kỳ, thì phải đi ngược lại lịch sử phát sinh và phát triển của nó.

Kinh Hồi giáo và pháp luật Hồi giáo dựa trên kinh ấy đã quy môn địa lý học và dân tộc học nghiên cứu về các dân tộc khác nhau thành một công thức giản đơn và tiện lợi là chia họ thành hai quốc gia và hai dân tộc: tín đồ chính giáo và tín đồ dị giáo. Tín đồ dị giáo tức là: "người Khác-bi", là kẻ thù. Đạo Hồi đặt tín đồ dị giáo ra ngoài vòng pháp luật và gây ra trạng thái thường xuyên thù địch giữa những người Hồi giáo và những tín đồ dị giáo. Theo ý nghĩa đó, các tàu cướp biển của các quốc gia Béc-be-ri¹⁰⁷ là hạm đội thần thánh của đạo Hồi. Nhưng làm thế nào mà các thần dân theo đạo Cơ Đốc của Chính phủ Thổ Nhĩ Kỳ lại có thể tồn tại cùng với kinh Hồi Giáo được?

"Khi thành phố đầu hàng", - luật pháp Hồi giáo nói, - "và cư dân của nó đồng ý trở thành *rai-a*, thành những thần dân của vua Hồi giáo, mà không từ bỏ tín ngưỡng của mình, thì họ phải nộp *kha-ra-giơ* (thuế thân); họ ký kết đình chiến với các tín đồ chính giáo, và không ai được xâm phạm nhà cửa hoặc tài sản của họ... Trong tình hình đó, các nhà thờ cũ của họ được coi là một bộ phận của tài sản của họ và họ được phép hành lễ ở đấy. Nhưng họ không được phép xây cất nhà thờ mới. Họ chỉ được quyền tu sửa hoặc khôi phục lại những chỗ đổ nát. Từng thời kỳ nhất định, tổng đốc các tỉnh sẽ cử phái viên đi kinh lý nhà thờ và thánh thất của tín đồ Cơ Đốc giáo để kiểm tra xem có tình trạng mượn cố sửa chữa nhà cũ để xây nhà mới không. Khi thành phố bị đánh chiếm, thì cư dân có thể giữ các khu nhà thờ của mình, nhưng chỉ để làm nơi trú ngụ hoặc lánh nạn, chứ không được phép hành lễ ở đấy"¹⁰⁸.

Vì Công-xtăng-ti-nô-plơ, cũng như nói chung một phần lớn bộ phận châu Âu thuộc Thổ Nhĩ Kỳ đã đầu hàng, nên các tín đồ Cơ Đốc giáo ở đó được hưởng đặc quyền sống như *rai-a* dưới sự bảo hộ của Chính phủ Thổ Nhĩ Kỳ. Họ sở dĩ được hưởng đặc quyền đó, là vì họ đồng ý tự đặt mình dưới quyền bảo hộ của người Hồi giáo. Do đó, chỉ với lý do là tín đồ Cơ Đốc giáo phải phục tùng sự quản lý của người Hồi giáo, chiếu theo luật Hồi giáo, đại giáo chủ ở Công-xtăng-ti-nô-plơ, người đứng đầu tôn giáo của họ, đồng thời cũng là đại biểu chính trị và thẩm phán tối cao của họ. Tại Đế quốc Ôt-tô-man, hễ nơi nào mà chúng ta thấy *rai-a* theo đạo

Chính thống cư trú tập trung là nơi ấy, theo luật pháp, tổng giám mục và giám mục đều là ủy viên của hội đồng thị chính và, dưới sự lãnh đạo của đại giáo chủ, quản lý việc phân bổ thuế khóa cho các tín đồ Chính thống giáo. Đại giáo chủ chịu trách nhiệm trước Chính phủ Thổ Nhĩ Kỳ về hành vi của các đồng đạo của mình. Nắm quyền xét xử *rai-a* thuộc giáo hội mình, đại giáo chủ có thể ủy quyền ấy cho tổng giám mục và giám mục thực hiện trong phạm vi giáo khu của họ, bản án do tổng giám mục và giám mục quyết định sẽ giao cho các quan chức, thẩm phán Thổ Nhĩ Kỳ thi hành. Họ có quyền xét xử phạt tiền, phạt giam, phạt trượng và đưa đi phát vãng. Ngoài ra họ còn được giáo hội cho quyền rút phép thông công. Ngoài phạt tiền, họ còn thu các khoản thuế về các vụ án dân sự và thương nghiệp. Mỗi cấp trong ngạch bậc giáo phẩm đều có giá cả của nó. Để được thụ phong, đại giáo chủ phải nộp cống vật nặng nề cho Đì-van, nhưng đến lượt mình, ông ta lại bán các chức vị tổng giám mục và giám mục cho các tăng lữ của mình, bọn này lại tự khoe thưởng bằng việc bán các chức vị thấp hơn, và bằng các khoản cống nạp thu của các giáo sĩ. Các giáo sĩ lại đem bán lẻ quyền lực mua được của cấp trên, và đem buôn bán tất cả các dịch vụ của mình: lễ rửa tội, kết hôn, ly hôn và di chúc.

Qua exposé* ấy có thể thấy rõ rằng hệ thống thống trị của giới tăng lữ đối với tín đồ Cơ Đốc giáo theo đạo Chính thống ở Thổ Nhĩ Kỳ và toàn bộ xã hội của nó đều dựa trên nền tảng *rai-a* phục tùng kinh Hồi giáo, kinh này, về phía nó, lại coi họ như tín đồ dị giáo, tức là như một dân tộc độc lập theo ý nghĩa tôn giáo, chuẩn y sự thống nhất quyền lực tôn giáo và thế tục vào tay các giáo sĩ của họ. Vì vậy, xóa bỏ sự phụ thuộc của họ vào kinh Hồi giáo bằng sự giải phóng về mặt thế tục - tức là đồng thời xóa bỏ sự phụ thuộc của họ đối với giới tăng lữ và gây ra cuộc cách mạng của họ về các mặt xã hội, chính trị và tôn giáo, cuộc cách mạng này trước hết không tránh khỏi đẩy họ vào vòng tay của nước Nga. Ai muốn thay kinh Hồi giáo bằng code civil^{2*}, thì người đó phải cải tạo toàn bộ kết cấu của xã hội Bi-dăng-xơ theo kiểu Tây Âu.

Quan hệ giữa dân Hồi giáo và thần dân Cơ Đốc giáo của họ là như vậy. Nhưng lại nảy ra vấn đề: quan hệ giữa người Hồi giáo và người nước ngoài theo dị giáo thì sao?

1* - sự trình bày

2* - bộ dân luật

Vì kinh hồi giáo tuyên bố rằng tất cả người nước ngoài đều là kẻ thù cả, nên không một ai dám đến nước Hồi giáo mà không có biện pháp phòng ngừa. Vì vậy lớp thương nhân châu Âu đầu tiên mạo hiểm buôn bán với các dân tộc này thì ban đầu ra sức bảo đảm cho cá nhân mình được hưởng những điều kiện đặc biệt và các đặc quyền, nhưng, sau này những thứ đó được mở rộng cho cả nước họ. Sự xuất hiện của quy định tối ưu là như vậy. Những quy định ưu đãi - đó là những chứng chỉ của đế chế, những giấy chứng nhận đặc quyền mà Chính phủ Thổ Nhĩ Kỳ cấp cho các quốc gia châu Âu và cho phép thần dân của các nước ấy được vào đất Hồi giáo mà không bị trở ngại gì, được hoạt động kinh doanh ở đấy và được làm lễ theo nghi thức của mình. Nó khác với các hiệp ước ở đặc điểm lớn nhất là, nó không phải là một hiệp định dựa trên cơ sở có đi có lại, không qua việc cùng nhau thương lượng của các bên hữu quan và cũng không có sự phê chuẩn của các bên đó trên cơ sở cùng có lợi và nhân nhượng lẫn nhau. Trái lại, các quy định ưu đãi là sự ưu đãi đơn phương do một chính phủ ban hành cho, do đó, chính phủ này có thể tự ý quyết định huỷ bỏ. Và sự thực thì Chính phủ Thổ Nhĩ Kỳ đã nhiều lần thủ tiêu các đặc quyền mà nó dành cho một quốc gia nào đó, đem ban đặc quyền ấy cho các quốc gia khác, hoặc hoàn toàn huỷ bỏ, từ chối tiếp tục tuân theo. Tính chất không ổn định ấy của các quy định ưu đãi khiến nó trở thành nguyên nhân vĩnh viễn của những cuộc tranh chấp, những sự khiêu nại giữa các vị đại sứ và tạo ra sự trao đổi không bao giờ chấm dứt những công hàm và sắc lệnh mâu thuẫn nhau được ban bố lại mỗi khi một vị vua mới lên ngôi.

Chính từ các quy định ưu đãi ấy bắt đầu sản sinh ra quyền *bảo hộ* của các cường quốc khác không phải đối với các thần dân Cơ Đốc giáo của Chính phủ Thổ Nhĩ Kỳ - là rai-a, mà là đối với các đồng đạo của mình đang lui tới Thổ Nhĩ Kỳ hoặc cư trú ở đấy với tư cách người nước ngoài. Cường quốc đầu tiên được quyền bảo hộ ấy là Pháp. Các quy định ưu đãi được ký kết giữa Pháp và Chính phủ Đế quốc Ôt-tô-man năm 1535 dưới thời Xu-lây-man Đại đế và Phrăng-xoa I, năm 1604 dưới thời A-khmet I và Hăng-rích IV và năm 1673 dưới thời Mếch-khơ-mét IV và Lu-i XIV đã được khôi phục lại, được xác nhận, nhắc lại và bổ sung năm 1740 trong tập hiệp ước lấy tên là: "Những

quy định ưu đãi và những hiệp ước cũ và mới giữa triều đình Pháp và Chính phủ Thổ Nhĩ Kỳ Ôt-tô-man được khôi phục lại và được bổ sung năm 1740 sau công nguyên, tức năm 1153 theo lịch Hồi giáo do ông Đê-van, bí thư - phiên dịch của nhà vua và chánh phiên dịch của nhà vua trong triều đình Ôt-tô-man, dịch tại Công-xtăng-ti-nô-plo" (bản dịch chính thức đầu tiên được Chính phủ Thổ Nhĩ Kỳ phê chuẩn)¹⁰⁹. Điều 32 của hiệp định ấy quy định Pháp được quyền mở rộng quyền bảo hộ của mình đối với tất cả các tu viện trong đó truyền bá đạo "Phrăng-cơ", bất kể những tu viện ấy thuộc nước nào, cũng như đối với tất cả những người phrăng hành hương đến đất thánh.

Nga là cường quốc đầu tiên vào năm 1774 đã đưa quy định ưu đãi - soạn theo gương Pháp - vào *hiệp ước* gọi là Hiệp ước Cai-nắc-gia. Cũng vậy, năm 1802 Na-pô-lê-ông cho rằng biến quy định ưu đãi thành một điều khoản của hiệp ước và duy trì nó, và làm cho nó mang tính chất ràng buộc lẫn nhau của hiệp ước, là điều có lợi.

Vấn đề đất thánh thì có quan hệ gì với vấn đề quyền bảo hộ?

Vấn đề đất thánh là vấn đề bảo hộ các giáo đoàn của các tín đồ Cơ Đốc giáo theo đạo Chính thống ở Giê-ru-xa-lem và các đền đài họ chiếm hữu ở đấy, đặc biệt là ngôi đền trên mộ thánh. Rõ ràng là trong trường hợp này, sự chiếm hữu không có nghĩa là quyền sở hữu mà kinh Hồi giáo bác bỏ đối với các tín đồ Cơ Đốc giáo, mà chỉ là quyền *sử dụng*. Quyền *sử dụng* ấy tuyệt nhiên không loại trừ khả năng cho các giáo đoàn khác thực hiện việc hành lễ của họ cũng ở nơi ấy; người chiếm hữu không có đặc quyền gì khác, ngoài quyền giữ *chùa khoá*, trông nom và tu sửa đền đài, đốt đèn thờ, quét dọn nhà cửa và rải thảm, những việc mà ở phương Đông người ta cho là tượng trưng cho sự sở hữu. Đất thánh được coi như vật tượng trưng cho đạo Cơ Đốc, cho nên vấn đề bảo hộ - liên quan đến đất thánh - mang tính chất gay gắt nhất.

Tham gia chiếm hữu đất thánh và ngôi đền trên mộ thánh có các tín đồ Thiên chúa, tín đồ Chính thống giáo, người Ác-mê-ni-a, người A-bít-xi-ni, người Xi-ri và người Cốp-tơ. Cuộc xung đột đã nảy sinh giữa tất cả các bên tranh chấp ấy. Bọn vua chúa châu Âu nhận thức

rằng những cuộc tranh chấp tôn giáo ấy thể hiện vấn đề ảnh hưởng của mình ở phương Đông, nên đã hướng trước hết đến các chủ nhân của mảnh đất ấy - bọn pa-sa cuồng tín và tham lam, lạm dụng địa vị của mình. Chính phủ Đế quốc Ôt-tô-man và bọn quan lại của nó hết sức tinh thông, système de bascule^{1*} phức tạp và giải quyết vấn đề lần lượt có lợi cho các tín đồ Thiên chúa giáo, tín đồ Chính thống giáo và người Ác-mê-ni-a, đòi vàng và nhận được vàng của bên này và bên kia và giấu cọt tất cả bọn họ. Người Thổ Nhĩ Kỳ vừa trao cho các tín đồ Thiên chúa giáo sắc lệnh chiếm hữu khu vực tranh chấp, thì người Ác-mê-ni-a đã đến với túi tiền nặng hơn và phút chốc đã nhận được một sắc lệnh ngược lại. Sách lược ấy cũng được sử dụng đối với các tín đồ Chính thống giáo, những người này lại còn - điều này đã được xác nhận chính thức trong các sắc lệnh của Chính phủ Thổ Nhĩ Kỳ và trong các "hát-giết" (mệnh lệnh) của các quan lại của nó - tìm mọi cách tự tạo ra các thứ giấy chứng nhận giả mạo về quyền chiếm hữu. Trong những trường hợp khác, các quyết định của Chính phủ Thổ Nhĩ Kỳ trở thành vô giá trị vì sự vụ lợi và ác ý của bọn pa-sa và quan lại cấp dưới ở Xi-ri. Bấy giờ phải đàm phán lại, cử các phái viên mới và lại phải hy sinh những khoản tiền mới. Việc mà Chính phủ Thổ Nhĩ Kỳ trước kia làm vì tiền, thì hiện nay làm vì sợ, để được sự bao che và bảo hộ. Sau khi nhượng bộ trước các yêu sách của Pháp và những tham vọng của các tín đồ Thiên chúa giáo, nó vội vã có những nhượng bộ như vậy đối với Nga và các tín đồ Chính thống giáo, cố làm như vậy để lẩn tránh cơn bão táp mà nó không đủ sức chống đỡ. Quả thực không có vật thiêng liêng nào, thánh đường nào, viên đá nào của ngôi đền trên mộ thánh lại không bị lợi dụng để gây ra các cuộc tranh chấp giữa các giáo đoàn Cơ Đốc giáo khác nhau.

Xung quanh mộ thánh, chúng ta thấy sự hội tụ vô số các giáo phái Cơ Đốc giáo, đằng sau những tranh chấp tôn giáo của họ cũng ẩn giấu một số lượng nhiều như vậy những cuộc tranh chấp chính trị và dân tộc.

Ở Giê-ru-xa-lem và đất thánh cư trú nhiều dân tộc khác nhau, mà theo tín ngưỡng tôn giáo thì được phân chia thành tín đồ Thiên chúa giáo, tín

1* - hệ thống cọt du

đồ Chính thống giáo Hy Lạp, người Ác-mê-ni-a, người Cóp-tơ, người A-bít-xi-ni và người Xi-ri. Tín đồ Chính thống giáo Hy Lạp có 2000, tín đồ Thiên chúa giáo - 1000, người Ác-mê-ni-a - 350, người Cóp-tơ - 100, người Xi-ri - 20 và người A-bít-xi-ni - 20. Tổng cộng là 3490. Ở Đế quốc Ôt-tô-man có 13730000 tín đồ Chính thống giáo Hy Lạp, 2.400.000 người Ác-mê-ni-a, và 900000 tín đồ thiên chúa giáo. Mỗi một nhóm này, đến lượt nó, lại được chia thành những nhóm nhỏ hơn. Giáo hội Chính thống giáo Hy Lạp - mà tôi đã nói trên kia và nó thừa nhận đại giáo chủ Công-xtăng-ti-nô-plơ - về căn bản khác với giáo hội Chính thống giáo Nga mà người nắm quyền tối cao trong giáo hội là Nga hoàng, và về căn bản khác với giáo hội Chính thống giáo Hy Lạp mà người đứng đầu tối cao là quốc vương và hội đồng thánh giáo A-ten. Cũng như vậy, các tín đồ Thiên chúa giáo được chia ra thành các tín đồ Thiên chúa giáo La Mã, tín đồ giáo phái hợp nhất Hy Lạp và giáo phái Ma-rông; người Ác-mê-ni-a, được chia ra thành phái Gri-gô-ri và phái Thiên chúa giáo Ác-mê-ni-a; người Cóp-tơ và người A-bít-xi-ni cũng được chia nhỏ ra như vậy. Ba giáo hội có thể lực nhất ở đất thánh là giáo hội Chính thống giáo Hy Lạp, giáo hội Thiên chúa giáo và giáo hội Ác-mê-ni-a. Có thể nói rằng giáo hội Thiên chúa giáo chủ yếu là đại biểu cho các dân tộc la-tinh; giáo hội Chính thống giáo Hy Lạp chủ yếu đại biểu cho người Xla-vơ, người Xla-vơ thuộc Thổ Nhĩ Kỳ và người Hy Lạp, giáo hội còn lại chủ yếu đại biểu cho các dân tộc châu Á và châu Phi.

Có thể hình dung được dễ dàng tất cả những phần tử thù địch ấy đang bao vây mộ thánh như thế nào, bọn tăng lữ tiến hành chiến tranh ra sao, một cuộc chiến tranh mà lý do bên ngoài là chiếm lấy ngôi sao Vi-phơ-lem, một mảnh màn thờ nào đó, chiếc chìa khóa của điện thánh, bàn thờ, mộ thánh, chiếc ngai, chiếc gối thần - tóm lại là đeo đuổi một thứ đặc quyền thật lố bịch!

Để hiểu được cuộc thập tự chinh của bọn tăng lữ, cần thấy được, trước hết, lối sống của họ và, thứ đến là tính chất của nhà ở của họ.

Một du khách đã trình bày cách đây không lâu về điều đó như sau:

"Tất cả những cận bả tôn giáo ấy thuộc các dân tộc khác nhau sống ở Giê-ru-xa-lem một cách cách biệt, thù hằn và cạnh tranh với nhau; đây là đám cư dân lang thang thường xuyên được bổ sung từ số người hành hương và thường xuyên chết vì dịch hạch và nghèo đói. Qua mấy năm, người châu Âu chết đi hoặc trở về châu Âu, các pa-sa và đội cảnh vệ của họ về Đa-mát hoặc Công-xtăng-ti-nô-plơ, còn người A-rập chạy vào sa mạc. Giê-ru-xa-lem là nơi mà mỗi người đến

đầy đều tạm trú một thời gian ngắn, nhưng không ai muốn định cư. Ở thành phố thánh này, mỗi người đều tìm thấy nguồn sống trong tôn giáo của mình - tín đồ Chính thống giáo Hy Lạp và người Ác-mê-ni-a sống nhờ của bố thí của 12000 hoặc 13000 khách hành hương hàng năm đến Giê-ru-xa-lem, tín đồ Thiên chúa giáo sống nhờ trợ cấp và của bố thí mà họ nhận được của các giáo hữu của họ ở Pháp, I-ta-li-a v.v".

Ngoài các tu viện và các điện thánh, tín đồ Cơ Đốc giáo ở Giê-ru-xa-lem còn chiếm hữu những ngôi nhà ở nhỏ, hoặc các phòng tu được xây dựng gần ngôi đền trên mộ thánh và là nơi ở của các tăng lữ phải ngày đêm trông coi đất thánh ấy. Trong từng thời hạn nhất định, các tăng lữ thực hiện những chức trách ấy sẽ thay thế nhau. Các phòng tu chỉ có một cửa thông sang đền thờ; tăng lữ làm nhiệm vụ canh giữ nhận thức ăn từ bên ngoài qua một cửa sổ nhỏ. Cửa chính của ngôi đền bao giờ cũng khóa và do người Thổ Nhĩ Kỳ trấn giữ, bọn này chỉ mở sau khi được cho tiền và tùy ý đóng lại do tính đồng bóng hoặc tính tham lam mà thôi.

Ma-da-ri-ni nói rằng cuộc tranh chấp giữa các giáo sĩ bao giờ cũng độc ác hết mức. Còn có gì để nói về những vị giáo sĩ ấy, không những tất cả đều sống nhờ vào đất thánh mà còn cùng nhau chung sống ở đất thánh ấy! Để cho bức tranh được hoàn hảo, còn phải nêu thêm rằng những cha cố thuộc giáo hội Thiên chúa giáo hầu như gồm toàn người La Mã, người Xắc-đi-ni, người Na-plơ, người Tây Ban Nha và người Áo, tất cả đều ghen ghét sự bảo hộ của Pháp mà họ khao khát thay thế bằng sự bảo hộ của Áo, của Xắc-đi-ni hoặc của Na-plơ; hơn nữa, cả hai quốc vương Xắc-đi-ni và Na-plơ đều tự phong là "quốc vương Giê-ru-xa-lem". Còn phải bổ sung thêm là cư dân định cư ở Giê-ru-xa-lem có 15500 người trong đó có 4000 người Hồi giáo, và 8000 người Do thái. Người Hồi giáo chỉ chiếm một phần tư toàn bộ cư dân và bao gồm người Thổ Nhĩ Kỳ, người A rập và người Mô-rơ, dĩ nhiên, họ là chủ nhân về tất cả mọi mặt, vì rằng sự yếu kém của Chính phủ Thổ Nhĩ Kỳ ở Công-xăng-ti-nô-plơ hoàn toàn không ảnh hưởng gì đến địa vị của họ. Cảnh nghèo nàn và những đau khổ mà người Do Thái ở Giê-ru-xa-lem phải chịu đựng là không bút nào mô tả được, họ sống ở khu phố bẩn thỉu nhất của thành phố, khu đó được gọi là Ha-rét-en - I-a-hút, ở vào giữa núi Xi-ôn và Mô-ri-a, nơi có nhà thờ của họ, và họ thường xuyên bị người Hồi giáo áp bức và bài xích; bị tín đồ Chính thống giáo lăng nhục, bị tín đồ Thiên chúa giáo hăm hại, họ chỉ sống nhờ vào của bố thí ít ỏi nhận được của các đạo hữu của họ ở châu Âu. Những người Do Thái ở đây không phải là dân bản địa, mà là những

người sinh ra ở các nước xa xôi và bị thu hút về Giê-ru-xa-lem chỉ vì nguyện vọng muốn sống ở thung lũng sông I-ô-xa-phát và chết ở chính nơi mà đáng cứu thế phải xuất hiện.

"Họ chờ đợi cái chết", - "một nhà văn Pháp viết, - "trong nhần nại và cầu nguyện. Mất hướng về núi Mô-ri-a, nơi đã từ thuở nào sừng sững ngôi đền của Xa-lô-mông, nhưng họ không được phép đến gần, họ nhỏ lệ cho sự bất hạnh của núi Xi-ôn và khóc than cho cảnh sống lang bạt của mình trên khắp thế gian".

Thêm vào đó, năm 1840, Anh và Phổ đã cử một giám mục quốc giáo Anh đến Giê-ru-xa-lem với mục đích rõ ràng là đưa những người Do Thái ấy về nguyên quán. Năm 1845, vị giám mục ấy đã bị người Do Thái, cũng như những tín đồ Cơ Đốc giáo và người Thổ Nhĩ Kỳ nện cho một trận nên thân và đem chế nhạo. Về ông ta, sự thực thì có thể nói rằng, ông ta là nguyên nhân đầu tiên và duy nhất của sự hợp nhất tất cả các tôn giáo ở Giê-ru-xa-lem.

Bây giờ thì mọi người đều rõ, tại sao lễ cầu nguyện chung của tín đồ Cơ Đốc ở đất thánh lại biến thành "những cuộc ẩu đả kiểu Ai-rơ-len", mang tính chất tuyệt vọng, không bao giờ kết thúc giữa các nhóm tín đồ khác nhau; nhưng, mặt khác, những cuộc ẩu đả thần thánh ấy chỉ được dùng làm bình phong cho một cuộc chiến tranh không những giữa các quốc gia mà còn giữa các dân tộc, và vấn đề bảo vệ đất thánh xem ra rất đáng buồn cười đối với người châu Âu, nhưng lại rất đổi quan trọng đối với người phương Đông, chỉ là một giai đoạn của vấn đề phương Đông thường xuyên xuất hiện lại, bao giờ cũng bị làm lu mờ đi, nhưng không bao giờ giải quyết được.

*Do C.Mác viết ngày 28 tháng Ba 1854
Đã đăng trên tờ "New-York, Daily
Tribune" số 4054, ngày 15 tháng Tư 1854
Ký tên: Các Mác*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Anh*

C.MÁC

NHỮNG CUỘC TRANH LUẬN Ở NGHỊ VIỆN VỀ CHIẾN TRANH

Luân Đôn, thứ ba, ngày 4 tháng Tư 1854

Một trong những nét đặc biệt của tấn bi kịch nước Anh - làm tổn thương đến tình cảm của người Pháp đến nỗi cả Vôn-te cũng gọi Sếch-xpia là một kẻ mọi rợ say rượu¹⁰ - là sự xáo trộn kỳ quặc giữa cái cao thượng và cái hèn hạ, giữa sợ hãi và sự hài hước, giữa cái anh hùng và sự khôi hài. Nhưng không có chỗ nào mà Sếch-xpia lại trao cho anh hề cái nhiệm vụ nói lời giáo đầu cho một tấn bi kịch anh hùng. Vinh dự của sự phát minh ấy thuộc về nội các liên hợp. Ngài A-bóc-đin đóng vai nếu không phải là anh hề Anh, thì cũng là nhân vật Păng-ta-lông của I-ta-li-a¹¹. Đối với một kẻ quan sát hời hợt, thì dường như mọi phong trào lịch sử vĩ đại rút cục đều biến thành một vở kịch vui hoặc, ít ra, thành một điều tầm thường. Nhưng mở màn kiểu ấy chính là cái đặc điểm vốn có ở vở bi kịch mang tên là *cuộc chiến tranh với nước Nga*, mà màn đầu đã đồng thời khai diễn vào chiều thứ sáu tại cả hai viện của quốc hội rồi; ở đây người ta đã thảo luận và nhất trí thông qua văn kiện phúc đáp của nội các đối với chiếu chỉ của nữ hoàng, với dự định là, chiều hôm qua có thể đệ trình văn kiện phúc đáp ấy lên nữ hoàng đang ngự trên ngai vàng ở cung điện Bắc-kinh-hêm. Cái điều diễn ra ở thượng nghị viện có thể được giải thích rất ngắn gọn. Huân tước Cla-ren-đôn trình bày quan điểm của chính phủ, huân tước Đốc-bi trình bày quan điểm của phe đối lập. Bên này nói với tư cách là người nắm chính quyền, bên kia nói với tư cách là người bị gạt khỏi chính quyền.

Huân tước A-bóc-đin, vị bá tước cao quý đứng đầu chính phủ, người được ủy quyền "sắc sảo" của Nga hoàng ấy, A-bóc-đin "đáng yêu, tốt bụng, lỗi lạc" của Lu-i Phi-líp ấy, vị "thân sĩ đáng kính" của Pi IX ấy, tuy kết thúc bài thuyết giáo của mình bằng cái giọng than vãn thông thường về hòa bình, nhưng trong phần lớn thời gian phát biểu của mình đã làm

cho các vị thượng nghị sĩ cười ầm lên, vì ông tuyên chiến không phải với nước Nga mà là với tờ tuần báo Luân Đôn "Press". Huân tước Man-mơ-xbê-ri phản đối vị bá tước cao quý. Huân tước Brum, cái "bố già dân đen" ấy, như Uy-li-am Cốp-bét - gọi, đã phát hiện rằng cuộc đấu tranh đã bắt đầu này "không phải là dễ chịu". Bá tước Grây dựa theo tinh thần Cơ Đốc giáo vốn có của mình khéo biến các thuộc địa của Anh thành địa ngục buồn thảm nhất trên đời, đã nhắc nhở nhân dân Anh rằng cái giọng điệu và tâm trạng tranh luận về chiến tranh và lòng thù địch đối với Nga hoàng và bọn Cô-dắc của Nga hoàng là không phù hợp với tinh thần mà một dân tộc Cơ Đốc giáo phải có khi bắt đầu tiến hành chiến tranh. Bá tước Hác-uych nêu ý kiến cho rằng những thủ đoạn mà Anh hiện có không đủ để đấu tranh với hạm đội Nga. Binh lực của Anh ở biển Ban-tích phải gồm chỉ ít là 20 chủ lực hạm đầy đủ vũ khí, lương thực với những thủy thủ được huấn luyện, chứ không nên như trước đây, đưa vào tác chiến với một nhóm người vừa mới tuyển mộ, vì rằng đám người như vậy tác chiến trên chiến hạm sẽ tồi hơn ai hết. Hầu tước Lan-xdao-nơ đứng ra bênh vực chính phủ và tỏ ý hy vọng rằng chiến tranh sẽ diễn ra ngắn thôi và kết thúc thắng lợi, vì rằng (điều này chứng minh đầy đủ cho trình độ hiểu biết của huân tước cao quý) "đây không phải là cuộc chiến tranh vương triều thông thường gây ra những hậu quả nghiêm trọng và hết sức khó chấm dứt".

Sau conversazione^{1*} vui vẻ ấy, trong đó mỗi người đều nói lên lời nói của mình, chiếu chỉ đã được thông qua nemine con tradicente^{2*}

Tất cả những điều mới mẻ mà chúng ta biết qua cuộc conversazione ấy đều bao gồm trong mấy lời tuyên bố chính thức của huân tước Cla-ren-đôn và qua một số tài liệu trong lịch sử của bị vong lục bí mật năm 1844. Huân tước Cla-ren-đôn xác nhận rằng "hiện nay, *hiệp nghị với Pháp* chỉ hạn chế ở *trao đổi công hàm* chỉ gồm các chỉ thị về tác chiến". Do đó, hiện nay *không có hiệp ước nào cả* giữa Pháp và Anh. Về Áo và Phổ, huân tước cho biết rằng Áo sẽ giữ sự trung lập vũ trang, còn Phổ - trung lập thông thường, nhưng "trong cuộc chiến tranh sắp sửa nổ ra ở biên giới hai nước ấy, thì họ không thể giữ sự trung lập nào cả". Sau hết, ông ta tuyên bố rằng hòa bình đạt được khi cuộc chiến tranh sắp tới

1* - cuộc tọa đàm, cuộc nói chuyện

2* - không có sự phản đối

kết thúc, chỉ trở thành hòa bình về vang nếu như "có thể bảo đảm được quyền bình đẳng và tự do cho các thần dân theo đạo Cơ Đốc của Thổ Nhĩ Kỳ".

Nhưng chúng tôi được biết rằng tổng giáo trưởng Hồi giáo đã bị cách chức vì từ chối ra Phết-va phê chuẩn hiệp ước xác nhận quyền bình đẳng ấy; vì cư dân Thổ Nhĩ Kỳ cũ ở Công-xtăng-ti-nô-plơ tỏ ra bất mãn cao độ; mà qua bức điện nhận được hôm qua, chúng tôi được biết Nga hoàng tuyên bố với Phổ rằng ông ta sẵn sàng rút quân đội của mình khỏi các công quốc thuộc vùng sông Đa-nuýp, nếu như các cường quốc phương Tây buộc được Chính phủ Thổ Nhĩ Kỳ tiếp nhận hiệp ước ấy. Ông ta không có mục đích nào khác, ngoài việc lật đổ sự thống trị của Ôt-tô-man. Và nếu như các cường quốc phương Tây có ý định thay ông ta làm việc ấy, thì dĩ nhiên ông ta cũng không dám dặt dẹo tới mức đi khai chiến với họ.

Bây giờ chúng ta nói về lịch sử của bị vong lục bí mật, như tôi đã làm sáng rõ qua những lời phát biểu của Đốc-bi, A-bốc-đin, Man-mơ-xbê-ri và Gran-vin. Bị vong lục "phải là một hiệp định lâm thời, có điều kiện và bí mật được ký kết giữa Nga, Áo và Anh về một số công việc chuẩn bị liên quan đến Thổ Nhĩ Kỳ mà cũng buộc pháp phải tham gia không cần sự thỏa thuận trước với Pháp". Bị vong lục ấy được huân tước Man-mơ-xbê-ri mô tả như trên, là kết quả của những cuộc thương lượng bí mật giữa Nga hoàng, bá tước A-bốc-đin, công tước Oen-lin-ton và ngài Rô-bóc-Pin. Chính theo lời khuyên của A-bốc-đin mà Nga hoàng thương lượng với công tước và với ngài Rô-bóc-Pin. Còn một điều chưa rõ trong cuộc tranh luận giữa huân tước A-bốc-đin với những người phản đối ông là, văn kiện này do bá tước Nê-xen-rô-đe thảo ra sau khi Nga hoàng từ Anh trở về Xanh-Pê-téc-bua năm 1844, hay là do chính các vị bộ trưởng Anh thảo ra với tư cách là bản ghi chép lời tuyên bố của hoàng đế.

Thái độ của bá tước A-bốc-đin với văn kiện này khác với thái độ thông thường của một vị bộ trưởng đối với bất cứ văn kiện chính thức nào ở chỗ - theo sự khẳng định của huân tước Man-mơ-xbê-ri - có thể được chứng minh bằng một *văn kiện khác không đệ trình trước nghị viện*. Bị vong lục được coi là hết sức quan trọng và không được thông báo cho các cường quốc khác, mặc dù A-bốc-đin cam đoan rằng ông ta đã thông tri "thực chất" của nó cho Pháp. Dù sao thì Nga hoàng vẫn

không biết gì về sự thông báo ấy. Bị vong lục đã được công tước Oen-lin-ton và ngài Rô-bóc-Pin tán thành và phê chuẩn. Nhưng nó không được thông báo và đưa ra thảo luận tại nội các Pin mà bấy giờ huân tước Đốc-bi là một thành viên. Nó không được bảo quản cùng với các giấy tờ thông thường của Bộ ngoại giao; khi nội các có sự thay đổi, bộ trưởng đích thân giao nó cho người kế chân mình bảo quản, cũng ở Bộ ngoại giao không có bản sao nào của văn kiện này. Khi huân tước Đốc-bi nhậm chức, ông ta không biết gì về bị vong lục mặc dầu bản thân ông là thành viên của nội các Pin năm 1844. Khi thôi chức bộ trưởng Bộ ngoại giao, bá tước A-bốc-đin trao chiếc hộp nhỏ đựng bị vong lục cho huân tước Pan-móc-xtôn, huân tước lại trao cái hộp Păng-đo-rô¹¹² ấy cho người kế chân mình là bá tước Gran-vin, bá tước đến lượt mình - theo như chính ông ta nói - đã căn cứ vào yêu cầu của nam tước Brum-nốp, đại sứ Nga, trao hộp ấy cho bá tước Man-mơ-xbê-ri khi ông này vào Bộ ngoại giao. Nhưng xem ra thì lúc đó đã xảy ra sự thay đổi, hoặc nói cho đúng hơn, sự giả mạo chữ ký thực của văn kiện, vì rằng bá tước Gran-vin chuyển nó cho bá tước Man-mơ-xbê-ri có giải thích rằng đây là bị vong lục do *nam tước Brum-nốp* thảo ra theo kết quả hội đàm giữa hoàng đế Nga, ngài Rô-bóc-Pin và huân tước A-bốc-đin, nên nói chung không cần chữ ký của công tước Oen-lin-ton. Không thể tìm ra lý do nào khác cho sự giải thích không chính xác ấy, ngoài ý định xóa nhòa tầm quan trọng của bị vong lục, bằng cách biến nó thành những điều ghi chép thông thường của vị đại sứ, chứ không phải là một văn kiện chính thức do văn phòng triều đình Xanh-Pê-téc-bua phát ra.

Nước Nga hết sức coi trọng văn kiện ấy, nên 48 giờ sau khi huân tước Man-mơ-xbê-ri nhậm chức, nam tước Brum-nốp đã đến yết kiến và hỏi ông Man-mơ-xbê-ri đã đọc nó chưa. Nhưng bấy giờ Man-mơ-xbê-ri chưa đọc, vì rằng văn kiện mãi mấy hôm sau mới được giao cho ông ta. Nam tước Brum-nốp khẩn khoản chỉ cho Man-mơ-xbê-ri rõ cần phải đọc văn kiện ấy, - như ông khẳng định, - nó là *chiếc chìa khóa của mọi cuộc đàm phán với nước Nga*. Tuy nhiên, từ lúc đó ông ta cũng không nói về văn kiện ấy với các ủy viên của Chính phủ Đốc-bi nữa, vì rõ ràng là, ông cho rằng chính phủ của đảng To-ri quá yếu ớt và không ổn định để thi hành chính sách của Nga. Tháng Chạp 1852, Chính phủ Đốc-bi từ chức, và

chẳng bao lâu, ngày 11 tháng Giêng, khi tin tức về sự thành lập nội các liên hiệp vừa truyền đến Xanh-Pê-téc-bua, thì Nga hoàng lại nêu ra vấn đề ấy - điều đó đủ chứng tỏ rằng Nga hoàng tin tưởng "nội các của những tài năng" có thể tiếp tục hành động trên cơ sở bị vong lục ấy.

Như vậy, trước mặt chúng ta là những điều vạch trần làm mất thanh danh, do những nhân chứng xác thực nhất tiến hành ở thượng nghị viện, vì rằng mỗi người trong bọn họ đã có thời từng là thủ tướng hoặc bộ trưởng Bộ ngoại giao Anh. Bộ trưởng Bộ ngoại giao Anh bí mật ký kết "hiệp nghị có điều kiện" với Nga, - bị vong lục viết, - không những không có sự phê chuẩn của quốc hội, mà còn được ký kết ở sau lưng các đồng sự của mình, trong số này chỉ có hai người biết được bí mật ấy. Mười năm nay, văn kiện ấy không được trao cho Bộ ngoại giao; nó do các vị bộ trưởng truyền tay nhau đem bí mật cất giữ. Mỗi lần một vị bộ trưởng nào đó rút khỏi sân khấu là đại sứ Nga liền xuất hiện ở phố Đao-ninh¹¹³ và báo cho người kế chân ông ta để người này nghiên cứu kỹ hiệp ước, một bản hiệp ước bí mật ký kết tuyệt nhiên không phải giữa các đại biểu hợp pháp của quốc gia, mà là giữa một số bộ trưởng của nội các với Nga hoàng, để người này tuân thủ đúng đắn đường lối hành động mà bị vong lục của nước Nga sáng tác tại văn phòng triều đình Xanh-Pê-téc-bua quy định sẵn cho anh ta.

Nếu như đấy không phải là sự phá hoại công khai đối với hiến pháp, nếu như đấy không phải là âm mưu và sự phản quốc, nếu như đấy không phải là hiệp ước bí mật với Nga hoàng, thì chúng ta không hiểu nổi những từ ngữ ấy mang ý nghĩa gì.

Đồng thời qua sự vạch mặt đó, chúng ta biết được tại sao bọn tội phạm cảm thấy mình hoàn toàn yên ổn, lại có thể ung dung tiếp tục cầm lái con thuyền quốc gia chính vào lúc xảy ra cuộc chiến tranh công khai với chính cái nước Nga mà chúng thường xuyên cấu kết - điểm này chúng đã bị vạch mặt. Chúng ta cũng biết tại sao phải đối lập ở nghị viện là một trò bịp thuần túy dùng để làm bực mình chính phủ, nhưng không phải là để ngăn cản hoạt động của chính phủ. Tất cả các bộ trưởng Bộ ngoại giao và, do đó, tất cả các chính phủ thay thế nhau từ năm 1844 đều là tòng phạm; mỗi người đều trở thành như vậy ngay từ lúc anh ta không bỏ công tranh thủ tố cáo người đi trước mình và im lặng nhận chiếc hộp thần bí đó. Chỉ riêng ý định che giấu cũng đủ làm cho mỗi người trong họ trở thành tội nhân. Che giấu âm mưu trước quốc hội, mỗi người do vậy đã

trở thành kẻ tham gia âm mưu. Luật pháp cho rằng kẻ oa trữ đồ ăn trộm là cùng tội với kẻ trộm. Vì vậy mà dù xét xử thế nào đi nữa thì không những nội các liên hiệp, mà cả những đối thủ của nó, không những các bộ trưởng đương nhiệm, mà cả các đảng phái trong quốc hội mà họ đại diện, và không những các đảng phái ấy, mà cả giai cấp thống trị Anh đều sẽ rơi vào sự diệt vong.

En passant*, tôi xin nêu lên rằng, bản tham luận duy nhất đáng chú ý trong thượng nghị viện là của bá tước Đốc-bi. Nhưng sự phê phán của ông ta đối với bị vong lục và việc trao đổi văn kiện bí mật, - tôi cũng có thể nói như vậy về cuộc tranh luận tại hạ nghị viện, - không bao gồm cái gì ngoài những điều mà tôi đã nói với các bạn trong lời bàn rộng của tôi về bị vong lục tai hại và về việc trao đổi văn kiện không bình thường ấy^{2*}.

"Quyền tuyên chiến là đặc quyền, đặc quyền chính đáng của nữ hoàng; và nếu như nữ hoàng đưa ra nghị viện và thông báo cho nghị viện biết rằng nữ hoàng thấy cần phải tiến hành chiến tranh, thì điều đó không thể được dùng làm cái cớ cho hạ nghị viện trình bày ý kiến về việc chiến tranh có thích hợp hay không. Trong trường hợp ấy, trách nhiệm của nghị viện là đoàn kết xung quanh nữ hoàng và chỉ sau này, khi gặp thời cơ thích hợp và phù hợp với hiến pháp, thì mới được thảo luận về chính sách đã có thể đưa tới chiến tranh".

Ngài Đì-xra-e-li tuyên bố như vậy tại hạ nghị viện, và tất cả các hạ nghị viện đều nói như vậy, và cả tờ "Times" cũng dành cả mười bảy cột để đăng bình luận về chính sách ấy. Tại sao vậy? Chính là vì, đây là "thời cơ không thích đáng" và sự bàn suông của họ tất không kết quả. Tuy nhiên, tôi phải loại trừ ngài Lây-ác là người đã tuyên bố thẳng ra rằng:

"Nếu như, sau khi nghe ông phát biểu, nghị viện đi tới khẳng định rằng hành động của các vị bộ trưởng tạo ra cái cớ cho quốc hội chất vấn, thì ông không thoái thác nghĩa vụ mà ông phải gánh vác trong trường hợp này và sẵn sàng yêu cầu các vị bộ trưởng ấn định một ngày nào đó trong thời gian sắp tới để ông có thể đưa ra lời chất vấn ấy".

Bây giờ thì người ta hiểu được tại sao tờ "Times" bắt đầu hoài nghi tính chân thực của những phát hiện về Át-xi-ri của ngài Lây-ác¹¹⁴.

Huân tước Gi. Rốt-xen đọc chiếu chỉ tại hạ nghị viện chỉ khác huân tước Cla-ren-đôn ở chỗ đọc với giọng đặc biệt những từ như: tính bất khả

1* - Tiễn đây

2* - Xem tập này, tr. 155 - 166 và 167 - 183.

xâm phạm, độc lập, tự do, văn minh khiến ông được sự vỗ tay của đám công chúng đơn thuần hơn.

Khi trả lời các vấn đề, ngài Lây-ác đã mắc hai điều sơ xuất lớn ảnh hưởng đến hiệu quả của bài tham luận nhìn chung rất xuất sắc của ông. Một là, ông ta cố chứng minh cho sự tồn tại của hai yếu tố đối lập trong nội các liên hiệp - yếu tố Nga và yếu tố Anh, phe A-bóc-đin và phe Pan-móc-xton, kỳ thực hai phe ấy chẳng khác nhau gì hết, trừ lời nói và cách thức quy lụy trước nước Nga. Một thủ lĩnh là người ủng hộ nước Nga, vì ông ta không hiểu nước Nga, còn thủ lĩnh kia cũng là người ủng hộ nước Nga mặc dù hiểu rõ nước Nga. Do đó, người thứ nhất là kẻ công khai ủng hộ nước Nga, còn người thứ hai là tên mặt vụ của nó. Do đó, người thứ nhất phục vụ một cách vô tự, còn người thứ hai phục vụ vì đồng tiền. Người thứ nhất ít nguy hiểm hơn, vì công khai đối lập với tình cảm của nhân dân Anh; người thứ hai gây ra tai họa không cứu vãn được, vì mạo xưng là hiện thân cho sự hằn thù dân tộc đối với nước Nga. Còn về ngài Lây-ác thì đành phải giả định rằng ông ta không hiểu cái con người mà ông cho là đối lập với A-bóc-đin. Còn như đối với ngài Đì-xra-e-li đã dẫn ra sự đối lập ấy, thì không thể có sự tha thứ đó. Vì rằng không ai hiểu rõ huân tước Pan-móc-xton hơn là vị thủ lĩnh phe đối lập ấy là người từ năm 1844 đã tuyên bố rằng chưa hề có một chính sách đối ngoại của một vị bộ trưởng nào mà lại nguy hại cho lợi ích của Anh như chính sách của huân tước cao quý. Điều sơ xuất thứ hai mà ngài Lây-ác mắc phải là sự khẳng định rằng tờ "Times" là cơ quan ngôn luận công khai của phe A-bóc-đin, theo căn cứ là, thông thường chỉ hai ba ngày sau khi chính phủ nhận được công văn trao đổi bí mật và được giữ kín là tờ báo này đã sử dụng tài liệu trong đó để viết xã luận hùng thuyết phục cả nước đồng ý với sự cấu kết nhục nhã được xếp đặt ở Xanh-Pê-téc-bua; điều đó đặc biệt rõ ràng ở những bài đăng vào tháng Hai và tháng Ba năm ngoái. Nếu như ngài Lây-ác làm giống như huân tước Pan-móc-xton - giả định rằng tài liệu ấy do đại sứ Nga ở Luân Đôn cung cấp cho tờ báo - thì tốt hơn; điều đó cho phép vạch mặt cả tờ "Times" lẫn Bộ ngoại giao ở chỗ cả hai đều là cơ quan ngôn luận của nội các Xanh-Pê-téc-bua.

Sau khi cho rằng tờ "Times" thực sự đại diện cho một lực lượng lớn hơn chính phủ liên hiệp, không phải vì quan điểm của nó, mà vì những

tin tức phơi trần tính chất phản bội của thư tín trao đổi bí mật ấy, tôi xin dẫn ra đây toàn bộ lời tuyên bố của ngài Lây-ác chống lại tờ báo ấy.

"Ở Anh nhận được văn kiện mật đầu tiên vào ngày 23 tháng Giêng 1853, mà ngày 26 cùng tháng, tờ "Times" đã đăng bài thứ nhất trong những bài mà diễn giả dẫn chứng. Văn kiện tiếp theo nhận được vào ngày 6 tháng Hai 1853 và ngày 11 cùng tháng, tức sau 4 ngày, tờ "Times" đã đăng một bài đặc biệt có trích dẫn dưới đây. Bài báo viết: "Chúng tôi không cho rằng mục đích của chính sách của Nga là đẩy nhanh thảm họa ở phương Đông; Anh lại tỏ ra có những giúp đỡ tốt lành để làm dịu sự nguy hiểm của tình hình đang trở nên nguy kịch. Nhưng chúng ta không được quên rằng ý định kéo dài quyền lực thô bạo và thói nát của người Thổ Nhĩ Kỳ ở châu Âu chỉ có thể được thực hiện với cái giá là đặt các tỉnh trù phú và cư dân Cơ Đốc giáo đông đảo dưới nền thống trị dã man; chúng ta sẽ hài lòng, nếu như nền văn minh và đạo Cơ Đốc khắc phục được tai ương do cuộc chinh phục của Đế quốc Ôt-tô-man gây ra".

Tờ "Times" số ra ngày 23 tháng Hai 1853 - sau một loạt ý kiến nhận xét về sự kiệt quệ của Thổ Nhĩ Kỳ - lại tuyên bố:

"Sự cực kỳ sa sút về chính trị, tình trạng hoàn toàn thiếu người có năng lực và liêm khiết trong số những kẻ nắm quyền ở Thổ Nhĩ Kỳ, sự giảm sút cư dân Hồi giáo và cái ngăn khổ kiệt quệ của Chính phủ Thổ Nhĩ Kỳ lại được kết hợp - một cách tương phản đến lạ lùng - với sự thống trị một số vùng phì nhiêu nhất, những cảng tốt nhất và sự thống trị một dân tộc sáng tạo nhất và tài năng nhất ở miền Nam châu Âu... Thật khó hiểu được, tại sao tội ác to lớn như thế và rành rành như thế mà vẫn có được - trong một thời gian dài như thế - những kẻ bảo hộ trong giới các nhà hoạt động chính trị coi tội ác đó như là điều thiện tương đối; mặc dù chúng ta biết được những khó khăn mà bất cứ cuộc biến đổi nào sẽ gây ra trên lãnh thổ của đế quốc rộng lớn như thế, nhưng chúng ta vẫn có ý định dự kiến - không phải với sự lo sợ, mà là với sự hài lòng - cái giờ phút ấy", - tờ "Times" từ đâu mà biết được giờ phút ấy sắp đến? - "khi mà một chính phủ như Chính phủ Thổ Nhĩ Kỳ không thể tiếp tục thống trị một quốc gia như nó hiện đang thống trị. Hoặc giả, thời kỳ ấy sẽ ngắn hơn là người ta thường nghĩ, và, hoặc giả, một số nhà hoạt động nhà nước thông thái đã chuẩn bị những biện pháp cho cái kết cục như thế mà họ không có cách nào tiếp tục trì hoãn không thời hạn. Chúng tôi không cho rằng và cũng không có ý định giả định rằng Áo và Nga hiện đang có hoặc đã chuẩn bị sẵn, - mà không báo cho các cường quốc khác ở châu Âu, - những kế hoạch nào đó đối địch đối với những tham vọng về lãnh thổ của Đế quốc Ôt-tô-man. Chúng tôi có đầy đủ căn cứ để nhận định", - khi tờ "Times" tuyên bố như vậy, chúng tôi biết điều đó nghĩa là gì, - "rằng công tước Men-si-cốp được cử từ Xanh-Pê-téc-bua đến Công-xăng-ti-nô-ple với tư cách là đặc sứ mang sứ mệnh đặc biệt là nhân danh hoàng đế Ni-cô-lai tuyên bố rằng Nga hoàng, với tư cách là người đứng đầu giáo hội Chính thống giáo, không thể tự mình tiếp nhận và cũng không thể cưỡng bức giáo hội phương Đông tiếp nhận những điều kiện của sắc lệnh của vua Thổ Nhĩ Kỳ về vấn đề đất thánh mà đại sứ Pháp nhận được gần đây ở nơi thánh địa".

Tin tức đầu tiên về sứ mệnh của hầu tước Men-si-cốp nằm trong những bản báo cáo khẩn của ngài H.Xây-mua nhận được ngày 14 và 21 tháng Hai. Cần nêu rõ rằng ngày 6 tháng Ba 1853 lại nhận được báo cáo khẩn truyền đạt toàn bộ kế hoạch của hoàng đế Nga về việc chia cắt Thổ Nhĩ

Kỳ. Như trên đã nói, văn kiện trả lời báo cáo khẩn ấy mãi đến ngày 23 tháng Ba mới được gửi đi; trước ngày 13 tháng Ba không diễn ra một phiên họp nào của nội các, mặc dầu có một số ủy viên của Chính phủ đã nhận được đề nghị của hoàng đế Nga trước đấy một tuần. Mãi đến ngày 13 tháng Ba, đề nghị đó mới được thông tri cho các đồng sự của họ; thế mà tờ "Times" lại nhận được thông báo sớm hơn, vì rằng ngày 7 tháng Ba, tức ngày hôm sau ngày nhận được báo cáo khẩn mà chưa ai có thể biết được, từ hai hoặc ba ủy viên của nội các, mà cả nhân viên ở Bộ ngoại giao cũng chưa một ai có thể trông thấy, - trên tờ "Times" đã xuất hiện một bài viết chi tiết (Hãy nghe đây! Hãy nghe đây!), trong đó có nói:

"Tình hình Đế quốc Thổ Nhĩ Kỳ và thái độ của các cường quốc châu Âu đối với phương Đông - đó là vấn đề cần được các nhà chính trị và báo chí độc lập phải suy nghĩ kỹ để hình thành và diễn đạt quan điểm của mình, mặc dầu việc thực hiện những kế hoạch tương ứng còn là việc chưa đúng lúc và xa xôi. Các nhà hoạt động Nhà nước buộc phải hoạt động chính trị hàng ngày, và lúc nào cũng phải giữ vững nguyên tắc của cái gọi là sự cần thiết cho quốc gia, nên rất bị hạn chế bởi những khuôn khổ nhỏ hẹp và, hiển nhiên là không thể đưa ra một tư tưởng mới hoặc độc đáo, nếu như tư tưởng ấy không được công chúng chú ý và suy nghĩ chu đáo trước".

Huân tước cao quý cần đặc biệt chú ý đến câu nói sau đây của tờ "Times", vì nó liên quan đến lời bác bỏ của ông ta: "Chính vì vậy mà chúng tôi tuyệt nhiên không ngạc nhiên khi huân tước Giôn Rốt-xen ám chỉ đến những khó khăn xảy ra gần đây ở Thổ Nhĩ Kỳ và nhất là ở biên giới châu Âu giáp Thổ Nhĩ Kỳ, huân tước Giôn Rốt-xen tỏ ra không đồng ý với những quan điểm mà người ta trình bày gần đây về vấn đề ấy, và đến lượt mình, ông ta cũng lặp lại, - với tất cả trách nhiệm của một nhân vật chính thức, - câu chuyện bịa đặt cũ rích về sự toàn vẹn và nền độc lập của Đế quốc Ôt-tô-man. Nhưng, đối với chúng ta, thứ luận cứ ấy chẳng có giá trị gì".

Làm thế nào mà tác giả bài báo biết được sự không đồng ý của huân tước cao quý? (Hãy nghe đây!). Bài báo viết tiếp:

"Chúng tôi không đồng ý với ý kiến của huân tước Giôn Rốt-xen cho rằng dường như đối với châu Âu lúc này không thể có tai họa nào lớn hơn là sự cần thiết thảo luận điều phải làm, nếu như xảy ra vấn đề chia cắt Đế quốc Thổ Nhĩ Kỳ".

Mong nghị viện lưu ý đến những lời sau đây hầu như hoàn toàn trùng hợp với những lời của hoàng đế Nga:

"Chúng tôi cho rằng, sẽ xảy ra tai họa lớn hơn nữa, nếu như việc chia cắt Thổ Nhĩ Kỳ bắt đầu xảy ra trước khi thảo luận vấn đề ấy". (Hãy nghe đây! Hãy nghe đây!). Đó chính là những lời nói ấy. Phía dưới, tác giả bài báo viết tiếp:

"Và chúng tôi phải tỏ sự ngạc nhiên trước việc một nhà hoạt động Nhà nước đem nhập cục cái chính sách mà ông ta phải thi hành trong trường hợp Đế quốc Thổ Nhĩ Kỳ bị tan rã, với chính sách đưa đến sự chia cắt Ba Lan. Dĩ nhiên là, những lý lẽ về tính tất yếu quốc gia vẫn vận dụng được đối với việc giữ gìn sự bất khả xâm phạm và nền độc lập của Đế quốc Thổ Nhĩ Kỳ. Nhưng những lý lẽ đó có thể có nhiều yếu tố phủ định đối lập với nó, trên thực tế chỉ có nghĩa là sợ phải giải quyết vấn đề quan trọng và phức tạp. Sự thực, về vấn đề này đã có những thành kiến thâm căn cố đế được đặc biệt khuyến khích trong mấy năm gần đây, đến nỗi mọi ý định thảo luận vấn đề theo ý nghĩa chân chính của nó đều bị một số giới coi là hành động chính trị đối bại và phá hoại mọi luật pháp gắn bó các quốc gia với nhau".

Bài báo sau đây xuất hiện vào ngày 10 tháng Ba. Có lẽ nghị viện thấy rằng những chứng cứ dẫn ra trước đây nhằm chứng minh tác giả của bài báo đăng trên tờ "Times" đã sử dụng những câu văn chuẩn xác trong báo cáo khẩn, là thiếu sức thuyết phục. Bài báo mà tôi sắp đọc sẽ không để lại sự nghi ngờ nào về điều ấy. Bài báo xuất hiện ngày 10 tháng Ba mở đầu bằng những lời như sau:

"Công tước Men-si-cốp đi chuyến này với sứ mệnh ngoại giao rõ ràng hơn, và chúng tôi có căn cứ để cho rằng những chỉ thị của ông ta mang tính chất hòa giải hơn những chỉ thị của bá tước Lai-ninh-ghen".

Một câu nói tương tự có thể tìm thấy trong công văn khẩn của ngài H.Xây-mua gửi đi ngày 21 tháng Hai:

"Quý ngài (bá tước Nê-xen-rô-de) hy vọng tôi tin tưởng rằng những chỉ thị mà hầu tước Men-si-cốp nhận được sẽ mang tính chất hòa giải".

Bài báo viết tiếp:

"Chúng tôi xin mạnh dạn tuyên bố rằng các nhà hoạt động Nhà nước hiện nay thường tỏ ra lúng túng về các biện pháp khi họ vấp phải vấn đề có liên quan đến nền văn minh ở một số tỉnh lớn, đến việc khôi phục cho bản thân đạo Cơ Đốc cái địa vị ưu việt mà đạo đó đã từng được hưởng ở khắp châu Âu, đến việc bảo đảm tiến bộ và phúc lợi cho hàng triệu người, biện pháp giải quyết duy nhất mà họ có thể đi đến thỏa thuận là quẩn lên cái đầu của người Thổ Nhĩ Kỳ một chiếc khăn và tiếp tục coi đây là vật tượng trưng của sức mạnh và quyền lực".

Ngày 19 tháng Ba, nội các nhóm họp, thảo luận báo cáo khẩn nhận được ngày 6 tháng Ba: văn kiện trả lời báo cáo ấy gửi ngày 23 tháng Ba có một đoạn như sau: "Mặc dầu chính phủ của nữ hoàng cho rằng cần phải giữ vững các nguyên tắc của chính sách đã được huân tước Giôn Rốt-xen trình bày trong văn kiện ngày 9 tháng Hai, nhưng chính phủ vẫn vui lòng ủng hộ nguyện vọng của hoàng đế là tiếp tục thảo luận vấn đề một cách cởi mở".

Cũng ngày hôm ấy, tờ "Times" đăng một bài trong đó có thể tìm thấy những câu đã có trong văn kiện của huân tước Cla-ren-đôn. Bài báo mở đầu như sau:

"Quan điểm của chúng tôi đối với tình hình hiện nay và triển vọng sau này của Đế quốc Ôt-tô-man không nhất trí với quan điểm mà huân tước Gi. Rốt-xen bám giữ và quan điểm này đã được ông thông báo cho hạ nghị viện. Quan điểm ấy cũng khác với chính sách mà nước ta thi hành trước đây trong nhiều trường hợp, và hoàn toàn khác với cái hệ thống đã được phần lớn báo chí Luân Đôn tìm cách bênh vực không lấy gì làm xuất sắc và không được thành công lắm".

Báo chí Anh lấy làm vinh dự ở chỗ nó không theo quan điểm của tờ "Times", mặc dầu nó không có được những mũi tên nhọn hoắt đã từng làm lung lay địa vị của bộ trưởng Bộ thuộc địa và suýt nữa thì lật đổ cả nội các. Ở cuối bài này của tờ "Times" có viết:

"Ngài" (hoàng đế) "tuyên bố rằng nguyện vọng của ngài là duy trì quan hệ tốt đẹp với nước ta và mong được sự tín nhiệm của nước ta. Cuộc thương lượng của ngài về vấn đề ấy sẽ là sự thử thách đối với sự thành thực trong lời hứa của ngài; nhưng về thái độ ôn hòa và thiện chí của ngài đối với Thổ Nhĩ Kỳ và các khu vực khác của châu Âu thì không có sự chứng minh nào tốt hơn là ngài sẵn sàng tiếp tục hợp tác với chính phủ Anh về vấn đề này".

"Chính vào hôm mà tờ "Times" tuyên bố rằng những ý đồ của nó muốn làm cho công chúng Anh chịu chấp nhận sự chia cắt Thổ Nhĩ Kỳ đã không thành công, văn kiện trả lời cho báo cáo khẩn bị trì hoãn 16 ngày trời, đã được gửi tới Xanh-Pê-téc-bua (Hãy nghe đây! Hãy nghe đây!). Không cần làm phiền thêm nghị viện bằng những đoạn trích mới trong tờ "Times" nữa".

Ngài Brai-tơ ủng hộ ngài Cốp-den để lại tạo ra cho huân tước Pan-móc-xtơn cơ hội lấy lòng dân chúng bằng những lời chửi rửa nước Nga và vờ kiên quyết duy trì chính sách chiến tranh. Ở đây, Pan-móc-xtơn nói:

"Nhưng, tôi nghĩ rằng ai đã theo dõi tình hình châu Âu trong một thời kỳ dài thì đều biết rằng quan điểm của Nga đối với Thổ Nhĩ Kỳ đã hình thành không phải hôm qua, cũng không phải gần đây. (Hãy nghe đây!). Mọi người đều biết rằng đã một thời gian dài, chính sách của Nga có mục đích rõ ràng và không thay đổi là chiếm lĩnh ít ra là bộ phận châu Âu của Thổ Nhĩ Kỳ, rồi đến bộ phận châu Á của Thổ Nhĩ Kỳ. Chính sách ấy được thi hành với một quyết tâm nhất quán và có hệ thống. Nó không bao giờ bị bỏ quên. Khi tình hình thuận lợi thì nó tiến một bước, khi gặp trở ngại thì nó lùi một bước, nhưng chỉ là để lợi dụng tốt hơn thời cơ sắp xuất hiện. (Hãy nghe đây! Hãy nghe đây!). Sự trì hoãn không bao giờ là biện pháp thỏa đáng để chế ngự nước Nga và buộc nó phải từ bỏ những kế hoạch của mình. Chính sách của nó là bao giờ cũng nắm vững mục đích của mình - không vội vã, không để mất đi mục tiêu dự định do chiếm lấy quá sớm, nhưng theo sát chính sách của các chính phủ khác ở châu Âu và lợi dụng mọi cơ hội có thể lợi dụng để tiến tới mục tiêu cuối cùng đã đặt ra dù chỉ là nhỏ bé".

Nếu như đối chiếu lời tuyên bố này của huân tước Pan-móc-xtơn với những lời tuyên bố của ông ta trong những năm 1829, 1830, 1831, 1833, 1836, 1840, 1841, 1842, 1843, 1846, 1848, 1849, thì rõ ràng rằng, lời tuyên bố đó không phải để trả lời cho ngài Brai-tơ, như đã từng để trả lời cho chính sách trước kia của bản thân ông ta¹¹⁵. Nhưng chính lúc mà kẻ thù quỷ quyệt ấy cố sức tranh thủ sự đồng tình của công chúng bằng những đòn công kích mãnh liệt vào nước Nga, thì mặt khác, nó cũng đảm bảo cho mình được sự đồng tình của Nga hoàng bằng những ý kiến sau:

"Thưa quý vị, chẳng lẽ tôi lại trách chính phủ Nga về chỗ họ thi hành chính sách như thế ư? Chính sách bành trướng được thực hiện bằng những thủ đoạn hợp pháp, đó là chính sách mà các ngài có thể coi là nguy hiểm cho mình, mà các ngài có thể đấu tranh chống lại, mà các ngài có thể coi đó là sự đe dọa nền độc lập và tự do của các quốc gia khác, nhưng nó không tạo ra cái cớ để lên án chính phủ đang thi hành chính sách ấy, nếu như chính phủ này chỉ dùng những biện pháp công khai, thành thực và được công nhận, mà không có sự giấu diếm, không lẩn tránh và không lừa bịp. Đáng tiếc là tôi phải thừa nhận rằng con đường mà Chính phủ Nga lựa chọn trong tiến trình của những sự kiện gần đây, không phải là con đường công khai và trực tiếp mà nó có thể chứng minh cho cái chính sách được công khai thừa nhận và được mạnh dạn tuyên bố của chính phủ ấy".

Nhưng sự chê trách duy nhất có thể đưa ra đối với chính phủ Nga chính là - như ngài Đi-xra-e-li đã nói - *sự thẳng thắn tai hại* của chính

phủ ấy. Do đó, khi chê trách cái điều mà nước Nga không làm, Pan-móc-xtơn đã hoàn toàn tán thành tất cả những điều mà nước Nga đã làm trên thực tế.

Sự phê phán của ngài Đi-xra-e-li đối với các văn kiện bí mật - cũng như mọi lần - là thông minh, nhưng không đạt được mục đích vì ông tuyên bố rằng phê phán hiện nay là không đúng lúc và ông phát biểu trước nghị viện chỉ nhằm mục đích duy nhất là ủng hộ chiều chỉ của nữ hoàng mà thôi. Thật đáng buồn khi thấy rằng một con người tài ba như vậy lại vì cái thói hám danh lợi nhỏ nhặt và vì những suy tính về chính sách đảng phái mà phải xu nịnh trước một Pan-móc-xtơn nào đó, không những tại nghị viện mà cả trên tờ báo quan trọng của mình là tờ "Press" nữa.

Trong phiên họp hôm qua của nghị viện, ngài Gi. Grê-hêm thông báo đã nhận được tin hạm đội đã tiến vào Hắc Hải và hiện đang ở gần Vác-na.

Huân tước A-bóc-đin tuyên bố tại thượng nghị viện rằng ông dự định vào thứ ba, ngày 11 tháng Tư sẽ đề nghị hoãn phiên họp của nghị viện đến thứ năm, ngày 27 tháng Tư.

*Do C.Mác viết ngày 4 tháng Tư 1854
Đã đăng trên tờ "New-York Daily Tribune"
số 4055, ngày 17 tháng Tư 1854*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Anh*

C. MÁC

* NƯỚC NGA VÀ CÁC CƯỜNG QUỐC ĐỨC. - GIÁ CẢ LÚA MÌ

Luân Đôn, thứ sáu, ngày 7 tháng Tư 1854

Hôm qua, hân tước Cla-ren-đôn tuyên bố tại thượng nghị viện rằng "ông ta có căn cứ để cho rằng" tin tức về cuộc đổ bộ vào Đô-brút-gia của 4000 quân Nga xuất phát từ Ô-đét-xa bằng đường biển là không đúng. Ông không biết rằng hạm đội Nga đã rời Xê-va-xtô-pôn là nơi hầu như vẫn luôn luôn ở dưới tầm quan sát của tàu chiến Anh và Pháp. Còn như việc nằm im của hạm đội thì ông muốn nói rằng, việc phong tỏa Xê-va-xtô-pôn và Ô-đét-xa chỉ có thể bắt đầu với sự tham gia của toàn bộ hạm đội của liên quân và do đang thời tiết xấu mà làm như thế thì thật nguy hiểm. Vì vậy, ông cho rằng giữ hạm đội đậu ở Bâ-y-cô-dơ là điều hoàn toàn thỏa đáng. Phóng viên của tờ "Times" tại Viên đồng ý với ý kiến ấy của hân tước Cla-ren-đôn và, ngoài ra, còn vạch rõ những nguyên nhân thực sự của sách lược của ông ta. Từ khi cuộc đàm phán về "việc giải phóng các tín đồ Cơ Đốc giáo" được công bố, thì sự lo sợ về các cuộc bạo động sẽ nổ ra ở Công-xtăng-ti-nô-pơ càng có căn cứ hơn bao giờ hết. Vì vậy, rút hạm đội khỏi Bô-xpho trước khi có được một lực lượng lục quân đủ sức, có nghĩa là đủ sức buộc người Thổ Nhĩ Kỳ phải im lặng, là điều hết sức "không thỏa đáng".

Tại hạ nghị viện, hân tước Giôn Rốt-xen đã tuyên bố rằng triều đình A-ten phải chịu trách nhiệm về làn sóng phản đối ở Hy Lạp, vì triều đình - ban đầu thì bí mật, còn hiện nay thì công khai - ủng hộ phong trào ấy.

Các cuộc tranh luận tại nghị viện trong tuần này không có gì đáng chú ý, trừ cuộc tranh luận về đề nghị của ngài Mu-rơ về việc lập ra một ủy ban đặc biệt để xét việc bổ nhiệm H.Xtô-no làm thẩm phán ở thuộc địa Vích-to-ri-a. Trong một phiên họp kín của nghị viện người ta đã thẩm tra rõ, tên Xtô-no này đã mắc tội hối lộ trong cuộc bầu cử ở thị trấn Xlai-gô năm 1853. Nghị viện đã quyết định lập ra ủy ban ấy. Nhưng thực ra, việc

truy cứu ngài Xtô-no chỉ là cái cớ để nhen lại trên cơ sở mới cuộc đấu tranh giữa hai phái trong tập đoàn Ai-rơ-len đang bị chia rẽ¹¹⁶. Còn như cái nhóm đạo đức giả của ngài Glát-xtôn và những người ủng hộ phái Pin của ông ta bị lôi kéo và lao vào cái vụ bê bối ở Ai-rơ-len ấy đến mức độ nào, thì có thể thấy được qua đoạn bình luận ngắn sau đây của tờ "Morning Post":

"Trong những thư từ đưa ra, trong những tin đồn đang lưu truyền về những văn kiện trao cho các tiểu ban của nghị viện mấy tuần nay, có nhiều điều làm người ta thêm hoài nghi rằng phái Pin nằm trong nội các liên hiệp từ ít lâu nay đã lợi dụng một cách có hệ thống sự giúp đỡ của bọn tay sai để gây ảnh hưởng đối với cuộc bầu cử ở Ai-rơ-len, và phái này đã cấp tiền cho chúng vì những mục đích ấy. Đặc biệt bị nhiều tai tiếng là công tước Niu-ca-xlơ. Như người ta đã phát hiện, đã có một cuộc hội nghị - hình như, theo chỉ thị của ông ta - bàn về vấn đề cắt nhấc những người thực hiện những mảnh khoé gian lận trong khi bầu cử".

Hôm nay tờ "Daily News" đã đăng hiệp ước ký kết giữa Pháp, Anh, và Thổ Nhĩ Kỳ, tuy nhiên, nội dung của nó chỉ là hiệp định về hoạt động quân sự mà thôi. Các cường quốc phương Tây cố tránh nêu rõ trong hiệp ước những điều kiện thực sự của sự "giúp đỡ" của họ cho "vua Thổ Nhĩ Kỳ". Những điều kiện ấy do hân tước Xơ-rát-phơ đơ Rét-clíp-phơ áp đặt với sự uy hiếp in loco^{1*} rồi lại nêu lên như là một hành động tự nguyện của chính phủ Thổ Nhĩ Kỳ.

Sứ mệnh hòa bình của hân tước Mếch-len-buốc ở Béc-lin không có mục đích nào khác hơn là tạo cho vua Phổ thêm một cái cớ để đứng ngoài khối đồng minh phương Tây. Thư viết từ Béc-lin cho tôi biết rằng, Nga chỉ đồng ý thừa nhận nền trung lập của Thụy Điển trong trường hợp vua Thụy Điển cam kết lại ra lệnh cho các viên chỉ huy ở các cảng của Thụy Điển tuân theo những quy định cũ là trong phạm vi tầm bắn của pháo bờ biển chỉ cho phép đậu nhiều nhất là bốn tàu chiến nước ngoài. Vì mệnh lệnh này về cơ bản khác với những nguyên tắc trung lập được Thụy Điển và Đan Mạch thông qua, nên phải chờ cuộc đàm phán mới, một mặt, giữa các cường quốc Xcăng-đi-na-vơ với nhau, và mặt khác, với các nước phương Tây. Ở Xtốt-khôm đang phổ biến rộng rãi ý kiến cho rằng người Nga bỏ việc chiếm đóng quần đảo A-lăng và đang phá bỏ công sự của họ ở đó đi, chuyển đi theo mình vũ khí và các vật tư chiến tranh khác. Tin điện nhận được hôm nay cho biết điều đó đã được thực hiện rồi¹¹⁷.

1* - tại chỗ

Corps d'observation^{1*} của Áo ở khu vực đông-nam Hung-ga-ri hiện đã ở tư thế hoàn toàn sẵn sàng chiến đấu và đã chiếm lĩnh trận địa ở những nơi quy định cho nó. Việc tập trung cần từ 10 đến 12 ngày. Báo chí Đức nói chung cho rằng, trong trường hợp áo tích cực tham gia về phía Nga, thì đội quân ấy sẽ được phái đi đánh thọc sườn quân Thổ Nhĩ Kỳ và điều đó chẳng có khó khăn gì. Nhưng quân áo chỉ có thể tiến sâu vào đất Thổ Nhĩ Kỳ qua Mê-ha-di-a là nơi mà họ sẽ chạm trán với quân Thổ Nhĩ Kỳ, hoặc qua Ben-grát là nơi mà họ sẽ ở trên cùng một tuyến với sườn trái kéo dài của quân Thổ Nhĩ Kỳ. Vì vậy, rất có khả năng là, nếu như người áo có ý định thù địch mà tiến vào đất Thổ Nhĩ Kỳ, thì họ sẽ từ Ben-grát qua Cru-sva-xơ và Ni-xơ tiến vào Xô-phi-a. Nhưng trong trường hợp này quân Thổ Nhĩ Kỳ sẽ có một chặng đường ngắn hơn để đến Xô-phi-a, nếu như họ từ Vi-đin tiến thẳng về phía nam.

Trong báo cáo của tiểu ban công trái của Phổ trình bày tại hạ nghị viện có giải thích chính sách mà Phổ thi hành về vấn đề phương Đông, có công bố một số văn kiện ngoại giao mà báo chí Anh chưa nắm được. Vì vậy, tôi định trích dẫn trong bản báo cáo đó một số tài liệu quan trọng.

Cuối tháng Giêng, cũng vào lúc mà bá tước Ốc-lốp đưa ra những đề nghị hữu quan với triều đình Áo, thì đại sứ Nga ở Béc-lin lại trao cho Chính phủ Phổ một bản kiến nghị là ba triều đình - Nga, Phổ và Áo - ký kết một nghị định thư chung. Trong lời nói đầu của bản dự thảo nghị định thư có nêu rõ rằng nguyên nhân thúc đẩy của sự cam kết chung này là điều mong muốn - trước những nguy cơ đang đe dọa hòa bình châu Âu - tăng cường chặt chẽ hơn nữa liên minh giữa ba cường quốc và điều chỉnh mối quan hệ giữa họ với nhau, cũng như giữa họ với các cường quốc khác ở châu Âu trong cục diện hiện nay.

Bản dự thảo ấy gồm ba điểm sau:

1. Hai cường quốc Đức chính thức cam kết tuân thủ sự trung lập thật nghiêm chỉnh trong trường hợp Anh và Pháp tích cực tham gia cuộc chiến tranh Nga - Thổ Nhĩ Kỳ; họ còn tuyên bố rằng trong trường hợp bị áp bức mới hoặc bị đe dọa từ phía các cường quốc phương Tây thì họ sẵn sàng - nếu điều đó xét thấy cần thiết - bảo vệ nền trung lập của mình bằng sức mạnh của vũ khí.

^{1*} - Đội quân trinh sát

2 . Ba cường quốc sẽ coi bất cứ sự xâm phạm nào của Pháp hoặc Anh vào lãnh thổ của Áo, Phổ hoặc bất kể quốc gia Đức nào khác đều là sự xâm phạm vào lãnh thổ của chính mình và sẽ giúp đỡ nhau để đánh trả sự xâm lược, căn cứ vào tình hình và hiệp định chung về quân sự (hiệp định này hiện do tướng Hét-xơ và bộ trưởng Bộ chiến tranh Phổ soạn thảo ở Béc-lin).

3 . Hoàng đế Nga khẳng định nguyện vọng của mình là muốn kết thúc chiến tranh *nhANH CHÓNG TRONG CHỜNG MỤC mà lòng tự tôn của ngài và những lợi ích hợp lý đúng đắn của nền đế chế của ngài cho phép*. Tuy nhiên, khi chú ý tới sự phát triển sau này của các sự kiện có thể làm thay đổi tình hình hiện nay ở Thổ Nhĩ Kỳ - đức hoàng đế cam đoan - trong trường hợp nếu như ngài có dự định thương lượng với các cường quốc trên biển về vấn đề này, thì ngài sẽ không có một quyết định nào mà lại không có sự thương lượng trước với *các đồng minh Đức của mình*.

Bản dự thảo đó có kèm theo một văn kiện khẩn của bá tước Ne-xen-rô-đê, trong đó thủ tướng nhắc nhở Phổ và Áo về ý nghĩa quan trọng của liên minh tay ba từ lâu đã là lá chắn của châu Âu. Vì chiến tranh đe dọa, hoàng đế thấy mình có nghĩa vụ phải ra lời kêu gọi trịnh trọng với bạn bè và đồng minh của mình. Lợi ích chung của họ đòi hỏi lập trường của họ đối với những sự kiện quan trọng như thế phải được xác định rõ ràng. Sau khi nêu bật hành động đơn phương của các cường quốc phương Tây, ngài lưu ý họ đến sự coi thường của các cường quốc ấy đối với quyền lợi của các quốc gia Đức. Nước Nga thì khác. Nó sẵn sàng mang một mình gánh nặng của chiến tranh, và không yêu cầu sự viện trợ hoặc hy sinh nào của bạn bè và đồng minh của mình. Sự yên ổn của hai quốc gia và toàn bộ nước Đức là do liên minh của họ quyết định. Bằng cách ấy, họ ngăn cản cuộc khủng hoảng lan rộng, mà có lẽ, còn thúc đẩy giải quyết nó. Tiếp đó, văn kiện khẩn của Nga nêu lên ba khả năng gạt bỏ lẫn nhau đang được đặt ra trước các cường quốc Đức: phối hợp hành động với Nga chống lại các cường quốc trên biển, liên minh với các cường quốc này chống lại Nga và, sau hết, là trung lập nghiêm chỉnh. Về liên minh với Nga, thì Nga hoàng không cần điều đó; về phối hợp hành động chống lại Nga hoàng, thì điều đó bị loại trừ, miễn là các cường quốc Đức không để các cường quốc phương Tây dọa dẫm mình. Điều cuối cùng có nghĩa là tất yếu phải chịu sự sỉ nhục và đón nhận lấy một tương lai bi thảm. Kiên cố với lãnh thổ của mình, nước Nga không sợ các cuộc xâm

nhập quân sự, cũng như cuộc xâm nhập của tinh thần cách mạng còn nguy hại hơn. Nếu như các bạn đồng minh rời bỏ nó, thì nó vẫn có thể bằng lòng với nguồn tài nguyên của riêng mình và cố gắng từ nay trở đi vẫn đứng vững được mà không cần sự giúp đỡ của họ. (Ngài Nê-xen-rô-de viết các công văn khải của mình bằng tiếng Đức, lo ngại rằng việc dịch nó ra tiếng nước khác là một công việc khó khăn không thể làm được. Tôi xin trích câu cuối trong nguyên bản để làm mẫu về bài tập tiếng Đức của ông ta: Wenn seine Alliierten es verliessen, so würde es sich gesagt sein lassen sich Auf sich selbst Zurückziehen und sich so einrichten, ihrer in Zukunft entbehren zu können). Tuy vậy, Nga hoàng vẫn tin tưởng vào tình cảm của bạn bè và đồng minh của mình mà ngài hiểu rõ, vào quân đội vinh quang của họ đã có quan hệ lâu đời với quân đội Nga do đã cùng nhau đổ máu (Bluttaufe) và do sự nhất trí về những nguyên tắc không thể phủ nhận được. Vì vậy nội các Nga cho rằng cái khả năng thứ ba phải chọn ấy là duy nhất, là đáng được các triều đình Đức lưu ý, là đáp ứng được lợi ích của họ và - do chỗ nó giữ cho họ vai trò người điều đình - sẽ góp phần thực hiện các nguyện vọng đặc biệt của Nga. Đương nhiên, sự trung lập ấy không được mập mờ, hoặc hết sức ngăn ngui, hoặc mang tính chất chờ thời, nếu không nó sẽ bị các nước tham chiến, nhất là Nga, coi là thù địch. Sự trung lập ấy đúng ra là phải dựa trên những nguyên tắc (của Liên minh thần thánh), bảo đảm, không phải chỉ một lần - trong những giờ phút gay go - cái trật tự chung và hòa bình quốc tế. Chức trách của các cường quốc Đức là, nếu cần, phải cầm vũ khí bảo vệ những nguyên tắc có tính chất xuất phát điểm của chính sách của mình. Nếu như một trong hai cường quốc trên biển (Pháp) có ý định hoặc tiến hành tấn công nước Đức, thì cường quốc kia (Anh) phải lập tức thay đổi lập trường của mình. Dù sao, nếu sự kiện ấy xảy ra, thì nước Nga phải sẵn sàng bảo vệ Đức với toàn bộ lực lượng mà nó có được.

Đề nghị ấy ban đầu bị cự tuyệt ở Béc-lin, rồi mấy ngày sau bị cự tuyệt ở Viên. Man-toi-phen bấy giờ còn đóng vai trò nhà hoạt động nhà nước độc lập, đã gửi cho Xanh-Pê-téc-bua một công văn khải nói rằng Nga tuy vô như không cần sự giúp đỡ của Phổ, nhưng lại gián tiếp cố đạt được sự giúp đỡ ấy bằng việc đề nghị khôi phục lại liên minh tay ba. "Còn như tinh thần cách mạng mà Nga dường như không sợ, thì - Man-toi-phen vạch rõ - Phổ cũng đàn áp được nó mà không cần yêu cầu nước ngoài trợ giúp". Vị bộ trưởng độc lập "đã từng cứu vớt Phổ, sau khi đứng đầu phe

phản cách mạng, không thể che giấu sự tức giận của mình về việc nước Phổ không có một nước Hung-ga-ri nào mà lại bị đặt ngang hàng với Áo.

Trong khi Phổ khoe khoang như vậy về sự an toàn của mình, thì những văn kiện khác mà bản báo cáo có ám chỉ, đều chứng minh rằng trong những ngày cuối tháng Hai, Áo đã gửi cho Phổ bản dự thảo công ước của bốn cường quốc. Phổ đã bác bỏ bản dự thảo ấy trong công văn khải ngày 5 tháng Ba. Đáng chú ý là nước này lại đồng thời ra một bản tuyên bố rằng chính phủ của Phri-đrich Vin-hem IV vẫn cho rằng sự liên hiệp của bốn cường quốc là biện pháp tốt nhất để giải quyết một cách tốt đẹp cuộc khủng hoảng. Do đó mà Áo cũng buộc phải từ bỏ bản công ước có thể chấm dứt thái độ lập lờ nước đôi của hai cường quốc Đức.

Công văn khải ngày 16 tháng Ba của Phổ có ghi một điểm quan trọng sau đây:

"Nội các Phổ hiểu rõ những biện pháp mà Áo thi hành để giữ gìn lợi ích của mình ở biên giới đông-nam. Tất nhiên, Phổ cũng như tất cả các quốc gia Đức khác đều phải bảo vệ những lợi ích đặc thù của mình. Nhưng điều đó không gạt bỏ việc thương lượng với Áo. Trái lại, Phổ sẵn sàng tiến hành hiệp thương, vì vấn đề là sự bảo vệ lợi ích của Đức. Vì thế, Phổ chờ đợi những thông báo tỉ mỉ hơn về việc:

1. Áo có định chiếm lĩnh đất đai của Thổ Nhĩ Kỳ giáp tiếp với mình để bảo đảm an ninh cho các tỉnh biên giới của mình hay không?
2. Áo có định chiếm các tỉnh ấy làm vật đảm bảo trước khi khôi phục hòa bình hay không?
3. Áo có định tính cực tham chiến hay không?

Đối với Phổ, trả lời những vấn đề ấy sẽ làm rõ việc giải thích vấn đề Phổ có thể yêu cầu gì để giữ gìn lợi ích của Đức và Phổ có thể làm gì để làm giảm sức ép của *các cường quốc phương Tây* (chứ tuyệt nhiên không phải của Nga!) đối với Áo.

Ngày 14 tháng Ba, chính phủ Thổ Nhĩ Kỳ và Áo đã gửi cho các triều đình Đức hai thư thông tri hoàn toàn trái ngược nhau. Thông tri của Phổ quả quyết rằng cuộc chiến tranh sắp sửa nổ ra sẽ mang tính chất hoàn toàn cục bộ. Trái lại, Áo giữ quan điểm cho rằng chiến tranh có thể mang chiều hướng ảnh hưởng sâu sắc đến tình hình bản thân nước Áo. Chừng nào tình hình còn cho phép, Áo sẽ không tham gia chiến tranh, nhưng vẫn cần nhìn thấy cái khả năng tham gia đó. Lợi ích nói trong trường hợp này cũng có ý nghĩa đối với các quốc gia Đức. Vì vậy nội các của hoàng đế cho rằng trong trường hợp này Phổ và các triều đình Đức khác

sẽ liên hiệp lực lượng của mình với của Áo. Bấy giờ Hiệp bang Đức sẽ phải tỏ rõ rằng, - mặc dù nó giữ lập trường phòng ngự, nhưng Hiệp bang Đức vẫn sẵn sàng nắm vai trò tích cực trong vấn đề này. Áo sẽ ra bản tuyên bố mới, một khi các cường quốc phương Tây và Nga thực sự tuyên chiến với nhau. Nếu như nhìn chung còn có biện pháp để ngăn ngừa sự phát triển của các nguy cơ hiện đang đe dọa châu Âu, thì nó chỉ có thể là hành động phối hợp của Áo và Phổ với sự ủng hộ của các quốc gia thuộc Hiệp bang Đức.

Sau hết, câu trả lời buồn bã của ngài Man-toi-phen trong thông tri ấy đối với vấn đề mà các ủy viên của ủy ban nêu ra - "Nước Nga không hệ thống tri cho Chính phủ Phổ về các dự án chia cắt của mình" - tuyệt nhiên không phải không mang tính chất vụ lợi.

Ngoài ra, qua văn kiện ấy, chúng ta biết rằng trò bịp của hội nghị Viên¹¹⁸ vẫn chưa kết thúc. Trái lại, dẫn ra lời nói của thủ tướng Phổ, văn kiện nhận định rằng người ta đang soạn thảo một nghị định thư mới, trong đó có xác nhận *sự hiểu biết thường xuyên lẫn nhau giữa bốn cường quốc*.

Giá cả trên thị trường lúa mì lại tăng. Nguyên nhân của sự sụt giá lúa mì gần đây ở Pháp và Anh là những khó khăn do bọn đầu cơ gây ra, do chúng thiếu vốn và sự căng thẳng trên thị trường tiền tệ mà buộc phải bán tống ra, nên thị trường lúa mì thừa ứ. Một nguyên nhân khác là các nhà buôn, các chủ xưởng xay bột, các hàng bánh mì đã quyết định dốc hết kho dự trữ của mình vì cho rằng một khối lượng lớn lúa mì đang được vận chuyển đến các cảng châu Âu. Vì vậy tôi vẫn nhận định trước đây rằng, giá cả còn xa mới đạt tới mức tối đa của nó. Không nghi ngờ gì nữa, trong những năm trước đây, chưa từng có năm nào mà về dự trữ có thể có trên thị trường lúa mì lại lâm vào những hoạt động đầu cơ sai lầm và dễ đưa đến nhảm lẫn như năm nay, chưa từng có những ảo tưởng được sự giả nhân giả nghĩa của báo chí thuộc phái mậu dịch tự do khích lệ tới mức độ nhất định.

*Do C.Mác viết ngày 7 tháng Tư 1854
Đã đăng trên tờ "New-York Daily Tribune"
số 4059, ngày 21 tháng Tư 1854
Ký tên: Các Mác*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Anh*

PH.ĂNG-GHEN

TÌNH HÌNH QUÂN ĐỘI CÁC NƯỚC TẠI THỔ NHĨ KỲ

Khi nhận được những tin tức đầu tiên về việc quân Nga chiếm lĩnh Đô-brút-gia, và rất lâu trước khi có thể hiểu được ý đồ thực sự của cuộc vượt sông Đa-nyúp của quân Nga trong các hoạt động sau này của nó, chúng tôi đã đưa ra ý kiến là, mục đích chủ yếu của cuộc cơ động này của quân Nga không phải cái gì khác hơn việc cải tiến trận địa phòng ngự của họ. Mọi bước mà họ tiến hành từ đó, cũng như mọi bước mà đối phương của họ tiến hành đều chứng minh sự thực quả là như vậy. Quân Nga phái đến Đô-brút-gia từ 40000 đến 50000 quân, mà căn cứ vào những tin tức chắc chắn nhất, thì lực lượng này tiến chưa xa hơn được tuyến Séc-na-vô-da - Quy-xten-gi. Xem ra, thì họ cũng phải đến Ka-la-ra-sơ đối diện với Xi-li-xơ-ri một lực lượng ngang thế, nếu không phải là lớn hơn, với ý định uy hiếp cứ điểm này, và khi điều kiện thuận lợi thì tấn công nó. Họ đã rút toàn bộ quân đội ở phía tây Bu-ca-rét trừ quân đội hậu vệ, đội quân này không đủ sức trụ lâu hơn ngay ở trước Ca-la-phát, xem chừng sẽ tiến hành những cuộc hành quân nhỏ sang Xéc-bi, bờ bên kia sông Đa-nyúp, chắc là để tỏ rõ thái độ khinh thường của quân Nga đối với nền trung lập của Xéc-bi và quan sát sự phản ứng của nông dân Xéc-bi khi thấy một vài bóng dáng quân Nga xuất hiện, hoặc, có thể là tạo cơ cho Áo chiếm đóng đất nước này.

Không nghi ngờ gì nữa, sắp tới đây chúng ta sẽ được biết tin quân Nga rút khỏi toàn bộ Tiểu Va-la-khi. Bấy giờ thì trận địa của họ sẽ ra sao? Chiến tuyến của họ sẽ kéo dài từ Tước-gô-vi-xơ qua Ôn-tê-nít-sa và Ka-la-ra-sơ đến Séc-na-vô-da, rồi đây qua sông Đa-nyúp đến tận Quy-xten-gi trên Hắc Hải. Đây là một trận địa sẽ khiến cho người ta mất nhiều hơn là được. Điều đó quả là như vậy đối với quân Nga, mặc dù bản thân việc rút ngắn trận tuyến là có lợi cho họ. Đồng thời điều đó có nghĩa là quân Nga sẽ di chuyển về bên trái, nhờ đó mà tuyến rút lui của họ - mà trước kia dường như là phần kéo dài của chính diện, thì nay đã ở về phía sau và thẳng góc với chính diện. Trước đây hai tháng Ô-me-rô-pa-sa

Thổ Nhĩ Kỳ hành động rất thông minh. Việc rút bỏ Đô-brút-gia là bằng chứng đầu tiên rõ ràng và không bác bỏ được về cái tài quân sự to lớn của Ô-me-rơ-pa-sa. Cố thủ khu vực ấy và cứ điểm của nó là không có giá trị. Không để thua trận và tổn thất về người và vũ khí, viên tướng Thổ Nhĩ Kỳ lập tức ra lệnh cho quân của mình bỏ hết các cứ điểm, miễn là điều kiện cho phép, và giữ cho sự an toàn của cuộc tổng rút lui không bị ăn đòn, và rút về đèo Tơ-ra-i-a-nốp. Vì vậy, quân Nga đạt được những thắng lợi bề ngoài một cách dễ dàng, trong khi đó quân Thổ Nhĩ Kỳ giáng cho nó những tổn thất nặng nề và chiếm lĩnh được trận địa phòng ngự thực sự của mình, không để cho kẻ địch có thời gian đánh trả. Quân Thổ Nhĩ Kỳ chỉ giữ lại quân đồn trú ở những cứ điểm quan trọng và ở những nơi mà chủ lực hoặc hạm đội trên Hắc Hải có thể chi viện cho chúng. Do đó khi cần quân Thổ Nhĩ Kỳ có thể tập trung ít ra là 80000 đến 90000 người giữa Vác-na và Sum-la và còn có thể tăng cường cho đội quân đó, nếu như bộ phận binh lực được cử đi Ca-la-phát không có lý do quan trọng nào mà chỉ do hoảng hốt về chính trị thì sẽ được nhanh chóng rút về trận địa cũ. Nhưng khả năng quân Nga có thể vượt sông Đa-nuýp với một binh lực gấp đôi con số ấy hoặc lớn hơn nữa, khả năng ấy bị loại trừ, ít ra là trong chiến dịch này. Sau khi khẳng định điều đó, chúng tôi giả định rằng quân Nga có ý định tấn công kiên quyết, và không tính đến khả năng quân hỗ trợ của Anh - Pháp sẽ đến, sau khi đội quân này đến thì mọi ý đồ vượt qua - Ban-căng sẽ quả là điên rồ. Chúng tôi xem xét vấn đề chính là từ khía cạnh đó, bởi vì điều quan trọng đối với chúng tôi là trình bày tình hình thực của các bên tham chiến hiện nay. Và có thể nói chắc chắn rằng, nếu như chiến tranh chỉ diễn ra giữa người Nga và người Thổ Nhĩ Kỳ, thì dù rằng người Thổ Nhĩ Kỳ do sự trì hoãn về ngoại giao mà bị mất đi ưu thế cần thiết cho hoạt động tấn công đi nữa, thì ít ra là trong năm nay Công-xtăng-ti-nô-pơ vẫn không bị sự đe dọa xâm nhập của quân Nga.

*Do Ph.Ăng-ghen viết ngày 13 tháng Tư 1854
Đã đăng làm xã luận trên tờ "New-York Daily
Tribune" số 4065, ngày 28 tháng Tư 1854*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Anh
In bằng tiếng Nga lần đầu*

C.MÁC

***THÔNGIỆP CỦA RÊ-SÍT - PA-SA. - BÁO CHÍ I-TA-LI-A BÀN VỀ VẤN ĐỀ PHƯƠNG ĐÔNG**

Luân Đôn, thứ ba, ngày 18 tháng Tư 1854

Nghe đồn Chính phủ Anh và Pháp rút cục đã trao đổi thư phê chuẩn hiệp ước tấn công - phòng thủ gồm 5 điều khoản. Nội dung của nó hiện chưa rõ.

Hiệp ước giữa Áo và Phổ chưa được ký kết - sự bất đồng là ở việc chiếm đóng biên giới Ba Lan thuộc Nga mà một bộ phận trong triều đình Phổ không đồng ý.

Ngày 6 tháng Tư ở A-ten đã tổ chức buổi "Te Deum"^{1*} kỷ niệm một năm độc lập của Hy Lạp. Đại sứ các cường quốc phương Tây đều tham gia lễ cầu nguyện. Cũng trong ngày đó, tờ "Người quan sát" ở A-ten đã công bố 16 ordonnances^{2*} của nhà vua trong đó nhà vua tuyên bố cách chức 21 sĩ quan gồm có tướng, đại tá và các cấp khác đã mưu toan liên kết với những người bạo động. Hôm sau, A-ten được tin về thất bại nặng nề của những người bạo động ở Ác-ta. Chính địa điểm xảy ra cuộc giao chiến chứng tỏ rằng cuộc bạo động không có quy mô lớn và những người hy sinh duy nhất của nó hiện nay chỉ là nông dân, tức những người Hy Lạp cư trú ở khu vực giáp tiếp vương quốc Hy Lạp.

Bạn đọc chắc còn nhớ năm 1827, các đại sứ Nga, Anh và Pháp đã yêu cầu Chính phủ Thổ Nhĩ Kỳ tối cao triệu hồi tất cả người Thổ Nhĩ Kỳ ở Hy Lạp về, bất kể họ sống ở đấy lâu dài hoặc tạm thời. Khi người Thổ Nhĩ Kỳ cự tuyệt thực hiện việc đó thì người ta cưỡng bức họ phục tùng bằng trận Na-va-rin. Bây giờ chính phủ Thổ Nhĩ Kỳ tối cao lại ban bố một mệnh lệnh tương tự đối với người Hy Lạp; vì công hàm của Rê-sít-pa-sa gửi đại sứ Hy Lạp là ngài Mê-tắc-xa-xơ, và thông tri của

1* - bài cầu nguyện, trong khi cầu người ta hát bài ca "Te Deum laudamus" ("Ca ngợi Chúa tôi").

2* - sắc lệnh

huân tước Xơ-rát-phơ đơ Rết-clíp-phơ gửi các lãnh sự Anh chưa thấy đăng trên báo chí Luân Đôn, nên tôi xin đưa ra bản dịch hai văn kiện ấy từ tờ "Journal de Constantinople" ra ngày 5 tháng Tư:

"Thông điệp của bộ trưởng Bộ ngoại giao Rê-sít-pa-sa trả lời thông điệp của ngài Mê-tắc-xa-xơ

Công-xtăng-ti-nô-plơ, ngày 3 tháng Rê-đơ-sép 1270
(ngày 1 tháng Tư 1854)

Tôi đã đọc bức thư thông điệp của Ngài gửi cho tôi ngày 26 tháng Sáu nhân lúc ngài quyết định rời thủ đô này. Xét rằng Chính phủ Thổ Nhĩ Kỳ tối cao không nhận được của Chính phủ Hy Lạp sự trả lời thỏa đáng đối với kháng nghị chính đáng của mình về những sự kiện hiện nay và rằng vị chargé d' affaires^{1*} của Chính phủ Thổ Nhĩ Kỳ tối cao buộc phải tuân lệnh rời A-ten thì, thưa quý ngài, nếu quý ngài cũng rời Công-xtăng-ti-nô-plơ thì thật là thích hợp. Vì vậy, thể theo yêu cầu của ngài, tôi xin gửi ngài hộ chiếu của ngài. Vì quan hệ ngoại giao và buôn bán giữa hai nước bị cắt đứt từ hôm nay, nên chúng tôi quyết định rằng các cơ quan làm việc của Hy Lạp thiết lập ở các tỉnh thuộc đế quốc chúng tôi, cũng như các lãnh sự Hy Lạp đều phải lập tức rút về nước. Các nhà buôn và thần dân khác của Hy Lạp cư trú ở Thổ Nhĩ Kỳ cũng phải rời Công-xtăng-ti-nô-plơ, nhưng để bảo vệ cho lợi ích buôn bán của Hy Lạp, chúng tôi cho họ một thời hạn là hai tuần. Đối với những người trong họ cư trú ở các tỉnh, thì thời hạn ấy sẽ tính từ ngày họ nhận được lệnh này. Thực tế chứng tỏ rằng việc xâm phạm các tỉnh biên giới của chúng tôi xảy ra không phải do sự sơ suất nào đó, mà là do sự dung túng của Chính phủ Hy Lạp. Mặc dầu chính phủ đế chế hoàn toàn có quyền bắt giữ và tịch thu tất cả tàu thuyền đậu ở các cảng của chúng tôi để đền bù cho những thiệt hại vật chất hết sức lớn lao mà chúng tôi phải chịu, nhưng hoàng đế chí tôn của chúng tôi cho rằng, sẽ không làm cho thần dân Hy Lạp phải chịu một tổn thất nào về việc chỉ liên quan đến Chính phủ Hy Lạp - đó là điều phù hợp với lòng khoan dung của ngài hơn. Khi nào chính phủ này khôi phục được ý thức phù hợp với tinh thần chính nghĩa hơn, và tuân theo luật quốc tế và các quy định - jus gentium^{2*}, thì bấy giờ mới nên nghiên cứu vấn đề thiệt hại do cuộc bạo động hiện nay gây ra. Vì vậy, tất cả các tàu thuyền Hy Lạp đều có thể yên ổn trở về nước trong thời hạn quy định. Chính phủ đã ra lệnh cho các ngành hữu quan giúp đỡ các thần dân Hy Lạp đặc biệt khó khăn trở về nước và hết sức tạo điều kiện thuận tiện cho người ốm đau và người yếu đuối". (Chính phủ Áo ngoan đạo nhất và văn minh nhất đã xử lý cũng sự việc này theo tinh thần khác hẳn - việc trục xuất người tét-xin¹¹⁹ là một ví dụ). "Tôi cho rằng cần nhắc lại lần nữa rằng chỉ có chính phủ Hy Lạp đã buộc chúng tôi đi đến quyết định ấy và rằng Hy Lạp phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về mọi hậu quả của nó".

Rê-sít-pa-sa

Theo mệnh lệnh ấy, ngày 5 tháng Tư có 3000 người Hy Lạp đã bị đưa xuống tàu ở Công-xtăng-ti-nô-plơ, và mọi người đều biết rằng pa-sa

1* - đại biện

2* - nguyên văn: luật giữa các dân tộc (tên gọi luật quốc tế trong tiếng la tinh).

Xmiéc-na cũng đã ban bố mệnh lệnh cho những người Hy Lạp cư trú ở thành phố này.

Thông tri của huân tước Xơ-rát-phơ Đơ Rết-clíp-phơ gửi cho các công sứ Anh ở Thổ Nhĩ Kỳ và Hy Lạp như sau:

"Công-xtăng-ti-nô-plơ, thứ bảy, ngày 1 tháng Tư 1854

Thưa quý ngài! Theo tôi được biết thì những người Hy Lạp xâm nhập các tỉnh biên giới của Thổ Nhĩ Kỳ đang xúi giục các thần dân Hy Lạp của vua Thổ Nhĩ Kỳ nổi loạn, và tuyên bố rằng Chính phủ Pháp và Anh sẵn sàng ủng hộ trong mưu toan lật đổ chính quyền của vua Thổ Nhĩ Kỳ. Tôi cũng được biết những thủ đoạn tương tự sẽ được sử dụng để làm cho người ta tin rằng các đại sứ Pháp và Anh sẽ bảo hộ tất cả các thần dân Hy Lạp của Thổ Nhĩ Kỳ, nếu như Chính phủ Thổ Nhĩ Kỳ - do cắt đứt quan hệ ngoại giao và buôn bán với Hy Lạp - tuyên bố ý định trục xuất họ khỏi lãnh địa của vua Thổ Nhĩ Kỳ. Vì những sự suy đoán ấy có thể gây ra những hy vọng sai lầm, đẩy những người lương thiện vào lầm đường lạc lối và tăng thêm một cách tội lỗi những tai họa vốn có trong mọi thời kỳ chiến tranh, cho nên tôi vội phải cam đoan với ngài rằng những luận điểm ấy là hoàn toàn vô căn cứ. Ai tin, dù chỉ là trong chốc lát, những điều tưởng tượng hiển nhiên như thế, trái với hiểu biết thông thường và sự thực như thế, thì kẻ đó phải là rất mực ngu dốt và cả tin. Nhưng đáng tiếc rằng tình hình lại diễn ra như vậy ở những nước mà tính chất công khai còn kém phát triển. Ngài cũng biết rất rõ như tôi rằng, Anh và Pháp hoàn toàn đứng về phía vua Thổ Nhĩ Kỳ trong hành động cao quý chống lại sự tàn khốc và tính chất phi nghĩa của cuộc tấn công. Do đó tất nhiên phải rút ra kết luận là hai chính phủ đồng minh chỉ có thể tỏ rõ sự căm phẫn và thù ghét đối với cuộc vận động chỉ có lợi cho Nga, mà thậm chí để biện hộ cho nó cũng không thể nói rằng nó xảy ra một cách tự phát. Cuộc vận động ấy rút cục đặt Chính phủ Thổ Nhĩ Kỳ và đồng minh của nó vào một tình cảnh khó khăn và nó cũng chẳng hứa hẹn điều gì cho tương lai ngoài cái chết cho những kẻ đem hy sinh cuộc sống chỉ vì ảo tưởng rất hão huyền. Dĩ nhiên, chúng ta thương xót những gia đình vô tội bị đau khổ vì hậu quả của chính sách bạo lực và vô nguyên tắc, nhưng chúng ta không thể giữ quan hệ gì với bọn thủ lĩnh, cũng không thể che giấu những tình cảm do hành động của cái đảng phái thiếu chín chắn tự nhiên gây ra cho chúng ta. Tôi khẩn thiết yêu cầu Ngài hãy sử dụng mọi khả năng để thông báo nội dung của thông tri này cho những người dễ tin vào những luận điệu sai lầm đã bị bác bỏ trong thông tri.

"Xơ-rát-phơ Đơ Rết-clíp-phơ

Ngoài người Đức ra, thì những kẻ quan tâm trực tiếp nhất đến kết cục của những tình hình phức tạp ở phương Đông là người Hung-ga-ri và người I-ta-li-a. Vì vậy hiểu rõ ý đồ của các đảng phái của những nước ấy và quan hệ giữa họ với nhau không phải là không có ý nghĩa. Một bài báo viết trên tờ "Unione" ở Tu-rin mà tôi đặc biệt dịch ra đây, cho phép đánh giá quan điểm của đảng lập hiến I-ta-li-a¹²⁰ xem ra thì hoàn toàn sẵn sàng đem hy sinh Hung-ga-ri - để khôi phục nền độc lập của I-ta-li-a. Bí quyết của sự tồn tại lâu dài của đế quốc Áo chính là ẩn trong cái chủ

nghĩa ích kỷ địa phương đó, chủ nghĩa này buộc mỗi dân tộc tự an ủi mình bằng cái ảo tưởng cho rằng tuồng như nó có thể tự giành được tự do cho mình bằng cách hy sinh nền độc lập của dân tộc khác.

"Báo chí Anh ra sức cố gắng làm cho cuộc chiến tranh sắp tới với Nga có vẻ bề ngoài là cuộc chiến tranh vì tự do và độc lập của châu Âu, trong khi thực ra thì họ chỉ quan tâm đến lợi ích buôn bán của Anh; bằng chứng là huan tước Giôn Rốt-xen khuyên những người I-ta-li-a chúng ta hãy ngoan ngoãn ngồi yên và muốn chúng ta hiểu rằng sớm muộn Áo cũng có thể trở nên nhân đạo hơn. Như thế là dù sao thì ông ta cũng thừa nhận rằng hiện nay Áo không hề tỏ ra nhân đạo. Nhưng nước Anh từ thiện cố gắng liên minh với Áo vì "thắng lợi của *nền tự do và độc lập của châu Âu*". Còn báo chí Pháp thì không có tự do, và các tờ báo sợ lần đầu sẽ bị cảnh cáo, sau đó nếu vi phạm lần thứ hai sẽ bị đóng cửa, cho nên dù muốn hay không cũng chỉ lặp lại những điều lọt tai chính phủ mà thôi. Ngoài ra, báo chí Pháp vốn dĩ không muốn trình bày rộng rãi các vấn đề chính trị trước mắt, và nó chỉ thích chạy theo một mối. Báo chí của phái tự do Đức thì sợ chết khiếp trước nước Nga, và sự sợ hãi đó hoàn toàn dễ hiểu, nếu như ta nghĩ đến việc Nga đã có ảnh hưởng lớn lao như thế nào đối với hai quốc gia Đức quan trọng nhất. Nhưng còn chúng ta thì thực chất muốn gì? Nền độc lập của I-ta-li-a. Nhưng chừng nào còn đàm phán về sự toàn vẹn lãnh thổ của Thổ Nhĩ Kỳ và *thế cân bằng* ở châu Âu trên cơ sở hiệp ước Viên, thì hoàn toàn đương nhiên là chúng ta phải hài lòng với cái status quo trái ngược với nguyện vọng của chúng ta biết nhường nào. Nước Nga mong muốn gì? Nó muốn tiêu diệt Đế quốc Ôt-tô-man, và lẽ đương nhiên là thủ tiêu cả thế cân bằng của Status quo nữa, và vẽ lại bản đồ châu Âu. Đây chính là điều mà chúng ta mong muốn. Nhưng người ta có thể bác bỏ chúng ta rằng, Nga muốn vẽ lại bản đồ châu Âu theo ý họ. Song chính điều đó có thể có lợi cho chúng ta, vì rằng cả Pháp, Anh lẫn Đức đều không chịu nhận sự mở rộng thêm lãnh thổ và uy thế của một đế quốc quá lớn cả về hai mặt ấy. Và bởi vậy, họ buộc phải tìm chỗ dựa chống lại Nga. Chỉ có Áo có thể trở thành chỗ dựa ấy, đối với nước này, các cường quốc phương Tây sẽ buộc phải tỏ ra hào hiệp, nhượng cho nó toàn bộ thung lũng Đa-nuýp từ Oóc-sô-va đến Hắc Hải, và Đô-brút-gia cùng địa điểm xung yếu đi đến Ban-căng - ở hạ lưu sông Đa-nuýp. Bấy giờ lãnh địa của Áo sẽ có:

1. Vùng lãnh thổ rộng lớn với cư dân cùng dòng giống với các sắc tộc bản địa.
2. Toàn bộ lưu vực của một con sông lớn hết sức cần thiết cho việc buôn bán với Đức.

Trong trường hợp ấy, Áo sẽ không cần đến I-ta-li-a, ít ra là về mục đích phòng ngự; dưới quyền thống trị của Áo sẽ được bổ sung chừng sáu triệu người nam Xla-vơ và bốn triệu người Đa-cô - Ru-ma-ni vào số ba triệu người nam Xla-vơ và một số lượng tương đương người Đa-cô - Ru-ma-ni đã có từ trước.

Sự toàn vẹn lãnh thổ và nền độc lập của Thổ Nhĩ Kỳ! Hai chữ khoa trương thật ngược đời. Nếu như các bạn hiểu độc lập là quyền tự do của nhân dân được quản lý công việc của mình theo nguyên tắc của chính mình và không người nước ngoài nào có quyền can thiệp vào công việc đó, thì cái nền độc lập ấy đã bị hiệp ước Cai-nác-gia phá hoại nặng nề và đã bị một đòn trí mạng (colpo di grazia) trong hiệp ước ký kết gần đây với các cường quốc phương Tây. Căn cứ vào hiệp ước này thì Thổ Nhĩ Kỳ không còn do vua Thổ Nhĩ Kỳ mà do các cường quốc phương Tây cai trị, và nếu như tín đồ Hồi giáo và tín đồ Cơ Đốc, kẻ chiến thắng và kẻ chiến bại đều bình đẳng trước pháp luật, nếu như rai-a, - chiếm 4 phần 5 dân cư, - có thể mang vũ khí, thì điều đó có nghĩa

là

Thổ Nhĩ Kỳ không còn tồn tại nữa, nghĩa là bắt đầu một cuộc tái tạo không thể thực hiện được nếu không có bạo lực, không có rối loạn nghiêm trọng và không có xung đột về thể xác giữa những người đại diện cho hai tôn giáo thù địch nhau từ bốn trăm năm nay. Vì thế chúng ta không muốn nghe thêm nữa cái chữ nền độc lập của Thổ Nhĩ Kỳ, nó chỉ là chuyện bịa đặt mà thôi.

Còn sự toàn vẹn lãnh thổ nữa! Chẳng phải là Pháp và Anh dựa vào hiệp nghị với Nga đã cướp đi của Thổ Nhĩ Kỳ vương quốc Hy Lạp bao gồm Pê-lô-pôn-nết, An-tích, Bê-ô-ti, Phô-ki-da, A-các-na-ni-a, Ê-tô-li, đảo Nê-grô-pôn¹ v.v. với hàng triệu dân hay sao? Không phải họ thì còn ai nữa? Chẳng phải là Pháp đã cướp đi của Thổ Nhĩ Kỳ An-giê-ri, chẳng phải là Pháp, Anh và Nga đã để cho Ai Cập được độc lập một phần hay sao? Chẳng phải là người Anh trước đây 15 năm đã chiếm A-đen trên Hồng Hải và hiện nay đang nhòm ngó Ai Cập hay sao? Và chẳng phải là Áo đang nhòm ngó Bốt-xni-a và Xéc-bi hay sao? Vậy thì có sao lại còn bàn đến việc duy trì hiện trạng, một hiện trạng đang bị mọi mưu mô chống lại và không thể tiếp tục tồn tại theo đà cũ?

Vì vậy, chúng tôi cho rằng, Nga muốn tiêu diệt Thổ Nhĩ Kỳ, đã nghĩ ra một điều tốt; cũng vậy, các nước phương Tây hoàn toàn đúng khi có ý định chống lại sự xâm lược của Nga. Nhưng nếu như các cường quốc ấy quả thực muốn đạt đến mục đích của mình, thì họ nên từ bỏ các mảnh khoé ngoại giao mà họ dùng để che đậy, và kiên quyết quyết định tiêu diệt Thổ Nhĩ Kỳ và sửa lại bản đồ châu Âu. Họ cần phải đi đến một quyết định như vậy".

*Do C.Mác viết ngày 18 tháng Tư 1854
Đã đăng trên tờ "New-York Daily Tribune"
Số 4068, ngày 2 tháng Năm 1854
Ký tên: Các Mác*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Anh
In bằng tiếng Nga lần đầu*

1* - đảo Ép-bê-a.

C.MÁC

***HY LẠP VÀ THỔ NHĨ KỲ. - THỔ NHĨ KỲ VÀ CÁC CƯỜNG QUỐC PHƯƠNG TÂY. - VIỆC BUÔN BÁN LÚA MÌ GIẢM ĐI Ở ANH**

Luân Đôn, thứ sáu, ngày 21 tháng Tư 1854

Qua tờ "Preussische Correspondenz", chúng tôi được biết nam tước Bun-den nổi tiếng không bị gọi về nước, mà được kéo dài thời gian nghỉ theo yêu cầu của chính ông. Bá tước Béc-nơ-stoóc-phơ được cử làm locum tenens^{1*} tạm thời của ông.

Với đa số 12 phiếu so với 11 phiếu, Ủy ban lập hiến quốc hội Thụy Điển đã quyết định các bộ trưởng phải ra trước tòa án tối cao của vương quốc về thái độ của họ trong việc nghiên cứu vấn đề giản đơn hóa chế độ thu thuế được tiến hành gần đây.

Theo báo cáo của ngài Mê-rô-ni, công sứ Áo tại Ben-grát, thì người Áo có thể dự tính rằng người Xéc-bi sẽ vũ trang chống trả lại họ, nếu như họ đưa quân đội của mình tiến vào Xéc-bi.

Ngày 3 tháng Tư ngài Mê-tác-xa-xơ đã rời Công-xtăng-ti-nô-plơ vì trong vòng chưa đầy hai tuần lễ, 40000 đến 50000 đồng bào đã đến quấy rầy ông ta. Không một đại sứ quán nào đồng ý tạm thời đảm nhận thực hiện chức năng điều hành công việc thường ngày của đại sứ quán Hy Lạp. Đại sứ Áo từ chối việc đó với lý do là Pháp và Anh là những cường quốc bảo hộ của Hy Lạp thì chính cơ quan đại diện của họ phải bảo vệ lợi ích của Hy Lạp trong lúc này. Phổ không đồng ý vì Áo đã cự tuyệt. Các đại sứ Anh và Pháp tuyên bố rằng lúc này không thích hợp cho họ có thể đứng ra làm đại diện cho ngài Mê-tác-xa-xơ. Đại biện của các nước nhỏ hơn cảm thấy rằng đối với họ, tốt hơn hết là ra sức tránh biểu lộ đồng tình hoặc ác cảm. Vì vậy ngài Mê-tác-xa-xơ buộc phải để người tùy viên của mình ở lại Công-xtăng-ti-nô-plơ. Nhưng chẳng bao lâu người ta phát

hiện rằng vị đại diện ấy lợi dụng quyền hạn mà Chính phủ Thổ Nhĩ Kỳ trao cho ông ta, sốt sắng cấp hộ chiếu cho các rai-a Hy Lạp, tạo cho họ khả năng tham gia quân khởi nghĩa ở An-ba-ni. Do đó cơ quan đại diện Hy Lạp bị đình chỉ hoạt động, còn việc cấp phát hộ chiếu hiện nay giao cho một ủy ban gồm hai người Thổ Nhĩ Kỳ và hai rai-a.

Đồng thời người ta đã yết thị một bản thông cáo nói rằng bất cứ thần dân nào của vương quốc Hy Lạp muốn trở thành thần dân của vua Thổ Nhĩ Kỳ, thì đều được phê chuẩn, nếu như anh ta tìm được hai người đáng tin cậy đảm bảo cho lòng trung thành của anh ta. Vì những người Hy Lạp cư trú ở Công-xtăng-ti-nô-plơ công khai đe dọa sẽ đốt phá và cướp bóc thành phố trước khi ra đi, nên chính phủ đã thi hành những biện pháp khẩn cấp. Lính Thổ Nhĩ Kỳ đi tuần tra đường phố suốt ngày đêm, và trên một đại lộ ở Pê-ra có bố trí 50 khẩu pháo. Từ khi mặt trời lặn cho đến nửa đêm, người hoặc xe cộ đi trong phố hay ở ngoại ô đều phải có đèn; sau nửa đêm cấm mọi việc đi lại. Có lệnh đặc biệt cấm chuyên chở lương thực ra ngoài. Các tín đồ Thiên chúa giáo - người Hy Lạp được phép ở lại thành phố với sự bảo đảm của giáo chủ Thiên chúa giáo ở Pê-ra. Những người sinh quán ở các đảo Ti-nô-xơ, An-đrô-xơ và Xi-rô-xơ phần lớn thuộc đẳng cấp gia nô. Cư dân đảo Ghi-đri-a gửi đơn thỉnh cầu cho Chính phủ Thổ Nhĩ Kỳ kiên quyết lên án cuộc bạo động của người Hy Lạp và cầu xin chính phủ đừng áp dụng đối với đám gia nô ấy những biện pháp chung được đem thi hành đối với người Hy Lạp. Đoàn đại biểu những thần dân người Hy Lạp của Chính phủ Thổ Nhĩ Kỳ đã từ Tơ-ri-ca-la đến Phết-xa-li để cầu xin khẩn cấp bảo hộ họ khỏi bị bọn cướp Hy Lạp hãm hại, chúng đốt trụi các làng mạc, còn dân cư thì không phân biệt già trẻ, nam nữ, chúng đều dồn họ đến biên giới, nơi đây họ bị tra tấn hết sức tàn khốc.

Người Thổ Nhĩ Kỳ ngày càng hoài nghi các đồng minh phương Tây của mình, họ tỏ ra không tín nhiệm và thù ghét chúng. Họ bắt đầu coi Anh và Pháp là kẻ thù nguy hiểm hơn cả Nga hoàng, và nhận định chung ấy phản ánh trong câu: "Bọn chúng muốn lật đổ vua Thổ Nhĩ Kỳ và chia cắt đế quốc, họ muốn biến chúng ta thành nô lệ của dân cư theo đạo Cơ Đốc". Sau khi đổ bộ lên phía nam Công-xtăng-ti-nô-plơ, chứ không phải lên phía bắc Vác-na, liên quân đã củng cố trận địa ở làng Ha-li-pô-li để chống lại chính người Thổ Nhĩ Kỳ. Dải đất trong đó có làng này là một bán đảo kéo dài nối với đất liền bằng một eo đất hẹp và rất thích hợp làm

1* - người thay thế

một cú điểm cho quân xâm lược. Chính từ nơi này mà trước đây người Giê-nơ đã thách thức các hoàng đế Hy Lạp ở Công-xtăng-ti-nô- plơ. Ngoài ra, người Hồi giáo Chính thống giáo còn bất bình trước việc bổ nhiệm tổng giáo trưởng Hồi giáo mới, mà họ coi như là một công cụ của giới tăng lữ Hy Lạp; và trong người Thổ Nhĩ Kỳ dần dần hình thành một niềm tin vững chắc là thà thỏa mãn đòi hỏi duy nhất của Ni-cô-lai, còn hơn làm trò chơi cho bọn cường quốc lang sói tham lam vô độ.

Sự bất mãn đối với nội các liên hợp và sự bất bình của nhân dân do phương thức tiến hành chiến tranh của nội các ấy gây ra đã mãnh liệt đến mức thậm chí tờ "Times" - buộc phải, hoặc liều với số liệu phát hành của mình, hoặc thôi bỏ đỡ "nội các của những tài năng", - cũng cho rằng việc công kích mạnh mẽ nội các trên số báo ra ngày thứ tư là hoàn toàn hợp thời¹²¹.

Phóng viên báo "Morning Post" ở Kê-bếch viết:

"Hạm đội Thái Bình Dương của Anh đủ mạnh để chiếm tất cả những đồn bốt và cứ điểm dọc bờ biển châu Mỹ thuộc Nga (trong nội địa không có những vị trí như thế), cũng như các cứ điểm biệt lập mà họ bố trí trên các quần đảo Li-xơ, A-lê-út và Cu-rin hình thành nên một chuỗi xích từ bờ biển châu Mỹ đến Nhật Bản. Với việc chiếm được những đảo ấy, - rất giàu có về da thú và đồng, có khí hậu ôn hòa và ngoài ra còn có nhiều cửa biển rất tốt ở gần lục địa châu Á là nơi không có cửa biển tốt, - với việc chiếm được bộ phận châu Mỹ thuộc Nga, ảnh hưởng của chúng ta trên Thái Bình Dương sẽ tăng lên mạnh mẽ, hơn nữa lại đúng vào thời kỳ mà các nước ở Thái Bình Dương bắt đầu có tầm quan trọng mà lẽ ra họ đã có từ lâu. Sự chống trả mạnh mẽ nhất đối với hạm đội của chúng ta có lẽ ở Tân Ác-khan-ghen-xơ trên đảo Xít-ca, là một trận địa tự nhiên rất tốt, ngoài ra còn được củng cố vững chắc vì được bố trí 60 hoặc 70 khẩu pháo. Trên đảo có khoảng 1500 người, trong đó 500 là quân đồn trú và có một xưởng đóng tàu đã đóng được nhiều tàu chiến. Phần lớn các cứ điểm còn lại chỉ có từ 50 đến 300 người và một số ít trong đó có công sự khá vững chắc. Nếu như chúng ta thực hiện việc chiếm lĩnh ấy, mà Pháp muốn dành lấy một vùng để đền bù cho sự chiếm lĩnh ấy, thì có thể để cho họ chiếm Căm-sát-ca và vùng bờ biển kế cận".

Những con số đăng trên tờ "Gazette" về số lúa mì được bán ra ở các trung tâm thương nghiệp Anh và Oen-xơ chứng tỏ sự giảm sút ghê gớm về số lượng lúa mì bán ra so với cùng kỳ này năm 1853 mà ta có thể dùng làm tiêu chuẩn để xác định số lượng ngũ cốc thu hoạch được trong mỗi vụ trước kia.

Số bán ra là:

Tháng Giêng	Tháng Hai	Tháng Ba
1853... 582282 quắc-tơ	345329 quắc-tơ	358886 quắc-tơ
1854... 266477"	256061"	227556"

Tuần lễ vừa qua bán ra 36628 quắc-tơ so với 88343 quắc-tơ của tuần lễ này năm 1853. Như vậy, những con số ấy nói lên rằng số lúa mì bán ra trong ba tháng đã giảm gần nửa triệu quắc-tơ so với những tháng này năm 1853 là một bằng chứng hết sức hiển nhiên về sự thất bát trong vụ thu hoạch vừa rồi.

Tờ "Mark Lane Express" viết:

"Cho tới nay, việc nhập khẩu nhiều từ nước ngoài không làm cho người ta cảm thấy đặc biệt nghiêm trọng thiếu lương thực cung cấp ở trong nước; và hiện nay một khối lượng lớn lúa mì và bột mì đang trên đường vận chuyển từ các nước đến Anh; nhưng phải chăng có thể trông chờ trong thời gian từ nay cho đến vụ thu hoạch mới, lượng nhập khẩu vẫn sẽ duy trì được quy mô lớn như thế? Mỹ đã gửi cho chúng ta toàn bộ số lượng nó có ở các hải cảng; tuy chúng ta không nghi ngờ gì rằng Mỹ có dự trữ lớn hơn ở phía tây xa xôi, nhưng dĩ nhiên, là phải trả một giá cao về chi phí vận chuyển hàng dự trữ ấy đến bờ biển phía đông, rồi lại từ đấy sang Anh. Các cảng ở phía bắc châu Âu hầu như đã cạn dự trữ của chúng, mà cuộc chiến tranh với Nga lại loại trừ khả năng tiếp tục cung cấp từ bờ biển Hắc Hải và bờ biển A-dốp".

Chúng tôi xin cung cấp tất cả những ý kiến ấy cho bạn đọc suy nghĩ mà không bình luận thêm nữa.

*Do C.Mác viết ngày 21 tháng Tư 1854
Đã đăng trên tờ "New-York Daily Tribune"
số 4072, ngày 6 tháng Năm 1854
Ký tên: Các Mác*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Anh
In bằng tiếng Nga lần đầu*

C.MÁC

*CUỘC KHỎI NGHĨA CỦA NGƯỜI HY LẠP. - GIỚI LƯU VONG BA LAN. - HIỆP ƯỚC ÁO - PHỐ. - NHỮNG TÀI LIỆU VỀ VIỆC VŨ TRANG NƯỚC ANH

Luân Đôn, thứ sáu, ngày 28 tháng Tư 1854

Những tin tức đáng tin cậy nhận được gần đây ở Thổ Nhĩ Kỳ hoàn toàn chứng thực cho các quan điểm của tờ "Tribune" về việc quân Nga rút khỏi Ca-la-phát và chiếm lĩnh Đô-brút-gia và về tính chất của cuộc bạo động của người Hy Lạp.

Tờ "Lloyd"¹²² khẳng định những tin đồn rằng người Nga đã giải vây Ca-la-phát và cuộc rút lui khỏi Tiểu Va-la-khi đã kết thúc. Nhưng tin tức cuối cùng nhận được từ Công-xtăng-ti-nô-plơ đã khẳng định rằng người Nga không tấn công, mà, trái lại, lại củng cố vị trí ở Đô-brút-gia.

Về cuộc khởi nghĩa của người Hy Lạp, tờ "Moniteur" số ra hôm qua đã đăng bức thư sau đây gửi từ Viên ngày 25 tháng Tư:

"Cuộc khởi nghĩa của người Hy Lạp không lan rộng ở Ê-pia, nhưng tính chất thực sự của nó đã bắt đầu lộ rõ. Nếu ai đó có thể nghĩ rằng lợi ích dân tộc và lợi ích tôn giáo không phải là cái có trống rỗng, thì những hành động của những thủ lĩnh các toán cướp thân Hy Lạp trong vương quốc Hy Lạp tất sẽ xua tan ý nghĩ sai lầm ấy. Mọi người đều biết rằng Gri-vát và Xa-ven-lát ngay từ đầu đã tranh chấp nhau về việc ai lãnh đạo cuộc bạo động. Hai thủ lĩnh ấy tiếp tục hành động riêng rẽ và không bỏ lỡ dịp hại nhau. Nhất là Gri-vát cố giành lấy vai trò là người giải phóng cho rai-a Cơ đốc giáo, lại không đem lại cho họ cái gì ngoài sự cướp bóc và đốt phá. Những người Xu-li-ốt - quyết định cấm một loạt những thủ lĩnh Hy Lạp ấy tiến vào lãnh thổ của họ, đặc biệt lên án Gri-vát là người vào đầu tháng trước đã xin nương náu ở nhà đại giáo chủ Hy Lạp là Đê-ven-di-xtơ, nhưng hôm sau ra đi đã cướp của và đã bắt cóc vợ đại giáo chủ. Đại giáo chủ đã yêu cầu Áp-di-pa-sa cho phép mình phục vụ dưới quyền pa-sa để trả thù hành động thú tính này. Nhưng nghệ thuật cướp bóc của Gri-vát biểu hiện điêu luyện nhất ở Mê-xô-vôn. Thành phố này bị sự tuyên truyền của Nga lừa dối, đã chủ động mở cửa cho "đại nguyên soái" Gri-vát. Hắn bắt đầu bằng việc nặn bóp của cư dân theo Cơ đốc giáo 20 vạn pi-a-xtơ-rơ góp quỹ "yêu nước". Số tiền này không lớn lắm và người ta đã nộp. Nhưng Gri-vát không dừng lại ở đó. Hắn đích thân đến nhà tất cả những người có tiếng tăm và giàu có nhất trong thành phố, khuyên họ gửi vào

ngân hàng - cũng với hình thức quyên góp - toàn bộ những đồ quý bằng vàng bạc mà họ có. Cái mảnh khoé cường đoạt này đã gây ra sự bất mãn và tiến hành không được thuận lợi, không kiểm soát được gì. Bây giờ Gri-vát nảy ra một ý kiến mà chúng ta có thể coi là một kiệt tác của nghệ thuật cướp bóc. Vin có là quân đội Ôt-tô-man đang tiến sát Mê-xô-vôn, hắn tuyên bố rằng, để bảo vệ thành phố, cần phải đốt cháy toàn bộ thành phố, và do đó hắn yêu cầu dân chúng cùng với gia đình họ tập trung ở nhà thờ lớn của thành phố, nơi đây chẳng mấy chốc đã tụ tập khoảng 4000 người. Đúng như Gri-vát dự tính, họ phải mang theo tiền bạc, cũng như châu báu và những đồ vật quý giá nhất, và như thế là toàn bộ của cải của Mê-xô-vôn đã rơi vào tay hắn. Bây giờ hắn mới thả người ta ra khỏi nhà thờ theo từng tốp nhỏ và cho phép tay chân của hắn lột sạch họ không còn nề nang gì. Những chiến công của tên thủ lĩnh Hy Lạp - cho tới nay đã đóng vai trò quan trọng nhất trong cuộc bạo động ở Ê-pia - là thế đó. Bây giờ Gri-vát chỉ chống cự người Thổ Nhĩ Kỳ một cách yếu ớt mà thôi. Sau khi đốt thành phố, hắn rút về Ác-hê-lu-xơ theo hướng Ra-đô-vi-xa. Mê-xô-vôn, thành phố phồn vinh nhất Ê-pia sau các thành phố Gia-ni-na và Bu-át, giờ đây đã trở thành đồng tro tàn, còn dân cư thì trở thành những kẻ bần hàn. Cả thành phố còn giữ lại được không quá 100 nóc nhà".

Nghe có tin đồn vô căn cứ rằng Cô-sút và Mát-di-ni đang dự định đến Công-xtăng-ti-nô-plơ, Rê-sít -pa-sa tuyên bố rằng ông ta không cho phép họ đặt chân lên lãnh thổ Thổ Nhĩ Kỳ.

Việc thành lập một đội quân Ba Lan dường như không vấp phải sự phản đối của các đại sứ Pháp và Anh, nhưng lại vấp phải một trở ngại khác. Tướng Vư-xô-xki đệ trình lên Chính phủ Thổ Nhĩ Kỳ và huân tước Rét-clíp-phơ một văn bản có mấy ngàn chữ ký ủy nhiệm ông làm đại diện toàn quyền cho đại bộ phận giới lưu vong Ba Lan. Về phía mình, đại tá bá tước Da-môi-xki, cháu hâu tước Sác-tô-rư-xki cũng đệ trình một văn bản tương tự mang những chữ ký trong đó một nhóm những người lưu vong Ba Lan khác ủy nhiệm ông làm đại biểu toàn quyền của họ. Xét đến sự bất đồng của họ và muốn điều hòa yêu cầu của hai bên kinh địch, cũng như để lợi dụng những cố gắng của Vư-xô-xki và Da-môi-xki, đại sứ Anh đã đề nghị thành lập hai chứ không phải một đội quân Ba Lan.

Nguyên soái Pa-xkê-vích đã tới Giát-xi ngày 17 tháng Tư và ngay hôm đó lại đi Bu-ca-rét.

Theo tin của tờ "Hannoversche Zeitung", hiệp ước liên minh tấn công - phòng thủ ký kết giữa Áo và Phổ¹²³ bao gồm những điều khoản chính sau đây:

"1. Áo và Phổ bảo đảm cho nhau những lãnh địa của họ ở Đức và những nơi khác (in und ausserdeutschen Besitzungen), do đó cuộc tấn công vào một trong hai cường quốc sẽ được cường quốc thứ hai coi là cuộc tấn công vào chính mình.

2. Áo và Phổ có nghĩa vụ chi viện lẫn nhau và khi cần sẽ cùng mở cuộc tấn công, nếu như một bên ký kết cho rằng lợi ích của Đức bị nguy ngập, mà bên kia đồng ý với nhận định ấy. Những trường hợp đặc biệt, khi cần phải chi viện, được quy định trong một văn kiện riêng là bộ phận hợp thành của hiệp ước này. Để bảo đảm hiệu lực của hiệp ước, các lực lượng quân sự hữu quan sẽ ở vào tư thế sẵn sàng trong thời hạn quy định. Về thời hạn, cũng như về số lượng và biện pháp sử dụng những lực lượng ấy sẽ được thương lượng riêng.

3. Tất cả các thành viên của Hiệp bang Đức đều được mời tham gia liên minh tấn công - phòng thủ này và phải ủng hộ liên minh theo nghĩa vụ được quy định trong luật liên bang đối với họ".

So sánh hiệp ước này với hiệp nghị về trung lập mà bá tước Nè-xen-rô-de đề nghị với triều đình Phổ, các bạn sẽ thấy giữa hai cái có nhiều điểm giống nhau. Cũng nên nêu rõ rằng trên thực tế, hiệp ước chỉ đáp ứng được những yêu cầu của chính sách phòng thủ, còn trong trường hợp chính sách tấn công thì mọi quyết định đều do các triều đình hữu quan ban bố.

Ngày 25 tháng Tư, thượng nghị viện của Phổ đã phê chuẩn 30 triệu ta-le công trái theo kiến nghị của tiểu ban của nó. Những căn cứ của nội các mà ngài Man-toi-phen viện ra trong việc này rất mực điển hình đối với chính sách ngoại giao của Phổ, chính sách này mưu toan che đậy sự bất lực bên trong của nó bằng những điều bộ yêu nước và sự khoa trương ngu xuẩn, cho nên chúng tôi xin dẫn ra in extenso^{1*} văn kiện ấy. Ngài Man-toi-phen nói:

"Tình hình rắc rối xảy ra giữa Nga và Thổ Nhĩ Kỳ, sau đó lan rộng đến các cường quốc phương Tây, thì mọi người đều rõ cả. Chính phủ Phổ, tính đến hoàn cảnh và lợi ích của mình, cho rằng việc dàn xếp những vụ rắc rối ấy và việc loại trừ mọi sự bất đồng là điều cần thiết. Mọi cố gắng và nỗ lực của Phổ đều tỏ ra vô ích. Hình như có cái vận đen nào đó đang bám theo vấn đề ấy. Nhiều ý đồ lờ ra thức đẩy khôi phục lại hòa bình, nhưng không đi đến đâu cả - có lẽ, vì rằng những ý đồ ấy tiến hành không đúng lúc và biện pháp không thỏa đáng. Thế là sự bất đồng gay gắt thêm đã dẫn đến chiến tranh. Những cố gắng của Phổ và Áo nhằm bảo đảm duy trì hòa bình, có thể nói là, đã đặt cơ sở cho việc khôi phục cuộc đàm phán. Đây là mục đích chính của hội nghị Viên. Trong hội nghị này, Chính phủ Phổ không ngừng cố gắng hết sức mình để giữ gìn hòa bình. Chính phủ Phổ hành động theo tinh thần hòa giải" (như "vị sứ giả hòa bình" của hoàng đế Ni-cô-lai), "nhưng trước sau vẫn vững vàng và kiên quyết, vì nhận thức được địa vị của mình là một đại cường quốc" (hệt như hoàng đế Nga nói trong thư từ trao đổi bí mật của mình). "Chính vì rằng Chính phủ Phổ không quan tâm" (đến việc trở thành một tỉnh của Nga và làm thay đổi cục diện), "và chính vì lập trường vô tư (uninteressiert) của nó đã được các cường quốc khác công nhận, nên nó có thể nói một cách công khai và kiên quyết. Đối với những kiến nghị và cố gắng

của nó, các bên thù địch khi thì tỏ ra cảm kích, khi thì lấy làm luyến tiếc. Nhưng chính phủ không muốn xa rời con đường đã định của mình. Độc lập là điều kiện trước hết cho sự tồn tại của bất kể đại cường quốc nào. Nền độc lập ấy, Chính phủ Phổ khéo giữ gìn nó, hành động vì lợi ích hòa bình và không lo ngại về chỗ nước này hoặc nước khác có thích hành động của mình hay không" (một định nghĩa rất tinh tế về việc cần khái niệm nền độc lập của đại cường quốc là gì!). "Khi tình thế trở nên nguy ngập hơn, chính phủ quyết định rằng đi đôi với những cố gắng rộng lượng để giữ gìn hòa bình, thì trách nhiệm của nó trước hết là phải bảo vệ lợi ích của Phổ và nước Đức. Với mục đích đó, nó ký kết hiệp ước với Áo. Các quốc gia khác nằm trong Hiệp bang Đức phải tham gia hiệp ước này. Do đó, chúng ta có thể vững tin vào sự hợp tác của Áo với cả nước Đức. Chính phủ cho rằng sự hợp tác đó là sự bảo đảm tốt nhất và đáng tin cậy nhất đối với các quốc gia Đức. Đi đôi với liên minh chặt chẽ ấy, hiệp định ký kết trước đây giữa Phổ và Áo với các cường quốc phương Tây trên cơ sở các nghị quyết của hội nghị Viên, vẫn có hiệu lực. Phổ không xa rời các cường quốc phương Tây, trái với những khẳng định của báo chí Anh. Hiệp định ấy với các cường quốc phương Tây vẫn có hiệu lực. Nghị định thư khẳng định hiệp định ấy, đã được đại sứ Phổ ký, nhưng chưa thể đưa trình nghị viện. Cả bốn cường quốc đều duy trì địa vị trước đây của mình và cũng như trước đây sẽ gắng sức khôi phục lại hòa bình, tuy rằng hai trong số những cường quốc ấy đã bắt đầu những hoạt động quân sự" (mà điều đó chứng minh rằng chiến tranh tiến hành là để đánh lạc hướng, còn công việc thực sự, nghiêm chỉnh của các chính phủ phương Tây là đàm phán hòa bình). "Còn về nước Nga thì gần đây nội các Xanh-Pê-téc-bua đã có những bước đi hữu hảo hơn và yêu cầu hòa bình hơn, và tuy hiện nay chỉ có hy vọng yếu ớt đối với việc khôi phục hòa bình, nhưng nội các đã tạo được điểm xuất phát cho cuộc đàm phán hòa bình mới. Chính phủ Phổ tỏ ra sẵn sàng tin tưởng vào khả năng hòa bình đến phút cuối cùng. Chừng nào còn một tia hy vọng về hòa bình, thì chừng ấy Phổ còn tiếp tục những ý đồ và cố gắng (Mühen) của mình. Khi giờ phút có ý nghĩa quyết định đối với Phổ đã đến" (Trema Byzantium!"), "*chính phủ sẽ hành động* không chậm trễ, không do dự và sẽ kiên quyết. Phổ phải chuẩn bị đón giờ phút ấy. Tiếng nói của nó chỉ có trọng lượng hơn khi mà bất kỳ lúc nào nó cũng sẵn sàng cầm vũ khí. Khi nổ ra cuộc xung đột giữa Nga và Thổ Nhĩ Kỳ, các cường quốc phương Tây tỏ ra cứng rắn và ủng hộ Chính phủ Thổ Nhĩ Kỳ Ôt-tô-man. Bấy giờ Phổ chưa được ủy thác đóng vai người điều đình. Trừ phi quyền lợi của nước thứ ba bị vi phạm, điều mà nó quan tâm hơn hết là sự an ninh của các thần dân của nó. Vấn đề phương Đông ít sát sườn với Phổ hơn là với Áo là nước có sự quan tâm trực tiếp trong đó, và Áo kiên quyết yêu cầu Phổ đừng cự tuyệt hợp tác với Áo. Phổ và Áo tự đặt cho mình mục đích là hạn chế những đòi hỏi quá đáng và gây khó khăn cho nhiệm vụ khôi phục hòa bình của cả hai bên. Chính những cố gắng của Phổ và Áo đã thúc đẩy việc triệu tập hội nghị Viên là hội nghị được coi một cách chính đáng là một sự kiện tốt đẹp. Chính phủ chúng ta không thể lãng tránh những sự kiện trong đó chính phủ còn có thể gây ảnh hưởng tốt đẹp" (cho Nga) "đối với các cường quốc phương Tây. Chính phủ có thể làm mất xích nối liên những cường quốc ấy và, có lẽ, có thể phục vụ cho việc củng cố nguyên vọng nền hòa bình. Về dự thảo công hàm của bốn cường quốc gửi cho Nga, thì không nên quên rằng, Nga vẫn không thừa

1* - toàn văn

1* - Hãy run sợ, hỡi Bi-dăng-xơ!

nhận hội nghị, cũng như do có tình hình mới mà dự thảo ấy đã trở thành không thể tiếp nhận được đối với Thổ Nhĩ Kỳ. Nghị định thư Viên mới" (ở đây ngài phân Man-toi-phen đã vạch cho chúng ta thấy một điều bí mật rất quan trọng) "tạo ra những khả năng mới cho nền hòa bình chung và dù sao chẳng nữa để ngăn ngừa sự tham chiến của Phổ và nước Đức. Về yêu cầu trước đây ít lâu của Áo chung quy là để ra cho quốc hội Hiệp bang Đức một lập trường trung lập nghiêm chỉnh bắt buộc đối với cả Phổ, thì chính phủ, hành động theo ý đồ của mình, đã cho rằng không thể đồng ý. Chính phủ cho rằng không thể từ chối địa vị đại cường quốc độc lập của mình và từ bỏ quyền tự do định đoạt của mình. Ngoài ra, sự trung lập ấy thành ra cái cớ cho các cường quốc khác giữ lập trường thù địch với chúng ta, nếu như họ quyết định rằng lập trường này phù hợp với lợi ích của họ. Hiện nay, hoàn cảnh của các cường quốc phương Tây đã có những thay đổi quan trọng do trách nhiệm mới của họ" (theo nghị định thư Viên¹²⁴). "Trong tình huống thuận lợi nhất, tất cả những tai họa to lớn mà chiến tranh đem lại, sẽ không đụng đến nước ta; mà đây là lợi thế to lớn, không thể đánh giá được" (Nếu ai có thể hiểu được sự lựa chọn ấy, thì tôi sẵn sàng đánh giá một cách xứng đáng cái trí tuệ sâu sắc của anh ta). "Khả năng của những hoạt động quân sự giữa Nga và các cường quốc phương Tây ở biển Ban-tích và Hắc hải đã buộc Phổ - xét đến vị trí địa lý của nó là một cường quốc lớn" (không phải chủ yếu là lớn, mà chủ yếu là kéo dài), - phải tiến hành mọi sự chuẩn bị cần thiết để bảo vệ lợi ích của mình bằng vũ khí trong tay khi cần thiết. Dù sao, chính phủ không lùi bước trước quá khứ" (nếu nhìn chung điều đó có thể có ý nghĩa nào đó, thì nó có nghĩa là chính phủ không biết hổ thẹn về quá khứ của mình) "và lấy làm vui sướng có dịp trình bày công khai những quan điểm của mình".

Đĩ nhiên, ủy ban cho rằng sự giải thích ấy là quá thỏa mãn.

Tờ "Journal de St. Pétersbourg" đã đăng những văn kiện mới sau đây:

"LỆNH GỬI CỤC CẢNH SÁT

Ngày 15 tháng Tư 1854

Nay đức hoàng thượng ra lệnh áp dụng - đối với các sĩ quan cấp thấp đã xuất ngũ thuộc lực lượng cận vệ và hải quân tự cảm thấy mình còn khỏe mạnh, tinh lực dồi dào, nhiệt tình và có năng lực, muốn tái ngũ trong thời gian chiến tranh này - những ưu đãi vẫn dành cho các sĩ quan cấp đó đã xuất ngũ thuộc lực lượng cận vệ và trong quân đội.

Tuỳ tướng của hoàng đế

Ga-la-khốp

SẮC LỆNH GỬI THƯỢNG NGHỊ VIỆN NHIẾP CHÍNH

Xét rằng cần thiết phải thành lập một hạm đội thuyền chèo hậu bị nhằm tăng cường các biện pháp cảnh giới miền duyên hải vịnh Phần Lan, nay ta ra lệnh:

1. Thành lập bốn đội thủy thủ dân binh để cung cấp thủy thủ chèo thuyền cho hạm đội này.
2. Thành lập các đội đó bằng cách trưng tập những người tình nguyện lấy ở các tỉnh: Xanh-Pê-téc-bua, Nốp-gô-rốt, Ô-lô-nét và Tơ-ve-rơ.
3. Việc tìm các biện pháp cần thiết để thành lập lực lượng dân binh ấy được trao cho một ủy ban gồm có đại hầu tước Côn-xtan-tin Ni-cô-la-ê-vích là người phụ trách Bộ hàng hải và các bộ trưởng: Bộ tài sản quốc gia, Bộ thái ấp và Bộ nội vụ.

Ni-cô-la

Xanh-Pê-téc-bua, ngày 14 tháng Tư 1854

QUY CHẾ VỀ LỰC LƯỢNG THUYẾT THỦ DÂN BINH

I. Mục đích thành lập và thành phần của lực lượng thuyết thủ dân binh.

1. Lực lượng thuyết thủ dân binh được thành lập nhằm mục đích phiên chế hạm đội thuyền chèo hậu bị để cảnh giới miền duyên hải vịnh Phần Lan.
2. Lực lượng dân binh đó gồm có bốn đội chiến thuyền, việc phiên chế và tổ chức nội bộ của nó được giao cho Bộ hàng hải chịu trách nhiệm.
3. Những người khỏe mạnh, không kể thành phần xuất thân, đều có thể tự nguyện gia nhập lực lượng đó theo những điều kiện dưới đây.

II. Thể thức chiêu mộ.

4. Những người muốn tham gia lực lượng thuyết thủ dân binh phải có những thể căn cước hợp pháp, còn nông dân làm thuê cho địa chủ phải có giấy phép đặc biệt của địa chủ hoặc người quản lý điền thổ của họ.
5. Tất cả những người muốn gia nhập ở Xanh-Pê-téc-bua đều phải ghi tên ở cục thanh tra Bộ hàng hải, ở các tỉnh lý - thì ghi tên ở dinh tỉnh trưởng, còn ở các huyện lý - thì ghi tên ở nhà đường cục cảnh sát địa phương.
6. Người ghi tên phải xuất trình giấy chứng minh và được phát tại chỗ một giấy chứng nhận thông thường có ghi rõ thời gian tới ghi tên. Giấy chứng nhận phải được gửi ngay lên cục thanh tra Bộ hàng hải mà bản thân người tình nguyện ghi tên cũng phải đến đó, - nếu cần tiền đi đường thì được ứng trước một tháng lương và có ghi rõ trong giấy chứng nhận.
7. Nhà đường cục cảnh sát địa phương có trách nhiệm đôn đốc nghiêm ngặt những người tình nguyện nhanh chóng đi Xanh-Pê-téc-bua, giúp đỡ họ về mọi mặt, còn trường hợp họ ốm đau phải có sự trông nom cần thiết.

(Điểm 8 và 9 không quan trọng.)

III. Điều kiện phục vụ.

10. Người gia nhập lực lượng thuỷ thủ dân binh sẽ được lĩnh, kể từ hôm ghi tên tại cục thanh tra:

- a) Lương hàng tháng là 8 rúp bạc.
- b) Khẩu phần lương thực và thực phẩm đi biển ngang với các sĩ quan cấp thấp ngành hàng hải.
- c) Quân trang kiểu nông dân, và được phép để râu và tóc à la paysanne^{1*}.

11. Thời hạn phục vụ kéo dài đến ngày 1 tháng Mười một 1854.

12. Hết thời hạn phục vụ đó, không một người tình nguyện nào bị giữ lại trong quân ngũ.

13. Những người xuất sắc sẽ được khen thưởng như các sĩ quan cấp thấp đang tại ngũ.

14. Trường hợp bắt được tàu địch hoặc bắn chìm tàu địch với sự giúp sức của các pháo hạm, thì những người tình nguyện phục vụ trên pháo hạm sẽ được tham dự việc chia của cải thu được theo đúng luật lệ.

15. Trường hợp người tình nguyện tham gia quân hậu bị bị thương hoặc tàn phế thì sẽ được chiếu cố và ưu đãi như đối với quân nhân.

16. Chính quyền và đoàn thể địa phương được trao nhiệm vụ chiếu cố đặc biệt đến gia đình của những người tình nguyện trong thời gian phục vụ của họ.

Còn-xtan-tin
Bá tước Ki-xê-lép
Bá tước Pê-rốp-xki
Đmi-tơ-ri Bi-li-cốp"

Không thể tìm được sự mô tả vắn tắt nào về nước Nga hay hơn là sự mô tả trong những văn kiện dẫn ra trên đây: hoàng đế, quan lại, nông nô, những bộ râu à la paysanne^{1*}, cảnh sát, lính chèo thuyền trong lực lượng lính thuỷ đánh bộ, thôn xã, ruộng đất và biển cả, - đấy là toàn cảnh của "cả nước Nga".

Do C.Mác viết ngày 28 tháng Tư 1854
Đã đăng trên tờ "New-York Daily Tribune"
số 4079, ngày 15 tháng Năm 1854
Ký tên: Các Mác

In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Anh
In bằng tiếng Nga lần đầu

^{1*} - theo kiểu nông dân

C.MÁC

*CUỘC BẮN PHÁ Ô-ĐÉT-XA. - HY LẠP. - LỜI KÊU GỌI CỦA HẦU TƯỚC ĐA-NI-LÔ XỨ SÉC-NÔ-GÔ-RI-A. - DIỄN VĂN CỦA MAN-TOI-PHEN¹²⁵

Luân Đôn, thứ ba, ngày 2 tháng Năm 1854

Cuối cùng, cuộc bắn phá Ô-đét-xa mà liên quân đã nhiều lần tiến hành trong trí tưởng tượng huênh hoang, thì nay đã được thực hiện. Nhưng những tin điện nhận được cho tới nay thì còn quá ít ỏi và quá nghèo nàn về chi tiết, nên không đáng để bình luận. Theo những tin tức đáng tin cậy nhất thì cuộc bắn phá bắt đầu ngày 22 tháng Tư, tạm ngừng ngày 23 tháng Tư (khi người ta đề nghị viên tư lệnh bảo vệ thành phố đầu hàng) và lại tiếp tục ngày 24 tháng Tư. Một mặt, tin tức cho biết phần lớn thành phố đã bị phá huỷ hoàn toàn; nhưng mặt khác, lại được tin chỉ có các đồn trại bị rốc-két và đạn trái phá phá huỷ. Một số giới thậm chí quả quyết rằng, cuộc bắn phá hoàn toàn không đem lại kết quả gì. Một số tin điện cho biết 8 tàu Nga đã bị tiêu diệt, đương nhiên, là tàu buôn, vì rằng ở Ô-đét-xa không có tàu chiến Nga. Theo tin tức cuối cùng phát đi từ Ô-đét-xa ngày 26 tháng Tư, thì toàn bộ hạm đội liên quân đã rút đi sáng sớm hôm ấy.

Để chuẩn bị dư luận cho sự kiện này, Chính phủ Pháp mới đây đã công bố trên tờ "Moniteur" một đoạn trích sau đây trong báo cáo gần đây của đô đốc Ha-me-lanh gửi bộ trưởng Bộ hải quân:

"Ngày 6 tháng Tư, tàu tuần dương Anh là "Phu-ri-ốt" tiến tới Ô-đét-xa để dòm dón chỗ các lãnh sự và những công dân Pháp và Anh muốn rời thành phố này do chiến sự lan đến gần... Tuy trên tàu tuần dương và trên xuống có cấm cờ quân sự, nhưng các khẩu đội pháo của Nga vẫn bội tín bắn bảy loạt đạn vào chiếc xuống khi nó vừa rời đê ngăn sóng được mấy phút... Tôi đang thảo luận với đô đốc Đôn-đa-xơ về biện pháp trừng phạt đối với hành động đã man đó".

Người Nga lại nói khác hẳn về toàn bộ sự kiện. Họ quả quyết rằng việc cử tàu mang cờ quân sự chỉ là cái cớ để trình sát các vị trí phòng ngự của họ. Cách đây không lâu, tàu chiến "Rét-ri-bi-u-sen" lui tới cảng

III. Điều kiện phục vụ.

10. Người gia nhập lực lượng thủy thủ dân binh sẽ được lĩnh, kể từ hôm ghi tên tại cục thanh tra:

- a) Lương hàng tháng là 8 rúp bạc.
- b) Khẩu phần lương thực và thực phẩm đi biển ngang với các sĩ quan cấp thấp ngành hàng hải.
- c) Quân trang kiểu nông dân, và được phép để râu và tóc à la paysanne^{1*}.

11. Thời hạn phục vụ kéo dài đến ngày 1 tháng Mười một 1854.

12. Hết thời hạn phục vụ đó, không một người tình nguyện nào bị giữ lại trong quân ngũ.

13. Những người xuất sắc sẽ được khen thưởng như các sĩ quan cấp thấp đang tại ngũ.

14. Trường hợp bắt được tàu địch hoặc bắn chìm tàu địch với sự giúp sức của các pháo hạm, thì những người tình nguyện phục vụ trên pháo hạm sẽ được tham dự việc chia của cải thu được theo đúng luật lệ.

15. Trường hợp người tình nguyện tham gia quân hậu bị bị thương hoặc tàn phế thì sẽ được chiếu cố và ưu đãi như đối với quân nhân.

16. Chính quyền và đoàn thể địa phương được trao nhiệm vụ chiếu cố đặc biệt đến gia đình của những người tình nguyện trong thời gian phục vụ của họ.

Còn-xtan-tin
Bá tước Ki-xê-lép
Bá tước Pê-rốp-xki
Đmi-tơ-ri Bi-li-cốp"

Không thể tìm được sự mô tả vắn tắt nào về nước Nga hay hơn là sự mô tả trong những văn kiện dẫn ra trên đây: hoàng đế, quan lại, nông nô, những bộ râu à la paysanne^{1*}, cảnh sát, lính chèo thuyền trong lực lượng lính thủy đánh bộ, thôn xã, ruộng đất và biển cả, - đấy là toàn cảnh của "cả nước Nga".

Do C.Mác viết ngày 28 tháng Tư 1854
Đã đăng trên tờ "New-York Daily Tribune"
số 4079, ngày 15 tháng Năm 1854
Ký tên: Céc Mác

In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Anh
In bằng tiếng Nga lần đầu

1* - theo kiểu nông dân

C.MÁC

***CUỘC BẮN PHÁ Ô-ĐÉT-XA. - HY LẠP. - LỜI KÊU
 GỌI CỦA HẦU TƯỚC ĐA-NI-LÔ XỨ SÉC-NÔ-GÔ-RI-A. -
 DIỄN VĂN CỦA MAN-TOI-PHEN¹²⁵**

Luân Đôn, thứ ba, ngày 2 tháng Năm 1854

Cuối cùng, cuộc bắn phá Ô-đét-xa mà liên quân đã nhiều lần tiến hành trong trí tưởng tượng huênh hoang, thì nay đã được thực hiện. Nhưng những tin điện nhận được cho tới nay thì còn quá ít ỏi và quá nghèo nàn về chi tiết, nên không đáng để bình luận. Theo những tin tức đáng tin cậy nhất thì cuộc bắn phá bắt đầu ngày 22 tháng Tư, tạm ngừng ngày 23 tháng Tư (khi người ta đề nghị viên tư lệnh bảo vệ thành phố đầu hàng) và lại tiếp tục ngày 24 tháng Tư. Một mặt, tin tức cho biết phần lớn thành phố đã bị phá huỷ hoàn toàn; nhưng mặt khác, lại được tin chỉ có các đồn trại bị rốc-két và đạn trái phá phá huỷ. Một số giới thậm chí quả quyết rằng, cuộc bắn phá hoàn toàn không đem lại kết quả gì. Một số tin điện cho biết 8 tàu Nga đã bị tiêu diệt, đương nhiên, là tàu buôn, vì rằng ở Ô-đét-xa không có tàu chiến Nga. Theo tin tức cuối cùng phát đi từ Ô-đét-xa ngày 26 tháng Tư, thì toàn bộ hạm đội liên quân đã rút đi sáng sớm hôm ấy.

Để chuẩn bị dư luận cho sự kiện này, Chính phủ Pháp mới đây đã công bố trên tờ "Moniteur" một đoạn trích sau đây trong báo cáo gần đây của đô đốc Ha-me-lanh gửi bộ trưởng Bộ hải quân:

"Ngày 6 tháng Tư, tàu tuần dương Anh là "Phu-ri-ốt" tiến tới Ô-đét-xa để dòm dón chỗ các lãnh sự và những công dân Pháp và Anh muốn rời thành phố này do chiến sự lan đến gần... Tuy trên tàu tuần dương và trên xuống có cấm cờ quân sự, nhưng các khẩu đội pháo của Nga vẫn bội tín bắn bảy loạt đạn vào chiếc xuống khi nó vừa rời đê ngăn sóng được mấy phút... Tôi đang thảo luận với đô đốc Đôn-đa-xơ về biện pháp trừng phạt đối với hành động đã man đó".

Người Nga lại nói khác hẳn về toàn bộ sự kiện. Họ quả quyết rằng việc cử tàu mang cờ quân sự chỉ là cái cớ để trình sát các vị trí phòng ngự của họ. Cách đây không lâu, tàu chiến "Rét-ri-bi-u-sen" lui tới cảng

Xê-va-xtô-pôn với lý do là trao công văn khẩn, nhưng thực ra là để vẽ sơ đồ bố trí pháo trong cảng, việc đó đã làm cho Nga hoàng hết sức tức giận, nhất là việc báo chí Anh làm rùm beng lên về chiến công đó đã chứng thực cho sự hoài nghi của Nga hoàng. Vì vậy, đã có lệnh nã pháo vào tất cả những tàu thuyền xuất hiện ở bất cứ cảng nào của Nga. Tờ "Indépendance belge"¹²⁶ đã công bố một bức thư nói về những sự kiện ấy và dường như do một sĩ quan Nga viết từ Ô-đét-xa, nhưng thực ra, rõ ràng là do ngài Ki-xê-lép thảo ra nó:

"Vào lúc 6 giờ sáng ngày 27 tháng Ba (tức ngày 8 tháng Tư) tàu "Phu-ri-ốt" thuộc hạm đội hoàng gia Anh đã tiến vào đề ngăn sóng của cảng Ca-ran-tin ở Ô-đét-xa mà không treo cờ quân sự. Tuy viên chỉ huy quân cảng đã được lệnh bắn pháo vào mọi tàu chiến của Anh, nhưng ông vẫn quyết định hoãn thi hành tức khắc lệnh ấy, cho rằng chiếc tàu đó có thể chưa được thông báo về việc tuyên chiến của Anh. Tàu "Phu-ri-ốt" bỏ neo, thả xuống và cho tiến vào bờ có cấm cờ quân sự. Viên chỉ huy quân cảng lập tức cử sĩ quan tùy tùng của mình đón tiếp viên sĩ quan trên xuống. Viên sĩ quan này tuyên bố rằng ông được cử đến đây để đón các lãnh sự Pháp và Anh xuống tàu. Người ta trả lời viên sĩ quan ấy rằng các vị lãnh sự đã rời Ô-đét-xa từ lâu rồi, vì vậy yêu cầu ông ta rút đi ngay; bấy giờ xuống đã được kéo lên tàu và cờ quân sự được thu lại. Nhưng, đáng lẽ phải nhỏ neo, thì các sĩ quan trên tàu lại vẽ sơ đồ bố trí trận địa pháo. Bấy giờ, để ngăn cản việc ấy, người ta đã bắn đạn giả vào tàu "Phu-ri-ốt". Vì tàu "Phu-ri-ốt" cứ lơ đi, nên một viên đạn đại bác đã bắn vào một chân vịt của nó. Tàu "Phu-ri-ốt" rời cảng ngay tức khắc".

Trước khi tiến hành hoạt động quân sự chống hải cảng của Nga, hạm đội Anh - Pháp phải chờ phía người Nga tạo cho nó "cái cớ" để tiến hành, nhưng đến lúc đó nó lại không thể chiếm được hải cảng đó, mà nó chỉ nã được vài loạt đạn ở trên tàu xuống đó mà thôi, - dĩ nhiên, điều đó thật buồn cười.

Thư từ mà Công-xtăng-ti-nô-plơ nhận được từ Ô-đét-xa về xác nhận rằng, vào khoảng thời gian mà tàu "Phu-ri-ốt" được phái đi Ô-đét-xa, Chính phủ Nga đã tịch thu toàn bộ số lương thực để ở các kho, bắt chấp nó là tài sản tư nhân của các nhà buôn nước ngoài. Số bị tịch thu tất cả là 800000 quắc-tơ. Ngoài ra, Chính phủ Nga còn hạ lệnh cho các nhà buôn nước ngoài phải cung cấp 150000 chiếc bao tải và 150000 chiếc xe lớn để vận chuyển số lương thực bị tịch thu vào sâu nội địa. Để trả lời cho tất cả những lời kháng nghị, tỉnh trưởng tuyên bố rằng chính sách của các cường quốc phương Tây đã buộc Chính phủ Nga đi đến những hành động cực đoan ấy và rằng bằng việc tịch thu tài sản của họ, chính phủ mới cứu cho tài sản ấy khỏi sự cướp phá của

dân chúng phần nộ. Sau khi các lãnh sự của các nước trung lập ở lại Ô-đét-xa đưa ra kháng nghị, tỉnh trưởng, cuối cùng, đã đồng ý không thanh toán số hàng hóa đã tịch thu, mà chỉ phát các giấy biên nhận thông thường cho người sở hữu mà thôi.

Chúng tôi xin dẫn thêm một đoạn rút một trong các tờ báo ở Xtốc-khôm:

"Cả thành phố đầy rẫy những nạn nhân từ Phần Lan chạy sang, phần lớn là từ quần đảo A-lăng" - (rõ ràng là, quần đảo này vẫn còn bị người Nga chiếm giữ), - "chạy thoát khỏi người Nga bắt lính. Trong hạm đội Nga thiếu rất nhiều thủy thủ, và nhà đương cục bắt cả già lẫn trẻ. Đang đêm, đàn ông trong gia đình bị xua ra khỏi nhà, không được lấy một phút để thu xếp. Để tránh khỏi hành động bạo ngược ấy, người ta đem theo cả gia đình cùng toàn bộ khăn gói lên đường chạy trốn sang Thụy Điển".

Tờ "Journal de St. Pétersbourg" ra ngày 23 tháng Tư có đăng lời tuyên cáo của Nga hoàng đối với các thần dân của ông ta, trong đó nói rằng cuộc chiến tranh với các cường quốc phương Tây được coi là cuộc chiến tranh của giáo hội Chính thống giáo chống lại bọn dị giáo, để giải phóng các đồng đạo đang bị Đế quốc Ôt-tô-man áp bức.

Hôm nay, chúng tôi đọc thấy trên tờ "Presse" ở Pa-ri:

"Một trong những phóng viên của chúng tôi ở Công-xtăng-ti-nô-plơ báo cho chúng tôi biết những tình tiết quan trọng về một âm mưu của Nga mới bị phát giác mà cuộc điều tra âm mưu đó vừa kết thúc xong. Cuộc điều tra nói lên rõ ràng rằng Nga từ lâu đã chuẩn bị cho cuộc khủng hoảng mà kết quả là "người ốm" phải đi vào phần mộ ngay trước mắt của thầy thuốc của mình. Cuộc điều tra chứng tỏ rằng việc nam tước En-xơ phục vụ ở cục cảnh sát Thổ Nhĩ Kỳ, chỉ cốt để lừa dối tốt hơn đối với các surveillants" của mình. Theo bảng ghi công khai thì mỗi tháng ông ta lĩnh 1000 pi-a-xtơ-rơ. Mặc dầu quỹ quyết, cái trò hai mặt mà ông ta đóng đã bị vạch trần như sau: ông ta kết bạn với ngài A-xpa, một thầy thuốc đang phục vụ ở Thổ Nhĩ Kỳ, và cho rằng có thể tin cậy được, nên ông ta đã nói thực với người thầy thuốc này rằng ông ta vẫn không thôi phục vụ nước Nga, tuy ông ta lĩnh lương ở cục cảnh sát Thổ Nhĩ Kỳ. Theo lời ngài En-xơ thì Nga định tuyển mộ trong số những người Hy Lạp và người Xla-vơ sống ở Thổ Nhĩ Kỳ một đạo quân gồm 60000 tên âm mưu sẵn sàng hành động theo tín hiệu quy định. Đòn quyết định sẽ giáng vào Công-xtăng-ti-nô-plơ. Đứng đầu vụ âm mưu ở thành phố này là một người Anh tên là Plan-tát-giơ-nét Ha-ri-xơn gì đó. Ngài A-xpa giả vờ dường như đồng ý với quan điểm của En-xơ, nhưng lại báo cho cục cảnh sát Thổ Nhĩ Kỳ biết. Cục cảnh sát từ lâu đã nghi ngờ En-xơ, tăng cường theo dõi và phát hiện rằng ông ta thường xuyên đưa báo cáo cho

hầu tước Goóc-tra-cốp. Cuối cùng cục cảnh sát đã bắt được một trong những bản báo cáo ấy. En-xơ vốn hành động rất thận trọng, đã có sơ xuất là đưa bản báo cáo ấy cho ngài A-xpa xem, - ông này báo ngay cho ngài Pa-la-ma-ri về việc đó, một nhân viên mật vụ của cục cảnh sát Thổ Nhĩ Kỳ, - và chuyển giao ngay trước mặt ông A-xpa bản báo cáo ấy cho Rát-sích - một người Xla-vơ từ Áo đến, có liên hệ với En-xơ và đồng mưu của ông ta. Bức thư đã bắt được trong người Rát-sích khi khám xét cũng là một trong những vật chứng. Về sau lại phát hiện ra rằng En-xơ đã có hợp đồng với Công-xtăng-ti-nô-plơ, một thuyền trưởng tàu buôn Hy Lạp, và họ đã thỏa thuận về việc lôi kéo thêm vào vụ âm mưu 40 thuyền trưởng các tàu buôn Hy Lạp nữa, những người này căn cứ vào ngày giờ đã quy định phải chuyển đạn được đến Công-xtăng-ti-nô-plơ và cung cấp mọi vật tư cần thiết để dấy lên cuộc bạo động trong cư dân Hy Lạp ở thủ đô. Công-xtăng-ti-nô-plơ giữ liên hệ thường xuyên không những với En-xơ, mà cả với ngài Mê-tắc-xa-xơ nữa, là đại sứ của Hy Lạp bên cạnh Chính phủ Thổ Nhĩ Kỳ. Bô-đi-na-rốp, đại tá Nga, là người liên lạc giữa En-xơ và hầu tước Goóc-tra-cốp".

Trên tờ "Augsburger Zeitung" đã xuất hiện một loạt bài hết sức thù địch với nước Nga, đã gây ra phản ứng mạnh mẽ ở Đức, vì rằng từ trước tới nay tờ báo ấy vẫn hết sức sốt sắng bênh vực cho lợi ích của Nga; mà hơn nữa mọi người đều biết rằng nội các Áo là người cổ vũ nó. Những bài báo ấy nói rằng, sau khi nội dung của văn kiện trao đổi bí mật của ngài H.Xây-mua bị phơi bày, thì Áo tất cho rằng mình không còn bị ràng buộc bởi nghĩa vụ đối với Nga nữa. Chúng tôi đọc thấy trong một những bài báo ấy:

"Khi hành động của Nga buộc Áo phải ra kháng nghị với Xanh-Pê-téc-bua, thì kháng nghị ấy bị tiếp nhận một cách ngạo mạn, còn nội các Viên bị coi khinh trắng trợn đến mức mỗi công văn khẩn mới từ Công-xtăng-ti-nô-plơ gửi về đều gây ra những linh cảm nặng nề. Sự thiếu tôn kính và coi trọng đó đã buộc bá tước Men-xđoóc-phơ yêu cầu bổ nhiệm ông làm lữ đoàn trưởng để ông thoát khỏi chức vụ ở Xanh-Pê-téc-bua, tuy rằng, về phía cá nhân, ông không có lý do gì để oán trách".

Vì vậy mà ông đã được bá tước Ê-xtéc-ga-di thay thế. Trong một bài khác có đoạn sau đây:

"Khi hoàng đế Nga đến Ôn-muýt-xơ, ngài đối xử với bá tước Bu-ôn - Sao-en-stai-nơ rất khiếm nhã khiến cho không thể không nói đó là điều sỉ nhục mà mọi người đều cảm thấy điều đó, còn Nê-xen-rô-de và Máy-en-đoóc-phơ thì rất lúng túng". (Tôi xin nhắc nhở bạn đọc rằng Nê-xen-rô-de quen thói khích hoàng đế chí tôn của mình làm cái việc khiếm nhã ấy, để rồi sau đấy lại đau buồn về ngài). "Vị hoàng đế trẻ tuổi đã chứng kiến người ta đối xử với các bộ trưởng của mình như thế nào, nên không quên điều đó. Các bức thư của ngài H.Xây-mua chỉ có thể đẩy nhanh quyết định mà hoàng đế đã chấp nhận từ trước" (ngăn cản mọi sự xâm phạm

của Nga đối với Áo)... "Trong thời gian ở Viên, bá tước Oóc-lốp đã cự tuyệt linh trách nhiệm nhân danh đức vua của mình mà duy trì sự toàn vẹn của Đế quốc Ôt-tô-man trong bất cứ điều kiện nào".

Phóng viên của tờ "Times" ở Công-xtăng-ti-nô-plơ đặc biệt nhấn mạnh cục diện là cuộc bạo động của người Hy Lạp sẽ không tránh khỏi dẫn tới cách mạng ở Hy Lạp, nghĩa là dẫn tới cuộc đấu tranh giữa phái dân tộc và những người ủng hộ nước Nga. Mặt khác, cuộc đàn áp tàn khốc của pa-sa ở Bun-ga-ri, rõ ràng là, đang đẩy dân cư về phía có lợi cho nước Nga. Hãy cho phép tôi nêu lên một số sự kiện nêu bật mối quan hệ của Hy Lạp đối với các cường quốc phương Tây. Trên tờ "Nouvelliste de Marseille" có thể đọc được tin tức sau đây phát đi từ Công-xtăng-ti-nô-plơ ngày 17 tháng Tư:

"Những người châu Âu cư trú ở A-ten đang chịu đựng mọi sự lăng nhục có thể có. Thậm chí người ta dùng cả gậy chống lại họ, còn hiến binh Hy Lạp thì hoàn toàn không ngăn cản việc đó. Ngày 15 tháng Ba, ngài Ga-xpa-ri là nhân viên ở đại sứ quán Pháp, con trai của cựu lãnh sự Pháp ở A-ten, đã bị đánh ngã trước mặt ba viên hiến binh tỏ ra hoàn toàn thờ ơ trước cảnh tượng ấy. Cũng ngày hôm ấy, những người Pháp khác được tin rằng người ta đã lập danh sách của 96 "người Pháp" đang chờ bị "trừng phạt". Những hành động quá đáng ấy đã buộc các đại diện của Pháp và Anh gửi cho chính phủ của quốc vương Ôt-tôn một công hàm chung thông báo rằng bất cứ hành vi bạo ngược nào đối với công dân Pháp hoặc Anh đều phải bồi thường ngay tức khắc 25.000 đrác-mơ. Ngày 12 tháng Tư một tối hậu thư mới được gửi cho Chính phủ Hy Lạp, hạn phải trả lời trong 5 ngày, tức trước ngày 17 tháng Tư. Tối hậu thư này đòi quốc vương Ôt-tôn phải bồi thường những thiệt hại mà người Pháp đã phải chịu, kiên quyết lên án cuộc bạo động, đồng thời phải sửa ngay hành động độc ác đó xảy ra dưới sự dung túng của quốc vương. Không ai trông chờ được sự trả lời thoả đáng của quốc vương. Nhận được sự trả lời không đồng ý, các đại sứ quyết định cắt mọi quan hệ với chính phủ này và đồng thời, cùng nhân danh Anh và Pháp, họ bắt đầu thực hiện các nghĩa vụ của "những quan cai trị Hy Lạp" căn cứ vào nghị định thư đã ghi nhận việc thành lập vương quốc Hy Lạp".

Chính phủ Hy Lạp ra thông tri gửi cho các đại diện ngoại giao của mình ở nước ngoài bào chữa cho hành động của mình trong thời gian tranh chấp gần đây với Chính phủ Thổ Nhĩ Kỳ mà những biện pháp vừa rồi của Thổ Nhĩ Kỳ đối với các thần dân Hy Lạp đều - theo lời ngài Pai-cô-sơ - nảy sinh từ sự tức giận về việc Thổ Nhĩ Kỳ không còn có thể coi Hy Lạp là lãnh địa của mình nữa. Đây chính là nguyên nhân căn bản của hoạt động âm mưu chống Hy Lạp 20 năm nay của Thổ

Nhĩ Kỳ, mà đối với hoạt động ấy thì những cuộc bạo động ở Phét-xa-li và Ê-pia chỉ là những cái có mà thôi.

Tờ "Presse"¹²⁷ ở Viên ngày 28 tháng Tư đã đăng lời kêu gọi sau đây của hâu tước Đa-ni-lô gửi các thủ lĩnh những bộ tộc ở Séc-nô-gô-ri-a:

"Ta mong rằng người Séc-nô-gô-ri-a các người noi gương tổ tiên chiến thắng của chúng ta đã để lại cho chúng ta nên tự do mà chúng ta lấy làm kiêu hãnh trước toàn thế giới, từ nay hãy tỏ ra cũng anh hùng như người Hy Lạp và các dân tộc khác. Vì vậy, ta kêu gọi các binh sĩ đã tham gia quân đội, để muốn biết rằng liệu ta có thể trông mong ở họ hay không, và ta ra lệnh cho mỗi thủ lĩnh hãy tập hợp bộ tộc của mình lại. Hãy để cho mỗi người lính tự tuyên bố rằng họ có sẵn sàng theo ta đi đánh quân Thổ Nhĩ Kỳ, kẻ thù chung của tín ngưỡng và đất nước của chúng ta, hay không. Thủ lĩnh các người phải tiếp nhận tất cả những người tình nguyện và gửi báo cáo về Xê-tin-nơ cho ta. Nhưng tất cả những ai không sẵn sàng hy sinh anh dũng, thì ta ra lệnh cho họ ở lại nhà. Còn ai đi với ta thì phải quên vợ con, quên tất cả những cái mình yêu quý trên thế giới này. Ta nói để với người, nhân dân anh dũng của ta, và với các người, anh em của ta: ai không muốn chết cùng ta, thì đừng có rời chỗ đứng của mình; vì ta biết rằng ai đi chiến đấu với ta sẽ giá trị hơn là năm chục tên nhát gan. Ta kêu gọi tất cả những người dũng cảm mà trái tim trong lồng ngực còn chưa giá lạnh, tất cả những ai sẵn sàng không ngần ngại đổ máu mình cho Tổ quốc, cho giáo hội Chính thống giáo và cho cây thánh giá, cùng chia sẻ với ta niềm vinh quang và danh dự. Chúng ta, quả thực, là những người con của người Séc-nô-gô-ri-a xưa kia đã từng đánh thắng ba viên tể tướng Thổ Nhĩ Kỳ, đã đánh bại quân đội Pháp và đã đột phá pháo đài của vua Thổ Nhĩ Kỳ. Chúng ta quyết không bán rẻ Tổ quốc mình, quyết không vứt bỏ vinh quang của tổ tiên chúng ta, chúng ta hãy đi chiến đấu vì Thượng đế.

Xê-ti-nơ, ngày 15 tháng Ba 1854"

Đa-ni-lô

Trên tờ "Agramer Zeitung"¹²⁸ người ta có thể đọc thấy rằng, để hưởng ứng lời kêu gọi ấy đối với dân tự do cuồng tín Séc-nô-gô-ri-a, các thủ lĩnh của các bộ tộc Séc-nô-gô-ri-a đã triệu tập các chiến sĩ trẻ và thông báo cho họ về lời kêu gọi, và lại có 4000 người tuyên thệ trước bàn thờ sẽ chiến thắng hoặc chết "vì tín ngưỡng và Tổ quốc". Không thể không vạch rõ sự giống nhau lạ lùng của phong trào này với các khẩu hiệu và nguyện vọng của cuộc chiến tranh giành độc lập của Phổ¹²⁹ mà tướng Đôn-na ở Khuê-ních-xbéc và toàn bộ Treubund¹³⁰ của Phổ vẫn thành kính ghi nhớ đến vậy. Các đơn vị người Séc-nô-gô-ri-a tiến đến Héc-txê-gô-vi-na qua Ních-si-a sẽ do hâu tước Đa-ni-lô đích thân chỉ huy. Các đơn vị tiến từ phía nam (đến An-ba-ni) qua Gia-bli-ác sẽ ở dưới quyền thống lĩnh của tướng Ghê-oóc-ghi Pê-tơ-rô-vích.

"Dân miền núi" - tờ "Agramer Zeitung" viết, - "được cung cấp đầy đủ đạn dược, và hai đạo quân sẽ được sử dụng 12 khẩu pháo ba pao rưỡi".

Tín hiệu mở màn cho chiến sự sẽ do đại tá Cô-va-lép-xki trực tiếp nhận chỉ thị của Xanh-Pê-téc-bua, phát ra.

Giành được cho mình 30000000 ta-le, ngài Phôn Man-toi-phen liền giải tán các nghị sĩ của cả hai viện với bài diễn văn từ biệt mà tôi xin trích dẫn một đoạn dưới đây có tính chất tiêu biểu nhất:

"Thưa quý vị! Với việc tán thành khoản công trái đó, quý vị đã tạo cho chính phủ khả năng tiến xa hơn nữa trên con đường mà cho tới nay chính phủ vẫn đi trong sự nhất trí hoàn toàn (in voller Einigkeit) với Áo và toàn bộ nước Đức và trong sự thoả thuận với các đại cường quốc khác, và đã tạo khả năng cho Phổ duy trì được vai trò xứng đáng của mình trong việc giải quyết vấn đề lớn lao mà hiện nay châu Âu đang quan tâm".

Hãy cho phép tôi nêu lên rằng trong tin điện về bài diễn văn ấy đăng trên báo chí Anh, thì "sự thoả thuận với các đại cường quốc khác" đã bị dịch sai thành "sự thoả thuận với các cường quốc phương Tây". Phổ ngấm địch cao hơn. Nó muốn tranh thủ hoà bình trong sự thoả thuận với hai bên dường như đang tham chiến - rút cục là với ai?

Cũng chính hôm mà ngài Phôn Man-toi-phen giải tán các viện, ông ta lại may mắn được đọc bài diễn văn thứ hai tại réunion^{1*} của đảng ông ta, một bài diễn văn nổi bật lên ở chỗ chính xác hơn và hùng hồn hơn là những ẩn ngữ quan phương được sử dụng trên đây. Bài diễn văn này là tác phẩm mẫu mực nhất của Phổ trong thời đại chúng ta. Nó chứa đựng in nuce^{2*}, toàn bộ cái trí tuệ của Nhà nước Phổ.

"Thưa quý vị", - ông ta nói, - "có một từ mà người ta quá lạm dụng, đó là từ tự do. Tôi không phản đối từ ấy, nhưng châm ngôn của tôi là một từ khác. Châm ngôn của tôi là từ *phục vụ* (Dienst). Thưa quý vị, tất cả chúng ta hội họp ở đây đều phải phục vụ Thượng đế và đức vua, và tôi lấy làm tự hào rằng mình có thể phục vụ đức vua như vậy. Từ *phục vụ* ấy đang đoàn kết quốc gia Phổ, mặc dầu nó bị dùng bữa bãi trên khắp lãnh thổ Đức (in deutschen Gauen). Từ ấy phải đoàn kết được tất cả chúng ta, dù địa vị của chúng ta ra sao. Từ *phục vụ đức vua* - đó là ngọn cờ của tôi, nó cũng là ngọn cờ của tất cả những ai hội họp ở đây, và cứu tinh của thời đại chúng ta là ở đây. Thưa quý vị! Phục vụ đức vua muôn năm!"

1* - hội nghị

2* - trong trạng thái mạnh nha

Man-toi-phen nói đúng: không có nước Phổ nào khác, ngoài nước Phổ sống bằng việc phụng sự nhà vua.

*Do C.Mác viết ngày 2 - 5 tháng Năm 1854
Đã đăng trên tờ "New-York Daily Tribune"
số 4048, ngày 16 tháng Năm 1854
Ký tên: Các Mác*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Anh
In bằng tiếng Nga lần đầu*

C.MÁC

NỀN TÀI CHÍNH CỦA NƯỚC ANH

Luân Đôn, thứ ba, ngày 9 tháng Năm 1854

Tuy cuộc bắn phá Ô-dét-xa rút cục là một hành động không có mấy ý nghĩa đã gây ra cho người ta sự xúc động mạnh mẽ, nhưng hiện nay một cuộc bắn phá khác lại thu hút sự chú ý của công chúng nhiều hơn, đó là cuộc bắn phá vào túi tiền của họ. Trước khi phân tích bản báo cáo về tình hình tài chính mà ngài Glát-xtôn trình bày tại phiên họp tối hôm qua của hạ nghị viện, cần phải nhìn lại những biện pháp tài chính mà ông ta đã thi hành từ trước tới nay.

Khi nhận chức bộ trưởng, ngài Đi-xra-e-li đã hạ lãi suất của kỳ phiếu ngân khố xuống $1\frac{1}{4}$ pen-ni một ngày, nghĩa là xuống mức thấp nhất chưa từng thấy trước đây. Nhưng ngài Glát-tôn - cố vượt người đi trước mình - đã tiến xa hơn và hạ lãi suất xuống 1 pen-ni mà không chú ý gì đến tình hình là khi ngài Đi-xra-e-li hạ lãi suất của kỳ phiếu ngân khố, thì tiền đã quá nhiều và rẻ đi, còn khi ngài Glát-xtôn định vượt đối thủ của mình, thì tiền ít đi mà đắt lên. Do đó, con người vĩ đại ấy phải bỏ ra một khoản tiền là 3 triệu cho kỳ phiếu ngân khố, mà nếu như ông ta không can thiệp thì kỳ phiếu đó tiếp tục được lưu hành với lãi suất như trước kia. Không những thế mà thôi! Chính phủ chưa kịp thu hồi kỳ phiếu ngân khố với những thiệt hại lớn cho nền tài chính của nhà nước, thì đã buộc phải phát hành một loại kỳ phiếu mới với lãi suất cao hơn. Đây là bằng chứng đầu tiên về tài năng xuất chúng của nhà ngụy biện Ốc-xphốt vẫn cho rằng bản thân mình đã tập trung được toàn bộ những tài năng, bởi vì có bác bỏ được dự án tài chính của chính phủ đảng To-ri, thì khối liên minh của những tài năng mới lật đổ được chính phủ đó, và như thế mới tuyên bố được rằng tài chính là một mặt mạnh trong chính sách của khối liên minh đó.

Không thỏa mãn với những biện pháp về quốc trái ngắn hạn ấy, ngài Glát-xtôn còn tiến hành một cuộc thử nghiệm đáng chú ý hơn với quốc

Man-toi-phen nói đúng: không có nước Phổ nào khác, ngoài nước Phổ sống bằng việc phụng sự nhà vua.

*Do C.Mác viết ngày 2 - 5 tháng Năm 1854
Đã đăng trên tờ "New-York Daily Tribune"
số 4048, ngày 16 tháng Năm 1854
Ký tên: Các Mác*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Anh
In bằng tiếng Nga lần đầu*

C.MÁC

NỀN TÀI CHÍNH CỦA NƯỚC ANH

Luân Đôn, thứ ba, ngày 9 tháng Năm 1854

Tuy cuộc bắn phá Ô-dét-xa rút cục là một hành động không có mấy ý nghĩa đã gây ra cho người ta sự xúc động mạnh mẽ, nhưng hiện nay một cuộc bắn phá khác lại thu hút sự chú ý của công chúng nhiều hơn, đó là cuộc bắn phá vào túi tiền của họ. Trước khi phân tích bản báo cáo về tình hình tài chính mà ngài Glát-xtôn trình bày tại phiên họp tối hôm qua của hạ nghị viện, cần phải nhìn lại những biện pháp tài chính mà ông ta đã thi hành từ trước tới nay.

Khi nhận chức bộ trưởng, ngài Đi-xra-e-li đã hạ lãi suất của kỳ phiếu ngân khố xuống $1\frac{1}{4}$ pen-ni một ngày, nghĩa là xuống mức thấp nhất chưa từng thấy trước đây. Nhưng ngài Glát-tôn - cố vượt người đi trước mình - đã tiến xa hơn và hạ lãi suất xuống 1 pen-ni mà không chú ý gì đến tình hình là khi ngài Đi-xra-e-li hạ lãi suất của kỳ phiếu ngân khố, thì tiền đã quá nhiều và rẻ đi, còn khi ngài Glát-xtôn định vượt đối thủ của mình, thì tiền ít đi mà đắt lên. Do đó, con người vĩ đại ấy phải bỏ ra một khoản tiền là 3 triệu cho kỳ phiếu ngân khố, mà nếu như ông ta không can thiệp thì kỳ phiếu đó tiếp tục được lưu hành với lãi suất như trước kia. Không những thế mà thôi! Chính phủ chưa kịp thu hồi kỳ phiếu ngân khố với những thiệt hại lớn cho nền tài chính của nhà nước, thì đã buộc phải phát hành một loại kỳ phiếu mới với lãi suất cao hơn. Đây là bằng chứng đầu tiên về tài năng xuất chúng của nhà ngụy biện Ốc-xphốt vẫn cho rằng bản thân mình đã tập trung được toàn bộ những tài năng, bởi vì có bác bỏ được dự án tài chính của chính phủ đảng To-ri, thì khối liên minh của những tài năng mới lật đổ được chính phủ đó, và như thế mới tuyên bố được rằng tài chính là một mặt mạnh trong chính sách của khối liên minh đó.

Không thỏa mãn với những biện pháp về quốc trái ngắn hạn ấy, ngài Glát-xtôn còn tiến hành một cuộc thử nghiệm đáng chú ý hơn với quốc

trái dài hạn. Tháng Tư 1853, ông ta đem trình trước hạ nghị viện một dự án hết sức phức tạp về việc đổi các cổ phiếu của Công ty Nam Hải và các chứng khoán khác của Nhà nước và kết quả là: sau nửa năm đến một năm sẽ buộc phải chi ra $9\frac{1}{2}$ triệu. Một nhận định hoàn toàn chính đáng được nêu ra là, để làm việc đó, ông ta đã có trước mắt mình các công văn khẩn, mật của ngài Ha-min--ton Xây-mua và những điều báo trước của đại tá Rô-dơ và lãnh sự Ca-ninh, sau đó thì ông ta không thể có sự hoài nghi nào về những ý đồ thù địch của Chính phủ Nga và về việc sắp nổ ra chiến tranh châu Âu. Nhưng chắc bạn đọc còn nhớ rằng đúng vào thời gian mà ngài Glát-xtôn đưa ra dự án của mình, tôi đã dự đoán¹³¹ rằng dự án ấy sẽ thất bại và do đó mà cuối năm quyết toán, chính phủ sẽ buộc phải vay nợ năm hoặc sáu triệu. Khi quả quyết như vậy, đó là tôi hoàn toàn chưa tính đến cục diện phức tạp ở phương Đông. Ngoài cục diện phức tạp ấy, cái hình thức giáo điều trong dự án của ngài Glát-xtôn vị tất có thể đánh lừa được bọn đầu cơ ở sở giao dịch chứng khoán; không cần phải có sự nhìn xa trông rộng đặc biệt, cũng có thể dự kiến được rằng mùa màng sẽ kém, vì rằng mưa dầm làm cho diện tích gieo trồng bị thu hẹp rất nhiều so với bình thường; rằng mùa màng thất bát sẽ gây ra tình trạng vàng bạc chạy ra nước ngoài; rằng tình trạng này, tất nhiên, không ngăn ngừa được xu hướng nâng cao lãi suất đã xuất hiện trên thị trường tiền tệ, và rằng trong tình hình lãi suất trên thị trường tiền tệ nâng cao một cách phổ biến mà trông mong công chúng bỏ tiền cho vay chịu hạ thấp lãi suất của chứng khoán có giá của mình hoặc họ không lợi dụng cái khả năng mà cuộc thử nghiệm của ngài Glát-xtôn tạo ra cho họ, nghĩa là yêu cầu thanh toán chứng khoán có giá của mình theo giá trị danh nghĩa để ngày hôm sau lại đem gửi số tiền lớn thu được với khoản lãi rỗng, thì thật nực cười. Trên thực tế, vào cuối năm quyết toán, ngài Glát-xtôn buộc phải trả theo giá quy định là 6 triệu về trái khoán thanh toán hàng năm cho Công ty Nam Hải, những trái khoán này nếu không có sự can thiệp của ông ta thì ở sở giao dịch chứng khoán hiện nay cứ 100 pao xtéc-linh chỉ ăn có 85 p.xt.. Như thế là ông đã lãng phí vô ích 6 triệu trong kinh phí của nhà nước, hơn nữa, do kết quả của biện pháp xuất sắc ấy, bản thân công chúng trên thực tế đã bị mất đi ít nhất là một triệu, đồng

thời số dư của ngân khố tính vào tháng Tư 1853 là 7800000, đến tháng Tư 1854, vào thời kỳ chiến tranh, đã giảm xuống 2778000, nghĩa là số giảm đi là hơn 5 triệu pao xtéc-linh. Cái dự án đổi chứng khoán chết yểu mà ngài Glát-xtôn đưa ra là cơ sở của mọi khó khăn về tài chính mà hiện nay chính phủ phải ra sức đấu tranh khắc phục. Ngày 6 tháng Ba, tức 24 ngày trước khi tuyên chiến, ngài Glát-xtôn tuyên bố rằng toàn bộ các biện pháp của ông đều dựa trên tiền đề là quỹ chi tiêu cho năm nay phải kiếm được ngay trong năm nay, và ông ta còn tuyên bố rằng, nhờ những biện pháp mà ông thi hành, gánh nặng của chiến tranh mãi bây giờ mới cảm thấy và không thể bàn đến việc tìm kiếm các khoản vay trên thị trường tiền tệ. Lời tuyên bố ấy, ông đã nhắc lại ngày 22 tháng Ba và thậm chí cả ngày 12 tháng Tư nữa. Tuy nhiên, ngày 21 tháng Tư, vào thời kỳ nghỉ họp của hạ nghị viện đã xuất hiện một thông cáo chính thức rằng cần vay nợ và sẽ phát hành trái khoán ngắn hạn của ngân khố quốc gia với tổng số là 6 triệu pao xtéc-linh. Chắc bạn đọc còn nhớ, trái khoán ngắn hạn của ngân khố quốc gia là một phát minh của ngài Glát-xtôn, được thi hành đồng thời với dự án đổi chứng khoán của ông ta.

Kỳ phiếu thông thường của ngân khố quốc gia là một thứ trái khoán có kỳ hạn 12 tháng và thường là đổi hoặc thanh toán khi hết kỳ hạn đó, mà lãi suất của nó thì lên xuống cùng với mức lãi suất trên thị trường tiền tệ. Trái khoán ngắn hạn của ngân khố quốc gia, trái lại, có quy định mức lãi cho nhiều năm, và bản thân nó là một thứ lợi tức định kỳ có thể chuyển nhượng cho nhau bằng phương thức ghi tên chuyển nhượng giản đơn mà không cần một khoản phụ chi nào đối với bên bán hoặc bên mua. Tóm lại, có thể gọi trái khoán đó là một thứ phỏng theo chứng khoán đường sắt. Năm 1853, khi ngài Glát-xtôn lần đầu tiên phát minh ra thứ trái khoán ấy, ông ta được quyền phát hành nó 30000000 và hết lời ca tụng phát minh của mình, ông ta cho rằng 30000000 ấy không thể thỏa mãn được nhu cầu và giá trị thực tế của trái khoán sẽ cao hơn giá trị danh nghĩa nhiều. Nhưng "công chúng sau khi nuốt vào trên 400000 p.xt. một ít đã no ứ rồi, nghĩa là chỉ bằng 1 phần 7 tổng số mà ông dự tính sẽ được bán hết". Để thu góp được số 66000000 cần thiết, ngài Glát-xtôn cho phát hành ba loại trái khoán ngắn hạn của ngân khố quốc gia với thời hạn lưu hành là: 4 năm, 5

năm và 6 năm. Để trái khoán được sở giao dịch tiếp nhận dễ dàng hơn, ông quyết định sẽ trả lãi khi chưa đến kỳ hạn thanh toán. Ông tuyên bố rằng sẽ phát hành trái khoán theo giá trị danh nghĩa với lãi suất là $3\frac{1}{2}\%$, có chú ý đến ưu thế đặc biệt của loại trái khoán mới là: lãi suất của nó bằng 10 đến 16% tổng số cổ tức. Khi bắt đầu nhận mua, người ta mới phát hiện rằng loại trái khoán thứ nhất phải trả vốn vào năm 1858, người ta chỉ yêu cầu mua cả thấy có 800000 p.xt., còn hai loại kia phải trả vốn vào năm 1859 và 1860 - thì nói chung không có ai yêu cầu mua cả. Nhưng không phải chỉ có thế. Ngài Glát-xtôn buộc phải tiêu thụ hàng hóa của mình với giá hạ hơn, bán ra theo giá thấp nhất là $98\frac{3}{4}\%$ và lại còn thêm trả lãi cho mấy tháng; như thế là, đáng lẽ duy trì số cổ phiếu có mức lãi 3% của Công ty Nam Hải, thì đằng này ông ta lại chỉ việc đi vay nợ lãi 4%, do đó mà bị thiệt hại 15% tư bản và 25% lợi tức. Mặc dầu đã có tất cả những sự nhượng bộ ấy, ông vẫn bị thất bại hoàn toàn, vì ông buộc phải kéo dài thời hạn đăng ký mua trái khoán ngắn hạn đến ngày 8 tháng Tư và thay cho yêu cầu 6000000 trước đây, ông đành bằng lòng với "con số ít ỏi đến buồn cười" là 2000000 pao xtéc-linh. Sự thất bại đó là không tránh khỏi, vì rằng chứng khoán của ngài Glát-xtôn không thích hợp với cả việc đầu tư tư bản lâu dài lẫn đầu tư tạm thời, vì rằng trả vốn vào năm 1859 và 1860 trong hoàn cảnh hiện nay là một vấn đề rất lớn và, sau hết, vì rằng trong khi lãi suất trên thị trường có xu hướng nâng cao, thì trái khoán có lãi suất xác định, được quy định cho vài năm, lại không được người ta vui vẻ tiếp nhận như kỳ phiếu ngân khố có lãi suất nhất định tăng lên theo sự tăng giá của tiền.

Ngài Glát-xtôn cảm thấy tung ra thị trường ba loại trái khoán còn chưa đủ, nên cho rằng mình có nghĩa vụ phải đưa ra hạ nghị viện không phải là một, mà là hai, và có thể ba hoặc bốn ngân sách. Khác với bộ trưởng Bộ tài chính cũ, ngài Glát-xtôn đã trình bày báo cáo của mình về ngân sách vào ngày 6 tháng Ba, trước khi kết thúc năm tài chính, qua đó ông ta tuyên bố rằng để chỉ rõ cho cả nước biết hiện nay đất nước đang ở vào tình thế như thế nào. Hạ nghị viện được thông báo rằng, số dư hiện có trong ngân sách là 3000000 p.xt., nhưng do tình hình hết sức nghiêm trọng, nên chính phủ buộc phải chi ra 6000000 p.xt., do đó năm nay phải chuẩn bị đối phó với khoản thâm hụt là 3.000.000 p.xt.. Sau đó chưa đầy hai tháng, ông ta lại yêu cầu nghị viện

khoảng 7.000.000, dĩ nhiên, mặc dầu ngay từ tháng Ba ông ta đã có thể tính toán được chính xác số tiền mà ông buộc phải yêu cầu ở dân chúng.

Các khoản thêm trong ngân sách mà ông yêu cầu được phân chia như sau:

Hải quân...	4550000	p.xt.
Lục quân...	300000	"
Pháo binh...	650000	"
Quân số bổ sung cho dân binh...	500000	"
Chi phí bất thường...	2100000	"
	8100000	p.xt.

Kinh phí cho lục quân, hải quân và pháo binh đã được nhất trí phê chuẩn ngay tối thứ sáu, và tôi xin trình bày tóm tắt kinh phí ấy được dùng vào mục đích gì: 300000 p.xt. dùng để bổ sung cho lục quân, 14799 binh sĩ và sĩ quan, nhờ đó quân số lục quân sẽ tăng thêm 40493 người so với quân số năm ngoái, hay lên tới con số 142000 người. Kinh phí tăng thêm cho pháo binh tất cả là 742132 pao xtéc-linh. Kinh phí tăng thêm cho hải quân là 4.553731 p.xt. và bao gồm một phần kinh phí tăng thêm cho pháo binh có thể phân chia theo các mục sau đây:

I

1. a) Lương của lính thủy và lính thủy đánh bộ, vì rằng hạm đội được bổ sung 11.000 người, tức là 2.500 lính bảo vệ bờ biển và 8.500 lính tình nguyện.....461700 p.xt.
- b) Trả lương cho 5.000 lính thủy phục vụ quá thời hạn 6 tháng; phải chi vào khi kết thúc năm tài chính, ngày 31 tháng Ba năm 1855.....110000 "
- c) Trả tiền trợ cấp vượt mức lương của lính thủy cho 2.500 nhân viên bảo vệ bờ biển và lính bốc dỡ hiện đang phục vụ trên tàu 51700 "
- d) Chi về trưng mộ 5.000 lính thủy dự bị.....220000 "
- e) Cung cấp cho 5.000 người vẫn ở lại phục vụ quá thời hạn 6 tháng tính đến ngày 31 tháng Ba 1855.....50000 "
- g) Chi về tăng thêm lương thực dự trữ, về vận chuyển lương thực và về sự tăng giá của một số loại lương thực 50000 "

h) Chi về cung cấp v.v. cho 5000 nhân viên bổ sung, phục vụ hải quân thời hạn 1 năm	100000	"
i) Trả lương cho số nhân viên công tác cấp thấp do chiến tranh mà tăng thêm vào các văn phòng của dinh Oai-tơ và cung Xô-mơ-xét	5000	"
k) Trả lương cho nhân viên bổ sung vào các cơ quan hải quân, lương thực và y tế ở Anh	2000	"
l) Phụ cấp cho công nhân ở các kho pháo binh và các cơ quan khác của hải quân, ở các cơ quan lương thực và y tế ở Anh	47000	p.xt.
m) Phụ cấp cho công nhân ở các kho pháo binh và các cơ quan hải quân khác ở nước ngoài	1000	"
2. Về cung cấp cho hải quân	697331	"
a) Mua than và nhiên liệu khác cho hạm tàu	160000	p.xt.
b) Mua vật phẩm dự trữ thay cho số đã cấp phát cho hạm đội.	40000	"
c) Mua và sửa chữa máy hơi nước, vì đã quyết định trong hạm đội dự bị phải có tàu hạm chạy bằng hơi nước làm lực lượng chính	252674	"
d) Mua tàu hơi nước, pháo thuyền v.v..	244657	"
3. Xây dựng, cải tiến và sửa chữa xưởng đóng tàu..	7000	"
4. Về thuốc men và dụng cụ y tế..	30000	"
5. Các khoản cung cấp khác.....	6000	"
Cộng.....	1457031	p.xt. ^{1*}

II

Có một số hạng mục tuy đã đưa vào kinh phí hải quân, nhưng thuộc về lục quân hơn là hải quân, yêu cầu phê chuẩn	3096700	p.xt.
Trong đó có:		
1. Chi phí vận chuyển về thuê tàu, kể cả tàu chạy bằng hơi nước trả theo từng tháng, mua tàu thuyền, và thuê 8 tàu mới chạy bằng hơi nước và 86 tàu chạy bằng buồm, trong đó kể cả 75 tàu tuần dương chuyên chở kỵ binh	2610200	p.xt.
2. Chi phí vận chuyển về thuê tàu chở bộ đội và vật tư hậu cần, vì chính phủ đã thuê trong thời hạn một năm 18 tàu chạy bằng hơi nước và 86 tàu chạy bằng buồm.....	108000	"
Tổng cộng:	4553731	p.xt.

^{1*} Con số này không bao gồm các khoản b, c và d, chúng được tính vào tổng số của phần II.

Ngài Glát-xtôn dự định thu thêm thuế bằng các biện pháp kéo dài việc thu gấp đôi thuế thu nhập cho đến hết chiến tranh, nâng thuế gián thu về mạch nha từ 2 si-linh 9 pen-ni lên 4 si-linh, nâng thuế gián thu về rượu mỗi ga-lông lên 1 si-linh ở Xcốt-len và mỗi ga-lông lên 8 pen-ni ở Ai-rơ-len và hoãn hạ thuế gián thu về đường đáng lẽ thi hành từ ngày 5 tháng Bảy năm nay. Quyết định về rượu, mạch nha và đường sẽ được thông qua ngay.

Việc tăng thuế gián thu về rượu không làm tăng thu nhập, vì nó làm giảm sút rất nhiều nhu cầu về rượu. Thuế gián thu mới về mạch nha sẽ là sự trừng phạt giáng vào các chủ quán rượu nhỏ và khách hàng của họ vì rằng cơ quan ngôn luận chính thức của họ là tờ "Morning Advertiser" đã tỏ ra là kẻ sốt sắng ủng hộ chiến tranh. Thuế gián thu về đường nhất định làm cho thức ăn ngâm dấm và mứt năm nay sẽ trở thành có vị đắng. Còn về thuế thu nhập, thì như mọi người đều biết rõ, ngày 6 tháng Ba, tức là 3 ngày sau khi nhận được tin tức của đại tá Rô-dơ và ngài lãnh sự Can-ninh về sự chuẩn bị chiến tranh của Nga, ngài Glát-xtôn đã tuyên bố rằng qua 7 năm nữa thì không còn thuế thu nhập nữa. Mọi người cũng biết không kém phần rõ ràng lời tuyên bố của Glát-xtôn ngày 18 tháng Tư là sẽ làm tăng gấp đôi thuế thu nhập chỉ trong nửa năm là đủ rồi. Ngài Glát-xtôn - hoặc giả là vị bộ trưởng Bộ tài chính thiếu nhìn xa thấy rộng nhất, thiên cận nhất như đã có thời kỳ như vậy, hoặc giả cố tình giả vờ mò mẫm đường đi, làm cho công chúng lạc hướng, bối rối và sinh ra nhận thức sai lầm.

Người tiểu thị dân Anh không những phải trả chi phí cho cuộc chiến tranh với Nga và cho giáo phái Quây-cơ và sự nhỏ nhen giả nhân giả nghĩa của ngài Glát-xtôn; họ còn phải cung cấp tiền bạc cho chính Nga hoàng tiến hành cuộc chiến tranh chống lại nước Anh, điều đó có thể thấy được qua lời giải thích của huân tước Giôn Rốt-xen đưa ra tối thứ sáu nói rằng, Chính phủ Anh sẽ tiếp tục trả vốn và lãi cho cái gọi là hiệp định vay nợ Nga - Hà Lan¹³², hiệp định ấy bao gồm trong hiệp ước Viên mà một trong những điều khoản chính quy định rằng Ba Lan phải là một vương quốc lập hiến độc lập, rằng Cra-cốp sẽ được bảo hộ như một thành phố tự trị và việc đi lại trên tất cả các sông ở châu Âu và do đó cả trên sông Đa-nuýp nữa - sẽ được tự do.

Sự hoài nghi đối với lòng trung thành của người Ai-rơ-len, xem ra, còn rất lớn, vì huân tước Pan-móc-xton tuyên bố rằng trong năm nay, chính phủ của nữ hoàng không có ý định tuyển mộ người Ai-rơ-len vào dân quân. Chính ngài Pan-móc-xton này trước đây đã lật đổ nội các Rốt-xen với cái lý do huân tước Giôn đã gây ra sự bất bình ở Ai-rơ-len, vì không mở rộng luật dân quân đến xứ này. Nội các đã vấp phải thất bại thực tế với dự luật về đường sắt của mình, dự luật này chỉ là một phần không đáng kể của các điều khoản do tiểu ban của nghị viện phải họp vì vấn đề ấy, đề nghị. Vì rằng các ông chủ ngành đường sắt hành động rất nhất trí, nên ngài Các-đu-en dừng cảm nhân danh nội các phát biểu ý kiến đã phải rút lui dự luật ban đầu lại và thay thế bằng một dự luật khác do chính các giám đốc đường sắt soạn thảo, trong đó không tăng thêm nghĩa vụ cho họ cũng không đặt ra những quy định chặt chẽ hơn những quy định hiện hành. Khi dự luật này được đưa ra thảo luận ở nghị viện, thì ở đây không có ai ngoài những giám đốc công ty đường sắt là nghị viên, tham gia.

"Xem ra", - một tờ tuần báo viết, - "các bộ trưởng và nghị viện không bảo vệ được tài sản của các cổ đông và túi tiền của hành khách, cũng không bảo đảm được cho công chúng khỏi bị các công ty đường sắt xâm phạm, những công ty này khẳng định rằng họ có quyền xử lý những tài sản ấy theo ý muốn của họ".

*Do C.Mác viết ngày 9 tháng Năm 1854
Đã đăng trên tờ "New-York Daily Tribune"
số 4086, ngày 23 tháng Năm 1854
Ký tên: Các Mác*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Anh
In bằng tiếng Nga lần đầu*

PH. ĂNG-GHEN

MỘT THẮNG LỢI NỔI TIẾNG

Báo chí Anh không tiếc những lời bình luận thâm độc về việc Nga hoàng khen thưởng tướng Ô-xten-Xa-ken vì ông ta đã tham gia trận chiến đấu gần đây giữa hạm đội liên quân với công sự phòng thủ bờ biển bảo vệ cảng Ô-đét-xa. Họ cho rằng trận chiến đấu ấy đã đem lại toàn thắng cho liên quân, còn sự hân hoan của kẻ địch của họ được đánh giá là một ví dụ mới về tính khoác lác của người Nga và sự dối trá của Nga hoàng. Về phía mình, chúng tôi hoàn toàn không có cảm tình đặc biệt gì đối với Nga hoàng hoặc với Ô-xten-Xa-ken, mặc dầu viên tướng này hiển nhiên là một người thông minh và kiên quyết (ông ta là anh em với một tướng Ô-xten-Xa-ken¹³³ khác đang chỉ huy một quân đoàn ở các công quốc thuộc vùng sông Đa-nuýp), nhưng chúng tôi vẫn cho rằng "thắng lợi" ấy ở Ô-đét-xa rất đáng coi trọng và việc xác định được bên nào khoác lác và đặt điều vu cáo, cũng là điều có ích; hướng hồ cho tới nay, đây là trận chiến đấu đầu tiên và duy nhất giữa liên quân với quân Nga mà chúng ta biết được ít nhiều tình hình.

Qua các văn kiện chính thức mà hai bên công bố có thể thấy rằng mục đích của sự xuất hiện của hạm đội liên quân ở Ô-đét-xa là đòi viên tỉnh trưởng giao nộp tất cả các tàu của Anh, Pháp và Nga đậu ở cảng để bồi thường cho việc bắn vào lá cờ quân sự của Anh. Liên quân tất biết rõ rằng họ sẽ không được sự trả lời nào cho những yêu cầu ấy, và rõ ràng là họ đã chuẩn bị dùng vũ lực để chiếm lấy cái mà họ yêu cầu không được; nếu như không đạt được mục đích ấy, thì có nghĩa là họ đã thực sự thất bại, dù rằng họ gây cho địch thiệt hại như thế nào đi nữa.

Tương quan lực lượng hai bên ra sao? Bản thân lệnh của Chính phủ Nga bổ nhiệm Ô-xten-Xa-ken làm tư lệnh một khu vực rộng lớn giáp tiếp hậu phương của quân đội ở Đa-nuýp, và việc viên tướng này chọn chỉ huy sở của mình ở Ô-đét-xa đều chứng tỏ người Nga đã coi trọng-

Sự hoài nghi đối với lòng trung thành của người Ai-rơ-len, xem ra, còn rất lớn, vì huân tước Pan-móc-xton tuyên bố rằng trong năm nay, chính phủ của nữ hoàng không có ý định tuyển mộ người Ai-rơ-len vào dân quân. Chính ngài Pan-móc-xton này trước đây đã lật đổ nội các Rốt-xen với cái lý do huân tước Giôn đã gây ra sự bất bình ở Ai-rơ-len, vì không mở rộng luật dân quân đến xứ này. Nội các đã vấp phải thất bại thực tế với dự luật về đường sắt của mình, dự luật này chỉ là một phần không đáng kể của các điều khoản do tiểu ban của nghị viện phải họp vì vấn đề ấy, đề nghị. Vì rằng các ông chủ ngành đường sắt hành động rất nhất trí, nên ngài Các-đu-en dừng cảm nhân danh nội các phát biểu ý kiến đã phải rút lui dự luật ban đầu lại và thay thế bằng một dự luật khác do chính các giám đốc đường sắt soạn thảo, trong đó không tăng thêm nghĩa vụ cho họ cũng không đặt ra những quy định chặt chẽ hơn những quy định hiện hành. Khi dự luật này được đưa ra thảo luận ở nghị viện, thì ở đây không có ai ngoài những giám đốc công ty đường sắt là nghị viên, tham gia.

"Xem ra", - một tờ tuần báo viết, - "các bộ trưởng và nghị viện không bảo vệ được tài sản của các cổ đông và túi tiền của hành khách, cũng không bảo đảm được cho công chúng khỏi bị các công ty đường sắt xâm phạm, những công ty này khẳng định rằng họ có quyền xử lý những tài sản ấy theo ý muốn của họ".

*Do C.Mác viết ngày 9 tháng Năm 1854
Đã đăng trên tờ "New-York Daily Tribune"
số 4086, ngày 23 tháng Năm 1854
Ký tên: Các Mác*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Anh
In bằng tiếng Nga lần đầu*

PH. ĂNG-GHEN

MỘT THẮNG LỢI NỔI TIẾNG

Báo chí Anh không tiếc những lời bình luận thâm độc về việc Nga hoàng khen thưởng tướng Ô-xten-Xa-ken vì ông ta đã tham gia trận chiến đấu gần đây giữa hạm đội liên quân với công sự phòng thủ bờ biển bảo vệ cảng Ô-đét-xa. Họ cho rằng trận chiến đấu ấy đã đem lại toàn thắng cho liên quân, còn sự hân hoan của kẻ địch của họ được đánh giá là một ví dụ mới về tính khoác lác của người Nga và sự dối trá của Nga hoàng. Về phía mình, chúng tôi hoàn toàn không có cảm tình đặc biệt gì đối với Nga hoàng hoặc với Ô-xten-Xa-ken, mặc dầu viên tướng này hiển nhiên là một người thông minh và kiên quyết (ông ta là anh em với một tướng Ô-xten-Xa-ken¹³³ khác đang chỉ huy một quân đoàn ở các công quốc thuộc vùng sông Đa-nuýp), nhưng chúng tôi vẫn cho rằng "thắng lợi" ấy ở Ô-đét-xa rất đáng coi trọng và việc xác định được bên nào khoác lác và đặt điều vu cáo, cũng là điều có ích; hướng hồ cho tới nay, đây là trận chiến đấu đầu tiên và duy nhất giữa liên quân với quân Nga mà chúng ta biết được ít nhiều tình hình.

Qua các văn kiện chính thức mà hai bên công bố có thể thấy rằng mục đích của sự xuất hiện của hạm đội liên quân ở Ô-đét-xa là đòi viên tỉnh trưởng giao nộp tất cả các tàu của Anh, Pháp và Nga đậu ở cảng để bồi thường cho việc bắn vào lá cờ quân sự của Anh. Liên quân tất biết rõ rằng họ sẽ không được sự trả lời nào cho những yêu cầu ấy, và rõ ràng là họ đã chuẩn bị dùng vũ lực để chiếm lấy cái mà họ yêu cầu không được; nếu như không đạt được mục đích ấy, thì có nghĩa là họ đã thực sự thất bại, dù rằng họ gây cho địch thiệt hại như thế nào đi nữa.

Tương quan lực lượng hai bên ra sao? Bản thân lệnh của Chính phủ Nga bổ nhiệm Ô-xten-Xa-ken làm tư lệnh một khu vực rộng lớn giáp tiếp hậu phương của quân đội ở Đa-nuýp, và việc viên tướng này chọn chỉ huy sở của mình ở Ô-đét-xa đều chứng tỏ người Nga đã coi trọng -

một cách hoàn toàn có căn cứ - địa điểm này như thế nào. Chính ở Ô-đét-xa, cuộc đổ bộ của địch có thể gây cho quân Nga thiệt hại lớn nhất. ở đây, quân địch sẽ kiếm được nguồn dự trữ không những của một thành phố lớn, mà cả vựa lúa của toàn châu Âu; ở đây, nó sẽ ở gần hơn cả với tuyến giao thông và đường rút lui có thể có của quân Nga đang đóng ở Thổ Nhĩ Kỳ. Trong tình hình đó, các đô đốc liên quân không thể không biết rằng thành phố có đông đảo quân đồn trú phòng thủ và bất kỳ ý đồ nào đổ bộ lính thủy và lính thủy đánh bộ mà họ có thể phải vào hoạt động này đều sẽ lập tức bị phá sản. Nhưng không đưa quân đổ bộ và không đánh chiếm - dù trong một thời gian ngắn - nếu như không cả thành phố thì chỉ hải cảng cũng được, thì họ không thể hy vọng giải phóng cho các tàu của Anh và Pháp đang bị bắt giữ ở đó. Hy vọng duy nhất của họ để thực hiện mục đích ấy là nhận chìm thành phố trong một cuộc bắn phá dữ dội nhất, khiến cho bất cứ đội quân nào tiếp tục đóng trong thành phố đều bị rơi vào vòng nguy hiểm, thì bấy giờ mới có thể tính chuyện giải phóng được các tàu trên. Nhưng đối với một thành phố lớn với những phố xá và quảng trường rất rộng rãi, trong đó những tòa nhà có thể bốc cháy vì trúng đạn thì lại chiếm tương đối ít, thì nếu bắn phá như vậy liệu có đạt được mục đích không - điều đó còn chưa rõ. Vì vậy các vị đô đốc tất hiểu rằng, nếu như Ô-xten-Xa-ken cự tuyệt tối hậu thư của họ, thì họ cũng bất lực trong việc đòi cho được yêu cầu của mình. Nhưng họ cho rằng, sau vụ bị bắn vào lá cờ quân sự thì phải hành động gì đó để chống lại Ô-đét-xa, do đó họ đã bắt tay hành động.

Cửa biển Ô-đét-xa được bảo vệ bởi sáu pháo đài hình như được trang bị 40 hoặc 50 khẩu pháo loại 24 và 48 pao. Trong các pháo đài ấy chỉ có hai hoặc ba pháo đài tham gia chiến đấu, vì rằng bên tấn công vẫn ở ngoài tầm bắn của các pháo đài khác. Đối phó với các pháo đài ấy có tám tàu tuần dương chạy bằng hơi nước, trên đó có khoảng 100 khẩu pháo; nhưng do đặc điểm của trận đánh, nên chỉ sử dụng những khẩu pháo của một bên thành tàu, thành thử ưu thế của liên quân về số lượng pháo bị giảm đi rất nhiều. Về cỡ pháo thì lực lượng hai bên đại để ngang nhau, vì rằng nếu như pháo loại 24 pao thua pháo nòng dài loại

32 pao, thì trọng pháo loại 48 pao dĩ nhiên lại tương đương với pháo loại 56 và 68 pao không sử dụng được đạn phá nhồi đầy thuốc nổ. Sau hết, việc tàu dễ bị công kích hơn tường lũy và tàu khi vận động khó ngấm trúng đích lại tạo ra cho pháo bờ biển địa vị ưu thế so với pháo trên tàu ngay cả khi pháo trên tàu chiếm ưu thế về số lượng. Có thể lấy thí dụ là trận chiến đấu gần Éc-két-phuê-đơ¹³⁴ ở Slê-dơ-vích (năm 1849), trong đó có hai pháo đài gồm 20 khẩu đã bắn hỏng được một tàu chiến được trang bị 84 khẩu pháo, loại khỏi vòng chiến đấu và bắt được một tàu tuần dương có 44 khẩu pháo, và đánh lui được cuộc tấn công của hai tàu chạy bằng hơi nước được trang bị mạnh.

Như vậy, có thể nói rằng trận chiến đấu này do chỉ có pháo bờ biển và tám tàu chiến tham gia nên ít nhiều ngang sức, dù có tính đến tầm bắn xa và trình độ bắn chính xác mà pháo của Anh - Pháp thể hiện trong quá trình chiến đấu. Do đó mà hoạt động phá hoại tiến triển rất chậm chạp. Kết quả duy nhất của nhiều giờ bắn phá chỉ là loại khỏi vòng chiến đấu hai khẩu pháo của quân Nga. Cuối cùng, liên quân tiến gần hơn và thay đổi chiến thuật. Họ thôi bắn phá vào tường đá của các pháo đài và bắt đầu vãi đạn pháo và rốc-kết cháy vào hạm thuyền của Nga và vào các công trình quân sự ở cửa biển và xung quanh cửa biển. Việc đó đã đem lại hiệu quả. Mục tiêu ngắm bắn bây giờ đã khá lớn nên mỗi phát đạn đều rơi vào một điểm yếu nào đó, và chẳng bao lâu tất cả đều chìm ngập trong khói lửa. Một điểm đã bị nổ tung là kho thuốc súng ở phía sau pháo đài đặt trên đỉnh đê ngăn sóng; đó là trận địa chống cự ngoan cường nhất và ngay từ đầu đã chịu đòn công kích chủ yếu; vụ nổ này và ngọn lửa lan rộng ra xung quanh đã buộc quân đồn trú ở pháo đài phải rút lui. Như người ta thường thấy, lính pháo binh Nga ở đây tỏ ra rất kém tài, nhưng lại hết sức dũng cảm. Pháo và đạn của họ xem ra chất lượng rất kém, còn uy lực thuốc nổ thì hết sức yếu.

Sự thực, kết quả của toàn bộ cuộc chiến đấu chỉ có thế. Hoả lực của bốn khẩu pháo của pháo đài quân Nga trên đê ngăn sóng bị đè bẹp; tất cả các pháo đài còn lại chưa chắc đã bị thiệt hại gì. Vụ nổ kho thuốc súng rõ ràng là không đặc biệt mạnh mẽ; căn cứ vào chỗ kho vũ khí được đặt ngay sau pháo đài, mà nó chỉ sử dụng cho pháo đài ấy thôi, và

trong đó chỉ chứa đạn được dùng trong một ngày, chẳng hạn như, bốn khẩu pháo thì mỗi khẩu được từ 60 đến 100 viên đạn; nếu trừ đi số đạn có thể đã tiêu hao trong ngày hôm đó, thì có thể cho rằng trong kho chỉ còn không quá 300 viên. Chúng tôi không có tài liệu gì để xác định mức độ thiệt hại của các công trình khác; liên quân, đương nhiên, không thể xác định được điều đó rồi, còn quân Nga thì quả quyết rằng thiệt hại ấy không đáng kể. Nhưng, qua tin tức của người Nga có thể thấy rằng, số tàu thuyền bị cháy hỏng *không phải là* tàu chiến như tin tức của Anh - Pháp khẳng định; có thể đó là một số tàu buôn cùng với một số tàu vận tải và tàu khách của chính phủ. Cần vạch rõ rằng trước đây chúng tôi chưa hề nghe thấy nói có tàu chiến Nga nào đậu ở Ô-đét-xa.

Trong thời gian chiến đấu, hai tàu buôn Pháp và một hoặc hai tàu buôn Anh đã chạy thoát khỏi hải cảng; cho đến hôm nay còn có *bảy tàu buôn Anh* bị bắt giữ ở đây. Vì vậy, các vị đô đốc "anh dũng" không thực hiện được yêu cầu của mình, mà buộc phải rút lui, không đạt được kết quả nhất định, tất cả chỉ loại được khỏi vòng chiến đấu một trong 6 pháo đài, họ phải thừa nhận rằng cuộc tấn công của mình đã bị đánh lui. Về người thì họ tổn thất rất ít; nhưng thân của một số tàu bị trúng đạn, còn tàu chạy bằng hơi nước "Vô-băng" của Pháp bốc cháy vì trúng đạn nóng chảy và buộc phải tạm thời rút khỏi cuộc chiến đấu.

Đây là cái mà báo chí Anh gọi là "những tin tức về vang từ Ô-đét-xa" và trước mắt người Anh mọi sai lầm trước kia của đô đốc Đôn-đa-xơ đã được xóa sạch. Hơn nữa, trận chiến đấu ấy đã cổ vũ mạnh mẽ tinh thần của người Anh đến mức người ta trịnh trọng bảo với chúng tôi rằng dường như các vị đô đốc tin chắc vào ưu thế lớn về tầm bắn của pháo binh của mình so với pháo binh Nga, nên đã kiên quyết bằng mọi cách bắn phá Xê-va-xtô-pôn; dường như họ đã đến nơi đó và bắn mấy loạt rồi. Nhưng đây là chuyện hoàn toàn bịa đặt mà thôi; ai đã từng xem sơ đồ Xê-va-xtô-pôn, dù chỉ một lần, thì đều biết rằng bất cứ cuộc tấn công nào - dù có bắn phá hay không - vào thành phố và cảng ấy, nếu như không muốn trở thành một trận đánh có tính chất hoàn toàn điều võ dương oai ở bên ngoài vịnh, đều phải tiến hành trong một vùng biển hẹp, thậm chí trong tầm bắn của pháo dã chiến.

Để bổ sung cho exposé^{1*} khô khan này, chúng tôi mạn phép nêu lên rằng sự khoác lác của các bạn đồng nghiệp Anh của chúng tôi về trận chiến đấu này - trong đó cuộc tấn công của họ bị hoàn toàn đẩy lùi, còn mục đích đặt ra thì không đạt được - không khác bao nhiêu với cái giọng điệu chung của những lời bình luận và khẳng định trước đây của họ về tiến trình của cuộc chiến tranh. Chúng tôi nghĩ rằng dù kết cục của chiến tranh ra sao, các nhà sử học công bằng sẽ phải vạch rõ ra những điều bịa đặt, sự nguy biện, sự lừa bịp, các mảnh khoé ngoại giao, sự khoác lác về quân sự và sự dối trá, đánh dấu cho những giai đoạn đầu của cuộc giao tranh, mà Anh đã sử dụng như nước Nga vẫn dùng.

*Do Ph. Ăng-ghe-n viết ngày 15 tháng Năm 1854
Đã đăng làm xã luận trên tờ "New-York Daily
Tribune" số 4098, ngày 6 tháng Sáu 1854*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Anh
In bằng tiếng Nga lần đầu*

1* - Sự trình bày

C. MÁC

* CUỘC TẤN CÔNG VÀO XÊ-VA-XTÔ-PÔN. - VIỆC TẢO THANH CÁC TRANG TRẠI Ở XCỐT-LEN

Luân Đôn, thứ sáu, ngày 19 tháng Năm 1854

"Cuộc tấn công lần thứ nhất vào Xê-va-xtô-pôn", - tin điện về cuộc tấn công đó đã được đăng trên báo chí hôm nay - xem chừng cũng là một chiến công vẻ vang như cuộc bắn phá Ô-dét-xa, mà sau đó hai bên đều tuyên bố về thắng lợi của mình. Theo tường thuật, thì cuộc tấn công hoàn toàn dựa vào những loạt pháo "tầm xa" mà hỏa lực của chúng nhằm vào các công sự ngoại vi. Cuộc tấn công vào cảng Xê-va-xtô-pôn và vào chính thành phố không thể thực hiện bằng bất cứ loại pháo nào, nếu như không tiến vào trong vịnh và tiếp cận các trận địa pháo bảo vệ thành phố; nhìn chung không thể chiếm được thành phố nếu không có sự chi viện của số quân đổ bộ đông đảo, - điều đó chỉ cần nhìn qua bản đồ là rõ, và hơn nữa, đã được tất cả các bậc có uy tín về quân sự thừa nhận. Do đó, trận đánh ấy nếu như có thực, thì phải coi đó là một chiến công giả tạo đặt ra cho những gobe - mouches^{1*} mà những vòng nguyệt quế vinh quang ở Ô-dét-xa đã cổ vũ cho tinh thần yêu nước của họ.

Chính phủ Pháp đã cử ngài Bua-re đi Hy Lạp với nhiệm vụ đặc biệt. Cùng đi với ông có một lũ đoàn dưới quyền chỉ huy của tướng Phoóc-rơ, và ông được ủy quyền đòi vua Ôt-tôn phải thanh toán ngay toàn bộ số lợi tức của khoản nợ 100 triệu phrăng mà Pháp đã cho Chính phủ Hy Lạp vay năm 1828. Trường hợp bị cự tuyệt thì quân Pháp phải chiếm lấy A-ten và một số điểm khác của vương quốc.

Chắc bạn đọc còn nhớ vụ tảo thanh các trang trại ở Ai-rơ-len và ở Xcốt-len mà tôi đã mô tả, kết quả của nó là trong nửa đầu của thế kỷ này, hàng ngàn người bị đuổi khỏi đất đai của tổ tiên họ¹³⁵. Quá trình ấy còn tiếp diễn và được tiến hành với một nghị lực chỉ riêng có ở bọn

1* - Người khờ khạo

quý tộc đạo cao đức trọng, thanh tao, ngoan đạo, từ bi của cái nước Anh mầu mực. Nhà cửa hoặc bị thiêu trụi, hoặc bị phá sập ngay trước mặt những chủ nhân không được ai bênh vực. Mùa thu năm ngoái, tại trang trại Ni-gát ở Noi-đắc-tơ, theo lệnh của một đại địa chủ, người ta đã tiến hành một cuộc tấn công vào nhà ở của Đô-nan Mác-đô-nan, một người đáng kính trọng, trung thực, yêu lao động. Vợ ông ta bị ốm liệt giường, bất động, nhưng tên quản lý và tay chân của hắn đã đuổi sáu đứa con của Mác-đô-nan - đứa lớn nhất chưa đầy 15 tuổi - ra ngoài phố và dỡ toàn bộ ngôi nhà, chỉ để lại một mảng nóc nhỏ che trên giường người ốm.

Mác-đô-nan bị những việc đó kích động đến phát điên. Thầy thuốc cho rằng ông mắc bệnh loạn trí, và hiện nay ông đang lang thang khắp vùng, tìm kiếm các con mình giữa những đồng tro tàn của các túp lều bị đốt phá. Những đứa con đói khát của ông khóc lóc đi theo ông, nhưng ông không nhận ra chúng, và ông bị lâm vào tình trạng không được giúp đỡ và chăm nom vì rằng bệnh loạn trí của ông thuộc thể tĩnh.

Hai phụ nữ có chồng, sắp đến ngày sinh nở đã phải chứng kiến ngôi nhà mình ở bị dỡ đi. Họ phải ở ngoài trời không phải là một đêm, kết quả là cả hai đều dễ non, rất đau đớn và tâm trí bị hành hạ khổ sở; hiện nay họ lang thang hết nơi này đến nơi khác với một đàn con, không được sự giúp đỡ gì, cũng không hy vọng phục hồi sức khỏe, đây là một bằng chứng hùng hồn lên án cái giai cấp mang tên là quý tộc Anh.

Thậm chí trẻ con cũng bị mất trí vì sợ hãi và bị truy nã. Ở Đun, thuộc Noi-đắc-tơ, những người tá điền - bần nông bị đuổi khỏi nhà mình, phải nương thân trong một cái kho trống rỗng. Đêm khuya, tay sai của đại địa chủ bao vây và châm lửa đốt cái kho đó, vì những người bần nông bất hạnh ấy đã cố nấu mình trong đó. Những người bất hạnh cuồng lên vì sợ hãi nhảy từ trong lửa ra, một số hoàn toàn bị mất trí. Báo "Northern Ensign" viết:

"Một đứa trẻ hoàn toàn bị loạn trí, nó bị cách ly; đêm nào nó cũng nhảy lên kêu tướng "Cháy! Cháy!" và muốn cho người xung quanh tin rằng trong kho đang bốc cháy hãy còn đàn ông và trẻ con. Khi trời tối, hề thấy ánh lửa là nó sợ hãi. Chính cái cảnh tượng rừng rợn ở Đun - kho bốc cháy sáng rực bốn bề, và một số đàn ông, đàn bà và trẻ em cuồng lên vì sợ hãi giẫy giụa bên cạnh nó - đã làm nó mất trí".

Bọn quý tộc đã đối xử như vậy với những người bần nông hoàn toàn có khả năng lao động sáng tạo ra của cải cho chúng. Bây giờ ta hãy nghe về những việc làm từ thiện của các giáo khu của giai cấp quý tộc. Tôi chỉ xin nêu lên những sự việc sau đây dựa theo tài liệu của ngài Đô-nan Rô-xơ ở Gla-xgô và của báo "Northern Ensign":

1. Bà quả phụ Ma-téc-xơn, 96 tuổi, lĩnh được cả thầy là 2 si-linh 6 pen-ni của giáo khu Xtơ-rát, đảo Xcai;

2. Mốc-dô Ma-kin-tô-sơ, 36 tuổi, hoàn toàn mất khả năng lao động từ 14 tháng trước đây khi bị xe chệt. Ông có vợ và 7 con từ 1 đến 11 tuổi; mỗi tháng được lĩnh của giáo khu Xtơ-rát có 5 si-linh;

3. Bà quả phụ Xa-mu-en Kem-pơ-ben, 77 tuổi, sống ở Brát-phoóc, đảo Xcai trong một ngôi nhà đổ nát, được lĩnh của giáo khu Xtơ-rát mỗi tháng 1 si-linh 6 pen-ni. Bà than phiền rằng món tiền ấy không đủ tiêu, sau một thời gian dây dưa kéo dài, nhà đương cục giáo khu mới tăng trợ cấp cho bà lên 2 si-linh mỗi tháng;

4. Bà quả phụ Mác-ki-nôn, 72 tuổi, được lĩnh mỗi tháng 2 si-linh 6 pen-ni của giáo khu Xtơ-rát, đảo Xcai;

5. Đô-nan Mác Đu-gan, 102 tuổi, sống ở Crây-đát. Vợ ông ta 77 tuổi, cả hai đều rất yếu. Được lĩnh của giáo khu Glê-nen-gơ mỗi tháng cả thầy là 3 si-linh 4 pen-ni;

6. Bà Me-ri Mác-dô-nan, quả phụ, 93 tuổi, ốm liệt giường. Chồng bà ta đã từng phục vụ trong quân đội, bị cụt cả hai tay; ông ta chết cách đây 20 năm. Mỗi tháng bà ta được lĩnh của giáo khu Glê-nen-gơ 4 si-linh 4 pen-ni;

7. A-lếch-xan-dơ Mác-Ai-đếch, 53 tuổi, hoàn toàn mất sức lao động, có vợ 40 tuổi, một con trai 18 tuổi bị mù và 4 đứa dưới 14 tuổi. Giáo khu Glê-nen-gơ mỗi tháng cấp cho gia đình bất hạnh này 6 si-linh 6 pen-ni, bình quân nhân khẩu chưa đầy 1 si-linh;

8. An-gu-xơ Mác-Ki-nôn, 72 tuổi, và có vợ ốm đau, 66 tuổi mỗi tháng được lĩnh 2 si-linh 1 pen-ni;

9. Me-ri Mác-Ai-đếch, 80 tuổi, yếu sức khỏe và mù cả hai mắt, được lĩnh của giáo khu Glê-nen-gơ 3 si-linh 3 pen-ni. Trước việc yêu cầu tăng trợ cấp của bà ta, viên thanh tra nói: "Trong khi người khác lĩnh ít hơn bà mà bà lại yêu cầu tăng thêm thì không biết ngượng à", và không thêm nghe bà ta nói nữa;

10. Gia-nét Mác-dô-nan, bà còn có tên là Mác Ghi-li-ô-rây 77 tuổi, hoàn toàn mất sức lao động, được lĩnh cả thầy mỗi tháng là 3 si-linh 3 pen-ni;

11. Ca-tơ-rin Gi-li-xơ, 78 tuổi, hoàn toàn mất sức lao động, được lĩnh của giáo khu Glê-nen-gơ mỗi tháng cả thầy là 3 si-linh 3 pen-ni;

12. Me-ri Ghi-li-xơ, bà ta còn có tên là Gran-tơ, 82 tuổi, ốm liệt giường 8 năm nay, được lĩnh của giáo khu Ác-na-mốc-han mỗi tháng 28 pao bột mì và 8 pen-ni. Đã hai năm nay, viên thanh tra sở tế bần không đến nhà bà, bà không nhận được thuốc men, quần áo và thực phẩm gì cả;

13. Giôn Mác-I-ken, 86 tuổi, ốm liệt giường, sống ở Ốc-na-crây, thuộc giáo khu Ác-na-mốc-han, giáo khu này cấp cho bà mỗi ngày một pao bột mì và tiền mỗi tháng là 8 pen-ni. Bà không có quần áo, cũng không có tài sản gì khác;

14. Ê-van Mác-Kê-lem, 93 tuổi, đau mắt. Tôi thấy ông đi xin ăn ở hai bờ sông đào Cri-nan thuộc giáo khu Náp-đen, quận Ác-ga-in. Hàng tháng ông ta được lĩnh 4 si-linh 8 pen-ni, ông không có quần áo, thuốc chữa bệnh, chất đốt và nhà ở. Đây là một người lang thang rách rưới, một người ăn mày đáng thương;

15. Cây-tơ-Ma-các-tu, 74 tuổi, ốm liệt giường, sống cô đơn ở Đa-nác-đi thuộc giáo khu Náp-đen. Bà ta không có gì khác ngoài 4 si-linh 8 pen-ni được lĩnh hàng tháng của giáo khu. Thầy thuốc chưa hề đến nhà bà;

16. Gia-nét Ke-rơ, bà ta còn có tên là Mác-kê-lem, quả phụ, 78 tuổi, già yếu, mỗi tháng được lĩnh của giáo khu Glát-xa-ri 6 si-linh. Ngoài số tiền đó, bà ta không có gì khác, không có nhà ở;

17. Ác-si-ban Mác-Lo-rin, 73 tuổi, thuộc giáo khu Áp-pin, hoàn toàn mất sức lao động; vợ ông ta cũng thế; được lĩnh của giáo khu tiền trợ cấp hàng tháng là 3 si-linh 4 pen-ni; không có chất đốt, quần áo và nhà ở. Sống ở một túp lều tồi tệ không đáng cho con người ở;

18. Bà quả phụ Mác-ga-rét Mác-Lê-ốt, 81 tuổi, sống ở Lát-ga-cơ, giáo khu Lốc-brum; được lĩnh mỗi tháng 3 si-linh;

19. Bà quả phụ Giôn-na Ma-ken-đi, 81 tuổi, sống ở An-la-pun, giáo khu Lốc-brum, mù hai mắt và rất già yếu, mỗi tháng chỉ được lĩnh 2 si-linh;

20. Bà quả phụ Ca-tơ-rin Mác-dô-nan, 87 tuổi, sống ở đảo Lu-in-gơ, giáo khu Kin-bran-đen; mù hai mắt và nằm liệt. Mỗi tháng được lĩnh 7 si-linh sinh hoạt phí, trong đó tính cả chi phí cho hộ lý. Nhà bà ta đổ nát, nhưng giáo khu từ chối cấp nhà ở, và bà ta phải ngủ trên nền đất dưới mái hiên. Viên thanh tra cự tuyệt mọi sự giúp đỡ đối với bà.

Nhưng sự tàn bạo đâu chỉ có thế. Cách đây không lâu ở Xtơ-rát-các-rôn đã xảy ra một hành động bạo ngược thực sự. Một đám đông phụ nữ bị mất trí vì những hành động cuồng bức di cư được tiến hành và những hành động cuồng bức di cư mới có thể xảy ra, đã tụ tập ngoài phố, nghe nói có một đội cảnh sát đến vùng mình đuổi các tá điền đi. Nhưng không phải cảnh sát mà là nhân viên thuế vụ đến; nhưng được biết người ta cho mình là loại người khác, bọn nhân viên

thuế vụ đáng lẽ phải giải thích sự hiểu lầm đó, thì lại quyết định lợi dụng điều đó: chúng mạo xưng là cảnh sát và tuyên bố rằng đến đây để bắt dân rời nhà. Khi đám phụ nữ bắt đầu náo động, thì bọn nhân viên đem súng ngắn đã lên đạn dọa dẫm họ. Tình hình sau đó ra sao đã được mô tả trong bức thư của ngài Đô-nan Rốt-xơ là người đã rời Gla-xgô đến Xtơ-rát-các-rôn và lưu lại đây hai ngày để thu thập tin tức và xem xét những người bị thương. Trong thư của ông ta viết cho tờ "Khách sạn hoàng gia" ở Oen ngày 15 tháng Tư 1854, chúng tôi đọc thấy:

"Những tin tức mà tôi thu thập được chứng thực hành động nhục nhã của viên quận trưởng. Hắn không báo trước cho mọi người ý định của hắn là đưa cảnh sát về đối phó với họ. Hắn không đọc sắc lệnh về nổi loạn. Thậm chí hắn không cho họ thời giờ để tản ra, mà trái lại, đưa toán quân của hắn tiến sát họ, và nắm chắc chiếc gậy, hét to "Cút!", rồi tiếp đó, chưa kịp thở hắn đã hô tiếp "Hãy đánh chúng đi!", sau đó lập tức bắt đầu cái cảnh tượng không bút nào tả được. Bọn cảnh sát bắt đầu dùng những chiếc gậy gỗ nặng trích giáng vào đầu những người đàn bà bất hạnh, đẩy họ ngã xuống, đá họ rất dã man, xéo lên người họ. Chẳng mấy chốc mà cả bãi cỏ ngập máu. Tiếng kêu la của các phụ nữ và các thiếu nữ nằm trong vũng máu vang dậy thấu trời. Một số phụ nữ thoát khỏi cuộc truy bắt của cảnh sát đã nhảy xuống sông Các-rôn nước sâu và chảy xiết, hy vọng rằng nó còn nhân từ hơn là sự khoan dung của cảnh sát và quận trưởng. Mấy phụ nữ bị gậy của cảnh sát đánh tróc từng mảng tóc; một thiếu nữ bị gậy đánh dã man đến nỗi ở vai đã bị bật mất một miếng thịt dài 7 in-xơ, rộng hơn 1 in-xơ, sâu hơn 1/4 in-xơ. Một thiếu nữ chỉ ra xem sự việc xảy ra mà đã bị ba tên cảnh sát cho ăn đòn. Chúng nện vào trán, đánh toạc đầu và sau khi cô ta ngã xuống còn đá cô. Bác sĩ đã lấy ra được một mảnh khăn bị đầu mà tên cảnh sát lang sói đã đánh tụt vào vết thương. Những vết bầm trên lưng phụ nữ còn hằn dấu giấy đóng cá sấu. Hiện nay ở Xtơ-rát-các-rôn còn có mười ba phụ nữ đang ở vào tình trạng nguy kịch do sự đàn áp thô bạo của cảnh sát đối với họ. Trong số này có ba người nguy ngập đến mức hết hy vọng cứu chữa. Dựa vào sắc mặt họ và mức độ nghiêm trọng của vết thương, cũng như theo chẩn đoán của các bác sĩ mà tôi thu thập được, tôi xin rút ra kết luận là số còn sống sót được không quá một nửa; và thậm chí những người còn sống sót được một thời gian nữa cũng mang trên mình những bằng chứng thê thảm về sự đàn áp cực kỳ tàn bạo mà họ phải chịu đựng. Trong những người bị thương đặc biệt nặng có một chị có thai. Chị ta không ở trong đám người đứng trước mặt tên quận trưởng, mà ở xa, và chỉ là một người ngoài cuộc; nhưng bọn cảnh sát cũng dùng gậy đánh chị và đá chị, và tình trạng của chị rất nghiêm trọng".

Chúng tôi có thể tự bổ sung rằng số phụ nữ bị tiến công là 18 người. Họ của viên quận trưởng là Tay-lo.

Đây là bộ mặt của giai cấp quý tộc Anh năm 1854. Chính quyền địa phương và chính phủ đã thỏa thuận với nhau rằng việc truy tố của tòa án đối với Cô-oen, Grim-sô và các nhà lãnh đạo khác trong cuộc bãi công ở Prê-xtơn¹³⁶ sẽ chỉ ngừng lại với điều kiện ngừng cuộc điều tra về hoạt động của thẩm phán hòa giải và của các ông trùm ngành sợi bông ở Prê-xtơn. Và thực tế đã diễn ra như vậy.

Việc Đơn-côm-bơ sở dĩ trì hoãn hai tuần lễ mới đưa ra trước nghị viện đề nghị của mình về việc thành lập một ủy ban điều tra hoạt động của thẩm phán hòa giải ở Prê-xtơn, hình như là do sự cầu kết ấy.

*Do C. Mác viết ngày 19 tháng Năm 1854
Đã đăng trên tờ "New-York Daily
Tribune" số 4095, ngày 2 tháng Sáu 1854
Ký tên: Các Mác*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Anh
In bằng tiếng Nga lần đầu*

PH. ĂNG-GHEN

CHIẾN TRANH¹³⁷

Cuối cùng, chúng tôi đã có thể đưa tin về chiến công của lính thủy Anh. Sau tám giờ bắn phá, hạm đội của đô đốc Nây-pia đã phá hủy được cứ điểm Gu-xtáp-xvéc-nơ (dịch từ tiếng Thụy Điển nghĩa là thành trì, hoặc pháo đài Gu-xtáp) và bắt sống đội quân đồn trú ở cứ điểm đó gồm 1500 người. Đó là cuộc tấn công quan trọng đầu tiên vào các lãnh địa của Đế quốc Nga, so với các hoạt động rời rạc và im lìm ở Ô-dét-xa, thì ít ra nó cũng chứng tỏ rằng, Sác-lơ Nây-pia - nếu như có điều kiện - thì cũng không chịu đem hy sinh danh dự của mình và danh dự của tổ tiên mình. Cứ điểm Gu-xtáp-xvéc-nơ nằm trên mỏm bán đảo hình thành nên góc tây-nam của Phần Lan, gần ngọn đèn biển Han-gút, đã quen thuộc đối với tất cả các thuyền trưởng từng đi trong Vịnh Phần Lan. Ý nghĩa quân sự của cứ điểm không phải là lớn, nó chỉ bảo vệ một khu vực nhỏ trên biển và đất liền, và hạm đội tấn công có thể để nó lại hậu phương của mình mà không nguy hiểm gì. Căn cứ vào số lượng quân đồn trú thì, bản thân cứ điểm, có lẽ không lớn lắm. Nhưng với việc ngay cả Bộ hải quân và Bộ chiến tranh Anh còn yên trí không nắm được về thực lực và tầm quan trọng của sự phòng thủ ở bờ biển Ban-tích của Nga, thì chúng ta có thể tha thứ được mà hoãn mọi bình luận về ý nghĩa chiến thuật của sự kiện ấy trước khi nhận được những tài liệu chi tiết.

Hiện nay chúng ta chỉ có thể nói rằng, cuộc bắn phá tám giờ liền đã chứng minh cho sự dũng cảm, nếu như không phải là tuyệt vời, trong việc phòng thủ của quân Nga và báo trước trong việc phòng thủ các cứ điểm hàng đầu trong vịnh này sẽ diễn ra sự chống cự ngoan cường hơn nhiều so với dự kiến. Mặt khác, 1500 tù binh không phải là một tổn thất gì quan trọng đối với quân Nga (nó chỉ bằng số bệnh binh bình quân cứ hai ngày một trên sông Đa-nuýp). Nhưng số tù binh đó lại gây cho Nây-pia nhiều khó khăn. Thật thế, ông ta sẽ xử lý họ như thế nào đây? Ông ta không thể thả họ theo lời hứa danh dự, hoặc không có lời

hứa danh dự, và nơi gần nhất mà ông có thể chuyển họ đến là nước Anh. Để bảo đảm vận chuyển thuận lợi 1500 người ấy, ông ta cần ít ra là ba tàu chiến chủ lực hoặc một con số gấp đôi tàu tuần dương chạy bằng hơi nước. Chính cái kết quả thắng lợi của ông ta đã làm chậm trễ hành động của ông mất hai - ba tuần. Và, sau hết, không có bộ đội đổ bộ, thì ông làm thế nào mà giữ được vùng đất đã chiếm lĩnh được? Tôi không tưởng tượng nổi ông ta làm thế nào có thể đạt được điều đó, nếu như không làm yếu thêm nữa hạm đội của mình vốn đã yếu vì thiếu nhân viên và nếu không giảm thêm nữa số lượng lính thủy và lính thủy đánh bộ trên mỗi tàu. Vì vậy chúng tôi muốn nêu lên vấn đề mà hiện nay đã gây ra cuộc tranh luận rất sôi nổi trên báo chí Anh, đương nhiên bao giờ cũng chậm.

Báo chí Anh đột nhiên phát hiện ra rằng, hạm đội dù mạnh như thế nào, cũng sẽ ít tác dụng nếu như không chở đủ số lượng quân để đổ bộ và củng cố thắng lợi, mà riêng sự bắn phá của các tàu vào các công sự bờ biển ngay trong tình huống thuận lợi nhất cũng còn xa mới đạt được điều đó. Có thể nghĩ rằng, mãi đến cuối tháng trước, ý nghĩ ấy chưa hề xuất hiện trong đầu óc các quan chức Anh chỉ đạo chiến tranh, cũng như các quan chức nắm được dư luận công chúng Anh. Trong khi đó, toàn bộ quân đội và phương tiện vận tải hiện có đều đã được đưa sang Hắc Hải; còn lực lượng dự kiến cho biển Ban-tích cả thủy chỉ có một lữ đoàn gồm 2500 người, nhưng chưa một ai xuất phát, vì rằng bản thân bộ tư lệnh cũng hoàn toàn chưa được tổ chức!

Về phía mình, người Pháp cũng chậm chạp đến thảm hại như vậy. Về hạm đội của họ dự kiến cho hoạt động ở biển Ban-tích thì - chúng tôi nhớ lại lời báo cáo khoa trương của bộ trưởng Duy-cô: "Bệ hạ ra lệnh cất cử hạm đội thứ ba; mệnh lệnh của bệ hạ đã được thi hành!" - cái lực lượng chiến đấu hùng hậu ấy đáng lẽ phải sẵn sàng nhổ neo vào giữa tháng Ba và gồm có mười tàu chủ lực, thì trên thực tế chỉ có không quá năm tàu chủ lực hiện nay đang cùng các tàu tuần dương và các chiến hạm nhỏ bờ dọc theo eo biển Đại Ben-tơ. Để đi từ Brét-xơ đến địa điểm ấy, các tàu chiến ấy đã mất trọn ba tuần, mặc dầu vào lúc có gió tây thổi. Doanh trại lớn ở Xanh-Ô-méc, trong đó phải tập kết 150000, và khi cần thì 200000 người, hình như dự định cho cuộc viễn chinh Ban-tích, đã nằm trên giấy ba - bốn tuần lễ, nhưng thực tế thì chưa điều đi được một lữ đoàn nào cả. Trong khi đó quân Pháp có thể

tìm kiếm dễ dàng trong các lực lượng đồn trú bờ biển từ 10000 đến 15000 người để tổ chức bộ binh và pháo binh dã chiến nhẹ, mà không cần chạy vạy tứ tung và đem doanh trại dã chiến ra phô trương khoe mẽ. Nhưng lấy đâu ra phương tiện vận tải? Phải thuê tàu buôn của Anh tính theo tốc độ trung bình của hạm đội Pháp, thì những tàu này phải mất từ bốn đến sáu tuần lễ để nối tiếp nhau đến được chiến trường. Nhưng đồ bộ quân, tập trung lữ đoàn và sư đoàn, tổ chức bộ tham mưu và cơ quan quân nhu ở chỗ nào? Liên quân rơi vào cái vòng luẩn quẩn: muốn có lực quân ở vùng biển Ban-tích, thì trước hết họ phải chiếm lĩnh các đảo hoặc các bán đảo mà họ có thể tập trung và tổ chức quân để tấn công; nhưng muốn đạt được điều đó, thì trước hết họ phải có lực quân ngay tại chỗ. Phải có một vị đô đốc giỏi, thông thạo đánh bộ để chỉ huy lực quân, thì việc vượt qua những trở ngại ấy không phải là khó khăn; Sác-lơ Nây-pia hoàn toàn có thể đảm đương được nhiệm vụ ấy, vì ông ta đã chiến đấu nhiều trên bộ. Nhưng khó lòng chờ đợi một sự nhất trí nào về hành động ở nơi mà quyền lực tối cao nằm trong tay A-béc-đin^{1*}, mà bốn bộ khác nhau đều tham dự vào việc quân, mà giữa lực quân và hải quân thường xuyên có sự đối kháng, mà liên quân Anh - Pháp đầy lòng ghen tức đối với thắng lợi và vinh quang của nhau.

Vì vậy, trước cuối tháng Sáu, chưa thể thành lập một lực lượng lực quân tương đối quan trọng để tác chiến ở biển Ban-tích; và nếu như trong vòng bốn tháng mà chiến tranh chưa kết thúc và hoà ước chưa được ký kết, thì sẽ phải từ bỏ mọi chiến quả đã đạt được - rút về hoặc bỏ lại tại chỗ quân đội, pháo, hạm tàu, lương thực, - và trong bảy tháng mùa đông quân Nga vẫn làm chủ toàn bộ khu vực bờ biển Ban-tích. Từ đó thấy rõ ràng là trong năm nay chưa thể bàn tới cuộc tấn công quan trọng và có tính chất quyết định nào vào khu vực bờ biển Ban-tích của nước Nga. Muộn quá rồi! Chỉ trong trường hợp Thụy Điển liên hợp với các cường quốc phương Tây, thì các cường quốc này mới có căn cứ tác chiến ở khu vực Ban-tích, căn cứ này sẽ cho phép họ tiến hành chiến dịch mùa đông ở Phần Lan. Nhưng ở đây lại rơi vào vòng luẩn quẩn nữa - thực ra, chỉ là cái vòng luẩn quẩn đối với những kẻ nhu nhược, như vòng luẩn quẩn thứ nhất. Làm thế nào trông đợi được sự liên hợp

1*. Trong bài đăng trên tờ "New-York Daily Tribune", chỗ này có thêm mấy chữ "và Pan-môc-xtôn".

của Thụy Điển với các cường quốc phương Tây, khi các cường quốc này trên thực tế không làm cho Thụy Điển tin được rằng những ý đồ của họ là nghiêm chỉnh, bằng cách phái lực quân chiếm một phần Phần Lan? Nhưng mặt khác, nếu không bảo đảm Thụy Điển thành căn cứ tác chiến của mình, thì làm thế nào phái những lực lượng ấy đến đây được?

Na-pô-lê-ông Lớn, cái tên "đao phủ" tàn sát biết bao nhiêu triệu người ấy, với biện pháp tiến hành chiến tranh táo tợn, kiên quyết và vũ bão của hắn, đúng là một mẫu mực về chủ nghĩa nhân đạo so với "các vị trượng phu của quốc gia" với đầu óc do dự và đã chỉ đạo cuộc chiến tranh này của Nga, rút cục họ sẽ còn đem hy sinh nhiều người và của hơn, nếu như họ còn tiếp tục hành động như trước tới nay.

Nếu như giờ đây chúng ta trở lại Hắc Hải, thì sẽ thấy hạm đội liên quân đang tiêu khiển như thế nào trước Xê-va-xtô-pôn với cuộc bắn phá không gây thiệt hại gì được tiến hành từ cự ly xa vào mấy công sự ngoại vi thẳm hại của cứ điểm ấy. Như chúng tôi được biết, từ bốn ngày nay, phần lớn các tàu đã diễn cái trò ngậy ngô ấy, và vì quân Nga chỉ có 12 tàu chiến chủ lực có thể hoạt động, nên trong suốt thời gian đó không ra khỏi vịnh, khiến cho đô đốc Ha-me-lanh hết sức kinh ngạc (xem báo cáo của ông ta ngày 1 và 5 tháng Năm)¹³⁸. Thật vậy, vị anh hùng hải quân này đã khá già nên không thể nhớ lại những thời kỳ mà hạm đội Pháp không những bị hạm đội Anh yếu hơn nhiều bao vây, mà thậm chí còn bị tập kích trong vịnh nữa. Sự thực, nếu trông đợi vào việc hạm đội Nga yếu hơn sẽ rời bỏ Xê-va-xtô-pôn để chịu bị một số lượng hạm tàu đông gấp đôi đánh cho bại và nhấn chìm và do đó mà chuộc lại cái "tội án ghê tởm" của nó ở Xi-nô-pơ, - thì điều đó mới thật lạ lùng!

Cùng lúc đó, loại tàu chiến chủ lực (tàu chạy bằng hơi nước có chân vịt) và bảy tàu tuần dương chạy bằng hơi nước đang trên đường đi tới Tréc-kê-xi. Chúng nhận nhiệm vụ trinh sát bờ biển Crưm, rồi tiếp đó phá huỷ các lô-cốt trên bờ biển Tréc-kê-xi. Nhưng chỉ cần ba tàu tuần dương chạy bằng hơi nước tham gia vào cuộc tấn công ấy, bốn chiếc còn lại đã được lệnh trở về ngay sau khi kết thúc cuộc trinh sát xong xuôi Crưm. Theo chúng tôi biết thì, ba lô-cốt mà quân Nga còn chiếm lĩnh trên bờ biển Tréc-kê-xi - A-na-pa, Xu-khum Ca-lơ và Rê-đút-Ca-lơ, - đều

khá vững chắc và được xây trên cao điểm khống chế mặt biển (trừ Rê-đút-Ca-lo); cho nên người ta còn nghi ngờ rằng lực lượng cử đi có đủ sức hoàn thành nhiệm vụ đó không, huống hồ trên các tàu đó lại không có quân đổ bộ. Vào đúng lúc đó, phân hạm đội dưới quyền chỉ huy của chuẩn đô đốc Lai-ôn-xơ phải bắt liên lạc với người Tréc-kê-xi, đặc biệt là với thủ lĩnh của họ là Sa-min. Còn việc chuẩn đô đốc Lai-ôn-xơ phải thông báo gì cho Sa-min, thì không có tin tức xác thực; có điều chẳng còn nghi ngờ gì nữa là, ông ta không thể cung cấp cho Sa-min những cái Sa-min cần thiết nhất, nghĩa là vũ khí và đạn dược; vì rằng trong khi phục vụ chiến đấu, tàu chiến không có chỗ trống để chở hàng. Hai tàu buôn hoặc mấy chiếc thuyền buồm thảm hại chuyên chở những hàng hóa quý ấy lại giá trị lớn hơn nhiều so với toàn bộ sự chi viện về tinh thần, nhưng hoàn toàn vô hiệu của năm chiếc tàu chiến. Đồng thời chúng tôi được biết rằng hạm đội Thổ Nhĩ Kỳ chở cho người Tréc-kê-xi toàn bộ những hàng quân sự cần thiết đang tiến đến đây. Thế là hai hạm đội của liên quân cùng thi hành một nhiệm vụ mà bên họ không biết bên kia. Sự nhất trí giữa kế hoạch và hành động là thế đấy! Có lẽ, hạm đội này còn nhận nhầm hạm đội kia là quân Nga, và người Tréc-kê-xi sẽ được xem một cảnh tượng đầy lý thú - hai hạm đội sẽ nổ súng vào nhau.

Trong khi đó, lực lượng của liên quân đang liên hoan thân thiện với nhau ở Xcu-ta-ri và Ha-li-pô-li rất đặc sắc, họ đã ngốn hết một khối lượng lớn rượu nho đậm và ngon của địa phương. Những người trong họ do ngẫu nhiên không bị say rượu thì được cử đi xây dựng những công sự phòng ngự đã chiến bố trí và xây ở những nơi không bao giờ bị tấn công và do đó không cần phòng thủ. Nếu như còn cần chứng minh rằng cả Chính Phủ Anh lẫn Chính Phủ Pháp chưa hề có ý định gây cho bạn mình là Ni-cô-lai một thiệt hại nghiêm trọng nào, thì chỉ nguyên cái việc quân đội của họ đã tiêu xài thời gian ra sao cũng đủ khiến cho cả người mù cũng thấy được điều đó. Để có cơ giữ quân đội ở xa chiến trường, bộ chỉ huy liên quân đã ra lệnh cho họ xây dựng một phòng tuyến công sự đã chiến liên tục xuyên qua suốt eo đất Khéc-xô-nét ở Phra-ki-a. Mỗi công binh, nhất là mỗi công binh Pháp, đều biết rằng trong ngành xây dựng công sự đã chiến, ở hầu hết mọi trường hợp, người ta đều bác bỏ xây dựng phòng tuyến liên tục. Thế mà quân đội Anh - Pháp ở Ga-li-xi vẫn buộc phải xây dựng loại công sự ấy ở địa hình

mà 2 phần 3 có thể bị quân địch từ trên cao điểm bắn vào theo hướng dự định. Song, vì tìm mọi cách để tiến thật chậm, thậm chí với tốc độ của ốc sên, mà cũng không thể tránh khỏi tiến lên được ít nhiều, nên nghe đâu, 15000 quân Pháp sẽ lên đường đến Vác-na, - nhưng để làm gì? Để làm quân đồn trú của cứ điểm à? Để rồi làm gì ở đấy? Để chết vì sốt nóng và sốt rét.

Nếu như chiến tranh được tiến hành chỉ một ý nghĩa nào đó, thì bộ chỉ huy phải biết rằng quân Thổ Nhĩ Kỳ chính là thiếu cái nghệ thuật vận động trên đồng bằng, mà quân đội Anh - Pháp lại rất thành thạo, đồng thời họ lại nắm một cách xuất sắc nghệ thuật phòng thủ chống lại những cuộc cường tập của quân địch vào tường thành, tường lũy và thậm chí cả vào các đột phá khẩu mà quân Anh lẫn quân Pháp không thể đo được với họ về mặt này. Vì vậy, mà cùng vì rằng Vác-na cùng với quân Thổ Nhĩ Kỳ đồn trú của nó đã có thể làm được điều mà cho tới nay chưa hề có một cứ điểm nào làm được, - nghĩa là đứng vững được 29 ngày sau khi tường lũy của nó bị chọc thủng bởi ba đột phá khẩu, tạo thuận lợi cho cuộc công phá - chính vì vậy mà quân Thổ Nhĩ Kỳ được huấn luyện kém đã bị điều khỏi Vác-na và bị điều đi chống lại quân Nga ở địa hình bằng phẳng, đồng thời người ta đưa quân Pháp được huấn luyện tốt, giỏi tấn công, nhưng không thạo phòng ngự lâu dài, đến bảo vệ thành lũy ở Vác-na.

Căn cứ vào những tin tức khác thì tất cả những sự điều động ấy chỉ là đánh lừa thông thường mà thôi, và những sự kiện lớn đang trong quá trình chuẩn bị. Liên quân dường như hoàn toàn không có ý định tác chiến ở vùng Ban-căng; họ muốn lập những chiến công anh hùng ở hậu phương quân Nga với sự hiệp đồng của hạm đội. Họ phải đổ bộ lên Ô-dét-xa, cắt đường rút lui của địch và hội quân với quân Áo ở Tô-ran-va-ni tại hậu phương địch; ngoài ra, họ phải điều quân đến Tréc-kê-xi. Sau hết, họ phải tách từ 15000 đến 20000 người để công phá Xê-va-xtô-pôn từ trên bộ, trong khi đó hạm đội sẽ chiếm hải cảng. Chỉ cần nhìn lại toàn bộ lịch sử trước đây của cuộc chiến tranh và những cuộc đàm phán ngoại giao đi trước nó là đã hiểu được nguồn gốc của những tin tức ấy: những tin tức này truyền đi từ Công-xtăng-ti-nô-plơ ngay sau khi nguyên soái Lơ-roa - thường được gọi là Xanh-Ăc-nô - đến đây. Ai đã biết rõ tiểu sử của nhân vật đáng kính

ấy^{1*}, sẽ lập tức nhận ra trong những lời văn khoác lác trên cái con người nhỏ giải khoác lác mà ngoi lên địa vị cao cả hiện nay, tuy rằng, với tư cách sĩ quan quân đội mà đã ba lần bị cách chức.

Tóm lại, tình hình cuộc chiến tranh hiện nay như sau. Anh và đặc biệt là Pháp "nhất thiết dù trái với ý muốn của mình" vẫn phải duy trì phần lớn lực lượng của mình ở phương Đông và biển Ban-tích, nghĩa là ở hai bên sườn nhô ra trong thế trận của mình mà trung tâm gần nhất là Pháp. Nga hy sinh vùng duyên hải, hạm đội và một bộ phận quân đội của mình để hoàn toàn thu hút các cường quốc phương Tây vào sự vận động trái với mọi chiến thuật ấy. Một khi tình huống ấy xảy ra, một khi số lượng cần thiết quân đội Pháp được điều từ đất nước mình đến khu vực xa xôi, thì Áo và Phổ lập tức sẽ tuyên bố ủng hộ Nga và tiến về Pa-ri với lực lượng trội hơn. Nếu kế hoạch đó được thực hiện, thì Lu-i Bô-na-pác-tơ sẽ không có một đội quân nào để chống được ngọn đòn đó. Nhưng có một lực lượng có thể "huy động được" trong mọi biến cố bất ngờ và cũng có thể "huy động" cả Lu-i Bô-na-pác-tơ và bọn tay sai bán mình của ông ta, như trước đây nó đã từng huy động nhiều kẻ nắm quyền. Lực lượng ấy có thể chống trở lại tất cả các cuộc xâm phạm như thế, và nó đã có lần chứng minh điều đó với châu Âu được liên hiệp lại. Lực lượng ấy - đó là Cách mạng. - xin cứ yên tâm, không bắt mình phải chờ đợi khi cần đến hành động của nó.

*Do Ph. Ăng-ghen viết ngày 22 tháng Năm 1854
Đã đăng làm xã luận trên tờ "The People's
Paper" số 108, ngày 27 tháng Năm, ký tên: C.
M. và đăng trên tờ "New-York Daily Tribune" số
4101, ngày 9 tháng Sáu 1854*

*In theo bản đăng trên tờ
"The People's Paper"
Nguyên văn là tiếng Anh*

1*. Trong bản đăng trên tờ "New-York Daily Tribune" ở chỗ này còn thêm câu: "Tôi sẽ tìm cách gửi cho các bạn những tài liệu ấy".

PH. ĂNG-GHEN

TÌNH TRẠNG HIỆN NAY CỦA QUÂN ĐỘI ANH, CHIẾN THUẬT, TRANG BỊ, HẬU CẦN V.V. CỦA NÓ

Luân Đôn, thứ sáu, ngày 26 tháng Năm 1854

Thậm chí nếu cuộc chiến tranh phương Đông không mang lại kết quả nào khác, thì nó cũng dẫn tới chỗ làm mất đi dù chỉ một phần cái vinh dự quân sự của cố công tước Oen-lin-tơn. Ai đã biết nước Anh trong sinh thời của vị thống soái được đánh giá quá cao ấy, hẳn nhớ rằng lúc bấy giờ, dù có coi Na-pô-lê-ông là một quân nhân về những mặt nào đó là ngang hàng với "vị công tước sắt đá" bách chiến bách thắng thì cũng bị coi đó là một điều sỉ nhục đối với dân tộc Anh. Vị công tước vinh quang ấy hiện đã chết và đã yên mồ, sau bốn chục năm qua trên thực tế ông đã chỉ huy quân đội Anh. Chưa từng có nhà chỉ huy nào có tính độc lập lớn hơn và thiếu tinh thần trách nhiệm hơn ông ta. Công tước là một người có uy tín đứng cao hơn tất cả những người có uy tín, và cả quốc vương lẫn nữ hoàng đều không dám phản đối khi sự việc thuộc phạm vi công việc của ông. Sau khi nếm đủ trong nhiều năm dài tất cả những sự kính trọng và vui sướng thường dành cho những con người tầm thường gặp may, nhưng cũng đối lập rất gay gắt với những cuộc đời sống gió đầy bi kịch - theo lệ thường - vẫn gắn liền với số phận của những thiên tài như Na-pô-lê-ông, - "vị công tước sắt đá" chết đi, và quyền chỉ huy quân đội Anh chuyển sang tay người khác. Khoảng 18 tháng sau khi ông ta chết, quân đội Anh sẽ phải giao chiến với quân Nga, và ở đây, ngay trước khi trung đoàn đầu tiên chuẩn bị xuống tàu, thì người ta phát hiện ra rằng, quân đội mà "vị công tước sắt đá" để lại ở vào tình trạng hoàn toàn không phù hợp cho bất cứ nhiệm vụ chiến đấu nào.

Tóm lại, mặc dầu có lý trí lành mạnh của người Anh, nhưng công tước lại là một con người có đầu óc hẹp hòi, thiên cận về nhiều mặt

ấy^{1*}, sẽ lập tức nhận ra trong những lời văn khoác lác trên cái con người nhỏ giải khoác lác mà ngoi lên địa vị cao cả hiện nay, tuy rằng, với tư cách sĩ quan quân đội mà đã ba lần bị cách chức.

Tóm lại, tình hình cuộc chiến tranh hiện nay như sau. Anh và đặc biệt là Pháp "nhất thiết dù trái với ý muốn của mình" vẫn phải duy trì phần lớn lực lượng của mình ở phương Đông và biển Ban-tích, nghĩa là ở hai bên sườn nhô ra trong thế trận của mình mà trung tâm gần nhất là Pháp. Nga hy sinh vùng duyên hải, hạm đội và một bộ phận quân đội của mình để hoàn toàn thu hút các cường quốc phương Tây vào sự vận động trái với mọi chiến thuật ấy. Một khi tình huống ấy xảy ra, một khi số lượng cần thiết quân đội Pháp được điều từ đất nước mình đến khu vực xa xôi, thì Áo và Phổ lập tức sẽ tuyên bố ủng hộ Nga và tiến về Pa-ri với lực lượng trội hơn. Nếu kế hoạch đó được thực hiện, thì Lu-i Bô-na-pác-tơ sẽ không có một đội quân nào để chống được ngọn đòn đó. Nhưng có một lực lượng có thể "huy động được" trong mọi biến cố bất ngờ và cũng có thể "huy động" cả Lu-i Bô-na-pác-tơ và bọn tay sai bán mình của ông ta, như trước đây nó đã từng huy động nhiều kẻ nắm quyền. Lực lượng ấy có thể chống trở lại tất cả các cuộc xâm phạm như thế, và nó đã có lần chứng minh điều đó với châu Âu được liên hiệp lại. Lực lượng ấy - đó là Cách mạng. - xin cứ yên tâm, không bắt mình phải chờ đợi khi cần đến hành động của nó.

*Do Ph. Ăng-ghen viết ngày 22 tháng Năm 1854
Đã đăng làm xã luận trên tờ "The People's
Paper" số 108, ngày 27 tháng Năm, ký tên: C.
M. và đăng trên tờ "New-York Daily Tribune" số
4101, ngày 9 tháng Sáu 1854*

*In theo bản đăng trên tờ
"The People's Paper"
Nguyên văn là tiếng Anh*

1*. Trong bản đăng trên tờ "New-York Daily Tribune" ở chỗ này còn thêm câu: "Tôi sẽ tìm cách gửi cho các bạn những tài liệu ấy".

PH. ĂNG-GHEN

TÌNH TRẠNG HIỆN NAY CỦA QUÂN ĐỘI ANH, CHIẾN THUẬT, TRANG BỊ, HẬU CẦN V.V. CỦA NÓ

Luân Đôn, thứ sáu, ngày 26 tháng Năm 1854

Thậm chí nếu cuộc chiến tranh phương Đông không mang lại kết quả nào khác, thì nó cũng dẫn tới chỗ làm mất đi dù chỉ một phần cái vinh dự quân sự của cố công tước Oen-lin-tơn. Ai đã biết nước Anh trong sinh thời của vị thống soái được đánh giá quá cao ấy, hẳn nhớ rằng lúc bấy giờ, dù có coi Na-pô-lê-ông là một quân nhân về những mặt nào đó là ngang hàng với "vị công tước sắt đá" bách chiến bách thắng thì cũng bị coi đó là một điều sỉ nhục đối với dân tộc Anh. Vị công tước vinh quang ấy hiện đã chết và đã yên mồ, sau bốn chục năm qua trên thực tế ông đã chỉ huy quân đội Anh. Chưa từng có nhà chỉ huy nào có tính độc lập lớn hơn và thiếu tinh thần trách nhiệm hơn ông ta. Công tước là một người có uy tín đứng cao hơn tất cả những người có uy tín, và cả quốc vương lẫn nữ hoàng đều không dám phản đối khi sự việc thuộc phạm vi công việc của ông. Sau khi nếm đủ trong nhiều năm dài tất cả những sự kính trọng và vui sướng thường dành cho những con người tầm thường gặp may, nhưng cũng đối lập rất gay gắt với những cuộc đời sống gió đầy bi kịch - theo lệ thường - vẫn gắn liền với số phận của những thiên tài như Na-pô-lê-ông, - "vị công tước sắt đá" chết đi, và quyền chỉ huy quân đội Anh chuyển sang tay người khác. Khoảng 18 tháng sau khi ông ta chết, quân đội Anh sẽ phải giao chiến với quân Nga, và ở đây, ngay trước khi trung đoàn đầu tiên chuẩn bị xuống tàu, thì người ta phát hiện ra rằng, quân đội mà "vị công tước sắt đá" để lại ở vào tình trạng hoàn toàn không phù hợp cho bất cứ nhiệm vụ chiến đấu nào.

Tóm lại, mặc dầu có lý trí lành mạnh của người Anh, nhưng công tước lại là một con người có đầu óc hẹp hòi, thiên cận về nhiều mặt.

Mọi người đều biết, ông ta đánh giá không đúng như thế nào vai trò của các đồng minh Đức của mình, khi kết thúc trận đánh ở Oa-téc-lô, vợ cho mình toàn bộ cái vinh quang của thắng lợi mà không có cuộc tiến quân kịp thời của Bluy-khơ thì thắng lợi đó có thể biến thành thất bại. Sự ngoan cố của ông ta trong việc duy trì tất cả những điều lạm dụng và những hành động phi lý trong quân đội Anh, qua việc trả lời các nhà phê phán rằng "những điều lạm dụng và những hành động phi lý ấy đã làm cho chúng ta thắng lợi ở Tây Ban Nha và ở Bồ Đào Nha", - là hoàn toàn phù hợp với quan điểm vốn có ở ông ta với tư cách là phần tử bảo thủ, là đường như cần có sự ngu xuẩn cổ truyền và sự phản bội ở mức độ nhất định để phát huy đúng đắn chức năng của cái hiến pháp "hiển nhiên là hay nhất" trong mọi hiến pháp. Biết nhượng bộ trong lĩnh vực chính trị đối với những vấn đề quan trọng ở những giờ phút gay go, ông ta càng ôm khư khư lấy những quan niệm lỗi thời và những điều phi lý truyền thống trong lĩnh vực quân sự. Trong quân đội Anh, suốt toàn bộ thời kỳ ông ta nắm quyền hành chưa hề có sự cải tiến thực sự nào, nếu như không kể đến sự cải tiến thuần túy về kỹ thuật trong pháo binh. Nhưng ở đây tuyệt đối không thể coi nhẹ những thành tựu phát triển nhanh chóng của nền công nghiệp công xưởng và khoa học kỹ thuật. Thành thử, mặc dầu pháo binh Anh có những thiết bị tốt nhất thế giới, tổ chức của nó vẫn không kém phần cồng kềnh so với tổ chức của các chủng loại vũ khí khác, còn về quân trang quân dụng và tổ chức nói chung thì không có mặt nào mà quân đội Anh không rớt lại đằng sau quân đội của bất cứ quốc gia văn minh nào ở châu Âu.

Tôi cần lưu ý bạn đọc một lần nữa về tình trạng là ở Anh, việc chỉ đạo các ngành quân sự không tập trung vào một bộ nào, như ở các nước khác. Có bốn bộ độc lập với nhau và cản trở lẫn nhau. Có bộ trưởng chiến tranh, nhân vật này chỉ là một nhân viên thủ quỹ hoặc nhân viên kế toán. Ở bộ tổng tư lệnh quân đội Anh có một viên tổng tư lệnh cai quản bộ binh và kỵ binh. Có tổng chỉ huy quân giới chỉ huy các sĩ quan phụ trách kỹ thuật quân giới và có nghĩa là ông ta cai quản bộ phận vật tư của quân đội. Rồi còn có bộ trưởng về vấn đề thuộc địa có quyền phái quân đội đến các lãnh địa ở hải ngoại và điều hòa việc cung

cấp trang bị cho quân đội ấy. Đồng thời còn có bộ quân nhu và, sau hết, đối với quân đội ở Ấn Độ - có tổng tư lệnh quân đội ở lãnh thổ này. Tính chất phi lý của các thiết chế đó đã trở thành đối tượng bàn cãi của công chúng chỉ sau khi Oen-lin-tơn chết đi, vì rằng năm 1837, bản báo cáo của một tiểu ban của quốc hội về vấn đề ấy đã bị đưa vào ngăn kéo theo mệnh lệnh của ông ta. Bây giờ, khi chiến tranh nổ ra, sự bất lực của chế độ đó lộ ra khắp nơi, nhưng người ta phản đối việc thay đổi nó, vì sợ rằng sẽ hoàn toàn phá vỡ trật tự và tính liên tục trong sự tiến hành công việc.

Để lấy dẫn chứng về tình trạng hỗn loạn mà chế độ đó sinh ra, tôi đã nêu lên sự việc là không thể kiếm ra được hai thứ mà một trung đoàn có thể xin được nếu không liên hệ với các ngành độc lập với nhau: quân trang do một đại tá đặc nhiệm phát, còn áo lính khoác ngoài lại do bộ quân giới phát; giầy lưng và ba-lô do bộ tổng tư lệnh phát, còn vũ khí lại do bộ quân giới phát. Ở bất cứ căn cứ hải quân nào ở nước ngoài, các sĩ quan, các chỉ huy quân giới, chủ nhiệm kho, sĩ quan quân nhu đều ít nhiều độc lập với nhau và chịu trách nhiệm trước các bộ ở chính quốc cũng độc lập với nhau. Ngoài ra, người ta còn duy trì một điều quái gở như "các đại tá quản lý quân trang". Ở mỗi trung đoàn có một sĩ quan cấp đại tá, mà chức trách là lĩnh ở ngân khố về khoản quân phục cho trung đoàn mình một số tiền nhất định, nhưng chỉ sử dụng một phần vào mục đích đã định. Phần còn lại bị ông ta dành làm thù lao cho sự chạy vạy của mình.

Có sự buôn bán giấy chứng nhận quân hàm, dựa vào đó tất cả các chức vụ cao trong quân đội hầu hết đều nằm trong tay bọn quý tộc. Sau một số năm phục vụ ở cấp trung uý, đại uý và thiếu tá, sĩ quan có quyền mua quân hàm cấp cao hơn ở chức vụ khuyết đầu tiên, nếu như không có sĩ quan khác cùng cấp nhưng thâm niên hơn cạnh tranh quân hàm ấy. Thế là người thừa tiên có thể thăng cấp nhanh chóng, vì rằng nhiều đồng sự của anh ta nhiều thâm niên hơn không có tiền mua quân hàm cao hơn khi cấp này khuyết. Rõ ràng là, chế độ này đã thu hẹp rất nhiều phạm vi bổ sung những người có năng lực vào hàng ngũ sĩ quan. Vì việc cất nhắc vào chức vụ sĩ quan cao cấp hầu như chỉ quyết định ở thâm niên hoặc ở quan hệ quý tộc, do đó chỉ có một số ít người được bổ sung vào các chức vụ chỉ huy cao cấp, tất nhiên đã gạt ra ngoài nhiều

người có tài năng và tri thức. Không nghi ngờ gì nữa, chính cái chế độ ấy chủ yếu đã gây ra sự nghèo nàn thảm hại như vậy về tri thức của phần lớn các sĩ quan Anh trong những lĩnh vực chung và những lĩnh vực mang tính chất lý luận hơn thuộc khoa học quân sự.

Số lượng sĩ quan quá lớn so với số lượng binh sĩ. Không nơi nào người ta thấy nhiều cấp hiệu và phù hiệu vàng chói như trong trung đoàn Anh. Vì vậy sĩ quan không có việc gì làm, và do chỗ bất cứ việc nghiên cứu khoa học nào nghiêm túc một chút đều đối lập với *esprit de corps*^{1*} của họ, nên họ tiêu phí thời gian của mình vào những chuyện không đâu, họ cho rằng khi chiến đấu thực sự xảy ra, thì sự dũng cảm trời sinh và "điều lệnh của nữ hoàng" cũng hoàn toàn đủ điều dắt họ qua mọi khó khăn. Khi thành lập doanh trại ở Sô-bem¹³⁹, sự bất lực của rất nhiều sĩ quan đã trở thành hiển nhiên đối với tất cả những ai có thể bình luận về các cuộc diễn tập một cách dù chỉ nghiêm chỉnh hơn chút ít so với những tên bồi bút thảm hại và cuồng nhiệt với tinh thần của bọn *cooc-ni* chính cống^{2*}, chúng ra sức ca tụng mọi tình tiết của cái cảnh tượng không bình thường được nhìn thấy lần đầu tiên trong đời.

Chế độ huấn luyện và điều lệnh chiến đấu hết sức lỗi thời. Tính cơ động của quân đội hết sức kém cỏi, vì rằng mọi vận động đều phức tạp, chậm chạp và chấp hành một cách câu nệ. Phương pháp vận động cũ theo hàng ngang được duy trì như một hình thức chủ yếu của mọi vận động chiến thuật trong quân đội Anh lâu hơn trong quân đội Áo, cũng có tính ưu việt nhất định trong những điều kiện địa hình thuận lợi; nhưng những tính ưu việt đó lại bị mất đi trong nhiều trường hợp, và điều quan trọng hơn cả là bản thân phương pháp này chỉ thích hợp với những điều kiện đặc biệt. Phương pháp triển khai đội hình hàng dọc, nhất là đại đội hàng dọc, được sử dụng trong các quân đội ưu tú trên lục địa, bảo đảm tính cơ động lớn hơn nhiều và khi cần thiết có thể chuyển thành đội hình hàng ngang không kém phần nhanh chóng.

Vũ khí của binh sĩ Anh được chế tạo tinh xảo bằng nguyên liệu tốt, nhưng trong nhiều trường hợp do những quy chế cũ kỹ mà bị sử dụng méo mó đi. Súng trường kiểu cũ cỡ lớn, nòng không có rãnh được chế

1* - đầu óc đẳng cấp

2* - tiểu thị dân Luân Đôn

tạo tốt nhưng nặng quá mức cần thiết. Súng trường cũ kiểu *bra-un-svai* vốn là loại tốt, nhưng đã bị những loại tốt hơn vượt xa. Súng trường *Prít-sét-tơ* sử dụng ít lâu nay được coi là kiểu cải tiến của súng trường Pháp *Mi-ni-e*, xem ra là vũ khí tốt nhất, nhưng các nhà cầm quyền đã buộc phải chấp nhận chỉ sau khi đấu tranh gay gắt. Còn hiện nay súng trường được sử dụng thiếu hệ thống và rất hỗn loạn đến nỗi có khi trong một trung đoàn thì một nửa có súng kiểu cũ, còn một nửa có súng trường kiểu mới điều này gây ra hết sức lộn xộn trong trang bị. Kiếm của kỵ binh thì tốt, thuận tiện cho việc đâm và chém hơn là gươm được trang bị cho quân đội các nước trên lục địa. Ngựa cũng khoẻ, nhưng người cưỡi ngựa và vũ khí quá nặng. Pháo binh dã chiến có những thiết bị tốt nhất thế giới và về nhiều mặt hết sức giản tiện, nhưng cỡ và trọng lượng của những thiết bị ấy lớn nhỏ khác nhau rất nhiều, thành thử cần nhiều loại đạn rất khác nhau.

Trái lại, quân trang và trang bị cá nhân của lính Anh lại bất tiện nhất trần đời. Cổ áo cao, cứng, chặt thắt chặt lấy cổ; áo hẹp có vạt phía sau, trông đến thảm hại, quần hẹp, bất tiện, cắt rất vụng về, áo khoác ngoài trông chả ra làm sao, mũ mềm hoặc mũ cứng rất khó coi, lại còn thắt lưng và giày lưng đeo đạn và ba-lô mà thậm chí người Phổ cũng không thể khen được. Về tất cả những cái đó, trong thời gian gây đây báo chí đã nói nhiều nên không cần trình bày thêm. Nhưng không nên quên rằng, binh sĩ Anh mang những quân trang dường như cổ tình làm vụng về đó, lại phải mang vác nặng hơn bất cứ ai khác. Và hình như để đưa "tính cơ động" lên làm nguyên tắc tối cao của quân đội, nên người ta đã thêm cho nó một *đội vận tải* đồ sộ chưa từng thấy trong bất cứ quân đội nào khác. Điều đó phần lớn là do sai lầm vụng về của cơ quan quân nhu; nhưng đội vận tải của các trung đoàn như thế, và đặc biệt là hành lý của sĩ quan quá nhiều như vậy chỉ có thể thấy ở Thổ Nhĩ Kỳ hoặc Ấn Độ mà thôi.

Bây giờ chúng ta hãy xem quân đội đó hành động như thế nào khi đến Thổ Nhĩ Kỳ. Binh sĩ Pháp mà chế độ quân sự không ngừng tiếp thu mọi sự cải tiến, đã được chứng thực qua kinh nghiệm chiến tranh An-giê-ri, khi chưa đổ bộ đã chuẩn bị đầu vào đấy. Họ mang theo mình, tuy không nhiều, nhưng là mọi thứ cần thiết, và cái còn thiếu họ sẽ bổ

sung được nhanh chóng nhờ sự sáng trí bẩm sinh của họ. Thậm chí, trong thời kỳ thống trị lửa gạc của tập đoàn Lu-i Bô-na-pác-tơ và Xanh-Ăc-nô chế độ ấy vẫn hoạt động khá hoàn hảo. Nhưng còn quân Anh! Họ đến Ha-li-pô-li sớm hơn kho quân nhu của mình; họ đồng gấp bốn lần sức chứa của doanh trại; chưa có sự chuẩn bị gì cho cuộc đổ bộ từ các hạm tàu, không có lò bánh mì dã chiến, không có cơ quan quản lý thực sự chịu trách nhiệm. Mệnh lệnh và phản mệnh lệnh đưa xuống liên tiếp mâu thuẫn nhau đến kinh người, hoặc nói đúng hơn là đến tức cười. Các viên đội hoặc cai cũ biết thu xếp nơi ăn ở tại bất cứ nơi nào trong những cánh rừng già có người Ca-phơ-rơ ở hoặc trên những bình nguyên nóng bỏng của sông Ấn, thế mà ở đây họ lại cảm thấy hoàn toàn bất lực. Những sự cải tiến mà người chỉ huy của bất cứ quân đội nào đều có thể thực hiện trong hành quân, thì ở đây chỉ có thể tạm thời thực hiện trong cuộc hành quân trước mắt mà thôi; khi các trung đoàn tản ra các hướng khác nhau, thì điều lệnh đã lỗi thời của nữ hoàng lại có hiệu lực và toàn bộ kinh nghiệm đạt được trong hành quân đều rơi vãi mất.

Đấy là chế độ nổi tiếng mà "vị công tước sắt đá" duy trì với sự ngoan cố sắt đá và được tuyên bố là hay ho nhất thế giới, vì với chế độ đó người ta đã đánh bại các tướng lĩnh của Na-pô-lê-ông trên bán đảo Pi-rê-nê. Binh sĩ Anh bị bó chặt trong áo giáp bằng da, thường lê bước trong những cơn sốt rét, được trang bị tồi tệ do sự lười biếng và tính vụng về của các sĩ quan quân nhu, lại phải mang vác 60 hoặc 70 pao đồ dùng qua các thảo nguyên ở Bun-ga-ri, quả thực có thể tự hào về "vị công tước sắt đá" vinh quang của họ đã ban cho họ tất cả những cái ân huệ ấy.

Những hậu quả đáng buồn tất nhiên sinh ra từ chế độ cứng nhắc của vị công tước, càng thêm nghiêm trọng do tính chất tập đoàn thống trị của cái hình thức cầm quyền ở Anh, trong đó những chức vụ quan trọng nhất lại trao phó cho những người mà sự ủng hộ của họ trong nghị viện có lẽ cần thiết cho tập đoàn mưu cầu danh vọng hiện đang cầm quyền, nhưng họ lại thiếu những kiến thức chuyên môn sơ đẳng nhất và thiếu năng lực. Chúng ta hãy lấy ngài Béc-nan Ô-xboóc-nơ, chánh văn phòng Bộ quân giới thuộc nội các liên hiệp làm ví dụ. Việc

bổ nhiệm ngài Béc-nan Ô-xboóc-nơ là một sự nhượng bộ đối với phái cấp tiến Mây-phe¹⁴⁰, mà đại biểu trong nội các là ngài U. Môn-xơ-uốt, một nhà xuất bản "khiểm tốn" ra các tác phẩm của Hốp-xơ. Ngài Béc-nan Ô-xboóc-nơ:

...trí khôn đi bòn nhặt từng hạt

Rồi bất thần nó lại trao trở lại,

Hắn là kẻ bán rao, đem món hàng của mình

Đến chợ phiên, nơi yến tiệc, nơi đấu thầu và chợ búa!^{1*}

Cho dù ngài Béc-nan Ô-xboóc-nơ làm nghề bán lẻ những lời nói sắc sảo rẻ tiền, nhưng vị tất ông ta có thể phân biệt nổi súng thường với súng trường Mi-ni-ê. Vậy mà ông vẫn là chánh văn phòng bộ quân giới trong nghị viện của nữ hoàng.

Chắc bạn đọc còn nhớ rằng trước đây ít lâu. Ô-xboóc-nơ đã yêu cầu nghị viện cấp kinh phí cho bộ quân giới để sản xuất súng bộ binh cần cho lục quân và hải quân. Ông ta nói rằng ở Hợp chúng quốc Mỹ, ở các công xưởng quốc gia, vũ khí được sản xuất rẻ hơn ở các xưởng tư nhân, và ở Anh trong một số trường hợp đã xảy ra khó khăn nghiêm trọng do các đơn vị nhận thầu giao vũ khí không đúng thời hạn.

Cuộc biểu quyết tại hạ nghị viện vẫn bị gác lại do đề nghị của ngài Mun-tơ-xơ về việc cử một ủy ban chuyên môn để giải quyết vấn đề "tìm kiếm con đường kinh tế nhất, nhanh chóng nhất và thỏa mãn nhất để bảo đảm vũ khí cho quân đội của nữ hoàng". Bản báo cáo của ủy ban ấy hiện đã được công bố, và hãy xem ủy ban đó đi đến kết luận như thế nào? Rằng các xí nghiệp tư nhân sở dĩ không thể hoàn thành đúng kỳ hạn đơn đặt hàng là "do Bộ quân giới đã cho thi hành *phương thức nghiệm thu* hoạch hoạc vật vãnh đối với vũ khí được sản xuất ra và thường đem nhiều các chi tiết của vũ khí đặt cho các xí nghiệp bao thầu khác nhau". Báo cáo nói thêm rằng "Bộ quân giới chưa chắc đã hiểu rõ giá cả của vũ khí được sản xuất ở Mỹ, cũng như ngành sản xuất cơ khí ở đó đã đạt đến trình độ như thế nào", rằng "ở Bộ quân giới

1* - Sếch-xpia. "Những nỗ lực uống công của tình yêu", màn thứ 5, cảnh 2.

chưa bao giờ người ta trông thấy vũ khí được sản xuất ở các công xưởng quốc gia của nước đó".

Sau hết, qua bản báo cáo trên, chúng ta được biết rằng "những công xưởng mà chính phủ định xây dựng không thể sản xuất ra một khẩu súng nào trong vòng một năm rưỡi tới".

Những đoạn trích dẫn trong báo cáo của nghị viện đủ để nhận định rõ năng lực chuyên môn của ngài Ô-xboóc-nơ, chánh văn phòng Bộ quân giới, riêng của nội các liên hiệp. Ex ungue leonem^{1*}.

*Do Ph. Ăng-ghen viết ngày 24 tháng Năm 1854
Đã đăng trên tờ "New-York Daily Tribune" số
4102, ngày 10 tháng Sáu 1854
Ký tên: Các Mác*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Anh*

C. MÁC

*HIỆP ƯỚC GIỮA ÁO VÀ PHỔ. - CÁC CUỘC TRANH LUẬN Ở NGHỊ VIỆN NGÀY 29 THÁNG NĂM

Luân Đôn, thứ ba, ngày 30 tháng Năm 1854

Báo "Times" rất bất bình về lệnh của viên tướng Anh cấm "các phóng viên của bản báo" đi theo quân đội Anh. Nếu như cuộc chiến tranh này là một cuộc chiến tranh bona fide^{1*}, thì việc phản đối biện pháp ấy quả là ngu xuẩn. Trong các công văn khải của mình, công tước Oen-lin-ton nhiều lần phàn nàn về việc Na-pô-lê-ông đã có thể gửi cho các tướng của mình ở Tây Ban Nha những tin tức về sự điều động và bố trí quân đội theo dự định của ông, của Oen-lin-ton, những tin tức này ông ta thu thập được trên các cột báo Anh. Nhưng trong tình hình hiện nay, mệnh lệnh ấy chỉ có thể nhằm một mục đích: để cho xã hội Anh mù tịt về những âm mưu phản bội của quân viễn chinh. Sự bổ sung xứng đáng nhất cho mệnh lệnh ấy có thể là đạo dụ của vua Thổ Nhĩ Kỳ ban hành dưới sức ép của các vị anh hùng ngày 2 tháng Chạp và đã được tuyên đọc tại các nhà thờ Hồi giáo cấm người Thổ Nhĩ Kỳ tham gia bất cứ cuộc bàn luận nào về chính trị. Và trên thực tế thì tại sao về mặt này, người Thổ Nhĩ Kỳ lại ở vào tình trạng khá hơn chính người Anh?

Trong phiên họp hôm qua của hạ nghị viện, ngài Bléch-két đã chất vấn huân tước Gi. Rốt-xen rằng trong nghị định thư Viên gần đây¹⁴¹, Anh có thừa nhận hoặc đồng ý điều khoản đầu tiên của hiệp ước Áo - Phổ ngày 20 tháng Tư 1854 không. Theo điều này thì các nước ký kết

"Bảo đảm lẫn cho nhau sự chiếm hữu của mình đối với lãnh thổ Đức và không thuộc Đức, vì vậy bất cứ cuộc tấn công nào vào lãnh thổ của một trong những cường quốc ấy bất kể xuất phát từ đâu, đều sẽ được coi là cuộc tấn công thù địch vào lãnh thổ của cường quốc kia".

1* - Nhìn vào nanh vuốt có thể nhận ra con sư tử.

1* - được tiến hành nghiêm chỉnh

giữ phương châm theo hướng đó. Trên mọi vấn đề, trừ tự do mậu dịch, chính phủ đã tỏ ra bất lực về mặt đề xuất ý kiến với nghị viện, lãnh đạo nghị viện, cũng như kiểm soát nghị viện. Hoàn toàn rõ ràng là vị huân tước cao quý mà người ta gọi một cách lịch sự là lãnh tụ của hạ nghị viện, trên thực tế không chỉ đạo nghị viện, nghị viện không đi theo huân tước cao quý và những dự luật mà chính phủ đưa ra đã bị bác bỏ một cách thẳng thừng nhất. Các ngài dẫn chúng tôi vào chiến tranh, thì các ngài phải đưa chúng tôi ra khỏi chiến tranh. Chúng tôi không muốn gánh lấy trách nhiệm. Đây là tình cảnh mà chính phủ gây ra cho chúng ta. Phá vỡ và huỷ hoại chế độ nhà nước của Thổ Nhĩ Kỳ, chính phủ đã phá vỡ và huỷ hoại trên mức độ nào đó chế độ nghị viện của nước ta".

Có thể đặt câu hỏi: chế độ ấy tồn tại để làm gì? Những vấn đề về nội chính không thể nhắc tới, vì rằng đất nước đang ở vào tình trạng chiến tranh. Nhưng vì rằng đất nước đang ở vào tình trạng chiến tranh, nên không thể đề cập đến những vấn đề quân sự. Thế thì khi đó duy trì nghị viện để làm gì? Ông già Cốp-bét đã bóc trần cái bí mật ấy: làm cái chốt an toàn để đối phó với tình cảm mãnh liệt đang sục sôi trong nước.

*Do C.Mác viết ngày 30 tháng Năm 1854
Đã đăng trên tờ "New-York Daily Tribune"
số 4103, ngày 12 tháng Sáu 1854
Ký tên: Các Mác*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Anh*

C.MÁC

* VIỆC THÀNH LẬP BỘ CHIẾN TRANH ĐẶC BIỆT Ở ANH. - CHIẾN SỰ Ở VÙNG ĐA-NUÝP. - TÌNH HÌNH KINH TẾ

Luân Đôn, thứ sáu, ngày 2 tháng Sáu 1854

Quyết định về thành lập Bộ chiến tranh đặc biệt đã được thông qua, và toàn bộ vấn đề hiện nay là ai sẽ được cử giữ chức bộ trưởng. Công tước Niu-cát-xlơ cho tới nay vẫn kiêm nhiệm chức bộ trưởng Bộ thuộc địa và bộ trưởng Bộ quân vụ, từ lâu đã tỏ ý rất không muốn từ bỏ bất cứ chức vụ nào trong hai chức đó, và, theo giọng điệu của tờ "Morning Chronicle", thì ông ta muốn dẫu sao thì cũng phải được đứng đầu Bộ chiến tranh. Tờ "Times" trong số ra hôm nay đã đề nghị lần thứ ba bổ nhiệm huân tước Pan-móc-xtôn.

"Huân tước Pan-móc-xtôn làm bộ trưởng Bộ chiến tranh lãnh đạo các lực lượng vũ trang của nước nhà chống lại nước Nga, mà chúng ta có thể gọi là kẻ thù cũ của ông ta, đương nhiên là đứng chỗ hơn là để ông ta tranh cãi liên miên với các hội đồng giáo khu và các ủy ban bài trừ nước bản".

Tờ "Daily News" cũng tiến cử huân tước Pan-móc-xtôn. Tờ "Morning Herald"¹⁴² trong số ra hôm qua đã đăng bài của ngài Uốc-các-tơ bóc trần toàn bộ âm mưu đó. Dù sao đi nữa, đối với "chiến tranh", những sự kiện ấy ở phố Đao-ninh còn có ý nghĩa hơn là tất cả các cuộc biểu dương lực lượng quân sự ở Ga-li-xi-a và Xcu-ta-ri.

Có lẽ các bạn còn nhớ người ta định làm cho công chúng nuôi hy vọng rằng những biện pháp khẩn cấp và kiên quyết sẽ được thi hành ngay sau khi các viên tư lệnh quân viễn chinh đến Công-xtăng-ti-nô-plơ. Ngày 18 tháng Năm, nguyên soái Xanh-Ác-nô, huân tước Ra-glan và bộ trưởng Bộ chiến tranh Thổ Nhĩ Kỳ đã đến Vác-na, nơi đây ngày 20 tháng Năm sẽ có hội nghị quân sự với Ô-me-rơ-pa-sa và các vị đô đốc. Hôm qua Luân Đôn nhận được tin điện

là "hội nghị quân sự ở Vác-na đã quyết định điều liên quân từ Ha-li-pô-li đến A-đri-a-nô-pôn". Đồng thời tờ "Times" đã đăng một bài xã luận trình bày toàn bộ kế hoạch tác chiến và đưa tin về hội nghị ở Vác-na.

"Hội nghị này", - tờ "Times" viết, - "rõ ràng là họp đúng vào lúc mà quân Nga dưới quyền chỉ huy của Pa-xkê-vích đã mở cuộc tấn công mãnh liệt vào cứ điểm Xi-li-xtơ-ri, và do đó các sĩ quan cao cấp trong quân đội liên minh có cơ hội rất tốt để quyết định vấn đề về các biện pháp cần thiết để chi viện cho cứ điểm này".

Chính vì vậy mà họ ra lệnh cho bộ đội của mình chuyển từ Ha-li-pô-li đến A-đri-a-nô-pôn để chi viện cho Xi-li-xtơ-ri; *chính vì vậy* mà họ đi đến cái quyết định anh hùng sau đây:

"Chỉ vì để đẩy lùi cuộc tấn công của quân Nga vào các cứ điểm bảo vệ hữu ngạn sông Đa-nuýp mà phải đẩy quân đội Thổ Nhĩ Kỳ vào nguy cơ của một trận tổng công kích là điều không thỏa đáng... điều một bộ phận quan trọng của liên quân đến khu vực bờ biển để đụng độ ngay với các bất tiện tiêu của quân Nga cũng là điều không thỏa đáng".

Nói cách khác, các tướng lĩnh liên quân quyết định không ngăn cản gì các ý đồ kiên quyết của quân Nga chiếm lấy các cứ điểm ở hữu ngạn sông Đa-nuýp. Tờ "Times" thừa nhận rằng kế hoạch hoạt động quân sự đó "có thể làm thất vọng đám công chúng đang cảm thấy tự nhiên sốt ruột", nhưng mặt khác, tờ báo lại phát hiện ra rằng "những cứ điểm ấy thực ra chỉ là những công sự ngoại vi của Thổ Nhĩ Kỳ, tuyệt nhiên không phải là chủ lực của họ". Trước đây, người ta nói với chúng ta rằng Môn-đa-vi-a và Va-la-ki chỉ là *công sự ngoại vi* của Thổ Nhĩ Kỳ và Thổ Nhĩ Kỳ nhượng chúng cho quân Nga thì vị tất đã bị một tổn thất lớn. Bây giờ chúng ta lại biết rằng Thổ Nhĩ Kỳ có thể yên trí nhượng cả Bun-ga-ri cho quân Nga.

"Dãy Ban-căng - dãy chính là thành trì hiện nay của Đế quốc Ôt-tô-man, và quân Nga sẽ chẳng được lợi gì trong việc chiếm lĩnh - với những hy sinh nặng nề - các tuyến công sự ngoại vi, nếu như họ vấp phải ngày càng nhiều những trở ngại mới đáng sợ hơn nhiều trên bước tiến thêm nữa của họ. Họ càng tiến ở khu vực phía bắc Ban-căng, thì tình cảnh của họ càng xấu đi... Quân đội xâm nhập sẽ tiêu hao hết lực lượng của mình trong cuộc chiến đấu chống các cứ điểm kiên cố xây dựng trên sông Đa-nuýp, và các đơn vị phân tán của đối phương, trong khi đó các lực lượng bảo vệ các trận địa chính của đối phương vẫn dồi dào tinh lực và không bị tổn thất gì".

Đương nhiên, một khi liên quân được vỗ béo bằng thịt bò^{1*} có thể tránh đụng độ với địch, thì lực lượng của họ vẫn hoàn toàn dồi dào tinh lực. Nhưng nếu như quân Nga không tiến thêm nữa ở khu vực phía bắc Ban-căng và thỏa mãn với việc chiếm lĩnh những cứ điểm, các chìa khóa mở cửa vào Bun-ga-ri, và các công quốc thuộc vùng sông Đa-nuýp, thì sẽ ra sao? Bấy giờ làm thế nào để họ rút khỏi những nơi ấy?

"Quân đội châu Âu ở sau phòng tuyến Ban-căng đang chuẩn bị để khi thời cơ thích hợp đến sẽ chuyển sang tấn công bằng những lực lượng không gì ngăn nổi, và những tháng cuối cùng của chiến dịch tất phải tiêu diệt quân địch".

Cuộc tấn công không gì ngăn nổi ấy, dĩ nhiên, sẽ hết sức nhẹ nhàng với việc chuyển các cứ điểm trên sông Đa-nuýp sang tay quân Nga, điều mà liên quân không làm nổi, thì *mùa mưa* sẽ làm được không vất vả gì.

Thật thế, tờ "Moniteur" đưa tin rằng Ô-me-rô-pa-sa đang chuẩn bị đi cứu viện Xi-li-xtơ-ri. Còn báo "Morning Chronicle" không hài lòng về bài báo vừa trích dẫn của tờ "Times", thì nêu rõ:

"Xem ra thì tác giả của kế hoạch này hy vọng rằng, chính sách ngoại giao của Áo thỏa mãn ở chỗ không ngừng đạt được thắng lợi mà không vấp phải sự chống đối nào, bấy giờ sẽ thúc đẩy Nga hoàng rút quân đội của mình lại; mặt khác, có lẽ người ta trông đợi rằng nếu quân Nga tiếp tục tiến ở vùng Ban-căng, thì khả năng xa xôi mà hiệp ước Áo - Phổ quy định sẽ được thực hiện".

Tuy thế, như mọi người đều rõ, tờ "Moniteur" đưa tin như vậy là để giữ vững tinh thần tốt đẹp của người Pa-ri, còn phương thức mà tờ "Chronicle" dùng để bình luận kế hoạch của tờ "Times" chỉ củng cố thêm giả định cho rằng kế hoạch ấy là của nội các liên hợp. Những nguồn tin khác cũng củng cố thêm cho giả định ấy. Trong bản tin ngày 18 tháng Năm, phóng viên của tờ "Chronicle" ở Công-xtăng-ti-nô-pơ nhận định:

"Vị tất đã có chiến dịch nào ở vùng Đa-nuýp sẽ được tiến hành vào giữa mùa hè, vì rằng lúc đó người chết vì sốt và các bệnh khác nhiều hơn là người chết vì các nguyên nhân khác".

1* Theo nguyên văn: "beef-eating" - tên gọi châm biếm quân cận vệ ngự lâm của nước Anh.

Ngoài ra, tờ báo của nội các là "Globe"¹⁴³ tối qua đã đăng một bài hoàn toàn chứa đựng cùng một tinh thần với bài của tờ "Times". Tờ "Globe" đưa tin, một là, hiện nay Thổ Nhĩ Kỳ, liên quân "*chỉ*" có 45000 người - 29000 quân Pháp và 16000 quân Anh; hai là, - cột sau viết tiếp, - ở gần Xi-li-xtơ-ri, quân Nga chỉ có 90000 người, còn số lượng bộ đội tác chiến của quân Thổ Nhĩ Kỳ lên đến 104000 người. Nhưng tờ "Globe" vẫn cho rằng khối lượng quân Thổ Nhĩ Kỳ, Pháp và Anh lên đến gần 150000 người ấy không đủ để ngăn cản 90000 quân Nga chiếm các cứ điểm ở Bun-ga-ri, - đây là chưa nói đến sự chi viện mà ba hạm đội mạnh có thể đem lại cho liên quân. Tờ "Globe" cho rằng bất cứ cuộc chiến đấu nào của quân Thổ Nhĩ Kỳ hoặc liên quân chống lại quân Nga đều thua cả, vì rằng "thời tiết sẽ chống lại họ". Sau khi trình bày kế hoạch của chiến dịch mà các vị tư lệnh liên quân đặt ra, tờ "Globe" còn đi xa hơn tờ "Times", nó nói:

"Dù số phận của các cứ điểm trên sông Đa-nuýp ra sao, cần phải tập trung lực lượng thích đáng để làm cho kẻ xâm lược không thể tiến *thêm nữa* và trừng phạt nó vì cuộc tấn công liều lĩnh".

Ở đây, trước mắt chúng ta là bằng chứng hiển nhiên nói lên rằng trong nghị định thư Viên gần đây, Anh và Pháp đã tán thành hiệp ước Áo - Phổ. Các cứ điểm trên sông Đa-nuýp và Bun-ga-ri đã được quyết định nhường cho Nga, và lý do tiến hành chiến tranh chỉ có thể là sự tiến *thêm nữa* của nước Nga.

Khi 15000 quân Nga đầu tiên vượt sông Prút, xâm nhập Môn-đa-vi-a, người ta khuyên Thổ Nhĩ Kỳ hãy ngồi yên, vì rằng dù sao Thổ Nhĩ Kỳ cũng không thể ngăn chặn được lực lượng ghê gớm gồm 15000 người ấy chiếm Va-la-ki và quân Nga quả thực đã chiếm được Va-la-ki. Khi Chính phủ Thổ Nhĩ Kỳ tuyên chiến, thì không thể tiến hành một hoạt động nào chống lại quân Nga, vì đã đến mùa đông. Khi mùa xuân đến, Ô-me-rô-pa-sa nhận được lệnh tránh bất cứ hoạt động tấn công nào, vì rằng liên quân chưa tới. Sau khi họ tới, thì không thể làm gì được, vì rằng đã sang hè, mà mùa hè là mùa bất lợi cho sức khoẻ. Đợi đến mùa thu, thì hóa ra là "đã quá muộn để mở chiến dịch". Phương pháp ấy, tờ "Times" gọi là sự phối hợp của chiến lược với chiến thuật: rõ ràng, tờ báo cho rằng thực chất của chiến thuật là hy sinh quân đội để duy trì lực lượng hậu bị "dồi dào tinh lực". Đồng thời, xin

chú ý là trong suốt thời gian từ khi sự lừa bịp này diễn ra một cách công khai ngay trước mắt báo chí của phe đối lập và đồng đảng công chúng Anh, tờ "Morning Advertiser" và tờ "Times" tranh nhau công kích Phổ, Đan Mạch và Thụy Điển về chỗ họ không "phối hợp" với các cường quốc phương Tây! Còn như lý do buộc tất cả những nước nhỏ ngã về phía Nga, thì không có căn cứ gì quan trọng lắm, - điều đó có thể thấy được, chẳng hạn, qua giọng điệu của báo chí của Chính phủ Đan Mạch. Như phóng viên của tờ "Morning Chronicle" tại Cô-pen-ha-ghen viết:

"Sự đe dọa mà đảng cầm quyền dựa vào để hoàn toàn khống chế đảng dân tộc, là ở chỗ Anh xưa nay vẫn bội tín với Đan Mạch và nếu như hiện nay Đan Mạch phối hợp với các cường quốc phương Tây, thì 100000 quân Phổ, có lẽ, cùng với một quân đoàn Áo sẽ cướp sạch từ bán đảo Giuyt-lan đến sông Ai-dơ và sẽ chiếm lĩnh toàn bộ lãnh thổ Đan Mạch".

Nội các liên hiệp có thể trông đợi và chắc là đang trông đợi là nhờ những cố gắng tế nhị - về ngoại giao, quân sự và các mặt khác, - của mình đối với "sự nghiệp chính nghĩa" của Nga, mà nó sẽ thấy được sự biết ơn tế nhị nào đó của vị quốc vương chuyên chế. Nhưng chẳng được tí gì; nó đã nhận được của vị quân chủ chuyên chế nhiều cú đá hơn là nó đáng hưởng trên thực tế. Để minh họa cho thái độ khinh miệt kiêu căng đó của triều đình Nga đối với các kẻ thù tưởng tượng của mình, tôi xin dịch cho các bạn một bài ngụ ngôn của Ti-rô-tây nặc danh nước Nga xuất hiện gần đây trên tờ "Nordische Biene". Lời văn và kết cấu của bài ngụ ngôn sơ dĩ giản đơn non nớt, là vì nhà thơ viết cho những người chưa được khai hoá, - cũng như tờ "Journal de St. - Pétersbourg" đã dùng những lời lẽ châm biếm lịch lãm để phê phán bài báo cáo gần đây của đô đốc Ha-me-lanh về Ô-dét-xa, vì ở đây tờ báo viết cho các nhà ngoại giao châu Âu. Bài ngụ ngôn nhan đề: "Đại bàng, chó xồm, gà trống và thỏ". Nội dung như sau:

Một ông vua đại bàng, hùng dũng vừa to vừa khoẻ, đứng trên đỉnh mỏm đá và nhìn bao quát toàn bộ thế giới bên kia biển Ban-tích (Weit hinter in Betl die ganze Welt); nó đứng như vậy, bình thản và lặng thinh, thỏa mãn với chút thức ăn đạm bạc của mình và không nghĩ đến kiếm mồi ở thung lũng phía dưới, vì rằng nó có thể kiếm được mọi thứ bất cứ lúc nào. Chó xồm nhìn đại bàng với lòng ghen ghét và nói với gà trống: "hãy kết bạn với tôi đi, chúng ta liên hợp lại - anh vì trả thù, còn tôi vì ghen ghét - và chúng ta quật con đại bàng ấy xuống". Đã nói

là làm. Chúng bắt đầu lên đường và trên đường đi, khi chúng bàn đến làm thế nào để đánh bại con đại bàng được tốt nhất, thì gà trống bảo: "Dừng lại đã! Anh xem móng vuốt nó kìa, cánh nó kìa - khôn nạn cho ai muốn thử sức mạnh của chúng; tôi đã nghe thấy không phải chỉ một lần lời nguyện rửa của tổ tiên tôi, mỗi khi nói tới những ngọn đòn mà đại bàng giáng cho họ bằng đôi cánh của nó". "Đúng thế, - chó xồm nói, - nhưng chúng ta dùng mưu bắt đại bàng. Chúng ta ngấm cử thỏ đến gần nó. Nó sẽ bắt thỏ và bấy giờ anh sẽ đánh lạc hướng sự chú ý của nó bằng tài nghệ vừa gáy vừa nhảy của anh, và làm ra vẻ anh muốn tham gia vào cuộc đánh lộn. Khi chúng ta đã đánh lạc hướng như vậy sự chú ý của nó và móng vuốt nó, thì tôi sẽ tấn công từ phía sau lưng, vậy là nó không thể chống cự được và trong vòng mấy phút nó sẽ bị răng nhọn của tôi xé cho tan xác". Kế hoạch ấy rất hợp ý gà trống và nó nhận làm vọng gác ở gần đó. Chó xồm chạy vào rừng, sửa âm ỉ xua thỏ về phía trước đại bàng đang bình tĩnh chờ đợi. Thỏ sợ hết hồn, lao bừa vừa móng đại bàng. Gà trống trung thành với hiệp nghị đã ký kết cất tiếng gáy và chạy như bay theo thỏ, nhưng - ôi kinh khủng! Đại bàng vẫn ở nguyên chỗ cũ, chỉ đập cánh một cái và, không thêm để ý đến thỏ, gạt nó sang một bên rồi tóm lấy gà trống bấy giờ lập tức không cựa quậy và không gáy được nữa. Mọi người đều biết tính thỏ ưa chạy; thế là hết hồn hết vía thỏ chạy thẳng xuống biển và tắt thở ở đấy. Đại bàng trông thấy chó xồm béo tốt sắp đặt âm mưu đen tối ở xa xa - có gì thoát khỏi con mắt của đại bàng? Nó phát hiện ra vị anh hùng đang nấp sau bụi cây. Nó vươn đôi cánh cường tráng và hùng dũng bay lên. Chó xồm sửa vang và tìm cách chuồn. Thật uổng công, muộn mất rồi. Đại bàng từ trên cao lao xuống và cắm móng vào lưng tên phản bội, thế là chó ngã xuống bị phanh thây ra từng mảnh.

Nhờ triển vọng được mùa và không có sự buôn bán mang tính chất đầu cơ, nên tuần trước giá lúa mì có phần hạ xuống. Tuy nhiên, sự tăng giá trở lại là tất nhiên, vì rằng "căn cứ vào tất cả những tài liệu có liên quan, phải thấy rằng số lượng dự trữ của nông dân ít đi nhiều so với thời kỳ tương ứng thường thấy ở các năm" ("Mark Lane Express"). Tin tức từ Đan-txích, Stét-tin, Rô-xtóc v.v. đều nhất trí chứng minh rằng số lương dự trữ hiện có rất ít, nông dân ngoại thành không có gì hoặc hầu như không có gì để bán và chỉ có bằng giá rất cao mới hy vọng có lúa mì chuyển đi từ các khu vực này. Việc chuyên chở ngũ cốc từ Pháp sang xem ra cũng không tăng, còn việc cung cấp lúa mì ở các thị trường trong nước chắc gì đã đủ thỏa mãn được nhu cầu.

Qua nguồn tin của tư nhân, chúng tôi cũng được biết rằng, báo cáo của tờ "Times" về tình hình công nghiệp ở các khu vực công xưởng xung quanh Man-se-xtơ nói chung không đúng với thực tế, và tình hình kinh doanh ở khắp nơi đều đình đốn, trừ Bóc-minh-hêm. Tờ "Manchester Guardian"¹⁴⁴ xác nhận điều đó, và bổ sung rằng sự trở lại

làm việc của một số lượng lớn công nhân bãi công như vậy chắc chắn sẽ đưa đến sự sụt giá.

Về lời tuyên bố của ngài G.Grê-hêm trong phiên họp thứ hai trước của hạ nghị viện - tuyên bố về việc cảng Ác-khan-ghen-xơ sẽ không bị phong tỏa, - thì tờ "Morning Herald" đã bình luận bằng một câu nói ngắn gọn sau đây: "Ồ Ác-khan-ghen-xơ có một ngôi nhà của bộ trưởng Bộ tài chính".

*Do C.Mác viết ngày 2 tháng Sáu 1854
Đã đăng trên tờ "New-York Daily Tribune" số
4105, ngày 14 tháng Sáu 1854
Ký tên: Các Mác*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Anh*

C.MÁC

***VIỆC CẢI TỔ NGÀNH QUÂN SỰ Ở ANH. - CÁC YÊU SÁCH CỦA ÁO. - TÌNH HÌNH KINH TẾ NƯỚC ANH. - XANH-ÁC-NÔ**

Luân Đôn, thứ sáu, ngày 9 tháng Sáu 1854

Bài diễn văn mà Cô-sút đọc ở Sép-phin-đơ là một bài có nhiều nội dung nhất trong tất cả những bài mà ông ta phát biểu trong suốt thời gian ông ta lưu lại Anh; tuy nhiên không thể không vạch ra những nhược điểm của nó. Những phần nói thêm ngoài đề về lịch sử trong diễn văn đó có chỗ không chính xác. Chẳng hạn, việc cho rằng sự suy tàn của Thổ Nhĩ Kỳ là bắt đầu từ khi Xô-be-xki viện trợ cho thủ đô Áo¹⁴⁵, - đó là điều hoàn toàn không có căn cứ gì cả. Công trình nghiên cứu của Ham-méc¹⁴⁶ chứng minh không thể bác bỏ được rằng, tổ chức của Đế quốc Ôt-tô-man bấy giờ đã ở vào trạng thái tan rã và một thời gian trước đó, thời đại cường thịnh và vĩ đại của Đế quốc Ôt-tô-man đã nhanh chóng đi tới kết thúc. Luận điểm cho rằng, dường như Na-pô-lê-ông từ bỏ ý định tấn công nước Nga từ mặt biển - không phải do ông ta không có hạm đội và người Anh đã loại trừ được bá quyền của ông ta trên biển, mà là do những nguyên nhân khác - cũng là sai lầm. Sự đe dọa rằng, nếu Anh liên minh với Áo, thì Hung-ga-ri sẽ liên minh với Nga, - là một điều sơ suất lớn. Một là, điều đó sẽ cung cấp vũ khí cho báo chí của chính phủ, và tờ "Times" không bỏ lỡ dịp lợi dụng rộng rãi vũ khí ấy để "buộc tội" tất cả những người cách mạng là tay sai của Nga. Hai là, điều đó kỳ quặc ở chỗ nó vang lên từ cửa miệng của một con người mà chính phủ của hân ta ngay từ năm 1849 đã tỏ ý nhượng ngôi vua Hung-ga-ri cho thái tử Nga. Và sau hết, ông ta không thể phủ nhận rằng sự đe dọa của ông ta - dù do ông đề xướng, hoặc người khác đề xướng - nếu như lúc nào đó trở thành hiện thực, thì sẽ là bản án tử hình đối với sự tồn tại của dân tộc Ma-gi-a, vì rằng phần lớn cư dân ở Hung-ga-ri là người Xla-vơ. Coi cuộc chiến tranh chống Nga là cuộc chiến tranh giữa tự do và chế độ chuyên chế cũng là sai lầm. Đây

là chưa nói tới việc trong trường hợp ấy Bô-na-pác-tơ sẽ trở thành đại biểu của tự do, luận điểm của Cô-sút sẽ mâu thuẫn với sự việc là mục đích của chiến tranh đã được công khai tuyên bố là duy trì thế cân bằng của các cường quốc và Hiệp ước Viên, nghĩa là chính những hiệp ước sẽ thủ tiêu quyền tự do và nền độc lập của các dân tộc.

Diễn văn của ngài Uốc-các-tơ đọc tại Bóc-minh-hêm mạnh mẽ hơn bình thường, trong đó ông ta lại lên án sự phản bội của nội các liên hiệp. Nhưng vì ngài Uốc-các-tơ về cơ bản bất đồng ý kiến với chính đảng duy nhất đủ sức tiêu diệt cái cơ sở nghị viện thối nát cực độ, trên đó xây dựng nội các liên hiệp của bọn quả đầu, nên tất cả các bài diễn văn của ông ta đều ít đạt được mục đích, dường như để nói chuyện với mây xanh.

Huân tước Giôn Rốt-xen đã tuyên bố tối hôm qua tại hạ nghị viện về việc sắp sửa thành lập một Bộ chiến tranh đặc biệt, có điều là nó không sáp nhập tất cả các đơn vị hiện nay lập thành ngành quân sự, mà chỉ thực hiện sự giám sát trên danh nghĩa đối với tất cả những đơn vị ấy mà thôi. Ưu điểm duy nhất của sự thay đổi này chỉ là đặt ra một chức bộ trưởng mới. Về sự bổ nhiệm mới, thì tờ "Morning Post" hôm qua đưa tin rằng phái Pin¹⁴⁷ đã giành được ưu thế trong nội các và công tước Niu-ca-xơ sẽ nhận chức bộ trưởng quân vụ mới, còn các thuộc địa thì trao cho huân tước Giôn Rốt-xen. Tờ "Globe" số ra chiều hôm qua đã xác nhận tin trên và bổ sung rằng, vì huân tước Giôn Rốt-xen có nhiều khả năng từ chối, nên chức bộ trưởng Bộ thuộc địa sẽ do ngài Gioóc-giơ Grây đảm nhiệm. Trong khi báo chí của phái Pin tiếp tục vờ vĩnh dường như không biết gì về quyết định cuối cùng, thì tờ báo của Pan-móc-xơ hôm nay đã khẳng định rằng công tước Niu-ca-xơ và ngài Gioóc-giơ Grây đã được bổ nhiệm.

Tờ "Morning Post" viết về "những yêu sách dứt khoát" của Áo:

"Chúng tôi có căn cứ để cho rằng Nga sẽ không lẩn tránh yêu sách của Áo bằng sự im lặng và sẽ không cự tuyệt, và chúng tôi sẽ không ngạc nhiên, nếu như sắp tới đây được biết rằng Nga sẵn sàng tiếp nhận đề nghị của Áo về việc rút hoàn toàn khỏi lãnh thổ Thổ Nhĩ Kỳ với điều kiện là Áo sẽ có những biện pháp để ký kết hiệp định đình chiến nhằm tiến hành đàm phán".

Tờ "Morning Chronicle" số ra hôm nay cũng thừa nhận rằng "yêu sách ấy có thể có ý nghĩa lớn lao". Tuy nhiên tờ báo vẫn bổ sung rằng,

không nên coi yêu sách ấy là tối hậu thư, rằng nó được viết với giọng lễ độ thông thường và chỉ xảy ra tan vỡ nếu như Nga hoàn toàn không đếm xỉa gì đến yêu sách ấy. Nếu như Nga trả lời nước đòi hoặc nhượng bộ một phần, thì có thể đưa đến đề nghị và đàm phán mới.

Chúng ta hãy tạm giả định rằng, điều giả định của tờ "Morning Post" là đúng đắn và có thể thực hiện được: rõ ràng là, sự giúp đỡ của Áo chỉ có thể bảo đảm một hiệp định đình chiến có lợi cho Nga. Hoàn toàn có thể có một sự suy nghĩ tương tự, hơn nữa người ta dựa vào chỗ là Xi-li-xơ-ri bấy giờ sẽ thất thủ và "sự vinh quang và tôn nghiêm của Nga hoàng" sẽ được duy trì. Nhưng toàn bộ kế hoạch sẽ phá sản, nếu như Xi-li-xơ-ri đứng vững và sự anh dũng của người Thổ Nhĩ Kỳ, rút cục, sẽ buộc liên quân phải đi vào hành động quân sự, trái với nguyện vọng của các vị tư lệnh và các chính phủ của họ.

Nếu như có cái gì đó có thể che đậy cho cái cảnh tượng vô vị của những điều sơ suất và sai lầm không kể xiết trong cuộc chiến tranh lớn đó, thì đó là sự do dự đáng buồn cười của công chúng và báo chí Anh trong việc đánh giá tính hiện thực và lợi ích của liên minh giữa các cường quốc phương Tây với các cường quốc Đức. Áo vừa đưa ra "những yêu sách dứt khoát" của mình để làm vừa lòng mọi người, thì tất cả đều bàng hoàng trước tin tức về cuộc hội kiến của các vua Áo và Phổ, một cuộc hội kiến mà tờ "Times" nói là "không báo trước cái gì tốt lành cho các cường quốc phương Tây".

Số liệu thống kê tháng trước của Bộ thương mại đã được công bố. Những số liệu ấy không được tốt như mấy tháng trước nữa. Giá trị xuất khẩu được công bố giảm đi 747527 p.xt. so với cùng những tháng đó năm 1853. Các khoản xuất khẩu liên quan đến thị trường Man-se-xơ là xấu hơn cả; các ngành công nghiệp dệt đay, dệt len và dệt tơ cũng đều giảm sút.

Trong tập san thường kỳ hàng tháng do các ngài Xtước-giơ ở Bóc-minh-hêm xuất bản, chúng tôi được biết tình hình sinh trưởng của lúa mì không được tốt, về điểm này, tập san đưa tin như sau:

"Giá thóc giống cao là nguyên nhân khiến cho số thóc giống gieo trồng trên mỗi a-cơ-ít hơn các năm thường, còn chất lượng kém của lúa mì trong vụ thu hoạch trước dùng để gieo trồng có lẽ là nguyên nhân khiến cho triển vọng thu hoạch năm nay sẽ không được tốt như lẽ ra có thể đạt được nếu vụ thu hoạch năm trước khá hơn".

Về tin tức này, tờ "Mark Lane Express" nhận định:

"Kết luận đó, chúng tôi cho là hoàn toàn có khả năng và đáng được chú ý, vì rằng chất lượng xấu của thóc giống vị tất cho phép chờ đợi mạ khỏe như có thể có trong những điều kiện tốt hơn. Người ta đặc biệt quan tâm đến sự sinh trưởng của lúa mì, vì rằng mọi người đều biết rằng, dự trữ lương thực không những ở Anh mà ở hầu hết các châu trên thế giới đã giảm sút cực độ do mất mùa nghiêm trọng năm 1853. Mức giá cả sau này phần lớn sẽ trông vào thời tiết; giá lúa mì hiện nay quá cao nên không thể kích thích đầu cơ được, tuy nhiên rất có khả năng là số nhập khẩu từ nước ngoài trong vòng ba tháng tới sẽ diễn ra với quy mô nhỏ hơn nhiều so với trước đây, tuy vậy, nếu như không xảy ra tình hình gì có thể làm tăng thêm triển vọng không thuận lợi của vụ thu hoạch sắp tới, thì những người tích trữ lương thực thừa sẽ tìm cách chia tay nhanh chóng với số lương thực đó, trong khi các chủ xưởng bột mì v.v. sẽ dùng sách lược chờ thời... Đồng thời cần chú ý là cả nước nói chung đều đang bị thiếu lương thực".

Hiện nay không thể đi qua phố nào ở Luân Đôn mà không thấy một đám người đứng trước những bức tranh yêu nước có vẽ một nhóm nhân vật đáng được chú ý, "ba vị cứu tinh của nền văn minh": vua Thổ Nhĩ Kỳ, Bô-na-pác-tơ và Vích-tô-ri-a. Để giúp các bạn có thể đánh giá được đầy đủ những người sau khi đã "cứu vớt xã hội" hiện đang được phớt lờ cứu vớt nền văn minh là những nhân vật nào, tôi xin tiếp tục bài tùy bút của mình về vị thống soái tối cao, nguyên soái Xanh-Ác-nô¹⁴⁸.

Những ngày tháng Bảy nổi tiếng¹⁴⁹ đã cứu vớt Giắc Lơ-roa (theo tên gọi cũ) hoặc Giắc A-sin Lơ-roa Đơ Xanh-Ác-nô (theo tên gọi mới) khỏi nanh vuốt của bọn chủ nợ của y. Thế là một vấn đề khó khăn xuất hiện trước mắt y: lợi dụng sao đây điều kiện của xã hội Pháp đang trở thành hoàn toàn hỗn loạn do sự tan rã bất ngờ của chế độ cũ. A-sin không tham gia cuộc chiến đấu ba ngày; thậm chí y không thể mạo nhận là đã tham gia, vì rằng mọi người đã biết quá rõ ràng rằng, trong những ngày đáng ghi nhớ ấy, y đang ngồi tù trong nhà lao Xanh-Pơ-la-giơ. Vì vậy y không thể bắt chước nhiều nhà phiêu lưu khác đương thời, mạo nhận là một trong những *chiến sĩ* tháng Bảy để đòi hỏi sự khen thưởng nào đó. Mặt khác, thành công của *chế độ tư sản*, xem ra, không thể có lợi gì cho vị đại biểu nổi tiếng ấy đại biểu cho những căn bã của giới phóng đảng Pa-ri, trước sau vẫn tén ngưỡng mù quáng chủ nghĩa chính thống và tuyệt nhiên không tham gia hội "Hãy tự giúp mình" (sự thiếu nhìn xa trông rộng này, y đã gỡ lại bằng cách trở thành một trong những thành viên đầu tiên của Hội ngày 10 tháng Chạp)¹⁵⁰ và không

đóng vai trò gì trong đại "hài kịch 15 năm". Tuy nhiên A-sin cũng đã học được ở thầy giáo cũ của mình là ngài Ô. Đơ P. cái nghệ thuật ngẫu hứng. Y đánh bạo đến Bộ chiến tranh và tuyên bố rằng ở đây mình là sĩ quan cấp úy đã từ chức vì động cơ chính trị trong thời kỳ phục tích. Việc y bị đuổi khỏi Gardes du corps^{1*}, việc y bị loại khỏi quân đoàn Coóc-xơ, việc y từ bỏ trung đoàn 51 đang lên đường sang thuộc địa, y có thể dễ dàng biến thành bằng chứng về tinh thần yêu nước nồng nàn của y và về sự hăm hại của dòng họ Buốc-bông đối với y. Bản lý lịch quả thực chứng minh lời khai của y là giả dối, nhưng Bộ chiến tranh làm ra vẻ tin y. Sự tiến triển của việc từ chức của vô số sĩ quan không chịu tuyên thệ với Lu-i Phi-líp tạo ra nhiều chỗ trống cần được bổ sung, và bởi vậy chính phủ của kẻ tiếm ngôi đã vui lòng tiếp nhận bất cứ ai công khai từ bỏ chủ nghĩa chính thống, bất kể động cơ của sự chuyển hướng của họ ra sao. Thế là A-sin được điều về trung đoàn thường trực 64, nhưng không phải không có sự tủi thân: y được trở lại phục vụ với tư cách sĩ quan cấp úy, chứ không được thăng cấp như các sĩ quan khác đã từ chức trong thời kỳ phục tích.

Năm tháng và quân hàm cũ của y, rút cục, đã đem lại cho y cấp trung úy. Đồng thời y cũng có dịp để thể hiện biệt tài của kẻ phản bội ra luôn vào cúi. Năm 1832, trung đoàn của y đóng ở Pác-te-nơ, trung tâm của cuộc bạo động của phái chính thống tại Van-dây. Quan hệ cũ của y với một số Gardes du corps cũ tụ tập xung quanh nữ công tước Béc-ri đã tạo cho y khả năng kết hợp chức trách của người lính với chức trách của một tên mật thám, một sự kết hợp hoàn toàn thích ứng với thiên tài của y được chín muồi trong các sông bạc ở Luân Đôn và tại cafe's borgnes^{2*} ở Pa-ri. Nữ công tước Béc-ri - bà này do tên Do Thái Đuê-xơ bán cho ngài Chi-e - đã bị bắt ở Nan-tơ, và A-sin được lệnh áp giải bà ta đến Blê, nơi đây y phải đảm đương chức trách của một tên cai ngục dưới quyền chỉ huy của tướng Buy-giô. Cái hy vọng sốt sáng không bỏ lỡ dịp công khai bày tỏ nhiệt tình cao độ của mình trong việc bảo vệ lợi ích của vương triều, y có quá thừa và thậm chí làm cho Buy-giô chán ghét về sự phục vụ hèn hạ của y đối với cục cảnh sát, và về thái độ thô bạo của y đối với nữ công tước. Nhưng, Buy-giô không có

1* - quân cận vệ của nhà vua

2* - những hang ổ của bọn cận bả.

quyền cách chức viên phụ tá này do cục cảnh sát đặc phái canh giữ nữ công tước và y chịu sự lãnh đạo trực tiếp của cục trưởng cục cảnh sát là ngài Giô-li và xét cho cùng chủ yếu là theo lệnh của Bộ nội vụ hơn là Bộ chiến tranh. Vị thống soái tối cao tương lai của quân đội Anh - Pháp đã đóng vai trò bà đỡ, vì sứ mệnh đặc biệt của y là xác định bằng lời khai của nhân chứng và chứng minh nữ công tước có mang mà sự phát hiện ra việc đó sẽ giáng một đòn chí mạng vào những kẻ ủng hộ chế độ cũ. Do phẩm chất ấy của y mà tên tuổi của ngài Xanh-Ác-nô lần đầu tiên được nêu lên trên tờ "Moniteur". Chúng ta đọc thấy trên tờ báo ấy ra tháng Năm 1833 như sau:

"Ngài A-sin Đơ Xanh-Ác-nô, 34 tuổi, thường trú ở Pa-ri, phụ tá của tướng Buy-giô, nhận được lệnh - căn cứ vào địa vị chính thức của mình - ký vào giấy khai sinh của một đứa trẻ mà nữ công tước sinh ra ở trong nhà tù ngày 10 tháng Năm 1833".

Xanh-Ác-nô lảng lơ sau đó vẫn trung thành với vai trò cai ngục của mình và áp giải nữ công tước trên một chiếc tàu chiến nhỏ đưa bà ta đến Pa-léc-mơ.

Trở về Pháp, A-sin trở thành trò cười và vật bung xung của toàn trung đoàn. Bị các sĩ quan thù ghét, bị khai trừ khỏi các réunions^{1*} của họ, khổ sở vì sự khinh miệt hết sức công khai của mọi người, bị toàn trung đoàn ruồng bỏ, y rút cục buộc phải tìm nơi lánh nạn ở đội quân An-giê-ri vừa mới được thành lập ở Pa-ri dưới quyền chỉ huy của đại tá Bê-đô. Đội quân nước ngoài này hoàn toàn có thể gọi là Hội ngày 10 tháng Chạp của các quân đội ở châu Âu. Bọn hung thủ tội tệ, bọn phiêu lưu chồng chất nợ nần, bọn đào ngũ của tất cả các nước, tất cả cặn bã của các quân đội ở châu Âu đã hợp thành hạt nhân của cái Corps d'élite^{2*} này, nó hoàn toàn có quyền mang tên gọi là refugium peccatorum^{3*}. Không có nơi nào mà thiên tài của A-sin có thể phát huy nhiều hơn là trong cái môi trường đồng ngũ của quân đội như thế, mà sứ mệnh chính thức của đội quân đó là ngăn ngừa nanh vuốt của cảnh sát khi mà bộ mặt đạo đức của các thành viên của nó gạt bỏ được mọi trở ngại thường hạn chế các sĩ quan của quân đội chính quy. Phung phí về tất cả mọi mặt, nhưng A-sin lại cho rất ít bằng chứng về lòng dũng

1* - cuộc họp

2* - đội quân tinh nhuệ

3* - nơi lánh nạn của bọn tội phạm

cảm và tài năng quân sự của mình; y tiếp tục sống qua ngày đoạn tháng trong suốt bốn năm với một quân hàm thấp, trung uý, của tiểu đoàn một thuộc đội quân nước ngoài, cho mãi đến ngày 15 tháng Tám 1837, cuối cùng y mới được nhận tám giấy chứng nhận mỗi tháng cho y quân hàm đại uý. Rất đáng tiếc là quỹ hành quân của quân đội Pháp là thuộc quyền kiểm soát của đại uý chịu trách nhiệm phát lương cho binh sĩ và cung cấp lương thực. Nhưng tiền quỹ chính là cái mà A-sin hiện nay của chúng ta đặc biệt thêm rõ ràng. Cho nên chỉ mấy tháng sau khi y được thăng cấp, quỹ thuộc quyền y đã xảy ra thiếu hụt ghê gớm. Viên tướng thanh tra là ngài Đơ Ruy-li-e-rơ, phát hiện sự biến thủ ấy, đã đòi phải trừng phạt ngay tên đại uý. Báo cáo gửi về Bộ đã viết xong, và sắp sửa đem gửi bưu điện và ngài Đơ Xanh-Ác-nô sắp sửa vĩnh viễn đi đời, thì thủ trưởng của y là ngài Bê-đô - mũi lòng trước tình cảnh tuyệt vọng của cấp dưới của mình - đã đứng ra can thiệp và làm nguôi được cơn giận của tướng Ruy-li-e-rơ.

Xanh-Ác-nô có cách trả ơn riêng có ở y đối với việc làm ơn cho y. Được bổ nhiệm làm bộ trưởng Bộ chiến tranh trong đêm trước của coup d'état¹⁵¹, y hạ lệnh bắt tướng Bê-đô và xóa tên tướng Ruy-li-e-rơ trong danh sách đoàn sĩ quan. Ruy-li-e-rơ gửi cho y bức thư sau đây mà ông đã trao cho bạn bè của ông ở Pa-ri xem và đã cho đăng trên các báo ở Bỉ:

"Năm 1837 tướng Ruy-li-e-rơ không tước kiếm của đại uý Lơ-roa Đơ Xanh-Ác-nô, vì không muốn làm nhục anh ta. Năm 1851 bộ trưởng Bộ chiến tranh Lơ-roa Đơ Xanh-Ác-nô không thể làm nhục được tướng Ruy-li-e-rơ, nên đã tước kiếm của ông".

*Do C.Mác viết ngày 9 tháng Sáu 1854
Đã đăng trên tờ "New-York Daily
Tribune" số 4114, ngày 24 tháng Sáu 1854
Ký tên: Các Mác*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Anh*

PH.ĂNG-GHEN

CUỘC BAO VÂY XI-LI-XTƠ-RI

Sau một thời gian diễn ra những hoạt động quân sự nhưng không đáng bình luận, vì chúng không hẳn do những tính toán chiến lược và chiến thuật, mà đúng hơn là do những tính toán ngoại giao và nghị trường quyết định, cuộc bao vây và tấn công Xi-li-xtơ-ri, rút cục, lại là một sự kiện có ý nghĩa về quân sự.

Cuộc tấn công này chứng tỏ rằng quân Nga tiếp tục nắm quyền chủ động và cho mãi đến lúc này hành động của quân Thổ Nhĩ Kỳ, của lực quân và hạm đội của liên quân vẫn chịu sự chi phối của bên địch. Hạm đội của liên quân đã bị thu hút một cách mù quáng, không sao cưỡng lại nổi trước hạm đội Nga đang ở nơi trú ẩn an toàn của nó ở Xê-va-xtô-pôn; không thể tấn công thành lũy này, nếu không có lực quân giúp sức, nó không thể tự do hành động và bị tê liệt trước một hạm đội kém xa về cả chất lượng lẫn số lượng tàu. Ngay việc rút quân đóng giữ ở các đồn trên bờ biển Cáp-ca-dơ được tiến hành đúng lúc và ngay trước mũi hạm đội tàu hơi nước của Anh và Pháp, cũng chứng tỏ rằng quân Nga quyết tâm giữ quyền chủ động thật lâu. Mà trong chiến tranh, điều đó đã xảy ra rất nhiều. Điều đó chứng minh cho ưu thế - hoặc là về số lượng, hoặc là về chất lượng của quân đội, hoặc là về nghệ thuật chỉ huy, và giữ vững được tinh thần binh lính trong mọi cuộc thất bại và rút lui, trừ thất bại của những trận đánh có tính chất quyết định. Chính cái tính chủ động ấy đã đoàn kết được đội quân bé nhỏ của Oen-lin-tơn, nằm trong vòng vây của mấy chục vạn quân Pháp ở Tây Ban Nha, và làm cho đội quân đó trở thành trung tâm của mọi sự kiện trong cuộc chiến tranh năm năm ấy. Anh có thể buộc phải rút lui, anh có thể bị đánh thua, nhưng chừng nào anh còn có thể tác động đến hoạt động của quân địch mà không để nó chi phối mình, thì anh vẫn hơn địch trên chừng mực nào đó. Mà điều quan trọng hơn là, binh lính

cảm và tài năng quân sự của mình; y tiếp tục sống qua ngày đoạn tháng trong suốt bốn năm với một quân hàm thấp, trung uý, của tiểu đoàn một thuộc đội quân nước ngoài, cho mãi đến ngày 15 tháng Tám 1837, cuối cùng y mới được nhận tám giấy chứng nhận mỗi tháng cho y quân hàm đại uý. Rất đáng tiếc là quỹ hành quân của quân đội Pháp là thuộc quyền kiểm soát của đại uý chịu trách nhiệm phát lương cho binh sĩ và cung cấp lương thực. Nhưng tiền quỹ chính là cái mà A-sin hiện nay của chúng ta đặc biệt thêm rõ ràng. Cho nên chỉ mấy tháng sau khi y được thăng cấp, quỹ thuộc quyền y đã xảy ra thiếu hụt ghê gớm. Viên tướng thanh tra là ngài Đơ Ruy-li-e-rơ, phát hiện sự biến thủ ấy, đã đòi phải trừng phạt ngay tên đại uý. Báo cáo gửi về Bộ đã viết xong, và sắp sửa đem gửi bưu điện và ngài Đơ Xanh-Ác-nô sắp sửa vĩnh viễn đi đời, thì thủ trưởng của y là ngài Bê-đô - mũi lòng trước tình cảnh tuyệt vọng của cấp dưới của mình - đã đứng ra can thiệp và làm nguôi được cơn giận của tướng Ruy-li-e-rơ.

Xanh-Ác-nô có cách trả ơn riêng có ở y đối với việc làm ơn cho y. Được bổ nhiệm làm bộ trưởng Bộ chiến tranh trong đêm trước của coup d'état¹⁵¹, y hạ lệnh bắt tướng Bê-đô và xóa tên tướng Ruy-li-e-rơ trong danh sách đoàn sĩ quan. Ruy-li-e-rơ gửi cho y bức thư sau đây mà ông đã trao cho bạn bè của ông ở Pa-ri xem và đã cho đăng trên các báo ở Bỉ:

"Năm 1837 tướng Ruy-li-e-rơ không tước kiếm của đại uý Lơ-roa Đơ Xanh-Ác-nô, vì không muốn làm nhục anh ta. Năm 1851 bộ trưởng Bộ chiến tranh Lơ-roa Đơ Xanh-Ác-nô không thể làm nhục được tướng Ruy-li-e-rơ, nên đã tước kiếm của ông".

*Do C.Mác viết ngày 9 tháng Sáu 1854
Đã đăng trên tờ "New-York Daily
Tribune" số 4114, ngày 24 tháng Sáu 1854
Ký tên: Các Mác*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Anh*

PH.ĂNG-GHEN

CUỘC BAO VÂY XI-LI-XTƠ-RI

Sau một thời gian diễn ra những hoạt động quân sự nhưng không đáng bình luận, vì chúng không hẳn do những tính toán chiến lược và chiến thuật, mà đúng hơn là do những tính toán ngoại giao và nghị trường quyết định, cuộc bao vây và tấn công Xi-li-xtơ-ri, rút cục, lại là một sự kiện có ý nghĩa về quân sự.

Cuộc tấn công này chứng tỏ rằng quân Nga tiếp tục nắm quyền chủ động và cho mãi đến lúc này hành động của quân Thổ Nhĩ Kỳ, của lực quân và hạm đội của liên quân vẫn chịu sự chi phối của bên địch. Hạm đội của liên quân đã bị thu hút một cách mù quáng, không sao cưỡng lại nổi trước hạm đội Nga đang ở nơi trú ẩn an toàn của nó ở Xê-va-xtô-pôn; không thể tấn công thành lũy này, nếu không có lực quân giúp sức, nó không thể tự do hành động và bị tê liệt trước một hạm đội kém xa về cả chất lượng lẫn số lượng tàu. Ngay việc rút quân đóng giữ ở các đồn trên bờ biển Cáp-ca-dơ được tiến hành đúng lúc và ngay trước mũi hạm đội tàu hơi nước của Anh và Pháp, cũng chứng tỏ rằng quân Nga quyết tâm giữ quyền chủ động thật lâu. Mà trong chiến tranh, điều đó đã xảy ra rất nhiều. Điều đó chứng minh cho ưu thế - hoặc là về số lượng, hoặc là về chất lượng của quân đội, hoặc là về nghệ thuật chỉ huy, và giữ vững được tinh thần binh lính trong mọi cuộc thất bại và rút lui, trừ thất bại của những trận đánh có tính chất quyết định. Chính cái tính chủ động ấy đã đoàn kết được đội quân bé nhỏ của Oen-lin-tơn, nằm trong vòng vây của mấy chục vạn quân Pháp ở Tây Ban Nha, và làm cho đội quân đó trở thành trung tâm của mọi sự kiện trong cuộc chiến tranh năm năm ấy. Anh có thể buộc phải rút lui, anh có thể bị đánh thua, nhưng chừng nào anh còn có thể tác động đến hoạt động của quân địch mà không để nó chi phối mình, thì anh vẫn hơn địch trên chừng mực nào đó. Mà điều quan trọng hơn là, binh lính

của anh, về cá nhân cũng như về toàn đơn vị, sẽ cảm thấy mình hơn binh lính địch. Ngoài ra, cuộc tấn công vào Xi-li-xtơ-ri là hoạt động tấn công thực sự đầu tiên của quân Nga kể từ khi nó hoàn thành việc chiếm đóng của sông Đa-nuýp. Trận đánh chiếm Đô-brút-gia rõ ràng là có mục đích phòng ngự; nó đồng thời thu hẹp mặt trận quân Nga lại, và là một bước để chiếm lấy của sông Đa-nuýp. Còn cuộc tấn công Xi-li-xtơ-ri là một hành động không những gan dạ, mà còn được tính toán chính xác cao độ.

Năm 1828- 1829 người Nga bấy giờ thống trị Hắc Hải, không coi trọng Xi-li-xtơ-ri để đánh chiếm Vác-na trước là điều hoàn toàn đúng, vì Vác-na mở ra một con đường tiến mới đến đất nước họ. Tuy vậy, Xi-li-xtơ-ri vẫn là một địa điểm khá quan trọng cần phải chiếm lấy trước khi vượt qua dãy Ban-căng. Nhưng hiện nay khi hạm đội liên quân thống trị Hắc Hải, Vác-na mất đi phần lớn ý nghĩa đối với người Nga, thì Xi-li-xtơ-ri và Sum-la sẽ trở thành những mục tiêu tấn công chính của họ. Đối với người Nga, Vác-na hiện nay chỉ có thể có giá trị gián tiếp: chiếm được nó, họ không được một căn cứ tác chiến rộng lớn, mà chỉ làm cho quân địch mất đi cái có thể gọi là vị trí đầu cầu trên bờ biển, dưới sự yểm hộ của vị trí này, địch có thể dùng hạm thuyền bắt ngờ tập trung một số lượng lớn quân đội để tiến hành những hoạt động nào đó. Chẳng hạn, năm 1849, sau khi dụ được quân Phổ vào Giút-lan, người Đan Mạch đã bất ngờ chuyển bằng đường biển một đạo quân lớn đến vị trí đầu cầu trên bờ biển gần Phrê-dê-ri-xi-a, và chỉ một trận xuất kích đã tiêu diệt được đạo quân của Slê-dơ-vích-Hôn-stai-nơ tình nhuệ, nhưng yếu hơn nhiều đang ở trước thành lũy bị tiến hành bao vây. Do đó, đối với quân Nga bị đuổi ra khỏi Hắc Hải, nếu không chiếm giữ Vác-na thì trong tình hình nào cũng không thể vượt qua được dãy Ban-căng, mà nếu ít nhất không chiếm lấy Xi-li-xtơ-ri thì cũng sẽ không thể tấn công Vác-na được.

Nhưng trong lúc này, những sự tính toán đó đều là thứ yếu cả. Không có sự giúp đỡ của Áo, thì Nga không thể nghĩ đến chuyện vượt qua dãy Ban-căng dưới con mắt của quân địch hiện nay. Giờ đây, đối với quân Nga, Xi-li-xtơ-ri có ý nghĩa phòng ngự hàng đầu; mà ý nghĩa ấy lớn đến mức, nếu họ không chiếm được nó, thì họ có thể coi như thất bại trong chiến dịch năm nay. Xi-li-xtơ-ri nằm đối diện với trung

tâm của trận địa quân Nga kéo dài từ Giuyéc-giê-vô qua Ca-la-ra-sơ và Séc-na-vô-đa đến Quy-xten-gi. Do có hệ thống cứ điểm kiên cố ở phía trước trận địa ấy, do chỗ Ô-me-rơ-pa-sa ở Sum-la như con nhện ở giữa mạng lưới theo dõi mọi cử động của con vật làm mồi cho mình, do chỗ Cam-trích và Đép-nen-xca đang trông chờ liên quân, nên có rất ít triển vọng là số quân đội mà nước Nga có thể đưa vào cuộc chiến tranh ở Đa-nuýp, lại sẽ có thể tiến vào thung lũng Tơ-rát-xơ nếu không có sự chi viện từ bên ngoài, những cánh đồng xanh rờn của thung lũng này đã từng cảm dỗ những binh sĩ mệt mỏi của Đê-bích từ các ngọn núi Ban-căng. Khi Áo chưa chịu liên minh với mình, hoặc do tình huống nào đó chưa làm cho quân địch nguy hiểm nhất của mình là quân đội Anh - Pháp suy yếu đi hoặc rút xa ra, thì ít ra trong năm nay Nga cũng chỉ có thể tính đến việc đơn thuần phòng thủ những đất đai đã chiếm được hiện nay của mình mà thôi. Chiến tranh phòng ngự cần có hệ thống công sự phòng ngự đã chiến hoặc, nếu có thể, hệ thống công sự phòng ngự lâu dài làm tiền đề. Nhưng chừng nào Xi-li-xtơ-ri vẫn nằm trong tay địch, thì quân Nga không có công sự lâu dài nào ngoài những lô-cốt nhỏ ở Đô-brút-gia sẽ hoàn toàn vô dụng một khi bị mất Va-la-ki. Quân Nga có thể khôi phục lại một số công sự ở Brai-lốp và Ru-súc và xây dựng một chiến lũy gần Bu-ca-rét, nhưng khi họ chưa chiếm được Xi-li-xtơ-ri, thì phòng tuyến thứ nhất quan trọng của họ sẽ nằm ở xa trong hậu phương, trên tuyến Xê-rét - Phốc-san-nư - Ga-lát - I-xmai.

Nhưng chúng ta hãy giả định rằng Xi-li-xtơ-ri nằm trong tay quân Nga, - thì tình thế quân sự sẽ thay đổi ngay. Xi-li-xtơ-ri là địa điểm tốt nhất cho vị trí đầu cầu của quân Nga trên sông Đa-nuýp. Nó nằm ở khuỷu sông Đa-nuýp, là vị trí tốt hơn hết cho tác dụng nói trên. Phía tây-bắc là một cồn cát lớn có con đê đi về hướng Ca-la-ra-sơ chạy qua và không chế được đồng bằng ở phía tây cách cứ điểm với khoảng cách 1000 i-ác-đơ là cự ly khá gần cho hỏa lực bắn dọc từ chiến hào và cho việc pháo kích của các đơn vị đội hình hàng dọc. Về phía đông có hai cồn cát nhỏ từ đấy có thể bắn vào những địa điểm tiếp cận phía đông, và khi nước thấp có thể xây dựng pháo đài tạm thời uy hiếp nghiêm trọng kẻ vây đánh. Như vậy, khoảng đất mà quân Thổ Nhĩ Kỳ bị tấn công từ phía bắc không thể lợi dụng được khi phòng ngự, do đó buộc

phải để rơi vào tay địch, lại trở thành vị trí tốt nhất cho các khẩu đội của quân Nga bắn vào sườn quân địch tấn công từ phía nam. Thành thủ, phần chính diện bộc lộ dễ bị tấn công sẽ là cạnh đáy của hình tam giác mà đỉnh là Xi-li-xtơ-ri, hay, nói cách khác, là cạnh phía nam hướng vào đất liền của nó; cho nên ít ra là, chừng nào Va-la-ki còn nằm trong tay quân Nga, thì quân Thổ Nhĩ Kỳ hoặc liên quân đường màng tưởng đến một cuộc tấn công quan trọng vào Xi-li-xtơ-ri.

Nhưng, những lợi thế chủ yếu có tính chất chiến lược hơn là chiến thuật. Chiếm được Đô-brút-gia và Xi-li-xtơ-ri, Nga sẽ khống chế được sông Đa-nyúp và có thể, tùy tình hình, mở những cuộc tấn công nhanh chóng hoặc từ phía chiến lũy Tơ-ra-i-a-nốp, hoặc từ Xi-li-xtơ-ri. Đối phương nếu không có lực lượng đông gấp đôi quân Nga, thì không thể vượt sông ở bất cứ địa điểm nào ở thượng lưu sông Đa-nyúp, mà không để hở Sum-la. Còn như vượt sông ở phía dưới Xi-li-xtơ-ri, thì không nên bàn tới, vì rằng ở gần Hiéc-xô-va không có bến dõ, mà muốn tới đó thì đối phương trước hết phải chiếm lấy các trận địa ở Ca-ra-xu, rồi chiếm lấy chính Hiéc-xô-va được phòng thủ mạnh đối với cuộc tấn công bằng đường bộ, nhưng lại dễ bị chọc thủng từ phía sông.

Vì vậy, nhờ chiếm được Xi-li-xtơ-ri, các đồn ở Đô-brút-gia sẽ có ý nghĩa rất lớn đối với người Nga. Quân đội của họ có được một cái trục kép quanh đó nó có thể tự do cơ động, mà đường giao thông của nó không bị uy hiếp, dù cho đối phương nhờ binh lực ưu thế gấp đôi mà vượt được sông ở gần Ôn-tê-nít-sa hoặc Giuyéc-giê-vô, chiếm Bu-ca-rét và đánh lui quân Nga sang bên kia sông I-a-lô-mi-xa đi nữa, thì cuộc bao vây Xi-li-xtơ-ri vẫn tuyệt đối cần thiết cho cuộc tiến quân kiên quyết, bảo đảm an toàn vào Bét-xa-ra-bi-a. Do đó, chừng nào mà Xi-li-xtơ-ri còn chưa bị mất hẳn, quân Nga vẫn có thể cho rằng mình là người chiếm giữ Va-la-ki, dù họ không có một người lính nào ở tỉnh này. Tóm lại, đối với quân Nga, chiếm được Xi-li-xtơ-ri có nghĩa là chiếm được Va-la-ki trong 6 tháng, mà 6 tháng ấy lại tiếp liền mùa đông, bấy giờ nói chung không thể tiến hành cuộc bao vây nào ở xứ này, có nghĩa là kéo dài sự thống trị của quân Nga thêm bốn tháng nữa. Chiếm được Xi-li-xtơ-ri là thắng trận, còn rút khỏi Xi-li-xtơ-ri thì hầu như là thua trận.

Thế là, trong trường hợp ngoại lệ, bất chấp các thủ đoạn ngoại giao, sự mua chuộc, sự nhu nhược và do dự, do tác dụng của những tính quy luật nội tại của chiến tranh, chúng ta đã đi tới một bước ngoặt có tính chất quyết định. Hoặc là Xi-li-xtơ-ri sẽ bị bỏ mặc cho số phận của nó - bấy giờ sự thất thủ của nó là một sự kiện mà tính chính xác có thể tính toán bằng toán học; hoặc là liên quân đến tiếp viện cho nó - bấy giờ sẽ xảy ra quyết chiến, vì rằng người Nga không thể không đánh mà rút khỏi Xi-li-xtơ-ri mà không làm cho quân đội của họ mất tinh thần và chôn vùi uy tín của mình đi - nhưng, xem ra họ không có ý định làm như thế.

Chưa có cứ điểm nào phải chịu số phận đầy sóng gió như Xi-li-xtơ-ri. Năm 1810, quân Nga đã chiếm được cứ điểm ấy sau 9 ngày bao vây và 5 ngày công phá kiên quyết. Năm 1828, tuy cứ điểm vẫn hoàn toàn như trước, quân Nga đã dùng lực lượng lục quân bao vây nó ngày 21 tháng Sáu, và ngày 10 tháng Tám lại tăng cường 36 pháo hạm. Nhưng pháo công thành của quân Nga mãi tháng Chín mới tới mà không có đạn được gì cả, nên không thể mở cuộc tấn công chính quy được. Ngày 10 tháng Mười một, quân Nga buộc phải rút bỏ cuộc bao vây vì mùa đông đã tới và trên sông Đa-nyúp đã có băng trời. Khi rút lui, quân Nga bị hỗn loạn về tổ chức và mất tinh thần đã bị lực lượng quân đồn trú truy kích mãnh liệt; một bộ phận pháo công thành của quân Nga phải bỏ lại trên trận địa, phần còn lại bị quân Thổ Nhĩ Kỳ chiếm mất trong cuộc truy kích theo hướng Ra-xô-va. Năm sau, Đì-bích lại tiến đánh và bao vây cứ điểm vào ngày 7 tháng Năm, sau khi đã đuổi quân Thổ Nhĩ Kỳ ra khỏi các chiến hào và lô-cốt hình vuông mà quân Nga xây dựng năm trước, và hình như không có sự chuẩn bị trước, họ đặt 31 khẩu trọng pháo ở những cao điểm cách thành phố chừng 900 i-ác-dơ mà bắn vào thành. Ngày 26 tháng Năm, những khẩu đội công phá pháo địch đã được bố trí cách tường thành 600 i-ác-dơ. Đồng thời đã chuẩn bị xong chiến hào song hành thứ hai; chiến hào thứ ba hoàn thành ngày 4 tháng Sáu và ngày 12 tháng Sáu bắt đầu tiến quân vượt đê dốc. Ngày 17 đã vượt đê dốc ở một điểm, nhưng hành động này chỉ hoàn thành vào ngày 26, sau khi đã đặt được 5 khẩu pháo ở ngay bờ chiến hào, cách tường thành chính có 30 i-ác-dơ. Cùng lúc đó, tướng Sin-đéc bấy giờ chỉ huy một đơn vị công binh của cuộc vây đánh đã tiến hành trên quy mô lớn trận đánh mìn ưa thích của mình. Những quả

mìn lớn chôn ở phía ngoài dưới tường chính đã nổ liên tục ngày 21 tháng Sáu (tạo ngay được cửa mở) và những ngày 25, 27, 28, và 29 tháng Sáu, và rút cục cứ điểm phải đầu hàng. Nhưng bấy giờ hình như chưa nhất thiết phải đầu hàng, nếu như không có sự kinh sợ do những vụ nổ ngầm dưới đất gây ra cho đám binh lính nặng đầu óc mê tín và chưa được huấn luyện chính quy. Phía sau toàn bộ chính diện bị tấn công và bức tường thứ hai có xây coupure, hoặc chiến hào mới, mà muốn chiếm được tất phải có những trận đánh mìn và pháo kích mới. Như vậy, cái cứ điểm kỳ diệu đó tuy so với năm 1810 chưa có sự cải tiến gì, vẫn đứng vững được 35 ngày sau khi quân địch đào được hầm hào và đứng vững được 9 ngày sau khi quân địch đã tạo được cửa mở trên tường lũy chính; nó đã buộc quân Nga hao phí 30000 viên đạn đại bác và tạc đạn trong cuộc pháo kích và 336 tạ Anh thuốc nổ để đánh mìn.

Do khó khăn về tài chính và chiến tranh ở Ai Cập mà sau khi ký hòa ước A-đri-a-nô-pôn người Thổ Nhĩ Kỳ vẫn bỏ mặc cứ điểm quan trọng ấy, đến nỗi năm 1836 không những chưa lấp kín được các lỗ thủng của năm 1829 và chưa dọn sạch được hầm hào, mà cả những dấu vết của cuộc tấn công năm 1810 vẫn còn rành rành ra đó. Bấy giờ vua Thổ Nhĩ Kỳ đã nghĩ đến việc xây dựng các lô-cốt độc lập, nhưng ý định đó lâu lắm vẫn chưa được thực hiện. Hiện nay tình hình Xi-li-xtô-ri đã khác hẳn, chủ yếu là nhờ những cố gắng của một sĩ quan Phổ phục vụ trong quân đội Phổ là đại tá Gra-khơ. Cấu trúc thiếu sót ban đầu của cứ điểm, xem chừng, không thể sửa chữa lớn được, nhưng những lô-cốt độc lập xây dựng trên những điểm cao đã tỏ ra có tác dụng. Cứ điểm hình bán nguyệt, đường kính dài độ 1800 i-ác-đơ chạy dọc bờ sông Đa-nuýp. Cứ điểm có 10 mặt, dài trung bình 500 i-ác-đơ. Giống như tất cả các cứ điểm của Thổ Nhĩ Kỳ hồi thế kỷ XVI và XVII, cấu tạo của nó mang tất cả những nhược điểm vốn có trong kiểu kiến trúc thành cũ của I-ta-li-a: tường giữa dài, lô-cốt nhỏ hẹp, sườn ngăn hầu như không yểm hộ được chiến hào, bản thân chiến hào nhỏ (sâu không đầy 8 phút), không có đường ngầm, chỉ có ụ đất đơn giản mà đỉnh hoặc tầng trên nhô lên trên nóc bờ ngoài gần 4 phút. Bản thân tường lũy cao 8 phút, dày 20 phút, đắp bằng đất; bờ trong và bờ ngoài tính cao bằng chiều sâu của chiến hào là 8 phút. Bản thân chiến hào vì ở trên cao nên

tất nhiên khô ráo. Phía trước tường giữa thậm chí không có cả chòi quan sát. Đây là Xi-li-xtô-ri trước năm 1836. Mà những nhược điểm đó của các công sự của nó càng tăng thêm do chỗ cách tường thành 600 i-ác-đơ có một dãy đồi kéo dài về phía nam án ngữ cứ điểm. Những đồi này là các nhánh của cao nguyên Bun-ga-ri, đỉnh rất bằng vượn dài đến các thành phố 1500 i-ác-đơ, rồi dốc thoải thoải theo triền sông tạo thành một trận địa bậc thang rất tốt cho pháo binh bắn chính diện hoặc bắn dọc, với một bên là nhánh sông hẹp và một bên là dải đất cao. Thiếu tá Môn-tơ-kê, người đã quan sát cứ điểm này năm 1836 và đã viết tác phẩm về chiến dịch 1828 - 1829 - mà chúng tôi phải trích dẫn ra các chi tiết trên đây - đã phát biểu rằng:

"Nếu không có bốn lô-cốt độc lập trên các điểm cao và không có lô-cốt đầu cầu trên cồn cát lớn đối diện thì Xi-li-xtô-ri không thể có khả năng phòng thủ vững chắc được"¹⁵².

Không thể xây dựng lô-cốt đầu cầu trên cồn cát thuộc Va-la-ki, vì theo hiệp ước, người Thổ Nhĩ Kỳ đã phải rút khỏi nơi này; nhưng những lô-cốt độc lập đã được xây dựng rồi, và nếu như những tin tức chúng tôi nhận được là đúng, thì những lô-cốt ấy đã được xây dựng đúng ở những chỗ mà thiếu tá Môn-tơ-kê đã chỉ ra.

Thật khó nói rõ đại tá Gra-khơ có thể dùng cách gì để khắc phục những nhược điểm của tường lũy chính của cứ điểm. Nhưng có điều chắc chắn là, ít nhất ông ta cũng phải xây dựng những đường ngầm và mở những lỗ châu mai ở tường giữa để bắn dọc theo chiến hào trên toàn bộ chính diện bị uy hiếp nhất và phòng thủ yếu nhất. Còn như bốn lô-cốt độc lập, thì chúng tôi hiện chưa biết tý gì về đặc điểm cấu trúc của chúng, nhưng nếu lưu ý rằng đại tá Gra-khơ là người Phổ và giá rẻ có ý nghĩa lớn đối với Chính phủ Thổ Nhĩ Kỳ, thì chúng ta có thể nói rằng có rất nhiều khả năng là những lô-cốt ấy được kiến trúc theo hệ thống hiện đang dùng ở hầu hết lục địa châu Âu và nhất là ở Phổ, tức là những lô-cốt nóc bằng hình vuông hoặc tám cạnh, cứ cách một cạnh lại có một lỗ châu mai. Vị trí của những lô-cốt ấy được xác định theo 4 mỏm đất cách nhau bằng ba dải đất trũng hình thành bộ phận nhô ra cuối cùng của cao nguyên ở phía thành phố. Cự ly từ những lô-cốt ấy đến tường lũy chính trung bình phải là 1500 i-ác-đơ, nên hỏa lực của cứ điểm không thể yểm hộ có hiệu quả được. Nhưng điều đó không tuyệt

đôi cần thiết; mà ở trên dốc gần thành phố hình như cũng không có một nếp đất nào có thể yểm hộ cho các lô-cốt ấy khỏi sự khống chế từ trên rìa cao nguyên.

Ngoài những công sự lâu bền ấy, đại tá Gra-khơ còn cho xây dựng ngay trên cao nguyên những lô-cốt bằng đất có tính chất tạm thời, được gọi là A-ráp - Ta-bi-a (lô-cốt A-ráp) ở cách phía trước hai lô-cốt trung tâm khoảng 1000 i-ác-đơ. Một số tin tức cho phép đi tới kết luận rằng những lô-cốt dã chiến khác đã được xây dựng tựa hồ hình thành một tuyến lô-cốt bên ngoài; như vậy là có ba tuyến phòng ngự liên tục. Nhưng, A-ráp - Ta-bi-a là chìa khóa của trận địa ấy, và cần phải chiếm lấy nó thì mới có thể tiếp cận được tuyến lô-cốt bên trong. Việc bố trí công sự như thế làm cho Xi-li-xtơ-ri có sức phòng ngự và sức tấn công mạnh. Vì một cuộc tấn công chính quy chỉ có đánh từ phía nam cũ điểm mới thu được thắng lợi quyết định, nên lực lượng đồn trú có từ 15000 đến 18000 người có thể tách ra một binh lực lớn để đột kích. Quân đội làm nhiệm vụ đột kích có được trận địa kín đáo rất tốt trên mặt dốc sau các lô-cốt độc lập, từ đó có thể men theo các dải đất trũng tiến sát quân địch mà không bị phát hiện. Vì vậy, khi A-ráp - Ta-bi-a bị tấn công, quyết định vấn đề không phải là lực lượng phòng thủ lô-cốt đó, mà là quân đội xuất kích từ Xi-li-xtơ-ri. Bây giờ chúng tôi nói về bản thân cuộc bao vây này.

Từ cuối tháng Tư, quân Nga thỉnh thoảng lại từ bên sông Đa-nyúp nã đại bác vào Xi-li-xtơ-ri. Tháng Năm họ bắt đầu đào công sự tiếp cận chính quy trên cồn cát lớn đối diện với thành phố, gần con sông đào chảy đến Ca-la-ra-sơ, và đến ngày 10 tháng Năm thì bố trí xong các đơn vị pháo dọc theo bờ sông. Ngày 11 tháng Năm, pháo bắn dữ dội vào thành phố, và bắn thẳng vào lô-cốt phía bắc. Ngày 12 tháng Năm họ lại tiếp tục như trước, bấy giờ trung uý pháo binh Nê-xmít ở Ben-gan vừa mới tới đã quan sát tình hình ấy và đưa tin trên tờ "Times" ở Luân Đôn. Mục tiêu chính của cuộc bắn phá là lô-cốt đông bắc, hoặc lô-cốt Sen-ghen, từ đó quân Thổ Nhĩ Kỳ đã bắn trả hết sức mãnh liệt và rất chuẩn xác. Cuộc bắn phá của quân Nga, trái lại, tỏ ra rất ầu. Một số rất lớn đại pháo nhặt được ở trong thành phố đã không tháo nắp kíp trước khi bắn, nên không bắt cháy và không nổ. Sự sơ suất này tuy thường thấy ở các cuộc bắn gấp trong điều kiện dã chiến vào thời kỳ đầu chiến dịch, nhưng chưa hề thấy trong các cuộc pháo kích công thành mà tốc độ bắn bao giờ cũng chậm hơn, nó chứng tỏ quân Nga vội vã tiêu phí đạn dược của họ như thế nào.

Ngoài ra, ban đêm quân Nga còn bố trí trận địa pháo trên bãi cát Si-blắc, về phía đông Xi-li-xtơ-ri (năm 1829 quân Nga cũng có hai khẩu đội ở đây). Bốn khẩu pháo bố trí ở đây có lẽ là để bắn dọc vào toàn bộ chính diện phía bắc.

Từ ngày 13 đến ngày 16 tháng Năm rõ ràng là không có hành động gì đáng kể, ít ra là không có ai đưa tin về điểm này. Có điều hoàn toàn chắc chắn là, các tướng lĩnh Nga thấy rằng cuộc pháo kích không đạt được mục đích chiếm cứ điểm của Thổ Nhĩ Kỳ như họ có thể hoàn toàn dự kiến được, liền chuẩn bị tấn công vào hữu ngạn sông. Do đó, ngày 16 tháng Năm họ đã bắc cầu ở phía dưới Xi-li-xtơ-ri; 20000 lính đã vượt cầu, và nghe nói sắp tới sẽ có 20000 lính nữa từ Đô-brút-gia đến phối hợp với họ. Quân Nga đã điều động toàn bộ lực lượng để tập trung binh lực ở hướng Xi-li-xtơ-ri và Tuốc-tu-cai; vì rằng, một khi đã quyết định tấn công hữu ngạn, thì phải có lực lượng yểm hộ đề phòng Ô-me-rơ-pa-sa ở Sum-la, và đề phòng quân Anh - Pháp có thể đổ bộ ở Vác-na.

Ngày 19 tháng Năm đã diễn ra những hoạt động trinh sát đầu tiên đối với A-ráp - Ta-bi-a; một lực lượng lớn quân đội được tập trung ngay ở ngoài tầm bắn của pháo binh, tuyến tân binh bắt đầu tiến lên. Sau một thời gian pháo kích ngắn, Mu-sa-pa-sa cử một đơn vị ba-si-bu-dúc¹⁵³ lên cao nguyên, đánh lui được tán binh. Ngày 20 tháng Năm lại có cuộc xuất kích mới của quân Nga, xét ra quá lớn đối với một cuộc trinh sát bình thường và quá nhỏ đối với một cuộc tấn công thực sự. Ngày 21 tháng Năm đã diễn ra cuộc tấn công đầu tiên vào A-ráp - Ta-bi-a; tình hình chi tiết thì người ta không rõ, nhưng quân Nga bị đánh lui với những tổn thất lớn. Hai sĩ quan Nga chạy sang phía quân Thổ Nhĩ Kỳ cho biết rằng binh lực địch lên tới 90000, gồm ba quân đoàn (điều này đúng sự thực: quân đoàn 3, 4 và 5) dưới quyền chỉ huy của đại hâu tước Côn-xtan-tin. Lời khai cuối này rõ ràng là sai, vì ai cũng biết rằng Côn-xtan-tin đang chỉ huy hải, lục quân và phòng thủ bờ biển Phần Lan. Còn cái tin ngày hôm sau sẽ lại có cuộc tấn công thì chưa được thực tế xác minh. Quân Nga đã ở tư thế sẵn sàng chiến đấu, nhưng chưa tiếp cận lô-cốt. Sau đó, chúng tôi lại không được tin tức gì về chiến sự cho mãi đến ngày 26 tháng Năm; nhưng rạng sáng ngày 27 tháng Năm, quân Nga lại tấn công A-ráp - Ta-bi-a với một lực lượng rất lớn. Bên tấn công xung phong ba đợt, nhưng ba đợt đều bị đẩy lui với những thiệt hại lớn. Theo báo cáo của

quân Thổ Nhĩ Kỳ thì quân Nga chết 1500 và bị thương 3000, có thể là phóng đại ít nhiều, song vẫn không phải là quá đáng không thể tin được. Quyết định chiếm lô-cốt à la^{1*} Xu-vô-rốp, sáng sớm hôm sau Pa-xkê-vích lại cho đơn vị của mình chuẩn bị công kích. Cuộc chém giết xem chừng rất khủng khiếp, tướng Xen-van tử trận. Đại tá bá tước Oóc-lốp bé chết vì bị thương vào mắt. Một đại tá khác bị thương nặng. Chính quân Nga thừa nhận chết 186 người và bị thương 379 người; nhưng chắc chắn con số ấy chưa bằng một phần ba sự thiệt hại trên thực tế: với số quân họ đã ném vào cuộc tấn công, thì con số tổn thất của họ ít nhất cũng phải là 2000.

Đến hôm sau, quân Thổ Nhĩ Kỳ mở một cuộc đột kích quy mô lớn, tập kích bất ngờ vào các vị trí của quân Nga, đánh bật quân Nga và gây cho họ thiệt hại nặng (theo báo cáo là 1500 - 1800). Do trận đột kích thành công này, cũng như do trận tập kích cuối cùng tuy đã phải dùng kỵ binh để đốc thúc binh sĩ tiến lên và ngăn cản họ lùi bước, vẫn không đẩy được họ giáp chiến kịch liệt với quân địch, hầu tước Pa-xkê-vích đã buộc phải từ bỏ ý định chiếm lô-cốt bằng đánh giáp lá cà. Không còn nghi ngờ gì nữa, việc phòng thủ lô-cốt hình vuông ấy là một trong những chiến công vẻ vang nhất không những của chiến dịch này, mà còn của tất cả các chiến dịch Nga - Thổ Nhĩ Kỳ nói chung. Địa hình ở đây cho phép dùng binh lực lớn nhất để tấn công, mà người Nga cũng không phải là kẻ bỏ lỡ cơ hội tung vào cuộc tấn công hàng ngàn quân mà họ có được. Vì vậy, bên quân Nga có ưu thế rất lớn về số lượng, muốn đánh lui họ thì quân Thổ Nhĩ Kỳ không những cần có lòng dũng cảm cao độ, mà còn phải có những trận đột kích có kế hoạch chu đáo và phối hợp nhịp nhàng. Không còn nghi ngờ gì nữa, nếu đứng trước họ là quân Thổ Nhĩ Kỳ năm 1829, thì có lẽ quân Nga đã chiếm được cứ điểm rồi. Mấy lần thất bại của họ hiện nay chứng tỏ rằng quân Thổ Nhĩ Kỳ, ít ra là một bộ phận của quân Thổ Nhĩ Kỳ, đã có nhiều thành công về mặt chiến thuật và khoa học quân sự, nhưng không mất đi tinh thần dũng cảm của mình. Xét về mặt đó thì trận phòng thủ A-ráp - Ta-bi-a và trận giao chiến sở Sê-ta-te là những sự kiện tuyệt vời nhất trong toàn bộ chiến dịch.

1* - theo kiểu

Còn cuộc tấn công của quân Nga, thì chúng ta không thể nói điều gì hay cả. Xem ra, Pa-xkê-vích quá hấp tấp chiếm Xi-li-xtơ-ri, đến nỗi không có cả thời gian tiến hành một số biện pháp tối cần thiết để đạt mục đích ấy. Sự do dự của ông ta sờ sờ ra đấy. Trước hết, ông ta thử pháo kích, mặc dù ông ta phải biết rằng việc đó vô ích như thế nào đối với thành phố của Thổ Nhĩ Kỳ. Cuộc pháo kích chỉ có thể đem lại sự hao phí lớn về đạn dược của quân Nga, còn như chỉ có thể phá cửa mở ở tường lũy chính phía bờ sông tiếp giáp sông Đa-nuýp là một chiến hào tự nhiên rộng 1000 i-ác-đơ, thì dùng màng tường đến tấn công. Sau đó quân Nga tấn công phòng tuyến trên đất liền, nhưng xem ra chưa lần nào áp chế được pháo của A-ráp - Ta-bi-a, mà cũng chưa có sự cố gắng thực sự nào nhằm phá hoại công sự của nó. Tất cả những cái đó đều không quan trọng lắm đối với người kế thừa Xu-vô-rốp. Đúng như vị tướng đại Nga ấy đã nói "đạn súng là đồ ngọc, còn lưỡi lê là anh chàng cừ khôi", nếu như câu đó đúng đối với lưỡi lê Nga thì theo con người dũng cảm, có uy tín ấy, lưỡi lê cũng có thể xuyên thủng dây An-pơ, điều đó chắc hẳn càng đúng hơn đối với những viên đạn Nga cứ bắn chệch hoài mà không tài nào khắc phục được. Do đó, cuộc tấn công đã được quyết định, được tiến hành, được lặp đi lặp lại, nhưng uổng công. Thành thử, những bức tường chắn bằng đất của cái lô-cốt của Thổ Nhĩ Kỳ tuy nhỏ, nhưng được cấu tạo kiên cố lại vững chắc hơn đá hoa cương của núi An-pơ mà Xu-vô-rốp phải đối phó, còn đạn pháo và đạn súng trường của Thổ Nhĩ Kỳ không phải là những đồ ngọc như đạn pháo và đạn súng trường của Nga. Kết quả, Pa-xkê-vích buộc phải quay về quy tắc cũ: không áp chế được pháo và không phá hoại được công sự phòng ngự của cứ điểm, thì quyết không thể công phá các cứ điểm được. Do đó, khoảng ngày 30 hoặc 31 tháng Năm, cuộc vây đánh chính quy bắt đầu, và Pa-xkê-vích rút cục vẫn phải dựa vào "đồ ngọc - đạn súng trường".

Nhưng không! Đấy chỉ là bề ngoài thôi. Tướng Sin-đơ nổi danh trong năm 1829, đã xuất hiện; ông ta thể tiêu diệt cứ điểm bằng lối đánh mìn cũ của mình, và hoàn thành trong vài ngày. Dùng mìn để đối phó với công sự đã chiến là biểu hiện của sự thất vọng cùng cực về quân sự, của sự tức giận ngu ngốc của kẻ địch đã rơi vào chỗ bế tắc. Nếu phải dùng mìn, thì điều kiện đầu tiên bảo đảm thành công là vượt qua ụ dốc. Nhưng trước khi vượt ụ dốc phải áp chế pháo của địch; mà điều đó có

nghĩa là phải đào 1, 2 hoặc 3 chiến hào song song và bố trí những trận địa pháo tương ứng. Trong thực tế, đánh mìn là giai đoạn cuối chứ không phải giai đoạn đầu của cuộc vây đánh. Nếu Sin-đơ không định đào đường hầm trong một khu vực 20 dặm vuông hoặc đào đường ngầm dưới đáy sông Đa-nuýp, thì ông ta không tránh khỏi cần phải vây đánh chính quy. Trái với Xu-vô-rốp, đạn súng trường là cần thiết.

Chắc chắn là trận vây đánh chính quy đối với A-ráp - Ta-bi-a sẽ kết thúc trong vài ngày nữa, vì cứ điểm này hầu như đã hoàn thành sứ mệnh của nó, mà cuộc phòng ngự kéo dài sẽ làm suy yếu quá nhiều lực lượng đồn trú. Nhưng như vậy có nghĩa là ít ra phải vây đánh chính quy hai lô-cốt trước, rồi mới đến cả thành phố. Không nghi ngờ gì nữa, năm tuần lễ là thời gian *ngắn nhất* để quân Nga có thể thực hiện được hành động đó với hoạt động vây đánh bừa bãi của họ. Nếu quân Thổ Nhĩ Kỳ không thiếu lương thực và đạn dược và không gặp tình huống bất trắc nào, thì cứ điểm có thể coi là an toàn cho đến đầu tháng Bảy. Đương nhiên, chúng tôi giả định rằng, những lô-cốt thuộc loại kiên cố trung bình và tường lũy không quá cũ kỹ. Song nếu như năm 1829 Xi-li-xơ-ri đã giữ nổi 35 ngày sau khi đào chiến hào, thì rõ ràng là năm 1854, với những sự cải tiến mới, trong tình hình có những người chỉ huy dũng cảm và mưu trí, có tư lệnh pháo binh nhiều kinh nghiệm và quân phòng thủ hạng nhất, cứ điểm ít ra cũng giữ vững được một thời gian ngang thế. Nếu như có sự tăng viện của liên quân, thì chúng ta có thể yên trí nói rằng, chiến dịch này sẽ đưa quân Nga tới chỗ thất bại hoàn toàn, và có lẽ còn thảm hại hơn nữa.

*Do Ph.Ăng-ghen viết ngày 10 tháng Sáu 1854
Đã đăng làm xã luận trên tờ "New-York Daily
Tribune" số 4115, ngày 26 tháng Sáu 1854*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Anh*

C.MÁC VÀ PH.ĂNG-GHEN TÌNH HÌNH CHIẾN SỰ Ở CHIẾN TRƯỜNG NGA - THỔ NHĨ KỲ¹⁵⁴

Không kể đến sự việc đáng chú ý là sự trùng hợp giữa việc quân Nga rút khỏi Va-la-ki với việc quân Áo chiếm lấy nơi này, thì riêng cuộc vây đánh Xi-li-xơ-ri đã được quyết định, thực hiện và, cuối cùng phải rút bỏ như thế nào, cũng đủ chứng tỏ rằng điều chỉ phối ở đây tuyệt nhiên không phải những lý do quân sự thuần túy, mà là những lý do khác hẳn. Qua báo cáo chính thức của Nga ra tới chiều ngày 28 tháng Năm và chỉ khác với thông báo của Thổ Nhĩ Kỳ về con số bị chết và bị thương, có thể thấy rằng các hoạt động của quân Nga hết sức vội vã, việc ra sức phá hủy những công sự ngoại vi chỉ tiến hành sau khi thực tế đã chứng minh không thể dùng tấn công mà chiếm lấy Xi-li-xơ-ri được, cuộc tấn công đã mang tính chất vô tổ chức và trái với khoa học quân sự hơn bất cứ cuộc tấn công nào trong lịch sử vây đánh của quân Nga. Về hoạt động quân sự trong thời kỳ từ ngày 28 tháng Năm đến ngày 15 tháng Sáu chỉ có những báo cáo hết sức rời rạc, nên chúng tôi không thể tường thuật chiến sự một cách tỉ mỉ được nhưng, việc hầu hết các sĩ quan cao cấp đều bị thương và bị loại khỏi vòng chiến đấu trong nhiều đợt tấn công liều mạng lập đi lập lại của quân Nga - như Pa-xkê-vích, Sin-đơ về sau phải cưa đi một chân, Goóc-tra-cốp, Li-đéc-xơ và Oóc-lốp bị đạn vào mắt - đều chứng tỏ hùng hồn rằng quân Nga không những đã được lệnh phải chiếm lấy cứ điểm bằng bất cứ giá nào, mà còn phải hoàn thành đúng thời gian quy định. Hành động của họ trong suốt quá trình này đã gọi lại những thủ đoạn dã man của Ti-mua Ta-méc-lan trong các cuộc đánh chiếm các thành phố ở Cuốc-di-xtan hơn là những hành động trong chiến tranh chính quy hiện đại. Mặt khác, rõ ràng là trận bảo vệ anh dũng và khôn khéo Xi-li-xơ-ri đã gây ra sự kinh ngạc như nhau cả bên phía các cường quốc đồng minh, lẫn bên phía Nội các Ôt-tô-man. Bạn đọc của chúng ta, có lẽ, còn nhớ rằng trước đây chừng 6 tuần lễ, các vị chỉ huy liên

nghĩa là phải đào 1, 2 hoặc 3 chiến hào song song và bố trí những trận địa pháo tương ứng. Trong thực tế, đánh mìn là giai đoạn cuối chứ không phải giai đoạn đầu của cuộc vây đánh. Nếu Sin-dơ không định đào đường hầm trong một khu vực 20 dặm vuông hoặc đào đường ngầm dưới đáy sông Đa-nuýp, thì ông ta không tránh khỏi cần phải vây đánh chính quy. Trái với Xu-vô-rốp, đạn súng trường là cần thiết.

Chắc chắn là trận vây đánh chính quy đối với A-ráp - Ta-bi-a sẽ kết thúc trong vài ngày nữa, vì cứ điểm này hầu như đã hoàn thành sứ mệnh của nó, mà cuộc phòng ngự kéo dài sẽ làm suy yếu quá nhiều lực lượng đồn trú. Nhưng như vậy có nghĩa là ít ra phải vây đánh chính quy hai lô cốt trước, rồi mới đến cả thành phố. Không nghi ngờ gì nữa, năm tuần lễ là thời gian *ngắn nhất* để quân Nga có thể thực hiện được hành động đó với hoạt động vây đánh bữa bãi của họ. Nếu quân Thổ Nhĩ Kỳ không thiếu lương thực và đạn dược và không gặp tình huống bất trắc nào, thì cứ điểm có thể coi là an toàn cho đến đầu tháng Bảy. Đương nhiên, chúng tôi giả định rằng, những lô-cốt thuộc loại kiên cố trung bình và tường lũy không quá cũ kỹ. Song nếu như năm 1829 Xi-li-xơ-ri đã giữ nổi 35 ngày sau khi đào chiến hào, thì rõ ràng là năm 1854, với những sự cải tiến mới, trong tình hình có những người chỉ huy dũng cảm và mưu trí, có tư lệnh pháo binh nhiều kinh nghiệm và quân phòng thủ hạng nhất, cứ điểm ít ra cũng giữ vững được một thời gian ngang thế. Nếu như có sự tăng viện của liên quân, thì chúng ta có thể yên trí nói rằng, chiến dịch này sẽ đưa quân Nga tới chỗ thất bại hoàn toàn, và có lẽ còn thảm hại hơn nữa.

*Do Ph.Ăng-ghen viết ngày 10 tháng Sáu 1854
Đã đăng làm xã luận trên tờ "New-York Daily
Tribune" số 4115, ngày 26 tháng Sáu 1854*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Anh*

C.MÁC VÀ PH.ĂNG-GHEN

TÌNH HÌNH CHIẾN SỰ Ở CHIẾN TRƯỜNG NGA - THỔ NHĨ KỲ¹⁵⁴

Không kể đến sự việc đáng chú ý là sự trùng hợp giữa việc quân Nga rút khỏi Va-la-ki với việc quân Áo chiếm lấy nơi này, thì riêng cuộc vây đánh Xi-li-xơ-ri đã được quyết định, thực hiện và, cuối cùng phải rút bỏ như thế nào, cũng đủ chứng tỏ rằng điều chi phối ở đây tuyệt nhiên không phải những lý do quân sự thuần túy, mà là những lý do khác hẳn. Qua báo cáo chính thức của Nga ra tới chiều ngày 28 tháng Năm và chỉ khác với thông báo của Thổ Nhĩ Kỳ về con số bị chết và bị thương, có thể thấy rằng các hoạt động của quân Nga hết sức vội vã, việc ra sức phá hủy những công sự ngoại vi chỉ tiến hành sau khi thực tế đã chứng minh không thể dùng tấn công mà chiếm lấy Xi-li-xơ-ri được, cuộc tấn công đã mang tính chất vô tổ chức và trái với khoa học quân sự hơn bất cứ cuộc tấn công nào trong lịch sử vây đánh của quân Nga. Về hoạt động quân sự trong thời kỳ từ ngày 28 tháng Năm đến ngày 15 tháng Sáu chỉ có những báo cáo hết sức rời rạc, nên chúng tôi không thể tường thuật chiến sự một cách tỉ mỉ được nhưng, việc hầu hết các sĩ quan cao cấp đều bị thương và bị loại khỏi vòng chiến đấu trong nhiều đợt tấn công liều mạng lặp đi lặp lại của quân Nga - như Pa-xkê-vích, Sin-dơ về sau phải cưa đi một chân, Goóc-tra-cốp, Li-đéc-xơ và Oóc-lốp bị đạn vào mắt - đều chứng tỏ hùng hồn rằng quân Nga không những đã được lệnh phải chiếm lấy cứ điểm bằng bất cứ giá nào, mà còn phải hoàn thành đúng thời gian quy định. Hành động của họ trong suốt quá trình này đã gọi lại những thủ đoạn dã man của Ti-mua Ta-méc-lan trong các cuộc đánh chiếm các thành phố ở Cuốc-di-xtan hơn là những hành động trong chiến tranh chính quy hiện đại. Mặt khác, rõ ràng là trận bảo vệ anh dũng và khôn khéo Xi-li-xơ-ri đã gây ra sự kinh ngạc như nhau cả bên phía các cường quốc đồng minh, lẫn bên phía Nội các Ôt-tô-man. Bạn đọc của chúng ta, có lẽ, còn nhớ rằng trước đây chừng 6 tuần lễ, các vị chỉ huy liên

quân^{1*} đã gặp gỡ nhau ở Vác-na và phát hiện rằng tuyến Ban-căng là tuyến phòng thủ tự nhiên của Thổ Nhĩ Kỳ; hiện nay nhiều tờ báo Anh không những thừa nhận, mà còn khoe khoang về việc không có một lính Anh hoặc Pháp nào đến tăng viện cho Xi-li-xơ-ri. Sau hết, không thể phủ nhận rằng, Xi-li-xơ-ri là một địa điểm có tầm quan trọng lớn về quân sự, số phận của cứ điểm này quyết định số phận của chiến dịch và quân Nga rút bỏ cuộc bao vây và đột nhiên lui về phía Xê-rét, đã mất toàn bộ đất đai mà nó chiếm được năm nay và năm ngoái.

Tuy vậy, cũng cần vạch rõ rằng nhiều tờ báo Anh đã thổi phồng quá đáng mức độ thất bại hiện nay của người Nga. Dĩ nhiên phải là kẻ rất nhẹ dạ, mới tin rằng đường như cuộc xuất kích của quân đồn trú Xi-li-xơ-ri ngày 13 tháng Sáu và sự tăng viện của 2000 người - nghe người ta đồn - do Ô-me-rơ-pa-sa gửi tới, đã làm cho quân Nga hoàn toàn thất bại và buộc 90000 - 100000 phải bỏ chạy trước 15000 người. Theo năng lực phán đoán của chúng tôi, thì cuộc rút lui bất ngờ của quân Nga cũng khó hiểu như cuộc tấn công bất ngờ của họ. Điều đó chỉ có thể cắt nghĩa bằng một hiệp nghị đã ký kết trước giữa Nga và Áo trong đó có quy định quân Áo chiếm đóng Va-la-ki. Trong tình hình đó, đáng đặc biệt chú ý một đoạn trích sau đây mà chúng tôi thấy trong thư của một phóng viên báo "Morning Chronicle" tại Công-xtăng-ti-nô-pơ, viết ngày 10 tháng Sáu, tức bốn ngày trước khi ký hiệp ước Áo - Thổ Nhĩ Kỳ, có đề lộ âm mưu ấy:

"Người Thổ Nhĩ Kỳ cho rằng, hoạt động ngoại giao đang chơi trò ú tim với họ và định để Xi-li-xơ-ri rơi vào tay Nga. Sự nghi ngờ ấy đã được chứng thực qua những tin tức nhận được ở đây nói rằng tại Viên đang chuẩn bị một nghị định thư mới, trong đó nghe đâu đã coi việc thất thủ Xi-li-xơ-ri như việc đã rồi; hiện nay khi mà tham vọng quân sự của Nga đã được thỏa mãn, thì Áo cho rằng đã đến lúc họ can thiệp bằng quân sự nhằm mục đích điều chỉnh vấn đề với sự tham gia của họ, đã đến lúc chiếm đóng các công quốc thuộc vùng sông Đa-nuýp mà quân Nga sẽ rút khỏi".

Vì vậy, nếu quân Nga kịp thời chiếm được Xi-li-xơ-ri, thì mọi việc đều thuận lợi. Nhưng giờ đây, mặc dầu quân Nga không thỏa mãn được tham vọng quân sự của Nga hoàng, theo hiệp nghị đã ký với Áo, họ đành phải rút đi một cách không lấy gì làm vinh quang lắm. Trong khi quân Nga rút về bên kia sông Xê-rét, thì quân Áo tiến đến sông Xê-rét

1* - Xanh - Ác-nô và Ra-glan, xem tập này, tr. 281-283

và sông Đa-nuýp và như thế là ở vào giữa người Nga và người Thổ Nhĩ Kỳ cùng các đồng minh của Thổ Nhĩ Kỳ. Ở vào địa vị đó, họ trở thành trọng tài của cuộc tranh chấp và không cho bên nào tiến lên cả. Quân Nga đóng lại ở Môn-đa-vi-a trong khi hội nghị Viên bận rộn hơn bao giờ hết về việc thảo nghị định thư, và như vậy là tranh thủ được mùa đông. Nếu hội nghị không đi đến kết quả gì, - mà kết quả của nó tất nhiên như vậy, vì Nga hoàng vừa mới vay được của Hốp và công ty ở Am-xtéc-đam 37000000 đô-la^{1*}, - thì vị trí của quân đội Nga ở phía sau sông Đa-nuýp và sông Xê-rét sẽ được củng cố gấp hai lần trận tuyến của họ giữa Bu-ca-rét và Quy-xten-gi. So sánh lực lượng của quân Nga ở phía trước Xi-li-xơ-ri trên đất Hung-ga-ri và hiện đang rút về phía sau sông Xê-rét, với lực lượng của liên quân - nếu do bố trí tài tình mà nhìn chung có thể có tác dụng đối với cân cân lực lượng - chúng ta thấy rõ ràng là, dù có những tính toán hay ho nhất, liên quân cũng không thể phá vỡ được sự liên kết Áo - Nga.

Lực lượng của quân Nga ở bờ biển châu Âu thuộc Hắc Hải tác chiến với quân Thổ Nhĩ Kỳ và các đồng minh, gồm có 13 sư đoàn bộ binh, tức là 3 sư thuộc quân đoàn 3, 3 sư thuộc quân đoàn 4, 1 sư của quân đoàn 5, 3 sư của quân đoàn 6 và 3 sư dự bị. Ngoài ra, ở đây còn có các sư đoàn kỵ binh nhẹ 3, 4, 5, 6 và các sư đoàn pháo binh 3, 4, và 5. Các đạo quân ấy chiếm gần một nửa quân số tác chiến chủ yếu, theo thống kê chính thức thì mỗi sư đoàn bộ binh có 16000 người, mỗi sư đoàn kỵ binh 5000 người và mỗi sư đoàn pháo binh có 160 khẩu; tất cả có khoảng 250000 đến 260000 người, kể cả nhân viên phục vụ vận tải và doanh trại. Nhưng, nếu chúng ta thử xác định quân số của quân đội Nga có trên thực tế của họ trong cuộc chiến tranh Hung-ga-ri¹⁵⁵, thì chúng ta phải đánh giá quân số của một sư đoàn bộ binh Nga không vượt quá 13000 - 14000 người và giảm đi tương ứng quân số của kỵ binh và pháo binh. Do đó, quân số thực tế của các đơn vị mà quân Nga đưa dần vào các công quốc thuộc vùng sông Đa-nuýp phải giảm xuống khoảng 210000 người và trong đó phải trừ đi ít ra là 20000 - 25000 người do tổn thất trong chiến đấu và ốm đau. Nếu như chúng ta nhớ lại sự hoành hành của bệnh sốt rét cơn trong hàng ngũ quân đội Nga vào những năm 1828 - 1829 và đem so với bức thư của một nhà phẫu thuật

1* Xem tập này, tr. 329.

Nga đăng trên tờ "Wiener medizinische Wochenschrift"¹⁵⁶ thì chúng ta có thể nhận định không ngoa rằng tổn thất của quân đội Nga lên tới 8-10% tổng quân số. Vì vậy, quân Nga chỉ có thể còn lại chừng 180000 người.

Điều cần chú ý là tìm hiểu bộ phận nào của quân đội ấy có thể được sử dụng vào các chiến dịch tiến đánh Xi-li-xtơ-ri. Một số lượng lớn quân đội cần phải bảo vệ các tuyến giao thông và các kho tàng ở hậu phương của mặt trận. Bu-ca-rét và phòng tuyến Đô-bút-gia cần phải bị chiếm đóng. Cần phải giữ một số ít đơn vị để yểm hộ cho hai bên sườn và một phần chính diện của quân đội; nếu chúng ta trừ đi 60000 người cần thiết cho những nhiệm vụ trên, thì chỉ còn 130000 người để bao vây Xi-li-xtơ-ri và yểm hộ cho hoạt động này. Tính như thế chỉ có thể là quá cao, chứ không phải là quá thấp. Vì Xi-li-xtơ-ri ở gần con sông lớn, nên số quân vây đánh nhất thiết phải chia thành nhiều mũi để bao vây cứ điểm từ tất cả các mặt. Ngoài ra, cần bố trí trên bờ bắc một lực lượng dự bị mạnh có thể chi viện cho quân đội rút ở bờ nam về trong trường hợp thất bại. Cuối cùng, số quân chiếm lĩnh bờ nam hoặc hữu ngạn, cũng phải chia thành hai bộ phận, một bộ phận phụ trách vây đánh và đẩy lùi các cuộc đột kích của bên bị vây, còn bộ phận kia thì yểm hộ cho bộ phận vây đánh và đánh tan những đạo quân có thể được cử đến cứu viện cho cứ điểm. Như vậy cần có khoảng 35000 - 40000 người để chiếm lĩnh hữu ngạn và vây đánh ở tả ngạn. Do đó, quân Nga có thể có một đạo quân là 80000 người để tiến hành những cuộc dã chiến tích cực với quân địch đến giải vây cho cứ điểm, và đó là lực lượng lớn nhất mà quân Nga có thể bố trí trên đất Bun-ga-ri trong vòng bán kính từ 10 đến 20 dặm xung quanh Xi-li-xtơ-ri.

Bây giờ chúng ta hãy xem lực lượng liên quân có thể có bao nhiêu để chống chọi với quân Nga hiện có 180000 người. Về quân đội Thổ Nhĩ Kỳ ở Sum-la thì gần đây có tin họ có chừng 80000 người, nhưng họ thiếu mọi điều kiện cần thiết để tác chiến ở giữa đồng bằng: theo báo cáo vừa rồi của huân tước Ra-glan và các sĩ quan tham mưu Pháp, thì sĩ quan của họ rất tồi và nhìn chung thì họ ở trong tình trạng ảnh hưởng quyết định đến hoạt động tấn công. Chúng tôi không có ý định - vả lại hiện nay cũng không thể - kiểm tra được tính chính xác của những tin tức ấy. Chỉ cần nói rằng đây là ý kiến chính thức của liên

quân về tình hình quân chủ lực của Thổ Nhĩ Kỳ là đủ rồi. Từ đó, quân Thổ Nhĩ Kỳ được điều từ Ca-la-phát về Ru-súc, có tin ở nơi này đã lập được doanh trại cho 40000 người. Khó mà hiểu nổi cái sách lược để cả một quân đoàn nằm yên, nếu như không điều nó đi Ru-súc mà điều về Bu-ca-rét thì sẽ buộc quân Nga phải rút bỏ ngay cuộc vây đánh Xi-li-xtơ-ri. Nhưng quyền chỉ đạo chiến tranh hoàn toàn nằm trong tay các nhà ngoại giao. Nếu không tính đến lực lượng hiện phòng thủ Ru-súc và lực lượng phòng thủ cùng lực lượng dự bị ở Sum-la, thì chúng ta rất nghi ngờ không biết quân Thổ Nhĩ Kỳ có thể điều được 50000 người đầy đủ trang bị để có thể giải quyết nhiệm vụ trước mắt của họ ở đồng bằng, hay không. Nếu theo sự đánh giá của các nhà quân sự phương Tây có uy tín, thì cứ một lính Anh - hoặc một lính Pháp - ít ra cũng địch nổi 2 lính Nga, thành thử liên quân vẫn cần có một đạo quân là 65 000 người mới có thể giữ thế cân bằng với quân đội chiếm đóng của Nga. Vì vậy, chừng nào liên quân chưa tập trung được một lực lượng quân sự như thế ở Vác-na, thì khi chưa thật cần thiết, họ chưa chắc đã chuyển sang chiến đấu tích cực.

Kỳ thực, liên quân rất thận trọng, họ không điều ngay một lực lượng lớn như thế để khỏi mất lý do né tránh những trận tác chiến tích cực sau này. Hiện nay quân đội Anh - Pháp đóng ở Thổ Nhĩ Kỳ không quá 80000 người, không kể số 15000 đến 20000 mà trong số đó hầu hết là pháo binh và kỵ binh hiện đang trên đường hành quân tới đó. Dù hữu ý hay vô tình, số tàu vận tải ở eo biển Bô-xpho rất có hạn, cho nên nếu quân đội chỉ được di chuyển bằng đường biển đến Vác-na, thì phải đưa đón nhiều lần. Nhưng, căn cứ vào những tin tức chính xác nhất gần đây - theo lời nhà phóng viên mà chúng tôi đã nói trên - thì cho tới nay chỉ có 12000 lính Anh và Pháp được chuyển đi bằng đường biển, còn chủ lực của quân Pháp thì đang tiến chậm chạp từ Ha-li-pô-li đến Công-xtăng-ti-nô-plơ và A-đri-a-nô-pôn. Vì đường sá rất xấu, mà việc cung cấp lương thực cho quân đội hết sức gay go, nên tất cả những cái đó đã thành lý do để vị danh tướng Xanh- Ác-nô phải "sẵn sàng chạy bất cứ lúc nào" từ Vác-na đến Công-xtăng-ti-nô-plơ - suốt cả thời gian đó. Chúng ta có thể tin chắc rằng, ông ta không bỏ lỡ dịp lợi dụng mọi âm mưu trong nội các để kiểm soát những món tiền kénch xù cho cái túi không đáy của mình. Về hai sư đoàn của Anh còn đóng ở Xcu-ta-ri, thì cũng qua nhà phóng viên trên mà chúng tôi được biết rằng, "hình như họ

vẫn chưa sẵn sàng xuất phát, mặc dầu cả một đội thuyền và tàu vận tải đang bỏ neo chờ chuyên chở họ".

Qua tất cả những sự kiện ấy, mọi người đều thấy khá rõ ràng là các cường quốc đồng minh hết sức quan tâm sao cho khỏi phá hoại cuộc thương lượng hiện nay giữa Nga và Áo. Nếu như họ muốn phá hoại cuộc thương lượng ấy, thì họ chỉ có một sự lựa chọn rất giản đơn để đạt mục tiêu ấy: hoặc là lập khối liên minh Anh - Thụy Điển ở biển Ban-tích tạo nên căn cứ tác chiến cho quân tiếp viện để dễ bề tiến vào Phần Lan và theo đường bộ vòng qua hai cứ điểm Xvê-a-boóc-gơ và Crôn-stát, hoặc mở cuộc tấn công kết hợp đường bộ và đường biển vào Crum và Xê-va-xtô-pôn. Về khả năng thứ nhất, chúng ta có thể lấy làm lạ nhận thấy rằng tờ "Times" ở Luân Đôn cách đây chưa đầy ba tuần còn khẳng khẳng cho rằng phải chuyển hạm đội Hắc Hải về biển Ban-tích, thì bây giờ lại chủ trương đơn thuần phong tỏa cửa biển Ban-tích và điều ngay đại bộ phận hạm đội Ban-tích về Hắc Hải, đột nhiên trở thành kẻ tích cực ủng hộ việc chiếm đóng Crum. Chính tờ báo ấy còn vờ tiếc rẻ rằng Nây-pia không thể làm được gì trước khi hạm đội Pháp đến hội quân với ông ta. Đến nay, khi việc ấy đã xảy ra rồi, thì lại cho rằng rút cục sẽ chẳng nên trò trống gì và tốt hơn hết là các hạm đội Anh và Pháp làm lại cuộc hành trình qua các eo biển Cát-tê-gát, La-Măng-sơ và Gi-bran-ta để đến Hắc Hải. Nếu như chúng ta chú ý rằng, việc tập hợp được hai hạm đội ấy đã mất bao nhiêu thời gian, mặt khác, việc đặt chúng dưới sự chỉ huy của đô đốc Đơ-đa-xơ còn mất thêm bao nhiêu thời gian nữa, thì chúng ta hoàn toàn thấy rõ rằng mục đích chủ yếu của những đề nghị ấy chẳng làm nên chuyện gì ở biển Ban-tích cũng như ở Hắc Hải cả.

Nếu không kể cuộc thất bại không lường trước và bất ngờ của quân Nga ở Xi-li-xtơ-ri, thì nơi duy nhất mà họ bị tổn thất nặng nề và đầy rẫy nguy hiểm lại là Cáp-ca-dơ, tuy chưa có tin tức thật chắc chắn về điểm này. Họ đã bỏ hầu hết các cứ điểm ở bờ biển phía đông Hắc Hải, không phải vì sợ hạm đội của liên quân, mà để tăng cường lực lượng của mình ở Gru-di-a. Nghe nói, khi họ rút lui qua hẻm núi Đơ-ri-an, đội tiền quân và hậu quân bị một lực lượng đáng kể của dân miền núi tấn công bất ngờ, hơn nữa đội tiền quân Nga bị tiêu diệt, lực lượng đi giữa và hậu quân phải rút lui với những tổn thất lớn. Đồng thời, quân của Xê-lim-pa-sa cũng từ pháo đài thánh Ni-cô-lai tiến đến Ô-đuốc-ghe-tư

và buộc quân Nga phải rút hết khỏi cứ điểm này, nơi đây quân Nga vẫn thường xuất phát đi quấy rối và uy hiếp quân Thổ Nhĩ Kỳ; thắng lợi này cũng bảo đảm được đường giao thông giữa Xê-lim-pa-sa với quân chủ lực của Thổ Nhĩ Kỳ ở Các-xơ. Nếu như chúng ta nhớ rằng, ngay về mùa đông và mùa xuân, quân đội đó vẫn ở trong tình trạng hết sức thảm hại là không hoạt động gì được, thì sự cơ động của quân Nga ít ra chứng tỏ rằng họ đã cảm thấy hoàn cảnh của họ ở Gru-di-a không được vững vàng và rất cần được sự tăng viện từ phía bờ biển. Nếu như tin tức về sự thất bại ở Đơ-ri-an được xác nhận hoàn toàn hoặc chỉ một phần, thì từ đó có thể kết luận rằng đội quân của Vô-rôn-xốp đã bị cắt đường rút lui và phải tìm cách, hoặc là tạo cho mình một căn cứ vững chắc ở Ti-phlít để - và nhiệm vụ này không phải dễ dàng - cố thủ cho đến mùa đông sau, hoặc phải suy nghĩ đến vượt qua đường hẻm đó bằng bất kể giá nào. Dù sao hành động này vẫn tốt hơn là rút lui về biển Ca-xpien, vì rằng đường hẻm ra biển còn nguy hiểm hơn đường Đơ-ri-an không biết bao nhiêu lần. Nhưng về điểm này, chúng tôi chỉ có thể bình luận xác thực hơn khi đã nhận được những tin tức đầy đủ hơn và đáng tin cậy hơn từ những nơi ấy. Tạm thời, chúng tôi chỉ có thể xác định rằng, nhờ những hoạt động gần đây, Nga đã thu được hai thắng lợi không thể phủ nhận được, một là - số tiền vay được của Hốp và công ty, hai là - hiệp ước của Áo ký với Chính phủ Thổ Nhĩ Kỳ, nhưng đồng thời cũng chịu một thất bại là - ở Xi-li-xtơ-ri. Tương lai sẽ cho thấy - những thắng lợi ấy liệu có đem lại cái ưu thế lâu dài khiến bù đắp được cho cái nhục thất bại kia, hay không.

*Do C.Mác và Ph.Ăng-ghen viết ngày 14
- 16 tháng Sáu 1854
Đã đăng làm xã luận trên tờ "New-York
Daily Tribune" số 4125, ngày 8 tháng Bảy
1854*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Anh*

CUỘC RÚT LUI CỦA QUÂN NGA

Cuộc rút lui của quân Nga ra khỏi nước Thổ Nhĩ Kỳ được thực hiện triệt để hơn nhiều so với dự kiến của chúng tôi, và thậm chí còn triệt để hơn cả nhu cầu hiện nay xét theo quan điểm quân sự trong tình huống xấu nhất. Xem ra, thì nghĩa vụ mà Nga hoàng đảm nhận đối với hoàng đế Áo, và mệnh lệnh của Nga hoàng cho các tướng lĩnh Nga đều nhằm hoàn toàn rút khỏi Môn-đa-vi-a và Va-li-ki để trên lãnh thổ Thổ Nhĩ Kỳ hoàn toàn không còn một người lính Nga, đồng thời quân đội Áo hùng mạnh phải lập tức thay thế quân Nga và cách ly hai bên mới đây còn là thù địch. Nhưng sẽ sai lầm, nếu như cho rằng cuộc rút lui của quân Nga là do thất bại của họ ở Xi-li-xtơ-ri gây ra, hoặc tin vào những lời lẽ khoắc lác của báo chí Anh mô tả sự thất bại đó như là một cuộc đại bại và vui mừng bất thể giới phải tin rằng 15000 hoặc nhiều nhất là 17000 người xuất kích từ cứ điểm đã có thể đánh cho 100000 hoặc ít nhất 90000 lính phải chạy dài. Không nghi ngờ gì nữa, quân Nga hết lần này đến lần khác bị đánh lui một cách kiên quyết với những tổn thất nặng nề, điều đó tương xứng với những cuộc tấn công bừa bãi, khinh suất, thiếu suy nghĩ, trái với khoa học quân sự mà họ tiến hành dù dùng cảm thế nào đi nữa; quân Thổ Nhĩ Kỳ chiến đấu hết sức anh dũng và quả cảm, và đã biểu hiện trình độ nghệ thuật quân sự cao đến mức trận vây đánh này sẽ còn ghi mãi vào sử sách; nhưng chúng ta vẫn không có căn cứ để tin rằng chính họ đã buộc quân địch phải rút bỏ cuộc bao vây. Sự thực là, theo những tin tức chắc chắn nhất thì, sau cuộc đột kích đẫm máu cuối cùng của quân đóng giữ cứ điểm, quân Nga vẫn tiếp tục giữ vững các trận địa pháo của mình bên tả ngạn và sử dụng chúng chống lại cứ điểm, trong khi đó có một số bức điện quá vội đưa tin rằng các trận địa pháo ấy dường như đã bị quân đồn trú chiếm mất rồi. Sự thật, hiển nhiên, là quân Nga cuối cùng đã rút khỏi Xi-li-xtơ-ri chẳng qua là vì Nga hoàng đã thỏa thuận với Áo về việc rút quân đội của mình khỏi các công quốc thuộc vùng

sông Đa-nuýp trong một thời gian nhất định. Nga hoàng ra lệnh chiếm Xi-li-xtơ-ri trước để khi rời Thổ Nhĩ Kỳ có thể nâng cao uy tín của mình dù chỉ bằng một thắng lợi thôi; quân Nga đã không thực hiện được mệnh lệnh ấy, và họ buộc phải rút lui mang theo cái nhục thất bại. Nhưng cuộc rút lui ấy không phải là một cuộc chạy dài khi quân địch truy kích. Quân Nga không chiếm được Xi-li-xtơ-ri, và có thể là họ không thể chiếm được Xi-li-xtơ-ri thậm chí bằng cuộc vây đánh chính quy; chắc là chiến dịch này không thể đem lại cho họ gì cả, và trong tình huống này, họ buộc phải rút về Xê-rét; nhưng họ vẫn mạnh hơn liên quân - là quân Thổ Nhĩ Kỳ và các quân đội khác, ít nhất là về phòng ngự thì mạnh hơn nhiều. Ngoài ra, họ chưa giao chiến với liên quân và chưa có một trận quyết chiến nào. Do đó, hiển nhiên là cuộc rút lui đó về Prút là xuất phát từ những nguyên nhân về ngoại giao, chứ không phải từ nhu cầu quân sự nảy sinh từ ưu thế quân số hoặc từ chiến lược tài tình hơn của Ô-me-rơ-pa-sa và các đồng minh của ông ở Thổ Nhĩ Kỳ.

Nhưng nếu như cho rằng người ta dùng vũ lực buộc được quân Nga phải rút bỏ cuộc vây đánh Xi-li-xtơ-ri là rất sai lầm, thì sẽ phạm phải sai lầm không kém nếu như không nhìn thấy rằng toàn bộ cục diện chiến tranh đang không có lợi cho quân Nga và sự can thiệp của Áo đã tạo cho Nga biện pháp tốt nhất để cải thiện tình hình của mình. Ở đây chúng tôi không có ý nói đến những thất bại liên tiếp của quân Nga ở Ôn-tê-nít-sa, Sê-ta-te, Ca-ra-can hoặc ở Xi-li-xtơ-ri - đấy chỉ là những trận đánh tương đối nhỏ, trong đó quân Thổ Nhĩ Kỳ cho quân Nga ăn đòn, nhưng chưa lần nào quân Nga có thể trả đũa cũng thành công như thế. Tất cả những cuộc xung đột ấy gộp lại cũng không mang lại những kết quả có tính chất quyết định; song quân Nga ở châu Á luôn luôn bị ăn đòn, và hiện nay ở đấy họ đứng trước nguy cơ bị thất bại hoàn toàn. Trong vô số cứ điểm trên Hắc Hải, quân Nga chỉ còn lại có hai; còn trong nước thì Sa-min và cư dân miền núi của nó không những quét sạch người Nga đáng ghét ở vùng núi và những thung lũng lân cận, mà còn cắt đứt liên lạc của bá tước Vô-rôn-xốp với nước Nga và, ở phía nam thì cùng hành động với quân Thổ Nhĩ Kỳ, tiến về Ti-phlít với một đạo quân có thể buộc bá tước phải đầu hàng và phải giao nộp toàn bộ những lãnh địa ở vùng ngoại Cáp-ca-dơ của Nga vất vả lắm mới chiếm lĩnh được và khó khăn lắm mới giữ được. Đối với Nga hoàng, mất

những tỉnh ấy đổi bằng vô số máu và tiền của có lẽ là một sự nhục nhã còn nặng nề hơn là thất bại trong một trận quyết chiến ở Thổ Nhĩ Kỳ, và không còn nghi ngờ gì nữa, miễn là quân đội của mình quay trở lại vượt sông Prút là Nga hoàng lập tức cử ngay tất cả những số quân không dùng để phòng thủ Crum và Xê-va-xtô-pôn vào việc thu hồi các đèo ở Cáp-ca-dô và chỉ viện cho Vô-rôn-xốp. Thắng lợi của Sa-min chắc sẽ thúc đẩy mạnh mẽ nước Nga tiếp nhận những yêu cầu của Áo về việc rút khỏi các công quốc thuộc vùng sông Đa-nuýp.

Trong cuộc giao ước quan trọng làm cho triển vọng của chiến tranh biến đổi và thêm phức tạp ấy, Áo giữ địa vị hết sức quan trọng và có lợi. Đây là thắng lợi lớn về ngoại giao của nó và là bằng chứng về sự kiên nhẫn mà nguồn dự trữ về quân sự của nó gây ra cho các bên tham chiến. Nó can thiệp với tư cách là bạn của hai bên; quân Nga lạng lẽ rút lui, nhường chỗ cho nó; còn Chính phủ Thổ Nhĩ Kỳ ký vào hiệp ước cho phép Áo chiếm lĩnh các công quốc thuộc vùng sông Đa-nuýp, chỉ làm theo ý kiến của Pháp và Anh. Tóm lại, người điều đình vũ trang ấy can thiệp vào công việc với sự đồng ý chung của hai bên tham chiến, vì rằng mỗi bên đều cho rằng sự can thiệp ấy có lợi cho mình. Các cường quốc phương Tây công khai tuyên bố rằng Áo hành động vì lợi ích của họ; còn Nga, căn cứ vào hiệp nghị - mà các sự kiện chứng minh - đã được thỏa thuận giữa Xanh-Pê-téc-bua và Viên trước khi cả thế giới đều biết rõ sự can thiệp của Áo, và trước khi quân đội của Pa-xkê-vích bị trả đũa ở Xi-li-xtô-ri, không còn nghi ngờ gì nữa, Nga cũng cho rằng Áo hành động vì quyền lợi của Nga. Vậy thì ai trong họ bị lừa? Áo định bán rẻ bên nào?

Đương nhiên, Áo cũng như bất cứ cường quốc nào khác, chỉ quan tâm đến lợi ích của mình. Một mặt, những lợi ích ấy đòi hỏi Nga không chiếm lĩnh các công quốc thuộc vùng sông Đa-nuýp và không khống chế cửa sông Đa-nuýp và Hắc Hải, vì rằng một bộ phận lớn và ngày càng tăng trong nền thương mại của Áo đi theo hướng này. Ngoài ra, việc Nga thôn tính toàn bộ hoặc một bộ phận nào đó của Thổ Nhĩ Kỳ, có thể gây ra làn sóng phản đối trong cư dân Xla-vơ ở Đế quốc Áo, trong đó có nhiều người ủng hộ chủ nghĩa đại Xla-vơ hoặc sự liên minh với Nga. Vì vậy, rõ ràng là Áo chỉ đồng ý cho Nga thôn tính Thổ Nhĩ Kỳ, nếu như cùng lúc ấy Áo có thể mở rộng quyền bá chủ của mình và mở rộng đất đai của mình ở một hướng khác nào đó, song điều đó

không thể có được. Nhưng mặt khác, chính sách của Áo là hoàn toàn đồng tình với Nga hoàng và chống lại Pháp và Anh; phương hướng thực sự của Áo bao giờ cũng sẽ là thù địch với các cường quốc phương Tây. Ở Viên, người ta sẽ không lấy làm buồn rầu về việc Nga phải mang nhục với sự trừng phạt về tội gây ra một cuộc chiến tranh không cần thiết; nhưng Áo không bao giờ bỏ mặc Nga bị suy yếu nghiêm trọng, vì rằng lúc đó vương triều Háp-xbuốc sẽ bị mất người bạn duy nhất có thể cứu nó thoát khỏi cơn lốc cách mạng sắp đến. Chúng tôi cho rằng đây là những động cơ chi phối hành động của nội các Viên trong tất cả các giai đoạn sau này của chiến tranh. Áo sẽ bán rẻ bất cứ bên nào trong các bên tham chiến, hoặc bán rẻ cả hai bên cùng một lúc, điều đó hoàn toàn tùy thuộc vào mức độ mà lợi ích của nó và lợi ích của vương triều yêu cầu - không có gì hơn đâu.

Việc Nga rút lui và từ bỏ chiếm lĩnh và chuyển giao các tỉnh mà quân Nga đã rút đi cho Áo, đã đặt cho Áo cái nghĩa vụ từ nay trở đi phải bảo vệ Nga khỏi mọi điều phiền toái. Mặc dù Áo duy trì tình hữu nghị trên danh nghĩa với các nước đồng minh, nhưng vì lợi ích của nó để cho mọi hành động sau này của đồng minh chống lại Nga hoàng đều sẽ thất bại; có thể tin chắc rằng vì điều đó mà nó không từ bất cứ việc gì ngoài việc thực sự tuyên chiến, - biện pháp mà dù sao nó cũng không quyết định sử dụng. Do đó, chính sách của Áo tất nhiên sẽ là phản bội đối với các cường quốc phương Tây; những nước này là bên bị mắc lừa trong hiệp ước cho phép quân đội Áo chiếm lĩnh các tỉnh của Thổ Nhĩ Kỳ; trong quá trình phát triển sau này của chiến tranh, sẽ có ngày họ phải tin vào điều đó.

Xem ra thì sự phát triển thêm nữa của chiến tranh không nằm trong kế hoạch của thủ tướng Anh, huân tước A-bóc-đin đang ra sức giải quyết cuộc xung đột theo nguyện vọng của Áo trên cơ sở status quo, có lẽ, với sự chuyển giao cho vương triều Háp-xbuốc quyền bảo hộ của Nga đối với các công quốc thuộc vùng sông Đa-nuýp. Nhưng hiện nay đã có thể cho rằng những kế hoạch ấy đã bị phá sản do sự tự vạch mặt của huân tước A-bóc-đin trong bài diễn văn khét tiếng của ông ta và các cuộc tranh luận sau đó tại nghị viện mà chúng tôi sẽ tường thuật đầy đủ trong số báo này^{1*}. Nhân dân Anh bị kích động vì những

1* Xem tập này, tr. 319-328.

sự bóc trần ấy, sẽ không đồng ý, ít ra là hiện nay, ký hòa ước mà không nhận được một sự bồi thường nào quan trọng hơn là sự khôi phục thông thường tình trạng trước đây để đền bù cho những khoản chi tiêu to lớn mà họ phải chịu đựng do chiến tranh. Họ cho rằng cần thiết phải đè bẹp nước Nga để cho nó không thể nhanh chóng phá hoại một lần nữa nền an ninh của toàn thế giới; và họ sốt ruột chờ đợi một chiến công vang dội nào đó như đánh chiếm Crôn-stát hoặc Xê-va-xtô-pôn. Không được sự khen thưởng lớn lao như thế về việc tham gia chiến tranh, họ sẽ không đồng ý ký hòa ước. Tâm trạng đó của nhân dân Anh chắc sẽ đưa tới sự thay đổi tức khắc của nội các và sự tiếp tục chiến tranh. Nhưng tuyệt nhiên không thể từ đó mà rút ra kết luận rằng, nếu chiến tranh tiếp diễn thì Nga sẽ bị những đòn nặng nề hơn là những đòn nó đã ném, - trừ phi người Thổ Nhĩ Kỳ và người Trê-kê-xi không có sự viện trợ nào của phương Tây mà vẫn chiếm được các tỉnh ngoại Cáp-ca-dơ của Nga. Nhìn vào những nhân vật chắc sẽ nắm chính quyền ở Luân Đôn sau khi huân tước A-đốc-bin từ chức, nhìn vào hành động của họ từ đầu chiến tranh cho tới nay, hoàn toàn có thể dự kiến rằng, một ngày nào đấy họ sẽ ký kết hòa ước trên cùng cơ sở mà sự gấn bó của huân tước A-bóc-đin hiện nay đang làm cho ông ta mất đi chức vụ của mình. Cho tới nay, chính sách ngoại giao của Áo đã thực hiện thành công; rất có thể là thắng lợi cuối cùng thuộc về nó.

*Do C.Mác và Ph.Ăng-ghen viết ngày
19-23 tháng Sáu 1854
Đã đăng làm xã luận trên tờ "New-York
Daily Tribune" số 4126, ngày 10 tháng Bảy
1854*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Anh
In bằng tiếng Nga lần đầu*

C.MÁC

CHIẾN TRANH. - NHỮNG CUỘC TRANH LUẬN Ở NGHỊ VIỆN

Luân Đôn, thứ ba, ngày 27 tháng Sáu 1854

Moniteur^{1*} của Nga ở Bu-ca-rét chính thức thông báo rằng theo lệnh của Xanh Pê-téc-bua, cuộc bao vây Xi-li-xtơ-ri đã bị rút bỏ, Giuyéc-giê-vô đã rút quân và toàn bộ quân đội Nga đang chuẩn bị trở về bên này sông Prút. Hôm qua, tờ "Times" đã đăng trong đợt phát hành thứ ba một tin điện tương tự do phóng viên của nó ở Viên báo về:

"Hoàng đế Nga xuất phát từ lòng tôn trọng sâu sắc đối với đồng minh cũ của mình đã thỏa mãn yêu cầu của Áo và ra lệnh cho quân đội của mình rút về bên này phòng tuyến sông Prút".

Huân tước Giôn Rốt-xen đã xác nhận trong phiên họp tối qua của hạ nghị viện tin tức về việc rút bỏ cuộc bao vây Xi-li-xtơ-ri, nhưng vẫn chưa nhận được thông tri chính thức về sự trả lời của Nga đối với những yêu cầu của Áo.

Nhờ có sự can thiệp của Áo, giữa quân Thổ Nhĩ Kỳ và quân Nga sẽ dựng lên một chướng ngại vật bảo đảm cho sự rút lui của quân Nga và tạo khả năng cho nó tăng cường quân đồn trú ở Crum và Xê-va-xtô-pôn và, có lẽ, còn nối lại liên lạc với đạo quân của Vô-rôn-xốp nữa. Ngoài ra, sự khôi phục Liên minh thần thánh giữa Nga, Áo và Phổ có thể coi là việc đã rồi trong khi các cường quốc đồng minh cự tuyệt chịu để cho sự khôi phục một cách bình thường status quo ante bellum^{2*}, một sự khôi phục nhiều lắm cũng chỉ làm cho Nga hoàng có những nhượng bộ nho nhỏ có lợi cho Áo.

Toàn bộ mảnh lối của cái "quyết định" vĩ đại ấy nghe đâu do Mét-téc-ních sáng tạo ra, song giờ đây đã bị phá sản vì cái tính ba hoa của lão già A-bóc-đin và bởi các mưu mô của Pan-móc-xtôn.

1* - Người truyền tin chính thức

2* - tình hình trước chiến tranh

sự bóc trần ấy, sẽ không đồng ý, ít ra là hiện nay, ký hòa ước mà không nhận được một sự bồi thường nào quan trọng hơn là sự khôi phục thông thường tình trạng trước đây để đền bù cho những khoản chi tiêu to lớn mà họ phải chịu đựng do chiến tranh. Họ cho rằng cần thiết phải đè bẹp nước Nga để cho nó không thể nhanh chóng phá hoại một lần nữa nền an ninh của toàn thế giới; và họ sốt ruột chờ đợi một chiến công vang dội nào đó như đánh chiếm Crôn-stát hoặc Xê-va-xtô-pôn. Không được sự khen thưởng lớn lao như thế về việc tham gia chiến tranh, họ sẽ không đồng ý ký hòa ước. Tâm trạng đó của nhân dân Anh chắc sẽ đưa tới sự thay đổi tức khắc của nội các và sự tiếp tục chiến tranh. Nhưng tuyệt nhiên không thể từ đó mà rút ra kết luận rằng, nếu chiến tranh tiếp diễn thì Nga sẽ bị những đòn nặng nề hơn là những đòn nó đã ném, - trừ phi người Thổ Nhĩ Kỳ và người Trê-kê-xi không có sự viện trợ nào của phương Tây mà vẫn chiếm được các tỉnh ngoại Cáp-ca-dơ của Nga. Nhìn vào những nhân vật chắc sẽ nắm chính quyền ở Luân Đôn sau khi huân tước A-đốc-bin từ chức, nhìn vào hành động của họ từ đầu chiến tranh cho tới nay, hoàn toàn có thể dự kiến rằng, một ngày nào đấy họ sẽ ký kết hòa ước trên cùng cơ sở mà sự gấn bó của huân tước A-bóc-đin hiện nay đang làm cho ông ta mất đi chức vụ của mình. Cho tới nay, chính sách ngoại giao của Áo đã thực hiện thành công; rất có thể là thắng lợi cuối cùng thuộc về nó.

*Do C.Mác và Ph.Ăng-ghen viết ngày
19-23 tháng Sáu 1854
Đã đăng làm xã luận trên tờ "New-York
Daily Tribune" số 4126, ngày 10 tháng Bảy
1854*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Anh
In bằng tiếng Nga lần đầu*

C.MÁC

CHIẾN TRANH. - NHỮNG CUỘC TRANH LUẬN Ở NGHỊ VIỆN

Luân Đôn, thứ ba, ngày 27 tháng Sáu 1854

Moniteur^{1*} của Nga ở Bu-ca-rét chính thức thông báo rằng theo lệnh của Xanh Pê-téc-bua, cuộc bao vây Xi-li-xtơ-ri đã bị rút bỏ, Giuyéc-giê-vô đã rút quân và toàn bộ quân đội Nga đang chuẩn bị trở về bên này sông Prút. Hôm qua, tờ "Times" đã đăng trong đợt phát hành thứ ba một tin điện tương tự do phóng viên của nó ở Viên báo về:

"Hoàng đế Nga xuất phát từ lòng tôn trọng sâu sắc đối với đồng minh cũ của mình đã thỏa mãn yêu cầu của Áo và ra lệnh cho quân đội của mình rút về bên này phòng tuyến sông Prút".

Huân tước Giôn Rốt-xen đã xác nhận trong phiên họp tối qua của hạ nghị viện tin tức về việc rút bỏ cuộc bao vây Xi-li-xtơ-ri, nhưng vẫn chưa nhận được thông tri chính thức về sự trả lời của Nga đối với những yêu cầu của Áo.

Nhờ có sự can thiệp của Áo, giữa quân Thổ Nhĩ Kỳ và quân Nga sẽ dựng lên một chướng ngại vật bảo đảm cho sự rút lui của quân Nga và tạo khả năng cho nó tăng cường quân đồn trú ở Crum và Xê-va-xtô-pôn và, có lẽ, còn nối lại liên lạc với đạo quân của Vô-rôn-xốp nữa. Ngoài ra, sự khôi phục Liên minh thần thánh giữa Nga, Áo và Phổ có thể coi là việc đã rồi trong khi các cường quốc đồng minh cự tuyệt chịu để cho sự khôi phục một cách bình thường status quo ante bellum^{2*}, một sự khôi phục nhiều lắm cũng chỉ làm cho Nga hoàng có những nhượng bộ nho nhỏ có lợi cho Áo.

Toàn bộ mảnh lối của cái "quyết định" vĩ đại ấy nghe đâu do Mét-téc-ních sáng tạo ra, song giờ đây đã bị phá sản vì cái tính ba hoa của lão già A-bóc-đin và bởi các mưu mô của Pan-móc-xtôn.

1* - Người truyền tin chính thức

2* - tình hình trước chiến tranh

Ở đây cần xin nhắc rằng, trong cuộc cải tổ nội các vừa rồi, mọi mưu toan nhằm bổ nhiệm cho được huân tước Pan-móc-xơn vào Bộ chiến tranh - một bộ mà báo chí của Pan-móc-xơn yêu cầu thành lập hơn hết thảy - đều bị phá sản, và một phần tử thuộc phái Pin, công tước Niu-ca-xlơ đã chiếm được cái chức vụ mà vị huân tước cao quý đã từng nhòm ngó, ngay trước mũi vị huân tước ấy. Rõ ràng là, thất bại này đã nhắc nhở huân tước Pan-móc-xơn rằng từ lâu đã đến lúc nên giải tán toàn bộ nội các, và do đó ông ta đã đẩy lên cuộc sóng gió hiện nay chống lại những người cầm đầu nội các, lấy bài diễn văn sơ suất của huân tước A-bốc-đin đập lại huân tước Linh-huê-xơ¹⁵⁷ làm cái cớ cho hành động đó. Tất cả báo chí Anh đều vớ ngay lấy bài diễn văn ấy, nhưng điều quan trọng đáng nêu lên là, tờ "Morning Herald" đã công khai vạch rõ sự tồn tại của một âm mưu chống lại huân tước A-bốc-đin ngay trước khi có bài diễn văn ấy. Thứ sáu vừa qua, ngài Lây-ác đã phát biểu tại hạ nghị viện và tuyên bố rằng vào thứ năm tới ông ta sẽ đưa ra ý kiến sau đây:

"Cách phát biểu mà vị thủ tướng của nữ hoàng sử dụng có hy vọng gây ra trong dư luận công chúng sự hoài nghi nghiêm trọng đối với những nhiệm vụ và mục đích của chiến tranh và giảm bớt hy vọng ký kết một hòa ước về vang lâu dài".

Trong ý kiến này có hai nhược điểm: một là, nó trái với hiến pháp do đó dễ có thể bị bác bỏ, vì rằng nó vi phạm quy tắc của nghị viện cấm hạ nghị sĩ chỉ trích những lời phát biểu tại thượng nghị viện, và, hai là, nó dường như tách rời lời phát biểu của thủ tướng về một vấn đề riêng biệt nào đó với toàn bộ hoạt động của nội các liên hiệp. Tuy nhiên, nó đã làm cho huân tước A-bốc-đin hoảng sợ đến mức hai giờ sau khi ý kiến ấy được đưa ra, huân tước A-bốc-đin đã phát biểu ý kiến và tuyên bố với giọng hết sức xúc động rằng:

"thứ hai tới" (vậy là sớm hơn ngài Lây-ác ba ngày) "ông ta sẽ trao cho nghị viện một bản sao bức công văn khẩn của ông gửi nước Nga sau khi ký Hiệp ước A-đri-a-nô-pôn, và lợi dụng cơ hội này để giải thích đôi điều về những sự xuyên tạc đối với lời phát biểu gần đây của ông tại thượng nghị viện về vấn đề chiến tranh".

Ý kiến của ngài Lây-ác buộc huân tước A-bốc-đin rời bỏ nội các, được tin tưởng mạnh mẽ đến nỗi tờ "Morning Advertiser" chẳng hạn, đã công bố thành phần của nội các sẽ thay thế nội các của huân tước A-bốc-đin và trong nội các ấy thủ tướng sẽ là Rốt-xen, còn bộ trưởng

Bộ chiến tranh là huân tước Pan-móc-xơn. Cũng dễ tưởng tượng rằng, phiên họp tối qua của thượng nghị viện đã thu hút một số lượng hết sức đông những *nhà âm mưu* quý tộc ham thích những cảnh giạt gân và bị kích động muốn nhìn xem huân tước A-bốc-đin gỡ mình ra khỏi cái tình cảnh khó xử và rắc rối như thế nào.

Trước khi đi tới tóm tắt lời phát biểu của huân tước A-bốc-đin và những lời công kích của hâu tước Clan-ri-các-đơ đối với huân tước, tôi phải quay trở lại thời gian và những hoàn cảnh có liên quan chủ yếu đến hai diễn giả; đấy là vào năm 1829, khi huân tước A-bốc-đin đứng đầu Bộ ngoại giao Anh. Lúc đó, hạm đội Nga dưới quyền chỉ huy của đô đốc Gây-đen đã phong tỏa eo biển Đắc-đa-nen, các vịnh Xa-rô-xơ và Ê-nô-xơ, cũng như các cảng Át-ra-mi-ti và Xmiéc-na, bất chấp hiệp định đã được ký kết năm 1815 giữa nội các Xanh Pê-téc-bua và nội các Luân Đôn, - căn cứ vào đó thì Nga không được tiến hành hoạt động quân sự nào ở Địa Trung Hải. Cuộc phong tỏa ấy đe dọa việc buôn bán của Anh ở Cận Đông, đã kích động dư luận Anh vẫn thường mơ màng lúc đó và gây ra sự phản kháng mạnh mẽ chống lại nước Nga và nội các. Tình hình đó đã dẫn tới những cuộc gặp gỡ giữa một bên là đại sứ Nga - công tước Li-ven và bá tước Ma-tu-sê-vích với một bên là Oen-lin-tơn và A-bốc-đin. Trong báo cáo khẩn gửi từ Luân Đôn ngày 1 (tức 13) tháng Sáu 1829, hâu tước Li-ven đưa tin về tính chất của cuộc đàm phán đang tiến hành như sau:

"Cuộc nói chuyện với huân tước A-bốc-đin diễn ra khoảng một giờ sau" (sau cuộc nói chuyện với công tước Oen-lin-tơn, không hoàn toàn làm vừa lòng nhà ngoại giao Nga), "cũng không kém phần đáng chú ý. Ông ta hoàn toàn không biết cuộc tiếp kiến của tôi với thủ tướng, nhưng khi biết rõ chi tiết của nó, thì ông ta ra sức *làm phai mờ* đi những ấn tượng không vui mà những lời lẽ của ông ta khi mở đầu cuộc nói chuyện có thể để lại. Ông ta nhiều lần bảo đảm *rằng Anh không hề có ý định kiểm soát tranh chấp với Nga*; rằng nếu như nội các Anh cố sức ảnh hưởng đến chúng ta, để chúng ta rút bỏ cuộc phong tỏa Ê-nô-xơ, thì nó làm điều đó chỉ là xuất phát từ nguyện vọng ngăn ngừa những đòi hỏi rầy rà và củng cố quan hệ hữu hảo giữa hai nội các; *rằng có lẽ chúng ta có nhiều căn cứ hơn là chúng ta tưởng, để vui mừng về những lợi ích mà chúng ta nhận được từ sự giúp đỡ có kết quả tốt và thường xuyên ấy của Anh*. Ông ta cho rằng công lao của mình là ở chỗ, để duy trì sự hòa hợp ấy ông ta đã dung hòa với những lợi ích tạm thời mà cuộc phong tỏa vịnh Ê-nô-xơ có thể đem lại cho chúng ta; nhưng ông ta lo rằng Xanh Pê-téc-bua không hiểu được đầy đủ lập trường của nội các Anh. Những ý kiến phản đối mà đôi lúc A-bốc-đin đưa ra, chẳng hạn như, trong khi xảy ra sự kiện vừa rồi, đều bị quy

cho là ác ý và những quan điểm thù địch của ông ta, mà sự thực thì cái loại ý định và arrière-pensées^{1*} ấy rất xa lạ với tâm tư và chính sách của ông ta. Nhưng mặt khác, tình thế của ông ta là hết sức khó xử. Dư luận Anh luôn luôn sẵn sàng công kích thù địch chống lại nước Nga. *Chính phủ Anh không thể thường xuyên không đếm xỉa đến điều đó* và nếu khiêu khích dư luận trên vấn đề có liên quan mật thiết (nói về quyền trên biển) với những *thành kiến dân tộc* như vậy, thì quả là điều nguy hiểm. Song Nga vẫn có thể trông đợi ở thiện cảm và tình hữu nghị của *nội các Anh đang đấu tranh chống nó*" (chỉ những thành kiến dân tộc).

"Về điểm này, tôi bác lại rằng: "Tôi biết ý nghĩa của dư luận ở Anh, và tôi đã quan sát nó biến đổi như thế nào trong mấy hôm nay. Dư luận phản đối chúng tôi trong cuộc chiến tranh này, vì nó cho rằng chúng tôi là kẻ xâm lược, trong khi chúng tôi bị xâm phạm; nó lên án chúng tôi có ý định lật đổ Đế quốc Ôt-tô-man, tuy chúng tôi *đã tuyên bố* rằng điều đó không nằm trong kế hoạch của chúng tôi; sau hết nó gán cho chúng tôi cái chính sách hiếu danh mà *bản thân chúng tôi phản đối*. *Giáo dục cho dư luận hiểu rõ vấn đề ấy* là biện pháp tốt nhất để chinh đốn dư luận".

Huân tước A-bóc-đin trả lời tôi rằng sự việc không hoàn toàn như tôi nói với ông ta; dư luận phản đối Nga, vì rằng ở Anh nhìn chung nó sốt sắng ủng hộ đảng Vích, nhưng *au reste*^{2*}, *nội các Anh tuyệt nhiên không muốn chúng ta thất bại*; trái lại, *nó muốn chúng ta thắng lợi nhanh chóng và có tính chất quyết định*, vì nó biết rằng đây là biện pháp duy nhất để kết thúc cuộc chiến tranh mà người ta không thể xem là cái gì khác hơn một điều bất hạnh lớn, bởi vì không thể lường trước được những hậu quả của nó! Khi kết thúc cuộc nói chuyện, vị bộ trưởng Anh đi vào những lập luận dài dòng để chứng minh rằng chúng tôi đã gán cho ông ta những ý đồ mà ông ta không thể có được, và cuối cùng tuyên bố rằng *nội các Luân Đôn hy vọng rằng chiến tranh sẽ kết thúc với danh dự và lợi ích cho nước Nga*^{189*}.

Có điều kỳ quặc là, không có một ai trong số kẻ thù của huân tước A-bóc-đin cho rằng việc dẫn bức công văn ấy ra là thỏa đáng, công văn này đã tố cáo một cách hùng hồn hành động của ông ta trong thời kỳ trước khi ký Hiệp ước A-đri-a-nô-pôn, đến nỗi không thể coi trọng tý nào nội dung của bức công văn mật mà quý ngài đã viết *sau khi* ký kết hiệp ước ấy. Việc công bố bức công văn dẫn ra trên kia sẽ là một ngọn đèn đập tan cái luận cứ duy nhất mà huân tước A-bóc-đin dùng để bào chữa cho mình trong bài phát biểu của ông ta tối hôm qua. Sự biện hộ thực sự của ông ta chỉ có thể là sự công khai phản tố huân tước Pan-móc-xơn, bởi vì toàn bộ cuộc "ấu đả" ấy chỉ nổ ra giữa hai tên đầy tớ cũ ấy của nước Nga đang cạnh tranh với nhau mà thôi.

1* - những thâm ý

2* - tuy thế

Huân tước A-bóc-đin mở đầu bằng lời tuyên bố rằng ông ta chẳng có gì phải rút về, cũng chẳng có gì phải bác bỏ, nhưng ông ta chỉ muốn "giải thích" chút ít thôi. Có người chỉ trích sai rằng dường như ông ta dành cho mình cái vinh dự dự thảo ra Hiệp ước A-đri-a-nô-pôn. Ông hoàn toàn không dự thảo hiệp ước ấy, mà là phản đối nó, thượng nghị viện có thể tin chắc vào điều đó qua bản báo cáo mà hiện nay ông ta đề nghị công bố. Sự lo âu mà hiệp ước ấy gây ra cho ông ta và các bạn đồng sự của ông ta lớn đến mức, riêng sự tồn tại của hiệp ước đó đã gây ra sự biến đổi của toàn bộ chính sách của chính phủ trên một vấn đề hết sức quan trọng. Sự thay đổi ấy trong chính sách, biểu hiện ở chỗ nào? Trước khi ký Hiệp ước A-đri-a-nô-pôn, cả ông ta, huân tước A-bóc-đin, lẫn công tước Oen-lin-tơn bấy giờ tuân theo chính sách của Ca-ninh, đều hoàn toàn không nghĩ đến việc thành lập vương quốc Hy Lạp độc lập, mà chỉ muốn thành lập một nước chư hầu dưới quyền bảo hộ của Chính phủ Thổ Nhĩ Kỳ, đại loại như Va-la-ki và Môn-đa-vi-a. Sau khi ký Hiệp ước A-đri-a-nô-pôn, họ thấy rằng tình hình Đế quốc Thổ Nhĩ Kỳ nguy ngập và sự tồn tại của nó không ổn định đến mức họ đề nghị biến Hy Lạp từ một nước chư hầu thành một vương quốc độc lập. Nói cách khác, đã quyết định, - vì Hiệp ước A-đri-a-nô-pôn đã thúc đẩy mạnh mẽ như vậy sự suy yếu của Thổ Nhĩ Kỳ, - đổi chọi lại những hậu quả nguy hiểm của nó bằng việc *cắt bỏ* của Thổ Nhĩ Kỳ một số tỉnh. "Sự thay đổi" là ở đó.

Tuy sự lo sợ của họ về những hậu quả có thể có của hiệp ước ấy bị thổi phồng lên, nhưng huân tước A-bóc-đin không phải là không tính đến tác hại cực độ của nó. Bấy giờ ông ta đã nói rằng, "Nga không nhờ hiệp ước này mà được lãnh thổ đáng kể", mà hiện nay ông ta còn tin rằng, trong vòng 50 năm nay, Đế quốc Nga không mở rộng lãnh thổ của mình được nhiều ở châu Âu như huân tước Linh-huê-xơ khẳng định. (Theo huân tước cao quý thì, Bét-xa-ra-bi-a, Phần Lan và Vương quốc Ba Lan không phải là những thành quả lớn). Nhưng, như ông ta đã nói trong bản báo cáo khẩn của mình viết tháng Chạp 1829, nếu như sự kiểm soát của Nga về đất đai không lớn, thì nó lại có ý nghĩa lớn: một là, nó làm cho Nga "một mình khống chế việc thông thương trên sông Đa-nuýp, và hai là - một số cảng ở châu Á thực ra không lớn nhưng rất quan trọng về chính trị". (Lãnh thổ rộng lớn mà người Nga

kiếm chác được ở Cáp-ca-dơ lại biến mất trong trí nhớ của huân tước A-bóc-đin). Với quan điểm đó, ông ta quả quyết rằng, Hiệp ước A-đri-a-nô-pôn đã mở đầu cho sự thay đổi chính sách của Nga là nước từ khi ký hiệp ước này đã ra sức mở rộng ảnh hưởng chính trị của mình hơn là kiếm chác những đất đai mới. Sự thay đổi chính sách không có nghĩa là sự thay đổi ý đồ. "Xa-tăng chỉ trở nên quái quỷ hơn trước mà thôi". Việc Nga đã thỏa thuận với Sác-lơ X một kế hoạch thôn tính Thổ Nhĩ Kỳ không phải bằng con đường xâm chiếm gây ra sự lo sợ, mà bằng một loạt hiệp ước, - việc ấy đã bị lừa gạt đi. Huân tước A-bóc-đin cũng cho rằng không nên nhắc nhở rằng - ngay trước khi ký Hiệp ước A-đri-a-nô-pôn và Hiệp ước ở Un-ki-ác-I-xkê-lê-xi mà ông ta coi là bằng chứng về sự thay đổi chính sách của Nga, - vào năm 1827 Nga đã cam kết với Pháp và Anh là không mưu toan lợi dụng cuộc chiến tranh với Thổ Nhĩ Kỳ để chiếm thêm đất đai mới, và không được phép của Anh thì năm 1833 Nga không được điều quân đến Công-xtăng-ti-nô-pô-li.

Tiếp đó huân tước A-bóc-đin còn nhận xét rằng, câu nói của ông ta: "nếu như chúng ta có thể đạt được dù chỉ là 25 năm hòa bình, sau khi ký Hiệp ước A-đri-a-nô-pôn, thì điều đó cũng không tồi đâu" đã bị hiểu sai theo tinh thần là dường như ông ta đã chuẩn bị trở lại một hiệp ước tương tự như Hiệp ước A-đri-a-nô-pôn. Ông ta chỉ muốn nói rằng:

"nếu như nhờ một hiệp ước nào đó mà chiến tranh đưa tới ký kết, có thể bảo đảm 25 năm hòa bình, thì nhìn vào sự biến đổi bất thường của sự nghiệp loài người, điều đó không phải xấu đâu. Ông ta hoàn toàn không đề nghị khôi phục lại status quo, nhưng cũng không phản đối nó. Trước khi tuyên chiến, họ không trông mong và không hy vọng gì hơn là status quo; họ không muốn đạt được gì nhiều hơn, và Chính phủ Thổ Nhĩ Kỳ đồng ý điều đó và điều đó lại nhiều hơn nhiều so với cái mà hoặc có quyền chờ đợi. Nhưng một khi đã tuyên chiến, thì toàn bộ cách đặt vấn đề sẽ hoàn toàn thay đổi, và tất cả đều tùy thuộc vào chiến tranh... Không ai có thể nói được rằng người ta sẽ xa rời cái status quo đến đâu, vì rằng điều đó tùy thuộc vào những sự kiện mà tiến trình của những sự kiện ấy không ai chi phối được. Có một điều mà ông ta có thể nói được: nền độc lập và sự toàn vẹn của Đế quốc Ôt-tô-man phải được bảo đảm, và được bảo đảm thực sự".

Phải đảm bảo như thế nào, thì điều này huân tước A-bóc-đin không thể nói được, vì rằng nó vẫn tùy thuộc vào tiến trình của chiến tranh. Người ta hiểu ông ta như thế ông ta không tin vào sự đe dọa tấn công

của Nga, hoặc nghi ngờ tính hiện thực của nó; trên thực tế, ông ta hết sức lo sợ cuộc tấn công của Nga đối với Thổ Nhĩ Kỳ, tuy không cảm thấy lo sợ nhiều về cuộc tấn công của Nga đối với châu Âu và "sự lo sợ này mỗi ngày một giảm đi". Ông ta coi Pháp mạnh hơn cả Nga và Áo gộp lại. Tiếp đó, vị huân tước cao quý than phiền về "sự đặt điều quá quắt và sự công kích cá nhân đầy ác ý mà ông ta phải chịu đựng". Còn sự thực, thì trong nước không có người đem lại hòa bình nào hơn ngoài ông ta, nhưng chính lòng yêu chuộng hòa bình của ông ta khiến ông ta đặc biệt thích hợp với việc tiến hành chiến tranh với một nghị lực tối đa.

"Bạn đồng sự của ông ta không phủ nhận rằng có lẽ hơn bất cứ ai, ông ta kiên quyết yêu cầu tiến lên nhanh chóng và tập trung lực lượng liên quân ở Ban-căng để chi viện cho quân đội anh dũng của Ô-me-rơ-pa-sa và chia tay ra cho Áo để Áo có thể tham gia tích cực hơn vào hoạt động quân sự".

Đây là đường lối hành động mà A-bóc-đin kiên trì không thay đổi. Về câu chất vấn của huân tước Bô-mông thì ông ta trả lời rằng "tuy trước kia ông ta là bạn thân của hầu tước Mét-téc-ních, nhưng từ khi ông ta nắm chính quyền - trong 18 tháng gần đây, - ông ta không có liên hệ trực tiếp hoặc gián tiếp gì với hầu tước; chỉ có trước đây mấy ngày, một người bạn gái của ông ta báo cho ông ta rằng bà chuẩn bị viết thư cho Mét-téc-ních, và hỏi ông có gửi gì cho hầu tước không; A-bóc-đin trả lời: "Xin chuyển giúp lời thăm hỏi thân thiết của tôi".

Bài phát biểu của A-bóc-đin về đại thể được nghị viện thông qua một cách thuận lợi, nhưng điều đáng chú ý là không có ai trong nội các bác bỏ gì sự trả lời châm chọc đối với ông ta của hầu tước Clan-ri-các-đơ, - là người theo đuổi tuyệt vọng chức bộ trưởng và là cựu đại sứ của huân tước Pan-móc-xơn ở Xanh Pê-téc-bua, - mà cũng không có ai trong số họ lên tiếng để xác nhận A-bóc-đin là người đầu tiên chủ trương kiên quyết tiến hành chiến tranh.

Hầu tước Clan-ri-các-đơ trình bày đặc biệt tỉ mỉ về sự tham gia của A-bóc-đin vào việc dự thảo Hiệp ước A-đri-a-nô-pôn, về sự đánh giá chung đối với quá khứ chính trị của ông ta và về những sai phạm mà ông ta mắc phải trong quá trình cầm quyền hiện nay. Hầu tước nói

rằng, vì lợi ích cá nhân, thuần túy xuất phát từ động cơ cá nhân, huân tước A-bóc-đin hiện nay công bố bức công văn khẩn mà trước đây mấy tháng ông ta từ chối thông báo cho các thành viên khác của hai viện. Nhưng công văn khẩn ấy mang nội dung khác hẳn với nội dung mà vị huân tước cao quý đã viết ở Xanh Pê-téc-bua vào tháng Chạp 1829 sau khi Hiệp ước A-đri-a-nô-pôn đã được ký kết vào tháng Chín. Thực chất của vấn đề là bấy giờ huân tước đã ra những chỉ thị gì cho đại sứ Anh, và đã có những biện pháp gì để *ngăn cản* việc ký kết hiệp định ấy. Viên tướng thống lĩnh quân đội Nga ở A-dri-a-nô-pôn có không quá 15000 binh sĩ, trong số đó phải trừ đi 5000 - 6000 người đứng ra đã bị hors de combat^{1*} vì ốm đau hoặc bị thương. Mặt khác, viên tướng Thổ Nhĩ Kỳ với 25000 quân An-ba-ni đóng ở gần đó. Tướng Nga cho Thổ Nhĩ Kỳ một thời hạn rất ngắn để quyết định - ký kết hoặc không ký kết những điều kiện đưa ra - vì y biết rằng nếu cho người Thổ Nhĩ Kỳ một thời hạn dài thì tình hình thực sự của y sẽ có thể bị lộ. Vì vậy y đã cho người Thổ Nhĩ Kỳ không quá từ 5 đến 8 ngày. Ở Công-xtăng-ti-nô-pô, bộ trưởng Thổ Nhĩ Kỳ mời đại sứ Anh và Áo và đặc sứ của Phổ đến thương lượng và xin ý kiến họ. Đại sứ Anh tuân theo chỉ thị của huân tước A-bóc-đin khuyên nên nhanh chóng ký kết hiệp ước mà hiện nay vị huân tước cao quý nói là hết sức có hại.

Một tình hình mà hầu tước cao quý không muốn nhắc tới là chính những lời công kích gay gắt mà bạn của hầu tước là huân tước Pan-móc-xtôn nguyên bấy giờ ở phe đối lập, đưa ra chống lại huân tước A-bóc-đin, lên án A-bóc-đin là chống Nga quá đáng, - đã buộc A-bóc-đin ra lệnh ký hiệp ước.

Tiếp đó, hầu tước khiển trách thủ tướng về chỗ ông ta bao giờ cũng là kẻ ủng hộ sốt sắng nhất, kiên định nhất và mạnh mẽ nhất chế độ chuyên chế ở châu Âu, để chứng minh cho điều đó, hầu tước đã dẫn ra lịch sử Bồ Đào Nha, Bỉ và Tây Ban Nha và ám chỉ sự phản đối của A-bóc-đin đối với liên minh bốn nước nổi tiếng năm 1834¹⁵⁹. Quả thực, phải có sự phớt tỉnh và sự trơ trẽn của một vị huân tước cao niên thuộc đảng vích mới có thể ca tụng trong lúc đó cái "vinh quang" của Bỉ, cái "chủ nghĩa lập hiến" ở Bồ Đào Nha và Tây Ban Nha và sự thịnh vượng

1* - loại khỏi vòng chiến đấu

chung mà châu Âu nhờ vả ở liên minh bốn nước, cái liên minh mà Pan-móc-xtôn đã nói tới trong lời biện hộ của mình, - bất chấp sự thực, - hình như là do Ta-lây-răng, chứ không phải do ông ta, Pan-móc-xtôn đề xướng ra.

Về các chiến dịch trong cuộc chiến tranh hiện nay, Clan-ri-các-đơ nói rằng, kế hoạch tác chiến là do nhà đương cục quân sự tối cao của Nga đặt ra từ tháng Chạp năm ngoái, rằng Chính phủ Anh đã biết rõ kế hoạch ấy dự định không chỉ đơn thuần chiếm đánh các công quốc thuộc vùng sông Đa-nuýp, mà còn vượt sông Đa-nuýp, chiếm Xi-li-xơ-ri, đánh vu hồi Sum-la và tiến về Ban-căng. Vị huân tước cao quý nắm được những tin báo ấy, chỉ phát biểu trước nghị viện mấy bài diễn văn về hòa bình và cho rằng không cần báo cho nghị viện biết về những chỉ thị mà nội các ra cho Bộ chiến tranh vào lúc đó và vào cuối tháng Hai hoặc đầu tháng Ba.

Nếu như ngài Clan-ri-các-đơ nhớ được huân tước Pan-móc-xtôn đã trả lời Đi-xra-e-li ở hạ nghị viện như thế nào, và huân tước Cla-ren-đôn đã trả lời bản thân ông ta như thế nào tại thượng nghị viện, thì ông sẽ không để mình sa vào cái tình cảnh nực cười là chỉ chê trách huân tước A-bóc-đin về sự sơ suất trách nhiệm ấy mà không chê trách cả các bạn của mình thuộc đảng Vích, tuy rằng toàn bộ nội các đều đáng chê trách.

"Nếu như", - hầu tước thốt lên, - "nếu như mười lăm tháng trước đây, chính phủ đã đi theo con đường nên đi, - tôi hầu như muốn nói - một con đường vinh quang, thì hoàn toàn không có chiến tranh rồi".

Đấy chính là những lời mà ngài Đi-xra-e-li nói với huân tước Giôn Rốt-xen.

Cuối cùng, hầu tước đã đi tới chỗ lối bịch đến mức quy cho cá nhân huân tước A-bóc-đin, và chỉ riêng ông ta thôi, mọi sai lầm của nội các liên hiệp và những thất bại liên tiếp mà nội các đã vấp phải tại nghị viện về tất cả những vấn đề quan trọng. Hầu tước đã quên mất rằng ngay khi thành lập nội các đó, những người hoàn toàn tỉnh táo đã nói rằng nó sẽ không đứng nổi sáu tuần lễ, nếu như nó không đưa ra công khai mọi vấn đề lập pháp và không từ bỏ mọi mảnh khoé chính trị.

Sau lời phát biểu ngu xuẩn của huân tước Brum tuyên bố rằng ông ta hoàn toàn thỏa mãn về lời phát biểu đầu tiên và nhất là lời phát biểu thứ hai của huân tước A-bóc-đin, vấn đề đã được giải quyết.

Thực chất của toàn bộ sự kiện ấy là ý nghĩa của nghị định thư bí mật được dự thảo ở Viên đã bị xóa toẹt, và điều đó có nghĩa là sự tiếp tục của hoạt động quân sự và của chiến tranh, mà người ta tin chắc sẽ kết thúc nhanh chóng đến mức công trái dài hạn đã lên giá 3% mặc dù trên thị trường có nhiều loại công trái lớn, còn ở các câu lạc bộ quân đội thì người ta đánh cược rằng chiến tranh không kéo dài quá bốn tuần.

*Do C.Mác viết ngày 27 tháng Sáu 1854
Đã đăng trên tờ "New-York Daily Tribune"
số 4126, ngày 10 tháng Bảy 1854
Ký tên: Các Mác*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Anh*

C.MÁC

***CUỘC KHỞI NGHĨA Ở MA-ĐRÍT. - HIỆP ƯỚC ÁO - THỔ NHĨ KỲ. - MÔN-ĐA-VI-A VÀ VA-LA-KI**

Luân Đôn, thứ ba, ngày 4 tháng Bảy 1854

Cuộc khởi nghĩa của quân đội ở Ma-đrít mà người ta chờ đợi từ lâu, rút cục, đã nổ ra dưới sự lãnh đạo của các tướng Ô' Đôn-nen và Đun-xơ¹⁶⁰. Báo chí của Chính phủ Pháp vội đưa tin cho chúng ta rằng, theo tin tức họ nhận được, thì Chính phủ Tây Ban Nha đã khắc phục được tình hình nguy ngập và cuộc khởi nghĩa đã bị đàn áp. Nhưng phóng viên của tờ "Morning Chronicle" tại Ma-đrít là người đã tường thuật tỉ mỉ cuộc khởi nghĩa và dẫn ra toàn văn bản tuyên bố của quân khởi nghĩa, lại nói rằng quân khởi nghĩa rút khỏi thủ đô chỉ là để hợp nhất với quân đồn trú An-ca-la, và nếu như tình thế ở Ma-đrít không có lợi, thì họ có thể tiến về Xa-ra-gốt một cách dễ dàng. Nếu như phong trào này thuận lợi hơn cuộc khởi nghĩa vừa rồi ở thành phố này¹⁶¹, thì tình hình đó sẽ buộc Pháp phải từ bỏ những hoạt động quân sự mà nó tiến hành, sẽ tạo lý do cho sự bất đồng giữa Pháp và Anh và, có thể ảnh hưởng đến những sự rắc rối hiện có giữa Tây Ban Nha và Hợp chúng quốc.

Rõ ràng là, công trái mới của Nga, hiển nhiên, chưa được các ngài Hộp ở Am-xtéc-đam làm xong thủ tục, như tôi đã nêu lên trước đây^{1*} căn cứ vào các thông báo của các sở giao dịch ở Luân Đôn và Man-se-xơ, và các chủ ngân hàng này không chịu ứng trước cho ngân khố Nga bất cứ khoản tiền mặt nào. Họ chỉ đồng ý đề nghị khoản công trái này với các sở giao dịch ở châu Âu, mà bản thân thì không nhận khoản nào cả. Tin tức cho biết rằng sự thành công của khoản công trái này rất đáng nghi ngờ, và chúng tôi được tin rằng ở Béc-lin và Phran-phuốc người ta đang tỏ ra không đồng tình với nó. Thượng nghị

1* Xem tập này, tr. 309-310.

Sau lời phát biểu ngu xuẩn của huân tước Brum tuyên bố rằng ông ta hoàn toàn thỏa mãn về lời phát biểu đầu tiên và nhất là lời phát biểu thứ hai của huân tước A-bóc-đin, vấn đề đã được giải quyết.

Thực chất của toàn bộ sự kiện ấy là ý nghĩa của nghị định thư bí mật được dự thảo ở Viên đã bị xóa toẹt, và điều đó có nghĩa là sự tiếp tục của hoạt động quân sự và của chiến tranh, mà người ta tin chắc sẽ kết thúc nhanh chóng đến mức công trái dài hạn đã lên giá 3% mặc dù trên thị trường có nhiều loại công trái lớn, còn ở các câu lạc bộ quân đội thì người ta đánh cược rằng chiến tranh không kéo dài quá bốn tuần.

*Do C.Mác viết ngày 27 tháng Sáu 1854
Đã đăng trên tờ "New-York Daily Tribune"
số 4126, ngày 10 tháng Bảy 1854
Ký tên: Các Mác*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Anh*

C.MÁC

***CUỘC KHỞI NGHĨA Ở MA-ĐRÍT. - HIỆP ƯỚC ÁO - THỔ NHĨ KỲ. - MÔN-ĐA-VI-A VÀ VA-LA-KI**

Luân Đôn, thứ ba, ngày 4 tháng Bảy 1854

Cuộc khởi nghĩa của quân đội ở Ma-đrít mà người ta chờ đợi từ lâu, rút cục, đã nổ ra dưới sự lãnh đạo của các tướng Ô' Đôn-nen và Đun-xơ¹⁶⁰. Báo chí của Chính phủ Pháp vội đưa tin cho chúng ta rằng, theo tin tức họ nhận được, thì Chính phủ Tây Ban Nha đã khắc phục được tình hình nguy ngập và cuộc khởi nghĩa đã bị đàn áp. Nhưng phóng viên của tờ "Morning Chronicle" tại Ma-đrít là người đã tường thuật tỉ mỉ cuộc khởi nghĩa và dẫn ra toàn văn bản tuyên bố của quân khởi nghĩa, lại nói rằng quân khởi nghĩa rút khỏi thủ đô chỉ là để hợp nhất với quân đồn trú An-ca-la, và nếu như tình thế ở Ma-đrít không có lợi, thì họ có thể tiến về Xa-ra-gốt một cách dễ dàng. Nếu như phong trào này thuận lợi hơn cuộc khởi nghĩa vừa rồi ở thành phố này¹⁶¹, thì tình hình đó sẽ buộc Pháp phải từ bỏ những hoạt động quân sự mà nó tiến hành, sẽ tạo lý do cho sự bất đồng giữa Pháp và Anh và, có thể ảnh hưởng đến những sự rắc rối hiện có giữa Tây Ban Nha và Hợp chúng quốc.

Rõ ràng là, công trái mới của Nga, hiển nhiên, chưa được các ngài Hộp ở Am-xtéc-đam làm xong thủ tục, như tôi đã nêu lên trước đây^{1*} căn cứ vào các thông báo của các sở giao dịch ở Luân Đôn và Man-se-xơ, và các chủ ngân hàng này không chịu ứng trước cho ngân khố Nga bất cứ khoản tiền mặt nào. Họ chỉ đồng ý đề nghị khoản công trái này với các sở giao dịch ở châu Âu, mà bản thân thì không nhận khoản nào cả. Tin tức cho biết rằng sự thành công của khoản công trái này rất đáng nghi ngờ, và chúng tôi được tin rằng ở Béc-lin và Phran-phước người ta đang tỏ ra không đồng tình với nó. Thượng nghị

1* Xem tập này, tr. 309-310.

viện Hăm-buốc cấm định giá chính thức công trái đó, còn như nếu tin vào tờ "Morning Chronicle", thì các nhân viên ngoại giao và các lãnh sự Anh đã ra thông cáo cho các công dân Anh nhắc nhở họ không được đặt mua công trái "có mục đích tiến hành chiến tranh chống lại nữ hoàng".

Những tin tức về sự vận động của quân Nga sau khi rút bỏ cuộc bao vây Xi-li-xtơ-ri đều mâu thuẫn nhau. Trong khi tờ "Moniteur" đưa tin quân Nga rút sang bên kia sông Prút, thì tờ "Presse" ở Viên quả quyết rằng không có căn cứ dù là nhỏ nhất để tin vào điều đó. Xem ra thì, trái lại, quân Nga thậm chí không có ý định rút khỏi Va-la-ki, vì rằng tướng Li-pran-đi đã chiếm lĩnh trận địa ở Plô-ê-sơ-ti và Crum-pi-na rồi, ông ta đặt các đồn tiền tiêu của mình ở đường vào đèo Rô-téc-tuốc-mơ, trong khi đó, theo tin tức cho biết, thì quân đội chủ lực đi qua Xlô-bốt-đê-a và men theo tả ngạn sông Đa-nuýp, dừng lại ở Brai-lốp. Mặt khác, quân đoàn của Li-đéc chiếm lĩnh Đô-brút-gia, vẫn chưa rút bỏ phòng tuyến ở thành lũy Tô-ra-i-a-nốp, và ngay trong trường hợp rút xa hơn nữa, cũng ít có khả năng họ trao trả Mét-sin và I-xác-tra. Nghe nói, một số lượng lớn quân đồng minh đang tiến về Môn-đa-vi-a là nơi mà, xem ra, quân Nga đang chuẩn bị tập trung những lực lượng lớn: quân đoàn của tướng Pa-nuy-tin được điều từ Pô-đô-li đến đây và lực lượng bổ sung cũng đang từ Bét-xa-ra-bi-a kéo tới. Toàn bộ lực lượng của quân Nga ở Thượng Môn-đa-vi-a, giữa Giát-xi, Rô-manh và Bô-tô-sa-ni, hầu như lên tới 60000 người và có một sư đoàn gồm 2000 người đóng ở Ca-men-xơ. Tờ "Ost-Deutsche Post" đưa tin - "Pa-xkê-vích tuyên bố rằng trong bất cứ tình huống nào ông ta cũng không rút bỏ cửa sông Đa-nuýp". Người Nga giải thích việc rút lui của họ chỉ là do bệnh dịch xảy ra ở thượng lưu sông Đa-nuýp.

Hoạt động của quân Áo hiện còn chưa hoàn toàn rõ ràng. Có tin đồn, quân đoàn Cô-rô-ni-ni đã nhận được lệnh đáp tàu thủy đi Oóc-sô-va để xuôi dòng đến Giuyéc-giê-vô và từ đấy tiến về Bu-ca-rét. Tờ "Corriere Italiano", cơ quan của Chính phủ Áo đưa tin rằng, mục đích duy nhất của chiến dịch này là chiếm lĩnh vị trí trung lập ở Va-la-ki; đồng thời chúng tôi được tin rằng Nga đã cự tuyệt "tối hậu thư" của Áo. Bức điện đăng trên tờ "Morning Post" nói:

"Trong công hàm trả lời những yêu cầu của Áo, hoàng đế Nga tỏ ý sẵn sàng đàm phán với bốn cường quốc về tất cả mọi vấn đề, trừ vấn đề đặc quyền của các thần dân theo đạo Cơ Đốc của vua Thổ Nhĩ Kỳ. Về vấn đề này, hoàng đế có ý định chỉ đàm phán trực tiếp với Chính phủ Thổ Nhĩ Kỳ và từ chối sự can thiệp của bốn cường quốc. Hoàng đế cũng cự tuyệt mọi sự bảo đảm đối với việc rút quân khỏi các công quốc thuộc vùng sông Đa-nuýp".

Do đó hoàn toàn có thể là, hậu quả của sự cự tuyệt đó sẽ là một cuộc chiến tranh có tính chất phô trương giữa Áo và Nga. Cuộc chiến tranh này sẽ biến thành một rencontre^{1*} rất dữ dội về vang, giống như sự kiện nổi tiếng ở Brôn-xen-lơ, nó kết thúc vào năm 1850 cuộc chiến tranh giả tạo giữa Phổ và Áo¹⁶², vào lúc mà các báo còn hoảng sợ dự đoán về những hậu quả ghê gớm của "cuộc khủng hoảng trung Âu" ấy. Đi vào hiệp ước Áo - Thổ Nhĩ Kỳ ngày 14 tháng Sáu đang tồn tại thực tế mà toàn văn đã được công bố chính thức còn hơn là đi vào những giả định tương tự về tác dụng có thể có của nó đối với chính sách hiện hành của Áo.

Ở đây cần chú ý đến hai nhân tố: quan hệ giữa Áo và Thổ Nhĩ Kỳ và quan hệ giữa nhân dân Môn-đa-vi-a-Va-la-ki đối với Thổ Nhĩ Kỳ và Áo hoặc các nước ngoài khác; điều lạ lùng là, dư luận châu Âu hoàn toàn chịu ảnh hưởng của các nhà ngoại giao đã hoàn toàn coi thường nhân tố sau.

Điều một của hiệp ước nêu rõ:

"Hoàng đế Áo phải dùng mọi thủ đoạn như ngoại giao và các thủ đoạn khác để làm cho quân đội nước ngoài chiếm đóng các công quốc thuộc vùng sông Đa-nuýp rút khỏi vùng này, và thậm chí, khi cần phải một số lượng quân đội cần thiết để đạt được mục đích ấy".

Điều khoản này làm cho hoàng đế Áo có toàn quyền đưa vào Va-la-ki bất cứ số lượng quân đội nào, mà không phải tuyên chiến trước với Nga. Như thế là các nước chư hầu của Thổ Nhĩ Kỳ sẽ chịu đựng những hoạt động biến họ thành một khu vực trung lập dưới quyền thống trị của Áo và chống lại Thổ Nhĩ Kỳ. Điều hai quy định rằng:

"Quyền chỉ đạo hoạt động của quân đội chỉ thuộc tổng tư lệnh của đế quốc. Nhưng vị tổng tư lệnh này phải chú ý để kịp thời thông tri cho tổng tư lệnh quân đội Ôt-tô-man về những hoạt động mà mình định tiến hành".

1* - trận đọ sức

Dựa vào điều thỏa thuận này, người Áo không những thoát khỏi bất cứ sự kiểm soát nào của Thổ Nhĩ Kỳ đối với bất cứ hoạt động nào mà người ta cho là thích đáng, mà còn được quyền kiểm soát tuyệt đối đối với mọi hoạt động mà bộ tổng tư lệnh Thổ Nhĩ Kỳ có thể tiến hành trên lãnh thổ Va-la-ki, vì rằng họ chỉ cần thông tri cho bộ tổng tư lệnh Thổ Nhĩ Kỳ về ý định của họ muốn chiếm địa điểm nào đó là đủ ngăn cản quân Thổ Nhĩ Kỳ tiến đến nơi đó. Nếu như chú ý rằng, ngoài khu vực Đô-brút-gia nhỏ hẹp, các công quốc thuộc vùng sông Đa-nuýp là chiến trường duy nhất có thể có của cuộc chiến tranh Nga - Thổ Nhĩ Kỳ, thì rõ ràng là sự can thiệp của Áo có thể dễ dàng ngăn cản Thổ Nhĩ Kỳ mở rộng thắng lợi của họ và trừng phạt kẻ địch xâm nhập lãnh thổ của nước này.

Theo điều ba thì

"hoàng đế Áo căn cứ vào hiệp nghị được ký kết đôi bên với Chính phủ Ôt-tô-man, cam kết - một khi có điều kiện - sẽ khôi phục lại ở các công quốc thuộc vùng sông Đa-nuýp một trật tự hợp pháp xuất phát từ những đặc quyền mà Chính phủ Thổ Nhĩ Kỳ tối cao ban cho về mặt nội trị của những vùng này. Nhưng, các *chính quyền địa phương được khôi phục theo phương thức đó* sẽ không thể mở rộng quyền hạn của mình tới mức thực hiện được sự kiểm soát nào đó đối với quân đội của hoàng đế".

Như thế là hoàng đế Áo có đầy đủ tự do để khôi phục lại trật tự hiện hành khi ông ta cho là điều đó *có thể thực hiện được*; và thậm chí lúc đó có thể, hoàn toàn theo gương tướng Nga là Bút-béc-gơ, khôi phục các chính quyền địa phương cốt để bắt nó tuân theo luật lệ quân sự của Áo mà thôi.

Căn cứ vào điều bốn thì:

"Triều đình hoàng đế Áo cam kết không được ký với triều đình hoàng đế Nga bất cứ hiệp định nào mà lại không xuất phát từ sự công nhận chủ quyền của vua Thổ Nhĩ Kỳ và sự toàn vẹn của đế quốc của vua Thổ Nhĩ Kỳ".

Điều năm còn quy định thêm:

"Khi mà mục đích của hiệp ước này đạt được do sự ký kết hòa ước giữa Chính phủ Thổ Nhĩ Kỳ và triều đình Nga, thì hoàng đế Áo phải lập tức có những biện pháp để rút lực lượng quân sự của mình, *chừng nào điều đó có thể tiến hành*. Những điều kiện cụ thể liên quan đến việc rút quân đội Áo thì sẽ có thỏa thuận riêng với Chính phủ Thổ Nhĩ Kỳ tối cao".

Theo điều khoản thứ nhất trong hai điều trên, Áo vẫn giữ quyền ký kết hiệp định với Nga miễn là dựa trên nguyên tắc status quo như đã được xác định trong Thông điệp Viên¹⁶³. Theo điều khoản sau, thì Áo hứa sẽ rút quân đội của mình không phải sau khi ký hiệp định giữa Áo với Nga, mà là chỉ sau khi đã ký kết hiệp định giữa Nga và Thổ Nhĩ Kỳ. "Sự bảo đảm vật chất" không còn nằm yên trong tay Nga, đã chuyển sang tay Áo, và Áo có toàn quyền giữ nó - với sự đồng ý của Chính phủ Thổ Nhĩ Kỳ - chừng nào mà Thổ Nhĩ Kỳ còn chưa tán thành "hiệp định giữa hai triều đình".

Điều khoản thứ sáu cho Áo quyền chiếm hữu, thậm chí không có sự bồi hoàn trên hình thức, toàn bộ số dự trữ cho sinh hoạt mà quân Nga để lại ở các công quốc thuộc vùng sông Đa-nuýp sau khi rút lui. Lợi ích của hiệp định này chỉ có thể hiểu được ở Đức là nơi mà dân cư quen tiếp nhận quân đồn trú Áo như là sự trừng phạt đối với cái tội làm cách mạng của họ và là nơi mà vào những năm 1849 - 1850 quân Áo đã cướp sạch trơn cả từng vùng một.

Về thực chất, hiệp ước này là sự chuyển nhượng cho Áo các công quốc thuộc vùng sông Đa-nuýp và là sự chấm dứt quyền bá chủ của Thổ Nhĩ Kỳ đối với những công quốc này. Đồng thời người Thổ Nhĩ Kỳ đã vi phạm một cách quá đáng các quyền của nhân dân Môn-đa-vi-a - Va-la-ki, như người Nga đã vi phạm trước đây. Người Thổ Nhĩ Kỳ có quyền để cho Áo chiếm lĩnh các công quốc thuộc vùng sông Đa-nuýp, cũng như đã tuyên bố các công quốc này là các tỉnh của Nga.

Chính phủ Thổ Nhĩ Kỳ đòi hỏi quyền bá chủ đối với Môn-đa-vi-a và Va-la-ki là dựa vào các hiệp ước năm 1393, 1460 và 1511. Hiệp ước năm 1393 giữa Va-la-ki và Thổ Nhĩ Kỳ bao gồm những điều khoản sau:

Điều I. Chúng tôi, Ba-i-a-dit v.v. thể theo tinh thần hết sức khoan dung đối với Va-la-ki lệ thuộc vào đế quốc bất khả chiến thắng của chúng tôi, cùng với quốc công chấp chính, quyết định rằng, đất nước này sẽ tiếp tục được cai trị theo luật pháp riêng của mình và quốc công Va-la-ki sẽ có đầy đủ quyền tự do để tuyên chiến hoặc giảng hòa với các nước láng giềng theo cách và vào lúc mà quốc công lựa chọn.

Điều III. Các quốc công (là tín đồ Cơ Đốc giáo) do đại giáo chủ và quý tộc bầu ra.

Điều IV. Quốc công Va-la-ki có nghĩa vụ cống nạp vào ngân khố của hoàng đế mỗi năm 500 pi-a-xtơ-rơ".

Hiệp ước ký kết năm 1460 giữa Vla-dơ V, quốc công Va-la-ki với Mếch-khơ-mét II, quy định:

Điều I. Vua Thổ Nhĩ Kỳ đồng ý và cam kết bản thân mình và những người kế thừa mình sẽ bảo hộ Va-la-ki và che chở cho Va-la-ki chống bất cứ kẻ địch nào, không yêu cầu gì Va-la-ki, ngoài việc thừa nhận quyền bá chủ của vua Thổ Nhĩ Kỳ đối với Va-la-ki được coi là một công quốc có chủ quyền, do vậy các tổng đốc hàng năm phải nộp cho Chính phủ Thổ Nhĩ Kỳ tối cao một khoản tiền cống là 10 000 pi-a-xto-rơ.

Điều II. Chính phủ Thổ Nhĩ Kỳ tối cao không can thiệp bằng bất cứ cách nào vào công việc tự trị địa phương của công quốc này, và không một người Thổ Nhĩ Kỳ nào có quyền vào lãnh thổ Va-la-ki nếu không có lý do quan trọng nào đó.

Điều III. Các quan tổng trấn, vẫn như trước đây, đều do các đại giáo chủ, giáo chủ và quý tộc cử ra, và việc bầu cử này được Chính phủ Thổ Nhĩ Kỳ thừa nhận là hợp pháp.

Điều IV. Nhân dân Va-la-ki duy trì quyền tự do tự trị theo luật pháp riêng của mình, và các quan tổng trấn của nó có quyền sinh sát đối với thần dân của mình, cũng như có quyền tuyên chiến và giảng hòa mà không chịu trách nhiệm gì về hành động của mình trước vua Thổ Nhĩ Kỳ".

Hiệp ước thứ ba, đó là hiệp ước năm 1511, trong đó Môn-đa-vi-a thừa nhận quyền bá chủ của Chính phủ Thổ Nhĩ Kỳ và đã giành được cho mình những điều kiện thuận lợi hơn là Va-la-ki đã đạt được.

Những hiệp ước ký kết giữa Nga và Thổ Nhĩ Kỳ đương nhiên không thể làm mất hiệu lực của những hiệp ước mà bản thân người Môn-đa-vi-a và người Va-la-ki đã ký với Chính phủ Thổ Nhĩ Kỳ, vì rằng những dân tộc này không hề đàm phán với người Nga và không trao cho Chính phủ Thổ Nhĩ Kỳ quyền đàm phán thay họ. Hơn nữa, cần nêu lên là bản thân Nga đã thừa nhận trong hiệp ước A-đri-nô-pôn những quy định ưu đãi nói trên. Điều V của hiệp ước này nói rằng:

"Vì các công quốc Va-la-ki và Môn-đa-vi-a dựa vào những quy định ưu đãi chịu phục tùng quyền bá chủ của Chính phủ Thổ Nhĩ Kỳ tối cao và Nga đảm bảo cho sự phồn vinh(!) của những công quốc này, nên hiển nhiên là họ tiếp tục được hưởng mọi đặc quyền và quyền bất khả xâm phạm mà những quy định ưu đãi này đã ban cho họ".

Căn cứ và những quy định ưu đãi dẫn ra trên kia còn có hiệu lực, vì chúng không bị xóa bỏ trong mọi hiệp ước ký kết sau đó, thì có thể thấy rằng, các công quốc thuộc vùng sông Đa-nuýp là hai quốc gia có chủ quyền chịu dưới quyền bá chủ của Chính phủ Thổ Nhĩ Kỳ mà họ

phải cống nạp với điều kiện là Chính phủ Thổ Nhĩ Kỳ che chở cho họ chống lại mọi kẻ thù bên ngoài bất kể là ai, đồng thời tuyệt đối không được can thiệp vào quyền nội trị của họ. Người Thổ Nhĩ Kỳ không những không có quyền giao Va-la-ki cho nước ngoài chiếm đóng, mà chính người Thổ Nhĩ Kỳ cũng không được phép xâm nhập lãnh thổ Va-la-ki nếu không có lý do quan trọng nào đó. Hơn nữa: vì như vậy là người Thổ Nhĩ Kỳ sẽ vi phạm những quy định ưu đãi đã được ký kết với Va-la-ki, và mất quyền bá chủ, nên, nếu người Va-la-ki yêu cầu, người Nga thậm chí có thể dựa vào sự vi phạm hiệp ước của Thổ Nhĩ Kỳ để biện giải cho việc mình có quyền đuổi người Áo khỏi các công quốc này. Và điều đó tuyệt nhiên không phải là việc bất ngờ, vì rằng trong chính sách của mình, bao giờ cũng vậy, Nga không những cố vũ mà thậm chí còn xúi giục người Thổ Nhĩ Kỳ vi phạm quyền lợi của người Va-la-ki, để reo rắc sự thù hằn giữa họ với nhau và như thế là tạo cho mình cái cớ để can thiệp. Chẳng hạn, năm 1848 đã xảy ra chuyện gì? Mùa xuân năm ấy, một số quý tộc trao cho quốc công Môn-đa-vi-a một đơn thỉnh cầu trong đó họ yêu cầu một số cải cách nào đó; dưới ảnh hưởng của lãnh sự Nga, không những các yêu cầu đó không được thỏa mãn, mà những người viết đơn thỉnh cầu lại bị bỏ tù. Làn sóng phản đối do biện pháp đó gây ra, sau đó đã cho người Nga cái cớ để vượt biên giới ngày 25 tháng Sáu và tiến về Giát-xi. Đồng thời vị quốc công Va-la-ki, noi gương các chính phủ khác ở châu Âu hứa sẽ ban hành một loạt những cải cách mà phái tự do của quý tộc Va-la-ki yêu cầu. Đây là vào ngày 26 tháng Sáu. Khởi phải nói, những cải cách ấy không động chạm gì đến quyền bá chủ của Chính phủ Thổ Nhĩ Kỳ. Nhưng những cải cách ấy đã phá hoại toàn bộ ảnh hưởng mà Nga đạt được dựa vào đạo luật cơ bản do Nga ban hành trong thời kỳ chiếm đóng năm 1829¹⁶⁴ và bị những cải cách nói trên xóa bỏ. Hiến pháp đặt ra thay cho luật cơ bản đó, xóa bỏ chế độ nông nô và chuyển thành sở hữu cho nông dân một phần ruộng đất mà họ canh tác, còn địa chủ cũng nhận được của chính phủ sự bồi thường về việc mất ruộng đất và mất quyền chiếm hữu lao động của nông dân. Sau đó, được sự dung túng của người Nga, vị quốc công chấp chính bỏ ngôi, và một chính phủ lâm thời được thành lập để điều hành việc nước. Như chúng ta đã

thấy, Chính phủ Thổ Nhĩ Kỳ không có quyền can thiệp vào công việc nội bộ của các công quốc và bỏ lỡ dịp kháng nghị việc quân Nga tiến vào Môn-đa-vi-a, đã cử Xu-lây-man-pa-sa với một đội quân Thổ Nhĩ Kỳ với Va-la-ki và công bố bản cáo thị có tính chất đe dọa của vua Thổ Nhĩ Kỳ đối với dân chúng; đương nhiên những biện pháp này đã được Nội các Thổ Nhĩ Kỳ thi hành dưới sức ép của Nga. Người Va-la-ki đã đón tiếp pa-sa và người Thổ Nhĩ Kỳ và liên minh với họ. Một hiệp định đã được ký kết về việc sẽ thay thế chính phủ lâm thời bằng *Lieutenance Princièrè*^{1*} ban đầu gồm có sáu người, sau đổi thành ba người. Chính phủ này được pa-sa thừa nhận, và với sự kiên trì của pa-sa cũng được các lãnh sự nước ngoài thừa nhận. Một hiến pháp mới cũng qua một số sửa đổi rồi được vua Thổ Nhĩ Kỳ phê chuẩn.

Tuy nhiên, trong các tuyên bố gửi toàn châu Âu, chính phủ Nga nổi cơn thịnh nộ và công kích nhân dân Va-la-ki, lên án họ là đã thiết lập nền cộng hòa và tuyên bố chủ nghĩa cộng sản. Ngày 1 tháng Tám 1848, một đạo quân lớn của Nga đã vượt sông Prút, tiến về Bu-ca-rét, Xu-lây-man-pa-sa bị Chính phủ Thổ Nhĩ Kỳ đột nhiên triệu hồi; vua Thổ Nhĩ Kỳ từ chối tiếp kiến đại biểu của Va-la-ki đã đến Công-xtăng-ti-nô-pơ theo lời mời của chính vua Thổ Nhĩ Kỳ, còn ngày 25 tháng Chín, Phu-át-Ê-phen-đi cầm đầu một đội quân Thổ Nhĩ Kỳ tiến đến Bu-ca-rét, tuyên bố rằng đến đây chỉ nhằm mục đích loại trừ mọi cố mà Nga có thể vin vào để xâm nhập các công quốc thuộc vùng sông Đa-nuýp. Tin lời người Thổ Nhĩ Kỳ, hơn 100 000 dân nội ngoại thành Bu-ca-rét không mang vũ khí, ăn mặc quần áo ngày hội, đi đầu là các nhà tu hành đã đổ ra hoan nghênh người Thổ Nhĩ Kỳ. Phu-át-Ê-phen-đi yêu cầu họ cử đại biểu đến doanh trại ông ta để nhận huấn thị. Trong báo cáo về những sự kiện này, ngài Bra-ti-a-nu kể:

"Đoàn đại biểu chưa kịp tự giới thiệu với Phu-át-Ê-phen-đi, thì đã bị bắt; cùng lúc đó quân đội Thổ Nhĩ Kỳ hành quân cấp tốc đến Bu-ca-rét, giày xéo dưới gót sắt của kỵ binh của nó những người dân yêu hòa bình đến hoan nghênh người Thổ Nhĩ Kỳ như những người bạn, xé rách cờ của họ, bẻ gãy thánh giá của họ, bắn bừa vào doanh trại bất gặp ở trên đường đi, cũng như toàn bộ khu nhà ở ngay trong thành phố, bắn đạn ghém vào binh sĩ Va-la-ki ở trong doanh trại, buộc họ đầu hàng và nộp vũ khí, và giết hại bệnh binh; vào thành phố, quân đội thả sức cướp bóc, tàn sát và gây những tội ác kinh khủng khác".

1* Phủ toàn quyền của công quốc

Ở đây quân đội Thổ Nhĩ Kỳ thực tế chịu sự chỉ huy của đại diện toàn quyền của Nga là tướng Đuy-ga-men. Liên sau họ là quân đội Nga; kết quả là hiệp ước Ban-ta-Li-man¹⁶⁵, hiệp ước này, ngoài tất cả những điều khác ra, đã khôi phục lại đạo luật cơ bản của Nga, tức cái gọi là Quy chế, - và chính status quo ấy, chứ không phải cái gì khác mà hiện nay Áo có nghĩa vụ khôi phục ở Va-la-ki.

Rõ ràng là, nếu như hiện nay Ô-me-rơ-pa-sa tiến vào Va-la-ki với quân bách thắng của mình, thì người Thổ Nhĩ Kỳ - học tập được kinh nghiệm cách đây không lâu của mình và ở vào tình trạng chiến tranh với Nga - sẽ khôi phục lại hiến pháp năm 1848 với toàn bộ hậu quả của nó với hình thức là "nước cộng hòa, chủ nghĩa cộng sản" và làm lại tất cả những sản phẩm của năm 1848. Không ai tin rằng Áo thích cái tiền đồ ấy hơn là Nga. Mặt khác, cũng không kém phần rõ ràng là Chính phủ Thổ Nhĩ Kỳ nhất định phải chịu một sức ép đặc biệt mạnh mẽ để lại sa vào một sự vi phạm mới đối với những hiệp ước của mình với Va-la-ki, tuy rằng qua kinh nghiệm đã biết rõ bước đi ấy sẽ đem lại những hậu quả như thế nào. Sức ép ấy chỉ có thể do đại sứ Anh gây ra. Vì vậy, thật là lý thú khi hồi tưởng lại cũng chính huân tước Rét-clíp-phơ và thượng cấp của ông ta ở phố Đào-ninh đã có thái độ như thế nào trong những năm 1848 - 1849 đối với việc người Nga và người Thổ Nhĩ Kỳ vi phạm quyền lợi ở Môn-đa-vi và Va-la-ki.

Khi quân đội Nga lần đầu tiên tiến đến biên giới Môn-đa-vi-a vào tháng Sáu 1848, huân tước Pan-móc-xơ đã tuyên bố, trả lời câu hỏi của Đa-đli Xtiu-át không thay lòng đổi dạ, tại hạ nghị viện rằng:

"Quân đội Nga đã tiến công vào Môn-đa-vi-a không có lệnh của nội các Xanh Pê-téc-bua; nó chỉ có mục đích duy trì hoặc thiết lập trật tự, sau đó nó sẽ rút ngay; cuộc tiến quân của nó đã được quốc công đồng ý và Nga không có ý định chiếm cứ khu vực này".

Tháng Tám 1848, khi quân Nga lại vượt sông Prút trên đường tiến về Bu-ca-rét và người Môn-đa-vi-a và Va-la-ki cử đại biểu đến Công-xtăng-ti-nô-pơ, Nội các Thổ Nhĩ Kỳ đã hỏi ý kiến của các đại sứ Anh và Pháp và đã được huân tước Rét-clíp-phơ khuyên nên tuân theo đường lối chính trị do Nga quy định.

Tháng Mười, khi người Thổ Nhĩ Kỳ và người Nga cùng chiếm Va-la-ki, người Nga đã truy tìm một sĩ quan Va-la-ki nào đó đến tận

bản doanh của viên tư lệnh quân Thổ Nhĩ Kỳ ở Bu-ca-rét là Ô-me-rơ-pa-sa, ông này đã cùng với Phu-át-Ê-phen-đi đã ra tuyên bố phản đối về vấn đề này. Biết rõ sự lảng nhục này, Chính phủ Thổ Nhĩ Kỳ tuyên bố không muốn giao thiệp với người Nga nữa và ra lệnh cho quân đội của mình rút về bên kia sông Đa-nuýp, thôi không cùng tham gia thực hiện chính sách của Nga ở các công quốc thuộc vùng sông Đa-nuýp nữa. Đồng thời Chính phủ Thổ Nhĩ Kỳ dọa sẽ trao cho các đại cường quốc một bản kháng nghị long trọng chứng minh bằng một bị vong lục tường tận về tất cả mọi việc xảy ra ở các công quốc thuộc vùng sông Đa-nuýp. Lại chính là vị đại sứ ấy đứng ra can thiệp và làm tiêu tan ý đồ đó của Chính phủ Thổ Nhĩ Kỳ.

Sau hết, năm 1849 khi sự chiếm đóng của liên quân Nga - Thổ Nhĩ Kỳ mang tính chất là một chế độ khủng bố, và chỉ còn Ma-ghi-ê-rô, thủ lĩnh của quân đội phi chính quy Va-la-ki đơn độc chống cự lại, thì ông buộc phải rút về phía bên kia dãy Các-pát, "phải tuân theo trước những lý do của vị tổng lãnh sự Anh chỉ ra cho ông ta rằng sự có mặt của quân đội của ông làm tê liệt hoạt động ngoại giao và đất nước ông chẳng bao lâu nữa sẽ được khôi phục lại quyền lợi của mình".

*Do C.Mác viết ngày 4 tháng Bảy 1854
Đã đăng trên tờ "New-York Daily
Tribune" số 4134, ngày 19 tháng Bảy 1854
Ký tên: Các Mác*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Anh*

PHẪNG-GHEN

CHIẾN TRANH Ở VÙNG ĐA-NUÝP¹⁶⁶

Khoảng tám mươi năm trước đây, khi quân đội bách chiến bách thắng của Ê-ca-tê-ri-na II lần lượt chiếm lại của Thổ Nhĩ Kỳ các tỉnh, ngay trước khi các tỉnh này bị biến thành cái tên gọi như hiện nay là Nam Nga, nhà thơ Đéc-gia-vin trong một lúc cao hứng - là lúc ông thường hết lời ca tụng sự vinh quang, nếu không phải là đức hạnh của chính nữ hoàng và tương lai vĩ đại sắp tới của đế quốc của nữ hoàng, - đã viết một bài thơ hai câu đáng chú ý mà hiện nay có thể biểu hiện dưới hình thức khái quát sự kiêu căng và tự phụ của chính sách của Nga hoàng:

Hỡi nước Nga! Đối với Người thì đồng minh để làm gì?
Hãy tiến bước - và toàn thế giới thuộc về Người!^{1*}

Có thể là điều đó sẽ chính xác, thậm chí đối với hiện nay, nếu như Nga có thể tiến bước; những bước tiến ấy vấp phải những trở ngại khá nghiêm trọng. Vì vậy nó buộc phải, ít ra là hiện nay, hoãn lại ít nhiều việc chiếm lấy toàn thế giới. Nhưng đặc biệt niềm kiêu hãnh của nó bị xúc phạm vì khi rút lui, nó không những không thể giành được quyền bá chủ thế giới, mà thậm chí còn phải bỏ lại nguyên vẹn chiếc chìa khóa trên sông Đa-nuýp là cứ điểm Xi-li-xơ-ri bình thường mà nó thể chiếm bằng được. Và điều còn đáng buồn hơn nữa là nó đã để lại gần 50 ngàn đồng bào của nó bị ngã xuống trong chiến đấu và chết vì bệnh tật trong cái chiến dịch có một không hai này.

Xét theo quan điểm quân sự, thì không nghi ngờ gì nữa, cuộc vây đánh Xi-li-xơ-ri là sự kiện quan trọng nhất từ đầu chiến tranh đến nay. Chính do chỗ quân Nga không chiếm được cứ điểm ấy mà chiến dịch của họ hoàn toàn thất bại, còn việc rút về bên kia sông Xê-rét mà

1* - Đéc-gia-vin. "Đánh chiếm Vác-sa-va".

bản doanh của viên tư lệnh quân Thổ Nhĩ Kỳ ở Bu-ca-rét là Ô-me-rô-pa-sa, ông này đã cùng với Phu-át-Ê-phen-đi đã ra tuyên bố phản đối về vấn đề này. Biết rõ sự lảng nhục này, Chính phủ Thổ Nhĩ Kỳ tuyên bố không muốn giao thiệp với người Nga nữa và ra lệnh cho quân đội của mình rút về bên kia sông Đa-nuýp, thôi không cùng tham gia thực hiện chính sách của Nga ở các công quốc thuộc vùng sông Đa-nuýp nữa. Đồng thời Chính phủ Thổ Nhĩ Kỳ dọa sẽ trao cho các đại cường quốc một bản kháng nghị long trọng chứng minh bằng một bị vong lục tường tận về tất cả mọi việc xảy ra ở các công quốc thuộc vùng sông Đa-nuýp. Lại chính là vị đại sứ ấy đứng ra can thiệp và làm tiêu tan ý đồ đó của Chính phủ Thổ Nhĩ Kỳ.

Sau hết, năm 1849 khi sự chiếm đóng của liên quân Nga - Thổ Nhĩ Kỳ mang tính chất là một chế độ khủng bố, và chỉ còn Ma-ghi-ê-rô, thủ lĩnh của quân đội phi chính quy Va-la-ki đơn độc chống cự lại, thì ông buộc phải rút về phía bên kia dãy Các-pát, "phải tuân theo trước những lý do của vị tổng lãnh sự Anh chỉ ra cho ông ta rằng sự có mặt của quân đội của ông làm tê liệt hoạt động ngoại giao và đất nước ông chẳng bao lâu nữa sẽ được khôi phục lại quyền lợi của mình".

*Do C.Mác viết ngày 4 tháng Bảy 1854
Đã đăng trên tờ "New-York Daily
Tribune" số 4134, ngày 19 tháng Bảy 1854
Ký tên: Các Mác*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Anh*

PH.ĂNG-GHEN

CHIẾN TRANH Ở VÙNG ĐA-NUÝP¹⁶⁶

Khoảng tám mươi năm trước đây, khi quân đội bách chiến bách thắng của Ê-ca-tê-ri-na II lần lượt chiếm lại của Thổ Nhĩ Kỳ các tỉnh, ngay trước khi các tỉnh này bị biến thành cái tên gọi như hiện nay là Nam Nga, nhà thơ Đéc-gia-vin trong một lúc cao hứng - là lúc ông thường hết lời ca tụng sự vinh quang, nếu không phải là đức hạnh của chính nữ hoàng và tương lai vĩ đại sắp tới của đế quốc của nữ hoàng, - đã viết một bài thơ hai câu đáng chú ý mà hiện nay có thể biểu hiện dưới hình thức khái quát sự kiêu căng và tự phụ của chính sách của Nga hoàng:

Hỡi nước Nga! Đối với Người thì đồng minh để làm gì?
Hãy tiến bước - và toàn thế giới thuộc về Người!^{1*}

Có thể là điều đó sẽ chính xác, thậm chí đối với hiện nay, nếu như Nga có thể tiến bước; những bước tiến ấy vấp phải những trở ngại khá nghiêm trọng. Vì vậy nó buộc phải, ít ra là hiện nay, hoãn lại ít nhiều việc chiếm lấy toàn thế giới. Nhưng đặc biệt niềm kiêu hãnh của nó bị xúc phạm vì khi rút lui, nó không những không thể giành được quyền bá chủ thế giới, mà thậm chí còn phải bỏ lại nguyên vẹn chiếc chìa khóa trên sông Đa-nuýp là cứ điểm Xi-li-xtô-ri bình thường mà nó thể chiếm bằng được. Và điều còn đáng buồn hơn nữa là nó đã để lại gần 50 ngàn đồng bào của nó bị ngã xuống trong chiến đấu và chết vì bệnh tật trong cái chiến dịch có một không hai này.

Xét theo quan điểm quân sự, thì không nghi ngờ gì nữa, cuộc vây đánh Xi-li-xtô-ri là sự kiện quan trọng nhất từ đầu chiến tranh đến nay. Chính do chỗ quân Nga không chiếm được cứ điểm ấy mà chiến dịch của họ hoàn toàn thất bại, còn việc rút về bên kia sông Xê-rét mà

1* - Đéc-gia-vin. "Đánh chiếm Vác-sa-va".

họ hiện đang tiến hành, đã gây ra sự nhục nhã và cụt hứng của Nga hoàng. Bạn đọc đã nhận được sự phân tích cặn kẽ và, như chúng tôi cho là sự phân tích đầy đủ về các giai đoạn đầu của cuộc vây đánh Xi-li-xơ-ri; hiện nay, kết cục, sau khi nhận được báo cáo chính thức của Nga do tàu "Pa-xi-phích" chuyển đến, chúng tôi có thể nghiên cứu từ đầu chí cuối toàn bộ hoạt động này, có sự đánh giá cần thiết đối với mỗi bên. Ngoài báo cáo của Nga viết rõ ràng, khúc triết và thuần thực, nhưng nội dung còn nhiều chỗ thiếu sót, hiện nay chúng tôi còn có báo cáo của trung úy Nê-xmít (thuộc đơn vị pháo binh Băng-gan) viết cho tờ "Times" ở Luân Đôn¹⁶⁷. Đây là nhật ký viết đầy đủ về cuộc vây đánh có nhiều tình tiết lý thú, nhưng viết khá cẩu thả, và có một số trường hợp đưa ra những ngày tháng không chính xác. Cần chỉ rõ rằng những quan điểm và kết luận mà chúng tôi đưa ra trước đây về cuộc vây đánh đã được bản báo cáo gần đây hơn và tỉ mỉ hơn ấy hoàn toàn xác nhận trừ chi tiết sau: quân Thổ Nhĩ Kỳ không rút bỏ việc phòng thủ đồn A-ráp - Ta-bi-a, trong khi chúng tôi dự đoán rằng, họ sẽ làm như thế vào giai đoạn cuối của cuộc vây đánh. Cũng hiển nhiên là, quân Nga hành động còn sơ suất hơn là chúng tôi dự đoán. Ban đầu, họ triển khai vây đánh chính quy đối với cứ điểm từ phía đông, ở vùng đất thấp trên sông Đa-nuýp, hy vọng có thể hoàn toàn vòng qua những lô-cốt biệt lập với cứ điểm và mở ngay được đột phá khẩu ở tường chính của Xi-li-xơ-ri. Nếu như ý đồ đó có một ưu điểm nào đó, thì ưu điểm đó chỉ là sự độc đáo. Có lẽ nó là ví dụ đầu tiên về việc tấn công cứ điểm bằng cách đào chiến hào và hào tiếp cận ở một địa hình không những bị các cao điểm có công sự của quân địch uy hiếp từ bên sườn mà còn bị những cao điểm ở phía sau lưng khống chế. Nhưng sau đó cuộc vây đánh không chính quy thứ hai đã được tiến hành đối với chính những cao điểm đó và nó được tiến hành khéo léo đến nỗi sau khi mất đi hai tuần lễ để trinh sát và tấn công, trong thời gian đó hàng ngàn quân Nga bị chết và bị thương nặng, nó vẫn phải tiến hành vây hãm theo đúng bài bản những cao điểm ấy. Nhưng không nói gì thêm về nghệ thuật cao siêu thể hiện ở quân Nga nữa. Bây giờ chúng ta chuyển sang những chi tiết của cuộc vây hãm.

Ngày 1 tháng Sáu, quân Nga nhận được từ phía tả ngạn sông Đa-nuýp một loạt pháo công thành mới, từ đó thành lập một đơn vị

pháo tiến đánh A-ráp Ta-bi-a. Quân Thổ Nhĩ Kỳ đã đào giếng đứng và đặt mìn dưới bờ ngoài và dè dốc của lô-cốt này. Ngày 2 tháng Sáu, Mu-xa-pa-sa, tư lệnh các đạo quân ở Xi-li-xơ-ri đã bị chết vì đạn pháo. Đến chiều tối, quân Nga đánh mìn vào một trong những lô-cốt của A-ráp-Ta-bi-a. Vì bấy giờ họ còn chưa thể lên được đỉnh dè dốc, nên hiển nhiên là mìn chôn không chuẩn xác lắm. Rõ ràng là cự ly và tuyến trở lực nhỏ nhất bị tính toán sai và hậu quả của nó là mìn không những không gây thiệt hại cho các công sự phòng ngự của quân Thổ Nhĩ Kỳ, mà lại nổ giạt hậu và dội một trận mưa đất đá vào chiến hào quân Nga. Nhưng ở đây đã tập trung những đơn vị tấn công chuẩn bị tiến đánh, và người ta dễ bề tưởng tượng được trận mưa đất đá ấy đã tác động đến họ như thế nào. Hiệu quả mà quân Nga đạt được trong việc phong tỏa cứ điểm ít đến mức nào, điều này có thể đánh giá được qua sự việc là, trong ngày hôm ấy 5000 quân bán chính quy của Thổ Nhĩ Kỳ đã từ Ra-dơ-grát, ở phía tây Xi-li-xơ-ri, lọt được vào thành phố bị vây hãm.

Từ ngày 4 đến ngày 8 tháng Sáu người ta tiếp tục đào hào chống A-ráp-Ta-bi-a. Quân Nga đã đến được dè dốc, tảo bạo đào đường ngầm đến tận đỉnh dè dốc, song hỏa lực pháo binh Nga yếm hộ cho nó rất yếu. Họ bắt đầu đặt mìn ở phía dưới hào và đưa đến tận bờ trong của lô-cốt vuông. Công việc này vẫn còn đang tiếp tục khi mà vào ngày 9 tháng Sáu, nguyên soái Pa-xkê-vích đã tiến hành một trong những cuộc biểu dương lực lượng khó hiểu của ông ta dưới hình thức một cuộc trinh sát đối với cứ điểm trong đó có 31 tiểu đoàn, 40 đại đội kỵ binh và 144 khẩu pháo dã chiến tham gia. Ông ta dự tính đạt được cái gì với hành động ấy, điều đó không ai có thể giải thích nổi. Xem ra, thì đây là một trong những cuộc biểu dương lực lượng được sử dụng chỉ với hy vọng là tìm thời cơ nào đó cho những hoạt động quan trọng hoặc ít ra là để làm cho kẻ địch tin rằng chống cự là vô ích. Nhưng, đối với quân Thổ Nhĩ Kỳ, nó không gây được ảnh hưởng như vậy. Trái lại, quân Thổ Nhĩ Kỳ đã phái 4000 kỵ binh đón đánh quân Nga, theo thông báo của quân Nga thì toán kỵ binh này đã bị đánh bại nặng nề. Nhưng Nê-xmít quả quyết rằng họ đã trở về với sáu chục con ngựa Nga bắt được trong trận đánh đó. Cũng trong khi đó Pa-xkê-vích, không những không được

lợi gì trong cuộc trinh sát, mà trái lại đã bị trúng một viên đại bác bắn thăm dò của quân Thổ Nhĩ Kỳ, viên đạn này khiến ông ta bị hors de combat^{1*} đến nỗi phải bị đưa về Giát-xi.

Ngày 10 tháng Sáu, cuộc bao vây đạt tới đỉnh cao nhất của nó. Mìn lớn, hy vọng cuối cùng của Sin-đéc đã nổ. Nó quả thực đã phá toang ở lô-cốt vuông phía trước của A-ráp-Ta-bi-a một lỗ hổng có thể đi qua được. Các đơn vị quân Nga tiến hành xung phong; nhưng, như họ phải dự kiến, quân Thổ Nhĩ Kỳ từ lâu đã cho dựng coupure, hay tuyến công sự thứ hai, có hào ở gần phía sau tường chính, và khi quân Nga tiếp cận nơi đó, thì bước tiến của họ phải ngừng lại và họ phải chịu đựng một hỏa lực huỷ diệt. Nhưng một khi đơn vị xung phong bị chặn lại, là họ bị đánh bại, vì hỏa lực của quân địch được sự yểm hộ của tường thành và sự chi viện của pháo binh, bắn từ một cự ly mà mỗi viên đạn đều rơi trúng mục tiêu, đã buộc họ phải rút lui đúng là trong vòng mấy phút. Vì vậy quân Nga buộc phải rút lui vội vã qua đột phá khẩu mà họ đã mở, còn quân Thổ Nhĩ Kỳ theo gót họ, truy kích cho đến tận chiến hào của họ và phá huỷ một phần công sự vây đánh. Cuộc công kích này là chiến dịch quan trọng cuối cùng của quân Nga đối với Xi-li-xơ-ri. Nếu như cuộc vây đánh còn tiếp tục về bề ngoài và trên hình thức cho đến khi nhận được lệnh đình chỉ cuộc vây đánh, thì đó chỉ là để giữ thể diện mà thôi. Ngày 12 tháng Sáu, cuộc phong tỏa được duy trì yếu đến mức một số sĩ quan châu Âu từ Sum-la tới đã vào được cứ điểm mà không gặp khó khăn gì.

Ngày 19 tháng Năm, quân Nga đào chiến hào ở giải đất thấp ở vùng sông Đa-nuýp, ngày 22 tháng Năm, 7 khẩu đội pháo của họ bắt đầu bắn vào A-ráp-Ta-bi-a. Ngày hôm sau đã tăng thêm 15 khẩu pháo bắn vào đồn này. Tuy nhiên, theo báo cáo của quân Nga, cuộc vây hãm chính thức đối với A-ráp-Ta-bi-a chỉ mãi đến ngày 31 tháng Năm mới bắt đầu. Xem ra, thì điều đó nói lên rằng các đơn vị pháo được bố trí ngày 21 và 22 tháng Năm chỉ làm nhiệm vụ tuyến một và được trang bị trọng pháo chỉ cốt để bắn dọc vào lô-cốt. Từ 31 tháng Năm đến 10 tháng Sáu, các đơn vị pháo của quân Nga đã chuyển đến cách cứ điểm 100 i-ác-đơ, nghĩa là chuyển từ chiến hào song song thứ nhất đến chiến

1* - loại khỏi vòng chiến

hào song song thứ ba ở chân đê dốc. Trên đê dốc không có các lùm cây che chắn, không xây dựng các hầm pháo, nhưng như chúng tôi đã nhắc tới, người ta đã đào chiến hào đối diện thông sang sườn bờ dốc nhằm mục đích đặt mìn ở đỉnh bờ dốc.

Vì rằng qua tất cả các báo cáo có thể thấy rằng, lô-cốt A-ráp-Ta-bi-a không phải cái gì hơn là một công sự dã chiến, quy mô tuy lớn, nhưng không thể chống cự lâu dài được, cho nên hành động của những người bảo vệ nó, - gồm 4 tiểu đoàn và 500 quân không chính quy dưới quyền chỉ huy của Hi-u-xê-in-pa-sa, - đương nhiên rất đáng ca ngợi. Chín ngày bắn phá của pháo tầm xa, mười một ngày trụ lại trong chiến hào lộ thiên, hai trận bộc phá đường ngầm và bốn hoặc năm đợt xung phong, tất cả những cái đó đều kết thúc bằng thất bại của quân địch, - quả thực là trong lịch sử chiến tranh vị tất đã tìm được một ví dụ khác, trong đó một đồn bốt dã chiến thông thường như A-ráp-Ta-bi-a lại có thể đứng vững được lâu như thế. Nói đúng ra, nó giống trận phòng ngự Côn-béc-gơ năm 1807 của quân Phổ và trận phòng ngự Đan-tích năm 1813 của quân Pháp.

Điều xem ra rất kỳ quặc là, suốt thời gian vây hãm, Ô-me-rơ-pa-sa không hề tìm cách chi viện cho một địa điểm quan trọng như thế và giải vây cho nó. Nhưng, qua thư của ông gửi cho Xa-mi-pa-sa là tổng đốc ở Vi-đin, thì thấy rằng, quả thực ông ta có chuẩn bị đi cứu viện cho Xi-li-xơ-ri, khi quân Nga rút sang tả ngạn sông Đa-nuýp.

"Ngài biết rằng", ông ta viết trong bức thư ấy, - "tôi đã tập hợp toàn thể các đạo quân của chúng ta ở khu vực Sum-la và chuẩn bị đi cứu viện cho cứ điểm. Sáu trung đoàn kỵ binh và ba khẩu đội pháo đã từ Sum-la tiến về hướng đó. Quân Nga biết rõ cuộc chuyển quân ấy, đã vội vã rút sang tả ngạn với toàn bộ pháo binh của họ. Trong 40 ngày vây hãm cứ điểm, họ đã bị tử trận 25000 người".

Còn hiện nay quân Nga chuẩn bị làm gì, thì chưa thể phán đoán được. Nếu tin theo một số tờ báo ở Viên, thì họ có ý định chiếm lĩnh trận địa bên kia sông Bu-dê-u, nhưng chính những tờ báo này lại quả quyết rằng, quân Nga rút lui vì sợ quân Áo, mà trận địa ở Bu-dê-u thì đã bị quân Áo vu hồi. Nếu như quân Nga mưu toan chốt ở Môn-đa-vi-a, thì quân Áo sẽ vu hồi họ từ phía Ga-li-xi và Bu-cô-vi-na. Nhưng cuộc hội quân kịp thời của các đạo quân Nga ở Ba Lan với quân đoàn

Đa-nuýp trước kia ở Pô-đô-li-a và Vô-lun, đến lượt nó, sẽ tạo ra thế vu hồi quân Áo và đặt miền đông-bắc Ga-la-xi kéo dài đến tận sông Xan và Đni-e-xtơ-rơ dưới đòn đánh của quân Nga.

Nếu tạm thời ta gạt ra ngoài những nguyên nhân chính trị và giả định rằng Áo sẵn sàng liên hiệp với các lực lượng của liên quân để tấn công Nga, thì tình hình sẽ như sau: Áo có thể huy động 200000 - 250000 người để phối hợp hành động với liên quân, mà về phía họ, có chừng từ 100000 đến 120000 quân Thổ Nhĩ Kỳ và 60000 quân Anh - Pháp. Nga có thể huy động bốn quân đoàn thuộc tập đoàn quân Đa-nuýp với đội dự bị của họ lên tới khoảng 200000 người trừ số thương vong nhất định, để đối chọi với lực lượng ấy. Quân đoàn 2 do Pa-nuy-tin chỉ huy, ba quân đoàn kỵ binh dự bị và một số đơn vị bộ binh dự bị và quân tăng viện gồm tân binh, có thể lên tới tổng số khoảng 180000 người, thành thử tổng binh lực quân Nga lên tới 350000 người trong đó cần trừ đi quân đồn trú đóng giữ ở Crưm và một số khu vực ở Nam Nga. Ngoài ra, để phòng thủ Ba Lan và các tỉnh bờ biển Ban-tích phải giữ lại quân cận vệ, các đội tinh binh và quân đoàn thứ nhất, không kể quân đoàn Phần Lan khoảng 15000 người. Xét đến tất cả những điều đó thì sự chênh lệch về quân số của hai bên tham chiến không lớn đến mức tước mất của Nga hy vọng giành một thắng lợi nào đó ngay trong trường hợp Nga bị hạn chế ở việc phòng ngự theo nghĩa hẹp của từ đó.

Nếu Áo - như chúng ta có thể kết luận từ những tin tức ngoại giao gần đây và từ hiện tượng không hoạt động gì của Áo ở biên giới Môn-đa-vi-a, - không có ý đồ gì khác, ngoài việc làm vai trò điều đình giữa hai bên tham chiến, thì chúng ta có thể khẳng định rằng trong năm nay sẽ không xảy ra sự kiện gì quan trọng ở cả Môn-đa-vi-a lẫn Bét-xa-ra-bi-a.

*Do Ph.Ăng-ghen viết ngày 6 tháng Bảy 1854
Đã đăng làm xã luận trên tờ "New-York Daily
Tribune" số 4139, ngày 25 tháng Bảy 1854*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Anh*

C.MÁC

NHỮNG CHI TIẾT VỀ CUỘC KHỞI NGHĨA Ở MA-ĐRÍT. - CÁC YÊU SÁCH CỦA ÁO - PHỔ. - ĐỢT CÔNG TRÁI MỚI Ở ÁO. - VA-LA-KI

Luân Đôn, thứ sáu, ngày 7 tháng Bảy 1854

Những tin tức mà chúng tôi nhận được về cuộc khởi nghĩa quân sự ở Ma-đrít vẫn rất mâu thuẫn và rời rạc như trước. Tất cả những bức điện của Ma-đrít, đương nhiên, là tin tức của chính phủ và cũng đáng hoài nghi như những thông cáo đăng trên tờ "Gaceta"¹⁶⁸. Một bài bình luận viết dựa vào những tài liệu nghèo nàn mà tôi có trong tay - đây là tất cả những cái mà tôi có thể cung cấp cho các bạn.

Bạn đọc chắc còn nhớ rằng Ố Đôn-nen là một trong những viên tướng bị nữ hoàng cho đi đày vào tháng Hai năm nay; không chịu phục tùng, ông ta ẩn náu ở Ma-đrít và từ nơi lánh nạn của mình đã duy trì trao đổi thư từ bí mật với quân đồn trú Ma-đrít, đặc biệt là với tướng Đun-xơ, tổng thanh tra kỵ binh. Chính phủ biết việc ông ta lưu lại Ma-đrít, còn đêm ngày 27 tháng Sáu, bộ trưởng Bộ chiến tranh là tướng Bla-xơ và tướng La-ra là thống đốc kiêm tư lệnh của Tân Ca-xti-li-a đã được báo trước về cuộc khởi nghĩa dưới sự lãnh đạo của tướng Đun-xơ sắp nổ ra. Nhưng người ta không làm gì để ngăn ngừa hoặc đàn áp cuộc khởi nghĩa đang được nhen nhóm. Vì thế mà ngày 28 tháng Sáu, tướng Đun-xơ mượn cớ duyệt binh đã tập hợp được dễ dàng khoảng 2000 kỵ binh và kéo ra ngoài thành phố có Ố Đôn-nen đi kèm, mưu toan bắt cóc nữ hoàng đang ở E-xcu-ri-an. Nhưng, kế hoạch không thành, và ngày 29 tháng Sáu, với sự hộ tống của thủ tướng nội các là bá tước Xan-Lu-i-xơ, nữ hoàng đã đến Ma-đrít và tiến hành cuộc duyệt binh trong khi quân khởi nghĩa đã bố trí ở các vùng ngoại ô. Đại tá Ê-sa-gu-ê với 400 binh sĩ của trung đoàn của hoàng thân đã cướp quỹ

Đa-nuýp trước kia ở Pô-đô-li-a và Vô-lun, đến lượt nó, sẽ tạo ra thế vu hồi quân Áo và đặt miền đông-bắc Ga-la-xi kéo dài đến tận sông Xan và Đni-e-xơ-rơ dưới đòn đánh của quân Nga.

Nếu tạm thời ta gạt ra ngoài những nguyên nhân chính trị và giả định rằng Áo sẵn sàng liên hiệp với các lực lượng của liên quân để tấn công Nga, thì tình hình sẽ như sau: Áo có thể huy động 200000 - 250000 người để phối hợp hành động với liên quân, mà về phía họ, có chừng từ 100000 đến 120000 quân Thổ Nhĩ Kỳ và 60000 quân Anh - Pháp. Nga có thể huy động bốn quân đoàn thuộc tập đoàn quân Đa-nuýp với đội dự bị của họ lên tới khoảng 200000 người trừ số thương vong nhất định, để đối chọi với lực lượng ấy. Quân đoàn 2 do Pa-nuy-tin chỉ huy, ba quân đoàn kỵ binh dự bị và một số đơn vị bộ binh dự bị và quân tăng viện gồm tân binh, có thể lên tới tổng số khoảng 180000 người, thành thử tổng binh lực quân Nga lên tới 350000 người trong đó cần trừ đi quân đồn trú đóng giữ ở Crum và một số khu vực ở Nam Nga. Ngoài ra, để phòng thủ Ba Lan và các tỉnh bờ biển Ban-tích phải giữ lại quân cận vệ, các đội tinh binh và quân đoàn thứ nhất, không kể quân đoàn Phần Lan khoảng 15000 người. Xét đến tất cả những điều đó thì sự chênh lệch về quân số của hai bên tham chiến không lớn đến mức tước mất của Nga hy vọng giành một thắng lợi nào đó ngay trong trường hợp Nga bị hạn chế ở việc phòng ngự theo nghĩa hẹp của từ đó.

Nếu Áo - như chúng ta có thể kết luận từ những tin tức ngoại giao gần đây và từ hiện tượng không hoạt động gì của Áo ở biên giới Môn-đa-vi-a, - không có ý đồ gì khác, ngoài việc làm vai trò điều đình giữa hai bên tham chiến, thì chúng ta có thể khẳng định rằng trong năm nay sẽ không xảy ra sự kiện gì quan trọng ở cả Môn-đa-vi-a lẫn Bét-xa-ra-bi-a.

*Do Ph.Ăng-ghen viết ngày 6 tháng Bảy 1854
Đã đăng làm xã luận trên tờ "New-York Daily
Tribune" số 4139, ngày 25 tháng Bảy 1854*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Anh*

C.MÁC

NHỮNG CHI TIẾT VỀ CUỘC KHỞI NGHĨA Ở MA-ĐRÍT. - CÁC YÊU SÁCH CỦA ÁO - PHỔ. - ĐỢT CÔNG TRÁI MỚI Ở ÁO. - VA-LA-KI

Luân Đôn, thứ sáu, ngày 7 tháng Bảy 1854

Những tin tức mà chúng tôi nhận được về cuộc khởi nghĩa quân sự ở Ma-đrít vẫn rất mâu thuẫn và rời rạc như trước. Tất cả những bức điện của Ma-đrít, đương nhiên, là tin tức của chính phủ và cũng đáng hoài nghi như những thông cáo đăng trên tờ "Gaceta"¹⁶⁸. Một bài bình luận viết dựa vào những tài liệu nghèo nàn mà tôi có trong tay - đấy là tất cả những cái mà tôi có thể cung cấp cho các bạn.

Bạn đọc chắc còn nhớ rằng Ố Đôn-nen là một trong những viên tướng bị nữ hoàng cho đi đày vào tháng Hai năm nay; không chịu phục tùng, ông ta ẩn náu ở Ma-đrít và từ nơi lánh nạn của mình đã duy trì trao đổi thư từ bí mật với quân đồn trú Ma-đrít, đặc biệt là với tướng Đun-xơ, tổng thanh tra kỵ binh. Chính phủ biết việc ông ta lưu lại Ma-đrít, còn đêm ngày 27 tháng Sáu, bộ trưởng Bộ chiến tranh là tướng Bla-xơ và tướng La-ra là thống đốc kiêm tư lệnh của Tân Ca-xti-li-a đã được báo trước về cuộc khởi nghĩa dưới sự lãnh đạo của tướng Đun-xơ sắp nổ ra. Nhưng người ta không làm gì để ngăn ngừa hoặc đàn áp cuộc khởi nghĩa đang được nhen nhóm. Vì thế mà ngày 28 tháng Sáu, tướng Đun-xơ mượn cớ duyệt binh đã tập hợp được dễ dàng khoảng 2000 kỵ binh và kéo ra ngoài thành phố có Ố Đôn-nen đi kèm, mưu toan bắt cóc nữ hoàng đang ở E-xcu-ri-an. Nhưng, kế hoạch không thành, và ngày 29 tháng Sáu, với sự hộ tống của thủ tướng nội các là bá tước Xan-Lu-i-xơ, nữ hoàng đã đến Ma-đrít và tiến hành cuộc duyệt binh trong khi quân khởi nghĩa đã bố trí ở các vùng ngoại ô. Đại tá Ê-sa-gu-ê với 400 binh sĩ của trung đoàn của hoàng thân đã cướp quỹ

của trung đoàn trong đó có 1000000 phrăng, cũng tham gia khởi nghĩa. Tối ngày 29, từ Ma-đrít người ta đã phái đi một đội quân do tướng La-ra chỉ huy, gồm có 7 tiểu đoàn bộ binh, một trung đoàn kỵ binh, một đơn vị hiến binh cưỡi ngựa và hai khẩu đội pháo để đón đánh quân phiến loạn bố trí ở Ven-tát-dên-Ê-xpi-ri-tu-Xan-tô và thôn Vi-can-ra-vô. Ngày 30 tháng Sáu, giữa hai quân đội diễn ra một trận đánh mà có đến ba bản báo cáo: báo cáo chính thức của tướng La-ra gửi bộ trưởng Bộ chiến tranh và được đăng trên tờ "Gaceta", báo cáo thứ hai đăng trên tờ "Messenger de Bayonne", và báo cáo thứ ba của phóng viên báo "Indépendance belge" tại Ma-đrít là người đã mục kích trận đánh. Bản báo cáo thứ nhất có thể tìm thấy ở trên tất cả các tờ báo ở Luân Đôn, không có gì đặc biệt, trong đó tướng La-ra ban đầu tuyên bố rằng ông ta đã tấn công quân khởi nghĩa, sau đó lại nói rằng quân khởi nghĩa tấn công ông ta, rằng ông ta đã bắt được tù binh, rồi lại nói rằng ông ta bị mất tù binh, rằng ông ta đã giành được thắng lợi và trở về Ma-đrít và, enfian!^{1*} ông ta đã để quân khởi nghĩa làm chủ tình hình, sau khi làm cho chiến trường ngổn ngang xác "địch", trong khi đó tổn thất của bản thân ông ta cả thảy có ba mươi người bị thương.

Tờ "Messenger de Bayonne" đưa tin về quá trình chiến đấu như sau:

"4 giờ sáng ngày 30 tháng Sáu tướng Kê-xa-da thống lĩnh hai lữ đoàn, rời Ma-đrít để tấn công quân phiến loạn. Trận chiến đấu tiếp diễn không lâu, và tướng Kê-xa-da bị đánh trả kiên quyết. Vào lúc 7 giờ tối, bộ trưởng Bộ chiến tranh là tướng Bla-xơ đến lượt mình cũng tập trung toàn bộ quân đồn trú Ma-đrít (tôi xin nêu rõ rằng quân đồn trú này gồm khoảng 7000 - 8000 người), mở cuộc xuất kích. Trận đánh lập tức bắt đầu, kéo dài hầu như không gián đoạn cho đến tận khuya. Bộ binh hoảng sợ trước kỵ binh đông đảo của quân khởi nghĩa, đã bố trí thành đội hình vuông. Đại tá Ga-ri-gô chỉ huy một số đại đội kỵ binh tấn công mãnh liệt vào một trong những đội hình vuông ấy làm nó tan rã, nhưng ông ta đã vấp phải hỏa lực của một khẩu đội pháo nguy trang gồm 5 khẩu mà đạn ghém của chúng đã đánh tan các đại đội kỵ binh của ông. Đại tá Ga-ri-gô rơi vào tay quân đội hoàng gia, nhưng tướng Ố Đôn-nen, không để phí một phút, đã tập trung các đại đội kỵ binh của mình tấn công mãnh liệt vào bộ binh, làm rối loạn hàng ngũ của họ, giải thoát được Ga-ri-gô và thu được 5 khẩu pháo. Sau đòn này, quân đội hoàng gia rút về Ma-đrít, đến 8 giờ tối thì tối. Một trong các viên tướng của họ là Men-xi-na bị thương nhẹ. Do trận chiến đấu kịch liệt này, hai bên đều bị thương vong nhiều".

1* - sau hết

Bây giờ chúng ta chuyển sang bản báo cáo của tờ "Indépendance" có ghi rõ: Ma-đrít, ngày 1 tháng Bảy. Bản báo cáo này cho chúng ta những tin tức đáng tin cậy nhất.

"Ven-tát-dên - Ê-xpi-ri-tu - Xan-tô và Vi-can-ra-vô là chiến trường của trận chiến đấu quyết liệt, trong đó quân đội của nữ hoàng phải rút về phía Phôn-da đơ la An-lê-gri-a. Ba đội hình vuông lần lượt được bố trí ở các địa điểm khác nhau, đã tự giải tán theo lệnh của bộ trưởng Bộ chiến tranh. Đội hình vuông thứ tư dàn ra ở phía sau Rê-ti-rô. Mười đại đội kỵ binh quân khởi nghĩa do các tướng Ố Đôn-nen và Đun-xơ đích thân chỉ huy, tấn công vào phía giữa của nó (?), trong khi đó quân du kích chiếm lĩnh bên sườn của nó (?). (Khó hiểu được rằng phóng viên dùng phía giữa và bên sườn với ý nghĩa gì khi cuộc tấn công triển khai vào đội hình vuông.) "Quân khởi nghĩa tấn công hai lần vào các đơn vị pháo, nhưng bị đạn ghém đánh lui. Rõ ràng là, họ định chiếm lấy các khẩu pháo ở các góc của đội hình vuông. Nhưng đêm đã xuống và quân đội chính phủ rút lui theo thể đội về các cửa của An-các, nơi đây, một đại đội kỵ binh đáng tin cậy còn ở lại đã bị một đơn vị kỵ binh nhẹ - quân khởi nghĩa nấp sau bãi chọi bò tốt tập kích bất ngờ. Lợi dụng sự hỗn loạn do cuộc tập kích bất ngờ ấy gây ra, quân khởi nghĩa đã chiếm bốn khẩu pháo còn lại. Tổn thất của hai bên gần ngang nhau. Kỵ binh của quân khởi nghĩa bị tổn thất nặng vì đạn ghém, nhưng kỵ binh nhẹ hầu như tiêu diệt được một trung đoàn của nữ hoàng đương vị và một đội hiến binh cưỡi ngựa. Những tin tức cuối cùng cho biết quân khởi nghĩa đã nhận được viện binh từ Tô-lê-đô và Va-li-a-đô-lít. Thậm chí có tin đồn rằng hôm nay người ta đang chờ tướng Nác-va-e-xơ ở Va-li-ê-cát, nơi đây các tướng Đun-xơ, Ố Đôn-nen, Rô-xơ Đơ Ô-la-nô và Ác-me-rô sẽ tiếp ông. Gần các cửa vào A-tô-sa người ta đã đào chiến hào. Đám người tò mò chen chúc ở ga xe lửa, từ đấy có thể trông thấy các trạm tiền tiêu của tướng Ố Đôn-nen. Nhưng tất cả các cửa thành Ma-đrít đều được canh phòng nghiêm mật..."

3 giờ chiều cùng ngày. Những lực lượng quan trọng của quân khởi nghĩa đã chiếm thị trấn Va-li-ê-cát ở cách Ma-đrít ba dặm Anh. Hôm nay chính phủ đang chờ đợi quân đội của tỉnh tôi, đặc biệt có một tiểu đoàn của nhà vua. Nếu tin theo những tin tức cuối cùng, thì bộ phận quân đội này đã gia nhập quân khởi nghĩa rồi.

4 giờ chiều. Hiện giờ hầu hết toàn bộ quân đồn trú đều rời bỏ Ma-đrít và tiến về hướng Va-li-ê-cát, đón đánh quân khởi nghĩa đang tỏ ra hết sức vững tin. Các hiệu buôn đều đóng cửa. Đội cảnh vệ của Rê-ti-rô và nói chung tất cả các cơ quan chính phủ đều được vũ trang nhanh chóng. Tôi vừa được biết rằng có vài đại đội quân đồn trú đã gia nhập quân khởi nghĩa ngày hôm qua. Quân đồn trú Ma-đrít ở dưới quyền chỉ huy của các tướng Cam-pu-xa-nô - mà người ta nói sai rằng, ông ta đã chạy sang phía quân khởi nghĩa - tướng Vi-xta Êc-mô-xa và bộ trưởng Bộ chiến tranh Bla-xơ. Viện binh mà chính phủ chờ đợi, cho tới nay vẫn chưa đến; nhưng trung đoàn chủ lực thứ tư và trung đoàn kỵ binh thứ nhất hình như đã rời Vi-li-a-đô-lít và đang hành quân cấp tốc về Ma-đrít. Người ta cũng khẳng định như vậy về quân đồn trú Buốc-gô-xơ do tướng Tu-rôn chỉ huy. Và sau hết, tướng Ri-vê-ro dẫn đầu một lực lượng quan

trọng đã rời Xa-ra-gốt. Từ đó có thể thấy rằng phải chờ đợi những trận xung đột đẫm máu hơn".

Cho đến ngày 6 tháng Bảy, người ta không nhận được báo chí và thư từ gì của Ma-đrít. Chỉ có tờ "Moniteur" đăng bức điện khẩn ngắn sau đây ghi rõ: Ma-đrít, ngày 4 tháng Bảy.

"Sự yên tĩnh tiếp tục bao trùm Ma-đrít và các tỉnh".

Theo một tin riêng, thì quân khởi nghĩa hiện đang ở A-ran-hu-ê-xơ. Nếu như trận chiến đấu mà phóng viên báo "Indépendance" báo trước ngày 1 tháng Bảy đã kết thúc bằng thắng lợi của chính phủ, thì không thể thiếu được trên thư từ, báo chí và thông cáo. Mặc dầu tình trạng giới nghiêm đã được ban bố ở Ma-đrít, các báo "Clamor Público", "Nación", "Diario", "España" và "Época" lại xuất bản mà không báo trước cho chính phủ và chính phủ chỉ biết được sự việc đáng buồn đó qua các quan chức của mình mà thôi. Trong số những người bị bắt ở Ma-đrít có các chủ ngân hàng là An-tô-ni-ô Ghi-léc-mô Mô-re-nô và Hô-xê Ma-nu-en Cô-la-đô. Đồng thời đã có lệnh bắt Xi-hô-ra Xê-vin-lan-nô, hầu tước Đơ Phu-en-tét Đơ Đu-ê-rô, bạn thân của nguyên soái Nác-va-e-xơ. Các ngài Môn và Pi-đan đang bị theo dõi.

Việc đánh giá tính chất chung của cuộc khởi nghĩa này còn hơi sớm. Nhưng có thể nói rằng, nó hiển nhiên không phải là công việc của phái tiến bộ¹⁶⁹, vì rằng tướng Xan-Mi-ghen, đại biểu của phái này trong giới quân sự, vẫn ngồi yên ở Ma-đrít. Căn cứ vào mọi tin tức, thì linh hồn của âm mưu này đúng ra là Nác-va-e-xơ, còn nữ hoàng Cri-xti-na - mà ảnh hưởng gần đây bị giảm sút mạnh do người được sủng ái của nữ hoàng là bá tước Xan - Lu-i-xơ gây ra - cũng tham gia vào phong trào này.

Vị tất có nước nào ở châu Âu, trừ Thổ Nhĩ Kỳ, mà người ta hiểu biết ít và đáng giá không đúng như Tây Ban Nha. Vô số những cuộc chính biến địa phương và phiến loạn quân sự khiến châu Âu quen nhìn Tây Ban Nha như Đế quốc La Mã ở thời đại quân ngự lâm. Điều đó cũng sai lầm như những nhận định nông cạn về Thổ Nhĩ Kỳ của những người cho rằng sức sống của quốc gia ấy sẽ dĩ khô cạn là vì chính sử của nó trong một trăm năm nay gồm toàn những cuộc chính biến ở triều đình

và émeutes^{1*} của quân cấm vệ. Nguyên nhân của những sự hiểu sai đó chỉ là ở chỗ các nhà sử học đáng lý phải tìm nguồn sức sống của các nước ấy ở các tổ chức tỉnh và địa phương của họ, thì lại tìm nó ở sử biên niên của các triều đại. Những biến đổi xảy ra trong lĩnh vực mà chúng ta thường gọi là quốc gia, ít đụng chạm tới nhân dân Tây Ban Nha đến mức họ hoàn toàn phó mặc lĩnh vực hạn chế ấy cho sự nhiệt tình thất thường và mưu mô nhỏ mọn của những kẻ sủng thần trong triều đình, các tướng lĩnh, các nhà phiêu lưu và của một số ít cái gọi là các nhà hoạt động nhà nước, và cho tới nay họ rất ít lý do để hối hận về sự thờ ơ ấy. Về tính chất của sử cận đại của Tây Ban Nha phải có sự đánh giá hoàn toàn khác với sự đánh giá đưa ra cho tới nay, và tôi, nhân dịp này, xin trình bày tỉ mỉ về vấn đề ấy trong một bài sắp tới. Hiện giờ tôi chỉ có thể nêu lên một điều sau đây: chẳng có gì là lạ, nếu như cuộc phiến loạn quân sự thuần túy ở bán đảo Pi-rê-nê phát triển thành cuộc khởi nghĩa rộng khắp, vì rằng những sắc lệnh về tài chính gần đây của Chính phủ¹⁷⁰ đã rất thành công trong việc biến các nhân viên thuế vụ thành những người tuyên truyền cách mạng.

Giờ đây Áo sẽ quyết định số phận của chiến tranh. Nếu như quân đội Áo cho tới nay chưa tiến vào Va-la-ki, thì chỉ vì Áo còn đợi hoàng đế Nga trả lời. Như tin điện cho biết, Goóc-tra-cốp đã tiến đến Viên, đem theo lời phúc đáp chẳng lành. Những yêu sách của Áo - Phổ gửi đi ngày 3 tháng Sáu đã được đăng lần đầu trên tờ "Kölnische Zeitung"¹⁷¹. Những điều cơ bản trong yêu sách của Áo là:

"Sau khi cân nhắc sáng suốt tất cả những lý lẽ nêu ra với mình, hoàng đế Nga sẽ chú ý tới cái ý nghĩa mà hoàng đế Áo dành cho việc quân đội Nga ngừng vượt sông Đa-nuýp và việc nhận được của hoàng đế Nga những chỉ thị quy định về thời hạn, mà chúng tôi hy vọng rằng, không xa xôi lắm, thôi chiếm đóng các công quốc thuộc vùng sông Đa-nuýp. Chúng tôi không nghi ngờ gì điều đó, hoàng đế Ni-cô-lai mong muốn hòa bình; do đó ông ta sẽ tìm biện pháp chấm dứt cái tình trạng ngày càng trở thành nguồn gốc của các làn sóng phản đối trong nước đối với Áo và Đức. Chúng tôi tin rằng, ông ta sẽ không muốn kéo dài vô thời hạn việc chiếm đóng hoặc đưa ra những điều kiện về việc rút khỏi các công quốc thuộc vùng sông Đa-nuýp mà chúng tôi không thể tiếp nhận được khiến cho hoàng đế Phran-xơ-I-ô-xíp đích thân phải có những biện pháp bảo vệ lợi ích của mình đang bị đe dọa rất đối nghiêm trọng trong tình hình hiện nay.

1* - những cuộc phiến loạn

Bức công hàm của Phổ nhằm ủng hộ "những yêu sách"¹⁷² của Áo đã kết thúc như sau:

"Quốc vương hy vọng rằng hoàng đế sẽ đồng ý chuyển vấn đề còn đang tranh luận sang cơ sở có thể giải quyết thực tế để làm dễ dàng việc giải quyết thỏa đáng vấn đề ấy bằng cách hạn chế và quy định giới hạn xác thực trong hành động của hai bên. Vì vậy quốc vương chỉ tôn của chúng tôi hy vọng rằng biện pháp hiện nay sẽ được tiếp nhận, đáp ứng được những nguyện vọng sản sinh ra nó, và hy vọng rằng lời phúc đáp của hoàng đế Nga mà chúng tôi, cũng như nội các Viên thiết tha chờ đợi tương xứng với tầm quan trọng của nó, sẽ có thể giải thoát cho quốc vương khỏi gánh nặng mà nghĩa vụ và trách nhiệm của ngài đặt ra cho ngài".

Hết-xơ, tổng tư lệnh tập đoàn quân phương Đông dự định đặt đại bản doanh của mình ở Tréc-nô-vi-xe. Tờ "Soldatenfreund" ở Viên đã đăng tiểu sử sau đây của tướng Hết-xơ:

"Nguyên soái Phôn Hết-xơ sinh năm 1788 ở Viên, năm 1805 gia nhập trung đoàn Đuy-lai làm thiếu uý, cuối năm 1815 làm sĩ quan tham mưu, năm 1822 thăng trung tá, được bổ nhiệm làm sĩ quan hậu cần ở Tu-rin. Từ năm 1829 là đại tá, năm 1831 được bổ nhiệm làm phụ trách hậu cần của quân đoàn cơ động ở Bắc I-ta-li-a. Năm 1842 ông nhận quân hàm trung tướng, năm 1848 là tham mưu trưởng tập đoàn quân Ra-dét-xki. Ông đã đặt ra kế hoạch tiến quân về Măng-tu, Cuốc-ta-tô-nơ và Vi-sen-xa vào năm 1848, cũng như kế hoạch chiến dịch ngắn năm 1849 được kết thúc bằng trận Nô-va-ra".

Về việc công khai thừa nhận những ý đồ của Áo định chiếm lĩnh Va-la-ki, tôi xin dẫn ra lời của chính các tờ báo Áo.

Tờ "Frankfurter Postzeitung", cơ quan ngôn luận của phòng đại diện của Áo tại Quốc hội hiệp bang, nêu rõ:

"Do vị trí địa lý của mình, Áo có trách nhiệm thúc đẩy một cách kiên quyết nhất việc khôi phục hòa bình, thực tế cách ly hai bên tham chiến bằng cách chiếm lĩnh các công quốc thuộc vùng sông Đa-nuýp và chiếm giữ những địa điểm quan trọng nhất giữa hai bên. Nếu người Nga rút về bên kia sông Prút, thì người Thổ Nhĩ Kỳ và đồng minh của họ sẽ không thể vượt sông Đa-nuýp được nữa. Nếu như chúng ta chú ý thêm rằng, mỗi bên đều đã thu được kinh nghiệm nhất định và đã từ bỏ ảo tưởng nhất định của mình" (người Nga từ bỏ ảo tưởng về ưu thế quân sự của mình, các cường quốc trên biển từ bỏ ảo tưởng về sức mạnh vô địch của hạm đội của mình), "thì rõ ràng là cục diện hiện nay làm cho việc khôi phục đàm phán hòa bình trở thành hầu như tất yếu".

Về phía mình, tờ "Lloyd" vạch rõ:

"Vùng đất đai tranh chấp, tức các công quốc thuộc vùng sông Đa-nuýp, có thể đặt dưới sự bảo hộ của một nước trung lập. Như vậy, lúc đó quân Thổ Nhĩ Kỳ không thể chiếm lĩnh trận

địa trên hai bờ sông Prút. Người điều đình vũ trang sẽ đứng giữa quân đội của các cường quốc phương Tây và quân đội Nga và ngăn ngừa sự xung đột của họ ở các công quốc thuộc vùng sông Đa-nuýp. Như vậy, sẽ thực tế đình chiến ở chiến trường quan trọng nhất. Nếu quả thực còn tồn tại khả năng hòa bình, thì biện pháp ấy sẽ làm nó đến gần. Ở Xanh Pê-téc-bua, cũng như bất cứ nơi nào khác đều không thể mảy may hoài nghi rằng, quyết định về việc chiếm lĩnh các công quốc thuộc vùng sông Đa-nuýp được Áo thông qua là để bảo đảm hòa bình và đồng thời cũng là biện pháp cuối cùng có thể có trong việc ngăn ngừa một cuộc chiến tranh rộng khắp".

Và sau hết, chúng tôi thấy có một bài rất lý thú đại loại như vậy trên tờ "Spenersche Zeitung"¹⁷³ xuất bản ở Béc-lin:

"Người ta xác nhận rằng, các vị đại sứ của bốn cường quốc sẽ triệu tập một cuộc hội nghị nữa ở Viên, một là, để giới thiệu bản công ước đã được ký kết giữa Áo và Thổ Nhĩ Kỳ và tuyên bố rằng, công ước này là nhất trí với những nghị định thư trước đây trong các hội nghị, hai là, để thương lượng về việc sửa đổi những nguyên tắc được quy định trong nghị định thư Viên ngày 9 tháng Tư, sự sửa đổi này sẽ là cơ sở tích cực cho những hoạt động phòng ngừa sau này nhằm đạt tới hòa bình, chứ không phải chiến tranh".

Trong khi đó, Áo lợi dụng tình hình ấy thảo ra một dự án công trái mới mà các điều kiện của nó được chính thức công bố như sau:

"1. Tổng số công trái dự định vào khoảng 350 đến 500 triệu phlo-rin. Nếu số nhận mua đạt tới con số ấy, thì công trái sẽ được thanh toán trong vòng 3, 4 hoặc 5 năm, tùy theo tổng số nhận mua.

2. Giá phát hành được quy định là 95, trả bằng giấy bạc ngân hàng.

3. Lãi suất phải là 5% và được trả bằng tiền kim loại.

4. Việc nhận mua không có tính chất cưỡng bức; chính phủ nhà vua thông qua chính quyền hiện hành trong tất cả các tỉnh mà kêu gọi *lòng yêu nước* của các thần dân trong nước.

5. Công trái dùng để trả nợ của nhà nước cho ngân hàng với tổng số chừng 80 triệu nhằm mục đích khôi phục thị giá của giấy bạc ngân hàng. Số còn lại" (gọi bốn phần năm tổng số là số còn lại thì quả là rất thông minh) "sẽ dùng làm nguồn bổ sung cho ngân sách mấy năm sắp tới".

Dĩ nhiên tờ "Lloyd" quả quyết rằng, biện pháp tài chính đồ sộ ấy, như hiện nay (đường như lần đầu tiên) người ta dự tính, sẽ vĩnh viễn chấm dứt tình trạng tiền tệ của Áo hiện nay sụt giá. Bạn đọc còn nhớ rằng, chính cái lý do ấy đã được người ta viện ra hầu như mỗi lần phát hành công trái Áo trong thế kỷ này. Nhưng trong biện pháp đồ sộ ấy vẫn còn một số điểm có lẽ bạn đọc không thấy được, vì rằng chúng đã

bị cố tình bỏ qua trong những tin tức dẫn ra trên kia. Về vấn đề này, tờ "Globe" tối qua đã viết như sau:

"Đột công trái này sẽ có tính chất toàn quốc, nghĩa là mỗi người đóng thuế đều phải nhận mua theo tỷ lệ với số thuế phải đóng. Ban đầu dùng biện pháp về mặt tinh thần, rồi sau đó là cưỡng bức trực tiếp. Do đó, trên thực tế, biện pháp ấy ngang như sự quy định một khoản thuế phụ thu với lời hứa sẽ trả lại số tiền nộp ra".

Điều đáng chú ý là toàn bộ biện pháp ấy về lý do cũng như về phương pháp thực hiện đều rất giống những mệnh lệnh gần đây ở Tây Ban Nha, hình thành nên khúc dạo đầu của cách mạng.

Trong một bài gần đây^{1*} của mình, tôi đã lưu ý các bạn đến quyền lợi và tình cảnh của nhân dân Va-la-ki, bác bỏ cái luận điệu cho rằng hình như mọi xung đột về ngoại giao đều nảy sinh từ sự vi phạm những quyền lợi ấy. Tờ "Siècle"¹⁷⁴ ở Pa-ri vừa mới đăng bản báo cáo của ngài Bác-bu Bi-bê-xcu, quận trưởng quận Mê-ghe-đin-xơ ở Tiểu Va-la-ki gửi cho bộ trưởng Bộ ngoại giao Chính phủ Thổ Nhĩ Kỳ. Ở đây, chúng ta, rút cục, đã nghe thấy tiếng nói bên vực nhân dân các công quốc thuộc vùng sông Đa-nuýp mà số phận họ đã bị "bọn bảo vệ nền văn minh" đối xử với sự thờ ơ nhục nhã đến như vậy. Bản báo cáo mở đầu với cái tin là:

"để trả thù cho sự chống cự một cách tiêu cực của nhân dân hoàn toàn tay không vũ khí, người Nga khi rút khỏi Tiểu Va-la-ki đã phạm những hành động dã man và phá hoại ghê tởm nhất. Họ đã cướp theo toàn bộ kho bạc, ấn tín và hồ sơ của chính quyền quản lý địa phương và đồ đạc của nhà thờ. Trước khi rút đi, họ đã giết súc vật còn sót lại sau bao nhiêu lần trưng dụng trước đây, không phải để mang theo, mà là để cho rửa nát ra, làm như vậy chỉ cốt để nhân dân cảm thấy sự tàn bạo và sự hằn thù của họ".

Nhân có những tin đồn lan truyền lúc đó rằng quân Áo sắp sửa tiến vào Va-la-ki, ngài Bi-bê-xcu nhận định rằng "thậm chí một đội quân ngoại quốc tốt bụng bao giờ cũng vẫn là gánh nặng đối với quốc gia mà nó chiếm đóng". Ông nói rằng Va-la-ki không cần người Áo; bản thân nó có thể cung cấp 50000 chiến sĩ đã được huấn luyện và có kỷ luật. Trong 17 tỉnh ở Va-la-ki, hiện nay tỉnh nào cũng có 3000 hiến binh, kiểm lâm, lính bắn tỉa và cựu binh, họ chỉ cần có vũ khí để xông vào

1* Xem tập này, tr. 333-338.

người Nga khi có hiệu lệnh đầu tiên. Ông ta kết thúc bằng những lời sau đây:

"Chúng tôi chỉ thiếu vũ khí; nếu như nó không có ở các kho vũ khí của các ngài, thì nó có nhiều ở vô số các công xưởng ở Pháp, Anh và Bỉ, và chúng tôi sẵn sàng mua. Vũ khí, lại vũ khí, thưa quý ngài, trong vòng chưa đầy ba tháng trên các công cuộc thuộc vùng sông Đa-nuýp sẽ không còn lại một người Nga nào, còn Chính phủ Thổ Nhĩ Kỳ tối cao sẽ nhận được dưới quyền quản lý của mình 100000 người Ru-ma-ni cũng thiết tha mong mỗi đánh đuổi và trừng trị kẻ tử thù chung, giống như người Ô-xman vậy".

Ngài quận trưởng Mê-ghe-đin-xơ đáng thương không hiểu rằng Áo bắt người Va-la-ki tuân theo sự chiếm đóng của nó, chính là để ngăn cản sự vũ trang của họ và không cho phép họ cùng người Ô-xman đánh đuổi và trừng trị người Nga.

Theo tin tức các tờ báo của bọn cóc-ni*, thì ngài Sác-lơ Nây-pia định nhử các đồ đốc Nga ra khỏi Crôn-stát, bắt họ phải rời khỏi nơi ẩn nấp mà sau những bức tường bằng đá hoa cương của nó, họ đang "run sợ" trước hạm đội Anh - Pháp. Nhưng tại sao hải quân Anh không rời bỏ nơi ẩn nấp bằng gỗ của mình để chiến đấu với quân Nga ở địa hình mà quân Nga quen thuộc, ở trên bộ? Cần chỉ rõ rằng, dù người Anh khoác lác thế nào, thì người Nga vẫn ra khỏi Xê-va-xtô-pôn và "bắn bị thương" tàu chạy bằng hơi nước "Phu-ri-ốt".

Ba-ra-ghê đ' In-li-ê được bổ nhiệm chỉ huy một sư đoàn được điều đi Ban-tích, sư đoàn này phải xuống tàu ngày 14 tháng Bảy. Anh phải cung cấp cho việc vận chuyển 6000 người. Một số lượng quân như vậy và một khẩu đội pháo dã chiến sẽ đáp tàu của Pháp. Nếu tính vào đó cả đơn vị lính thủy đánh bộ do đại tá Phi-ê-rôn chỉ huy, thì toàn bộ sư đoàn Ban-tích sẽ có 13000 - 14000 người. Trong khi đó ở Mác-xây việc vận chuyển quân đội đi Hắc Hải vẫn chưa ngừng lại; rõ ràng là, quá trình giải trừ quân bị của Pháp vẫn chưa đạt tới mức "an toàn" như mong muốn.

*Do C.Mác viết ngày 7 tháng Bảy 1854
Đã đăng trên tờ "New-York Daily Tribune"
số 4136, ngày 21 tháng Bảy 1854
Ký tên: Các Mác*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Anh*

1* - tiểu thị dân Luân Đôn

C.MÁC

TÌNH HÌNH SÔI SỤC Ở I-TA-LI-A. - NHỮNG SỰ KIẾN Ở TÂY BAN NHA. - LẬP TRƯỜNG CỦA CÁC QUỐC GIA ĐỨC. - NHỮNG QUAN TÒA ANH

Luân Đôn, thứ sáu, ngày 14 tháng Bảy 1854

Ngài Sác-lơ^{1*} đã từ Crôn-stát yên ổn trở về không bị thiệt hại gì về con số thương vong, trừ một số lính thủy dừng cảm bị bệnh tả cướp đi. Để giữ vững tinh thần hăng hái của công chúng, hiện nay người ta phải diễn lại ở Xê-va-xtô-pôn một trò hề như sau: ở Ô-dét-xa người ta đã được trông thấy 50 tàu chiến của hạm đội liên quân "đang hướng" về địa điểm ấy.

Cuộc xuống tàu của quân đội Pháp tại Ca-lơ dự định vào ngày hôm nay đã phải hoãn đến 20 tháng Bảy, nghe đâu, để chờ đợi biết rõ những sự kiện ở Tây Ban Nha.

Tướng Bút-béc-gơ đã cường bức dân chúng các công quốc thuộc vùng sông Đa-nuýp phải ra lời tuyên bố trong đó họ tỏ lòng biết ơn hoàng đế Ni-cô-lai về việc chiếm đóng đất nước họ và bảo vệ họ chống lại "bọn Thổ Nhĩ Kỳ dã man tàn bạo". Tàu "Ô-phrát" rời Công-xtăng-ti-nô-pơ ngày 5 tháng Bảy và cập bến Mác-xây ngày 13 tháng Bảy đã đem lại một tin quan trọng là quân Nga hoàn toàn chưa rút khỏi Đô-brút-gia và Rê-sít-pa-sa bất hạnh^{2*} "nổi danh" lại giữ chức bộ trưởng Bộ ngoại giao.

Tin tức từ Cra-cốp ngày 8 tháng Bảy cho biết rằng hâu tước Pa-xkê-vích đã đến cung Gô-men ở lãnh địa Lít-va của ông, và sẽ không tham gia chiến dịch hiện nay nữa. Lại có tin bổ sung rằng, không những bản thân ông ta bị cách chức, mà kế hoạch chiến dịch của ông

ta cũng bị bác bỏ; một tin tức hợp lý hơn là quân Nga đã bắt đầu rút về Môn-đa-vi-a, lại tiến lên dưới quyền chỉ huy của hâu tước Goóc-tra-cốp hình như đang tập hợp một lực lượng quan trọng ở phía trước Bu-ca-rét. Hiện nay sự bố trí của quân Nga như sau: cánh phải của nó ở thượng lưu sông I-a-lô-mi-xa kéo dài cho đến dãy núi An-pơ thuộc vùng Tô-ran-xin-va-ni, nơi đây nó có thể dựa vào 24 khẩu pháo hạng nặng chốt chặt đèo Tê-me-sơ; bộ phận trung tâm của họ chiếm lĩnh một dải kéo dài từ Phốc-san-nư đến Bu-ca-rét; cánh trái của họ dưới quyền chỉ huy của Li-déc đóng ở Brai-lốp, còn cánh trái ở cuối dưới quyền chỉ huy của U-sa-cốp đóng ở Đô-brút-gia.

Theo những tin tức gần đây từ chiến trường, thì một lực lượng quan trọng của quân Thổ Nhĩ Kỳ (40000, kể cả 12000 liên quân) đã vượt sông Đa-nuýp và chiếm Giuyéc-giê-vô. Báo chí Pháp đưa tin rằng một thôn nhỏ của Nga gần cửa sông Xu-lin đã bị tàu chiến của hạm đội liên quân pháo kích và phá huỷ; thực ra, đối với tin này tốt hơn hết là nên có thái độ giống như đối với câu chuyện bịa đặt về cuộc pháo kích lần thứ hai và cuộc phá huỷ Bô-mác-đun-xơ ở biển Ban-tích. Các hoạt động quân sự của nguyên soái Xanh-Ác-nô ở phương Đông hình như đã gây ra những lo ngại nào đó ở cung Tuyn-lơ-ri, e rằng nó mang quy mô quá lớn. Mọi tin tức đều để lộ rằng, Chính phủ Pháp đã cử một tổng thanh tra chuyên nghiệp, - đương nhiên là *một nhà tài chính*, - để làm dịu bớt sự quá sốt sắng đó (son excès de zèle).

Ở I-ta-li-a, cả chính phủ lẫn nhân dân đều chìm ngập trong tình hình sôi sục ghê gớm. Tướng La Mác-môn, bộ trưởng Bộ chiến tranh của Pi-ê-mông, đã ra lệnh lập các trại lính ở Xa-voa, Xanh-Mô-ri-xơ, A-lếch-xăng-ri-a và thậm chí ở đảo Xác-di-ni. Một số lượng lớn binh sĩ được giải ngũ vô thời hạn đã bị gọi tái ngũ. Người ta đồng thời bổ sung đầy đủ vật tư dự trữ ở các cứ điểm A-lếch-xăng-dri-a và Ca-xa-lơ. Mặt khác nguyên soái Ra-dét-xki cũng ra lệnh lập trại lính ở giữa Vê-rô-na và Vôn-ta, nơi đây hàng ngày có trên 20000 lính được huấn luyện theo phương pháp tiến hành chiến tranh nhỏ (petite guerre). Ở Cô-đô-ni-ô, Ca-xa-lơ, Pu-xtéc-lác-xô và một số thành phố khác ở Lô-m-bác-di đã xảy ra những vụ lộn xộn do thực phẩm đắt đỏ. Khoảng hai trăm người bị bắt và bị giải đi Măng-tu. Theo các thư từ

1* - đô đốc Sác-lơ Nây-pia

2* Chơi chữ: "wretched" có nghĩa là "bất hạnh" - đồng âm với cái tên Rê-sít.

nhận được từ Na-plo, thì ở đây đang diễn ra nhiều vụ bắt bớ; ở Xi-xin cũng vậy, nơi đây con trai bá tước Ca-ráp-pha đã bị bỏ tù. Vua Trái phá^{1*} đã có những biện pháp đặc biệt để vũ trang trên đất liền và trên biển. Ông ta ra lệnh cho cứ điểm Ga-e-tơ chuẩn bị sẵn sàng chiến đấu trong mọi tình huống. Ông tuyên bố rằng, bệnh dịch hạch đang lan tràn khắp châu Âu và do đó phải quy định chế độ cách ly kiểm dịch nghiêm ngặt cho tất cả các tàu thuyền nhập cảnh. Tất cả tàu thuyền đến từ Bồ Đào Nha, Gla-xô và vương quốc Xác-đi-ni đều phải qua một thời hạn cách ly kiểm dịch là 10 ngày, các tàu thuyền đến từ Tô-xca-nơ và vương quốc La Mã - thì 7 ngày. Vì những hạn chế đó đã được thi hành đối với hầu hết các nước, nên việc nhập cảnh tự do của một chiếc tàu nào đó là một ngoại lệ hiếm có. Thư tín từ nước ngoài nhập cảnh bằng đường bộ đều phải chịu những biện pháp dự phòng được thi hành đối với những nước đang có bệnh dịch hạch hoành hành. Việc giao thông với vùng đất Tòa thánh được tiến hành qua Môn-tê-cát-xi-nô và Xô-ra, cũng có thể qua A-brút-xơ, nhưng chắc là chẳng bao lâu nữa các trạm quân y phòng dịch sẽ được đặt dọc khắp biên giới.

Chuyến bưu kiện cuối cùng đang chờ đợi gửi từ Ma-đrít qua Boóc-đô, cho mãi đến tối hôm qua vẫn chưa đến Pa-ri. Nghe nói, quân đội nhà vua tiếp tục truy kích quân phiến loạn, dường như đã đuổi kịp và bắt đầu tiêu diệt chúng. Ban đầu chúng tôi được tin rằng quân phiến loạn đang chạy về E-xtơ-rê-ma-đu-ra, định rút về biên giới Bồ Đào Nha. Nhưng hiện nay chúng tôi được biết rằng hình như họ đang trên đường tiến về An-đa-lu-di-a, tình hình đó nói lên rằng quân phiến loạn không thiết tha lắm với việc sắp sửa rời tổ quốc mình. Qua các thư riêng người ta được biết rằng tướng Xéc-ran-nô cầm đầu 300 kỵ binh đã gia nhập quân khởi nghĩa; tờ "Gaceta" cũng đưa tin rằng có một mình ông ta nhập thôi. Ở Ma-đrít đang lan truyền tin đồn rằng một trung đoàn của nhà vua (del Rey) đã chạy sang phía quân khởi nghĩa. Phóng viên báo "Morning Chronicle" bổ sung rằng, tham gia quân khởi nghĩa có 200 sĩ quan thuộc các binh chủng khác nhau, có một số đại đội thuộc các trung đoàn đóng ở Tô-lê-đô, và hai tiểu đoàn quân tình nguyện của Ma-đrít. Tờ "Gaceta" tuyên bố rằng, sư đoàn nhận lệnh

truy kích quân phiến loạn đã xuất phát từ Ma-đrít tối ngày 5 tháng Bảy, gồm có ba lữ đoàn bộ binh, một lữ đoàn kỵ binh, hai khẩu đội pháo, một đại đội công binh và một nhóm nhân viên ngành quân sự. Sư đoàn xuất kích dưới quyền chỉ huy của tướng Vi-xta Éc-mô-xa, nhưng hôm sau ông ta đã bị bộ trưởng Bộ chiến tranh là tướng Bla-xơ thay thế. Sắc lệnh ngày 7 tháng Bảy của nhà vua tạm thời bổ nhiệm tướng Xan Rô-man thay thế chức vụ bộ trưởng Bộ chiến tranh trong thời gian tướng Bla-xơ vắng mặt. Tờ "Gaceta" đưa tin rằng sư đoàn nói trên đã đến Tem-blê-cơ và vận động về hướng Xuy-đa-đơ-Rê-an theo thung lũng sông Gva-đi-a-na. Cũng trong ngày hôm ấy, Bla-xơ ra lời kêu gọi gửi binh sĩ và các hạ sĩ quan của quân phiến loạn, kêu gọi họ trở lại dưới cờ của mình và nhân danh nữ hoàng bảo đảm hoàn toàn tha tội cho họ. Trong tờ "Messenger de Bayonne" chúng tôi đọc thấy tin sau đây:

"Theo những tin tức gần đây mà chúng tôi nhận được, thì tướng Ô' Đôn-nen đang tiến về hướng Van-đê-pê-ni-a. Đội tiền quân của quân đội nhà vua đã tập trung ở khu vực Tem-bli-cơ. Tướng Ô' Đôn-nen lợi dụng thời gian rỗi rãi để huấn luyện một quân đội không lớn lắm của mình gồm 2000 kỵ binh, 6 khẩu pháo và 800 bộ binh".

Lời kêu gọi của Ô' Đôn-nen và Đun-xơ khác hẳn nhau: lời kêu gọi thứ nhất hướng tới hiến pháp năm 1837¹⁷⁵, còn lời kêu gọi thứ hai hướng tới luật Ca-xti-li-a cổ, kêu gọi hãy đứng lên chống lại bọn vua chúa đã vi phạm lời thề khi lên ngôi. Có một điểm mới là việc thành lập các đơn vị du kích cộng hòa ở Va-len-xi-a. Qua tin tức nhận được ngày 6 tháng Bảy có thể thấy rằng, một số thành phố và làng mạc đã nổi dậy chống lại chính phủ, trong số này có A-lu-ra, Ha-ti-va và Các-lét. Đại tá về hưu là Ô-rô-xô đã đi Các-lét để lãnh đạo một đơn vị vũ trang, tiến hành tịch thu tất cả súng ống và ra lời tuyên cáo kêu gọi dân chúng hãy tham gia phong trào. Chính phủ đã cử các đơn vị kỵ binh, bộ binh và quân cận vệ quốc dân đi đàn áp cuộc khởi nghĩa ở Va-len-xi-a.

Tờ "Indépendance belge" đưa ra một giả thuyết hoàn toàn mới về bức thông điệp của Nga gửi Áo và Phổ¹⁷⁶. Theo lời tờ báo này, - có thể coi nó như là moniteur tư nhân của các nhà ngoại giao Nga về hưu ở Bruy-xen, - bức thông điệp của Nga đã được gửi không phải trực tiếp cho Chính phủ Áo, mà là cho công tước Goóc-tra-cốp, công tước chuyển một bản sao cho ngài Đơ Bu-ôn và đồng thời bày tỏ hy vọng rằng Áo

1* - Phéc-di-năng II

yêu cầu quân Nga rút khỏi các công quốc thuộc vùng sông Đa-nuýp, chỉ là nhằm đề nghị ngừng bắn, vì rằng Áo không thể hy vọng quân đội Nga rút lui sẽ gặp phải sự tập kích của liên quân. Do đó, Áo chỉ nói về ngừng bắn. Vì vậy, quân Thổ Nhĩ Kỳ, Anh và Pháp phải từ bỏ mọi hành động tấn công và mọi hoạt động thù địch mới chống lại Nga. Còn về việc quân Nga rút khỏi các công quốc thuộc vùng sông Đa-nuýp, thì bức thông điệp nhấn mạnh rằng, Nga phải duy trì không điều kiện ở các tỉnh ấy một số vị trí chiến lược nhất định trong khi chờ đợi ký hòa ước, nếu không thì địa vị của Nga sẽ quá bất lợi so với liên quân. Mặt khác, thông điệp lại phủ nhận mọi ý đồ của Nga dựa vào sự chiếm đóng có tính chất chiến lược nói trên để đe dọa Áo. Xuất phát từ những tiền đề ấy, thông điệp bày tỏ rằng Nga sẵn sàng mở đầu cuộc đàm phán hòa bình mới trên cơ sở sau: sự toàn vẹn của Đế quốc Ôt-tô-man, mà chính phủ Nga chưa bao giờ có ý định xâm phạm; sự bình đẳng của thần dân theo đạo Cơ Đốc và thần dân theo đạo Hồi của Chính phủ Thổ Nhĩ Kỳ, như đã được quy định trong nghị định thư ngày 9 tháng Tư; sau hết, sửa đổi lại các hiệp ước về eo biển. Thông điệp cho phép sự bảo hộ chung của các cường quốc đối với các tín đồ Cơ Đốc giáo ở Thổ Nhĩ Kỳ; nhưng về vấn đề quyền bảo hộ của Nga đối với các tín đồ Cơ Đốc chính thống giáo, thì tờ "Indépendance" thừa nhận rằng trong thông điệp có bổ sung một số câu lập lờ tạo đầy đủ cơ sở cho những sự giải thích khác nhau. Tờ báo đưa tin là hầu tước Goóc-tra-cốp giữ một giọng điệu còn nhượng bộ hơn là bản thân bức thông điệp. Công văn khẩn của ông ta không phải là *lời nói cuối cùng* của Nga; ông ta có toàn quyền đi xa hơn nữa, nếu như có hy vọng thúc đẩy Áo mở đầu cuộc đàm phán mới. Tuy nhiên, ngày 9 tháng Bảy, nội các Viên vẫn chưa đi đến một quyết định nào.

"Hiện nay", tờ "Indépendance" hay, đúng hơn là nam tước Brun-nốp nói, - "chúng ta không được bỏ qua một điều là, mặc dù ý đồ của Xanh Pê-téc-bua ra sao đi nữa, thì bất cứ sự kiện nào, bất cứ hành động quân sự nào, chẳng hạn, cuộc tấn công của quân đội Anh - Pháp vào Crôn-sát hoặc có nhiều khả năng hơn, cuộc tấn công vào Xê-va-xtô-pôn, hoặc thậm chí việc chiếm đóng quần đảo A-lăng, - đều đủ để làm thay đổi những ý đồ ấy và đem lại ưu thế cho phái phản đối bất cứ sự nhượng bộ nào".

Dù sao thì Phổ cũng hài lòng về bức thông điệp ấy của Nga và coi nó như là thủ đoạn để khôi phục đàm phán và để ngăn cản người Áo tiến

vào Va-la-ki. Thậm chí tờ "Moniteur" cũng thừa nhận rằng việc Phổ phản đối cuộc tiến quân đó của người Áo là nguyên nhân của những do dự mới của triều đình Viên. Mặt khác, tờ "Morning Chronicle" đạo đức giả đưa tin rằng hình như

"Ở Béc-lin, người ta khẳng định rằng nghĩa vụ ước định bảo vệ lãnh thổ Áo khỏi sự xâm nhập của kẻ thù mà triều đình phổ gánh vác, đã cho nó quyền phản kháng mọi sự khiêu khích mới của Nga".

Ngoài ra, mọi người đều rõ rằng hiệp ước giữa Áo và Phổ¹⁷⁷ đã được thảo ra đúng như vậy để cho phép từng cường quốc đó ngừng hoạt động quân sự của mình, chừng nào mà cường quốc này chưa tin chắc vào tính cần thiết của những biện pháp quân sự mà cường quốc kia xác định. Vì vậy, dù tỏ ý sẵn sàng hành động chung với các cường quốc phương Tây, Áo có thể buộc phải từ chối hành động do sự phản kháng của Phổ. Về phần mình, tôi tin chắc rằng, tất cả những khả năng ấy đã được ba cường quốc phương Bắc cùng nhau nghiên cứu trước, và ngay cả những khó khăn mới đặt ra trước Áo cũng chỉ có mục đích làm cho cuộc chiếm đóng Va-la-ki của Áo mang cái bề ngoài của một cuộc đấu tranh anh dũng chống lại Nga mà thôi. Một cuộc chiến tranh giả quy mô nhỏ, giống như cuộc chiến tranh Áo - Phổ năm 1850 có lẽ đã được hiệp định ấy quy định từ trước, vì rằng cuộc chiến tranh ấy chỉ góp phần tạo cho Áo có tiếng nói quyết định hơn trong khi ký kết hòa ước. Cần nêu rõ rằng tờ "Oesterreichische Correspondenz"¹⁷⁸ tuyên bố dứt khoát rằng Áo đồng ý với chính sách của các cường quốc phương Tây trên tất cả các mục, *trừ* mục về khả năng xâm phạm biên giới hiện tại của Nga.

Để đánh giá lập trường của Áo, điều quan trọng là lưu ý đến bản kháng nghị của chính phủ Xéc-bi phản đối sự chiếm đóng của Áo¹⁷⁹ hiện đã được trao cho hạ nghị viện theo sự chất vấn ngày 22 tháng Sáu. Bản kháng nghị ấy do chính phủ Xéc-bi trao cho Chính phủ tối cao Thổ Nhĩ Kỳ. Bản kháng nghị mở đầu bằng việc xác nhận rằng "Áo đã thường xuyên bảo đảm giúp đỡ Xéc-bi để bảo vệ biên giới các công quốc thuộc vùng sông Đa-nuýp chống lại bất cứ cuộc xâm phạm của kẻ địch nào, thế mà thái độ của bản thân Áo đối với Xéc-bi lại tùy thuộc vào

chỗ Áo nhận định về quan hệ của Chính phủ Xéc-bi đối với Nga hoặc Thổ Nhĩ Kỳ là tốt hay xấu". Sau đó ở biên giới Xéc-bi người ta đã tập trung những lực lượng quan trọng. Chính phủ Xéc-bi đã chất vấn "trực tiếp nội các Áo và gián tiếp Chính phủ Thổ Nhĩ Kỳ tối cao về mục đích và ý nghĩa của việc điều động quân đội ấy của Áo". Áo trả lời quanh co, trong khi ấy Chính phủ Thổ Nhĩ Kỳ và các đại biểu của những cường quốc phương Tây ở Công-xtăng-ti-nô-plơ tuyên bố rằng, họ không biết gì về mục đích của cuộc biểu dương lực lượng của Áo, và thậm chí hình như họ còn tán đồng sự lo ngại và hoài nghi của Chính phủ Xéc-bi. "Pa-sa ở Ben-grát không nhận được chỉ thị gì, hay nói cho đúng hơn, vẫn chỉ có những chỉ thị cũ, căn cứ vào đó ông ta phải coi bất cứ sự can thiệp quân sự nào của Áo vào Xéc-bi đều là một hành động thù địch nhằm chống lại chính Đế quốc Ôt-tô-man và phải bị giáng trả một cách kiên quyết nhất". Vì hình như Áo ngày một ngả về phía các cường quốc phương Tây, cho nên các đại biểu của Áo ở Ben-grát bắt đầu đưa ra những lời tuyên bố nhằm làm yên lòng về các ý đồ của mình. Đồng thời nội các Viên đảm bảo với Chính phủ Xéc-bi rằng, những biện pháp quân sự mà người ta bàn đến không bao hàm sự thù địch nào đối với Xéc-bi cả; rằng Áo chỉ muốn bảo vệ lãnh thổ của mình thôi; rằng Áo chỉ can thiệp trong trường hợp nếu quân đội Nga xâm nhập lãnh thổ Xéc-bi hoặc nếu ở đây xảy ra bạo loạn chống lại chính phủ hợp pháp; rằng do đó mà ngay trong trường hợp thứ hai, sự can thiệp của Áo cũng mang tính chất hữu nghị và nhằm mục đích cứu trợ cho chính phủ và chính quyền hợp pháp. Sự cam kết của Áo không làm cho chính phủ Xéc-bi yên lòng. Chính phủ này thấy rằng Áo, một mặt, có tham vọng giữ vai trò người trọng tài, còn mặt khác, lại viện cớ muốn cùng các cường quốc phương Tây giúp đỡ Đế quốc Ôt-tô-man để hành động riêng rẽ. Sau hết, Chính phủ Xéc-bi nghi ngờ Áo có ý đồ gây ra chính sự hỗn loạn mà Áo dường như rất thiết tha ngăn ngừa. Vì các hoạt động chuẩn bị chiến tranh của Áo ngày càng mang tính chất uy hiếp, cho nên Chính phủ Xéc-bi cùng với I-dét-pa-sa đã thi hành những biện pháp kiên quyết ở Viên và ở Công-xtăng-ti-nô-plơ để chống lại bất kể âm mưu nào có thể làm cho Áo trở thành người tọng tài đối với vận mệnh hiện nay của Xéc-bi. Chính vì vậy mà A-dít-pa-sa ban đầu được

cử đến Viên, còn hiện nay thì lại đang ở Công-xtăng-ti-nô-plơ. Đồng thời, dựa theo hiệp nghị với đại diện của Thổ Nhĩ Kỳ, mọi biện pháp về quốc phòng đã được thi hành. Áo viện vào hai lý do có thể có để can thiệp vào Xéc-bi: 1) sự xâm nhập của người Nga và 2) cuộc bạo động ở Xéc-bi. Lý do thứ nhất là vô lý, vì rằng chiến trường ở rất xa Xéc-bi và nếu như người Nga mưu đồ xâm nhập vào Xéc-bi, thì quân đội Xéc-bi và Thổ Nhĩ Kỳ hoàn toàn đủ đánh trả họ. Nếu như cần quân đội trợ lực, thì Xéc-bi ưa chuộng quân đội khác hơn là quân đội Áo.

"Nhân dân Xéc-bi không tín nhiệm - chứ không phải là căm thù - Áo đến mức sự xâm nhập của người Áo vào Xéc-bi được mỗi người Xéc-bi xem như là một nguy cơ nghiêm trọng, một sự bất hạnh lớn, và mọi sự cố gắng của người Xéc-bi sẽ lập tức hướng vào cuộc đấu tranh với quân đội Áo; mọi tinh lực của dân tộc sẽ được sử dụng chống lại một kẻ địch luôn luôn thể hiện tính tham lam và ích kỷ của mình trong chính sách mà Áo thi hành ở Xéc-bi với lý do là bảo hộ Xéc-bi".

Còn về các cuộc bạo động trong nước, thì chỉ vì sự can thiệp của Áo mà làm cho người ta phải lo ngại. Xéc-bi bao giờ cũng trung thành với Chính phủ Thổ Nhĩ Kỳ.

"Tất cả những điều mà Chính phủ Xéc-bi yêu cầu là Chính phủ Thổ Nhĩ Kỳ tối cao từ nay về sau vẫn biểu thị với mình sự tín nhiệm cao độ mà Chính phủ Thổ Nhĩ Kỳ đã thể hiện cho tới nay, để Xéc-bi không bị đặt dưới sự chiếm đóng của Áo là sự mở đầu của vô vàn tai họa. Trong điều kiện đó, Chính phủ Xéc-bi hoàn toàn chịu trách nhiệm về việc giữ gìn nền an ninh xã hội và trật tự ở Xéc-bi".

Lời kháng nghị ấy của Xéc-bi đồng thời cũng chỉ rõ nhân dân Va-la-ki sốt sắng chờ đợi biết chừng nào sự xâm nhập của người Áo vào Va-la-ki.

Thái độ trung lập, hay đúng hơn, là thù địch, của các nước nhỏ đối với Anh không thể làm ngạc nhiên bất cứ ai đã theo dõi những hoạt động quân sự hiện nay của Anh chống lại Nga, những cuộc viễn chinh có tính chất ăn cướp của hạm đội Anh ở biển Ban-tích và những biện pháp mà Anh thi hành để làm cho các đạo quân ở gần Vác-na không thể tiến hành một hoạt động chiến đấu nào: thậm chí các đơn vị quân y cơ động của quân đội Anh ở Thổ Nhĩ Kỳ mãi bây giờ mới rời Xao-hem-pton bằng tàu "Hi-ma-lay-a". Vì vậy Thụy Điển tuyên bố quyết định cuối cùng của mình là giữ trung lập và từ chối mọi hành

động chung với các cường quốc phương Tây; Đan Mạch và Hà lan với tư cách là những thành viên của Hiệp bang Đức¹⁸⁰ đã tán thành bản thông báo ngày 24 tháng Năm của Áo với sự bảo lưu dứt khoát là thông báo ấy chỉ có mục đích duy nhất là duy trì nền trung lập hoàn toàn và khôi phục lại hòa bình.

Quan tòa trị an ở phố Boi là ngài Giéc-đa-in đã xét xử một vụ án¹⁸¹ gây ra ở Luân Đôn sự kích động lớn hơn nhiều so với bài diễn văn của Bô-na-pác-tơ ở Bu-lô-nơ hoặc cuộc rút lui vinh quang của Sác-lơ khỏi Crôn-stát. Có một người Đức, là tiến sĩ Pây-tơ-man, là người sau bốn ngày bị giam, đã bị áp giải ra tòa với tư cách một người mất năng lực tự chủ, do đó không thể tự do hành động. Ngài Rai-nôn-đơ-xơ, viên quan giám sát tư pháp của tòa án, yêu cầu công chúng và các đại biểu báo chí ra ngoài, và vụ án được xét xử hết sức bí mật ở phòng làm việc riêng của quan tòa. Ngài Ô-tu-ây, hạ nghị sĩ, bạn của bị cáo, cảm phần lên tiếng chống lại mưu toan tước bỏ của ông ta khả năng tham gia việc xét xử vụ án, sau đó ông ta được phép tham gia; luật sư là ngài Lu-i-xơ cũng yêu cầu cho phép ông tham gia với tư cách là người bào chữa cho bị cáo, nên ông cũng được phép. Ngài Lu-i-xơ chất vấn tại sao tiến sĩ Pây-tơ-man bị giam ở nhà lao phạm nhân bốn ngày trời mà không có sự thẩm vấn của quan tòa. Về điểm này, ngài Giéc-đa-in trả lời rằng ông ta đã có giấy chứng nhận có hai bác sĩ ký tên về chứng loạn thần kinh của bị cáo, do đó ông buộc phải đưa bị cáo vào bệnh viện tâm thần. Ngài Lu-i-xơ yêu cầu tòa án đưa ra bằng chứng có tính chất trái ngược, nhưng ngài Giéc-đa-in cự tuyệt xem xét bất cứ đề nghị nào nhằm trì hoãn vụ án, vì rằng ông phải hành động trên cơ sở tài liệu ông hiện có. Bấy giờ ngài Lu-i-xơ tuyên bố rằng ông ta sẽ kháng án lên tòa án cấp cao hơn, nơi đây vụ án sẽ được xét xử không có thiên kiến và nơi đây sẽ nghe cả hai bên. Thế rồi ông bảo người được ông bào chữa là không trả lời các câu hỏi, dù quan tòa có yêu cầu. Ngài Ô-tu-ây tuyên bố phản kháng tính *ex parte*^{1*} của toàn bộ cuộc thẩm vấn và cảnh cáo rằng sẽ đưa toàn bộ vụ án ra hạ nghị viện xem xét, vì tiến sĩ Pây-tơ-man đã bị bắt giữ và bị giam vào bệnh viện tâm thần trước khi xét xử. Bị cáo lại bị giải đến Côn-nây-Hết^{2*}.

1* - phiên diện

2* - tên bệnh viện tâm thần

Bây giờ, chúng tôi xin dẫn ra đây lời tuyên bố của ngài Péc-xi-van, thầy thuốc, người vừa mới cứu tiến sĩ Pây-tơ-man ra khỏi Bét-lam^{1*} cách đây ít lâu, lời tuyên bố này đăng trên tờ "Morning Advertiser" số ra hôm nay:

"Tiến sĩ Pây-tơ-man, giáo sư người Đức, đã theo học ở các trường đại học Bon, Béc-lin và Ha-lơ, là con trai của một sĩ quan ở Ha-nô-vơ đã chiến đấu cho Gioóc-giơ III và hy sinh tại chiến trường, và cũng là con riêng của nam tước Ríp-péc-tơ, quận trưởng Phổ. Ông sang Anh ngót ba chục năm về trước và nhanh chóng am hiểu chế độ giáo dục quá ư hủ bại được thi hành ở các trường nội trú và các trường cao đẳng của chúng ta, đã đến Ốc-xphốt và Căm-brít-giơ để giảng dạy ở đó chương trình về đề tài này. Năm 1835, ông được tiến cử với hầu tước Noóc-man-bi, và đi Ai-rơ-len dưới sự bảo trợ của hầu tước. Vì quý bà Noóc-man-bi đã tìm được giáo sư cho huân tước Môn-grép, nên bà giới thiệu tiến sĩ Pây-tơ-man với một nhà quý tộc Ai-rơ-len, nhà quý tộc này đã mời ông làm giáo sư cho hai con trai của mình. Bấy tháng sau người ta phát hiện rằng đứa con trai lớn đã yêu sâu sắc một người đầy tớ gái sinh trưởng ở Dắc-den và làm cho cô ta có mang. Bà mẹ của chàng trai yêu cầu tiến sĩ Pây-tơ-man giúp bà đưa cô gái về Đức, nhưng tiến sĩ từ chối can thiệp vào việc ấy. Ông ta từ bỏ công việc của gia đình ấy và bắt đầu mở lớp dạy ở Điu-blin, thì đột nhiên vào tháng Ba 1836 có gái đến đấy, và bấy giờ cô đã sinh con ở trang trại của nhà quý tộc, trong tình cảnh hết sức khốn cùng, cô báo với tiến sĩ Pây-tơ-man rằng cô định tìm luật sư để kiện con trai nhà quý tộc đã lường gạt cô, và Pây-tơ-man sẽ được gọi ra làm nhân chứng. Lúc đó tiến sĩ Pây-tơ-man quyết định tìm đại tá Phíp-xơ, người quản lý trang trại của hầu tước Noóc-man-bi và rất thân với gia đình hầu tước. Tiến sĩ Pây-tơ-man đã mấy lần tìm gặp tên Phíp-xơ ấy, anh em của Noóc-man-bi và bí thư hiện tại của hoàng thân An-be, nhưng không được trả lời gì cả, cũng không được tiếp kiến. Cuối cùng, ông bị gọi đến gặp quan tòa trị an ở Điu-blin là ngài Xtát-đéc-tơ, quan tòa dựa vào lời khai của chính tên Phíp-xơ ấy, không có tài liệu nào khác về việc tiến sĩ Pây-tơ-man vi phạm trật tự xã hội, vẫn cứ đưa ông ta vào bệnh viện điên tháng Năm 1836. Trong thời gian huân tước Noóc-man-bi làm tổng đốc Ai-rơ-len, tiến sĩ Pây-tơ-man bị đưa vào bệnh viện Đin Xvíp căn cứ vào giấy chứng nhận của một bác sĩ nào đó tên là Lít-tơn, mà theo ý kiến của bác sĩ này thì không có căn cứ gì để cho rằng tiến sĩ Pây-tơ-man là người điên. Chín tháng sau, ông được thả khỏi bệnh viện nhờ có sự can thiệp của cha xứ của nhà thờ Xanh-Pa-tơ-rích là tiến sĩ Đao-xtơn, sau đó theo sự giới thiệu của tiến sĩ Đao-xơn, ông lại giảng dạy ở hội hoàng gia Điu-blin và được mời đến ở nhà huân tước Phoóc-tét. Khi hoàng thân An-be đến Anh, thì tiến sĩ Pây-tơ-man yêu cầu hoàng thân bổ nhiệm ông làm người quản lý thư viện và cho phép ông tiến hành việc cải cách trường học của mình. Sau một cuộc trao đổi dài giữa tiến sĩ Pây-tơ-man với công tước Xát-xếch, công tước đã chỉ thị cho người quản lý thư viện của mình cho phép tiến sĩ Pây-tơ-man tự do ra vào thư viện. Sau đó, tiến sĩ Pây-tơ-man đệ đơn lên hoàng thân An-be kèm theo văn bằng của mình và 11 tập toàn của mình. Hoàng thân không trả lời đơn của tiến sĩ Pây-tơ-man, cuối cùng tiến sĩ Pây-tơ-man yêu cầu hoặc cho ông ta được tiếp kiến,

1* - tên bệnh viện tâm thần.

hoặc gửi trả các giấy tờ đó cho ông. Khoảng vào thời gian đó, Ốc-xphót trẻ tuổi đã bán vào nữ hoàng, còn *một nữ nhân mà hoàng thân có quan hệ gần gũi trong thời gian ngài ở Bon*, là nơi ngài cùng học một thầy với Pây-tơ-man, - *lại từ nước Đức tới*. Cả triều đình đều lo lắng, còn sự kiên tâm của tiến sĩ Pây-tơ-man lại gây ra sự nghi ngờ. Tất cả điều đó được báo cáo với bộ trưởng Bộ nội vụ là hầu tước Noóc-man-bi mà tiến sĩ Pây-tơ-man đã khiếu nại về việc vô cớ bắt ông vào bệnh viện điên ở Điu-blin; vào một buổi sáng tháng sáu 1840, một tên cảnh sát mặc thường phục đã được cử đến phòng ở của tiến sĩ Pây-tơ-man tại Oai-tơ-hôn để theo dõi ông. Huân tước Noóc-man-bi gọi em trai của mình là đại tá Phip-xơ đến, dựa vào lời khai của viên đại tá này, quan tòa thường trực ra lệnh đưa tiến sĩ Pây-tơ-man vào Bét-lam, nơi đây tiến sĩ ở lại 14 năm. Hành vi của ông ở đây bao giờ cũng mẫu mực; ông chưa lần nào bị cách ly và chưa bao giờ người ta phải cho ông thuốc men gì. Ông chăm lo cải tiến việc trông nom bệnh nhân và tổ chức việc học tập cho những bệnh nhân có thể tiếp thu được sự giảng dạy của ông. Sau khi được tha, theo lời khuyên của bạn bè, ông đã đệ đơn lên nữ hoàng và vào thứ bảy tuần trước - nghĩ rằng hiện nay mình có thể đi đâu cũng được, không sợ bị bắt giữ - ông đã đến nhà thờ hoàng gia ở điện Bắc-kinh-hêm tham gia cầu nguyện ở đây để thu hút sự chú ý của nữ hoàng. Và ở đấy, ông lại bị bắt".

Ví dụ này cần phải chứng minh cho bạn đọc thấy rằng ở nước Anh tự do, nếu gây ra sự bức mình cho triều đình và đem phơi bày những điều bê bối trong gia đình bọn quý tộc Anh đức hạnh thì thật nguy hiểm biết bao.

*Do C.Mác viết ngày 14 tháng Bảy 1854
Đã đăng trên tờ "New-York Daily Tribune"
số 4142, ngày 28 tháng Bảy 1854
Ký tên: Các Mác*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Anh
Công bố toàn văn bằng tiếng
Nga lần đầu*

C.MÁC

***HỘI NGHỊ VIÊN. - ĐỢT CÔNG TRÁI Ở ÁO. - LỜI KÊU GỌI CỦA ĐUN-XƠ VÀ Ô' ĐÔN-NEN. - KHỦNG HOẢNG NỘI CÁC Ở ANH**

Luân Đôn, thứ ba, ngày 18 tháng Bảy 1854

Ngày 13 tháng Bảy ở Viên đã họp một cuộc hội nghị mà thành phần có hơi khác so với các cuộc hội nghị nổi tiếng gần đây. Ngày hôm đó, bá tước Bu-ôn, thủ tướng Áo đã mở tiệc chiêu đãi hầu tước Gioóc-tra-cốp, đại sứ Nga có nhiệm vụ yểm trợ cho hầu tước Gioóc-tra-cốp, tổng tư lệnh ở các công quốc thuộc vùng sông Đa-nuýp. Ngoài personnel^{1*} của phái đoàn Nga ra, dự tiệc còn có bá tước Phlê-min-gơ, đại diện cho Phổ trong khi bá tước Ác-nim vắng mặt; tướng Man-xbác, phái viên của Thụy Điển; bá tước Bin-lơ-Bra-hơ, phái viên của Đan Mạch; ngài Đơ Hếch-ke-ren, phái viên của Hà-lan; ngài Đơ Ven-lan, bí thư bị trục xuất của quốc vương Hy Lạp; sau hết là bá tước Ô' Xuy-li-van đơ Gra-xơ, đại biểu toàn quyền của Bỉ và trưởng corps diplomatique^{2*}. Tóm lại, trước mắt các bạn là một bản danh sách đầy đủ những nhân vật công khai hành động dưới lá cờ của nước Nga. đương nhiên Băm-béc-gơ¹⁸² cũng được đại diện một cách xứng đáng, nhưng tên tuổi của các nhân vật vĩ đại của ông ta không được nêu lên.

Báo chí chính thức Anh không thể che đậy được tâm trạng không vui của mình về việc Áo ra lệnh đình chỉ cuộc tiến quân của bá tước Cô-rô-ni-ni vào Va-la-ki và về những văn kiện khẩn trao cho Pa-ri và Luân Đôn, căn cứ vào đó thì Nga đề nghị lấy nghị định thư ngày 9 tháng Tư làm cơ sở cho đàm phán hòa bình, nhưng theo những điều kiện nhất định. Tờ "Oesterreichische Correspondenz", cơ quan ngôn

1* - số nhân viên

2* - đoàn ngoại giao.

hoặc gửi trả các giấy tờ đó cho ông. Khoảng vào thời gian đó, Ốc-xphốt trẻ tuổi đã bán vào nữ hoàng, còn một nữ nhân mà hoàng thân có quan hệ gần gũi trong thời gian ngài ở Bon, là nơi ngài cùng học một thầy với Pây-tơ-man, - lại từ nước Đức tới. Cả triều đình đều lo lắng, còn sự kiên tâm của tiến sĩ Pây-tơ-man lại gây ra sự nghi ngờ. Tất cả điều đó được báo cáo với bộ trưởng Bộ nội vụ là hầu tước Noóc-man-bi mà tiến sĩ Pây-tơ-man đã khiếu nại về việc vô cớ bắt ông vào bệnh viện điên ở Điu-blin; vào một buổi sáng tháng sáu 1840, một tên cảnh sát mặc thường phục đã được cử đến phòng ở của tiến sĩ Pây-tơ-man tại Oai-tơ-hôn để theo dõi ông. Huân tước Noóc-man-bi gọi em trai của mình là đại tá Phíp-xơ đến, dựa vào lời khai của viên đại tá này, quan tòa thường trực ra lệnh đưa tiến sĩ Pây-tơ-man vào Bét-lam, nơi đây tiến sĩ ở lại 14 năm. Hành vi của ông ở đây bao giờ cũng mẫu mực; ông chưa lần nào bị cách ly và chưa bao giờ người ta phải cho ông thuốc men gì. Ông chăm lo cải tiến việc trông nom bệnh nhân và tổ chức việc học tập cho những bệnh nhân có thể tiếp thu được sự giảng dạy của ông. Sau khi được tha, theo lời khuyên của bạn bè, ông đã đệ đơn lên nữ hoàng và vào thứ bảy tuần trước - nghĩ rằng hiện nay mình có thể đi đâu cũng được, không sợ bị bắt giữ - ông đã đến nhà thờ hoàng gia ở điện Bắc-kinh-hêm tham gia cầu nguyện ở đây để thu hút sự chú ý của nữ hoàng. Và ở đấy, ông lại bị bắt".

Ví dụ này cần phải chứng minh cho bạn đọc thấy rằng ở nước Anh tự do, nếu gây ra sự bức mình cho triều đình và đem phơi bày những điều bê bối trong gia đình bọn quý tộc Anh đức hạnh thì thật nguy hiểm biết bao.

*Do C.Mác viết ngày 14 tháng Bảy 1854
Đã đăng trên tờ "New-York Daily Tribune"
số 4142, ngày 28 tháng Bảy 1854
Ký tên: Các Mác*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Anh
Công bố toàn văn bằng tiếng
Nga lần đầu*

C.MÁC

***HỘI NGHỊ VIÊN. - ĐỢT CÔNG TRÁI Ở ÁO. - LỜI KÊU GỌI CỦA ĐUN-XƠ VÀ Ô' ĐÔN-NEN. - KHỦNG HOẢNG NỘI CÁC Ở ANH**

Luân Đôn, thứ ba, ngày 18 tháng Bảy 1854

Ngày 13 tháng Bảy ở Viên đã họp một cuộc hội nghị mà thành phần có hơi khác so với các cuộc hội nghị nổi tiếng gần đây. Ngày hôm đó, bá tước Bu-ôn, thủ tướng Áo đã mở tiệc chiêu đãi hầu tước Gioóc-tra-cốp, đại sứ Nga có nhiệm vụ yểm trợ cho hầu tước Gioóc-tra-cốp, tổng tư lệnh ở các công quốc thuộc vùng sông Đa-nuýp. Ngoài personnel^{1*} của phái đoàn Nga ra, dự tiệc còn có bá tước Phlê-min-gơ, đại diện cho Phổ trong khi bá tước Ác-nim vắng mặt; tướng Man-xbác, phái viên của Thụy Điển; bá tước Bin-lơ-Bra-hơ, phái viên của Đan Mạch; ngài Đơ Hếch-ke-ren, phái viên của Hà-lan; ngài Đơ Ven-lan, bí thư bị trục xuất của quốc vương Hy Lạp; sau hết là bá tước Ô' Xuy-li-van đơ Gra-xơ, đại biểu toàn quyền của Bỉ và trưởng corps diplomatique^{2*}. Tóm lại, trước mắt các bạn là một bản danh sách đầy đủ những nhân vật công khai hành động dưới lá cờ của nước Nga. đương nhiên Băm-béc-gơ¹⁸² cũng được đại diện một cách xứng đáng, nhưng tên tuổi của các nhân vật vĩ đại của ông ta không được nêu lên.

Báo chí chính thức Anh không thể che đậy được tâm trạng không vui của mình về việc Áo ra lệnh đình chỉ cuộc tiến quân của bá tước Cô-rô-ni-ni vào Va-la-ki và về những văn kiện khẩn trao cho Pa-ri và Luân Đôn, căn cứ vào đó thì Nga đề nghị lấy nghị định thư ngày 9 tháng Tư làm cơ sở cho đàm phán hòa bình, nhưng theo những điều kiện nhất định. Tờ "Oesterreichische Correspondenz", cơ quan ngôn

1* - số nhân viên

2* - đoàn ngoại giao.

luận bán chính thức cho rằng mặc dầu những đề nghị của Nga không hoàn toàn thỏa đáng, nhưng trong đó quả thực có cái đáng được cường quốc phương Tây chú ý. Các tờ "Times", "Morning Chronicle" và Observer"¹⁸³ tự an ủi rằng tất cả cái đó là sai lầm của Phổ. Nếu như còn cần cái gì đó để củng cố cho cái ấn tượng mà bữa tiệc gây ra, thì sự bố trí trở lại của quân đội Nga đủ để chứng minh rằng Nga đã tin tưởng vào ý đồ của Áo đến chừng nào. Trên tờ "Neue Preußische Zeitung", moniteur của Nga ở Béc-lin ấy, chúng tôi đọc thấy những cuộc điều động gần đây của quân đội Nga ở các công quốc thuộc vùng sông Đa-nuýp.

"Theo chỉ thị của hầu tước Goóc-tra-cốp, tất cả những mệnh lệnh đã được ban bố mấy ngày trước đây, đều bị huỷ bỏ. Đã có lệnh rút quân đồn trú (khỏi Bu-ca-rét) và rút lui khỏi Bu-ca-rét; tướng Đan-nen-béc-gơ phải rời thành phố này trong mấy ngày sắp tới cùng với đội hiến binh và phải đặt đại bản doanh của hậu quân ở Phốc-san-nư. Hiện nay, theo những chỉ thị mới phải giữ chiến tuyến Ôn-tê-nít-sa - Bu-ca-rét - Bu-dê-u - Phốc-san-nư".

Theo các nguồn tin khác, chúng tôi được biết rằng kỵ binh Nga lại tiến về Xta-ti-ra, ở phía tả ngạn sông A-luy-ta. Ý định rút khỏi Bu-ca-rét nghiêm chỉnh đến mức nào có thể thấy rõ qua những biện pháp nghiêm ngặt đã được thi hành để chuyển khỏi thành phố này những hồ sơ, nghe đâu, trong đó có một số tài liệu có thể làm tổn hại nghiêm trọng đến uy tín của triều đình Pê-téc-bua.

Tất cả những hành động bề ngoài xem ra kỳ quặc và mâu thuẫn nhau đó của quân Nga đều do sự can thiệp không đúng lúc của quân đội Thổ Nhĩ Kỳ vào cuộc đàm phán ngoại giao gây ra. Những quyết định mà các nhà ngoại giao lần lượt đạt được ở Viên đã bị các chiến công của quân Thổ Nhĩ Kỳ ở Ôn-tê-nít-sa, Sê-ta-te và Xi-li-xtơ-ri thủ tiêu đi, cũng như những âm mưu ngoại giao gần đây đã bị phá sản trước cuộc tiến quân toàn diện của quân đội của Ô-me-rơ-pa-sa.

"Còn toàn bộ mảnh khoẻ của bọn đại bịp ấy - miếng phở mắt cũ, mồi meo đã bị chuột gặm, Nê-xtô-rơ và con cáo lai chó U-lít-xơ - không đánh giá bằng một quả sao hoa... đã tác động đến mức người Hy Lạp mất hết toàn bộ trí thông minh quốc gia của họ và bị biến thành bọn người man rợ"^{1*}.

1* Sếch-xpia. "Tô-rô-i-luýt và Crét-xít-da", màn V, cảnh 4.

Nếu bạn đi dạo phố xá Luân Đôn vào chiều thứ bảy, thì sẽ nghe thấy tất cả bọn bán báo rao lên rằng:

"Quân đội Anh - Thổ Nhĩ Kỳ - Pháp đại thắng quân Nga ở Giuyéc-giê-vô và liên quân chiếm được Bu-ca-rét rồi".

Những nguyên nhân của sự đưa tin trọng thể đó, bạn đọc sẽ dần dần sáng tỏ, khi tôi nói về vấn đề cuộc khủng hoảng mới trong nội các. Còn về hành động liên hợp của các lực lượng Anh - Pháp trong trận đánh ở Giuyéc-giê-vô, thì dựa vào tin tức nhận được qua chuyển bưu kiện gửi từ Vác-na ngày 4 tháng Bảy, chúng tôi được biết rằng trong doanh trại "không có hoạt động gì cả". Theo những tin tức cuối cùng từ Viên ngày 13 tháng Bảy, thì quân tiếp viện đang tiến nhanh về Ru-súc theo con đường chạy qua Sum-la, ngày 8 tháng Bảy một sư đoàn quân Pháp đã đến Ru-súc, còn một sư đoàn quân Anh thì mãi ngày 9 tháng Bảy mới tới đó. Trong khi đó, trận đánh ở Giuyéc-giê-vô kết thúc vào 4 giờ sáng ngày 8 tháng Bảy đã bắt đầu từ rạng sáng ngày 7 tháng Bảy và sau khi ngừng lại mấy tiếng đồng hồ vào buổi trưa, lại tiếp tục cho đến sáng hôm sau. Như vậy, rõ ràng là cả quân Pháp lẫn quân Anh đều không thể tham gia trận đánh. Quân Thổ Nhĩ Kỳ phát hiện ra rằng có 8 khẩu pháo của Nga đã bị đóng nòng lại, và lập tức chiến hào được đào xung quanh Giuyéc-giê-vô. Bản thân thành phố không bị thiệt hại, mặc dù có đạn trái phá của quân Thổ Nhĩ Kỳ phóng từ Ru-súc và các đảo xung quanh tới. Sau khi quân Nga rút lui, Ô-me-rơ-pa-sa ra thông cáo kêu gọi dân chúng hãy bình tĩnh, vì rằng không có mối nguy nào đe dọa thành phố của họ nữa. Giuyéc-giê-vô đã bị chiếm bởi một đơn vị nhỏ của quân chính quy, vì rằng chủ lực của quân Thổ Nhĩ Kỳ đã đóng trại ở xung quanh thành phố và ở ba hòn đảo trên sông Đa-nuýp. Ô-me-rơ-pa-sa đóng ở Giuyéc-giê-vô, Xai-đơ-pa-sa ở Ru-súc. Quân Thổ Nhĩ Kỳ khống chế con đường cái chạy theo tả ngạn sông Đa-nuýp từ Giuyéc-giê-vô đến Ôn-tê-nít-sa.

Còn về trận đánh thứ hai mà dường như tiếp sau đó là việc chiếm lĩnh Bu-ca-rét, thì bản thân tờ "Moniteur" của Pháp cũng nói rằng đây chẳng qua chỉ là một thất bại nhỏ giáng vào hậu quân của quân Nga ở Phrê-tê-sti trên đường từ Giuyéc-giê-vô đi Bu-ca-rét. Tờ "Moniteur" bổ sung rằng quân Thổ Nhĩ Kỳ đã hội quân với một quân đoàn Anh -

Pháp gồm 25000 người, lực lượng liên quân có khoảng 60000 người, hầu tước Goóc-tra-cốp chỉ huy một lực lượng tương đương và có thể chờ đợi một trận đánh lớn quyết định số phận Bu-ca-rét. Phrê-tê-sti là một cứ điểm bố phòng yếu cách Giuyéc-giê-vô chừng 12 dặm và cách Bu-ca-rét chừng 30 dặm. Theo tờ "Moniteur" thì trận đánh ở đây đã diễn ra ngày 11 tháng Bảy, theo tờ "Journal des Débats"¹⁸⁴ thì diễn ra ngày 14 tháng Bảy. Nghe nói, trong trận này quân Nga bị thương 700 người, trong đó có hai viên tướng.

Chiếc tàu vừa rời từ Công-xtăng-ti-nô-pơ tiến về Mác-xây đưa tin tàu Anh "Te-li-blo" đã chiếm cửa Xu-li sông Đa-nuýp. Nghe nói rằng tàu này đã tiến vào bến, phá hủy công sự của Nga, đánh tan quân đồn trú của Nga và bắt sống viên chỉ huy. Tôi cho rằng, tin này cần được những tin tức đáng tin cậy hơn xác nhận.

Báo chí Anh có đưa ra một tin đồn, nhưng không thấy có trên một báo Pháp nào là, hình như đô đốc Lai-ôn-xơ đi tuần tiểu phía trước A-na-pa chỉ viện cho cuộc viễn chinh của đô đốc Bruy-a, vị này nghe đâu trên tàu có chở 7000 quân để đổ bộ.

Thư từ gửi từ Công-xtăng-ti-nô-pơ cho biết rằng Chính phủ Thổ Nhĩ Kỳ, sau khi được ý kiến của đại sứ Anh và Pháp, xem ra đã đồng ý khôi phục ngay tức khắc quan hệ buôn bán với Hy Lạp theo những điều kiện sau: 1) Hy Lạp có nghĩa vụ thanh toán, trong một thời hạn nhất định, kinh phí quân sự và bồi thường những thiệt hại mà những người nổi dậy gây ra gần đây, và 2) trong vòng hai tháng, Hy Lạp phải ký hiệp ước buôn bán mà cho tới nay Hy Lạp vẫn cự tuyệt. Trong hiệp ước này thừa nhận biên giới hiện tại giữa Thổ Nhĩ Kỳ và Hy Lạp.

Không có tin gì mới từ biển Ban-tích. Tờ "Hamburger Correspondent" đã miêu tả như sau kết quả của cuộc viễn chinh ăn cướp của Anh ở bờ biển Phần Lan và ấn tượng mà nó gây cho người Phần Lan:

"Người ta xác nhận rằng, sau khi Bra-hê-xtát và U-lê-a-boóc-gơ bị đốt trụi, Chính phủ Nga tin vào cảm tình của dân cư sống trên bờ biển của hai vịnh, đã ra chỉ thị phân phát vũ khí cho những cư dân có khả năng chiến đấu để họ có thể chống trả bất cứ mưu toan đổ bộ mới nào của quân đội Anh. Đã phê chuẩn việc thành lập ngay hai tiểu đoàn bộ binh người Phần Lan,

mỗi tiểu đoàn gồm 1000 người và tuyển bộ ở các khu vực A-bô, Va-da và U-lê-a-boóc-gơ. Những tiểu đoàn tương tự cũng được thành lập dần ở các tỉnh khác".

Đợt công trái ở Áo, như tôi đã dự kiến^{1*}, đã biến thành khoản quên góp cưỡng bức. Hiện nay công trái phải được hoàn toàn phân bổ cho các lãnh địa của đế quốc. Chẳng hạn, Thượng Áo phải nhận mua 115000000 phlo-rin, Hạ Áo - 15000000, Viên - 2500000, Hung-ga-ri 70000000 v.v.. Nếu như hoàng đế Nga không đạt được cái gì cho bản thân, thì chí ít ông ta cũng thúc đẩy nổ ra cuộc xung đột nghiêm trọng giữa tất cả các chính phủ khác với các thần dân của họ về vấn đề tài chính. Người Phổ buộc phải nộp thuế thu nhập đã nâng cao kể từ ngày 1 tháng Tám. Bô-na-pác-tơ hình như cũng dự định phát hành thêm 500000000 phrăng công trái, mà ấn tượng của việc đó sẽ đặc biệt mạnh mẽ ở Pháp do triển vọng của vụ thu hoạch nho và lúa mì hiện nay và do sự đình đốn đã xảy ra trong thương nghiệp, nhất là ở Li-ông, có liên quan đến cuộc khởi nghĩa ở Tây Ban Nha. Nội các liên hiệp cũng dự định móc túi của người Anh, và người ta chờ đợi việc đó vào tuần lễ tới.

Cuộc khởi nghĩa ở Tây Ban Nha rõ ràng là đã chuyển sang một giai đoạn mới như người ta có thể thấy được qua các lời kêu gọi của Đun-xơ và Ố Đô-nen; nhân vật thứ nhất là người ủng hộ Ê-xpác-te-rô, nhân vật thứ hai là người kiên định ủng hộ Nác-va-e-xơ, và, có lẽ còn là người kiên định ủng hộ bí mật nữ hoàng Cri-xti-na nữa. Ố Đô-nen tin chắc rằng, hiện nay không thể làm rung chuyển các thành phố Tây Ban Nha chỉ bằng cuộc cách mạng ở triều đình, nên đột nhiên đưa những nguyên tắc của phái tự do ra làm chiêu bài. Lời kêu gọi của ông ta cất lên ở Man-xan-na-rê-xơ, một thị trấn ở La Man-sơ, cách không xa Xuy-đa-dơ Rê-an. Lời kêu gọi nói rằng mục đích của phong trào là duy trì ngôi vua, nhưng đồng thời loại trừ bọn gian thần, tuân thủ nghiêm chỉnh các đạo luật cơ bản, cải tiến luật bầu cử và các luật xuất bản, giảm thuế, đề bạt nhân viên dân sự theo công lao, phân quyền và thành lập vệ quốc quân trên cơ sở rộng rãi. Lời kêu gọi đề nghị trao cho các hội đồng hàng tỉnh và hội nghị toàn thể của các cơ quan đại diện đẳng cấp ở Ma-đrít việc thẩm tra các đạo luật. Lời kêu gọi của tướng Đun-xơ được biểu hiện còn mạnh mẽ hơn. Lời kêu gọi đó là:

1* Xem tập này, tr. 353-354.

"Không còn phái tiến bộ và phái ôn hòa nữa. Tất cả chúng ta đều là những người Tây Ban Nha được tắm gương của những người ngày 7 tháng Bảy 1822 cổ vũ. Trở lại hiến pháp năm 1837, ủng hộ I-da-be-la II, đem mẫu hậu đi dày chung thân, nội các hiện nay phải từ chức, khôi phục hòa bình ở đất nước ta - đây là những mục đích mà chúng ta đeo đuổi bằng bất cứ giá nào, và chúng ta phải chỉ rõ điều đó cho bọn phản bội trên chiến trường danh dự mà chúng ta sẽ trừng phạt về tội ác điên cuồng của chúng".

Theo tờ "Journal des Débats" thì ở Ma-đrít đã khám bắt được nhiều giấy tờ và thư từ dường như chứng minh không thể chối cãi được rằng, mục đích bí mật của những người khởi nghĩa là tuyên bố để khuyết ngôi vua, hợp nhất bán đảo I-bê-ri thành một quốc gia và đề nghị trao ngôi vua cho Đôn Pê-đru V, hoàng thân Dắc-den-Cô-buốc-gơ-Gô-ta. Sự quan tâm cảm động của tờ "Times" đối với cuộc khởi nghĩa ở Tây Ban Nha và việc cùng lúc đó Đôn Pê-đru nói trên kia đã tới Anh, hình như chứng minh rằng sự thực người ta đang có mưu đồ về một trò bịp mới nào đó của vương triều Cô-buốc-gơ. Triều đình Tây Ban Nha rõ ràng là rất hoảng hốt, vì rằng đã thử nghiệm mọi thứ nội các liên hiệp có thể thành lập; đã uống công cầu cứu I-xtu-rít và Mác-ti-nê-xơ Đơ La Rô-da. Tờ "Messenger de Bayonne" khẳng định rằng bá tước Đơ Môn-te-mô-len đã rời Na-plơ ngay sau khi nhận được tin về cuộc khởi nghĩa.

Ổ Đô-nen đã đến An-đa-lu-di-a và quân đội của ông vượt Xi-e-ra Mô-rê-na bằng ba cánh quân: qua La-Ca-rô-li-na, qua Pô-xô-blancô và qua Đê-xpê-ni-a-xpéc-rô-xơ. Tờ "Gaceta" thừa nhận rằng đại tá Bu-xê-ta đã bất ngờ chiếm được Cu-en-ca, nhờ đó mà quân khởi nghĩa liên lạc được với Va-len-xi-a. Ở tỉnh này, cuộc khởi nghĩa hiện nay đã bao trùm bốn hoặc năm thành phố, không kể A-lu-ra là nơi mà quân chính phủ đã bị ném một thất bại nặng nề.

Người ta cũng xác nhận rằng cuộc khởi nghĩa đã nổ ra ở Rây-xơ, ở Ca-ta-lô-ni-a, còn tờ "Messenger de Bayonne" bổ sung rằng ở A-ra-gông cũng xảy ra những vụ lộn xộn.

Aimes-tu le front sévère,
Du sa(i)ge Napoléon?
Aimes-tu que l' Angleterre,
T'oppose lord Palmerston?!

1* - Anh ưa cái bộ mặt nghiêm nghị của Na-pô-lê-ông khôn ngoan chăng? Anh thích nước Anh đem huân tước Pan-móc-xton ra chống lại anh chăng?

Câu ca này ca ngợi việc quân đội Pháp xuống tàu ở Ca-lơ.

Một làn sóng bất bình lớn bao trùm Luân Đôn từ thứ bảy đến thứ hai, vì người ta đã đưa Pan-móc-xton thay thế công tước Niu-ca-xlơ để thực sự dùng huân tước Pan-móc-xton chống lại Nga hoàng. Một sự kích động mạnh mẽ bao trùm phe chính phủ, cũng như phe đối lập. Mọi người đều biết rằng ngân sách của Bộ chiến tranh mới sẽ được đưa trình nghị viện vào tối thứ hai, và tình huống đó sẽ được lợi dụng để giáng một đòn ác liệt vào nội các liên hiệp và để đưa Pan-móc-xton vô địch vào Bộ chiến tranh.

"Khoảng hai giờ chiều thứ bảy một cuộc họp của nội các được triệu tập. Mãi ba giờ các vị bộ trưởng mới đến họp. Họ đến đông đủ, trừ bộ trưởng Bộ ngoại giao đi bộ kiến nữ hoàng. Huân tước Cla-ren-đôn mãi bốn giờ mới đến với các đồng sự của mình. Hội nghị họp đến sáu giờ rưỡi, sau đó huân tước A-béc-đin vào ngay hoàng cung bộ kiến nữ hoàng".

Qua sự trình bày đầy lo ngại ấy của tờ "Morning Herald" có thể thấy được những sự kiện "quan trọng" ấy đã gây cho đảng To-ri những hy vọng lớn như thế nào. Huân tước Giôn Rốt-xen mời những người ủng hộ mình đến Oai-tơ-hôn¹⁸⁵ vào thứ hai, còn ngài Đê-xra-e-li, về phía mình, cũng triệu tập các nghị sĩ thuộc phe đối lập. Một trăm bảy mươi chín vị thân sĩ đã đến Oai-tơ-hôn, họ khoan khoái một cách điên cuồng khi nghĩ đến những sự tiết lộ lớn lao mà họ chờ đợi ở Rốt-xen. Họ rất thiếu não khi bị sự lừa gạt của nghị sĩ Xcu-irơ-xơ¹⁸⁶ đã lạnh lùng tuyên bố với họ rằng, vì vấn đề trước hết là biểu quyết dự án ngân sách quân sự, nên ông ta chờ đợi hành động bình tĩnh của họ:

"Nội các lại sắp sửa cần tiền để tiếp tục cuộc chiến tranh và, do đó, vấn đề tín nhiệm hoặc không tín nhiệm nội các liên hiệp sẽ được quyết định vào tuần tới khi nghị viện biểu quyết về vấn đề tài chính".

Không được biết những điều bí mật của huân tước Cla-ren-đôn, ông ta không thể cho họ những tin tức về công tác ngoại giao. Kết quả là Rốt-xen đã cứu vãn được toàn bộ nội các liên hiệp trong kỳ họp ấy; vì nếu cuộc bỏ phiếu tín nhiệm đã được đưa ra về dự án ngân sách của Bộ chiến tranh, thì sự thất bại có nghĩa là thắng lợi của Pan-móc-xton đối với Niu-ca-xlơ; trong khi đó cuộc bỏ phiếu không tín nhiệm có liên quan đến dự án toàn bộ ngân sách quân sự sẽ là thắng lợi của đảng

To-ri đối với khối liên hiệp của đảng vích và phái Pin- đương nhiên, hoàn toàn không thể có sự ngẫu nhiên.

Do đó, cuộc biểu quyết về Bộ chiến tranh đã diễn ra ở nghị viện tối qua trong tình hình hoàn toàn yên ổn và không xảy ra sự biến gì, ngoài việc Rót-xen và Pa-kinh-tơn đã sử dụng vô vàn những lời lẽ tầm thường chán ngấy nói về tình trạng hiện nay của ngành quản lý quân sự.

Đáng tiếc là có sự phản đối khăng khăng của nữ hoàng không để cho Pan-móc-xơn vào Bộ chiến tranh, vì rằng việc đưa ông ta vào đây sẽ phá vỡ cái lý do giả dối cuối cùng mà cho tới nay phái cấp tiến còn sử dụng để bảo vệ chính sách đối ngoại của Anh.

Tại phiên họp thứ sáu trước của hạ nghị viện, khi ông Ô-tu-ây tuyên bố rằng ông ta dự định thông báo cho nghị viện biết về trường hợp của tiến sĩ Pây-tơ-man, thì huân tước Pan-móc-xơn đứng lên tại chỗ và nói rằng ông sẵn sàng đưa ra bất cứ giải thích nào và đồng thời mọi việc sẽ được coi là "tốt đẹp". Trong khi đó, tiến sĩ Pây-tơ-man cho công bố trên tờ "Morning Advertiser" một bức thư chứng minh rằng mặc dù về các mặt khác ông chưa bao giờ là người điên, nhưng ông vẫn còn tin ở sự khoan hồng của nữ hoàng Vích-tô-ri-a và hoàng thân An-be mà ông ta đang khấn khoản xin cho phép ông trở về Đức, nghĩa là làm chính cái điều mà hai vị mong muốn.

Sự quy lụy dễ tiện của cái gọi là báo chí của phái cấp tiến đã biểu hiện ở sự im lặng tuyệt đối mà nó duy trì đối với một tình huống chưa từng có, là căn cứ vào lettre de cachet^{1*}, một người đã bị chôn sống vào tuổi 18 chỉ vì rằng anh ta không may đã biết được đôi điều về những quan hệ của hoàng thất và các bậc quý tộc đối với những cô đầy tớ gái người Đức.

*Do C.Mác viết ngày 18 tháng Bảy 1854
Đã đăng trên tờ "New-York Daily Tribune"
số 4147, ngày 3 tháng Tám 1854
Ký tên: Các Mác*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Anh
In toàn văn bằng tiếng Nga lần đầu*

1* - Lệnh bắt giam không có điều tra và xét xử

C.MÁC

CUỘC CÁCH MẠNG TÂY BAN NHA. - THỔ NHĨ KỲ VÀ HY LẠP

Luân Đôn, thứ sáu, ngày 21 tháng Bảy 1854

"Ne touchez pas à la Reine" (xin đừng đụng đến nữ hoàng), câu ngạn ngữ cổ của Ca-xti-li-a nói thế; nhưng một nhà phiêu lưu là bà Mu-nhi-ô-xơ và con gái bà I-da-be-la từ rất lâu đã vượt quá tất cả mọi quyền hạn trao cho nữ hoàng Ca-xti-li-a, nên nhân dân Tây Ban Nha không còn trung thành một cách mù quáng nữa.

Cuộc chính biến năm 1843¹⁸⁷ kéo dài ba tháng, còn cuộc chính biến năm 1854 chưa chắc đã vượt ba tuần lễ. Nội các giải tán, bá tước Xan-Lu-i-xơ bỏ chạy, nữ hoàng Cri-xti-na trốn sang biên giới Pháp, còn ở Ma-đrít, cả quân đội lẫn dân cư thành thị đều phản đối chính phủ.

Từ đầu thế kỷ này, ngoài phong trào nhằm bảo vệ đặc quyền của các tỉnh và các địa phương ra, tất cả các cuộc cách mạng ở Tây Ban Nha nổ ra có tính chất định kỳ ở các tỉnh miền bắc, đều hết sức giống nhau: tiếp sau mỗi cuộc âm mưu ở triều đình là những cuộc nổi loạn quân sự, chúng tất kéo theo những cuộc chính biến thị chính. Hiện tượng này có hai nguyên nhân. Một là, chúng ta biết rằng, do đời sống của nhân dân không vượt ra ngoài khuôn khổ của các tỉnh riêng biệt, nên trong phạm vi mà chúng ta gọi là quốc gia theo nghĩa hiện đại của danh từ, quân đội là lực lượng duy nhất có thể chống cự với triều đình trong phạm vi cả nước. Hai là, tình hình đặc biệt của Tây Ban Nha và cuộc chiến tranh trên bán đảo Pi-rê-nê¹⁸⁸ đã tạo ra những điều kiện trong đó toàn bộ sinh lực ở Tây Ban Nha chỉ có thể tập trung vào trong quân đội. Do đó mà những biểu hiện duy nhất của tình cảm dân tộc (trong những năm 1812 và 1822¹⁸⁹) đều đã xuất phát từ quân đội; do đó mà một bộ phận tích cực nhất của dân tộc đều coi quân đội là công cụ tự nhiên của mọi cuộc khởi nghĩa dân tộc. Nhưng, trong thời kỳ đầy lo âu

To-ri đối với khối liên hiệp của đảng vích và phái Pin- đương nhiên, hoàn toàn không thể có sự ngẫu nhiên.

Do đó, cuộc biểu quyết về Bộ chiến tranh đã diễn ra ở nghị viện tối qua trong tình hình hoàn toàn yên ổn và không xảy ra sự biến gì, ngoài việc Rót-xen và Pa-kinh-ton đã sử dụng vô vàn những lời lẽ tầm thường chán ngấy nói về tình trạng hiện nay của ngành quản lý quân sự.

Đáng tiếc là có sự phản đối khăng khăng của nữ hoàng không để cho Pan-móc-xton vào Bộ chiến tranh, vì rằng việc đưa ông ta vào đây sẽ phá vỡ cái lý do giả dối cuối cùng mà cho tới nay phái cấp tiến còn sử dụng để bảo vệ chính sách đối ngoại của Anh.

Tại phiên họp thứ sáu trước của hạ nghị viện, khi ông Ô-tu-ây tuyên bố rằng ông ta dự định thông báo cho nghị viện biết về trường hợp của tiến sĩ Pây-tơ-man, thì huân tước Pan-móc-xton đứng lên tại chỗ và nói rằng ông sẵn sàng đưa ra bất cứ giải thích nào và đồng thời mọi việc sẽ được coi là "tốt đẹp". Trong khi đó, tiến sĩ Pây-tơ-man cho công bố trên tờ "Morning Advertiser" một bức thư chứng minh rằng mặc dù về các mặt khác ông chưa bao giờ là người điên, nhưng ông vẫn còn tin ở sự khoan hồng của nữ hoàng Vích-tô-ri-a và hoàng thân An-be mà ông ta đang khẩn khoản xin cho phép ông trở về Đức, nghĩa là làm chính cái điều mà hai vị mong muốn.

Sự quy lụy dễ tiện của cái gọi là báo chí của phái cấp tiến đã biểu hiện ở sự im lặng tuyệt đối mà nó duy trì đối với một tình huống chưa từng có, là căn cứ vào lettre de cachet^{1*}, một người đã bị chôn sống vào tuổi 18 chỉ vì rằng anh ta không may đã biết được đôi điều về những quan hệ của hoàng thất và các bậc quý tộc đối với những cô đầy tớ gái người Đức.

*Do C.Mác viết ngày 18 tháng Bảy 1854
Đã đăng trên tờ "New-York Daily Tribune"
số 4147, ngày 3 tháng Tám 1854
Ký tên: Các Mác*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Anh
In toàn văn bằng tiếng Nga lần đầu*

1* - Lệnh bắt giam không có điều tra và xét xử

C.MÁC

CUỘC CÁCH MẠNG TÂY BAN NHA. - THỔ NHĨ KỲ VÀ HY LẠP

Luân Đôn, thứ sáu, ngày 21 tháng Bảy 1854

"Ne touchez pas à la Reine" (xin đừng đụng đến nữ hoàng), câu ngạn ngữ cổ của Ca-xti-li-a nói thế; nhưng một nhà phiêu lưu là bà Mu-nhi-ô-xơ và con gái bà I-da-be-la từ rất lâu đã vượt quá tất cả mọi quyền hạn trao cho nữ hoàng Ca-xti-li-a, nên nhân dân Tây Ban Nha không còn trung thành một cách mù quáng nữa.

Cuộc chính biến năm 1843¹⁸⁷ kéo dài ba tháng, còn cuộc chính biến năm 1854 chưa chắc đã vượt ba tuần lễ. Nội các giải tán, bá tước Xan-Lu-i-xơ bỏ chạy, nữ hoàng Cri-xti-na trốn sang biên giới Pháp, còn ở Ma-đrít, cả quân đội lẫn dân cư thành thị đều phản đối chính phủ.

Từ đầu thế kỷ này, ngoài phong trào nhằm bảo vệ đặc quyền của các tỉnh và các địa phương ra, tất cả các cuộc cách mạng ở Tây Ban Nha nổ ra có tính chất định kỳ ở các tỉnh miền bắc, đều hết sức giống nhau: tiếp sau mỗi cuộc âm mưu ở triều đình là những cuộc nổi loạn quân sự, chúng tất kéo theo những cuộc chính biến thị chính. Hiện tượng này có hai nguyên nhân. Một là, chúng ta biết rằng, do đời sống của nhân dân không vượt ra ngoài khuôn khổ của các tỉnh riêng biệt, nên trong phạm vi mà chúng ta gọi là quốc gia theo nghĩa hiện đại của danh từ, quân đội là lực lượng duy nhất có thể chống cự với triều đình trong phạm vi cả nước. Hai là, tình hình đặc biệt của Tây Ban Nha và cuộc chiến tranh trên bán đảo Pi-rê-nê¹⁸⁸ đã tạo ra những điều kiện trong đó toàn bộ sinh lực ở Tây Ban Nha chỉ có thể tập trung vào trong quân đội. Do đó mà những biểu hiện duy nhất của tình cảm dân tộc (trong những năm 1812 và 1822¹⁸⁹) đều đã xuất phát từ quân đội; do đó mà một bộ phận tích cực nhất của dân tộc đều coi quân đội là công cụ tự nhiên của mọi cuộc khởi nghĩa dân tộc. Nhưng, trong thời kỳ đầy lo âu

từ 1830 đến 1854, cư dân thành thị ở Tây Ban Nha dần dần tin tưởng rằng quân đội không còn phục vụ cho sự nghiệp của dân tộc nữa, mà đã biến thành công cụ cạnh tranh của bọn tướng lĩnh hiếu danh ra sức thiết lập quyền bảo trợ của mình đối với triều đình. Do đó chúng ta thấy rằng phong trào năm 1854 thậm chí khác xa với phong trào năm 1843. Nhân dân có thể coi émeute^{1*} của tướng Ô' Đôn-nen có thể thế này, thế khác, song không thể coi nó là một âm mưu chống lại thể lực thống trị ở triều đình, hơn nữa, cuộc phiến loạn này lại được sự ủng hộ của Xéc-ran-nô, một sủng thần đã về hưu. Vì vậy thành thị và nông thôn không chịu hưởng ứng lời kêu gọi do kỵ binh ở Ma-đrít phát ra; do đó tướng Ô' Đôn-nen buộc phải thay đổi hoàn toàn tính chất của hoạt động của mình, để khỏi bị cô lập và rơi vào thất bại. Ông ta buộc phải nêu ra trong lời kêu gọi của mình ba điểm đều chống lại nhà đương cục tối cao của quân đội: triệu tập các cơ quan đại diện đẳng cấp, một chính phủ ít tốn kém và tổ chức vệ quốc quân; yêu cầu cuối cùng ngày đưa ra do thành thị thiết tha muốn khôi phục lại sự độc lập đối với quân đội. Vậy là, không còn nghi ngờ gì nữa, cuộc khởi nghĩa của quân đội chỉ được sự ủng hộ của cuộc khởi nghĩa của nhân dân, nếu hoàn toàn phục tùng các điều kiện của khởi nghĩa nhân dân. Chúng ta hãy xem cuộc khởi nghĩa của quân đội có buộc phải giữ sự trung thành với những điều kiện ấy và thực hiện lời hứa của nó hay không.

Trừ phái Các-lôt¹⁹⁰, tất cả các đảng phái đều đưa ra khẩu hiệu của mình: phái tiến bộ, phái ủng hộ hiến pháp năm 1837, phái ủng hộ hiến pháp năm 1812¹⁹¹, phái chủ trương hợp nhất (đòi thôn tính Bồ Đào Nha) và phái cộng hòa. Những tin tức về phái cộng hòa cần phải được tiếp nhận hết sức thận trọng, vì những tin tức đó đã qua sự kiểm duyệt của cảnh sát Pa-ri. Đi đôi với cuộc đấu tranh giữa các đảng phái, còn diễn ra cuộc cạnh tranh giữa các thủ lĩnh quân sự. Ê-xpác-te-rô vừa nghe nói về thắng lợi của Ô' Đôn-nen, đã lập tức rời nơi tỵ nạn của mình ở Lê-gan-nét và tuyên bố mình là người đứng đầu của phong trào. Nhưng Xê-da-Nác-va-e-xơ vừa được tin về hành động của Pôm-pê cũ của mình, đã lập tức tỏ ý sẵn sàng muốn phục vụ nữ hoàng; đề nghị của ông ta được tiếp nhận, và Nác-va-e-xơ sẽ tổ chức một nội các mới.

1* - cuộc phiến loạn

Những chi tiết mà tôi nói dưới đây chứng tỏ rằng, các quân nhân còn xa mới nắm được quyền chủ động ở khắp mọi nơi; trái lại, có nơi họ buộc phải nhượng bộ trước sức ép không gì ngăn chặn được của dân chúng.

Ngoài cuộc đảo chính quân sự ở Va-len-xi-a mà tôi đã nói trong một bài trước đây^{1*}, ở A-li-can-tơ cũng xảy ra một cuộc nữa. Ở An-đa-lu-di-a, chính biến đã nổ ra tại Gra-na-da, Xê-vi-li-a và Ha-en. Ở Ca-xti-li-a cổ, chính biến xảy ra tại Buốc-gô-xơ; ở Lê-ôn thì nổ ra tại Va-li-a-đô-lít; ở Bi-xcay thì nổ ra tại Xan-Xê-bát-ti-an và Vi-tô-ri-a; ở Na-va-ra nổ ra tại Tô-lô-xa và Pam-plô-na; ở A-ra-gông thì nổ ra tại Xa-ra-gốt; ở Ca-ta-lô-ni-a thì nổ ra tại Bác-xê-lô-na, Tác-ra-gô-na, Lê-ri-đa và Giê-rô-na; nghe nói chính biến cũng nổ ra ở quần đảo Ba-lê-a-rơ. Trong bức thư gửi từ Các-ta-hê-na ngày 12 tháng Bảy cho rằng người ta đang chờ đợi cuộc đảo chính ở Mu-rô-xi-a, chúng tôi đọc thấy:

"Theo bando^{2*} do viên tổng đốc quân sự địa phương ban bố, thì tất cả cư dân ở Các-ta-hê-na có súng hoặc vũ khí khác đều phải nộp cho nhà đương cục dân chính trong vòng 24 giờ. Theo yêu cầu của lãnh sự Pháp, thì người Pháp cư trú ở đây được phép nộp vũ khí cho lãnh sự quán theo như tiền lệ năm 1848".

Trong tất cả những cuộc chính biến ấy chỉ có bốn cuộc đáng bàn đến, đó là các cuộc chính biến ở Xan-Xê-bát-ti-an thuộc Bi-xcay, ở Bác-xê-lô-a thủ phủ Ca-ta-lô-ni-a, ở Xa-ra-gốt, thủ phủ A-ra-gông và ở Ma-đrít.

Ở Bi-xcay, cuộc chính biến do cơ quan thị chính phát động, ở A-ra-gông do giới quân nhân phát động. Cơ quan thị chính Xan-Xê-bát-ti-an đã sẵn sàng ủng hộ khởi nghĩa khi vang lên lời yêu cầu vũ trang cho nhân dân. Thành phố lập tức được vũ trang. Cho đến ngày 17 tháng Bảy còn chưa thuyết phục được hai tiểu đoàn thuộc quân đồn trú đứng về phía nhân dân. Nhưng sau khi cư dân thành thị và giới quân nhân liên hợp với nhau, thì 1000 thị dân vũ trang được sự

1* Xem tập này, tr. 369-370.

2* - mệnh lệnh

giúp sức của một số bộ đội đã tiến về Pam-plô-na và tổ chức khởi nghĩa ở Na-va-ra. Chính cuộc tiến quân của thị dân vũ trang của Xan-Xê-bát-ti-an đã làm thuận lợi cuộc khởi nghĩa ở thủ phủ Na-va-ra. Tướng Xa-ba-ra tham gia phong trào chậm hơn và tiến về Bai-ôn-nơ, kêu gọi binh sĩ và sĩ quan thuộc trung đoàn Coóc-đô-va chạy về đây sau khi thua trận cách đây không lâu tại Xa-ra-gốt, lập tức trở về tổ quốc và hợp nhất với ông ta ở Xan-Xê-bát-ti-an. Theo một số tin tức, thì sau đó ông ta đi Ma-đrít để chịu dưới quyền điều khiển của Ê-xpác-te-rô; trong khi đó theo một số nguồn tin khác, thì ông ta đi Xa-ra-gốt nhằm mục đích hợp nhất với quân khởi nghĩa A-ra-gông. Tướng Ma-xa-rê-đô, tư lệnh các tỉnh Ba-xcốp cự tuyệt tham gia cuộc chính biến ở Vi-tô-ri-a và buộc phải chạy sang Pháp. Quân đội của tướng Ca-ba-la gồm có hai tiểu đoàn của trung đoàn Buốc-bông, một tiểu đoàn kỵ binh mang súng và một đơn vị kỵ binh. Kết thúc sự trình bày của mình về các tỉnh Ba-xcốp, tôi xin báo một chi tiết đáng chú ý là chuẩn tướng Ba-ra-xê-ki được tổng đốc tỉnh Ghi-pu-xcô-a bổ nhiệm, là một trong những sĩ quan tuyền tuyền trước kia của Ê-xpác-te-rô.

Ở Bác-xê-lô-na, cuộc chính biến rõ ràng là do quân nhân khởi xướng, nhưng, dựa vào một số tin tức bổ sung mà chúng tôi nhận được, thì hoàn toàn có thể hoài nghi về tính chất hoàn toàn tự nguyện của sự khởi xướng ấy. Vào 7 giờ tối ngày 13 tháng Bảy, binh sĩ đóng trong các trại lính ở Xan Pu-ê-bô và Bu-en Xu-xê-xô chịu ảnh hưởng của những yêu sách của cuộc biểu tình của nhân dân, đã tuyên bố đảo chính với khẩu hiệu: Vive la Reine! Vive la Constitution!^{1*} Hãy xử tử các bộ trưởng! Đả đảo Cri-xti-na! Kết hợp với đám đông quần chúng và cùng với họ tiến theo dê sông, binh sĩ đã dừng lại ở quảng trường Hiến pháp. Kỵ binh trong 6 ngày vừa qua không được phép rời Bác-xê-lô-nê-ta vì bộ chỉ huy quân sự không tin nhiệm họ, đến lượt mình cũng tuyên bố đảo chính. Từ lúc đó trở đi, toàn thể quân đồn trú đã chạy sang phía nhân dân và nhà đương cục không thể tiến hành bất cứ cuộc chống cự nào. Đến 10 giờ, tướng Mác-sê-xi, tổng đốc quân sự đã nhượng bộ trước

1* - Nữ hoàng muôn năm! Hiến pháp muôn năm!

áp lực chung, còn đến nửa đêm thì viên tư lệnh quân khu Ca-ta-lô-ni cũng tuyên bố quyết định của mình tham gia phong trào. Ông đến quảng trường A-i-un-ta-men-tốt và đọc diễn văn trước nhân dân đã tụ tập ở đây. Ngày 18 tháng Bảy một hội đồng đã được thành lập, trong đó có viên tư lệnh quân khu và các nhân vật có tên tuổi khác tham gia với khẩu hiệu: "Hiến pháp, nữ hoàng và đạo lý". Tiếp nữa, có tin từ Bác-xê-lô-na nói rằng, theo lệnh của chính quyền mới, đã có mấy công nhân bị xử bắn vì đã phá hoại máy móc và xâm chiếm tài sản, và cũng còn nói rằng ủy ban của phái cộng hòa họp ở thành phố bên cạnh đã bị bắt; nhưng, nên nhớ rằng tất cả những tin ấy đều phát ra từ phía "chính phủ ngày 2 tháng Chạp"¹⁹² mà sứ mệnh đặc biệt của nó là vu cáo công nhân và những người cộng hòa.

Nghe nói, ở Xa-ra-gốt, cuộc đảo chính là do quân nhân khởi xướng; nhưng ý kiến này đã bị một tin tức bổ sung bác bỏ, theo tin này thì ở đây đã bắt tay tổ chức một quân đoàn vệ quốc. Dù sao thì mọi người vẫn biết rằng, cả tờ "Gaceta" ở Ma-đrít cũng thừa nhận điều đó rằng, ngay trước cuộc đảo chính ở Xa-ra-gốt, 150 binh sĩ thuộc trung đoàn kỵ binh Môn-tốt đang tiến về Ma-đrít và hạ trại ở Toóc-rê-khôn (cách Ma-đrít 5 li-ga^{1*}) đã nổi dậy khởi nghĩa và rời bỏ các sĩ quan của họ, các sĩ quan này đã đến Ma-đrít tối ngày 13 tháng Bảy với đội hậu cần. Binh sĩ dưới quyền chỉ huy của đại uý Ba-rai-ban đã lên ngựa và tiến trên con đường đi Uê-tơ, - người ta dự đoán - họ định hợp nhất với đơn vị của đại tá Bu-xê-ta ở Cu-en-ca. Còn về Ma-đrít mà Ê-xpác-te-rô hình như đang tiến đánh cùng với "đạo quân miền trung" và tướng Xa-ba-la tiến đánh cùng với đạo quân miền bắc, thì cái thành phố sống nhờ vào triều đình này tham gia sau chót vào cuộc khởi nghĩa là điều hoàn toàn dễ hiểu. Ngay từ ngày 15 tháng Bảy, tờ "Gaceta" đã đăng thông cáo của bộ trưởng Bộ chiến tranh, trong đó quả quyết rằng bọn phiến loạn đang bỏ chạy, còn lòng trung thành và sự hăng hái của quân đội đang tăng lên. Bá tước Xan-Lu-i-xơ xem ra đánh giá rất chính xác tình hình ở Ma-đrít, đã tuyên bố với công nhân rằng tướng Ô Đôn-nen và bọn vò

1* Một li-ga bằng 4,83 km

chính phủ làm cho công nhân mất hết việc, còn chính phủ, nếu thắng lợi thì sẽ kiểm soát tất cả công nhân các công tác xã hội với tiền công mỗi ngày là 6 rê-a-lơ (0,75 đô-la). Với mảnh khoé ấy, Xan-Lu-i-xơ hy vọng sẽ chiêu mộ được dưới ngọn cờ của mình một bộ phận dân cư Ma-đrít dễ bị kích động nhất. Nhưng, hành động của ông ta cũng thắng lợi như hành động của phái "National" ở Pa-ri năm 1848¹⁹³ vậy. Những đồng minh mà ông ta tranh thủ được bằng cách đó chẳng bao lâu lại biến thành kẻ thù nguy hiểm nhất của ông ta, bởi vì kinh phí dùng để trả tiền công cho họ chỉ đủ cho sáu ngày. Lời kêu gọi của tướng La-ra (tổng đốc) ngăn cấm truyền bá mọi tin tức về thắng lợi của khởi nghĩa chứng tỏ chính phủ sợ cuộc chính biến ở thủ đô biết chừng nào. Hơn nữa, sách lược của tướng Bla-xơ xem ra chỉ bó hẹp ở chỗ ra sức ngăn ngừa mọi sự tiếp xúc giữa quân khởi nghĩa với quân đội để sự tiếm nhiệm khởi lan truyền vào hàng ngũ quân đội. Nghe nói, kế hoạch ban đầu của tướng Ô-Đôn-nen dự định sẽ đụng độ với quân chính phủ ở đồng bằng La Man-sơ, vùng này hết sức thuận lợi cho hoạt động của kỵ binh. Nhưng do Xéc-ran-nô - viên sủng thần trước đây của nhà vua và là người giữ được liên hệ với một số thành phố chính ở An-đa-lu-li-a - đến, nên buộc phải từ bỏ kế hoạch ấy. Bây giờ quân đội của phái hiến pháp quyết định không ở lại La Man-sơ, mà đi Ha-en và Xê-vi-li-a.

En passant^{1*}, chúng ta cần vạch rõ rằng boletinos^{2*} của tướng Bla-xơ đặc biệt giống với nhật lệnh của các tướng Tây Ban Nha thế kỷ XVI mà Phrăng-xoa I chế nhạo, và mệnh lệnh ở thế kỷ XVIII mà Phri-đrich Đại đế chê cười.

Rõ ràng là, cuộc khởi nghĩa này ở Tây Ban Nha tất nhiên trở thành nguyên nhân bất đồng giữa các chính phủ Anh và Pháp, tin tức của một tờ báo Pháp nói rằng, trước khi nổ ra cuộc khởi nghĩa, hình như tướng Ô-Đôn-nen đã ẩn náu tại dinh của đại sứ Anh, vì tất làm giảm sút sự không tín nhiệm của Bô-na-pác-tơ đối với Anh. Trong quan hệ giữa Bô-na-pác-tơ và Vích-tô-ri-a đã bắt đầu chống chất những nổi bực

1* - Tiễn đây

2* - thông báo

mình. Bô-na-pác-tơ mong đợi tiếp kiến nữ hoàng vào lúc quân đội của ông xuống tàu ở Ca-le, nhưng nữ hoàng trả lời sự mong đợi ấy rằng hôm ấy ngài bận bệ kiến nguyên hoàng hậu A-me-li-na. Ngoài ra, khi các bộ trưởng Anh bị chất vấn ở nghị viện rằng tại sao không phong tỏa Bạch Hải, Hắc Hải và biển A-dốp, thì họ vin vào sự liên minh với Pháp để biện hộ cho mình. Về điểm này, Bô-na-pác-tơ trả lời bằng lời tuyên bố trên tờ "Moniteur" rằng việc phong tỏa các biển nói trên, không chờ nhận được sự đồng ý chính thức của Anh. Sau hết, vì việc vận chuyển quân đội Pháp dùng toàn tàu Anh đã gây ra ấn tượng xấu ở Pháp, nên Bô-na-pác-tơ công bố danh sách các tàu Pháp được chỉ định vào mục đích ấy, và đã sử dụng những tàu này.

Chính phủ Thổ Nhĩ Kỳ trao cho các đại biểu các cường quốc đồng minh một bức công hàm về việc cho phép tàu buôn Hy Lạp lại được vào các bến cảng của Thổ Nhĩ Kỳ. Sự cho phép đó sẽ có hiệu lực trong vòng hai tháng, với điều kiện là Chính phủ Hy Lạp không được có hành động gì có thể gây ra việc thủ tiêu sự cho phép ấy. Nếu trong phạm vi thời hạn ấy, Chính phủ Hy Lạp không đem lại cho Chính phủ Thổ Nhĩ Kỳ sự thỏa mãn thích đáng, thì Chính phủ Thổ Nhĩ Kỳ sẽ giữ quyền khôi phục lại status quo hiện nay. Các tàu Hy Lạp ở trong các bến cảng của Thổ Nhĩ Kỳ phải phục tùng nhà đương cục địa phương và không được yêu cầu sự bảo hộ của các nước khác. Trong vòng hai tháng, phải đặt ra những nguyên tắc cơ bản cho việc ký kết hiệp định và hiệp ước thương mại. Tiền bồi thường mà Chính phủ Thổ Nhĩ Kỳ yêu cầu cho những thiệt hại lớn lao mà cuộc bạo động của người Hy Lạp gây ra, sẽ do tòa án trọng tài quy định căn cứ vào báo cáo của một ủy ban tiến hành điều tra tại chỗ và gồm có người Pháp, người Anh, người Thổ Nhĩ Kỳ và người Hy Lạp.

Sa-min đã chính thức nhận được của Chính phủ Thổ Nhĩ Kỳ danh hiệu đại nguyên soái quân đội Tréc-kê-xi và Gru-di-a.

Ba phiên dịch phục vụ trong quân đội Pháp đã bị xử bắn ở Vác-na, vì bị phát hiện có quan hệ với người Nga. Hai người trong số họ là người Hy Lạp và một người là người Ác-mê-ni-a. Trước khi bị hành hình, một người trong số họ đã nuốt một văn kiện có tính chất bôi nhọ.

Có tin từ Héc-man-stát ngày 16 tháng Bảy cho chúng tôi biết rằng ở vùng Phrê-tê-sti chưa xảy ra cuộc xung đột nào.

Tin tức về liên quân đã tiến đến Ru-súc dĩ nhiên là bịa đặt, và trong điều kiện hiện nay, nhiệm vụ của họ chỉ bó hẹp ở việc ngăn cản - như tờ "Times" nói - những hành động tàn bạo dã man của quân Thổ Nhĩ Kỳ đang đà thắng lợi mà thôi.

*Do C.Mác viết ngày 21 tháng Bảy 1854
Đã đăng trên tờ "New-York Daily Tribune"
số 4148, ngày 4 tháng Tám 1854
Ký tên: Các Mác*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Anh*

C. MÁC

NHỮNG CUỘC TRANH LUẬN VỀ CHIẾN TRANH TẠI NGHỊ VIỆN

Luân Đôn, thứ ba, ngày 25 tháng Bảy 1854

Trong phiên họp tối thứ sáu trước của hạ nghị viện, để trả lời câu chất vấn của ngài Đi-xra-e-li, huân tước Giôn Rốt-xen tuyên bố rằng nữ hoàng có ý định ra lệnh giải tán nghị viện, nên huân tước dự định thứ hai tới sẽ đưa ra đề nghị biểu quyết một ngân khoản là 3000000 pao-xtéc-linh; việc thành lập một ủy ban để kiểm tra số tiền ấy là không cần thiết. Huân tước Giôn không trả lời câu hỏi của ngài Đi-xra-e-li là kỳ họp mùa thu năm nay của nghị viện có được tiến hành hay không. Ngân khoản đề đạt đã được nhất trí thông qua ở cả hai viện họp hôm qua.

Tại thượng nghị viện, huân tước A-bóc-đin đã đứng ra biện bạch cho dự án ngân khoản, lần này ông đã đọc được một bài diễn văn ngắn nhất, nhạt nhẽo nhất và tầm thường nhất trong tất cả những bài diễn văn mà ông cho chúng ta thưởng thức từ khi nhận chức thủ tướng đến nay. Ông ta nói rằng ông buộc phải xin ba triệu, và ông tin chắc rằng các thượng nghị sĩ sẽ không phản đối. Họ có thể bất đồng về quan điểm, nhưng tất cả bọn họ phải nhất trí ở chỗ "cần phải tán thành tất cả những biện pháp có thể dẫn một cách tốt nhất đến việc kết thúc cuộc chiến tranh một cách nhanh chóng và có kết quả". Vì mục đích ấy, trước hết đòi hỏi phải có "những cố gắng tích cực và kiên quyết của Anh và Pháp cùng với các cường quốc khác". Huân tước A-bóc-đin không nói rõ ông nói về cố gắng quân sự hay là ngoại giao; thậm chí ông không loại trừ Nga ra khỏi số "các cường quốc khác" mà Anh, Pháp phải có hành động chung. Vì nghị viện sắp sửa giải tán, điều quan trọng hơn là bảo đảm tiền cho chính phủ. Có thể là trong các vị thượng nghị sĩ cao quý, có người muốn trao tiền không phải cho A-bóc-đin, mà

Có tin từ Héc-man-stát ngày 16 tháng Bảy cho chúng tôi biết rằng ở vùng Phrê-tê-sti chưa xảy ra cuộc xung đột nào.

Tin tức về liên quân đã tiến đến Ru-súc dĩ nhiên là bịa đặt, và trong điều kiện hiện nay, nhiệm vụ của họ chỉ bó hẹp ở việc ngăn cản - như tờ "Times" nói - những hành động tàn bạo dã man của quân Thổ Nhĩ Kỳ đang dà thắng lợi mà thôi.

*Do C.Mác viết ngày 21 tháng Bảy 1854
Đã đăng trên tờ "New-York Daily Tribune"
số 4148, ngày 4 tháng Tám 1854
Ký tên: Các Mác*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Anh*

C. MÁC

NHỮNG CUỘC TRANH LUẬN VỀ CHIẾN TRANH TẠI NGHỊ VIỆN

Luân Đôn, thứ ba, ngày 25 tháng Bảy 1854

Trong phiên họp tối thứ sáu trước của hạ nghị viện, để trả lời câu chất vấn của ngài Đi-xra-e-li, huân tước Giôn Rốt-xen tuyên bố rằng nữ hoàng có ý định ra lệnh giải tán nghị viện, nên huân tước dự định thứ hai tới sẽ đưa ra đề nghị biểu quyết một ngân khoản là 3000000 pao-xtéc-linh; việc thành lập một ủy ban để kiểm ra số tiền ấy là không cần thiết. Huân tước Giôn không trả lời câu hỏi của ngài Đi-xra-e-li là kỳ họp mùa thu năm nay của nghị viện có được tiến hành hay không. Ngân khoản đề đạt đã được nhất trí thông qua ở cả hai viện họp hôm qua.

Tại thượng nghị viện, huân tước A-bóc-đin đã đứng ra biện bạch cho dự án ngân khoản, lần này ông đã đọc được một bài diễn văn ngắn nhất, nhạt nhẽo nhất và tầm thường nhất trong tất cả những bài diễn văn mà ông cho chúng ta thưởng thức từ khi nhận chức thủ tướng đến nay. Ông ta nói rằng ông buộc phải xin ba triệu, và ông tin chắc rằng các thượng nghị sĩ sẽ không phản đối. Họ có thể bất đồng về quan điểm, nhưng tất cả bọn họ phải nhất trí ở chỗ "cần phải tán thành tất cả những biện pháp có thể dẫn một cách tốt nhất đến việc kết thúc cuộc chiến tranh một cách nhanh chóng và có kết quả". Vì mục đích ấy, trước hết đòi hỏi phải có "những cố gắng tích cực và kiên quyết của Anh và Pháp cùng với các cường quốc khác". Huân tước A-bóc-đin không nói rõ ông nói về cố gắng quân sự hay là ngoại giao; thậm chí ông không loại trừ Nga ra khỏi số "các cường quốc khác" mà Anh, Pháp phải có hành động chung. Vì nghị viện sắp sửa giải tán, điều quan trọng hơn là bảo đảm tiền cho chính phủ. Có thể là trong các vị thượng nghị sĩ cao quý, có người muốn trao tiền không phải cho A-bóc-đin, mà

là cho người khác, nhưng nguyện vọng thất thường ấy không nên xảy ra ở nơi đang thảo luận vấn đề. Vấn đề, vấn đề không thể trì hoãn chính là ở chỗ biểu quyết ba triệu pao-xtéc-linh.

Bá tước Ê-en-bô-rô nổi tiếng về thiên tài đặc biệt là luôn luôn phát ngôn không đúng chỗ "cho rằng, hiện nay là cơ hội tốt nhất để yêu cầu chính phủ thực hiện tiết kiệm chu đáo nhất ở tất cả các ngành quản lý dân sự không liên quan đến chiến tranh".

Bá tước Hác-uyích cho rằng ở biển Ban-tích có hạm đội hết sức mạnh mẽ, sẵn sàng đối phó với mọi tình huống bất ngờ, rằng ở Hắc Hải có một hạm đội như thế, một quân đội đông đảo nhất trong tất cả các đội quân viễn chinh xuất phát từ bờ biển Anh trước đây. Ông không biết chính phủ định sử dụng những lực lượng ấy như thế nào, cho nên ông kêu gọi tất cả các vị thượng nghị sĩ cao quý phê chuẩn ngân sách yêu cầu.

Bá tước Phít-xơ-uy-li-am, đảng viên đảng Vích, không ở trong cuộc, đã phản đối "ý kiến cho rằng hình như trong tất cả các nước châu Âu thì nước ta thuế má nặng hơn cả; trái lại, cần nói rằng nhân dân ta gánh thuế nhẹ hơn nhiều so với bất cứ bộ phận nào của hiệp hội châu Âu". Nếu thượng nghị sĩ cao quý nói điều đó về các vị thượng nghị sĩ, chứ không phải về nhân dân, thì ông ta sẽ đúng. "Còn về bài diễn văn của người bạn đồng sự cao quý đứng đầu chính phủ của tôi", thì trong những trường hợp tương tự ông ta chưa hề phát biểu bài diễn văn nào "mà người ta có thể nói với đầy đủ căn cứ rằng nó hầu như chẳng đưa ra cho nghị viện một tư tưởng nào mới cả", còn huân tước cao quý phải biết rõ hơn rằng, những yêu cầu về mặt tư tưởng của nghị viện là gì? bá tước Phít-xơ-uy-li-am muốn tìm hiểu ở huân tước A-bóc-đin xem những "cường quốc khác" mà huân tước sốt sắng hành động chung ấy là những nước nào? Có lẽ Áo chăng? Ông sợ rằng cường quốc này lôi kéo Chính phủ Anh vào ý nghĩ cho rằng mấy vấn đề thứ yếu, đại loại như việc rút khỏi các công quốc thuộc vùng sông Đa-nuýp hoặc việc tự do thông thương trên sông Đa-nuýp, có thể là lý do đầy đủ để ký hòa ước. (Một sự lo ngại đáng buồn cười, vì rằng, dĩ nhiên là không có ai lôi kéo huân tước A-bóc-đin vào việc đưa ra những yêu cầu quá đáng ấy cả). Bá tước cũng muốn biết nên hiểu sự toàn vẹn của Thổ Nhĩ Kỳ như

thế nào, phải chăng nên hiểu thuật ngữ ấy là hiệp ước A-đri-a-nô-pôn, hoặc là một cái gì khác? Để kết thúc, bá tước vạch rõ rằng nghị viện đang ở vào một hoàn cảnh đặc biệt kỳ quặc, vì nghị viện không nhận được tin tức gì về các ý đồ của chính phủ. Do tất cả những điều suy nghĩ đó, ông ta sẽ bỏ phiếu tán thành ngân sách.

Hầu tước Clan-ri-các-đơ, mà tâm tư ngày càng u uất theo với mức độ ông ngày một cách xa chức vụ trong nội các, yêu cầu giải thích dù chỉ đôi điều về những thành tích đã đạt được và phương châm đã thi hành kể từ khi xin ngân sách trên, để đền đáp sự khoan dung có một không hai mà từ trước cho tới nay ông vẫn đối xử với chính phủ; ông muốn biết ít nhiều về những điều kiện và triển vọng của chiến tranh và về quan hệ qua lại giữa nước mình với các nước đồng minh. Người Thổ Nhĩ Kỳ, chứ không phải Chính phủ Anh và vũ khí của Anh đã đạt được một số thành tích, nhưng điều đó không cản trở ông ca tụng tinh thần anh dũng của thủy quân Anh ở biển Ban-tích và Hắc Hải. Còn về quan hệ với các nước đồng minh, thì ông định đưa ra đề nghị công bố hiệp ước ký kết gần đây giữa Thổ Nhĩ Kỳ và Áo, cũng như những văn kiện khác có thể làm sáng tỏ tình hình hiện nay.

"Qua một số tin đồn được loan đi rộng rãi có thể thấy rằng, do sức ép và sự kiên trì của Chính phủ Anh mà Nội các Thổ Nhĩ Kỳ trước đây phản đối việc này, và công sứ Thổ Nhĩ Kỳ cách đây ít lâu đã ký kết với Áo một hiệp nghị, căn cứ vào đó thì quân đội Áo phải tiến vào các công quốc thuộc vùng sông Đa-nuýp và chiếm lĩnh một bộ phận của Đế quốc Thổ Nhĩ Kỳ".

Có chuyện gì xảy ra, mà trong giờ phút hiểm nghèo Áo đáng lẽ phải nhanh chóng điều động quân đội của mình, thì lại từ bỏ việc đó và bắt đầu cuộc đàm phán mới? Diễn giả cũng muốn biết hội nghị Viên có tiếp tục hay không và đang thảo luận những vấn đề gì. Tóm lại, ông ta cho rằng Anh quá ỷ lại vào các cường quốc Đức.

Để chứng minh Áo "tất" là đồng minh tốt nhất, huân tước Cla-ren-đôn chỉ rõ Nga bao vây một số đất đai của Áo và dọa dẫm Áo như thế nào. Hiệp ước Áo - Thổ Nhĩ Kỳ không thể đưa ra nghị viện, vì rằng cho tới nay vẫn chưa nhận được văn bản phê chuẩn hiệp ước này. Huân tước Cra-ren-đôn tin rằng có thể làm cho nghị viện tin tưởng rằng đã sắp đến lúc mà Áo sẽ cùng hành động với Anh, nhưng "dù sao

ông ta cũng không thể cam đoan được". Tuy nhiên, xuất phát từ sự đánh giá chung đối với Áo và từ sự việc Cla-ren-đôn nắm giữ Bộ ngoại giao, các vị thượng nghị sĩ cao quý có thể rút ra những kết luận đáng phấn khởi nhất. Huân tước Cla-ren-đôn đã hai lần bị vạch mặt về lời bịa đặt vô liêm sỉ của mình, lẽ tự nhiên là hiện nay đang chờ đợi sự tin tưởng tuyệt đối vào lời tuyên bố của ông ta là

"chính phủ không có ý định trở lại status quo và cũng không có ý định thỏa mãn ở nền hòa bình đạt được một cách hấp tấp, nó chỉ là một cuộc ngừng bắn tệ hại và làm cho một cuộc chiến tranh mới trở nên không tránh khỏi".

Để nêu gương sáng như vậy về trình độ văn hóa cao của mình, các vị thượng nghị sĩ đương nhiên chuyển sang vấn đề giáo dục quốc dân - và chúng tôi xin chia tay với các vị ở chỗ này.

Trong khi thượng nghị viện tranh luận thì hạ nghị viện bàn bạc một số vấn đề không quan trọng, mãi cho tới khi nhận được tin tức về bài diễn văn của huân tước A-bóc-đin, nó đã gây ra "một ấn tượng không vui". Huân tước Giôn Rốt-xen cũng lập tức cảm thấy cần phải gây ra ấn tượng ngược lại.

Khi chính phủ định yêu cầu ngân sách bổ sung đặc biệt đầu tiên, nó sử dụng hạm đội Ban-tích "tuyệt vời"; lý do cho ngân sách bổ sung lần thứ hai là cuộc pháo kích Ô-đét-xa nổi tiếng; bây giờ Xê-va-xtô-pôn được chọn làm khẩu lệnh.

Huân tước Giôn trước hết ca ngợi một cách thích đáng tinh thần "yêu nước" của nghị viện thể hiện trong sự ủng hộ hào hiệp đối với yêu cầu ngân sách bổ sung lần đầu của chính phủ, và cảm tạ nghị viện cho tới nay vẫn tránh gây ra những vấn đề khó khăn cho chính phủ. Điều đó tạo khả năng đạt được nhiều, rất nhiều thứ - bảo đảm một số lượng lớn tàu thuyền và nhân viên. Hiện nay Anh có 17 tàu chạy bằng hơi nước loại một, hai và ba, 17 tàu chiến chủ lực chạy bằng buồm và một lực lượng hải quân là 57200 người so với 1 tàu chạy bằng hơi nước, 11 tàu chiến chủ lực chạy bằng buồm và một lực lượng hải quân là 33910 người trước ngày 1 tháng Giêng 1853. Ngoài ra, trên bờ biển Thổ Nhĩ Kỳ đã đổ bộ một quân đoàn gồm trên 30000 binh sĩ "mà nhiều người

trong số đó cách đây không lâu đã ở Vác-na". Đây là lực lượng dự trữ quân sự. Còn về các hoạt động quân sự, thì họ

"mới chỉ bắt đầu, và hiện giờ chỉ có thể nói rằng quân đội Thổ Nhĩ Kỳ đã hoàn thành những kỳ tích về tinh thần anh dũng. Bây giờ thì không ai có thể nói rằng hoàng đế Nga chỉ dùng một cái móng là đánh gục được toàn bộ cường quốc Ôt-tô-man. Đi đôi với những chiến công huy hoàng của quân Thổ Nhĩ Kỳ, sự vinh quang của cuộc chiến tranh này là sự hoàn toàn nhất trí và kết hợp nhịp nhàng của quân đội Pháp và Anh".

Tiếp đó, chuyển sang vấn đề ngân sách yêu cầu, huân tước Giôn tuyên bố rằng ông không thể giải thích chính xác với các nghị sĩ là chỗ nào cần tiền. Quân nhu, pháo binh và vận tải có thể cần khoảng hai triệu; ngoài ra, một bộ phận lớn của quân đội Thổ Nhĩ Kỳ có thể sáp nhập vào quân đội Anh, việc cấp lương bổng cho bộ phận này sẽ do Chính phủ Anh gánh vác. Nhưng, tóm lại, tiền yêu cầu ở nghị viện không phải dựa vào những dự toán tỉ mỉ nào đó, mà là để chính phủ sử dụng "theo sự cần thiết".

Huân tước cao quý tuyên bố rằng, Áo còn quan tâm bảo vệ Thổ Nhĩ Kỳ thậm chí hơn cả Pháp hoặc Anh. Xác lập được quyền thống trị của mình đối với các công quốc thuộc vùng Đa-nuýp và giành được ảnh hưởng ưu thế của Thổ Nhĩ Kỳ, Nga hoàng làm cho Chính phủ Áo hoàn toàn khuất phục mình. Nhưng để đánh giá đúng về Áo, cần phải biết Áo hiện đang ở trong những điều kiện khó khăn gì. Quân đội Nga ở một số địa điểm có thể tiến gần về thủ đô Áo, còn, mặt khác, ở một số khu vực thuộc quyền Áo, tình hình đáng lo ngại đến mức nếu tham chiến thì thật là nguy hiểm cho Áo. Vì vậy, chừng nào còn khả năng thì Áo vẫn ra sức giải quyết những vấn đề ấy bằng con đường đàm phán. Nhưng cách đây không lâu, Áo đã gửi công hàm cho hoàng đế Nga mà lời phúc đáp của hoàng đế không thể coi là quanh co.

"Một là, Nga không chuẩn bị quy định một thời hạn nào đó cho việc rút khỏi các công quốc thuộc vùng sông Đa-nuýp. Nga cho rằng một khi tuyên chiến, một khi Anh và Pháp tham chiến và vượt Nga về binh lực ở Hắc Hải và biển Ban-tích, đồng thời hạm đội của Nga không rời được các cảng của mình, - thì chiến trường chỉ có thể là các công quốc thuộc vùng sông Đa-nuýp và đường giao thông trên sông Đa-nuýp là nơi mà Nga có thể hy vọng khắc phục được

thế cân bằng và giành thắng lợi bằng thành tựu về vũ khí của mình. Vì vậy, Nga từ chối rút khỏi các công quốc thuộc vùng sông Đa-nuýp trong các điều kiện như vậy".

Nga sẵn sàng tiếp thu những nguyên tắc trình bày trong nghị định thư ngày 9 tháng Tư, trừ mục nói về Thổ Nhĩ Kỳ tham gia khối liên minh các cường quốc châu Âu. Còn về hành động sau này của Áo, thì huân tước Giôn cho rằng chính sách hiện nay của Áo là sai lầm, nhưng đồng thời ông ta không thể tin rằng Áo sẽ làm thay đổi những nghĩa vụ mà Áo đã đảm nhiệm. Căn cứ vào những nghĩa vụ ấy đã ký kết, với các cường quốc phương Tây và Thổ Nhĩ Kỳ, Áo phải tham gia vào mưu đồ trả đũa Nga. Song, có thể là Áo tìm cách lại giành được sự trả lời có lợi hơn của Xanh Pê-téc-bua. Đương nhiên, các nước đồng minh không thể khống chế các cơ quan chính phủ của Áo, cũng như Áo không thể khống chế vua Phổ. Do đó, rõ ràng là tất cả các cường quốc có những điều kiện thuận lợi nhất để cùng tấn công Nga.

Tiếp đó, huân tước Giôn chuyển sang trình bày tường tận và hào hứng những biện pháp mà Anh và Pháp dự định thi hành. Sự toàn vẹn của Thổ Nhĩ Kỳ không thể dung hòa được với việc khôi phục status quo ở các công quốc thuộc vùng sông Đa-nuýp. Huân tước Giôn tuyên bố:

"Nhưng, thưa quý ngài, trận địa của Nga còn đe dọa nền độc lập và sự toàn vẹn của Thổ Nhĩ Kỳ từ phía khác nữa. Tôi muốn nói việc xây dựng một cứ điểm mạnh, được cấu trúc với tất cả nghệ thuật mầu mực, mà nghệ thuật quân sự hiện nay khó lòng công phá, và trong cảng của cứ điểm ấy lại có một hạm đội lớn nhất gồm những tàu chiến chủ lực sẵn sàng khi thuận gió sẽ tiến xuống eo biển Bô-xphơ bất cứ lúc nào. Tôi cho rằng tình hình ấy đe dọa Thổ Nhĩ Kỳ đến mức bất cứ hòa ước nào cũng không thể coi là vừa ý, nếu như nó để lại cho hoàng đế Nga cái trận địa mang tính chất uy hiếp ấy (vỗ tay rầm rộ). Cũng như trước đây, từ nay chúng ta sẽ sẵn sàng thảo luận vấn đề ấy với Chính phủ Pháp, và tôi có mọi căn cứ để cho rằng chính phủ của hoàng đế của người Pháp hoàn toàn nhất trí với chúng ta về điểm này". (Vỗ tay.)

Về đề nghị của ngài Đi-xra-e-li về kỳ họp mùa thu, Huân tước Giôn nói rằng ông ta "cực tuyệt chấp nhận bất cứ điều kiện nào hạn chế tự do của các bộ trưởng do các thành viên của nghị viện ấy đưa ra".

Truyền đạt lại toàn bộ quan điểm của Hi-um, Ban-cơ-xơ, Nai-tơ, An-cốc và tuti quanti^{1*} về vấn đề ấy thì thật là nhọc công và thừa.

1* - bọn cùng một giuộc

Ngài Cốp-đen tin vào lời nói của huân tước Giôn và cho rằng, huân tước đã biến nghị viện thành hội đồng quân sự, dốc sức tìm cách trình bày tại sao trong bất cứ tình huống nào cũng không nên chiếm Xê-va-xtô-pôn và Crưm. Ông đã đụng đến một đề tài lý thú hơn khi nêu vấn đề, phải chăng Anh liên minh với các chính phủ chống lại nhân dân; những người cho rằng chiến tranh dường như lại tiến hành để bảo vệ các dân tộc bị áp bức, thì thật lắm to; sự thực, chiến tranh được tiến hành để củng cố thêm xiềng xích ràng buộc Hung-ga-ri và I-ta-li-a dưới quyền thống trị của Áo. Trong nghị viện có những nghị sĩ đáng kính, nhưng lại đi vào chỗ lầm lẫn, họ

"tuyên bố rằng, chính phủ đang tiến hành một cuộc chiến tranh chưa được như người ta phải làm, rằng chính phủ nên đặt người khác đứng đầu ngành quân sự, thậm chí có khi người ta nói là - đứng đầu chính phủ nữa. Họ cho rằng con người ấy là huân tước Pan-móc-xtơn. Và tất cả điều đó được tiến hành dường như vì lợi ích của Hung-ga-ri và người I-ta-li-a. Song diễn giả đã được nghe chính hai nhà lãnh đạo vĩ đại nhất của nhân dân Hung-ga-ri và I-ta-li-a nói rằng, không những họ không gửi gắm hy vọng và tin tưởng gì vào vị huân tước ấy, mà trái lại, còn biết rõ rằng, khi ông ta có khả năng giúp đỡ họ về tinh thần, ông ta cũng không muốn thậm chí, nhúc nhích ngón tay trong việc bảo vệ họ. Nếu trong Chính phủ Anh hiện nay có người nào mà những lãnh tụ ấy kém tin tưởng hơn ai hết, thì đó chính là huân tước cao quý. Cốp-đen không cho rằng huân tước cao quý cảm thấy được vụ bịp bợm lớn được tạo ra dưới danh nghĩa của ông ta, nhưng may thay, hiện nay ảo tưởng đã tiêu tan".

Ngài Lây-ác và huân tước Đa-đli Xtiu-át chỉ lặp lại những lời phát biểu trước kia của họ; huân tước Đa-đli chỉ thêm rằng, lòng tin của ông vào ma lực và tên tuổi "Pan-móc-xtơn" hiện nay "càng kiên định hơn bao giờ hết".

Ngài Đi-xra-e-li khẽ thổi nhẹ một cái đã làm tan toàn bộ bọt xà phòng của bài nói của huân tước Giôn. Khi luận chứng một cách vắn tắt đề nghị của mình về kỳ họp mùa thu bằng trận đánh ở Xi-nô-pơ và những chiến công khác xảy ra trong kỳ nghỉ họp mùa thu năm ngoái, ông ta tuyên bố rằng tin tức về việc huỷ diệt Xê-va-xtô-pôn và chiếm lĩnh Crưm sắp tới làm ông ta ngạc nhiên, sửng sốt và lo ngại đến cực độ. Huân tước Giôn bác lại đôi câu, không rời khỏi chỗ ngồi; nhưng ngài Đi-xra-e-li cũng ngồi tại chỗ, cứ đòi huân tước giải thích. Bấy giờ huân tước Giôn mới phát biểu với giọng dụt dè và luống cuống:

"Tôi chỉ có thể nói điều mà tôi vừa nói, theo sự nhìn nhận của tôi, thì không thể để Nga giữ lâu hơn nữa cái trận địa có tính chất đe dọa mà nó chiếm lĩnh chứa đựng một hạm đội đồ sộ như vậy ở Xê-va-xtô-pôn".

Nghe thấy lời thú nhận đó của huân tước Giôn, ngài Đi-xra-e-li đã tuôn ra một trong những bài nói đã kích chua chất nhất hoàn toàn đáng đọc in extenso^{1*} và được ông kết thúc như sau:

"Sự thực, sau những điều mà chúng ta đã nghe, việc phân biệt một cách tinh tế - như đôi khi người ta đã làm - chính sách của huân tước A-bóc-đin với chính sách của một số đồng sự của ông, là điều hoàn toàn không công bằng. Tôi không phải là kẻ sùng bái, cũng không phải là kẻ ủng hộ huân tước A-bóc-đin, nhưng tôi cũng không phải là kẻ sùng bái cái chính sách của nghị viện cho rằng cần hy sinh một số thành viên này của nội các cho một số khác. Sau sự giải thích của huân tước cao quý về điều mà chính huân tước đã nói, có thể thấy rằng, chính sách của huân tước trong vấn đề Nga về thực chất không khác gì chính sách của huân tước A-bóc-đin, và điều đó rút cục tất đem lại sự hài lòng nào đó cho nhân dân Anh. Nghĩa là, không có sự bất đồng trong nội các; kỳ họp này, ít ra, được kết thúc trong sự hoàn toàn nhất trí của các bộ trưởng trên vấn đề ấy. Và ở đây, chiến tranh phải được tiến hành vì những mục đích bé nhỏ, những ý đồ chính trị lớn lao tất đưa tới những kết quả thảm hại không đáng kể, - về điểm này chính phủ liên hiệp tỏ ra nhất trí".

Những câu đùa của huân tước Pan-móc-xtôn không gây được ấn tượng gì. Sau lời phát biểu của ngài Đi-xra-e-li và những tham luận của nhiều nghị sĩ khác tuyên bố rằng họ đã bị bài diễn văn thứ nhất của huân tước Giôn làm cho bị lầm lẫn, đề án yêu cầu ngân sách đã được phê chuẩn, nhưng với điều kiện là cuộc tranh luận sẽ tiếp tục vào tối nay. Đồng thời huân tước Đa-đli Xtiu-át báo tin rằng ông ta định tâu lên nữ hoàng, "yêu cầu nữ hoàng hoãn việc giải tán nghị viện cho tới khi nữ hoàng có thể cung cấp cho nghị viện những tin tức đầy đủ hơn về quan hệ qua lại với các cường quốc khác và về những quan điểm và các kế hoạch của nữ hoàng trong cuộc đấu tranh mà nữ hoàng bị lôi cuốn vào".

*Do C.Mác viết ngày 25 tháng Bảy 1854
Đã đăng trên tờ "New-York Daily
Tribune" số 4150, ngày 7 tháng Tám 1854
Ký tên: Các Mác*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Anh*

C. MÁC

***CHÍNH SÁCH CỦA ÁO. - NHỮNG CUỘC TRANH LUẬN VỀ CHIẾN TRANH TẠI HẠ NGHỊ VIỆN**

Luân Đôn, thứ sáu ngày 28 tháng Bảy 1854

Trong một bài trước đây^{1*} tôi đã phân tích với các bạn bản hiệp ước Áo - Thổ Nhĩ Kỳ ra ngày 14 tháng Sáu và chỉ rõ rằng mục đích của sự cấu kết ngoại giao đáng chú ý ấy như sau: một là, tạo lý do cho liên quân không vượt sông Đa-nuýp và không tiếp xúc với quân Nga; hai là, ngăn cản quân Thổ Nhĩ Kỳ chiếm lại toàn bộ Va-la-ki và đẩy họ khỏi một bộ phận của Va-la-ki mà họ đã chiếm lĩnh; ba là, khôi phục ở các công quốc thuộc vùng sông Đa-nuýp chế độ phản động trước đây mà nước Nga đã áp đặt cho người Ru-ma-ni vào năm 1848. Hiện nay, quả nhiên chúng ta được biết từ Công-xtăng-ti-nô-pơ-rơ rằng Áo đã tuyên bố phản đối những ý đồ vượt sông Đa-nuýp của Ô-me-rơ-pa-sa; Áo có tham vọng giành lấy đặc quyền chiếm đóng các công quốc thuộc vùng sông Đa-nuýp và quyền ngăn cấm đi vào khu vực này không những đối với quân đội Anh - Pháp, mà thậm chí đối với cả quân Thổ Nhĩ Kỳ nữa. Đáp lại sự phản kháng ấy, hình như Chính phủ Thổ Nhĩ Kỳ đã ra lệnh cho Ô-me-rơ-pa-sa hiện giờ không được vượt sông Đa-nuýp, nhưng về nguyên tắc lại không thừa nhận đặc quyền của Áo đối với việc chiếm lĩnh các công quốc thuộc vùng sông Đa-nuýp; Rê-sít-pa-sa bất hạnh đã học tập được ít nhiều ở người thầy và người bảo hộ mình là huân tước Pan-móc-xtôn, dĩ nhiên, không thực sự phản đối điều này: trên thực tế cho phép tiến hành cái việc mà mình bác bỏ về nguyên tắc. Có thể cho rằng, Áo đã phá hoại và trên thực tế đã xóa bỏ hiệp ước ra ngày 14 tháng Sáu ở chỗ không tiến vào Va-la-ki khi mà quân đội Nga rút lui hỗn loạn về ba hướng và, không rút ngay sang bên kia sông Xê-rét, để hở sườn và hậu phương cho quân Áo tấn công. Nhưng cần thấy rằng,

1* - toàn văn

1* Xem tập này, tr. 331-333.

"Tôi chỉ có thể nói điều mà tôi vừa nói, theo sự nhìn nhận của tôi, thì không thể để Nga giữ lâu hơn nữa cái trận địa có tính chất đe dọa mà nó chiếm lĩnh chứa đựng một hạm đội đồ sộ như vậy ở Xê-va-xtô-pôn".

Nghe thấy lời thú nhận đó của huân tước Giôn, ngài Đì-xra-e-li đã tuôn ra một trong những bài nói đả kích chua chát nhất hoàn toàn đáng đọc in extenso^{1*} và được ông kết thúc như sau:

"Sự thực, sau những điều mà chúng ta đã nghe, việc phân biệt một cách tinh tế - như đôi khi người ta đã làm - chính sách của huân tước A-bóc-đin với chính sách của một số đồng sự của ông, là điều hoàn toàn không công bằng. Tôi không phải là kẻ sùng bái, cũng không phải là kẻ ủng hộ huân tước A-bóc-đin, nhưng tôi cũng không phải là kẻ sùng bái cái chính sách của nghị viện cho rằng cần hy sinh một số thành viên này của nội các cho một số khác. Sau sự giải thích của huân tước cao quý về điều mà chính huân tước đã nói, có thể thấy rằng, chính sách của huân tước trong vấn đề Nga về thực chất không khác gì chính sách của huân tước A-bóc-đin, và điều đó rút cục tất đem lại sự hài lòng nào đó cho nhân dân Anh. Nghĩa là, không có sự bất đồng trong nội các; kỳ họp này, ít ra, được kết thúc trong sự hoàn toàn nhất trí của các bộ trưởng trên vấn đề ấy. Và ở đây, chiến tranh phải được tiến hành vì những mục đích bé nhỏ, những ý đồ chính trị lớn lao tất đưa tới những kết quả thảm hại không đáng kể, - về điểm này chính phủ liên hiệp tỏ ra nhất trí".

Những câu đùa của huân tước Pan-móc-xtôn không gây được ấn tượng gì. Sau lời phát biểu của ngài Đì-xra-e-li và những tham luận của nhiều nghị sĩ khác tuyên bố rằng họ đã bị bài diễn văn thứ nhất của huân tước Giôn làm cho bị lầm lẫn, đề án yêu cầu ngân sách đã được phê chuẩn, nhưng với điều kiện là cuộc tranh luận sẽ tiếp tục vào tối nay. Đồng thời huân tước Đa-đli Xtiu-át báo tin rằng ông ta định tâu lên nữ hoàng, "yêu cầu nữ hoàng hoãn việc giải tán nghị viện cho tới khi nữ hoàng có thể cung cấp cho nghị viện những tin tức đầy đủ hơn về quan hệ qua lại với các cường quốc khác và về những quan điểm và các kế hoạch của nữ hoàng trong cuộc đấu tranh mà nữ hoàng bị lôi cuốn vào".

*Do C.Mác viết ngày 25 tháng Bảy 1854
Đã đăng trên tờ "New-York Daily
Tribune" số 4150, ngày 7 tháng Tám 1854
Ký tên: Các Mác*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Anh*

C. MÁC

***CHÍNH SÁCH CỦA ÁO. - NHỮNG CUỘC TRANH LUẬN VỀ CHIẾN TRANH TẠI HẠ NGHỊ VIỆN**

Luân Đôn, thứ sáu ngày 28 tháng Bảy 1854

Trong một bài trước đây^{1*} tôi đã phân tích với các bạn bản hiệp ước Áo - Thổ Nhĩ Kỳ ra ngày 14 tháng Sáu và chỉ rõ rằng mục đích của sự câu kết ngoại giao đáng chú ý ấy như sau: một là, tạo lý do cho liên quân không vượt sông Đa-nuýp và không tiếp xúc với quân Nga; hai là, ngăn cản quân Thổ Nhĩ Kỳ chiếm lại toàn bộ Va-la-ki và đẩy họ khỏi một bộ phận của Va-la-ki mà họ đã chiếm lĩnh; ba là, khôi phục ở các công quốc thuộc vùng sông Đa-nuýp chế độ phản động trước đây mà nước Nga đã áp đặt cho người Ru-ma-ni vào năm 1848. Hiện nay, quả nhiên chúng ta được biết từ Công-xtăng-ti-nô-pơ-rơ rằng Áo đã tuyên bố phản đối những ý đồ vượt sông Đa-nuýp của Ô-me-rơ-pa-sa; Áo có tham vọng giành lấy đặc quyền chiếm đóng các công quốc thuộc vùng sông Đa-nuýp và quyền ngăn cấm đi vào khu vực này không những đối với quân đội Anh - Pháp, mà thậm chí đối với cả quân Thổ Nhĩ Kỳ nữa. Đáp lại sự phản kháng ấy, hình như Chính phủ Thổ Nhĩ Kỳ đã ra lệnh cho Ô-me-rơ-pa-sa hiện giờ không được vượt sông Đa-nuýp, nhưng về nguyên tắc lại không thừa nhận đặc quyền của Áo đối với việc chiếm lĩnh các công quốc thuộc vùng sông Đa-nuýp; Rê-sít-pa-sa bất hạnh đã học tập được ít nhiều ở người thầy và người bảo hộ mình là huân tước Pan-móc-xtôn, dĩ nhiên, không thực sự phản đối điều này: trên thực tế cho phép tiến hành cái việc mà mình bác bỏ về nguyên tắc. Có thể cho rằng, Áo đã phá hoại và trên thực tế đã xóa bỏ hiệp ước ra ngày 14 tháng Sáu ở chỗ không tiến vào Va-la-ki khi mà quân đội Nga rút lui hỗn loạn về ba hướng và, không rút ngay sang bên kia sông Xê-rét, để hở sườn và hậu phương cho quân Áo tấn công. Nhưng cần thấy rằng,

1* - toàn văn

1* Xem tập này, tr. 331-333.

theo các điều khoản của hiệp ước nổi tiếng ấy, Áo không có nghĩa vụ tiến ngay vào các công quốc thuộc vùng sông Đa-nuýp, cũng như quét sạch các công quốc này trong một thời hạn nhất định, thậm chí không có nghĩa vụ buộc quân Nga rút khỏi khu vực này trong một thời hạn quy định nào đó. Hiện nay có tin rằng người Áo thực sự đã tiến vào Tiểu Va-la-ki, còn người Nga thì điều quân đội của mình khỏi đèo núi Các-pát và tập trung ở Phốc-san-nư. Nhưng, điều đó chỉ nói lên rằng, người Áo đáng lẽ phải đẩy người Nga ra khỏi Đại Va-la-ki, thì lại quyết định đuổi người Thổ Nhĩ Kỳ ra khỏi Tiểu Va-la-ki và như thế là ngăn cản hoạt động của người Thổ Nhĩ Kỳ ở hai bờ sông A-luy-ta. Để gây ra cuộc bạo động trong quân đội Thổ Nhĩ Kỳ, không thể nghĩ ra được kế hoạch nào hay hơn là đẩy lùi quân Thổ Nhĩ Kỳ ra khỏi khu vực mà họ chiếm lĩnh, và để quân đội Anh - Pháp - đang thận trọng tránh mọi cuộc xung đột với quân Nga và giữ quân Thổ Nhĩ Kỳ dường như ở trong tình trạng bị bao vây - chiếm lấy Bun-ga-ri. Điều đó có thể thấy rõ trong lời kêu gọi chung của ban chỉ huy Anh - Pháp gửi nhân dân Bun-ga-ri, - lời kêu gọi hầu như được sao chép từng chữ một của Bút-béc-gơ, Goóc-tra-cốp và tutti quanti^{1*}. Tôi đã tiên đoán với các bạn từ lâu rằng, các cường quốc phương Tây sẽ góp một phần công sức cho sự nghiệp tiến bộ - họ cách mạng hóa Thổ Nhĩ Kỳ, viên đá tảng ấy của chế độ châu Âu đã già cỗi.

Áo không những phản đối ý định của người Thổ Nhĩ Kỳ chiếm lĩnh những khu vực thuộc Thổ Nhĩ Kỳ, mà còn yêu cầu khôi phục lại quyền lợi của hai ông vua hiện đang sống ở Viên và sẽ phải cùng quân đội Áo trở về Môn-da-vi-a và Va-la-ki, về vấn đề này, ngài phôn Brúc đã thông tri cho Chính phủ Thổ Nhĩ Kỳ. Rê-sít-pa-sa trả lời rằng Chính phủ Thổ Nhĩ Kỳ sẽ thảo luận khôi phục một cách thích đáng quyền lợi của họ, nhưng về phía mình, ngài Phôn Brúc kiên trì thi hành điều ba của hiệp ước có ghi rõ việc khôi phục lại chính phủ cũ. Chắc bạn đọc còn nhớ rằng trước đây tôi đã lưu ý các bạn về lời văn lập lờ nước đôi của điều khoản này^{2*}. Rê-sít-pa-sa phản đối vấn đề đó rằng, việc khôi phục quyền lợi của các vị vua ấy không thể có được chừng nào Chính phủ

1* - bọn cùng giuộc

2* Xem tập này, tr. 332.

Thổ Nhĩ Kỳ còn chưa tin chắc rằng họ sẽ không vi phạm trách nhiệm là một thân dân trung thành của họ. Đối với Ghi-ca, quốc công Môn-da-vi-a, Chính phủ Thổ Nhĩ Kỳ không kiên quyết phản đối, nhưng hành động của Stia-bây, vua Va-la-ki, lại mang tính chất rất khiêu khích: ông ta đã thể hiện một cách hết sức vô liêm sỉ là kẻ ủng hộ nước Nga, và Chính phủ Thổ Nhĩ Kỳ buộc lòng phải gạt bỏ ông ta. Bấy giờ ngài Brúc tìm đến vua Thổ Nhĩ Kỳ. Vua Thổ Nhĩ Kỳ triệu tập hội nghị bất thường, định ra một phương án thoả hiệp, căn cứ vào đó thì hai vị vua *tạm thời* trở về ngôi vua, còn Chính phủ Thổ Nhĩ Kỳ sẽ bổ nhiệm một viên cao ủy để điều tra hành động của họ, sau đó sẽ ra quyết định dứt khoát. Quốc công Ghi-ca mà Rê-sít dường như không kiên quyết phản đối, đương nhiên, chỉ trở lại cầm quyền trên danh nghĩa, vì rằng Môn-da-vi-a còn nằm trong tay người Nga. Ngược lại, việc trở về ngôi vua của quốc công Stia-bây mà chính Chính phủ Thổ Nhĩ Kỳ đã xua đuổi và lên án là tay sai của Nga, lại là một điều hiển thực, vì rằng người Nga đã rút khỏi một phần Va-la-ki, và xem ra cũng sắp sửa rút nốt phần còn lại.

Nhưng hoạt động ngoại giao của Áo không chỉ bó hẹp ở đấy. Trên tờ "Morning Post" ra hôm qua, chúng tôi đọc thấy một bức điện sau đây gửi từ Ben-grát ngày 19 tháng Bảy:

"Hôm qua đã nhận được từ Công-xtăng-ti-nô-plơ mệnh lệnh ngừng ngay việc tiếp tục vũ trang và mọi cuộc diễn tập quân sự. Tin mật cho biết sẽ có mệnh lệnh khác tiếp theo - về việc giải trừ quân bị. Những tin tức này được chuyển ngay cho hầu tước A-lếch-xan-đrơ".

Vậy thì, đây là sự trả lời của Chính phủ Thổ Nhĩ Kỳ đối với sự phản đối của Xéc-bi chống lại sự chiếm đóng của Áo. Như vậy là Chính phủ Thổ Nhĩ Kỳ không may đã bị mất đi khả năng chống cự với kẻ thù công khai của mình và đồng thời bị lôi cuốn vào những hoạt động thoán đoạt và thù địch đối với các nước chư hầu vẫn trung thành với mình. Bằng hiệp ước ngày 14 tháng Sáu, Chính phủ Thổ Nhĩ Kỳ đã hủy bỏ hiệp định của mình với các công quốc thuộc vùng sông Đa-nuýp, và bằng mệnh lệnh về giải trừ quân bị đã phá hoại các đạo luật cơ bản của Xéc-bi. Cùng một quá trình chính trị đó đã tạo ra nguy cơ nổi loạn trong quân đội Thổ Nhĩ Kỳ và đẩy Xéc-bi và các công quốc thuộc vùng sông Đa-nuýp vào vòng tay nước Nga. Những yêu sách của Áo về việc rút khỏi các công quốc thuộc vùng sông Đa-nuýp đã biến thành việc

cấm đoán người Thổ Nhĩ Kỳ tiến vào các công quốc này, còn việc chuẩn bị chiến tranh xấu xa của Áo lại trở thành việc giải trừ quân bị của Xéc-bi.

Nước Áo ngu xuẩn là công cụ giản đơn trong tay Nga hoàng và những kẻ đồng mưu Anh của Nga hoàng, chỉ chuẩn bị những yếu tố cho một cuộc cách mạng rộng khắp, mà bản thân Áo là vật hy sinh đầu tiên cho cuộc cách mạng đó, và chỉ có bọn phản động không tưởng loại như Đa-vít Uốc-các-tơ mới có thể lấy làm nuối tiếc việc cách mạng đến gần.

Bạn đọc đã biết về phong trào đã bắt đầu ở I-ta-li-a. Báo chí đưa tin về các phong trào phản đối ở Giê-nơ, Mô-dê-na, Pác-mơ v. v.. Nhưng, theo tôi, thì các sự kiện xảy ra ở Phê-ra-ra giống cuộc khởi nghĩa rộng khắp năm 1848 hơn cả.

Ngay từ đầu, như tôi đã phân tích một cách đúng đắn đợt công trái "yêu nước tự nguyện" do Chính phủ Áo ngạo mạn và bị phá sản phát hành, điều đó bạn đọc có thể thấy được qua lời kêu gọi gần đây của nam tước Bốc-ghe-rơ gửi các thần dân trung thành vùng Lô-m-bác-đi. Lời kêu gọi tuyên bố rằng phần công trái tự nguyện mà Lô-m-bác-đi phải gánh vác, được quy định là 40000000 phlo-rin, tương đương với 104400000 phrăng; nếu số này đem phân chia theo dân số, thì mỗi người phải chịu 40 phrăng.

"Đợt công trái tự nguyện này", tờ "Unione" viết, - "đang biến thành một thứ thuế khổng lồ: mỗi tỉnh, mỗi thành thị, mỗi cá nhân đều *phải tự nguyện* nộp phần được quy định".

Để không còn bất cứ sự hoài nghi nào đối với tính chất chân chính của đợt công trái "tự nguyện" này, lời kêu gọi của nam tước Bốc-ghe-rơ kết thúc như sau:

"Mỗi người cần rõ rằng, trường hợp công trái tự nguyện thất bại, thì sẽ thu một thứ thuế cưỡng bức đặc biệt đánh một cách thích đáng vào các khoản thu nhập về ruộng đất, tư bản, thương nghiệp và công nghiệp".

Trong phiên họp của hạ nghị viện vào thứ hai, chủ tịch Hội đồng cơ mật và lãnh tụ nghị viện^{1*} phát biểu ý kiến dường như với mục đích

1* - Giôn Rốt-xen

trình bày tường tận ý đồ của nội các, nhưng sáu giờ sau, - một sự kiện hiếm có trong lịch sử nghị trường, - cũng từ chỗ ấy ông ta đã rút lui tất cả những điều đã phát biểu. Vào hồi 7 giờ tối, ông ta tuyên bố rằng Xê-va-xtô-pôn bị bắn phá đã bị phá huỷ và bị đoạt được từ tay nước Nga; vào lúc 1 giờ 15 phút sáng, ông ta tuyên bố rằng hạm đội Nga ở Xê-va-xtô-pôn bị thiệt hại một hoặc hai tàu chiến chủ lực, mà "hiện giờ Nga vẫn giữ được toàn bộ uy tín và địa vị của mình". Trong vòng sáu giờ đồng hồ, Tiểu Giôn chửi bới, lên mặt, khoác lác, hò hét, làm náo động, chúc mừng và nói láo trước mặt các hạ nghị sĩ. Trong suốt sáu giờ đồng hồ, ông ta buộc các nghị sĩ phải chu du trong đám mây mù, nhưng chỉ cần mấy câu sắc bén của ngài Đê-xơ-e-li là đủ để cho cái bọt xà phòng ấy tan vỡ và con sư tử giả buộc phải khoác lại lên vai mình cái da cừu non quen thuộc. Đối với nội các, đây là một "ngày sỉ nhục", nhưng nó đã thực hiện được cái đề án ba triệu pao của nó.

Trong phiên họp vào thứ ba đã diễn ra cuộc tranh luận về đề án hoãn giải tán nghị viện của huân tước Xtiu-át. Đề án cấp ngân sách đã được biểu quyết phê chuẩn; còn có gì phải làm nữa, nếu không phải là bỏ phiếu tín nhiệm nội các? Vì các nghị sĩ đáng kính đã hiểu rõ tất cả điều đó, nên cuộc họp có ít nghị sĩ tham dự, cuộc tranh luận trở nên buồn tẻ, nội các thì tỏ ra ngang ngược hơn bao giờ hết, và đề nghị của Đa-đli Xtiu-át bị nhất trí phủ quyết. Nội các khéo léo biến sự nhục nhã của mình thành thắng lợi đối với các hạ nghị sĩ. Đây là "ngày sỉ nhục" đối với nghị viện. Song cuộc hội nghị cũng đáng được chú ý nhờ lời biện hộ của ngành quân sự mà đại diện là ngài Héc-bóc, bộ trưởng Bộ quân vụ và là anh vợ của Vô-rôn-xốp, nhờ sự kiêu căng của ngài bộ trưởng Bộ hải quân là Bốc-eli và nhờ bài diễn văn dài dòng ngạo mạn của Tiểu Giôn về tình hình nội bộ của nội các Anh.

Ngài Héc-bóc, một con người có cái đầu đẹp, nguyên là một đảng viên "trẻ của đảng To-ri", đã trả lời cho sự than phiền của người ta đối với bộ máy quân nhu không vừa lòng người bằng cách tăng bốc cục trưởng quân nhu Phin-đơ, - không nghi ngờ gì nữa - là người thích hợp nhất để giữ chức vụ ấy, vì rằng 50 năm trước đây, ông ta đã được sự tín nhiệm của "vị công tước sắt"^{1*} và đảm nhiệm những chức vụ cao

1* - Oen-lin-tôn

dưới quyền công tước. Ông đã đem những báo cáo đã được tô điểm của "các sĩ quan quân nhu tốt nhất trong quân đội" và những lời khen không thực bụng của một số sĩ quan pháp để đập lại những bức thư không hay gì của các phóng viên báo chí. Ông không nói tí gì về vấn đề quân đội hoàn toàn thiếu phương tiện vận tải, không có lửa, không có ngựa để chở hành lý và nước ăn dự trữ cần thiết cho quân đội di chuyển từ Vác-na và Đép-ni-a đến Đa-nuýp, và nhiều thứ khác cần thiết cho hành quân. Ông ta không nói một lời nào về việc thiếu kinh phí để mua lương thực cho quân đội. Ông ta không bác bỏ sự thực là cơ quan quân nhu chỉ được thành lập sau khi nhiều sư đoàn đã xuất phát và hạm đội đã đến Công-xtăng-ti-nô-pơ. Ông không dám bác bỏ ý kiến nói rằng, theo lời của chính huân tước Ra-glan, trong hai tháng trời, quân đội của huân tước đã dừng lại một chỗ, không có khả năng tiến lên do công tác quân nhu tồi tệ, mặc dù họ ở cách quân địch gần như kiệt sức vì đói, dường như chỉ có một tầm pháo mà thôi.

Anh vợ hầu tước Vô-rôn-xốp cũng dùng mảnh lời giống thế để trả lời sự than phiền về trang bị của pháo binh. Ông ta trả lời dài dòng đối với sự chê trách và bản thân ông ta đưa ra, tức là quân đội ở Thổ Nhĩ Kỳ chỉ có pháo loại sáu pao. Nhưng ông ta lại cố lờ tịt sự việc là, quân đội không có pháo công thành và để chi viện bộ binh lại không có kỵ binh là binh chủng tối cần thiết cho tác chiến ở đồng bằng Va-la-ki, là quân đoàn gồm 40000 binh sĩ ở Vác-na không thể có được 40 khẩu pháo để chống lại quân Nga, trong khi một quân đoàn của Nga gồm 40000 người được trang bị 120 khẩu.

Đối với việc chỉ trích chính phủ về biểu hiện thiếu quan tâm trong việc cung cấp cho quân đội những trang bị cần thiết, anh vợ của Vô-rôn-xốp đáp lại bằng sự bào chữa đầy phần nộ cho ban chỉ huy quân sự, dường như ban chỉ huy này chẳng có gì đáng chê trách cả.

Về những trường hợp không may xảy ra và về sự độc quyền của người Anh đối với những sự kiện bất ngờ chưa từng xảy ra trong cuộc viễn chinh của Pháp ấy, ngài Héc-bốt đáng kính tuyên bố rằng, một là, quả thực có một chiếc tàu chở một đơn vị của trung đoàn long kỵ số 6 đã làm mồi cho hỏa tai, nhưng thuyền trưởng là "một thủy thủ kỳ cựu

cao quý, đứng trước cái chết kinh khủng nhất mà người ta có thể gặp phải đã bất chấp yêu cầu của đội thủy thủ, từ chối rời khỏi tàu, tiếc thay! lúc bấy giờ còn chưa muộn lắm, và ông ta đã hy sinh trên vị trí của mình". Các hạ nghị sĩ bị lừa gạt đã đón tiếp câu trả lời chẳng có nghĩa lý gì ấy bằng những lời hoan hô tán thành. Còn về tổn thất của tàu "Ti-grơ",¹⁹⁴ thì phải tính vào con số sự cố bất ngờ. "Còn sự việc đáng buồn xảy ra ở biển Ban-tích, - ối dào! nó chỉ chứng tỏ sự hữu dụng vô mưu của thủy thủ của chúng ta mà thôi".

Tiếp đó, cái ngài có cái đầu đẹp để chuyển sang vấn đề nêu lên với ông ta: "hạm đội và lực lượng của chúng ta có đạt được kết quả thực tế gì không?" và khoắc lác với việc "phong tỏa các hải cảng Nga một cách toàn diện, thành công và không sao đột phá được". Cuộc phong tỏa ấy thành công đến mức, chẳng hạn, tám tàu chiến chạy bằng hơi nước của Nga đã đi được từ Xê-va-xtô-pôn đến Ô-đét-xa, bất chấp có pháo kích, giao tranh và đủ thứ trở ngại. Nó đã thành công đến mức, việc buôn bán của Nga trên biển Ban-tích vẫn được tiếp tục trên quy mô lớn, và hàng hóa của Nga vẫn bán ra ở Luân Đôn với giá chỉ hơi cao hơn trước chiến tranh một chút; việc buôn bán ở Ô-đét-xa vẫn được tiến hành hoàn toàn như năm ngoái, và thậm chí cuộc phong tỏa trên danh nghĩa đối với Hắc Hải và biển Ban-tích là do Bô-na-pác-tơ buộc người Anh tiến hành mới mấy hôm trước đây.

Nhưng, con người trẻ tuổi cao quý họ Héc-bốt quả quyết rằng Chính phủ Anh còn làm nhiều hơn nữa. Chẳng lẽ Chính phủ Anh không làm cho Nga mất khả năng vận chuyển bộ đội tăng viện trên Hắc Hải và không cắt đứt mọi đường ra biển của Nga hay sao? Trong khi đó ông ta hoàn toàn quên rằng, trong bốn tháng Chính phủ Anh đã để người Nga khống chế sông Đa-nuýp, đã để cho Nga chỉ sử dụng có 15000 người chiếm lấy vựa lúa của châu Âu là Môn-đa-vi-a và Va-la-ki, cướp đi ngay dưới mũi mình đàn súc vật phong phú của Đô-brút-gia; Chính phủ anh đã ngăn cản hạm đội Thổ Nhĩ Kỳ tiêu diệt phân hạm đội Nga ở Xi-nô-pơ. Người Anh đã góp phần không nhỏ vào thắng lợi quân sự của Thổ Nhĩ Kỳ, vì rằng, là lực lượng dự bị của quân đội Thổ Nhĩ Kỳ, người Anh bằng cách đó đã tạo cho quân đội Thổ Nhĩ Kỳ khả năng sử dụng mỗi người lính và mỗi khẩu pháo chống lại quân đội xâm lược.

Có cần nhắc bạn đọc điều này không: chừng nào quân Nga chưa thể tập trung ưu thế binh lực ở các công quốc, thì Chính phủ Anh còn cấm Ô-me-rơ-pa-sa lợi dụng ưu thế về số lượng của quân đội và thành quả của những thắng lợi đầu tiên của ông ta. Quân đội Anh còn làm những chuyện gì nữa?

"Nước Nga đã bỏ ra bao nhiêu pao xéc-ling để xây dựng tuyến lô-cốt dọc theo bờ biển Tréc-kê-xi? Chỉ trong một chiến dịch ngắn, tất cả những cứ điểm mạnh ấy gần bờ Tréc-kê-xi lại như một sợi xích, đều rơi vào tay người Anh hoặc đồng minh của họ, chỉ trừ có một lô-cốt".

Vô-rôn-xốp! Vô-rôn-xốp! Chẳng lẽ anh đã quên rằng, từ đầu kỳ họp, khi người ta khuyên anh nên chiếm lấy những lô-cốt ấy, anh đã từ chối, như vậy là, khiến người Nga có thể chuyển quân đồn trú ở những lô-cốt ấy đến Xê-va-xtô-pôn? Anh chỉ chiếm được những lô-cốt mà chính quân Nga định bỏ đi, còn lô-cốt "ngoại lệ" duy nhất không bị phá hủy, không bị chiếm và thậm chí không bị tấn công lại chính là cái lô-cốt duy nhất đáng chiếm lĩnh, và quân Nga cho rằng cần giữ lấy nó, cái lô-cốt duy nhất ấy mở đường liên lạc với người Tréc-kê-xi, - A-na-pa.

Lời lẽ huyền thuyên tầm thường của ngài Héc-bóc đã đạt tới tột bậc, khi ông ta tuyên bố rằng, trong trận bảo vệ Xi-li-xtơ-ri về vang, mà Anh không những không chi viện, mà còn không cho phép Ô-me-rơ-pa-sa chi viện, Anh đã có tham gia, vì rằng trong số tử trận có một thanh niên gọi là đại úy Bát-lơ. Về trung úy Nê-xmít còn sống, dĩ nhiên là, không được nhắc đến một lời. Cần nói rõ rằng đại úy Bát-lơ chỉ đến Xi-li-xtơ-ri sau khi chính phủ từ chối cử ông ta đến đấy, và do đó nguyên soái Héc-bóc càng có mọi lý do để tán thành phương thức hành động của ông. Còn về trung úy Nê-xmít, thì thuộc loại người sắp sửa bị đuổi khỏi trại lính Anh, và ông đi Xi-li-xtơ-ri với tư cách phóng viên mặt trận.

Vì huân tước Đa-đli Xtiu-át công kích chính phủ về chỗ chính phủ đã không đặt mua những tàu chạy bằng hơi nước có độ mớn nước dưới ba phút và được trang bị một - hai khẩu trọng pháo, nên đô đốc Bóc-eli phát biểu sau tướng Héc-bóc, đã yêu cầu huân tước cao quý "dạy cho viên thanh tra đóng tàu cách đóng những loại tàu như thế". Đây là câu trả lời của vị đô đốc anh dũng thuộc đảng Vích, đối với vấn đề Bộ hải

quân nếu không bảo đảm chế tạo được nhiều pháo hạm, thì có thể trang bị một hạm đội để tác chiến trên biển Ban-tích không. Bóc-eli anh dũng và viên thanh tra đóng tàu thông thái của ông ta thà xin lỗi chỉ giáo của Bộ hải quân Thụy Điển và Nga, còn hơn là xin ý kiến của huân tước Đa-đli Xtiu-át cần cỗi đến mực cười.

Chúng ta không dừng lại lâu hơn nữa ở lời bào chữa của Héc-bóc nhả nhận và Bóc-eli dũng cảm cho bộ chỉ huy Anh, mà chuyển sang những lời bộc bạch mà chính ông Bóc-lin ấy buột miệng nói ra. Nếu như chập tối hôm qua Tiểu Giôn chọc thủng cái bong bóng xà phòng Xê-va-xtô-pôn, thì trong ngày hôm nay, cái bong bóng xà phòng Crôn-xtát đã bị tan vỡ do lời phát biểu của Bóc-eli. Vì toàn bộ cuộc đấu tranh ở các công quốc thuộc vùng sông Đa-nuýp là do người Áo đơn độc tiến hành, nên đối với "lục quân và hải quân hùng mạnh nhất chưa bao giờ được trang bị như thế và chưa nước nào đã cử đi như thế" với các tàu chân vịt, các khẩu pháo Pếch-xan và những vũ khí khác có sức sát thương cực lớn, đều không có đất hoạt động. Từ bức thư của vị tư lệnh anh dũng của hạm đội Ban-tích^{1*}, Bóc-eli anh dũng đã trích dẫn ra câu này:

"Tôi không thể tiến hành bất cứ hoạt động nào với hạm đội hùng mạnh ấy, vì rằng, bất cứ cuộc tấn công nào vào Crôn-stát hoặc vào Xvê-a-boóc-gơ đều có nghĩa là sự diệt vong không tránh khỏi".

Đâu chỉ có thế. Bóc-eli anh dũng say sưa với ý nghĩ cho rằng có cái gì mà hạm đội hùng mạnh nhất ấy không làm nổi, tiếp tục thủ thỉ:

"Đô đốc Sát-xơ mà tri thức khoa học uyên bác hơn ai hết đã viết về điểm ấy như thế này: sau hai ngày quan sát từ hải đăng và xem xét tỉ mỉ các lô-cốt và hạm tàu, tôi tin chắc rằng các lô-cốt quá kiên cố đối với pháo trên hạm tàu của chúng ta. Đây là những tảng đá hoa cương đồ sộ. Không thể nghĩ đến khả năng tấn công vào hạm tàu của địch ở nơi chúng đậu".

Về Nây-pia, Bóc-eli can đảm cũng kết thúc như vậy:

"Chưa từng có một sĩ quan Anh nào được carte blanche^{2*} như thế về mặt tác chiến. Chính phủ không những không bó tay ông ta, mà trái lại, còn tìm đủ cách cổ vũ ông tiến lên" - từ Bô-mác-xun-đơ đến Crôn-stát và từ Crôn-stát đến Bô-mác-xun-đơ.

1* - đô đốc Sát-lơ Nây-pia

2* - nghĩa đen: "giấy để trống", ở đây - "tự do hành động"

Trước sự nhận định của ông Hin-đi-ác-dơ thuộc đảng To-ri nói rằng "suốt đời mình ông chưa hề có lần nào nghe thấy tất cả những sự tiết lộ như vậy", rằng Bóc-eli nói như một tay sai công nhiên của Nga và tất cả những lời ba hoa khoác lác về Crôn-stát đầu vậy vẫn được sự mặc nhiên cho phép của Bóc-eli, Bóc-eli dũng cảm đã rút lui một phần những ý kiến quá đáng của mình, tuyên bố rằng Nây-pia chỉ muốn nói về tình hình trước mắt của ông, khi ông chỉ có hạm tàu và không có lực lượng lục quân chi viện. Từ khi Nây-pia rời bờ biển Anh, tôi đã nhắc đi nhắc lại rằng không có lục quân và không liên minh với Thụy Điển thì không thể đại được gì hết ở biển Bantích, và ý kiến này được tất cả các quân nhân có đầu óc khoa học tán thành.

Bây giờ tôi xin chuyển sang điểm cuối cùng của những cuộc tranh luận không sao quên được ấy, tức lời tuyên bố kiêu căng của huân tước Giôn Rốt-xen. Đạt được kỳ phiếu ba triệu, ông ta đã trở thành tro trên đúng như ông ta đã bền lên hai mươi giờ trước đây khi bị những đòn châm biếm của Đì-xra-e-li.

"Ông ta tuyệt nhiên không cho rằng cần phải đi vào giải thích thêm về những lời phát biểu của ông ta tối hôm qua". Về vấn đề "bất đồng đáng buồn" mà có người nào đó định tạo ra giữa A-bốt-đin và các đồng sự của A-bốt-đin, ông ta nói rằng:

"Còn như các biện pháp chung về chiến tranh, những biện pháp ấy được thảo luận hàng ngày giữa các cố vấn của nữ hoàng, họ hình thành nên cái gọi là nội các, và huân tước A-bốt-đin cũng như các đồng sự của mình trong nội các đều chịu trách nhiệm như nhau trước nghị viện và quốc gia về những quyết định mà họ lựa chọn".

Thậm chí ông ta quyết định nói với nghị viện như sau mà chẳng sợ nguy hiểm gì:

"Nếu cho rằng chúng tôi xứng đáng làm bộ trưởng của nữ hoàng, thì chúng tôi phải được quyền tùy ý triệu tập hoặc không triệu tập nghị viện; nếu cho rằng chúng tôi không xứng đáng hưởng quyền đó, thì có nghĩa là chúng tôi càng không thể làm bộ trưởng".

Dự thỉnh các phiên họp vào thứ hai và thứ ba của nghị viện Anh, tôi mới hiểu rằng năm 1838 mình hồ đồ biết bao khi chỉ trích trên tờ "Neue Rheinische Zeitung" các Quốc hội Béclin và Phran-phuốc là biểu hiện thảm hại nhất của hoạt động thị trường¹⁹⁵.

Bạn đọc sẽ thích thú khi so sánh lời tuyên bố của một người Anh là anh vợ của Vô-rôn-xốp, lời khoe khoang nhạt nhẽo của Rốt-xen và tiếng hò hét của các bài xã luận tờ "Times" với đoạn trích sau đây trong bản tin cuối cùng ngày 13 tháng Bảy của phóng viên tờ "Times" ở doanh trại Anh tại Vác-na:

"Tối hôm qua, mọi người đều tin chắc rằng sắp sửa sẽ ký hòa ước, vì rằng hình như công sứ áo đã ăn trưa với tướng Brau-nơ, mà viên công sứ này đã từ Sum-la - nơi mà ông ta đã có cuộc đàm phán dài với Ô-me-rơ-pa-sa - đến Vác-na, nơi đây ông ta sẽ thương lượng với huân tước Ra-glan và nguyên soái Xanh-Ác-nô. Tin tức cho biết, hình như công tước Căm-brít-giơ tuyên bố rằng kỳ binh sẽ trở về Anh vào tháng Mười một, còn bộ binh vào tháng Năm. Không thể khẳng định rằng, chúng ta có đang ở trong tình trạng chiến tranh hay không và liên quân có thực sự là một bên tham chiến, hay từ khi đổ bộ lên Thổ Nhĩ Kỳ chỉ thực hiện cái bề ngoài của hoạt động quân sự thôi. Những cuộc diễu binh, duyệt binh, diễn tập và kiểm tra đều mang tính chất vô hại như là tiến hành ở Xa-tô-ri và Sô-bem, còn toàn bộ hoạt động của chúng ta ở trên bộ chỉ gồm có: một là, cuộc du lịch trinh sát của huân tước Các-đi-gan, hai là, cử một số kỹ sư và công binh đến Xi-li-xtô-ri và Ru-súc, ba là, củng cố đến những nơi đó một ít công binh bắc cầu Pháp, bốn là, lại cử một đội công binh và 150 lính thủy đến Ru-súc để bắc chiếc cầu từ một bờ sang các đảo rồi sang bên bờ kia".

Ở Anh không có Ba-xti-ơ, nhưng có các bệnh viện người điên, trong đó có thể dựa vào lettre de cachet thường giam giữ bất cứ ai không vừa lòng hoàng thất hoặc khuấy rối vào việc nào đó trong gia đình. Trong cuộc tranh luận diễn ra vào thứ tư về vụ án tiến sĩ Pây-tơ-man^{1*}, điều đó đã được ngài Ô-tu-ây hoàn toàn xác nhận với sự ủng hộ của ông Hen-li. Chỉ mấy lời nói của huân tước Pan-móc-xton, *civis romanus*¹⁹⁶ ấy và người bảo vệ trứ danh "quyền lợi và đặc quyền của thần dân Anh", là đủ dẹp vấn đề. Pan-móc-xton thậm chí không khẳng định rằng Pây-tơ-man là người điên thật, mà chỉ khẳng định rằng "xem ra ông ta có quyền thưa kiện lên chính phủ" và dự định - hết sức rầy rà - nộp đơn kiện ấy cho nữ hoàng hoặc, đúng hơn, một nhân vật quan trọng dấu tên - hoàng thân An-be. Dòng họ Cô-buốc-gơ xâm nhập ở khắp nơi; hiện nay nó đang muốn thâm tóm lấy Tây Ban Nha.

1* Xem tập này, tr. 361-364.

"Đây là", - tờ "Globe" của chính phủ viết, - "vấn đề quyền lợi của tiến sĩ và nữ hoàng, chúng tôi tin chắc rằng không một ai trong hoặc ngoài nghị viện có thể do dự trong việc phán đoán những quyền lợi ấy".

Nếu như "quyền lợi của người" của Tô-mát Pê-nơ bị công khai đốt cháy ở đất nước tự do và hạnh phúc này, thì cũng chẳng có gì là phải ngạc nhiên.

Còn một vở kịch vui ngắn của nghị viện được trình diễn cũng trong tối thứ tư ấy. Trong phiên họp thứ sáu tuần trước, ngài Bát đưa ra đề án cấm các thần dân Anh mua chứng khoán của Chính phủ Nga, ai vi phạm sẽ bị xử phạt, nhưng dự luật ấy chỉ nhằm vào công trái của Nga phát hành trong thời gian của cuộc chiến tranh này. Chính phủ Anh không đưa ra dự luật đó, nhưng không thể kiên quyết phản đối, vì rằng Bô-na-pác-tơ đã công bố trên tờ "Moniteur" một tin tức giả nói rằng hình như Chính phủ Anh tán thành quan điểm Bô-na-pác-tơ, xem việc nhận mua công trái Nga là một việc làm phi pháp. Do đó Pan-móc-xơ ủng hộ đề nghị của Bát, nhưng lại vấp phải sự phản đối khá mất lịch sự của ngài Uyn-xơ, một chủ xuất bản thông minh của tạp chí "Economist" và chánh văn phòng Bộ tài chính. Thế là chính cái ông Pan-móc-xơ ấy vào thứ hai đã biện bạch cho nội các liên hiệp, thứ ba đã không phát biểu tý gì và do đó thực tế đã bảo đảm cho thắng lợi của nội các liên hiệp, thì đến thứ tư không thể bỏ lỡ dịp đóng lại cái vai "một người đàn bà bị ức hiếp" của nội các. Ông ta lên cao giọng với vẻ quan trọng của một cô đồng có nam tính rằng, ông ta hoàn toàn bị nhiệt tình yêu nước của ông ta chi phối, cái nhiệt tình mà ông ta, một con người đáng thương hại bị ràng buộc bởi kỷ luật sắt của địa vị chính thức của ông ta, đã phải chịu đè nén trong suốt hai buổi tối. Những tiếng hoan hô nhiệt liệt không sao tránh khỏi của đám thính giả đáng kính bị lừa gạt đã át hẳn tiếng nói của ông.

"Dự luật này chỉ khẳng định một nguyên tắc là các thần dân Anh không được cung cấp cho người Nga kinh phí để tiến hành chiến tranh. Những lý do mà chánh văn phòng Bộ tài chính đưa ra đều mang xu hướng buộc chúng ta phải phế bỏ các sắc luật về tội phản quốc. Những luận cứ như thế là hoàn toàn vô nghĩa lý"

Cần vạch rõ rằng, chính con người ấy trong 24 năm nay đã áp đặt cho nước Anh một khoản công trái Nga - Hà Lan, và hiện nay là thành viên có ảnh hưởng nhất của một nội các vẫn còn trả cả vốn lẫn lãi cho thứ công trái ấy và do đó mà cung cấp cho ông ta - Pan-móc-xơ - "kinh phí để tiến hành chiến tranh"

*Do C.Mác viết ngày 28 tháng Bảy 1854
Đã đăng trên tờ "New-York Daily Tribune"
số 4152, ngày 9 tháng Tám 1854
Ký tên: Các Mác*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Anh
In toàn văn bằng tiếng Nga
lần đầu*

C.MÁC VÀ PH.ĂNG-GHEN

CUỘC CHIẾN TRANH BUỒN TẼ

Đã ngót một năm rồi, kể từ khi một đơn vị nhỏ của Thổ Nhĩ Kỳ gồm hai tiểu đoàn bộ binh đã vượt được sông Đa-nuýp ở gần Tuốc-tu-cai đối diện với Ôn-tê-nít-sa, họ xây dựng xong tuyến hào phòng ngự hậu địa ở đây, và khi bị quân Nga tiến công đã đẩy lùi được quân Nga sau một trận chiến đấu ngắn nhưng quyết liệt được mang danh hiệu vẻ vang là trận chiến đấu Ôn-tê-nít-sa với tư cách là cuộc đụng độ đầu tiên trong cuộc chiến tranh này. Ở đây quân Thổ Nhĩ Kỳ đã chiến đấu đơn độc với quân Nga, phía sau họ không có quân Anh hoặc quân Pháp làm đội hậu bị, mà thậm chí họ cũng không thể trông chờ sự chi viện nào của hạm đội liên quân. Tuy nhiên họ vẫn giữ vững được vị trí của mình trong hai tuần lễ ở vùng Ôn-tê-nít-sa thuộc Va-la-ki trên sông Đa-nuýp, và cả mùa đông ở vùng Ca-la-phát.

Từ đó Anh và Pháp đã tuyên chiến với Nga; họ đã nhiều lần tỏ rõ lòng dũng cảm, nhưng hiệu quả còn có chỗ đáng ngờ. Hạm đội Hắc Hải, hạm đội Ban-tích và lục quân Anh - Pháp ngót 10 vạn người sẵn sàng chi viện quân Thổ Nhĩ Kỳ hoặc thu hút lực lượng địch về phía mình. Còn kết quả của tất cả những cái đó, chúng ta chỉ thấy sự tái diễn của chiến sự ở Ôn-tê-nít-sa với quy mô lớn hơn, nhưng với thắng lợi hình như nhỏ hơn năm ngoái.

Quân Nga bao vây Xi-li-xtơ-ri. Trong cuộc bao vây, họ hành động không được sáng suốt, nhưng dũng cảm. Ngày này qua ngày khác, đêm này qua đêm khác, họ liên tiếp bị thất bại; không phải do quân địch tài giỏi hơn, không phải do sự có mặt của đại uý Bat-lơ và trung uý Nê-xmít, hai sĩ quan Anh đã cứu vãn Xi-li-xtơ-ri, như tờ "Times" nói. Không, họ thất bại vì sự hết sức dốt nát của quân Thổ Nhĩ Kỳ thậm chí không biết rằng, lô-cốt hoặc tường lũy giữ đến lúc nào đó thì không thể giữ lâu hơn nữa, lại cứ tiếp tục cố thủ từng tấc đất, từng mô đất mà

quân địch cố chiếm lấy. Ngoài ra, quân Nga còn bị thất bại vì sự ngu ngốc của tướng lĩnh của họ, vì bệnh dịch tả và sốt rét, và cuối cùng, vì tác động tinh thần do liên quân uy hiếp ở sườn bên trái và quân Áo ở sườn bên phải gây ra đối với họ. Khi chiến tranh mới bắt đầu, chúng tôi đã nêu rõ rằng quân Nga không thạo vây đánh chính quy, còn sự chỉ huy tồi các hoạt động quân sự ở Xi-li-xtơ-ri chỉ chứng tỏ rằng từ bấy đến nay họ chưa học hỏi được gì cả. Vì vậy, quân Nga đã thất bại; họ buộc phải rút lui hết sức nhục nhã như vậy; họ buộc phải bỏ dở cuộc vây đánh một cứ điểm chưa hoàn thiện đúng vào thời tiết thuận lợi nhất trong năm, đúng vào lúc mà quân đồn trú bị bao vây không thể trông chờ sự viện trợ nào từ bên ngoài. Cơ hội ấy trăm năm mới có một lần. Dù quân Nga có làm gì đi nữa trong mùa thu này, họ cũng đã thất bại và thất bại nhục nhã trong chiến dịch này.

Bây giờ chúng ta xét sang mặt khác của vấn đề. Xi-li-xtơ-ri đã được giải vây. Quân Nga đã rút về tả ngạn sông Đa-nuýp. Họ thậm chí sẵn sàng bỏ cả Đô-brút-gia và đang thực hiện từng bước việc đó. Hiéc-xô-va và Mét-sin bị phá hủy. Sông Xê-rét hình như là phòng tuyến được quân Nga chọn để bảo vệ đất đai của họ, chứ không phải để bảo vệ đất đai mà họ chiếm được. Lão già lấu cá người Crô-a-xi là Ô-me-rơ-pa-sa khi "vì nghĩa vụ" có thể im hơi lặng tiếng hoặc nói khoác chẳng kém ai, đã cử ngay một quân đoàn đến Đô-brút-gia, và một quân đoàn đến Ru-súc, như vậy là đồng thời bao vây hai sườn của quân Nga. Lúc đó có thể có những cách làm khác tốt hơn nhiều, song xem chừng lão già Ô-me-rơ biết rõ quân Thổ Nhĩ Kỳ và liên quân hơn chúng ta nhiều. Theo quan điểm quân sự thì tiến quân qua Đô-brút-gia hoặc Ka-la-ra-sơ đột kích vào tuyến giao thông của địch có lẽ đúng hơn, nhưng sau tất cả những tình hình mà chúng ta được biết, thì không nên trách Ô-me-rơ về việc đã bỏ lỡ dịp tốt. Mọi người đều biết rằng quân đội của ông ta được chu cấp rất kém về lương ăn, hầu như chẳng được cung cấp gì cả, cho nên không thể tiến hành một cuộc vận động nhanh chóng đến một nơi quá xa căn cứ hoặc mở ra những tuyến tác chiến mới. Những cuộc vận động như vậy khi do một quân đội sung túc lực lượng tiến hành thì sẽ đem lại kết quả có ý nghĩa quyết định; nhưng đối với một quân đội không đủ lực lượng, đang đói dở mà lại phải qua một vùng cần cỗi thì không đáng nói. Mọi người đều biết rằng Ô-me-rơ-pa-sa đã đến

Vác-na cầu cứu các tướng lĩnh của liên quân bây giờ đang chỉ huy 75000 lính tinh nhuệ đóng ở một nơi cách sông Đa-nuýp có bốn ngày đường; nhưng cả Xanh-Ác-nô lẫn Ra-glan đều cho rằng không cần đưa quân đến nơi có thể đụng đầu với địch. Do đó Ô-me-rơ không thể làm gì hơn điều ông ta đã làm. Ông cử 25000 người đến Đô-brút-gia và tự mình chỉ huy số còn lại đến Ru-súc. Ở đây, bộ đội của ông phải vượt qua hết bãi cát nọ đến bãi cát kia cho đến khi vượt sông Đa-nuýp, rồi bất ngờ tiến về bên trái, chiếm lấy Giuyéc-giê-vô từ phía sau lưng và đuổi quân Nga khỏi nơi này. Hôm sau quân Nga rút tới một cao điểm ở phía bắc Giuyéc-giê-vô, ở đó lại bị quân Thổ Nhĩ Kỳ tấn công. Một trận kịch chiến diễn ra, một trận kịch chiến hiểm thấy về số lượng sĩ quan Anh vì vinh quang mà tham chiến với những thành tích hiểm thấy, đã bị chết trong số những người đi đầu. Mỗi người trong số họ đều trúng đạn, nhưng chẳng mang lại lợi ích gì cho ai cả: nếu cho rằng chỉ nguyên cảnh tượng sĩ quan Anh tử trận có thể làm cho lính Thổ Nhĩ Kỳ trở thành vô địch thì quả là lỗ bịch. Dù sao thì ở đó cũng chỉ có lực lượng tiền quân của Nga - một lữ đoàn gồm trung đoàn Cô-lư-van và trung đoàn Tôm-xơ, - đã bị đánh bại, còn quân Thổ Nhĩ Kỳ thì đã củng cố được vị trí của họ trên bờ sông Đa-nuýp thuộc vùng Va-la-ki. Họ bắt tay ngay vào việc củng cố công sự và dĩ nhiên biến nó thành một trận địa đáng gờm, vì có công binh Anh cùng làm với họ, mà bản thân họ cũng đã chứng tỏ ở Ca-la-phát rằng họ hoàn toàn đảm đương được việc đó. Nhưng cho tới nay họ mới chỉ đi được đến đó và không tiến thêm được bước nào. Chính hoàng đế Áo, người cố gắng đóng vai trò ngoài cuộc đến vậy trong suốt tám tháng qua, đột nhiên lại can thiệp vào việc. Vì người ta đã hứa với ông ta là các công quốc thuộc vùng sông Đa-nuýp sẽ cung cấp cho quân đội của ông ta, và ông ta muốn nhận lấy những công quốc ấy. Quân Thổ Nhĩ Kỳ ở đấy làm gì? Hãy để họ trở về Bun-ga-ri. Vì vậy Công-xtăng-ti-nô-plơ đã ra lệnh cho quân Thổ Nhĩ Kỳ rút khỏi tả ngạn sông Đa-nuýp và phó mặc "toàn bộ mảnh đất không lớn lắm ấy" cho lính Áo. Ngoại giao cao hơn chiến lược. Dù có xảy ra chuyện gì, Áo vẫn có ý định bảo vệ biên giới của mình bằng cách chiếm đóng mấy thước đất ở ngoài biên giới ấy; và trước cái mục đích quan trọng này, ngay cả những biện pháp xét về quan điểm quân sự là cần thiết cũng bị đẩy xuống hàng thứ yếu. Chẳng lẽ Ô-me-rơ-pa-sa chẳng phải là một tên lính đào ngũ của Áo đó

sao? Mà nước Áo thì không bao giờ quên cái gì cả. Ở Séc-nô-gô-ri-a, Áo đã từng ngăn cản tiến trình thắng lợi của Ô-me-rơ-pa-sa, giờ đây nó diễn lại trò cũ để cho cái con người thay lòng đổi dạ ấy cảm thấy rằng mình vẫn còn nghĩa vụ của bề tôi đối với đức vua hợp pháp của mình.

Tường thuật tỉ mỉ các hoạt động quân sự trong giai đoạn này là hoàn toàn vô ích. Những hành động chiến đấu không có ý nghĩa lớn về mặt chiến thuật; đó là những cuộc tấn công chính diện đơn giản, trực tiếp, sự điều động quân đội của cả hai bên là do động cơ ngoại giao hơn là động cơ chiến lược chi phối. Rất có khả năng là chiến dịch sẽ kết thúc mà không có hoạt động quân sự lớn nào, vì rằng ở vùng Đa-nuýp không hề có sự chuẩn bị gì cho cuộc tấn công lớn, còn như việc đánh chiếm Xê-va-xtô-pôn - mà chúng ta nghe đến phát ngáy - có lẽ sẽ bị hoãn lại, bấy giờ mùa đông sẽ đến thì buộc phải lùi đến sang năm.

Tất cả những người mang quan điểm bảo thủ ở châu Âu dường như đã thay đổi quan điểm của mình trước sự bế tắc của vấn đề phương Đông. Đã sáu chục năm rồi mà cả châu Âu rõ ràng là không giải quyết nổi cuộc tranh chấp nhỏ bé ấy. Rút cục Pháp, Anh và Nga đã lao vào chiến tranh. Họ đã tiến hành chiến tranh 6 tháng rồi nhưng cho tới nay, trừ những trận đánh do sai lầm hoặc những trận đánh có quy mô rất nhỏ, họ chưa giao chiến thực sự. Ở Vác-na có 8 đến 9 vạn lính Anh và Pháp dưới quyền chỉ huy của cựu bí thư quân vụ của lão tướng Oen-lin-tơn^{1*} và của thống chế Pháp^{2*} (mà những chiến công xuất sắc nhất ông ta đã lập được ở các hiệu cầm đồ ở Luân Đôn); quân Pháp không hoạt động gì, còn quân Anh thì hết sức giúp đỡ họ về mặt này; và có lẽ họ cho rằng cách hoạt động đó, có thể, không vẻ vang lắm, nên các hạm đội cũng tiến vào bến cảng ở Ban-sích để nom dòm và tìm hiểu xem trong hai quân đội đó bên nào đáng hưởng thụ cái dolce far niente^{3*} ấy hơn. Tuy đến nay liên quân chỉ ngồi chén số lương thực dự trữ mà quân Thổ Nhĩ Kỳ đặt hy vọng vào, và trong hai tháng trời ngày

1* - Ra-glan

2* - Xanh-Ác-nô

3* - Thú nhàn hạ

nào cũng ăn không ngồi rồi ở Vác-na, họ vẫn chưa sẵn sàng thi hành chức trách của mình. Nếu như trông chờ vào họ, thì đến tháng Năm năm sau họ mới giải vây cho Xi-li-xơ-ri. Chính quân ấy đội đã chinh phục An-giê-ri và đã nghiên cứu lý luận và thực tiễn chiến tranh ở một trong những chiến trường phức tạp nhất¹⁹⁷, chính những binh sĩ ấy đã từng tác chiến chống người Xích trên các bờ cát của sông Ấn và chống người Ca-phơ trong những lùm gai góc ở Nam Phi¹⁹⁸ là những nước đã man hơn Bun-ga-ri nhiều, - chính những binh sĩ ấy giờ đây lại chịu bó tay, vô tác dụng, không làm nên trò trống gì ở một nước thậm chí còn đem xuất khẩu lúa mì!

Nhưng nếu như liên quân không thể khoe khoang về chiến công của mình, thì về phía quân Nga, tình hình cũng chẳng hơn gì. Quân Nga có đầy đủ thời gian để chuẩn bị. Họ đã làm tất cả những gì có thể làm được, vì rằng ngay từ đầu họ đã biết sẽ gặp phải một sự chống cự như thế nào. Thế thì họ đã tỏ rõ tài năng ở chỗ nào? Chẳng ở chỗ nào cả. Họ không thể giành được của quân Thổ Nhĩ Kỳ một tấc đất nào mà họ cố giành lấy; họ đã không thể chiếm được Ca-la-phát; họ không thể đánh bại được quân Thổ Nhĩ Kỳ trong trận nào cả. Mà đây chính là quân Nga dưới quyền chỉ huy của Mi-ních và Xu-vô-rốp, đã từng chinh phục miền duyên hải Hắc Hải từ sông Đông đến sông Đni-e-xơ-rơ. Tuy Sin-đec không phải là Mi-ních, còn Pa-xkê-vích không phải là Xu-vô-rốp, và tuy lính Nga chịu đựng được roi vọt nhiều hơn bất cứ binh lính nước nào khác, nhưng nếu như cứ phải thường xuyên rút lui, thì họ cũng sẽ mất tính kiên cường của mình như bất kể binh lính nước nào khác.

Sự thực là, cái châu Âu bảo thủ - châu Âu của "trật tự, tài sản, gia đình và tôn giáo" - châu Âu của bọn vua chúa, phong kiến và tư bản, dù cho quan hệ giữa họ với nhau khác nhau ở mỗi nước, - lại bộc lộ sự bất lực hoàn toàn của mình. Mặc dù châu Âu đã mục nát rồi, chiến tranh vẫn phải thúc tỉnh những nhân tố lành mạnh của nó, vẫn phải khai thác lại những lực lượng tiềm tàng của nó. Trong số 25 triệu người, đương nhiên, cũng có những người tiến hành một cuộc đấu

tranh thực sự, trong đó cả hai bên đều có thể giành được cái vinh dự mà trí tuệ và sức mạnh đem lại trên chiến trường. Nhưng không, chẳng những nước Anh tư sản và nước Pháp Bô-na-pác-tơ không tiến hành nổi một cuộc chiến tranh thực sự, kiên quyết và ngoan cường; nhưng ngay cả nước Nga là nước ở châu Âu ít chịu ảnh hưởng nhất của "nền văn minh vô thần và làm mềm yếu con người", cũng không làm được điều đó. Quân Thổ Nhĩ Kỳ giỏi về hành động tấn công bất ngờ và thạo chống cự ngoan cường khi phòng ngự; nhưng rõ ràng là, không thích ứng được với những hoạt động hiệp đồng quy mô lớn và phức tạp của những binh đoàn lớn. Vì vậy, tất cả đều bị hạn chế trong sự bất lực, ở chỗ thừa nhận lẫn nhau là cùng suy yếu, một sự suy yếu mà chẳng bên nào ngạc nhiên cả. Nếu các chính phủ hiện nay còn tồn tại, thì cuộc chiến tranh phương Đông này có thể kéo dài ba mươi năm nữa mà vẫn không đem lại kết quả gì.

Nhưng trong khi các nhóm cầm quyền chính thức ở khắp châu Âu tỏ rõ sự bất lực của mình, thì ở miền tây - nam của lục địa này đã nổi lên một phong trào, nó chứng tỏ ngay rằng vẫn còn có một lực lượng khác có tác dụng tích cực hơn. Dù rằng tính chất thực sự và kết quả của cuộc khởi nghĩa ở Tây Ban Nha ra sao, chúng ta vẫn có thể khẳng định rằng quan hệ của nó với cách mạng sau này cũng giống như quan hệ giữa phong trào ở Thụy Sĩ và ở I-ta-li-a năm 1847 với cuộc cách mạng năm 1848¹⁹⁹. Hai nhân tố quan trọng đã xuất hiện trong cuộc khởi nghĩa này. Một là, quân đội - thực sự thống trị trên lục địa từ năm 1849 - đã bị chia rẽ trong nội bộ và đã cự tuyệt sứ mệnh giữ gìn trật tự của mình để chống đối chính phủ và thực hiện chủ trương của mình. Kỷ luật đã dạy quân đội nhận thức được quyền lực của mình, mà chính quyền lực ấy lại làm yếu kỷ luật. Hai là, chúng ta là người chứng kiến cuộc chiến đấu trên chiến lũy thắng lợi. Từ tháng Sáu 1848²⁰⁰, ở đâu xây dựng những chiến lũy thì cho đến nay đều không có tác dụng. Chiến lũy là hình thức chống lại quân đội của dân cư thành phố lớn, dường như hoàn toàn không đạt được mục đích. Thiên kiến ấy hiện nay bị đánh đổ rồi. Chúng ta lại trông thấy những chiến lũy trên đường phố

đem lại thắng lợi và không gì phá vỡ được. Câu thần chú đã bị phá bỏ. Một thời kỳ cách mạng mới có thể đến; và đặc biệt là, trong khi quân đội của chính phủ các nước châu Âu tỏ ra không thích hợp với cuộc chiến tranh hiện nay, thì chúng lại bị dân cư thành thị khởi nghĩa đánh bại.

*Do C.Mác và Ph.Ăng-ghen viết ngày 29 tháng Bảy đến ngày 1 tháng Tám 1854
Đã đăng làm xã luận trên tờ "New-York Daily Tribune" số 4159, ngày 17 tháng Tám 1854*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Anh*

C.MÁC

Ê-XPÁC-TE-RÔ

Một đặc điểm nổi bật của tất cả các cuộc cách mạng là chính lúc nhân dân hình như đã đứng ở ngưỡng cửa của những sự nghiệp vĩ đại, chính lúc họ phải mở ra một thời đại mới, thì họ lại dễ cho mình bị lôi cuốn bởi những ảo tưởng của quá khứ và tự nguyện nhường lại toàn bộ cái quyền lực rất khó khăn mới giành được, toàn bộ ảnh hưởng của mình cho các đại biểu - thực sự hay giả - của phong trào nhân dân thời kỳ đã qua. Ê-xpác-te-rô là một trong những người của quá khứ mà nhân dân quen cống trên lưng mình trong những giờ phút xảy ra các cuộc khủng hoảng xã hội và sau đó khó bề tự giải thoát khỏi họ, giống như thủy thủ Xanh-đơ-bát khó bề tự giải thoát khỏi lão già độc ác dùng chân kẹp lấy cổ anh ta. Bạn hãy hỏi một người Tây Ban Nha thuộc cái gọi là trường phái tiến bộ rằng, tác dụng chính trị của Ê-xpác-te-rô như thế nào, thì anh ta không do dự gì mà trả lời bạn rằng.

"Ê-xpác-te-rô là hiện thân của sự thống nhất của phái tự do vĩ đại; Ê-xpác-te-rô rất được lòng người, vì ở nhân dân mà ra; danh tiếng của ông chỉ phục vụ sự nghiệp của phái tiến bộ".

Ông ta, đúng thực là con trai một người thợ thủ công leo lên đến chức nhiếp chính Tây Ban Nha; tham gia quân đội làm lính trơn, ông ta rời quân ngũ với cấp nguyên soái. Nhưng nếu như ông ta tượng trưng cho sự thống nhất của đảng tự do vĩ đại, thì hình như chỉ là một sự tầm thường trong đó trung hòa mọi sự cực đoan. Còn như cái danh tiếng của phái tiến bộ, thì có thể nói không ngoa rằng, nó sẽ chấm dứt vào lúc mà nó chuyển từ toàn bộ quần chúng của phái ấy sang cá nhân của con người ấy.

Sự việc cho tới nay chưa ai bóc trần được cái bí quyết thành công của Ê-xpác-te-rô, là một bằng chứng tốt nhất về tính chất nước đôi và hiểm có của thắng lợi ấy. Trong khi bạn bè của ông ta đưa đẩy bằng những lời nói bóng gió mập mờ, thì kẻ thù của ông ta ám chỉ đặc điểm

đem lại thắng lợi và không gì phá vỡ được. Câu thần chú đã bị phá bỏ. Một thời kỳ cách mạng mới có thể đến; và đặc biệt là, trong khi quân đội của chính phủ các nước châu Âu tỏ ra không thích hợp với cuộc chiến tranh hiện nay, thì chúng lại bị dân cư thành thị khởi nghĩa đánh bại.

*Do C.Mác và Ph.Ăng-ghen viết ngày 29 tháng Bảy đến ngày 1 tháng Tám 1854
Đã đăng làm xã luận trên tờ "New-York Daily Tribune" số 4159, ngày 17 tháng Tám 1854*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Anh*

C.MÁC

Ê-XPÁC-TE-RÔ

Một đặc điểm nổi bật của tất cả các cuộc cách mạng là chính lúc nhân dân hình như đã đứng ở ngưỡng cửa của những sự nghiệp vĩ đại, chính lúc họ phải mở ra một thời đại mới, thì họ lại dễ cho mình bị lôi cuốn bởi những ảo tưởng của quá khứ và tự nguyện nhường lại toàn bộ cái quyền lực rất khó khăn mới giành được, toàn bộ ảnh hưởng của mình cho các đại biểu - thực sự hay giả - của phong trào nhân dân thời kỳ đã qua. Ê-xpác-te-rô là một trong những người của quá khứ mà nhân dân quen cống trên lưng mình trong những giờ phút xảy ra các cuộc khủng hoảng xã hội và sau đó khó bề tự giải thoát khỏi họ, giống như thủy thủ Xanh-đơ-bát khó bề tự giải thoát khỏi lão già độc ác dùng chân kẹp lấy cổ anh ta. Bạn hãy hỏi một người Tây Ban Nha thuộc cái gọi là trường phái tiến bộ rằng, tác dụng chính trị của Ê-xpác-te-rô như thế nào, thì anh ta không do dự gì mà trả lời bạn rằng.

"Ê-xpác-te-rô là hiện thân của sự thống nhất của phái tự do vĩ đại; Ê-xpác-te-rô rất được lòng người, vì ở nhân dân mà ra; danh tiếng của ông chỉ phục vụ sự nghiệp của phái tiến bộ".

Ông ta, đúng thực là con trai một người thợ thủ công leo lên đến chức nhiếp chính Tây Ban Nha; tham gia quân đội làm lính trơn, ông ta rời quân ngũ với cấp nguyên soái. Nhưng nếu như ông ta tượng trưng cho sự thống nhất của đảng tự do vĩ đại, thì hình như chỉ là một sự tầm thường trong đó trung hòa mọi sự cực đoan. Còn như cái danh tiếng của phái tiến bộ, thì có thể nói không ngoa rằng, nó sẽ chấm dứt vào lúc mà nó chuyển từ toàn bộ quần chúng của phái ấy sang cá nhân của con người ấy.

Sự việc cho tới nay chưa ai bóc trần được cái bí quyết thành công của Ê-xpác-te-rô, là một bằng chứng tốt nhất về tính chất nước đôi và hiểm có của thắng lợi ấy. Trong khi bạn bè của ông ta đưa đẩy bằng những lời nói bóng gió mập mờ, thì kẻ thù của ông ta ám chỉ đặc điểm

nào đó của đời tư của ông ta để nói rằng ông ta chẳng qua chỉ là một con bạc gặp vận đỏ. Đủ thấy cả bạn lẫn thù của ông ta đều không xác định được mối quan hệ lô-gích nào đó giữa, một bên là con người ông ta với một bên là vinh dự và tiếng tăm của ông ta.

Những chiến công của Ê-xpác-te-rô còn phải bàn cãi như thế nào, thì những sai lầm về chính trị của ông ta không phải bàn cãi như thế ấy. Trong quyển tiểu sử Ê-xpác-te-rô dày cộp do ngài đơ Phlô-rê-xơ²⁰¹ biên soạn, có nói nhiều đến tinh thần chiến đấu dũng cảm và tài chỉ huy mà ông ta đã biểu hiện ở các tỉnh Sác-ca-xơ, La-Pa-xơ, A-rê-ki-pa, Pô-tô-xi và Cô-sam-ba-bam, nơi mà ông ta đã chiến đấu dưới quyền chỉ huy của tướng Mô-ri-lô là người nhận sứ mệnh kéo các nước Nam Mỹ trở lại dưới nền thống trị của quốc vương Tây Ban Nha. Song cái biệt hiệu "lãnh tụ của A-i-a-cu-sô" tặng cho bản thân ông ta, và cái tên nhạo "hội A-i-a-cu-sô" tặng cho phe cánh của ông ta - ám chỉ cuộc thất bại trong trận đánh ở A-i-a-cu-sô trong đó Tây Ban Nha bị mất hẳn Pê-ru và Nam Mỹ²⁰², đủ nói lên ấn tượng chung mà các chiến công của ông ta ở châu Mỹ đã để lại trong đầu óc dễ xúc động của đồng bào ông ta. Quả vậy, ông ta là một vị anh hùng rất khác đời, đã nhận được cái biệt hiệu có tính chất lịch sử của mình không phải nhờ thắng lợi, mà là nhờ thất bại. Trong bảy năm chiến tranh với phái Các-lốt, ông ta chưa lần nào nổi danh bằng một trận đánh táo bạo giống như những trận chiến đấu đã nhanh chóng đem lại cho địch thủ của ông ta là Nác-va-e-xơ cái danh tiếng là dũng sĩ tối luyện như thép. Không nghi ngờ gì nữa, ông ta có thiên tài lợi dụng được tốt nhất những thành công nhỏ nhất, nhưng nếu như Ma-rô-tô đem bán rẻ cho ông ta những lực lượng cuối cùng của người rắp ranh ngôi vua, thì đó là việc hoàn toàn ngẫu nhiên, còn cuộc bạo động của Ca-brê-ra năm 1840 chẳng qua chỉ là ý đồ muợn mần nhằm làm sống lại cái thầy ma của chủ nghĩa Các-lốt²⁰³. Bản thân ngài Đơ Mác-li-a-ni, nhà sử học đương thời của Tây Ban Nha và người sùng bái Ê-xpác-te-rô, buộc phải thừa nhận rằng, cuộc chiến tranh bảy năm này chỉ có thể được so sánh với các cuộc chiến tranh phong kiến giữa các chủ lãnh địa nhỏ Gô-lơ vào thế kỷ thứ X, khi mà thành công không phải là kết quả của thắng lợi²⁰⁴. Ngoài ra, điều không may là, trong tất cả các chiến tích của Ê-xpác-te-rô ở Tây Ban Nha, ấn tượng

rõ ràng nhất còn lưu lại nếu không phải là thất bại theo ý nghĩa đầy đủ của từ đó, thì ít ra cũng là hành động hoàn toàn kỳ quặc đối với vị anh hùng của tự do: ông ta nổi danh bằng cuộc bắn phá các thành phố, mà chính là Bác-xê-lô-na và Xê-vi-li-na. Nếu như người Tây Ban Nha, - một nhà văn²⁰⁵ nói, - muốn mô tả Ê-xpác-te-rô như vị thần Mác, thì họ sẽ gán cho vị thần này cái hình tượng là kẻ phá hủy các bức tường".

Năm 1840 khi Cri-xti-na buộc phải bỏ chức quan nhiếp chính và trốn khỏi Tây Ban Nha, thì Ê-xpác-te-rô bất chấp nguyện vọng của tuyệt đại bộ phận phái tiến bộ, đã nhận quyền lực tối cao trong khuôn khổ chế độ nghị viện. Ông ta sắp đặt xung quanh mình những nhân vật đại loại như bọn gian thần và tự sắm vai nhà độc tài quân sự, về thực chất không muốn vượt cao hơn mức độ của một nhà quân chủ lập hiến thông thường. Phái Mo-de-rac-dốt²⁰⁶ được sự tin dùng của ông ta hơn là phái tiến bộ trước đây, trừ một số ngoại lệ hãn hữu, đã bị cất chức. Không hòa hoãn được kẻ thù của mình, ông ta còn xa dần bạn bè của mình. Không có trong mình dũng khí đập tan xiềng xích của chế độ nghị viện, ông ta không thể tiếp nhận nó, cũng không thể lợi dụng nó, biến nó thành vũ khí để hành động. Trong ba năm của nền độc tài của ông ta, do những sự thỏa hiệp không có giới hạn, tinh thần cách mạng dần dần bị dè bẹp, và sự chia rẽ trong phái tiến bộ mà không ai ngăn chặn đã sâu sắc đến mức phái ôn hòa có thể cướp lại toàn bộ chính quyền bằng coup main^{1*}. Như thế là Ê-xpác-te-rô bị sa sút uy tín đến mức ngay đại sứ ở Pa-ri do ông ta bổ nhiệm cũng thông đồng với Cri-xti-na và Nác-va-e-xơ, chống lại ông ta; ông ta đã bất lực đến mức không thể đối phó được với những mưu mô thâm hại và trò bịp vặt vĩnh cửu của Lu-i Phi-líp. Ông ta không hiểu tình cảnh của mình đến mức đã khinh suất cố chống lại dư luận đang chỉ chờ lý do để tiêu diệt ông ta.

Tháng Năm 1843, khi ông ta đã mất hết uy tín, ông ta vẫn giữ Li-na-gê, Xuốc-ba-nô và những thành viên khác của nhóm gian thần quân sự của mình ở chức vụ của chúng, mặc dầu người ta kiên quyết đòi phải cách chức chúng; ông ta đã giải tán nội các Lô-pe-xơ đang

1* - đồn tập kích bất ngờ

chiếm đại đa số ở viện dân biểu, và ngoan cố cự tuyệt ra lệnh ân xá cho các phần tử ôn hòa bị đi đày, điều mà lúc đó tất cả - nghị viện, nhân dân và bản thân quân đội - đều đòi hỏi. Việc yêu cầu ân xá hoàn toàn chứng tỏ rằng sự cai trị của ông ta đã bị tất cả mọi người chán ghét. Thế là cả một cơn bão táp chính biến đột nhiên chống lại "bạo chúa Ê-xpác-te-rô" đã rung chuyển từ đầu chí cuối bán đảo; về tốc độ phát triển, phong trào này chỉ có thể so sánh với phong trào hiện nay. Phái ôn hòa và phái tiến bộ đã liên hợp lại vì mục đích chung - nhằm thoát khỏi kẻ nhiếp chính. Cuộc khủng hoảng làm cho ông ta trở tay không kịp, giờ phút quyết định đến vào lúc ông ta chưa kịp chuẩn bị gì.

Nác-va-e-xơ cùng với Ố Đôn-nen, Côn-sa và Pê-xu-e-la đổ bộ ở Valen-xi-a với một dăm người. Về phía họ, ngay từ đầu đã biểu hiện sự nhanh chóng trong hành động, lòng dũng cảm có suy nghĩ, nghị lực và quyết tâm. Về phía Ê-xpác-te-rô là sự dao động hèn yếu, sự chậm chạp tai hại, sự ngập ngừng uể oải, sự yếu đuối vô tâm. Trong khi Nác-va-e-xơ bỏ cuộc bao vây Tê-ru-en và tiến về A-ra-gông, thì Ê-xpác-te-rô rời Ma-đrít và tiêu ma mấy tuần ở An-ba-xê-tơ vào sự án binh bất động không sao giải thích được. Khi Nác-va-e-xơ tranh thủ được các quân đoàn của Xê-ô-a-nơ và Xuốc-ba-nô ở Toóc-rê-khôn và tiến về Ma-đrít, thì Ê-xpác-te-rô, rút cục, mới hợp nhất được với Van-Ha-len và mở một trận pháo kích vô ích và làm cho người ta cảm phần vào Xê-vi-li-a. Sau đó, ông ta rút nhanh chóng hết vị trí này đến vị trí khác, mỗi chặng lại mất thêm những đơn vị mới cho đến khi, cuối cùng, ông ta đã tới bờ biển. Khi ông ta xuống tàu ở Ca-đi-xơ, thì thành phố này - thành phố cuối cùng còn sót lại của phe cánh của ông ta, - cũng vĩnh biệt người anh hùng của mình bằng sự phản đối. Một người Anh sống ở Tây Ban Nha trong thời gian của thảm họa này đã miêu tả rõ nét "chiếc thang trượt" những thành công của Ê-xpác-te-rô:

"Đây không phải là sự sụp đổ chớp nhoáng và khủng khiếp sau cuộc chiến đấu gay go, mà là một sự xuống dốc chậm rãi từng bước một, không hề có dấu tranh, từ Ma-đrít đến Xuy-da-dơ Rê-an, từ Xuy-da-dơ Rê-an đến An-ba-xê-tơ, từ An-ba-xê-tơ đến Coóc-đô-va và Coóc-đô-va đến Xê-vi-li-a, từ Xê-vi-li-a đến Pu-éc-tô-dơ Xan-ta-Ma-ri-a, rồi lại từ đây đến đại dương bao la. Ông ta đã rời từ chỗ được sùng bái xuống chỗ được trung thành phẫn khởi, từ chỗ được trung thành xuống chỗ được ngưỡng mộ, từ chỗ được ngưỡng mộ xuống chỗ được kính trọng, từ chỗ được kính trọng xuống chỗ bị lạnh nhạt, từ chỗ bị lạnh nhạt xuống chỗ bị khinh rẻ, từ chỗ bị khinh rẻ xuống chỗ bị oán ghét, mà sự oán ghét đã ném ông ta xuống biển."

Làm thế nào Ê-xpác-te-rô lại có thể trở thành cứu tinh của quốc gia và "thanh kiếm của cách mạng", như người ta gọi ông ta? Sự việc đó sẽ hoàn toàn không hiểu được, nếu như không có 10 năm thống trị của thế lực phản động, trong đó Tây Ban Nha rên xiết dưới nền độc tài tàn bạo của Nác-va-e-xơ và dưới xiềng xích của bọn sủng thần của nữ hoàng thế chân Ê-xpác-te-rô. Những thời kỳ phản động tàn khốc kéo dài có đặc tính lạ lùng là làm khôi phục lại uy tín cho những lãnh tụ bị thất bại trong cách mạng, đã ngã xuống. Trí tưởng tượng của một dân tộc càng lớn, - mà có nơi nào trí tưởng tượng lại lớn hơn ở miền Nam châu Âu, - thì nguyện vọng của họ đem nhân vật hiện thân cho cách mạng chống lại nhân vật hiện thân cho sự chuyên chế càng mãnh liệt. Vì không thể bỗng dưng tạo ngay ra được một nhân vật như thế, nhân dân cho sống lại những anh hùng lỗi thời trong các phong trào trước kia của mình. Chẳng phải chính Nác-va-e-xơ suýt định tâm trở thành nổi tiếng nhờ Xác-tô-ri-út đó sao? Ê-xpác-te-rô đó khái hoàn trở về Ma-đrít ngày 29 tháng Bảy không phải là một nhân vật có thực; đấy chỉ là một u hồn, một cái tên gọi, một ký ức mà thôi.

Phải công bằng mà nhớ lại rằng Ê-xpác-te-rô chưa hề tự xưng là gì, ngoài nhà quân chủ lập hiến; nếu như về điểm này còn có sự hoài nghi nào đó, thì sự hoài nghi ấy phải tiêu tan khi điểm lại trong những năm lưu vong, ông ta đã được tiếp đãi nồng nhiệt như thế nào ở lâu đài Uyn-dơ và trong giai cấp thống trị Anh. Khi ông ta tới Luân Đôn, toàn bộ giai cấp quý tộc đứng đầu là Oen-lin-tơn và Pan-móc-xtơn kéo đến nhà ông. A-bóc-đin với tư cách bộ trưởng Bộ ngoại giao đã mời ông ta bệ kiến nữ hoàng; thị trưởng và các Ôn-đéc-men ở Thành phố đã mở tiệc hoan nghênh ông ta ở Men-sen-hau-dơ²⁰⁷; khi mọi người đều biết rằng vị Xin-xin-nát Tây Ban Nha tiêu ma thời gian rỗi rãi của mình trong công việc trồng vườn, thì không có hội thực vật, làm vườn hoặc nông học nào mà lại không sốt sắng mời ông ta làm hội viên danh dự. Ông ta đích thực là con sư tử giữa thủ đô. Cuối năm 1847, việc ân xá đã đưa về tổ quốc những người Tây Ban Nha bị trục xuất, còn Ê-xpác-te-rô được cử làm thượng nghị sĩ theo chỉ dụ của nữ hoàng I-a-be-la. Nhưng ông ta không rời nước Anh trước khi nữ hoàng Vích-tô-ri-a mời ông ta và công tước phu nhân của ông ta tới dự yến và đồng thời cho ông ta cái vinh dự chưa từng thấy là được ngủ một đêm

ở lâu đài Uyn-dơ. Quả thực, có thể cho rằng cái vinh quang bao trùm cá nhân ông ta ấy, phần nào xuất phát từ quan điểm cho rằng hình như Ê-xpác-te-rô trước kia cũng như hiện nay vẫn là đại diện cho lợi ích của Anh ở Tây Ban Nha. Cũng đúng khi cho rằng, việc biểu dương chào mừng Ê-xpác-te-rô trên mức độ nào đó lại là sự thị uy chống lại Lu-i Phi-líp.

Trở về Tây Ban Nha, các đoàn đại biểu và những lời chúc tụng không để cho ông ta nhích qua được, còn thành phố Bác-xê-lô-na thì cử đặc sứ đến gặp ông ta với nhiệm vụ phải bào chữa cho hành động không thỏa đáng của mình năm 1843. Nhưng trong thời kỳ bất hạnh từ tháng Giêng 1846 cho đến các sự kiện vừa rồi, có ai nghe thấy nhắc đến tên ông ta không? Bản thân ông ta có lên tiếng trong thời kỳ lạng lẽ như chết ấy của Tây Ban Nha bị nhục hay không? Ai đã biết, dù chỉ là một hành động phản kháng yêu nước của ông ta chẳng? Ông ta thân nhiên ẩn dật tại trang trại của mình ở Lô-grô-ni-ô, trồng rau và hoa và chờ thời. Ông ta thậm chí không tham gia cách mạng, khi mà bản thân cách mạng chưa tìm đến ông ta. Ông ta còn vượt cả chính Ma-hô-mét. Ông ta chờ núi đến với ông ta, và quả thực núi đã đến. Song, phải nhắc đến một ngoại lệ. Khi Cách mạng tháng Hai^{1*} bùng nổ, và theo sau là sự rung chuyển rộng khắp ở châu Âu, ông ta đã xúi giục ngài Đơ Prin-xi-pê và một số người bạn khác cho công bố một cuốn sách nhỏ nhan đề "Ê-xpác-te-rô, quá khứ, hiện tại và tương lai của ông"²⁰⁸ với mục đích nhắc nhở Tây Ban Nha rằng, đất nước này vẫn là chốn nường thân của con người của quá khứ, hiện tại và tương lai. Vì phong trào cách mạng ở Pháp bị suy sụp nhanh chóng, nên con người của quá khứ, hiện tại và tương lai lại bị lãng quên đi.

Ê-xpác-te-rô sinh ra ở Gra-na-tu-la thuộc La Man-sơ, và, giống như người đồng hương nổi tiếng của mình^{2*}, ông ta cũng có ý nghĩa luôn luôn ám ảnh trong tâm trí của mình - hiến pháp, và Đun-xi-ni-a Tô-bốt-xô của mình là nữ hoàng I-da-be-la. Ngày 8 tháng Giêng 1848, khi từ nơi lưu vong ở anh trở về Ma-đrít, ông ta được bộ kiến nữ hoàng và, lúc từ biệt, ông ta có nói:

1* - năm 1848

2* - Đông-Ki-sốt ở La Măng-sơ

"Xin nữ hoàng hãy gọi thần khi người cần một bàn tay để bảo vệ người, hoặc một trái tim để yêu thương người".

Thế là giờ đây nữ hoàng đã vời ông ta đến, và chàng hiệp sĩ lãng du của Người đã đến liền, làm dịu làn sóng cách mạng, làm tê liệt nghị lực của quần chúng bằng sự bình tĩnh bịp bợm của mình, cho Cri-xti-na, Xan-Lu-i-xơ và bọn thân tín có chỗ lánh nạn trong triều đình và tuyên truyền rầm rĩ về sự tin tưởng vững chắc của mình đối với những lời phán của I-da-be-la vô tội.

Như mọi người đều biết, nữ hoàng chí tôn, mà diện mạo, nghe nói, mỗi năm càng giống lạ lùng với diện mạo của Phéc-đi-năng VII để lại ấn tượng xấu, đã tuyên bố đến tuổi thành niên vào ngày 15 tháng Mười một 1843. Ngày 21 tháng Mười một cùng năm, nữ hoàng mới tròn 13 tuổi. Ô-lô-xa-ga - mà Lô-pe-xơ cử làm người giám hộ của nữ hoàng trong ba tháng - đã thành lập một nội các không được lòng bọn gian thần và nghị viện, mới được bầu ra trước đó ít lâu dưới ảnh hưởng của thắng lợi ban đầu của Nác-va-e-xơ. Ông ta muốn giải tán nghị viện và đạt được một sắc lệnh không đề rõ ngày tháng do nữ hoàng ký cho ông ta có toàn quyền ấy. Tối ngày 28 tháng Mười một chính tay nữ hoàng trao cho Ô-lô-xa-ga văn kiện ấy. Tối ngày 29, Ô-lô-xa-ga lại tiếp chuyện nữ hoàng; nhưng ông vừa từ biệt nữ hoàng, thì một trong các trợ lý bộ trưởng đến dinh ông ta, báo tin ông ta bị cách chức và tước lại bản sắc lệnh mà dường như ông ta đã cưỡng bức nữ hoàng ký. Ô-lô-xa-ga vốn là luật sư, rất giáo quyệt nên không thể bị rơi vào bẫy một cách dễ dàng như vậy. Ông ta chỉ trao trả văn kiện vào ngày hôm sau khi đã đưa cho ít ra là 100 nghị sĩ xem, để chứng minh rằng, nữ hoàng đã ký với nét chữ quen thuộc, bình thường. Ngày 13 tháng Chạp, Gôn-xa-lét Bra-vô, được chỉ định làm thủ tướng, đã triệu tập chủ tịch các nghị viện, các nhân vật chủ yếu ở Ma-đrít, Nác-va-e-xơ, hầu tước đơ la Xan-ta-Cru-xơ và những người khác nữa đến bệ kiến nữ hoàng, để nữ hoàng có thể giải thích về cuộc hội kiến giữa Người với Ô-lô-xa-ga diễn ra vào tối ngày 28 tháng Mười một. Nữ hoàng nhỏ bé ngây thơ đưa họ vào phòng mà Người đã tiếp Ô-lô-xa-ga, và, để khuyên răn họ, đã diễn ra rất sinh động nhưng hơi quá đáng một màn kịch nhỏ. Và người diễn lại cảnh Ô-lô-xa-ga đã cài then cửa như thế nào, nín áo Người như thế nào, buộc

Người ngồi xuống như thế nào, kéo tay Người như thế nào, buộc Người ký vào sắc lệnh như thế nào, - tóm lại, đã xúc phạm đến sự tôn nghiêm của nữ hoàng như thế nào. Trong khi đang diễn màn kịch ấy, Gôn-xa-lét Bra-vô ghi lại sự trình bày của nữ hoàng, còn những người có mặt đều nghiên cứu bản sắc lệnh nói trên mà chữ ký xem ra đã được một bàn tay run run và có nét chữa. Vì thế, căn cứ vào lời tuyên bố trang nghiêm của nữ hoàng, Ô-lô-xa-ga đáng bị xử tội laesca majestas^{1*}, nghĩa là hoặc bị xử bốn ngựa phanh thây, hoặc, ít nhất cũng bị đẩy đi chung thân ở Phi-líp-pin. Nhưng, như chúng ta đã thấy, Ô-lô-xa-ga đã có những biện pháp dự phòng. Tiếp theo là cuộc tranh luận mười bảy ngày ở nghị viện gây ra sự chấn động lớn hơn cả vụ án nổi tiếng kiện hoàng hậu Ca-rô-lin-na ở Anh²⁰⁹. Lời bào chữa của Ô-lô-xa-ga tại nghị viện có đoạn sau đây:

"Nếu có người bảo chúng ta rằng, phải tin tưởng không chút hoài nghi lời nói của nữ hoàng, thì tôi trả lời rằng: không! Tội trạng có lẽ có, cũng có lẽ không. Nếu có, thì lời nói của nữ hoàng cũng như của bất cứ ai khác chỉ là một bằng chứng, và tôi phản đối nó bằng lời nói của mình.

Khi thảo luận vấn đề ấy tại nghị viện, tiếng nói của Ô-lô-xa-ga có sức nặng hơn là tiếng nói của nữ hoàng. Sau đấy ông ta chạy sang Bồ Đào Nha để tránh bọn thích khách được phái đi mưu sát ông ta. Đây là một *entrechat*^{2*} đầu tiên của I-da-be-la trên vũ đài chính trị Tây Ban Nha và là bằng chứng đầu tiên về sự thành thực của I-da-be-la. Cũng chính nữ hoàng bé nhỏ ấy mà hiện nay Ê-xpác-te-rô kêu gọi nhân dân tin vào lời nói của bà ta, còn ông ta - "thanh kiếm của cách mạng" - sau 11 năm qua "Trường học điều ác"^{3*} thì tỏ ý sẵn sàng dành cho bà ta "một bàn tay giúp đỡ" và "một trái tim yêu thương"²¹⁰.

*Do C.Mác viết ngày 4 tháng Tám 1854
Đã đăng làm xã luận trên tờ "New-York
Daily Tribune" số 4161, ngày 19 tháng
Tám 1854*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Anh*

1* - xúc phạm thánh thượng

2* - điệu nhún nhảy

3* - tên một vở hài kịch nổi tiếng của Sê-ri-đan

PH.ĂNG-GHEN

CUỘC TẤN CÔNG VÀO CÁC PHÁO ĐÀI NGA²¹¹

Xem ra thì, liên quân - quân Pháp và quân Anh, - rút cục, - đã chuẩn bị tấn công thực sự vào nước Nga. Cuộc tấn công phải tiến hành nối tiếp nhau, nếu không phải là đồng thời vào các cứ điểm tiền tiêu của đế quốc - ở quần đảo A-lăng và ở Xê-va-xtô-pôn trên Hắc Hải. Ở Tây Âu thậm chí có tin đồn rằng, cứ điểm đầu tiên trong số đó đã bị chiếm sau một cuộc pháo kích ngắn, nhưng những tin này còn chờ xác minh và chắc là nhận định quá sớm. Về cuộc tấn công đã dự kiến vào Xê-va-xtô-pôn, chưa có tin tức chính thức, nhưng tờ "Times" ở Luân Đôn quả quyết rằng nó sắp sửa bắt đầu, và ở thủ đô, người ta tin vào điều đó. Cho tới nay, ở Vác-na tất cả chỉ có hai - ba sư đoàn quân Anh và Pháp xuống tàu, và, tuy người ta nhận định rằng, những đơn vị này sẽ biên chế vào lực lượng viễn chinh Crưm, nhưng cũng hoàn toàn có khả năng là họ được sử dụng để vây đánh pháo đài A-na-pa của Nga ở châu Á. Mọi sự hoài nghi về điểm này chắc chắn sẽ tiêu tan khi chuyển tàu sắp tới cập bến.

Theo quan điểm quân sự, cuộc tấn công vào Bô-mác-xun-đơ sẽ gây ra sự chú ý lớn. Nó là cuộc thử thách đầu tiên đối với các công sự phòng thủ thành phố có hầm ngầm thuộc hệ thống Mông-ta-lăm-be. Căn cứ vào các sơ đồ và bình đồ, những lô-cốt này tuy nhỏ hơn nhiều so với các lô-cốt ở Hen-xinh-phoóc, Crôn-stát, và Xê-va-xtô-pôn, nhưng được bảo vệ chống tấn công từ đất liền không kém gì chống sự bắn phá từ chiến hạm, và được xây dựng theo đúng các nguyên tắc của Mông-ta-lăm-be. Công sự phòng ngự chủ yếu chống lại chiến hạm là một lô-cốt dài, đạn phá không phá hoại được, có khoảng 100 khẩu pháo và có những công sự tạm thời bằng đất ngăn ngừa hỏa lực bên sườn; trên lô-cốt có hai chòi lớn, một chòi bố trí 30 khẩu pháo, một chòi 10 khẩu, không chế và yểm hộ phía sau của nó. Cả chiến hạm thông thường tấn công chủ là vào lô-cốt chính, còn lục quân tấn công vào các chòi. Căn cứ vào

Người ngồi xuống như thế nào, kéo tay Người như thế nào, buộc Người ký vào sắc lệnh như thế nào, - tóm lại, đã xúc phạm đến sự tôn nghiêm của nữ hoàng như thế nào. Trong khi đang diễn màn kịch ấy, Gôn-xa-lét Bra-vô ghi lại sự trình bày của nữ hoàng, còn những người có mặt đều nghiên cứu bản sắc lệnh nói trên mà chữ ký xem ra đã được một bàn tay run run và có nét chữa. Vì thế, căn cứ vào lời tuyên bố trang nghiêm của nữ hoàng, Ô-lô-xa-ga đáng bị xử tội laesca majestas^{1*}, nghĩa là hoặc bị xử bốn ngựa phanh thây, hoặc, ít nhất cũng bị đẩy đi chung thân ở Phi-líp-pin. Nhưng, như chúng ta đã thấy, Ô-lô-xa-ga đã có những biện pháp dự phòng. Tiếp theo là cuộc tranh luận mười bảy ngày ở nghị viện gây ra sự chấn động lớn hơn cả vụ án nổi tiếng kiện hoàng hậu Ca-rô-lin-na ở Anh²⁰⁹. Lời bào chữa của Ô-lô-xa-ga tại nghị viện có đoạn sau đây:

"Nếu có người bảo chúng ta rằng, phải tin tưởng không chút hoài nghi lời nói của nữ hoàng, thì tôi trả lời rằng: không! Tội trạng có lẽ có, cũng có lẽ không. Nếu có, thì lời nói của nữ hoàng cũng như của bất cứ ai khác chỉ là một bằng chứng, và tôi phản đối nó bằng lời nói của mình.

Khi thảo luận vấn đề ấy tại nghị viện, tiếng nói của Ô-lô-xa-ga có sức nặng hơn là tiếng nói của nữ hoàng. Sau đấy ông ta chạy sang Bồ Đào Nha để tránh bọn thích khách được phái đi mưu sát ông ta. Đây là một *entrechat*^{2*} đầu tiên của I-da-be-la trên vũ đài chính trị Tây Ban Nha và là bằng chứng đầu tiên về sự thành thực của I-da-be-la. Cũng chính nữ hoàng bé nhỏ ấy mà hiện nay Ê-xpác-te-rô kêu gọi nhân dân tin vào lời nói của bà ta, còn ông ta - "thanh kiếm của cách mạng" - sau 11 năm qua "Trường học điều ác"^{3*} thì tỏ ý sẵn sàng dành cho bà ta "một bàn tay giúp đỡ" và "một trái tim yêu thương"²¹⁰.

*Do C.Mác viết ngày 4 tháng Tám 1854
Đã đăng làm xã luận trên tờ "New-York
Daily Tribune" số 4161, ngày 19 tháng
Tám 1854*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Anh*

1* - xúc phạm thánh thượng

2* - điệu nhún nhảy

3* - tên một vở hài kịch nổi tiếng của Sê-ri-đan

PH.ĂNG-GHEN

CUỘC TẤN CÔNG VÀO CÁC PHÁO ĐÀI NGA²¹¹

Xem ra thì, liên quân - quân Pháp và quân Anh, - rút cục, - đã chuẩn bị tấn công thực sự vào nước Nga. Cuộc tấn công phải tiến hành nối tiếp nhau, nếu không phải là đồng thời vào các cứ điểm tiền tiêu của đế quốc - ở quần đảo A-lăng và ở Xê-va-xtô-pôn trên Hắc Hải. Ở Tây Âu thậm chí có tin đồn rằng, cứ điểm đầu tiên trong số đó đã bị chiếm sau một cuộc pháo kích ngắn, nhưng những tin này còn chờ xác minh và chắc là nhận định quá sớm. Về cuộc tấn công đã dự kiến vào Xê-va-xtô-pôn, chưa có tin tức chính thức, nhưng tờ "Times" ở Luân Đôn quả quyết rằng nó sắp sửa bắt đầu, và ở thủ đô, người ta tin vào điều đó. Cho tới nay, ở Vác-na tất cả chỉ có hai - ba sư đoàn quân Anh và Pháp xuống tàu, và, tuy người ta nhận định rằng, những đơn vị này sẽ biên chế vào lực lượng viễn chinh Crưm, nhưng cũng hoàn toàn có khả năng là họ được sử dụng để vây đánh pháo đài A-na-pa của Nga ở châu Á. Mọi sự hoài nghi về điểm này chắc chắn sẽ tiêu tan khi chuyến tàu sắp tới cập bến.

Theo quan điểm quân sự, cuộc tấn công vào Bô-mác-xun-đơ sẽ gây ra sự chú ý lớn. Nó là cuộc thử thách đầu tiên đối với các công sự phòng thủ thành phố có hầm ngầm thuộc hệ thống Mông-ta-lăm-be. Căn cứ vào các sơ đồ và bình đồ, những lô-cốt này tuy nhỏ hơn nhiều so với các lô-cốt ở Hen-xinh-phoóc, Crôn-stát, và Xê-va-xtô-pôn, nhưng được bảo vệ chống tấn công từ đất liền không kém gì chống sự bắn phá từ chiến hạm, và được xây dựng theo đúng các nguyên tắc của Mông-ta-lăm-be. Công sự phòng ngự chủ yếu chống lại chiến hạm là một lô-cốt dài, đạn phá không phá hoại được, có khoảng 100 khẩu pháo và có những công sự tạm thời bằng đất ngăn ngừa hỏa lực bên sườn; trên lô-cốt có hai chòi lớn, một chòi bố trí 30 khẩu pháo, một chòi 10 khẩu, không chế và yểm hộ phía sau của nó. Cả chiến hạm thông thường tấn công chủ là vào lô-cốt chính, còn lục quân tấn công vào các chòi. Căn cứ vào

những tài liệu gần đây, quân đội trú ở Bô-mác-xun-đơ yếu hơn nhiều so với chúng ta suy đoán trước đây: họ có trên 3000 người một chút. Qua những tin tức hiện có, chúng ta chưa rõ hoàn toàn hành động trên biển và trên bộ có thể thực sự nhích nhàng đến mức độ nào không những về mặt trùng hợp về thời gian mà cả trong chi viện lẫn nhau nữa, vì rằng tấn công từ mặt biển phải dựa vào *de vive force*^{1*}, số phận của nó phải được quyết định trong một thời gian rất ngắn, trong khi đó bất cứ cuộc tấn công nào từ trên bộ vào công sự bằng đá đều phải tiến hành trước công việc chuẩn bị, ít nhất là đặt một chiến hào song song và xây dựng những công sự cho pháo, do đó cần phải có thời gian. Dù sao, loại vấn đề này chỉ có thể giải quyết tại chỗ. Dù cách này hay cách khác, xét theo quan điểm quân sự, việc chiếm Bô-mác-xun-đơ thậm chí có ý nghĩa lớn hơn nhiều so với việc chiếm lĩnh Xê-va-xtô-pôn, vì rằng nó góp phần giải quyết vấn đề đã được thảo luận nhiều lần, trong khi việc chiếm lĩnh Xê-va-xtô-pôn chẳng qua chỉ là việc thực hành thuận lợi những nguyên tắc quân sự đã định ra từ lâu.

Cuộc tiến công dự kiến đối với Xê-va-xtô-pôn phải được tiến hành chủ yếu bằng lực quân, còn hoạt động của hạm đội hầu như chỉ bó hẹp ở chỗ phong tỏa hoàn toàn bến cảng. Như vậy, toàn bộ hoạt động tác chiến là việc phong tỏa - phía đất liền và phía biển - một hải cảng được bố phòng không vững chắc về phía đất liền. Đương nhiên, chúng ta không thể biết được quân Nga có thể xây dựng những công sự gì ở phía nam thành phố và trong vịnh; nhưng họ đã xây dựng những lô-cốt vuông và phòng tuyến mà liên quân phải tiến hành vây đánh chính quy, nếu như không muốn chịu những hy sinh đặc biệt to lớn, điều này chắc không thể nghi ngờ được. Dù sao, chúng ta cũng biết rằng, một công sự có tính chất lâu dài và, xét về các mặt, đều được xây dựng rất tốt - một lô-cốt bốn cạnh lớn, xung quanh có hào sâu và rộng và tất cả các góc đều bố trí cối - đã được xây dựng trên điểm cao ở phía bắc vịnh lớn đối diện với thành phố. Điểm cao ấy là điểm duy nhất ở gần thành phố, mà pháo từ các cao điểm khác không bắn tới được và bản thân lại không chế vịnh và đe dọa đối diện. Dĩ nhiên chính đây sẽ là nơi chống cự chính; nhưng nếu như không chiếm công sự này, thì ngay trong điều

kiện chiếm lĩnh được toàn bộ công sự phòng thủ bờ biển ở phía nam, vị tất có thể giữ được thành phố và cảng. Ít ra ở đây cũng cần làm công sự vây đánh chính quy. Chiều dài của Vịnh lớn từ mũi Công-xtăng-tanh đến đầu phía đông của nó là khoảng 8 dặm; và thậm chí dù cho rằng thành phố và công sự chiếm một diện tích không lớn nên không bảo đảm phong tỏa được từ đất liền, thì liên quân cũng phải bao vây nó bằng một vòng vây hình cánh cung dài 22 - 24 dặm. Trong khi đó, ở tất cả các điểm liên quân phải có đủ binh lực để đánh trả các cuộc xuất kích của quân đồn trú và các cuộc tấn công của quân Nga có thể tập trung ở phía sau liên quân. Tuy chúng ta không rõ quân Nga có thể sử dụng trực tiếp hoặc gián tiếp bao nhiêu lực lượng để phòng thủ cứ điểm ở Hắc Hải của mình, song tất cả những chi tiết trên đây đều chứng tỏ rằng, để chiếm cứ điểm ấy sẽ cần không ít quân. Ngoài ra, kẻ thù đáng sợ của liên quân là khí hậu chết người của thảo nguyên Crưm. Tình hình trong các hoạt động tác chiến sắp tới, pháo bờ biển vị tất có thể mang lại lợi nhiều cho quân Nga, làm giảm bớt rất nhiều ý nghĩa quân sự của toàn bộ hoạt động làm cho cuộc vây đánh mang quy mô rất lớn, nhưng tuyệt nhiên không phải là chưa từng thấy. Cho tới nay con số lớn nhất mà người ta có thể xác định về số lượng quân viễn chinh là 100000 người, kể cả quân Thổ Nhĩ Kỳ. Nếu xét toàn bộ tình hình nói trên, chúng ta thấy rằng một đội quân như thế không đủ để đạt được mục đích đã định.

*Do Ph.Ăng-ghen viết ngày 7 tháng Tám 1854
Đã đăng làm xã luận trên tờ "New-York Daily
Tribune" số 4162, ngày 21 tháng Tám 1854*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Anh
In bằng tiếng Nga lần đầu*

1* - hoạt động đột kích

C.MÁC

*CUỘC RÚT QUÂN RA KHỎI CÁC CÔNG QUỐC THUỘC VÙNG SÔNG ĐA-NUÝP. - CÁC SỰ KIỆN Ở TÂY BAN NHA. - HIẾN PHÁP MỚI CỦA ĐAN MẠCH. - PHÁI HIẾN CHƯƠNG

Luân Đôn, thứ ba, ngày 8 tháng Tám 1854

Ngày 28 tháng Bảy hầu tước Goóc-tra-cốp với quân chủ lực của mình đã vượt qua Sla-va, một thôn ở cách Ke-lu-ghe-ê-ni khoảng sáu dặm để ngày 29 tiếp tục tiến về Phốc-san-nư. Đội tiền quân dưới quyền chỉ huy của tướng Xô-môn-nốp gồm có 8 tiểu đoàn thuộc sư đoàn bộ binh số 10, các trung đoàn bộ binh Tôm-xơ và Cô-lư-van và trung đoàn phiêu kỵ của đại hầu tước - hoàng thái tử. Lực lượng tiền quân này phải vượt sông I-a-lô-mi-xa ngày 1 tháng Tám ở U-rê-sti và Uốc-di-sê-ni là những nơi đã có bắc cầu. Người ta dự tính rằng nó sẽ đến Phốc-san-nư vào giữa tháng.

Quân đội Thổ Nhĩ Kỳ chia làm ba cánh. Cánh giữa đến Kê-lu-ghe-rê-ni ngày 29 tháng Bảy; ngày 30 đã phát hiện thấy quân trinh sát thuộc lực lượng tiền quân của cánh quân này gần Gli-na cách Bu-ca-rét hai dặm, nơi mà theo kế hoạch đã định, Ô-me-rơ-pa-sa phải đóng tổng hành dinh trước ngày 1 tháng Tám. cánh phải tiến dọc sông Ác-giê-sơ theo hướng từ Ôn-tê-nít-sa đến Bu-ca-rét. Cánh trái đến Mô-si-na ngày 28 phải tiến theo con đường từ Xla-ti-na đến Bu-ca-rét.

"Cuộc rút lui của quân Nga", - tờ "Moniteur de l'Armée" viết, - "xem ra mang tính chất chiến lược hơn là chính trị. Viên tướng người Nga tranh thủ thời cơ, có thể tập trung quân đội của mình ở trận địa tốt, nơi đây họ có thể chấn chỉnh sau những đòn đau bị ném ở Đô-brút-gia và do quân Thổ Nhĩ Kỳ gây ra cho họ ở tả ngạn sông Đa-nyúp. Ông ta sẽ gần cần cứ hậu cần của mình hơn, đồng thời tiếp tục chiếm đóng phần lớn đất đai chiếm được trong năm ngoái. Sau hết, ông ta chiếm lĩnh một trận địa có tính chất uy hiếp ngay cả đối với một binh lực ưu thế".

Ngày 26 tháng Bảy, nam tước Bút-béc-gơ ra lời kêu gọi sau đây đối với dân cư Va-la-ki:

"Đức hoàng đế toàn Nga, vua Ba Lan, đáng bảo hộ các công quốc Môn-đa-vi-a và Va-la-ki và người che chở cho tất cả giáo dân theo đạo chính thống, đã quyết định trong một thời gian rất ngắn rút quân đội đế quốc ra khỏi các khu vực vùng Đa-nyúp không có lợi cho sức khoẻ, để họ đóng ở những địa điểm cao có lợi cho sức khoẻ hơn. Kẻ địch, do thiên cận, đã nhận định rằng chúng tôi rút lui vì sợ chúng, do đó mưu toan tấn công quân đội đang rút lui của chúng tôi. Nhưng thống soái tối cao, hầu tước Goóc-tra-cốp vừa ra lệnh phản kích là chúng đã bỏ chạy nhục nhĩ, quăng lại vũ khí và đạn dược mà các binh sĩ anh dũng của chúng tôi thu được. Đến mùa thuận lợi hơn chúng tôi sẽ trở lại với các bạn, vũ khí trong tay để vĩnh viễn giải phóng các bạn khỏi bọn Thổ Nhĩ Kỳ dã man. Cuộc rút lui của chúng tôi sẽ hoàn thành với những biện pháp dự phòng, không vội vã, để kẻ địch không thể nhận định rằng chúng tôi bỏ chạy trước mặt chúng".

Điều đáng chú ý là năm 1853, cũng vào tháng Bảy, quân Nga hoàn toàn không cho rằng mùa ấy không thuận lợi cho việc chiếm đóng Va-la-ki.

"Cuộc tản cư khỏi Đô-brút-gia của các gia đình Bun-ra-ri", - một bức thư từ Ga-lát đăng trên một tờ báo Đức đưa tin, - "vẫn tiếp tục, không bị gián đoạn. Khoảng 1000 gia đình với 150000 đầu gia súc đã vượt sông ở gần Ren".

Cuộc "di cư tự nguyện" mà người Nga kêu gọi dân cư thực hiện ấy, dường như là để cứu họ khỏi bị sự trả thù của người Thổ Nhĩ Kỳ, xét về tính chất, thì hoàn toàn giống với đợt công trái "tự nguyện" của Áo. Phóng viên của tờ "Morning Chronicle" tại Viên kể lại rằng chính những gia đình ấy

"biết được rằng, họ bị đưa đi làm công sự ở Môn-đa-vi-a, đều muốn trở về nhà; nhưng lính Cô-dắc dùng vũ lực buộc họ phải đến Phốc-san-nư, ở đây họ hiện đang đào chiến hào".

Những chiến lũy ở Ma-đrít vẫn chưa bị dỡ bỏ theo yêu cầu của Ê-xpác-te-rô, còn bọn phản cách mạng đã bắt đầu hoạt động. Bước thứ nhất của phe phản cách mạng là làm cho nữ hoàng Cri-xti-na, Xác-tô-ri-út và bọn đồng mưu không bị trừng phạt. Tiếp đó là việc thành lập nội các có sự tham gia của Ô Đôn-nen thuộc phái ôn hòa, với tư cách là bộ trưởng Bộ chiến tranh, đồng thời toàn bộ quân đội được trao cho người bạn cũ ấy của Nác-va-e-xơ nắm giữ. Trong danh sách có

tên tuổi của Pa-se-cô, Lu-han, đồn Phran-xi-xcô, Xan-ta-Cru-xơ, tất cả đều là bọn ủng hộ công nhiên của Nác-va-e-xơ, ngoài ra, Pa-se-cô còn là thành viên của nội các nổi tiếng xấu xa năm 1847²¹². Một người khác là Xa-la-xa-rô, được bổ nhiệm chỉ vì rằng y là bạn thời thơ ấu của Ê-xpác-te-rô. Để tặng thưởng cho cuộc đàn áp đẫm máu đối với nhân dân trên các chiến lũy đường phố và trên các quảng trường, vô số huân chương đã được tặng cho các viên tướng ủng hộ Ê-xpác-te-rô và cho phái ôn hòa, - những bạn bè của Ô Đôn-nen. Để chuẩn bị cơ sở cho việc trấn áp triệt để báo chí, luật báo chí năm 1837 đã được khôi phục. Nghe nói, đáng lẽ phải triệu tập nghị viện lập hiến thì Ê-xpác-te-rô lại dự định chỉ triệu tập nghị viện căn cứ vào hiến pháp năm 1837 và thậm chí, theo lời một số người, căn cứ vào hiến pháp đã bị Nác-va-e-xơ sửa đổi. Để bảo đảm đầy đủ hơn cho sự thành công của tất cả những biện pháp ấy và những biện pháp khác cần thi hành, đông đảo quân lính đã được tập trung ở ngoại ô Ma-đrít. Trong tất cả những cái đó, đáng đặc biệt chú ý đến tính chất bất ngờ của sự trở lại của bọn phản động.

Ban đầu, những người chỉ huy các chiến lũy đường phố đến gặp Ê-xpác-te-rô để nêu lên với ông ta một số ý kiến về vấn đề cử nội các. Ê-xpác-te-rô giải thích dài dòng về những khó khăn mà ông ta gặp phải từ tất cả các mặt, và mưu toan biện hộ cho sự bổ nhiệm mà ông ta đưa ra. Nhưng rõ ràng là các đại biểu của nhân dân ít hài lòng với sự giải thích của ông ta. Cũng vào lúc đó, những tin tức "rất đáng lo ngại" về sự nổi dậy của phái cộng hòa ở Va-len-xi-a, Ca-ta-lô-ni và An-đa-bu-di-a truyền đến. Sự lúng túng của Ê-xpác-te-rô có thể thấy rõ trong sắc lệnh của ông ta phê chuẩn sự tiếp tục chức quyền của các tập đoàn nắm quyền hàng tỉnh. Ông ta cũng chưa dám giải tán tập đoàn nắm quyền Ma-đrít, mặc dầu nội các đã được thành lập và đã nhận chức.

Theo yêu cầu của Na-pô-lê-ông Bé, đại tá Sa-rát bị trục xuất khỏi Bỉ. Phóng viên của tờ "Indépendance belge" tại Pa-ri đưa tin về một bài văn đả kích do hoàng thân Mui-ra - người theo đuổi ngôi của vua Bom^{1*} được coi như di sản hợp pháp của dòng họ Mui-ra - viết và cho công bố. Bài văn đả kích đã được dịch ra tiếng I-ta-li-a.

1* - Phéc-đi-năng II

Nội các Đan Mạch vẫn kiên quyết cự tuyệt giao cho các cường quốc phương Tây hải cảng và địa điểm đổ bộ để quân đội của họ có thể trú qua mùa đông ở biển Ban-tích. Nhưng, đây không phải là biện pháp duy nhất mà Chính phủ Đan Mạch dùng để tỏ sự khinh rẻ đối với những nước đứng lên chống lại người bảo hộ mình là hoàng đế Nga. Chính phủ Đan Mạch thực hiện không chút dao động cái coup d'état đã được suy tính từ lâu hoàn toàn vì lợi ích của Nga ngay trước mũi hạm đội và quân đội của các cường quốc phương Tây. Ngày 26 tháng Bảy ở Cô-pen-ha-ghe đã công bố một văn kiện quốc gia có nhan đề là: "Hiến pháp của nước quân chủ Đan Mạch trong lĩnh vực những nhiệm vụ chung". Điều lạ lùng là, báo chí Anh hầu như hoàn toàn không lưu ý gì đến biện pháp ấy. Vì vậy, tôi xin đưa ra những điều khoản quan trọng nhất của hiến pháp mới ấy của Đan Mạch:

Điều 1. Chế độ nối ngôi của nước Quân chủ Đan Mạch do đạo luật ngày 31 tháng Bảy 1853 quy định.

Điều 5. Các nhiệm vụ chung của các nước quân chủ là tất cả những nhiệm vụ không được chỉ rõ thuộc vào một ngành nhất định nào đó.

Điều 6. Tổng số chi của nước quân chủ vượt số thu của nó sẽ được gánh chịu theo tỷ lệ sau: Đan Mạch chịu 60%, Slê-dơ-vích chịu 17%, Hôn-stai-nơ chịu 23%.

Điều 7. Những nhiệm vụ chung của nước quân chủ thuộc sự quản lý của nghị viện.

Điều 8. Nghị viện hiện nay gồm toàn những thành viên do quốc vương bổ nhiệm. Trong tương lai, các nghị viên phải được bầu theo *từng bộ phận*.

Điều 10. Nghị viện lúc đó sẽ gồm có 50 nghị sĩ; trong đó 20 người do quốc vương bổ nhiệm, và 30 người được bầu theo tỷ lệ sau: hội nghị đại biểu các giới Đan Mạch bầu 18 người, các quận ở Slê-dơ-vích bầu 5 người, các quận Hôn-stai-nơ bầu 6 người và quý tộc Lau-en-buốc bầu 1 người.

Điều 11. Đạo luật cơ bản ngày 5 tháng Bảy 1849 của vương quốc Đan Mạch sẽ chỉ liên quan đến công việc nội bộ của vương quốc này.

Điều 15. Nghị sĩ hưởng lương mỗi năm là 500 ta-le.

Điều 16. Nghị viện họp ít nhất hai năm một lần theo thời hạn mà sắc luật của quốc vương quy định.

Điều 17. Các phiên họp của nghị viện sẽ diễn ra ở Cô-pen-ha-ghe, nhưng quốc vương có thể chuyển nó đến địa điểm khác.

Điều 18. Chủ tịch do quốc vương bổ nhiệm sẽ điều khiển công việc của nghị viện. Các cuộc tranh luận có thể dùng tiếng Đức hoặc tiếng Đan Mạch; nghị quyết phải viết bằng tiếng Đan Mạch.

Điều 19. Các phiên họp của nghị viện họp bí mật.

Điều 21. Không có sự đồng ý của nghị viện thì không được thu, sửa đổi hoặc xóa bỏ bất cứ thứ thuế nào chung cho cả nước quân chủ, không được vay bất cứ thứ công trái nào.

Điều 22. Đối với tất cả mọi công việc - trừ tài chính của nước quân chủ liên hiệp - nghị viện chỉ có quyền thảo luận.

Sắc lệnh cùng ngày quy định nghị viện sẽ họp vào ngày 1 tháng Chín 1854, còn một sắc lệnh khác công bố sự bổ nhiệm của quốc vương, thêm vào đó trong số được bổ nhiệm toàn là những quan chức cao cấp của triều đình và những người được tặng huân chương Đa-nê-brô-gơ.

Những điều khoản chủ yếu đạt được nhờ coup d'état mới ấy là việc thủ tiêu đạo luật cơ bản và các cơ quan đại nghị của Đan Mạch và việc thành lập một bộ máy thích hợp để nhận bất cứ khoản tiền nào cần cho triều đình và chính phủ.

Éc-ne-xơ Giôn-xơ lại tiến hành cuộc hành trình tuyên truyền ở các khu công nghiệp để thu hút họ vào phong trào Hiến chương. Ở Ha-li-phắc, Bê-cốp và những vùng khác mà ông ta đến, đã thông qua đơn thỉnh cầu sau đây gửi nghị viện:

"Kính gửi các hạ nghị sĩ đáng tôn kính của Anh và Ai-rơ-len họp tại nghị viện - đơn thỉnh cầu kính cần của dân cư Bê-cốp họp mít-tinh quần chúng vào chủ nhật, ngày 30 tháng bảy 1854, vạch rõ rằng:

Những người thỉnh cầu của các ngài trong một thời gian dài đã chăm chú quan sát hoạt động của các bộ trưởng hiện nay của nữ hoàng trong lĩnh vực chính sách đối nội và đối ngoại và dựa vào sự quan sát không thiên vị để đi tới chỗ tin chắc rằng trong cả hai lĩnh vực, các bộ trưởng tuyệt đối không đáng được sự tín nhiệm của quốc gia.

Những người thỉnh cầu của các ngài vững tin rằng sẽ không có khả năng cải tiến việc cai trị trong nước, cũng như biểu dương uy lực của mình với nước ngoài, chừng nào những con người như thế còn trông coi việc nước.

Vì vậy những người thỉnh cầu của các ngài yêu cầu nghị viện đầy tôn kính của các ngài trình lên nữ hoàng bản thỉnh cầu về việc cách chức các cố vấn hiện nay của nữ hoàng và kêu gọi những người phù hợp hơn với tinh thần tiến bộ của thời đại và đáp ứng tốt hơn yêu cầu của thời đại chúng ta, hãy đứng ra phò tá nữ hoàng.

Và những người thỉnh cầu của các ngài sẽ kiên trì đòi thực hiện lời thỉnh cầu của mình".

Ngày chủ nhật ở Đì-rơ-pli-Mu-rơ thuộc Bê-cốp đã diễn ra một cuộc mít-tinh lớn, trong đó nhà cổ động^{1*} đã đọc một bài diễn văn gây ấn tượng mạnh mẽ nhất mà ông chưa hề đọc; một số đoạn của bài diễn văn này đáng được quý báo đăng lại:

"Thời kỳ hành động rút cục đã đến, và chúng ta hiện đã bước vào thời kỳ phục hưng của phong trào Hiến chương ở Anh chưa từng thấy kể từ lúc thoái trào của nó. Giờ phút mà chúng ta đạt được Hiến chương rút cục đã đến gần...

Các bạn đã đấu tranh chống hạ tiền lương nhưng đấu tranh thật uống công; nạn đói buộc các bạn khỏi nghĩa. Nếu như nạn đói dạy cho các bạn tiến hành đấu tranh, thì sự nghèo nàn giáo dục các bạn, và sau mỗi thất bại mới, sự giác ngộ của các bạn sẽ được nâng cao và kinh nghiệm thêm phong phú. Phương pháp đầu tiên mà các bạn đã dùng là hội liên hiệp và bãi công. Các bạn cho rằng những phương pháp ấy đem lại cho các bạn sự giải thoát và quên mất rằng, vì tư liệu lao động không thuộc về các bạn, các bạn không có khả năng chịu đựng sự cạnh tranh của nhà tư bản mà túi tiền có thể nằm yên ổn, trong khi các bạn bị đói khát, và chờ xem ai kiên trì được lâu nhất. Tiếp đó các bạn hy vọng ngày làm việc không đầy đủ, và người ta nói với bạn rằng, nếu một công nhân làm việc ít đi hai giờ, thì sẽ tìm được hai giờ làm việc cho những người thất nghiệp. Nhưng các bạn quên rằng, khi các bạn rút ngắn được thời gian lao động đi 1 phần trăm, thì việc sử dụng thiết bị máy móc của bọn tư bản độc quyền đã tăng lên 100 phần trăm rồi.

Sau đó, các bạn tìm đến sự giúp đỡ của hợp tác xã. Các bạn đã hiểu được chân lý vĩ đại là sự giải phóng lao động phải dựa vào hợp tác xã, nhưng các bạn không nhìn thấy phương sách bảo đảm cho sự giải phóng ấy. Ai sản xuất thì người đó cần thị trường; nếu các bạn có cái gì đem bán, thì các bạn cần có "người nào đấy" muốn mua thứ ấy, - nhưng các bạn quên rằng, các bạn không có "người nào đấy". Hợp tác xã bắt đầu sản xuất, nhưng thị trường ở đâu? Các bạn tìm thị trường ở đâu? Làm thế nào biến người nghèo thành người giàu, để họ có thể trở thành người mua sản phẩm của nền sản xuất hợp tác xã? Nhờ các mỏ quặng Ca-li-phoóc-ni-a ở chính nước Anh, mà vàng của nó, các bạn thấy ngay trên mặt đất, trong sóng lúa cuốn cuộn của đồng ruộng. Các bạn hãy nhìn dưới chân các bạn xem! Ở đây, trên những sườn núi cỏ phủ xanh rờn mà các bạn ngồi; ở đây, trên đồng ruộng bao la mà các bạn đứng; - ở những chỗ ấy đang ẩn giấu tự do, ở những chỗ ấy đang ẩn giấu hợp tác xã, ở những chỗ ấy đang ẩn giấu tiền lương cao, ở những chỗ ấy đang ẩn giấu sự phồn vinh và hòa bình! Ở Anh, chúng ta hiện đang có 15 triệu mẫu ruộng đất công, 27 triệu mẫu đồng cỏ bỏ hoang. Theo thần thoại Hy Lạp, khi Héc-quyn đấu tranh với người khổng lồ Áng-tê, con của đất, và đã nhiều lần đánh ngã xuống đất, Áng-tê mỗi lần ngã vào lòng mẹ lại lấy được của mẹ sức mạnh mới và càng nhảy mạnh hơn

1* - Éc-ne-xơ Giôn-xơ

trước. Héc-quyn khám phá ra điều đó, liền nâng Ăng-tê lên và giữ ở trên không nên đã chiến thắng được Ăng-tê.

Người khổng lồ - lao động cũng hết như vậy, theo ý muốn của tổ chức lũng đoạn - Héc-quyn, bị tách rời đất đã sinh ra nó và, bị nanh vuốt của cạnh tranh nắm chặt, yếu đuối, không có chỗ dựa, bị treo lơ lửng giữa thiên đường và địa ngục giống như ngôi mộ của Mô-ha-mét, có điều là gần địa ngục hơn!

Nhưng làm thế nào để đến gần đất? Có người nói với các bạn rằng, chính quyền hoàn toàn không cần thiết đối với việc đó. Ai nói như thế? Há chẳng phải là các lãnh tụ của phong trào đòi giảm ngày lao động đi 10% hay sao, hoặc của phong trào đòi ngày làm việc 10 giờ, hoặc của phong trào đòi ngày làm việc không đầy đủ, hoặc của phong trào đòi hỏi hạn chế thời gian làm việc của máy móc, hoặc của phong trào đòi thành lập các hội hiếu, hoặc của phong trào đòi tách nhà thờ khỏi nhà nước, hoặc của phong trào đòi thực hiện giáo dục quốc dân, hoặc của phong trào đòi quyền tự trị hành chính, hoặc của những phong trào nào khác, hay sao? "Phong trào" thì nhiều như thế, còn chúng ta vẫn chưa *nhích* khỏi chỗ cũ. Không cần chính quyền! Song tại sao chính những con người ấy lại bu quanh cái Đất nước thần tiên chính trị như vậy, tại sao họ lại cử các đoàn đại biểu thăm thiết đến gặp nhà chính khách Pan-mốc-xtơn và gửi đơn thỉnh cầu cho nghị viện chính trị, tại sao họ lại quy lụy trước ngai vàng chính trị? Nếu thế thì, noi gương họ, chính chúng ta phải giành lấy chính quyền! Chỉ những con người ấy mới khuyên các bạn giành chính quyền cho *kẻ thù* của các bạn. Nhưng tôi xin nói với các bạn: hãy giành lấy chính quyền của *chính mình*. Tôi xin mách các bạn một chân lý vĩ đại sau đây:

Hiến chương là thủ đoạn để thoát khỏi mọi sự nghèo nàn của các bạn.

Ai chống lại chúng ta? Trước hết là nội các liên hiệp. Nó là cái gì vậy? Những lãnh tụ của các phe phái riêng rẽ, trong đó không phải nào có thể độc lập tự chủ được. Mười người thì quá yếu, không thể đứng vững được một mình, - thế là họ dựa dẫm vào nhau, và tất cả gộp lại cũng không bằng một người chân chính. Nội các liên hiệp là thế đấy. Còn ai phản đối chúng ta nữa? Phe đối lập của đảng To-ri, nó có thể đánh đuổi được nội các đấy, nhưng lại không dám làm, vì nó biết rằng, đến lượt nó, nó cũng sẽ bị đánh đuổi, và sau đó cơn đại hồng thủy sẽ ập đến, trong đó chính Nội cũng không cứu được giai cấp thống trị. Còn ai nữa? Bọn quý tộc ruộng đất mà ba phần tư lãnh địa đã đem cầm cố với khoảng hai phần ba giá cả, là một lực lượng lớn mạnh đủ sức đàn áp nhân dân rồi! 38000 đại địa chủ bị phá sản và 300000 người phéc-mi-ê đang rên xiết dưới sự áp bức của địa tô cao, của các luật về săn bắn và sự bạo ngược của đại địa chủ. Còn ai nữa? Bọn chủ xưởng đứng trước ngưỡng cửa của sự phá sản do sự ham mê đề tiện của họ đối với cạnh tranh - chẳng bao lâu nữa họ sẽ không đủ sức duy trì được công xưởng của mình. Đây là một lực lượng thực sự đã quyết chí đập tan bệ đứng của tự do từ dưới chân các bạn! Còn lại những ai nữa? Công nhân và chủ hiệu buôn nhỏ. Đã nhiều lần có ý đồ liên hiệp họ lại bằng một sự thỏa hiệp nào đó. Bản thân tôi luôn luôn phản đối sự liên hiệp ấy, vì rằng sự thỏa hiệp trong lĩnh vực quyền bầu cử chỉ làm tăng cường các đại biểu của lợi ích tiền tài và hoàn thiện luật pháp giai cấp mà thôi. Nhưng hiện nay rút cục đã đến lúc để thực hiện sự

liên hiệp ấy - và đã đến lúc, không cần sự thỏa hiệp, cũng như sự phản trắc. Các hiệu buôn nhỏ sẽ rất nhanh chóng biến thành những nhà dân chủ. Nghe nói, con đường đi đến đầu óc của công nhân phải qua cái dạ của anh ta. Hãy cho là như thế! Thế nhưng, con đường đi đến trái tim của chủ hiệu buôn phải qua cái túi của anh ta. Sau mỗi lần mất đi một si-linh, anh ta lại thu được một tư tưởng mới. Sự phá sản vạch ra chân lý cho chủ hiệu buôn nhỏ... Sức mạnh tinh thần của kẻ thù của chúng ta bị tiêu diệt như thế đó - và những đồng minh mới đến liên hiệp với chúng ta. Sức mạnh thể xác của nó cũng tiêu vong. Nga hoàng đã quan tâm đến điều đó! Ở Ai-rơ-len chỉ còn không quá 1000 lính Anh! Ở chính nước Anh không còn quân chính quy nữa, nhưng còn dân quân! Theo tờ "Times" ở Luân Đôn, thì lực lượng dân quân ấy, tình trạng đào ngũ đã đạt quy mô lớn đến mức là "những lời kêu gào và hò hét" đã không đủ nữa rồi, và những thông tư riêng đã được gửi đến từng giáo khu, từng thị trấn, nơi mà binh lính đào ngũ đã ở đủ là một tuần, để mưu toan dùng bạo lực dọa dẫm buộc họ trở về quân ngũ. Có thể chúc mừng chính phủ có được đội quân mới như vậy. Như vậy, chiến trường đã sạch sẽ - thời cơ thuận lợi cho nhân dân đã đến. Đừng có từ đấy mà rút ra kết luận rằng, tôi muốn nói đến bạo lực. Không! Tuyệt nhiên không! *Chúng tôi muốn nói phong trào tinh thần hòa bình rộng rãi.* Nhưng từ chỗ *chúng tôi* muốn nói đến lực lượng tinh thần, thì hoàn toàn không thể kết luận rằng *kẻ thù* của chúng tôi *cũng* nói về lực lượng ấy.

Nước Anh đã bắt đầu suy nghĩ và lắng nghe. Cho tới nay, nó mới nghe thấy tiếng trống trận Ba Lan và tiếng vó ngựa của kỵ binh Hung-ga-ri. Cho tới nay, nó mới nghe thấy tiếng kêu la của Mi-lăng và tiếng reo hò của Pa-ri! Nhưng trong giây phút tạm yên hiện nay, nó bắt đầu nghe thấy tiếng đập của trái tim kiêu ngạo của chính nó - và nó thốt lên: "Và tôi cũng phải hoàn thành một sự nghiệp - và tôi cũng phải đánh tan quân thù và chiếm lấy chiến trường"²¹³.

Chủ tịch cuộc mít-tinh nêu rõ sự tham dự của người theo dõi và những quan chức khác của cục cảnh sát, bày tỏ hy vọng rằng, không một sự xuyên tạc nào đối với những điều đã nói, sẽ được đưa vào báo cáo của bọn tôi tớ ấy của chính phủ. Về sự cảnh cáo đó, Éc-ne-xtơ Giôn-xơ nói:

"Về cá nhân tôi, tôi không lo ngại gì điều mà họ nói, - hãy để họ nói gì tùy ý. Tôi đối với công tác tuyên truyền như chiến sĩ đối với chiến trận, - tôi đón tiếp số phận của mình trong làn mưa đạn để ngã xuống vào có thể phải hy sinh hoặc vẫn sống và chiến thắng, vì rằng tôi là một chiến sĩ của lực lượng dân chủ".

*Do C.Mác viết ngày 8 tháng Tám 1854
Đã đăng trên tờ "New-York Daily Tribune"
số 4162, ngày 21 tháng Tám 1854
Ký tên: Các Mác*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Anh*

C.MÁC

* VIỆC RÚT QUÂN RA KHỎI MÔN-ĐA-VI-A VÀ VA-LA-KI. - BA LAN. - NHỮNG YÊU SÁCH CỦA NHÂN DÂN TÂY BAN NHA

Luân Đôn, thứ sáu, ngày 11 tháng Tám 1854

Theo tin tức đăng trên tờ "Moniteur" số ra hôm qua, thì

"đại sứ Nga ở Viên đã báo cáo cho nội các Áo biết việc hoàng đế Ni-cô-lai đã ra lệnh hoàn toàn rút quân khỏi Môn-đa-vi-a và Va-la-ki. Tuy có lời tuyên bố ấy, ngày 8 tháng Tám bá tước Bu-ôn đã gửi công hàm cho nam tước Bốc-kê-nê và huân tước Oét-mo-len, qua những công hàm đó người ta thấy rằng, Áo tán thành ý kiến của Pháp và Anh về sự cần thiết yêu cầu Nga phải có *những đảm bảo* tránh gây ra những cuộc xung đột khiến cho phá hoại nền an ninh của châu Âu, và Áo hứa rằng trước khi nền hòa bình chung được khôi phục, sẽ không ký kết với nội các Pê-téc-bua bất cứ hiệp nghị nào, khi chưa nhận được *sự bảo đảm* ấy".

Những sự bảo đảm ấy phải như thế nào, điều đó có thể thấy được qua tờ "Times" số ra hôm nay. Một là, rút khỏi các công quốc thuộc vùng sông Đa-nuýp; hai là, thay thế chế độ bảo hộ của Nga bằng chế độ bảo hộ của toàn châu Âu; ba là,

"sửa lại hiệp ước về eo biển và thi hành những biện pháp để cho ưu thế của Nga trên biển giảm xuống đến mức ít đe dọa hơn đối với sự tồn tại của Thổ Nhĩ Kỳ và sự tự do đi lại của tàu bè trên Hắc Hải và cửa sông Đa-nuýp".

Tin tức của tờ "Moniteur" về cơ bản đã được lời tuyên bố của huân tước Clan-ren-đôn tại phiên họp hôm qua của thượng nghị viện xác nhận. Qua những nguồn tin khác, chúng tôi cũng biết rằng, đại bản doanh của quân Nga đã chuyển về Bu-dê-u, bốn trung đoàn của quân Nga đã vượt sông Prút và về phần mình, Chính phủ Áo đã huỷ bỏ lệnh tăng cường một số đơn vị cho các quân đoàn phân tán thành những thê đội ở biên giới Tơ-ran-xin-va-ni và Ga-li-xi.

Lịch sử chiến tranh vị tất đã chứng kiến được một hành động nào kỳ quặc hơn là rút lui ấy của quân Nga khỏi các công quốc thuộc vùng sông Đa-nuýp. Vấn đề ở chỗ hoạt động đó chỉ có thể giải thích theo quan điểm ngoại giao, chứ tuyệt nhiên không thể giải thích theo quan điểm chiến lược. Như tờ "Tribune" đã nói, Áo và Nga đã định ra một kế hoạch, căn cứ vào đó người Áo phải chiếm các công quốc thuộc vùng sông Đa-nuýp, một khi tính hiếu danh của Nga hoàng được thỏa mãn nhờ chiếm được Xi-li-xtơ-ri; khả năng thất bại của Nga đã được dự kiến trong một điều khoản đặc biệt, căn cứ vào đó thì trong trường hợp này cuộc chiếm đóng của Áo cũng phải tiến hành. Do đó, hôm trước ngày quân Nga bỏ cuộc vây đánh Xi-li-xtơ-ri, giữa Thổ Nhĩ Kỳ và Áo đã ký kết một hiệp ước quy định Áo có quyền tiến vào Va-la-ki²¹⁴. Hiệp ước nhằm ba mục đích: một là, không cho Thổ Nhĩ Kỳ vào các công quốc thuộc vùng sông Đa-nuýp; hai là, "thành lập một vành đai chống bệnh dịch cách mạng bao quanh toàn bộ biên giới Áo" và, cuối cùng là, bảo đảm sự rút lui an toàn của quân Nga. Qua lời thú nhận của huân tước Cla-ren-đôn có thể kết luận xác thực rằng, hiệp ước đó là do huân tước Xtơ-rát-pho đơ Rét-clíp-phơ, đại sứ Anh ở Công-xtăng-ti-nô-plơ áp đặt cho Chính phủ Thổ Nhĩ Kỳ; đồng thời Nội các Thổ Nhĩ Kỳ đã ra một quyết định, căn cứ vào đó phải tạo điều kiện cho người Nga rút quân đội của mình, không bị truy kích. Do đó, cuộc rút lui vội vã của quân Nga khỏi Đa-nuýp sẽ không giải thích được, nếu như không phải do hiệp định của Nga ký với Áo quy định trước. Người Áo ban đầu định tiến quân vào Va-la-ki ngày 3 tháng Bảy. Tại sao họ hoãn lại? Họ đạt được ở Chính phủ Thổ Nhĩ Kỳ hết nhượng bộ này đến nhượng bộ khác: một là, về chính thể cần thành lập ở Va-la-ki; hai là, về việc gạt người Thổ Nhĩ Kỳ ra khỏi lãnh đại của họ. Sau đó họ tuyên bố rằng, việc họ chiếm lĩnh Va-la-ki không có nghĩa là tuyên chiến. Huân tước Cla-ren-đôn nói:

"Cuối tháng Sáu, khi quân Nga chuẩn bị rút khỏi Va-la-ki, Chính phủ Áo cử một sĩ quan thuộc bộ tư lệnh là tướng Hét-xơ đến báo cho tổng tư lệnh liên quân rằng, Áo dự định nhân danh vua Thổ Nhĩ Kỳ sẽ chiếm lĩnh một phần Va-la-ki nhằm mục đích khôi phục quyền lực của vua Thổ Nhĩ Kỳ ở đấy; nhưng người Áo xuất hiện ở đấy không phải với tư cách một bên tham chiến, vì *rằng* Áo không ở trong tình trạng chiến tranh với Nga và hiện chưa nhận được sự trả lời đối với yêu cầu mà Áo đưa ra với Nga".

Sự thắng thắn không sáng suốt ấy của Áo đã gây ra sự hỗn loạn, và cần hoãn thêm. Sau đó là sự kháng nghị của Phổ ghen tức với việc mở rộng phạm vi ảnh hưởng của Áo ở vùng Đa-nuýp. Tuy hai cường quốc ấy đều là công cụ của Nga, nhưng điều đó không ngăn cản họ luôn ghen ghét nhau, và điều đó biểu hiện rõ ràng trong thời kỳ "chiến tranh khoai tây" năm 1850²¹⁵. Nếu như ngài Uốc-các-tơ đọc kỹ nghị định thư Vác-sa-va cùng năm ấy, thì trong đầu óc ông ta không nảy ra ý nghĩ điên rồ đột nhiên biến Phổ thành thành trì của châu Âu chống lại nước Nga.

Thấy Áo bỏ lỡ dịp tốt, quân Nga đã bắt đầu rút lui lại quay trở lại và lại tiến vào vùng Đa-nuýp, vì rằng, nếu như cuộc rút lui khỏi Va-la-ki kết thúc trước khi Áo hành động thì sẽ mất hết mọi lý do cho cuộc tiến quân tiếp đó của Áo vào công quốc này. Trong khi đó, tướng Thổ Nhĩ Kỳ ở Ru-súc^{1*} "tưởng tượng" - như tờ "Times" nói - rằng quân Nga đang rút lui toàn bộ, liền tiến về Giuyéc-giê-vô và đánh tan tác quân Nga, khiến chúng không thể thực hiện bất cứ ý đồ nào trong việc chiếm lại tuyến Đa-nuýp. Do sự thất bại đó, quân Nga buộc phải suy nghĩ một cách nghiêm túc về việc rút lui; họ sợ đã bị thúc đẩy đi tới quyết định ấy còn là vì họ hiểu rằng cái gọi là nước đồng minh của Thổ Nhĩ Kỳ không tiếp tục tiêu cực nữa, rằng Chính phủ Anh buộc phải quan tâm đến quân đội của mình và dư luận xã hội, tất phải có những hành động gì đó chống lại nước Nga. Sự rút lui của quân Nga khỏi các công quốc thuộc vùng sông Đa-nuýp đã tăng cường cho lực lượng phòng thủ của quân Nga ở Bét-xa-ra-bi-a và ở Crưm. Vì vậy, qua tin điện, chúng tôi được biết sắp có cuộc di chuyển cấp tốc của một số trung đoàn quân Nga từ Bét-xa-ra-bi-a và Khéc-xôn về Crưm, để cho những trung đoàn đóng ở Môn-đa-vi-a có thể chiếm lĩnh được vị trí của những trung đoàn trên.

Có thể dự kiến rằng, quân Thổ Nhĩ Kỳ sẽ không trì hoãn bỏ lỡ dịp tốt. Ngày 6 tháng Tám, đội tiền quân của họ dưới quyền chỉ huy của I-xcan-đơ-bếch đã tiến vào Bu-ca-rét, và viên tướng Thổ Nhĩ Kỳ đã tiếp đoàn đại biểu của thủ đô Va-la-ki vào ngày kỷ niệm một năm kẻ thù của Thổ Nhĩ Kỳ tiến vào thành phố này năm 1853.

1* - Ô-me-rô-pa-sa

Thế là người Áo lại bỏ lỡ dịp tốt và mất đi lý do giả tạo của mình để tiến vào Va-la-ki. Hiện nay, việc chiếm lĩnh tất gây ra cuộc xung đột của họ với người Thổ Nhĩ Kỳ. Tuy báo chí Áo buộc tội người Thổ Nhĩ Kỳ về việc tiến vào Bu-ca-rét, nhận định đây là sự vi phạm hiệp ước, báo chí của Chính phủ Anh lại lên án chính người Áo về sự chậm chạp và ngu xuẩn của họ, do đó mà kế hoạch được vạch ra tài tình như thế bị biến thành con số không. Chẳng hạn, tờ "Times" số ra thứ năm có viết:

"Người Áo do sự chậm chạp của mình đã mất đi toàn bộ lợi ích của địa vị có thể giành được ở các công quốc thuộc vùng sông Đa-nuýp. Ô-me-rô-pa-sa đã lợi dụng tình hình ấy và bám sát kế hoạch rút lui. Hiện nay đại bộ phận Va-la-ki do quân đội của vua Thổ Nhĩ Kỳ chiếm lĩnh. Sông Đa-nuýp từ Oóc-sô-va đến Ga-lát đang nằm trong tay họ và không có căn cứ gì để cho rằng một cường quốc bên ngoài nào đó có thể yêu cầu viên tư lệnh quân Thổ Nhĩ Kỳ rút khỏi cái tỉnh mà ông ta chiếm lĩnh dựa vào quyền của người chủ và dựa vào tinh thần dũng cảm của quân đội mình".

Tất cả cái còn lại hiện nay đối với người Áo - là việc chiếm Môn-đa-vi-a.

Tin tức từ Công-xtăng-ti-nô-pơ ngày 30 tháng Bảy hầu như chỉ nói về cuộc viễn chinh dự định vào Crưm. Đoàn tàu chiến gồm 20 hạm tàu dưới quyền chỉ huy của đô đốc Bruy-a và cùng đi có các tướng Brau-nơ và Can-rô-béc rời Ban-sích này 21 tháng Bảy để trình sát bờ biển từ A-na-pa đến Xê-va-xtô-pôn, đã trở về ngày 27 tháng Bảy. Ngay sau khi trở về, Can-rô-béc và Brau-nơ đã đến Vác-na để báo cáo với Xanh - Ác-bnô và huân tước Ra-glan về kết quả nhiệm vụ của mình. Quân đội Anh - Pháp đều phân tán ở các cảng giữa Vác-na và Quy-xten-gi để tiện xuống tàu. Có lẽ, việc xuống tàu đó đã diễn ra vào ngày 29 hoặc 30 tháng Bảy. Hạm đội Thổ Nhĩ Kỳ đã tiến vào Hắc Hải, còn toàn bộ lực lượng hải quân Anh - Pháp, rõ ràng, đã tập trung ở khu vực Vác-na trước ngày 1 tháng Tám, vì rằng trước thời gian ấy, một số lượng lớn tàu vận tải quân sự đã tập kết ở khu vực đó. Về sứ mệnh của những lực lượng ấy, tờ "Gazette du Midi" đưa tin như sau:

"Một số người nói về A-na-pa và cứ điểm ở lân cận, trong đó có chừng 20000 người và việc chiếm lĩnh nó sẽ lập tức bảo đảm được tuyến giao thông giữa Ap-dơ, Tréc-kê-xi và Crưm;

như thế người Tréc-kê-xi có thể tham gia dễ dàng vào bất cứ cuộc tấn công nào đối với Crưm. Theo lời một số người khác thì cuộc tấn công dự định nhằm vào Ô-dét-xa, mà lực lượng đồn trú hiện nay có tới khoảng 40000 người; liên quân có thể thiết lập công sự ở đây để qua mùa đông và đặt - một bên là Bét-xa-ra-bi-a, còn một bên khác là Crưm - dưới đòn công kích của mình. Phương án thứ ba chỉ rõ Ni-cô-lai-ép là điểm tấn công, ở đây có kho vũ khí của quân Nga; thành phố này ở vào một hình tam giác, mà phía đông là sông Đni-e-prơ, còn phía tây là sông Béc".

Quân Nga đã hoàn toàn rút bỏ Đô-brút-gia và hiện nay 36000 quân Thổ Nhĩ Kỳ và quân Pháp đang chiếm lĩnh thành phố này. Tin tức cho biết, quân Thổ Nhĩ Kỳ đóng ở Ba-ba-đác và đã nhận được lệnh tấn công Tun-sa, quân Pháp cũng đã nhận được lệnh tấn công Ga-lát.

Theo tin đồn, thì một thị trấn nhỏ do quân Nga xây dựng ở cửa sông Xu-lin trước đây đã bị phá hoại một phần, đến ngày 16 tháng Bảy lại bị các tàu chạy bằng hơi nước của Anh là "Xpít-phai-ơ" và "Vê-du-vi" huỷ diệt, các tàu này dường như không để lọt một công trình nào, trừ ngọn hải đăng và nhà thờ.

Ở Bạch Hải, người Anh đã đổ bộ lên một địa điểm trên bờ sông Ô-nê-ga và phá huỷ một làng.

Sự kiện tàu "Vla-di-mia" ở Hắc Hải²¹⁶ đã gây ra sự đả kích gay gắt của tờ "Times" đối với đô đốc Đôn-đa-xơ, mà tờ "Herald" trả lời đối với việc đó như sau:

"Ngài Sác-lơ Nây-pia ở biển Ban-tích có thể cho phép hạm đội Xvê-a-boóc-gơ tự do tiến vào nơi tàu đậu của nó, có thể cho phép Han-gút củng cố vị trí vững chắc, rồi mới bắt nó chịu một trận pháo kích hoàn toàn vô ích, có thể cho phép vứt bỏ phù tiêu làm cho tàu thuyền mắc nạn, và về tất cả những cái đó, tờ "Times" không chỉ trích lấy một lời. Nhưng vấn đề xảy ra với đô đốc Đôn-đa-xơ lại hoàn toàn khác".

Qua các thư gửi từ Pa-ri ngày 9 tháng Tám chúng tôi biết được rằng quân đội phương Đông sẽ tăng lên 50000 người. Nếu chiến tranh không đem lại kết quả gì khác, thì nó cũng chỉ giải thoát nước Pháp khỏi quân đội của cuộc chính biến tháng Chạp mà thôi.

Có lẽ, các bạn đã nhận thấy rằng sau khi các kế hoạch của mình ở Thổ Nhĩ Kỳ bị phá sản, hoàng đế Nga lại lợi dụng vương hiệu của vua

Ba Lan, cái mà ông ta đã vứt bỏ như một vật thừa, sau thắng lợi của Hung-ga-ri, vì ông ta cho rằng việc sáp nhập Ba Lan là sự việc đã rồi. Trong thư gửi từ Vác-sa-va ngày 1 tháng Tám được đăng trên tờ "Presse" ở Viên, chúng tôi đọc thấy:

"Nghe nói, chuyến đi sắp tới của Nga hoàng đến Vác-sa-va sẽ được đánh dấu bằng một số nhượng bộ cho người Ba Lan về quyền dân tộc. Người ta chờ đợi cuộc tiếp kiến các danh sĩ đã được nhắc đến trong quy chế tổ chức của Vương quốc Ba Lan năm 1832. Người ta suy đoán rằng sẽ mở lại các trường học, sẽ công bố lệnh về việc dùng tiếng Ba Lan trong các văn kiện chính thức, về công bố chi thu hàng năm và về việc trao quyền cho người Ba Lan chuẩn y thuế trực thu. Cũng có tin đồn quân đội Ba Lan sẽ được khôi phục, nhưng dưới quyền chỉ huy của các sĩ quan Nga. Đợt tuyển quân lần thứ tư vừa kết thúc. Chưa bao giờ dân cư phải mang một gánh nặng như thế".

Trong tờ "Düsseldorfer Zeitung" ra ngày 7 tháng Tám chúng tôi cũng đọc thấy:

"Theo tin từ Vác-sa-va, tướng Ri-đi-ghec, tổng đốc Vương quốc Ba Lan đã triệu tập các thủ lĩnh quý tộc Ba Lan và đề nghị đệ trình quốc vương đơn thỉnh cầu khôi phục lại Vương quốc Ba Lan độc lập".

Các đảng phái khác nhau đã đưa ra không ít các biện pháp giải quyết vấn đề Ba Lan, nhưng biện pháp như viên tướng Nga đề nghị và quy định thì chưa hề có ai nghĩ tới.

Tin tức từ Cô-pen-ha-ghe-n cho chúng tôi biết vua Đan Mạch nhu nhược đã cùng bộ trưởng Bộ nội vụ là ngài đơ Ti-li-sơ đã đáp tàu thủy đi Các-lơ-xơ-cru-na để hội kiến với vua Thụy Điển. Ti-li-sơ là một trong những kẻ ủng hộ cuồng tín nhất của nước Nga, và người ta dự kiến rằng, cuộc hội kiến của hai vua có mục đích khôi phục liên minh hữu nghị với Nga, một liên minh nổi tiếng dưới cái tên là sự trung lập vũ trang phương Bắc²¹⁷. Nếu như Đan Mạch và Thụy Điển có ý định giữ trung lập đối với Nga, thì từ đó không thể kết luận rằng, họ cũng có ý định như thế đối với Pháp và Anh, như có thể thấy được qua sự kiện dưới đây. Mấy ngày trước đây, tướng Mê-xa, tư lệnh pháo binh của quân đội Đan Mạch khi đi duyệt pháo binh của quân cận vệ quốc gia đã đọc một bài diễn văn hết sức nóng bỏng, trong đó ám chỉ rằng sắp sửa đến ngày mà có thể pháo binh của đội cận vệ quốc gia sát cánh với pháo

binh của quân đội sẽ theo lệnh quốc vương cùng nhau bảo vệ tổ quốc Xcăng-đi-na-vơ.

Ngày mai người ta sẽ tuyên bố nghị viện tạm nghỉ họp.

"Kỳ họp này đẩy đưa trong việc giải quyết vấn đề không kém gì chiến dịch Crum lần nữa trong hành động quân sự".

Mấy ngày trước đây, báo "Charivari"²¹⁸ đã đăng một bức biếm họa vẽ nhân dân Tây Ban Nha đang ở trong giờ phút gay go nhất của cuộc chiến đấu và hai kỵ sĩ - Ê-xpác-te-rô và Ô' Đôn-nen - đang ôm nhau trên đầu mọi người. Tờ "Charivari" đã nhận xét nhầm cái mới chỉ là sự mở đầu của cách mạng thành sự kết thúc của cách mạng. Cuộc đấu tranh giữa Ô' Đôn-nen và Ê-xpác-te-rô đã bắt đầu, và không những là giữa họ với nhau, mà còn là giữa các thủ lĩnh quân sự với nhân dân. Việc bổ nhiệm dũng sĩ đấu bò Pu-sê-ta làm quản trị trưởng lò sát sinh, việc thành lập ủy ban khen thưởng những người tham gia chiến đấu trên chiến lũy đường phố và, sau hết, việc bổ nhiệm hai người Pháp là Puy-giôn và Đen-ma làm nhà chép sử về cuộc cách mạng hiện nay chẳng đỡ dần được bao nhiêu cho chính phủ. Ô' Đôn-nen muốn rằng nghị viện được bầu cử theo đạo luật năm 1845, Ê-xpác-te-rô theo hiến pháp năm 1837²¹⁹, còn nhân dân theo quyền phổ thông đầu phiếu. Nhân dân cự tuyệt hạ vũ khí trước khi cương lĩnh của chính phủ được công bố, vì rằng cương lĩnh được công bố ở Man-xan-na-rê-xơ^{1*} đã không thỏa mãn được các yêu sách của họ nữa. Nhân dân yêu cầu huỷ bỏ bản điều ước ký kết giữa chính phủ với giáo hoàng La Mã năm 1851²²⁰, tịch thu tài sản của bọn phản cách mạng, đưa ra báo cáo về tài chính, huỷ bỏ mọi hợp đồng về xây dựng đường sắt và những hợp đồng lừa bịp khác về công trình công cộng và, sau hết, thành lập một tòa án đặc biệt để xét xử Cri-xti-na. Nữ hoàng Cri-xti-na hai lần mưu toan chạy trốn đều thất bại vì sự phản kháng vũ trang của nhân dân. Tờ "El Tribuno" đã tính sổ nợ sau đây mà Cri-xti-na phải trả lại cho ngân khố quốc gia: 24 triệu lấy một cách phi pháp với tư cách nhiếp chính từ

năm 1834 đến năm 1840, 12 triệu lấy khi ở Pháp trở về sau ba năm ra nước ngoài, và 35 triệu lấy ở ngân khố Cu-ba. Sổ nợ ấy là hoàn toàn phải chăng. Nên biết rằng khi rời Tây Ban Nha vào năm 1847, Cri-xti-na đã mang theo một số tiền lớn và hầu hết toàn bộ của báu của vương quốc Tây Ban Nha.

*Do C.Mác viết ngày 11 tháng Tám 1854
Đã đăng trên tờ "New-York Daily Tribune"
số 4166, ngày 25 tháng Tám 1854
Ký tên: Các Mác*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Anh
In bằng tiếng Nga lần đầu*

1* Xem tập này, tr. 369.

C.MÁC

* VẤN ĐỀ PHƯƠNG ĐÔNG. - CUỘC CÁCH MẠNG Ở TÂY BAN NHA. - BÁO CHÍ MA-ĐRÍT

Luân Đôn, thứ ba, ngày 15 tháng Tám 1854

Tờ "Kölnische Zeitung" đưa tin rằng

"sau nhiều năm đàm phán, Chính phủ Mỹ đã ra tuyên bố từ chối ký lại hiệp ước hiện hữu với Đan Mạch, nếu như điều V không được sửa đổi thành điều khoản cho phép tất cả các tàu thuyền của Mỹ được tự do qua lại eo biển Dun-đơ. Đồng thời Chính phủ Hợp chúng quốc Mỹ từ chối trả bất cứ khoản bồi hoàn nào. Đan Mạch hoảng sợ trước hành động của người Mỹ, liền cầu cứu các cường quốc khác, và hình như Chính phủ Phổ tỏ ý sẵn sàng gửi 20000 binh sĩ đi bảo vệ Dun-đơ".

Vì thuế quan thu ở Dun-đơ không ai bị giáng nặng bằng bản thân Phổ, nên biện pháp mà Phổ thi hành là phù hợp hơn hết với tinh thần chính sách của Phổ. Nhìn chung, se non è vero, è ben trovato^{1*}.

Sau cuộc thảo luận dài, Nghị viện Phran-phước đã công bố những đạo luật mới về báo chí và về hiệp hội. Đạo luật về hiệp hội, nói trắng ra, cấm bất cứ cuộc hội họp hoặc hội nghị nào có tính chất chính trị, còn đạo luật về xuất bản quy định số tiền ký quỹ rất lớn, quy định việc xuất bản bất cứ xuất bản phẩm nào đều phải có giấy phép của chính phủ và huỷ bỏ chức năng của tòa án bồi thẩm trong việc xét xử việc vi phạm luật xuất bản.

Chính phủ Phổ đã đình chỉ xét xử vụ án đã kéo dài về âm mưu của các nhà cách mạng ở Béc-lin²²¹, vì công tố viên tuyên bố rằng nhân chứng chính của bên nguyên - ngài Hen-tơ - là "đáng hoài nghi". Tên Hen-tơ ấy chính là kẻ đã làm chứng trong vụ án ở Khuê khiến cho nhiều bạn hữu của tôi bị kết án tù năm 1852²²². Nhưng năm 1852 đã qua rồi và có thể là Chính phủ Phổ không muốn phiêu lưu để cho toàn

1* - nếu đấy không phải là sự thực, thì cũng là ý nghĩ hay

bộ bọn cảnh sát của mình lại bị nguyên rủa và gọi lại hồi ức về vụ án ở Khuê ngay ở thủ đô vào lúc mà cuộc khủng bố phản cách mạng đã không thể làm cho nhân dân run sợ.

Ngày 1 tháng Tám, Chính phủ Xéc-bi cử một nhân viên liên lạc đến Brê-xtô-va-xơ, nơi mà hầu tước A-lếch-xan-đơ đang chữa bệnh bằng nước, đem theo bản dự thảo lời phúc đáp chỉ thị của Chính phủ Thổ Nhĩ Kỳ tối cao. Thư phúc đáp được hầu tước ký và được gửi ngay đi Công-xtăng-ti-nô-plơ. Thư phúc đáp dẫn ra việc không thể giải trừ quân bị do nhiều nguy cơ đang đe dọa Xéc-bi, nhưng nêu rõ rằng xuất phát từ sự tôn trọng nguyện vọng của Áo và mệnh lệnh của Chính phủ Thổ Nhĩ Kỳ, cuộc diễn tập quân sự đã ngừng lại. Theo yêu cầu của cá nhân, I-det-pa-sa, tổng đốc Ben-grát, đã được gọi về nước. Người thay thế ông ta chưa được công bố.

Tin tức cho biết rằng Bu-ca-rét đã bị một vạn quân Thổ Nhĩ Kỳ chiếm giữ; nhưng đồng thời chúng tôi đọc thấy trên tờ "Moniteur", số ra hôm nay, cho biết rằng, Áo chỉ còn đợi sự trả lời của Ô-me-rô-pa-sa đối với thông tri gần đây của đại tá Ca-lích, để ra lệnh cho quân đội Áo tiến vào các công quốc thuộc vùng sông Đa-nuýp. Khi bá tước Bu-ôn nhận được thông tri của hầu tước Goóc-tra-cốp về việc quân Nga rút khỏi các công quốc thuộc vùng sông Đa-nuýp, thì ông ta trả lời rằng "quân đội Áo sẽ chiếm lĩnh các công quốc vùng sông Đa-nuýp, nhưng trong hành động này không có sự thù địch gì đối với Nga".

Sự nghỉ họp của nghị viện năm 1854 lại đưa vấn đề phương Đông trở về giai đoạn mà nó đã ở vào khi nghị viện nghỉ họp năm 1853. Hội nghị Viên lại bắt đầu làm việc, để làm yếu các hoạt động tích cực, mê hoặc dư luận xã hội và tạo ra cho ngài Giêm-xơ Grê-hêm khả năng mới để khi nghị viện họp trở lại có thể nói rằng con người cao quý không thích hoài nghi. Cần vạch rõ rằng trò bịp lẩn này không phải do áo, mà do chính nước Anh bày ra, như các bạn có thể thấy được qua bản tin của phóng viên tờ "Times" tại Viên:

"Các bộ trưởng Anh và Pháp thông tri cho bá tước Bu-ôn rằng họ đã nhận được chỉ thị của chính phủ họ *để nghị* triệu tập hội nghị Viên. Lời phúc đáp hình như là: không có gì có thể thú vị hơn đối với triều đình đế chế".

Cơ sở của cuộc đàm phán mới trong hội nghị là một phương án mới nào đó của bức thông điệp Viên²²³, tức là lời phúc đáp của ngài Đruen đờ Luy-xơ đối với thông tri gần đây của ngài Nê-xen-rô-de; những điểm chủ yếu của thông tri này chẳng khác mấy với điều mà người ta có thể chờ đợi qua những điều kiện phát biểu trên tờ "Times", những điều kiện này tôi đã phân tích trên một trong số những bài báo vừa rồi. Trong phương án này không có một chữ nào nói về bồi thường cho Thổ Nhĩ Kỳ, thậm chí cho các đồng minh. Quyền bảo hộ đối với Môn-da-vi-a, Va-la-ki và Xéc-bi mà Nga chiếm đoạt, phải đổi thành sự tiếm đoạt của châu Âu; người ta cũng dự định xử lý như vậy "quyền bảo hộ" đối với các tín đồ Cơ Đốc giáo ở Thổ Nhĩ Kỳ; thành quả thắng lợi của Thổ Nhĩ Kỳ phải bó hẹp thành sự tự do đi lại trên sông Đa-nuýp đối với Áo và việc sửa đổi hiệp ước năm 1841²²⁴, nhưng không phải có lợi cho Chính phủ Thổ Nhĩ Kỳ, mà là cho các cường quốc.

Diễn văn của huân tước Cla-ren-đôn vào thứ năm mà tôi đã đưa tin về những điểm chủ yếu, bao hàm sự thú nhận hết sức quan trọng đối với chính sách mà Chính phủ Anh thi hành đối với vấn đề phương Đông. Cla-ren-đôn tuyên bố không úp mở gì:

"Tôi muốn nhắc nhở các ngài rằng cuộc chiến tranh đã được tuyên bố ngày 29 tháng Ba, trước đây hơn bốn tháng một chút, và tất cả, - khi tôi nói tất cả, tôi không chỉ chính phủ nữ hoàng, mà là các sĩ quan Anh cũng như ở Pháp có tài năng nhất và giàu kinh nghiệm nhất, - đều cho rằng hồi đó Nga muốn gây chiến tranh xâm lược. Không một ai nghĩ rằng, Nga đã tập kết một lực lượng lớn ở phía bắc sông Đa-nuýp, đã bỏ ra rất nhiều công sức và tập trung ở đấy một số lượng lớn vật tư cần thiết mà lại không có ý định tiến quân về phía nam; trái lại, mọi người đều cho rằng, chính Nga có ý định làm như thế. Tuy chúng tôi không hoài nghi gì lòng dũng cảm nổi tiếng của người Thổ Nhĩ Kỳ, nhưng chúng tôi vẫn không thể tin tưởng họ có thể chống cự được quân đội Nga được huấn luyện tốt, có ưu thế về số lượng, tác chiến dưới quyền chỉ huy của các tướng lĩnh giàu kinh nghiệm nhất, trong khi đó tướng Thổ Nhĩ Kỳ duy nhất mà chúng tôi mới chỉ biết tên - Ô-me-rô-pa-sa - bấy giờ còn chưa gặp cái cơ hội mà từ hồi đó ông ta đã chớp lấy một cách hết sức vẻ vang để củng cố vinh quang và tiếng tăm vững chắc của mình. Chính phủ Pháp và chúng tôi đã có quan điểm khá rõ ràng về vấn đề này, nên ngài Gi. Buếch-gô-in và một sĩ quan Pháp có kinh nghiệm thuộc bộ đội công binh đã được cử đi Công-xtăng-ti-nô-pô-ly để tìm phương pháp phòng thủ thành phố này và eo biển Đắc-da-nen; sứ mệnh của họ có ý nghĩa hết sức lớn lao, và toàn bộ kế hoạch chiến dịch gắn liền với kết quả của sứ mệnh ấy đến mức huân tước Ra-glan và nguyên soái Xanh-Ăc-nô phải xuống tận nơi để có thể đích thân trao đổi với các sĩ quan chấp hành nhiệm vụ ấy. Bấy giờ liên quân đã tiến vào

Ha-li-pô-li, nơi đây đã dựng xong những công sự to lớn. Họ tiến về Công-xtăng-ti-nô-pô-ly, luôn luôn ghi nhớ cần phải bảo vệ Đắc-da-nen".

Tóm lại, toàn bộ kế hoạch của các nước đồng minh quy tụ lại là: để cho Nga từ xa tiến đến chiếm lấy đất đai của Thổ Nhĩ Kỳ ở châu Âu, còn liên quân thì chiếm lấy thủ đô của Đế quốc Ôt-tô-man và Đắc-da-nen. Đây là nguyên nhân của sự án binh bất động và của mọi sự điều động quân đội Anh - Pháp bị giải thích sai lệch đi. Đương nhiên, sự anh dũng của quân đội Thổ Nhĩ Kỳ làm đảo lộn cái kế hoạch xảo quyệt ấy của Nga - Anh - Pháp, là điều bất ngờ".

Mấy tháng trước khi nổ ra cuộc cách mạng Tây Ban Nha hiện nay, tôi đã báo tin cho bạn đọc tờ "Tribune" rằng ảnh hưởng của Nga đang được dùng để phát động phong trào phản đối ở bán đảo. Nga không cần tay sai trực tiếp để làm việc đó. Để phục vụ cho nó đã có tờ "Times" là kẻ bênh vực và là bạn của vua Bom, của "niềm hy vọng trẻ trung" ở Áo^{1*}, của Ni-cô-lai, của Gioóc-giơ IV, đột nhiên tờ báo này tỏ lòng căm phẫn trước sự mất đạo đức kinh khủng của nữ hoàng I-da-be-la và triều đình Tây Ban Nha. Ngoài ra còn có một số phái viên ngoại giao của nội các Anh mà bộ trưởng thân Nga là Pan-móc-xơn, bằng việc vẽ ra cho họ mấy bức tranh về vương quốc Cô-buốc-gơ trên bán đảo²²⁵, là ông ta có thể dắt mũi họ không khó khăn gì. Hiện nay người ta đều biết chắc chắn rằng, không phải ai khác, mà chính là đại sứ Anh đã giấu Ô' Đôn-nen trong dinh thất của mình và đã thuyết phục chủ ngân hàng Cô-la-đô - hiện là bộ trưởng Bộ tài chính - ủng hộ trước một số tiền cần thiết cho Ô' Đôn-nen và Đun-xơ để làm đảo chính. Đối với ai không tin rằng Nga thực tế nhúng tay vào công việc của Tây Ban Nha, thì tôi sẽ mạn phép nhắc cho họ nhớ lại những sự kiện xảy ra trên đảo Lê-ông. Năm 1820, một binh lực lớn đã tập kết ở Ca-di-xơ để đưa sang các thuộc địa Nam Mỹ. Đột nhiên quân đội đóng trên đảo tuyên bố ủng hộ hiến pháp năm 1812, quân đội các nơi khác đều hưởng ứng theo. Qua Sa-tô-bri-ăng, đại biểu của Pháp tại hội nghị Vê-rô-na, hiện nay chúng ta biết rằng²²⁶, Nga đã xúi giục Tây Ban Nha tiến hành cuộc viễn chinh ở Nam Mỹ, và lôi kéo Pháp tiến quân vào Tây Ban Nha. Mặt khác, qua thông điệp của tổng thống Hợp chúng quốc^{2*}, chúng ta biết

1* - Phran-txo-I-ô-xíp

2* - Môn-rô

rằng, Nga đã hứa bảo đảm với ông ta sẽ ngăn ngừa được cuộc viễn chinh chống Nam Mỹ²²⁷. Vì vậy, không cần đến năng lực phán đoán cao để phát hiện kẻ chủ mưu của cuộc khởi nghĩa trên đảo Lê-ôn. Nhưng tôi đơn cử một ví dụ khác về sự quan tâm trù ối của Nga đối với phong trào phản kháng ở bán đảo Tây Ban Nha. Trong cuốn "Lịch sử chính trị của Tây Ban Nha hiện đại" (Bác-xê-lô-na, 1840) của mình, ngài Đơ Mác-li-a-ni khi chứng minh Nga không có lý do gì để phản đối phong trào lập hiến ở Tây Ban Nha, đã viết như sau:

"Trên bờ sông Nê-va có thể trông thấy binh sĩ Tây Ban Nha tuyên thệ trước hiến pháp (năm 1812) và nhận quân kỳ từ chính tay hoàng đế. Trong cuộc tiến quân hiếm có vào nước Nga, Na-pô-lê-ông đã thành lập một đội quân đặc biệt gồm tù binh Tây Ban Nha bị giam giữ ở Pháp, sau thất bại của Pháp đội quân này được chuyển sang tay Nga. A-lếch-xan-đơ tiếp đãi người Tây Ban Nha đặc biệt nồng nhiệt, bố trí cho họ ở Pê-te-gô-phơ, nơi đây hoàng hậu thường đến thăm họ. Một hôm, A-lếch-xan-đơ ra lệnh cho họ tập hợp trên sông Nê-va đóng băng và hướng dẫn họ tuyên thệ trung thành với hiến pháp Tây Ban Nha, đồng thời trao cho họ lá cờ mà chính tay hoàng hậu đã may. Đội quân ấy từ bấy giờ được gọi là đội quân của "hoàng đế A-lếch-xan-đơ", đã xuống tàu ở Crôn-stát và tiến về Ca-di-xơ. Đội quân này đã chứng minh, ở Ô-ca-ni-a vào năm 1821, về sự trung thành của nó đối với lời thề trên sông Nê-va, nó phát động khởi nghĩa để khôi phục hiến pháp"²²⁸.

Tiến hành hoạt động âm mưu ở bán đảo Pi-rê-nê thông qua Anh, Nga đồng thời lại phỉ báng Anh trước mặt Pháp. Chẳng hạn, trên tờ "Neue Preussische Zeitung", chúng tôi đọc thấy rằng Anh gây ra cuộc cách mạng Tây Ban Nha sau lưng Pháp.

Gây ra phong trào phản đối ở Tây Ban Nha, Nga có lợi ích gì? Mục đích của Nga là tiến hành một cuộc dương đông kích tây ở phương Tây, gây ra sự bất hòa giữa Anh và Pháp và cuối cùng lôi kéo Pháp tiến hành can thiệp. Báo chí thân Nga ở Anh cũng đưa tin rằng những người khởi nghĩa tháng Sáu ở Pháp đã dựng lên các chiến lũy ở Ma-đrít. Có người đã nói những lời tương tự với Sác-lơ X trước đây tại hội nghị ở Vê-rô-na:

"Tiền lệ mà quân đội Tây Ban Nha tạo ra, đã gây ra sự bất chúc ở Bồ Đào Nha, đã lan đến Na-pô-lơ và Pi-ê-mông và nêu lên khắp mọi nơi tám gương nguy hiểm là quân đội can thiệp vào công cuộc cải cách và dùng vũ lực định ra luật lệ ở nước mình. Ngay sau cuộc khởi nghĩa ở Pi-ê-mông, tại Pháp - ở Li-ông và các nơi khác - đã nổ ra phong trào theo đuổi cùng mục đích ấy. Có 25 binh sĩ thuộc trung đoàn 45 đã tham gia âm mưu của Béc-tôn ở La-Rô-sen. Nước

Tây Ban Nha cách mạng đã đưa trở lại Pháp những phần tử phiến loạn quái gở, và các phái dân chủ của hai nước đã liên hợp với nhau để chống chế độ quân chủ".

Chúng tôi hoàn toàn không muốn nói rằng cách mạng Tây Ban Nha là do bàn tay người Anh và người Nga làm ra. Tuyệt nhiên không phải. Nga chỉ thúc đẩy sự rối loạn khi biết rằng đã có khủng hoảng cách mạng. Nhưng phong trào nhân dân chân chính xuất hiện sau đó bao giờ cũng thù địch với âm mưu của nga không kém gì với hành động chuyên chế của chính phủ nước mình. Ở Va-la-ki năm 1848 đã xảy ra như vậy, ở Tây Ban Nha năm 1854 sự việc cũng diễn ra như thế.

Sự xảo quyệt của Anh hoàn toàn bị phơi bày trong hành động của đại sứ Anh ở Ma-đrít là huân tước Hây-đơn. Trước khi rời nước Anh trở lại nhận chức, ông ta đã triệu tập những người có chứng khoán ở Tây Ban Nha và kêu gọi họ đòi chính phủ thỏa mãn yêu cầu của họ và tuyên bố rằng nếu không họ sẽ hoàn toàn khước từ không cho các nhà buôn Tây Ban Nha vay. Như thế là ông ta đã gây khó khăn cho chính phủ mới, còn khi đến Ma-đrít, ông ta đã quyền tiền cho những người đã hy sinh trên các chiến lũy để tranh thủ cảm tình của nhân dân Tây Ban Nha.

Tờ "Times" chê trách ngài Xu-lơ rằng chính ông ta đã gây ra cuộc khởi nghĩa ở Ma-đrít vì lợi ích của Chính phủ Mỹ hiện nay. Nhưng ông Xu-lơ không viết bài trên tờ "Times" để chống lại I-da-be-la II và cái phe phái có quan tâm đến việc thôn tính Cu-ba cũng chẳng được lợi lộc gì của cách mạng. Về mặt này, điều đáng chú ý là việc bổ nhiệm tướng Đơ la Côn-sa làm tổng đốc quân sự đảo Cu-ba, viên tướng này nguyên là một trong những người phò tá của công tước An-ba trong cuộc đấu kiếm giữa công tước với con trai ông Xu-lơ. Thật là sai lầm nếu cho rằng phái tự do Tây Ban Nha ít nhiều cũng đồng ý với quan điểm từ bỏ thuộc địa²²⁹ của ngài Cốp-đen thuộc phái tự do Anh. Một trong những nhiệm vụ chính của hiến pháp năm 1812 là duy trì quyền thống trị đối với các thuộc địa bằng cách đưa vào bộ luật mới chế độ bầu cử đại biểu thống nhất²³⁰. Năm 1811, người Tây Ban Nha thậm chí còn thành lập một lực lượng vũ trang rộng lớn nhờ tuyển mộ một số trung đoàn ở Ga-li-xi-a - một tỉnh duy nhất của Tây Ban Nha bấy giờ không bị Pháp chiếm - để kết hợp chính sách Nam Mỹ của họ với bạo lực. Việc duy trì

tất cả những thuộc địa thuộc Tây Ban Nha hình như là nguyên tắc quan trọng nhất của hiến pháp ấy, và những nhà cách mạng hiện nay đều tán thành lập trường này.

Không có cuộc cách mạng nào mà hành động của các nhà hoạt động xã hội lại biểu hiện vô liêm sỉ như trong cuộc cách mạng Tây Ban Nha được phát động vì lợi ích của "đạo lý" này. Sự liên hợp của các đảng phái cũ (những người ủng hộ Ê-xpác-te-rô và những người ủng hộ Nác-va-e-xơ) hợp thành Chính phủ Tây Ban Nha hiện nay, tập trung sự chú ý của họ chủ yếu là vào việc chia nhau đồ cướp được - chức vụ, những vụ bổ nhiệm, lương bổng, tước vị và huân chương. Đun-xơ và Ê-sa-gu-ê đã đến Ma-đrít, Xéc-ran-nô yêu cầu cho phép y đến để nhận phần của mình trong vụ cướp đoạt. Giữa phái ôn hòa và phái tiến bộ nổ ra một cuộc tranh cãi lớn: bọn trên mắc tội bổ nhiệm tất cả các tướng lĩnh, bọn dưới mắc tội bổ nhiệm tất cả các lãnh tụ chính trị. Để xoa dịu sự bất bình của "đám dân đen", dững sĩ đấu bò Pu-xê-ta được đề bạt từ chức quản trị trưởng lò sát sinh lên chức cục trưởng cục cảnh sát. Ngay cả tờ báo hết sức ôn hòa "Clamor Público" cũng không che dấu được sự thất vọng của mình:

"Hành động của các tướng lĩnh và các lãnh tụ sẽ đáng khâm phục hơn, nếu như họ từ chối sự thăng quan tiến chức, nêu gương cao thượng về chí công vô tư và về sự trung thành với các nguyên tắc đạo lý mà cách mạng đã tuyên bố".

Sự vô liêm sỉ trong khi chia đồ cướp được cũng phản ánh trong việc bổ nhiệm các đại sứ. Không nói đến việc bổ nhiệm ngài Ô-lô-xa-ga làm đại sứ ở Pa-ri, con người trong khi làm đại sứ của Ê-xpác-te-rô cũng ở dinh thự ấy vào năm 1843 đã câu kết với Lui-i Phi-líp, Cri-xti-na và Nác-va-e-xơ, không nói đến việc bổ nhiệm A-lếch-khan-đrô Môn làm đại sứ ở Viên, nguyên là bộ trưởng Bộ tài chính của Nác-va-e-xơ năm 1844, cũng như việc bổ nhiệm Ri-ô-xơ-i-Rô-xa-xơ làm đại sứ ở Li-xbon và Pa-xto-rô Đì-a-xơ làm đại sứ ở Tu-rin, cả hai đều là những phần tử kém tài năng thuộc phái ôn hòa, chỉ đơn cử việc Gôn-xa-lét Bra-vô, hiện thân của sự sa đọa ở Tây Ban Nha, được bổ nhiệm làm đại sứ ở Công-xtăng-ti-nô-plit, là đủ. Năm 1840, Bra-vô cho xuất bản tạp chí "El

Gurigay" ("Chuyện phiếm") thuộc loại "Punch"²³¹ ở Ma-đrít trong đó y công kích gay gắt Cri-xti-na. Ba năm sau, việc theo đuổi chức tước đã biến y thành một kẻ ủng hộ rùm beng của phái ôn hòa. Nác-va-e-xơ cần có một công cụ linh hoạt, đã sử dụng Bra-vô làm thủ tướng Tây Ban Nha, sau đó đã đá đít y một khi không cần tới nữa. Trong khi làm thủ tướng, Bra-vô đã bổ nhiệm tên Ca-ra-xcô nào đó, một kẻ chuyên cướp bóc ngân khố Tây Ban Nha, làm bộ trưởng Bộ tài chính của mình. Y đã cử bố y, một người trước kia đã giữ một chức vụ nhỏ trong ngân khố, sau bị đuổi vì biển thủ, làm phó văn phòng Bộ tài chính; em rể y là Prin-xi-pê, khách quen của rạp hát, Bra-vô cho làm người hầu phòng của nữ hoàng. Khi người ta chỉ trích y là thay lòng đổi dạ và vụ lợi, y trả lời: "Một con người cứ mãi mãi trước sao sau vậy chẳng đáng buồn cười sao?" Và một con người như thế đã được cử giữ chức đại sứ của "cách mạng đạo lý".

Trái hẳn với những điều xấu xa đó mà bọn cầm quyền đem bôi nhọ phong trào Tây Ban Nha, người ta phẩn khởi được biết rằng, cuối cùng nhân dân đã buộc được những con người cừ khôi ấy phải đưa Cri-xti-na ra nghị viện xét xử và đồng ý triệu tập nghị viện quốc dân lập hiến không có thượng nghị viện, do đó không triệu tập theo luật bầu cử năm 1837 hoặc năm 1845. Chính phủ còn chưa dám đem áp đặt luật bầu cử do họ soạn ra, còn nhân dân thì nhất trí bày tỏ ý kiến tán thành quyền phổ thông đầu phiếu. Trong cuộc tuyển chọn vào lực lượng cận vệ quốc gia ở Ma-đrít, những người được tuyển chọn đều thuộc phái cấp tiến.

Sự hỗn loạn hoàn toàn bao trùm các tỉnh; các tập đoàn cầm quyền được thành lập và hoạt động khắp mọi nơi, và mỗi tập đoàn đều ra những nghị định có lợi cho địa phương mình: tập đoàn này xóa bỏ độc quyền thuốc lá, tập đoàn kia xóa bỏ thuế muối. Bọn buôn lậu mở rộng hoạt động trên quy mô lớn và rất thuận lợi tới mức là ở Tây Ban Nha, chúng là lực lượng duy nhất không bị tan rã. Ở Bác-xê-lô-na, trong binh sĩ xảy ra đánh lộn khi thì trong nội bộ, khi thì với công nhân. Tình trạng hỗn loạn đó ở các tỉnh hết sức có lợi, vì rằng nó không để cho thủ đô không chế được sự nghiệp cách mạng.

Báo chí xuất bản hiện nay ở Ma-đrít có các tờ báo sau: "España", "Novedades", "Nación", "Época", "Clamor Público", "Diario español", "Tribuno", "Esperanza", "Iberia", "Catolico", "Miliciano", "Independencia", "Guardia Nacional", "Esparterista", "Union", "Europa", "Espectador", "Liberal", "Eco de la revolución". Các tờ báo: "Heraldo", "Boletín del Pueblo" và "Mensajero" đã đình bản.

*Do C. Mác viết ngày 15 tháng Tám 1854
Đã đăng trên tờ "New-York Daily Tribune"
số 4172, ngày 1 tháng Chín 1854
Ký tên: Các Mác*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Anh
In toàn văn bằng tiếng Nga
lần đầu*

C.MÁC

* CÁCH MẠNG Ở TÂY BAN NHA. - BÔ-MÁC-XUN-ĐƠ

Luân Đôn, thứ sáu, ngày 18 tháng Tám 1854

Qua các bài xã luận đăng trên các báo "Assemblée national", "Times" và "Journal des Débats" người ta có thể thấy rằng, các đảng phái kiểu Nga thuần túy, kiểu Nga - Cô-buốc-gơ, cũng như kiểu lập hiến đều không hài lòng đối với tiến trình của cuộc cách mạng ở Tây Ban Nha. Có lẽ, từ đây có thể rút ra kết luận rằng, ở Tây Ban Nha có ít nhiều triển vọng, mặc dù tình hình bên ngoài nghe chừng trái lại.

Ngày 8 tháng Tám, đoàn đại biểu của Câu lạc bộ đồng minh²³² tới yết kiến Ê-xpác-te-rô, để trao cho ông ta đơn thỉnh cầu về quyền phổ thông đầu phiếu. Nhiều đơn thỉnh cầu bao hàm cùng nội dung đó nối tiếp nhau đưa tới. Do đó trong hội đồng bộ trưởng đã có cuộc tranh luận kéo dài và sôi nổi. Nhưng những người ủng hộ quyền phổ thông đầu phiếu, cũng như những người ủng hộ luật tuyển cử năm 1845 đều bị thất bại. Tờ "Gaceta" ở Ma-đrít đã công bố sắc lệnh về việc triệu tập nghị viện vào ngày 8 tháng Mười một, trước khi ra sắc lệnh, đã có exposé^{1*} gửi cho nữ hoàng. Cuộc bầu cử sẽ được tiến hành dựa theo đạo luật năm 1837 có sửa đổi ít nhiều. Nghị viện phải là nghị viện lập hiến thống nhất, vì rằng chức năng lập pháp của thượng nghị viện đã bị bãi bỏ. Đạo luật năm 1845 còn lại hai điểm có hiệu lực, đó là những điểm về phương pháp thành lập mesas bầu cử (cơ quan điều hành cuộc bầu cử và công bố kết quả bầu cử) và số đại biểu: cứ 5000 người thì bầu một đại biểu. Như vậy, nghị viện sẽ có từ 420 đến 430 đại biểu. Theo thông tri của bộ trưởng Bộ nội vụ là Xan-ta-Cru-xơ, công tác đăng ký cử tri phải làm xong trước ngày 6 tháng Chín. Sau khi cơ quan thị chính của các tỉnh duyệt danh sách cử tri, công tác đăng ký sẽ kết thúc

1* - bản giải thích

"Novedades", "Nación", "Época", "Clamor Público", "Diario español", "Tribuno", "Esperanza", "Iberia", "Catolico", "Miliciano", "Independencia", "Guardia Nacional", "Esparterista", "Union", "Europa", "Espectador", "Liberal", "Eco de la revolución". Các tờ báo: "Heraldo", "Boletín del Pueblo" và "Mensajero" đã đình bản.

*Do C. Mác viết ngày 15 tháng Tám 1854
Đã đăng trên tờ "New-York Daily Tribune"
số 4172, ngày 1 tháng Chín 1854
Ký tên: Các Mác*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Anh
In toàn văn bằng tiếng Nga
lần đầu*

C.MÁC

* CÁCH MẠNG Ở TÂY BAN NHA. - BÔ-MÁC-XUN-ĐƠ

Luân Đôn, thứ sáu, ngày 18 tháng Tám 1854

Qua các bài xã luận đăng trên các báo "Assemblée national", "Times" và "Journal des Débats" người ta có thể thấy rằng, các đảng phái kiểu Nga thuần túy, kiểu Nga - Cô-buốc-gơ, cũng như kiểu lập hiến đều không hài lòng đối với tiến trình của cuộc cách mạng ở Tây Ban Nha. Có lẽ, từ đây có thể rút ra kết luận rằng, ở Tây Ban Nha có ít nhiều triển vọng, mặc dù tình hình bên ngoài nghe chừng trái lại.

Ngày 8 tháng Tám, đoàn đại biểu của Câu lạc bộ đồng minh²³² tới yết kiến Ê-xpác-te-rô, để trao cho ông ta đơn thỉnh cầu về quyền phổ thông đầu phiếu. Nhiều đơn thỉnh cầu bao hàm cùng nội dung đó nối tiếp nhau đưa tới. Do đó trong hội đồng bộ trưởng đã có cuộc tranh luận kéo dài và sôi nổi. Nhưng những người ủng hộ quyền phổ thông đầu phiếu, cũng như những người ủng hộ luật tuyển cử năm 1845 đều bị thất bại. Tờ "Gaceta" ở Ma-đrít đã công bố sắc lệnh về việc triệu tập nghị viện vào ngày 8 tháng Mười một, trước khi ra sắc lệnh, đã có exposé^{1*} gửi cho nữ hoàng. Cuộc bầu cử sẽ được tiến hành dựa theo đạo luật năm 1837 có sửa đổi ít nhiều. Nghị viện phải là nghị viện lập hiến thống nhất, vì rằng chức năng lập pháp của thượng nghị viện đã bị bãi bỏ. Đạo luật năm 1845 còn lại hai điểm có hiệu lực, đó là những điểm về phương pháp thành lập mesas bầu cử (cơ quan điều hành cuộc bầu cử và công bố kết quả bầu cử) và số đại biểu: cứ 5000 người thì bầu một đại biểu. Như vậy, nghị viện sẽ có từ 420 đến 430 đại biểu. Theo thông tri của bộ trưởng Bộ nội vụ là Xan-ta-Cru-xơ, công tác đăng ký cử tri phải làm xong trước ngày 6 tháng Chín. Sau khi cơ quan thị chính của các tỉnh duyệt danh sách cử tri, công tác đăng ký sẽ kết thúc

1* - bản giải thích

vào ngày 12 tháng Chín. Cuộc bầu cử sẽ được tiến hành vào ngày 3 tháng Mười tại các địa điểm chính của các khu vực bầu cử. Cuộc kiểm phiếu sẽ bắt đầu ngày 16 tháng Mười tại tỉnh lỵ các tỉnh. Trường hợp kết quả bầu cử còn chưa rõ và cần bầu lại, thì phải tiến hành trước ngày 30 tháng Mười. Bản giải thích nói rành rọt rằng:

"nghị viện năm 1854 giống như nghị viện năm 1837 trước nó phải cứu vãn nền quân chủ; nó phải xây dựng những quan hệ mới giữa ngôi vua và quốc dân; những mục đích ấy không được thành đối tượng để thảo luận cũng như để chất vấn".

Nói cách khác, chính phủ cấm thảo luận vấn đề vương triều; từ chỗ này tờ "Times" lại rút ra kết luận ngược lại, cho rằng, vấn đề sẽ được đặt ra như sau: hoặc là vương triều hiện nay, hoặc là không còn vương triều nào nữa; cần nhấn mạnh rằng cái triển vọng cuối cùng này làm tờ "Times" rất đau lòng và phá vỡ mọi kế hoạch của nó.

Luật tuyển cử 1837 chỉ quy định quyền bầu cử cho những công dân có hoặc thuê nhà hay đất đai, có nộp mayores cuotas (thuế thuyền do nhà nước thu) và đủ 25 tuổi. Ngoài ra, những người sau đây cũng có quyền bầu cử: viện sĩ viện hàn lâm lịch sử và nghệ thuật tự do Tây Ban Nha, tiến sĩ, thạc sĩ các hệ thần học, luật học và y học, thành viên của hội linh mục, linh mục, chánh xứ và các giáo sĩ thuộc quyền, quan tòa và luật sư đã phục vụ hai năm, sĩ quan quân đội đã phục vụ một thời hạn nhất định còn tại ngũ hoặc thuộc ngạch dự Bị, bác sĩ, nhà phẫu thuật, dược sĩ có hai năm phục vụ, kiến trúc sư, họa sĩ, nhà điêu khắc là viện sĩ của viện hàn lâm nào đó, giáo sư và giáo viên các trường công. Đạo luật đó cũng tước quyền bầu cử của những người không nộp thuế cho nhà nước hoặc địa phương, những người phá sản, hoặc những người bị tước quyền do nguyên nhân về đạo đức hoặc tư cách công dân, sau hết, là tất cả những người đang bị đưa ra tòa và bị thẩm cứu.

Như vậy, sắc lệnh không quy định quyền phổ thông đầu phiếu và tước bỏ của nghị viện quyền lực đối với vấn đề vương triều. Nhưng có ít khả năng là, người ta có thể chấp nhận ngay cả một nghị viện như thế. Năm 1812 nghị viện Tây Ban Nha không đề cập đến vấn đề nền quân chủ chỉ vì rằng, nó chỉ tồn tại trên danh nghĩa, bởi vì quốc vương từ nhiều năm đã ở ngoài biên giới Tây Ban Nha. Năm 1837, nghị viện

không đề cập đến vấn đề ấy vì rằng, trước hết, phải chấm dứt chế độ quân chủ chuyên chế, rồi mới nghĩ đến thái độ đối với chế độ quân chủ lập hiến. Còn về tình hình chung trong nước thì tờ "Times" hoàn toàn có lý khi oán trách rằng ở Tây Ban Nha không có chế độ trung ương tập quyền kiểu Pháp do đó ngay cả khi đánh bại được cách mạng ở thủ đô cũng không giải quyết gì được vấn đề các tỉnh, chừng nào mà ở đó còn tiếp diễn tình trạng "vô chính phủ", không có nó thì không cuộc cách mạng nào có thể thành công được.

Đương nhiên là, trong cách mạng Tây Ban Nha có một số nhân tố đặc thù của nó. Chẳng hạn, sự kết hợp giữa cướp bóc với hoạt động phản kháng là một đặc điểm trước hết biểu hiện trong chiến tranh du kích chống sự xâm lược của Pháp, sau đó được "phái bảo hoàng" kế thừa vào năm 1823 và phái Các-lốt kế thừa từ năm 1835. Vì vậy không có gì lạ khi được tin về những vụ rối loạn lớn nổ ra ở Toóc-tô-xa thuộc Hạ Ca-ta-lô-ni. Trong lời kêu gọi ngày 31 tháng Bảy, Junta popular^{1*} thành phố ấy nói:

"Bọn sát nhân đề tiện viện có đòi xóa bỏ thuế gián thu, đã chiếm thành phố và chà đạp lên mọi luật lệ xã hội. Hành động của nó là sự cướp bóc, tàn sát và đốt phá".

Song, hội đồng đã nhanh chóng khôi phục được trật tự: nhân dân thành phố đã được vũ trang và kịp thời đến cứu đơn vị bảo vệ yếu kém của thành phố. Ủy ban quân sự được toàn quyền truy cứu và trừng phạt bọn tội phạm gây ra sự kiện ngày 30 tháng Bảy đã nhóm họp. Điều đó đương nhiên tạo cho báo chí phản động cái cớ để tuôn ra những lời lẽ huyên thuyên đầy đạo đức. Nhưng lý do của những tờ báo ấy không chính đáng đến mức nào, thì có thể thấy được qua tin tức của tờ "Messenger de Bayonne" nói rằng phái Các-lốt đã giương cờ ở các tỉnh Ca-ta-lô-ni, A-ra-gông và Va-len-xi-a, tức là ở chính những vùng sơn địa xung quanh, nơi có những sào huyệt chính của chúng trong thời kỳ chiến tranh của phái Các-lốt. Chính trong phái Các-lốt đã xuất hiện trước tiên ladro faccioso, tức bọn thổ phỉ tự xưng là người ủng hộ của những đảng phái bị các nhà cầm quyền truy nã. Từ thời kỳ Vi-ri-át, đội du kích Tây Ban Nha bao giờ cũng mang chút ít tính chất thổ phỉ;

1* - hội đồng nhân dân

nhưng một tên thổ phỉ bình thường nhất lại tự phong là quân du kích, thì đó là cái mối trong sự phát minh của phái Các-lốt. Những kẻ tham gia sự kiện toóc-tô-xa hiển nhiên là thuộc loại người ấy.

Ở Lê-ri-da, Xa-ra-gốt và Bác-xê-lô-na, tình hình rất nghiêm trọng. Hai thành phố trên từ chối liên hợp với Bác-xê-lô-na, vì rằng giới quân sự thống trị ở đây. Nhưng, xem ra thì ngay Côn-sa cũng không đủ sức đối phó với bão táp ở đây, và tướng Đun-xơ phải thay vị trí của y, vì người ta cho rằng tiếng tăm mà viên tướng này đạt được gần đây là sự bảo đảm lớn hơn cho việc khắc phục khó khăn.

Các đoàn thể bí mật đã khôi phục hoạt động ở Ma-đrít; họ lãnh đạo phái dân chủ hết như năm 1823²³³. Yêu cầu đầu tiên mà nhân dân đưa ra nhờ sự kiên trì của các đoàn thể ấy, là tất cả các bộ trưởng cũ từ 1843 đều phải đệ trình báo cáo của mình.

Chính phủ đã mua lại những vũ khí mà nhân dân chiếm được trong các trận chiến đấu trên chiến lũy. Bằng cách đó, chính phủ đã thu được 2500 khẩu súng trước đây nằm trong tay những người khởi nghĩa. "A-i-a-cu-sô" don Ma-nu-en Xa-ga-xti, cựu jefe politico^{1*} Ma-đrít năm 1843 đã được phục chức. Ông ta ra hai bản bố cáo - gửi dân chúng và gửi quân tự vệ quốc dân - trong đó ông ta tuyên bố ý đồ của mình là kiên quyết đàn áp mọi vụ lộn xộn. Việc cách hết mọi chức vụ của các thủ hạ của Xac-tô-ri-út được thực hiện rất nhanh chóng. Có lẽ, đây là việc duy nhất tiến hành được nhanh chóng ở Tây Ban Nha. Về điểm này, tất cả các đảng phái đều biểu hiện sự mau lẹ như nhau.

Trái với tin tức trước đây, Xa-la-man-ca không bị giam; ông ta bị bắt ở A-ran-hu-ê-xơ, nhưng được thả nhanh chóng và hiện đang ở Ma-la-ha.

Bằng chứng của tình hình nhân dân kiểm soát được chính phủ bằng sức ép của mình - một sự việc chưa hề nghe thấy trong lịch sử Tây Ban Nha - là sự biến động lớn về nhân sự do bộ trưởng Bộ chiến tranh, bộ trưởng Bộ nội vụ và bộ trưởng Bộ công trình công cộng tiến hành và sự tinh giản công tác quản lý của những ngành ấy.

Phái liên hợp, tức phái Cô-buốc-gơ - Bra-gan-xa²³⁴ rất yếu. nếu không tại sao nó lại làm rùm beng như vậy về một lời chúc mừng duy

nhất từ Bồ Đào Nha gửi đến đội cận vệ quốc dân Ma-đrít? Nếu nghiên cứu hơi kỹ một chút, thì rõ ràng là lời chúc mừng ấy (do tờ "Journal de Progrès" ở Li-xbon phát ra) không liên quan gì đến vấn đề vương triều và chẳng qua chỉ là lời thăm hỏi anh em quá quen thuộc với chúng ta trong phong trào năm 1848 mà thôi.

Nguyên nhân chính của cách mạng Tây Ban Nha là tình hình tài chính, trong đó có sắc lệnh của Xac-tô-ri-út quy định thu thuế trước sáu tháng. Khi cách mạng nổ ra, tất cả các công quỹ đều rỗng tuếch, dù rằng là không có ngành nào chi ra; hơn nữa, trong nhiều tháng, các số tiền quy định cho những mục đích nhất định nào đó, đều không được sử dụng theo quy định. Chẳng hạn, thuế đường sá thu ở các cửa quan hoàn toàn không được dùng vào việc tu sửa đường sá. Những khoản tiền dành riêng cho công trình công cộng cũng vậy. Khi kiểm tra quỹ công trình công cộng, thì không thấy chứng từ chi cho công trình công cộng, mà lại thấy giấy biên nhận tiền của các quan được tin dùng của triều đình. Mọi người đều biết rằng nghiệp vụ tài chính từ lâu đã là công việc kiếm lời nhất ở Ma-đrít. Ngân sách Tây Ban Nha năm 1853 như sau:

Kinh phí cho hoàng cung và hoàng tộc	47350000	rê-a-lơ
Lập pháp.....	1331685	"
Lợi tức công trái.....	213271423	"
Thủ tướng nội các	1687860	"
Ngành ngoại giao	3919083	"
Ngành tư pháp.....	390012233	"
Lục quân	278646284	"
Hải quân	85165000	"
Ngành nội vụ.....	43957940	"
Cảnh sát.....	72000000	"
Ngành tài chính.....	142279000	"
Tiền trợ cấp.....	143400586	"
Nhà thờ	119050508	"
Chi phí bất thường	18387788	"

Cộng: 1 209 448 390 rê-a-lơ

1* - tổng đốc

Mặc dù ngân sách như vậy, Tây Ban Nha là nước thu thuế ít nhất trong các nước châu Âu và không nơi nào vấn đề kinh tế lại quá giản đơn như ở đây. Vì theo truyền thống, các thành thị Tây Ban Nha tự quản lý công việc của mình, nên việc thu hẹp và tinh giản bộ máy quan liêu ở đây ít gặp khó khăn nhất, việc cải cách thuế khóa và việc sử dụng hợp lý bienes nacionales^{1*} chưa được trưng mua cũng thế. Vấn đề xã hội theo ý nghĩa hiện đại của danh từ, không có cơ sở ở Tây Ban Nha - một nước mà tài nguyên còn khai thác kém như thế và dân cư thưa thớt như thế - tất cả có 15000000 nhân khẩu.

Qua báo chí Anh, các bạn đã biết những chiến công đầu tiên của quân Anh ở Bô-mác-xun-đơ. Báo chí đáng thương chưa có dịp nào báo tin một sự kiện thực sự nổi bật nào đó, lấy làm khoái trá về thắng lợi mà 10000 quân Pháp thu được trước 2000 quân Nga. Chúng ta không bàn đến những chiến công ấy và tốt hơn hết là xem xét những hậu quả của việc chiếm lĩnh hòn đảo thuộc faubourg^{2*} Xtốc-khôm, chứ không phải Xanh-Pê-téc-bua. Báo Pháp "Siècle" đưa tin, và nhiều tờ báo khác đăng lại tin ấy rằng Thụy Điển sẽ lập tức tham gia vào những biện pháp tích cực của các cường quốc phương Tây chống lại Nga. Về tính xác thực của tin tức ấy thì có thể phán đoán theo sự việc là Thụy Điển đã ký hiệp ước về trung lập vũ trang đúng vào lúc có thể tác chiến thuận lợi ở vùng hồ ao và rừng rú Phần Lan. Phải chăng hiện nay nó sẽ thay đổi chính sách của mình, khi mà thời cơ thuận lợi cho những hoạt động ấy đã qua rồi? Anh Pháp đã cự tuyệt sự bảo đảm về tiền tài và đất đai mà quốc vương Ô-xca-rơ yêu cầu làm điều kiện cho sự đồng ý của mình. Ngoài ra, nếu Thụy Điển quả thực chuẩn bị xuất quân, thì giải thích ra sao mệnh lệnh của chính phủ Thụy Điển về việc bỏ lệnh động viên toàn bộ hạm đội? Việc bỏ lệnh động viên ấy thực hiện đối với các tàu chiến chủ lực "Sác-lơ XII", "Hoàng thân Ô-xca-rơ", tàu tuần dương hạng vừa "Đê-di-rê" và các tàu tuần dương nhẹ "Ghê-phlơ" và "To-rơ".

Việc đánh chiếm Bô-mác-xun-đơ hiện nay vào lúc mà mặt biển ở vĩ độ ấy sắp sửa đóng băng, không thể có ý nghĩa gì. Ở Hăm-buốc vẫn có

ý kiến phổ biến cho rằng tiếp sau đó là việc chiếm Ri-ga. Ý kiến này là dựa vào bức thư mà đại úy Hít-cốt, chỉ huy tàu "Ác-se-rơ", gửi cho lãnh sự Anh ở Mê-men, là ngài Héc-tô-lét, trong đó có nói rằng tất cả các tàu nước ngoài đều phải rời vịnh Ri-ga trước ngày 10 tháng Tám.

Rõ ràng là, Phổ kiên quyết ủng hộ việc buôn vũ khí ở biên giới của mình với Nga và đồng thời chuẩn bị đoạn tuyệt với các cường quốc phương Tây. Các tư lệnh các cảng Khuê-ních-xbéc, Đan-txích, Côn-béc-gơ và Xvi-nê-muyn-đơ đã nhận được lệnh tăng cường các cứ điểm ấy.

Những tờ báo có ảnh hưởng nhất ở Na Uy và Thụy Điển tuyên bố rằng:

"Không có gì điên rồ bằng tham gia các nước đồng minh và lao vào những hy sinh lớn lao, khi chưa nắm chắc một cách rõ ràng và tuyệt đối rằng Nga sẽ bị đánh tan và Ba Lan sẽ được khôi phục. Trong trường hợp trái lại, thậm chí việc chuyển giao Phần Lan cho Thụy Điển cũng chỉ là sự lừa gạt và cạm bẫy mà thôi".

Đồng thời cần nhớ rằng, tất cả các chính phủ phương Bắc ấy đều ở trong tình trạng xung đột với nhân dân nước mình. Chẳng hạn ở Cô-pen-ha-ghen, tình hình như sau: người Slê-dơ-vích - Hôn-stai-nơ quyết định hoàn toàn không tham gia cuộc bầu cử nghị viện, trong khi đó các cử tri ở Cô-pen-ha-ghen đã trao cho tiến sĩ Mát-vích, thượng nghị sĩ, lời kêu gọi trong đó họ đề nghị ông đừng nhận giấy ủy nhiệm tham gia hội đồng nhà nước, vì rằng sắc lệnh của quốc vương là sự phá hoại đối với hiến pháp Đan Mạch và quyền lợi của nhân dân Đan Mạch.

*Do C. Mác viết ngày 18 tháng Tám 1854
Đã đăng trên tờ "New-York Daily Tribune"
số 4174, ngày 4 tháng Chín 1854
Ký tên: Các Mác*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Anh*

1* - ruộng đất thuộc sở hữu nhà nước

2* - ngoại ô

PH. ĂNG-GHEN

CUỘC ĐÁNH CHIẾM BÔ-MÁC-XUN-ĐƠ²³⁵ (BÀI THỨ NHẤT)

Liên quân rút cục đã có những hành động kiên quyết. Họ đã chiếm Bô-mác-xun-đơ. Ngày 3 và 4 tháng Tám, quân Pháp và lính thủy đánh bộ Anh đã đổ bộ lên quần đảo A-lăng; ngày 10, cứ điểm đã bị bao vây; trong ba ngày tiếp theo người ra đã xây dựng trận địa pháo và bố trí pháo; ngày 14 bắt đầu nổ súng; ngày 15 đã tấn công chiếm hai tháp canh hình tròn, quân Pháp chiếm một, quân Anh chiếm một; ngày 16, sau một trận chiến đấu ngắn trong đó liên quân hầu như không tổn thất gì, một lô-cốt lớn có hầm ngầm đã đầu hàng. Không nghi ngờ gì nữa, sự nhanh chóng của hành động đã chứng minh một sự dũng cảm nào đó. Căn cứ vào toàn bộ tài liệu mà chúng tôi đã có thì có thể cho rằng muốn chiếm cứ điểm, cần phải tiến hành vây đánh chính quy, ít ra phải đào một chiến hào song song và cần khoảng hai tuần đào chiến hào tiếp cận. Thậm chí tờ "Times" ở Luân Đôn từ lâu đã khoắc lác rằng bộ binh của liên quân chỉ cần xung phong bằng lưỡi lê là đủ làm cho tường đá tan tành, - thậm chí cũng phải thừa nhận rằng không vây đánh thì không được và cái công việc mệt người ấy chắc sẽ kéo dài hai tuần lễ.

Vì vậy, nếu như cuộc tấn công đã thành công khoảng một tuần lễ sau khi bao vây và vào ngày thứ sáu sau khi bắt đầu đào hào, thì tự nhiên có thể rút ra kết luận rằng những khó khăn mà những người tiến hành vây hãm vấp phải đã nhỏ bé hơn nhiều so với họ dự tính. Cái gì đã làm dễ dàng nhiệm vụ của họ, - về điểm này, trước khi nhận được các báo cáo tỉ mỉ, dĩ nhiên chúng ta chỉ có thể phán đoán thôi; song có nhiều tình huống có thể có lợi cho họ. Phần lớn lực lượng đóng giữ gồm người Phần Lan, thậm chí một bộ phận là người ở quần đảo A-lăng.

Đương nhiên, họ không được cổ vũ nhiều bằng tinh thần yêu nước Nga, theo lời của lính đào ngũ, thì thậm chí họ đã quyết định hoàn toàn không chống cự, nếu xuất hiện khả năng liên quân tấn công. Xem ra, dân cư trên quần đảo này tin chắc rằng liên quân nhất quyết tấn công Bô-mác-xun-đơ, cho nên họ đã đón tiếp liên quân như đón người giải thoát họ khỏi xiềng xích của Nga và, dĩ nhiên, cung cấp cho liên quân mọi loại tin tức và giúp đỡ liên quân về mọi mặt. Nhưng thực chất của vấn đề phải là ở chỗ, trong cấu trúc của bản thân cứ điểm có khuyết điểm nghiêm trọng nào đó. Vì không thể có được bản đồ của cứ điểm và tất cả những tài liệu của chúng tôi về cứ điểm đều dựa vào những bản vẽ bề ngoài và sơ đồ, cũng như vào sự mô tả của những người không có chuyên môn (dù sao cũng không phải sự mô tả của các công trình sư), do đó rất lơ mơ, vì trong những bản phác họa và trong những sự mô tả có rất nhiều chi tiết mâu thuẫn nhau, cho nên chúng tôi không dám nêu lên xem sơ xuất ấy là ở chỗ nào.

Nhưng dựa vào các sơ đồ thì hai tháp canh tròn có thể dùng hỏa lực chi viện cho nhau ở bên sườn trên một mức độ nhất định; nhưng vì ở tất cả các công sự hình tròn các cỗ pháo phải bố trí theo bán kính, và hỏa lực của nó tất nhiên hết sức phân tán, cho nên kích thước công sự càng nhỏ, do đó số lượng pháo càng ít, thì mức độ phân tán của hỏa lực càng lớn và hiệu quả của nó càng nhỏ. Vì vậy, Mông-ta-lăm-be thận trọng khuyên tránh sử dụng những tháp phòng thủ như thế, trừ trường hợp sự phân tán của hỏa lực được bù đắp bằng sự chi viện mạnh mẽ mà mỗi tháp phòng thủ nhận được của tháp ở bên phải và bên trái và của cứ điểm chính bố trí ở phía sau nó. Nếu như 5 hoặc 6 tháp phòng thủ như thế có thể tập trung hỏa lực vào một điểm thì hỏa lực ấy sẽ trở thành tập trung và có hiệu quả, không như trước đây nó đã bị phân tán và yếu. Ngoài ra, Mông-ta-lăm-be đặc biệt biết rõ rằng trong giai đoạn cuối của cuộc vây hãm, khi cần tiến hành xung phong thì hỏa lực có hiệu quả nhất chống lại bên tấn công là hỏa lực của bộ binh. Vì vậy, không những ông trù liệu lắp đặt trong tháp các thiết bị thích ứng với bộ binh phòng ngự, mà thông thường còn nối liền các tháp riêng lẻ bằng một loại giao thông hào có nắp hoặc chiến hào sử dụng không những để bảo đảm đi lại an toàn, mà còn để phát huy hỏa lực của bộ

binh. Về lợi ích của loại chiến hào này, chúng ta vừa có dịp thấy rõ qua ví dụ về A-ráp - Ta-bi-a, tại đây toàn bộ khâu phòng ngự bên sườn đều dựa vào loại chiến hào ấy, cho phép một nhóm nhỏ người Ác-na-ut đánh lui được hết đợt nọ đến đợt kia mọi cuộc tấn công của quân Nga. Sau hết, Mông-ta-lăm-be ra sức làm cho tháp phòng thủ của mình hoàn toàn tránh khỏi mọi coup de main*. Ông cho đào hào và giao thông hào có nắp xung quanh tháp, có khi coi nó thuần túy là réduit, nghĩa là trận địa dự bị cuối cùng của đồn lớn kiên cố. Đây là một kiểu cấu trúc già dặn nhất và xem ra cũng chính xác nhất của ông. Cấu trúc này đã được sử dụng, với những sự sửa đổi ít nhiều, ở hầu hết các công sự vào thời gian cuối đây có kèm theo các tháp nhỏ kiểu Mông-ta-lăm-be. Để tăng thêm khó khăn cho việc tiếp cận tháp, ông đã rất khéo léo làm cho toàn bộ tầng dưới hoặc hầm của tháp thích ứng với bộ binh tiến hành phòng ngự.

Song, chính về các mặt ấy rõ ràng là quân Nga đã mắc những sơ suất nghiêm trọng. Hỏa lực cường tập kéo dài 20 - 30 giờ rõ ràng không đủ để mở một đợt phá khẩu khá lớn ngay khi sử dụng pháo nòng dài 32 pao, trừ phi chất đá của cứ điểm không thuộc chất lượng thường dùng để xây công sự. Do đó có thể cho rằng tháp phòng thủ là do binh sĩ dùng thang leo vào lỗ châu mai, cho nổ tung cửa mà chiếm lấy. Sở dĩ chiếm được như vậy là do hỏa lực yểm trợ bên sườn tháp hết sức yếu ớt, vì rằng xem ra gần lô-cốt chính, ở phía sau không có pháo đài yểm trợ cho tháp, cho nên mỗi tháp chỉ được một tháp khác yểm trợ từ bên sườn. Sơ xuất đó càng nghiêm trọng ở chỗ là, qua sơ đồ ta thấy rất rõ rằng địa hình rất mấp mô ở khu vực lô-cốt cho phép binh lính xung phong ẩn sau những mô đất để tiến được đến khá gần. Hơn nữa, căn cứ vào sơ đồ và sự việc thực tế thì có thể phán đoán rằng quân Nga không có biện pháp gì đối phó với coup de main. Xem ra, xung quanh các tháp hoàn toàn không có lô-cốt cố thủ, mà những lô-cốt cố thủ do quân Nga xây dựng phía trước các tháp, thì đã đầu hàng hầu như không chống cự gì. Nghe nói, xung quanh mỗi tháp đều có hào; nhưng hào rất nông và không thích hợp cho bộ binh tiến hành phòng ngự. Một khi tháp đã bị

1* - tập kích bất ngờ

liên quân chiếm thì lô-cốt chính, mà những tháp ấy khổng chế, tất nhiên rơi vào tay họ. Do đó, lô-cốt chính đã thất thủ, rất có thể là sau khi chỉ chống cự trên hình thức mà thôi.

Nếu phán đoán về những công sự ấy căn cứ vào thời gian ngắn ngủi của cuộc vây hãm thì có thể cho rằng những người xây dựng những công sự ấy hoàn toàn không tính đến khả năng tấn công mãnh liệt từ phía đất liền. Khi xây dựng những tháp này, có lẽ họ chỉ chú ý đến việc chống lại cuộc tấn công của lính thủy đánh bộ là lực lượng không vượt quá 2000 người và không đủ số lượng để tiến hành một cuộc xung phong hoặc một cuộc vây hãm chính quy có kết quả. Do đó mà mặt hướng ra biển có lực lượng mạnh nhất, còn lực lượng ở tuyến đất liền trên đó có xây tháp, thì mang tính chất phô trương hơn là thực tế. Kỳ thực, qua kinh nghiệm có thể thấy rằng ngay 1000 lính thủy đánh bộ lẽ ra đã có thể tấn công chiếm lấy tháp trước đây mấy tháng và nhờ đó mà buộc lô-cốt chính phải đầu hàng!

Còn bản thân việc tấn công thì hình như người Pháp cũng như người Anh đều tiến hành rất giỏi. Quân Anh đặc biệt nổi tiếng về lĩnh vực tấn công; đây là phương pháp quen thuộc của họ và hầu như bao giờ họ cũng thành công với phương pháp tác chiến này. Quân Pháp ưa tấn công ở địa hình trống trải; còn khi vây hãm thì dựa vào tư duy toán học của bộ óc của họ, họ ưa tuân theo khoa học có phương pháp, tiêu biểu của người Pháp do Vô-băng sáng lập ra. Nhưng rõ ràng là họ đã bị nghị lực của một lão tướng Anh lôi cuốn. Trong đơn vị quân đội ở Bô-mác-xun-đơ có một viên đại tá già họ Giôn-xơ là người đã vượt Vô-băng khi chiến đấu chống lại quân phòng thủ dũng cảm và ngoan cường ở Ba-đa-hốt, Xuy-đa-đơ-Rốt-ri-gô và Xan-Xê-bát-ti-an, bằng những phương tiện rõ ràng là thiếu thốn đã khéo rút ngắn được gần một phần ba thời gian dự định vây đánh. Đại tá Giôn-xơ là một công trình sư xuất sắc. Trái với các đồng nghiệp của mình, ông không cho rằng việc vây hãm là một ngày hội thi cử trong đó tổng công trình sư dự thi và phải chứng minh trước toàn quân xem anh ta nhớ và hiểu được bao nhiêu trong tất cả những quy tắc về vây hãm chính quy và trong tất cả những nguyên tắc của luật "Vây hãm cứ điểm" của

Vô-băng²³⁶. Ông không cho rằng toàn quân tập hợp tại hiện trường vì mấy anh công trình sư mà họ phải bảo vệ trong khi mấy anh này biểu diễn trò ảo thuật của mình. Đại tá Giôn-xơ trước hết là một quân nhân, rồi sau nữa mới là một công trình sư. Ông hiểu rõ người lính Anh và biết họ làm được những gì. Việc chiếm lĩnh nhanh chóng, kiên quyết và không âm ỉ cứ điểm Bô-mác-xun-đơ trong một tối gian chỉ bằng nửa thời hạn dự định, làm cho người ta nhớ lại việc công phá và đánh chiếm các thành lũy Tây Ban Nha, đến nỗi không ai có thể chỉ huy nổi cuộc đánh chiếm ấy trừ lão tướng Giôn-xơ. Quân Pháp chưa bao giờ có thể nghĩ đến dùng phương pháp ấy để chiếm cứ điểm. Phương pháp ấy trái ngược với toàn bộ tính cách của họ, nó quá ư thẳng đuột, nó quá ư thiếu sự lịch thiệp và sự kiêu cách. Nhưng họ không thể bác bỏ uy tín của một con người trước đây 50 năm đã thí nghiệm đối với chính họ cái phương pháp chiếm cứ điểm không chính quy của mình và đã chứng thực rằng phương pháp ấy bao giờ cũng đạt được mục đích. Nhưng khi sự việc đã đi đến chỗ phải tiến hành đánh chiếm thì về tính kiên quyết quân Pháp xem ra cũng không thua kém quân Anh.

Điều thú vị là quân Nga tự hào về khả năng đánh chiếm của mình lại bị chống cự và thất bại trong mọi ý đồ chiếm công sự đã chiến bằng phương pháp đánh chiếm, từ Pê-rê-cốp và Ốt-sa-cốp đến Vác-sa-va và Bu-xơ-ri-xa, còn trong trận đánh ở Xi-li-xơ-ri thì thậm chí không chiếm được công sự đã chiến bằng phương pháp vây đánh chính quy và còn buộc phải rút lui mặc dù quân Thổ Nhĩ Kỳ phòng thủ cứ điểm không được sự chi viện nào; mặt khác, ngay từ đầu cuộc chiến tranh này, quân Thổ Nhĩ Kỳ đã tấn công chiếm được công sự kiên cố của quân Nga - pháo đài Thánh Ni-cô-lai, còn cứ điểm Bô-mác-xun-đơ nổi tiếng cũng bị chiếm mà chưa chắc đã xứng danh là một chiến hào lộ thiên. Còn phải chỉ rõ rằng hoàn toàn có thể cho rằng hạm đội không đóng vai trò nào đối chút quan trọng trong thắng lợi ấy. Xem ra thì các tàu chiến, như mọi lần, đều tìm cách đứng ở xa các pháo đài có hầm ngầm.

Nhưng tính chất của thắng lợi này của liên quân cho thấy rằng hoàn toàn có khả năng là họ sẽ không có hành động gì trong mùa thu tới. Dù sao thì những đơn vị quân đội sử dụng cho cuộc viễn chinh đại quy mô

ở Xê-va-xtô-pôn, vẫn còn chưa xuất phát và người ta đã tuyên bố hoãn thêm mấy tuần nữa. Như vậy thì sẽ quá muộn và do đó việc nghỉ ngơi và lấy lại sức vào mùa đông - điều này hết cần thiết sau tất cả những gian khổ chịu đựng tại trại lính ở Vác-na - sẽ được bảo đảm cho các binh sĩ anh dũng của liên quân.

*Do Ph. Ăng-ghen viết ngày 21 tháng Tám 1854
Đã đăng làm xã luận trên tờ "New-York Daily
Tribune" số 4174, ngày 4 tháng Chín 1854*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Anh
In bằng tiếng Nga lần đầu*

PH. ĂNG-GHEN

CUỘC ĐÁNH CHIẾM BÔ-MÁC-XUN-ĐƠ (BÀI THỨ HAI)

Tin tức tỉ mỉ về trận đánh chiếm Bô-mác-xun-đơ đăng trên báo chí vẫn mang tính chất mập mờ và thiếu tính chất thiết thực. Vì vậy, trên thực tế chúng tôi không biết các khẩu đội pháo công thành bố trí cách lô-cốt bao xa, và trong khi có cuộc tấn công từ mặt biển, các chiến hạm đậu ở chỗ nào. Trái với sự chờ đợi, chúng tôi không biết được điều gì mới về cấu tạo của lô-cốt ngay cả sau khi liên quân đã chiếm được chúng. Hầu hết mọi vấn đề quan trọng đều bị lơ tịt và người ta làm vui lòng công chúng bằng những chi tiết văn vẻ sinh động hơn là bằng những chi tiết kỹ thuật. Thậm chí những thông cáo chính thức cũng được viết cầu thả đến mức không thể hiểu được là quân Pháp có dùng tấn công để chiếm lô-cốt I-dê-ê (theo cách viết của địa phương) hay không, trong đó, hình như ngoài người chỉ huy ra, không có một ai chống cự cả.

Những tài liệu có hạn mà chúng tôi nhận được, là phù hợp với sự phán đoán của chúng tôi dựa vào sơ đồ và cho thấy rằng hai tháp đều cấu trúc trên địa hình lồi lõm đến mức khiến cho khe núi, sườn dốc và vách đá đã tạo thành một hào tiếp cận tự nhiên, hầu như dẫn thẳng đến tận hào của những tháp ấy. Liên quan có thể bố trí thuận tiện ở những khe đó, không sợ đạn ria của quân Nga bay qua đầu họ; như vậy, có được khả năng đặt các khẩu đội pháo của mình gần mục tiêu của nó, ngay từ đầu của cuộc vây hãm họ đã sử dụng những loại pháo thông thường chỉ dùng ở giai đoạn cuối của cuộc vây hãm, tức là pháo phá thành. Căn cứ vào sự thể là quân Nga xây dựng công sự của mình trên một địa hình như thế mà lại không san bằng ít ra là 600 - 800 i-ác-đơ phía trước các công sự ấy, thì ta có thể thấy rằng họ đã không tính đến khả năng một cuộc tấn công nguy hiểm từ phía đất liền. Xem ra, pháo phá thành được bố trí cách lô-cốt không quá 500 - 600 i-ác-đơ, vì rằng

quân Pháp bắn bằng loạt pháo cỡ 16 pao mà người ta cho rằng không đủ sức tạo ra những cửa đột phá ở tường thành ngay khi bố trí ở cự ly 100 - 150 i-ác-đơ. Tuy nhiên, qua 36 giờ bắn phá, các tháp đã bị phá hoại đến mức chỉ cần 12 giờ pháo kích nữa là sẽ phá huỷ được toàn tuyến. Quân Anh đã dùng 60 khẩu pháo cỡ 32 pao, mỗi khẩu nặng 45 tạ Anh, để bắn phá lô-cốt Nô-tích.

Theo cuốn "Pháo binh hải quân" của ngài Hô-vác-đơ Đu-gát²³⁷, loại pháo này sử dụng với lượng thuốc nổ quy định là 7 pao và bắn bằng quả đạn ở cự ly 400 - 500 i-ác-đơ thì có thể xuyên vào cây sồi đồ sộ sâu được 2 - 2,5 phút. Các quả đạn của các cỗ pháo Pháp cỡ 16 pao, khi dùng lượng thuốc nổ 5 pao, bắn ở cự ly 400 - 500 i-ác-đơ thì sẽ xuyên vào công sự bằng gỗ sồi sâu được 1,5 - 2 phút. Nếu quân Anh, như có thể dự kiến, tăng lượng thuốc nổ lên ít ra là 8 pao thì, trong tình hình số pháo tăng gấp đôi và cỡ pháo cũng tăng gấp đôi, họ có thể bắn toang một mặt của công sự trong không đầy 12 giờ, thì như thế cũng chẳng có gì là lạ.

Còn về cuộc tấn công từ mặt biển thì chẳng qua là một cuộc nghi binh. Chỉ có thuyền trưởng Pen-hem đã lợi dụng cơ hội để tiến hành một cuộc thí nghiệm khoa học. Dùng loại pháo chủ lực nòng dài cỡ 8 in-sơ, ông ta bắn với sự bền bỉ và đều đặn cần thiết cho một cuộc pháo kích phá thành, ra sức làm cho pháo bao giờ cũng rót trúng vào cùng một điểm. Loại pháo nòng dài 8 in-sơ này là loại tốt nhất trong hải quân Anh. Trọng lượng lớn của nó (95 tạ Anh) cho phép dùng 16 pao thuốc nổ khi bắn đạn nhồi nặng 68 pao. Tác dụng của sự bắn pháo đó ngay ở cự ly 500 - 600 i-ác-đơ cũng gây ra sự phá hoại lớn hơn nhiều so với tác dụng của đạn pháo loại 18 hoặc 24 pao cho tới nay thường được sử dụng trong các đơn vị pháo phá thành; nếu được sử dụng khéo léo, hỏa lực này tất đem lại hiệu quả to lớn. Cuộc bắn phá liên miên của thuyền trưởng Pen-hem đã nhanh chóng làm bộc lộ điều bí mật của cứ điểm bằng đá hoa cương của quân Nga. Mấy phát đạn đã đủ làm rã rời lớp ngoài của tường thành trước đây trông giống như là một khối đá hoa cương nguyên vẹn, nhưng thực ra chỉ là một phiến đá ốp mà chiều dày tuyệt nhiên không tương xứng với chiều cao và chiều rộng của nó. Thêm mấy phát nữa là những viên đá bên cạnh sụt lở và từ bức tường

hàng đồng vôi đá đổ xuống âm âm để lộ ra chính trái tim của cứ điểm. Rõ ràng là "đá hoa cương" chỉ là cái vỏ ngoài, chỉ cần những tảng đá tương đối mỏng xây ở bờ trong bị đạn pháo bắn vỡ là phía sau không còn khối đá kiên cố nào có thể ngăn cản được đạn pháo nữa. Thực ra, tường thành chỉ là một loại tường có hai lớp vỏ ở giữa nhét đầy đá vụn, cát và những vật liệu khác vừa không có độ bền, vừa không có lực kết dính. Nếu như cứ điểm chính đã cấu trúc như vậy thì không nghi ngờ gì nữa, vật liệu xây tháp không phải là chất lượng tốt và việc nhanh chóng mở được cửa đột phá ở tháp là điều hoàn toàn dễ hiểu. Thế nhưng, những tường thành có sức chống cự yếu ớt ấy, bằng cái bề ngoài oai vệ của nó đã làm cho toàn bộ hạm đội Anh - Pháp hoảng sợ hâu như bốn tháng ròng! Song, sự thất vọng của ngài Sác-lơ Nây-pia khi nhìn thấy những công sự ấy thực ra được xây dựng bằng vật liệu gì, vị tất có thể so sánh được với nỗi thất vọng mà Nga hoàng cảm thấy khi biết rằng "đá hoa cương" mà ông ta bỏ ra nhiều tiền như thế gồm những thứ gì. Trong cuộc tấn công từ đất liền còn có một tình huống đáng chú ý. Chúng tôi đã nói đến địa hình mấp mô bao quanh cứ điểm không những trong tầm bắn của hỏa lực pháo, mà thậm chí của hỏa lực súng trường. Lính bắn tỉa của trung đoàn Ven-xen đã lợi dụng địa hình ấy, ẩn nấp sau các gốc cây, đá tảng, vách đá v.v. bò đến rất gần và nổ súng mãnh liệt vào lỗ châu mai của hầm ngầm. Ở cự ly 400 - 500 i-ác-đơ, súng trường của họ không bắn chệch phát nào; mà mỗi viên đạn bắn trúng vào lỗ châu mai sẽ giống như bắn trúng vào đường ngầm, thuận theo tường dốc, văng tới lỗ hổng ở chính giữa ở tận trong cùng; vì vậy người ta dễ hình dung được rằng tình hình đó gây ra sự lo lắng như thế nào cho những pháo thủ phục vụ việc nạp đạn cho các khẩu pháo của cứ điểm.

Xem ra, quân Nga không dùng những biện pháp đơn giản nhất để phòng ngừa hỏa lực súng trường ấy. Họ cũng có lính bắn tỉa. Tại sao họ không bố trí các xạ thủ sau tường chắn trên nóc tháp, từ đó khống chế xạ thủ địch bằng hỏa lực của mình? Nhưng rõ ràng là lính bắn tỉa Phần Lan ở Bô-mác-xun-đơ không có ý định chiến đấu vì danh dự của nước Nga thần thánh. Sau hết, ngoài pháo hãm thành, quân Pháp còn sử dụng một số cối và ba khẩu lựu pháo. Cối sẽ bắn cầu vồng lên các

nóc tháp mà đạn phá không bắn trúng được, để phá hủy tháp bằng sự kết hợp sức rơi và sức nổ. Nhưng việc bắn phá đó, rõ ràng là ít hiệu quả. Lựu pháo của Pháp cũng bắn thẳng vào lỗ châu mai. Ở cự ly gần 400 - 500 i-ác-đơ, dùng lựu pháo bằng đồng thau nòng dài, cỡ 24 pao để bắn đạn pháo đường kính 6 in-sơ thì cứ ba phát rất có thể là một phát rơi trúng vào mục tiêu như lỗ châu mai; mà mỗi phát đạn rơi trúng mục tiêu có nghĩa là loại khỏi vòng chiến một khẩu đội với cả khẩu pháo của họ. Như vậy, hỏa lực ấy tất phải rất có hiệu quả.

Tóm lại, chúng ta thấy rằng tường đá hoa cương ở Bô-mác-xun-đơ không phải là cái gì khác hơn là một trò bịp của người Nga, là một đồng rác sau bức tường ốp bằng đá mỏng, không chịu đựng được bao lâu một hỏa lực chính xác và bền bỉ. Nếu như những người xây dựng tường thành ấy đã lừa gạt Ni-cô-lai, thì Ni-cô-lai cũng đã dựa vào những công sự giả ấy lừa gạt được liên quân và buộc họ từ bỏ toàn bộ chiến dịch. Nhìn chung, quân Nga phòng thủ kém; có lẽ nguyên nhân của nó là tâm trạng đã bộc lộ rõ rệt của các đơn vị binh lính người Phần Lan. Cuộc tấn công của liên quân có đặc điểm là tinh thần kiên quyết chưa từng thấy từ trước tới nay, trong hành động của họ và chắc hẳn là nhờ ở tướng Giôn-xơ mà có. Những khó khăn phải khắc phục trong việc di chuyển và bố trí pháo tuy bị ngài Sác-lơ Nây-pia thổi phồng, nhưng không nghi ngờ gì, những khó khăn ấy là rất lớn. Trong tấn công, quân Pháp đã sử dụng pháo hãm thành thuộc cỡ quá nhỏ và cối không phát huy được tác dụng lớn trong điều kiện nói trên, nhưng hỏa lực bắn thẳng của pháo và súng trường của họ vào lỗ châu mai là rất đáng ca ngợi. Cũng như trước đây, quân Anh đã sử dụng những khẩu pháo nặng nhất mà họ có thể chuyển đến chiến trường, phát huy hỏa lực lộ liễu, trực tiếp và có hiệu quả, khắc phục được khó khăn và duy trì được tinh thần ngoan cường vốn có dưới hỏa lực địch và đã đạt được mục đích của mình mà không bị vất vả, nhưng không có gì độc đáo khác thường.

Nhưng Bô-mác-xun-đơ đã bị chiếm và hiện nay nảy ra câu hỏi là làm gì với nó? Căn cứ vào tin tức cuối cùng từ Hăm-buốc thì tại hội nghị quân sự do các vị đô đốc triệu tập, các viên tư lệnh cuộc viễn chinh và các sĩ quan cao cấp đã quyết định sẽ phá hủy toàn bộ công sự và rút

khỏi đảo nếu như Thụy Điển không muốn chiến lĩnh Bô-mác-xun-đơ và trả giá cho việc ấy bằng việc tuyên chiến với Nga. Nếu như những tin tức ấy đúng thì cuộc viễn chinh đến quần đảo A-lăng là một biện pháp tuyệt nhiên không có tính chất chiến lược, như tờ "Moniteur" khẳng định, mà thuần túy mang tính chất ngoại giao, được tiến hành với mục đích lôi cuốn Thụy Điển vào sự liên minh nguy hiểm với chính những cường quốc mà tình hữu nghị của họ, như ngài Brai-tơ nói, "trong vòng một năm đã đem lại cho Thổ Nhĩ Kỳ những tai họa mà nước Nga chưa từng thấy ngay trong những giấc mơ mãnh liệt đầy tham vọng nhất của nó". Triều đình Thụy Điển đang do dự, báo trí Thụy Điển kêu gọi nhân dân đề phòng bọn "Danaos et dona ferentes"^{1*}, nhưng nông dân Thụy Điển đã thông qua đơn thỉnh cầu nêu rõ nghị viện phải yêu cầu nhà vua quan tâm đến việc làm cho quần đảo A-lăng không bao giờ thuộc về nước Nga nữa. Đơn thỉnh cầu của nông dân vị tất được chú ý, và chắc là chúng ta sắp sửa nhận được tin cho biết rằng cứ điểm bị phá hủy.

*Do Ph. Ăng-ghen viết ngày 28 tháng Tám 1854
Đã đăng làm xã luận trên tờ "New-York Daily
Tribune" số 4182, ngày 13 tháng Chín 1854*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Anh
In bằng tiếng Nga lần đầu*

C. MÁC

NƯỚC TÂY BAN NHA CÁCH MẠNG²³⁸

*Do C. Mác viết tháng Tám - tháng Mười một 1854
Đã đăng trên tờ "New-York Daily Tribune" ngày 9
và ngày 25 tháng Chín; ngày 20, ngày 27 và ngày
30 tháng Mười; ngày 24 tháng Mười một; ngày 1 và
ngày 2 tháng Chạp 1854*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Anh*

1* - "Người Hy Lạp, thậm chí là những người mang lễ vật" (Việc ghi-lơ. "Ê-nê-ít")

khỏi đảo nếu như Thụy Điển không muốn chiến lĩnh Bô-mác-xun-đơ và trả giá cho việc ấy bằng việc tuyên chiến với Nga. Nếu như những tin tức ấy đúng thì cuộc viễn chinh đến quần đảo A-lăng là một biện pháp tuyệt nhiên không có tính chất chiến lược, như tờ "Moniteur" khẳng định, mà thuần túy mang tính chất ngoại giao, được tiến hành với mục đích lôi cuốn Thụy Điển vào sự liên minh nguy hiểm với chính những cường quốc mà tình hữu nghị của họ, như ngài Brai-tơ nói, "trong vòng một năm đã đem lại cho Thổ Nhĩ Kỳ những tai họa mà nước Nga chưa từng thấy ngay trong những giấc mơ mãnh liệt đầy tham vọng nhất của nó". Triều đình Thụy Điển đang do dự, báo trí Thụy Điển kêu gọi nhân dân đề phòng bọn "Danaos et dona ferentes"^{1*}, nhưng nông dân Thụy Điển đã thông qua đơn thỉnh cầu nêu rõ nghị viện phải yêu cầu nhà vua quan tâm đến việc làm cho quần đảo A-lăng không bao giờ thuộc về nước Nga nữa. Đơn thỉnh cầu của nông dân vị tất được chú ý, và chắc là chúng ta sắp sửa nhận được tin cho biết rằng cứ điểm bị phá hủy.

*Do Ph. Ăng-ghen viết ngày 28 tháng Tám 1854
Đã đăng làm xã luận trên tờ "New-York Daily
Tribune" số 4182, ngày 13 tháng Chín 1854*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Anh
In bằng tiếng Nga lần đầu*

C. MÁC

NƯỚC TÂY BAN NHA CÁCH MẠNG²³⁸

*Do C. Mác viết tháng Tám - tháng Mười một 1854
Đã đăng trên tờ "New-York Daily Tribune" ngày 9
và ngày 25 tháng Chín; ngày 20, ngày 27 và ngày
30 tháng Mười; ngày 24 tháng Mười một; ngày 1 và
ngày 2 tháng Chạp 1854*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Anh*

1* - "Người Hy Lạp, thậm chí là những người mang lễ vật" (Viết-giê-lơ. "Ê-nê-ít")

I

Giờ đây, cách mạng Tây Ban Nha rõ ràng là mang tính chất kéo dài đến mức, như phóng viên của chúng tôi ở Luân Đôn báo tin, đại biểu của các giai cấp hữu sản và bảo thủ bắt đầu rời nước mình và tìm nơi bình yên ở Pháp. Và điều đó không có gì lạ cả vì Tây Ban Nha chưa bao giờ thi hành phương thức mới nhất của Pháp, đã được hết sức thịnh hành trong năm 1848, là hoàn thành từ đầu chí cuối một cuộc cách mạng trong thời hạn có ba ngày. Cố gắng của Tây Ban Nha, trong lĩnh vực ấy, phức tạp hơn và kéo dài hơn. Xem ra, ba năm là thời hạn ngắn nhất mà nó tự quy định, tuy rằng chu kỳ cách mạng của nó có khi kéo dài đến 9 năm. Chẳng hạn, cuộc cách mạng Tây Ban Nha đầu tiên trong thế kỷ này kéo dài từ năm 1808 đến năm 1814, cuộc cách mạng thứ hai kéo dài từ năm 1820 đến năm 1823 và cuộc cách mạng thứ ba - từ năm 1834 đến năm 1843. Cuộc cách mạng hiện nay kéo dài bao lâu và kết thúc như thế nào, thì nhà chính trị nhìn xa trông rộng nhất cũng không dự đoán được, nhưng có thể nói không thổi phồng rằng không có một nước nào khác ở châu Âu, kể cả Thổ Nhĩ Kỳ và Nga với cuộc chiến tranh của nó, lại có thể tạo ra được mối quan tâm sâu sắc cho một nhà quan sát thận trọng như là Tây Ban Nha ngày nay.

Khởi nghĩa ở Tây Ban Nha cũng là một hiện tượng lâu đời như quyền lực của bọn cận thần được sủng ái, đối tượng mà những cuộc khởi nghĩa ấy thường chống lại. Chẳng hạn, vào giữa thế kỷ XV, giới quý tộc đã nổi dậy chống lại vua Hoan II và nhân vật cận thần sủng ái của nhà vua là Đôn An-va-rô Đơ Lu-na. Một cuộc nổi loạn nghiêm trọng hơn đã xảy ra trong thế kỷ XV chống lại vua Hen-rích IV và tên đứng đầu bọn quyền thần của nhà vua là hầu tước Vi-len-na, Đôn Hoan Đơ Pa-se-cô. Vào thế kỷ XVII, nhân dân Li-xbon đã xé xác Vax-công-xen-lô-xơ, một tên Xác-tô-ri-út dưới thời viên phó vương Tây Ban Nha ở Bồ Đào Nha, và Xan-ta-Cô-lô-ma, tên cận thần được sủng ái của Phi-líp IV, cũng đã chịu số phận giống thế ở Xa-ra-gốt. Vào cuối thế

kỷ ấy, dưới thời Sác-lơ II, nhân dân Ma-đrít đã nổi dậy chống lại bọn cận thần của hoàng hậu, gồm có nữ bá tước Béc-lép-sơ và các bá tước Ô-rô-pê-xa và Men-ga-rơ, bọn này đánh thuế nặng nề vào tất cả các sản phẩm vận chuyển vào thủ đô và chia nhau khoản thuế thu được. Nhân dân tiến vào cung vua, buộc vua phải ra trước ban công và công khai từ bỏ bọn cận thần của hoàng hậu. Sau đó quân chúng đã kéo đến dinh của các bá tước Ô-rô-pê-xa và Men-ga-rơ, cướp sạch và đốt trụi, đồng thời họ còn định bắt bọn chủ các dinh thự ấy, nhưng chúng đã trốn thoát với cái giá phải trả là lưu vong suốt đời. Nguyên nhân của cuộc khởi nghĩa thế kỷ XV là bản hiệp ước phản bội, do hầu tước Đờ Vi-len-na, tên cận thần được sủng ái của Hen-rích IV, ký kết với vua Pháp Lu-i XI, theo hiệp ước đó thì vùng Ca-ta-lô-ni bị cắt nhường cho Pháp. Ba thế kỷ sau, bản hiệp ước ký ở Phong-te-nơ-blô ngày 27 tháng Mười 1807, một sự mặc cả giữa một bên là "công tước hòa bình" Đôn Ma-nu-en Gô-đôi, một cận thần được sủng ái của Sác-lơ IV và là tình nhân của vợ Sác-lơ IV, với một bên khác là Bô-na-pác-tơ về việc chia cắt Bồ Đào Nha và về việc tiến quân của Pháp vào Tây Ban Nha, - đã gây ra ở Ma-đrít một cuộc khởi nghĩa nhân dân chống lại Gô-đôi và đã dẫn đến hậu quả là: sự thoái vị của Sác-lơ IV, sự lên ngôi của con trai ông ta là Phéc-đi-năng VII, sự xâm nhập của quân đội Pháp vào Tây Ban Nha, và, sau hết là cuộc chiến tranh giành độc lập. Cuộc chiến tranh giành độc lập ở Tây Ban Nha bắt đầu bằng cuộc khởi nghĩa nhân dân chống bọn cận thần mà đại biểu là Đôn Ma-nu-en Gô-đôi, hoàn toàn giống như cuộc nội chiến ở thế kỷ XV cũng đã bắt đầu bằng cuộc khởi nghĩa chống bọn cận thần mà đại biểu là hầu tước Vi-len-na. Cũng như thế, cuộc cách mạng năm 1854 cũng đã mở đầu hàng cuộc khởi nghĩa chống lại bọn gian thần mà đại biểu là bá tước Xan-Lu-i-xơ.

Mặc dù đã có những cuộc khởi nghĩa nổ ra không ngừng ấy, cho mãi đến thế kỷ này ở Tây Ban Nha vẫn chưa có cuộc cách mạng thật sự nào, nếu không kể cuộc chiến tranh của Liên minh thần thánh²³⁹ dưới triều Sác-lơ I, hay là Sác-lơ V như người Đức gọi. Như thường thấy, nguyên nhân trực tiếp của những sự kiện kể trên là hành vi của bọn gian thần hoàng cung; được sự bao che của phó vương Tây Ban Nha, hồng y giáo chủ A-đri-an, người xứ Phla-măng, bè lũ gian thần này đã

đẩy dân Ca-xti-li-a đến chỗ tuyệt vọng bởi thói tham lam vô liêm sỉ của chúng, chúng đã bán các chức vụ nhà nước cho những ai trả nhiều tiền hơn, đã công khai buôn bán các bản án trong các vụ xét xử của tòa án. Sự phản kháng chống lại bọn gian thần người Phla-măng chỉ là biểu hiện bên ngoài của phong trào. Nội dung của phong trào là nhằm bảo vệ các quyền tự do của Tây Ban Nha trung cổ chống lại những yêu sách của chế độ chuyên chế hiện đại.

Sau khi sự hợp nhất A-ra-gông, Ca-xti-li-a và Gra-na-da dưới triều Phéc-đi-năng Ca-tô-lích và I-da-be-la I đã tạo cơ sở vật chất cho chính thể quân chủ Tây Ban Nha, thì Sác-lơ I mưu toan biến chính thể quân chủ hầy còn tính chất phong kiến đó thành chính thể quân chủ chuyên chế. Hấn tấn công ngay vào hai trụ cột của nền tự do ở Tây Ban Nha, vào nghị viện và a-i-un-ta-men-tốt²⁴¹; nghị viện là hình thức cải biến của concilia^{1*} của người Gốt xưa kia, còn các a-i-un-ta-men-tốt hầu như trực tiếp được truyền lại từ thời đại La Mã, mang đặc điểm vốn có của các thành thị tự trị La Mã - sự kết hợp giữa nguyên tắc thể tập và nguyên tắc bầu cử. Còn về quyền tự trị của thành thị thì các thành phố ở I-ta-li-a, Prô-văng-xơ, Bắc Ga-li-xi, Anh và một phần nước Đức rất giống với các thành phố Tây Ban Nha đương thời; nhưng Hội nghị ba đẳng cấp ở Pháp, cũng như nghị viện Anh thời trung cổ đều không thể so sánh được với nghị viện Tây Ban Nha. Trong sự hình thành vương quốc Tây Ban Nha có những điều kiện đặc biệt thuận lợi để hạn chế vương quyền. Một mặt, trong cuộc đấu tranh lâu dài với người A-rập, những bộ phận nhỏ của lãnh thổ được lấy lại trong những thời kỳ khác nhau và trở thành những vương quốc độc lập. Trong quá trình cuộc đấu tranh đó đã nảy sinh các luật lệ và tập quán của nhân dân. Sự thu phục dần dần đất đai, chủ yếu do quý tộc tiến hành, đã tăng cường mạnh mẽ thế lực của họ, đồng thời làm suy yếu vương quyền. Mặt khác, các điểm dân cư và các thành phố trong nước có ý nghĩa to lớn, vì dân cư buộc phải cùng cư trú ở các nơi có bố phòng và tìm ở đó sự bảo vệ chống lại sự xâm nhập không ngừng của người Mô-rơ; đồng thời vị trí của Tây Ban Nha là một bán đảo và sự đi lại thường xuyên với Prô-văng-xơ và I-ta-li-a đã thúc đẩy sự hình thành những thành phố thương mại hàng đầu ở vùng bờ biển. Ngay từ thế kỷ XIV, đại biểu các

1* - hội đồng

thành thị đã là bộ phận có thể lực nhất trong nghị viện mà thành phần cũng bao gồm đại biểu của tầng lũ và quý tộc. Cũng cần chỉ rõ rằng công cuộc giải phóng dần dần khỏi ách thống trị của người A-rập trong một quá trình đấu tranh ngoan cường gần 800 năm đã làm cho bán đảo này, khi lãnh thổ hoàn toàn sạch bóng quân thù, có những đặc điểm hoàn toàn khác với châu Âu đương thời; trong thời kỳ phục hưng ở châu Âu, sinh hoạt và phong tục của người Gốt và Văng-đan thịnh hành ở miền Bắc Tây Ban Nha, còn sinh hoạt và phong tục của người A-rập thịnh hành ở miền Nam nước này.

Khi Sác-lơ I từ Đức - nơi mà ông ta được tôn lên thành hoàng đế - trở về, nghị viện họp ở Va-li-a-đô-lít để tiếp nhận lời tuyên thệ của nhà vua sẽ trung thành với đạo luật cổ và để trao vương miện cho ông ta²⁴². Từ chối không đi, Sác-lơ đã cử các đại biểu của mình đến để nhận của nghị viện lời tuyên thệ trung thành với nhà vua. Nghị viện không cho phép những đại biểu ấy tham gia hội nghị và thông tri cho nhà vua biết rằng nếu không đến dự và không tuyên thệ với luật pháp của nhà nước, thì ông ta sẽ không bao giờ được thừa nhận là vua Tây Ban Nha. Sác-lơ nhượng bộ trước yêu cầu ấy; ông ta ra mắt nghị viện và tuyên thệ, theo lời các nhà viết sử, với bộ mặt rầu rĩ. Trong khi đó nghị viện tuyên bố với nhà vua "Tâu bệ hạ, bệ hạ cần biết rằng nhà vua chỉ là người đầy tớ được trả lương của quốc dân". Đây là bước mở đầu của sự thù địch giữa Sác-lơ I và các thành thị. Do các hoạt động âm mưu của Sác-lơ, ở Ca-xti-li-a đã nổ ra nhiều cuộc khởi nghĩa, đã thành lập Liên minh thần thánh A-vi-la, và các thành thị liên hiệp đã triệu tập nghị viện ở Toóc-tê-xi-li-ác. Ngày 20 tháng Mười 1520, từ nghị viện đã gửi cho quốc vương "bản kháng nghị chống lạm quyền". Đáp lại, Sác-lơ đã tước mọi quyền cá nhân của tất cả những đại biểu đã dự phiên họp của nghị viện ở Toóc-tê-xi-li-ác. Không sao tránh khỏi nội chiến; thị dân khởi nghĩa kêu gọi cầm lấy vũ khí; binh sĩ của họ, dưới quyền chỉ huy của Pa-đi-li-a, đã chiếm được pháo đài Toóc-rê-lô-ba-ton, nhưng cuối cùng đã bị đánh bại trước một lực lượng trội hơn trong trận chiến đấu ở Vi-li-a-lác ngày 23 tháng Tư 1521. "Bọn mưu phản" chính đã rơi đầu tại đoạn đầu đài, còn các quyền tự do lâu đời của Tây Ban Nha thì không còn tồn tại nữa.

Có nhiều tình huống đã tạo điều kiện thuận lợi cho sự củng cố chế độ chuyên chế mới ra đời. Sự thiếu thống nhất giữa các tỉnh đã làm tê liệt những cố gắng riêng lẻ của họ; nhưng nhân tố chủ yếu đã giúp cho Sác-lơ thắng là mâu thuẫn đối kháng giai cấp gay gắt giữa quý tộc và thị dân, nó giúp cho Sác-lơ làm suy yếu cả hai bên. Chúng tôi đã nói rằng từ thế kỷ XVI, ảnh hưởng của thành thị ở trong nghị viện rất lớn, còn từ thời Phéc-đi-năng Ca-tô-lích thì Hội thánh hữu (Santa Hermandad)²⁴³ đã trở thành vũ khí mạnh mẽ trong tay thành thị để chống lại giới quý tộc Ca-xti-li-a đã kết tội họ là xâm phạm những đặc quyền và quyền tư pháp lâu đời của giới quý tộc. Vì thế giới quý tộc sốt sắng ủng hộ Sác-lơ I trong ý đồ tiêu diệt liên minh thần thánh. Sau khi dẹp tan sự phản kháng vũ trang của Liên minh, Sác-lơ bắt tay vào việc thu hẹp các đặc quyền tự trị của thành thị; các thành thị - mà dân cư giảm sút - đã mất đi một cách nhanh chóng sự giàu có và tầm quan trọng của chúng và chẳng bao lâu đã mất ảnh hưởng của mình trong nghị viện. Đến lúc đó Sác-lơ quay vũ khí chống lại giới quý tộc là kẻ đã giúp hắn trong việc đàn áp các quyền tự do của thành thị, nhưng bản thân giới quý tộc vẫn duy trì được ảnh hưởng chính trị to lớn. Cuộc binh biến nổ ra do không trả tiền lương đã buộc Sác-lơ triệu tập nghị viện vào năm 1539 để tranh thủ nghị viện đồng ý cấp tiền cho mình. Bất bình về chỗ tiền trợ cấp trước đây đã bị lạm dụng vào những mục đích xa lạ với lợi ích của Tây Ban Nha, nghị viện đã từ chối cấp tiền. Trong cơn tức giận, Sác-lơ đã giải tán nghị viện; khi giới quý tộc dựa vào đặc quyền của mình kiên quyết đòi miễn thuế, Sác-lơ tuyên bố rằng những người đòi quyền lợi ấy không có lý do gì tham gia nghị viện và trên thực tế đã loại trừ họ khỏi nghị viện ấy. Đây là một đòn trí mạng đối với nghị viện; từ đó, các phiên họp của nó chỉ còn là việc thi hành những nghị thức cung đình thuần túy. Thành phần thứ ba của nghị viện trước đây - giới tầng lũ - ngay dưới tối Phéc-đi-năng Ca-tô-lích đã đứng dưới ngọn cờ của tòa án tôn giáo và từ lâu đã không nhận được lợi ích của mình với lợi ích của nước Tây Ban Nha phong kiến. Trái lại, nhờ tòa án tôn giáo, giáo hội đã trở thành công cụ vững chắc nhất của chế độ chuyên chế.

Nếu như sau thời thống trị của Sác-lơ I, sự suy đồi về chính trị và xã hội của Tây Ban Nha đã biểu hiện mọi triệu chứng của một tình trạng thối nát nhục nhã và kéo dài, giống như thời kỳ tệ hại nhất của Đế quốc Thổ Nhĩ Kỳ, thì dưới thời hoàng đế kế trên, quyền tự do lâu đời ít

ra cũng được chôn cất trong ngôi mộ huy hoàng. Đây là thời kỳ mà Vaxô Nu-nhe-xơ Ban-bôa cầm quốc kỳ Ca-xti-li-a ở bờ biển Đa-ri-en, Cô-rô-téc cầm quốc kỳ Ca-xti-li-a ở Mê-hi-cô và Pi-xa-rô cầm quốc kỳ ở Pê-ru; đây là thời kỳ mà thế lực của Tây Ban Nha hoàn toàn thống trị ở châu Âu, mà trí tưởng tượng mãnh liệt của người I-bê-ri-an bị mê hoặc trước ảo ảnh huy hoàng của En-đô-ra-đô, các chiến công của các hiệp sĩ và nước quân chủ toàn thế giới. Đây cũng là lúc mà nền tự do của Tây Ban Nha tiêu tan trong tiếng loảng xoảng của gươm đao, trong dòng thác vàng và trong ngọn lửa hung dữ của tòa án tôn giáo.

Giải thích sao đây cái hiện tượng kỳ quặc là sau gần ba trăm năm thống trị của vương triều Háp-xbuốc rồi tiếp theo là vương triều Buốc-bông - chỉ riêng mỗi một vương triều đó đã đủ để áp chế nhân dân rồi các quyền tự do về tự trị địa phương của Tây Ban Nha vẫn được duy trì ở một mức độ nào đó? Giải thích sao đây, ở một nước mà chế độ quân chủ chuyên chế, dưới hình thức thuần túy nhất, đã được ra đời sớm hơn ở bất cứ một quốc gia phong kiến nào khác, vậy mà chế độ trung ương tập quyền lại không thể bám rễ được? Trả lời câu hỏi này không khó khăn gì. Chính thế kỷ XVI là thời kỳ hình thành các nước quân chủ lớn đã ra đời ở khắp nơi do sự suy yếu của các giai cấp phong kiến thù địch nhau: quý tộc và thị dân. Nhưng ở các quốc gia lớn khác ở châu Âu, chế độ quân chủ chuyên chế đã thể hiện ra là một trung tâm có tác dụng văn minh hóa, là một cơ sở thống nhất xã hội. Ở đây, nó là cái lò trong đó các thành phần khác nhau của xã hội chịu một sự pha trộn và tôi luyện cho phép thành thị đánh đổi quyền tự trị địa phương trung cổ của mình lấy quyền thống trị phổ biến của giai cấp tư sản và lấy quyền lực công cộng của xã hội thị dân. Trái lại, ở Tây Ban Nha giới quý tộc rơi vào chỗ suy đồi, duy trì đặc quyền tể hại nhất của nó, còn thành thị thì mất đi quyền lực trung cổ của mình, không có được tầm quan trọng vốn có của thành thị hiện đại.

Từ khi chế độ quân chủ chuyên chế được thiết lập, những thành thị ấy sống lay lắt trong tình trạng suy đồi không ngừng. Ở đây không phải chỗ xác định những điều kiện chính trị hoặc kinh tế đã phá hoại thương nghiệp, công nghiệp, ngành hàng hải và nông nghiệp của Tây Ban Nha. Đối với nhiệm vụ trước mắt của chúng tôi, chỉ cần nêu ra bản thân sự việc, là đủ. Theo mức độ suy thoái trong hoạt động thương nghiệp và công nghiệp của thành thị, sự trao đổi trong nước trở nên

thưa thớt hơn, sự giao lưu qua lại của dân cư các tỉnh giảm sút hơn, phương tiện giao thông bị nằm bỏ không, các con đường lớn trở nên vắng vẻ. Như thế, sinh hoạt địa phương ở Tây Ban Nha, địa vị độc lập của các tỉnh và các công xã ở nước này, tình trạng thiếu thống nhất trong sự phát triển của xã hội, - ban đầu tình trạng này do địa lý của đất nước tạo thành, rồi sau đó tình hình phát triển thêm trong quá trình lịch sử do chỗ các tỉnh tự giải phóng khỏi ách thống trị của người Mô-rô, đồng thời tạo nên các nước nhỏ độc lập, - tất cả những hiện tượng ấy hiện nay rút cục đã được củng cố và khẳng định do một cuộc cách mạng diễn ra trong nền kinh tế và làm cạn nguồn hoạt động của dân tộc. Ở Tây Ban Nha chế độ quân chủ chuyên chế không những đã tìm ra được chất liệu tốt, xét về bản chất thì không thích hợp cho chế độ tập quyền, - mà lại còn làm tất cả những gì có thể làm được để ngăn cản sự xuất hiện của những lợi ích chung bắt nguồn từ sự phân công lao động trong phạm vi toàn quốc và từ tính chất nhiều vẻ của sự trao đổi trong nước - cơ sở duy nhất có thể có để xác lập một hệ thống quản lý đồng nhất và chế độ lập pháp chung. Như vậy, chế độ quân chủ chuyên chế Tây Ban Nha chỉ có cái vẻ bề ngoài thuần túy là giống với các chế độ quân chủ chuyên chế ở châu Âu nói chung, còn đúng ra là nó phải được liệt vào những hình thức cai trị kiểu châu Á. Tây Ban Nha, giống như Thổ Nhĩ Kỳ, vẫn là một mớ chồng chất những nước cộng hòa được cai trị một cách tồi tệ do một ông vua danh nghĩa đứng đầu. Chế độ chuyên chế mang tính chất khác nhau ở các tỉnh khác nhau, tại đó pháp luật chung đã bị các phó vương hoặc tỉnh trưởng tùy tiện giải thích; mặc dù có chế độ chuyên chế, nhưng chính phủ không cấm các tỉnh duy trì pháp luật và tập quán khác nhau của mình, chế độ tiền tệ khác nhau, quân kỳ với màu sắc khác nhau và chế độ thuế khóa riêng. Chế độ chuyên chế phương Đông chỉ đụng chạm đến quyền tự trị địa phương khi mà quyền tự trị này xung đột với lợi ích trực tiếp của nó, nhưng nó hoàn toàn vui lòng cho phép tồn tại những cơ quan ấy, khi chúng giảm bớt cho nó cái trách nhiệm phải tự làm một số công việc và giải thoát cho nó sự bận rộn về quản lý thực sự.

Cho nên mới xảy ra tình hình là, giống như mọi nhân vật đương thời, Na-pô-lê-ông cho rằng Tây Ban Nha là một xác chết không còn sức sống, thì đã phải hết sức kinh ngạc một cách bức bối, và đã thấy rõ rằng nếu quốc gia Tây Ban Nha là quốc gia chết, thì xã hội Tây Ban

Nha lại là một xã hội đầy sức sống, và trong mỗi bộ phận của xã hội đó vẫn tràn đầy sức phản kháng. Căn cứ vào Hiệp ước Phong-te-nơ-blô, Na-pô-lê-ông đã đạt được việc đưa quân đội của mình tiến vào Ma-đrít; dụ dỗ hoàng tộc đến Bai-ôn-nơ để đàm phán, ông ta đã buộc Sác-lơ IV rút lui ý định thoái vị, rồi sau đó phải nhượng lãnh địa cho Na-pô-lê-ông; uy hiếp được Phéc-đi-năng VII, Na-pô-lê-ông đã buộc ông vua này ra lời tuyên bố tương tự như thế. Sác-lơ IV cùng hoàng hậu và "công tước hòa bình" bị đưa đến Côm-pi-iêng, Phéc-đi-năng VII cùng những người anh em của ông bị giam ở lâu đài Va-lan-xơ, còn ngôi vua Tây Ban Nha thì Na-pô-lê-ông trao cho anh mình là Giô-dép, sau đó triệu tập đoàn Tây Ban Nha ở Bai-ôn-nơ và ban cho nó một trong những bản hiến pháp đã chuẩn bị sẵn của mình²⁴⁴. Không nhìn thấy cái gì sinh động ở nước quân chủ Tây Ban Nha ngoài vương triều thảm hại mà ông ta đã giam chắt trong lâu đài, Bô-na-pác-tơ hoàn toàn tin tưởng rằng ông ta đã thành công trong việc chiếm đoạt Tây Ban Nha. Nhưng chỉ mấy ngày sau coup de main^{1*} của mình, ông ta đã nhận được tin về cuộc khởi nghĩa ở Ma-đrít. Thật ra, Mui-ra đã đàn áp được làn sóng công phần ấy, tàn sát khoảng 1000 người, nhưng khi cả nước biết rõ cuộc tàn sát ấy thì khởi nghĩa nổ ra ở Ác-tu-ri-a rồi nhanh chóng lan ra khắp nước. Chúng tôi xin vạch rõ rằng phong trào tự phát đầu tiên này nổ ra trong nhân dân, trong khi đó các giai cấp "thượng lưu" ngoan ngoãn khuất phục sự áp bức của ngoại bang.

Như vậy Tây Ban Nha đã chuẩn bị tiến trình cách mạng hiện đại của mình và bước vào một cuộc đấu tranh đặc trưng cho sự phát triển của nó trong thế kỷ này. Những sự việc và ảnh hưởng mà chúng tôi đơn cử ngắn gọn trên đây, vẫn đang quyết định vận mệnh của Tây Ban Nha và chỉ rõ hướng đi cho nhân dân Tây Ban Nha. Chúng tôi đã nêu lên rằng những cái đó đều cần thiết để đánh giá không những cuộc khủng hoảng hiện nay, mà còn đánh giá tất cả những cái gì mà Tây Ban Nha đã làm và chịu đựng từ khi bị Na-pô-lê-ông xâm chiếm, - một thời kỳ gần 50 năm đầy sự kiện bi kịch và cố gắng anh hùng, - thực sự là một trong những chương xúc động nhất và bổ ích nhất của lịch sử hiện đại²⁴⁵.

1* - cuộc tập kích táo bạo

II

Chúng tôi đã giới thiệu vắn tắt với bạn đọc lịch sử cách mạng Tây Ban Nha trước đây, để giúp bạn đọc hiểu và đánh giá đúng hơn về những sự kiện hiện nay đang thu hút sự chú ý của toàn thế giới về đất nước này. Điều lý thú hơn và có lẽ không kém phần ý nghĩa đối với việc hiểu rõ thời đại hiện nay, là phong trào dân tộc vĩ đại, bảo đảm đánh đuổi bọn Bô-na-pác-tơ và đưa trở lại ngôi vua Tây Ban Nha cái vương triều mà ngày nay còn giữ ngôi vua đó. Nhưng, để đánh giá đúng đắn phong trào ấy với các sự tích anh hùng của nó và những biểu hiện sức sống không sao quên được của một dân tộc dường như bị coi là hết thời, chúng ta phải trở lại thời kỳ đầu tiên của cuộc tấn công của Na-pô-lê-ông vào dân tộc Tây Ban Nha. Rõ ràng là, nguyên nhân thật sự của toàn bộ tình hình đó trước hết được hình thành trong bản Hiệp ước Tin-dít ký ngày 7 tháng Bảy 1807 và dường như được hoàn chỉnh trong mật ước do công tước Cu-ra-kin và Ta-lây-răng ký. Hiệp ước được công bố trên tờ "Gaceta" ở Ma-đrít ngày 25 tháng Tám 1812, trong đó có những điều kiện sau đây:

"Điều I. Nga được phân lãnh thổ châu Âu của Thổ Nhĩ Kỳ và được mở rộng lãnh thổ ở châu Âu của nó chừng nào Nga xét thấy cần thiết.

Điều II. Vương triều Buốc-bông ở Tây Ban Nha và hoàng tộc Bra-gan-xa ở Bồ Đào Nha thoái vị. Hai ngôi vua trên sẽ được nhường cho các hoàng thân của hoàng tộc Bô-na-pác-tơ".

Hiệp ước đó, nếu có thực - mà tính đúng thực của nó ít ai bác bỏ, như người ta thậm chí còn thấy rõ qua tập hồi ký được công bố gần đây của quốc vương Giô-dép Bô-na-pác-tơ²⁴⁶, - là nguyên nhân chân chính của sự xâm nhập của Pháp vào Tây Ban Nha năm 1808, và trong tình hình đó, sự kiện sóng gió thời kỳ này ở Tây Ban Nha đã gắn liền với vận mệnh Thổ Nhĩ Kỳ bằng những sợi dây bí mật.

Ngay sau cuộc tàn sát ở Ma-đrít và Hiệp nghị Bai-ôn-nơ, khởi nghĩa đã đồng thời nổ ra ở Ác-tu-ri-a, Ga-li-xi-a, An-đa-lu-di-a và Va-len-xi-a, mà quân Pháp thì đã chiếm Ma-đrít, bấy giờ Bô-na-pác-tơ đã vin vào cớ giả tạo để chiếm lĩnh bốn cứ điểm ở miền Bắc là Pam-plô-na, Xan-Xê-bát-ti-an, Phi-hê-rát và Béc-xê-lô-na; một bộ phận quân đội Tây Ban Nha đã được chuyển đến đảo Phuy-nanh từ trước để tham gia chiến dịch chống Thụy Điển; sau hết, tất cả các giới cầm quyền còn tồn tại - quân sự, tôn giáo, tư pháp và hành chính, - cùng bọn quý tộc đều đã kêu gọi nhân dân khuất phục bọn xâm lược nước ngoài. Nhưng có một tình hình đã bù lại được cho mọi khó khăn của tình thế lúc bấy giờ. Nhờ có Na-pô-lê-ông, đất nước đã giải thoát khỏi quốc vương, hoàng tộc và chính phủ vương quốc. Như thế là đã phá bỏ được những xiềng xích mà trong trường hợp ngược lại những xiềng xích ấy có thể cản trở nhân dân Tây Ban Nha thể hiện nghị lực bẩm sinh của mình. Những chiến dịch chẳng vẻ vang gì, được thực hiện vào những năm 1794 và 1795²⁴⁷, đã chứng minh rằng nhân dân Tây Ban Nha, khi còn nằm dưới nền thống trị của quốc vương của mình và trong những điều kiện bình thường, đã bất lực như thế nào trong việc kháng cự người Pháp.

Na-pô-lê-ông đã triệu tập những nhân vật có tên tuổi nhất ở Tây Ban Nha đến Bai-ôn-nơ để đích thân giao cho họ quốc vương mới và bản hiến pháp. Trừ một số rất nhỏ ngoại lệ, tất cả đều đến đông đủ. Ngày 7 tháng Sáu 1808, tại Bai-ôn-nơ, quốc vương Giô-dép đã tiếp đoàn đại biểu của đại quý tộc Tây Ban Nha, mà công tước In-phan-ta-đô, bạn thân của Phéc-đi-năng VII, đã thay mặt họ, phát biểu với Giô-dép như sau:

"Tâu bệ hạ, đại quý tộc Tây Ban Nha bao giờ cũng nổi tiếng về sự trung thành với quốc vương của mình; hiện nay, bệ hạ sẽ tìm thấy ở họ sự trung thành và lòng yêu quý như thế".

Hội đồng quốc vương Ca-xti-li-a làm cho Giô-dép đáng thương tin tưởng rằng "ông ta là người nối dõi chủ yếu của dòng họ mà chính thượng đế cử xuống để giữ ngôi vua". Lời chúc tụng của công tước Đen Pác-cơ, người cầm đầu đoàn đại biểu của quân đội, cũng không kém phần dè tiện. Ngày hôm sau, cũng những nhân vật ấy đã công bố lời kêu gọi yêu cầu tất cả mọi người hãy trung thành với vương triều

Bô-na-pác-tơ. Ngày 7 tháng Bảy 1808, 91 người Tây Ban Nha thuộc những gia đình dòng dõi quý tộc nhất đã ký vào hiến pháp mới; trong số họ có cả những công tước, bá tước và hầu tước, và cả những thủ lĩnh của các dòng đạo khác. Khi thảo luận hiến pháp này, họ chỉ phản đối việc thủ tiêu các đặc quyền và ưu đãi lâu đời của họ. Tất cả những nhân vật trước kia đã tham gia nội các và bộ máy cung đình của Phéc-đi-năng VII đều tham gia nội các đầu tiên và bộ máy cung đình đầu tiên của Giô-dép. Một số đại biểu của các giai cấp thượng lưu coi Na-pô-lê-ông là người mà thượng đế cử xuống để phục hưng Tây Ban Nha, một số khác coi ông ta là trụ cột duy nhất để chống lại cách mạng; không ai tin vào khả năng thắng lợi của sự kháng cự của dân tộc.

Như thế là ngay từ đầu cuộc chiến tranh giành độc lập của Tây Ban Nha, bọn quý tộc lớp trên và những người trong chính quyền cũ đã mất hết mọi ảnh hưởng đối với giai cấp tư sản và nhân dân, bởi vì chúng đã bỏ rơi họ ngay từ đầu cuộc đấu tranh. Một bên là Affrancesados (bọn thân Pháp), và một bên là dân tộc. Ở Va-li-a-đô-lít, Các-ta-hê-na, Gra-na-đa, Ha-en, Xan-lu-các, La-Ca-rô-li-na, Xuy-đa-đơ-Rốt-ri-gô, Ca-di-xô, và Va-len-xi-a, những hoạt động nổi tiếng nhất của chính quyền cũ - tổng đốc, tướng lĩnh và những nhân vật có tên tuổi khác bị coi là tay sai của Pháp và là trở ngại cho phong trào dân tộc, - đều trở thành nạn nhân của sự nổi giận của nhân dân. Chính quyền ở khắp nơi đều bị phế truất. Mấy tháng trước khi có cuộc khởi nghĩa 19 tháng Ba 1808, ở Ma-đrít đã nổ ra làn sóng phản đối, nhằm cách chức El Chozizero (tên bán lap xường - biệt hiệu của Gô-đôi) và các tay sai đáng ghét của y. Mục đích ấy hiện nay đã đạt được trong phạm vi toàn quốc; như vậy là cuộc cách mạng trong nước đã hoàn thành theo kế hoạch mà quần chúng nhân dân mong muốn và không có liên hệ gì với cuộc đấu tranh chống cuộc xâm lược của nước ngoài. Nhìn chung, phong trào tuồng như *chống lại* cách mạng hơn là *vì* cách mạng. Phong trào này mang tính chất dân tộc vì nó tuyên bố nền độc lập của Tây Ban Nha đối với Pháp, song nó đồng thời mang tính chất triều đại vì nó đem Phéc-đi-năng VII "Yêu quý" đối lập với Giô-dép Bô-na-pác-tơ, nó mang tính chất phản động vì nó đem các thể chế, tập quán và pháp

luật cũ đối lập với sự đổi mới hợp lý của Na-pô-lê-ông, nó mang tính chất mê tín và cuồng tín vì nó đối lập "tôn giáo thiêng liêng" với cái gọi là chủ nghĩa vô thần Pháp, hay là đối lập với sự thủ tiêu đặc quyền của giáo hội La Mã. Giới tăng lữ hoảng sợ trước số phận của những người anh em của mình ở Pháp, xuất phát từ ý thức tự vệ, nên đã kích động tinh thần phản nộ của nhân dân.

"Dầu thánh của mê tín" - Xa-u-ti nói - "tăng thêm cho ngọn lửa yêu nước sức mạnh lớn hơn"²⁴⁸.

Tất cả các cuộc chiến tranh giành độc lập tiến hành chống Pháp, đều có đặc điểm là kết hợp tính chất phục hưng với tính chất phản động, nhưng không nơi nào tính chất hai mặt ấy lại biểu hiện rõ ràng như ở Tây Ban Nha. Trong trí tưởng tượng của nhân dân, quốc vương là vị hoàng tử như trong truyện cổ tích, tỏa ánh hào quang đầy vẻ thơ mộng và bị tên cướp khổng lồ đầy đoạ và giam cầm. Thời đại hấp dẫn và yêu quý nhất của quá khứ dân tộc đã gắn liền với những truyền thuyết thần kỳ về cuộc chiến tranh của cây thập tự chống lại hình mặt trăng bán nguyệt; có rất nhiều người thuộc tầng lớp dưới quen khoác áo của thầy tu hành khất và sống nhờ giáo hội. Nhà văn Tây Ban Nha Đôn Hô-xê Clê-men-tê Cát-ni-xe-rô đã cho xuất bản những tác phẩm sau đây vào năm 1814 và 1816: "Na-pô-lê-ông - một Đông-Ki-sốt chính cống của châu Âu", "Những sự kiện chính yếu của cuộc cách mạng vinh quang ở Tây Ban Nha", "Sự khôi phục hợp lý tòa án tôn giáo"²⁴⁹. Chỉ riêng tên gọi những cuốn sách ấy đã đủ nói lên đặc điểm của cách mạng Tây Ban Nha, đặc điểm này cũng biểu hiện trong tuyên ngôn của các hội đồng nhiếp chính tỉnh; tất cả những cuốn sách ấy đều ca tụng quốc vương, tôn giáo thiêng liêng và tổ quốc, một số thậm chí còn nói với nhân dân như sau:

"Hy vọng của họ về một thế giới bên kia đang bị thách thức và đang đứng trước sự đe dọa không sao tránh khỏi".

Nhưng nếu như nông dân, dân cư các thành thị nhỏ ở nội địa và đội quân đông đảo bình dân khoác hoặc không khoác áo thầy tu, bị tiêm nhiễm sâu sắc thành kiến tôn giáo và chính trị, tạo thành đại đa số

trong thành phần phái dân tộc thì, mặt khác, trong phái này còn có một thiểu số hoạt động tích cực và có thể lực, đã coi cuộc đấu tranh của nhân dân chống sự xâm lược của Pháp là tín hiệu của sự phục hưng Tây Ban Nha về chính trị và xã hội. Thiểu số này gồm dân cư các hải cảng, thành phố thương mại và một số trung tâm của tỉnh, nơi đây, dưới thời Sác-lơ V, những điều kiện vật chất của xã hội hiện đại đã phát triển đến một trình độ nhất định. Họ được sự ủng hộ của những phần tử ưu tú thuộc tầng lớp quý tộc và giai cấp tư sản, của các nhà văn, bác sĩ, luật sư, thậm chí tăng lữ, mà dãy núi Pi-rê-nê không ngăn cản được ảnh hưởng của triết học thế kỷ XVIII. Bị vong lỵc Hô-ve-li-a-nốt nổi tiếng công bố năm 1795 về việc cải thiện nông nghiệp và luật ruộng đất được thảo ra theo lệnh của Hội đồng quốc vương Ca-xi-li-a²⁵⁰ có thể được coi là tuyên ngôn thật sự của nhóm này. Sau hết, còn có thanh niên tư sản, chẳng hạn, học sinh các trường đại học sốt sắng tiếp thu khát vọng và nguyên tắc của cách mạng Pháp và có một thời kỳ thậm chí hy vọng dựa vào sự ủng hộ của Pháp để phục hưng tổ quốc.

Khi vấn đề mới chỉ là cùng nhau bảo vệ tổ quốc thì hai bộ phận lớn hợp thành của phái dân tộc còn hoàn toàn hòa hợp với nhau. Sự đối kháng giữa họ với nhau còn chưa biểu hiện, khi họ chưa gặp nhau ở nghị viện, trên vũ đài đấu tranh cho hiến pháp mới đang được soạn thảo. Phe thiểu số cách mạng ra sức ủng hộ tinh thần yêu nước của nhân dân, không chút do dự hướng vào những thiên kiến dân tộc của tín ngưỡng cũ của nhân dân. Nếu như đối với mục đích trực tiếp của cuộc phản kháng dân tộc, sách lược ấy là thỏa đáng, thì rút cục nó không tránh khỏi trở thành điều bất hạnh cho phe thiểu số vào lúc mà phe bảo thủ của xã hội cũ bắt đầu lợi dụng chính những thiên kiến ấy và sự hăng hái của nhân dân, để bảo vệ lợi ích riêng của mình chống lại những kế hoạch chân chính và cuối cùng của những người cách mạng.

Rời Ma-đrít theo yêu cầu của Na-pô-lê-ông, Phéc-đi-năng đã thành lập hội đồng nhiếp chính tối cao do hoàng thân Đôn An-tô-ni-ô làm chủ tịch. Nhưng ngay từ tháng Năm hội đồng ấy đã không tồn tại nữa. Bấy giờ không có chính phủ trung ương, và các thành phố khởi nghĩa đã thành lập các hội đồng nhiếp chính của mình dưới sự lãnh đạo của những hội đồng được thành lập ở thủ phủ các tỉnh. Kỳ thực, những hội

đồng hiệp chính tỉnh ấy đều là những chính phủ độc lập, mỗi hội đồng đều tổ chức quân đội của mình. Hội đồng đại biểu ở Ô-vê-đô tuyên bố rằng chủ quyền hoàn toàn chuyển vào tay mình, tuyên chiến với Bô-na-pác-tơ và cử đại biểu sang Anh để ký hiệp định đình chiến. Sau đó Hội đồng hiệp chính ở Xê-vi-li-a cũng làm như thế. Điều lý thú là do sự thúc ép của tình hình, những tín đồ Thiên chúa giáo cuồng tín đã liên minh với Anh, một cường quốc mà người Tây Ban Nha quen coi là hiện thân của thứ tà giáo tối tệ nhất, chẳng hơn bao nhiêu so với chính vua Thổ Nhĩ Kỳ. Chạy trốn cuộc tấn công của chủ nghĩa vô thần Pháp, họ ôm choàng lấy tôn giáo Anh. Cho nên, không có gì là lạ khi Phéc-đi-năng VII trở về Tây Ban Nha đã tuyên bố, trong sắc lệnh khôi phục tòa án tôn giáo thiêng liêng, rằng một trong những nguyên nhân

"làm ô uế sự trong sạch của tôn giáo ở Tây Ban Nha, là sự có mặt của những quân đội nước ngoài ở Tây Ban Nha, các quân đội đó thuộc các giáo phái khác nhau và đều bị tiềm nhiệm như nhau sự thù hằn đối với giáo hội La Mã thần thánh".

Các hội đồng hàng tỉnh xuất hiện hết sức đột nhiên và hoàn toàn độc lập với nhau, đã thừa nhận một quyền uy nào đó - thực ra, hết sức nhỏ bé và không rõ ràng - của hội đồng hiệp chính tối cao ở Xê-vi-li-a, vì thành phố này được coi là thủ đô của Tây Ban Nha, kể từ khi Ma-đrít rơi vào tay người nước ngoài. Như vậy là đã hình thành một thứ chính phủ liên bang hết sức vô chính phủ; do sự xung đột của các lợi ích đối lập, do sự đố kỵ giữa các địa phương và những thế lực cạnh tranh mà chính phủ này là một công cụ ít hữu dụng cho sự tập trung chỉ huy quân sự và cho các hoạt động quân sự chung.

Những lời kêu gọi nhân dân của các hội đồng độc lập đã phản ánh toàn bộ sức mạnh anh hùng của một dân tộc đột nhiên bừng tỉnh từ giấc ngủ triền miên và lao vào hoạt động cuồng nhiệt giống như bị tác động của một dòng điện; nhưng đồng thời những lời kêu gọi ấy không thể thoát khỏi cái lối hành văn quá ư bóng bẩy, vừa uốn éo cầu kỳ và ba hoa, vừa dài dòng vắn tắt, khiến cho Xi-xmôn-đi có cơ dùng tính từ "có tính chất phương Đông"²⁵¹ để chỉ đặc trưng của nền văn học Tây Ban Nha. Những lời kêu gọi ấy cũng biểu hiện không kém phần rõ ràng tính hiếu danh ngây thơ vốn có trong tính cách người Tây Ban Nha,

không phải vô cớ mà các thành viên của hội đồng tự xưng, chẳng hạn, là "ta" và ăn vận quân áo lộng lẫy.

Về những hội đồng ấy, cần nêu rõ đặc điểm: một đặc điểm nói lên rằng, đến khi bắt đầu khởi nghĩa, trình độ giác ngộ của nhân dân còn thấp; đặc điểm thứ hai gây thiệt hại cho sự phát triển của cách mạng. Hội đồng hiệp chính do phổ thông đầu phiếu cử ra; nhưng "sự sốt sắng chân chính của các giai cấp bên dưới biểu hiện thành sự phục tùng". Thông thường, họ bầu cho các ông chủ tự nhiên của họ là giới đại quý tộc trong tỉnh và giới quý tộc có ít đất đai, kể đó là giới tăng lữ và rất hiếm khi họ bầu cho đại biểu ưu tú của giai cấp tư sản. Nhân dân đã bị tiềm nhiệm ý thức về sự bất lực của mình, đến mức họ chỉ biểu hiện tính chủ động của họ ở chỗ buộc các giai cấp thượng lưu phản kháng người Pháp, mà không đòi hỏi để cho bản thân mình tham gia lãnh đạo phong trào phản kháng ấy. Chẳng hạn, ở Xê-vi-li-a, "ý nghĩ đầu tiên của nhân dân là yêu cầu giới tăng lữ của xứ đạo và các viện trưởng tu viện họp lại để bầu đại biểu vào hội đồng hiệp chính". Như vậy, các hội đồng đầy rẫy những nhân vật được bầu ra trên cơ sở địa vị xã hội trước kia của họ và hoàn toàn không giống gì với lãnh tụ cách mạng. Mặt khác, khi cử ra những đại biểu ấy, nhân dân không nghĩ gì đến việc hạn chế quyền lực của họ, cũng như đến việc ấn định nhiệm kỳ. Còn các hội đồng hiệp chính thì đương nhiên chỉ nghĩ đến việc mở rộng quyền hạn và kéo dài nhiệm kỳ. Chính vì vậy mà những sản phẩm đầu tiên ấy của nhiệt tình của nhân dân ở thời kỳ đầu cách mạng, được bảo tồn trong suốt quá trình phát triển của cách mạng, đã hiện lên như những chiếc kè ngăn chặn làn sóng cách mạng, mỗi khi làn sóng này đe dọa dâng vượt bờ đê.

Ngày 20 tháng Bảy 1808, cũng chính là ngày Giô-dép Bô-na-pác-tơ tiến vào Ma-đrít. Ca-xtan-nhi-ô đã buộc 14000 quân Pháp, do các tướng Đuy-pông và Vê-đen chỉ huy, hạ vũ khí ở Bai-len, và sau mấy ngày nữa, Giô-dép đã buộc phải rút từ Ma-đrít về Buốc-gô-xơ. Ngoài ra, còn xảy ra hai sự kiện nữa cổ vũ mạnh mẽ người Tây Ban Nha: tướng Pa-la-phốc-xơ đã đuổi Lơ-phe-vơ ra khỏi Xa-ra-gốt, và quân đội của hầu tước Đơ La Rô-man-na gồm 7000 binh sĩ, bất chấp quân Pháp, đã rời đảo Phuy-nanh đến La Cô-ru-ni-a để cứu tổ quốc.

Sau trận đánh ở Bai-len, cách mạng đã đạt tới tột đỉnh và bộ phận quý tộc lớp trên đã hoặc là thừa nhận vương triều Bô-na-pác-tơ, hoặc là khôn ngoan giữ thái độ im lặng, và hiện nay đã tham gia sự nghiệp của nhân dân, lợi ích của hành động đó đối với sự nghiệp nhân dân thì hoàn toàn đáng nghi ngờ.

III

Sự phân chia quyền lực giữa các hội đồng nhiếp chính tỉnh đã cứu Tây Ban Nha khỏi đợt sóng đầu tiên của cuộc xâm lược của Na-pô-lê-ông, không những vì đã tăng lên gấp bội khả năng đề kháng của đất nước, mà còn vì đã làm cho kẻ xâm lược không biết hướng đòn tập kích vào chỗ nào; thật vậy, người Pháp hoàn toàn lúng túng khi phát hiện rằng trung tâm đề kháng của người Tây Ban Nha vừa ở khắp nơi, mà cũng vừa không ở đâu cả. Hơn nữa, chẳng bao lâu sau khi Bai-len đầu hàng và Giô-dép rút khỏi Ma-đrít, đâu đâu cũng bắt đầu cảm thấy cần phải thành lập một trung tâm chấp chính nào đó. Sau những thắng lợi đầu tiên, sự tranh chấp giữa các hội đồng nhiếp chính tỉnh đã gay gắt đến mức, chẳng hạn, tướng Ca-xtan-nhi-ô phải vất vả lắm mới ngăn cản được Xê-vi-li-a tiến quân chống lại Gra-na-da. Kết quả là quân đội Pháp, là đội quân (trừ quân đoàn của nguyên soái Bét-xi-e-ơ) đã rút lui hỗn loạn đến tuyến sông Ê-brơ và có thể bị đánh tan một cách dễ dàng, hoặc ít nhất cũng bị đuổi khỏi biên giới, nếu như kiên quyết truy kích, thì nay đã có cơ hội hồi sức và chiếm lĩnh trận địa kiên cố. Nhưng sự phản kháng của toàn quốc đối với sự kình địch nhỏ nhen giữa các tập đoàn và đối với *laissez faire*^{1*} vô tâm của những người chỉ huy, thì chủ yếu là do cuộc đàn áp tàn khốc của tướng Méc-lin đối với cuộc khởi nghĩa ở Bin-bao²⁵² gây ra. Nhu cầu cấp bách cần có sự phối hợp các hoạt động quân sự; sự tin tưởng rằng Na-pô-lê-ông sẽ nhanh chóng trở lại cầm đầu một đội quân luôn luôn chiến thắng được tuyển mộ trên bờ sông Ni-ê-man và Ô-đê và vùng ven biển Ban-tích; sự cần thiết phải có một chính quyền trung ương để ký hiệp ước đồng minh với Anh và với các cường quốc khác, cũng như để duy trì quan hệ với châu Mỹ thuộc Tây Ban Nha và thu thuế ở đấy; sự tồn tại một chính quyền trung ương của Pháp ở Buốc-gô-xơ và sự cần thiết phải đối lập tượng thánh của mình với tượng thánh của nước

1* - sự trễ nải

ngoài, đấy là tình hình đã gây sức ép thúc đẩy hội đồng nhiếp chính tỉnh Xê-vi-li-a miễn cưỡng từ bỏ địa vị đứng đầu không rõ ràng và về thực chất chỉ có tính chất danh nghĩa của mình và đề nghị các hội đồng nhiếp chính tỉnh cử ra mỗi hội đồng hai đại biểu để hội nghị của họ sẽ lập ra *Hội đồng nhiếp chính trung ương*, đồng thời các hội đồng nhiếp chính tỉnh phải duy trì quyền quản lý nội bộ đối với các khu vực của mình,

"nhưng với điều kiện là phải phục tùng chính phủ trung ương".

Như thế là Hội đồng nhiếp chính trung ương gồm 35 đại biểu của các hội đồng nhiếp chính tỉnh (34 trực tiếp của Tây Ban Nha và 1 đại biểu của quần đảo Ca-na) đã họp ở A-ran-hu-ê-xơ ngày 25 tháng Chín 1808 đúng vào đêm hôm trước của cái ngày mà các quốc vương Nga và Đức quỳ gối trước Na-pô-lê-ông ở Éc-pha²⁵³.

So với hoàn cảnh bình thường thì trong điều kiện của thời kỳ cách mạng, vận mệnh của quân đội càng phản ánh rõ nét bản chất thực sự của chính phủ dân sự. Hội đồng nhiếp chính trung ương lãnh trách nhiệm đuổi kẻ thù khỏi Tây Ban Nha thì bản thân lại bị sức mạnh của vũ khí Pháp đuổi từ Ma-đrít đến Xê-vi-li-a, rồi từ Xê-vi-li-a đến Ca-di-xơ, tại nơi đây kết cục không vẻ vang đã chờ đợi nó. Sự cầm quyền của nó được đánh dấu bằng một loạt thất bại nhục nhã, bằng sự thủ tiêu các quân đoàn Tây Ban Nha và sau hết bằng việc biến hoạt động quân sự chính quy thành hoạt động du kích lẻ tẻ. Dưới đây là điều mà nhà quý tộc Tây Ban Nha Uốc-ki-hô nói với Cu-ê-xta, tư lệnh quân khu Ca-xti-li-a ngày 3 tháng Tư 1808:

"Tây Ban Nha của chúng ta là một công trình kiểu gô-tích xây dựng bằng những vật liệu khác nhau; ở Tây Ban Nha có bao nhiêu tỉnh thì có bấy nhiêu thể lực, đặc quyền, luật pháp và tập quán khác nhau. Ở Tây Ban Nha tuyệt nhiên không có cái mà ở châu Âu người ta gọi là tinh thần xã hội. Những nguyên nhân ấy bao giờ cũng cản trở chúng ta xây dựng một chính quyền trung ương đủ vững chắc để liên hợp các lực lượng dân tộc của chúng ta".

Như vậy, nếu như tình hình thực tế của Tây Ban Nha trong thời kỳ Pháp xâm lược đã trở thành một trở ngại lớn trên con đường xây dựng một trung tâm cách mạng thì bản thân thành phần Hội đồng nhiếp

chính trung ương khiến cho nó không thể khắc phục được cuộc khủng hoảng đáng sợ mà đất nước lâm vào. Quá đông người và quá ngẫu nhiên về thành phần, cho nên nó không thể trở thành cơ quan chấp hành, nhưng Hội đồng nhiếp chính ấy đồng thời lại quá ít người nên không thể có tham vọng có được uy quyền của Hội nghị Quốc ước²⁵⁴. Chỉ riêng việc Hội đồng nhiếp chính trung ương nhận quyền lực của mình từ các hội đồng nhiếp chính tỉnh, đã làm cho nó không thể khắc phục được lòng hám danh, ác ý và tính ích kỷ thất thường của những hội đồng tỉnh. Các hội đồng tỉnh - mà thành phần, như chúng tôi đã nêu rõ ở chương trên, được bầu ra căn cứ vào địa vị của họ trong xã hội cũ chứ không phải căn cứ vào khả năng xây dựng xã hội mới - đến lượt mình, lại cử vào Hội đồng nhiếp chính trung ương bọn đại quý tộc Tây Ban Nha, bọn tăng lữ cao cấp, bọn quan chức Ca-xti-li-a, bọn thượng thư cũ, bọn quan văn quan võ cao cấp cũ, chứ không phải những nhân vật mà cách mạng đề bạt. Vì ngay từ đầu đã ra sức gò mình trong khuôn khổ hợp pháp và hợp lệ lịch thiệp, cách mạng Tây Ban Nha ngay từ đầu đã không tránh khỏi thất bại rồi.

Phlo-ri-đa-blan-ca và Hô-ve-li-a-nốt là hai thành viên lỗi lạc nhất của Hội đồng nhiếp chính trung ương, dưới ngọn cờ của hai ông đã tập hợp hai phái lớn nhất đương thời; hai ông đã từng chịu đựng sự hăm hại của Gô-đôi, hai ông trước kia đều là thượng thư, nhưng hiện nay đã trở thành tàn phế, già yếu đi trong nề nếp cũ cứng nhắc và câu nệ của chế độ Tây Ban Nha bảo thủ, mà sự lễ mễ long trọng và cầu kỳ đã nổi tiếng ngay từ thời đại Bê-côn là người đã có lần thốt lên rằng: "Hãy để cho thần chết từ Tây Ban Nha đến tìm tôi, trong trường hợp này hấn sẽ đến rất chậm"²⁵⁶.

Phlo-ri-đa-blan-ca và Hô-ve-li-a-nốt là cực đối lập, những cực đối lập này đã mở đầu từ thế kỷ XVIII, trước thời kỳ cách mạng Pháp; người thứ nhất là quan lại bình dân, người thứ hai là nhà từ thiện quý tộc. Phlo-ri-đa-blan-ca là người ủng hộ và nhà hoạt động của chế độ chuyên chế sáng suốt mà đại biểu là Pôm-ban, Phri-đrich II và I-ô-dép II; Hô-ve-li-a-nốt là "bạn của nhân dân" hy vọng giải phóng họ bằng con đường thận trọng thay đổi các luật lệ về kinh tế và tuyên truyền trên sách báo các học thuyết cao thượng; cả hai ông đều chống lại truyền

thống phong kiến, vì một người thì hướng đến sự giải phóng chế độ quân chủ khỏi truyền thống ấy, còn một người thì tìm cách giải thoát xã hội thị dân khỏi gông xiềng của các truyền thống đó. Vai trò của mỗi người trong lịch sử quốc gia cũng khác nhau như quan điểm của họ. Phlo-ri-đa-blanc nắm giữ quyền lực tối cao với tư cách thủ tướng của s1 III, và sự cầm quyền của ông ngày một trở nên bạo ngược tùy theo mức độ sự phản kháng mà ông vấp phải. Hô-ve-li-a-nốt, có một thời gian ngắn làm thượng thư dưới triều Sác-lơ IV, đã gây được ảnh hưởng đối với nhân dân Tây Ban Nha không phải với tư cách thượng thư, mà với tư cách một học giả, không phải bằng nghị định, mà bằng sách vở. Phlo-ri-đa-blanc khi được bão táp chính trị đưa lên đứng đầu chính phủ cách mạng, thì ông đã là một cụ già tám chục tuổi đầu chỉ còn giữ được nguyên vẹn niềm tin vào chế độ chuyên chế và sự hoài nghi đối với năng lực sáng tạo của nhân dân. Khi đi Ma-đrít, Phlo-ri-đa-blanc đã để lại ở cơ quan thị chính một bản kháng nghị bí mật, tuyên bố rằng ông chỉ nhượng bộ trước sức mạnh do sợ hành động mưu sát của nhân dân, và đặc biệt ký tên vào văn kiện ấy để tự bào chữa trước quốc vương I-ô-dép về việc ông ta nhận sự ủy nhiệm của nhân dân. Không thỏa mãn với sự khôi phục các truyền thống những năm trước đây của mình, ông đã sửa đổi những biện pháp của chính phủ trước đây của ông mà hiện nay xét thấy quá ư thiếu thận trọng. Chẳng hạn, trước đây ông đã trục xuất những tín đồ dòng Tên ra khỏi Tây Ban Nha²⁵⁶; giờ đây, vừa mới trở thành ủy viên của Hội đồng nhiếp chính trung ương, ông đã xin cho họ được phép trở về "với tư cách tư nhân". Nếu như ông có thừa nhận rằng từ khi ông cầm quyền có đạt được sự chuyển biến nào đấy, thì sự chuyển biến đó chỉ là ở chỗ Gô-đôi, kẻ đã trục xuất và tước đoạt mọi quyền hành của đại bá tước Phlo-ri-đa-blanc, thì hiện nay đã bị chính bá tước Phlo-ri-đa-blanc ấy thay thế chức vụ, và đến lượt hẳn bị trục xuất. Đây là con người mà Hội đồng nhiếp chính trung ương cử làm chủ tịch của mình và đại đa số trong Hội đồng thừa nhận là lãnh tụ không có khuyết điểm gì của mình.

Hô-ve-li-a-nốt đứng đầu phái thiểu số có ảnh hưởng của Hội đồng nhiếp chính trung ương, cũng đã già yếu và đã mất đi phần lớn tinh lực của mình trong sự giam cầm lâu dài mà Gô-đôi bắt ông chịu đựng.

Nhưng ngay trong những năm dồi dào tinh lực nhất, ông ta cũng không phải là con người hoạt động cách mạng, mà nói đúng hơn, là một nhà cải lương có thiện chí, quá câu nệ về biện pháp thực hiện, do đó không thể tiến hành sự nghiệp đến cùng. Nếu ở Pháp thì ông sẽ cùng hành động với Mu-ni-ê hoặc với La-li-Tô-lăng-đan nhưng không đi xa hơn bước nào. Nếu ở Anh, ông sẽ xuất hiện với tư cách một thượng nghị sĩ có tiếng tăm. Ở Tây Ban Nha khởi nghĩa ông có thể cung cấp cho thanh niên đầy nhiệt tình một số quan niệm, nhưng trong lĩnh vực hoạt động thực tiễn thì ông thậm chí còn thua xa sự bền bỉ nhu mì của Phlo-ri-đa-blanc. Không xa lạ với thiên kiến quý tộc, do đó hoàn toàn có khuynh hướng sùng bái Anh theo tinh thần Mông-te-xki-ô, con người cao quý ấy tưởng chừng như là một bằng chứng có đọng chứng minh rằng nếu như Tây Ban Nha có thể xuất hiện một bậc anh tài có thể đưa ra những tư tưởng đại chúng, thì đó chỉ là ngoại lệ và làm tổn hại đến nghị lực cá nhân, một nghị lực chỉ biểu hiện ở người Tây Ban Nha trong các công việc địa phương.

Tuy nhiên, trong Hội đồng nhiếp chính trung ương còn có một số người, đứng đầu là đại biểu của Xa-ra-gốt là Đôn Lô-ren-xô Can-vô Đơ Rô-xa-xô, tán thành quan điểm cải lương của Hô-ve-li-a-nốt, đồng thời thúc đẩy hoạt động cách mạng. Nhưng do số lượng ít và trong số họ thiếu những nhân vật nổi tiếng, nên họ không đủ sức kéo chiếc xe quốc gia nặng nề là Hội đồng nhiếp chính trung ương ra khỏi xe hần sâu của lễ giáo Tây Ban Nha.

Chính bộ máy chính quyền ấy, được tổ chức thô sơ như vậy, nội bộ uể oải như vậy, do những hiện thân sống của quá khứ lãnh đạo, có sứ mạng hoàn thành cách mạng và chiến thắng Na-pô-lê-ông. Nếu như lời văn của bản tuyên ngôn của nó hùng hồn bao nhiêu, hiệu lực của nó yếu ớt bấy nhiêu, thì nguyên nhân của tình hình đó là nhà thơ Tây Ban Nha, Đôn Ma-nu-en Quyn-ta-na, người đã được Hội đồng nhiếp chính trung ương, vì tỏ rõ sở trường thưởng thức văn học của mình, cử làm thư ký để thảo ra tuyên ngôn của mình.

Giống như các anh hùng kiêu căng của Can-đê-rôn coi các chức tước thế tập là sự vĩ đại chân chính, đã tự giới thiệu bằng một bảng liệt kê chối tai về các chức tước của mình. Hội đồng nhiếp chính trung ương trước hết bận rộn vào việc dành cho mình những chức tước và danh vị

tương xứng với địa vị cao quý của mình. Chủ tịch Hội đồng nhận danh - hiệu "đại đức lớn", các thành viên khác nhận danh hiệu "đại quan", còn toàn thể Hội đồng in corpore^{1*} nhận được danh hiệu "đại". Các thành viên của Hội đồng ăn mặc quần áo kiểu hội hóa trang, giống quân phục cấp tướng, trên ngực đeo huy chương có vẽ Cựu thế giới và Tân thế giới và tự quy định lương bổng hàng năm là 120000 rê-a-lơ. Hoàn toàn theo tinh thần của truyền thống Tây Ban Nha cũ, các lãnh tụ của nước Tây Ban Nha khởi nghĩa cho rằng chỉ cần ăn mặc quần áo phùng chèo là họ có thể xuất hiện một cách đàng hoàng và xứng đáng trên vũ đài lịch sử châu Âu.

Trình bày lịch sử nội bộ của Hội đồng nhiếp chính và các chi tiết về sự cai trị của nó không thuộc nhiệm vụ của loại bài tùy bút này. Ở đây chúng tôi chỉ giới hạn ở việc trả lời hai câu hỏi. Ảnh hưởng của Hội đồng đối với sự phát triển của phong trào cách mạng Tây Ban Nha và đối với công cuộc phòng thủ đất nước ra sao? Trả lời hai câu hỏi ấy sẽ giải thích được nhiều vấn đề cho tới nay còn là bí ẩn và khó hiểu trong các cuộc cách mạng Tây Ban Nha hồi thế kỷ XIX.

Ban đầu, đa số thành viên của Hội đồng nhiếp chính trung ương coi việc dẹp yên các làn sóng cách mạng đầu tiên là nhiệm vụ hàng đầu của mình. Vì vậy Hội đồng đã tăng cường chế độ khắt khe trước đây đối với báo chí và bổ nhiệm một chánh án mới của tòa án tôn giáo, nhưng may thay, người Pháp đã không để ông ta thi hành chức trách của mình. Mặc dù đại bộ phận bất động sản ở Tây Ban Nha bấy giờ không được mua bán do hiệu lực của quyền "bàn tay chết" - theo đó tài sản của quý tộc chỉ được kế thừa, ruộng đất của giáo hội không được chuyển nhượng - Hội đồng vẫn ra lệnh đình chỉ việc mua bán các trang ấp của "bàn tay chết" lúc đó đã được bắt đầu, thậm chí còn dọa huỷ bỏ các cuộc mua bán tư nhân đối với các ruộng đất của giáo hội. Hội đồng thừa nhận quốc trái, nhưng không có biện pháp tài chính nào để giải thoát ngân sách khỏi vô số nợ nần đè nặng lên nó do kết quả của sự cai quản lâu đời của các chính phủ tham nhũng thay thế nhau, cũng như để cải cách chế độ tài chính của mình nổi tiếng về sự bất công, bất hợp lý và nặng nề và, sau hết, để đập tan gông xiềng của chế độ phong kiến, mở ra cho dân tộc những nguồn mới cho hoạt động sản xuất.

1* - với đầy đủ thành phần

IV

Ngay dưới triều Phi-líp V, Phran-xi-xcô Bê-ni-tô Xô-le-đát đã nói: "Mọi điều bất hạnh của Tây Ban Nha đều bắt nguồn từ togados (quan toà) của nó"²⁵⁷. Đúng đầu hệ thống tư pháp tai hoạ của Tây Ban Nha là Hội đồng quốc vương [Conse jo Real] Ca-xi-li-a. Ra đời trong thời kỳ loạn lạc của các Đôn Hoan và các Hen-rích, được Phi-líp II tăng cường tác dụng do thấy nó là sự bổ sung xứng đáng cho Santo Officio^{1*}, Hội đồng này đã lợi dụng những tai hoạ của thời kỳ ấy và sự bất lực của mấy vị vua cuối cùng ấy để thu tóm và tập trung vào tay mình mọi thứ quyền lực và sáp nhập vào chức năng tư pháp tối cao của mình cả chức năng của cơ quan lập pháp và của cơ quan hành chính tối cao của tất cả các vương quốc ở Tây Ban Nha đương thời. Như vậy, xét về quyền lực, nó thậm chí vượt cả nghị viện Pháp mà nó giống về nhiều mặt, chỉ trừ một điều là nó chưa bao giờ đứng về phía nhân dân. Vì hội đồng quốc vương là cơ quan chính quyền có uy quyền nhất ở nước Tây Ban Nha cũ, cho nên đương nhiên lúc đó nó là kẻ thù không đội trời chung của Tây Ban Nha mới và của tất cả các chính quyền nhân dân mới ra đời đe dọa làm yếu uy quyền tối cao của nó. Cầm đầu đẳng cấp quan toà, thể hiện sự bảo đảm cho mọi sự lạm quyền và mọi đặc quyền của họ, hội đồng này lẽ tự nhiên cũng có toàn bộ những lợi ích nhiều vô số và đầy quyền uy gắn liền với chế độ tư pháp Tây Ban Nha. Vì vậy, nó là lực lượng mà cách mạng không thể thỏa hiệp được; cách mạng phải tiêu diệt lực lượng ấy để bản thân cách mạng không bị nó tiêu diệt. Như chúng ta đã thấy trong một bài trước đây, hội đồng này đã bán mình cho Na-pô-lê-ông và do sự phản bội ấy đã mất hết uy tín trước nhân dân. Nhưng hôm bắt đầu thi hành phận sự của mình, Hội đồng nhiếp chính trung ương đã có một hành động ngu xuẩn là thông

1* - Tòa án tôn giáo

tri cho Hội đồng quốc vương về sự thành lập của mình và yêu cầu nó tuyên thệ trung thành với mình; đồng thời Hội đồng nhiếp chính trung ương tuyên bố rằng nhận được lời tuyên thệ của hội đồng thì Hội đồng nhiếp chính trung ương sẽ phân phát bản tuyên thệ cho tất cả các cơ quan chính quyền khác trong vương quốc. Hành động sơ suất ấy gây ra thái độ phê phán công khai của tất cả phái cách mạng, và đã chứng tỏ với Hội đồng quốc vương rằng Hội đồng nhiếp chính trung ương cần sự ủng hộ của nó; nó lấy lại tinh thần và sau mấy ngày giả vờ do dự, tỏ ra phục tùng Hội đồng nhiếp chính với ác ý ngấm ngầm, khi tuyên thệ nó đã biểu hiện thái độ hoài nghi phản động của nó, được thể hiện trong đề nghị với Hội đồng nhiếp chính hãy tự giải tán bằng cách thu hẹp thành viên của mình xuống còn 3 - 5 người căn cứ vào đạo luật 3, phần 2, điều 15²⁵⁸ và ra lệnh giải tán các Hội đồng nhiếp chính tỉnh. Sau khi quân Pháp trở lại Ma-đrit và giải tán Hội đồng quốc vương thì Hội đồng nhiếp chính trung ương không thỏa mãn với sai lầm đầu tiên của mình, lại đã phạm phải hành động điên rồ là khôi phục hội đồng ấy, thành lập Consejo Reunido, nghĩa là sự kết hợp Hội đồng quốc vương với tàn dư của các hội đồng quốc vương xưa kia. Như thế, chính Hội đồng nhiếp chính trung ương đã thiết lập cho bọn phản cách mạng một cơ quan trung ương đối chọi lại ảnh hưởng của bản thân Hội đồng nhiếp chính trung ương và luôn luôn dùng âm mưu quỷ kế gây khó khăn và trở ngại cho Hội đồng, xúi bẩy Hội đồng đi vào những hành động phản dân nhất, để rồi, với vẻ bất bình một cách cao thượng, làm nhục Hội đồng trước nhân dân đã nổi giận. Cần nói rõ rằng ban đầu thừa nhận, rồi sau đó khôi phục Hội đồng quốc vương, Hội đồng nhiếp chính đã tỏ ra bất lực trong việc tiến hành bất cứ một cuộc cải cách nào về mặt chế độ tư pháp Tây Ban Nha, cũng như về mặt lập pháp dân sự và hình sự.

Mặc dù các phần tử dân tộc và tôn giáo chiếm ưu thế trong cuộc khởi nghĩa ở Tây Ban Nha, trong hai năm đầu của cuộc khởi nghĩa vẫn có khuynh hướng cải cách xã hội - chính trị hết sức rõ rệt; điều đó có thể thấy qua tất cả các bản tuyên ngôn của các Hội đồng nhiếp chính tỉnh đương thời, những hội đồng này mặc dù thậm chí phần lớn gồm đại biểu của các giai cấp có đặc quyền, cũng không quên lên án trật tự

cũ và hứa hẹn những cải cách căn bản. Điều đó cũng thấy rõ trong tuyên ngôn của Hội đồng nhiếp chính trung ương. Trong lời kêu gọi đầu tiên gửi nhân dân ngày 26 tháng Mười 1808, Hội đồng nhiếp chính trung ương nói:

"Chính thể bạo ngược và bất lực nhất đã tồn tại hai chục năm và đã đưa đất nước đến bờ vực của sự diệt vong; sự căm thù và tranh chấp đã làm cho quốc dân xa rời chính phủ của mình. Vì cách đây ít lâu còn bị áp bức và lãng phí không nhận thức được sức mạnh của mình, không tìm thấy - trong các thiết chế cũng như trong luật pháp - một sự bảo vệ chống lại các hành động lạm quyền của chính phủ, - cho nên nhân dân cho rằng sự thống trị của ngoại bang còn không đáng ghét bằng chính thể bạo ngược tai hại ấy. Nền thống trị ngang ngược luôn luôn mang tính chất thất thường và hầu như luôn luôn bất công ấy đã tồn tại quá kéo dài; sự nhẫn nại của nhân dân, lòng thiết tha với trật tự và sự trung thực rộng lượng của họ đã bị lạm dụng quá lâu; đã đến lúc luật pháp, được xây dựng trên cơ sở hạnh phúc chung, phải phát huy tác dụng của nó. Do đó, cải cách là cần thiết trong tất cả mọi lĩnh vực của đời sống. Hội đồng nhiếp chính sẽ thành lập các ủy ban của các ngành, tất cả những bản kiến nghị có liên quan đến chính phủ và đến chính quyền đều phải gửi đến cho những ủy ban ấy".

Trong lời kêu gọi ngày 28 tháng Mười 1809, được công bố ở Xê-vi-li-a, Hội đồng nhiếp chính nói:

"Chế độ chuyên chế yếu đuối và thối nát mở đường cho sự bạo ngược của người Pháp. Để cho những sự hà lạm trước đây lại tái diễn trong quốc gia thì sẽ là một tội lỗi cũng ghê gớm chẳng khác gì đem nộp đồng bào cho Bô-na-pác-tô?"

Xem ra thì trong Hội đồng nhiếp chính trung ương đã có sự phân công độc đáo nhất: phái Hô-ve-li-a-nốt được phép tuyên bố và ghi thành văn bản những ý đồ cách mạng của quốc dân, còn phái Phlo-ri-da-blan-ca thì tự giành cho mình quyền trực tiếp phủ định những ý đồ ấy và đem những hành động phản cách mạng đối chọi lại các ảo tưởng cách mạng. Dù sao đi nữa, điều quan trọng đối với chúng ta là: dựa vào những thừa nhận của các hội đồng nhiếp chính tỉnh được trình lên Hội đồng nhiếp chính trung ương thì có thể chứng minh được một sự thật thường xuyên bị phủ nhận, đó là sự tồn tại của những ý đồ cách mạng trong thời kỳ có cuộc khởi nghĩa lần thứ nhất ở Tây Ban Nha.

Còn như việc Hội đồng nhiếp chính trung ương lợi dụng như thế nào tình thế thuận lợi để tiến hành các cải cách, một tình thế đã hình

thành nhờ thiện chí của quốc dân, nhờ sự thúc bách của tình hình và nhờ sự tồn tại của một nguy cơ trực tiếp, - thì về điều đó có thể phán đoán được, căn cứ vào ảnh hưởng của các cao ủy mà Hội đồng nhiếp chính trung ương cử về các tỉnh. Một nhà văn Tây Ban Nha²⁵⁹ nói một cách chất phác với chúng tôi rằng Hội đồng nhiếp chính trung ương vì không bị thừa nhân tài, nên đã ra sức giữ những thành viên ưu tú của mình ở trung ương và chỉ cử những người không có năng lực gì về các vùng ngoại vi. Những cao ủy này được trao quyền chủ trì các hội đồng nhiếp chính tỉnh và đại biểu cho Hội đồng nhiếp chính trung ương trong toàn bộ chức năng của nó. Chúng tôi chỉ nêu lên một số ví dụ về hoạt động của họ: tướng Rô-man-na, mà binh sĩ Tây Ban Nha gọi là hầu tước Đờ Lát Rô-mê-ri-át^{1*}, do những cuộc hành quân và điều quân qua lại không ngừng của ông ta, thêm vào đó các trận chiến đấu thường diễn ra đúng vào lúc ông ta vắng mặt, - cái ông Rô-man-na này đã bị Sun-tô đánh bại và đuổi khỏi Ga-li-xi-a ấy, thì lại được cử đến Ác-tu-ri-a với tư cách là cao ủy của Hội đồng nhiếp chính trung ương. Hành động đầu tiên của ông ta là tìm cớ để gây hiềm khích với hội đồng nhiếp chính tỉnh Ô-vê-đô mà những biện pháp cách mạng kiên quyết của nó đã gây ra sự thù hằn của các giai cấp có đặc quyền. Ông ta không ngần ngại giải tán hội đồng nhiếp chính tỉnh này và thay thế bằng thủ hạ của mình. Nguyên soái Nây, được tin về những sự tranh chấp ấy ở một tỉnh mà phong trào chống Pháp từ trước tới nay vẫn rộng khắp và nhất trí, đã lập tức đem quân đến Ác-tu-ri-a đánh đuổi hầu tước Đờ Lát Rô-mê-ri-át, tiến vào Ô-vê-đô và cho cướp phá thành phố này ba ngày liền. Khi quân Pháp rút khỏi Ga-li-xi-a vào cuối năm 1809, vị hầu tước và phái viên của Hội đồng nhiếp chính trung ương của chúng ta đã tiến vào La-cô-ru-ni-a, thôn tóm toàn bộ chính quyền nhà nước, thủ tiêu các hội đồng nhiếp chính khu mà phần lớn đã ra đời trong quá trình khởi nghĩa, bổ nhiệm các tổng đốc quân sự thay thế các hội đồng ấy, đe dọa truy nã thành viên của các hội đồng ấy, và thật ra thì đã truy nã các nhà yêu nước, đồng thời tỏ ra hết sức khoan hồng đối với các nhân vật chạy theo địch, sau hết trên tất cả mọi mặt ông này đều tỏ ra là một tên gốc độc ác, bất lực và tính khí thất thường.

1* - xuất xứ từ chữ "romerias" - "người hành hương"

Những lầm lỗi của hội đồng nhiếp chính tỉnh và khu ở Ga-li-xi-a tựu chung là gì? Họ đã ra lệnh tổng tuyển quân trong tất cả mọi giai cấp và mọi người không trừ một ai; họ đã đánh thuế vào các nhà tư bản và địa chủ; họ đã giảm lương của quan chức nhà nước; họ đã ra lệnh cho các đoàn thể tôn giáo đặt số tiền mặt trong quỹ của mình dưới quyền sử dụng của các hội đồng nhiếp chính. Tóm lại, họ thi hành những biện pháp cách mạng. Từ khi hầu tước Đờ Lát Rô-mê-ri-át lừng lẫy tiếng tăm xuất hiện Ác-tu-ri-a và Ga-li-xi-a - hai tỉnh nổi tiếng nhất về phong trào chống Pháp rộng khắp - đã lần tránh tham gia cuộc chiến tranh vì độc lập, ngay sau khi không còn nguy cơ xâm lược trực tiếp đe dọa họ.

Ở Va-len-xi-a, nơi mà dường như đã xuất hiện triển vọng mới khi nhân dân và các lãnh tụ do họ bầu ra tự giải quyết công việc của mình; tinh thần cách mạng đã bị thế lực của chính phủ trung ương huỷ hoại. Chưa thỏa mãn với việc đặt tỉnh này dưới quyền cai quản của một viên tướng là Đôn Hô-xê Ca-rô, Hội đồng nhiếp chính trung ương còn cử đến đây phái viên "của mình" là nam tước La-ba-xô-ra. Vị nam tước này đã tố cáo hội đồng nhiếp chính tỉnh không phục tùng một số mệnh lệnh của cấp trên, và ông ta huỷ bỏ một sắc lệnh của hội đồng nhiếp chính tỉnh theo đó việc bổ nhiệm giáo chủ, các chức sắc của giáo hội và thủ lĩnh kỳ sĩ đã bị đình chỉ một cách hợp lý và kinh phí chi cho việc này được sử dụng vào các viện quân y. Vì vậy đã nổ ra tranh chấp kịch liệt giữa Hội đồng nhiếp chính trung ương và hội đồng nhiếp chính Va-len-xi-a; do đó sau này Va-len-xi-a tỏ ra bất động, khi nó bị đặt dưới quyền cai trị kiểu tự do chủ nghĩa của nguyên soái Xuy-sơ, còn sau khi Phéc-đi-năng VII trở về thì nó ra sức tôn Phéc-đi-năng VII lên làm quốc vương để chống chọi với chính phủ cách mạng đương thời.

Ở Ca-đi-xơ, địa phương cách mạng nhất ở Tây Ban Nha thời bấy giờ, sự có mặt của phái viên Hội đồng nhiếp chính trung ương là hầu tước Đơ Ven-len ngu xuẩn và hám danh đã gây ra cuộc khởi nghĩa ngày 22 và 23 tháng Hai 1809, nó sẽ dẫn đến những hậu quả tai hại nhất, nếu như nó không được kịp thời chuyển thành cuộc chiến tranh giành độc lập.

Ví dụ hiển nhiên nhất về sự sáng suốt của Hội đồng nhiếp chính trung ương trong việc cử các phái viên của mình là việc cử ngài La-xa-nô Đơ Tô-re-xơ làm đại biểu bên cạnh Oen-lin-ton; một mặt tên này hạ mình xu nịnh một cách nô lệ trước viên tướng Anh, mặt khác, y lại bí mật báo cho Hội đồng nhiếp chính trung ương rằng sự than phiền của viên tướng này về tình trạng thiếu lương thực là hoàn toàn vô căn cứ. Phát hiện thấy lòng dạ hai mặt của tên dê tiện này, Oen-lin-ton đã làm nhục rồi tống cổ y ra khỏi doanh trại của ông ta.

Hội đồng nhiếp chính trung ương ở trong những điều kiện thuận lợi nhất để làm tròn điều mà nó đã tuyên bố trong một lời kêu gọi gửi quốc dân Tây Ban Nha:

"Thượng đế muốn rằng trong cuộc khủng hoảng đáng sợ này các vị không thể tiến gần một bước đến độc lập mà lại đồng thời không xích gần đến tự do"²⁶⁰.

Khi Hội đồng nhiếp chính trung ương nắm chính quyền, người Pháp còn chưa chiếm được một phần ba lãnh thổ Tây Ban Nha. Chính quyền cũ hoặc là không tồn tại nữa, hoặc đã khuất phục quân thù, hoặc bị giải tán theo lệnh của quân thù. Không có cuộc cải cách xã hội nào - nhằm mục đích chuyển tài sản và chính quyền từ tay giáo hội và quý tộc sang tay giai cấp tư sản và nông dân - mà Hội đồng nhiếp chính trung ương lại không thể tiến hành được dưới chiêu bài cứu nước. Hội đồng nhiếp chính trung ương, cũng như Comité du salut public ở Pháp²⁶¹ năm nào, đã gặp vận may: những sự chấn động trong nước lại trùng hợp với sự cần thiết bảo vệ chống ngoại xâm; không những thế, Hội đồng nhiếp chính trung ương còn có trước mắt mình tấm gương về tinh thần chủ động táo bạo mà một số hội đồng nhiếp chính tỉnh đã biểu hiện trước sự thúc bách của tình hình. Nhưng Hội đồng nhiếp chính trung ương không những đã như một gánh nặng chết người treo trên cách mạng Tây Ban Nha, mà còn thực sự tiếp tay cho bọn phản cách mạng bằng cách khôi phục chính quyền cũ, rèn đúc lại những xiềng xích đã bị đập tan, dập tắt ngọn lửa cách mạng ở khắp nơi mà nó bùng lên được, còn bản thân Hội đồng ấy thì bất động và cản trở người khác hành động. Khi Hội đồng còn ở Xê-vi-li-a, thì thậm chí chính phủ của đảng bảo thủ Anh cũng cảm thấy cần gửi cho nó công hàm ngày 20 tháng Bảy 1809 kiên quyết phản kháng phương hướng phản cách mạng mà nó lựa chọn,

"xuất phát từ sự lo ngại rằng Hội đồng sẽ bóp nghẹt nhiệt tình của công chúng". Có người đã nhận xét rằng Tây Ban Nha đã gánh chịu mọi tai họa của cách mạng mà lại không có được sức mạnh cách mạng. Nếu như lời nói đó có chứa đựng một phần chân lý, thì nó đã vang lên như một lời tuyên án tử mạng đối với Hội đồng nhiếp chính trung ương.

Chúng tôi càng cảm thấy cần dừng lại ở vấn đề này, vì chưa có nhà sử học châu Âu nào hiểu được ý nghĩa có tính chất quyết định của nó. Chỉ có dưới chính quyền của Hội đồng nhiếp chính trung ương mới có thể kết hợp được giải quyết những vấn đề cấp bách của công cuộc phòng thủ quốc gia với việc cải tạo xã hội Tây Ban Nha và với việc giải phóng tinh thần dân tộc, không có sự kết hợp này thì bất cứ thể chế chính trị nào cũng không tránh khỏi tan rã khi xảy ra bất kỳ một sự đụng chạm nhỏ nào với cuộc sống thực tế. Nghị viện ở vào những hoàn cảnh hoàn toàn trái ngược: bị xô đẩy đến điểm cuối cùng của bán đảo Pi-rê-nê, bị quân đội chiếm đóng Pháp cắt đứt liên hệ với bộ phận chủ yếu của vương quốc trong hai năm trời, nghị viện là Tây Ban Nha trong ý niệm, trong khi đó Tây Ban Nha thực thì đang bị chiếm đóng, hoặc đang chiến đấu. Trong thời kỳ cầm quyền của nghị viện, đất nước bị chia làm hai phần. Ở đảo Lê-ôn thì chỉ hoàn toàn là những tư tưởng mà không có hành động, ở phần còn lại ở Tây Ban Nha thì lại hoàn toàn là hành động mà không có tư tưởng. Trái lại, ở thời kỳ Hội đồng nhiếp chính trung ương tồn tại lại cần có sự yếu đuối đặc biệt, sự bất lực và ác ý của chính phủ tối cao, để tách rời chiến tranh Tây Ban Nha với cách mạng Tây Ban Nha. Trái với ý kiến của các tác giả Pháp và Anh, nghị viện thất bại không phải vì họ hành động theo tinh thần cách mạng, mà vì những tiên khu của nó đều là những kẻ phản động đã bỏ lỡ cơ hội tốt cho hành động cách mạng. Các tác giả Tây Ban Nha hiện đại, tuy có giận ghét các nhà phê bình Anh và Pháp, nhưng lại tỏ ra bất lực trong việc bãi bỏ các nhà phê bình người Anh và Pháp; họ vẫn còn nhớ khi nghe những bon mot^{1*} của linh mục Đơ Prát: "Nhân dân Tây Ban Nha giống bà vợ của Xga-na-ren, một người đàn bà thích bị ăn đòn"²⁶²

1* - lời nói cay độc

V

Hội đồng nhiếp chính trung ương không thể bảo vệ tổ quốc, vì nó không thể hoàn thành sứ mệnh cách mạng của nó. Nhận thức được sự yếu đuối của mình, sự không vững vàng của quyền lực của mình và tình trạng rất không được lòng người của mình, liệu nó có thể dùng thủ đoạn nào khác ngoài mách khoé thấp hèn và mưu mô nhỏ nhen, khi nó mưu tính chấm dứt sự kình địch, lòng ghen tỵ và những tham vọng quá đáng của các viên tướng vốn có ở mọi thời kỳ cách mạng? Vì Hội đồng nhiếp chính trung ương mang tâm trạng thường xuyên lo sợ và nghi kỵ các viên chỉ huy quân sự của mình, cho nên chúng ta không có lý do gì để không tin vào lời của Oen-lin-tơn là người đã viết cho anh mình, là hầu tước Oen-xli, ngày 1 tháng Chín 1809 rằng:

"Quan sát hoạt động của Hội đồng nhiếp chính trung ương, tôi bắt đầu lo ngại rằng trong việc sử dụng lực lượng của mình, nó xuất phát chủ yếu không phải từ những nhiệm vụ phòng ngự quân sự và tác chiến, mà chủ yếu từ những mưu mô chính trị và mục đích chính trị nhỏ nhen".

Trong các thời kỳ cách mạng, khi mà mọi quan hệ tùy thuộc đều lỏng lẻo thì kỷ luật quân sự chỉ có thể được khôi phục bằng sự phục tùng nghiêm chỉnh của các tướng lĩnh đối với kỷ luật dân sự. Giống như Hội đồng nhiếp chính trung ương, với bộ máy không hợp lý của nó, không bao giờ có thể làm cho các tướng lĩnh phục tùng mình, các tướng lĩnh cũng không đạt được sự phục tùng của binh sĩ, cho nên đến khi chiến tranh kết thúc, quân đội Tây Ban Nha thậm chí chưa đạt được trình độ kỷ luật và ý thức phục tùng thông thường. Hiện tượng kỷ luật lỏng lẻo lại thêm nghiêm trọng do thường xuyên thiếu thốn lương thực, quần áo và mọi vật phẩm cần thiết cho quân đội, vì tinh thần quân đội - nếu ta dùng cách nói của Na-pô-lê-ông - hoàn toàn tùy thuộc vào điều kiện vật chất của nó. Hội đồng nhiếp chính trung ương không cung cấp

được đều đặn cho quân đội, vì những bản tuyên ngôn đầy thơ mộng của ông Quyn-ta-na đáng thương không thích hợp về mặt đó, còn nếu thực hiện sự cưỡng bức bên cạnh các pháp lệnh, thì như thế có nghĩa là thi hành các biện pháp cách mạng nhất của các tỉnh mà Hội đồng nhiếp chính trung ương đã lên án. Thậm chí việc tuyên bố chế độ tuyển quân rộng khắp không có ưu tiên và ngoại lệ và việc cho phép mọi người Tây Ban Nha được đảm nhiệm bất cứ cấp nào trong quân đội, cũng là công lao của hội đồng nhiếp chính tỉnh, chứ không phải của Hội đồng nhiếp chính trung ương. Nếu như thất bại của các đội quân Tây Ban Nha là do sự bất lực và lập trường phản cách mạng của Hội đồng nhiếp chính trung ương gây ra, thì các tai họa ấy, đến lượt nó, lại gây ảnh hưởng nặng nề đối với chính phủ, khiến cho chính phủ chuốc lấy sự khinh bỉ và hoài nghi của nhân dân, làm cho nó bị phụ thuộc thêm nữa vào các thủ lĩnh quân sự đầy tham vọng nhưng bất tài.

Quân đội chính quy Tây Ban Nha, tuy thất bại khắp mọi nơi, nhưng vẫn tồn tại khắp mọi nơi. Bị đánh tan hơn hai chục lần, nó vẫn luôn sẵn sàng nghênh chiến với quân địch và sau thất bại lại thường xuất hiện với những lực lượng tăng thêm. Tiến công nó là chẳng ích gì, vì nó bỏ chạy nhanh chóng, nhờ vậy nó thiệt hại rất ít về người, còn việc bỏ mất chiến trường thì không làm cho nó lo lắng. Tuy nó rút lui trong cảnh hỗn loạn về khe núi, song các đơn vị quân đội tin chắc rằng họ sẽ tập hợp lại được và sẽ xuất hiện ở giờ phút bất ngờ nhất, nhận được lực lượng tăng viện mới và đủ sức nếu không phải trong việc chống trả quân Pháp, thì ít ra cũng làm cho nó ở trong tình trạng thường xuyên căng thẳng và buộc nó hao mòn lực lượng của mình. Được may mắn hơn người Nga, người Tây Ban Nha thậm chí không cần phải quyết tử để sống lại từ cõi chết.

Trận thảm bại ở Ô-ca-ni-a ngày 19 tháng Mười một 1809 là trận chiến đấu chính quy lớn cuối cùng mà người Tây Ban Nha tiến hành: từ đó, họ chỉ hạn chế ở việc tiến hành chiến tranh du kích. Bản thân việc từ bỏ chiến tranh chính quy đã chứng minh rằng trung tâm chính quyền toàn quốc đã lu mờ trước trung tâm địa phương. Khi thất bại của quân đội chính quy đã thành hiện tượng thường xuyên, thì khắp nơi đều xuất hiện các đội du kích và quần chúng nhân dân không suy nghĩ

đến thất bại trên phạm vi toàn quốc, lại say sưa về những thắng lợi ở địa phương của các anh hùng của mình. Về điểm này, ít ra Hội đồng nhiếp chính trung ương cũng có cảm giác sai lầm phổ biến là tờ "Gaceta" "đã đưa tin tức về một trận đánh nhỏ nào đó của đội du kích một cách tỷ mỉ hơn là về trận đánh ở Ô-ca-ni-a".

Các đội du kích chống lại Na-pô-lê-ông cũng giống như Đông-Ky-sốt dùng gươm giáo để phản đối việc dùng súng đạn, có điều là với những thành quả khác nhau.

"Những đội du kích ấy" - tờ "Oesterreichische militärische Zeitschrift" (t.1, năm 1821) viết - "mang theo, như người ta nói, căn cứ tác chiến ngay trong bản thân mình, và mỗi cuộc tác chiến chống lại họ đều kết thúc bằng sự mất hút mục tiêu của cuộc tiến công".

Lịch sử chiến tranh du kích nên được chia ra thành ba thời kỳ. Thời kỳ thứ nhất, dân cư toàn tỉnh cầm vũ khí và tiến hành chiến tranh du kích, như ở Ga-li-xi-a và Ác-tu-ri-a, chẳng hạn. Giai đoạn thứ hai, các đội du kích có sự tham gia của tàn quân của các đội quân Tây Ban Nha bị tan rã, của người Tây Ban Nha đào ngũ khỏi quân đội Pháp, của bọn buôn lậu v.v. đã tự tiến hành chiến tranh bất chấp rủi ro, không phụ thuộc vào thế lực nước ngoài nào, căn cứ vào lợi ích trực tiếp của bản thân. Dịp may và những cơ hội trùng hợp nhau nhiều khi đã tập hợp cả hàng loạt khu dưới ngọn cờ của họ. Chẳng nào mà tổ chức của đội du kích còn như vậy, thì nhìn chung, họ không gây nên ấn tượng ghê gớm, nhưng vẫn hết sức nguy hiểm cho người Pháp. Họ tạo ra cơ sở cho việc thực tế vũ trang cho nhân dân. Mỗi khi có cơ hội thu chiến lợi phẩm hoặc có chủ trương dự định tiến hành một chiến dịch phức tạp, thì những phần tử tích cực nhất trong quần chúng nhân dân lại tham gia đội du kích. Các đội du kích lao như bão táp vào con mồi của mình hoặc bố trí theo tư thế chiến đấu, tùy theo nhiệm vụ đặt ra trước mắt họ. Thường có thể thấy họ suốt ngày đón lõng bọn địch cẩn trọng để bắt một lính thông tin hoặc cướp xe vận tải. Chính bằng cách đó mà Tiểu Mi-na đã bắt được phó vương Na-va-ra do Giô-dép Bô-na-pec-tơ bổ nhiệm, còn Hu-li-an bắt làm tù binh viên tư lệnh quân đồn trú Xuy-đa-đơ-Rốt-ri-gô. Công việc vừa kết thúc là mỗi người đi theo con đường của mình, những người vũ trang phân tán theo các hướng khác nhau; còn những nông dân tham gia trận đánh lại lặng lẽ trở về với

công việc hàng ngày của mình đến nỗi "ngay cả sự vắng mặt của họ cũng không ai biết". Kết quả là giao thông trên tất cả các con đường đều bị cắt đứt. Kẻ địch đông hàng ngàn, nhưng không thể phát hiện được chúng. Không thể nào cử lính thông tin đi mà lại không bị rơi vào tay địch, không thể vận chuyển lương thực mà không bị chặn cướp; tóm lại hàng trăm con mắt dõi theo từng hành động của người Pháp. Trong lúc ấy người ta không thể ngay một lúc mà chấm dứt được hình thức tổ chức ấy. Người Pháp buộc phải từng phút sẵn sàng đối phó với một kẻ địch luôn luôn lúc ẩn lúc hiện, không trông thấy được mà lại có mặt khắp nơi, vì mỗi mỏm núi đều là nơi ẩn nấp của nó.

"Lực lượng của người Pháp" - linh mục Đơ Prát nói - "bị kiệt quệ không phải do những trận đánh lớn và những trận đánh nhỏ, mà là do những cuộc tập kích nhỏ liên tục của một kẻ thù không trông thấy được, kẻ thù này khi bị truy kích thì lập tức biến mất trong quần chúng nhân dân và lại xuất hiện nhanh chóng với lực lượng mới. Con sư tử trong truyện ngụ ngôn bị muỗi hành hạ đến chết, đây là bức tranh đúng thực về quân đội Pháp".

Trong thời kỳ thứ ba, đội du kích bắt chức quân đội chính quy, hàng ngũ của họ tăng lên 3000 - 6000 người, họ đã mất đi mối liên hệ chặt chẽ của mình với hàng loạt khu và rơi vào tay một số thủ lĩnh quân sự lợi dụng họ để đạt tới các mục đích của cá nhân mình. Sự thay đổi ấy trong việc điều khiển chiến tranh du kích đã đem lại cho người Pháp những điều lợi lớn trong chiến đấu. Các đội quân mà số lượng đã tăng lên thì không còn có thể xuất quỷ nhập thần để lẩn tránh trận chiến đấu lớn, như trước kia; đội du kích ngày nay thường bị tập kích bất ngờ, bị đánh bại, tan rã và trong một thời gian dài bị mất khả năng quấy rối quân Pháp.

Đem đối chiếu ba thời kỳ chiến tranh du kích với lịch sử chính trị của Tây Ban Nha, ta có thể thấy rằng những thời kỳ ấy tương ứng với các giai đoạn khác nhau mà nhiệt tình của nhân dân đã trải qua dưới sự tác động làm nguội lạnh của lập trường phản cách mạng của chính phủ. Chiến tranh du kích bắt đầu bằng khởi nghĩa của toàn thể quần chúng dân cư, rồi tiếp tục bằng lực lượng của các đội du kích dựa vào hàng loạt khu và cuối cùng dẫn tới hình thành các đơn vị quân đội phi chính quy, những đơn vị quân đội này, đến lượt mình, sẽ biến thành hoặc là các toán thổ phỉ, hoặc là các trung đoàn chính quy.

Sự mất liên lạc với chính phủ tối cao, sự lỏng lẻo về kỷ luật, những thất bại thường xuyên, sự hình thành, giải tán và tái hình thành không ngừng của đội ngũ cán bộ trong 6 năm trời tất phải làm cho toàn bộ quân đội Tây Ban Nha mang tính chất quân ngự lâm và biến nó thành công cụ giải phóng cũng như thành chiếc roi trong tay các nhà lãnh đạo. Bản thân các tướng lĩnh do tình thế mà hoặc là họ tham gia chính phủ trung ương, hoặc là họ chiến đấu chống lại và âm mưu chống lại chính phủ đó và, do đó, bao giờ cũng tung thanh gươm của mình vào cán cân chính trị. Chẳng hạn như Cu-ê-xta, mà sự tín nhiệm của Hội đồng nhiếp chính trung ương đối với ông ta hình như tăng thêm theo đà những thất bại của ông ta trong các trận đánh quyết định vận mạng của tổ quốc, - ông ta đã khởi sự từ chỗ bày mưu tính kế với Hội đồng quốc vương và bắt giam các đại biểu của Lê-ôn trong Hội đồng nhiếp chính trung ương. Bản thân tướng Moóc-la, ủy viên Hội đồng nhiếp chính trung ương, đã chạy sang hàng ngũ phái Bô-na-pác-tô, trước đó đã dâng Ma-đrít cho quân Pháp. Hầu tước Đơ Lát Rô-mê-ri-át vô lại, cũng là thành viên của Hội đồng nhiếp chính trung ương, đã cùng với Phran-xi-xcô Pa-la-phốc-xơ khoác lác, Môn-ti-hô côn đồ và Hội đồng nhiếp chính Xê-vi-li-a hay bày đặt những âm mưu đen tối, chống lại Hội đồng nhiếp chính trung ương. Các tướng Ca-xtan-nhi-ô-xơ, Bla-cô, La-bi-xban (một người trong dòng họ Ố Đôn-nen) đã lần lượt đóng vai trò quan trọng của nhiếp chính và lăm mưu mô trong thời kỳ tồn tại nghị viện, còn viên tư lệnh quân khu Va-len-xi-a là Đôn Ha-vi-ê Ê-li-ô đã kết thúc bằng việc giao nộp Tây Ban Nha cho lòng nhân từ của Phéc-đi-năng VII. Không nghi ngờ gì nữa, yếu tố ngự lâm biểu hiện rõ ràng hơn nhiều trong các viên tướng so với trong quân đội của họ.

Mặt khác, nếu như trong thời kỳ chiến tranh, các đội du kích đã nhận được một bộ phận những người chỉ huy của mình như Poóc-li-ơ, La-xi, Ê-rô-le-xơ và Vin-li-a Cam-pa là những người xuất thân trong hàng ngũ các sĩ quan ưu tú của quân đội nông cốt, thì quân đội chính quy cũng nhận được các viên chỉ huy của mình xuất thân từ các lãnh tụ trước đây của các đội du kích, chẳng hạn như Mi-na, Êm-pe-xi-na-đô và nhiều người khác; cho nên quân đội và đội du kích là bộ phận cách mạng nhất của xã hội Tây Ban Nha, vì họ xuất thân từ tất cả mọi tầng

lớp, bất phân biệt, kể cả từ lớp thanh niên yêu nước, đầy nhiệt tình, hăng hái tiến lên, không bị ảnh hưởng mềm yếu của chính phủ trung ương và đã trút bỏ mọi gông xiềng của chế độ cũ; một bộ phận của lớp thanh niên này, như Ri-e-gô, đã bị bắt làm tù binh mấy năm ở Pháp. Cho nên chúng ta không nên ngạc nhiên về ảnh hưởng của quân đội Tây Ban Nha đối với các sự kiện trong phong trào sau này, dù là trong trường hợp họ nắm lấy chính quyền chủ động cách mạng, hay là trong trường hợp họ làm thiệt hại cho sự nghiệp cách mạng do tính chất ngự lâm của họ.

Còn nói về đội du kích thì rõ ràng là qua nhiều năm chiến đấu đổ máu, tiêm nhiễm những thói quen lang bạt, có xu hướng căm thù cuồng nhiệt, trả thù và cướp phá, các đội du kích ấy trong thời bình tất phải trở thành đám người côn đồ nguy hiểm nhất, luôn luôn sẵn sàng nhân danh mọi chính đảng hoặc mọi nguyên tắc để ủng hộ kẻ nào có thể trả lương hào phóng hoặc tạo ra cơ hội cho các cuộc hành quân cướp phá.

VI

Ngày 24 tháng Chín 1810, nghị viện bất thường đã được triệu tập ở đảo Lê-ôn; ngày 20 tháng Hai 1811, nghị viện chuyển sang họp ở Ca-di-xơ; ngày 19 tháng Ba 1812, nghị viện ban bố hiến pháp mới và ngày 20 tháng Chín 1813 đã kết thúc khóa họp của mình, sau ngày khai mạc ba năm trời.

Khóa nghị viện này được triệu tập trong một hoàn cảnh đặc biệt trong lịch sử. Không có nghị viện lập pháp nào lại có trong hàng ngũ mình những đại biểu ở các khu vực khác nhau như vậy trên thế giới, chưa có nghị viện lập pháp nào lại có tham vọng kiểm soát lãnh thổ rộng lớn như vậy ở châu Âu, châu Mỹ và châu Á và một khối dân cư đa dạng như vậy, với những lợi ích chồng chéo phức tạp như vậy; nhưng hầu như toàn bộ Tây Ban Nha bị quân Pháp chiếm đóng và bản thân nghị viện trên thực tế bị quân địch cắt rời khỏi đất nước và bị dồn vào một mảnh đất nhỏ hẹp, đã buộc phải ban bố pháp luật trước mặt một quân đội bao vây đang vây hãm nó. Nghị viện phải đặt cơ sở cho một nước Tây Ban Nha mới, từ một góc xa xôi trên đảo Lê-ôn, như ông cha họ xưa kia đã làm trên vùng núi cao Ca-va-đôn-ga và Xô-brác-bơ²⁶³. Giải thích sao đây cái sự việc đáng chú ý là hiến pháp năm 1812 - sau này bị các nhân vật được phong hàm của toàn châu Âu lên án tại hội nghị Vê-rô-na, coi đó là một phát minh mang tính thần phiến loạn nhất của chủ nghĩa Gia-cô-banh - lại là sản phẩm của nước Tây Ban Nha lâu đời ngoan đạo và chuyên chế ra đời vào lúc mà tưởng chừng Tây Ban Nha đã hoàn toàn lao vào cuộc chiến tranh thần thánh chống lại cách mạng? Và giải thích sao đây sự biến đi bất ngờ của bản hiến pháp ấy, nó bốc hơi như một ảo ảnh - "sueño de sombra" theo cách nói của các nhà sử học Tây Ban Nha - ngay trong cuộc đụng độ đầu tiên với đại biểu của vương triều Bô-công? Nếu như sự ra đời của bản hiến pháp ấy là một câu đố, thì cái chết của nó cũng không kém phần là một câu

đố. Để giải câu đố ấy, chúng ta phải nghiên cứu vắn tắt chính bản hiến pháp năm 1812 mà người Tây Ban Nha đã hai lần mưu toan thi hành, ban đầu vào thời kỳ 1820 - 1823, rồi sau đó vào năm 1836.

Bản hiến pháp năm 1812 gồm 384 điều và chia ra 10 chương sau đây: 1) về quốc gia Tây Ban Nha và người Tây Ban Nha; 2) về lãnh thổ, tôn giáo, chính phủ của Tây Ban Nha và công dân Tây Ban Nha; 3) về nghị viện Tây Ban Nha; 4) về quốc vương; 5) về tòa án và ngành tư pháp dân sự và hình sự; 6) về chế độ quản lý nội bộ của tỉnh và công xã; 7) về thuế khóa; 8) về lực lượng vũ trang quốc gia; 9) về giáo dục quốc dân; 10) về việc tuân thủ hiến pháp và trình tự tiến hành sửa đổi hiến pháp.

Xuất phát từ nguyên tắc cho rằng

"về thực chất, người thể hiện quyền lực tối cao là quốc dân, cho nên chỉ một mình quốc dân mới có quyền đặc biệt trong việc quy định các đạo luật cơ bản",

hiến pháp vẫn tuyên bố nguyên tắc phân quyền, theo đó "quyền lập pháp thuộc về nghị viện cùng với quốc vương", "việc thi hành pháp luật thuộc về quốc vương", còn

"việc thi hành pháp luật trong các vụ án dân sự và hình sự thì hoàn toàn thuộc về các cơ quan tư pháp, hơn nữa trong bất kể trường hợp nào, nghị viện, cũng như quốc vương, đều không có quyền thực hiện các chức năng tư pháp, can thiệp vào các vụ án đang đợi xét xử, hoặc ra lệnh xét lại các bản án đã được xác định".

Số lượng cư dân là cơ sở bầu cử đại biểu quốc dân, theo cách tính sau đây: cứ 70000 người thì có một đại biểu. Nghị viện gồm một viện, tức viện dân biểu, mà việc bầu cử nó được tiến hành bằng phổ thông đầu phiếu. Tất cả người Tây Ban Nha đều hưởng quyền bầu cử, trừ tầng lớp tôi tớ trong gia đình, những người mắc nợ bị phá sản và bọn phạm tội. Sau năm 1830, những công dân không biết đọc và không biết viết không được hưởng quyền bầu cử. Nhưng trật tự bầu cử là gián tiếp, vì việc bầu cử tiến hành theo ba cấp: giáo khu, khu và tỉnh. Không đòi hỏi sự hạn chế tài sản nào đối với đại biểu. Tuy nhiên, theo điều 92, "để được bầu vào nghị viện, phải có một khoản thu nhập nhất định thu từ bất động sản của cá nhân", nhưng điều 93 hoãn việc thi hành điều 92 cho đến khi nghị viện tuyên bố tại các hội nghị sau này của mình rằng

đã đến lúc thi hành điều đó. Quốc vương không có quyền giải tán nghị viện, cũng như hoãn các kỳ họp của nghị viện; nghị viện mỗi năm họp ở thủ đô vào ngày 1 tháng Ba, không cần triệu tập trước, và sẽ họp ít ra là ba tháng liên.

Nghị viện mới cứ hai năm được bầu cử một lần, và không đại biểu nào được bầu liên hai khóa vào nghị viện, nghĩa là đại biểu chỉ được bầu lại sau một thời gian gián đoạn là hai năm. Đại biểu không có quyền yêu cầu và nhận của quốc vương tiền thưởng, trợ cấp hoặc danh hiệu vinh quang. Các quốc vụ khanh, quan chức thuộc Hội đồng quốc gia và quan chức ở triều đình không được bầu làm đại biểu trong nghị viện. Các quan chức nhà nước đang phục vụ cho chính phủ không được cử làm nghị viện của chính tỉnh mà mình đang thi hành chức vụ. Để trang trải chi phí cho các đại biểu, mỗi tỉnh phải trả cho họ kinh phí theo mức mà khóa nghị viện này quy định, trong năm thứ hai của nhiệm kỳ của mình, cho đại biểu của khóa nghị viện sau. Các cuộc tranh luận của nghị viện không được tiến hành khi có mặt quốc vương. Nếu các thượng thư thay mặt quốc vương muốn truyền đạt cho nghị viện ý kiến gì đó thì họ có thể có mặt trong thời gian tranh luận vào những lúc và theo phương thức mà nghị viện cho là thích hợp, họ cũng có thể tham dự trong các buổi tranh luận, nhưng không được có mặt khi biểu quyết. Quốc vương, hoàng thân Ác-tu-ri-a và các nhiếp chính vương phải tuyên thệ trung thành với hiến pháp trước mặt nghị viện là cơ quan quyết định mọi vấn đề thực tế và những yếu tố pháp lý có thể nảy sinh về chế độ nối ngôi, và khi cần thì cử nhiếp chính vương. Nghị viện đồng ý - trước khi phê chuẩn - tất cả các hiệp ước có liên quan đến việc lập các đồng minh tiến công, tài trợ và thương mại, cho phép hoặc cấm quân đội nước ngoài tiến vào lãnh thổ vương quốc, ra lệnh đặt hoặc bỏ chức vụ trong cơ quan tư pháp mà hiến pháp đã quy định, cũng như đặt hoặc bỏ các chức vụ của nhà nước; nghị viện hằng năm căn cứ vào đề nghị của quốc vương, quy định số lượng lực quân, hải quân thời bình và thời chiến, ra lệnh cho tất cả các ngành thuộc lực quân, hải quân và dân quân; xác định kinh phí quản lý quốc gia, xác định thuế khóa từng năm và khi cần thì ký kết các khoản công trái, quyết định mọi vấn đề về tiền tệ và đo lường, quy định kế hoạch chung

về giáo dục quốc dân, bảo đảm tự do chính trị trong lĩnh vực xuất bản có những biện pháp để đôn đốc các vị đại thần thiết thực làm tròn trách nhiệm v.v.. Quốc vương chỉ có quyền phủ quyết đình chỉ, quyền mà quốc vương thi hành trong thời gian giữa hai kỳ họp liên nhau, nhưng nếu như cũng dự luật ấy được nghị viện năm sau đưa ra lần thứ ba và thông qua, thì có nghĩa là đã được sự đồng ý của quốc vương, và quốc vương buộc phải đồng ý. Trước khi kết thúc mỗi kỳ họp nghị viện cử một ủy ban thường vụ gồm 7 người làm việc tại thủ đô cho đến kỳ họp sau của nghị viện và có toàn quyền giám đốc việc nghiêm chỉnh tuân thủ hiến pháp và chấp hành pháp luật; ủy ban này phải báo cáo trước kỳ họp định kỳ của nghị viện về tất cả những vụ vi phạm đã bị phát hiện, và trong những giờ phút khẩn cấp có quyền triệu tập hội nghị bất thường của nghị viện. Chưa được sự đồng ý của nghị viện, thì quốc vương không được rời khỏi đất nước. Về việc kết hôn, quốc vương cũng phải được phép của nghị viện. Nghị viện quy định tổng thu nhập hàng năm của hoàng tộc.

Hội đồng duy nhất của cá nhân quốc vương là Hội đồng quốc gia không có các đại thần tham gia, gồm 40 người, trong đó có 4 đại biểu của tầng lũ, 4 đại biểu của đại quý tộc Tây Ban Nha, số còn lại đều là các quan cai trị quan trọng, và lại, tất cả họ đều do quốc vương lựa chọn trong danh sách 120 nhân vật do nghị viện đưa ra; nhưng không một đại biểu nào của nghị viện lại được làm cố vấn và không một cố vấn nào được nhận chức vụ, danh hiệu vinh quang hoặc sự bổ nhiệm của quốc vương. Các cố vấn quốc gia không thể bị cách chức, nếu như không có lý do được Tòa án tối cao thừa nhận. Nghị viện ấn định lương bổng của các viên quan cố vấn ấy, quốc vương phải nghe ý kiến của họ về tất cả các vấn đề quan trọng, và họ đưa ra danh sách những người được cử giữ các chức vụ trong giáo hội và ngành tư pháp. Trong ngành tư pháp đã bỏ tất cả các *consejos*^{1*} cũ và xây dựng bộ máy tư pháp mới, thành lập Tòa án tối cao để xét xử các vị đại thần trong trường hợp họ bị tố cáo, để xử lý tất cả mọi trường hợp cách chức hoặc đình chỉ chức vụ đối với các quan cố vấn quốc gia, và quan tòa v. v.. Không

1* - hội đồng

một vụ án nào được đưa ra xét xử, nếu không có sự xác nhận trước rằng người ta đã tìm cách hòa giải. Hình thức tra tấn, phạt tiền cưỡng bách và tịch thu tài sản đều bị xóa bỏ. Tất cả các tòa án đặc biệt đều bị bãi bỏ, trừ tòa án quân sự và tòa án tôn giáo, nhưng đối với sự xét xử của những tòa án này có thể chống án lên Tòa án tối cao.

Về vấn đề quản lý nội bộ của các thành phố và công xã (nơi không có công xã, thì thành lập công xã từ các khu ít ra có 1000 nhân khẩu) đã thành lập các a-i-un-ta-men-tốt gồm một hoặc nhiều quan chấp chính, quan thị chính và cố vấn, do cục trưởng cảnh sát (corregidor) làm chủ tịch, đồng thời tất cả đều do phổ thông đầu phiếu cử ra. Không một quan chức quốc gia nào phục vụ cho quốc vương lại được cử làm quan chấp chính, quan thị chính hoặc cố vấn. Chức vụ thị chính là nghĩa vụ xã hội, mà không ai được miễn trừ, nếu không có lý do chính đáng. Cơ quan thị chính thi hành chức trách của mình dưới sự giám đốc của các đoàn đại biểu tỉnh.

Việc quản lý chính trị ở các tỉnh thuộc quyền tỉnh trưởng (jefe politico) do quốc vương bổ nhiệm. Tỉnh trưởng có quan hệ với đoàn đại biểu mà ông ta là chủ tịch và do các khu bầu ra trong các kỳ tổng tuyển cử bầu các khóa nghị viện. Các đoàn đại biểu tỉnh gồm 7 thành viên và được sự giúp việc của một thư ký do nghị viện trả lương. Đoàn đại biểu mỗi năm tiến hành các kỳ họp lâu không quá 90 ngày. Tính chất của quyền lực và chức trách của nó cho phép người ta coi nó như ủy ban thường vụ của nghị viện. Tất cả các thành viên của a-i-un-ta-men-tốt và đoàn đại biểu tỉnh khi nhậm chức đều phải tuyên thệ trung thành với hiến pháp. Còn về thuế khóa thì tất cả mọi người Tây Ban Nha, không trừ ai, đều có nghĩa vụ tham gia, tùy theo khả năng tiền của mình, vào việc trang trải các khoản chi tiêu của nhà nước. Trừ của khẩu và biên giới, mọi thứ thuế quan đều bị huỷ bỏ. Tất cả mọi người Tây Ban Nha, không trừ một ai, đều phải thực hiện nghĩa vụ quân sự và ngoài quân đội chính quy, ở mỗi tỉnh đều thành lập các đơn vị dân quân gồm cư dân trong tỉnh, căn cứ vào số dân và hoàn cảnh của mình. Sau hết, bản hiến pháp năm 1812 không được thay đổi, tăng thêm hoặc sửa đổi, kể cả về chi tiết, trong vòng 8 năm kể từ ngày nó bắt đầu có hiệu lực.

Phác ra sơ đồ mới ấy của quốc gia Tây Ban Nha, dĩ nhiên nghị viện hiểu rằng một bản hiến pháp chính trị hiện đại như thế là điều hoàn toàn không thể dung hòa được với chế độ xã hội cũ, cho nên đã công bố cả một loạt pháp lệnh để căn bản cải tạo xã hội công dân. Chẳng hạn, nghị viện đã thủ tiêu tòa án tôn giáo. Nghị viện đã thủ tiêu quyền tư pháp của chúa phong kiến với tất cả các đặc quyền phong kiến của quyền tư pháp đó, với những ngoại lệ, các điều cấm đoán và tước đoạt do quyền đó đặt ra, như: quyền săn bắn, đánh cá, sử dụng rừng và cối xay bột v.v., trừ những quyền lợi mà trước đây người ta mua được và có thể chuộc lại. Nghị viện đã xóa bỏ thuế thập phân trong toàn vương quốc, đình chỉ việc bổ nhiệm các chức vụ giáo hội không liên quan đến việc cúng lễ và đã có những bước đi nhằm mục đích thủ tiêu các tu viện và tịch thu ruộng đất của tu viện.

Nghị viện dự định biến các lô đất hoang rộng lớn, lãnh địa của hoàng tộc và ruộng đất công xã ở Tây Ban Nha thành tài sản tư hữu, bằng cách bán một nửa số ruộng đất đó để trang trải công trái và chia một nửa khác thành những mảnh nhỏ để làm các khoản bổng lộc yêu nước ban cho những quân nhân tham gia cuộc chiến tranh giành độc lập đã phục viên và phân phối không phải trả tiền, phần ruộng đất thứ ba, cũng chia thành các mảnh nhỏ, cho những bản nông nào mong muốn có ruộng đất, nhưng không đủ sức mua. Nghị viện cho phép rào quanh các bãi chăn nuôi và loại ruộng đất khác, điều mà trước kia bị cấm. Nghị viện đã xóa bỏ đạo luật không hợp lý cấm đoán việc biến bãi chăn nuôi thành ruộng cây cấy và ruộng thành bãi chăn nuôi, và nói chung giải phóng nền nông nghiệp khỏi những luật lệ ngang ngược và không hợp lý trước đây. Nghị viện xóa bỏ mọi luật pháp phong kiến về văn tự lĩnh canh, cũng như điều luật quy định rằng người hưởng quyền thừa kế con trưởng có thể không thừa nhận hợp đồng phát canh mà ông cha anh ta đã ký, vì hợp đồng đã mất hiệu lực sau cái chết của người ký kết. Nghị viện thủ tiêu cái gọi là voto de Santiago, một thứ thuế cổ xưa dưới hình thức một số lượng nhất định lúa mì và rượu vang ngon, do nông dân một số tỉnh cống nạp chủ yếu là để cung phụng cho đại giáo chủ và hội linh mục Xan-ti-a-gô. Nghị viện đã ban bố sắc lệnh thi hành thuế lũy tiến cao v.v..

Vì một trong những mục đích chủ yếu của nghị viện là duy trì quyền thống trị đối với các thuộc địa châu Mỹ, mà ở đó đã bắt đầu nổ ra các cuộc khởi nghĩa, cho nên nghị viện thừa nhận quyền bình đẳng hoàn toàn về chính trị của người Tây Ban Nha ở châu Mỹ và ở châu Âu, tuyên bố đại ân xá không có ngoại lệ, ra sắc lệnh chống áp bức dân bản xứ ở châu Mỹ và châu Á, thủ tiêu những cái gọi là mitas, repartimientos²⁶⁴ v.v., xóa bỏ độc quyền thủy ngân, và là nước đầu tiên ở châu Âu thủ tiêu việc buôn bán nô lệ.

Hiến pháp năm 1812 bị công kích từ mọi phía. Một số người, như bản thân Phéc-đi-năng VII (xem sắc lệnh của ông ta ngày 4 tháng Năm 1814), lên án hiến pháp này là sự sao chép nguyên văn bản hiến pháp năm 1791 của Pháp²⁶⁵, mà một số nhà không tưởng, bất chấp truyền thống lịch sử của Tây Ban Nha, đã đưa về trồng ở mảnh đất Tây Ban Nha. Một số khác, như linh mục Đơ Prát trong cuốn "Về cuộc cách mạng hiện nay ở Tây Ban Nha"²⁶⁶, lại cho rằng nghị viện đã bám lấy, một cách không cần thiết, những công thức cũ kỹ được sao chép từ phu-ê-rốt²⁶⁷ xưa kia và thuộc vào thời đại phong kiến, khi mà quyền lực của quốc vương bị hạn chế bởi những đặc quyền tối ưu của đại quý tộc.

Sự thực thì bản hiến pháp năm 1812 là tái bản các phu-ê-rốt cũ, nhưng được hiểu theo tinh thần cách mạng Pháp và thích hợp với nhu cầu của xã hội hiện đại. Chẳng hạn, quyền khởi nghĩa thông thường được coi là một trong những điều sáng tạo táo bạo nhất của hiến pháp Gia-cô-banh năm 1793²⁶⁸, nhưng trong khi đó nó đã xuất hiện trong phu-ê-rốt cũ của Xô-brác-bơ, trong đó nó mang tên Privilegio de la Union^{1*}. Nó cũng có trong hiến pháp cổ của Ca-xti-li-a. Theo phu-ê-rốt Xô-brác-bơ thì không có sự đồng ý trước của nghị viện, quốc vương không có quyền tuyên chiến, cũng như không có quyền ký hòa ước hoặc hiệp ước liên minh. Ủy ban thường trực gồm 7 ủy viên của nghị viện - nó phải giám đốc việc nghiêm chỉnh tuân thủ hiến pháp trong thời kỳ nghỉ họp Quốc hội lập pháp - đã tồn tại từ lâu ở A-ra-gông và đã được lập ra ở Ca-xti-li-a khi các nghị viện chính của vương quốc đã liên

hợp thành một nghị viện. Vào thời gian bị người Pháp xâm lược, một ủy ban tương tự vẫn tồn tại ở vương quốc Na-va-ra. Còn nói về việc thành lập Hội đồng quốc gia, mà thành viên do quốc vương lựa chọn trong danh sách 120 người do nghị viện đề xuất và được nghị viện trả lương, thì bản thân chủ trương lập ra đứa con đẻ đặc thù ấy của bản hiến pháp năm 1812 đã do hồi ức về ảnh hưởng tai hại của bọn quyền thần qua mọi thời kỳ của nước quân chủ Tây Ban Nha, gọi lên cho tác giả của bản hiến pháp này. Hội đồng quốc gia được nghĩ ra là để làm vật thay thế cho bọn quyền thần. Ngoài ra, trước kia cũng đã có những cơ quan tương tự. Dưới thời Phéc-đi-năng IV, chẳng hạn, bên cạnh quốc vương bao giờ cũng có 12 đại biểu do các thành thị Ca-xti-li-a cử ra làm cố vấn, còn năm 1419 đại biểu các thành thị than phiền rằng đại biểu của họ không được phép tham gia Hội đồng quốc vương nữa. Việc các quan chức cao cấp và quan chức cung đình không được tham gia nghị viện, cũng như việc cấm đại biểu nghị viện nhận danh hiệu vinh quang hoặc chức vụ của quốc vương ban cho, thoát nhìn điều đó dường như là sự sao chép bản hiến pháp năm 1791 và là sản phẩm tự nhiên của nguyên tắc phân quyền hiện đại, được bản hiến pháp năm 1812 thừa nhận. Sự thực thì chúng ta không thấy những tiền lệ tương tự trong bản hiến pháp cổ của Ca-xti-li-a, mà còn biết rằng nhân dân khởi nghĩa đã nhiều lần giết chết những đại biểu nào nhận tước hiệu và chức vụ của quốc vương. Còn như quyền của nghị viện cử nhiếp chính trong trường hợp quốc vương còn nhỏ tuổi, thì nghị viện cổ ở Ca-xti-li-a đã thường xuyên thi hành quyền ấy trong thời kỳ dài vào thế kỷ XIV, khi các vị quân vương vị thành niên giữ ngôi vua.

Thực ra, Nghị viện Ca-đi-xơ đã thủ tiêu của quốc vương cái quyền lực bao giờ cũng thuộc về quốc vương, đó là quyền triệu tập và giải tán nghị viện, hoãn các kỳ họp của nghị viện; nhưng vì nghị viện trên thực tế biến thành con số không do chính những thủ đoạn mà các quốc vương áp dụng nhằm ra sức mở rộng đặc quyền của mình, cho nên sự cần thiết thủ tiêu quyền lực ấy của quốc vương đã trở nên hiển nhiên. Những sự việc kể trên đủ để chứng minh rằng khuynh hướng ra sức hạn chế vương quyền, một đặc điểm nổi bật nhất của bản hiến pháp năm 1812, là hoàn toàn có căn cứ qua những hồi ức tươi rói và ghê tởm

1* - Quyền lập hội.

về chế độ chuyên chế dè tiện của Gô-dôi, - đã bắt nguồn ngay từ những phu-ê-rốt cổ của Tây Ban Nha. Nghị viện Ca-di-xơ chỉ chuyển quyền giám sát ấy từ tay các đẳng cấp có đặc quyền sang tay cơ quan đại biểu quốc dân. Các phu-ê-rốt cổ đã làm cho các quốc vương Tây Ban Nha lo sợ như thế nào, thì điều đó có thể thấy được qua sự việc là vào năm 1805, khi cần soạn một bộ luật mới của Tây Ban Nha, thì một sắc lệnh của quốc vương đã ra lệnh loại bỏ khỏi bộ luật mới này tất cả những tàn tích của quyền phong kiến chứa đựng trong bộ luật trước và liên quan đến thời kỳ mà sự yếu đuối của chế độ quân chủ đã buộc các quốc vương phải ký kết với chư hầu của mình những thỏa hiệp làm thiệt hại đến chủ quyền của quốc vương.

Nếu như việc bầu cử đại biểu trên cơ sở quyền phổ thông đầu phiếu là một điều mới mẻ, thì chớ nên quên rằng bản thân nghị viện năm 1812, cũng như tất cả các hội đồng nhiếp chính, đều do phổ thông đầu phiếu cử ra; do đó hạn chế quyền phổ thông đầu phiếu là sự xâm phạm đến quyền lợi mà nhân dân đã giành được; sau hết, chớ nên quên rằng thi hành chế độ điều kiện tài sản trong thời đại mà hầu hết bất động sản ở Tây Ban Nha bị ràng buộc bởi quyền "bàn tay chết" trên thực tế là tước đoạt quyền bầu cử của đại đa số dân cư.

Việc thống nhất đại biểu nhân dân trong một nghị viện duy nhất tuyệt nhiên không phải là sự sao chép bản hiến pháp năm 1791 của Pháp, như bọn thuộc đảng To-ri Anh bản tính muốn chứng minh. Bạn đọc đã biết rõ rằng từ thời Sác-lơ I (hoàng đế Đức Sác-lơ V) giới quý tộc và tầng lũ đã mất vị trí của mình trong nghị viện Ca-xti-li-a. Nhưng ngay trong thời kỳ mà nghị viện chia thành brazas (các nhánh) đại biểu cho các đẳng cấp khác nhau, họ vẫn họp ở một hội trường chung, chỉ có chỗ ngồi khác nhau, và cùng biểu quyết. Trong một số ít tỉnh mà cho đến khi Pháp xâm lược nghị viện vẫn còn được tác dụng thực tế thì thực ra Na-va-ra vẫn giữ tập quán cũ là họp nghị viện theo *đẳng cấp*, nhưng ở các tỉnh vùng Ba-xcốp thì nghị viện hoàn toàn dân chủ thậm chí không có đại biểu của giới tầng lũ. Ngoài ra, nếu như tầng lũ và giới quý tộc còn duy trì những đặc quyền đáng ghét của họ thì từ lâu họ đã không còn là những đoàn thể chính trị độc lập mà sự tồn tại của chúng là cơ sở của cấu trúc của nghị viện cổ.

Việc tách rời quyền tư pháp với quyền hành pháp mà Nghị viện Ca-di-xơ đã quy định thì ngay từ thế kỷ XVIII việc đó trở thành đối tượng yêu sách của những nhà hoạt động quốc gia sáng suốt nhất ở Tây Ban Nha; sự ghét bỏ phổ biến đối với Hội đồng quốc vương ngay từ đầu cuộc cách mạng đã làm nảy sinh khắp nơi nhận thức cho rằng cần phải hạn chế hoạt động của cơ quan tư pháp trong khuôn khổ lĩnh vực đặc thù của nó.

Trong bản hiến pháp, chương nói về quyền tự quản địa phương, như chúng tôi đã nêu lên trong một bài trước đây, là sản phẩm thuần túy của Tây Ban Nha. Nghị viện chỉ khôi phục chế độ tự trị cũ, nhưng xóa bỏ đặc điểm trung cổ của nó. Còn nói về các đoàn đại biểu tỉnh cũng có những quyền lực trong việc quản lý nội bộ các tỉnh giống như a-i-un-ta-men-tốt trong việc quản lý thị chính, thì nghị viện lập ra những đoàn đại biểu ấy phỏng theo những cơ quan tương tự tồn tại từ thời kỳ Pháp xâm lược ở Na-va-ra, Bi-xcay và Ác-tu-ri-a. Bằng việc thủ tiêu chế độ miễn nghĩa vụ quân sự, nghị viện chỉ thừa nhận điều đã trở thành thực tế phổ biến trong thời kỳ chiến tranh giành độc lập. Việc thủ tiêu tòa án tôn giáo cũng chỉ là sự thừa nhận một việc đã rồi, vì rằng tòa án tôn giáo tuy được Hội đồng nhiếp chính trung ương khôi phục, nhưng vẫn không dám khôi phục chức năng của mình, và các thành viên của nó thỏa mãn với việc nhận lương bổng, với đầu óc thức thời họ đã chờ đợi cơ hội tốt hơn. Còn như việc bãi trừ các tệ đoan phong kiến, thì nghị viện thậm chí chưa hoàn thành được nó thậm chí trong khuôn khổ cuộc cải cách được nêu lên trong bản báo cáo nổi tiếng mà Hô-ve-li-a-nốt đã nhân danh hiệp hội kinh tế Ma-đrít đệ trình lên Hội đồng nhà vua vào năm 1795.

Ngay các đại thần của chế độ chuyên chế sáng suốt cuối thế kỷ XVIII - Phlô-ri-đa-blan-ca và Cam-pô-ma-ne-xơ - đã thực hiện một số bước theo phương hướng này. Ngoài ra, không nên quên rằng hoạt động đồng thời với nghị viện còn có Chính phủ Pháp ở Ma-đrít, nó đã triệt để tiêu diệt mọi tổ chức tu viện và phong kiến và thiết lập chế độ quản lý hiện đại ở tất cả các tỉnh mà quân đội của Na-pô-lê-ông chiếm đóng.

Báo chí của phe Bô-na-pác-tơ mô tả cuộc khởi nghĩa hoàn toàn như là kết quả của mưu mô đen tối và sự mua chuộc của nước Anh đã lợi dụng sự ủng hộ của tầng lũ và tòa án tôn giáo. Sự kình địch với chính phủ người ngoài đã có ảnh hưởng tốt đẹp như thế nào đối với các quyết định của nghị viện thì điều đó có thể thấy được qua sự thể là ngay Hội đồng nhiếp chính trung ương, trong sắc lệnh tháng Chín 1809 tuyên bố triệu tập nghị viện, đã kêu gọi người Tây Ban Nha như sau:

"Bọn phỉ báng chúng ta quả quyết rằng chúng ta bảo vệ những sự lạm dụng cũ và những thói xấu lâu đời của một chính phủ thối nát. Các bạn hãy chứng tỏ cho họ biết rằng các bạn chiến đấu cho hạnh phúc và độc lập của tổ quốc, rằng từ nay các bạn không còn muốn tuân theo sự chuyên quyền và tính khí thất thường của một cá nhân nữa" và v.v..

Mặt khác, chúng ta có thể nhìn thấy trong bản hiến pháp năm 1812 những dấu vết không thể nghi ngờ về sự thỏa hiệp giữa tư tưởng tự do hồi thế kỷ XVIII và những truyền thống đen tối của thời kỳ hoàng hành của giới tầng lũ. Chỉ cần nêu lên điều 12 nói rằng

"Tôn giáo của quốc gia Tây Ban Nha hiện vẫn là và bao giờ cũng sẽ là Thiên chúa giáo, thánh đồ giáo và tôn giáo của La Mã, là tôn giáo duy nhất chân chính. Quốc gia bảo vệ nó bằng luật pháp sáng suốt và công bằng và ngăn cấm tin theo bất cứ tôn giáo nào khác".

Điều 173 đòi hỏi quốc vương khi lên ngôi phải tuyên thệ như sau trước nghị viện:

"Ta, đội ơn thượng đế và căn cứ vào hiến pháp của nước quân chủ Tây Ban Nha mà làm quốc vương Tây Ban Nha, lấy kinh Phúc âm thần thánh vạn năng mà thề rằng sẽ bảo vệ và giữ gìn Thiên chúa giáo của La Mã và thánh đồ giáo, và không dung thứ cho bất cứ tôn giáo nào khác ở vương quốc Tây Ban Nha".

Như vậy là sự phân tích cận kề hơn về bản hiến pháp năm 1812 đưa chúng ta đi đến kết luận rằng hiến pháp này tuyệt nhiên không phải là sự sao chép mù quáng bản hiến pháp năm 1791 của Pháp, mà là sản phẩm đặc sắc và độc đáo của đời sống tinh thần của Tây Ban Nha, nó khôi phục các thiết chế dân tộc lâu đời, thực hiện những sự cải cách mà các nhà văn và các nhà hoạt động nhà nước nổi tiếng nhất hồi thế kỷ XVIII đã lớn tiếng đòi thực hiện, và nó thực hiện những sự nhượng bộ cần thiết đối với các thiên kiến của nhân dân.

VII

Một loạt tình huống đã thúc đẩy các nhân vật tiến bộ nhất của Tây Ban Nha tập hợp ở Ca-di-xơ. Khi cuộc bầu cử được tiến hành, phong trào còn chưa dịu đi và chính sự thất nhân tâm của Hội đồng nhiếp chính trung ương đã buộc cử tri hướng về những người phản đối Hội đồng nhiếp chính trung ương, những người này phần lớn đều thuộc phái thiểu số cách mạng của dân tộc. Tại hội nghị đầu tiên của nghị viện hầu như chỉ hoàn toàn có đại biểu của các tỉnh dân chủ nhất là Ca-ta-lô-ni và Ga-li-xi-a, vì đại biểu của Lê-ôn, Va-len-xi-a, Mu-rơ-xi-a và quần đảo Ba-lê-a-rơ ít nhất mãi ba tháng sau mới tới được. Những tỉnh phản động nhất trong nội địa, trừ những ngoại lệ cá biệt, không được phép bầu cử nghị viện. Để đại diện cho các vương quốc, thành phố và thị trấn của Tây Ban Nha cổ - mà tại đó quân đội Pháp không cho phép tiến hành bầu cử - cũng như để đại diện cho các tỉnh hải ngoại của Tây Ban Nha mới mà đại biểu của họ không đến kịp, người ta đã bầu cử đại biểu bổ sung trong số rất đông đảo những người chạy đến Ca-di-xơ để tránh các tai họa của chiến tranh, cũng như trong số rất nhiều nhà buôn Nam Mỹ, những người bản xứ của các thuộc địa Tây Ban Nha và những nhân vật khác đến thành phố này vì tò mò hoặc để giải quyết việc riêng. Như thế là đại biểu của các tỉnh ấy là những người có xu hướng cải cách hơn và thấm nhuần các tư tưởng thế kỷ XVIII tốt hơn là nếu như tiến hành bầu cử tại các địa phương. Sau hết, việc nghị viện họp ở Ca-di-xơ đã có ảnh hưởng quyết định, vì thành phố này đã nổi tiếng là thành phố cấp tiến nhất trong vương quốc và giống một thành phố của Mỹ hơn là một thành phố của Tây Ban Nha. Dân chúng địa phương chen chúc ở hành lang phòng họp của nghị viện, dùng ảnh hưởng và sức ép tinh thần của mình từ bên ngoài để chặn tay bọn phản động, khi mà lập trường đối lập của chúng trở nên quá khả ố.

Tuy thế, nếu cho rằng đa số trong nghị viện là những người ủng hộ cải cách, thì đó là sai lầm. Nghị viện chia thành ba phái: phái xéc-vi-lét, phái tự do (tên gọi của những phái này đã từ Tây Ban Nha lan ra khắp châu Âu) và "phái châu Mỹ"²⁶⁹; phái châu Mỹ khi thì bỏ phiếu với phái này, khi thì bỏ phiếu với phái kia, tùy theo lợi ích hẹp hòi nhất của mình. Phái xéc-vi-lét có số người đông nhất rất say mê tính tích cực, sự hăng hái và nhiệt tình của phái thiểu số tự do chủ nghĩa. Đại biểu của tầng lớp chiếm đa số trong phái xéc-vi-lét thì luôn luôn sẵn sàng hy sinh đặc quyền của quốc vương, phần vì còn nhớ mâu thuẫn đối kháng giữa giáo hội với nhà nước, phần vì để kiếm lấy tiếng tăm và, do đó, duy trì đặc quyền và quyền lợi của đẳng cấp mình. Trong các cuộc tranh luận về các vấn đề quyền phổ thông đầu phiếu, về chế độ một viện, về việc xóa bỏ điều kiện tài sản và về quyền phủ quyết đình chỉ, phái giáo hội bao giờ cũng liên hiệp với bộ phận dân chủ nhất trong phái tự do để chống lại những người ủng hộ hiến pháp Anh. Một trong những thành viên của phái giáo hội, linh mục Ca-nhê-đô - sau này là đại giáo chủ ở Buốc-gô-xơ và kẻ đàn áp thẳng tay phái tự do - đã nói như sau với ngài Mu-nhi-ô-xơ To-re-nô, cũng là linh mục, nhưng là thành viên của phái tự do:

"Ngài cho phép quốc vương giữ lại quyền lực rộng lớn, nhưng với tư cách là tăng lữ, ngài phải bảo vệ lợi ích của giáo hội, chứ không phải của quốc vương".

Phái tự do buộc phải thỏa hiệp với phái giáo hội, như chúng ta đã thấy qua một số điều khoản của bản hiến pháp năm 1812. Khi tranh luận về tự do xuất bản, các linh mục tuyên bố rằng tự do báo chí là "thù địch với tôn giáo". Sau cuộc tranh luận hết sức sôi nổi, sau khi tuyên bố nguyên tắc ai cũng có quyền công khai phát biểu niềm tin của mình mà không cần có phép đặc biệt, nghị viện nhất trí thông qua điều sửa đổi có thêm từ "chính trị", kết quả là quyền tự do ấy đã bị tước đi một nửa và tất cả các tác phẩm về đề tài tôn giáo vẫn chịu sự kiểm duyệt của giáo hội, căn cứ vào quyết định của Hội đồng Tơ-ri-đen-tơ²⁷⁰. Ngày 18 tháng Tám 1813, sau khi thông qua pháp lệnh trừng trị tất cả những kẻ mưu phản hiến pháp, thì cũng đã thông qua một pháp lệnh khác tuyên bố rằng mọi hoạt động âm mưu có mục đích cưỡng bách dân tộc Tây Ban Nha từ bỏ Thiên chúa giáo La Mã đều phải bị coi là

hành động phản bội và bị xử tử hình. Khi người ta thủ tiêu voto de Santiago, thì để bù vào đó người ta đã thông qua nghị quyết tuyên bố rằng bà thánh Tê-re-da-Đô-Hê-du là bà thánh bảo hộ Tây Ban Nha. Ngoài ra, phái tự do đã sắp xếp sao cho chỉ sau khi hiến pháp đã được ban bố thì mới đưa ra và thông qua những sắc lệnh về việc xóa bỏ tòa án tôn giáo, thuế đầu mẩu, tu viện v.v.. Nhưng chính từ lúc đó mà sự đối lập của phái xéc-vi-lét trong nghị viện và của tầng lớp ngoài nghị viện đã trở thành một sự đối lập không thể kìm hãm được nữa.

Hiểu rõ những hoàn cảnh ra đời và đặc điểm của bản hiến pháp năm 1812, giờ đây chúng ta phải giải câu đố về sự biến đi đột nhiên và không hề gặp trở ngại của nó, khi Phéc-đi-năng VII trở về. Trên thế giới hiếm thấy một cảnh tượng nhục nhã đến thế. Ngày 16 tháng Tư 1814, khi Phéc-đi-năng đến Va-len-xi-a, thì

"những con người hân hoan đã tự thắng mình vào cỗ xe ngựa của quốc vương, bằng lời nói và hành động đã tỏ ý sẵn sàng mang xiềng xích cũ. Họ hô lớn: "Quyền lực vô hạn của quốc vương muôn năm! Đả đảo hiến pháp!"

Ở tất cả những thành phố lớn, trong thời kỳ cách mạng, cái gọi là Đại quảng trường đều được đổi tên thành Quảng trường Hiến pháp; hơn nữa, những chữ ấy đều được khắc trên bia đá. Ở Va-len-xi-a, tấm bia ấy được thay thế bằng một biển gỗ "tạm thời" có đề dòng chữ: Quảng trường Hoàng gia Phéc-đi-năng VII. Ở Xê-vi-li-a, quần chúng bãi miễn tất cả đại biểu của chính quyền, cử những người khác vào các chức vụ trước kia để thay thế họ và yêu cầu nhà đương cục mới phải khôi phục tòa án tôn giáo. Từ A-ran-hu-ê-xơ đến Ma-đrít, nhân dân đã kéo cỗ xe của Phéc-đi-năng. Khi quốc vương xuống xe, quần chúng nâng bổng nhà vua lên, trình trọng trưởng lên cho đám người đông đảo tụ tập trước cung vua xem, rồi khiêng nhà vua vào cung. Trên cửa chính của trụ sở nghị viện có nổi lên hai chữ "Tự do" lớn bằng đồng; quần chúng chạy vội đến tòa nhà đó để giật bỏ những chữ ấy; họ mang thang tới và giật bỏ những chữ ấy ở trên tường, lần lượt quảng từng chữ một xuống phố giữa tiếng hoan hô của đám người có mặt. Tiếp đó, quần chúng tập trung các biên bản của nghị viện, báo chí và các tập sách nhỏ của phái tự do rồi xếp thành hàng ngũ diễu hành, đi đầu là các đoàn thể tôn giáo, các cha cố áo đen và áo trắng; tất cả những khối

giấy tờ ấy được chất thành đống ở một quảng trường trong thành phố và bị thiêu huỷ như là hình phạt hỏa thiêu về chính trị, sau đó mọi người làm lễ cầu nguyện và hát bài "Te Deum"^{1*} để tỏ lòng cảm ơn về thắng lợi của giáo hội. Nhưng, phải thừa nhận rằng có lẽ sự kiện quan trọng hơn những cuộc thị uy vô liêm sỉ ấy của đám bình dân thành thị phân bị mua chuộc và, giống như bọn lát-xa-rô-ni ở Na-plô²⁷¹, ưa thích sự thống trị đảng hoàng của vua chúa và tầng lớp hơn là chế độ giản dị của giai cấp tư sản, - đó là thắng lợi có tính chất quyết định của phái xéc-vi-lét trong cuộc tổng tuyển cử thứ hai; ngay từ ngày 20 tháng Chín 1813, nghị viện lập hiến đã được thay thế bằng nghị viện thông thường và ngày 15 tháng Giêng 1814 đã chuyển nơi họp của mình từ Ca-di-xơ đến Ma-đrit.

Trong mấy bài trên, chúng tôi đã nêu rõ rằng bản thân phái cách mạng đã góp phần kích động và tăng cường các định kiến cũ của nhân dân, định lợi dụng chúng làm vũ khí chống Na-pô-lê-ông. Tiếp đó, chúng ta thấy rằng trong thời kỳ duy nhất có thể kết hợp cải cách xã hội với những biện pháp bảo vệ dân tộc, Hội đồng nhiếp chính trung ương đã làm tất cả những gì có thể làm được để ngăn cản sự kết hợp đó và đè bẹp những nguyện vọng cách mạng của các tỉnh. Còn Nghị viện Ca-di-xơ thì trái lại, do mất mọi liên hệ với Tây Ban Nha trong phần lớn thời gian tồn tại của mình, nên nó thậm chí không thể thông báo cho nhân dân biết bản hiến pháp và những pháp lệnh cơ bản của mình, khi quân Pháp chưa rút. Có thể nói, nghị viện đã xuất hiện *post factum*^{2*}. Nghị viện nhận thấy xã hội ở trong tình trạng mệt mỏi, kiệt quệ, suy nhược, hậu quả tự nhiên của một cuộc chiến tranh kéo dài hoàn toàn diễn ra trên lãnh thổ Tây Ban Nha, một cuộc chiến tranh trong đó quân đội luôn luôn cơ động, còn chính phủ ngày hôm nay ít khi tồn tại đến ngày mai, trong khi máu hầu như không ngừng đổ sáu năm trời trên khắp nước Tây Ban Nha, từ Ca-di-xơ đến Pam-plô-na và từ Gra-na-da đến Xa-la-man-ca. Không thể trông mong rằng ở trong tình trạng như thế xã hội lại đặc biệt nhạy cảm đối với những ưu điểm trù tượng của bất cứ một bản hiến pháp chính trị nào. Tuy nhiên, khi bản hiến pháp năm 1812 được công bố lần đầu ở Ma-đrit và ở những

1* - "Ca ngợi Chúa trời"

2* - chậm trễ.

tỉnh khác mà quân Pháp đã rút, thì quần chúng vẫn "hân hoan vui sướng" đón nhận nó, vì họ bao giờ cũng hy vọng rằng sự thay đổi một cách giản đơn chính phủ sẽ làm cho họ được giải thoát ngay khỏi các tai họa xã hội. Khi người ta thấy rằng bản hiến pháp không có sức mạnh thần kỳ ấy thì niềm hy vọng căng thẳng đã biến thành nỗi thất vọng, mà ở những con người phương nam đầy nhiệt huyết đó, từ sự thất vọng đến sự căm thù bao giờ cũng chỉ có một bước thôi.

Cùng còn một số hoàn cảnh có tính chất cục bộ, đặc biệt thúc đẩy sự xuất hiện thái độ lạnh nhạt của nhân dân đối với chế độ lập hiến. Nghị viện đã ra sắc lệnh trừng trị hết sức nghiêm khắc *affrancesados*, hay là *josephites*^{1*}. Nghị viện buộc phải dùng biện pháp đó, một phần là do sức ép của quần chúng nhân dân và bọn phản động khao khát trả thù, bọn phản động này, ngay sau khi pháp lệnh - do chúng thúc ép ban hành - bắt đầu được thi hành, liền quay lại chống nghị viện. Do đó mà trên 10000 gia đình bị trục xuất. Hàng loạt bạo chúa nhỏ vội vã tiến vào các tỉnh mà quân Pháp đã rút, lập nên ở đó chính quyền bạo ngược của chúng, bắt đầu các vụ điều tra, truy nã, bắt bớ, xét xử tại tòa án tôn giáo chống lại bất cứ người nào đã bị ô danh do có quan hệ với người Pháp, đã nhận chức vụ do Pháp bổ nhiệm, đã mua của họ các tài sản quốc gia v.v.. Đáng lẽ phải tìm cách làm dễ dàng sự quá độ từ chế độ Pháp sang chế độ dân tộc, thì tập đoàn nhiếp chính lại làm hết sức mình để tăng thêm khó khăn và kích động những tình cảm cuồng nhiệt không tránh khỏi xuất hiện trong các thời kỳ thay đổi chính quyền như thế. Nhưng tại sao tập đoàn nhiếp chính làm như thế? Để có cơ yêu cầu nghị viện ngừng thi hành bản hiến pháp năm 1812 mà họ cho rằng đã gây ra tác dụng hết sức tai hại. *En passant*^{2*}, chúng tôi cần chỉ rõ rằng tất cả các tập đoàn nhiếp chính, các cơ quan chấp hành tối cao ấy do nghị viện cử ra, thường là bao gồm những phần tử thù địch kiên quyết nhất chống nghị viện và chống hiến pháp của nghị viện. Sự việc lạ lùng ấy có nguồn gốc hết sức giản đơn: đại biểu của các thuộc địa Tây Ban Nha ở châu Mỹ bao giờ cũng liên hiệp với phái xéc-vi-lét trong việc bổ nhiệm cơ quan hành pháp, vì họ cho rằng việc làm yếu quyền lực này là điều kiện cần thiết để các thuộc địa châu Mỹ

1* - những người ủng hộ thế lực của Pháp hay là phái hô-xê-phít (những người ủng hộ Giô-dép Bô-na-pác-tô).

2* - Tiễn đây

giành được độc lập đối với chính quốc. Họ cho rằng sự bất đồng thông thường giữa cơ quan hành pháp và nghị viện nắm chủ quyền là chưa đủ để đạt tới mục đích ấy. Việc nghị viện thi hành thuế trực thu duy nhất đối với địa tô, cũng như đối với thu nhập về công thương nghiệp, cũng gây ra sự bất mãn lớn trong nhân dân. Điều gây ra sự bất mãn lớn hơn nữa là pháp lệnh kỳ quặc cấm lưu hành toàn bộ tiền kim loại Tây Ban Nha đúc dưới thời Giô-dép Bô-na-pác-tơ và buộc người giữ tiền ấy đổi lấy quốc tệ; đồng thời cũng đã cấm lưu hành tiền Pháp và công bố hồi suất đổi tiền Pháp lấy quốc tệ. Vì hồi suất này khác nhiều với hồi suất trước đây do người Pháp quy định cho giá trị so sánh giữa tiền Pháp và tiền Tây Ban Nha vào năm 1808, nên nhiều người đã phải chịu những thiệt hại vật chất rất lớn. Biện pháp kỳ quặc này cũng góp phần tăng giá cả của những nhu yếu phẩm mà giá cả vốn đã cao vọt.

Các hạng người quan tâm nhất đến việc phế bỏ bản hiến pháp năm 1812 và khôi phục chế độ cũ - đại quý tộc, tăng lữ, tu sĩ và quan tòa - đã không bỏ lỡ dịp nâng lên tới đỉnh lòng căm phẫn của nhân dân đã nảy sinh từ hoàn cảnh bất hạnh do việc thi hành chế độ lập hiến ở Tây Ban Nha tạo nên. Điều đó giải thích thắng lợi của phái xéc-vi-lét trong cuộc tổng tuyển cử năm 1813.

Quốc vương chỉ có thể dự liệu sự phản kháng nghiêm trọng nào đó từ phía quân đội, nhưng tướng Ê-li-ô và các sĩ quan của ông ta đã phản bội lời thề trung thành với hiến pháp và họ đã tuyên bố tại Va-len-xi-a rằng Phéc-di-năng VII là quốc vương, không nhắc gì đến hiến pháp. Các nhà chỉ huy quân sự khác đã nhanh chóng noi gương Ê-li-ô.

Trong sắc lệnh ngày 4 tháng Năm 1814, Phéc-di-năng VII giải tán nghị viện Ma-đrít và bãi bỏ bản hiến pháp năm 1812, đồng thời ông ta tuyên bố chán ghét chế độ chuyên chế, hứa sẽ triệu tập nghị viện theo hình thức hợp pháp cũ, quy định quyền tự do xuất bản hợp lý v.v.. Ông ta thực hiện lời hứa của mình bằng phương pháp duy nhất xứng đáng với sự tiếp đãi của nhân dân Tây Ban Nha đối với ông ta: ông ta thủ tiêu mọi pháp lệnh của nghị viện, phục hồi mọi thiết chế trước kia, khôi phục tòa án tôn giáo thần thánh, triệu hồi các tín đồ dòng Tên bị ông nội của ông ta trục xuất, kết tội các thành viên xuất sắc nhất của các hội đồng nhiếp chính, của nghị viện và những người ủng hộ họ, đẩy họ đi làm khổ sai trên tàu thuyền, đi tù ở các nhà tù châu Phi hoặc trục xuất họ khỏi Tây Ban Nha và ra lệnh xử bắn những lãnh tụ nổi tiếng nhất của các đội du kích là Poóc-li-ơ và Đơ La-xi.

VIII

Trong năm 1819, ở ngoại ô Ca-di-xơ người ta đã tập trung đội quân viễn chinh có nhiệm vụ giành trả lại cho Tây Ban Nha các thuộc địa đã khởi nghĩa của nó ở châu Mỹ. Quyền chỉ huy được trao cho En-ri-cơ Ố Đôn-nen, bá tước La-bi-xban, chú của Lê-ô-pôn Ố Đôn-nen hiện là bộ trưởng của Tây Ban Nha. Những cuộc viễn chinh trước đây chống lại châu Mỹ thuộc Tây Ban Nha tính từ năm 1814 trở đi đã ngốn mất 14000 người và được tiến hành với những phương pháp xấu xa nhất và tàn bạo nhất, đã gây ra cho quân đội sự ác cảm cao độ và thường được xem là thủ đoạn khôn khéo để loại trừ các trung đoàn bất mãn. Một số sĩ quan, trong đó có Quy-rô-ga, Lô-pe-xơ Ba-nhi-ô-xơ, Xan-Mi-ghe-n (La-phay-ét Tây Ban Nha hiện nay), Ố Đa-li và Ác-cô A-guy-e-rô, đã quyết định lợi dụng sự bất mãn của binh sĩ, trút bỏ ách chuyên chế và tuyên bố bản hiến pháp năm 1812. La-bi-xban được tiết lộ âm mưu, đã hứa đứng đầu phong trào. Các thủ lĩnh vụ âm mưu đã thỏa thuận với ông tổ chức duyệt toàn bộ đội quân viễn chinh vào ngày 9 tháng Bảy 1819, để vào lúc ấy sẽ giáng một đòn quyết định. La-bi-xban quả thực có đến dự cuộc duyệt binh, nhưng đã không giữ lời hứa, y đã hạ lệnh tước vũ khí của các đơn vị tham gia âm mưu, bắt giữ Quy-rô-ga và các thủ lĩnh khác và cử liên lạc về Ma-đrít mang theo báo cáo khoe khoang rằng y đã ngăn ngừa được một tai họa khủng khiếp nhất. Y được thăng cấp và thưởng huân chương, nhưng sau đó, khi triều đình nhận được tin tức chính xác hơn về sự kiện, thì đã cách chức chỉ huy của y và ra lệnh cho y trở về thủ đô. Chính tên La-bi-xban này năm 1814, khi quốc vương trở về Tây Ban Nha, đã cử sĩ quan tham mưu của mình đem hai phong thư đến gặp Phéc-di-năng. Ở cách quá xa, y không thể quan sát chiều hướng của quốc vương và thích ứng hành động của mình với hành động của quốc vương, cho nên trong một bức thư La-bi-xban đã

kênh khiếu ca tụng bản hiến pháp năm 1812, đề phòng trường hợp quốc vương sẽ tuyên thệ trung thành với bản hiến pháp. Trái lại, trong bức thư thứ hai, y mô tả chế độ lập hiến như một chế độ vô chính phủ và hỗn loạn, ủng hộ ý đồ của Phéc-di-năng thủ tiêu chế độ ấy và tiến cử bản thân và quân đội của y cho cuộc đấu tranh chống bọn phiến loạn, bọn mị dân và kẻ thù của ngai vàng và của tôn giáo. Viên sĩ quan trao bức thư thứ hai, bức thư này được vương triều Bốc-bông sốt sắng tiếp nhận.

Mặc dù có những triệu chứng phiến loạn lộ ra trong đội quân viễn chinh, Chính phủ Ma-đrít, đứng đầu là công tước Xan - Phéc-nan-đô bấy giờ là thủ tướng kiêm bộ trưởng Bộ ngoại giao, vẫn ngoan cố giữ thái độ lạnh lùng và bất động một cách khó hiểu, và không có biện pháp gì để hoặc đẩy nhanh cuộc viễn chinh, hoặc phân tán quân đội đến các thành phố cảng. Trong khi ấy một bên là Đôn Ra-pha-en Đen Ri-e-gô, chỉ huy tiểu đoàn Ác-tu-ri-a thứ hai bấy giờ đóng ở La-xơ Ca-bê-xát-Đơ-Xanh-Hoan, và một bên là Quy-rô-ga, Xan-Mi-ghen và các viên chỉ huy quân sự khác trên đảo Lê-ôn vượt ngục thành công đã thỏa thuận với nhau đồng thời bắt đầu hành động cách mạng. Tình hình của Ri-e-gô là khó khăn nhất. Thị trấn La-xơ-Ca-bê-xát ba phía đều tiếp giáp với các doanh trại chủ yếu của quân viễn chinh: kỵ binh đóng ở Út-rê-ra, sư đoàn bộ binh thứ hai đóng ở Lê-bri-ha, còn ở Ác-cô-xơ có tiểu đoàn trinh sát, tổng tư lệnh cùng bộ tham mưu. Tuy nhiên, ngày 1 tháng Giêng 1820 Ri-e-gô đã mở cuộc tập kích bất ngờ và bắt được viên tổng tư lệnh và bộ tham mưu của y, mặc dù tiểu đoàn ở Ác-cô-xơ có quân số đông gấp hai tiểu đoàn Ác-tu-ri-a. Cũng ngày hôm ấy, cũng tại thị trấn ấy, Ri-e-gô đã tuyên bố bản hiến pháp năm 1812, cử thị trưởng làm thời; và không thỏa mãn với việc hoàn thành nhiệm vụ đã nhận, ông còn thu hút về phía mình bọn lính trinh sát, tập kích bất ngờ tiểu đoàn A-ra-gông đóng ở Bốc-nô-xơ, tiến từ Bốc-nô-xơ đến Hê-rê-xơ, rồi từ đấy đến Pu-éc-tô-Đơ-Xan-ta-Ma-ri-a, đến đâu cũng tuyên bố hiến pháp, mãi cho tới ngày 7 tháng Giêng khi đến được đảo Lê-ôn, ở đây ông giam tù binh vào lâu đài thánh Pi-e. Quy-rô-ga và những người ủng hộ ông không dùng phương thức tập kích bất ngờ như thế để chiếm - như đã ước hẹn trước - cầu Xu-a-xô và đảo Lê-ôn, mà thản nhiên chờ đợi đến ngày 2 tháng Giêng, khi phái viên của Ri-e-gô

là Ôn-tơ-ra đem đến bản thông báo chính về việc chiếm được Ác-cô-xơ và bắt được bộ tham mưu.

Toàn bộ lực lượng của quân đội cách mạng dưới quyền chỉ huy tối cao của Quy-rô-ga gồm không quá 5000 người và sau khi cuộc tấn công của ông vào cổng thành Ca-đi-xơ bị đẩy lùi, bản thân đội quân ấy lại bị bao vây ở đảo Lê-ôn.

"Tình hình của chúng tôi" - Xan-Mi-ghen nói - "rất không bình thường; cách mạng trong vòng 25 ngày dậm chân tại chỗ, không mất đi mà cũng không chiếm được một tấc đất nào, nó là một trong những hiện tượng lạ lùng nhất trong chính trị"²⁷².

Các tỉnh dường như chìm đắm trong giấc ngủ say. Tháng Giêng đã trôi qua như thế. Vào cuối tháng Giêng, Ri-e-gô, do lo sợ rằng ngọn lửa cách mạng có thể bị dập tắt ở đảo Lê-ôn, nên bất chấp lời khuyên của Quy-rô-ga và các thủ lĩnh khác, đã tổ chức một đơn vị cơ động gồm 1500 người và tiến quân ở An-đa-lu-di-a, luôn luôn bị một quân đội mạnh gấp mười lần truy kích, và đã tuyên bố hiến pháp ở An-khơ-xi-rát, Rôn-đa, Ma-la-ha, Coóc-đô-va và ở những thành phố khác; dân cư khắp mọi nơi đều thân ái đón tiếp ông, nhưng ông không phát động được một cuộc khởi nghĩa quan trọng nào ở đâu cả. Trong khi đó bọn truy nã ông bỏ phí cả một tháng trời vào cuộc hành quân quanh đi quẩn lại hoàn toàn vô ích dường như chỉ muốn đạt được một điều là: hết sức lẩn tránh mọi cuộc đụng độ với đội quân nhỏ của ông. Hành động của quân đội chính phủ là hoàn toàn không thể hiểu được. Cuộc viễn chinh của Ri-e-gô bắt đầu từ ngày 27 tháng Giêng 1820, kết thúc vào ngày 11 tháng Ba, khi ông buộc phải giải tán một số ít người vẫn còn theo ông. Đội quân bé nhỏ của ông không bị tan rã bởi những trận quyết chiến, mà nó bị tan rã vì mất quân số do kết quả của sự kiệt quệ, những cuộc xung đột nhỏ thường xuyên với kẻ địch, do bệnh tật và đào ngũ. Trong khi đó tình hình quân khởi nghĩa trên đảo tuyệt nhiên không thuận lợi. Cuộc phong tỏa từ mặt đất và mặt biển đối với họ cứ kéo dài, còn mọi phong trào ủng hộ họ ở trong thành phố Ca-đi-xơ đều bị quân đồn trú đàn áp. Chuyện gì đã xảy ra khiến cho ngày 11 tháng Ba tại Xi-e-ra-Mô-rê-na, Ri-e-gô đã giải tán quân đội của mình đã từng chiến đấu cho hiến pháp, còn ngày 9 tháng Ba ở Ma-đrít Phéc-di-năng VII buộc phải tuyên thệ trung thành với hiến pháp, như thế là Ri-e-gô đã thực sự đạt được mục đích của mình hai ngày trước khi ông hoàn toàn tuyệt vọng về khả năng thành công?

Cuộc tiến công của quân đội của Ri-e-gô đã gây nên một sự quan tâm mới, thu hút sự chú ý rộng khắp; các tỉnh chứa chan hy vọng và thiết tha theo dõi mỗi hành động của nó. Những tâm hồn cảm phục trước tinh thần anh dũng, hành động thần tốc và sự chống cự ngoan cường của Ri-e-gô chống lại kẻ địch, đã gán cho Ri-e-gô những thắng lợi không có thực, cho rằng ông đã có được viện binh và có được sự tham gia của quần chúng nhân dân. Tin đồn về cuộc tiến quân của Ri-e-gô truyền đến các tỉnh xa nhất càng được phóng đại lên, và chính những tỉnh ở xa nơi xảy ra sự việc nhất đã biểu thị trước tiên thái độ ủng hộ bản hiến pháp năm 1812. Tây Ban Nha đã hết sức chín muồi cho cách mạng, đến nỗi ngay những tin tức giả cũng đủ để gây nên cuộc cách mạng. Nhưng, nên biết rằng cũng chính những tin tức hoàn toàn giả đã gây ra cuộc bão táp năm 1848.

Ở Ga-li-xi-a, Va-len-xi-a, Xa-ra-gốt, Bác-xê-lô-na và Pam-plô-na, cách mạng nổ ra hết nơi này đến nơi khác; En-ri-cô Ô Đôn-nen - đó cũng là bá tước La-bi-xban - được quốc vương phái đi chiến đấu với Ri-e-gô, đã tỏ ý sẵn sàng không những cầm vũ khí chống Ri-e-gô, mà còn tiêu diệt đội quân nhỏ bé của ông ta và bắt sống chính ông ta. En-ri-cô Ô Đôn-nen chỉ yêu cầu bổ nhiệm ông làm chỉ huy các đơn vị quân đóng ở La-man-sơ và cấp cho ông tiền về nhu cầu cá nhân. Quốc vương đích thân trao cho ông ta một túi tiền vàng và ban các mệnh lệnh tương ứng cho các đơn vị ở La-man-sơ. Nhưng khi đến Ô-ca-ni-a, La-bi-xban đã chỉ huy quân đội và tuyên bố bản hiến pháp năm 1812. Tin tức về việc ông ngả theo quân khởi nghĩa làm phẫn chấn dư luận ở Ma-đrít, nơi đây sau khi nhận được tin này, cách mạng đã lập tức nổ ra. Bấy giờ chính phủ bắt đầu đàm phán với phía cách mạng. Trong sắc lệnh ngày 6 tháng Ba quốc vương đề nghị triệu tập nghị viện cổ, lập ra in Estamentos (theo đẳng cấp); nhưng bản sắc lệnh ấy chẳng làm vừa lòng một ai, cả phái quân chủ cũ, cũng như phái cách mạng. Vì khi ở Pháp trở về, ông ta cũng đã từng hứa như vậy, nhưng không giữ lời hứa. Trong suốt đêm ngày 7 tháng Ba ở Ma-đrít đã diễn ra các cuộc biểu tình cách mạng. Tờ "Gaceta" số ra ngày 8 tháng Ba đăng sắc lệnh của Phéc-đi-năng VII với lời hứa tuyên thệ trung thành với bản hiến pháp năm 1812. Quốc vương nói:

"Tất cả chúng ta, và trước hết là ta, hãy thực lòng tiến trên con đường của hiến pháp".

Ngày 9 tháng Ba, nhân dân chiếm hoàng cung và quốc vương chỉ thoát thân, sau khi khôi phục a-i-un-ta-men-tốt Ma-đrít năm 1814 và tuyên thệ trung thành với hiến pháp trước mặt họ. Ông ta không ngần ngại đưa ra lời thề giả dối, vì ông ta luôn luôn có bên cạnh mình một cha cố sấm hồi sẵn sàng hoàn toàn tha thứ cho ông ta tất cả mọi tội lỗi có thể có. Trong khi đó người ta đã thành lập hội đồng nhiếp chính tư vấn mà pháp lệnh đầu tiên của nó đã phóng thích các chính trị phạm và kêu gọi các nhà chính trị lưu vong trở về nước. Từ các nhà tù hiện nay đã mở rộng cửa, nội các lập hiến đầu tiên đã bước vào hoàng cung. Ca-xtô-rô, Ê-re-rô-xơ và A. Ác-guy-ê-le-xơ hợp thành nội các đầu tiên, họ là những người chịu nạn năm 1814 và là những đại biểu của năm 1822²⁷³. Nguồn phấn khởi thật sự, được biểu lộ khi Phéc-đi-năng lên ngôi, chính là bắt nguồn từ niềm hân hoan trước việc Sác-lơ IV, bố của Phéc-đi-năng, thoái vị. Cũng vậy, sự phấn khởi trước việc Phéc-đi-năng VII bị tống cổ là nguồn gốc của sự hân hoan phổ biến khi người ta tuyên bố bản hiến pháp năm 1812. Còn về bản thân bản hiến pháp thì, như chúng ta đã biết, khi nó vừa được soạn thảo xong người ta đã không có mảnh lãnh thổ nào để có thể tuyên bố nó. Đối với đại đa số nhân dân Tây Ban Nha nó giống như vị thần không quen biết, mà người A-ten cổ đại sùng bái.

Ngày nay, các nhà trước tác Anh, khi trực tiếp nhắc đến cuộc cách mạng Tây Ban Nha hiện thời, thì một mặt họ quả quyết rằng phong trào năm 1820 chỉ là một âm mưu của đám quân nhân, còn mặt khác, họ lại khẳng định rằng nó chỉ là kết quả của âm mưu của người Nga. Cả hai ý kiến đó đều phi lý như nhau. Còn nói về cuộc bạo động quân sự, thì như chúng ta đã thấy, tuy nó thất bại, nhưng cách mạng giành được thắng lợi. Ngoài ra, câu đố mà người ta cần phải giải thì không phải là ở âm mưu của 5000 binh sĩ, mà là ở chỗ âm mưu ấy được sự ủng hộ của một quân đội gồm 35000 người và của một dân tộc hoàn toàn trung hậu gồm 12 triệu người. Cách mạng bắt đầu trong hàng ngũ quân đội, điều đó có thể giải thích hết sức giản đơn; trong toàn bộ guồng máy của nước quân chủ Tây Ban Nha, chỉ có quân đội là đã được cải tạo một cách căn bản và được cách mạng hóa trong thời kỳ có cuộc chiến tranh giành độc lập. Còn về âm mưu của Nga, thì không thể phủ

nhận được rằng nước Nga đã nhúng tay vào cách mạng Tây Ban Nha: trong số tất cả các nước châu Âu, nước Nga là nước đầu tiên đã thừa nhận bản hiến pháp năm 1812 bằng bản hiệp ước ký ngày 20 tháng Bảy 1812 ở Vê-li-ki-e Lu-ki²⁷⁴, là nước đầu tiên ủng hộ cuộc cách mạng năm 1820, là nước đầu tiên bán rẻ cuộc cách mạng ấy cho Phéc-đi-năng VII, là nước đầu tiên đốt lên ngọn đuốc phản cách mạng ở các nơi trên bán đảo, là nước đầu tiên trịnh trọng phản kháng cách mạng trước toàn châu Âu và, sau hết, đã buộc Pháp mở cuộc can thiệp vũ trang chống lại cách mạng. Không nghi ngờ gì nữa, viên đại sứ Nga, ông Ta-ti-xép, là nhân vật hiển hách nhất tại triều đình Ma-đrít, là thủ lĩnh bí mật của đám gian thần. Ông ta đã đưa được An-tô-ni-ô U-gác-tê, một tên vô lại hèn hạ, vào được cung đình và biến y thành thủ lĩnh của bọn tăng lữ và quan hầu, là bọn đã nhân danh Phéc-đi-năng VII thao túng vương quyền trong các hội nghị riêng của chúng. Nhờ Ta-ti-xép, U-gác-tê được cử làm tổng chỉ huy quân viễn chinh chống Nam Mỹ, và nhờ U-gác-tê mà công tước Xan-Phéc-năng-đô được cử làm thủ tướng kiêm bộ trưởng Bộ ngoại giao. U-gác-tê tổ chức việc mua của Nga một số tàu thuyền cũ kỹ cho cuộc viễn chinh Nam Mỹ, do đó đã được tặng huân chương Thánh An-na. U-gác-tê cản trở Phéc-đi-năng và em trai của Phéc-đi-năng là Đôn Các-lốt không đi xuống được với quân đội ngay khi cuộc khủng hoảng bắt đầu. Y là kẻ khởi xướng giấu mặt của thái độ thờ ơ khó hiểu của công tước Xan-Phéc-năng-đô, cũng như của những biện pháp đã gây nên sự đánh giá sau đây của một người Tây Ban Nha thuộc phái tự do sống ở Pa-ri năm 1836²⁷⁵:

"Khó bề giải thoát khỏi ấn tượng là bản thân chính phủ là nguyên nhân của việc làm đảo lộn trật tự hiện tồn".

Nếu như thêm vào đó sự việc lạ lùng là tổng thống Hợp chúng quốc trong thông điệp của mình²⁷⁶ đã ca tụng nước Nga về việc nước Nga hứa với ông ta rằng sẽ không để cho Tây Ban Nha can thiệp vào công việc các thuộc địa Nam Mỹ, thì không còn tí chút hoài nghi nào về vai trò của nước Nga trong cuộc cách mạng Tây Ban Nha. Nhưng, tất cả những sự việc ấy chứng minh điều gì? Phải chăng chúng chứng minh rằng nước Nga đã gây ra cuộc cách mạng năm 1820? Hoàn toàn không

phải như vậy chúng chỉ chứng minh rằng nước Nga đã ngăn cản Chính phủ Tây Ban Nha chống cự lại cách mạng. Sớm muộn thì cách mạng cũng phải lật đổ chế độ quân chủ chuyên chế có tính chất giáo quyền của Phéc-đi-năng VII, điều đó được chứng minh bằng: 1) một loạt những vụ âm mưu nối tiếp nhau từ năm 1814; 2) sự chứng nhận của ông Đơ Mác-ti-nhắc, cao ủy Pháp bên cạnh công tước Ăng-gu-lêm trong thời kỳ phái chính thống tiến quân vào Tây Ban Nha; 3) sự chứng nhận mà người ta không được coi nhẹ, sự chứng nhận của bản thân Phéc-đi-năng VII.

Năm 1814 Mi-na dự định phát động cuộc khởi nghĩa ở Na-va-ra, đã phát tín hiệu đầu tiên cho cuộc kháng cự, đã kêu gọi cầm vũ khí, chiếm cứ điểm Pam-plô-na, nhưng không tin cậy vào những người gắn bó với mình, nên bỏ chạy sang Pháp. Năm 1815, tướng Poóc-li-ơ, một trong những người du kích lừng danh nhất trong cuộc chiến tranh giành độc lập, đã tuyên bố bản hiến pháp ở La-Cô-ru-ni-a. Ông đã bị chém đầu. Năm 1816, Ri-séc dự định dùng bạo lực bắt quốc vương ở Ma-đrít. Ông bị xử treo cổ. Năm 1817, luật sư Na-va-rô và bốn người đồng mưu đã hy sinh trên đoạn đầu đài ở Va-len-xi-a, vì đã tuyên bố bản hiến pháp năm 1812. Cùng năm, tướng La-xi anh dũng đã bị xử bắn ở Ma-li-ôc-ca cũng vì cùng một tội như thế. Năm 1818, đại tá Vi-dan, đại uý Xô-la và một số người khác đã tuyên bố bản hiến pháp ở Va-len-xi-a và đã bị đánh tan và bị xử tử. Vụ âm mưu ở đảo Lê-ôn chỉ là màn chót của cuộc đấu tranh liên tục, trong đó biết bao con người dũng cảm đã rơi đầu trong những năm 1808 - 1814.

Ông Đơ Mác-ti-nhắc đã nói trong cuốn "Tây Ban Nha và cuộc cách mạng của nó", xuất bản năm 1832, không bao lâu trước khi ông chết, như sau:

"Hai năm đã qua kể từ khi Phéc-đi-năng VII khôi phục quyền chuyên chế của mình, vậy mà những hiện tượng tước đoạt nhân quyền vẫn tiếp tục diễn ra do lỗi của bọn gian thần gồm những loại cặn bã của loài người. Tất cả bộ máy nhà nước hoàn toàn bị đảo lộn: tình trạng hỗn loạn hoàn toàn ngự trị, sự trì trệ và tình trạng rối bời bao trùm khắp nơi - thuế khóa phân bổ hết sức bất công, tài chính ở trong tình trạng tệ hại, vay nợ không cần tín dụng, tình trạng không thể thỏa mãn nhu cầu cấp bách nhất của quốc gia, quân đội không được cung cấp lương, quan tòa tự thù lao bằng hối lộ, ngành hành chính hủ bại và bất lực, không đủ sức cải thiện

một điều gì hoặc thậm chí ngăn ngừa một cái gì tránh khỏi tiêu vong. Do đó mà có tình trạng bất mãn phổ biến trong nhân dân. Chế độ lập hiến mới đã từng được các thành phố lớn, các giai cấp công thương nghiệp, những người làm nghề tự do, quân đội và giai cấp vô sản nhiệt liệt hoan nghênh. Nó chỉ bị bọn tăng lữ phản đối, còn đối với nông dân thì nó làm cho họ rơi vào tình trạng bán khoán thối nát²⁷⁷.

Đây là lời thú nhận trước khi chết của một con người đã từng làm một trong những công cụ chủ yếu phá hoại chế độ mới đó. Trong các sắc lệnh ngày 1 tháng Ba, ngày 11 tháng Tư, ngày 1 tháng Sáu 1817 và ngày 24 tháng Mười một 1819 v.v., Phéc-đi-năng VII đã hoàn toàn xác nhận những ý kiến của Mác-ti-nhắc và kết thúc lời than vãn của mình như sau:

"Lời oán trách của nhân dân vang vọng bên tai chúng ta cứ ùn ùn dâng lên".

Điều đó chứng minh rằng không cần đến những Ta-ti-xép nào để phát động cách mạng ở Tây Ban Nha.

C.MÁC

THẾ LỰC PHẢN ĐỘNG Ở TÂY BAN NHA²⁷⁸

Luân Đôn, thứ sáu, ngày 1 tháng Chín 1854

Cuộc tiến quân vào Ma-đrít của các trung đoàn Vi-can-va-rô đã khuyến khích chính phủ tiến hành những hoạt động phản cách mạng một cách tích cực hơn. Việc khôi phục đạo luật về báo chí năm 1837, được tô điểm bằng mọi sự khắt khe của đạo luật bổ sung năm 1842, đã bóp nghẹt bộ phận báo chí "mang tinh thần nông cháy" mà những người đứng ra xuất bản chúng không thể nộp số cautionnement^{1*} được qui định. Ngày 24 tháng Tám, số cuối cùng của tờ "Clamor de las Barricades" đã được xuất bản dưới đầu đề "Ultimas Barricades", vì hai người xuất bản tờ báo này đã bị bắt. Cùng ngày, một tờ báo phản động mới, lấy tên là "Las Cortes", ra đời thế chân nó. Trong tôn chỉ của tờ báo này có nói:

"Ngài tổng đốc Đôn Xan-mi-ghen đã ban cho chúng tôi tình hữu ái của ngài, lại còn có nhá ý cộng tác với tờ báo của chúng tôi. Các bài viết của ngài sẽ ký bằng các chữ cái đầu tiên của tên họ ngài. Những người lãnh đạo tờ báo sẽ kiên quyết bảo vệ cuộc cách mạng đã chiến thắng được những tệ đoan và những điều thái quá của chính quyền thối nát, nhưng họ chỉ giữ ngọn cờ của mình trong khuôn khổ hội nghị lập hiến. Chỉ có ở đây mới có trận chiến đấu vĩ đại".

Ở đây muốn ám chỉ trận chiến đấu vĩ đại cho quyền lợi của I-da-ben-la II và Ê-xpác-te-rô. Chúng ta còn nhớ, vẫn chính ngài Xan-Mi-ghen này đã từng tuyên bố tại bữa tiệc của đại biểu các báo cáo rằng báo chí không có tiêu chuẩn nào khác ngoài bản thân, lý tính lành mạnh và giáo dục quốc dân, rằng báo chí là một thiết chế mà không gươm giáo, chế độ khổ sai, cảnh tù đầy hoặc bất cứ sức mạnh nào khác trên thế giới lại có thể tiêu diệt được. Song, vào chính cái hôm mà ông

1* - tiền ký quỹ.

một điều gì hoặc thậm chí ngăn ngừa một cái gì tránh khỏi tiêu vong. Do đó mà có tình trạng bất mãn phổ biến trong nhân dân. Chế độ lập hiến mới đã từng được các thành phố lớn, các giai cấp công thương nghiệp, những người làm nghề tự do, quân đội và giai cấp vô sản nhiệt liệt hoan nghênh. Nó chỉ bị bọn tăng lữ phản đối, còn đối với nông dân thì nó làm cho họ rơi vào tình trạng bán khoán thối nát²⁷⁷.

Đây là lời thú nhận trước khi chết của một con người đã từng làm một trong những công cụ chủ yếu phá hoại chế độ mới đó. Trong các sắc lệnh ngày 1 tháng Ba, ngày 11 tháng Tư, ngày 1 tháng Sáu 1817 và ngày 24 tháng Mười một 1819 v.v., Phéc-đi-năng VII đã hoàn toàn xác nhận những ý kiến của Mác-ti-nhắc và kết thúc lời than vãn của mình như sau:

"Lời oán trách của nhân dân vang vọng bên tai chúng ta cứ ùn ùn dâng lên".

Điều đó chứng minh rằng không cần đến những Ta-ti-xép nào để phát động cách mạng ở Tây Ban Nha.

C.MÁC

THẾ LỰC PHẢN ĐỘNG Ở TÂY BAN NHA²⁷⁸

Luân Đôn, thứ sáu, ngày 1 tháng Chín 1854

Cuộc tiến quân vào Ma-đrít của các trung đoàn Vi-can-va-rô đã khuyến khích chính phủ tiến hành những hoạt động phản cách mạng một cách tích cực hơn. Việc khôi phục đạo luật về báo chí năm 1837, được tô điểm bằng mọi sự khắt khe của đạo luật bổ sung năm 1842, đã bóp nghẹt bộ phận báo chí "mang tinh thần nông cháy" mà những người đứng ra xuất bản chúng không thể nộp số cautionnement^{1*} được qui định. Ngày 24 tháng Tám, số cuối cùng của tờ "Clamor de las Barricades" đã được xuất bản dưới đầu đề "Ultimas Barricades", vì hai người xuất bản tờ báo này đã bị bắt. Cùng ngày, một tờ báo phản động mới, lấy tên là "Las Cortes", ra đời thế chân nó. Trong tôn chỉ của tờ báo này có nói:

"Ngài tổng đốc Đôn Xan-mi-ghen đã ban cho chúng tôi tình hữu ái của ngài, lại còn có nhá ý cộng tác với tờ báo của chúng tôi. Các bài viết của ngài sẽ ký bằng các chữ cái đầu tiên của tên họ ngài. Những người lãnh đạo tờ báo sẽ kiên quyết bảo vệ cuộc cách mạng đã chiến thắng được những tệ đoan và những điều thái quá của chính quyền thối nát, nhưng họ chỉ giữ ngọn cờ của mình trong khuôn khổ hội nghị lập hiến. Chỉ có ở đây mới có trận chiến đấu vĩ đại".

Ở đây muốn ám chỉ trận chiến đấu vĩ đại cho quyền lợi của I-da-ben-la II và Ê-xpác-te-rô. Chúng ta còn nhớ, vẫn chính ngài Xan-Mi-ghen này đã từng tuyên bố tại bữa tiệc của đại biểu các báo cáo rằng báo chí không có tiêu chuẩn nào khác ngoài bản thân, lý tính lành mạnh và giáo dục quốc dân, rằng báo chí là một thiết chế mà không gươm giáo, chế độ khổ sai, cảnh tù đầy hoặc bất cứ sức mạnh nào khác trên thế giới lại có thể tiêu diệt được. Song, vào chính cái hôm mà ông

1* - tiền ký quỹ.

ta ngỏ ý cộng tác với báo chí, ông ta không nói lấy một lời phản đối sắc lệnh tước đoạt quyền tự do xuất bản mà ông yêu quý đến như vậy.

Tiếp theo việc thủ tiêu tự do xuất bản, lại đến lượt quyền tự do hội họp bị thủ tiêu, cũng theo sắc lệnh của nữ hoàng. Ở Ma-đrít, các câu lạc bộ đã bị giải tán, còn ở các tỉnh, các hội đồng nhiếp chính và các ủy ban an ninh công cộng đều bị giải tán, trừ những tổ chức nào đã được nội các thừa nhận là "đoàn đại biểu". Câu lạc bộ đồng minh bị đóng cửa theo sắc lệnh của nội các, mặc dù trước đó chỉ có mấy ngày, Ê-xpác-te-rô đã nhận danh hiệu chủ tịch danh dự của nó, về điều này thì tờ "Times" ở Luân Đôn đã uống công phủ nhận. Câu lạc bộ này cử đoàn đại biểu đến gặp bộ trưởng Bộ nội vụ yêu cầu cách chức ngài Xa-ga-xti, tổng đốc Ma-đrít, buộc tội ông ta là xâm phạm tự do xuất bản và quyền hội họp. Ông Xan-ta-Cru-xơ trả lời rằng ông không thể khiển trách một quan chức nhà nước về những biện pháp đã được thi hành có sự đồng ý của nội các. Kết quả là đã nổ ra một làn sóng bất bình nghiêm trọng; nhưng quảng trường Hiến pháp đã bị quân vệ binh quốc gia chiếm lĩnh, nên sự kiện kết thúc ở đây. Chỉ ngay sau khi một số tờ báo nhỏ bị đóng cửa, là những tờ báo lớn hơn mà trước đây vẫn ủng hộ Xa-ga-xti thì nay bắt đầu tranh cãi với ông ta. Để bịt miệng tờ "Clamor Público", chủ bút của nó là ông Cô-ra-di đã được cử làm bộ trưởng. Nhưng biện pháp ấy không đầy đủ, vì không thể đưa tất cả các chủ bút vào nội các.

Nhưng hành động táo bạo nhất của bọn phản cách mạng là cho phép nữ hoàng Cri-xti-na đi Li-xbon, sau khi nội các đã cam kết chuyển giao vấn đề số phận của nữ hoàng cho nghị viện lập hiến, đây là một hành vi phản bội mà người ta mưu toan che đậy bằng cách tuyên bố, trước khi tòa án phán xét, tịch thu lãnh địa của Cri-xti-na ở Tây Ban Nha mà, như mọi người đều biết, số lãnh địa ấy là bộ phận không đáng kể nhất trong số tài sản của Cri-xti-na. Như thế là Cri-xti-na chỉ phải trả với một giá rẻ, còn hiện nay chúng ta biết rằng Xan-Lu-i-xơ đã yên ổn đến được Bai-on-nơ. Điều lý thú nhất trong toàn bộ sự việc là phương pháp nhằm đi đến quyết định trên. Ngày 26 Tháng tám, một số nhà yêu nước và quân vệ binh quốc gia đã hội họp để bàn về các biện pháp duy trì an ninh xã hội, lên án chính phủ về thái độ do dự và các biện

pháp nửa vời và đã quyết định cử đoàn đại biểu đến gặp nội các yêu cầu đuổi Cri-xti-na ra khỏi hoàng cung là nơi mà mẹ ta đang bày mưu tính kế chống lại các quyền tự do của nhân dân. Điều hết sức khả nghi là hai quan hầu của Ê-xpác-te-rô và bản thân Xa-ga-xti đã tán thành đề nghị đó. Do đó, nội các đã họp mà kết quả là cuộc bỏ trốn bí mật của Cri-xti-na.

Ngày 25 tháng Tám, nữ hoàng lần đầu tiên công khai lộ mặt trong cuộc đi dạo ở Pra-dô^{1*} với sự hộ tống của một nhân vật gọi là chồng nữ hoàng và công chúa Ác-tu-ri-a. Nhưng xem ra, người ta hết sức lạnh nhạt với nữ hoàng.

Ủy ban được cử ra làm bản báo cáo về tình hình tài chính khi nội các Xac-tô-ri-út đổ, đã công bố bản báo cáo ấy trên tờ "Gaceta", trong đó có đăng bản báo cáo của ông Cô-la-đô, bộ trưởng Bộ tài chính, ở trước bản báo cáo của ủy ban kể trên. Căn cứ vào bản báo cáo của ủy ban, nợ nần hiện nay của Tây Ban Nha tương đương với 33000000 đô-la, còn tổng số thiếu hụt trong ngân sách là 50000000 đô-la. Xem ra, ngay cả quỹ đặc biệt của chính phủ cũng đã được sử dụng trước nhiều năm và đã cạn. Thu nhập của Ha-ba-na và Phi-lip-pin đã chi tiêu trước hai năm rưỡi. Số tiền thu được về công trái cưỡng bức thì đã biến mất tăm hơi. Mỏ thủy ngân An-mây-da đã được đem cầm cố trước nhiều năm. Số dư tiền mặt phải nộp vào ngân khoản thì không còn nữa. Cũng không còn quỹ dùng để luân phiên thay thế quân đội. Số tiền phải trả về thuốc lá đã mua nhưng chưa thanh toán là 7485692 rê-a-lơ. Cũng còn phải trả 5505000 rê-a-lơ về các khoản công trình công cộng. Theo lời tuyên bố của ông Cô-la-đô thì số nợ không trả hoãn được là 252980253 rê-a-lơ. Biện pháp mà ông đưa ra để bù đắp cho số thiếu hụt đó là những biện pháp tiêu biểu của một chủ ngân hàng thực thụ; ông đề nghị khôi phục sự bình tĩnh và trật tự, tiếp tục thu tất cả các thứ thuế cũ và vay nợ mới. Nghe theo ý kiến ấy, Ê-xpác-te-rô nhận được của các chủ ngân hàng chính ở Ma-đrít 2500000 đô-la với điều kiện hứa sẽ thi hành nghiêm chỉnh chính sách của phái ôn hòa. Những biện pháp mới đây của ông chứng tỏ ông có ý định giữ đúng lời hứa của mình đến chừng mực nào.

1* - một đại lộ ở Ma-đrít

Không nên cho rằng những biện pháp phản động ấy hoàn toàn không gây ra sự phản kháng của nhân dân. Ngày 28 tháng Tám, khi mọi người được tin Cri-xti-na bỏ trốn, thì chướng lỵ lại được dựng lên; nhưng, nếu tin theo tin điện từ Bai-ôn-nơ đăng trên tờ "Moniteur" thì

"quân đội đã cùng quân vệ binh quốc gia tấn công các chiến lỵ và đã đàn áp phong trào".

Đấy là cercle vicieux^{1*}, trong đó các chính phủ cách mạng để non buộc phải quẩn quanh. Những chính phủ này thừa nhận những món nợ mà các chính phủ phản cách mạng trước họ đã vay, coi đó là một khoản công trái. Để có thể thanh toán số nợ lần ấy, họ phải tiếp tục thu các khoản thuế cũ và vay nợ mới. Để có thể vay nợ mới, họ phải bảo đảm "trật tự", nghĩa là đích thân thi hành những biện pháp phản cách mạng. Như thế, chính phủ nhân dân mới lại trở thành kẻ phục vụ cho đại tư bản và biến thành kẻ áp bức nhân dân. Chính phủ lâm thời Pháp năm 1848, chính là bằng cách như vậy, đã buộc phải thi hành thuế 45 xăng- tim xấu xa và trưng dụng quỹ của ngân hàng tiết kiệm để trả cho bọn tư bản phần lợi tức phải trả cho chúng.

"Chính phủ cách mạng Tây Ban Nha - một người Anh, tác giả cuốn "Chân tướng Tây Ban Nha", nói như vậy - ít ra còn chưa sa đọa đến mức thi hành học thuyết vô nhục nhã đã được thực hành ở Hợp chúng quốc"²⁷⁹.

Vấn đề là chỗ: nếu như bất cứ cuộc cách mạng nào trước đây ở Tây Ban Nha đã vỡ nợ như thế, dù chỉ là một lần thôi, thì chính phủ Xan-Lu-i-xơ nhục nhã không tìm được một chủ ngân hàng nào ứng trước cho nó. Nhưng, có lẽ tác giả của chúng ta giữ quan điểm cho rằng vay nợ là đặc quyền của phản cách mạng, trong khi đó trả nợ lại là đặc quyền của cách mạng.

Xem ra, Xa-ra-gốt, Va-len-xi-a và An-khơ-xi-rát không đồng ý với quan điểm đó, vì họ xóa bỏ mọi thứ thuế khóa nặng nề đối với họ.

Không thỏa mãn với việc bổ nhiệm Bra-vô Mu-ri-lô làm đại sứ ở Công-xtăng-ti-nô-plơ, chính phủ còn cử Gôn-xa-lét Bra-vô vào chức vụ ấy ở Viên.

1* - cái vòng lẩn quẩn

Vào thứ bảy, ngày 27 tháng Tám khu Ma-đrít đã triệu tập hội nghị chuẩn bị bầu cử để thông qua phổ thông đầu phiếu mà cử đại biểu theo đôi cuộc bầu cử ở thủ đô. Ở Ma-đrít có hai ủy ban bầu cử - hội Liên hiệp tự do và hội Liên hiệp thương mại.

Đối với những người hiểu biết lịch sử các cuộc cách mạng Tây Ban Nha, những triệu chứng phản động kể trên không đáng sợ so với những nhà quan sát hời hợt, vì nói chung các cuộc cách mạng Tây Ban Nha bao giờ cũng bắt đầu bằng việc triệu tập nghị viện, việc đó thường được dùng làm tín hiệu của việc giải tán chính phủ. Ngoài ra, ở Ma-đrít có ít quân đội và nhiều nhất cũng chỉ có 20000 quân vệ binh quốc gia, nhưng trong bọn này chỉ có một nửa là được vũ trang, trong khi đó mọi người đều biết rằng nhân dân không hưởng ứng lời kêu gọi nộp vũ khí.

Bất chấp những giọt lệ của nữ hoàng, Ô' Đôn-nen đã giải tán quân cấm vệ của nữ hoàng, vì quân chính quy ghen tỵ những đặc quyền của quân đội này. Gô-dôi, một kẻ nổi tiếng chơi giỏi ghi-ta và trình bày bài seguidillas graciosas y pycantes^{1*} đã từng hàng ngũ của đội quân này leo lên đến địa vị cháu rể quốc vương, còn Mu-nhi-ô-xơ, một kẻ chỉ nổi tiếng nhờ những phẩm chất cá nhân, thì cũng từ hàng ngũ đội quân đó trở thành chồng của hoàng thái hậu.

Ở Ma-đrít, nhóm cộng hòa đã phân phát *Hiến pháp Cộng hòa liên bang I-be-ri* dưới đây:

CHƯƠNG I. TỔ CHỨC CỦA NƯỚC CỘNG HÒA LIÊN BANG I-BÊ-RI

Điều 1. Tây Ban Nha với các đảo của mình và Bồ Đào Nha liên hợp lại và lập thành nước Cộng hòa liên bang I-be-ri. Mâu cớ là sự kết hợp hai quốc kỳ hiện nay của Tây Ban Nha và Bồ Đào Nha. Khẩu hiệu của nó là: Tự do, Bình đẳng, Bác ái.

Điều 2. Quyền lực tối cao thuộc về toàn thể công dân. Quyền lực này không được chuyển nhượng và tước đoạt. Không một cá nhân nào, không một bộ phận nhân dân nào được tùy ý hành sử quyền lực ấy.

1* - vũ khúc xê-ghe-di-lát yêu kiều và kỳ diệu

Điều 3. Luật pháp là biểu hiện ý chí của quốc dân. Quan toà do nhân dân cử ra thông qua phổ thông đầu phiếu.

Điều 4. Tất cả các công dân đủ 21 tuổi, đều có quyền bầu cử.

Điều 5. Án tử hình bị xóa bỏ đối với chính trị phạm, cũng như đối với các tội hình sự. Tất cả các vụ án đều do tòa án bồi thẩm xét xử.

Điều 6. Tài sản là bất khả xâm phạm. Các trại áp tịch thu của những người lưu vong chính trị, phải được trả lại cho họ.

Điều 7. Thuế thu theo tỷ lệ thuận với thu nhập. Chỉ có một thứ thuế trực tiếp và phổ biến. Tất cả các thứ thuế gián tiếp, thuế nhập thị và thuế tiêu dùng đều bãi bỏ. Cũng bãi bỏ độc quyền của chính phủ đối với muối và thuốc lá, thuế tem, thuế môn bài và quyền góp binh dịch.

Điều 8. Tự do xuất bản, hội họp, lập hội, quyền bất khả xâm phạm về nhà ở, quyền tự do về học hành, về thương mại và tín ngưỡng, đều được bảo đảm. *Tín đồ của mỗi tôn giáo tự trả lương cho giáo sĩ của mình.*

Điều 13. Công việc hành chính của nước cộng hòa phân thành các cấp liên bang, tỉnh và thị trấn.

CHƯƠNG II. CẤP HÀNH CHÍNH LIÊN BANG

Điều 14. Quyền hành chính liên bang do Hội đồng chấp hành đảm nhiệm, hội đồng này do đại hội liên bang trung ương bổ nhiệm và bãi miễn.

Điều 15. Quan hệ quốc tế và thương mại, việc bảo đảm sự thống nhất đo lường và chế độ tiền tệ, bưu chính và lực lượng vũ trang đều thuộc phạm vi cấp hành chính liên bang.

Điều 16. Đại hội liên bang trung ương gồm 9 đại biểu của mỗi tỉnh, được cử ra thông qua phổ thông đầu phiếu và chịu sự ràng buộc của những chỉ thị của cử tri.

Điều 17. Đại hội liên bang trung ương là một cơ quan thường trực.

Điều 20. Mỗi khi phải ban bố một đạo luật thì cơ quan hành chính thấy cần ban bố đạo luật ấy sẽ phải đưa dự luật cho cấp liên bang xét trước sáu tháng nếu thuộc thẩm quyền đại hội và trước ba tháng nếu thuộc thẩm quyền cơ quan lập pháp tỉnh.

Điều 21. Bất cứ đại biểu nhân dân nào không tuân theo chỉ thị đã nhận được, đều bị đưa ra xét xử.

CHƯƠNG III. NÓI VỀ CẤP HÀNH CHÍNH Ở CÁC TỈNH VÀ THỊ CHÍNH; TRONG CHƯƠNG ĐÓ ĐÃ QUY ĐỊNH NHỮNG NGUYÊN TẮC GIỐNG NHƯ TRÊN. ĐIỀU CUỐI CÙNG CỦA CHƯƠNG NÀY QUY ĐỊNH:

"Không được có thuộc địa nữa; thuộc địa sẽ trở thành các tỉnh và được quản lý theo những nguyên tắc giống như các tỉnh. Phải thủ tiêu chế độ nô lệ".

CHƯƠNG IV. QUÂN ĐỘI

Điều 34. Toàn thể nhân dân sẽ được vũ trang và được tổ chức thành đội vệ binh quốc gia, một bộ phận trở thành đội cận vệ cơ động, một bộ phận trở thành dân quân địa phương.

Điều 35. Đội cận vệ cơ động gồm đàn ông độc thân từ 21 đến 35 tuổi; sĩ quan của nó được bổ nhiệm bằng cách lựa chọn trong số học sinh các trường quân sự.

Điều 36. Dân quân địa phương gồm tất cả đàn ông công dân trong lứa tuổi từ 35 đến 56; sĩ quan được bổ nhiệm qua bầu cử. Nhiệm vụ của nó là phòng thủ địa phương.

Điều 38. Bộ đội pháo binh và công binh tuyển mộ trong số những người tình nguyện; họ là quân đội thường trực và đóng giữ ở các cứ điểm duyên hải và biên giới. Không được lập các cứ điểm trong nội địa.

Điều 39. Nói về hải quân và gồm có những quy định tương tự.

Điều 40. Bãi bỏ các bộ tham mưu tỉnh và quân khu.

Điều 42. Nước Cộng hòa I-bê-ri từ bỏ mọi cuộc chiến tranh xâm chiếm và chuyển các cuộc tranh chấp cho các chính phủ không có quan hệ đến vấn đề, làm trọng tài giải quyết.

Điều 43. Không được thành lập quân đội thường trực.

*Do C.Mác viết ngày 1 tháng Chín 1854
Đã đăng trên tờ "New-York Daily Tribune"
số 4185, ra ngày 16 tháng Chín 1854
Ký tên : Các Mác*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Anh*

C.MÁC

*** NHỮNG TIN ĐỒN VỀ VIỆC MÁT-DI-NI BỊ BẮT .- CÔNG TRÁI CUỒNG BỨC Ở ÁO .-TÂY BAN NHA .- TÌNH HÌNH Ở VA-LA-KI**

Luân Đôn, thứ ba, ngày 12 tháng Chín 1854

Báo chí đăng những tin đồn khác nhau về việc Mát-di-ni bị bắt ở Ba-lơ. Tôi nhận được tin sau đây của một người bạn: Mát-di-ni quả thực đã bị hai tên hiến binh bắt ở Xuy-rích, nhưng chỉ mấy giờ sau đã chạy thoát. Một người I-ta-li-a khác, tự xưng là Mát-di-ni để cho người ta bắt mình cùng một lúc ở một nơi khác, đã giúp vào cuộc chạy trốn ấy. Điều kể ấy làm cho nhà đương cục lúng túng, và bản thân ông Đrui-ê từ Béc-nơ đã đánh điện về Giơ-ne-vơ yêu cầu ngừng việc tiếp tục lùng bắt, vì Mát-di-ni đã ở trong tù. Có người đoán rằng người bị bắt thay cho Mát-di-ni là Xa-phi, nhưng có ý kiến cho rằng đây là một sĩ quan người Hung-ga-ri tên là Tuy-rơ.

Tờ "Gazzeta di Milano" số ra ngày 31 tháng Tám lấy làm hài lòng chỉ rõ rằng hội đồng thị chính Pa-vi-a trong phiên họp ngày 28 tháng Tám đã quyết định nhận mua công trái quốc gia với số tiền 200000 phlo-rin. Trái với tin tức trên, một tờ báo không chính thức đã đưa ra văn bản sau đây của nghị quyết của hội đồng ấy:

"Cơ quan thị chính Pa-vi-a nhận mua công trái, theo con số quy định phải mua đối với thành phố Pa-vi-a, nhưng làm điều đó không phải với tư cách đại biểu cho cơ quan thị chính và không phải thuận tuý với tư cách người mua công trái, mà chỉ với tư cách là cơ quan quản lý phụ thuộc vào quyền lực hành chính mà nó phải phục tùng vô điều kiện theo thông tư năm 1830, cũng như để thi hành mệnh lệnh ngày 7 tháng Tám của vị tổng đốc gửi cho nó".

Ở Tô-rê-vi-dô, việc nhận mua công trái tự nguyện cũng chỉ diễn ra do có sự đe dọa trực tiếp. Qua thông báo của hội đồng Tô-ri-e-xơ có thể thấy ngay cả ở cái thành phố tràn đầy lòng trung thành với Áo này việc nhận mua công trái không phải là tự nguyện và không phải hết sức rộng rãi, như báo chí Áo mô tả:

"Ủy ban thị chính của chúng ta lại nhận mua một triệu đồng công trái quốc gia. Như thế ủy ban thị chính đã tuyên bố rằng số công trái ấy sẽ phân bổ cho những người cho tới nay chưa nhận mua gì cả hoặc đã nhận mua với số tiền không tương xứng với tình hình tài sản của mình. Đồng thời còn quy định rằng ngày 6 tháng Chín là thời hạn cuối cùng cho việc nhận mua tự nguyện. Hội đồng hy vọng rằng tất cả mọi người sẽ gấp rút hưởng những lợi ích mà công trái đem lại, nhất là sau thời hạn nói trên hội đồng nhất thiết buộc lòng phải dùng đến sự cưỡng bức".

Báo chí phản động vẫn không hài lòng về những biện pháp gần đây của chính phủ Tây Ban Nha; nó oán trách về việc người ta lại thỏa hiệp với cách mạng. Chẳng hạn, trong tờ "Jour des Débats" chúng ta đọc thấy:

"Ngày 7 tháng Tám, Ê-xpác-te-rô đã tuyên bố: "Thế theo nguyện vọng của nhân dân Ma-drít, công tước phu nhân Ri-an-xa-rê-xơ sẽ không được rời thủ đô ban ngày cũng như ban đêm, bằng bất cứ phương cách bí mật nào". Mãi đến ngày 28 tháng Tám, hai mươi một ngày sau khi bị bắt, Cri-xti-na mới được phép rời nơi này giữa ban ngày và thậm chí với một nghi thức long trọng nào đó. Nhưng chính phủ tỏ ra yếu đuối đến nỗi đồng thời đã ra lệnh tịch thu các trại ấp của vị công tước phu nhân ấy".

Tờ "Débats" hiện đang hy vọng về việc bãi bỏ mệnh lệnh ấy. Song, niềm hy vọng của tờ báo lần này xem chừng khó bề thực hiện hơn là khi nó bày tỏ niềm hi vọng mong manh rằng Bô-na-pác-tơ không thực hiện việc tịch thu các thái ấp của hoàng tộc Oóc-lê-ăng²⁸⁰. Tổng đốc Ô-vê-dô đã bắt đầu quản chế mỏ than thuộc sở hữu của Cri-xti-na ở tỉnh Ác-tu-ri-a. Giám đốc các mỏ ở Xi-ê-rô, Lan-grê-ô và Pi-e-rô-Coóc-rin đã nhận được lệnh nộp báo cáo và được đặt dưới quyền quản lý của chính phủ về mặt hành chính.

Còn như cái cảnh "giữa ban ngày" mà, theo lời của tờ "Débats", tưởng như diễn ra với chuyển đi của Cri-xti-na, thì ở đây tờ báo này tỏ ra hoàn toàn không thông thạo tin tức. Rồi căn buồng của mình, nữ hoàng Cri-xti-na đi trong hành lang giữa sự vắng lặng như nhà mồ, vì người ta đã thi hành mọi biện pháp để không một ai gặp mặt nữ hoàng. Quân vệ binh quốc gia canh giữ trong nội cung của hoàng cung, thậm chí cũng không ngờ tới cuộc ra đi của nữ hoàng. Toàn bộ kế hoạch đặt ra bí mật đến mức bản thân Ga-ri-gô, người được lệnh hộ tống nữ hoàng, cũng chỉ nhận được lệnh đúng vào lúc xuất phát. Đoàn hộ tống chỉ được thông báo về tính chất của sứ mệnh trao cho họ, khi

đã cách Ma-đrít 12 dặm, và bảy giờ Ga-ri-gô phải vất vả lắm mới ngăn cản được nhân viên của mình không làm nhục nữ hoàng và ngăn cản việc lập tức quay trở về Ma-đrít. Các viên chỉ huy đội vệ binh quốc gia chỉ biết việc đã xảy ra hai giờ sau khi bà Mu-nhi-ô-xơ ra đi. Báo "España" quả quyết rằng Cri-xti-na đến biên giới Bồ Đào Nha vào sáng sớm ngày 3 tháng Chín. Tờ báo nói rằng tâm trạng ở nữ hoàng trên dọc đường là rất tốt, còn công tước của nữ hoàng thì hơi triste^{1*}. Quan hệ giữa Cri-xti-na với vị Mu-nhi-ô-xơ ấy chỉ có thể hiểu được, nếu ta nhớ lại câu trả lời của Đông-Ki-sốt, đối với câu hỏi của Xăng-sô-Păng-xa hỏi rằng tại sao anh ta, Đông-Ki-sốt, lại yêu Đun-xi-nê-a, người kém nhất trong các cô thôn nữ, trong khi anh ta có thể có các nàng công chúa dưới chân mình.

Chàng hiệp sĩ đáng tôn kính ấy trả lời: Người ta hỏi một bà có một đám người hâm mộ cao quý, giàu có và thông minh xúm xít xung quanh, rằng tại sao bà chọn một nông dân bình thường làm người tình. Bà trả lời là cần biết rằng đối với lĩnh vực mà tôi nhắm vào anh ta, thì anh ta giỏi triết học hơn cả chính A-ri-xtốt^{2*}.

Về quan điểm của báo chí phản động đối với tình hình ở Tây Ban Nha, thì nhìn chung có thể thấy được qua một số đoạn trích dẫn từ các tờ báo "Kölnische Zeitung" và "Indépendance belge". Tờ báo thứ nhất viết:

"Theo lời một phóng viên thạo tin và đáng tin cậy, đồng thời là người ủng hộ Ô Đôn-nen và phái ôn hòa, thì tình thế rất đáng lo ngại, vì giữa các phái không ngừng xảy ra xung đột sâu sắc. Dưới ảnh hưởng của các nhà cổ động, các giai cấp cần lao ở trạng thái không bị kích động".

Tờ "Indépendance" viết:

"Tương lai của nền quân chủ Tây Ban Nha đang bị đe dọa nặng nề. Tất cả những người yêu nước chân chính ở Tây Ban Nha đều nhất trí cho rằng cần chấm dứt sự cuồng nhiệt cách mạng. Sự căm phẫn của bọn phỉ báng và của các chiến sĩ đứng trên chiến lũy đối với Ê-xpác-te-rô và chính phủ của ông ta không kém gì sự căm phẫn đối với Xan-Lu-i-xơ và chủ ngân hàng Xa-la-man-ca. Nhưng thực thà mà nói, không nên buộc tội dân tộc hiệp sĩ ấy về những hành động quá khích như thế. Không nên coi nhân dân Ma-đrít ngang với bọn dân đen đang la hét:

1* - buồn.

2* Xéc-van-tét. "Đông Ki sót", tập I, chương 25.

"xử tử Cri-xti-na!", không nên quy trách nhiệm cho họ về những lời phỉ báng hèn hạ lưu hành trong dân cư dưới nhãn hiệu "Tội ăn cắp của Xan-Lu-i-xơ, Cri-xti-na và đồng bọn". 1800 chiến lũy ở Ma-đrít và các cuộc biểu tình cộng sản cực đoan ở Bắc-xê-lô-na đã vạch trần vai trò của phái dân chủ nước ngoài trong các cuộc lễ thần nông ở Tây Ban Nha. Tóm lại. Không nghi ngờ gì nữa, nhiều người lưu vong Pháp, Đức và I-ta-li-a đã tham gia những sự kiện rất đáng tiếc hiện đang kích động cả bán đảo. Không nghi ngờ gì nữa, ở Tây Ban Nha sắp sửa bốc lên ngọn lửa của cuộc hỏa hoạn xã hội; hậu quả trực tiếp của nó là sự mất đi hòn ngọc An-ti-li, đảo Cu-Ba giàu có, vì Tây Ban Nha sẽ không đủ sức đấu tranh chống lại âm mưu của người Mỹ hoặc chống lại tinh thần yêu nước của những nhân vật Xun và Xan-đéc-xơ nào đó. Đã đến lúc Tây Ban Nha tỉnh dậy và tất cả những người lương thiện của châu Âu văn minh cùng nhau cố gắng nổi chuông báo động".

Khi mà Chính phủ Ma-đrít, vào ngày 28 tháng Tám, đã phản bội lời hứa đưa ra ngày 7 tháng Tám của mình, khi mà nó thủ tiêu quyền tự do hội họp và khôi phục đạo luật xuất bản năm 1837 đòi hỏi mỗi nhà xuất bản phải nộp 40000 rê-a-lơ tiền ký quỹ và đóng 300 rê-a-lơ thuế trực thu, thì đương nhiên hoàn toàn không cần đến sự tham gia của phe dân chủ nước ngoài để gây ra làn sóng phản nộ của nhân dân Ma-đrít. Nếu như ở các tỉnh vẫn tiếp diễn phong trào phản đối có tính chất không xác định và không kiên quyết thì điều đó có nguyên nhân nào khác hơn là tình trạng thiếu một trung tâm hành động cách mạng? Từ khi cái gọi là chính phủ cách mạng rơi vào tay Ê-xpác-te-rô, chưa hề có một sắc lệnh nào có lợi cho các tỉnh. Ở các tỉnh người ta thấy rằng chính phủ ấy bị bao bọc trong cái bầu không khí nịnh hót, mưu mô, đầu óc công danh như dưới thời Xan-Lu-i-xơ. Xoay quanh chính phủ ấy vẫn là một đám tay sai - một tai họa dày vò Tây Ban Nha từ các triều đại Phi-líp²⁸¹.

Chúng ta hãy xem tờ "Gaceta" Ma-đrít số gần đây nhất, ra ngày 6 tháng Chín. Tờ báo đăng bản báo cáo của Ô Đôn-nen nói rằng vì số lượng quân hàm và chức tước quá lớn, nên cứ ba vị tướng thì chỉ có một vị có thể nhận chức vụ thực tế. Sự sản xuất thừa tướng lĩnh ấy - một tai họa thực sự - là sự trừng phạt đối với Tây Ban Nha từ năm 1823. Có thể trông chờ ban hành một sắc lệnh loại trừ mối họa ấy. Chẳng có chuyện gì hết. Sắc lệnh được ban bố sau bản báo cáo ấy đã thành lập một hội đồng nhiếp chính quân sự có tính chất tư vấn gồm các vị tướng do chính phủ bổ nhiệm trong số tướng lĩnh hiện không

đảm nhiệm một chức vụ nào trong quân đội. Ngoài lương thông thường, các ngài ấy được lĩnh: các trung tướng lĩnh 5000 rê-a-lơ, thượng tướng 6000 rê-a-lơ. Tướng Ma-nu-en Đơ la Côn-sa được cử làm chủ tịch cái hội đồng nhiếp chính quân sự hưởng lương hậu hĩnh mà chẳng phải mớ tay vào việc gì. Cũng số báo "Gaceta" ấy đưa tin về một đợt khen thưởng, hưu bổng v.v. mới, tưởng như thế vì cuộc bố thí khảng khái đầu tiên chưa làm tròn sứ mạng của mình. Xan-Mi-ghen và Đun-xơ được tặng huân chương chữ thập lớn Sác-lơ III; mọi sự khen thưởng và biểu dương sơ bộ mà hội đồng nhiếp chính Xa-ra-gốt dự định thực hiện thì đều được xác nhận và bổ sung. Nhưng phần xuất sắc nhất của số "Gaceta" ấy là lời tuyên bố rằng việc thanh toán quốc trái sẽ được khôi phục vào ngày 11 tháng Chín. Nếu như nhân dân Tây Ban Nha không cảm thấy hài lòng về những thành tựu đó của chính phủ cách mạng của mình, thì họ thật thiếu suy nghĩ biết bao!

Những người du lịch từ Va-la-ki trở về cách đây không lâu đưa tin về tình hình hết sức khó khăn ở công quốc này. Mọi người đều biết rằng Nga đã trút lên công quốc thuộc vùng sông Đa-nuýt một gánh nặng là 14000000 phrăng về tranh trả kinh phí chiếm đóng vào những năm 1848-1849. Trong thời gian chiếm đóng gần đây, các tướng Nga đã thu số tiền đó. Quân Nga chỉ rút lui sau khi đã cướp sạch tất cả các quỹ: quỹ của các sứ đạo, của tu viện và của các cơ quan thị chính. Họ dùng tiền của các quỹ ấy để thanh toán các sản phẩm mà họ nhận của các điền chủ và của nông dân theo hợp đồng. Nhưng còn phương tiện giao thông - vấn đề này có một ý nghĩa rất lớn ở một nước nông nghiệp - củi, than, cỏ v.v. thì hoàn toàn không được trả tiền, mà đơn giản bị trưng dụng. Kết quả là ngân khố của các công quốc thuộc vùng sông Đa-nuýt trống rỗng đến mức người ta chờ đợi sự phá sản của một số giáo khu. Ngoài ra, phải tính vào đó những ngôi nhà bị biến thành bệnh viện và rất nhiều bất động sản mà quý tộc đã trao cho người Nga trông nom, sợ người Thổ Nhĩ Kỳ cướp phá.

Trong bức thư gửi từ A-ten ngày 29 tháng Tám, chúng tôi đọc thấy những dòng sau đây:

"Quốc vương tiếp tục cự tuyệt trả cho Thổ Nhĩ Kỳ bất cứ khoản bồi thường nào. Sự thù ghét đối với quân đội phương Tây tăng lên, và một số lính Pháp đã bị nhân dân đánh chết".

Cần kể cho bạn đọc một đoạn lịch sử ly kỳ về việc các thôn xã Hy Lạp đã bị giải thể như thế nào do ảnh hưởng của Anh, về việc người ta đã áp đặt Ca-pô-đi-xơ-ri lên các thôn xã ấy như thế nào, và về việc toàn thể nhân dân Hy Lạp đã bị mưu mô của huân tước Pan-móc-xơ làm mất tinh thần như thế nào. Ý đồ chân thực của chính phủ Anh thậm chí trong lúc này, khi mà nó can thiệp vào Hy Lạp, đã bộc lộ đầy đủ qua sự chi viện của Anh đối với tướng Ca-léc-ghi-xơ là người, cũng như Ca-pô-đi-xơ-ri, đã sinh ra, lớn lên và đã sống thường xuyên ở Nga.

Huân tước Xơ-rát-phơ Đơ Rết-clíp-phơ và Chính phủ Anh rút cục đã đạt được điều mà họ đã mưu tính từ lâu - đẩy lên cuộc bạo động ở Thổ Nhĩ Kỳ, nếu như không phải ở bộ phận châu Âu của Thổ Nhĩ Kỳ thì ít ra cũng ở A-na-tô-li. Qua tin tức từ Rô-đô-xơ, chúng tôi đã được biết ở bờ biển đối diện với đảo này đã nổ ra cuộc bạo động của bộ tộc miền núi thiện chiến của Thổ Nhĩ Kỳ là bộ tộc người Xây-bếch. Tờ "Journal de Constantinople" số ra ngày 20 tháng Tám, đưa tin rằng tình trạng hỗn loạn ở khu vực này ngày một phát triển. Vì không có quân đội chính quy, nên bọn phiến loạn luôn luôn từ trên núi xuống tập kích, xông vào các làng mạc, thu thuế thập phân, cướp bóc dân cư và các đoàn đi buôn, hãm hiếp phụ nữ và giết bất cứ ai chống lại chúng. Chúng phá rối nhiều hơn cả là ở tỉnh Ma-xtê-sác. Tỉnh trưởng buộc phải chạy từ Ai-đun đến Tia. Đê-ni-xli bị sa vào tay chúng, còn cao tăng Xa-híp- Ê-phen-đi lúc ấy trên đường đi báo cáo tình hình với tổng đốc thì đã bị bắt và chém đầu cùng với người cùng đi. Lực lượng của bọn bạo động đến hàng ngàn. Người ta cho rằng tình trạng rối loạn này sẽ xảy ra là vì những người ba-si-bu-dúc-những kẻ đã kết tội Chính phủ Thổ Nhĩ Kỳ áp bức người Thổ Nhĩ Kỳ và khuất phục trước nước Nga - đã từ Các-xơ và Bai-a-dét quay trở về.

Nhìn qua châu Âu, chúng ta sẽ thấy triệu chứng cách mạng ở Tây Ban Nha, I-ta-li-a, Đan Mạch, các công quốc thuộc vùng sông Đa-nuýt, Hy Lạp, ở bộ phận châu Á của Thổ Nhĩ Kỳ; thậm chí trong hàng ngũ quân đội Pháp ở Vác-na cũng vang lên tiếng thét "A bas les singes!"^{1*}

*Do C.Mác viết ngày 12 tháng Chín 1854
Đã đăng trên tờ "New-York Daily Tribune"
Số 4197, ngày 30 tháng Chín 1854
Ký tên: Các Mác*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Anh*

1*-"Đả đảo lũ khỉ!"

C.MÁC

*** HOẠT ĐỘNG CỦA HẠM ĐỘI ĐỒNG MINH.- TÌNH HÌNH Ở CÁC CÔNG QUỐC THUỘC VÙNG SÔNG ĐA-NUÝP.- TÂY BAN NHA.- NỀN NGOẠI THƯƠNG CỦA ANH**

Luân Đôn, thứ sáu, ngày 15 tháng Chín 1854

Tờ "Moniteur" số ra hôm qua, đã đăng bức điện sau đây:

"*Tê-ra-pi-a*, ngày 7 tháng Chín. Quân Pháp và quân Thổ Nhĩ Kỳ đã xuất phát từ Vác-na ngày 5 tháng Chín. Hạm đội Anh phải hội quân với họ ở đảo Rắn. Thời tiết rất đẹp".

Cụm đầu tiên ấy của quân viễn chinh sẽ xuất phát chậm là vì một cơn bão lớn nổi lên ở Bô-xpho cho mãi đến ngày 27 tháng Tám. Ngày 27 tháng Tám, khi gió đông - bắc chuyển hướng, thì tàu vận tải có thể rời Công-xtăng-ti-nô-plơ tiến vào Hắc Hải. Đảo Rắn (I-la-đê A-đét-xi) là một hòn đảo nhỏ lờm chờm, cách bờ biển Bét-xa-ra-bi-a không xa mấy, hầu như đối diện với cửa sông Đa-nuýp. Chu vi của nó không quá ba dặm Anh. Số quân mãi ngày 5 tháng Chín mới xuất phát thì không thể đổ bộ trước ngày 9 tháng Chín.

Trong một bài của tờ "Moniteur" phân tích triển vọng của cuộc viễn chinh này, người ta thấy một đoạn lý thú sau đây:

"Trong trường hợp" - tờ "Moniteur" viết "*trong trường hợp* nếu như số lượng quân Nga ở Crưm lớn hơn nhiều so với mức chúng ta có thể dự kiến, dựa vào những tin tức nhận được cho tới nay; nếu như lực lượng hiện có ở Xê-va-xtô-pôn có thể tiến hành phòng ngự lâu dài; nếu như gặp phải những khó khăn do mùa thu gây ra; sau hết, nếu như có thể điều động viện binh từ nước Nga đến Crưm, thì lần này chúng ta sẽ đành phải lại đưa quân xuống tàu, còn cuộc tấn công vào Xê-va-xtô-pôn thì sẽ phải lặp lại vào mùa xuân".

Nói tóm lại, nếu "hạm đội lớn mạnh có hàng ngàn phương tiện huỷ diệt" ấy trên đường của mình vấp phải một trở ngại hơi nghiêm trọng nào đó, thì nó tức khắc sẽ quay trở lại Bô-xpho. Dù sao đi nữa, nếu không gặp phải những trở ngại ấy thì lỗi không phải ở liên quân, vì

Nga hoàng đã biết từ nhiều tháng trước về cuộc viễn chinh đang được chuẩn bị, nhưng bị trì hoãn cho đến những ngày cuối cùng của mùa thời tiết tốt trong năm. Về sự tín nhiệm của các thủy thủ đối với các vị chỉ huy của mình, thì có thể thấy được điều đó qua đoạn trích sau đây trong một bức thư gửi từ Công-xtăng-ti-nô-plơ đăng trên tờ "Augsburger Zeitung":

"Trong hạm đội, Xanh -Ác-nô thường được gọi là Phlô-ri-van, đây là bí danh ông ta dùng khi mỗi bước vào nghề sân khấu trong rạp *Am-bi-guy cô-mich* ở Pa ri".

Theo tin tức cuối cùng từ Ham-buốc và Cô-pen-ha-ghen, thì một bộ phận tàu chiến và tàu vận tải chở quân đã đi qua Ben-tơ để trở về Pháp. Tờ "Constitutionnel" của phái Bô-na-pác-tơ đã đăng tài liệu tiết lộ sau đây về trận chiến đấu ở Bô-mác-xun-đơ:

"Hoàng đế Na-pô-lê-ông III không muốn làm mất khoản *khen thưởng* cho hạm đội trung thành với hoàng đế, một sự khen thưởng mà nó đáng được hưởng sau một cuộc hành trình lâu dài và gian khổ như vậy ở biển Ban-tích".

Như vậy Bô-mác-xun-đơ bị pháo kích chỉ là để làm trò giải trí cho lính thủy và là sự nhượng bộ trước sự sốt ruột và nguyện vọng tiêu khiển của các sỹ quan. Hai sự ám chỉ ngăn ngui ấy trên tờ "Moniteur" và "Constitutionnel" đã bóc trần tính chất của chiến tranh một cách rõ ràng hơn tất cả các bài xã luận khoác lác của báo chí chính thức ở Anh.

Theo lệnh của Nga hoàng, tất cả những công trình sư đã tham gia xây dựng cứ điểm Bô-mác-xun-đơ đều bị bắt. Họ sẽ phải ra toà. Một trong những tội danh mà họ bị buộc tội, là công sự phải xây toàn bằng đá hoa cương, nhưng sau khi cứ điểm bị sụp đổ thì người ta phát hiện thấy rằng bên trong tường nhét toàn cát và đá nhỏ. Các viên tư lệnh của tất cả các cứ điểm ở bờ biển vịnh Phần Lan đã nhận được lệnh của Xanh-pê-téc-bua phải kiểm tra hết sức kỹ lưỡng phương pháp cấu trúc những cứ điểm ấy và lập tức báo cáo kết quả kiểm tra. Hiện nay người ta đã xác minh rằng lô - cốt Gu-xtáp-xvéc-nơ ở mũi biển Han - gút đã bị chính quân Nga phá huỷ khi mà Ba-ra-ghe đ' In-li-ê và tướng Giôn- xơ tiến hành trinh sát đã xuất hiện phía trước lô - cốt này. Quân Nga lo sợ

cuộc tấn công vào A-bô, và do đó đã phá huỷ lô- cốt Gu-xtáp-xvéc-nơ để sử dụng quân đội canh giữ lô cốt này vào việc phòng ngự thành phố.

Trước khi chuyển từ biển Ban-tích sang đề tài khác, tôi muốn dẫn ra tin tức sau đây của tờ "Aftonbladet":

"Một phóng viên ở Cô-pen-ha-gen khẳng định rằng ngày 16 tháng Tám, chính phủ Đan Mạch đã cho phép ông T.P.Sáp-nơ đặt đường điện báo từ bắc Mỹ đến Cô-pen-ha-gen qua Gren-lan-di, Ai-xơ-len, quần đảo Pha-réc và Na Uy. Ngày 26 tháng Tám đường giây từ Xtóc-khôm đến Man-ni-ô đã thông, dài 68670 i-ác-dơ".

Một bộ phận báo chí Anh đăng tin điện về chiến thắng mà Sa-min giành được ở một nơi gần Ti-phlít. Báo chí Pháp và Đức không nhắc đến sự việc này. Ngày 4 tháng Chín quân Thổ Nhĩ Kỳ đã vượt sông Đa-nuýp ở Mét - sin và chiếm một hòn đảo ở khoảng giữa cứ điểm này và Brai-lốp. Một bộ phận lớn của hạm đội Thổ Nhĩ Kỳ trên sông Đa-nuýp cũng đã thả neo ở gần Mét -sin. Quân Thổ Nhĩ Kỳ phải chiếm Brai-lốp vào ngày 5 tháng Chín. Đáng chú ý đến bản bố cáo của tướng Cru-den-stéc-nơ dán ở Ô-dét-xa ngày 30 tháng Tám, trong đó báo trước cho dân chúng biết rằng họ không được cản trở -nếu không sẽ bị trừng phạt nặng nề - việc thiêu huỷ thành phố, nếu như quân đội thấy cần thi hành biện pháp đó để bảo vệ đất nước. Ngoài ra, các nhà đương cục Nga tại tất cả các huyện ở Bét-xa-ra-bi-a đã ra lệnh thiêu huỷ các thành phố và các làng mạc khi quân địch đến gần. Mệnh lệnh này càng buồn cười, vì người Nga biết rất rõ rằng người Ru-ma-ni ở Bét-xa-ra-bi-a sẽ luyến tiếc cuộc rút lui ấy của người Nga không nhiều hơn sự luyến tiếc của người Ru-ma-ni ở Va-la-ki và Môn-da-vi-a đối với cuộc rút lui ấy.

Tôi đã viết về những hoàn cảnh trong đó diễn ra sự sáp nhập dân quân Va-la-ki và Môn-da-vi-a vào quân đội Nga. Hôm nay các tờ báo Anh đăng bài tường thuật tởm về sự kiện xảy ra ngày 28 tháng Tám giữa ông Bút-béc-gơ và sĩ quan dân quân Ru-ma-ni; khi kết thúc cuộc nói chuyện, đại úy Phi-lip-pe-xcô tuyên bố trước mặt viên tướng Nga rằng người Va-la-ki coi vua Thổ Nhĩ Kỳ là thiên tử duy nhất của mình. Đương nhiên, ông ta bị bắt cùng với hai sĩ quan nữa đã dám phản đối cũng như thế. Dưới đây chúng tôi xin dẫn ra bản tin đăng trên tờ "Presse" ở Pari, số ra hôm nay, nói về sự kiện ngày 29 tháng Tám khi

chiến dịch của quân Nga ở các công quốc thuộc vùng sông Đa-nuýp đã kết thúc một cách vinh quang như thế:

"Việc bắt đại úy Phi-lip-pe-xcô và hai sĩ quan khác dám cả gan chống lệnh của tướng Bút-béc-gơ đã gây ra sự công phẫn mãnh liệt trong hàng ngũ dân quân Môn-da-vi-a và tăng thêm tâm lý của họ không muốn phục vụ quân đội Nga. Ngày 29 tháng Tám, sắp sửa đến giờ quy định cho cuộc duyệt binh, thống lĩnh Máp-rô-coóc-da-tô đến doanh trại kỵ binh đối diện với dinh chính phủ. Sự ngạc nhiên và hoảng sợ của ông ta thật lớn biết nhường nào khi ông không thấy một ai trong doanh trại. Binh sĩ đáng lẽ phải thẳng yên cho ngựa để chuẩn bị duyệt binh, thì đã chạy sạch khỏi chuồng ngựa, vút lại tại chỗ vũ khí và đồ dùng quân sự. Viên thống lĩnh ngờ nghệ dại và đến doanh trại pháo binh, nơi đây sự bất ngờ mới lại đang chờ đợi ông ta. Pháo xếp tại chỗ trên bãi tập nhưng người đã biến mất. Máp-rô-coóc-da-tô trong cơn tuyệt vọng đã hình dung thấy mình bị đẩy đi Xi-bia. Nhưng ông ta đã tập hợp được khoảng ba chục pháo thủ, ông ta run bắn người vì tức giận và sợ hãi và đã ra lệnh cho họ thẳng ngựa và kéo pháo ra quảng trường, nơi quy định sẽ tiến hành cuộc duyệt binh. "Cứ để chúng dùng vũ lực lôi bọn chúng tôi ra đây, - họ thét tướng lên - chúng tôi không phục tùng mệnh lệnh của người Nga". Vừa nói họ vừa khóa cổng trại lại. Vào giờ phút ấy, trên quảng trường trống vang lên từng hồi. Đây là toàn bộ sư đoàn của Ô-xten-Xa-ken gồm có 12 tiểu đoàn bộ binh, một trung đoàn long kỵ và ba tiểu đoàn pháo binh. Bố trí xong các trạm gác trên tất cả các đường phố, sư đoàn chỉnh đốn hàng ngũ và bao vây hoàn toàn dinh chính phủ và doanh trại của kỵ binh Môn-da-vi-a. 60 kỵ binh Môn-da-vi-a bị bắt quay lại đã xếp thành hàng ngũ trước doanh trại. Đối diện với họ là 12000 quân Nga gồm bộ binh, kỵ binh và pháo binh. Ô-xten-Xa-ken xuất hiện có tướng Bút-béc-gơ và một đội hộ vệ đồng hành đi theo. Quân đội Nga triển khai thành đội hình hàng dọc, lưỡi lê tuốt trần, diễu binh trước các vị tướng lĩnh của mình với những tiếng tung hô "U-ra". Sau đó họ xếp thành đội hình vuông với kỵ binh Môn-da-vi-a 150 i-ác-dơ. Lệnh nạp đạn được ban ra. Binh sĩ Nga làm dấu thánh giá rồi chấp hành mệnh lệnh. Sau đó họ được lệnh ngấm vào 60 người Môn-da-vi-a. Khi việc đó đã được thực hiện, Ô-xten-Xa-ken cùng đội hộ vệ của mình tiến đến sát một toán dân quân Môn-da-vi-a và kêu gọi họ tiến theo đội quân của mình, đe dọa rằng nếu cự tuyệt họ sẽ xử bắn hết. Đáp lại lời kêu gọi đó là sự im lặng dài. Sự kích động ghê gớm đã xâm chiếm đám người tụ tập ở quảng trường. Nhưng rồi một người Môn-da-vi-a từ trong hàng thúc ngựa chạy ra và nói với viên tướng Nga bằng một giọng bình tĩnh: "Chúng tôi là những binh sĩ Môn-da-vi-a - anh ta nói - và nghĩa vụ của chúng tôi là bảo vệ tổ quốc mình, chứ không phải chiến đấu cho người nước ngoài. Các ông muốn làm gì chúng tôi thì làm. Chúng tôi không đi với các ông". "Các ông có thể giết chúng tôi, nhưng chúng tôi không đi với các ông", 60 binh sĩ đồng thanh nhắc lại. Nghe câu trả lời táo bạo ấy, Ô-xten-Xa-ken ra lệnh cho họ xuống ngựa và bỏ vũ khí, như thể ông ta định lập tức hạ lệnh xử tử họ. Họ phục tùng, sẵn sàng hy sinh. Nhanh như chớp, hàng ngàn binh sĩ bao vây họ, lao vào họ và bắt giữ họ. Lập xong chiến công ấy, binh sĩ tiến về trại pháo binh Môn-da-vi-a, trong đó còn có 30 người nấp sau những cánh cổng đã khoá. Binh sĩ phá cổng xông vào trại; một cuộc

vật lộn xảy ra và kẻ địch có ưu thế binh lực áp đảo đã cầm tù được đám pháo thủ. Họ bị giải đi vội vã, luôn luôn bị thóa mạ và bị đe dọa giết chết. Họ vẫn thản nhiên. Chỉ có một người trong họ, một thiếu úy kỵ binh trẻ 22 tuổi, mất ánh lên lửa căm giận, tiến đến sát tướng Vran-ghen, phanh ngực ra thét lớn: "Ngực tôi đây. Ngài hãy dùng đạn bắn thủng nó đi, nếu Ngài dám làm như thế". Viên tướng đã không dám làm việc đó. Thiếu úy kỵ binh và đồng đội của anh bị tước vũ khí và áp giải giữa hai hàng lê đến doanh trại của Ô-xten-Xa-ken ở bên ngoài cửa Giát-xi. Sau này số phận họ ra sao thì không ai biết cả. Còn như ba sỹ quan bị bắt tối hôm đầu, thì nhiều người lo rằng họ sẽ bị xử bắn. Cũng tối hôm đó, quân Nga bao vây nơi đóng quân của một trung đoàn bộ binh Môn-da-vi-a, nhưng chỉ gặp có 150 người, số còn lại đã kịp chốn được. Cư dân Giát-xi lớn tiếng nguyện rửa những kẻ bảo hộ mình. 12000 quân Nga với ba khẩu đội pháo binh đã cầm tù và tước vũ khí 60 kỵ binh, 30 pháo thủ và 150 lính bộ binh. Đây là thắng lợi duy nhất đánh dấu chiến dịch của quân Nga tại các công quốc thuộc vùng sông Đa-nuýp.

Trong một bài trước đây, tôi đã nhắc đến lệnh của Ô-me-rô-pa-sa cấm phân phát bản tuyên ngôn của nước Áo của tướng Hét-xơ. Bây giờ mới rõ nguyên nhân của sự cấm đoán ấy: bản tuyên ngôn đề nghị nhà cầm quyền Va-la-ki tiếp xúc với bộ chỉ huy quân Áo về mọi vấn đề. Ô-me-rô-pa-sa đánh tiếng cho tướng Hét-xơ biết rằng tướng Hét-xơ không nên can thiệp vào những vấn đề quản lý dân sự của xứ Va-la-ki thuộc thẩm quyền của ông (Ô-me-rô-pa-sa). Vì tướng Hét-xơ đưa ra bản tuyên ngôn chỉ là để thăm dò xem ông ta có thể đi xa đến đâu, cho nên ông ta đã xin lỗi về đoạn đã gây ra sự phản đối, và để chứng minh với Ô-me-rô-pa-sa rằng đã xảy ra sự nhầm lẫn, Hét-xơ đã cho Ô-me-rô-pa-sa xem nguyên bản tiếng Đức của bản tuyên ngôn, trong đó đề nghị nhà đương cục Va-la-ki tiếp xúc với phụ tá của ông chỉ về những vấn đề có liên quan đến quân đội Áo. Ô-me-rô-pa-sa cũng ngăn chặn tướng Áo Pô-pô-vích là người đã tiến vào Bu-ca-rét ngày 3 tháng Chín với đơn vị tiền quân của quân Áo và lập tức hành động ở đấy theo kiểu của Hay-nau. Dân cư Va-la-ki hoan nghênh sự chiếm đóng của quân Áo trên mức độ thế nào, thì có thể thấy điều đó qua đoạn trích sau đây trên tờ "Daily News" số ra hôm nay:

"Nhiều làng mạc dọc đường quân Áo phải đi qua, dân cư đã bỏ đi, mang theo toàn bộ tài sản của mình vì sợ rằng họ sẽ phải cung cấp lương thực hoặc phương tiện vận chuyển, nhưng đổi lại sẽ chỉ nhận được tiền giấy mà giá trị thực tế chỉ bằng nửa giá trị danh nghĩa. Kết quả là lương thực cho quân Áo phải chuyển từ Bu-ca-rét, cách 20 hoặc thậm chí 30 dặm Anh".

Không nghi ngờ gì nữa, chính những việc bỉ ổi xảy ra ở các công quốc thuộc vùng sông Đa - nuýp - *thành quả của nền ngoại giao Anh* - đã

gợi ý cho tờ "Economist" có đầu óc tỉnh táo đăng lên một bài báo mà tác giả của nó dựa vào một số sai lầm tương đối nhỏ nhặt của giới ngoại giao Mỹ ở châu Âu để có sự phân biệt như sau giữa nền ngoại giao Anh và nền ngoại giao Mỹ:

"Chúng ta không hề nghi ngờ rằng ở Mỹ cũng như ở nước ta không thiếu gì những người có thể biểu hiện tình cảm cao thượng, tuân thủ nghiêm chỉnh quy tắc xử sự và hiểu rõ nghĩa vụ của mình đối với người khác. Sự khác nhau giữa chúng ta- và cũng là sự không may của những người anh em Mỹ của chúng ta- ở chỗ là tại bên kia bờ Đại Tây Dương những con người ấy không bầu ra chính phủ, không có ảnh hưởng đối với toàn dân và *không quyết định tiếng nói của báo chí*. Ở nước chúng ta, chính quyền nằm trong tay các *giai cấp thượng lưu* có học vấn. Ở Hợp chúng quốc Mỹ quân chúng nắm quyền điều khiển; ở đấy đám dân đen nhân danh dân tộc để tiếm đoạt quyền ăn nói; dân đen chi phối ngôn luận và hành động, họ bầu ra chính phủ, và chính phủ ấy phải phục vụ họ; họ ủng hộ báo chí và báo chí phải chiều theo ý họ; tóm lại, tất cả mọi cái được viết ra và được làm, đều phải phù hợp với thị hiếu và nguyện vọng của dân đen".

Tên đầy tớ của bọn kinh doanh chúng khoáng viết như thế đấy, tuồng như thể nền ngoại giao Anh không phải là một mớ những hành động bỉ ổi, tuồng như thể "các đáng trọng phu" ấy, được bổ nhiệm là nhờ viên chủ bút tờ "Economist" là ông Uyn-xơn và nhờ cấp trên của ông ta là ông Glát-xtôn, lại không bị vạch mặt trước nghị viện về tội bịp bợm, lừa đảo và ăn cắp.

Từ Tây Ban Nha chỉ lọt về những tin tức ít ỏi. Ngày 8 tháng Chín hội đồng tư vấn Ma-đrít rút cục đã giải tán. Trước khi giải tán, Hội đồng nhiếp chính Xê-vi-li-a đã kiên quyết phản kháng chính sách phản động của chính phủ trung ương. Phái dân chủ Ca-ta-lô-ni đã ra bản tuyên ngôn phản đối tướng Prim là người không muốn mất phần trong việc chia chiến lợi phẩm, từ nước Thổ Nhĩ Kỳ đã bày tỏ thái độ ủng hộ của mình đối với chính phủ hiện nay. Năm 1843 Prim đã chuốc lấy sự thù ghét của người Ca-ta-lô-ni bằng cuộc vây đánh thành Phi-hê - rất kèm theo những hành động bạo ngược ghê tởm chỉ bắt nguồn từ sự tức giận cao độ của những kẻ vây đánh trước sự bảo vệ cứ điểm một cách anh dũng của một đơn vị tương đối nhỏ dưới quyền chỉ huy của A-mét-lê. Bấy giờ người ta bảo rằng Prim là "một con người hiếu danh đến tột cùng đã bị mê mẩn trước chiến tích ngẫu nhiên và trước tước hiệu bá tước và quân hàm trung tướng mà ông ta nhận được".

Tờ "Época" đưa tin rằng ngày 7 tháng Chín ở A-ran-hu-ê-xơ đã xảy ra xung đột vũ trang giữa đội vệ binh quốc gia với một đơn vị không rõ thuộc phái Các - lốt hay phái cộng hòa. Mặc dù thoát nhìn thì thắng lợi của phe phản động vừa nhanh chóng vừa có tính chất quyết định, song báo chí phản cách mạng vẫn để lộ ra sự lo lắng rằng có thể tình hình Tây Ban Nha vẫn chưa ổn.

Trong bản báo cáo vừa mới công bố về thương mại và hàng hải, điều đáng chú ý là những số liệu sau đây²⁸²:

Tổng giá trị được công bố về xuất khẩu các sản phẩm và thành phẩm công nghiệp của Anh và Ai-rơ-len trong những năm 1831, 1842 và 1853
(tính bằng pao xtéc-linh)

	Năm 1831	Năm 1842	Năm 1853
<i>Xuất khẩu sang nước ngoài</i>			
Nước Nga, các hải cảng miền Bắc và ở Hắc Hải	1195565	1885953	1228400
Thụy Điển và NaUy	115707	334017	556183
Đan Mạch	92294	194304	569733
Phổ	192816	376651	579588
Han-nô-vơ và Đồng minh Han-dơ	3642952	6202700	7565493
Hàlan		3573362	4482955
và	2082536		
Bỉ		1099490	1371817
Pháp	602688	3193939	2636330
Bồ Đào Nha	975991	947855	1210411
Quần đảo A-dốp và Ma-dây-ra	80698	64909	124971
Tây Ban Nha và quần đảo			
Ba-lê-a-rơ	597848	322614	1360719
Quần đảo Ca-na	33282	54554	107638
I-ta-li-a:			

	Năm 1831	Năm 1842	Năm 1853
Xác-di-ni			1112447
Công quốc Tô-xca-nơ			639794
Khu giáo hoàng	2490376	2494197	207491
Na-plơ và Xi-xin			639544
Lãnh địa Áo			637353
Hy Lạp			135315
Thổ Nhĩ Kỳ	899100	1489826	2029305
Va-la-ki và Môn-đa-vi-a			179510
Xi-ri và Pa-le-xtin		375551	306580
Ai Cập	122832	221003	787111
Ma-rốc	426	41952	75257
Thuộc địa của Pháp ở Xê-nê-gam-bi-a	-	-	1725
Bờ biển phía tây châu Phi	234768	459685	617764
Gia-va và Xu-ma-tơ-ra	285296	306132	558212
Phi-líp-pin	39513	47019	386552
Trung Quốc	519443	969381	1373689
Cu-ba	663531	711938	1124864
Ha-i-ti	376103	141896	133804
Hợp chúng quốc Mỹ và Ca-li-phoóc-ni-a	9053583	3585381	23658427
Mê-hi-cô	728858	374969	791940
Tân Gra-na-đa			450804
Vê-nê-xu-ê-la	248250	231711	248190
Bra-xin	1238371	1756805	3186407
U-ru-goay			529883
Bu-ê-nốt Ai-rét	339870	969791	551035
Chi-lê	654617	950468	1264942
Pê-ru	409003	684013	1246730
Các nước khác	215	7223	912662
Tổng xuất khẩu sang nước ngoài	26909432	34119587	65551579

	Năm 1831	Năm 1842	Năm 1853
<i>Xuất khẩu sang các thuộc địa Anh</i>			
Quần đảo Noóc-măng	324634	364350	470107
Gi-bran-ta	367285	937719	670840
Man-tơ	134519	289304	297906
Quần đảo I-ô-niêng	50883	83600	116567
Nam Phi	257245	369076	1212630
Đảo Mô-ri-xơ	148475	244922	385879
Đông Ấn	3857969	5169888	8185695
Hồng Công	-	-	357908
Úc	403223	998952	14513700
Thuộc địa Bắc Mỹ	2089327	2333525	4898544
Tây Ấn	2583949	2591425	1906639
Các thuộc địa khác	39431	18675	347787
Tổng xuất khẩu sang các thuộc địa Anh	10254940	13261436	33382202
Tổng xuất khẩu sang các thuộc địa Anh và sang các nước ngoài	37164372	47381023	98933781

Tờ "Economist" chọn năm 1842 để nhấn mạnh ưu điểm của việc thi hành chính sách mậu dịch tự do²⁸³ từ năm ấy; nhưng với sự ngây thơ vốn có, nó quên rằng năm 1842 là năm mậu dịch tiêu điều, còn năm 1853 mới là năm phồn vinh nhất. Nếu số xuất khẩu của Anh tăng lên là nhờ phép mầu nhiệm của mậu dịch tự do, thì sự chứng minh tốt nhất cho điều đó phải là sự so sánh con số xuất khẩu sang các nước vẫn duy trì chế độ thuế quan bảo hộ nghiêm ngặt, như nước Nga và nước Pháp, hơn nữa, nước thứ nhất trong số những nước ấy đã tăng xuất khẩu của mình sang Anh nhiều hơn các nước khác và chịu ảnh hưởng của nền mậu dịch tự do của Anh nhiều hơn là các nước khác. Nhưng, sự thật thì số xuất khẩu sang cả hai nước ấy đều giảm sút.

Số xuất khẩu sang Nga	năm 1853	là 1106776 p.xt.
	năm 1831	1195565 p.xt.
Số xuất khẩu sang Pháp	năm 1853	là 2636330 p.xt.
	năm 1842	3193933 p.xt.

Tổng giá trị xuất khẩu của Anh trong 7 tháng tính đến ngày 5 tháng Tám 1854 đã tăng lên so với cùng thời kỳ ấy trong năm 1853, vì giá kim loại tăng lên; nhưng số xuất khẩu về những thành phẩm công nghiệp quan trọng nhất khác của Anh thì đã giảm nhiều, mà ta có thể thấy qua bảng dưới đây:

	Năm 1853 (tính theo p.xt.)	Năm 1854 (tính theo p.xt.)
Hàng dệt bằng gai	2650150	2456953
Sợi gai	646578	581752
Hàng dệt bằng tơ	965345	834275
Tơ cuộn	132689	120890
Hàng dệt bằng len	3741261	3731453
Hàng vải dệt bông	15515224	14762981
Sợi bông	3897080	3838393

Những con số về hàng dệt bằng vải bông càng có sức thuyết phục, vì số lượng xuất khẩu tăng lên, trong khi đó số tiền thu được nhờ xuất khẩu lại giảm đi. Năm 1854 đã xuất khẩu được 981994130 i-ác-đơ hàng vải bông, không kể hàng thêu ren và tuyn, trong khi đó vào năm 1853 chỉ xuất khẩu được cả thảy 969293663 i-ác-đơ.

*Do C.Mác viết ngày 15 tháng Chín 1854
Đã đăng trên tờ "New-York Daily Tribune"
số 4198, ngày 2 tháng Mười 1854
Ký tên: Các Mác*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Anh
In bằng tiếng Nga lần đầu*

PH. ĂNG-GHEN

CUỘC TẤN CÔNG VÀO XÊ-VA-XTÔ-PÔN

Quân Anh và quân Pháp rút cục hình như đã có được khả năng giáng một đòn nặng vào sự hùng mạnh và uy tín của Nga, cho nên chúng ta theo dõi, với một hứng thú mới, cuộc tiến quân đến Xê-va-xtô-pôn, mà những tin tức gần đây về cuộc tiến quân ấy được đăng trong số báo này. Dĩ nhiên, báo chí Pháp và Anh ra sức bàn luận nhiều về hành động này và nếu tin theo các báo chí ấy, thì đó là một hành động vĩ đại chưa từng có trong lịch sử nghệ thuật quân sự; nhưng người ta không thể lừa dối nổi những người đã hiểu rõ sự thực, đã chứng kiến sự chậm chạp khó hiểu và những lý do thoái thác vô ý nghĩa vào thời gian bắt đầu cuộc viễn chinh này, cũng như mọi tình huống diễn ra trước và trong cuộc viễn chinh này. Dù kết cục của hành động này có vẻ vang đi nữa, thì sự mở đầu của nó vẫn hết sức nhục nhã.

Chúng ta hãy theo dõi quá trình hoạt động của liên quân ở Thổ Nhĩ Kỳ. Ban đầu, các chiến sĩ rất anh dũng, nhưng cũng hết sức thận trọng ấy định đổ bộ lên Ê-nô-xơ, về phía bên này của eo biển Đắc-đa-nen, và chỉ tiếp cận bán đảo khi nào thấy rõ là hoàn toàn không nguy hiểm gì cả. Nhưng trước khi lập chiến công anh dũng ấy, họ đã tỏ rõ dũng khí bất ngờ, mạo hiểm đổ bộ lên Ha-li-pô-li, ở Khéc-xô-nét Phra-ki-a. Nhưng họ làm như vậy chỉ là để hoàn thành trong một thời gian ngắn việc bố trí tuyến phòng ngự chạy ngang bán đảo và nhờ đó mà tạo cho mình cái cần thiết nhất là căn cứ tác chiến. Trong suốt thời gian đó, trên sông Đa-nuýp, quân Thổ Nhĩ Kỳ phải luôn luôn đương đầu với kẻ địch đáng sợ, mà sự có mặt của kẻ địch ấy ở Va-la-ki trở thành cái cớ cho liên quân giở những mảnh lối khôn khéo của mình, và cần nói rằng quân Thổ Nhĩ Kỳ đã chống cự với quân địch khá thành công. Nhưng tàu thuyền và quân lính càng kéo đến, thì càng thấy rõ Đắc-đa-nen và bán đảo không chứa nổi tất cả được. Thế là bản kế hoạch uyên thâm,

mà Luân Đôn và Pa-ri đã vạch ra, đã để lộ một thiếu sót mới. Giờ đây một bộ phận quân đội buộc phải vượt nguy hiểm, liều mạng đổ bộ vào nơi bị uy hiếp nhất là Công-xtăng-ti-nô-plơ! Để cải thiện tình hình, họ bắt tay ngay vào công việc củng cố thành phố này. May thay, tất cả việc đó đã mất đi không ít thời gian, và do đó đã đạt được mục đích chính: không tranh thủ được thời gian, mà là lãng phí thời gian. Về sau mới phát hiện rằng, có thể cử một sư đoàn đến đóng giữ Vác-na mà không gặp nguy hiểm gì lắm, vì quân Thổ Nhĩ Kỳ đã bảo vệ một cách vẻ vang Vác-na năm 1828, từ đó chắc đã đạt được những bước tiến trong việc nắm vững kỷ luật châu Âu, đến mức là không thể tin tưởng trao cho họ việc bảo vệ một địa điểm như thế. Thế là một sư đoàn được phái đến Véc-na, và tiếp sau là một hoặc hai sư đoàn nữa. Sau cùng, khi không còn lý do gì để lưu quân đội ở lại Bô-xpho nữa, toàn bộ đại quân của liên quân mới ung dung tập trung tại Vác-na. Việc này xảy ra đúng vào lúc quân đội Áo, như mây đen mang giông tố, xuất hiện ở bên sườn và ở phía sau lưng quân Nga, do đó, cũng đúng vào lúc mà nhờ những mảnh khoé chính trị, căn cứ tác chiến của liên quân cũng đột nhiên chuyển từ Công-xtăng-ti-nô-plơ đến Tơ-ran-xin-va-ni và Ga-li-xi. Nếu không như vậy thì có thể nói chắc chắn rằng Bun-ga-ri sẽ không bao giờ nhìn thấy liên quân. Hành động của liên quân trong thời gian Xi-li-xtơ-ri bị vây hãm có thể chứng minh cho điều đó. Ai nấy đều biết, đây là bước ngoặt của toàn bộ chiến dịch; trong lúc mà hai bên đều dốc toàn bộ lực lượng đến cao độ, thì bên nào hơi chiếm ưu thế một chút là, mười phần chắc chín, có thể quyết định vấn đề có lợi cho mình. Trong giờ phút diễn ra cuộc vây hãm có ý nghĩa quyết định ấy, 20000 lính Anh và 30000 lính Pháp - "Tinh hoa của hai quân đội" - lại dừng lại ở một nơi chỉ cách cứ điểm có mấy ngày đường, ung dung hút thuốc lá, chuẩn bị chiến đấu với bệnh dịch tả. Nếu như không có sự chết chóc khủng khiếp do chứng bệnh ấy gây ra trong hàng ngũ quân Nga và nếu như không có một nhóm người Ác-na-út đào hào chống cự, giữa vòng bom đạn, đã cố thủ và biểu hiện một tinh thần anh dũng lạ thường, thì Xi-li-xtơ-ri đã rơi vào tay địch. Một quân đội có thể cứu viện dễ dàng cho đồng minh của mình, mà lại hèn nhát bỏ mặc họ cho số phận định đoạt, thì đây quả là việc có một không hai trong lịch sử chiến tranh. Bất cứ cuộc viễn chinh nào đến Crưm, bất cứ thắng lợi nào đều không

rửa sạch được vết nhơ đó của những vị tướng lĩnh của quân đội Pháp và Anh. Nếu như lão tướng Bluy-khơ, sau trận thất bại mà ông vấp phải ở Li-nhi hai ngày trước trận Oa-téc-lô, không tỏ ra có tinh thần phụ trách cao hơn Ra-glan và Xanh-Ác-nô thì quân Anh ở Oa-téc-lô sẽ ra sao?²⁸⁴

Nhóm người Ác-na-út, chiến đấu trong chiến hào A-ráp Ta-bi-a, đã tỏ ra hoàn toàn tương xứng với quân Nga về mặt nhanh nhẹn, mưu trí linh hoạt và tinh thần chiến đấu dũng cảm. Quân Nga bị đánh bật sang bên kia sông Đa-nuýp không phải bởi một đội quân nào đến giải vây cho cứ điểm. Sự ngu xuẩn của bản thân họ, tinh thần anh dũng của quân phòng thủ, bệnh sốt rét cơn, sức ép thụ động của quân Áo ở sông Đni-e-xtơ-rơ và của liên quân ở sông Đép-ni-a (vì ai có thể ngờ được rằng họ sẽ hành động ra sao?), - chính tất cả những cái đó rút cục đã buộc quân Nga bỏ dở cuộc vây hãm, ngừng toàn bộ chiến dịch, bỏ các công quốc thuộc vùng sông Đa-nuýp và bỏ Đô-brút-gia. Sau thắng lợi to lớn ấy, các tướng lĩnh của liên quân, dĩ nhiên, muốn lợi dụng nó cho hoạt động sau này, song phải phù hợp với yêu cầu của phương châm chiến lược mà trước họ vẫn vận dụng rất có hiệu quả. Vì vậy huân tước Các-đi-gan xuất quân kỵ binh Anh hành quân trinh sát sông Đa-nuýp, lúc đó họ không trông thấy quân Nga, mà lại mất nhiều ngựa và chẳng thu được kết quả gì, ngoài việc mang về bệnh tật và làm trò cười cho thiên hạ. Còn tướng Ê-xpi-nắc, nổi tiếng chủ yếu ở việc phản bội Quốc hội ngày 2 tháng Chạp 1851²⁸⁵ thì xuất quân dẫn sư đoàn của mình đến Đô-brút-gia, toàn bộ thắng lợi của ông ta là mấy trung đoàn bộ binh tinh nhuệ bị bệnh dịch tả tiêu diệt tới một nửa và đem vi trùng dịch tả về doanh trại liên quân. Vậy là, cái nạn dịch tả lớn hoành hành sau đó trong doanh trại của liên quân ở Vác-na là sự trừng phạt đích đáng đối với cái mách lới chiến lược khôn khéo của họ. Hàng ngàn binh lính đã chết trước khi trông thấy quân thù; họ lăn ra chết như đàn ruồi trong doanh trại, nơi mà họ đã an nhàn sống cuộc đời khá xa hoa. Hậu quả của nó là sự sa sút tinh thần, thái độ không tín nhiệm chỉ huy và sự lỏng lẻo về tổ chức, - tình hình đó trong quân đội Anh không nghiêm trọng bằng quân đội Pháp, vì quân đội Anh bị hại nhẹ hơn và có sức đề kháng lớn, còn tính cách dân tộc của người Pháp làm cho họ dễ chịu ảnh hưởng đó hơn, nhất là khi những người chỉ uy của họ giữ họ

trong tình trạng ăn không ngồi rồi. Nhưng, những gì biểu hiện ra trong các cuộc biến loạn xảy ra hiện nay trong quân đội Pháp, thì đó chỉ là kết quả tự nhiên của những điều kiện không bình thường, mà trong đó quân đội đã sống từ năm 1849 đến nay. Giai cấp tư sản đã dạy cho binh sĩ Pháp - là người đã cứu vớt giai cấp ấy thoát khỏi những sự khủng khiếp của cách mạng - tự coi mình là cứu tinh của dân tộc và của xã hội nói chung. Lu-i Bô-na-pác-tơ đã nuông chiều họ, coi họ là lực lượng đã khôi phục đế chế. Binh sĩ luôn luôn được dung túng, nên đã học đòi ra lệnh và quên rằng phải phục tùng. Người ta đã làm cho họ cảm thấy rằng họ đứng trên những nhân vật dân sự và họ nhanh chóng tự cao, cho rằng ít ra họ cũng chẳng kém người chỉ huy của mình về mặt nào cả. Người ta cố sức làm cho họ trở thành quân ngự lâm, nhưng lịch sử bao giờ cũng dạy người ta rằng quân ngự lâm là những người lính tồi bại. Họ bắt đầu bằng việc chỉ huy các nhân vật dân sự, rồi mưu toan buộc các viên tướng của mình phục tùng ý muốn của họ, và cuối cùng họ nhận được bài học đích đáng.

Nhưng hãy xem tình hình Vác-na ra sao. Khi mà từng tiểu đoàn mệt lử nằm trên bãi cát nóng bỏng và quằn quại với nỗi đau đớn của bệnh dịch tả, thì những người lính cũ đem so sánh những nhà phiêu lưu, hiện đang chỉ huy họ, với những người chỉ huy cũ đã dẫn dắt họ một cách thành công qua cuộc viễn chinh năm nào ở châu Phi, mà hiện nay bị các vị anh hùng của đế quốc hiện tại suy tàn²⁸⁶ rất coi thường. Châu Phi là xứ nóng hơn Bun-ga-ri, còn Xa-ha-ra là nơi kém thoải mái hơn rất nhiều ngay cả so với Đô-brút-gia. Nhưng suốt thời kỳ chinh phục châu Phi, số tử vong chưa bao giờ cao bằng thời kỳ đóng quân yên ổn trên bờ sông Đép-ni-a hoặc trong cuộc hành quân trinh sát dễ dàng ở xung quanh Quy-xten-gi. Ca-ve-nhắc, Bê-đô, Săng-gác-ni-ê, La-mô-ri-xi-e đã chỉ huy họ trong hoàn cảnh nguy hiểm hơn nhiều, nhưng lại tổn thất ít hơn nhiều; cố nhiên, việc đó xảy ra khi Ê-xpi-nắc và Lơ-roa Xanh-Ác-nô còn chưa có tiếng tăm gì, mà sau này họ sở dĩ nổi tiếng là nhờ vào sự dễ tiện về chính trị. Vì vậy, lính du-a-vơ, đại biểu chính của quân đội châu Phi, những người đánh giỏi nhất và quen mùi thuốc súng nhất đã công phần đồng thanh hô lớn: "A bas les singes! Il nous faut Lamoricière!" - "Đả đảo bọn khỉ! Chúng tôi cần có

La-mô-ri-xi-e!". Đức hoàng đế Na-pô-lê-ông III, tác giả chính của bức biếm họa trang trọng ấy về quá khứ vĩ đại, có lẽ đã cảm thấy rằng tiếng thét của lính du-a-vơ là "sự mở đầu của sự diệt vong" của mình. Ở Vác-na, tiếng thét đó đã gây ra một tác dụng thần kỳ. Có thể nói rằng, nó là nguyên nhân chính của cuộc viễn chinh đến Crum.

Qua kinh nghiệm của chiến dịch mùa hè ấy, hay đúng hơn, của cuộc du lịch từ Ha-li-pô-li đến Xcu-ta-ri, từ Xcu-ta-ri đến Vác-na, từ Vác-na đến sông Đép-ni-a và A-la-danh rồi quay trở về, thì đừng mong chúng tôi sẽ thực sự tin vào những lời biện bạch mà bộ tư lệnh liên quân đưa ra để cắt nghĩa vì sao cuộc viễn chinh bị trì hoãn lâu như vậy, cuối cùng lại được tiến hành hấp tấp như thế. Chỉ cần đưa ra một ví dụ là đủ chứng minh những lời biện bạch ấy có giá trị như thế nào. Người ta bảo rằng sở dĩ phải hoãn lại là vì pháo binh công thành của Pháp chưa tới. Nhưng khi bệnh dịch tả hoành hành và Lơ-roa Xanh-Ác-nô thấy rằng giờ đây phải đưa con chủ bài ra, không thể chậm trễ được nữa, thì ông ta liền yêu cầu Công-xtăng-ti-nô-plơ điều pháo công thành và đạn dược của Thổ Nhĩ Kỳ và tất cả những thứ đó đã được chuẩn bị sẵn sàng và bốc xếp lên thuyền trong một thời gian ngắn; và nếu như bấy giờ pháo binh công thành của Pháp chưa đến thì các con tàu vẫn có thể nhổ neo không cần chờ họ. Nhưng pháo công thành của Thổ Nhĩ Kỳ đã chuẩn bị sẵn sàng không phải chỉ một tháng trước đây, điều đó chứng minh rằng mọi sự trì hoãn trước đây đều không cần thiết.

Như vậy đủ thấy rằng, cuộc viễn chinh Crum được tuyên truyền khoác lác, với 600 hạm tàu, 6 vạn binh sĩ, 3 đơn vị pháo binh công thành và với một số lượng pháo đã chiến mà trời cũng không biết được số lượng là bao nhiêu, - cuộc viễn chinh ấy hoàn toàn không phải là kết quả có suy tính kỹ càng của những hoạt động quân sự tài nghệ, được chuẩn bị trước đúng lúc và một cách khoa học, mà chỉ là một coup de tête^{1*} bất buộc phải tiến hành để cứu Lơ-roa Xanh-Ác-nô khỏi sự trừng phạt của binh sĩ của chính ông ta. Lão huân tước Ra-glan hiền lành và nhân hậu càng ít có thể phản đối kế hoạch ấy, vì bất cứ sự trì hoãn thêm nào đều có thể đẩy quân đội của ông ta vào tình trạng vô kỷ luật và tuyệt vọng đã xâm chiếm quân đội Pháp.

1* - hành động hấp tấp

"*Sự trở trêu của lịch sử*", mà một trước tác gia Đức^{1*} đã nói đến, không chỉ biểu hiện trong quá khứ, nó còn biểu hiện cả trong các sự kiện hiện nay, và giờ đây huân tước Ra-glan đáng thương là vật hy sinh của nó. Còn Lơ-roa Xanh-Ác-nô thì xưa nay chưa có ai coi ông ta là một vị tổng tư lệnh cả. Từ lâu lắm rồi ông ta đã nổi tiếng là đại biểu của bọn cận bã xã hội, là khách quen của các ổ lưu manh, nơi đây ông ta đánh bạn với bọn trộm cắp và bọn gian phi, là kẻ đồng lõa chân chính của cái con người đã tham gia cuộc viễn chinh Bu-lô-nhơ²⁸⁷ vì "nợ nần chứ không phải vì nghĩa vụ". Mặc dù có lệnh cấm của cơ quan kiểm duyệt, những kẻ chuyên nghề đưa chuyện ở Pa-ri vẫn biết tổng nhân cách và dĩ vãng của ông ta. Người ta biết rất rõ cái viên trung uý đã hai lần bị cách chức đó, cái viên trung uý đã xoáy tiền của trung đoàn bộ ở châu Phi khi làm tài vụ, và dù cho hắn có làm được trò trống gì ở Crum thì chiến công vẻ vang nhất của hắn vẫn mãi mãi là cuộc "viễn chinh" thắng lợi đến hiệu cầm đồ ở Luân Đôn với chiếc chăn ăn cắp của bà chủ nhà và cuộc rút lui tài tình sau đó về Pa-ri. Còn ông Ra-glan đáng thương kia, vị sĩ quan tùy tùng mang quân hàm cấp úng của công tước Oen-lin-tơn, già yếu đi vì các tác phẩm lý luận và công việc tinh tế ở bộ tham mưu, chắc hẳn đã thực sự tin vào những lời biện bạch của Xanh-Ác-nô cho hành động của hắn. Và hắn cũng phải gánh lấy toàn bộ trách nhiệm về những việc sau: toàn bộ chiến dịch được đặt ra theo nguyên tắc khoa học như thế, đã tiến hành khéo léo đến nỗi một vạn người, gần bằng 1/7 tổng quân số, đã thiệt mạng trước khi nhìn thấy quân địch; tất cả những hành động suy nghĩ chu đáo đó chỉ đưa tới việc phát động một cuộc viễn chinh hấp tấp vào Crum ngay trước khi bước vào mùa bất lợi nhất trong năm. Quả thực, không có gì cay đắng hơn là "sự trở trêu của lịch sử" này.

Dù sao đi nữa, cuộc viễn chinh vẫn có thể giành được thắng lợi. Liên quân hầu như đáng được hưởng điều đó, vì không có gì khiến người ta khinh rẻ hơn là phương pháp tác chiến mà họ vẫn dùng từ trước tới nay. Để đối phó với quân địch đã thua trận trong một chiến dịch nhằm mục đích không phải tiêu diệt địch, mà là bảo tồn quân đội tấn công, - để làm việc đó người ta phải làm rùm beng đến như thế, phải có bấy

1* - Hê-ghen

nhiều bước chuẩn bị, phải thừa thãi sự thông thái đến như thế ư! Đây có lẽ là bản án nặng nề mà liên quân tự chuốc lấy. Nhưng họ còn chưa đến Xê-va-xtô-pôn. Họ đã đổ bộ lên Ép-pa-tô-ri-a và Đôn lũy cũ. Từ hai nơi đó, họ phải đi - như thế mới hợp lẽ - 50 dặm và 20 dặm để đến Xê-va-xtô-pôn. Trọng pháo của họ phải được bốc lên tàu ở gần địa điểm thứ hai trong hai địa điểm trên để tránh khó khăn về vận chuyển bằng đường bộ; việc bốc lên tàu, do đó, còn lâu mới làm xong. Tuy chưa nhận được tin tức xác thực về binh lực của quân Nga, nhưng phải khẳng định rằng binh lực ấy khá lớn, đủ tạo cho họ ưu thế so với binh lực của liên quân ở nhiều địa điểm xung quanh Xê-va-xtô-pôn. Địa hình mấp mô và cái vịnh ăn sâu vào đất liền gần chục dặm buộc liên quân phải kéo dài chiến tuyến của mình, ngay khi định bao vây cứ điểm. Đối với người chỉ huy kiên quyết thì không phải là khó đột phá chiến tuyến ấy. Đương nhiên, chúng tôi không biết được sự phòng thủ của cứ điểm trên đất liền ra sao; nhưng theo sự hiểu biết của chúng tôi về ông già Men-si-cốp, thì có thể nghĩ rằng ông ta không bỏ phí thời gian.

Tin tức trên báo chí Anh và hướng tác chiến mà liên quân đã chọn, cho phép dự đoán rằng cuộc tấn công đầu tiên sẽ nhằm vào đồn xây trên đồi ở phía bắc và khổng chế thành phố. Người Nga gọi là Cứ điểm phía bắc, tức Pháo đài phía bắc.

Nếu đồn này xây dựng kiên cố đôi chút thì có thể chống cự lâu dài. Đây là một lô-cốt hình tứ giác lớn, xây dựng theo kiểu nhiều góc của Mông-ta-lăm-be, hoặc kiểu có hầm ngầm; trong kiểu này, hai bên sườn có công sự ngầm bảo vệ, hầm ngầm này xây dựng ở giữa mỗi cạnh của hình tứ giác, ở đáy chiến hào, và có thể bắn ra bên phải và bên trái chiến hào. Loại công sự này có ưu điểm là không bị hỏa lực trực tiếp của địch, khi chúng chưa đào được giao thông hào đến tận ven chiến hào của lô-cốt. Vị trí của công sự này ở sát cứ điểm chính cho phép sử dụng nó làm điểm tựa và căn cứ xuất kích mạnh mẽ, nhằm mục đích tấn công, và chính sự tồn tại của loại công sự này buộc liên quân phải bó hẹp hoạt động chủ yếu của mình ở bờ phía bắc của vịnh.

Kinh nghiệm ở Bô-mác-xun-đơ đã chỉ cho chúng ta rõ rằng, không thể nói điều gì chắc chắn về các cứ điểm của Nga, trước khi chúng trải qua sự thử thách thực sự. Do đó, hiện nay không thể suy đoán thắng lợi

của cuộc viễn chinh Crum chắc chắn được đến mức nào. Nhưng có một điều có thể quả quyết được là, nếu chiến sự mang tính chất kéo dài, nếu mùa đông đến lại gây ra sự hoành hành mới của bệnh tật, nếu liên quân lại tiêu hao binh lực trong các cuộc tấn công không chín chắn và thiếu chuẩn bị, như đã xảy ra với quân Nga ở Xi-li-xtơ-ri trước đây, thì quân Pháp, và rất có thể là quân Thổ Nhĩ Kỳ nữa, sẽ rơi vào tình trạng tan rã như quân Pháp đã trải qua ở Vác-na, và như quân Thổ Nhĩ Kỳ đã từng trải qua nhiều lần ở châu Á. Quân Anh chắc là có thể đứng vững được lâu hơn, nhưng đã đến cái giờ phút mà ngay một quân đội có kỷ luật nhất cũng không đứng vững được. Đó là mối nguy thực sự đối với liên quân, và, nếu do sự chống cự của quân Nga mà tình hình phát triển đến mức ấy, thì việc rút quân xuống tàu trước mặt quân địch đang thắng là một việc rất nguy hiểm. Cuộc viễn chinh có rất nhiều khả năng thành công, nhưng mặt khác, cũng có thể trở thành một trận Van-khe-ren thứ hai²⁸⁸

*Do Ph. Ăng-ghen viết ngày 18 tháng Chín 1854
Đã đăng làm xã luận trên tờ "New-York Daily
Tribune" số 4209, ngày 14 tháng Mười 1854*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Anh*

PH. ĂNG-GHEN

TIN TỨC TỪ CRUM

Số báo hôm nay của chúng tôi đầy rẫy những tin tức xúc động về các trận đánh đẫm máu ở Crum, về việc đánh chiếm Xê-va-xtô-pôn, phá hủy các pháo đài chủ yếu của nó, tiêu diệt đại bộ phận hạm đội Nga, về sự đầu hàng hoàn toàn của công tước Men-si-cốp và về việc bắt làm tù binh số tàn quân của đội quân bị tan rã và hầu như bị tiêu diệt của ông ta. Nếu tin tức ấy đúng thực, thì hầu như 40 năm nay thế giới chưa từng thấy một trận đánh đẫm máu khủng khiếp như thế, cũng chưa từng thấy một sự kiện quân sự đầy hậu quả nghiêm trọng như thế. Về tính chính xác của những tin tức ấy, chúng tôi cố gắng làm sáng tỏ vấn đề ấy, bằng cách phân biệt tường tận những điều mà chúng tôi được biết qua nguồn tin chính thức và đáng tin cậy, với những điều mà chúng tôi được biết qua những nguồn tin không chính thức và khả nghi.

Vì vậy chúng tôi phải chia các tin tức thành hai nhóm - những tin tức về trận đánh An-ma ngày 20 tháng Chín, và những tin tức về việc chiếm chính Xê-va-xtô-pôn. Theo báo cáo của huân ước Ra-glan và nguyên soái Xanh-Ăc-nô thì ngày 20 tháng Chín liên quân đã tấn công vào dinh lũy của quân Nga trên cao điểm bờ nam sông An-ma và đã buộc quân Nga rút lui. Quân Anh chiếm được hai khẩu pháo. Trong báo cáo của mình, quân Pháp không nói gì về chiến lợi phẩm. Quân Pháp thiệt hại khoảng 1400 người, quân Anh cũng thiệt hại tương đương như thế. Tổng số quân Nga là 45000- 50000 người, còn thiệt hại của họ là 4000- 6000 người. Những báo cáo ấy rõ ràng viết dưới ảnh hưởng trực tiếp của thắng lợi vừa mới giành được. Tin tức về số 50000 quân Nga đã tham gia trận đánh ở An-ma trái ngược nhiều với những tin tức trước đây nói rằng quân Nga ở Crum nhiều nhất là 45000 người. Hai khẩu pháo chiếm được trong một doanh trại được trang bị "rất nhiều trọng pháo", xem ra, là một chiến lợi phẩm hoàn toàn không đáng kể,

nếu xét đến một điều là trong khi công sự đã chiến bị chiếm thì hầu như không thể cứu pháo được. Song, điều đáng chú ý hơn, là việc nguyên soái Xanh-Ăc-nô không dă động gì đến việc quân Pháp chiếm được pháo.

Giả sử Men-si-cốp đã tập trung từ 45000 đến 50000 người trong doanh trại ở An-ma, vậy điều đó chứng minh cái gì? Hoặc giả ông ta bố trí một số lượng quân đội lớn hơn nhiều so với dự đoán, do đó có thể sử dụng binh lực lớn như thế ở địa hình trống trải; hoặc giả công sự của Xê-va-xtô-pôn ở phía đất liền yếu đến mức ông ta không có khả năng nào khác để bảo vệ cứ điểm, ngoài việc đánh bại liên quân ở địa hình trống trải; hoặc giả, sau hết, ông ta đã phạm phải một sai lầm lớn, vì đã để trận đánh diễn ra trên địa hình trống trải và làm cho quân đội của mình bị mất tinh thần do ảnh hưởng của một cuộc thất bại có tính chất quyết định.

Theo tin tức trước đây, doanh trại của quân Nga ở An-ma không đông quá 10000 người. Số quân này có thể nhận thêm quân tiếp viện, nhưng để đưa số lượng của họ lên 25000 hoặc 30000 người, quân Nga đã phải có những cố gắng to lớn. Nếu như họ có 50000 người ở gần An-ma, nghĩa là ở cách địa điểm đổ bộ 15 dặm Anh, thì giải thích thế nào việc họ không tấn công liên quân đúng vào lúc liên quân đổ bộ lên bờ?

Giải đất giữa Pháo đài cũ, nơi mà liên quân đổ bộ, với Xê-va-xtô-pôn có ba con sông chạy qua, với những thung lũng của mình chúng tạo thành một trận địa quan trọng. Gần Xê-va-xtô-pôn hơn cả là sông Đen, chảy vào phía đông vịnh Xê-va-xtô-pôn. Đồn lũy phía bắc bảo vệ bờ bắc của vịnh, còn con sông ấy, hoặc nói đúng hơn, lòng sông sâu của nó, đã hình thành nên một loại chiến hào tự nhiên ở phía đông thành phố. Đương nhiên, ở đây là trận địa phòng ngự quan trọng cuối cùng. Con sông thứ hai, Ca-sa, chảy từ đông sang tây, cách Đồn lũy phía bắc mấy dặm về phía bắc; và sau hết, sông An-ma chảy cách đây khoảng 12 dặm về phía bắc. Trong ba tuyến phòng ngự ấy, bất kể những ưu thế chiến thuật mà chúng có thể tạo ra, và từ xa không thể phán đoán được những ưu thế ấy, - khó mà dự đoán được rằng quân Nga lại lựa chọn tuyến đầu tiên và xa nhất cho một trận đánh có tính chất quyết định sẽ

định đoạt số phận của Xê-va-xtô-pôn. Nhưng việc liên quân thiếu các đơn vị kỵ binh chủ lực, đã có thể thúc đẩy quân Nga cử một đơn vị lớn đến doanh trại ở An-ma, vì nhờ ưu thế tạm thời của họ về binh chủng này, họ có thể không sợ cuộc tấn công thọc sườn của kỵ binh địch. Ý nghĩ về việc không thể sử dụng được kỵ binh sau khi Xê-va-xtô-pôn bị bao vây, cũng có thể thúc đẩy họ làm như thế.

Nếu ta nghiên cứu kỹ hơn thì thất bại của quân Nga ở An-ma càng không có ý nghĩa chiến thuật. Quân Nga không thích những công sự không khép kín. Họ ưa những lô-cốt vuông kín, ở nơi nào họ có thời gian làm việc đó và ở nơi nào họ dự định chống cự ngoan cường. Không thể cứu các khẩu pháo ra khỏi những lô-cốt vuông ấy, một khi đã có một cuộc tấn công. Thậm chí, trong những công sự mà thuật ngữ gọi là công sự dã chiến mà cửa mở ở phía góc-giơ^{1*}, thì hầu như không thể rút các khẩu pháo ra được trước kẻ địch đang tấn công. Vì nếu rút pháo vào đúng lúc địch tấn công, thì bên phòng thủ sẽ mất đi vũ khí của mình, mà nếu địch đã vượt qua hào, thì không ai có thể kéo pháo qua mô đất và bãi, đóng vào cổ xe ngựa và chuyển pháo đi dưới hỏa lực gần của quân địch.

"Pháo bố trí trong công sự phải coi là bị tiêu diệt, một khi bản thân công sự không thể giữ được lâu hơn nữa. Điều duy nhất có thể làm được là buộc kẻ địch trả giá đắt nhất cho những khẩu pháo ấy".

Tướng Đuy-phua-rơ đã nói như vậy trong sách giáo khoa về xây dựng công sự dã chiến của mình. Việc quân Nga chỉ mất có hai khẩu pháo chứng tỏ rằng doanh trại không được bảo vệ đến người cuối cùng, và nhiều lắm là một hoặc hai công sự đã thực sự bị chiếm bằng đánh giáp lá cà. Những công sự còn lại vị tất đã được bảo vệ bằng lối lè, và xem ra thì đã bị bỏ lại trước khi quân tấn công đến sát hào. Hiển nhiên là cuộc rút lui của quân Nga được tiến hành hoàn toàn có trật tự dưới sự yểm hộ của kỵ binh của họ và họ đã sử dụng điều kiện thuận lợi là các đơn vị kỵ binh của liên quân không thể nhanh chóng vượt sông An-ma và các khe núi. Nhưng trong tình hình đó, việc duy trì được toàn bộ số

kỵ binh của mình chứng minh đầy đủ rằng họ đã ngừng chiến đấu trước khi những đòn mãnh liệt gây ra sự rối loạn trong hàng ngũ họ.

Đây là tất cả những cái mà chúng tôi được biết về thắng lợi đã giành được trên cao điểm phía nam sông An-ma, thắng lợi được tuyên bố trịnh trọng ở Anh ngày 1 tháng Mười giữa những loạt pháo chào mừng và những tiếng chuông ngân, thắng lợi mà thị trưởng báo tin ở sở giao dịch vào 10 giờ tối thứ bảy, ngày 30 tháng Chín, giữa tiếng kèn đồng; thắng lợi được chúc mừng tại các rạp hát và tờ "Times" ở Luân Đôn tuyên bố thắng lợi ấy là kết quả của lễ cầu nguyện do tổng giáo chủ Can-tơ-bê-ri tiến hành sau trận đánh. Các phóng viên đưa tin rằng Xanh-Ác-nô không thể leo lên ngựa được. Các nhà sử học kể rằng Na-pô-lê-ông cũng thế trong trận Oa-téc-lô. Có thể, thắng lợi ở An-ma cũng bắt nguồn từ chính những nguyên do đã từng gây nên thất bại ở Oa-téc-lô.

Bây giờ chúng ta chuyển sang nhóm tin tức thứ hai, gây chấn động nhiều hơn, về việc đánh chiếm Xê-va-xtô-pôn. Tin đầu tiên về sự kiện này, mà Luân Đôn nhận được bằng điện báo, đã được phát đi từ Bu-ca-rét ngày 28 tháng Chín. Tin điện này nói rằng liên quân đã chiếm được Xê-va-xtô-pôn do phối hợp tấn công từ mặt biển và trên đất liền. Tin này hình như được phát đi từ một chiếc tàu Pháp từ Xê-va-xtô-pôn đi Công-xtăng-ti-nô-plơ có mang theo bản tin này, tàu này đã gặp một tàu Pháp khác ở trên biển đang đi về Vác-na. Nếu - như người ta khẳng định - việc chiếm cứ điểm xảy ra vào ngày 25 tháng Chín thì tin tức về việc này có thể đến Vác-na vào đêm 26 rạng ngày 27 và có thể đến Bu-ca-rét vào trưa ngày 28, vì khoảng cách giữa Vác-na và Bu-ca-rét khoảng 100 dặm, người đưa tin có thể đến được trong vòng 24 giờ. Lời kêu gọi của Bô-na-pác-tơ gửi trại lính Bu-lô-nhơ, mà chúng tôi có đăng riêng, được soạn ra theo tin tức này. Nhưng thực ra, không có người đưa tin nào đến Bu-ca-rét trước ngày 30 tháng Chín. Tin tức thứ hai về sự thất thủ của Xê-va-xtô-pôn, tuy xét theo quan điểm địa lý có phần hợp lý, nhưng lại chỉ được phát đi từ Bu-ca-rét đúng vào ngày mà Bô-na-pác-tơ đọc lời kêu gọi của mình. Bức điện ấy - mà Chính phủ Áo nhận được vào 6 giờ chiều ngày 1 tháng

1* - cửa mở về phía sau

Mười và do viên đại sứ Áo ở Luân Đôn chuyển cho tờ "Times" ngày 3 tháng Mười - đã được đăng trên tờ "Moniteur" số ra cùng ngày hôm đó, với lời bình luận sau đây:

"Tin tức này do ông Đơ Bu-ôn chuyển cho Chính phủ Pháp, ông đã ủy nhiệm ông Huýp-pơ nhân danh hoàng đế Áo chúc mừng hoàng đế Pháp về thắng lợi vẻ vang mà quan Pháp đã giành được ở Crum".

Cần chỉ rõ rằng tin tức quan trọng đó là do một người đưa tin, được cử từ Công-xtăng-ti-nô-plơ đến gặp Ô-me-rơ-pa-sa, hoàn toàn thuật lại bằng miệng, người đưa tin này không gặp Ô-me-rơ-pa-sa ở Bu-ca-rét, nên đã đi Xi-li-xtơ-ri, là nơi bấy giờ có bộ tư lệnh của Ô-me-rơ-pa-sa. Theo lời người đưa tin ấy thì Xê-va-xtô-pôn bị chiếm, 18000 quân Nga bị tiêu diệt, 22000 quân bị bắt, pháo đài Công-xtăng-tin-nốp-xki bị phá hủy, các đồn khác và 800 khẩu pháo bị chiếm, sáu tàu chiến Nga bị bắn chìm, còn công tước Men-si-cốp thì rút lui vào sâu trong vịnh với các tàu còn sống sót và tuyên bố rằng ông ta thà cho nổ tung các tàu chiến ấy, còn hơn là đầu hàng. Hình như liên quân đã cho ông ta 6 giờ để suy nghĩ. Ở Công-xtăng-ti-nô-plơ sẽ chăng đèn kết hoa 10 ngày.

Phán đoán theo tình hình mà chúng tôi biết được về công sự của quân Nga ở đảo A-lăng và sau thắng lợi của liên quân ở An-ma, sự đầu hàng của Xê-va-xtô-pôn sau một thời gian ngắn ngủi là một ngày một đêm, không phải là điều không tin được. Nhưng phải chăng có thể tưởng tượng rằng một đội quân 50000 người, tuy bị thất trận, còn gặp may mắn là giữ được hầu như toàn bộ pháo binh của mình và ở dưới quyền chỉ huy của một trong những nhà chỉ huy Nga dũng cảm nhất đã nổi danh trong chiến dịch này, - phải chăng có thể tưởng tượng rằng, một đội quân như thế đã hạ vũ khí sau cuộc công kích đầu tiên vào thành phố? Dù sao thì cuộc chiến tranh này cũng có những đặc điểm khó tin và khác thường, nên chúng ta phải sẵn sàng "đi từ bất ngờ ngày đến bất ngờ khác", như chính bản thân Na-pô-lê-ông, khi ông ta nhận được vào năm 1807 báo cáo của Xê-ba-xti-a-ni gửi từ Công-xtăng-ti-nô-plơ. Liên quân đã làm tất cả những gì có thể làm trong suốt cuộc chiến tranh này, để chuẩn bị cho mình một thất bại

chưa từng thấy. Tại sao số phận lại không thể dành cho nó một thắng lợi lớn không gì so sánh được? Lịch sử chưa bao giờ lại không có sự trở trêu; có thể nó muốn đem lại cho thế giới cái cảnh tượng lạ lùng là giam hãm trong chòi canh giản dị ở Bô-xpho lão già Rô-đô-mông²⁸⁹ người Nga mà mới trước đây một năm đã rời thủ đô của "con người hấp hối", với niềm tin kiêu hãnh là lão ta có thể nuốt phăng cả đế quốc của con người ấy. Đối với Men-si-cốp kiêu căng và tự phụ, kẻ chủ mưu và kẻ khởi xướng ra cuộc chiến tranh này, trở lại Công-xtăng-ti-nô-plơ trong tư cách tù binh, sẽ là một sự trừng phạt phũ phàng biết bao!

Nếu người đưa tin Thổ Nhĩ Kỳ nói đúng sự thực, thì lịch sử chiến dịch Crum có thể trình bày ngắn gọn như sau: ngày 14 và 16 tháng Chín quân đội đổ bộ ở gần Pháo đài cũ mà không gặp phải sự chống cự nào; ngày 19 nó tiến quân; ngày 20 nó đã chiến thắng trong trận đánh ở An-ma và ngày 25 thì chiếm được Xê-va-xtô-pôn.

Tàu "A-phri-ca" chạy thường kỳ từ Li-vóc-pun, đi thẳng về Niu Oóc, không ghé vào Ha-li-phắc. Nó vị tất đến trước thứ sáu, và trước ngày đó chúng tôi không hy vọng nhận được tin tức xác thực gì về vấn đề hết sức lý thú đó. Có lẽ, tạm thời điều thích đáng nhất là cứ tin vào toàn bộ câu chuyện của người đưa tin Thổ Nhĩ Kỳ, và chúng tôi hy vọng rằng những ai làm như thế sẽ không bị rơi vào cái tư thế nhục nhã mà ông bạn Lu-i Bô-na-pác-tơ của chúng ta đã rơi vào ở Bu-lơ-nhơ nhân sự việc đó. Như bạn đọc có thể thấy trong một cột khác của bản báo²⁹⁰, trong một cuộc duyệt binh cử hành gần đây, hoàng đế đã tuyên bố về sự kiện ấy bằng những từ ngữ rõ ràng và dứt khoát theo lối hành văn có kịch tính cao độ: Sébastopol est prise^{1*}. Chắc là trong lúc đó ông ta tự cho mình là Na-pô-lê-ông thật, đang tuyên bố về một thắng lợi lớn với quân lính của mình. Điều đáng tiếc cho người cháu là, bác ruột ông ta chưa lúc nào cần tuyên bố về thắng lợi của mình: bản thân ông chỉ huy quân đội chiến đấu, và binh sĩ của ông, nhìn thấy quân địch bỏ chạy như thế nào, không cần đến một sự chứng nhận nào hết. Điều đáng tiếc hơn nữa là, tin tức mà Lu-i Bô-na-pác-tơ không thể không

1* - Xê-va-xtô-pôn đã bị chiếm

công bố ngay tối hôm đó, đã bị viên tư lệnh ở Bu-lô-nhơ đánh giá khác, viên tư lệnh này dán lên tường một bản thông cáo nói rằng đã nhận được bản báo cáo về việc chiếm được Xê-va-xtô-pôn, nhưng về tính xác thực của bản tin đó thì không thể bảo đảm. Như thế là viên tư lệnh của hoàng đế ở Bu-lô-nhơ đã đánh chính lời nói của chính hoàng đế nước Pháp! Điều cũng hết sức lý thú là, số gần đây của một tờ báo chính thức của Chính phủ Pháp, số ra ngày 3 tháng Mười, mà chúng tôi nhận được gần đây, thì đã không xác nhận tin tức về sự kiện vĩ đại ấy. Song, điều đó có thể đúng sự thật, và chúng ta chờ đợi tin tức xác thực với sự hứng thú cao độ.

*Do Ph. Ăng-ghen viết ngày 2 tháng Mười 1854
Đã đăng làm xã luận trên tờ "New-York Daily
Tribune" số 4211, ngày 17 tháng Mười 1854*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Anh
In bằng tiếng Nga lần đầu*

C.MÁC VÀ PH. ĂNG-GHEN

CÂU CHUYỆN THẦN BÍ VỀ XÊ-VA-XTÔ-PÔN

"Bắt lấy bọn Tác-ta!" - Người Anh nói thế. Thực ra, không những người Anh, mà cả người Pháp và người Áo, đã để cho bọn Tác-ta bắt được mình một cách dễ dàng như thế^{1*}. Nếu như hiện nay chúng tôi tỏ ra có sự hài lòng nào đó về chỗ tờ "Tribune" và những bạn đọc nào của báo ấy chú ý theo dõi diễn biến của chiến dịch Crưm hiện nay, lại không bị bắt cùng với các người khác, thì mong rằng mọi người hãy tha thứ cho chúng tôi.

Khi câu chuyện không phù hợp với sự thật về việc chiếm được Xê-va-xtô-pôn, đến với chúng tôi lần đầu, thì chúng tôi, qua phân tích kỹ các nguồn tin đưa lại những tin ấy, cũng như xuất phát từ tài liệu khoa học quân sự, chúng tôi đã cố gắng chứng minh^{2*} rằng sau thắng lợi An-ma - mặc dù nó có ý nghĩa quyết định như thế nào đi nữa - thì cái thành phố được phòng thủ và là mục tiêu chủ yếu của toàn bộ chiến dịch ấy vị tất đã đầu hàng nhanh như vậy. Đồng thời, theo chỗ chúng tôi nghĩ, chúng tôi đã xác định được một sự việc là liên quân nhìn chung chưa giành được một thắng lợi quyết định nào, vì quân Nga rút lui hoàn toàn trong trật tự, đã bảo toàn được toàn bộ pháo binh của mình. Sau hết, chúng tôi đặc biệt nhấn mạnh một điều là, toàn bộ tình tiết của tin tức ấy không có trong các báo cáo chính thức về trận đánh ở An-ma, chỉ dựa vào lời thuật lại của một người đưa tin được cử đem báo cáo mật đến cho Ô-me-rơ-pa-sa. Vì vậy, chúng tôi hoàn toàn không bị bất ngờ thấy rằng bản tin tức gây chấn động về "sự thất thủ của Xê-va-xtô-pôn" không phải là cái gì khác hơn là tin tức về thắng lợi ở

1* Chơi chữ: "Catch a Tartar" - nghĩa là "bắt người, nhưng chính mình bị người ấy bắt"; "tartar" - nghĩa là "người Tác-ta", là tên gọi mà người Thổ Nhĩ Kỳ dùng để gọi các quân nhân và sứ giả ngoại giao.

2* Xem tập này, tr. 558 - 564

công bố ngay tối hôm đó, đã bị viên tư lệnh ở Bu-lô-nhơ đánh giá khác, viên tư lệnh này dán lên tường một bản thông cáo nói rằng đã nhận được bản báo cáo về việc chiếm được Xê-va-xtô-pôn, nhưng về tính xác thực của bản tin đó thì không thể bảo đảm. Như thế là viên tư lệnh của hoàng đế ở Bu-lô-nhơ đã đánh chính lời nói của chính hoàng đế nước Pháp! Điều cũng hết sức lý thú là, số gần đây của một tờ báo chính thức của Chính phủ Pháp, số ra ngày 3 tháng Mười, mà chúng tôi nhận được gần đây, thì đã không xác nhận tin tức về sự kiện vĩ đại ấy. Song, điều đó có thể đúng sự thật, và chúng ta chờ đợi tin tức xác thực với sự hứng thú cao độ.

*Do Ph. Ăng-ghen viết ngày 2 tháng Mười 1854
Đã đăng làm xã luận trên tờ "New-York Daily
Tribune" số 4211, ngày 17 tháng Mười 1854*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Anh
In bằng tiếng Nga lần đầu*

C.MÁC VÀ PH. ĂNG-GHEN

CÂU CHUYỆN THẦN BÍ VỀ XÊ-VA-XTÔ-PÔN

"Bắt lấy bọn Tác-ta!" - Người Anh nói thế. Thực ra, không những người Anh, mà cả người Pháp và người Áo, đã để cho bọn Tác-ta bắt được mình một cách dễ dàng như thế^{1*}. Nếu như hiện nay chúng tôi tỏ ra có sự hài lòng nào đó về chỗ tờ "Tribune" và những bạn đọc nào của báo ấy chú ý theo dõi diễn biến của chiến dịch Crưm hiện nay, lại không bị bắt cùng với các người khác, thì mong rằng mọi người hãy tha thứ cho chúng tôi.

Khi câu chuyện không phù hợp với sự thật về việc chiếm được Xê-va-xtô-pôn, đến với chúng tôi lần đầu, thì chúng tôi, qua phân tích kỹ các nguồn tin đưa lại những tin ấy, cũng như xuất phát từ tài liệu khoa học quân sự, chúng tôi đã cố gắng chứng minh^{2*} rằng sau thắng lợi An-ma - mặc dù nó có ý nghĩa quyết định như thế nào đi nữa - thì cái thành phố được phòng thủ và là mục tiêu chủ yếu của toàn bộ chiến dịch ấy vị tất đã đầu hàng nhanh như vậy. Đồng thời, theo chỗ chúng tôi nghĩ, chúng tôi đã xác định được một sự việc là liên quân nhìn chung chưa giành được một thắng lợi quyết định nào, vì quân Nga rút lui hoàn toàn trong trật tự, đã bảo toàn được toàn bộ pháo binh của mình. Sau hết, chúng tôi đặc biệt nhấn mạnh một điều là, toàn bộ tình tiết của tin tức ấy không có trong các báo cáo chính thức về trận đánh ở An-ma, chỉ dựa vào lời thuật lại của một người đưa tin được cử đem báo cáo mật đến cho Ô-me-rơ-pa-sa. Vì vậy, chúng tôi hoàn toàn không bị bất ngờ thấy rằng bản tin tức gây chấn động về "sự thất thủ của Xê-va-xtô-pôn" không phải là cái gì khác hơn là tin tức về thắng lợi ở

1* Chơi chữ: "Catch a Tartar" - nghĩa là "bắt người, nhưng chính mình bị người ấy bắt"; "tartar" - nghĩa là "người Tác-ta", là tên gọi mà người Thổ Nhĩ Kỳ dùng để gọi các quân nhân và sứ giả ngoại giao.

2* Xem tập này, tr. 558 - 564.

An-ma bị trí tưởng tượng bóp méo và được một người đưa tin ưa khôi hài đưa đến Bu-ca-rét, được Lu-i Bô-na-pác-tơ, một kẻ thích các ấn tượng kiểu nhà hát, tuyên bố ở Bu-lô-nhơ và được các chủ hiệu nhỏ ở nước Anh, những tiêu bản kiểu mẫu nhất của loài người, coi là sự thực. Báo chí Anh thường tỏ ra là đại biểu xứng đáng của giai cấp ấy, và có thể nghĩ được rằng ở Anh chỉ cần nhắc đến mấy chữ Xê-va-xtô-pôn là đủ làm cho tất cả mọi người khoái trá. Chắc bạn đọc còn nhớ rằng khi kết thúc kỳ họp gần đây của nghị viện Anh, huân tước Giôn Rốt-xen đã tuyên bố rằng việc phá huỷ Xê-va-xtô-pôn nằm trong kế hoạch của Chính phủ Anh; mặc dù lời tuyên bố ấy bị rút lại cũng trong phiên họp ấy, nhưng nhờ nó mà trong năm giờ liền - nếu ta dùng câu nói của ông Đi-xơ-e-li đã từng tuyên bố về vấn đề ấy - các nghị sĩ đáng kính đã tỏ ra rất lấy làm thích thú. Tờ "Times" ở Luân Đôn đã đăng ít ra là 9 bài xã luận được thảo ra, bona fide hoặc mala fide^{1*}, hoàn toàn theo cái tinh thần phấn khởi ấy; và tất cả cái đó xem ra chỉ nhằm mục đích duy nhất là xúi giục ngài Sác-lơ Nây-pia đi đến những hành động thiếu suy nghĩ chống lại Crôn-stát hoặc Xvê-a-boóc-gơ. Như thế được chấp cánh bởi niềm vinh quang và những thành tích đã đạt được, tờ báo ấy đã bắt đầu nã đạn pháo - đương nhiên là đạn pháo tưởng tượng - vào bờ biển Ban-tích thuộc Phổ, cũng như vào vua Bom ở Naplô và vào đại công tước Tô-xca-nơ ở Li-voóc-nô. Quả thực tờ báo ấy sẵn sàng đánh nhau với toàn thế giới, đương nhiên, kể cả với "loài người còn lại".

Về tình hình thực tế của các công sự bờ biển của Xê-va-xtô-pôn thì ta còn biết được quá ít, cho nên chưa thể dự đoán, với mức độ chính xác nào đó, xem cứ điểm này có thể cầm cự được bao lâu. Thắng lợi ở An-ma cho ta có những căn cứ nghiêm túc để cho rằng Xê-va-xtô-pôn sẽ bị chiếm; cần thấy rằng thắng lợi ấy tất sẽ phải nâng cao tinh thần chiến đấu của binh lính liên quân và được dùng làm phương pháp dự phòng tốt đối với bệnh tật, - đó là kẻ thù nguy hiểm nhất của liên quân ở Crum, mà theo tin tức cho biết, thì liên quân đã vấp phải kẻ thù ấy rồi. Nhưng nếu nghĩ rằng liên quân có thể đánh vào Xê-va-xtô-pôn dễ dàng như bước vào tiệm cà-phê, thì quả là lối bịch.

1* - thực tâm hoặc giả dối

Sau cái trò đại ảo thuật với những tin tức về việc đánh chiếm cứ điểm ấy, về con số 30000 thương vong và 22000 tù binh - cái trò ảo thuật chưa từng có trong lịch sử - có thể hy vọng rằng những tài liệu chính thức xác thực, một khi những tài liệu đó ngày càng xuất hiện nhiều thêm, sẽ chứa đựng những tin tức rõ ràng và đầy đủ. Nhưng bản báo cáo đăng trên tờ "Gazette" ở Luân Đôn, số đặc biệt ra ngày 5 tháng Mười, và được đăng lại trên tờ báo của chúng tôi số ra ngày hôm nay, - rút cục vẫn không tránh khỏi có những ý tứ lập lờ nước đôi. Thực ra, trong báo cáo đó có nhiều chỗ gây ra sự hoài nghi, điều đó phải được lý giải bằng lý do là nó do huân tước Xơ-rát-phơ Đơ Rết-clíp-phơ, tốt nghiệp trường ngoại giao Pan-móc-xơ, phát ra. Một là, bản báo cáo ghi rõ rằng nó được gửi từ Bu-ca-rét sang Anh vào 3 giờ rưỡi chiều ngày 30 tháng Chín, trong khi đó huân tước Rết-clíp-phơ lại ghi là nó được gửi từ Công-xtăng-ti-nô-pơ vào 9 giờ rưỡi tối ngày 30 tháng Chín; thế là ở Bu-ca-rét đã nhận được bản báo cáo đó sáu giờ trước khi Công-xtăng-ti-nô-pơ gửi đi. Ngoài ra, trong bản tin không đả động gì đến tình hình xảy ra ở Crum từ 20 đến 28 tháng Chín, mà chỉ đưa tin rằng

"sáng sớm ngày 28 tháng Chín, các đơn vị của liên quân đã đặt căn cứ tác chiến của họ ở Ba-lắc-la-va và chuẩn bị tiến ngay về Xê-va-xtô-pôn. Tàu "A-ga-men-nông" (trên đó có đô đốc Lai-ôn-xơ) và các tàu chiến khác đều đậu ở vịnh Ba-lắc-la-va. Địa điểm này rất tiện lợi cho việc bốc dỡ pháo công thành lên bờ".

Cho rằng tin tức trên đáng tin cậy, báo chí Anh dĩ nhiên đã kết luận rằng liên quân vượt qua Ben-bếch và Mạn Bắc, chiếm lấy các cao điểm phía sau vịnh Xê-va-xtô-pôn và thẳng tiến vào vịnh Ba-lắc-la-va. Ở đây cần chỉ rõ rằng, xét theo quan điểm quân sự, thì không thể có chuyện là một đội quân đã chiếm lĩnh được các cao điểm khổng lồ Xê-va-xtô-pôn lại bình thản tụt xuống theo một cái dốc khác và tiến đến một vịnh khác cách xa mười một dặm, với mục đích duy nhất là "lập căn cứ tác chiến của mình ở đó". Mặt khác, cũng hoàn toàn có thể giả định rằng đô đốc Lai-ôn-xơ đã dùng một bộ phận của hải đội đi vòng, mũi Khéc-xô-nét nhằm bảo đảm cho liên quân có vịnh nhỏ đỗ tàu gần Xê-va-xtô-pôn, đồng thời thuận tiện cho việc bốc dỡ pháo công thành lên bờ, và như chúng tôi đã luôn luôn khẳng định, số pháo này

vẫn chưa hề được bóc dỡ. Đương nhiên, không thể bóc dỡ pháo khi không có quân đội yểm hộ, số quân đội này hoặc có thể được rút từ chủ lực sau khi đổ bộ ở Pháo đài cũ, hoặc có thể được thành lập từ một bộ phận của đội dự bị đã từ Công-xtăng-ti-nô-plơ và Vác-na vượt biển tới.

Tiếp đó, bản báo cáo đưa tin:

"Công tước Men-si-cốp chỉ huy 22000 quân đội tác chiến và đang đội lực lượng tăng viện".

Từ đó, báo chí Anh rút ra kết luận là từ 20 đến 28 tháng Chín, quân Nga đã thiệt hại trong chiến đấu từ 25000 đến 30000 người, vì cũng như huân tước Ra-glan, họ cho rằng trong trận An-ma, quân Nga có 45000-50000 quân. Chúng tôi đã nói từ trước ^{1*} rằng *prima facie* ^{2*} chúng tôi đã không tin vào những con số đó và bao giờ cũng cho rằng công tước Men-si-cốp không có quá 25000 binh sĩ cho hoạt động đã chiến; hiện nay đã xác minh được rằng sự đánh giá của chúng tôi là phù hợp với con số do bản thân người Nga công bố trong các thông báo của họ.

Trong báo cáo còn nói rằng "cứ điểm A-na-pa đã bị quân Nga thiêu huỷ. Quân đội phòng thủ của nó đã tiến ra chiến trường". Chúng tôi không tin vào tính chất chính xác của tin ấy. Nếu như công tước Men-si-cốp muốn viện binh đến kịp, thì điều thỏa đáng nhất là điều viện binh từ Pê-rê-cốp, chứ không phải từ A-na-pa cách Crum vừa đúng 200 dặm Anh; nếu như ông ta không thể trông mong nhận viện binh từ Pê-rê-cốp, mà lại điều quân đội bảo vệ A-na-pa từ phía biển và như thế là hy sinh luôn thành trì cuối cùng của quân Nga ở Cáp-ca-dơ để bổ sung thêm vào Xê-va-xtô-pôn, - thì hành động đó sẽ là một sự khinh suất lớn của ông ta. Tóm lại, chúng tôi cho rằng bất chấp toàn bộ những "tin tức" chứa đựng trong báo cáo chính thức ra sao, chúng tôi vẫn phải coi trận đánh ở An-ma là một sự kiện chủ yếu mà tính chính xác của sự kiện ấy đã được xác định. Nhưng bài tường thuật về sự kiện ấy vẫn chưa có, và công tước Niu-ca-xlơ đã báo trước với công chúng Anh rằng không nên chờ đợi bài tường thuật ấy trước thứ hai, ngày 9 tháng Mười. Tất cả những điều mà chúng tôi biết thêm ngoài bản báo

^{1*} Xem tập này, tr. 558 - 560.

^{2*} - ngay từ đầu

cáo chính thức bằng điện của huân tước Ra-glan, tóm lại là như sau: con người hùng của hiệu cầm đồ Luân Đôn, nguyên soái Xanh-Ác-nô, đã trong trạng thái "khó ở" vào đúng hôm xảy ra trận chiến đấu (điều tương tự liệu có thể xảy ra với các vị anh hùng khác chăng?), quyền chỉ huy chính đã nằm trong tay huân tước Ra-glan, quân Anh thiệt hại không phải 1400, mà là 2000 người, trong đó có 96 sĩ quan, và sáu tàu chở thương binh đã đến Công-xtăng-ti-nô-plơ.

Rõ ràng là sự di chuyển của quân đội của Ô-me-rơ-pa-sa từ Bu-ca-rét đến bờ biển Hắc Hải qua Ru-súc, Xi-li-xtơ-ri và Ôn-tê-nít-sa đã xác nhận tin đồn nói rằng Bộ tư lệnh liên quân ở Crum yêu cầu viện binh. Nhưng cuộc rút quân khỏi Va-la-ki ấy của quân Thổ Nhĩ Kỳ cũng có thể được cắt nghĩa bởi nguyện vọng của Áo muốn giữ quân Thổ Nhĩ Kỳ ở xa tất cả những đường đi đến Bét-xa-ra-bi-a, trừ con đường không đi lại được chạy qua Đô-brút-gia.

Bất kể tất cả thái độ cả tin được biểu hiện hết sức rõ ràng ở công chúng Anh, ta cũng cần chỉ rõ rằng làn sóng nhiệt tình rộng khắp đã rất ít đụng chạm đến sở giao dịch Anh, giá cổ phiếu chưa bao giờ tăng vượt 5/8%. Trong khi đó ở Pa-ri, chứng khoán quốc gia tăng ngay lên 1 1/2% nhưng sự tăng lên ấy không đáng kể so với mức tăng 10% xảy ra tiếp theo cuộc thất bại ở Oa-téc-lô. Do đó, nếu như trò ảo thuật ấy được nghĩ ra để phục vụ đầu cơ - điều đó hoàn toàn có thể có - thì hoàn toàn có khả năng là nó tuyệt nhiên không thỏa mãn được những niềm hy vọng tốt đẹp mà, chắc hẳn, kẻ phát minh ra nó đã dành cho nó.

Do C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n viết ngày 5 - 6 tháng Mười 1854

Đã đăng làm xã luận trên tờ "New - York Daily Tribune" số 4215, ngày 21 tháng Mười 1854

In theo bản đăng trên báo Nguyên văn là tiếng Anh In bằng tiếng Nga lần đầu

C. MÁC VÀ PH. ĂNG-GHEN

**CÂU CHUYỆN THẦN BÍ VỀ XÊ-VA-XTÔ-PÔN. -
ĐIỂM TÌNH HÌNH CHUNG**

Luân Đôn, thứ sáu, ngày 6 tháng Mười 1854

Sự xúc động và căng thẳng mà người Anh trải qua trong tuần này không bút nào tả xiết. Thứ bảy, bản báo cáo về thắng lợi ở An-ma đã được thủ tướng tuyên đọc tại sở giao dịch giữa những tiếng kèn đồng, còn trong khắp đất nước đều lưu truyền tin tức giả về sự thất thủ của Xê-va-xtô-pôn. Toàn thể giới mắc lừa. Na-pô-lê-ông tuyên bố với quân đội của mình ở Bu-lô-nhơ. Về sự kiện may mắn ấy, báo chí Anh và Pháp đã đăng các bài xã luận về sự kiện ấy, hoàng đế Áo đã chúc mừng hoàng đế Pháp và nữ hoàng Anh về thắng lợi, nhưng thậm trọng không nhắc đến Xê-va-xtô-pôn; đèn ngày hội thấp sáng choang và pháo mừng nổ vang. Chúng tôi đã nhanh chóng biết rõ, tin tức gì đã tạo lý do cho sự phấn khởi và hân hoan đó; sự thực thì nguồn gốc của tin tức đó hoàn toàn khả nghi. Một "người Tác-ta" - người Thổ Nhĩ Kỳ gọi người đưa thư bằng cái tên gọi như vậy - đến Bu-ca-rét với một bản báo cáo gửi từ Công-xtăng-ti-nô-plơ cho Ô-me-rơ-pa-sa, nhưng vì viên tướng đi vắng, bức công văn đã được chuyển nguyên xi cho ông ta, do đó chúng ta không biết nội dung của nó. Nhưng người đưa thư kể rằng lúc anh ta rời Công-xtăng-ti-nô-plơ, trong thành phố đã chăng đèn kết hoa và được lệnh tiến hành công việc ấy liên tục trong mười ngày. Từ đó anh ta kết luận rằng Xê-va-xtô-pôn đã bị thất thủ, và còn kể ngay ra những tình tiết mà chỉ có người đưa tin của Thổ Nhĩ Kỳ hoặc của Luân Đôn mới có thể kể ra trong các quán rượu nhỏ. Anh ta nhắc tới con số 18000 quân Nga bị chết, về việc thu được 200 khẩu pháo - tuy rằng trong các cứ điểm có hơn 500 khẩu; tất nhiên là 22000 quân Nga đã bị bắt, vì mọi người đều biết rằng toàn thể số binh lính phòng thủ có khoảng 40000 người. Ban đầu hạm đội bị bao vây, rồi một bộ phận bị bắn chìm và

công tước Men-si-cốp dự định tự mình nổ tung cùng với bộ phận còn lại v.v. và v.v..

Nhưng điều khá lạ lùng là, về sự kiện quan trọng như vậy, huân tước Rét-clíp-phơ không báo cho lãnh sự ở Bu-ca-rét biết và Chính phủ Pháp cũng không nhận được báo cáo nào. Tuy nhiên, tin tức quá hay ho, cho nên người ta không thể không tin nó, và do đó mà người ta đã tin. Thực ra, ngày hôm sau, tin tức nhận được từ Xanh-Pê-téc-bua lại đề cập đến bản báo cáo ngày 26 tháng Chín của công tước Men-si-cốp nói rằng sau trận đánh ở An-ma, ông ta đã rút về Xim-phê-rô-pôn. Nhưng báo chí đáng lẽ lập tức cải chính sự hiểu lầm thú vị về sự thất thủ của Xê-va-xtô-pôn, thì lại quả quyết rằng đây là một lối ẩn loát, rằng trên thực tế bản báo cáo đã đề ngày 20 tháng Chín. Hôm nay dư luận Anh đã tỉnh lại rồi: tin tức sai sự thật về việc chiếm lĩnh cứ điểm lớn không cần vây hãm, là trò lừa bịp tàn nhẫn sẽ buộc báo chí sau này phải thậm trọng hơn.

Ở Tây Ban Nha, sự rối loạn đã xảy ra không những ở Ma-la-ga, nơi mà phe cộng hòa - như tôi đã nêu rõ trong một bài gần đây - rất mạnh, mà còn xảy ra ngay ở Lô-grô-ni-ô, nơi mà Ê-xpác-te-rô đã sống nhiều năm; tin điện cho biết ở Ha-en đã khám phá ra âm mưu của phái cộng hòa và hoàng tử Đôn En-ri-cơ, anh của ông chồng nhu nhược của nữ hoàng, đã bị đày đến quần đảo Ba-lê-a-rơ. Nhưng sự xúc động do tin tức về Xê-va-xtô-pôn gây ra, mãnh liệt đến mức không ai chú ý đến sự kiện ở Tây Ban Nha.

Ở Đan Mạch, ngày 2 tháng Mười nghị viện đã họp. Diễn văn của quốc vương đã thách thức nghị viện. Nó được đón tiếp bằng những tiếng huýt sáo và những tiếng hò la ủng hộ hiến pháp. Tờ "Frankfurter Journal" đưa tin lần thứ hai rằng các nước đồng minh quyết định xét lại bản hiệp ước xấu xa ngày 8 tháng Năm 1852²⁹¹, theo đó quyền kế thừa ngôi vua Đan Mạch rất cuộc vẫn thuộc hoàng đế Nga. Ước-các-tơ không ngừng cuốn hút sự chú ý của công chúng đến văn kiện làm mất uy tín nền ngoại giao châu Âu ấy và sự cố gắng của ông ta, xem ra, hiện nay rút cục đã thành công. Nếu như nhìn chung tin đồn ấy có thể tin được, thì mưu kế này của các nước phương Tây nhằm mục đích sau đây: qua việc tái tục đàm phán mà đạt cho được sự tham gia của Phổ

vào khối đồng minh, mà nước Phổ trước kia đã không đồng ý với bản hiệp ước nói trên. Điều đáng chú ý là Pan-móc-xơn đã gọi bản hiệp ước này, cũng như bản hiệp ước năm 1840, là một biện pháp đối phó với nước Nga, còn việc xem xét lại bản hiệp ước ấy vào lúc này thì nên hiểu đó là một hành động thù địch đối với nước Nga.

Người ta đưa tin rằng Áo đã gửi cho Xanh-Pê-téc-bua một công hàm nhắc lại bốn điều kiện được coi là cơ sở cho cuộc đàm phán hòa bình và chỉ rõ rằng việc Nga hoàng cự tuyệt chấp nhận những điều kiện ấy sẽ bị Phran-txơ-I-ô-xíp coi là casus belli^{*}. Đây là một trong những kết quả của thắng lợi giành được ở Crum.

Những lời nhận xét sau đây về một bài báo đăng gần đây trên tờ "Economist" là do chúng tôi trích dẫn từ thông báo thương mại của các ông Xmít và Sác-lơ:

"Xét theo góc độ sự thông thương với nước Nga thì trong tất cả những lời tuyên bố hoặc ám chỉ đưa ra từ khi cuộc chiến tranh bùng nổ cho đến nay, điều quan trọng nhất là luận điểm mà tờ "Economist" đã đưa ra vào thứ bảy tuần trước. *Cần chú ý rằng tờ tuần báo ấy là của một trong những vị bộ trưởng Bộ Tài chính* (ông Uyn-xơn), do đó những ý kiến mà chúng tôi muốn lưu ý các vị, phải được xem là những ý kiến bán chính thức. Sau khi trình bày tình hình ở sở giao dịch Pê-téc-bua và chỉ rõ rằng do kết quả của sự buôn bán của chúng ta với Phổ, nước này tất nhiên sẽ cung cấp vàng của Anh cho Nga để dùng vào các mục đích quân sự; sau khi nói rằng Chính phủ Anh đã thấy trước được tất cả điều đó, nhưng Chính phủ Anh cho rằng tình hình ấy là điều tai hại nhỏ hơn trong hai điều tai hại, tờ "Economist" đưa tin tiếp đó rằng sau khi Xê-va-xtô-pôn bị thất thủ, "chúng ta sẽ độc chiếm Hắc Hải và bờ biển của nó và sẽ trở thành người chủ sống Đa-nuýp. Nhưng lúc bấy giờ có lẽ Nga sẽ chiếm một trận địa mà vũ khí của chúng ta không thể với tới được, dựa vào đó Nga có thể thử thách tính nhẫn nại của Anh, vì chỉ có thông qua thương mại của mình nó mới lộ chỗ yếu. Có thể nảy ra câu hỏi rằng phải chăng lợi ích dân tộc của chúng ta trong thời gian trước mắt sẽ đòi hỏi một chính sách khác hơn là chính sách mà chúng ta vẫn thi hành cho tới nay. Có thể, chúng ta sẽ phát hiện thấy rằng việc phong tỏa các hải cảng là vô ích, vì hàng hóa của chúng ta phải qua sự trung gian của các nước láng giềng mới đến được thị trường, và Phổ có thể kiểm soát nhờ sự trung gian, mà kết quả của sự trung gian ấy là hành động phong tỏa của chúng ta đối với bờ biển nước Nga có thể bị vô hiệu hóa một cách hết sức dễ dàng, v.v và v.v.. Vì vậy, xét trên góc độ chính sách tối cao" - tờ "Economist" kết luận với giọng cảnh cáo trịnh trọng - "nếu cần phải xem xét lại vấn đề tăng cường phong tỏa và hạn chế mậu dịch trên đất liền cũng như trên biển v.v., thì đối với những ai

sẵn lòng lao vào công việc phiêu lưu ấy" (như việc cung cấp tư bản cho Nga để đến mùa đông mua những hàng hóa để gửi sang đây vào năm sau) "cũng cần phải xét đến một điều là có thể vào năm thứ hai của chiến dịch Nga sẽ lại phải thi hành một chính sách khác hẳn với cái chính sách đã từng được coi là sáng suốt nhất và thích hợp nhất trong năm thứ nhất".

Vị tất cần nhấn mạnh kết luận rút ra từ đó (và chúng tôi nghiêm chỉnh đề nghị các bạn nghiên cứu kỹ nội dung của bài báo), nghĩa là các nước đồng minh đã quyết định rằng con đường duy nhất để tiến hành chiến tranh đến cùng là: vào năm tới sẽ cấm buôn bán trên đất liền, và để ngăn cản các nhà tư bản tiến hành công việc buôn bán sắp sửa bị cấm, chính phủ hết sức ân cần cho phép một trong các bộ trưởng Bộ Tài chính thông báo thật kịp thời cho các nhà buôn của chúng ta biết ý định của chính phủ, để ngăn ngừa những hậu quả nghiêm trọng mà điều đó có thể đem lại cho họ. Vào thứ bảy, giá mớ miếng hơi hạ chút ít so với thứ sáu. Chắc chắn là nếu không phải do bài báo của tờ "Economist" - mà chúng tôi đã nhắc tới - thì giá cả hôm nay hạ xuống là do ảnh hưởng của những tin tức về Xê-va-xtô-pôn. Có ý kiến cho rằng sự thất thủ của cứ điểm quan trọng ấy sẽ đẩy hoàng đế (Nga) đến chỗ đồng ý ký hiệp ước, ý kiến của chúng tôi thì trái ngược hẳn: tai họa này chỉ có thể làm cho Nga hoàng nổi giận và buộc ông ta tìm sự trả thù ở một hướng khác nào đó. Hoàn toàn rõ ràng là chừng nào ông ta chưa bị buộc phải rút bỏ các thành phố lớn của mình, ông ta còn có thể cho rằng mình chưa hoàn toàn là kẻ thua trận, và chừng nào ông ta chưa rơi vào cảnh khốn quẫn, thì ông ta thà sẽ dốc túi thật nhiều, còn hơn là nhượng bộ. Cho nên chúng tôi cho rằng cuộc chiến tranh này có thể sẽ còn kéo dài mấy năm, nếu không thật sự thi hành đường lối mà - theo ý kiến của tờ "Economist" - các nước đồng minh dự định thi hành".

Tờ "Moniteur" số ra ngày 5 tháng Mười đưa tin rằng Bác-be, bị cầm tù ba năm nay ở Be-lo-I-lơ, nay đã được phóng thích vô điều kiện theo lệnh của Bô-na-pác-tơ, vì một bức thư trong đó ông thiết tha hy vọng vào thắng lợi của nền văn minh của cuộc đảo chính tháng Chạp đối với nền văn minh của người Nga²⁹²; tiện đây xin nói rằng nền văn minh thứ nhất đã thể hiện ở A-ten với tư cách là sự tái diễn sự kiện tháng Sáu 1848, khi mà bọn lính tảo Pháp đã bắt ở đây một nhà xuất bản báo "không đáng tin cậy", đốt sách và giấy tờ của ông và đưa chính ông ta vào tù. Từ nay, Bác-be không còn là một lãnh tụ cách mạng của Pháp nữa. Với lời tuyên bố về sự đồng tình của mình với quân đội Pháp, bất kể nó chiến đấu cho sự nghiệp gì và dưới quyền chỉ huy của ai, Béc-be đã dứt khoát tự sánh bản thân mình với người Nga, chia sẻ với họ thái độ bất phân biệt của họ đối với mục đích các chiến dịch của mình.

1* - Lý do dẫn đến chiến tranh

Trong một thời gian dài, Bác-be và Blăng-ki đã tranh giành nhau quyền lãnh đạo chân chính đối với cách mạng Pháp. Bác-be không ngừng vu cáo Blăng-ki và làm mất uy tín ông này bằng cách buộc tội ông này câu kết với chính phủ. Bức thư của Bác-be và lệnh của Bô-na-pác-tơ đã giải đáp câu hỏi xem trong hai người ấy ai là người của cách mạng, và ai không phải²⁹³.

*Do C. Mác và Ph. Ăng-ghen viết ngày 5 và
ngày 6 tháng Mười 1854
Đã đăng trên tờ "New-York Daily
Tribune" số 4215, ngày 21 tháng Mười 1854*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Anh
In bằng tiếng Nga lần đầu*

PH. ĂNG-GHEN

TRẬN ĐÁNH Ở AN-MA

Cuối cùng chúng tôi đã nhận được thông báo chính thức về trận đánh ở An-ma và trên số báo hôm nay chúng tôi cho đăng những bản báo cáo của các vị tư lệnh và các bản tin tỉ mỉ của các nhà báo Anh đã được mục kích trận đánh và của một số sĩ quan hải quân. Những tin tức này về cơ bản đã chứng thực những kết luận mà chúng tôi rút ra được từ những bản tin điện ban đầu về trận đánh này. Xem ra, tình hình thực tế như sau:

Cách bờ biển chừng ba dặm Anh, sông An-ma uốn khúc thành một hình bán nguyệt mà hai góc hướng về phía bắc. Bờ nam sông An-ma phần lớn là dốc đứng cao khoảng 300 phút Anh, ở đây địa hình giống như một sân khấu hình bán nguyệt dốc thoải xuống sông. Bãi dốc này ở bên phải và bên trái đều được bảo vệ bởi những vách đá thẳng đứng tạo thành các mép của một dải đất bằng phẳng, bãi dốc ấy đã được quân Nga chọn làm trận địa. Khi cần thiết thì trong bất kể trường hợp nào, kỵ binh có ưu thế của họ đều có thể yểm hộ cho họ rút lui trên địa hình bằng phẳng của dải đất đó, ở nơi đây có thể kéo pháo binh ra chỗ nào cũng được cả. Khoảng giữa dải đất ấy và con sông, bãi dốc tạo thành một thứ bãi bậc thang, ở đây quân Nga đã bố trí chủ lực bộ binh của họ, ở bên trái có những vách đá dựng đứng hiểm trở khó bề vượt qua che chở, còn ở bên phải cũng có vách đá hiểm trở như vậy che chở, lại còn có lô-cốt vuông trên bãi đất ấy và có đơn vị trọng pháo bắn thẳng bố trí trên điểm cao yểm hộ. Đô đốc Ha-me-lanh quả quyết rằng đơn vị pháo binh ấy gồm có 12 khẩu pháo cỡ 32 pao; nhưng vận chuyển thế nào được những khẩu trọng pháo ấy khi rút lui - và chắc chắn là điều đó đã xảy ra rồi - thì đó còn là một điều bí mật mà vị sĩ quan ấy không giải thích được.

Dải đất có những vườn nho và những mỏm đá xen kẽ nhau ở phía trước trận địa quân Nga rất có lợi cho việc phòng ngự, một nhiệm vụ

Trong một thời gian dài, Bác-be và Blăng-ki đã tranh giành nhau quyền lãnh đạo chân chính đối với cách mạng Pháp. Bác-be không ngừng vu cáo Blăng-ki và làm mất uy tín ông này bằng cách buộc tội ông này câu kết với chính phủ. Bức thư của Bác-be và lệnh của Bô-na-pác-tơ đã giải đáp câu hỏi xem trong hai người ấy ai là người của cách mạng, và ai không phải²⁹³.

*Do C. Mác và Ph. Ăng-ghen viết ngày 5 và
ngày 6 tháng Mười 1854
Đã đăng trên tờ "New-York Daily
Tribune" số 4215, ngày 21 tháng Mười 1854*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Anh
In bằng tiếng Nga lần đầu*

PH. ĂNG-GHEN

TRẬN ĐÁNH Ở AN-MA

Cuối cùng chúng tôi đã nhận được thông báo chính thức về trận đánh ở An-ma và trên số báo hôm nay chúng tôi cho đăng những bản báo cáo của các vị tư lệnh và các bản tin tỉ mỉ của các nhà báo Anh đã được mục kích trận đánh và của một số sĩ quan hải quân. Những tin tức này về cơ bản đã chứng thực những kết luận mà chúng tôi rút ra được từ những bản tin điện ban đầu về trận đánh này. Xem ra, tình hình thực tế như sau:

Cách bờ biển chừng ba dặm Anh, sông An-ma uốn khúc thành một hình bán nguyệt mà hai góc hướng về phía bắc. Bờ nam sông An-ma phần lớn là dốc đứng cao khoảng 300 phút Anh, ở đây địa hình giống như một sân khấu hình bán nguyệt dốc thoải xuống sông. Bãi dốc này ở bên phải và bên trái đều được bảo vệ bởi những vách đá thẳng đứng tạo thành các mép của một dải đất bằng phẳng, bãi dốc ấy đã được quân Nga chọn làm trận địa. Khi cần thiết thì trong bất kể trường hợp nào, kỵ binh có ưu thế của họ đều có thể yểm hộ cho họ rút lui trên địa hình bằng phẳng của dải đất đó, ở nơi đây có thể kéo pháo binh ra chỗ nào cũng được cả. Khoảng giữa dải đất ấy và con sông, bãi dốc tạo thành một thứ bãi bậc thang, ở đây quân Nga đã bố trí chủ lực bộ binh của họ, ở bên trái có những vách đá dựng đứng hiểm trở khó bề vượt qua che chở, còn ở bên phải cũng có vách đá hiểm trở như vậy che chở, lại còn có lô-cốt vuông trên bãi đất ấy và có đơn vị trọng pháo bắn thẳng bố trí trên điểm cao yểm hộ. Đô đốc Ha-me-lanh quả quyết rằng đơn vị pháo binh ấy gồm có 12 khẩu pháo cỡ 32 pao; nhưng vận chuyển thế nào được những khẩu trọng pháo ấy khi rút lui - và chắc chắn là điều đó đã xảy ra rồi - thì đó còn là một điều bí mật mà vị sĩ quan ấy không giải thích được.

Dải đất có những vườn nho và những mỏm đá xen kẽ nhau ở phía trước trận địa quân Nga rất có lợi cho việc phòng ngự, một nhiệm vụ

càng dễ hoàn thành nhờ có những abatis^{1*} và những vật chướng ngại nhân tạo khác; nhưng khu vực này không có rừng cho nên những vật chướng ngại ấy không đáng sợ lắm. Đội dự bị và kỵ binh của quân Nga bố trí ở gò đất cao phía sau và hai bên sườn quân Nga. Ở chính diện, đội tiền vệ bố trí ở bên kia sông An-ma, chiếm đóng hai thôn An-ma và Buốc-luy-cơ.

Ngày 20 tháng Chín, liên quân tiến về phía trận địa kiên cố ấy, quân Pháp ở cánh phải, còn quân Anh ở cánh trái. Tầng sáng, một sư đoàn quân Pháp của tướng Bô-xkê (sư đoàn 2) cùng với 8 tiểu đoàn quân Thổ Nhĩ Kỳ được lệnh tiến theo bờ biển, với nhiệm vụ leo lên vách đá dưới sự yểm hộ của pháo trên tàu, bằng cách đó mà đánh vu hồi sườn trái quân Nga. Quân Anh cũng phải hành động giống thế ở sườn phải quân địch. Nhưng các khẩu pháo trên tàu không yểm hộ được, vả lại trước mặt họ, trên dải đất cao là chủ lực kỵ binh địch, nên bộ phận kế hoạch tấn công này không thực hiện được. Trong khi đó, quân Pháp dưới quyền chỉ huy của Bô-xkê đã thành công trong việc leo lên vách đứng của dải đất cao, và khi quân Nga ở cao điểm đó bị trọng pháo trên tàu bắn vào, thì sư đoàn 3 của Pháp, dưới quyền chỉ huy của hoàng thân Na-pô-lê-ông, vận động về cánh trái của quân Nga. Xa hơn chút nữa, phía giữa và sườn phải của quân Nga cũng bị quân Anh tấn công. Tiến song song với sư đoàn của hoàng thân Na-pô-lê-ông là sư đoàn 2 của quân Anh dưới quyền chỉ huy của huân tước Đờ Lây-xi Ê-van-xơ, người đã từng chỉ huy quân đoàn Anh ở Tây Ban Nha trong cuộc chiến tranh của Các-lốt²⁹⁴. Tướng In-glen-đơ (sư đoàn 3) chỉ viện cho sư đoàn 2, còn ngoài cùng sườn trái của liên quân là sư đoàn bộ binh nhẹ của Anh dưới quyền chỉ huy của huân tước Gi. Brau-nơ, sư đoàn này lại được sự chi viện của sư đoàn cận vệ do công tước Căm-brít-giơ chỉ huy. Đội dự bị (sư đoàn 4 của huân tước Gi. Cát-các-tơ, và sư đoàn kỵ binh của bá tước Lu-can) cơ động ở hậu vệ cánh trái để đập tan mọi ý định của địch đánh bọc sườn.

Đặc điểm của trận đánh này hình như là ở chỗ giai đoạn đầu tiên - giai đoạn hai bên bắn nhau trên toàn tuyến và tiến hành những cuộc cơ

động thực sự có ý nghĩa quyết định dưới sự yểm hộ của cuộc bắn nhau ấy - hết sức ngắn ngủi. Thật vậy, trận địa của quân Nga đã được xác định rõ ràng, pháo binh rất mạnh của họ lại được bố trí khiến cho cuộc bắn nhau chỉ hơi kéo dài một chút là không những sẽ vô ích, mà còn trực tiếp có hại cho liên quân. Vì quân Anh tiến ở phía sau, cho nên có một khoảng thời gian ngắn quân Pháp buộc phải ở dưới làn hỏa lực gây khó khăn đó; nhưng sau đó đội hình hàng dọc của Pháp và tuyến triển khai của Anh bắt đầu vượt qua một cách chậm chạp, nhưng chắc chắn, dải đất khó vượt qua nằm trước mặt họ, đuổi quân Nga ra khỏi thôn An-ma và thôn Buốc-luy-cơ (thôn này bị quân lính rút lui đốt trụi để liên quân không thể lợi dụng nó làm công sự), vượt sông và xông lên cao điểm không chút chậm trễ. Ở đây, cuộc chiến đấu diễn ra ở nhiều nơi trong vườn nho, giữa vách đá và vật chướng ngại bằng cây cối chặt đổ, nó gọi lại cuộc chiến đấu ở địa điểm giữa Vê-rô-na và Ca-xti-on-nơ vào năm 1848²⁹⁵. Không thể tiến lên theo lối chính quy; đông đảo xạ thủ ùn lại không thành đội hình và phần lớn không có liên hệ với nhau đã tự mình mở đường tiến vào bãi đất bậc thang thứ nhất mà quân Nga đóng giữ. Bấy giờ tướng Bô-xkê cử một lữ đoàn chiếm giữ cao nguyên, từ đó uy hiếp cánh trái của quân Nga. Một lữ đoàn của sư đoàn 4 (Phoóc-rơ) được phái ra chi viện cho tướng Bô-xkê, còn lữ đoàn thứ hai của sư đoàn Phoóc-rơ thì chi viện cho sư đoàn của Na-pô-lê-ông. Như vậy là quân Pháp đã chiếm được một vị trí uy hiếp nghiêm trọng cánh trái của quân Nga. Về phía sườn bên phải của quân Nga, huân tước Gioóc-giơ Brau-nơ đã chiếm được lô-cốt vuông của quân Nga là chiếc chìa khóa phần trận địa này của quân Nga trên bãi đất bậc thang; tuy cuộc tấn công của đội dự bị của quân Nga từ trên cao điểm đã đẩy lùi được quân Anh trong một thời gian, nhưng cuộc công kích của binh sĩ Xcốt-len (sư đoàn của công tước Căm-brít-giơ) cuối cùng đã chiếm giữ hoàn toàn được công sự ấy. Vì vậy cánh trái của quân Nga bị bao vây, còn cánh phải bị chọc thủng. Trung tâm của quân Nga bị tấn công chính diện, chỉ có thể leo dốc rút về phía cao nguyên; lên được cao nguyên, quân Nga sẽ không sợ bị tấn công mãnh liệt, nhờ có kỵ binh và pháo kỵ binh tại một địa hình đặc biệt thích hợp với hoạt động của những binh chủng này. Nhưng, khi Bô-xkê đánh vu hồi, thì chắc là

1* - vật chướng ngại

cánh trái của quân Nga đã bị rối loạn ở một chừng mực nào đó; tin tức của Pháp đều nhất trí trong vấn đề này và việc cỗ xe ngựa của Men-si-cốp bị lọt vào tay quân Pháp đã hoàn toàn chứng thực những tin tức ấy. Nhưng mặt khác, quân Nga đã chuyển đi được toàn bộ pháo binh của họ, thậm chí cả trọng pháo công thành của các đơn vị pháo binh ở cánh bên phải (quân Pháp không cướp được khẩu nào, còn quân Anh chỉ được 3 khẩu, nhưng có lẽ đều là những khẩu bị phá hủy), điều đó chứng tỏ rằng cuộc rút lui nói chung là hoàn toàn có trật tự, cũng như chứng tỏ rằng việc Men-si-cốp quyết định ngừng ngay chiến đấu khi ưu thế vừa chuyển sang phía địch, là một quyết định sáng suốt.

Hình như liên quân chiến đấu rất dũng cảm. Trong lịch sử ít thấy những cuộc chiến đấu giống như ở An-ma, trong đó quân đội tiến lên hầu như không gián đoạn, chậm chạp nhưng kiên quyết, và hoàn toàn không có những sự việc bất ngờ và ngẫu nhiên thường làm cho phần lớn các trận đánh lớn mang tính chất lý thú ly kỳ. Chỉ riêng việc đó đủ chứng minh rằng dù sao thì liên quân cũng có ưu thế khá lớn về binh lực, rằng các tướng lĩnh liên quân đã thổi phồng quá đáng binh lực của quân Nga trong các bản báo cáo của mình. Bây giờ chúng tôi quay lại vấn đề ấy.

Nghệ thuật chỉ huy của liên quân không phải là tồi, nhưng nó không phải chủ yếu dựa vào tài trí của các tướng lĩnh, mà chủ yếu là dựa vào lòng dũng cảm của binh sĩ và sự chi viện của hạm đội. Đây là một trận đánh có thể nói là đơn giản, tầm thường, mang tính chất chiến thuật đơn thuần, đặc biệt không có đặc điểm chiến lược gì cả. Cuộc cơ động bên sườn của Bô-xxê là một chủ trương rất tự nhiên và đã được hoàn thành tốt đẹp do các binh sĩ thuộc binh đoàn châu Phi đã học được phương pháp cơ động này trên dèo Át-lát. Quân Anh đột phá được cánh phải của quân Nga, chiến đấu theo cách đơn giản và ngoan cường, và có lẽ nhiệm vụ của họ được tiến hành dễ dàng là nhờ ở sự cơ động khéo léo của các trung đoàn và lữ đoàn; nhưng hình thức tấn công đơn điệu bằng hai tuyến xạ thủ nối tiếp nhau của quân Anh sở dĩ bị phá vỡ chỉ là do các vật chướng ngại thiên nhiên chứ không phải do sự cơ động phức tạp nhằm đánh lừa hoặc làm đối phương trở tay không kịp.

Công tước Men-si-cốp đã khéo chọn trận địa của mình. Nhưng xem ra, ông chưa lợi dụng được kỵ binh của mình như có thể làm được. Tại sao không bố trí kỵ binh ở sườn bên trái để đuổi lũ đoàn Bô-xxê đã bị cô lập xuống khỏi vách đá, khi nó vừa mới chân chính hàng ngũ? Việc ngừng chiến đấu, việc rút quân đội ra ngoài tầm hỏa lực, việc rút pháo binh và toàn bộ cuộc rút lui hình như được tiến hành rất khéo léo, và những cái đó đem lại cho tài chỉ huy của ông niềm vinh dự lớn hơn là vinh dự mà thắng lợi đem lại cho tài chỉ huy của các tướng lĩnh liên quân.

Về số binh lực tham gia trận chiến đấu này, thì về phía liên quân, ngoài pháo binh ra, trên chiến trường có 3 sư đoàn Pháp và 4 sư đoàn Anh, đồng thời có một sư đoàn Pháp và một sư đoàn Anh cùng toàn bộ số kỵ binh ở trong tư thế đội dự bị, không kể 8 tiểu đoàn Thổ Nhĩ Kỳ phải đến tăng viện cho Bô-xxê, nhưng khi cuộc chiến đấu kết thúc thì họ mới đến. Vì quân Pháp để lại Vác-na một lực lượng chi viện mạnh hơn và bị thiệt hại ở đây nhiều hơn quân Anh, cho nên có thể cho rằng trong ngày xảy ra trận chiến đấu, quân số của các sư đoàn hầu như ngang nhau: mỗi sư đoàn Pháp chỉ có chừng 6000, còn mỗi sư đoàn Anh chỉ có 5500 người. Như vậy là trên thực tế có khoảng 40000 bộ binh tác chiến và khoảng 16000 trong đội dự bị, kể cả quân Thổ Nhĩ Kỳ; nếu trừ số bệnh binh và số quân biệt phái, thì con số đó hình như ăn khớp với số binh lực viễn chinh được công bố. Theo lời tuyên bố của thống chế Xanh-Ăc-nô thì quân Nga gồm có hai sư đoàn thường trực - sư đoàn 16 và 17 - với hai lữ đoàn dự bị (binh sĩ tái ngũ sau thời gian nghỉ phép) - sư đoàn 14 và 15 - ngoài ra còn tiểu đoàn xạ thủ số 6. Nếu số lượng tiểu đoàn trong các lữ đoàn đều đầy đủ, thì cộng cả thấy có 49 tiểu đoàn. Nếu tính mỗi tiểu đoàn có 700 người (trong cuộc chiến tranh này, quân số các tiểu đoàn không thể cao hơn thế, mặc dù trong chiến dịch Hung-ga-ri mỗi tiểu đoàn có nhiều hơn con số đó 50 người) thì tổng số là 34300 người. Nhưng con số này gần sát với số lượng lực quân chính quy đóng ở Xê-va-xtô-pôn và ngoại ô thành phố này - căn cứ vào số liệu của chúng tôi - và chắc chắn là chỉ ít phải để lại 5 hoặc 6 tiểu đoàn để đóng giữ cứ điểm này. Vì thế binh lực quân Nga tham gia trận chiến đấu này là 30000 bộ binh, và con số này có thể coi là gần

chính xác. Nghe nói, kỵ binh của quân Nga có 6000 người, nhưng đương nhiên, phần lớn chỉ là người Cô-dắc. Ưu thế rõ rệt đó của binh lực liên quân làm cho thắng lợi mất đi niềm vinh quang quá đáng mà người ta cố tìm cách cho rằng niềm vinh quang ấy do thắng lợi trên tạo ra, như bạn đọc đã thấy qua những đoạn mà chúng tôi đã trích dẫn từ báo chí Anh. Xem ra, cả hai đều tỏ ra dửng dưng cảm như nhau, và dĩ nhiên là, dù cho các tướng lĩnh của liên quân có khoe khoang thắng lợi của họ như thế nào đi nữa, họ cũng không dám nghĩ rằng sau thắng lợi ấy họ có thể mở cờ gióng trống tiến thẳng đến Xê-va-xtô-pôn mà không gặp trở ngại gì, không gặp sự chống cự nào.

Kết quả của trận chiến đấu ấy, tuy về mặt tinh thần có tác dụng lớn đối với liên quân, nhưng vị tất đã gây ra được sự suy sụp tinh thần sâu sắc trong quân đội Nga. Cuộc rút lui này cũng ở vào tình trạng giống như sau trận đánh ở Luy-tơ-xen hoặc Bau-txen; nếu như Men-si-cốp có thể từ trận địa phòng thủ bên sườn của mình ở Bắc-si-xa-rai khéo léo nhử được liên quân, như Bluy-khơ đã làm trước trận đánh ở sông Ca-xbắc²⁹⁶, thì liên quân sẽ còn có dịp tin rằng các thắng lợi vô bổ ấy không đem lại lợi ích gì lớn cho bên thắng. Men-si-cốp vẫn uy hiếp hậu phương của họ bằng một binh lực lớn, và chừng nào họ chưa đánh bại ông ta một lần nữa và cuối cùng đuổi được ông ta đi, thì chừng ấy ông ta vẫn là một địch thủ đáng gờm. Hiện nay hầu như tất cả đều phụ thuộc ở chỗ viện binh của hai bên có tới hay không, về phía liên quân thì lấy trong đội dự bị, còn về phía quân Nga thì điều từ số quân lính ở Pê-rê-cốp, Kéc-sơ và A-na-pa. Ai giành được ưu thế số lượng *trước*, thì người đó có thể giáng một đòn nặng nề. Nhưng về phía Men-si-cốp có lợi thế là có thể bỏ cuộc tấn công và rút lui bất cứ lúc nào, trong khi đó liên quân bị cột chặt vào những nơi mà họ có kho tàng, doanh trại và xe cộ.

Hiện nay Xê-va-xtô-pôn tuy bị vây một phía, nhưng hình như chưa nguy hiểm, vì ưu thế binh lực của liên quân chưa lớn đến mức có thể tấn công cả hai mặt được. Nhưng nếu như liên quân nhận được 20000 quân tăng viện đến nhanh hơn là Men-si-cốp nhận được số quân lính bổ sung - dựa vào những tin tức trong các bức điện từ Ha-li-phắc đánh về và do tàu "Ni-a-ga-ra" mang tới chiều hôm qua, thì điều đó hầu như

cầm chắc ^{1*} - thì nhiều vấn đề có thể giải quyết trong vài ngày. Không thể hy vọng rằng một cú điểm như Xê-va-xtô-pôn có thể đứng vững được hai tuần trước các chiến hào lộ thiên, khi bị tấn công mãnh liệt và kiên quyết. Toàn bộ số quân dự bị đã xuống tàu xuất phát từ Vác-na và phải tới nơi vào ngày 4 hoặc ngày 5 tháng Mười, nhưng tin điện từ Ha-li-phắc không nói gì về việc số quân ấy đã đến, vì vậy, bất kể thế nào, vị tất có thể trông chờ Xê-va-xtô-pôn sẽ thất thủ trước ngày 16 hoặc ngày 18 tháng Mười. Có khả năng là những cuộc tác chiến tích cực trên đồng bằng sẽ làm cho cú điểm ấy giữ vững thêm một thời gian; nhưng nếu như với số quân cơ động của mình đóng ở hậu phương liên quân, Men-si-cốp không giành được thắng lợi quyết định nào đối với liên quân, hoặc liên quân không bị tổn thất vì bệnh dịch, thì Xê-va-xtô-pôn nhất định thất thủ. Căn cứ vào sự chuẩn bị và tinh thần của quân Nga, thì có thể tin rằng Xê-va-xtô-pôn sẽ chỉ thất thủ sau một cuộc chống cự sống mái và trận huyết chiến khủng khiếp; đương nhiên, về mặt nào đó, cảnh tượng đẫm máu của trận chiến đấu ở An-ma sẽ không bằng những cảnh khủng khiếp của cuộc công phá và đánh chiếm Xê-va-xtô-pôn.

*Do Ph. Ăng-ghen viết ngày 9 tháng Mười 1854
Đã đăng làm xã luận trên tờ "New-York Daily
Tribune" số 4219, ngày 26 tháng Mười 1854*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Anh*

^{1*} - Ha-li-phắc ở Ca-na-đa; câu này là do ban biên tập của báo thêm vào.

PH. ĂNG-GHEN

LỰC LƯỢNG QUÂN SỰ CỦA NGA

Tạm thời chúng ta hoàn toàn có thể để mặc cho Bun-lơ Giôn và Giắc Bôn-nôm²⁹⁷ say sưa với "thắng lợi vẻ vang" ở An-ma và mừng trước sự thất thủ của Xê-va-xtô-pôn. Hoạt động quân sự ở Đa-nuýp và Crưm dù có ý nghĩa to lớn thế nào đi nữa đối với liên quân và phái tự do tư sản châu Âu, thì cũng chẳng có ý nghĩa lớn gì đối với nước Nga. Trọng tâm của quốc gia này không chịu ảnh hưởng gì của kết cục của những hoạt động quân sự ấy, trong khi đó, đối với liên quân, thất bại ở Crưm và cuộc rút lui bất đắc dĩ sẽ có nghĩa là sự gián đoạn trong một thời gian dài của hoạt động quân sự trên đất liên và sự sa sút tinh thần mà họ chỉ có thể phục hồi bằng sự cố gắng lớn nhất.

Gần đây chúng tôi đã nhận được những tin tức đáng tin cậy về sự bố trí và sự điều động gần đây nhất của quân Nga; có lẽ nên tập hợp những tài liệu ấy để chỉ rõ bộ phận binh lực Nga đã tham chiến thì nhỏ bé như thế nào so với tổng quân số của Nga, và người ta có thể trông đợi gì ở bộ phận còn lại kia.

Như mọi người đều biết, quân đội Nga gồm những bộ phận sau đây:

I. QUÂN TÁC CHIẾN CHỦ LỰC

Hai quân đoàn bộ đội tinh nhuệ gồm lực lượng vệ binh và lực lượng phóng lựu, gồm có 76 tiểu đoàn bộ binh, 92 đại đội kỵ binh, 228 khẩu pháo.

6 quân đoàn thường trực gồm 300 tiểu đoàn bộ binh, 192 đại đội kỵ binh, 672 khẩu pháo.

3 quân đoàn kỵ binh gồm 176 đại đội kỵ binh và 96 khẩu pháo.

Tổng cộng 376 tiểu đoàn bộ binh, 460 đại đội kỵ binh, 996 khẩu pháo.

II. CÁC QUÂN ĐOÀN RIÊNG LẺ

Quân đoàn Phần Lan, gồm 12 tiểu đoàn bộ binh.

Quân đoàn Ô-ren-buốc, gồm 10 tiểu đoàn bộ binh.

Quân đoàn Xi-bia, gồm 15 tiểu đoàn bộ binh.

Quân đoàn Cáp-ca-dơ, gồm 55 tiểu đoàn bộ binh, 10 đại đội kỵ binh, 180 khẩu pháo.

Đội dự bị của quân đoàn Cáp-ca-dơ, gồm 36 tiểu đoàn bộ binh, 2 đại đội kỵ binh.

Quân đoàn thường trực Cáp-ca-dơ, gồm 47 tiểu đoàn bộ binh.

Tổng cộng 175 tiểu đoàn bộ binh, 12 đại đội kỵ binh, 180 khẩu pháo.

III. QUÂN CÔ-DẮC VÀ CÁC QUÂN KHÔNG CHÍNH QUY KHÁC

Khoảng 700 đại đội kỵ binh, 32 tiểu đoàn bộ binh và 224 khẩu pháo.

IV. QUÂN DỰ BỊ

1. Khoảng 56 tiểu đoàn cảnh sát nội địa, không kể số phế binh và 77 tiểu đoàn lính cải tạo.

2. Quân dự bị của quân chủ lực, hay là các tiểu đoàn 4, 5 và 6 của 24 trung đoàn vệ binh và phóng lựu, tức là mỗi trung đoàn có 3 tiểu đoàn, các tiểu đoàn thường trực 5 và 6 của 72 trung đoàn thường trực, tức là mỗi trung đoàn có 2 tiểu đoàn. Tổng cộng 216 tiểu đoàn.

Tất cả các đơn vị hậu bị ấy đã được gọi nhập ngũ và biên chế xong xuôi, nên con số 300000 người gọi nhập ngũ đợt vừa rồi đã bắt đầu *biên chế thành tiểu đoàn 7 và 8* cho mỗi trung đoàn; do đó, 216 tiểu đoàn nói trên có thể được tính vào tổng số, nâng con số đơn vị lên 726 tiểu đoàn bộ binh, 472 đại đội kỵ binh chính quy và 700 đại đội kỵ binh không chính quy và hơn 1000 khẩu pháo. Vì ở bên ngoài nước Nga biết rất ít về tình hình tổ chức quân dự bị của kỵ binh và pháo binh, cho nên số quân ấy không được đưa vào tổng số.

May thay, con số ấy xem ra đáng sợ hơn là tình hình thực tế. Muốn xác định quân số mà nước Nga có thể thực sự sử dụng cho chiến tranh châu Âu, thì trong tổng số ấy phải trừ đi các quân đoàn Xi-bia, lực

lượng cảnh sát nội địa và ít ra là một nửa số quân Cô-dắc; như vậy sẽ chỉ còn khoảng 650 tiểu đoàn bộ binh, 472 đại đội kỵ binh chính quy, 350 đại đội kỵ binh không chính quy và khoảng 1200 khẩu pháo. Số quân này ít nhất cũng gồm 520000 bộ binh, 62000 kỵ binh và 30000 quân Cô-dắc, nghĩa là hơn 600000 người một chút, bố trí suốt dọc biên giới, từ biển Ca-xpiên, dọc theo Hắc Hải và biển Ban-tích đến Bạch Hải.

Từ khi nổ ra cuộc chiến tranh chống Thổ Nhĩ Kỳ, những đơn vị sau đây đã được nối tiếp nhau đưa ra tham gia tác chiến với liên quân ở biên giới phía nam của đế quốc:

1. Các quân đoàn thường trực 3, 4 và 5 với một phần lực lượng dự bị, song đại bộ phận số lực lượng dự bị đó còn đang trên đường đi.
2. Toàn bộ 3 quân đoàn Cáp-ca-dơ.
3. Hai sư đoàn (2/3) của quân đoàn thường trực số 1, không có đội dự bị.
4. Một bộ phận của quân đoàn kỵ binh số 3 (long kỵ binh) ở Crum.

Trước khi mở đầu chiến dịch, tổng số có 240000 người, nhưng hiện nay con số đó ít nhất cũng giảm xuống còn 184000 người; trong số này có thể tính 84000 thuộc đội quân Bét-xa-ra-bi-a, 54000 người ở Crum hoặc đang được điều về đây, và 46000 người ở Cáp-ca-dơ.

Đến cuối tháng Tám, ở vùng biển Ban-tích có:

Đội dự bị của quân đoàn 6 ở Phần Lan.....	16800	người
Quân đoàn Phần Lan.....	12000	"
Vệ binh và đội dự bị của nó.....	66800	"
Một bộ phận của quân đoàn phóng lựu ở Rê-ven.....	10000	"
Tổng cộng 105600		người

Ở Ba Lan đã có hoặc đang điều đến đó:

Bộ phận còn lại của quân đoàn phóng lựu		
và đội dự bị của nó.....	55000	người
Quân đoàn 1 và 2 và đội dự bị.....	120000	"
Lực lượng Cô-dắc và kỵ binh của các		
quân đoàn:.....	30000	"
Các loại đội dự bị.....	25000	"
Tổng cộng 230000		người

Cộng các số trên đây, chúng ta sẽ có chừng 575000 người, thêm quân đoàn Ô-ren-buốc (ở A-xơ-ra-khan), quân đoàn kỵ binh dự bị và các đơn vị đóng ở Bạch Hải và các nơi khác, sẽ được tổng số nói trên kia. Trong số các đơn vị đóng ở Ba Lan, khoảng 30000 người đang trên đường hành quân, gần 20000 đóng giữ Vác-sa-va, khoảng 100000 người chiếm lĩnh hữu ngạn sông Vi-xla trong nội địa Vương quốc Ba Lan cũ và khoảng 80000 người làm đội dự bị ở Vô-lun và Pô-dô-li-a, trên sông Búc và sông Đni-e-xơ-rơ. Vì vậy chủ lực của quân Nga, kể cả các trung đoàn cận vệ và phóng lựu ăn mặc chỉnh tề, đều tập trung ở tuyến Pê-téc-bua - Sô-tin, tức là dọc biên giới phía tây của đế quốc. Nhưng điều đó cũng chứng tỏ rằng quân lính không đóng ở những trận địa quan trọng nhất. Quân phóng lựu được một sư đoàn vệ binh thay thế, đã rời Rê-ven và tiến về Ba Lan cùng với hai sư đoàn vệ binh còn lại; trong biên chế của các sư đoàn này, mỗi trung đoàn có 4 tiểu đoàn, chỉ có tiểu đoàn 5 và 6 ở lại Pê-téc-bua. Cho nên, quân đội ở phía tây đã tăng lên hơn 270000 người, mà còn có ba quân đoàn kỵ binh hậu bị, là những *quân đoàn hoàn toàn chưa tác chiến bao giờ*, sẽ đến hợp nhất với họ; như thế, quân đội ở tuyến phía tây tăng lên đến 300000 người.

Hiện nay, sự bố trí của quân đội đã thay đổi. Con số 100000 quân chiếm đóng miền đông-nam Vương quốc Ba Lan đã vượt sông Vi-xla và chiếm lĩnh trận địa dọc biên giới Áo. 80000 quân đóng ở Vô-lun đã được điều sang Ba Lan và đã tạo thành một tuyến liên tục dọc theo biên giới ấy. Vệ binh quân phóng lựu - và tùy tình hình điều động đến đó, có thể có cả các quân đoàn kỵ binh - sẽ chiếm lĩnh trận địa trung tâm ở hậu phương. Đến mùa đông, vì biển Ban-tích đóng băng, nên có thể tạm thời rút bớt một số quân. Đến tháng Năm, lớp lính mới nhập ngũ để thành lập các tiểu đoàn thứ 7 và thứ 8 hoặc các tiểu đoàn mới cho các trung đoàn, tổng cộng có 192 tiểu đoàn (từ 130000 đến 140000 người), sẽ được huấn luyện đủ trình độ thay thế vị trí của họ.

Do đó, rõ ràng là Ni-cô-lai rất ít lo lắng đến việc gì xảy ra ở miền nam đế quốc, bởi vì ông ta đã có thể tập trung được 300000 quân ở vị trí chiến lược rất tốt trên đất Ba Lan. Và đây quả thật là một trận địa rất tốt. Giống như một gọng kìm, nó cắm vào giữa Phổ và Áo, bao vây các nước này từ phía sườn và bản thân nó lại được sự yểm hộ của các

phương tiện phòng ngự tốt nhất mà nghệ thuật quân sự, kết hợp với giới tự nhiên, có thể tạo ra được. Na-pô-lê-ông đã biết rõ giá trị quân sự của dải đất mà sông Vi-xla và các nhánh của nó bao quanh. Trong chiến dịch năm 1807, ông ta đã coi nó là căn cứ tác chiến của mình cho đến khi chiếm được Đan-txích. Nhưng ông ta chưa bao giờ chú ý đến việc bố trí phòng thủ ở đây, cho nên ông ta đã phải trả một giá đắt về điều đó trong cuộc rút lui năm 1812. Người Nga, nhất là từ sau năm 1831, đã làm cái mà những người đi trước họ bỏ qua. Mốt-lin (Nô-vơ Ghê-óc-ghi-ép-xơ), Vác-sa-va, I-van-gô-rốt, Brét - Li-tốp-xơ đã tạo thành một hệ thống cứ điểm hoàn chỉnh, mà xét về mặt phối hợp chiến lược thì hệ thống đó quả là có một không hai trên thế giới. Dựa vào hệ thống này, đội quân thua trận có thể chống cự với quân địch mạnh gấp đôi, nếu như được bảo đảm về mặt lương thực, mà việc cắt đứt giao thông trong toàn bộ đất nước là một nhiệm vụ chưa từng có ai tìm cách giải quyết cả. Một tác gia Đức chuyên viết về các vấn đề quân sự am hiểu vùng này đã nói rằng toàn bộ hệ thống cứ điểm phức tạp này, nói đúng hơn, đã chứng tỏ những ý định tấn công hơn là những ý định phòng ngự. Nó được thiết kế không phải chủ yếu để phòng ngự khu vực trên đó nó được xây dựng, mà chủ yếu là để làm căn cứ cho những hoạt động tấn công hướng về phía tây.

Vẫn còn có người tin rằng nếu Xê-va-xtô-pôn thất thủ, thì Ni-cô-lai xin giảng hòa! Nhưng nước Nga còn chưa dùng tới một phần ba số chủ bài của nó, dù Xê-va-xtô-pôn và hạm đội có tạm thời bị mất đi, thì cũng chẳng mùi mè gì đối với con người khổng lồ ấy, vì đối với hân cả Xê-va-xtô-pôn lẫn hạm đội chỉ là thứ đồ chơi mà thôi. Nước Nga biết rất rõ rằng chiến trường có ý nghĩa quyết định đối với mình, không phải là ở ven biển, ở khu vực mà quân địch có thể đổ bộ, mà trái lại, ở sâu trong nội địa, nơi đây có thể điều động đông đảo số quân tác chiến tập trung, khỏi bị phân tán binh lực trong việc phòng ngự vô ích ở bờ biển chống lại một kẻ địch lúc nào cũng sẵn sàng lẩn tránh. Nước Nga có thể mất Crưm, Cáp-ca-dơ, Phần Lan, Xanh-Pê-téc-bua và những biên khu khác, nhưng chừng nào thân thể nó, mà trái tim là Mát-xcơ-va, và cánh tay phải của nó là Ba Lan đã được bố trí phòng thủ, chưa bị đụng chạm đến, thì nó có thể không cần lùi một bước nào.

Có thể nói rằng những hoạt động quân sự chủ yếu trong năm 1854 chỉ là màn mở đầu nhỏ bé của cuộc chiến tranh lớn giữa các dân tộc sẽ được ghi vào biên niên sử năm 1855. Khi mà các quân đoàn chủ lực phía tây của Nga và quân đội Áo - hoặc chống đối nhau, hoặc nắm tay nhau - bước lên sân khấu, thì bấy giờ chúng ta mới thấy một cuộc chiến tranh thực sự với quy mô lớn, giống như những cuộc chiến tranh lớn của Na-pô-lê-ông. Và có thể, những cuộc chiến tranh này lại chỉ là màn mở đầu cho những cuộc chiến tranh khác quyết liệt hơn, có tính chất quyết định hơn - những cuộc chiến tranh của quần chúng nhân dân châu Âu chống lại bọn bạo chúa châu Âu hiện đang thắng lợi và cảm thấy mình vững vàng.

*Do Ph. Ăng-ghen viết ngày 16 tháng Mười 1854
Đã đăng làm xã luận trên tờ "New-York Daily
Tribune" số 4223, ngày 31 tháng Mười 1854*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Anh*

PH. ĂNG-GHEN

CUỘC BAO VÂY XÊ-VA-XTÔ-PÔN

Sau trận An-ma, thành tích chủ yếu của liên quân ở Crưm là cuộc hành quân vu hồi nổi tiếng của huân tước Ra-glan từ An-ma đến Ba-lắc-la-va; cuộc hành quân này làm cho nhiệm vụ rõ ràng của chiến dịch, đánh chiếm Xê-va-xtô-pôn, thu hẹp thành một coup de main ^{1*} chống lại một bộ phận - mà lại là bộ phận yếu nhất - các cứ điểm của Nga; cố nhiên, chiến dịch này dự định tiêu diệt hạm đội Nga, xưởng đóng tàu và kho vũ khí, nhưng lại quy định là liên quân cần phải rút ngay sau khi hoàn thành nhiệm vụ đó. Toàn bộ chiến dịch nói lên rằng tình hình diễn ra đúng như vậy. Như thế là từ bỏ cuộc tấn công vào chính diện phía bắc cứ điểm, là nơi không chế toàn bộ cứ điểm và là nơi duy nhất mà cuộc tấn công có thể có ý nghĩa quyết định; do đó, điều cũng có nghĩa là quân đội viễn chinh công khai thừa nhận rằng mình bất lực trong việc hoàn thành nhiệm vụ đã quy định trong kế hoạch của mình - hoàn toàn đánh chiếm lấy Xê-va-xtô-pôn. Thế mà, như chúng tôi đã đưa tin, người ta đã dùng biết bao nhiêu trang báo đầy rẫy những lời lẽ khoa trương và những câu hùng biện khó hiểu để tăng bốc cuộc hành quân đó lên thành một biểu hiện đặc biệt kiệt xuất của nghệ thuật chỉ huy; thậm chí các tờ báo lớn ở Luân Đôn có phóng viên tại chỗ cũng mãi một tháng sau mới thấy rõ được sự thật, có lẽ là sau khi đã nhận được sự ám chỉ gợi ý của chính phủ. Thí dụ, tờ "Times" Luân Đôn mãi đến ngày 28 tháng Mười mới mở to mắt nhìn vào tình hình thực tế và thận trọng ám chỉ rằng cho tới nay, xem ra, mới chỉ giải quyết được một phần nhỏ của nhiệm vụ của toàn chiến dịch, rằng các lô-cốt ở phía bắc eo biển, nếu không tự nguyện đầu hàng, thì e rằng khó mà hạ nổi chúng. Đương nhiên, tờ "Times" hy vọng rằng những lô-cốt ấy sẽ hành động ngoan ngoãn và đầu hàng, vì khi đã đánh chiếm được

bộ phận chủ yếu của cứ điểm, thì tất cả các công sự phụ thuộc đều phải đầu hàng. Trên thực tế không phải Pháo đài phía bắc phụ thuộc vào thành phố Xê-va-xtô-pôn, mà trái lại, Xê-va-xtô-pôn phụ thuộc vào Pháo đài phía bắc, và chúng tôi rất lo rằng chỉ dựa vào trí tưởng tượng của người anh em chúng ta thôi thì không đủ đánh chiếm lấy cứ điểm kiên cố ấy.

Dù sao đi nữa, từ cuộc "hành quân về vang" nói trên kia đến nay, liên quân chưa làm được việc gì đáng khoe khoang đôi chút, do đó chúng tôi không thể trách các bạn đồng nghiệp Anh của chúng tôi về việc họ tăng bốc cuộc hành quân ấy. Còn như quá trình của cuộc vây hãm, thì hiện nay nó thuộc vào loại đề tài mà bản thân họ chắc chắn cũng thích càng ít nói đến càng tốt. Nhưng vì trước hết chúng ta phải có thái độ công tâm, nên hà tất phải khách sáo như vậy. Sự thật là trong cuộc chiến tranh vốn đã kỳ quặc này, cuộc bao vây ấy là một trong những chuyện kỳ quặc nhất. Đặc điểm của cuộc chiến tranh này hình như là niềm tin tưởng rằng công sự đã chiến là không thể đánh chiếm được. Hãy bắt đầu từ trận Ôn-tê-nít-sa, ở đấy đã bắn pháo theo phương pháp cũ trong mấy giờ rồi mới xung phong lên chiếm công sự, nhưng không ăn thua gì. Ở Ca-la-phát, quân Nga thậm chí không dám quyết định tấn công. Ở Xi-li-xtô-ri, công sự giản đơn bằng đất đá ngăn chặn được những đòn công kích chủ yếu của bên tấn công, và khi nó hầu như bị san bằng, nó vẫn chống cự được những đợt tấn công mãnh liệt của địch. Sau hết, giờ đây ở Xê-va-xtô-pôn, tuyến công sự đã chiến đơn sơ lại được vinh dự nhìn thấy trước mặt mình vô số pháo công thành và cả trọng pháo với số lượng nhiều hơn bất cứ bao giờ trong trường hợp dùng trọng pháo đánh cứ điểm hoàn thiện nhất. Cuộc vây hãm này chứng minh nổi bật một sự thật là, trong lĩnh vực quân sự, qua một thời kỳ hòa bình lâu dài, nhờ công nghiệp phát triển, *khí tài* được cải tiến bao nhiêu thì *nghệ thuật* tác chiến lại lạc hậu bấy nhiêu. Nếu như Na-pô-lê-ông nhìn thấy những khẩu đội pháo bố trí phía trước Xê-va-xtô-pôn với những khẩu pháo cỡ 8 in-sơ và 10 in-sơ thì chắc hẳn là ông sẽ cười âm lên. Nhưng tất cả vấn đề không phải chỉ có thế.

Liên quân đã chiếm lĩnh trận địa của họ vào khoảng ngày 1 tháng Mười, nhưng mãi đến ngày 8 hoặc 9 tháng Mười mới đào chiến hào và

1*- cuộc tập kích bất ngờ

cho đến ngày 17 tháng Mười chưa nổ một phát súng nào. Nguyên nhân của sự chậm trễ này là pháo chưa chuyển được đến đây sớm hơn. Pháo chỉ phải vượt một quãng đường dài từ 4 đến 5 dặm trên mặt đường rắn chắc, chỉ có đôi chỗ lên xuống gồ ghề, có một đoạn lại được xây dựng khá tốt. Nhưng không có súc vật để kéo. Ở Crum, là nơi có nhiều súc vật kéo hơn bất cứ nơi nào khác, mà lại thiếu súc vật để kéo kia chứ! Từ trên núi Đen nhìn xuống thung lũng Bai-dắc-xcai-a có thể thấy rất nhiều bò mộng, mà số lượng chúng vượt quá số lượng cần thiết để kéo cả hạm đội của liên quân qua núi cao. Nhưng thung lũng Bai-dắc-xcai-a lại bỏ ngõ đối với quân Cô-dắc, kỵ binh của liên quân đi tập kích có thể gặp phải kẻ địch đáng sợ ấy. Ngoài ra, liên quân cần giữ quan hệ tốt với dân cư địa phương và không được xâm phạm đến tài sản của họ. Báo chí Anh định viện ra những lý do đó để lẫn tránh việc thừa nhận một sự thật là tuy Ra-glan và Can-rô-béc đã phong tỏa Xê-va-xtô-pôn từ phía nam, nhưng bản thân họ lại bị quân cảnh giới của Men-si-cốp phong tỏa trên sông Đen. Tình hình quả là như vậy, và điều đó có thể được chứng thực ít ra qua sự việc là, theo tất cả các tin tức, kể cả tin tức mới nhất, liên quân đã phải ăn thịt ươp, vì họ không thể kiếm được thịt tươi.

Ngày 3 tháng Mười, 5 tiểu đoàn của quân Nga vượt sông Đen ở khu vực In-ke-rơ-man và được để cho tiến từ phía nam vào cứ điểm "vì điều đó chỉ có lợi cho liên quân". Một phương pháp tác chiến độc đáo làm sao! Kẻ địch mà chúng tôi được tin là đã bị đánh bại, bị mất tinh thần, bị tiêu diệt, lại phái 3000 quân tới Xê-va-xtô-pôn ngay trước mũi liên quân. Địch có lý do gì để làm như thế? Nhưng nếu địch có lý do để phái quân đến cứ điểm, thì Ra-glan cũng có lý do chào mừng họ tiến vào cứ điểm. Ông ta cho rằng thành phố đã đông đúc rồi; căn cứ vào đâu mà đưa ra nhận xét như thế, thì chưa rõ. Dù sao đi nữa, ngoài 4 dặm vuông nằm trong phòng tuyến của quân Nga, còn có toàn bộ bờ bắc và toàn bộ khu vực ở phía sau đó mà chỉ trong 10 phút là có thể chuyển tất cả mọi số quân thừa đến đây. Một thành phố chỉ bị phong tỏa có một mặt, mà nói rằng thành phố ấy quá đông đúc, thì dù sao cũng hết sức vô lý.

Khi nhận được những tin tức đầu tiên về cuộc đổ bộ, chúng tôi đã đoán trước rằng nếu như chiến dịch kéo dài, thì bệnh dịch là kẻ thù

hung ác nhất của liên quân. Giờ đây bệnh dịch đang hoành hành dưới một hình thức tồi tệ nhất, và ít ra là đối với quân đội Anh, do công tác phục vụ được thực hiện quá tồi, nên tình hình càng thêm nghiêm trọng. Quả thực, do nguyên nhân ấy mà bệnh binh ít được săn sóc, đến nỗi huân tước Ra-glan phải cảnh cáo nghiêm khắc các nhân viên quân y. Như thế chưa đủ. Bác sĩ thì ở Công-xtăng-ti-nô-pơ, thuốc men thì để ở Vác-na, còn bệnh binh lại nằm ở Ba-lắc-la-va. Đó chẳng phải là sự minh họa tốt nhất cho học thuyết quân sự mới, mà Lu-i Bô-na-pác-tơ trình bày ở Bu-lô-nhơ, theo học thuyết ấy mỗi quân đội muốn chiếm lĩnh được trận địa thật tốt, thì phải bố trí thành hình tam giác, hay sao? Thời tiết càng lạnh thì bệnh tật càng tăng, nhiều trung đoàn giảm sút quân số - một trung đoàn Anh khi đi có 1000 quân, hiện nay số quân có sức chiến đấu không vượt quá 600 người, - nhưng các hoạt động quân sự vẫn được tiến hành chậm rãi như trước. Lễ thời cũ kỹ của bộ chỉ huy tối cao - hậu quả của việc huấn luyện trong hoàn cảnh 40 năm hòa bình - không thể bị lung lay trước những điều nhỏ nhặt đó. Mặc cho quân đội bị tiêu vong, miễn là chiếm được Xê-va-xtô-pôn theo đúng điều lệnh của thánh thượng.

Trong các cuộc bao vây thông thường, phía quân bao vây bao giờ cũng ra sức đưa các đơn vị pháo tuyến đầu xích lại thật sát công sự địch, và 600 hoặc 700 i-ác-đơ đã được coi là cự ly xa rồi. Nhưng theo Ra-glan thì trong cuộc vây hãm lớn như lần này, hơn nữa nó phần lớn nhằm vào các công sự đã chiến đơn sơ, thì phải dùng phương pháp trái lại. Quân địch để cho chúng ta tiếp cận đến 700 i-ác-đơ, nhưng chúng ta không bao giờ nên làm điều mà địch mong muốn. Ra-glan đã nói như vậy và ông ta cho bố trí các đơn vị pháo ở cự ly 2500 - 3000 i-ác-đơ, - một sự thật mà chúng tôi cho rằng không thể có được, nếu như các thông báo chiến sự về mặt này còn có chỗ đáng nghi, dù là nhỏ nhất. Sau đó, ông ta cho tiếp cận tới 1500 - 1200 i-ác-đơ, còn về câu hỏi tại sao ông chưa cho bắn, thì cuối cùng ông ta giải thích rằng pháo công thành muốn bắn có hiệu quả, thì phải đặt cách công sự, mà mình định mở đột phá cửa khẩu, 300 hoặc 400 i-ác-đơ! Trong các đơn vị pháo tầm xa nhất định có loại pháo Lan-ca-xtéc²⁹⁸ và pháo tầm xa 10 in-sơ, vì rõ ràng là pháo binh Anh giữ ý kiến cho rằng các loại pháo ấy, cũng giống như ống nhòm, chỉ thích hợp với cự ly xa thôi. Thật vậy, vấn đề

bắn ở cự ly xa hoàn toàn thích hợp với pháo binh hải quân ấy mà đem vận dụng vào pháo binh mặt đất, thì sẽ gây ra lộn xộn và hỗn loạn nhiều hơn là sự hữu ích; những đơn vị pháo nước cười này là một ví dụ về điều đó.

Công sự hướng về đất liền của Xê-va-xtô-pôn đã gây ra tất cả những sự cơ động thiên tài và thông minh ấy, thì gồm có: về phía tây (mà quân Pháp tấn công) có nhô ra một hoặc hai cạnh của lô-cốt Ca-ra-tin. Phía sau nó là tường lũy có đục lỗ châu mai, kéo dài đến tận cuối vịnh Ca-ra-tin và kết thúc bằng tháp hình tròn xây trên mỏm núi, tháp này là điểm tựa bên trong cho những công sự bằng đất bao quanh nó. Từ chỗ này cho đến đầu phía trên của hải cảng có đắp tường lũy dày độ 3 phút và do đó, bao bọc Xê-va-xtô-pôn từ phía tây-nam. Nghe nói, đoạn tường lũy này hoàn toàn không thích hợp cho việc phòng ngự, mặc dù rất dễ chấn chỉnh; vì vậy, nó được một công sự bằng đất không lớn lắm ở phía trước nó, che chở. Từ cuối bến cảng theo hướng đông đi về phía vịnh Cô-ra-ben (chính diện tấn công của quân Anh), nếu không kể hai chiếc tháp xung quanh có lô-cốt yểm hộ và giống như chiếc tháp đã mô tả như ở trên, thì không có công sự phòng ngự chính quy nào. Ngoài ra, ở đây còn có một số công sự bằng đất theo kiểu không chính quy, và nếu như tin vào bản sơ đồ mà đại úy Bi-đan-phơ vẽ tại chỗ, thì tất cả những công sự ấy chỉ tạo thành một trận địa yểm hộ rất tầm thường. Dù sao thì sơ đồ ấy cũng có vẽ một phòng tuyến gồm những công sự trông ở phía sau; ở đây không thấy những lô-cốt vuông kín mà quân Nga rất ưa thích. Nhưng khó tin rằng toàn bộ tình hình là như vậy. Nếu quả thật cần chiếm lấy riêng một phòng tuyến ấy, thì quân Anh đã đánh giáp lá cà để chiếm lấy từ lâu rồi. Phải nghĩ đến một tuyến lô-cốt vuông thứ hai ở phía sau.

Toàn bộ công sự của quân Nga đều có bố trí trọng pháo hải quân; đây là nơi sử dụng tốt nhất mà họ tìm được cho pháo. Nhưng họ lại sử dụng pháo rất kém. Họ đã sử dụng pháo đó bắn vào quân địch suốt ngày đêm, nhưng trăm phát thì chỉ có một phát rớt trúng mục tiêu. Có lẽ chính kỹ thuật bắn tồi đó đã khiến cho huân tước Ra-glan đào chiến hào của mình ở cự ly an toàn là 3000 i-ác-đơ. Theo tin tức thì sau ba ngày pháo kích của hạm đội và lục quân của liên quân, quân Anh đã

mở được một cửa đột phá; nhưng quân Pháp chưa đạt được điểm đó. Một khi họ mở được cửa đột phá thì tất họ sẽ phải xung phong. Nếu như chúng tôi không được biết qua một nguồn tin đáng tin cậy rằng các khẩu đội của liên quân đã bố trí ở một cự ly xa như vậy, thì khó bề tin rằng trong điều kiện dùng 200 khẩu pháo cỡ lớn như vậy phải bắn phá đến ba hoặc bốn ngày trời mới phá huỷ được những công sự phòng ngự đó.

Đây là tất cả những điều mà chúng tôi có thể trình bày về kết quả đã đạt được tới nay; dù những hoạt động ấy kết thúc ra sao, có thể khẳng định được rằng cuộc vây hãm Xê-va-xtô-pôn sẽ là một trận có một không hai trong lịch sử chiến tranh.

*Do Ph.Ăng-ghen viết ngày 30 tháng Mười 1854
Đã đăng làm xã luận trên tờ "New-York Daily
Tribune" số 4236, ngày 15 tháng Mười một 1854*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Anh*

PH.ĂNG-GHEN

CHIẾN DỊCH CRUM²⁹⁹

Bạn đọc chắc hẳn sẽ ngạc nhiên về cái tâm trạng mới toát ra từ những tin tức về chiến trường Crum, mà tàu "Ban-tích" đem tới chiều hôm qua và được bản báo đăng ngày hôm nay. Cho đến nay, những bài bình luận của báo chí Anh và những bài tường thuật của các phóng viên Anh và Pháp về tiến trình và tiền đồ của chiến tranh đều có đặc điểm là kiêu ngạo và quá tự tin. Nhưng hiện nay thì lại để lộ ra tâm trạng lo lắng, thậm chí hoang mang. Mọi người đều thừa nhận rằng ưu thế của liên quân so với quân địch, mà trước đây người ta đã công bố, không còn nữa. Xê-va-xtô-pôn kiên cố hơn, Men-si-cốp là viên tướng có tài cán hơn, và quân đội của ông đông hơn là người ta dự đoán. Quân Pháp và quân Anh hiện nay có thể bị thất bại nhục nhã, chứ không phải thu được thắng lợi thực sự và quyết định. Đây là cái tâm trạng mà phóng viên của chúng tôi ở Li-vóc-pun, một người Anh yêu nước nồng nàn và mang thành kiến của người nước mình, đã mô tả, và đây cũng là tâm trạng biểu hiện trong những hành động kiên quyết nhất của hai Chính phủ Pháp và Anh. Họ cố gắng một cách tuyệt vọng để đẩy nhanh việc tăng viện cho Xê-va-xtô-pôn. Vương quốc liên hiệp đã điều đi đến người lính cuối cùng; nhiều tàu thủy đã được dùng vào việc vận chuyển. 50000 lính Pháp đã lên đường ra mặt trận với hy vọng có thể đến chiến trường kịp thời để tham gia trận quyết chiến cuối cùng.

Vào thứ bảy chúng tôi đã cho đăng nhiều bài, chủ yếu có liên quan đến các giai đoạn đầu của cuộc vây hãm, và về sự phối hợp thành công một phần, nhưng nhìn chung vẫn là không thuận lợi của hạm đội liên quân; hôm nay chúng tôi đăng thêm thông báo chính thức về cuộc tấn công đẫm máu của Li-pran-di vào liên quân ở Ba-lắc-la-va và các bản tường thuật về sự tiến triển hơn nữa của chiến sự, mà phải thừa nhận rằng tình hình tiến triển ấy hoàn toàn bất lợi cho liên quân. Nghiên cứu kỹ những tài liệu ấy thì thấy rằng tình hình của liên quân có khó

khăn, thậm chí đáng lo ngại, như chúng tôi đã nhiều lần chỉ rõ, nhưng không đến nỗi nghiêm trọng như phóng viên của chúng tôi ở Li-vóc-pun cảm thấy. Chúng tôi không cho rằng có một cái gì đó còn tồi tệ hơn việc buộc phải rút lui và xuống tàu về nước, đang đe dọa họ. Nhưng mặt khác, họ vẫn chưa mất khả năng chiếm lấy thành phố bằng một cuộc tấn công sống mái đẫm máu. Nhưng dù sao đi nữa, chúng tôi vẫn cho rằng vấn đề phải được giải quyết rất sớm hơn, trước khi viện binh từ Anh và Pháp đến được Crum. Rõ ràng là chiến dịch đã bước vào một bước ngoặt; do những sự cơ động đã được tiến hành và những sai lầm, cũng như sơ suất đã mắc phải, tính chất của chiến dịch đã trở nên rõ ràng, kết cục của nó đã được quyết định rồi. Nắm được những tin tức đáng tin cậy và không thể tranh cãi về những sự kiện chủ yếu, giờ đây chúng tôi có thể trình bày tóm tắt và cô đọng toàn bộ quá trình trận chiến đấu.

Hiện nay đã xác minh là khi liên quân đổ bộ lên pháo đài cũ, thì số quân dưới quyền chỉ huy của Men-si-cốp có tất cả là 42 tiểu đoàn bộ binh và 2 trung đoàn kỵ binh, không kể một số lính Cô-dắc; còn đơn vị phòng thủ Xê-va-xtô-pôn thì gồm có lính thủy đánh bộ và thủy thủ. 42 tiểu đoàn ấy thuộc về các sư đoàn bộ binh số 12, 16 và 17. Giả định rằng mỗi tiểu đoàn có đủ quân số là 700 người thì chúng ta có được con số tổng cộng là 29400 bộ binh; cùng với 2000 phiêu kỵ binh, lính Cô-dắc, pháo binh, công binh và công binh gỡ mìn, thì số quân này có 32000 người. Với một binh lực như vậy, Men-si-cốp không thể ngăn chặn cuộc đổ bộ của liên quân, vì nếu không làm như thế thì ông sẽ đặt đội quân không có đội dự bị đầy đủ của mình nằm dưới tầm pháo của hạm đội liên quân. Chỉ có một đội quân lớn, có khả năng hy sinh một phần binh lực của mình, mới có thể tách ra một số phân đội để tiến hành những trận chiến đấu quy mô nhỏ, dưới hình thức tập kích và đánh úp ban đêm nhằm vào các đơn vị quân địch đang đổ bộ; nhưng trong trường hợp này, quân Nga lại cần từng người lính cho cuộc quyết chiến sắp diễn ra. Ngoài ra, bộ binh Nga ít thích hợp nhất với hoạt động tác chiến quy mô nhỏ; sức mạnh của họ là ở những hoạt động tác chiến với đội hình dày đặc khép kín. Còn lính Cô-dắc thì chỉ thích hợp với những cuộc chiến đấu quy mô nhỏ hơn mà thành công thông thường

là chiếm được một số chiến lợi phẩm nào đó. Đồng thời, chiến dịch Crưm hình như còn chứng minh rằng việc biến lính Cô-dắc thành các đơn vị chính quy, được thực hiện trong ba mươi năm gần đây, đã làm mất đi óc sáng tạo của cá nhân họ và đẩy họ vào tình trạng không còn thích hợp với hoạt động phi chính quy nữa và cũng chưa thích hợp với hoạt động chính quy. Xem ra, hiện nay họ không có khả năng hoạt động tiên tiêu hoặc hoạt động dưới hình thức các chi đội độc lập, cũng như không có khả năng tấn công kẻ địch theo hình thức đội hình. Vì vậy, quân Nga dành dụm từng thanh kiếm, từng khẩu súng cho trận chiến đấu ở An-ma, là hoàn toàn đúng.

Trên bờ sông này, 32000 quân Nga đã bị 55000 binh lính của liên quân tấn công. Tình hình so sánh lực lượng là: hầu như một chọi hai. Khi gần 30000 binh lính của liên quân tham gia chiến đấu, thì Men-si-cốp ra lệnh rút lui. Số quân Nga tham gia chiến đấu lúc đó không quá 20000 người. Nếu định cố giữ trận địa lâu hơn nữa thì quân Nga phải dùng toàn bộ đội dự bị của mình vào cuộc chiến đấu, và sẽ biến cuộc rút lui thành cảnh bị tiêu diệt. Khi thấy rõ rằng liên quân, nhờ ưu thế rất lớn về binh lực, đã cầm chắc thắng lợi trong tay, thì Men-si-cốp đã ngừng trận chiến đấu, dùng đội dự bị của mình để yểm hộ cho cuộc rút lui, và khắc phục hiện tượng rối loạn ban đầu do cuộc vận động vu hồi của tướng Bô-xxê vào sườn bên trái gây ra, ông rời khỏi chiến trường một cách "hoàn toàn trật tự", không bị truy kích, cũng không bị quấy rối. Liên quân bảo rằng họ không có kỵ binh để truy kích; nhưng chúng ta biết rằng quân Nga cả thấy chỉ có hai trung đoàn phiêu kỵ - dù sao thì cũng ít hơn liên quân - cho nên phải thừa nhận rằng lời biện bạch ấy không đủ sức thuyết phục. Cũng như ở Xoóc-nơ-đoóc-phơ Ấy-lau, Bô-rô-di-nô³⁰⁰, bộ binh Nga tuy bị đánh bại, nhưng vẫn tỏ ra xứng đáng với sự nhận định về họ của tướng Cát-các-tơ, người đã từng chỉ huy một sư đoàn đánh nhau với họ và đã tuyên bố rằng họ "không biết hoang mang".

Nhưng nếu bộ binh Nga giữ vững được tinh thần và sự bình tĩnh, thì bản thân Men-si-cốp lại hoàn toàn hoảng hốt. Ưu thế lớn về số lượng của liên quân, cũng như tinh thần kiên quyết và dũng mãnh bất ngờ của họ trong tấn công, đã nhất thời làm đảo lộn các kế hoạch của ông.

Ông bỏ ý định rút về nội địa Crưm và vận động về phía nam Xê-va-xtô-pôn, dự định giữ khu vực sông Đen. Đó là một sai lầm lớn không thể tha thứ được. Từ trên cao điểm An-ma quan sát toàn bộ trận địa của liên quân, ông hoàn toàn có thể tính toán binh lực của địch với mức chính xác đến 5000 người. Ông ta cần biết rằng mặc dù chiếm ưu thế tương đối về số lượng, liên quân cũng không đủ binh lực để vừa cử quân đội ở lại kiểm soát Xê-va-xtô-pôn, vừa truy kích ông ta vào nội địa Crưm. Ông cần biết rằng nếu như ở khu vực duyên hải, so sánh binh lực của liên quân so với của ông là 2 chọi 1, thì ở Xim-phê-rô-pôn ông có thể dùng một binh lực gấp đôi kẻ địch để đối phó với nó. Tuy vậy, theo sự xác nhận của chính Men-si-cốp, ông đã rút về phía nam Xê-va-xtô-pôn. Nhưng sau khi hoàn thành cuộc rút lui đó mà không gặp một chút trở ngại nào từ phía liên quân và sau khi để cho quân lính của mình nghỉ ngơi một vài ngày trên các ngọn đồi phía sau sông Đen, Men-si-cốp liền quyết định sửa chữa sai lầm của mình. Ông thực hiện điều đó bằng một cuộc hành quân mạo hiểm bên sườn địch, từ sông Đen đến Bắc-si-xa-rai. Hành động này vi phạm một trong những nguyên tắc cơ bản của chiến lược, nhưng có hy vọng đạt được những kết quả quan trọng. Hễ phạm sai lầm về chiến lược thì hiếm có trường hợp tránh được hậu quả của sai lầm đó. Trong trường hợp như thế vấn đề đặt ra chỉ là xét xem điều nào có lợi hơn: cam chịu đến cùng hậu quả đó, hay là tính chuyện dùng một cuộc vận động thứ hai, không đúng quy tắc và được cố ý thực hiện, để tránh hậu quả ấy. Trong trường hợp này, chúng tôi cho rằng Men-si-cốp hoàn toàn đúng, khi ông mạo hiểm hành quân bên sườn địch, ngay trong phạm vi hoạt động của địch, để chấm dứt tình trạng bố trí "tập trung" không hợp lý xung quanh Xê-va-xtô-pôn.

Nhưng do sự cố gắng của các nhà chiến lược tầm thường và các tướng lĩnh ôm khư khư lấy lễ thói cũ, những cuộc chuyển quân của hai quân đội đối địch nhau đã mang hình thức xưa nay chưa từng thấy trong thực tiễn chiến tranh. Bệnh nghiện hành quân bên sườn, giống như bệnh dịch tả, đã bao trùm cả hai phe. Trong khi Men-si-cốp quyết định tiến hành một cuộc hành quân bên sườn, từ Xê-va-xtô-pôn đến Bắc-si-xa-rai, thì Xanh Ác-nô và Ra-glan cũng định vận động từ Cát-khi

đến Ba-lắc-la-va. Hậu vệ của quân Nga đã gặp tiền vệ của quân Anh ở gần trại Mê-ken-di (theo tên gọi của một người Xcốt-len sau này phục vụ trong hải quân Nga, làm đến chức đô đốc) và lẽ tự nhiên là tiền vệ đánh tan hậu vệ. Vì trên tờ "Tribune" chúng tôi đã bình luận, theo quan điểm chiến lược, cuộc hành quân bên sườn của liên quân, cho nên bây giờ không cần nhắc lại nữa.

Ngày 2 hoặc 3 tháng Mười, Xê-va-xtô-pôn bị bao vây, và liên quân đã chiếm được những trận địa mà Men-si-cốp vừa bỏ. Từ giờ phút đó, trận vây hãm Xê-va-xtô-pôn nổi tiếng bắt đầu, và đồng thời chiến dịch bước vào một giai đoạn mới. Trước đó, nhờ ưu thế không thể chối cãi được, liên quân có thể hành động theo ý muốn của mình. Hạm đội của họ khống chế mặt biển, đã bảo đảm cho cuộc đổ bộ của họ. Sau cuộc đổ bộ, ưu thế của họ về số lượng và chất lượng chiến đấu của họ, không nghi ngờ gì nữa, cũng cao hơn đã đảm bảo thắng lợi của họ ở An-ma. Nhưng hiện nay đã hình thành cái thế cân bằng mà sớm muộn tất phải xảy ra, khi quân đội rời căn cứ của mình để tác chiến ở nước ngoài. Thật thế, quân đội của Men-si-cốp vẫn chưa lộ mặt, nhưng sự tồn tại của nó buộc liên quân phải bố trí đội dự bị ở sông Đen, chính diện hướng về phía đông. Vì vậy, bản thân quân vây hãm đã suy yếu đi nhiều và chỉ có ưu thế đôi chút về số lượng so với quân phòng thủ Xê-va-xtô-pôn.

Sự thiếu nghị lực, tình trạng thiếu hệ thống, nhất là về mặt phối hợp hành động giữa các cơ quan chỉ đạo của lục quân và hải quân Anh, những khó khăn do địa hình gây ra, và chủ yếu là cái lệ thói thủ cựu không sao khắc phục được, mà như người ta thấy, đặc trưng cho tất cả các cơ quan quân sự Anh, dù là hậu cần hay tác chiến, - đã làm trì hoãn cuộc vây hãm; mãi đến ngày 9 tháng Mười thì cuộc vây hãm thực sự mới được bắt đầu. Ngày hôm đó, rút cục, người ta mới đào chiến hào ở một cự ly rất xa, cách cứ điểm quân Nga 1500 - 2500 i-ác-đơ. Sự việc ấy chưa từng thấy trong lịch sử các trận vây hãm, chứng tỏ rằng quân Nga vẫn có thể cố thủ ở một khu vực ít ra là một dặm xung quanh cứ điểm, mà thực tế thì họ giữ được trận địa ấy cho đến ngày 17 tháng Mười. Sáng sớm hôm đó, các công việc bao vây đã được chuẩn bị khá đầy đủ đến mức liên quân có thể khai hỏa được. Lẽ ra, việc này còn bị hoãn lại mấy ngày nữa, vì hôm đó liên quân vẫn chưa chuẩn bị xong,

nhưng họ bị thôi thúc bởi việc họ nhận được tin tức từ Anh và Pháp nói rằng cả nước đang hân hoan chào đón việc hạ thành Xê-va-xtô-pôn vào ngày 25 tháng Mười. Dĩ nhiên là những tin tức này đã kích động quân đội, và thay vì trấn an họ người ta buộc phải nổ súng. Kết quả là liên quân đã huy động 126 khẩu pháo để đấu lại 200 hoặc 250 khẩu. Nhưng định lý nổi tiếng của Vô-băng, mà người Anh và người Pháp đã nhiều lần dựa vào để dẹp yên dư luận, nói rằng:

"Bao vây là một hoạt động quân sự mà thắng lợi có thể được tính toán với sự chuẩn xác toán học và chỉ là vấn đề thời gian, nếu không gặp sự trở ngại từ bên ngoài".

Nguyên lý nổi tiếng này dựa vào một nguyên lý khác cũng của vị công trình sư ấy:

"Khi bao vây, hỏa lực của bên tấn công có thể tăng lên đến mức giành được ưu thế so với hỏa lực bên phòng ngự".

Thế mà ở đây, ở Xê-va-xtô-pôn, tình hình lại trái hẳn: khi nổ súng, hỏa lực bên tấn công tuyệt đối yếu hơn bên phòng ngự. Hậu quả thấy ngay lập tức: trong vòng mấy giờ, quân Nga đã buộc pháo binh Pháp câm họng và suốt một ngày đấu pháo với quân Anh, hầu như bất phân thắng bại. Để đánh lạc hướng sự chú ý của quân Nga, liên quân đã tấn công từ mặt biển. Nhưng cuộc tấn công này cũng chẳng hơn gì và không đạt được kết quả lớn hơn. Chiến hạm của Pháp nã pháo vào các pháo đài Ca-ran-tin và A-lếch-xan-đrốp để chi viện cho cuộc tấn công của bộ binh vào các pháo đài ấy, không có sự chi viện này thì chắc hẳn quân Pháp bị đánh trả một cách quyết liệt hơn nhiều. Chiến hạm của Anh tấn công phía bắc hải cảng, gồm có pháo đài Công-xtăng-tin-nốp-xki và khẩu đội thông tin, cũng như pháo đài tạm thời xây dựng ở phía đông bắc pháo đài Công-xtăng-tin-nốp-xki. Đô đốc Đôn-đa-xơ, một con người thận trọng, đã hạ lệnh cho các chiến hạm của mình thả neo cách các đồn 1200 i-ác-đơ - ông ta rõ ràng là người thích lối bắn ở cự ly xa. Nhưng người ta đã xác định được từ lâu rằng trong cuộc chiến đấu giữa chiến hạm với pháo bờ biển, nếu như chiến hạm không thể tiến gần cách pháo đài 200 i-ác-đơ hoặc gần hơn nữa để đạn pháo rơi thật trúng đích và gây được hiệu quả lớn nhất, thì chiến hạm nhất định thất bại. Vì vậy Đôn-đa-xơ đã đặt hạm đội của mình dưới làn đạn mãnh liệt;

lẽ ra ông ta nhất định đã bị thiệt hại lớn, nếu không được sự chi viện của ngài Ét-môn Lai-ôn-xơ, ông này hình như đã trái lệnh trên và đưa ba chiến hạm chủ yếu tiến thật gần pháo đài Công-xtăng-tin-nốp-xki, gây cho đồn này một số thiệt hại, mà bản thân cũng bị đồn này làm thiệt hại. Vì báo cáo của các đô đốc Anh và Pháp cho tới nay vẫn chưa đủ động gì về tình hình bị thiệt hại thực tế của các đồn, nên phải kết luận rằng cả ở đây nữa, cũng như ở Bô-mác-xun-đơ, công sự phòng thủ bờ biển kiểu Mông-ta-lăm-be - lô-cốt và pháo đài ngầm - có thể chịu đựng nổi hỏa lực của một số lượng pháo nhiều gấp đôi trên chiến hạm. Điều đó càng đáng ngạc nhiên, bởi vì, như hiện nay mọi người đều biết khá rõ ràng và thực tế ở Bô-mác-xun-đơ đã chứng thực một phần, công sự lộ thiên xây bằng đá của những đồn ấy không thể chịu đựng nổi 24 giờ bắn phá của trọng pháo hải quân đặt ở trên bờ.

Sau sự việc ấy, quân Pháp hầu như hoàn toàn im hơi lặng tiếng mấy ngày trời. Quân Anh nhờ bố trí pháo ở xa phòng tuyến quân Nga và có pháo cỡ lớn hơn so với của các đồng minh của họ, nên vẫn có thể tiếp tục bắn phá và làm câm họng hỏa lực ở tầng trên của một trong những lô-cốt hình vuông xây bằng đá. Cuộc tấn công trên biển không tiếp tục nữa, đó là bằng chứng hùng hồn nhất về sự kiên nhẫn đối với những đồn có hầm ngầm. Sự phòng thủ của quân Nga làm cho bên thắng trận trong trận An-ma hết sức cảnh giác. Trên vị trí của mỗi khẩu pháo bị phá huỷ đã có khẩu mới thay thế ngay. Mỗi lỗ châu mai bị hỏa lực địch phá hoại trong ngày thì ban đêm lại được sửa ngay. Về mặt làm công sự bằng đất, thì tình hình hai bên hầu như giống nhau cho đến khi liên quân tìm được cách giành lấy ưu thế. Cái mệnh lệnh buồn cười của huân tước Ra-glan "thương hại thành phố" đã bị xóa bỏ và cuộc pháo kích bắt đầu, với lối bắn tập trung vào binh sĩ đã tập kết và do tác dụng gây mệt mỏi của nó, cuộc pháo kích ấy, xem ra, đã gây cho bên phòng thủ nhiều thiệt hại. Ngoài ra, lính bắn tỉa còn được phái ra phía trước trận địa pháo để lợi dụng những chỗ ẩn nấp mà ngắm bắn vào pháo thủ của quân Nga. Cũng như ở Bô-mác-xun-đơ, súng trường kiểu Mi-ni-ê đã hoạt động rất tốt, trong vòng mấy ngày trọng pháo và những khẩu súng này đã sát thương phần lớn pháo thủ của quân Nga. Thuỷ thủ của hạm đội là bộ phận được huấn luyện thành thạo nhất về

sử dụng trọng pháo trong quân phòng thủ, cũng chịu chung số phận. Thế là buộc phải dùng đến thủ đoạn thường dùng của quân phòng thủ bị bao vây: bộ binh được phái đến sử dụng pháo dưới sự hướng dẫn của những pháo thủ còn sống sót. Nhưng người ta có thể dễ dàng đoán ra được rằng việc bắn phá của họ hầu như chẳng ăn thua gì, do đó bên vây hãm có thể đào chiến hào của mình ngày một gần cứ điểm. Theo tin tức cho biết, họ đã đào chiến hào song song thứ ba, cách công sự ngoại vi 300 i-ác-đơ. Chúng tôi chưa biết những đơn vị pháo nào được bố trí ở chiến hào song song thứ ba ấy; chỉ có thể ghi nhận một điều là trong cách vây hãm chính quy, chiến hào song song *thứ ba* bao giờ cũng được đào ở chân bờ dốc của công sự bị tấn công, nghĩa là cách hào thành khoảng 50 hoặc 60 i-ác-đơ. Nếu như khoảng cách ấy được nối rộng ra trước Xê-va-xtô-pôn, thì chúng ta chỉ có thể thấy đó là sự xác nhận quan điểm của một số tờ báo Anh cho rằng tuyến phòng ngự này làm trái quy tắc, nên không đủ chỗ cho các công trình sư Anh phát huy tài năng sáng tạo của mình, mà lại còn làm cho các vị này bối rối, vì các vị ấy biết cách phá huỷ chính diện của các pháo đài chính quy, theo đúng những quy tắc có sẵn, nhưng lại hết sức bối rối mỗi khi kẻ địch vi phạm những quy tắc do các bậc quyền uy định ra và đã được công nhận trong vấn đề này.

Một khi đã hạ quyết tâm đánh từ mặt nam, thì phải hướng chiến hào song song và các khẩu đội pháo của nó vào một hoặc nhiều nhất vào hai chính diện phòng ngự đã được xác định chuẩn xác. Phải tập trung lực lượng công kích hai - nhiều nhất là ba - lô-cốt ngoài gần nhau; nếu phá huỷ được mấy lô-cốt này, thì toàn bộ công sự ngoại vi còn lại đều trở thành vô dụng. Nếu liên quân dùng phương pháp ấy, tập trung toàn bộ pháo binh bắn vào một điểm, thì có thể giành ngay được một cách dễ dàng ưu thế rất lớn về hỏa lực và rút ngắn được rất nhiều thời gian vây hãm. Căn cứ vào kế hoạch và bản đồ có thể phán đoán rằng trận tuyến chạy từ pháo đài Ca-ran-tin đến cuối vịnh trong, tức là trên tuyến mà hiện nay quân Pháp đang hướng sự cố gắng của mình vào, có thể thích hợp nhất cho tấn công, vì phá hoại được trận tuyến này thì sẽ để lộ ra toàn bộ thành phố. 130 khẩu pháo nằm trong tay liên quân có thể tức khắc bảo đảm cho họ ưu thế hỏa lực ở khu vực nhỏ hẹp đó. Liên quân

không làm như vậy, họ muốn cho mỗi đội quân có thể hành động độc lập với nhau, thành thử đã tạo ra một phương pháp vây hãm chưa từng có là: toàn bộ tường lũy, dài trên 3 dặm, đã bị bắn phá cùng một lúc trên suốt chiều dài của nó. Cách đánh ấy, người ta chưa hề thấy. Nó đã để cho bên phòng thủ ở trong các lô-cốt và chòi quan sát sơ sài sử dụng cùng một lúc toàn bộ 250 khẩu pháo mà họ có trong tay. Chính diện của một lô-cốt vị tất chứa nổi hơn 20 khẩu pháo và trong các cuộc vây hãm thông thường không thể có quá ba hoặc bốn tuyến tham gia phòng ngự. Có thể, sau này các kỹ sư công binh của liên quân mới tìm ra được những luận cứ chắc chắn biện minh cho phương pháp tác chiến kỳ quặc của họ; nhưng hiện nay chúng ta có thể kết luận rằng họ tìm ra được những điểm yếu nhất của bên phòng ngự và để khỏi lọt mất những điểm yếu ấy, họ đã bắn phá trên toàn tuyến.

Trong thời gian đó, cả hai bên đều có viện binh đến. Cuộc tấn công mãnh liệt và thành công một phần của Li-pran-di nhắm vào các điểm tiền tiêu của liên quân chứng tỏ rằng quân Nga còn có binh lực lớn hơn là số binh lực mà Men-si-cốp đã đưa tới Bắc-si-xa-rai. Nhưng cho tới nay họ còn chưa đủ binh lực để tiến hành một cuộc chiến đấu thắng lợi. Nhìn vào thắng lợi mà bên bao vây đã giành được, nhìn vào sự thiệt hại của bên phòng ngự tăng lên với cấp số nhân theo đà tiếp cận tường lũy của bên bao vây, nhìn vào công sự ngoại vi vẫn còn giữ vững, nhưng tường lũy bên trong rõ ràng đã yếu đi, chúng ta có thể chờ đón cái kết cục có tính chất quyết định sẽ xảy ra vào khoảng từ 9 đến 15 tháng Mười một: hoặc là mạn nam thành phố sẽ bị hạ, hoặc là liên quân vấp phải một thất bại có tính chất quyết định và sẽ bỏ cuộc bao vây. Nhưng nên nhớ rằng sự dự đoán như vậy bao giờ cũng phụ thuộc vào tình huống, mà những tình huống đó ở một nơi cách xa chiến trường như thế này thì không thể nào đánh giá đầy đủ được.

*Do Ph. Ăng-ghen viết ngày 9 tháng Mười một 1854
Đã đăng làm xã luận trên tờ "New-York Daily
Tribune" số 4246, ngày 27 tháng Mười một 1854*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Anh*

PH. ĂNG-GHEN

TRẬN ĐÁNH Ở BA-LẮC-LA-VA³⁰¹

Tàu "A-phri-ca" từ châu Âu đến đã mang lại cho chúng tôi tin tức ba ngày qua, nhưng nếu không kể đến câu chuyện bi thảm của một bệnh viện, trong đó một số thương bệnh binh bị thiếu sống, và một số bài khác nói về những đau khổ chưa từng thấy, thì chẳng có tin tức mới quan trọng nào về chiến trường cả. Về trận chiến đấu đẫm máu, nhưng không có kết quả rõ rệt, xảy ra ngày 5 tháng Mười một, mà những tin tức ngắn về nó được tàu "Ban-tích" đem về, thì hiện nay chúng tôi đã nhận được bản báo cáo ngắn của huân tước Ra-glan, nhưng vẫn chưa có bản tin tỉ mỉ và sinh động của những phóng viên đã tham gia và chứng kiến trận đánh. Do những khó khăn trong chiến tranh tăng lên và còn đang tiếp tục tăng lên, nên ở Anh cũng như ở Pháp đã cảm thấy một mối lo ngại lớn - lớn hơn rất nhiều so với mức người ta có thể thấy khi mới nhìn; sự phòng ngự ngoan cường của Xê-va-xtô-pôn không chịu đầu hàng trước cuộc tấn công mãnh liệt của liên quân đưa nhau tỏ lòng dũng cảm và tinh thần hy sinh, đã được coi là dấu hiệu hết sức không lành. Những tin tức mà chúng tôi trích ở tờ "Times" Luân Đôn, đăng trên số báo này, nói lên sự biến đổi của tâm trạng, sự hoài nghi đang chớm nở, sự hoài nghi này thậm chí có thể được coi là triệu chứng ban đầu của sự tuyệt vọng. Vì thiếu tin tức tỉ mỉ về trận chiến đấu ngày 5 tháng Mười một, nên chúng tôi chưa thể bình luận được, hôm nay chúng tôi chỉ có thể đề cập đến một số tình tiết về cuộc bao vây xảy ra trước trận đánh ấy.

Ngày 25 tháng Mười, một sự kiện đầy kịch tính lần đầu tiên đã phá tan cái tình trạng chặm rãi, đơn điệu của cuộc bao vây Xê-va-xtô-pôn. Hôm đó, quân Nga tấn công vào những trận địa yểm hộ cho các đơn vị liên quân vây hãm, và do thế mạnh được phân bố dàn đều hơn, nên kết quả khác hẳn với trận chiến đấu ở An-ma: ở đây hầu như chỉ có kỵ binh tham gia chiến đấu, còn ở An-ma kỵ binh thực tế hoàn toàn không

không làm như vậy, họ muốn cho mỗi đội quân có thể hành động độc lập với nhau, thành thử đã tạo ra một phương pháp vây hãm chưa từng có là: toàn bộ tường lũy, dài trên 3 dặm, đã bị bắn phá cùng một lúc trên suốt chiều dài của nó. Cách đánh ấy, người ta chưa hề thấy. Nó đã để cho bên phòng thủ ở trong các lô-cốt và chòi quan sát sơ sài sử dụng cùng một lúc toàn bộ 250 khẩu pháo mà họ có trong tay. Chính diện của một lô-cốt vị tất chứa nổi hơn 20 khẩu pháo và trong các cuộc vây hãm thông thường không thể có quá ba hoặc bốn tuyến tham gia phòng ngự. Có thể, sau này các kỹ sư công binh của liên quân mới tìm ra được những luận cứ chắc chắn biện minh cho phương pháp tác chiến kỳ quặc của họ; nhưng hiện nay chúng ta có thể kết luận rằng họ tìm ra được những điểm yếu nhất của bên phòng ngự và để khỏi lọt mất những điểm yếu ấy, họ đã bắn phá trên toàn tuyến.

Trong thời gian đó, cả hai bên đều có viện binh đến. Cuộc tấn công mãnh liệt và thành công một phần của Li-pran-di nhắm vào các điểm tiền tiêu của liên quân chứng tỏ rằng quân Nga còn có binh lực lớn hơn là số binh lực mà Men-si-cốp đã đưa tới Bắc-si-xa-rai. Nhưng cho tới nay họ còn chưa đủ binh lực để tiến hành một cuộc chiến đấu thắng lợi. Nhìn vào thắng lợi mà bên bao vây đã giành được, nhìn vào sự thiệt hại của bên phòng ngự tăng lên với cấp số nhân theo đà tiếp cận tường lũy của bên bao vây, nhìn vào công sự ngoại vi vẫn còn giữ vững, nhưng tường lũy bên trong rõ ràng đã yếu đi, chúng ta có thể chờ đón cái kết cục có tính chất quyết định sẽ xảy ra vào khoảng từ 9 đến 15 tháng Mười một: hoặc là mạn nam thành phố sẽ bị hạ, hoặc là liên quân vấp phải một thất bại có tính chất quyết định và sẽ bỏ cuộc bao vây. Nhưng nên nhớ rằng sự dự đoán như vậy bao giờ cũng phụ thuộc vào tình huống, mà những tình huống đó ở một nơi cách xa chiến trường như thế này thì không thể nào đánh giá đầy đủ được.

*Do Ph. Ăng-ghen viết ngày 9 tháng Mười một 1854
Đã đăng làm xã luận trên tờ "New-York Daily
Tribune" số 4246, ngày 27 tháng Mười một 1854*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Anh*

PH. ĂNG-GHEN

TRẬN ĐÁNH Ở BA-LẮC-LA-VA³⁰¹

Tàu "A-phri-ca" từ châu Âu đến đã mang lại cho chúng tôi tin tức ba ngày qua, nhưng nếu không kể đến câu chuyện bi thảm của một bệnh viện, trong đó một số thương bệnh binh bị thiếu sống, và một số bài khác nói về những đau khổ chưa từng thấy, thì chẳng có tin tức mới quan trọng nào về chiến trường cả. Về trận chiến đấu đẫm máu, nhưng không có kết quả rõ rệt, xảy ra ngày 5 tháng Mười một, mà những tin tức ngắn về nó được tàu "Ban-tích" đem về, thì hiện nay chúng tôi đã nhận được bản báo cáo ngắn của huân tước Ra-glan, nhưng vẫn chưa có bản tin tỉ mỉ và sinh động của những phóng viên đã tham gia và chứng kiến trận đánh. Do những khó khăn trong chiến tranh tăng lên và còn đang tiếp tục tăng lên, nên ở Anh cũng như ở Pháp đã cảm thấy một mối lo ngại lớn - lớn hơn rất nhiều so với mức người ta có thể thấy khi mới nhìn; sự phòng ngự ngoan cường của Xê-va-xtô-pôn không chịu đầu hàng trước cuộc tấn công mãnh liệt của liên quân đưa nhau tỏ lòng dũng cảm và tinh thần hy sinh, đã được coi là dấu hiệu hết sức không lành. Những tin tức mà chúng tôi trích ở tờ "Times" Luân Đôn, đăng trên số báo này, nói lên sự biến đổi của tâm trạng, sự hoài nghi đang chớm nở, sự hoài nghi này thậm chí có thể được coi là triệu chứng ban đầu của sự tuyệt vọng. Vì thiếu tin tức tỉ mỉ về trận chiến đấu ngày 5 tháng Mười một, nên chúng tôi chưa thể bình luận được, hôm nay chúng tôi chỉ có thể đề cập đến một số tình tiết về cuộc bao vây xảy ra trước trận đánh ấy.

Ngày 25 tháng Mười, một sự kiện đầy kịch tính lần đầu tiên đã phá tan cái tình trạng chặm rãi, đơn điệu của cuộc bao vây Xê-va-xtô-pôn. Hôm đó, quân Nga tấn công vào những trận địa yểm hộ cho các đơn vị liên quân vây hãm, và do thế mạnh được phân bố dàn đều hơn, nên kết quả khác hẳn với trận chiến đấu ở An-ma: ở đây hầu như chỉ có kỵ binh tham gia chiến đấu, còn ở An-ma kỵ binh thực tế hoàn toàn không

tham gia. Quân Nga không phải là bên phòng ngự, mà là bên tấn công, còn liên quân lại có lợi thế là chiếm được trận địa vững chắc. Đương nhiên, lần này cuộc chiến đấu cũng gần giống như ở An-ma, hai bên không phân thắng bại, nhưng ưu thế thuộc về quân Nga.

Nối liền bán đảo Khéc-xô-nét Hê-rắc-lây ở phía nam vịnh Xê-va-xtô-pôn với thảo nguyên Crưm là một dãy đất đồi kéo dài từ cửa sông Đen, đổ vào vịnh Xê-va-xtô-pôn, đến phía tây-nam. Dải đất đồi này về phía tây-bắc thì thoải thoải xuống Xê-va-xtô-pôn, về phía đông-nam, phần lớn là vách đá hiểm trở, thì hướng về Ba-lắc-la-va. Đối với liên quân đã chiếm Khéc-xô-nét, thì dãy đồi này là trận địa phòng ngự tự nhiên chống lại bất cứ đội quân Nga nào định giải vây. Nhưng rủi thay, "căn cứ tác chiến" của quân Anh, hải cảng chính của hạm đội Anh và kho tàng tập trung quân nhu của Anh lại ở Ba-lắc-la-va, mà Ba-lắc-la-va lại ở cách dãy đồi này 3 dặm về phía đông-nam. Vì vậy phải đặt Ba-lắc-la-va vào trong hệ thống phòng ngự. Xung quanh Ba-lắc-la-va là một loạt cao điểm nhấp nhô, chạy dài theo bờ biển từ đầu phía nam của dãy đồi nói trên, đến phía đông và phía tây và, giống như hầu hết những ngọn đồi ở Crưm, mặt phía tây-bắc thì thoải thoải, còn mặt phía đông-nam là vách đá hiểm trở. Ở khoảng giữa hai dãy cao điểm là một dải đồng bằng hơi mấp mô, nhô dần lên về phía đông và cuối cùng dốc đứng xuống thung lũng sông Đen.

Đặc điểm nổi bật nhất của đồng bằng này là sự xen kẽ giữa những ngọn đồi và gò đồng kéo dài về phía tây-bắc và phía đông-nam, nối liền dãy núi mà chúng ta gọi là Hê-rắc-lây, với dãy núi trên bờ biển phía nam. Ở cao điểm cách Ba-lắc-la-va 3 dặm về phía đông và đông bắc ấy, liên quân đã xây dựng phòng tuyến thứ nhất gồm 4 lô-cốt vuông yểm hộ con đường từ Bắc-si-xa-rai và từ thượng lưu sông Đen. Những lô cốt này do quân Thổ Nhĩ Kỳ đóng giữ. Phòng tuyến công sự đã chiến thứ hai xây dựng đối diện với Ba-lắc-la-va, kéo dài đến tận đỉnh tam giác do dãy đồi ven biển và dãy núi Hê-rắc-lây tạo thành, mà dãy núi này thì do sư đoàn quân Pháp của tướng Bô-xkê, đóng ở gần đó, phòng thủ. Vì vậy, nếu phòng tuyến thứ hai, do bộ binh, lính thủy đánh bộ và hải quân Anh trấn giữ, chuyển thành tuyến lô-cốt vuông của quân Pháp yểm hộ nó từ bên sườn, thì phòng tuyến thứ nhất của quân Thổ Nhĩ Kỳ

nhô ra phía trước gần 2 dặm, không những không được sự chi viện nào, mà lại còn - điều mà người ta lấy làm lạ - ở vào vị trí không thẳng góc với con đường trên đó kẻ địch có thể xuất hiện, mà lại hầu như nằm theo chiều dọc của con đường ấy, thành thử quân Nga có thể lần lượt chiếm lấy 4 lô-cốt vuông, chiếm đến đâu giữ đến đấy mà không vấp phải sự chống cự đặc biệt mãnh liệt nào của những lô-cốt vuông chưa bị chiếm.

Trận địa của liên quân ở phía Ba-lắc-la-va do quân Thổ Nhĩ Kỳ chiếm lĩnh đóng trong các lô-cốt vuông hoặc phòng tuyến thứ nhất, cao điểm sát với Ba-lắc-la-va do lính thủy đánh bộ Anh đóng giữ, ở thung lũng phía bắc Ba-lắc-la-va có trung đoàn bộ binh Xcôt-len số 93 và mấy phân đội gồm thương bệnh binh đang hồi phục. Xa nữa về phía bắc là nơi đóng quân của kỵ binh Anh, và trên cao điểm Hê-rắc-lây là đơn vị tiền vệ của sư đoàn tướng Bô-xkê.

6 giờ sáng ngày 25 tháng Mười, tướng Li-pran-di chỉ huy quân Nga tấn công vào các trận địa trên. Sư đoàn hỗn hợp do ông chỉ huy gồm 6 trung đoàn bộ binh (các trung đoàn Đni-e-prơ, A-dốp, U-cra-i-na Ô-đét-xa, Vla-di-mia, Xu-dơ-đan, tiểu đoàn khinh binh số 6 và một tiểu đoàn Cô-dắc Hắc Hải - tổng cộng có 26 tiểu đoàn), 3 trung đoàn kỵ binh (các trung đoàn phiêu kỵ binh số 11, 12 và trung đoàn kỵ binh hỗn hợp - từ 24 đến 26 đại đội kỵ binh), khoảng 2 trung đoàn Cô-dắc và 70 khẩu pháo, trong đó có 30 khẩu loại 12 pao.

Tướng Li-pran-di cử tướng Gríp-bơ dẫn 3 tiểu đoàn của trung đoàn Đni-e-prơ, đi qua khe núi bên trái để chiếm lĩnh thôn Cô-ma-rư mà phía trước có chiếc lô-cốt vuông đầu tiên và cũng là lô-cốt kiên cố nhất. Tướng Gríp-bơ đã chiếm được thôn này và ba tiểu đoàn của ông xem ra đã ở đó rất yên ổn suốt một ngày, nhưng dù sao trong những tin tức sau này mô tả về cuộc chiến đấu tiếp theo không thấy nhắc đến họ lần nào nữa.

Đội chủ lực ban đầu đi theo đường nông thôn dọc sông Đen rồi tiến vào con đường cái chạy từ Bắc-si-xa-rai đến Ba-lắc-la-va. Ở đây họ vấp phải lô-cốt vuông do quân Thổ Nhĩ Kỳ đóng giữ. Vì lô-cốt vuông đầu tiên là một công sự khá kiên cố, nên tướng Li-pran-di cho bắn pháo trước vào nó, rồi mới cho các đơn vị xung phong. Quân xạ thủ yểm hộ

cho tiểu đoàn 1, 2 và 3 của trung đoàn A-dốp tiến công theo đội hình đại đội hàng dọc, những tiểu đoàn này lại còn được sự chi viện từ hai sườn của 4 tiểu đoàn thuộc trung đoàn A-dốp và một tiểu đoàn của trung đoàn Đni-e-prơ tấn công theo đội hình hàng dọc dày đặc. Lô-cốt vuông bị chiếm sau một cuộc chống cự quyết liệt; việc quân Thổ Nhĩ Kỳ bị *thiệt hại* 170 người, vừa chết vừa bị thương, trong trận này chúng tỏ sự phòng thủ anh dũng của lô-cốt này, trái với những luận điệu đầy ác ý trên báo chí Anh. Còn các lô-cốt vuông thứ 2, 3 và 4 được xây dựng một cách vội vàng thì đã bị quân Nga chiếm lĩnh hầu như không phải bằng đánh chiếm, và đến 7 giờ sáng phòng tuyến thứ nhất của liên quân đã hoàn toàn lọt vào tay quân Nga.

Việc quân Thổ Nhĩ Kỳ rút bỏ những lô-cốt vuông ấy có thể có lợi ở chỗ phá tan được cái quan niệm phi lý ăn sâu vào đầu óc người ta từ chiến dịch Ôn-tê-nít-sa và trận đánh Xi-li-xtơ-ri, về sự dũng cảm phi thường của quân Thổ Nhĩ Kỳ; nhưng dù sao thì các tướng Anh và báo chí Anh đã có thái độ rất tồi trong trường hợp này, khi đột nhiên nổi trận lôi đình nhằm vào quân Thổ Nhĩ Kỳ. Lẽ ra, kẻ đáng trách mắng nhiếc nhất không phải là quân Thổ Nhĩ Kỳ, mà là những vị công trình sư đã xây dựng phòng tuyến không hợp lý như thế, mà lại không lo hoàn thành kịp thời, cũng như các ngài chỉ huy đã làm cho phòng tuyến thứ nhất bị húng một đòn chí tử, mà chẳng chi viện gì cả.

Binh sĩ của trung đoàn bộ binh Xcốt-len số 93 bình tĩnh, nhưng chậm chạp, theo phong cách của người Xcốt-len, họ từ từ tham gia cuộc chiến đấu và chỉ vượt dãy đồi đến chi viện cho các lô-cốt này, khi chúng đã bị chiếm rồi. Quân Thổ Nhĩ Kỳ bị quân Nga truy kích và chém giết, rút cục, đã chĩnh đốn lại được đội hình ở hai sườn quân Xcốt-len lúc đó đang cố sức tránh hỏa lực của quân Nga bằng cách nằm nấp sau một bờ đất nhỏ, ở phía trước toàn bộ các trận địa còn do liên quân chiếm lĩnh; quân Thổ Nhĩ Kỳ chỉ được một sự đoàn kỵ binh chi viện ở cánh trái. Bấy giờ quân Nga triển khai đội hình chiến đấu trên cao điểm, ở đó có các lô-cốt vuông; bên trái là trung đoàn bộ binh A-dốp, bên phải là trung đoàn bộ binh U-cra-i-na, xa hơn về bên phải là trung đoàn bộ binh Ô-dét-xa. Ba trung đoàn ấy bố trí dày khoảng đất trống giữa các lô-cốt vuông và chiếm giữ phòng tuyến thứ nhất trước

đây của liên quân. Ở xa hơn, bên phải trung đoàn Ô-dét-xa là đồng bằng hơi nhấp nhô thuận lợi cho hoạt động của kỵ binh. Hai trung đoàn phiêu kỵ được cử đến đây, đối diện với kỵ binh của quân Anh đã được điều tới, hai bên cách nhau khoảng hai dặm. Các trung đoàn Xu-dơ-dan và Vla-di-mia, một bộ phận pháo binh và kỵ binh có trang bị súng vừa mới tới, đều được để lại làm đội dự bị.

Khi trung đoàn Xcốt-len số 93, được một tiểu đoàn thương bệnh binh vừa phục hồi sức khỏe và quân Thổ Nhĩ Kỳ tăng cường, bắt đầu chống trả quân Nga, thì phiêu kỵ binh đã mở cuộc tấn công chống lại nó. Nhưng phiêu kỵ binh chưa kịp tiến lên thì một lữ đoàn kỵ binh nặng của Anh đã lao vào đánh họ. Bấy hoặc tám trăm long kỵ binh Anh xông vào quân Nga và đánh tan họ trong một cuộc tấn công xuất sắc nhất và thành công nhất mà chúng ta được biết, nếu xét đến ưu thế số lượng của quân Nga. Phiêu kỵ binh Nga, với số lượng gấp đôi quân Anh, đã bị đánh tan trong khoảnh khắc. Mấy đại đội kỵ binh Nga được điều đến tấn công trung đoàn Xcốt-len số 93 đã bị binh sĩ Xcốt-len bình tĩnh nhất tề nổ súng ở cự ly 50 bước, nên các đại đội ấy đã mạnh ai nấy chạy.

Nếu như quân Thổ Nhĩ Kỳ thua chạy, thì quân Anh nhất thời giành được vinh quang. Tinh thần dũng cảm của người Xcốt-len đón đánh kỵ binh ngay khi chưa bày thành thế trận hình vuông, cuộc công kích mãnh liệt của kỵ binh nặng của Anh đều là những việc thực sự đáng tự hào, nhất là những việc đó được hoàn thành trước khi viện binh tới. Nhưng giờ đây các sư đoàn 1 (của công tước Căm-brít-giơ) và 4 (của Cát-các-tơ), cũng như sư đoàn quân Pháp của Bô-xkê và lữ đoàn xạ thủ châu Phi (kỵ binh) đã đến cả rồi. Quân sĩ đã bày thành thế trận và chỉ bây giờ mới có thể nói đến cuộc chạm trán của hai đội quân. Sau khi sư đoàn Bô-xkê đã bày thế trận trên cao điểm Hê-rắc-lây, thì Li-pran-đi phái ngay trung đoàn Vla-di-mia và trung đoàn Xu-dơ-dan lên quả đồi ở cuối cánh phải bố trí phía sau kỵ binh.

Hai bên đóng cách xa nhau ngoài tầm bắn, nên súng hầu như ngừng nổ, nhưng một sự hiểu lầm nào đó, hiện chưa điều tra rõ, đã đẩy kỵ binh nhẹ của Anh mở một cuộc tấn công vô lý, nhưng kết thúc một cách thất bại. Nhận được lệnh tấn công thì mấy giây sau, bá tước

Các-di-gan dẫn lũ đoàn kỵ binh nhẹ của mình đi ngược theo thung lũng nằm đối diện với trận địa của ông và hai bên có đồi che chở, trên những quả đồi này có bố trí các đơn vị pháo tập trung hỏa lực chĩa xuống khu vực phía dưới. Toàn lũ đoàn có 700 kỵ binh; khi họ tiếp cận chân dốc của đồi, vào vừa tầm bắn, thì gặp hỏa lực của pháo và súng trường từ đó nã xuống. Thế là họ xung phong vào khẩu đội pháo bố trí ở phía trên thung lũng, vượt qua hỏa lực trong cự ly 20 i-ác-đơ, chém ngã các pháo thủ, đánh tan phiêu kỵ Nga lúc ấy đang mở một đợt xung phong thứ hai nhưng thực ra không kiên quyết, và họ đã bắt đầu quay về, thì kỵ binh có trang bị súng của quân Nga bất thành linh từ bên sườn ập tới. Đội kỵ binh trang bị súng này vừa tới nơi là xung phong ngay vào đám kỵ binh Anh đã mỏi mệt. Lần này quân Anh tuy thu được thắng lợi cục bộ, nhưng buộc phải rút lui và quân Nga hoàn toàn đánh tan họ, thực ra đó là nhờ ưu thế về số lượng của quân Nga và do sự sơ suất của số quân Anh lúc đó không có mục đích gì rõ ràng mà lại trực tiếp đưa đầu vào hỏa lực chéo cánh sỏ của một số lượng pháo binh đông đảo. Trong số 700 kỵ binh Anh chỉ còn ngót 200 người sống sót trở về và còn sức chiến đấu. Trước khi được bổ sung sinh lực mới, thì có thể coi lũ đoàn kỵ binh nhẹ này đã bị tiêu diệt.

Nếu không có hai cuộc cơ động chiến thuật chi viện hai bên sườn cuộc tấn công của kỵ binh nhẹ thì thất bại của quân Anh còn nặng nề hơn nhiều và có lẽ không còn ai sống sót trở về. Ở phía bên phải, huan tước Lư-can đã ra lệnh cho lũ đoàn long kỵ binh đánh nghi binh các đơn vị pháo của quân Nga. Lũ đoàn này thúc ngựa tiến lên được mấy phút, thiệt hại khoảng chục người dưới hỏa lực của quân Nga và vội vã quay về. Nhưng ở cánh trái, 2 trung đoàn kỵ binh châu Phi của quân Pháp được xếp vào số các trung đoàn kỵ binh ưu tú trên thế giới, thấy liên quân bị đánh, liền vội đến cứu viện. Họ xung phong vào khẩu đội pháo Nga bố trí cao trên quả đồi đối diện với trung đoàn bộ binh Vla-di-mia, và bắn vào sườn kỵ binh nhẹ của Anh, trong nháy mắt họ đã đột nhập trận địa pháo, chém giết pháo thủ, rồi rút lui ngay sau khi hoàn thành nhiệm vụ, điều mà họ phải làm ngay cả trong trường hợp bộ binh của trung đoàn Vla-di-mia không tấn công họ tức khắc.

Ở đây chúng ta lại thấy phương pháp tác chiến của quân Anh, biểu hiện trong chiến dịch này và chúng tôi đã nhiều lần nhắc đến. Ban đầu quân Anh đã phạm sai lầm, và sau đó không có quyết tâm dùng hành động trái nguyên tắc chiến thuật là hành động duy nhất có thể loại trừ hậu quả của sai lầm ấy. Nhưng xạ thủ Pháp thì thấy được ngay rằng cần phải làm gì. Ở cánh mà họ được bố trí, kỵ binh Nga không tấn công, bởi vì họ chặn trước bằng cách tấn công mãnh liệt trước; những kỵ binh thận trọng của lũ đoàn long kỵ Xcát-lét-tơ chỉ đánh nghi binh và, đương nhiên, như vậy không đủ để ngăn cản kỵ binh trang bị súng của quân Nga đột kích vào sườn phiêu kỵ binh (kỵ binh nhẹ của Anh). Nếu như họ xung phong, như quân Pháp, thì kỵ binh trang bị súng của quân Nga phải nhanh chóng rút về. Nhưng trong khi kỵ binh nhẹ của Anh được lệnh tác chiến dũng cảm, thì kỵ binh nặng lại nhận được lệnh hành động thận trọng, kết quả là lũ đoàn kỵ binh nhẹ bị tiêu diệt.

Cuộc chiến đấu kết thúc như vậy. Quân Nga đã phá hủy 2 lô-cốt vuông ở gần trận địa liên quân nhất và cố thủ trong hai lô-cốt vuông còn lại. Họ giữ chắc khu vực đã chiếm được, còn huan tước Ra-glan không dám quyết định tấn công họ, mà ra lệnh tăng cường phòng tuyến lô-cốt vuông thứ hai và bó hẹp ở việc phòng thủ tuyến ấy. Tuyến thứ nhất đã thất thủ.

Trong trận đánh này, hành động của trung đoàn Xcôt-len số 93 hết sức đáng khen ngợi. Đón đánh kỵ binh, bằng cách triển khai thành đội hình hàng ngang như họ đã làm, và chỉ điều một đại đội ở cánh phải về phía sau thành *en potence*^{1*}, không nổ súng khi chưa đến giờ quyết định, rồi sau đó nổ súng một cách bình tĩnh như thế - điều đó chỉ có thể được thực hiện ở rất ít đơn vị quân đội có được các phẩm chất tốt đẹp nhất cần có ở bộ binh. Chắc là quân Áo và quân Anh là những quân đội duy nhất có thể chịu đựng nổi sự thử nghiệm đó; có lẽ, cùng với họ còn có thể kể đến một số quân Nga qua phục vụ lâu dài mà có được sự rèn luyện cần thiết, tuy nhiên, chúng tôi không nhớ có những trường hợp nào mà trong đó họ gặp một sự thử thách như thế và chịu đựng được một cách vẻ vang.

Cuộc chiến đấu nói trên đã chứng minh không thể chối cãi về ưu thế của kỵ binh Anh và Pháp so với kỵ binh Nga. Về quân số thì 3 lũ đoàn

1* - hình chữ T

của liên quân tương đương với ba trung đoàn của quân Nga; nếu như họ được tung ra xung phong đồng loạt, chứ không phải lần lượt, và lại được sự chi viện của pháo binh điều lên phía trước và của toàn bộ bộ binh tiến hành công kích, thì Li-pran-di và quân của ông ta có nguy cơ bị đánh bật từ dốc đứng xuống sông Đen và sẽ cam chịu số phận mà Bluy-khơ đã dành cho quân Pháp ở Ca-xbắc.

Quân số của hai bên đại thể như sau: quân Nga có 25 tiểu đoàn bộ binh, phần lớn đã tham gia chiến đấu ở An-ma, nhiều nhất là 14000 người. Có 24 đại đội kỵ binh phần lớn đều đã trải qua chặng đường từ Mát-xcơ-va và Ca-lu-ga, chắc là không quá 2400 người, ngoài ra còn có khoảng 1000 lính Cô-dắc và 70 khẩu pháo.

Bộ binh của liên quân gồm có chủ lực của sư đoàn số 1 và số 4 quân Anh và chủ lực của sư đoàn Bô-xkê quân Pháp; ngoài ra, còn có một số quân Thổ Nhĩ Kỳ, số này chỉ có thể ước lượng sơ lược dựa vào tài liệu về các tiểu đoàn quân Thổ Nhĩ Kỳ đã đổ bộ. Ban đầu có 10 tiểu đoàn bộ binh Thổ Nhĩ Kỳ tham gia cuộc viễn chinh Crưm, và theo báo cáo ngày 18 tháng Mười của huân tước Ra-glan, thì sau đó có 6 tiểu đoàn đổ bộ lên Ba-lắc-la-va. Vì những binh lực này chưa biên chế vào thành phần số quân vây hãm và chưa đi cách xa Ba-lắc-la-va, nên họ tất phải tham gia toàn bộ vào trận đánh nói trên, mặc dù sau khi họ rút khỏi các lô-cốt vuông thì trong các bản báo cáo không nhắc tới họ nữa, và họ bị coi là không đáng nhắc đến. Tóm lại, nếu chúng ta cho rằng quân Anh có 6500, quân Pháp có 3500, còn quân Thổ Nhĩ Kỳ ít nhất có 6000, thì cũng không sai là bao nhiêu. Ở đây còn phải thêm 1000 lính thủy đánh bộ và thủy binh Anh ở trong các lô-cốt vuông ở Ba-lắc-la-va. Như vậy, toàn thể bộ binh là 17000 người, nếu không tính quân Thổ Nhĩ Kỳ, thì còn 11000 người. Còn về pháo binh, thì hai lữ đoàn của quân Anh có khoảng 1400 người (trong các thông báo chiến sự của Anh chỉ công bố số lượng binh sĩ), xạ thủ châu Phi không dưới 800 người, tổng cộng - 2000 người. Số lượng pháo binh không rõ, nhưng dù thế nào cũng không bằng quân Nga về số lượng, nhưng lại vượt xa về chất lượng.

Nhìn chung lại, chúng tôi cho rằng lần này liên quân dù sao cũng không yếu hơn quân Nga, họ chiếm lĩnh được trận địa rất thuận lợi cho việc rút lui và có thể dùng cả kỵ binh lẫn bộ binh đồng thời để tấn

công mãnh liệt giành lấy thắng lợi quyết định, không phải một thắng lợi không đem lại kết quả gì như ở An-ma, mà là một thắng lợi tránh cho họ được trận huyết chiến nổ ra ngày 5 tháng Mười một. Hiện nay họ thậm chí vẫn chưa bù đắp được toàn bộ tổn thất đã gánh chịu; do sự kết hợp kỳ lạ giữa sự gan dạ quá mức và sự thận trọng quá mức, giữa sự dũng mãnh không đúng mức và sự khiếm nhược không đúng mức, giữa máu hăng hái coi thường nguyên tắc của nghệ thuật quân sự, với tính thận trọng kiểu một sách bỏ lỗ thời cơ hành động, do cái lễ thói lạ lùng là làm không đúng việc cần thiết và không đúng lúc, đặc trưng cho tất cả mọi hành động của liên quân, cho nên họ đã bị hoàn toàn thất bại ở Ba-lắc-la-va.

Từ những tài liệu về trận đánh ngày 5 tháng Mười một chúng tôi chỉ có thể tạm thời kết luận rằng trận đánh này là màn đầu của cuộc khủng hoảng mà chúng tôi cho rằng sẽ phải xảy ra trong khoảng từ ngày 5 đến 10 tháng Mười một. Như chúng tôi đã nêu lên từ lâu - mà hiện nay tờ "Times" ở Luân Đôn cũng nói như vậy - giờ đây tất cả đều phụ thuộc vào sự chuyên chở lương thực và viện binh.

*Do Ph. Ăng-ghen viết ngày 16 tháng Mười một 1854
Đã đăng làm xã luận trên tờ "New-York Daily
Tribune" số 4249, ngày 30 tháng Mười một 1854*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Anh*

PH. ĂNG-GHEN

TRẬN CHIẾN ĐẤU Ở IN-KE-RƠ-MAN³⁰²

Trận huyết chiến này xảy ra ngày 5 tháng Mười một, nhưng mãi đến ngày 23 tháng Mười một ở Luân Đôn mới nhận được các báo cáo của các vị chỉ huy quân sự của liên quân và của các phóng viên các tờ báo chủ chốt. Những bản tường thuật rất ngắn đã do hai chiếc tàu gần đây mang đến nước Mỹ, nhưng không có một bản tường thuật nào tỉ mỉ đến mức có thể phán đoán được một cách thỏa đáng chừng nào đó về tính chất của trận chiến đấu. Nhưng những thư kiện mà tàu "Pa-xi-phích" đem đến hôm nay cho phép chúng tôi đăng những bản tin tỉ mỉ nhất về toàn bộ trận chiến đấu, trong đó có các bản báo cáo của Raglan, Can-rô-béc và Men-si-cốp cũng như những bản tin đặc sắc và rành mạch của các phóng viên đặc biệt của hai tờ báo ở Luân Đôn "Times" và "Morning Herald" là những tờ báo có những cộng tác viên rất có năng lực tại các địa phương. Nhờ tất cả những thứ đó, cũng như nhờ một số tài liệu khác, chúng tôi đi vào phân tích quá trình của trận đánh, để giúp bạn đọc có nhận định vô tư và có căn cứ về trận đánh ấy.

Giống như quân Phổ ở I-ê-na, quân Anh đóng đối diện với In-ke-rơ-man đã được bố trí trên một cao điểm mà người ta chỉ có thể tiếp cận từ chính diện bằng mấy con đường hẻm. Cũng như quân Phổ, quân Anh không chú ý chiếm cao điểm ở cuối cánh trái của mình, còn Men-si-cốp lại làm giống như Na-pô-lê-ông ở I-ê-na, nghĩa là đã cử một bộ phận đến đó và từ sáng sớm đã chiếm lĩnh được một trận địa đối diện với sườn quân địch. Rõ ràng là quân Nga định lợi dụng tình huống đó, đưa chủ lực đánh mạnh vào sườn quân Anh, triển khai trên cao điểm mà họ đã chiếm lĩnh được bằng cách đó và lần lượt tiêu diệt - hoặc nói theo thuật ngữ kỹ thuật là "dè bẹp" - từng sư đoàn quân Anh tùy theo sự tiếp cận của các sư đoàn này khi họ buộc phải cơ động hết sức nguy hiểm để thay đổi chính diện. Na-pô-lê-ông trước đây đã nhờ

cách cơ động đó mà giành được thắng lợi vẻ vang trước một quân đội tuy hành động không linh hoạt và chậm chạp, với bộ chỉ huy rất tồi, nhưng vẫn là một quân đội khá nhất trong các quân đội cũ của lục địa. Tốc độ cơ động của một quân đội đã nắm vững phương pháp tác chiến mới xuất hiện trong quá trình chiến tranh giành độc lập ở Mỹ và trong các cuộc chiến tranh cách mạng Pháp và nhờ bản thân Na-pô-lê-ông, - những yếu tố đó đã tạo điều kiện cho cuộc đột kích táo bạo ấy. Ở đây, ở In-ke-rơ-man, với một quân đội chậm chạp và thiếu linh hoạt, Men-si-cốp lại định dùng phương pháp đó để bắt thần tập kích quân Anh và quân Pháp hành động linh hoạt và cơ động nhanh chóng, do đó kết quả đã hoàn toàn trái ngược với kết quả đạt được ở I-ê-na.

Sự khinh suất của quân Anh khi chiếm lĩnh trận địa là một sự nhục nhã hết sức đối với bộ chỉ huy của họ. Không chiếm lĩnh ngọn đồi ở bờ nam sông Đen, cũng như việc không đào công sự dã chiến ở cái trận địa quan trọng ấy, mà Bộ chỉ huy quân Anh biết rõ rằng có mấy ngàn quân Nga tập trung chuẩn bị tấn công trận địa ấy - đó thật là một điều không thể biện minh được. Như chúng tôi đã nói, quân Nga lập tức lợi dụng sự sơ suất đó để chiếm lấy mỏm đồi ở đầu phía bắc dãy cao điểm và nhận chìm trận địa quân Anh dưới hỏa lực của pháo dã chiến hạng nặng. Báo chí Anh quả quyết rằng ở chiến trường, quân Nga có pháo cỡ 24 và 32 pao, nhưng điều đó chỉ chứng tỏ rằng họ dốt đặc về vấn đề pháo binh. Việc vận chuyển pháo binh của chính họ từ Ba-lắc-la-va đến chiến hào tất phải chỉ rõ cho họ thấy rằng loại pháo cỡ 24 và 32 pao không thể dùng trong dã chiến, mà hơn nữa lại là đối với cuộc tập kích bất ngờ ban đêm. Trên thực tế, cái mà họ gọi là pháo 24 và 32 pao là lựu pháo có cỡ tương tự với loại pháo cỡ 24 và 32 pao, nhưng thực ra là pháo dã chiến hạng nhẹ, không nặng hơn lựu pháo dã chiến của Anh. Lựu pháo dùng đạn rỗng ít thuốc và chủ yếu dựa vào tăng góc bắn để tăng tầm bắn, thì có loại cỡ lớn hơn pháo nòng dài bắn đạn đặc. Về trọng lượng và tác dụng thì loại lựu pháo 24 pao tương đương với pháo nòng dài 6 pao, còn cái gọi là lựu pháo 32 pao (khoảng 6 in-sô) thì tương đương với pháo nòng dài loại 12 pao; trong quân đội Nga, hai loại lựu pháo này được biên chế vào những đại đội pháo nòng dài thuộc hai

cỗ ấy. Điều đó chứng tỏ rằng sự ngu dốt và đầu óc hư danh dân tộc đều có tác dụng như nhau trong việc tạo ra những sự tích anh hùng và về niềm vinh quang chiến công dân tộc.

Cho tới nay, tất cả mọi cái đều có lợi cho quân Nga. Tài nghệ quân sự của họ vượt xa huân tước Ra-glan. Kế hoạch của họ rất hay và được thực hiện tốt. Họ đã thành công trong việc chiếm lĩnh một cứ điểm quan trọng và vu hồi bên sườn đối phương. Tưởng chừng, có ưu thế lớn về số lượng, sẵn sàng tấn công vào nơi yếu nhất của phòng tuyến rồi rạc và mỏng manh của quân Anh, quân Nga có thể giành được thắng lợi quyết định. Nhưng quân Nga còn chưa hoàn toàn hiểu rõ họ sẽ phải đối phó với những binh sĩ như thế nào. Sau khi bị tập kích, quân Anh đã bình tĩnh thay đổi chính diện từ phía đông sang phía bắc và đón tiếp các đơn vị tấn công bằng một hỏa lực chí tử. Thế là bắt đầu một trận đánh mà châu Âu chưa từng thấy kể từ trận An-bu-ê-ra³⁰³, trong đó tinh thần ngoan cường và lòng dũng cảm của quân Anh, dám hy sinh ba phần tư binh lực của mình, đã quyết định thắng lợi trong tình hình suýt nữa chịu thất bại do lòng tự tin ngu xuẩn của bộ chỉ huy. Các trận đánh giáp lá cà ở In-ke-rơ-man quả thực nhiều hơn toàn bộ thời kỳ chiến tranh ở bán đảo Pi-rê-nê, trong đó hai quân đội dũng cảm nhất thời đó đã kinh chống nhau 6 năm ròng rã. Từ 6 giờ rưỡi đến 9 giờ rưỡi, khoảng 8000 quân Anh chống lại cuộc tấn công mãnh liệt của quân Nga mà, theo tin tức của chính quân Nga, thì số người tham gia ít nhất là 30000. Tinh thần ngoan cường mà quân Anh biểu hiện trong việc nhiều lần đánh lui các đợt xung phong của quân Nga thường do số quân mới được bổ sung tiến hành, - tinh thần ngoan cường ấy thật rất đáng ca ngợi, và nếu như không kể mấy tiểu đoàn ưu tú trong quân đội của Ra-dét-xki, thì e rằng ở châu Âu không có quân đội nào có thể làm được như thế. Cần chỉ rõ rằng tinh thần dũng cảm đó đã được trận địa có lợi giúp sức, nghĩa là phía chính diện của nó hướng về phía đông, có những cao điểm không thể vượt qua được che chở. Ngọn đồi ở phía bắc, mà quân Nga chiếm lĩnh, cũng được mấy khe núi ngăn cách với các cao điểm trên, những khe này có một số nhánh đã tạo thành mấy con đường hẻm dẫn tới trận địa quân Anh. Vì vậy, bất cứ đơn vị tấn công nào của quân Nga đều phải đi qua một khu vực bị pháo binh Anh bắn

phá mãnh liệt và phải tiến theo đội hình dày đặc lên đến đỉnh của cao điểm mới có thể triển khai được. Đơn vị quân Nga trước đã bị pháo binh tiêu hao, đến khi tiếp cận lại bị hỏa lực bộ binh làm suy yếu, đã lên được đỉnh cao điểm, nhưng chưa kịp triển khai thì đã bị hỏa lực và các cuộc xung phong bằng lưỡi lê dồn xuống. Trong trận chiến đấu này, người ta phát hiện rằng ở cự ly gần đạn của súng Mi-ni-ê trội hơn hẳn đạn của súng trường thông thường; đạn của súng trường thông thường trầy trật lắm mới giết được một người, còn đạn của súng Mi-ni-ê thường giết được 4 hoặc 5 người và gây ra tổn thất lớn cho các đơn vị có đội hình dọc sâu của quân Nga.

Khi các sư đoàn quân Anh đến, thì trận đánh triển khai toàn diện và chính diện cũng rộng hơn. Quân Nga không thể tiến hành nhanh chóng được, đã dùng cánh trái đánh vào phía chính diện ban đầu của trận địa quân Anh, trong khi đó cánh phải định tiến vào Xê-va-xtô-pôn. Họ đã chiếm được một phần cao điểm của quân Anh, nhưng không triển khai được thành đội hình chiến đấu chính quy. Họ định bao vây và tiêu diệt từng đơn vị nhỏ của quân Anh. Trận đánh rất ác liệt, mặc dù quân Anh cố gắng hăng hái chiến đấu, nhưng nếu không có sư đoàn Bô-xkê của quân Pháp kéo đến chi viện, thì họ đã bị tiêu diệt trong cuộc chiến đấu không ngang sức đó. Lính du-a-vơ và lính lê-dương tấn công và đánh tan cánh trái của quân Nga, sau đó xạ thủ châu Phi thừa dịp xông vào tấn công, thế là bộ binh Nga buộc phải rút lui. Như vậy, 14000 liên quân, thiệt hại một phần ba binh lực, đã đánh thắng 30000 quân Nga, nhưng mọi người đều thừa nhận rằng mỗi người lính Nga đều đánh rất giỏi và, như chúng ta đã thấy, xét về kế hoạch tấn công thì tài nghệ quân sự của họ trội hơn liên quân rất nhiều.

Vậy thì tại sao họ thua trận? Cần phải vạch rõ rằng đại bộ phận quân Nga tham gia trận đánh này là tàn quân bị tan rã và mất tinh thần của những đơn vị đã từng vây hãm Xi-li-xtơ-ri, và đương nhiên, quân đoàn Đan-nen-béc-gơ, nối gót quân đoàn Ô-xten-Xa-ken trước kia, là một quân đoàn tồi nhất của quân đội Nga hiện nay. Nhưng không phải tình hình ấy có ý nghĩa quyết định. Trận đánh này sở dĩ thất bại không những chỉ vì quân Anh dũng cảm, mà chủ yếu vì cách đánh của quân Nga. Đây là thắng lợi của phương pháp tác chiến châu Âu đối với

phương pháp tác chiến của quân Nga. Và đặc điểm của trận đánh này chính là ở đó.

Bộ chỉ huy quân Nga bắt đầu bằng việc vạch ra một kế hoạch tấn công rất hay, vận dụng kinh nghiệm của những trận đánh nổi tiếng nhất của Na-pô-lê-ông (nên nhớ rằng không một vị tướng Nga nào có tư duy độc đáo, kể cả Xu-vô-rốp, là nhân vật mà sự độc đáo chỉ biểu hiện ở phương pháp tấn công trực tiếp). Rồi họ bắt tay thực hiện kế hoạch đó bằng phương pháp chắc chắn nhất. Họ chiếm lĩnh trận địa bên sườn đối phương. Cơ động chiến lược xong, thì các động tác chiến thuật bắt đầu. Ở đây phương pháp tác chiến khoa học, được vạch ra trên cơ sở nghiên cứu các cuộc chiến tranh trước kia, phương pháp tác chiến do nền văn minh phương Tây đẻ ra, - đã bị vứt bỏ ngay và bộc lộ sự dã man thuần túy. Cái quân đội xuất sắc ấy, với những cựu chiến binh của mình, trong số đó nhiều người đã phục vụ 25 năm, - cái mẫu mực của lối điều binh ấy - đã tỏ ra vụng về, không thích hợp với lối đánh kiểu đội hình phân tán và sử dụng đơn vị nhỏ để chiến đấu, đến nỗi các sĩ quan của họ chỉ có thể tung cái khối người nặng nề ấy vào quân địch. Họ đã vứt bỏ mọi tư tưởng về cơ động chiến thuật: tiến! tiến! tiến - đấy là tất cả những gì mà họ có thể làm được. Đương nhiên, cái đám người dày đặc ấy, do tập trung đông đúc, đã trở thành một loại mục tiêu tốt nhất mà pháo thủ hàng mong muốn; trong khi đó quân Anh nằm sau đỉnh các ngọn đồi theo đội hình phân tán, tránh được hỏa lực của địch, họ dùng đạn pháo bắn mạnh vào đội hình hàng dọc có chiều sâu lớn của quân Nga, mỗi loạt tiêu diệt từ ba đến bốn chục người, còn đạn của súng Mi-ni-ê thì vãi như mưa xuống quân địch và hầu như không có viên đạn nào từ miệng súng Mi-ni-ê bắn ra mà lại không trúng cái bia lớn như vậy. Với cuộc tấn công giản đơn của khối người nặng nề này, tưởng chừng như đã đủ sức đột phá hàng ngũ liên quân. Nhưng ở đây quân Nga đã gặp phải một kẻ địch đã quen với phương pháp tác chiến đó. Trong thời kỳ chiến tranh ở Ấn Độ, quân Anh đã học được cách chống lại cuộc tấn công của những khối người dày đặc và là những khối người thậm chí chiếm ưu thế về số lượng. Tuy quân Nga giỏi hơn người Xích hoặc người Bê-lút-gia rất nhiều, nhưng một quân đội đã quen đánh thắng quân Xích hoặc quân Bê-lút-gia có ưu thế về số lượng gấp 6 hoặc 8 lần, thì đương nhiên có thể chặn được những cuộc tấn công của quân Nga có ưu thế gấp 3 về số lượng, một

khi quân Nga cũng dùng chiến thuật của người Xích. Khi đội hình quân Nga bò lên được đỉnh đồi thì đội hình chiến đấu của họ bị đạn pháo phá vỡ, cho nên một đợt bắn và xung phong giáp lá cà mới ở cự ly 50 i-ác-đơ đủ làm cho họ rối loạn. - Sau đó, khi quân Nga kéo đến đông hơn, thì quân Anh đứng giữa các đám quân Nga đang bao vây họ, họ giống như các binh sĩ của Na-pô-lê-ông bố trí thành hình vuông giữa đám lính Ma-me-lúc ở gần kim tự tháp vậy. Tinh thần kiên quyết của một quân đội đầy lòng tự tin mà chỉ có thể thấy ở binh sĩ của những quốc gia đã đạt được một trình độ văn minh cao, cũng như ưu thế của quân Anh về vũ khí và hỏa lực, đã quyết định kết cục của trận đánh. Lính Nga bắn tồi hơn lính của bất cứ nước nào khác; điều đó họ đã thể hiện ở đây; nếu không, thì chắc hẳn họ đã bắn chết toàn bộ số quân Anh ở đây rồi.

Đây là đặc điểm và ý nghĩa của trận chiến đấu ở In-ke-rô-man. Nó chứng tỏ rằng vinh quang của bộ binh Nga đang tiêu tan. Nó chứng tỏ rằng dù nước Nga có tiến bộ như thế nào, thì phương Tây vẫn cứ tiến lên, ít ra với tốc độ nhanh gấp đôi, và nước Nga không thể giành thắng lợi trong chiến tranh chống phương Tây không những khi binh lực ngang nhau, mà thậm chí cả khi họ chiếm ưu thế về số lượng như trong trận In-ke-rô-man. Nếu hạm đội vận tải của liên quân không gặp tai nạn ghê gớm ở Hắc Hải, thì trận chiến đấu này đã quyết định thắng lợi triệt để của liên quân ở Crưm, với điều kiện là các tướng lĩnh Anh và Pháp không phạm sai lầm quá nghiêm trọng. Chúng tôi chưa biết được các chi tiết của tai nạn nặng nề này, tin tức về vụ này chỉ căn cứ vào bức điện từ Luân Đôn, do đại diện của chúng tôi ở Li-vóc-pun nhận được vừa vận trước lúc tàu "Pa-xi-phích" khởi hành. Chúng tôi còn chưa biết đoàn tàu cuối cùng chở quân lính hay là chở lương thực và đạn dược, nhưng căn cứ vào việc bức điện không nói gì về vấn đề này, thì có thể suy đoán rằng đoàn tàu ấy không chở quân lính. Nhưng nếu như một số lượng lớn quân lính của liên quân được phái đến Crưm đã bị chết trong cơn bão ấy, thì quả thực là thiên nhiên đã giáng cho liên quân một đòn nặng nề hơn quân thù của họ nhiều, còn lực lượng liên quân ở Xê-va-xtô-pôn có thể bị tiêu diệt bởi bệnh tật và bởi những cuộc tập kích liên tục của địch trước khi có thể gửi viện binh mới đến chỗ họ.

Một sự đe dọa không kém phần nghiêm trọng đối với liên quân là lập trường của các cường quốc Đức. Xem ra, hiện nay nước Áo lần đầu tiên đã tỏ ra thực sự có khuynh hướng đoạn tuyệt với các cường quốc phương Tây và liên hợp với Nga hoàng, còn toàn bộ nước Đức đều đi theo Áo. Dù sao cũng không còn nghi ngờ gì là đã sắp đến lúc cuộc chiến tranh sẽ có một quy mô khổng lồ và khủng khiếp và ngọn lửa chiến tranh sẽ bao trùm tất cả châu Âu.

*Do Ph.Ăng-ghen viết ngày 27 tháng Mười một 1854
Đã đăng làm xã luận trên tờ "New-York Daily
Tribune" số 4261, ngày 14 tháng Chạp 1854*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Anh*

PH.ĂNG-GHEN

CHIẾN DỊCH CRUM

Từ trận huyết chiến ác liệt ở In-ke-rơ-man, trên chiến trường Crum chưa xảy ra một sự kiện quan trọng nào xét trên góc độ quân sự; nhưng tình trạng mùa đông đã đến, mà Xê-va-xtô-pôn thì chưa đánh chiếm được, đã thay đổi toàn bộ tính chất của cuộc chiến tranh và hiện nay điều hợp lý là xem xét lại toàn bộ tiến trình của cuộc chiến tranh từ khi có cuộc đổ bộ của quân viễn chinh, để phán đoán xem cuộc chiến tranh này sẽ chuyển sang giai đoạn mới trong tình hình nào và trong triển vọng như thế nào. Nhưng trước hết cần bổ sung đôi điều vào những lời bình luận trước đây của chúng tôi về một trận chiến đấu gần đây khó quên. Tin tức chính thức về sự kiện ấy, mà bản báo đã đăng toàn bộ, nổi bật ở chỗ là những tin tức ấy đầy những mâu thuẫn khác thường và thiếu sự phân tích sâu sắc. Báo cáo của huân tước Ra-glan rõ ràng là được viết ra hết sức vội vã. Trong báo cáo này, lẫn lộn phía chính diện của quân đội mình hướng về sông Đen, với phía chính diện hướng về Xê-va-xtô-pôn, ông ta đã gọi cùng một phía của trận địa mình khi là cánh phải, khi là cánh trái, đến nỗi dựa vào báo cáo ấy không thể nào xác định được rõ ràng cái gì đã thực sự xảy ra. Báo cáo của Can-rô-béc cũng hết sức lơ mơ và mập mờ, hết sức giản đơn, nên hoàn toàn không đem lại gì cả; còn cái gọi là báo cáo của Men-xi-cốp đăng trên tờ "Người tàn tật Nga"³⁰⁴, thì bất cứ ai chịu khó so sánh nó với bản báo cáo trước đây của công tước Men-si-cốp, đều lập tức thấy rằng nó do một người khác viết. Rõ ràng là Ni-cô-lai đã nhận thức được rằng ông ta đã cho báo giới hưởng đầy đủ tự do, và cho thấy rằng nói thật - như các bậc quân tử thường làm - thì tuyệt nhiên sẽ không ngăn ngừa quân đội của mình khỏi thất bại, nên ông ta cho rằng trở lại phương pháp nói dối trước đây là có lợi. Chiều theo ý chí của hoàng đế, sự diễn biến bình thường của sự kiện cũng bị tùy tiện bóp méo; cuộc tấn công thất bại của đội quân đã chiến của ông nhằm vào quân vây hãm đã biến

Một sự đe dọa không kém phần nghiêm trọng đối với liên quân là lập trường của các cường quốc Đức. Xem ra, hiện nay nước Áo lần đầu tiên đã tỏ ra thực sự có khuynh hướng đoạn tuyệt với các cường quốc phương Tây và liên hợp với Nga hoàng, còn toàn bộ nước Đức đều đi theo Áo. Dù sao cũng không còn nghi ngờ gì là đã sắp đến lúc cuộc chiến tranh sẽ có một quy mô khổng lồ và khủng khiếp và ngọn lửa chiến tranh sẽ bao trùm tất cả châu Âu.

*Do Ph.Ăng-ghen viết ngày 27 tháng Mười một 1854
Đã đăng làm xã luận trên tờ "New-York Daily
Tribune" số 4261, ngày 14 tháng Chạp 1854*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Anh*

PH.ĂNG-GHEN

CHIẾN DỊCH CRUM

Từ trận huyết chiến ác liệt ở In-ke-rơ-man, trên chiến trường Crum chưa xảy ra một sự kiện quan trọng nào xét trên góc độ quân sự; nhưng tình trạng mùa đông đã đến, mà Xê-va-xtô-pôn thì chưa đánh chiếm được, đã thay đổi toàn bộ tính chất của cuộc chiến tranh và hiện nay điều hợp lý là xem xét lại toàn bộ tiến trình của cuộc chiến tranh từ khi có cuộc đổ bộ của quân viễn chinh, để phán đoán xem cuộc chiến tranh này sẽ chuyển sang giai đoạn mới trong tình hình nào và trong triển vọng như thế nào. Nhưng trước hết cần bổ sung đôi điều vào những lời bình luận trước đây của chúng tôi về một trận chiến đấu gần đây khó quên. Tin tức chính thức về sự kiện ấy, mà bản báo đã đăng toàn bộ, nổi bật ở chỗ là những tin tức ấy đầy những mâu thuẫn khác thường và thiếu sự phân tích sâu sắc. Báo cáo của huân tước Ra-glan rõ ràng là được viết ra hết sức vội vã. Trong báo cáo này, lẫn lộn phía chính diện của quân đội mình hướng về sông Đen, với phía chính diện hướng về Xê-va-xtô-pôn, ông ta đã gọi cùng một phía của trận địa mình khi là cánh phải, khi là cánh trái, đến nỗi dựa vào báo cáo ấy không thể nào xác định được rõ ràng cái gì đã thực sự xảy ra. Báo cáo của Can-rô-béc cũng hết sức lơ mơ và mập mờ, hết sức giản đơn, nên hoàn toàn không đem lại gì cả; còn cái gọi là báo cáo của Men-xi-cốp đăng trên tờ "Người tàn tật Nga"³⁰⁴, thì bất cứ ai chịu khó so sánh nó với bản báo cáo trước đây của công tước Men-si-cốp, đều lập tức thấy rằng nó do một người khác viết. Rõ ràng là Ni-cô-lai đã nhận thức được rằng ông ta đã cho báo giới hưởng đầy đủ tự do, và cho thấy rằng nói thật - như các bậc quân tử thường làm - thì tuyệt nhiên sẽ không ngăn ngừa quân đội của mình khỏi thất bại, nên ông ta cho rằng trở lại phương pháp nói dối trước đây là có lợi. Chiều theo ý chí của hoàng đế, sự diễn biến bình thường của sự kiện cũng bị tùy tiện bóp méo; cuộc tấn công thất bại của đội quân đã chiến của ông nhằm vào quân vây hãm đã biến

thành cuộc xuất kích thắng lợi của bên bị vây hãm. Nguyên nhân rất rõ ràng: bất cứ đơn vị nào tiến hành xuất kích, tất nhiên phải trở về công sự của mình sau khi hoàn thành nhiệm vụ; do đó việc rút lui là việc có thể hiểu được và là điều tự nhiên. Trong khi đó, trình bày đúng thực sự việc thì không thể che đậy được cái nhục thất bại.

Cần nói rằng Ni-cô-lai có mọi lý do để che đậy tình hình diễn biến của trận chiến đấu ấy trước nhân dân nước mình. Từ trận Nác-va, quân đội Nga chưa lần nào nếm một trận thất bại lớn như vậy. Nếu xét đến sự khác nhau lớn lao giữa quân Nga ở Nác-va và quân Nga ở In-ke-rơ-man, giữa các đội quân ô hợp chưa được huấn luyện năm 1700 với đội quân được huấn luyện nghiêm ngặt năm 1854, thì phải thừa nhận rằng nếu đem so sánh thì Nác-va còn là một trang vẻ vang trong lịch sử chiến tranh của Nga. Nác-va là thất bại nặng nề đầu tiên của một dân tộc đang đi lên, mà tinh thần quả cảm của dân tộc ấy học được cách chiến thắng ngay trong thất bại. In-ke-rơ-man là triệu chứng nào đó về sự suy thoái trong không khí ám áp của sự phát triển mà nước Nga trải qua từ thời Pi-ốt Đại đế. Sự phát triển giả tạo và những cố gắng thường xuyên được tiến hành để duy trì cái vẻ văn minh bề ngoài trong một nước ở trạng thái dã man, xem ra, đã làm nước đó kiệt sức và mắc chứng bệnh thuộc loại lao phổi. Trong tất cả các trận chiến đấu một trăm năm nay, từ Ô-xtéc-lít và Ây-lau³⁰⁵ đến Xi-li-xơ-ri, quân Nga đều tỏ ra là những binh sỹ xuất sắc. Thất bại của họ ở bất kể nơi nào và lúc nào đều hoàn toàn cắt nghĩa được; những thất bại ấy có lẽ bồi nhọ tiếng tăm của các vị thống soái, chứ tuyệt nhiên không phải bồi nhọ danh dự của quân đội. Hiện nay, tình hình đã hoàn toàn thay đổi. Nếu như trận Ba-lắc-la-va chứng tỏ tính hơn hẳn của kỵ binh liên quân, nếu toàn bộ cuộc vây hãm Xê-va-xtô-pôn chứng tỏ tính hơn hẳn lớn lao của pháo binh liên quân, thì bộ binh Nga cho đến gần đây vẫn giữ được sự vẻ vang của nó. *Nhưng trận In-ke-rơ-man đã làm sáng tỏ `cả vấn đề ấy.* Không ngạc nhiên sao được khi bộ binh Nga mất tiếng tăm của mình trong một trận đánh, trong đó mỗi người lính bộ binh Nga đã chiến đấu có lẽ dũng cảm hơn bao giờ hết. Chưa thấy ở nơi nào mà sự tầm thường quá mức, đặc điểm cơ bản của mọi chiến dịch của cuộc chiến tranh này của phía quân Nga cũng như của phía liên quân,

lại biểu hiện rõ ràng như thế. Mỗi hành động và mỗi bước đi được thực hiện đều dẫn đến kết quả hoàn toàn trái ngược với điều dự tính. Dự định coup de main^{1*}, nhưng nó lại biến thành cả một chiến dịch và thậm chí thành chiến dịch mùa đông. Người ta tiến hành một trận chiến đấu, nhưng thành quả thắng lợi chóng tàn và tuột khỏi tay người thắng lợi trong vòng chưa đầy một tuần lễ. Người ta tiến hành một trận đánh chiếm một thành phố bỏ ngõ bằng pháo công thành hạng nặng, nhưng khi pháo chưa kịp chuyển đến, thì thành phố bỏ ngõ ấy lại trở thành một dinh lũy được phòng thủ hạng nhất. Người ta bắt đầu cuộc vây hãm; và đúng vào lúc sắp sửa thắng lợi, thì lại buộc phải từ bỏ cuộc vây hãm, vì đã điều đến một đội quân đã chiến, đội quân ấy đáng lẽ giành thắng lợi, thì lại thua trận. Trận địa được củng cố và được chiếm lĩnh để tác chiến chống đội quân đã chiến ấy, thì đối với đội quân đã chiến ấy do diện tích hẹp nó lại trở thành phương cách biến kẻ vây hãm thành kẻ bị hãm! mười tuần lễ đã trôi qua như vậy để phục vụ cho một loạt những cố gắng, những trận đánh, cho những công việc xây dựng trận địa, cho các kế hoạch và phản kế hoạch; mùa đông đã tới, mà cả hai quân đội, nhất là liên quân, hoàn toàn chưa chuẩn bị gì cho mùa đông; và kết quả duy nhất của tất cả những cái đó là những tổn thất khổng lồ của cả hai bên, còn kết cục của chiến dịch thì vẫn xa lắc xa lơ và không rõ ràng như trước đây.

Số binh lực của liên quân được ném vào Crum, tính từ cuộc đổ bộ đầu tiên đến ngày 5 tháng Mười một, không vượt quá con số 25000 quân Anh, 35000 quân Pháp và 10000-15000 quân Thổ Nhĩ Kỳ, nghĩa là tổng cộng có từ 70000 đến 75000 người. Khi cuộc viễn chinh bắt đầu, người ta vẫn còn trông đợi viện binh được điều từ Anh và Pháp. Một số tiểu đoàn bộ binh và đại đội kỵ binh đang trên đường đi, nhưng tuy vậy đã được tính vào con số kể trên. Nếu như trong một thời gian ngắn có thể điều thêm một số quân, thì đó chỉ có thể là quân Thổ Nhĩ Kỳ; mà đối với quân Thổ Nhĩ Kỳ, dù họ đã trải qua chiến đấu ở Sê-ta-te và Xi-li-xơ-ri, thì các sỹ quan, cũng như binh sỹ liên quân đều vẫn chưa bao giờ tin tưởng vào họ. Như thế, các đơn vị thực sự có thể tin cậy

1*- cuộc tập kích bất ngờ

được của quân viễn chinh là 60000 quân Pháp và quân Anh, và về thực chất, chỉ có họ mới đáng được tính trong con số kể trên. Nhưng đội quân ấy quá ít đối với cả một chiến dịch, mà lại quá lớn đối với coup de main. Nó không thể được nhanh chóng đưa xuống tàu; mấy tháng trời mất đi vào việc chuẩn bị, như vậy là đủ để cho quân Nga đề phòng, nếu như sự có mặt của quân Áo bảo đảm cho các công quốc thuộc vùng Đa-nuýp và Bun-ga-ri không bị sự xâm lược của quân Nga, thì sự có mặt ấy cũng đảm bảo cho Bét-xa-ra-bi-a và Ô-đét-xa tránh khỏi *bất cứ* sự đe dọa nghiêm trọng nào, vì trận địa của quân Áo ở bên sườn và hậu phương của hai hướng tác chiến ấy, cho nên không một đội quân nào có thể tiến về phía trước mà lại không bị đặt dưới đòn đánh của quân Áo. Như thế là quân Nga, xem ra, tin rằng tất cả những sự chuẩn bị ấy đều nhằm chống lại Xê-va-xtô-pôn; ngoài ra, một sự uy hiếp đôi chút nghiêm trọng nào đó chỉ đe dọa Khéc-xô và Ni-cô-la-ép thôi, những căn cứ đóng tàu của hạm đội Nga. Vì vậy, rõ ràng là sự chuẩn bị của quân Nga ở Crưm tất nhiên bám sát từng bước mọi sự chuẩn bị của liên quân. Tình hình là như vậy cho đến khi coup de main được dự định thực hiện, rút cục, đã biến thành một chiến dịch thực sự, tuy vậy được tiến hành hết sức không đúng luật, như đã rõ ràng ngay từ khi nó mới bắt đầu.

Liên quân lần đầu hiểu được thực chất của tình hình diễn biến, khi ở An-ma liên quân buộc phải để cho quân Nga rút khỏi bãi chiến trường hoàn toàn có trật tự, mặc dù quân Nga đã bị một binh lực có ưu thế lớn tấn công; kế hoạch ban đầu bị vỡ, cuộc tập kích bất ngờ thất bại, cần phải chuẩn bị đối phó với những sự kiện bất ngờ thuộc loại khác. Bấy giờ bắt đầu có sự do dự, ngày tháng trôi qua vô ích; cuối cùng người ta quyết định tiến về Ba-lắc-la-va và những ưu thế của một trận địa phòng ngự kiên cố đã thắng khả năng của một cuộc đánh chiếm nhanh chóng phía bắc của Xê-va-xtô-pôn, phía này khống chế cả thành phố và, do đó, là một điểm có ý nghĩa quyết định. Trong khi đó Men-si-cốp cũng mắc những sai lầm đại thể như thế, tiến hành một cuộc hành quân vội vã đến Xê-va-xtô-pôn, rồi lại hành quân không kém phần vội vã trở lại Bắc-si-xa-rai. Tiếp đó là cuộc vây hãm. Mười chín ngày trôi qua trước khi những khẩu đội ở chiến hào song song thứ nhất

có thể bắn phá, và kể từ đó tình hình của hai bên đại để ngang nhau. Cuộc vây hãm được tiến hành hết sức chậm chạp và tuyệt nhiên không đúng đắn. Công việc đào hầm hào nặng nhọc, công tác cảnh giới chiến đấu mệt mỏi đã ảnh hưởng tai hại đến những con người đã bị suy yếu vì khí hậu không quen và bệnh dịch chết người, cho nên hàng ngũ của liên quân giảm đi hết sức nhanh chóng. Các tướng lĩnh của liên quân đã dự tính đến tình hình xấu nhất về số tổn thất thông thường, không tránh khỏi trong chiến tranh, thì đã mất tinh thần trước những thiệt hại hết sức nặng nề ấy. Còn công tác quân y và quân nhu, đặc biệt trong quân đội Anh, ở trong tình trạng hoàn toàn hỗn loạn. Từ trận địa của mình, liên quân trông thấy thung lũng Bai-dắc-xcai-a phì nhiêu, dồi dào vật tư tối cần thiết cho họ; nhưng họ không dám tiến vào đấy. Họ không thể trông mong viện binh đến nhanh chóng, còn quân Nga thì tiến đến từ khắp mọi phía. Bấy giờ xảy ra trận chiến đấu ngày 25 tháng Mười. Quân Nga chiếm ưu thế, một phần ba kỵ binh của liên quân bị tiêu diệt. Tiếp đó là trận đánh ngày 5 tháng Mười một, trong đó quân Nga bị đẩy lùi, nhưng liên quân cũng bị những thiệt hại mà họ không chịu đựng nổi lần thứ hai. Từ đó quân đã chiến của quân Nga, cũng như quân vây hãm của liên quân đều hành động một cách thụ động. Cuộc vây hãm Xê-va-xtô-pôn - nếu nói chung nó còn được tiến hành - cũng chỉ là pro forma^{1*}. Không ai tin rằng cuộc bắn phá yếu ớt và loạn xạ, mà liên quân tiến hành từ ngày 5 tháng Mười một, lại có thể gây ra những thiệt hại nào đó cho công sự phòng thủ của thành phố hoặc thậm chí ngăn cản quân Nga khôi phục những công sự đã bị phá hủy trước đó. Nếu như cuộc vây hãm được khôi phục, thì buộc phải làm lại từ đầu, chỉ có một điểm khác nhau là các khẩu đội của liên quân có thể sẽ được đưa vào gần các công sự của quân Nga vài trăm i-ác-đơ so với khi bắt đầu cuộc vây hãm thứ nhất, nhưng chỉ với điều kiện là hỏa lực bắn từ thành phố, phối hợp với cuộc tấn công liên tục từ phía In-ke-rơ-man, tỏ ra không mạnh hơn hỏa lực của liên quân và không tiêu diệt được các khẩu đội nổi bật nhất của liên quân.

1* - về hình thức, bề ngoài.

Bây giờ, vào đầu tháng Chạp, liên quân đang ở vào xứ sở của những mùa đông giá rét, được cung cấp thiếu thốn về quần áo và những thiết bị có thể giúp họ qua khỏi cái mùa ảm đạm này; họ bị suy yếu, mặc dù có số viện binh họ đã nhận được và số còn đang trên đường đi; họ bị tổn thất lớn lao về người; họ bị lôi cuốn vào những cuộc chiến đấu mà mục đích và phương pháp tiến hành thì họ chưa dự kiến và hoàn toàn chưa sẵn sàng thích ứng; họ không đạt được gì, đúng ra, không thu hoạch được gì ngoài nhận thức về tính hơn hãn về mặt cá nhân và chiến thuật của binh sĩ của họ so với binh sĩ địch. Hiện nay, có thể họ đã nhận được 20000 viện binh, chủ yếu là quân Pháp, và họ đang chờ sự bổ sung mới; nhưng nếu nhớ lại rằng cuộc vận chuyển liên quân sang Thổ Nhĩ Kỳ lần đầu đã vấp phải những khó khăn và trở ngại như thế nào, nếu lại nhớ thêm rằng hầu như toàn bộ số tàu vận tải dùng cho việc chuyển đợt quân đầu tiên đều bị giữ lại, và cần kiểm những chiếc tàu mới để chuyển binh lính sang phương Đông, thì có thể kết luận rằng trong một thời gian nào đó sau khi 20000 quân nói trên đã tới, liên quân ở Crưm sẽ không nhận được số bổ sung quan trọng. Như vậy, lực lượng của liên quân hiện nay gồm khoảng 55000 - 60000 người, trong đó một phần ba mới đây còn sống cuộc đời thoải mái của đội quân đồn trú và sẽ phải chịu đựng những thử thách nặng nề trước khi quen với cuộc sống dã ngoại gian khổ dưới trời đông giá lạnh ở Crưm. Thực ra, sau tai họa mà tàu vận tải của Anh và Pháp gặp phải trong trận bão ghê gớm ngày 14 tháng Mười một, những lực lượng bổ sung ấy có thể trở thành một gánh nặng hơn là sự tăng cường cho liên quân. Nhưng không thể khẳng định rằng tai họa ấy thuộc vào loại những điều bất hạnh khủng khiếp không sao tránh khỏi, thậm chí trong một kế hoạch được vạch ra chu đáo nhất, cũng không thể dự kiến và ngăn ngừa được những tai họa ấy. Cơn bão ngày 14 tháng Mười một là một hiện tượng hoàn toàn tự nhiên vào mùa ấy trong năm, và cũng có thể nói như vậy về tai nạn mà hạm đội liên quân gặp phải. Bản thân thời gian khởi hành của số quân viễn chinh được phái đến Crưm, sau ba tháng trì hoãn gây mệt mỏi và không sao hiểu được, đã báo trước những trận bão táp và tai nạn, báo trước sự diệt vong của các tàu, của thủy thủ, binh sĩ và quân trang. Hơn nữa, người ta đã nhiều lần cảnh cáo những kẻ tổ chức ra cuộc hành quân không bình thường này về

những trường hợp rủi ro luôn luôn gặp phải trong cuộc hành trình trên Hắc Hải vào mùa này. Vì vậy, họ phải chịu trách nhiệm về tất cả những cái đó, thậm chí về tai họa ngày 14 tháng Mười một, tai họa đã làm cho liên quân hải hùng hồi tưởng lại sự bất hạnh mà quân đội của Na-pô-lê-ông gặp phải khi tiến quân đến Mát-xcơ-va. Tờ "Times" Luân Đôn cho rằng ngày 14 tháng Mười một liên quân đã bị thiệt hại, tại các địa điểm thuộc Crưm, một nghìn người, "không kể những người đã bị rơi vào tay bọn Cô-dắc". Cũng theo tin của tờ báo ấy thì

"chiếc tàu mới hảo hạng chạy bằng chân vịt "Prin-xơ", có sức chứa 2700 tấn, khởi hành đi Băl-lă-lă-va mấy ngày gần đây, đã trở trung đoàn 46, toàn bộ quân trang mùa đông cho số quân tiến hành vây hãm, trong đó 40000 áo khoác ngoài, quần phục bằng phlă-nen, áo lót, bút tất và găng, thịt bò, thịt lợn và các thực phẩm khác, dụng cụ y tế cho Xcu-ta-ri và một số lượng lớn đạn pháo để tiếp tục cuộc vây hãm. Tất cả những cái đó đã tiêu ma. Tàu "Rê-dô-li-út" chở 900 tấn thuốc nổ cũng bị đắm. Xem ra, tất cả những thứ cần thiết để tiếp tục cuộc vây hãm và để bảo vệ quân lính qua mùa đông, đều tiêu tan trong phút chốc; thậm chí nếu chỉ giản đơn thỏa mãn với việc giữ vững trận địa trên cao điểm ở phía trước Xê-va-xtô-pôn, thì chúng ta vẫn không thể đối phó - điều này đã trở nên hoàn toàn rõ ràng - với kẻ thù hung ác nhất của chúng ta là mùa đông sắp tới".

Tuy Crưm là một bộ phận hầu như cô lập của Đế quốc Nga, tuy lực lượng phái ra chống lại liên quân không đánh lui được liên quân, khi số quân ấy chỉ có 35000 người, những sẽ không có ai khẳng định rằng 60000 binh lính ấy của liên quân là một lực lượng đủ để chiến đấu chống lại toàn bộ số binh lực mà sau này nước Nga có thể sử dụng chống lại họ. Ở Crưm, người Nga có 6 sư đoàn bộ binh và một sư đoàn dự bị, tức là vào khoảng 100 tiểu đoàn (không kể lính thủy đánh bộ và số lính thủy mà chúng tôi không tính đến đối với cả hai bên). Con số 100 tiểu đoàn ấy, mà một nửa đã trải qua chiến dịch gian khổ 18 tháng ở vùng Đa-nuýp, chưa chắc đã vượt quá con số 50000-60000 binh sĩ; toàn thể số quân đã chiến của quân Nga, kể cả kỵ binh, pháo binh, dã chiến và lính Cô-dắc, chỉ vượt quá số lực lượng liên quân khoảng 10000 - 15000 người. Nhưng nếu quả thực quân đoàn Li-đéc-xơ, hoặc 49 tiểu đoàn nữa, tức là từ 20000 đến 25000 binh sĩ (vì họ cũng để lại ở vùng Đa-nuýp một phần ba quân số của mình) tiến về Pê-rê-cốp, nếu như ở hướng ấy cũng tập kết thêm một số quân dự bị lấy từ các đơn vị mới được thành lập, thì quân Nga có thể rất nhanh chóng có được thời cơ

thuận lợi để giáng đòn quyết định; và khi đối phó với binh lực ưu thế trong điều kiện năng lực chỉ huy xấp xỉ như nhau thì ưu thế về tinh thần, thể lực và chiến thuật chỉ duy trì được một thời gian ngắn, cho nên có thể nghĩ rằng kết cục của chiến dịch là hoàn toàn đáng nghi ngờ. Mặt khác, nếu như mùa đông giá rét khác thường làm ngừng mọi hoạt động quân sự, thì rõ ràng là liên quân cũng sẽ không chịu đựng nổi mùa đông ấy.

Việc điểm lại tình hình ấy ở Crưm chỉ xác nhận sự hoài nghi và không tin tưởng mà chúng ta tiếp nhận tin tức nói rằng Áo đã liên kết với các nước phương Tây. Rõ ràng là tình hình mà chúng tôi trình bày tường tận, không phải đã có thể đưa nội các Viên ra khỏi sự do dự thường thấy ở họ; mặt khác, địa vị không vững vàng của nội các Anh và sự cần thiết phải che đậy những thất bại to lớn ở phương Đông bằng những thành tích khác bề ngoài có vẻ quan trọng, là lý do đầy đủ để thổi phồng ý nghĩa của một hiệp định không đáng kể, biến nó thành một liên minh tấn công - phòng thủ to lớn³⁰⁶. Có thể, chúng tôi sai về điểm này; nhưng bạn đọc biết rõ nguyên nhân tại sao chúng tôi giữ ý kiến ấy, và thời gian sẽ chỉ cho ta thấy rõ xem sự liên kết được thổi phồng lên đó giữa Áo với các nước đồng minh có phải là sự thật hay là một thủ đoạn được cố tình lợi dụng phục vụ trong kỳ họp sắp tới của nghị viện.

*Do Ph. Ăng-ghen viết ngày 4 tháng Chạp 1854
Đã đăng làm xã luận trên tờ "New-York Daily
Tribune" số 4272, ngày 27 tháng Chạp 1854*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Anh
In bằng tiếng Nga lần đầu*

C.MÁC VÀ PH.ĂNG-GHEN

QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN CHIẾN SỰ

Mặt trời Ô-xtéc-lít đã lặn. Vào ngày kỷ niệm ngày 2 tháng Chạp³⁰⁷ ở Xê-va-xtô-pôn đáng lẽ xảy ra một trận đánh lớn; người ta đã bí mật báo tin về việc đó và ở Pa-ri mọi người đã chờ đợi nó, nhưng theo báo cáo ngày 3 tháng Chạp của tướng Can-rô-béc, thì

"mưa trút thành suối, giao thông bị gián đoạn, chiến hào đầy nước, các công việc vây hãm, cũng như các công việc khác, đã bị ngừng lại".

Cho tới nay quân Nga tấn công, còn liên quân thì phòng ngự, trong khi đó quân Nga có ưu thế về số lượng ở sông Đen, còn ở dưới chân thành Xê-va-xtô-pôn thì tình hình ngược lại. Nói cách khác, quân Nga có đủ lực lượng ở sông Đen để nắm quyền chủ động, liên quân không được như thế, tuy vẫn giữ vững được trận địa của mình; tuy nhiên ở Xê-va-xtô-pôn liên quân có đủ lực lượng để vây hãm, đứng trước một số quân phòng thủ ngang bằng với mình về số lượng, cho nên mặc dù bên vây hãm không đình chỉ hoạt động quân sự, song hoạt động này vẫn không tiến triển rõ ràng. Xem ra, cán cân so sánh lực lượng sẽ thay đổi nhanh chóng; rõ ràng là liên quân sẽ nhanh chóng có đủ lực lượng để đuổi quân Nga khỏi sông Đen. Trong tình huống này, quân Nga, vốn đã mất trận địa ở phía trên In-ke-rơ-man, có thể hành động theo hai cách. Hoặc họ đi vòng và hạ trại ở nơi có chiến hào che chở gần pháo đài phía bắc, hoặc họ rút chủ lực vào sâu nội địa, ở đó liên quân không thể truy kích họ xa được. Liên quân vị tất sẽ tập kết được trước tháng Hai những lực lượng cần thiết để bao vây doanh trại phía bắc hoặc truy kích quân Nga đang rút lui về phía Bắc-si-xa-rai. Liên quân vị tất đủ sức giáng một trận thứ hai vào một đội quân đã đứng trong chiến hào ở một nơi nào đó trong khu vực Xim-phê-rô-pôn. Trong tình huống nào đi nữa, họ cũng buộc phải rút về sông Đen, và nếu như Xê-va-xtô-pôn không thất thủ do kết quả cuộc công kích từ phía nam, thì tình trạng

thuận lợi để giáng đòn quyết định; và khi đối phó với binh lực ưu thế trong điều kiện năng lực chỉ huy xấp xỉ như nhau thì ưu thế về tinh thần, thể lực và chiến thuật chỉ duy trì được một thời gian ngắn, cho nên có thể nghĩ rằng kết cục của chiến dịch là hoàn toàn đáng nghi ngờ. Mặt khác, nếu như mùa đông giá rét khác thường làm ngừng mọi hoạt động quân sự, thì rõ ràng là liên quân cũng sẽ không chịu đựng nổi mùa đông ấy.

Việc điểm lại tình hình ấy ở Crưm chỉ xác nhận sự hoài nghi và không tin tưởng mà chúng ta tiếp nhận tin tức nói rằng Áo đã liên kết với các nước phương Tây. Rõ ràng là tình hình mà chúng tôi trình bày tường tận, không phải đã có thể đưa nội các Viên ra khỏi sự do dự thường thấy ở họ; mặt khác, địa vị không vững vàng của nội các Anh và sự cần thiết phải che đậy những thất bại to lớn ở phương Đông bằng những thành tích khác bề ngoài có vẻ quan trọng, là lý do đầy đủ để thổi phồng ý nghĩa của một hiệp định không đáng kể, biến nó thành một liên minh tấn công - phòng thủ to lớn³⁰⁶. Có thể, chúng tôi sai về điểm này; nhưng bạn đọc biết rõ nguyên nhân tại sao chúng tôi giữ ý kiến ấy, và thời gian sẽ chỉ cho ta thấy rõ xem sự liên kết được thổi phồng lên đó giữa Áo với các nước đồng minh có phải là sự thật hay là một thủ đoạn được cố tình lợi dụng phục vụ trong kỳ họp sắp tới của nghị viện.

*Do Ph. Ăng-ghen viết ngày 4 tháng Chạp 1854
Đã đăng làm xã luận trên tờ "New-York Daily
Tribune" số 4272, ngày 27 tháng Chạp 1854*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Anh
In bằng tiếng Nga lần đầu*

C.MÁC VÀ PH.ĂNG-GHEN

QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN CHIẾN SỰ

Mặt trời Ô-xtéc-lít đã lặn. Vào ngày kỷ niệm ngày 2 tháng Chạp³⁰⁷ ở Xê-va-xtô-pôn đáng lẽ xảy ra một trận đánh lớn; người ta đã bí mật báo tin về việc đó và ở Pa-ri mọi người đã chờ đợi nó, nhưng theo báo cáo ngày 3 tháng Chạp của tướng Can-rô-béc, thì

"mưa trút thành suối, giao thông bị gián đoạn, chiến hào đầy nước, các công việc vây hãm, cũng như các công việc khác, đã bị ngừng lại".

Cho tới nay quân Nga tấn công, còn liên quân thì phòng ngự, trong khi đó quân Nga có ưu thế về số lượng ở sông Đen, còn ở dưới chân thành Xê-va-xtô-pôn thì tình hình ngược lại. Nói cách khác, quân Nga có đủ lực lượng ở sông Đen để nắm quyền chủ động, liên quân không được như thế, tuy vẫn giữ vững được trận địa của mình; tuy nhiên ở Xê-va-xtô-pôn liên quân có đủ lực lượng để vây hãm, đứng trước một số quân phòng thủ ngang bằng với mình về số lượng, cho nên mặc dù bên vây hãm không đình chỉ hoạt động quân sự, song hoạt động này vẫn không tiến triển rõ ràng. Xem ra, cán cân so sánh lực lượng sẽ thay đổi nhanh chóng; rõ ràng là liên quân sẽ nhanh chóng có đủ lực lượng để đuổi quân Nga khỏi sông Đen. Trong tình huống này, quân Nga, vốn đã mất trận địa ở phía trên In-ke-rơ-man, có thể hành động theo hai cách. Hoặc họ đi vòng và hạ trại ở nơi có chiến hào che chở gần pháo đài phía bắc, hoặc họ rút chủ lực vào sâu nội địa, ở đó liên quân không thể truy kích họ xa được. Liên quân vị tất sẽ tập kết được trước tháng Hai những lực lượng cần thiết để bao vây doanh trại phía bắc hoặc truy kích quân Nga đang rút lui về phía Bắc-si-xa-rai. Liên quân vị tất đủ sức giáng một trận thứ hai vào một đội quân đã đứng trong chiến hào ở một nơi nào đó trong khu vực Xim-phê-rô-pôn. Trong tình huống nào đi nữa, họ cũng buộc phải rút về sông Đen, và nếu như Xê-va-xtô-pôn không thất thủ do kết quả cuộc công kích từ phía nam, thì tình trạng

giằng co giữa tấn công và rút lui chắc sẽ kéo dài suốt mùa đông. Nhưng vì những tin tức về cuộc vây hãm, mà tàu "Đại Tây Dương" cung cấp cho chúng tôi, hết sức nghèo nàn, nên chúng tôi chỉ có thể nói về vấn đề này rằng điều đó ít có khả năng xảy ra. Thực ra, qua bản báo cáo ngày 7 tháng Chạp, được đăng trên báo "Moniteur" ở Pari và được đăng lại trên các tờ báo ở Luân Đôn, người ta chỉ biết rằng liên quân đột nhiên thắng thế và chỉ trong vòng hai ngày sau cơn hồng thủy mà họ "đã hầu như hoàn thành việc bao vây thành phố". Tin tức khả nghi ấy rõ ràng là được bịa ra để thay đổi cái ấn tượng nảy sinh từ lời tiên tri vô căn cứ về ngày 2 tháng Chạp.

Cách đây không lâu, chúng tôi đã đăng tin tức về tổng quân số và sự bố trí của quân đội Nga^{1*}. Bấy giờ chúng tôi nêu rõ rằng trong hầu như ba phần tư của một triệu binh sỹ ấy vị tất có nổi một phần ba hiện đang tác chiến và cái bộ phận lớn hơn nhiều là con số hai phần ba còn lại được sử dụng để uy hiếp Áo. Dù có viện binh gửi tới từ Crưm, từ lúc đó trở đi tình hình không có thay đổi gì lớn; quân đoàn 4, quân đoàn Đan-nen-béc-gơ đi cứu Xê-va-xtô-pôn, là quân đoàn được lấy từ tập đoàn quân Đa-nuýp, là nơi mà trước đó nó được bổ sung. Sự biến đổi quan trọng duy nhất trong tình hình của quân chủ lực Nga ở tuyến phía Tây - như chúng ta có thể gọi tập đoàn quân gồm gần 300000 người tập kết ở biên giới Áo - chỉ là ở chỗ cánh trái của nó đã kéo dài đôi chút về hướng Bét-xa-ra-bi-a và trung lưu sông Đni-e-xtô-rơ ở vị trí đó, khi cần nó có thể tiếp nhận bộ phận còn lại của tập đoàn quân Đa-nuýp, trong cuộc rút lui của bộ phận này ra khỏi Bét-xa-ra-bi-a. Ngoài ra, quân chủ lực ở tuyến phía tây có thể cử hai sư đoàn đến Crưm và một số ít quân tăng cường cho tập đoàn quân Đa-nuýp nhưng nhìn chung quân số của nó vẫn như trước; sư đoàn cận vệ từ Rê-ven và một số quân dự bị nữa đến, xem ra, đã bù đắp cho sự thiếu hụt ấy.

Nhưng tập đoàn quân Đa-nuýp có thể coi là đã hoàn toàn tan rã và rơi vào tình trạng một tập đoàn mang tính chất thuần túy phô trương, được bố trí ở Bét-xa-ra-bi-a để duy trì hết sức lâu dài sự chiếm đóng trên hình thức của nước Nga. Do việc điều Li-pran-di rồi đến lượt

Đan-nen-béc-gơ được điều đi, tập đoàn quân ấy mất đi toàn bộ quân đoàn bốn (các sư đoàn 10, 11 và 12); nếu trong 5 sư đoàn còn lại (sư 7, 8, 9, 14 và 15) mà trừ đi các lực lượng cần thiết để bảo vệ bờ biển và đóng giữ các cứ điểm từ Ben-đéc và I-xmai đến Khéc-xôn và Ni-cô-lai-ép, lại tính cả những tổn thất lớn trong hai chiến dịch ở Đa-nuýp, thì có thể suy đoán rằng 5 sư đoàn ấy không thể đưa đi tác chiến quá 15000 người. Những sư đoàn này được bố trí gần bờ biển và bất kể nơi nào trên bờ biển, sự phòng thủ của quân Nga rất mạnh trong nội địa, lại hết sức yếu ớt ở đây. Cần bảo vệ rất nhiều cứ điểm và kho tàng chống lại sự tập kích của hạm đội địch, điều đó giải thích tại sao trong số 30000 hoặc 35000 binh lính thuộc 5 sư đoàn ấy thì chưa chắc có thể sử dụng được một nửa vào tác chiến.

Việc giải tán tập đoàn quân Đa-nuýp, giống như phần lớn các biện pháp chiến lược quan trọng mà nước Nga thi hành (vì những sai lầm lớn thường chỉ bắt đầu khi *thi hành* những biện pháp ấy) là một bước hoàn toàn thành công. Từ khi quân Anh - Pháp sa lầy sâu ở Crưm, không có lực lượng nào đối chọi với quân Nga trên sông Đa-nuýp. Đội quân của Ô-me-rơ-pa-sa vị tất đã đạt được con số 40000 người do thương vong trong hai chiến dịch, chưa được bổ sung lần nào và đã bị hoạt động ngoại giao của Tây Âu làm tan rã đến mức chưa chắc có thể đủ sức để bao quanh I-xmai; nó càng không thể cử một quân đoàn để yểm trợ đầy đủ cho cuộc bao vây đó, hoặc để đánh lui quân Nga trong điều kiện dã chiến. Ngoài ra, cuộc tấn công vào Bét-xa-ra-bi-a có thể là một hành động nghi binh rất có hiệu quả mấy tháng trước đây, thì giờ đây lại có thể không còn có ý nghĩa về mặt quân sự, vì vậy đội quân của Ô-me-rơ-pa-sa hiện đã bị điều về Crưm. Vậy, lực lượng duy nhất có thể uy hiếp quân Nga ở tây-nam là quân đội Áo gồm gần 270000 người đang chiếm lĩnh Ga-li-xi, Tơ-ran-xin-va-ni và Môn-đa-vi-a. Về đội quân này cần đặc biệt theo dõi chặt, vì nếu nó đứng lên chống lại nước Nga, thì nước Nga buộc phải bỏ Bét-xa-ra-bi-a và thậm chí toàn bộ khu vực kéo dài đến sông Búc, và sẽ phải tiến hành các hoạt động quân sự hoặc từ căn cứ tấn công ở khu vực các cứ điểm Ba Lan, hoặc từ căn cứ phòng ngự ở khu vực Ki-ép và Đni-e-pnô. Trong cả hai tình huống, quân đội ở vùng Đa-nuýp có thể bị cắt đứt và sẽ buộc phải tìm cho

^{1*} Xem tập này, tr.582-587.

mình căn cứ tại nơi nào đó trong thảo nguyên phía nam, điều đó không dễ gì ở một nơi có thể nuôi được nhiều ngựa và cừu, nhưng nuôi được rất ít người. Mặt khác, nếu Áo đứng về phía Nga, hoặc chia lửa lê trung lập của nó vào núi An-pơ và sông Ranh, thì bây giờ, hoặc quân đội Ba Lan, bằng việc đưa trước một quân đoàn mạnh vào vùng Đa-nuýp, sẽ tiến vào Đức làm đội dự bị cho người Áo, hoặc đại quân của Áo tiến vào vùng Đa-nuýp và sẽ cả gan tiến quân vào Công-xtăng-ti-nô-plơ. Dù trong tình huống nào, việc duy trì ở vùng Đa-nuýp một đội quân độc lập, mạnh hơn đội quân thuần túy mang tính chất phô trương, cũng đều là một việc thừa.

Còn nói về sự tham gia của Áo vào cuộc chiến tranh này, thì, đương nhiên, chúng tôi chỉ có thể nói hoàn toàn có tính chất giả định. Hiệp ước đồng minh được tuyên truyền rùm beng - mà người ta nói, đã được ký kết giữa Áo với Pháp và Anh ngày 2 tháng Chạp - thực ra chỉ là cạm bẫy đặt ra đối với nghị viện Anh, như chúng tôi đã nêu lên với bạn đọc ngay khi hiệp ước ấy được công bố.

Trong diễn văn của nữ hoàng về hiệp ước ấy có đoạn nói:

"Ta hài lòng báo cho các vị biết rằng ta cùng hoàng đế Pháp đã ký kết với hoàng đế Áo một bản hiệp ước mà ta trông chờ thu hái những lợi ích lớn cho sự nghiệp chung"

Nhưng A-bóc-đin, vì núng thế trước yêu sách của huân tước Đốc-bi đã buộc phải nói rằng:

"Chúng tôi chỉ muốn nêu lên rằng nghị viện hài lòng được tin hoàng thượng đã ký kết một bản hiệp ước mà ngài" (hiển nhiên nên hiểu là lão già A-bóc-đin) "mong đợi thu hái những lợi ích quan trọng".

Người ta không đạt được sự thỏa mãn lớn hơn qua câu trả lời của A-bóc-đin. Ở hạ nghị viện, ông Di-xra-e-li đã buộc huân tước Giôn Rót-xen tiến thêm một bước và thẳng thắn thừa nhận rằng bản hiệp ước đồng minh - mà người ta hết sức tán dương - không phải là bản hiệp ước, cũng không phải là sự liên minh. Ông công khai thừa nhận rằng bản hiệp ước ấy không buộc Áo gánh vác nghĩa vụ gì, mà lại lôi cuốn các nước phương Tây vào khối đồng minh tấn công - phòng ngự với Áo, *Nếu như* Áo muốn tuyên chiến với Nga, ngoài ra, còn đặt nghĩa vụ cho các nước phương Tây là chậm nhất đến trước cuối năm phải đề

nghị với Nga những điều kiện hòa bình trên cơ sở bốn điều khoản nổi tiếng. Như thế, rút cục Áo có thể rút khỏi đồng minh mà "không phạm phải tội bội ước nào", miễn là tuyên bố "vào phút cuối cùng" rằng Áo không đồng ý với sự giải thích của các nước phương Tây về bốn điều khoản. Kết quả của sự giải thích của huân tước Giôn Rót-xen về bản hiệp ước ngày 2 tháng Chạp nổi tiếng là sự sụt giá tức khắc của cổ phiếu ở Luân Đôn, cũng như ở Pa-ri.

Một năm trước đây, nội các liên hiệp quả quyết rằng nó tưởng như để cho xảy ra cuộc tàn sát ở Xi-nô-pơ cốt là để đạt được sự liên minh với các quốc gia Đức. Bây giờ ký kết một bản hiệp ước giả với một trong những quốc gia ấy để đền bù cho sự diệt vong không phải của hạm đội Thổ Nhĩ Kỳ, mà là của hạm đội Anh. Báo chí Đức gần đây thậm chí còn chứng minh với chúng ta rằng sự khai mạc của nghị viện Anh báo hiệu sự tái hiện của bóng ma của hội nghị Viên, nó sẵn sàng một lần nữa cho chạy bộ máy nặng nề của nó.

Nhưng, theo lời huân tước Giôn Rót-xen, vì Áo tuyên bố rằng có thể Áo sẽ bị lôi cuốn vào cuộc chiến tranh với Nga, vì việc quân Nga dàn quân ở biên giới Áo chứng minh khả năng đó, - do đó chúng ta tạm thời có thể cho rằng Áo và các quốc gia Đức còn lại, thậm chí kể cả Phổ, dự định liên kết với các cường quốc phương Tây. Nga đã chuẩn bị đến mức nào cho khả năng ấy?

Nếu như năm 1812 số quân đội của lục địa, được ném vào tấn công nước Nga, đã yếu hơn nhiều so với số quân đội mà nước Nga có thể sẽ thấy ở biên giới mình vào tháng Tư hoặc tháng Năm; nếu như bây giờ Anh là đồng minh, chứ không phải kẻ thù của Nga, thì đến lượt mình, nước Nga có thể tự an ủi với ý nghĩ cho rằng số quân tiến sâu vào lãnh thổ mình mà càng đông, thì khả năng diệt vong nhanh chóng của số quân ấy càng lớn và, mặt khác, hiện nay Nga có số quân tác chiến nhiều gấp ba lần so với hồi bấy giờ.

Nói như thế, chúng tôi hoàn toàn không muốn chứng minh rằng "nước Nga thần thánh" là không thể bị đánh bại được. Trái lại, chúng tôi cho rằng xét về lực lượng quân sự của mình, một mình Áo có thể đọ sức với Nga, còn Áo cùng với Phổ, nếu xét khả năng quân sự thuần túy, hoàn toàn có thể buộc Nga nhận một hòa ước nhục nhã. Bốn mươi triệu

người với mật độ dân số cao ở một nước có diện tích như nước Đức, có thể độ sức thắng lợi với 60 triệu thân dân Nga sống phân tán trên một lãnh thổ rộng lớn. Kế hoạch chiến lược tấn công nước Nga từ phía tây đã được Na-pô-lê-ông quy định hoàn toàn rõ ràng, và nếu Na-pô-lê-ông không buộc phải từ bỏ kế hoạch ấy vì những lý do mang tính chất phi chiến lược, thì quyền thống trị và sự toàn vẹn lãnh thổ của Nga đã bị uy hiếp nghiêm trọng năm 1812. Kế hoạch ấy là tiến đến sông Đvì-na và sông Đni-e-prơ, xây dựng phòng tuyến ở đấy, bao gồm xây dựng các công sự, kho tàng và đường giao thông, chiếm các cứ điểm Nga trên sông Đvì-na, còn cuộc tiến quân vào Mát-xcơ-va thì hoãn đến mùa xuân 1813. Đến cuối mùa ấy, Na-pô-lê-ông đã buộc phải bỏ kế hoạch ấy vì những lý do chính trị, do đã xuất hiện sự bất mãn của các sĩ quan phản đối việc trú quân qua mùa đông ở Lit-va, và cũng do lòng tin tưởng mù quáng vào sự bất khả chiến thắng của mình. Ông tiến về Mát-xcơ-va, còn kết quả thì ai cũng biết. Tai họa bị tăng lên quá mức, do tổ chức tồi của bộ phận quân nhu Pháp và do thiếu áo rét cho binh sĩ. Nếu những vấn đề đó được chú ý hơn, thì khi rút lui, đến Vin-nô Na-pô-lê-ông vẫn có thể cầm đầu được một đạo quân đông gấp đôi số quân mà nước Nga có thể sử dụng chống lại ông. Sai lầm của ông rất rõ ràng; những sai lầm ấy hoàn toàn không phải là những sai lầm tất yếu xét về bản chất. Việc Na-pô-lê-ông đến được Mát-xcơ-va và cuộc tiến quân của Sác-lơ XII vào Pôn-ta-va đều chứng minh rằng có thể vào được đất nước này, mặc dù vào được là điều khó khăn. Còn như việc duy trì một đạo quân chiến thắng ở trong nước, thì việc đó hoàn toàn tùy thuộc vào chiều dài của tuyến tác chiến, cũng như vào khoảng cách đến các căn cứ và sự an toàn của căn cứ. Tuyến tác chiến của Na-pô-lê-ông từ sông Ranh đến Ấy-lau và Phrít-lan-đơ, nếu xét theo phương diện sự thiệt hại mà tuyến tác chiến kéo dài gây ra cho hoạt động tích cực của quân đội, thì tuyến tác chiến ấy sẽ tương đương với tuyến từ Brét-Li-tốp-xcơ (giả định rằng các cứ điểm Ba Lan sẽ bị đánh chiếm trong năm đầu) đến Mát-xcơ-va. Mà trong giả định này chưa tính đến trường hợp có thể đưa căn cứ tác chiến trực tiếp lên Vi-tép-xcơ, Mô-ghi-lép và Xmô-len-xcơ; không có những công việc chuẩn bị đó, cuộc tiến quân về Mát-xcơ-va đương nhiên là phiêu lưu.

Không nghi ngờ gì nữa, nước Nga có dân cư thưa thớt, nhưng chúng ta không nên quên rằng các tỉnh trung tâm - trái tim của dân tộc Nga và trụ cột của nó - có số dân cư đông đúc ngang với số dân cư Trung Âu. Ở Ba Lan, tức là ở năm tỉnh hợp thành Vương quốc Ba Lan thuộc Nga, mật độ dân cư bình quân cũng thế. Phần đông dân nhất của nước Nga - các tỉnh Mát-xcơ-va, Tu-la, Ri-a-dan, Ni-giơ-gô-rôt, Ca-lu-ga, I-a-rô-xláp, Xmô-len-xcơ và những tỉnh khác - hợp thành trái tim Đại Nga và hình thành một khối dày đặc; kéo dài về phía nam là các tỉnh Tiểu Nga có số dân cũng đông đảo như thế - các tỉnh Ki-ép, Pôn-ta-va, Séc-ni-gốp, Vô-rô-ne-giơ và những tỉnh khác. Tổng số tất cả những tỉnh, hoặc hạt như vậy, là 29; mật độ dân cư ở đó bằng một nửa so với mật độ ở Đức. Dân cư chỉ rất thưa thớt ở các tỉnh miền đông và miền bắc và ở thảo nguyên miền nam, cũng thưa thớt ở một phần miền tây, trong các tỉnh thuộc Ba Lan cũ - Min-xcơ, Mô-ghi-lép và Grôt-nô-do những đầm lầy rộng lớn nằm giữa sông Búc (Ba Lan) và sông Đni-e-xtơ-rơ. Nhưng ở hậu phương phía quân tấn công thì có các đồng bằng giàu lương thực của Ba Lan, Vô-lun và Pô-lô-đi-a, còn ở phía trước và trên chiến trường thì đã có đồng ruộng của vùng Trung Nga, không phải lo lắng gì về việc chu cấp lương thực của mình, nếu thu xếp được khá chút ít công tác cung cấp và học hỏi được ở chính người Nga cách lợi dụng các phương tiện vận tải ở địa phương. Còn về việc quân lính rút lui đã phá huỷ mọi nguồn dự trữ, như đã xảy ra năm 1812, thì việc đó chỉ có thể diễn ra dọc theo một hướng tác chiến và ở khu vực kế cận trực tiếp; nếu như Na-pô-lê-ông không vì cuộc tấn công hấp tấp của mình từ phía Xmô-len-xcơ, mà đã tự trói buộc mình vào một thời hạn hết sức ngắn mà ông dự định kết thúc chiến dịch, thì ông có thể tìm được xung quanh mình nhiều nguồn lương thực. Nhưng vì ông hấp tấp, nên không thể nhận đủ lương thực ở những nơi cách không xa đường hành quân, và các đội quân lương bấy giờ, xem ra, quả là sự đi sâu vào các cánh rừng lớn có cây lá nhọn ngăn cách các làng xóm với nhau. Một đạo quân có thể cử những đơn vị kỵ binh mạnh đi thu lương thực và có thể lợi dụng vô số xe ngựa và xe tải đồ ở địa phương, thì tất là có thể bảo đảm cho mình mọi thứ lương thực cần thiết; và vì tất Mát-xcơ-va sẽ bị thiêu huỷ một lần nữa. Nhưng thậm chí trong trường hợp này không có gì cản trở cuộc rút lui về Xmô-len-xcơ, mà ở đấy

quân đội sẽ tìm được một căn cứ tác chiến được chuẩn bị tốt và được cung cấp mọi nhu cầu.

Nhưng ở đây không phải chỉ cần nghiên cứu các vấn đề quân sự. Cuộc chiến tranh như thế phải kết thúc bằng những hoạt động chính trị. Có thể, việc Đức tuyên chiến với Nga sẽ là tín hiệu của việc Nga khôi phục Ba Lan. Đương nhiên, Ni-cô-lai không bỏ các tỉnh của Lít-va và Bê-lô-ru-xi-a; nhưng Vương quốc Ba Lan, Ga-li-xi, Pô-dơ-nan và có lẽ cả Tây Phổ và Đông Phổ có thể lập thành một Vương quốc có diện tích khá lớn. Nhưng ai dám nói rằng sự khôi phục nước Ba Lan như thế sẽ kéo dài được bao lâu? Có điều không còn nghi ngờ gì nữa là tất cả cái vẻ nhiệt tình bề ngoài đối với Ba Lan, mà trong bốn mươi năm nay tất cả các nhân vật tự xưng là nhà hoạt động tự do và tiến bộ khoe khoang, - đều sẽ chấm dứt. Tiếp theo đó, tất sẽ là lời kêu gọi của Nga đối với Hung-ga-ri; và nếu như người Ma-gi-a do dự, thì chúng ta không được quên rằng hai phần ba dân cư Hung-ga-ri là người Xla-vơ, họ coi người Ma-gi-a như là bọn quý tộc cầm quyền và chiếm đoạt quyền hành. Mặt khác, trong trường hợp này, Áo sẽ không ngần ngại khôi phục hiến pháp cũ của Hung-ga-ri để qua đó mà xóa Hung-ga-ri trên bản đồ cách mạng châu Âu.

Tất cả những điều đó chứng minh đầy đủ rằng việc Áo tham gia đồng minh phương Tây và khả năng của một cuộc chiến tranh toàn châu Âu chống Nga sẽ mở ra những triển vọng rộng lớn có ý nghĩa quân sự và chính trị như thế nào. Nếu giả định điều ngược lại, thì đến mùa xuân có lẽ sẽ thấy cả một triệu rưỡi binh sĩ hàng ngũ chỉnh tề dàn quân chống lại các nước phương tây, và sẽ thấy quân đội Áo - Phổ vận động theo đội hình hành quân về biên giới Pháp. Và bấy giờ thì chắc chắn là sự nghiệp chiến tranh sẽ bị thu hồi trong tay những nhân vật hiện nay đang lãnh đạo nó.

*Do C.Mác và Ph. Ăng-ghen viết ngày
14-15 tháng Chạp 1854
Đã đăng làm xã luận trên tờ "New -York
Daily Tribune" số 4276, ngày 1 tháng Giêng
1855*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyễn văn là tiếng Anh*

PH. ĂNG-GHEN

LỰC LƯỢNG QUÂN SỰ CỦA ÁO

Điều lý thú là báo chí Anh sáu tháng gần đây chuyên nghiên cứu về lập trường của Áo chưa lần nào có nhã ý báo cho chúng tôi một tài liệu chính xác nào về lực lượng quân sự thực tế mà Áo có thể ném vào cán cân lực lượng khi nó cảm thấy cần xác định đường lối chính trị của nó. Ý kiến của các tờ báo ra hàng ngày ở Luân Đôn bị chia rẽ trong vấn đề xét xem liên minh với Áo hay là công khai đoạn tuyệt với Áo thì tốt hơn. Nhưng những tờ báo ấy đại biểu cho dư luận của một dân tộc đã từng hãnh diện tuyên bố mình có đầu óc thực tế nhất thế giới, nhưng các tờ báo ấy lại chưa bao giờ chịu hạ mình nghiên cứu những chi tiết và số liệu thống kê làm cơ sở cho mọi quyết định sáng suốt không những trong lĩnh vực mậu dịch và kinh tế chính trị, mà cả trong lĩnh vực chính sách nhà nước. Thực ra, có thể cho rằng những người lãnh đạo báo chí Anh là những kẻ bất lực trong ngành nghề của mình, giống như những sĩ quan Anh cho rằng mua được quân hàm sỹ quan là họ đã làm xong tất cả những gì mà chức trách quân nhân đòi hỏi. Một tờ báo quả quyết rằng dù xảy ra chuyện gì và trong bất kể tình huống nào điều cần thiết duy trì sự liên minh với Áo, vì Áo có sức mạnh quân sự to lớn. Một tờ báo khác tuyên bố rằng liên minh với Áo là hoàn toàn vô ích, vì toàn bộ lực lượng của Áo đều dùng vào việc đàn áp người Hung-ga-ri, người Ba Lan và người I-ta-li-a. Nhưng không tờ báo nào bỏ công ra tìm hiểu lực lượng quân sự thực tế của Áo ra sao.

Quân đội Áo, vốn có bộ máy quản lý quá ư đồ sộ và cực kỳ lạc hậu, nay đã được cải tổ triệt để vào năm 1849. Thất bại ở Hung-ga-ri và thắng lợi ở I-ta-li-a đều thúc đẩy việc cải tổ đó với mức độ ngang nhau. Cơ chế quản lý đã thoát khỏi những sự hạn chế cổ truyền. Quân đội của một nước vừa mới dẹp được cách mạng ở thủ đô và nội chiến ở các tỉnh, nay đã được hoàn toàn chuyển vào trạng thái chiến tranh. Đã tiến hành công việc biên chế quân đội thành lữ đoàn, sư đoàn và quân

đoàn cố định, như quân đội của Na-pô-lê-ông trước đây và quân đội khùng của Nga hiện nay. Trong thời kỳ chiến tranh I-ta-li-a và Hung-ga-ri, 77 trung đoàn bộ binh, không kể các đơn vị xạ thủ, và 40 trung đoàn kỵ binh đã bố trí phân tán đến nỗi một số tiểu đoàn thuộc một trung đoàn, thậm chí một số đại đội thuộc một tiểu đoàn thì ở I-ta-li-a, còn một số bộ phận khác lại ở Hung-ga-ri. Hiện nay, người ta đã hợp nhất và biên chế những đơn vị ấy vào các phân đội và binh đoàn cố định, để không xảy ra tình trạng hỗn loạn tương tự và bảo đảm tiến hành bình thường việc quản lý quân lính. Căn cứ vào kế hoạch mới ấy, lực lượng quân sự của Áo gồm có 12 quân đoàn và 2 quân đoàn kỵ binh biên chế thành bốn tập đoàn quân. Mỗi tập đoàn quân không những có tất cả ba binh chủng, mà còn có cơ quan quản lý hành chính hoàn toàn độc lập và được cung cấp vũ khí trang bị bảo đảm thường xuyên sẵn sàng tác chiến. Tập đoàn quân thứ nhất, gồm các quân đoàn 1, 2 và 9 thông thường được bố trí ở các tỉnh Đức của đế quốc; tập đoàn quân thứ hai gồm các quân đoàn 5, 6, 7, 8 và quân đoàn kỵ binh 2, và tập đoàn quân thứ ba gồm các quân đoàn 10, 11, 12 và quân đoàn kỵ binh 1 thường đóng ở các tỉnh của Hung-ga-ri và Xla-vơ; còn tập đoàn quân thứ tư, chỉ gồm có mỗi quân đoàn 4, thì đóng ở I-ta-li-a.

Mỗi quân đoàn có trong biên chế của mình 2 hoặc 3 sư đoàn bộ binh, 1 hoặc 2 lữ đoàn kỵ binh, 4 đại đội pháo binh thuộc đội dự bị, cũng như các phân đội cần thiết để bắc cầu, quân nhu và quân y. Quân đoàn kỵ binh gồm hai sư đoàn, tương đương với 4 lữ đoàn kỵ binh hoặc 8 trung đoàn kỵ binh, kèm theo một số lượng thích đáng các đại đội pháo binh nhẹ. Sư đoàn bộ binh gồm có hai lữ đoàn - mỗi lữ đoàn có 5 tiểu đoàn và một đại đội pháo bộ binh - và hai đến bốn đại đội kỵ binh.

Như thế, như chúng tôi đã nói trên kia, toàn bộ binh lực gồm 77 trung đoàn bộ binh, không kể các đơn vị xạ thủ, 40 trung đoàn kỵ binh và 14 trung đoàn pháo dã chiến, không kể pháo cứ điểm, công trình sự, công binh v.v.. Bộ binh gồm 62 trung đoàn chủ lực, 14 trung đoàn bộ binh biên phòng, một trung đoàn và 25 tiểu đoàn xạ thủ. Trung đoàn chủ lực có 5 tiểu đoàn dã chiến và một tiểu đoàn hậu bị, hoặc 28 đại đội dã chiến và 4 đại đội hậu bị. Đại đội dã chiến có 220 người, đại đội hậu bị có 130 người. Như vậy, trung đoàn chủ lực, với thành phần của nó

gồm 5 tiểu đoàn dã chiến, có 6964 người; mà 62 trung đoàn, kể cả các phân đội hậu bị, phải có tất cả 369800 người. Bộ binh biên phòng có 14 trung đoàn, mỗi trung đoàn có 2 tiểu đoàn dã chiến và một tiểu đoàn hậu bị, tương đương 12 đại đội dã chiến và 4 đại đội hậu bị. Đại đội dã chiến gồm có 242 người, trong đó có 22 xạ thủ. Như vậy, trung đoàn biên phòng có 3850 người, tổng cộng 14 trung đoàn có 55200 người. Lính xạ thủ tổ chức thành một trung đoàn có biên chế 7 tiểu đoàn - 32 đại đội, kể cả hậu bị, và 25 tiểu đoàn - 125 đại đội, kể cả hậu bị; quân số mỗi đại đội là 202 người, tổng số lính xạ thủ lên tới 32500 người. Như vậy, tổng số bộ binh là 470000 người.

Kỵ binh Áo gồm 16 trung đoàn kỵ binh nặng (8 trung đoàn giáp kỵ và 8 trung đoàn long kỵ) và 24 trung đoàn kỵ binh nhẹ (12 trung đoàn phiêu kỵ và 12 trung đoàn kỵ binh có trang bị súng). Trong tổ chức biên chế kỵ binh người ta đã lợi dụng hoàn toàn thành công các đặc điểm của các dân tộc sinh sống trong Đế quốc Áo. Giáp kỵ và long kỵ hầu như gồm toàn bộ người Đức và người Séc; phiêu kỵ gồm toàn là người Hung-ga-ri, còn kỵ binh trang bị súng thì gồm toàn là người Ba Lan. Trong bộ binh, sự phân chia như thế không đem lại lợi ích đặc biệt. Theo lệ thường, người Đức và người Hung-ga-ri được biên chế thành các tiểu đoàn phóng lựu tinh nhuệ, còn người vùng Ti-rôn (Đức và I-ta-li-a) và người gốc xứ Stê-ri-a thì được biên chế thành các tiểu đoàn xạ thủ; bộ binh biên phòng tuyệt đại đa số là người Crô-a-xi và Xéc-bi, cũng rất thích hợp với việc phục vụ trong bộ binh nhẹ.

Kỵ binh nặng thì mỗi trung đoàn gồm 6 đại đội dã chiến và một đại đội hậu bị, mà mỗi đại đội có 194 người. Mỗi trung đoàn kỵ binh nhẹ có 8 đại đội dã chiến và một đại đội hậu bị, mà mỗi đại đội thì có 227 người. Toàn bộ kỵ binh, không tính các phân đội hậu bị, có 62500 người, còn tính cả các phân đội hậu bị thì có 67000 người.

Pháo binh gồm 12 trung đoàn pháo dã chiến, một trung đoàn pháo bờ biển và một trung đoàn phóng lựu. Quân Áo không có kỵ pháo binh. Trong những đơn vị mà họ gọi là kỵ pháo binh, pháo thủ di chuyển bằng xe ngựa. Mỗi trung đoàn dã chiến có 4 đại đội kỵ pháo (pháo cỡ 6 pao) và 7 đại đội pháo bộ binh (4 đại đội pháo cỡ 6 pao và 3 đại đội pháo 12 pao), không kể các đại đội hậu bị. Mỗi đại đội có 8 khẩu. Trung

đoàn pháo bờ biển không có các đại đội cố định, mà biên chế thành tiểu đoàn và đại đội thông thường và được sử dụng vào việc canh giữ các cứ điểm ở bờ biển. Trung đoàn lựu pháo gồm 18 đại đội, mỗi đại đội có 8 ống phóng lựu. Như thế, tổng số pháo binh của Áo có 1056 khẩu pháo và 144 ống phóng lựu. Ngoài ra, trong 8 tiểu đoàn pháo binh cứ điểm có khoảng 10400 người và các phân đội kỹ thuật có 4500 người. Quân số của công binh có khoảng 16700 người.

Ngoài số quân dã chiến, hậu bị và phòng thủ, ở Áo còn có những đơn vị lẻ và phân đội lẻ được lập ra để làm nhiệm vụ chuyên môn; tuy những đơn vị này không được sử dụng như là những đơn vị dã chiến, nhưng có chúng thì không cần phải điều binh sĩ dã chiến làm những công việc bổ trợ, việc này thường làm cho tiểu đoàn biến thành đại đội, còn trung đoàn kỵ binh thì biến thành đại đội kỵ binh. Ba tiểu đoàn quân y, các đơn vị vận tải và các đội kỵ binh mà binh sĩ được sử dụng làm lính truyền lệnh thuộc mỗi quân đoàn, đều là những đơn vị thuộc loại như thế. Biện pháp này cũng được áp dụng gần đây trong quân đội Anh, khi thành lập quân đoàn kỵ binh trực thuộc bộ tư lệnh. Quân số đầy đủ của các đơn vị dã chiến của quân đội Áo gồm khoảng 476000 người với 1140 khẩu pháo; tính cả các phân đội hậu bị, bộ đội kỹ thuật, bộ tư lệnh, bộ đội phòng thủ và canh sát (hiển binh) thì tổng quân số quân đội Áo gồm khoảng 620000 người.

Binh sĩ Áo phục vụ 8 năm, sau đó chuyển vào ngạch dự bị hai năm. Theo chế độ này, bao giờ cũng sẵn sàng có lực lượng dự bị, khi xảy ra chiến tranh có thể gọi nhập ngũ với số lượng gần 120000 người. Ở biên khu quân sự, mỗi người dân biên giới³⁰⁸ phải phục vụ ở lứa tuổi từ 20 tuổi đến 50 tuổi. Do đó, số lượng bộ binh biên phòng, mà các đơn vị khung của nó chỉ có trong quân ngũ 55000 người, lại có thể tăng lên đến 150000 - 200000 người. Năm 1849 ít ra có 150000 người dân biên giới phục vụ trong quân đội. Nhưng bấy giờ ở biên khu quân sự còn lại ít dân đến nỗi phụ nữ phải đảm đương mọi công việc đồng áng.

Căn cứ vào những tài liệu trên - mà chúng tôi bảo đảm là chính xác - có thể nói rằng tổ chức quân sự của Áo cho phép nước này khi bắt đầu chiến tranh đã có ngay một đạo quân 600000 người, trong đó có tới 300000 người có thể tập trung ở bất cứ nơi nào; đồng thời có thể

cung cấp một lực lượng dự bị khoảng 200000 cựu chiến binh không cần tuyển mộ khẩn cấp và không gây thiệt hại đặc biệt gì cho lực lượng sản xuất của đất nước.

Cơ cấu của quân đội Nga được suy tính sao cho có thể thu hút vào quân đội một khối lượng người lớn hơn nhiều. Song, số dân của Nga là 600000000 người, của Áo là 400000000, mà chúng ta vừa thấy rằng Áo chỉ cần gọi lực lượng hậu bị là sẽ có thể tăng quân số của mình lên trên 800000 người, trong khi đó, để đạt được một số lượng như thế, Nga không những buộc phải đưa toàn bộ lực lượng dự bị vào sử dụng, mà còn phải tiến hành một đợt tuyển quân mới tương đương với bốn đợt tuyển quân bình thường hàng năm.

*Do Ph. Ăng-ghen viết ngày 21 tháng Chạp 1854
Đã đăng làm xã luận trên tờ "New-York Daily
Tribune" số 4281, ngày 8 tháng Giêng 1855*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Anh
In bằng tiếng Nga lần đầu*

C. MÁC

NHÌN LẠI CHIẾN DỊCH CRUM³⁰⁹

I

Luân Đôn, ngày 29 tháng Chạp

"Cuộc gặp mặt của bá tước Bu-ôn, ông Bốc-kê-nê và công tước Goóc-tra-cốp tại nhà bá tước Oét-mô-len, đại sứ Anh ở Viên, chỉ nhằm mục đích duy nhất là cung cấp cho Nga hoàng những tin tức đáng *mong muốn* về ý nghĩa của đồng minh tay ba được ký kết ngày 2 tháng Chạp và về những điều kiện tiên quyết theo đó ba cường quốc sẵn sàng mở cuộc đàm phán trên cơ sở bốn điều khoản. Công tước Goóc-tra-cốp lập tức báo cáo về Pê-téc-bua những tin tức thu thập được. Việc Nga hoàng tiếp nhận hoặc cự tuyệt những điều kiện tiên quyết ấy sẽ xảy ra trong một ngày gần đây. Sự mở đầu của năm mới sẽ được đánh dấu bằng bước ngoặt có tính chất quyết định trong tiến trình của các sự kiện".

Tờ "Morning Post", một *moniteur*^{1*} tư nhân của huân tước Pan-móc-xtôn, viết như vậy. Còn cơ quan ngôn luận của đảng To-ri, tờ "Press" thì viết:

"Cuộc hội đàm ở Viên có sứ mệnh đưa lại cho Áo một cái cớ mới để trì hoãn lời phúc đáp dứt khoát đối với các cường quốc phương Tây về thời hạn mà bản hiệp ước ngày 2 tháng Chạp quy định".

Nhưng việc có ý nghĩa quyết định là trong khi các nhà chính trị trình bày, trong các bài xã luận của các tờ nhật báo và tuần báo, tài thông minh trị nước của mình trên vấn đề hội nghị Viên mới³¹⁰, thì các nhà kinh doanh trong các bài viết của sở giao dịch, cũng đăng trên những tờ báo ấy, lại đơn giản gọi hội nghị ấy là "trò hề". Chẳng hạn, người bình luận tài chính, tác giả *money article*^{2*}, đã phát biểu như thế trên tờ "Morning Post" số ra hôm nay. Thật vậy, sở giao dịch Luân Đôn không thêm để ý tới sự kiện Viên, đến nỗi tin tức về sự kiện này

1*- người truyền tin

2*- bài viết về thị trường tiền tệ

không đem lại một sự thúc đẩy nào ngay cả cho những vụ giao dịch nhỏ nhất nhất của những chú "gấu", cũng như của các chú "chó xồm", của những người lạc quan, cũng như của những kẻ bi quan tại stock exchange^{1*}. Sự lên xuống chút ít xảy ra trên thị trường chứng khoán quốc gia trong ba ngày vừa qua không phải có liên quan đến hoạt động ngoại giao ở Viên, mà là liên quan đến ngân sách ở Pa-ri. Người ta cho rằng các nhà tư bản Anh sẽ tham gia vào khoản 500 triệu phrăng công trái mới ở Pa-ri, do đó gây ra sự thu hẹp của thị trường tiền tệ, mà tình hình trên thị trường ấy vốn đã gây ra sự lo ngại do cuộc khủng hoảng ở Bắc Mỹ (*xét về quy mô của nó thì cuộc khủng hoảng ấy lớn hơn nhiều so với cuộc khủng hoảng năm 1837*), do các báo cáo gần đây về tình hình không tốt đẹp ở Đông Ấn Độ, do sự tăng giá lương thực và do một số vụ phá sản lớn bất ngờ ở Luân Đôn và Li-vóc-pun. Nếu không phải là vị hoàng đế Nga, thì cũng là nội các Anh dù sao cũng bị ảo tưởng hòa bình cầm tù. Trong 100 năm qua, nhân dân Anh đã bị tập đoàn thống trị của mình lôi cuốn vào một cuộc chiến tranh lớn với nước Pháp. Cuộc chiến tranh với Nga hiện nay là do nhân dân buộc tập đoàn thống trị Anh phát động. Tất cả những biện pháp ngoại giao, quân sự và tài chính mà tập đoàn thống trị thi hành, đều phản ánh việc chúng không muốn tiến hành cuộc chiến tranh bị gán ghép cho chúng ấy. Thậm chí biện pháp mới đây của nội các - đạo luật về việc thành lập quân đoàn người nước ngoài³¹¹ - là nhằm mục đích trước hết "*làm mất nhiệt tình*" của người Anh đối với cuộc chiến tranh ấy. Không thể nào nói rằng nguồn tuyển lính đã cạn ở một nước mà hàng năm có trên 100000 đàn ông khoẻ mạnh di cư ra nước ngoài, hơn nữa cuộc di cư này chỉ có ảnh hưởng qua loa đối với mức tiền công. Cũng không thể nói đến vấn đề đột nhiên xuất hiện sự cần thiết gửi gấp quân trợ chiến, vì biện pháp của nội các không phải nhằm phục vụ cho sự viện trợ đột nhiên, cũng như sự viện trợ khẩn cấp. Luật dân binh³¹² - do nghị viện thông qua vào tháng Năm - đã tạo cho nội các có khả năng tập trung được riêng ở Anh và Oen-xơ 80000 dân binh, và kinh nghiệm cho thấy rằng trong tất cả các trung đoàn được thành lập vào mùa xuân, trên một phần tư lính tình nguyện đã chuyển sang ngạch thường trực; trong khi

1*- sở giao dịch

đó, tính đến đầu tháng Chạp, chính phủ mới chỉ thành lập được 18 trung đoàn dân binh (khoảng 13500 người). Mọi người đều biết rằng người Anh - dù dưới thời Sác-lơ I hay dưới thời Uy-li-am III, dưới thời những đời vua Gioóc-giơ đầu tiên, và sau hết, trong thời kỳ cuộc đại chiến chống phái Gia-cô-banh - bao giờ cũng phản đối việc đưa vào Anh lính đánh thuê người nước ngoài. Nhưng việc sử dụng binh sĩ người nước ngoài ở ngoài phạm vi nước Anh đã gây ra sự bất bình mãnh liệt như thế, thì đó là hiện tượng mới và hiếm thấy trong lịch sử nước Anh. Chính sự thật ấy chứng minh *tính chất hoàn toàn đặc biệt* của cuộc chiến tranh hiện nay khác với tất cả những cuộc chiến tranh trước đó mà Anh tiến hành trong thời đại hiện nay. Đây là lý do tại sao bọn quý tộc cầm quyền cố tình cầu cứu đến bóng ma của quá khứ, cầu cứu đến cách làm của bọn mộ lính cũ, đã từng mua binh sĩ ở thị trường *rẻ nhất*. Chúng làm điều đó, mặc dù hoàn toàn không tin tưởng - như Xit-ni Héc-bóc đã *thừa nhận* tại hạ viện - vào sự *thành công* của biện pháp được kiến nghị. Đủ thấy chúng làm điều đó không phải để tiến hành chiến tranh, mà là để chuẩn bị giảng hoà. Để xây dựng một quân đội *Anh* đúng yêu cầu, chính phủ ngay trong lúc này phải tăng lương cho binh sĩ, xóa bỏ nhục hình, hứa đề bạt vào các chức vụ, bắt đầu từ người lính thường, tóm lại: dân chủ hóa quân đội và biến nó từ chỗ là sở hữu của mình thành sở hữu của dân tộc.

"Từ trước tới nay" - tờ "Times", số ra hôm nay, viết - "trong thời chiến, cũng như trong thời bình, quân đội chỉ là một bộ máy của chính phủ, để đề bạt quý tộc và để làm hậu thuẫn cho các khóa nội các".

Ở đây chúng tôi muốn bàn đến một điều có ý nghĩa quyết định. Đối với quý tộc Anh, *cuộc chiến tranh với Nga có nghĩa là mất đi sự độc quyền của nó trong chính phủ*. Từ năm 1830 tuy đã buộc phải thi hành một chính sách đối nội chỉ có lợi cho giai cấp tư sản công thương nghiệp, song giai cấp quý tộc Anh vẫn giữ được mọi chức vụ trong chính phủ, vì nó nắm được độc quyền đối với chính sách *đối ngoại* và quân đội. Nhưng nó chỉ có thể duy trì được sự độc quyền đó chừng nào cuộc chiến tranh nhân dân - *chỉ có cuộc chiến tranh chống nước Nga* mới có thể là loại chiến tranh như vậy - chưa biến chính sách đối ngoại thành sự nghiệp của nhân dân. Vì vậy, toàn bộ hoạt động ngoại giao của

Anh từ năm 1830 đến năm 1854 đều quy tụ trong một nguyên tắc: tránh cuộc chiến tranh với Nga *bằng bất cứ* giá nào. Từ đó mà có những nhượng bộ không ngừng đối với nước Nga trong vòng 24 năm nay ở Thổ Nhĩ Kỳ, Ba Tư, Áp-ga-ni-xtan, Đan Mạch và ở tất cả các nơi trên trái đất. Thực tế ngày nay chứng minh rằng những tính toán của giới quý tộc là chính xác. Cuộc chiến tranh với Nga chỉ vừa bắt đầu, thì bản thân tờ "Times" đã tuyên bố:

"Giới quý tộc không có năng lực tiến hành các cuộc chiến tranh của chúng ta. Bộ máy nhà nước của tập đoàn thống trị mâu thuẫn gay gắt với cơ cấu xã hội nước ta".

II

Luân Đôn, ngày 1 tháng Giêng

"Tất cả các ngành trong bộ máy quản lý quân sự của chúng ta đều tan rã dưới gánh nặng của cuộc chiến tranh hiện nay".

Tờ "Times", số ra hôm nay, viết như thế. Thật vậy, nếu nhìn vào bộ máy quản lý quân sự hoặc bất kỳ tổ chức quản lý nào khác ở Anh, thì sẽ cảm thấy rằng ở đây người ta muốn chứng minh cái gọi là nguyên tắc thể cân bằng trong khuôn khổ hiến pháp. Các loại cơ quan bị gắn chặt với nhau đến mức làm cho nhau hoàn toàn tê liệt, và như vậy là cả guồng máy không làm ăn gì được. Vì vậy, trong cuộc chiến tranh này mới xảy ra chuyện thương binh thì ở Ba-lắc-la-va, sĩ quan quân y thì ở Công-xtăng-ti-nô-pơ, còn thuốc men lại để ở Xcu-ta-ri. Vì thế mới nổ ra cuộc nổi loạn của quân đội ở Crưm chống lại cái chế độ mà vì nó họ bị đem ra làm vật hy sinh; nếu như quân nhân tất cả các cấp, từ đại tá cho đến lính thường, đều phá hoại kỷ luật, mỗi tuần viết hàng ngàn bức thư cho báo chí ở Luân Đôn và lớn tiếng tố cáo trước dư luận xã hội hành vi của các cấp chỉ huy của họ, chẳng lẽ chúng ta không thể gọi đấy là cuộc nổi loạn hay sao? Vì vậy đem cái tình trạng do bản thân chế độ gây ra mà đổ trách nhiệm cho huân tước Ra-glan thì như vậy là không công bằng. Ông ta có trách nhiệm, nhưng là về mặt chỉ huy quân sự.

Hồi tưởng lại chiến dịch Crưm, chúng ta sẽ thấy rằng huân tước Ra-glan đã phạm sai lầm thứ nhất ở An-ma, vì đã ra lệnh vu hồi không phải cánh phải, mà là cánh trái dựa vào biển của quân Nga. Nếu đánh vu hồi cánh phải, thì một bộ phận của quân Nga sẽ bị dồn xuống biển, còn một bộ phận nữa bị dồn về Đồn lũy phía bắc, còn hiện nay thì thực tế họ bị đánh lui về Xim-phê-rô-pôn, tức là tuyến rút lui có lợi nhất cho họ. Nếu trong trận An-ma, liên quân đã định chiếm lấy cứ điểm của địch một cách không cần thiết và không mục đích, thì đúng vào lúc tình hình thuận lợi cho việc đó, họ lại thiếu quyết tâm. "Cuộc hành quân bên sườn địch về hướng Ba-lắc-la-va" lừng tiếng ấy là sự từ bỏ cuộc tấn công vào mặt bắc của cứ điểm. Nhưng mặt đó ở vào địa vị

khống chế, do đó là nơi có ý nghĩa quyết định; Đồn lũy phía bắc là chiếc chìa khóa để vào Xê-va-xtô. Cho nên liên quân đã bỏ lỡ một cuộc tấn công gan dạ hơn và, do đó, thực tế hứa hẹn chắc phần thắng hơn, để giữ lấy địa vị phòng ngự vững chắc của mình.

Ô-me-rô-pa-sa cũng mắc sai lầm ấy, khi ông ta cố thủ ở Ca-la-phát, mà không tiến từ Ôn-tê-nít-sa đến Bu-ca-rét và đột phá chiến tuyến kéo dài của địch. Tiếp đó, mở màn cuộc vây hãm Xê-va-xtô, dù sao nó cũng chứng minh rằng do nền hòa bình được duy trì lâu dài, nên nghệ thuật quân sự thụt lùi đi bao nhiêu, thì phương pháp tác chiến dựa vào sự phát triển của công nghiệp, lại được cải tiến bấy nhiêu. Trong bất cứ cuộc chiến tranh nào trước đây, chưa bao giờ công sự đất đơn giản lại có tác dụng lớn như vậy. Bắt đầu ở Ôn-tê-nít-sa, quân Nga đã dùng biện pháp cũ: pháo kích vào những công sự ấy mấy giờ liền, rồi xung phong. Nhưng không thành công. Những công sự bằng đất ở Ca-la-phát làm cho quân Nga bị tê liệt, không dám quyết tâm tấn công. Ở Xi-li-xtô-ri, những công sự bằng đất bị phá huỷ nửa chừng đã làm tiêu tan mọi cố gắng của quân Nga, và sau hết, ở Xê-va-xtô, tuyến công sự bằng đất đã chịu đựng nổi cuộc pháo kích của một số lượng đơn vị pháo công thành lớn hơn và của những khẩu pháo nặng hơn so với số lượng và cỡ pháo mà người ta đã sử dụng trước đây đối với những công sự hiện đại nhất. Nhưng trước khi bố trí pháo công thành, thành phố bỏ ngõ đó đã biến thành một trại quân được phòng thủ vào bậc nhất rồi. Mọi người đều biết rằng ngày 25 tháng Mười, trong trận đánh ở Ba-lắc-la-va, kỵ binh Anh đã bị hy sinh vô ích và không có mục đích do vi phạm mọi nguyên tắc của nghệ thuật quân sự. Sau hết, chúng ta nói đến trận In-ke-rơ-man, sự kiện lớn nhất trong chiến dịch này. Cũng như quân Phổ ở I-ê-na, quân Anh ở In-ke-rơ-man đã chiếm được một loạt cao điểm chỉ có thể tiếp cận ở phía chính diện bằng mấy con đường hẹp. Cũng như quân Phổ, quân Anh đã không chú ý chiếm lĩnh lấy cao điểm ở cuối cánh trái của mình, còn Men-si-cốp, cũng giống như Na-pô-lê-ông ở I-ê-na³¹³, thì đã tung một bộ phận quân của mình đến cao điểm ấy, do đó trước khi trời sáng đã bám chắc được ở bên sườn quân địch. Quân Nga, nói chung không phải là những người chủ trương sáng tạo độc lập, đã sao chép cái kế hoạch tác chiến ấy của Na-pô-lê-ông, nhưng khi cuộc cơ động chiến lược vừa kết thúc và phải bước vào động tác chiến thuật, thì cái mặt nạ văn minh phương Tây rơi

xuống và lộ nguyên hình một tên Tác-ta. Cái quân đội Nga xuất sắc đó, với những cựu binh của nó, trong số đó nhiều người đã tại ngũ 25 năm - cái mẫu mực về đội hình kiểu duyệt binh ấy - đã tỏ ra bất lực, vụng về, không thích hợp cho cách chiến đấu theo đội hình phân tán và tác chiến bằng phân đội nhỏ, đến nỗi sĩ quan của họ không thể làm gì khác hơn là tung cái khối người nặng nề ấy vào quân địch. Cuộc tấn công mãnh liệt giản đơn của cái khối ấy lẽ ra đủ sức đột phá đội hình dày đặc của quân Anh; nhưng, một mặt, cái khối người dày đặc ấy đã tạo điều kiện cho tác dụng huỷ diệt của hỏa lực pháo và súng trường Anh, và mặt khác, khi quân Nga, có ưu thế số lượng, chuyển sang đánh giáp lá cà, thì quân Anh lại dựa vào tính ưu việt của đội hình vuông - mà Na-pô-lê-ông dùng để đón đánh quân Ma-me-lúc ở Kim tự tháp - để đón ngọn đòn đó của quân Nga. Số quân gồm 14000 của liên quân, bị thiệt hại 1/3, đã đánh tan 30000 quân Nga, mặc dù mọi người đều công nhận rằng trong chiến đấu quân Nga đã tỏ ra có sự dũng cảm cá nhân và kế hoạch tấn công của quân Nga trội hơn của liên quân. Kể từ trận Nác-va, quân Nga chưa lần nào bị thất bại như vậy. Nếu xét đến sự khác nhau rất lớn giữa quân Nga ở Nác-va với quân Nga ở In-ke-rơ-man, giữa đám quân ô hợp không được huấn luyện năm 1700 với một quân đội đã được huấn luyện kỹ lưỡng năm 1854, thì trận đánh ở Nác-va tỏ ra rạn rỡ hơn trận đánh ở In-ke-rơ-man. Nác-va là trận thất bại nghiêm trọng đầu tiên của một dân tộc đang vươn mình, nó thậm chí biết biến thất bại thành vũ khí chiến thắng. Trận In-ke-rơ-man là một triệu chứng hầu như xác thực về sự suy đồi trong sự phát triển trong phòng ẩm áp của nước Nga từ thời Pi-ốt Đại đế đến nay. Sự phát triển được đẩy nhanh một cách giả tạo và sự cố gắng lớn lao để giữ lấy cái vẻ văn minh rực rỡ trong một nước ở trình độ nửa dã man, xem ra, đã làm cho dân tộc này kiệt sức mà mắc một thứ chứng bệnh giống như lao phổi. Đối với bộ binh Nga thì trận In-ke-rơ-man cũng giống như trận Rốc-rua đối với bộ binh Tây Ban Nha³¹⁴.

*Do C. Mác viết ngày 29 tháng Chạp 1854 và
ngày 1 tháng Giêng 1855
Đã đăng trên tờ "Neue Oder-Zeitung"
số 1 và số 5, ngày 2 và 4 tháng Giêng 1855*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Đức*

C. MÁC

BÁO CHÍ VÀ CHẾ ĐỘ QUÂN SỰ

Luân Đôn, ngày 3 tháng Giêng

"Hoàng đế Nga" - phóng viên báo "Times" đưa tin từ doanh trại ở Xê-va-xtô - "hình như tự chủ động đưa trả về Anh, trên *một* chiếc tàu chiến *duy nhất*, tất cả những gì còn lại của quân đội chúng ta vào đầu tháng Năm".

Tiếp theo là sự mô tả rõ nét về cảnh chết chóc, thiếu thốn, hỗn loạn, tan rã bao trùm lên trại quân của Anh. Tình hình quân đội hiện nay hầu như là đề tài duy nhất của các bài xã luận của các tờ nhật báo ở Luân Đôn.

"Quân đội Anh" - tờ "Times" viết - "không còn là quân đội theo đúng ý nghĩa quân sự của danh từ này. Đây là một đám người dưng cảm, và lại chỉ là một đám đông thông thường và thậm chí tệ hơn, vì chỉ huy nó là những người không đáng được chỉ huy nó, và do đó nó đã mất sức chiến đấu vốn có của mình... Bộ chỉ huy quân đội Anh ở Xê-va-xtô mang tính chất danh nghĩa thuần túy; hơn nữa, các sĩ quan xuất sắc khẳng định rằng các hạ sĩ quan có thể chỉ huy quân đội một cách suôn sẻ không kém gì những người được coi là các vị tư lệnh. Chúng tôi nhận thức rằng không dễ gì mà gạt bỏ được những con người trung thành và ngay thẳng đã cao tuổi và có được nhiều vinh dự".

Nhưng, à la guerre comme à la guerre^{1*}.

"Nếu như có nội các nào đó đã từng có thể sử dụng biện pháp cưỡng bách đó thì chính là nội các hiện nay".

Tại sao?

"Vì nó ngoan cố phản đối tuyên chiến". Vì vậy "nắm con bài trong tay, nó không phải tự ràng buộc bởi sự cần thiết phải chú ý đến vấn đề các cá nhân".

Hỡi sư tử, mi gầm lên khá thật! Vì nội các hiện tại tiến hành cuộc chiến tranh chống Nga trái với ý muốn của nó, cho nên sai lầm trong

1* - chiến tranh là chiến tranh

việc tiến hành chiến tranh phải được quy lỗi không phải cho nó, mà chỉ cho viên tổng tư lệnh, và công chúng cần hiểu rõ rằng không phải nội các cản trở huân tước Ra-glan, mà là huân tước Ra-glan cản trở nội các.

Tuy tờ "Times" công kích huân tước Ra-glan như vậy, để bào chữa cho nội các, tờ "Morning Chronicle", cơ quan của phái Pin, lại công kích tờ "Times" tuồng như là để bênh vực huân tước Ra-glan, còn trên thực tế là để cảm ơn tờ "Times" đã thừa nhận nội các không có lỗi, lợi dụng sự thừa nhận đó đồng thời bày trò bút chiến giữa hai tờ báo của chính phủ để đánh lạc hướng.

"Tâm trạng chán nản" - tờ "Chronicle" đứng đắn viết - "bao trùm dư luận mấy ngày gần đây, phải hoàn toàn được quy cho - chúng tôi đau lòng nêu lên điều đó - ảnh hưởng của tờ "Times". Sự kiện mô tả bằng màu sắc u ám, tai họa bị phóng đại, tiếng tăm xúng đáng của các tướng lĩnh bị bôi nhọ, lòng cao thượng đã đi vào thói quen của người Anh đối với người vắng mặt, thì đã bị lãng quên, và tất cả những cái đó chỉ nhằm gây sự giận dữ, chỉ nhằm để gây ấn tượng mạnh mẽ! Thực ra, toàn bộ sự thù ghét, toàn bộ sự công kích độc ác đều chủ yếu chĩa vào nguyên soái Ra-glan... Tình cảnh bi thảm, mà quân đội ở Crum lâm và từ đầu tháng Chạp, - tuy những tin tức mới đây làm cho người ta yên tâm hơn một chút - trước hết phải được quy cho cơn bão kinh khủng ngày 14 tháng Mười một".

Nội các rộng lượng đến mức không bắt huân tước Ra-glan chịu trách nhiệm về cơn bão ngày 14 tháng Mười một. Như thế là chẳng còn lại gì hết, ngoài việc tờ "Times" chạy theo sự giận dữ.

Bây giờ chúng tôi bàn về bộ phận báo chí Luân Đôn đại biểu cho những lợi ích *riêng biệt* nào đó trong *nội bộ* nội các, về tờ "Daily News", cơ quan ngôn luận bí mật của *Pan-móc-xtơn* từ ít lâu nay, và về tờ "Morning Post" từ nhiều năm nay đã là cơ quan ngôn luận chính thức của ông ta.

"Ngành hành chính của chúng ta" - tờ "Daily News" viết - "hầu như không biến đổi gì, như thể nó thuộc vào thời đại người Mi-gi-an và người Ba Tư. Bất cứ cuộc khủng hoảng đột nhiên nào đều làm cho nó bị bất ngờ. Thậm chí đứng trước sự tiêu diệt kinh khủng nhất đối với sinh mệnh và tài sản của loài người, nó cũng hiếm khi được cải tạo để sau này có thể đối phó với những tai họa tương tự... Ngành quân sự cũng như vậy. Người ta mong mỗi biết bao khi vị bộ trưởng chủ chốt phụ trách Bộ chiến tranh được bổ nhiệm cách đây không lâu! Nhưng tình hình không vì thế mà được cải thiện thậm chí dù là chút ít. Về điểm này, chúng ta có nên trách cứ

công tước Niu-ca-lơ, hay là nên tiến hành cải cách đối với chính bản thân cái chế độ gây tác hại tệ liệt, trong đó những chức năng quốc gia hoàn toàn được giao phó vào tay giới quý tộc gây ảnh hưởng tai hại? - Dù công đức của công tước Niu-ca-lơ như thế nào, ông ta cũng không phải là một nhân vật *Héc-quyn chính thức* có năng lực chấm dứt chế độ đó. Nhưng nhân dân Anh có khả năng đòi hỏi làm kỳ được điều mà công tước không đủ sức làm".

Tờ "Daily News" còn là lính mới trong vai trò làm cơ quan ngôn luận của nội các. Thêm vào đó, nó buộc phải chú ý đến công chúng tư sản của nó. Tuy nhiên, thoạt nhìn cũng thấy rõ là thực chất của bài báo là ở chỗ cần có một "Héc-quyn chính thức". Nhưng ai là Héc-quyn chính thức ấy? Và làm thế nào kiếm được nhân vật ấy? Về điểm này, tờ "Morning Post" đã trả lời. Tờ báo ấy viết:

"Bắt đầu bằng sự công kích huân tước Ra-glan thì có nghĩa là bắt đầu không đúng chỗ. Huân tước Ra-glan *cao hơn* sự công kích của tờ "Times"... Tuy nhiên, không cần hoài nghi những thiếu sót trong hoạt động của chính phủ ở trong nước... Hãy lấy ngành quân sự làm ví dụ. Phải chăng từ nay về sau, ngành ấy nên làm việc theo tinh thần và phương thức giống như trong chín tháng vừa qua?... Cần nhớ rằng quân đội ở ngoài nước hoàn toàn phụ thuộc vào cơ quan hành chính ở ngay nước Anh... Vì vậy, điều đặc biệt quan trọng là người đứng đầu ngành quân sự phải là chủ nhân hoàn toàn và hành động xứng đáng với tư cách chủ nhân... Người ta nói rằng *chế độ cũ* gây trở ngại cho điều đó. Nhưng chủ nhân chân chính đã từ lâu gánh lấy trách nhiệm đập tan chế độ ấy... Thật ra, điều bí mật là ở chỗ người đứng đầu chính phủ hiện tại, giống như một chiếc búa bằng chì, đè nặng lên tất cả mọi cố gắng của các ngành. Bất cứ nhịp mạch đập nào của *A-bóc-đin* đều truyền đến toàn thể bộ máy quản lý và ảnh hưởng đến cả chế độ... Hãy cải biến toàn bộ chế độ và đặt lên vai nó một cái đầu chân chính và vững chắc".

Nói cách khác: hãy để cho Pan-móc-xtơn làm thủ tướng. Ông ta chính là *Héc-quyn chính thức* mà tờ "Daily News" mơ tưởng, chính cái ông Pan-móc-xtơn mà huân tước Men-buốc đã bổ nhiệm làm bộ trưởng Bộ ngoại giao vào năm 1830 theo đề nghị của công tước phu nhân Li-ven của nước Nga; chính là cái ông Pan-móc-xtơn trong thời gian nổ ra cuộc chiến tranh Á-p-ga-ni-xtan³¹⁵ đã bí ẩn đưa quân đội Anh vào chỗ hy sinh, đến nỗi tại cuộc họp của nghị viện ngài Rô-bóc Pin đã công khai đe dọa "lật tẩy" ông ta, nếu như ông ta tiếp tục làm cho ngài Pin bức mình về những lời khoác lác của ông ta; chính là cái ông Pan-móc-xtơn đã từng lái khối đồng minh tấn công *chống Nga* - một khối đồng minh do Pháp đề nghị vào năm 1839 và tuồng như đã ổn

thỏa - một cách tài tình đến nỗi vào một buổi sáng nào đấy trong năm 1840, đồng minh ấy đã biến thành đồng minh Anh-Nga *chống Pháp*³¹⁶. Tuy Pan-móc-xtôn là thành viên *có thể lực nhất* của chính phủ hiện tại và xuất hiện và *phải* xuất hiện trước tất cả các giới trong nghị viện, như là một người sốt sắng bảo vệ chính phủ, trên báo chí ông ta vẫn không ngừng sử dụng mọi thủ đoạn của nghệ thuật ngoại giao để chứng minh rằng ông ta đang bất hòa nghiêm trọng với A-bóc-đin và bằng cách đó bảo toàn được uy tín của mình trong trường hợp nội các liên hợp sụp đổ. Đồng thời người ta ngăn cản phe đối lập không được có những biện pháp kiên quyết, và tiếp tục duy trì tình trạng căng thẳng vô hiệu quả xung quanh vấn đề chia rẽ trong nội các. Chẳng hạn, tờ "Morning Herald", cơ quan của đảng To-ri, hôm nay lại mắc bẫy lần thứ một trăm khi tuyên bố rằng nội các dứt khoát sẽ đổ và dùng mọi cách tuyên truyền âm ỉ về sự phẫn nộ đầy tinh thần yêu nước của Pan-móc-xtôn và Rốt-xen đối với A-bóc-đin, Niu-ca-xlơ và Glát-xtôn. Ad vocem^{1*} *Glát-xtôn* thì cần vạch rõ thêm rằng - như người ta có thể kết luận điều đó từ bài xã luận của báo "Chronicle", số ra hôm nay, về công trái ở Pháp - Glát-xtôn không có ý định dùng đến công trái, mà quyết định tiến hành chiến tranh dựa vào biện pháp thu thuế trực tiếp, nghĩa là dùng đến hình thức thuế mất lòng dân, nặng nề và phi kinh tế nhất.

*Do C. Mác viết ngày 3 tháng Giêng 1855
Đã đăng trên tờ "Neue Oder-Zeitung" số 9,
ngày 6 tháng Giêng 1855*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Đức*

1* - Còn nói về

C. MÁC

KHỦNG HOẢNG CÔNG THƯƠNG NGHIỆP**I**

Luân Đôn, ngày 8 tháng Giêng. Các câu lạc bộ và báo chí Luân Đôn bận rộn vào những bài tràng giang đại hải rất trịnh trọng về "khủng hoảng nội các", nhưng họ không có thời gian nêu ra một sự kiện quan trọng hơn không gì so sánh được, tức là ở Anh *lại xảy ra một trong những cuộc khủng hoảng công thương nghiệp lớn* mà xét về quy mô thì cuộc khủng hoảng lần này giáng đòn chí mạng hơn các cuộc khủng hoảng năm 1847 và 1836. Nếu như những vụ phá sản ngẫu nhiên xảy ra ba tháng vừa qua - mà số lượng và ảnh hưởng của những vụ phá sản ấy đã tăng lên thời gian gần đây - đã không dẫn tới việc thừa nhận sự kiện ấy, thì hiện nay, sau khi công bố các báo cáo thương nghiệp hàng năm và các bản thông báo thống kê do Board of Trade^{1*} soạn ra thông báo về tình hình xuất nhập khẩu trong 11 tháng, rút cục người ta không thể phủ nhận sự tồn tại của khủng hoảng nữa. Những thông báo ấy chỉ rõ rằng xuất khẩu đã giảm đi 1710677 p.xt. so với 11 tháng của năm 1853 và giảm đi 1856988 p.xt nếu chỉ so sánh tháng cuối cùng - từ ngày 5 tháng Mười một đến ngày 5 tháng Chạp - của năm nọ với năm kia. Chúng tôi trích trong bảng số liệu xuất khẩu hàng hóa những chi tiết dưới đây nói lên sự thu hẹp xuất khẩu sản phẩm của một số ngành công nghiệp quan trọng nhất:

	Năm 1853	Năm 1854
	(tính theo p.xt.)	(tính theo p.xt.)
Vải dệt bằng bông.....	23757155	22877050
Sợi bông.....	6322639	6055640
Hàng dệt bằng gai.....	4379732	3735221
Sợi dầy.....	1069812	852763

1* - Bộ thương nghiệp Anh

Hàng dệt bằng len	9470413	8566723
Hàng dệt bằng tơ.....	1492785	1144506
Xuất khẩu máy móc	1368027	1271503

Đương nhiên, *báo cáo về thương nghiệp* mưu toan dồn trách nhiệm về cuộc khủng hoảng năm 1854 cho chiến tranh, hết như dồn cho cách mạng năm 1848 trách nhiệm về cuộc khủng hoảng đã bắt đầu từ năm 1847. Nhưng lần này thì ngay tờ "Economist" ở Luân Đôn - là tờ tạp chí trên nguyên tắc bao giờ cũng giải thích các cuộc khủng hoảng bằng các lý do ngẫu nhiên không có liên quan gì đến công thương nghiệp, - cũng buộc phải thừa nhận rằng sự phá sản và sự thu hẹp của thương nghiệp trong năm 1854 là bước mở đầu của sự phản ứng tự nhiên đối với "sự phồn vinh mang tính chất kinh giạt" của năm 1853. Nói cách khác, chu kỳ kinh tế lại đạt tới một điểm khi mà sản xuất thừa và tình trạng đầu cơ quá đáng bị khủng hoảng thay thế. Bằng chứng hùng hồn nhất cho điều đó là *Hợp chúng quốc Bắc Mỹ*, mà cuộc chiến tranh phương Đông chỉ đụng chạm đến nó về phương diện là cuộc chiến tranh ấy đã là nguyên nhân dẫn đến sự phát triển chưa từng thấy của ngành đóng tàu và công cuộc buôn bán tàu thuyền của nước này và bảo đảm cho nó sự tiêu thụ một số loại nguyên liệu mà trước đây chủ yếu hoặc hoàn toàn chỉ do nước Nga cung cấp. Ở Hợp chúng quốc, cuộc khủng hoảng đã kéo dài hơn bốn tháng rồi và vẫn còn tiếp tục tăng lên, tuy trong số 4208 ngân hàng thì có 109 ngân hàng, tức là khoảng 2 ½ %, đã phá sản và ở các bang công nghiệp miền Đông đã xảy ra tình trạng đình đốn trong công nghiệp kèm theo sự hạ thấp đáng kể của tiền lương, đến nỗi trên 4000 người từ châu Âu di cư sang đã phải "hồi cư" về tổ quốc họ. Năm 1837, cuộc khủng hoảng ở Mỹ *nổ ra tiếp theo sau* cuộc khủng hoảng ở Anh năm 1836. Nhưng lần này, tiến trình của sự kiện đã đảo ngược. Mỹ dẫn đầu trong sự phá sản. Hợp chúng quốc và Úc đều tràn ngập hàng Anh ở mức độ ngang nhau. Những con số sau đây chứng tỏ sự thực đó có ý nghĩa lớn lao như thế nào đối với nền thương nghiệp Anh: năm 1853 Anh xuất khẩu khoảng 100 triệu p.xt. hàng hoá, trong số đó có 25 triệu sang Hợp chúng quốc và 15 triệu sang Úc. Sau Hợp chúng quốc và Úc, thị trường tiêu thụ quan trọng nhất là Đông Ấn. Nhưng ngay từ năm 1852, thị trường Đông Ấn đã

thừa hàng hóa đến mức chỉ có sự mở rộng hoàn toàn mới của công cuộc thương mại qua ngã Pen-giáp và Xin-đơ để vào Bu-ca-ra, Áp-ga-ni-xtan và Bê-lút-gi-xtan, để rồi lại từ đây, một mặt, đưa vào Trung Á, và, mặt khác, đưa vào Ba Tư, - chỉ có công cuộc thương mại ấy mới cho phép duy trì một cách khó khăn số lượng xuất khẩu ở mức cũ là 8 triệu pao xtéc-linh. Hiện nay, ở đây mọi hướng tiêu thụ đều đã chật ních, đến nỗi gần đây hàng hóa được chuyển từ Hin-đu-xtan sang Úc và như thế là "cú mèo được chuyển về A-ten".³¹⁷ Thị trường duy nhất mà người ta có thể - do cuộc chiến tranh phương Đông - gửi hàng hóa tới "một cách hết sức thận trọng" trong một thời gian, là thị trường *Lê-van*. Nhưng ở Xi-ti, điều không còn bí mật đối với bất cứ ai là từ khi cuộc khủng hoảng ở Hợp chúng quốc và sự tiêu điều ở Úc buộc các nhà buôn cố gắng tìm kiếm xem nơi nào còn thị trường chưa bị thừa ứ hàng hoá, thì Công-xtăng-ti-nô-plo đã trở thành nơi chứa tất cả mọi thứ hàng hóa cần tiêu thụ và hiện nay nơi ấy cũng phải được coi là đã "bị chặt kín" rồi. Cũng như vậy, người ta cũng lợi dụng những vụ rối loạn gần đây ở Tây Ban Nha để đưa sang đây, bằng con đường buôn lậu, số hàng hóa của Anh mà nước này có thể thu nhận được. Hiện nay người ta đang thực hiện một ý đồ mới thuộc loại đó ở các nước Nam Mỹ, tuy rằng sức mua nhỏ bé của các nước này không cần chứng minh.

Do ý nghĩa quyết định của cuộc khủng hoảng ở Anh đối với tình hình xã hội và chính trị trên toàn thế giới, nên cần bàn tỉ mỉ và kỹ càng hơn về lịch sử nền thương mại của Anh trước năm 1854.

II

Luân Đôn, ngày 9 tháng Giêng. Về sự phát triển của công thương nghiệp Anh trong thời kỳ từ năm 1849 đến năm 1853 có thể phán đoán căn cứ theo những số liệu sau đây. Năm 1846, tổng trọng tải của các tàu thuê đã ra vào các hải cảng Anh là 9499000 tấn; năm 1850 tổng trọng tải ấy tăng lên đến 12020000 tấn và năm 1853 đã đạt tới ít nhất là 15381000 tấn, tức là tăng gấp đôi so với năm 1843. Năm 1846, giá trị xuất khẩu hàng công nghiệp và nguyên liệu của Anh là 57786000 p.

xt. năm 1850 đã đạt tới 71367000 p.xt, năm 1853 đã đạt hơn 98000000 p.xt; tức là vượt hơn hai lần tổng giá trị xuất khẩu của năm 1842. Hợp chúng quốc Bắc Mỹ và Úc đã đóng vai trò như thế nào trong tình hình kim ngạch xuất khẩu tăng lên ấy? Năm 1842, giá trị xuất khẩu của Anh sang Úc thậm chí chưa đầy 1 triệu pao xtéc-linh; năm 1850 con số ấy đã lên tới hầu như 3 triệu, còn năm 1853 thậm chí lên tới 14513000 pao xtéc-linh. Năm 1842 Anh xuất khẩu sang Hợp chúng quốc 3582000 p.xt; năm 1850 - hầu như 15 triệu, năm 1853 - ít nhất là 23658000 pao xtéc-linh.

Từ những số liệu ấy có thể kết luận rằng, một là, năm 1854 cũng là năm có ý nghĩa bước ngoặt trong lịch sử nền thương mại hiện đại, giống như những năm 1825, 1836, 1847; hai là, cuộc khủng hoảng ở Hợp chúng quốc chỉ là một trong những yếu tố của cuộc khủng hoảng ở Anh, và sau hết, cuộc chiến tranh năm 1854 - mà tờ "Patrie", Journal de l'Empire^{1*}, đã gọi nó một cách hoàn toàn chính xác là une guerre pacifique^{2*} - tuyệt nhiên không có ảnh hưởng gì đối với tai họa xã hội đó, mà nếu như có ảnh hưởng, thì lại chỉ là có tác động kiềm chế, như chiếc phanh. Một số ngành cá biệt trong công nghiệp, như ngành sản xuất da, ngành sản xuất sắt, hàng len, cũng như ngành đóng tàu, đã được sự nâng đỡ trực tiếp nhờ nhu cầu do chiến tranh đặt ra. Sự lo sợ nảy sinh từ việc tuyên chiến sau 40 năm hòa bình, đã hạn chế, trong một thời gian ngắn, quy mô đầu cơ. Nhờ những khoản vay nợ mà các nước châu Âu ký kết do chiến tranh, lãi suất đã tăng cao đến mức trở thành trở ngại cho sự phát triển quá mức của hoạt động công nghiệp, do đó, đã trì hoãn cuộc khủng hoảng. Nhưng, như Hội hòa bình³¹⁸ nói, chẳng lẽ chiến tranh không nâng giá lương thực hay sao? Chẳng lẽ giá lương thực cao lên lại không đồng nghĩa với sự thu hẹp của domestic trade^{3*}, tức là sự thu hẹp việc tiêu dùng hàng công nghiệp trong nước Anh, hay sao? Và chẳng lẽ sự thu hẹp ấy của thị trường *trong nước* không phải là yếu tố chính của cuộc khủng hoảng, hay sao? Trước hết,

1* - tờ báo của đế chế

2* - một cuộc chiến tranh hòa bình

3* - hoạt động nội thương

cần nhớ lại rằng năm 1853, tức là năm phồn vinh nhất của Anh, là năm mà giá lương thực *cao*, còn giá lương thực năm 1854 thì trung bình có *thấp hơn* năm 1853; do đó, sự phồn vinh năm 1853, cũng như những triệu chứng của cuộc khủng hoảng năm 1854, không thể được giải thích bằng tình hình giá lương thực. Song, ta hãy gạt sang một bên vấn đề ảnh hưởng của giá lương thực đối với công nghiệp; nhưng ảnh hưởng của chiến tranh đối với giá lương thực thì như thế nào? Nói cách khác, phải chăng sự tăng lên của giá lương thực có thể được giải thích bởi sự thu hẹp công cuộc vận chuyển lương thực từ Nga sang? Trong tổng số ngũ cốc và bột mì nhập vào nước Anh, phần của Nga chiếm khoảng 14%; vì toàn bộ số nhập khẩu chỉ thỏa mãn chừng 20% lượng tiêu dùng quốc dân, cho nên số lượng nhập khẩu từ nước Nga chiếm khoảng 2,5% lượng tiêu dùng ấy.

Báo cáo *chính thức gần đây*, bao gồm những số liệu so sánh về nhập khẩu ngũ cốc và bột mì nhập từ các châu và các nước trên thế giới vào nước Anh, đã được công bố vào đầu tháng Mười một 1854 và đưa ra bảng so sánh giữa 9 tháng đầu năm 1853 và 9 tháng đầu năm 1854. Theo báo cáo ấy, toàn bộ số lượng nhập khẩu về tiểu mạch năm 1853 là 3770921 quác-tơ, trong đó có 773507 quác-tơ nhập từ Nga và 209000 quác-tơ nhập từ Môn-đa-vi-a và Va-la-ki. Toàn bộ số lượng nhập khẩu về bột mì là 3800764 tạ, trong đó phần nhập từ nước Nga là 64 tạ và phần nhập khẩu từ các công quốc thuộc vùng sông Đa-nuýp thì hoàn toàn không có gì. Trong năm có chiến tranh là năm 1854, Anh nhập của Nga 505000 quác-tơ tiểu mạch, nhập của Môn-đa-vi-a và Va-la-ki 118000 quác-tơ. Không ai dám quả quyết rằng sự thu hẹp nhập khẩu *như thế* (và lại, sự thu hẹp ấy được bù đắp bằng số lượng bột mì nhập từ các nước khác) đã nâng giá ngũ cốc năm 1854 - là năm *rất được* mùa - lên hầu như ngang mức giá cả những năm *mất mùa* là các năm 1852 và 1853. Trái lại, ngay cả nếu *hoàn toàn* đình chỉ nhập khẩu lương thực của Nga thì cũng không gây ảnh hưởng như vậy. Sự thu hẹp nhập khẩu từ *các công quốc thuộc vùng sông Đa-nuýp* còn là một điều bí ẩn, tuy xét theo quan điểm kinh tế, sự việc đó không có *ý nghĩa quan trọng*; nhưng điều bí ẩn đó có thể được giải thích một cách giản đơn. Nếu như liên quân chỉ phong tỏa *trên danh nghĩa* các hải

cảng của Nga trên biển Hắc Hải, thì trái lại, họ đã phong tỏa *trên thực tế* Bô-xpho và cửa sông Đa-nuýp; đáng lẽ phong tỏa Nga, thì họ lại phong tỏa Thổ Nhĩ Kỳ và các công quốc thuộc vùng sông Đa-nuýp. Ai chả biết những cuộc chinh phạt thập tự của Nga chống lại Trăng non vào những năm 1812, 1828³¹⁹, năm 1848 (lần cuối cùng thì lấy cớ đàn áp *bọn phiến loạn* ở Giát-xi và Bu-ca-rét) và năm 1854, những cuộc chinh phạt ấy một phần bắt nguồn từ cuộc cạnh tranh thương mại giữa các tỉnh Nam Nga với các công quốc thuộc vùng sông Đa-nuýp, cũng như với Bô-xni-a, Xéc-bi và Bun-ga-ri là những xứ có tham gia buôn bán ở vùng Đa-nuýp. Nội các Anh đã biểu hiện *thiên tài* như thế nào, khi nó muốn trừng phạt nước Nga bằng cách cho Ô-đét-xa và Ta-gan-rốc tự do buôn bán, nhưng lại đàn áp *các địch thủ cạnh tranh với Nga* ở vùng Đa-nuýp, phong tỏa họ và tước bỏ công cuộc nhập khẩu của chính nước Anh!

III

Luân Đôn, ngày 16 tháng Giêng. Về cuộc khủng hoảng công thương nghiệp hiện nay, tờ "Economist" ở Luân Đôn đã chỉ rõ:

"Dù tình trạng giảm sút xuất khẩu các hàng hóa khác ra sao, thì tình trạng ấy vẫn không liên quan đến máy móc. Giá trị của số lượng máy móc xuất khẩu không những không giảm đi, mà năm 1854 còn tăng lên so với năm 1853. Nhờ vậy các nước khác hiện nay đều sử dụng máy móc của chúng ta. Về mặt này, chúng ta không còn ưu thế nào đối với họ. Pháp, Đức, Bỉ, Hà Lan, Thụy Sĩ và Hợp chúng quốc - tất cả những nước này hiện nay đều là những nước công nghiệp lớn, mà một số trong số họ thậm chí đã có những ưu thế so với chúng ta. Chúng ta đứng trước một cuộc cạnh tranh, nhưng chúng ta sẽ không thể chiến thắng, nếu chúng ta tự trói buộc mình. Hiện nay, qua kinh nghiệm, mọi người đều nhận thức rõ rằng những sự hạn chế được thực hiện vì lợi ích của đại địa chủ thì lại gây thiệt hại cho họ; những sự hạn chế nào được thực hiện vì lợi ích của chủ xưởng thì lại nhằm vào chống họ; công nhân công xưởng dần dần phát hiện thấy rằng những sự hạn chế mà pháp luật quy định vì lợi ích của họ chỉ có thể đem lại thiệt hại cho họ. Cản hy vọng rằng họ phát hiện được điều đó trước khi những nước kể trên có thể - dựa vào thành tựu mà họ đạt được - gạt nước Anh ra khỏi thị trường trong nước của họ và ra khỏi thị trường của những nước thứ ba và đẩy công nhân công xưởng nước ta vào cảnh nghèo nàn cực độ".

Ông Uyn-xơn, người xuất bản tạp chí "Economist" và người phát ngôn của Bộ tài chính của ông Glát-xtôn tử tế lỗ miệng và xu nịnh, một kẻ đã kết hợp trong con người mình cả sứ đồ của tự do, cả kẻ mưu cầu danh vọng; con người ấy, trên một trang của tạp chí của mình, đã phủ nhận tính tất yếu của nhà nước nói chung, còn ở một trang khác thì lại chứng minh rằng, nói riêng, không thể nào lại không có nội các liên hiệp được. Vì vậy, ông Uyn-xơn bắt đầu sự thuyết giáo của mình bằng việc cố tình xuyên tạc sự thật. Các bảng xuất khẩu năm 1854 gồm hai cột về xuất khẩu máy móc. Cột thứ nhất về đầu máy xe lửa chứng tỏ rằng năm 1853 số lượng đầu máy xuất khẩu trị giá 443254 p.xt., còn năm 1854 là 525702 p.xt., nghĩa là thực tế tăng 82488 p.xt.. Trái lại, cột thứ hai bao gồm các loại máy móc sử dụng ở các công xưởng và các loại máy móc khác ngoài đầu máy xe lửa, lại chứng tỏ rằng năm 1853 tổng ngạch xuất khẩu là 1368027 p.xt. và năm 1854 là 1271503 p.xt., tức là ngạch xuất khẩu giảm đi 96524 p.xt.. Do đó, đem so sánh hai con số sẽ phát hiện thấy rằng ngạch xuất khẩu giảm 14076 p.xt. Chi tiết này đã lật tẩy các ngài thuộc trường phái Man-se-xtơ³²⁰. Các ngài ấy cho rằng giờ đây là thời cơ thích hợp để thủ tiêu những "sự hạn chế" hiện đang thi hành vì lợi ích của công nhân công xưởng, tức là xóa bỏ sự hạn chế thời gian làm việc, do luật pháp quy định, đối với phụ nữ, đối với thiếu niên dưới 18 tuổi và đối với trẻ em dưới 12 tuổi. Để đạt được mục đích hết sức cao cả ấy, đương nhiên, có thể bịa đặt ra một ít con số. Nhưng, dựa vào tài liệu của tờ "Manchester Examiner"³²¹, cơ quan ngôn luận tư nhân của Brai-tơ, tin đồ giáo phái Quây-cơ, và dựa vào những tài liệu của các bản điểm tình hình thương mại do các khu công xưởng gửi tới, thì thị trường nước ngoài đang rên rỉ dưới sức nặng của tình trạng sản xuất thừa của chúng ta và tệ đầu cơ quá đáng.

Nếu như bất chấp sự xuất hiện bất ngờ của hai thị trường vàng mới là Úc và Ca-li-phoóc-ni-a, bất chấp kỹ thuật điện báo đã biến toàn châu Âu thành một sở giao dịch chứng khoán đồ sộ, bất chấp đường sắt và tàu biển đã mở rộng một cách không tưởng tượng được đường giao thông và, do đó, mở rộng sự trao đổi, - nếu bất chấp những yếu tố đó tình trạng thừa ứ hàng hóa trên thị trường thế giới vẫn cứ xảy ra, thì

có thể đặt câu hỏi: nếu như cho phép chủ xưởng thực hiện chế độ ngày làm việc 18 giờ thay vì chế độ ngày làm việc 11 giờ, thì liệu có phải chờ lâu khủng hoảng mới xảy ra chăng? Việc tính toán ấy hết sức giản đơn, vì thế chúng ta không phải nát óc mới tính ra nó. Nhưng điều đó không những đẩy nhanh một cách tương ứng sự xuất hiện của khủng hoảng. Cả một thể hệ công nhân sẽ mất đi 50% thể lực, khả năng phát triển tinh thần, sức sống. Và chính cái trường phái Man-se-xơ ấy, có thể, sẽ trả lời chúng ta về ý kiến đó như thế này:

Nếu đau khổ là nguồn gốc của niềm vui,

Thì có ai bị dày vò vì nó nữa?^{1*}

đã làm vang lên khắp nước Anh lời ta thán đau thương về sự hy sinh nhân mạng mà cuộc chiến tranh với Nga, cũng như bất cứ cuộc chiến tranh nào, đòi hỏi! Mấy hôm nữa, chúng ta sẽ được nghe thấy ở Lít-xơ lời ông Cốp -đen phản kháng cuộc chém giết lẫn nhau của tín đồ Cơ Đốc giáo. Mấy tuần nữa chúng ta sẽ nghe thấy ông ta phản kháng, tại nghị viện, chống lại những "sự hạn chế" không để cho thiêu cháy quá nhanh cuộc sống của trẻ em ở công xưởng. Phải chăng ông ta cho rằng trong tất cả các sự tích anh hùng, chỉ có sự tích của I-rốt là duy nhất có thể biện minh được?

Chúng tôi đồng ý với trường phái Man-se-xơ rằng những sự hạn chế bằng pháp luật đối với thời gian lao động tuyệt nhiên không chứng minh trình độ phát triển cao của xã hội. Nhưng chúng tôi cho rằng gốc rễ của tai họa không phải ở luật pháp, mà ở những điều kiện đã làm cho luật pháp trở thành tất yếu.

IV

Luân Đôn, ngày 22 tháng Giêng. Nhân cuộc khủng hoảng công thương nghiệp, cần nhớ lại rằng bộ trưởng Bộ tài chính Rô-bin-xơn đã khai mạc nghị viện năm 1825 bằng một bài diễn văn đầy hào hứng về sự phồn vinh chưa từng thấy của công nghiệp và thương mại. Song, mấy tuần sau đó, Ngân hàng Anh đã đứng trước nguy cơ phải ngừng

1* - Gơ-tô. "Gửu Su-lây-ca".

thanh toán bằng tiền mặt. Từ đó Rô-bin-xơn đã nhận được biệt hiệu "Rô-bin-xơn phồn vinh", nhờ sáng kiến của Cốp-bét. Vì ở Anh có sự tôn trọng các tiền lệ lịch sử, nên ông Rô-bin-xơn phồn vinh ấy không thể không có môn đệ. Bài diễn văn của nhà vua, khai mạc kỳ họp bất thường gần đây của quốc hội, đã chúc mừng đất nước về sự phồn vinh đặc biệt trong các lĩnh vực nông nghiệp, công nghiệp và thương mại. Kỳ thực, thậm chí không có ngay cả những *dấu hiệu bên ngoài* nào có thể dõng dạc mê hoặc Rô-bin-xơn. Lời chúc tụng của các bộ trưởng rõ ràng có liên quan đến hình thức truyền thống được sử dụng ở Anh để tuyên cáo về những sự chấn động trên thị trường thế giới. Nhưng điều đáng kinh ngạc hơn cả những bài diễn văn của các bộ trưởng là sự im lặng của báo chí trong lúc này. Phải chăng báo chí cho rằng nó có thể "đẹp" được cuộc khủng hoảng thương mại, giống như các tập đoàn văn đàn ở Pa-ri "bóp chết" những cuốn sách không vừa lòng họ bằng một âm mưu im lặng? Nhưng bảng kê giá hàng nói lên cuộc khủng hoảng, bản liệt kê các vụ phá sản được công bố trên tờ "Gazette", đã nói lên cuộc khủng hoảng, thư từ của các "phóng viên về các vấn đề kinh doanh" đã nói lên điều đó. Chẳng bao lâu nữa báo chí sẽ lên tiếng. Trong tuần vừa qua rất nhiều công ty thương mại ở khu Xi-ti đã ngừng công việc thanh toán; trong số những công ty quan trọng nhất có công ty Lô-néc-gan, một công ty giữ quan hệ buôn bán với Tây Ban Nha và Tây Ấn, công ty Rốt-giéc-xơ - Lau-ri, là công ty giao dịch thương mại với Man-se-xơ và khu công xưởng kế cận, công ty Cô-tê-rinh-ton buôn bán với châu Mỹ, và sau hết là công ty anh em Ô-béc-ti-u-xơ, một trong những công ty lâu đời và lớn. Nợ nần của những hãng buôn ấy trung bình là 100000 - 150000 pao xtéc-linh. Trong tuần này, người ta chờ đợi những sự tuyên bố mới về việc ngừng các khoản thanh toán của ít ra là 7 hãng buôn lớn ở khu Xi-ti.

Trong một bức thư nghiệp vụ được gửi từ Bóc-minh-hêm ngày 20 tháng Giêng, chúng tôi thấy những chi tiết sau đây về tình hình công nghiệp ở Nam Xtáp-phốc-sia:

"Trừ những xí nghiệp thuộc ngành công nghiệp sắt sản xuất các mặt hàng quân sự theo đơn đặt hàng của chính phủ, thì chỉ có rất ít xí nghiệp có đơn đặt hàng, mà lại theo giá cả hết sức thấp. Hiện nay với 8 p. 10 si-linh có thể mua được một tấn sắt tấm, vậy mà vào giữa mùa hè thì giá một tấn sắt ấy là 12 pao; nhưng ngay với giá thấp như vậy, vị tất có thể tìm được người

mua, do đó buộc phải thu hẹp sản xuất. Ở Hợp chúng quốc Bắc Mỹ, trong các ngành kinh tế lớn, ít có ngành nào bị tổn thất vì khủng hoảng thương mại bằng ngành công nghiệp sắt. Hầu hết các nhà máy sản xuất sắt lớn nhất, mà người ta đã đầu tư vào chúng những số tiền rất lớn - đều đã đẩy công nhân của mình ra ngoài vỉa hè, và không có hy vọng nhanh chóng thu nhận họ trở lại. Vì vậy, phải cho rằng việc tiêu dùng sắt ở châu Mỹ hầu như hoàn toàn bị ngừng lại và không thể trông mong gì đơn đặt hàng mới từ xứ đó nữa. - Thứ bảy vừa rồi, nhiều công nhân đã bị sa thải khỏi các nhà máy thiếc " (ở Bóc-minh-hêm) "và một số lớn hơn nữa những công nhân ấy sẽ bị sa thải vào tối hôm nay" (20 tháng Giêng). "Công nhân ở các nhà máy luyện đồng và đúc đồng cũng ở vào tình cảnh không hơn gì, vì ở đây đa số các xí nghiệp lớn hoạt động không hết thời gian. - Những đơn đặt hàng làm các mặt hàng thời trang hiện đã có thì rất không đáng kể, và những nhân viên chào hàng được cử đi các nơi để kiếm đơn đặt hàng mùa xuân cho ngành ấy, thì đã gửi về những tin tức không làm cho người ta yên lòng. - Tình hình thị trường tiền tệ tiếp tục gây ảnh hưởng có hại cho tất cả các ngành thương mại. Ngân hàng nâng vọt lãi suất, gây ảnh hưởng hết sức tai hại, và hiện nay chỉ có một công việc phồn vinh là cho vay tiền. Trước các văn phòng nhỏ cho vay tiền, người kéo đến như sóng cuộn, và người ta vớ bẫm nhờ việc chiết khấu kỳ phiếu.

*Do C. Mác viết ngày 8-22 tháng Giêng 1855
Đã đăng trên tờ "Neue Oder - Zeitung" các số
17, 19, 33 và 41; các ngày 11, 12, 20 và 25 tháng
Giêng 1855*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Đức*

C. MÁC

* BỐN ĐIỀU KHOẢN

I

Luân Đôn, ngày 9 tháng Giêng. Tin điện từ Viên nói về việc Nga tiếp nhận bốn điều khoản³²², một mặt, đã gây ra sự nâng giá của trái khoán thống nhất ở sở giao dịch - đã có lúc lên cao đến 2,5% so với mức lợi tức vào thứ bảy - mặt khác, đã gây ra sự hoảng hốt thực sự trong hàng ngũ những người cung cấp mỡ, dầu thực vật và ngũ cốc, đối với họ việc ký kết nhanh chóng hòa ước có nghĩa là sự phá sản và sự tổn thất những món tiền lớn. Hôm nay, trong giới kinh doanh ở khu Xi-ti không khí căng thẳng lại dịu đi, và người ta khá nhất trí trong việc đánh giá cuộc đàm phán về bốn điều khoản, coi đó là sự tái bản cuộc đàm phán về bức thông điệp Viên³²³. Theo tờ "Morning Chronicle" hoàn toàn trung thành với nội các, thì bàn đến việc Nga thực sự đồng ý đưa ra sự bảo đảm mà người ta đòi hỏi ở Nga, là một việc *quá sớm*. Nga chỉ tỏ ý sẵn sàng tiến hành đàm phán trên cơ sở phù hợp với sự giải thích của ba cường quốc. Cho rằng có thể chúc mừng thắng lợi của nền ngoại giao phương Tây, tờ "Times" tuyên bố về vấn đề ấy như sau:

"Chúng tôi kiến quyết bác bỏ giả định cho rằng cuộc chiến tranh hiện nay tất phải gây ra cái gọi là việc xét lại bản đồ châu Âu do kết quả của các cuộc chinh phục hoặc các cuộc cách mạng, mà đất nước chúng ta dù sao cũng hoàn toàn không quan tâm gì đến những điều đó".

"Các nước đồng minh" - tờ "Morning Post" viết - "đã làm đầy đủ để rút khỏi chiến trường trong danh dự, nếu những điều kiện do họ đưa ra được chấp nhận".

Theo tờ "Daily New" thì Nga khôi phục cuộc đàm phán là nhằm mục đích củng cố lòng tin của Phổ đối với sự ôn hòa của Nga, gây ra sự thù hằn giữa các quốc gia Đức và phá hoại quan hệ của các cường quốc phương Tây với Áo. Theo tờ báo này, trong bốn điều khoản ấy, chỉ có điều khoản bổ sung là có ý nghĩa, theo điều khoản này thì hiệp ước

ngày 13 tháng Bảy 1841 về Đắc-đa-nen³²⁴ phải được xem xét lại "theo tinh thần hạn chế hải quân Nga trên Hắc Hải"; ở khu Xi-ti người ta đã bàn tán rằng hình như chính phủ sẵn sàng cự tuyệt điều khoản ấy. Sau hết, tờ "Morning Advertiser" quả quyết rằng Nga hòa nhịp bước đi cuối cùng của mình với Áo để tạo cho Áo khả năng rũ sạch các nghĩa vụ của Áo đối với các cường quốc phương Tây. Qua tin điện mới nhận được có thể thấy rằng đàm phán không được có nghĩa là gián đoạn hoạt động quân sự.

II

Luân Đôn, ngày 12 tháng Giêng. Tin đồn về việc Nga tiếp nhận không điều kiện "bốn điều khoản" - tức "bốn" điều khoản theo sự giải thích của "ba cường quốc - đến nay hóa ra là hoax!"^{1*} thuần tuý, do tờ "Morning Post" và tờ "Times" bịa đặt. Chúng tôi càng có khuynh hướng tin vào điều bịa đặt đó, vì chúng tôi được biết qua bản báo cáo khẩn của Pốt-xô-di-Boóc-gô³²⁵ - vốn là bản báo cáo bí mật, nhưng sau do cuộc khởi nghĩa Vác-sa-va mà bị lộ ra ai cũng biết - rằng vị nghệ nhân ngoại giao ấy đã xác định nguyên tắc sau đây:

"Nước Nga phải đạt tới một điều là trong bất cứ cuộc xung đột nào, các cường quốc châu Âu *đều áp đặt cho Nga những điều kiện của bản thân Nga*".

Vì vậy, "bốn" điều khoản nói trên, chúng tôi có thể xem như chỉ là "bốn" *luận đề* của Nga. Nếu Nga vẫn không tiếp nhận những điều khoản ấy, thì chúng tôi cũng có thể tìm được sự giải thích ở vị nghệ nhân ngoại giao Pốt-xô-di-Boóc-gô. Nước Nga, ông ta giải thích, chỉ có thể đi đến những sự nhượng bộ giả ấy đối với phương Tây từ doanh trại đã giành được thắng lợi. Điều đó là cần thiết để giữ uy tín mà sức mạnh của Nga dựa trên đó. Song, cho tới nay, tuy đã triển khai "doanh trại", Nga vẫn chưa thu được "thắng lợi". Nếu như Xi-li-xtơ-ri thất thủ, thì "bốn điều khoản" đã được đưa ra từ lâu. Như tờ "Times" và "Morning Post" khẳng định, theo ý định của "ba cường quốc" thì "bốn

1* - sự lừa bịp

điều khoản" ấy được đặt ra như là điều kiện tối thiểu được lấy làm cơ sở cho cuộc đàm phán, và có thể bắt đầu từ những điều kiện ấy. Hiện nay người ta nhận thấy rõ là công tước Goóc-tra-cốp hiểu những điều khoản ấy như là những điều kiện tối đa nào đó có tính chất ước lệ còn cần phải được mặc cả cẩn thận về việc hạ thấp những điều khoản ấy, hoặc ông ta nói chung cho rằng chúng chỉ được đem ra dùng làm cái cớ cho một "hội nghị Viên" thứ hai. Trong leader^{1*}, được viết bằng giọng điệu phô trương của lời tiên tri ngoại giao, tờ "Morning Post", số ra hôm nay, đã bảo đảm với chúng ta rằng các cuộc hội nghị ngoại giao ở Viên thỉnh thoảng được triệu tập chỉ là sự chuẩn bị cho một hội nghị thực sự mà mãi đến ngày 1 tháng Hai mới họp và, đương nhiên, sẽ làm thế giới kinh ngạc trên một mức độ nào đó.

Hôm qua, ở lâu đài Lôi-đơ có dán bản thông cáo dưới đây của Bộ hải quân:

"Đáp ứng tình thần đoạn cuối của bức thư ngày 8 tháng Mười một" (năm 1854) "trong đó tôi báo tin rằng các đô đốc Pháp và Anh ở Hắc Hải đã nhận được lệnh của các chính phủ mình về việc mở rộng cuộc phong tỏa đã tiến hành đối với cửa sông Đa-nuýp, sang tất cả các hải cảng ở Hắc Hải và biển A-dốp hiện còn nằm trong tay quân địch, bộ trưởng Bộ hải quân trao trách nhiệm cho tôi báo cho quý vị biết để thông tri cho giới thương mại biết rằng các chính phủ Anh và Pháp đã quyết định bắt đầu cuộc phong tỏa nói trên kể từ ngày 1 tháng Hai" (năm 1855) "và tờ "London Gazette" sẽ thông báo riêng về việc phong tỏa mỗi hải cảng ngay khi việc đó được thi hành. - Ký tên V. A. B Ha-min-tơn".

Như vậy là ở đây người ta đã công khai thừa nhận rằng cho tới nay hạm đội liên quân chỉ phong tỏa các nước đồng minh của mình ở cửa sông Đa-nuýp, chứ tuyệt nhiên không phải các hải cảng của Nga ở Hắc Hải và biển A-dốp. Thế mà nội các đã nhiều lần tuyên bố tại nghị viện - vào tháng Tư, tháng Tám và tháng Mười - rằng nó đã ra "mệnh lệnh nghiêm ngặt" về việc phong tỏa các bờ biển và các hải cảng của Nga. Ngay ngày 21 tháng Chạp, huân tước Gran-vin đã thay mặt nội các tuyên bố như sau với thượng nghị viện:

"Ô-đét-xa bị 5 tàu chiến phong tỏa, những tàu này thường xuyên tuần tiễu ở cửa biển vào cảng, chính phủ nhận được đều đặn các báo cáo về vấn đề này".

1* - bài xã luận

Trong bức thư gửi cho một tờ nhật báo, nhà bình luận trào phúng nổi tiếng của nước Anh đã tổng kết như sau về biện pháp phong tỏa mà liên quân thi hành, hoặc nói đúng hơn, *không* thi hành:

"1) Chính phủ Anh cung cấp từ nước Anh cho kẻ thù của Anh tiền bạc để tiếp tục cuộc chiến tranh chống Anh. 2) Sông Đa-nuýp bị phong tỏa để làm phá sản các công quốc thuộc vùng sông Đa-nuýp và làm cho bản thân chúng ta không nhập khẩu được lương thực. 3) Ô-dét-xa, Ta-gan-rốc, Kéc-sơ và các địa điểm khác không bị xâm phạm, có thể cung cấp cho quân Nga ở Crưm quân lính tăng viện, đạn dược và thực phẩm. 4) Cuộc phong tỏa giả làm phá sản các nhà buôn của chúng ta, đồng thời làm giàu cho nhà buôn Hy Lạp, Nga và Áo".

Tờ "Times" cũng lợi dụng thông cáo của ông Ha-min-tơn để đả kích gay gắt vào "nền ngoại giao phong tỏa" của nội các. Vị thần sấm sét ở vườn hoa Prin-tin-hao³²⁶ có đặc điểm là tiếng sét của ngài bao giờ cũng nổ vang post factum^{1*}. Từ ngày 26 tháng Ba 1854 đến hôm nay, tờ "Times" vẫn bênh vực "nền ngoại giao phong tỏa". Giờ đây, khi mà những tiếng ồn ào do nó gây ra không thể ngăn cản các biện pháp của nội các nữa, mà đồng thời còn đem lại tiếng tăm cho nó, thì nó đột nhiên trở thành sáng suốt.

Bộ trưởng Bộ hàng hải, hoặc vị huân tước đứng đầu Bộ hải quân, như người ta gọi ở đây, ngài *Giêm-xơ Grê-hêm* đã đủ nổi tiếng trên lục địa do những việc làm gây tiếng vang trong cái nội các hắc ám, mà kết quả những việc làm ấy là anh em Ban-đê-ê-ra bị đưa lên đoạn đầu đài³²⁷. Xem ra, sự việc sau đây ít người biết hơn: vẫn chính cái ông Grê-hêm ấy, mà vào năm 1844, khi Nga hoàng Ni-cô-lai đặt chân lên bờ biển nước Anh, đã không dám bắt bàn tay do Nga hoàng chìa ra, mà chỉ đánh bạo hôn nó thôi. (Xem "Portfolio", tập thứ hai, năm 1844.)

III

Luân Đôn, ngày 15 tháng Giêng. Về vấn đề ý nghĩa của "bốn điều khoản":

"Trước ngày 1 tháng Hai" (phóng viên của tờ "Times" ở Viên nói: trước ngày 5 hoặc 6 tháng Hai) "trong lĩnh vực ngoại giao sẽ không xảy ra điều gì mới cả. Vì vậy, Nga hoàng có cả

1* - sau khi xảy ra sự việc.

một tháng trời để ông ta có thể điều động quân đội của mình đến nơi nào ông ta muốn. Một tháng mà nước Nga tranh thủ được nhờ chấp nhận bốn điều khoản, có thể kéo dài ra thành hai tháng, nếu mỗi một điều khoản ấy sẽ được tranh luận về chi tiết, điều mà đại sứ Nga chắc đã nhận được các chỉ thị có liên quan; đồng thời hoàn toàn có thể là sẽ có những cố gắng kiên tâm nhất để thỏa mãn Áo bằng những điều kiện mà Pháp và Anh không thể chấp nhận được. Làm rối loạn khối đồng minh của ba nước, - xem ra, đây là mục đích mà người ta theo đuổi".

Tờ "Morning Post" nói như vậy.

Song, điều quan trọng hơn tất cả những sự suy đoán đó của báo chí Anh về những mưu đồ bí mật của Nga, - đó là việc báo chí Anh (đương nhiên là trừ các tờ báo của nội các) công khai thừa nhận rằng bốn điều khoản được dùng làm cơ sở cho đàm phán thì không đáng được thảo luận.

"Khi cuộc đấu tranh bắt đầu" - tờ "Sunday Times"³²⁸ viết - "người ta toan tính làm cho toàn thế giới tin rằng cuộc chiến tranh được tiến hành để đánh bại đế quốc Nga, hoặc ít nhất cũng để đạt được sự bảo đảm vật chất cho việc giữ gìn hòa bình ở châu Âu. Nếu hòa ước phải được ký kết trên cơ sở cái gọi là *bốn điều khoản*, thì điều đó có nghĩa là người ta chưa làm gì và sẽ không làm gì để đạt tới mục đích này, cũng như mục đích kia. Nếu ở đây có thể nói đến thắng lợi, thì đó chỉ là thắng lợi mà Nga giành được".

"Nội các của tất cả bọn bất tài" - tờ "Leader"³²⁹ viết - "không thể vượt ra ngoài khuôn khổ của bốn điều khoản; nó đáng được đi vào lịch sử với tư cách là nội các bốn điều khoản. Chấm dứt vở hài kịch nhạt nhẽo về cuộc chiến tranh không mục đích ấy đi - không cần gì hơn! Hòa ước trên cơ sở bốn điều khoản chỉ có thể được ký kết do sợ rằng trong sự ồn ào của chiến tranh nhờ ra nhân dân sẽ giành được ảnh hưởng quá lớn, mà cũng có thể là để cản trở người Anh thu hồi lại những quyền lợi mà Crô-oen đã giành được cho họ. Chỉ có như thế mới giải thích được tại sao âm mưu cũ với nước Nga lại được chấp vạ lại và tại sao người ta lại cho phép Nga vin cơ đàm phán hòa bình để khôi phục những ham vọng của nó ở châu Âu"

Tờ "Examiner"³³⁰, một tờ tuần báo hiện nhiên chiếm được vị trí hàng đầu trong số các tờ ở tuần báo tư sản, đã đăng một bài tỉ mỉ về "cơ sở" của cuộc đàm phán hòa bình; thực chất của bài ấy quy tụ lại như sau:

"Nếu như những sự nhượng bộ" - bài báo có đoạn viết như vậy - "mà người ta có thể thực hiện thậm chí trên cơ sở một sự giải thích cận kề nhất và chặt chẽ nhất bốn điều khoản, phải được xem như một điều gì tương đương với những khoản tiền lớn mà Anh phải bỏ ra trong cuộc đấu tranh này và với toàn bộ số máu mà Anh đã đổ, thì Nga hoàng, khi bắt đầu cuộc chiến tranh, đã hành động như một nhà hoạt động nhà nước lỗi lạc. Thậm chí Nga không phải

bồi thường những khoản tiền rất lớn mà hàng năm nó bóp nặn của chúng ta nhờ vi phạm Hiệp ước Viên... Như người ta thấy qua một việc trao đổi các công hàm chính thức được công bố gần đây, của sông Đa-nuýp mà Nga dùng mọi biện pháp phong toả, đối với hàng hóa Anh, sẽ phải nằm trong tay nó. Điều khoản về tự do đi lại cho tàu bè trên sông Đa-nuýp, trên thực tế, đã đưa đến status quo đã từng tồn tại từ trước, vì Nga chưa bao giờ phủ nhận rằng những điều kiện của bản Hiệp ước Viên liên quan đến vấn đề đi lại trên sông, cũng có hiệu lực đối với sông Đa-nuýp. Việc huỷ bỏ các hiệp ước Cai-nắc-gia và A-đri-a-nô-pôn không thay đổi tình hình, vì theo sự công nhận chung, những bản hiệp ước này tuyệt nhiên *không thể* tạo cơ sở cho những đòi hỏi mà Nga đề ra cho Thổ Nhĩ Kỳ. Mặt khác, nếu chúng ta chú ý đến một điều là Nga phải là một trong năm cường quốc chịu trách nhiệm cùng nhau bảo hộ các công quốc thuộc vùng sông Đa-nuýp và các thần dân Cơ-Đốc giáo của vua Thổ Nhĩ Kỳ, thì chúng tôi cho rằng chờ đợi lợi lộc nhờ sự thay đổi ấy là hoàn toàn ảo tưởng, vì sự thay đổi ấy đem lại tính chất *hợp pháp* cho các âm mưu của Nga muốn *chia cắt nước Thổ Nhĩ Kỳ*, và không nghi ngờ gì nữa, tình hình ấy chỉ đem lại tác hại lớn. Đương nhiên, người ta có thể nhắc nhở chúng tôi rằng bốn điều khoản có bao gồm cả quy tắc về việc xét lại bản hiệp ước năm 1841, - chính là xét lại bản hiệp ước này có lợi cho thể cân bằng của các cường quốc châu Âu. Nhưng cách giải thích khá mập mờ và khó hiểu, hơn nữa, sau tất cả những sự kiện xảy ra trong thời gian gần đây, chúng ta tuyệt nhiên không tin rằng sự thay đổi mà người ta dự kiến sẽ có được, sẽ đe dọa nền độc lập của đồng minh của quý vị" (Thổ Nhĩ Kỳ) "ít hơn là đe dọa địa vị bá quyền của kẻ thù của chúng ta... Nếu như huân tước Giôn Rốt-xen, để trả lời bài phát biểu của Cóp-đen, đã không trịnh trọng tuyên bố tại nghị viện rằng chính phủ tuyệt nhiên không có ý định tước đoạt của Nga bất cứ vùng lãnh thổ nào của nó thì chúng tôi sẽ phủ nhận - coi đó là điều tuyệt đối không thể có được - mọi khả năng của cái "cơ sở" mà hình như hiện nay đang được bàn cãi ở Viên".

Về thực chất, điều khoản cuối cùng có ý nghĩa quyết định, vì chẳng hạn, ngay cả sự tự do đi lại của tàu bè trên sông Đa-nuýp cũng chỉ có thể được bảo đảm trong trường hợp tước bỏ của Nga "lãnh thổ" trên cửa sông Đa-nuýp mà Nga đã giành được, một phần là nhờ bản Hiệp ước A-đri-a-nô-pôn và do có sự vi phạm bản Hiệp ước Luân Đôn năm 1827, một phần là nhờ có sắc lệnh tháng Hai 1836 và do có sự vi phạm bản Hiệp ước A-đri-a-nô-pôn³³¹. Điều khoản mà tờ "Examiner" lẽ dĩ, lại có liên quan đến bản hiệp ước 1841 về Đác-đa-nen. Bản hiệp ước này chỉ khác bản hiệp ước năm 1840 - do huân tước Pan-móc-xton ký kết - ở chỗ là *Pháp* cũng tham dự với tư cách một bên ký kết. Nội dung của chúng chỉ là một. Mới mấy tháng trước đây, huân tước Pan-móc-xton tuyên bố rằng bản hiệp ước năm 1840, và do đó cả bản hiệp ước năm 1841 về Đác-đa-nen, là thắng lợi của Anh đối với Nga, còn bản thân

ông là *tác giả* của bản hiệp ước ấy. Làm thế nào mà việc *xóa bỏ* một bản hiệp ước đánh dấu thắng lợi của Anh đối với Nga, lại đột nhiên có thể biến thành cuộc thất bại do chính nước Anh ấy gây ra cho Nga? Nếu lúc bấy giờ Anh bị các bộ trưởng của mình lừa gạt và cho rằng nó hành động *chống lại* nước Nga, trong khi đó chính là nó hành động ủng hộ Nga, thì tại sao lại không thể cho rằng chính điều đó đang xảy ra hiện nay? Trong kỳ họp bất thường vừa rồi của nghị viện, Đì-xra-e-li thốt lên rằng: "Chẳng cần bốn điều khoản nào cả!". Qua những ý kiến trích trên đây của báo chí, người ta có thể thấy rằng tiếng hô vang ấy của ông Đì-xra-e-li đã được hưởng ứng trên báo chí của phái tự do. Sự ngạc nhiên về việc Nga chấp nhận bốn điều khoản, một cách có điều kiện hay vô điều kiện, đã bắt đầu nhường chỗ cho sự ngạc nhiên về việc Anh đưa ra những điều kiện ấy.

*Do C. Mác viết ngày 9-15 tháng Giêng 1855
Đã đăng trên tờ "Neue Oder-Zeitung" các số
20, 23 và 29; các ngày 13, 15 và 18 tháng
Giêng 1855*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Đức*

C. MÁC

CUỘC KHỦNG HOẢNG CÔNG THƯƠNG NGHIỆP Ở ANH

Cuộc khủng hoảng công thương nghiệp ở Anh - mà những triệu chứng đầu tiên của nó đã được nêu lên từ lâu trên tờ báo của chúng tôi - hiện nay đã trở thành sự thật; những nguồn tin đáng tin cậy nhất trong lĩnh vực này - các bản kiểm điểm hàng năm của các phòng thương mại ở Anh và của các hãng buôn lớn nhất của vương quốc - đã công khai nói lên điều đó; nhiều vụ phá sản, việc các công xưởng chuyển sang tuần lễ làm việc không đủ ngày và những bảng thống kê nói lên sự giảm sút của xuất khẩu cũng chứng minh điều đó. Căn cứ vào bản báo cáo chính thức gần đây là "Báo cáo về tình hình thương mại và hàng hải", thì giá trị được công bố của các loại hàng xuất khẩu trong một tháng, tính đến ngày 5 tháng Chạp, là:

<i>năm 1852</i>	<i>năm 1853</i>	<i>năm 1854</i>
(pao xtéc-linh)	(pao xtéc-linh)	(pao xtéc-linh)
6033030	7628760	5771772

Sự giảm sút của năm 1854 so với năm 1852 là 261258 pao xtéc-linh, so với năm 1853 là 1856988 pao xtéc-linh.

Không có gì là lạ khi các nhà lý luận chính thức của phái mậu dịch tự do ở Anh dốc hết sức hùng chứng minh rằng tuồng như thể cuộc khủng hoảng hiện nay không phải là sản phẩm của sự tác động bình thường của chế độ hiện tồn ở Anh và không có gì giống với những cuộc khủng hoảng đã xảy ra qua từng thời kỳ nhất định ước chừng từ cuối thế kỷ XVIII, mà trái lại, do những nguyên nhân ngẫu nhiên và đặc biệt gây ra. Theo giáo điều của trường phái mậu dịch tự do, không thể nói đến khủng hoảng công, thương nghiệp, một khi các đạo luật ngũ cốc đã bị bãi bỏ và các cơ quan lập pháp Anh đã thừa nhận nguyên tắc mậu dịch tự do. Song, hiện nay phái mậu dịch tự do không những phải đối phó với sự tăng giá lương thực trong tình hình được mùa, mà còn

phải đối phó cả với cuộc khủng hoảng công thương nghiệp nữa. Và điều đó đã xảy ra đúng vào lúc mà bên cạnh những thị trường thế giới đã có sẵn lại có thêm Ca-li-phóc-ni-a và Úc đang tuôn ra những dòng thác vàng cuộn cuộn của những xứ ấy, vào lúc mà kỹ thuật điện báo đã biến toàn châu Âu thành một sở giao dịch chứng khoán, còn đường sắt và tàu thủy đã mở rộng giao thông và trao đổi lên gấp trăm lần. Nếu liệu thuốc thánh của trường phái mậu dịch tự do cần được thử thách, thì vị tất đã tìm được cho sự thử thách ấy những điều kiện thuận lợi hơn là những điều kiện xuất hiện trong lịch sử công thương nghiệp thời kỳ từ năm 1849 đến năm 1854.

Phái mậu dịch tự do không giữ lời hứa của họ, và tất nhiên, hiện nay họ mưu toan đưa chiến tranh ra làm con dê tế thần, hoàn toàn giống như năm 1848 họ đã đưa cách mạng ra làm con dê tế thần. Tuy nhiên, họ không thể phủ nhận: một là, cuộc chiến tranh phương Đông đã trì hoãn trên một mức độ nhất định, cuộc khủng hoảng, vì nó đã ngăn cản đầu óc kinh doanh điên cuồng của giới kinh doanh, còn một bộ phận tư bản nhàn rỗi đều đã được dồn vào các món nợ mà phần lớn các cường quốc châu Âu đã ký vay trong thời gian gần đây; hai là, một số ngành công nghiệp như: sắt, da, len, đã có được một sự hậu thuẫn nào đó nhờ nhu cầu bất thường về sản phẩm của họ bắt nguồn từ chiến tranh; sau hết, một số ngành công nghiệp như: đóng tàu, thuốc nhuộm, v.v., trong đó sự đánh giá quá cao về hậu quả của việc tuyên chiến đã gây ra tình trạng đầu cơ rất mạnh ở cả hai bên bờ Đại Tây Dương, - những ngành ấy phần nào đã thành lối thoát cho xu hướng chung phát triển quá mức đã xuất hiện trong hoạt động công thương nghiệp. Song, lý do chính của phái mậu dịch tự do là: chiến tranh đã gây ra sự tăng giá của các loại ngũ cốc và chính giá cả cao đó sinh ra khủng hoảng.

Tuy nhiên, cần nhớ rằng tính trung bình thì giá lương thực năm 1853 cao hơn năm 1854. Và nếu giá cả cao ấy không thể giải thích được sự phồn vinh chưa từng thấy của năm 1853, thì chúng cũng không giải thích được gì cho cuộc khủng hoảng năm 1854. Năm 1836 đã xảy ra khủng hoảng công thương nghiệp, tuy giá lương thực năm ấy hạ; năm 1824, cũng như năm 1853, là những năm đặc biệt phồn vinh, tuy giá cả các loại lương thực đều cao. Vấn đề là ở chỗ, tuy giá lương thực cao

sinh ra sự thu hẹp thị trường trong nước và có thể gây ra thiệt hại cho sự phồn vinh của công thương nghiệp, nhưng ở một nước như nước Anh tình hình thị trường trong nước không bao giờ có thể là một nhân tố quyết định, nếu tất cả các thị trường nước ngoài không thừa ứ hàng hoá. Do đó, trong một nước như thế, giá cả lương thực cao có thể làm cho cuộc khủng hoảng thêm sâu sắc và kéo dài, chứ không thể gây ra khủng hoảng. Vả lại, không nên quên rằng theo học thuyết chính thống của trường phái Man-se-xtơ, thì giá cả lương thực cao, khi nó nảy sinh từ quá trình tự nhiên của sự vật, chứ không phải từ những biện pháp của chế độ bảo hộ thuế quan, từ các đạo luật ngăn cấm và từ bảng điều tiết thuế theo giá, sẽ hoàn toàn mất sức phá hoại của nó và thậm chí có thể tạo ra ảnh hưởng tốt, đem lại lợi ích cho các chủ ấp trại. Vì không thể phủ nhận những vụ mất mùa năm 1852 và 1853 là hiện tượng tự nhiên, phái mật dịch tự do quay sang năm 1854 và khẳng định rằng cuộc chiến tranh phương Đông có tác dụng giống như chế độ thuế quan bảo hộ và đã gây ra giá cả cao, tuy được mùa. Vì vậy chúng ta gạt sang một bên vấn đề ảnh hưởng chung của giá lương thực đối với công nghiệp và chúng ta nghiên cứu vấn đề ảnh hưởng của cuộc chiến tranh hiện nay đối với giá cả ấy.

Nhập khẩu tiểu mạch và bột mì từ Nga chiếm khoảng 14% tổng số nhập khẩu lương thực của Vương quốc liên hiệp; vì tổng số nhập khẩu lương thực chỉ thỏa mãn được khoảng 20% yêu cầu tiêu dùng quốc dân, nên Nga chỉ cung cấp cho Anh hơn 2,5% một ít trong số lượng tiêu dùng ấy. Theo các báo cáo chính thức mới đây về riêng 9 tháng đầu năm 1853, toàn bộ số nhập khẩu tiểu mạch ở Anh là 3770921 quắc-tơ, trong đó có 773507 quắc-tơ nhập khẩu từ Nga và 209000 quắc-tơ nhập khẩu từ Va-la-ki và Môn-đa-vi-a. Tổng số nhập khẩu bột mì là 3800764 tạ^{1*}, trong đó Nga cung cấp 64 tạ, còn các công quốc thuộc vùng sông Đa-nuýp không cung cấp một tạ nào. Đây là tình hình khi chiến tranh bắt đầu.

Cũng trong những tháng năm ấy của năm 1854, số lượng tiểu mạch nhập khẩu trực tiếp từ các cảng Nga là 505000 quắc-tơ so với 773507

1* - tạ của Anh bằng 112 pao, hay là 50,8 kg.

trong năm 1853, còn từ các công quốc thuộc vùng sông Đa-nuýp là 118000 quắc-tơ so với 209000 quắc-tơ, tức là giảm đi 359507 quắc-tơ. Nếu tính đến một điều là năm 1854 là năm được mùa, còn mùa màng năm 1853 rất xấu, thì không ai dám khẳng định rằng sự giảm sút ấy lại có thể ảnh hưởng rõ rệt đôi chút đến giá cả. Trái lại, qua những bản báo cáo hàng tuần về tình hình bán số lúa tiểu mạch sản xuất trong nước tại thị trường Anh - mà những báo cáo ấy chỉ bao quát một phần nhỏ trong tổng số tất cả các vụ giao dịch trong nước - có thể thấy rằng vào tháng Mười và tháng Mười một 1854 người ta đã bán ra 1109148 quắc-tơ so với 758061 quắc-tơ cũng trong những tháng ấy của năm 1853, rằng tình hình đó đã thừa bù đắp vào số nhập khẩu giảm tương như do cuộc chiến tranh với Nga gây ra. Cũng có thể chỉ rõ rằng nếu nhờ lòng tốt của nội các Anh mà những khối lượng dự trữ lớn về tiểu mạch của Thổ Nhĩ Kỳ không mục nát trong các kho tàng ở các công quốc thuộc vùng sông Đa-nuýp do hậu quả của việc liên quân hoặc vì ngu xuẩn, hoặc vì phản bội mà đã phong tỏa nhánh sông Xu-lin ở cả sông Đa-nuýp và tước mất nguồn cung cấp cho Anh, - thì cuộc chiến tranh với Nga không gây ra tình trạng giảm sút nhân khẩu tiểu mạch ngay cả trên quy mô không đáng kể như đã xảy ra. Vì trong tổng số bột mì được chuyển đến cảng Luân Đôn, hầu như hai phần ba là chuyển từ Hợp chúng quốc, nên phải thừa nhận rằng, đối với lĩnh vực buôn bán hàng lương thực, số lượng nhập khẩu không đủ từ nước Mỹ trong quý cuối của năm 1854 còn nghiêm trọng hơn là cuộc chiến tranh với Nga.

Nếu có ai hỏi chúng tôi rằng tại sao ở Anh tuy được mùa mà vẫn duy trì giá lương thực cao, thì chúng tôi xin nhắc lại rằng trong năm 1853, tờ "Tribune"³³² đã nhiều lần nêu rõ rằng những sự lầm lạc của phái mật dịch tự do đã gây ra sự gián đoạn và những sai lầm hết sức nghiêm trọng trong hoạt động thương mại lương thực ở Anh, đã đưa tới tình trạng hạ giá thấp hơn mức bình thường vào mùa hè, trong khi chỉ có sự nâng giá mới có thể bảo đảm tạo ra số dự trữ cần thiết và một số lượng đơn đặt hàng đủ cho việc cung cấp lương thực sau này. Do đó mà số lượng nhập khẩu trong các tháng Bảy, Tám, Chín và Mười của năm 1854 chỉ đạt đến 750000 quắc-tơ so với 2132000 quắc-tơ vào cũng

những tháng ấy của năm 1853. Thêm vào đó, do việc bãi bỏ luật ngũ cốc ở Anh một diện tích lớn ruộng đất trống trọt đã biến thành bãi chăn nuôi, đến nỗi trong tình trạng đó, ngay cả dù được mùa lớn cũng không có đủ lương thực.

"Thế mà" - bài điểm tình hình của Phòng thương mại Hun viết - "Vương quốc liên hợp bắt đầu năm 1855 với một khối lượng dự trữ rất mỏng về tiểu mạch nhập khẩu, trong khi giá cả hầu như cao bằng đầu năm 1854, và cho đến mùa xuân nước này hầu như hoàn toàn phụ thuộc vào sự cung cấp của các chủ ấp trại của nước mình".

Nguyên nhân của cuộc khủng hoảng công thương nghiệp năm 1854 ở Anh, - một cuộc khủng hoảng vị tất sẽ đạt tới quy mô đầy đủ của nó trước mùa xuân năm nay, - có thể chứa đựng ở một ít số liệu sau đây: giá trị xuất khẩu về nguyên liệu và về các thành phẩm của Anh là 57786000 p.xt. vào năm 1846, thì đã đạt tới con số kịch sù là 98000000 pao xtéc-linh vào năm 1853. Trong số 98000000 pao xtéc-linh ấy, thì Úc là nước mà trong năm 1842 đã mua hàng hóa với số tiền chưa đầy 1 triệu, còn đến năm 1850 thì mua vào gần 3 triệu, rồi đến năm 1853 đã vượt gần 15 triệu hàng hoá; Hợp chúng quốc vào năm 1842 tiêu thụ hàng hóa của Anh với số tiền chỉ là 3582000 p.xt., còn đến năm 1850 thì tiêu thụ với số tiền ít hơn 15000000 p.xt. một chút, rồi đến năm 1853 đã mua hàng hóa của Anh với một số tiền kịch sù là 24000000 pao xtéc-linh. Khỏi phải nói về tính tất yếu của tác động trở lại của cuộc khủng hoảng ở Mỹ và của tình hình thừa ứ hàng hóa có thể xảy ra trên thị trường Úc đối với nền thương mại Anh. Cuộc khủng hoảng năm 1837 ở Mỹ đã nổ ra tiếp theo sau cuộc khủng hoảng năm 1836 ở Anh, giờ đây thì cuộc khủng hoảng ở Anh nổ ra tiếp theo sau cuộc khủng hoảng ở Mỹ; nhưng trong cả hai trường hợp, khủng hoảng đều là sản phẩm không tránh khỏi của cùng một nguyên nhân: tác động của chế độ công nghiệp hiện hành ở Anh, nó tất nhiên dẫn tới sản xuất thừa ở chính nước Anh và dẫn đến nạn đầu cơ quá đáng ở các nước khác. Thị trường Úc và Bắc Mỹ tuyệt nhiên không phải là một ngoại lệ; đều phụ thuộc ở mức độ như nhau vào Anh, những thị trường này chỉ là dấu hiệu rõ ràng nhất của tình hình chung của thị trường toàn thế giới.

"Chúng ta đứng trước một sự thật là tình trạng thừa ứ hàng hóa ở thị trường nước ngoài và - trừ một số ngoại lệ - lợi nhuận ít ỏi" - một bản báo cáo ở Man-se-xtơ nói về ngành dệt bông

viết như vậy - "Phần lớn các thị trường nước ngoài" - một bản báo cáo khác về ngành dệt tơ viết - "thường tiếp nhận số sản phẩm thừa của nền công nghiệp nước ta, thì đang chịu những hậu quả nặng nề của tình trạng ứ đọng hàng hoá". "Sản xuất đã mở rộng với quy mô quá to lớn" - bản báo cáo về ngành len ở Brát-phốc-đơ viết - "và đã có một thời gian hàng hóa phải tìm nơi tiêu thụ ở thị trường nước ngoài. Người ta đã ký kết nhiều hiệp ước thương mại phiêu lưu, gây nên việc điên cuồng đưa hàng hóa ra nước ngoài, đương nhiên, trong phần lớn trường hợp điều này đã đem lại những hậu quả hết sức không tốt".

Chúng tôi có thể đưa ra rất nhiều những đoạn trích ấy trong các bản điểm tình hình của các công ty thương mại lớn mà chúng tôi nhận được từ tàu "Pa-xi-phích".

Cuộc cách mạng Tây Ban Nha và sự tăng cường tiếp theo đó của nạn buôn lậu ở vùng này đã tạo ra một thị trường hết sức có lợi cho nông phẩm của Anh. Do những sự lo ngại mà cuộc chiến tranh phương Đông gây ra, nên thị trường Cận Đông, trong một thời gian dài, là thị trường không thừa ứ hàng hoá, nhưng như chúng tôi được biết, trước đây ba tháng Lan-kê-si-a đã bắt đầu gỡ lại những gì đã bị bỏ lỡ ở khu vực này; và hiện nay chúng tôi đã được tin là Công-xtăng-ti-nô-plơ cũng bị đè nặng dưới sức ép của một khối lượng đồ sộ hàng dệt bằng bông, hàng dệt bằng len, hàng ngũ kim, các loại dao và những hàng hóa khác của Anh. Nước duy nhất mà trong đó, xem ra, các dự kiện chính trị thực sự có ảnh hưởng rõ rệt đến sự phát triển của cuộc khủng hoảng thương mại, là Trung Quốc.

"Niềm hy vọng gửi gắm vào sự phát triển từng bước của hoạt động thương mại xuất khẩu của chúng ta với Trung Quốc" - một công ty ở Man-se-xtơ viết - "hầu như đã hoàn toàn tiêu tan, cuộc bạo động hiện nay đang lan rộng ở nước ấy - mà ban đầu thoạt nhìn thì dường như có lợi cho các quan hệ đối ngoại - hiện nay được coi là bước đầu của sự phá sản của đất nước và sự rối loạn hoàn toàn của thương mại. Hoạt động thương mại xuất khẩu với Trung Quốc - mà chúng ta gửi gắm nhiều hy vọng vào sự phát triển của nó - hầu như hoàn toàn bị đình lại".

Bạn đọc chắc còn nhớ, khi cuộc cách mạng Trung Quốc³³³ vừa bắt đầu - lần đầu tiên - có quy mô to lớn, thì chúng tôi đã tiên đoán về những hậu quả có tính chất phá hoại, mà các công ty xuất khẩu Anh hiện nay oán trách.

Tuy phải nhận mọi mối liên quan giữa chiến tranh với khủng hoảng công thương nghiệp, mà triệu chứng của nó xuất hiện từ khi chưa ai nghĩ đến chiến tranh, - đương nhiên, chúng tôi hiểu rằng chiến tranh có thể làm trầm trọng hơn nhiều những thử thách nặng nề mà nước Anh sẽ phải trải qua. Sự kéo dài của chiến tranh có nghĩa là sự tăng thêm thuế khoá, mà sự tăng thêm thuế khoá lại tuyệt nhiên không phải là biện pháp đối phó với tình trạng giảm sút của thu nhập.

*Do C. Mác viết ngày 11 tháng Giêng 1855
Đã đăng làm xã luận trên tờ "New - York
Daily Tribune" số 4294, ngày 26 tháng
Giêng 1855*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Anh
In bằng tiếng Nga lần đầu*

C. MÁC

CÁC CHỦ QUÁN BIA VÀ VIỆC TÔN TRỌNG CHẾ ĐỘ NGHĨ CHỦ NHẬT, - CLAN-RI-CÁC-ĐƠ

Luân Đôn, ngày 19 tháng Giêng. Giờ đây trên tờ "Morning Advertiser" người ta đang thảo luận hết sức sôi nổi vấn đề là liệu buộc tội nội các liên hiệp là "dân dộng" thì có công bằng không? Ước-các-tơ xuất phát từ nhận thức tin chắc rằng có hiệp ước bí mật giữa nội các với nước Nga, nên đã bảo vệ thành công nội các khỏi bị quở trách là bất tài.

"Morning Advertiser" là một hiện tượng đặc thù trong báo giới Luân Đôn. Là tài sản của "Hội tương tế các chủ quán rượu nhỏ có môn bài" được lập ra nhằm những mục đích từ thiện, tức là cứu giúp trẻ mồ côi, người già yếu và người phá sản, - tờ báo này, không nghi ngờ gì nữa, có số lượng phát hành lớn nhất trong tất cả các tờ nhật báo ở Luân Đôn, đứng xếp sau tờ "Times". Được như thế, nó tuyệt nhiên không phải nhờ ở công lao của ban biên tập, đứng đầu là một người nào đó có tên là *Gran-tơ*, vốn là nhân viên tốc ký. Anh chàng Gran-tơ này đã lấy con gái của một trong những nhà hoạt động xuất sắc của "Hội tương tế", tức con gái của Hô-me, hay Hô-me vĩ đại, như các chủ quán rượu nhỏ trong hội vẫn gọi ông ta như vậy, và Hô-me vĩ đại đã biến con rể nhỏ bé của mình thành ông tổng biên tập tờ "Morning Advertiser". Vì dựa vào hội ấy mà tờ "Morning Advertiser" ra vào được tất cả các quán rượu nhỏ, và thậm chí vào phần lớn các parlours^{1*}, nên cơ sở vật chất cho sự phồn vinh của tờ báo này đã được đảm bảo. Nhưng sở dĩ có được ảnh hưởng, là vì tờ báo, trên thực tế, đã không trải qua một sự biên tập nào hết, mà nói đúng hơn, nó là một thứ câu lạc bộ tranh luận, ở đó mỗi bạn đọc đều có thể nói lên tiếng nói của mình. Vì các đại biểu của giới báo chí "đáng kính trọng" ở Luân Đôn không cho ban biên tập tờ

1* - phòng khách

"Morning Advertiser" tham dự các buổi tụ tập của mình, cho rằng nó không xứng đáng được tham dự, cho nên để trả thù, ban biên tập này đôi khi đã dành một số trang của mình, ngoài những bạn đọc của nó, cho những nhà văn có tiếng tăm hơn và không bán mình cho một đảng phái nào.

Từ tờ "Morning Advertiser", đương nhiên chúng ta chuyển sang bàn về *bìa* và *luật bìa* gần đây của ông Uyn-xơn-Pát-tôn. Cuộc *chính biến* ấy, do các *giáo sĩ* gây ra gần đây, đã gây ra nhiều chuyện buồn cười và nó chứng tỏ rằng những hình tượng tương đồng của Sếch-xpia đã đâm hoa kết trái rục rở vào nửa sau của thế kỷ XIX. Nhưng khía cạnh nghiêm trọng của vấn đề là sự *thất mắ* nảy sinh trong quần chúng nhân dân do ý đồ trắng trợn của giáo hội định can thiệp vào việc đời và điều khiển việc đời. Quần chúng đã lạnh nhạt với giáo hội đến mức họ cho rằng những mưu đồ kiểu ấy của giáo hội chỉ là practical jokes^{1*} cần phải được chấm dứt, khi những trò đùa ấy đã trở nên chán ngấy. Phái giáo hội không hiểu địa vị của bản thân mình, đã cả gan tổ chức vào hôm qua ở Nốt-tinh-hêm một cuộc mít tinh công khai, trong đó đã đề nghị trình lên nghị viện đơn thỉnh cầu đòi đóng cửa các quán rượu nhỏ vào các ngày chủ nhật, không những vào những giờ mà luật Uyn-xơn-Pát-tôn gần đây vừa quy định, mà là cả ngày. Đông đảo thánh giả công nhân, sau khi thảo luận sôi nổi, đã thông qua - với tuyệt đại đa số phiếu - bản sửa đổi sau đây, do một công nhân công xưởng tên là Hát-tôn đưa ra:

"Trình lên nghị viện lời thỉnh cầu đòi đóng cửa tất cả các nhà thờ lớn và các nhà thờ nhỏ vào các chủ nhật".

Nghe nói, huân tước Linh-huê-xơ dự định, ngay sau khi nghị viện họp lại, sẽ đọc một bài diễn văn tại thượng nghị viện để trình bày, từng điểm một, mọi lời chê trách đưa ra đối với chính phủ. Như mọi người đều biết, trong kỳ họp năm 1853 - 1854, hầu tước Clan-ri-các-đơ đã đóng vai thủ lĩnh phái đối lập chống Nga trong giới nguyên lão. Nhưng những bức thư mà ông ta và con trai ông ta, huân tước Đôn-ken-lin, gửi cho Nga hoàng Ni-cô-lai - nhân dịp huân tước Đôn-ken-lin được trả

1*- trò đùa thô lỗ

tự do sau khi bị Nga bắt làm tù binh - đương nhiên không cho phép tiếp tục cái trò ấy nữa. Về bức thư của Đôn-ken-lin, thì nhà hài hước nổi tiếng Đu-gla-xơ Giê-rôn đã bình luận trên tờ "Lloyd' Paper" như thế này:

"Huân tước Đôn-ken-lin tuyên bố Ni-cô-lai quả thực là một vĩ nhân dựa trên một căn cứ lạ lùng là Ni-cô-lai đã phóng thích ông ta, huân tước Đôn-ken-lin! Tôi gọi ông ta là vĩ nhân, vì ông ta thậm chí đã chinh phục được tôi, người đàn bà khổng lồ nói về Tom Thumb^{1*} như thế, còn ở đây chàng lùn tuyên bố Nga hoàng là vĩ nhân".

Ai đã đọc các cuốn Sách xanh được công bố vào năm 1841 nhân các sự kiện Thổ Nhĩ Kỳ - Ai Cập³³⁴ và qua đó đã biết rõ hầu tước Clan-ri-các-đơ chiếm một địa vị như thế nào ở triều đình Pê-téc-bua khi ông ta nhậm chức đại sứ ở đó, - thì người ấy cũng biết rằng những bài diễn văn Nga hùng hồn của ông ta tại thượng nghị viện hoàn toàn thuộc vào phạm trù hoạt động đối lập, mà mỗi nhân vật Vích chính cống đều say mê, nếu như thượng đế không cho anh ta một chức vụ nào trong chính phủ.

Do C. Mác viết này 19 tháng Giêng 1855
Đã đăng trên tờ "Neue Oder-Zeitung" số 35,
ngày 22 tháng Giêng 1855

In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Đức

1*- cậu bé tí hon

C. MÁC VÀ PH. ĂNG-GHEN

GÓP PHẦN PHÊ PHÁN VIỆC BAO VÂY XÊ-VA-XTÔ-PÔN

Luân Đôn, ngày 19 tháng Giêng. Ngài Hô-vác-đơ Đu-glát đã tái bản cuốn sách nổi tiếng của mình "Pháo binh hải quân"³³⁵, có kèm theo lời bình luận của ông về một số sự kiện của cuộc chiến tranh gần đây. Dựa vào những tài liệu mới nhất và những tư liệu chính thức chỉ mình ông kiểm được, chẳng hạn, ông đã chứng minh rằng chỉ một mình hạm đội thì không đủ để chiến đấu với lô-cốt có hầm ngầm, nếu những lô-cốt này được cấu trúc chính xác và phòng thủ một cách thích đáng; trái phá không có hiệu quả đối với chất đá xây kiên cố; sau hết, để mở cửa đột phá ở những pháo đài và lô-cốt có hầm ngầm như các công sự ở Bô-mác-xun-đơ và Xê-va-xtô-pôn, thì chỉ có thể bắn bằng trọng pháo, ít ra là bằng loại pháo công thành cỡ 32 pao theo phương pháp cũ, nhưng chiến hạm, do khó ngắm bắn, không thể mở cửa đột phá mà lại không đẩy chiến hạm vào vị trí mạo hiểm không tránh khỏi bị tiêu diệt. Còn nói riêng về chiến dịch Crưm thì mặc dù sự thiên vị của Đu-glát với các viên tư lệnh ở Crưm, mặc dù đơn vị chính thức của ông buộc ông có những ý kiến phát biểu dè dặt, nhưng ông vẫn đi đến kết luận rằng cuộc viễn chinh Crưm, rút cục, là một sai lầm. Nhưng chẳng phải là vị thần sấm sét của tờ "Times" đã công bố tin tức giật gân cho biết rằng sau 40 giờ pháo kích, Xê-va-xtô-pôn sẽ bị *đánh chiếm*, đó sao?

"Tin tức đều nhận được từ nguồn tin chắc chắn, nhưng chỉ vì để cho tin tức ấy không đến tay người Nga, nên bản báo không đưa ra tất cả những tình tiết về sự kiện phải xảy ra đúng vào mấy ngày gần đây (xem "Times" từ ngày 26 đến ngày 31 tháng Chạp). Không nghi ngờ gì nữa, Xê-va-xtô-pôn sẽ bị chiếm trong những ngày gần đây".

Thực ra thì sự việc như thế này. Như mọi người đều biết, tờ "Times" phản đối kịch liệt dự luật về quân đoàn người ngoại quốc, vì tờ báo này chỉ biết về biện pháp này vào cùng một lúc với số công chúng khác không am hiểu vấn đề. Tờ báo bắt đầu oán trách, than phiền và quấy rầy nội các. Nội các tỏ ra khá khiếp nhược và, để bịt mồm tờ báo đó,

đã quảng cho nó - coi đây là của bố thí - tin tức về cuộc công phá Xê-va-xtô-pôn, hơn nữa, nội các biến ý đồ - do các tướng lĩnh đề xuất - chỉ thích hợp với điều kiện và hoàn cảnh nhất định thành kế hoạch chính thức cuối cùng của chiến dịch. Việc báo chí Pháp - các báo đó cũng còn là những tờ báo bán chính thức - đã đăng những tin tức tương tự không gây ra sự ngạc nhiên, vì điều đó xảy ra vào đêm trước của ngày phát hành 500 triệu công trái³³⁶. Còn việc tờ "Times" mắc bẫy cũng có thể hiểu được. Nó tin vào bất cứ tin tức nào mà nó nhận được sớm hơn các tờ báo khác một ngày.

Tình hình ở Crưm cải thiện chẳng được bao nhiêu. Trong khi quân Pháp tổn thất tương đối ít do bệnh tật, kỵ binh được cung cấp tốt về ngựa, còn bộ binh thì có đủ sức và có sức chiến đấu, thì quân Anh vẫn như trước kia, mỗi ngày có 150 người vào nằm bệnh viện, 40 - 50 người chết; pháo binh của họ không có ngựa và kỵ binh buộc phải đem ngựa cung cấp cho việc chuyển trọng pháo từ Ba-lắc-la-va, kết quả là ngựa của họ trở nên hoàn toàn không sử dụng được nữa. Thời tiết cứ hai ba ngày lại thay đổi, mưa xong thì trời chuyển giá lạnh và bùn thì chẳng giảm chút nào. Vì hầu hết phương tiện vận tải đều dùng để chuyên chở lương thực, mà việc phân phát trong quân đội vẫn là nhiệm vụ hàng đầu, nên pháo cũng như đạn dược không thể đưa tới trận địa chiến đấu. Đồng thời chiến hào đã được kéo sát đến công sự địch; đã đào xong chiến hào song song thứ ba mà không thể cung cấp vũ khí cho các chiến hào ấy được, nhưng trong khi đó lại cần phải bảo vệ chống lại các cuộc xuất kích của địch. Không thể nói rõ được xem chiến hào cách những mục tiêu công kích gần nhất bao xa, vì những tin tức về điểm này mâu thuẫn nhau và, đương nhiên, không mang tính chất chính thức. Theo một số tin tức, thì cự ly ấy là 140 hoặc 150 i-ác-đơ, trong khi đó, theo một nguồn tin của Pháp, thì điểm gần nhất còn ở cự ly 240 i-ác-đơ. Các đơn vị pháo của Pháp hiện đã được trang bị đầy đủ và chuyển sang tư thế chiến đấu, nhưng buộc phải ngồi bất động, vì do hậu quả cuộc pháo kích hỗn loạn và hoàn toàn vô hiệu hồi tháng Mười một, nên đạn dược đã cạn nghiêm trọng và lập lại cuộc bắn phá hỗn loạn như thế là điều phi lý. Thế là quân Nga đã có và đang có đủ thời gian, không những để tu bổ những công sự bị các cuộc tấn công trước đây phá hủy, mà còn để xây dựng những công sự mới, và họ làm việc đó hăng hái đến mức hiện nay Xê-va-xtô-pôn kiên cố hơn bao giờ hết. Hiện nay, khi mà các phòng tuyến lần lượt bị quân đội chiếm lĩnh, khi mà tất cả các công trình lớn bằng đá nằm phía sau bức tường bọc cuối

cùng của thành phố đều đã được biến thành các lô-cốt cố thủ, thì khả năng tiến hành trận *công phá* có tính chất quyết định đã hoàn toàn bị loại trừ. Nếu như vẫn phải khôi phục mọi công việc của cuộc vây hãm, thì mọi thứ đều phải làm lại từ đầu, chỉ khác một điều là hiện nay các đơn vị pháo ở rất gần thành phố, nên có thể hoạt động hiệu quả hơn. Nhưng ưu thế đó đã phải trả với cái giá như thế nào? Chính sự căng thẳng do phải phòng thủ các chiến hào trên một chiều dài lớn như vậy đã là nguyên nhân gây nên nhiều thứ bệnh tật trong quân đội Anh, vì binh sĩ chỉ còn rất ít thời gian để ngủ. Thêm vào đó, quân Nga đột kích khá thường xuyên, tuy không phải bao giờ cũng thành công, nhưng vẫn đủ làm kiệt sức một kẻ địch vốn đã rất mệt mỏi.

Trong khi đó, quân Thổ Nhĩ Kỳ lục tục kéo đến Ép-pa-tô-ri-a, từ đó họ phải tấn công vào Xim-phê-rô-pôn, đồng thời quan sát phía bắc Xê-va-xtô-pôn. Hoạt động này - mà kết quả là quân Thổ Nhĩ Kỳ và quân Anh - Pháp hoàn toàn tách rời nhau, tạo thành hai đội quân hoàn toàn cô lập - là một sai lầm mới về chiến lược, tạo cho quân Nga khả năng tiêu diệt từng đội quân một. Nhưng sai lầm này là điều không tránh khỏi. Tiếp tục tập trung nhiều quân lính như thế trên một bán đảo không lớn lắm, là bán đảo Khéc-xô-nét Hê-rắc-clây, sẽ là một sai lầm lớn hơn.

Đây là hậu quả của cuộc "hành quân tạt sườn địch ở Ba-lắc-la-va"^{1*}, cuộc hành quân lừng lẫy tiếng tăm.

*Do C. Mác và Ph. Ăng-ghen viết ngày 19
tháng Giêng 1855
Đã đăng trên tờ "Neue Oder - Zeitung" số
37, ngày 23 tháng Giêng 1855*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Đức*

^{1*} Trong bản tiếng Anh của bài này đăng trên tờ "New York Daily Tribune" số ra ngày 3 tháng Chạp 1855, tư tưởng này được trình bày tỉ mỉ hơn: "Do đó, chúng ta thấy rằng ngày càng có những sai lầm mới nữa, đó đều là hậu quả của cuộc hành quân tạt sườn địch ở Ba-lắc-la-va lừng lẫy. Rất có thể là quân Thổ Nhĩ Kỳ sẽ bị những thất bại nặng nề, họ không còn là đội quân đã chiến đấu ở Ca-la-phát và Xi-li-xtô-ri. Tình trạng rệu rạo về tổ chức, lơ là chức trách, thiếu thốn mọi thứ trang bị đã làm cho đội quân này hoàn toàn mất tinh thần, mà Thổ Nhĩ Kỳ thì lại không có đội quân khác có thể thay thế đội quân này. Trong tình hình đó, không có hy vọng gì là cuộc đàm phán hòa bình sẽ bị gián đoạn do sự thất thủ Xê-va-xtô-pôn. Suốt thời gian từ khi liên quân đổ bộ, sự kiện đó chưa bao giờ lại tỏ ra khó có thể xảy ra như hiện nay. Có thể nói không phóng đại rằng trong toàn bộ lịch sử chiến tranh, không có chiến dịch nào thất bại thảm hại hơn chiến dịch Crutn.

C. MÁC

MỤC ĐÍCH THỰC SỰ CỦA CUỘC ĐÀM PHÁN Ở VIÊN. - CUỘC LUẬN CHIẾN CHỐNG NƯỚC PHỔ. - CUỘC NỔI LOẠN BẰNG TUYẾT

Luân Đôn, ngày 23 tháng Giêng. Các cường quốc phương Tây tuyên bố rằng cuộc đàm phán ở Viên sẽ không làm gián đoạn, dù trong khoảng khắc, mọi hoạt động quân sự của họ. Nước Nga có thể kiếm được *lợi ích gì thuần túy về quân sự* trong cuộc đàm phán giả dối ấy? Đối với câu hỏi ấy mà tờ "Sun"¹³³⁷ đặt ra, có thể đưa ra câu giải đáp hoàn toàn dứt khoát. Quân phòng thủ Crum ban đầu gồm có quân đoàn 6 và một bộ phận của quân đoàn 5 (quân Nga). Quân đoàn 4 đến đây mấy ngày trước khi xảy ra trận đánh ở Ba-lắc-la-va; hiện nay quân đoàn 3 cũng ở trên bán đảo; sư đoàn 8 đến Bác-si-xa-rai ngày 18 tháng Chạp; sư đoàn 1 và 8 cùng với sư đoàn long kỵ 1 và gần 240 khẩu pháo và 4 trung đoàn lính Cô-dắc bố trí ở Pê-rê-cốp. Sư đoàn kỵ binh nhẹ thuộc quân đoàn 3 được điều đến Ép-pa-tô-ri-a được đặt dưới quyền kiểm soát của nó. Như thế là khoảng một nửa đội quân *tác chiến* của Nga (không kể đội dự bị) được bố trí ở Crum hoặc trong các đơn vị đồn trú ở Ô-dét-xa, Khéc-xôn và Ni-cô-lai-ép, còn một số bộ phận của quân đoàn 2 (của Pa-nuy-tin) sẽ đến đó để tăng viện cho họ. Quân số thực tế của 12 quân đoàn bộ binh và 6 sư đoàn kỵ binh ấy, sau những tổn thất mà họ gánh chịu trong một chiến dịch thất bại và trong các cuộc hành quân quy mô lớn, đương nhiên không thể xác định được, vì không rõ những tổn thất ấy đã được bổ sung đầy đủ bằng lực lượng tăng viện mới hay không. Dù sao họ cũng phải có ít nhất là 100000 người có khả năng phục vụ quân ngũ, không kể binh sĩ thuộc lực lượng lính thủy đánh bộ và thủy binh có thể đang ở Xê-va-xô-pôn. Việc tập kết ở Crum một số lượng quân đông như thế - chiếm ít ra là một phần tư tổng số lực lượng vũ trang của Nga - chứng tỏ rằng việc lôi cuốn Áo vào cuộc đàm phán mới là một việc làm quan trọng như thế nào đối với Nga hoàng, khi chưa bổ sung được đầy đủ những thiệt hại mà đạo quân Vô-lun Pô-đô-li-a của Nga hoàng đã phải chịu đựng do hậu quả những chiến dịch vừa qua.

Việc công bố các bản báo cáo gần đây của Phổ, Áo và Pháp đã bị lợi dụng vào thời điểm ngay trước khi bắt đầu kỳ họp thường lệ của nghị

viện, ý như bản hiệp ước ngày 2 tháng Chạp đã bị lợi dụng vào đúng thời điểm trước khi có kỳ họp bất thường của nghị viện³³⁸. - Báo chí của nội các đã có cơ hội thuận tiện để dùng sự công kích nền ngoại giao của Phổ mà đẩy lùi sự công kích đối với phương pháp tiến hành chiến tranh của Anh. Hai tờ báo sôi sảng nhất của chính phủ là tờ "Globe" và "Morning Chronicle" đã có giọng nói đặc biệt gay gắt trong cuộc bút chiến chống Phổ.

"Cuộc bạo động bằng tuyết" xảy ra ở đây vào chủ nhật trước là một ví dụ nữa nói lên rằng sự phản kháng của nhân dân Anh đối với những yêu sách lì lợm của phái giáo hội và đối với việc họ dùng thủ đoạn man trá để dùng nghị viện thông qua dự luật về việc thi hành nghiêm chỉnh hơn nữa chế độ nghỉ ngày chủ nhật, - sự phản kháng ấy đã mang hình thức sục sôi, gay gắt và châm biến như thế nào. Chủ nhật trước, trong buổi lễ cầu nguyện buổi sáng, tại công viên Tơ-ra-phan-ga gần nhà thờ Xanh-Mác-tin, có khoảng 1500 người tụ tập; quần chúng vui đùa ném tuyết vào xe ngựa công cộng, vào xe bốn bánh cho thuê, vào người đi bộ. Vì tiếng ồn ào vang lên trước cửa nhà thờ, cho nên lễ cầu nguyện buộc phải ngừng lại. Khi cảnh sát tới thì cảnh sát liền trở thành đối tượng chính của cuộc tấn công, và chỉ sau mấy phút, nhiều người trong số họ đã không thể quay đầu sang phải cũng như sang trái, vì tuyết lấp đầy vai, đầy mũ họ. Một số binh sĩ định ra khỏi nhà thờ để trở về doanh trại, cũng buộc phải lui lại ngay và tính phốt lò kiêu người Anh của họ đã bị một cuộc thử thách nghiêm trọng. Người ta buộc phải đưa thêm 100 cảnh sát đến nơi xảy ra cuộc chiến đấu. Sau hết, cảnh sát đã dùng dùi cui và cuộc vật lộn gay gắt bắt đầu. Bốn thủ lĩnh bị bắt và bị giải về đồn cảnh sát, mặc dù ở phố Xan-đô và phố Rốt-xen, người ta đã nhiều lần mưu toan cứu họ khỏi bàn tay của bọn người giữ gìn trật tự. Hôm qua, những người ấy đã bị đưa ra tòa án cảnh sát ở phố Boi. Đại biểu của hội đồng trị sự nhà thờ Xanh-Mác-tin cũng có mặt để làm nhân chứng tố cáo họ. Các thủ phạm bị kết án mỗi người chịu 40 si-linh tiền phạt hoặc hai tuần ngồi tù, và thiên sử biên niên về "cuộc nổi loạn bằng tuyết" đã kết thúc ở đây. Dù sao thì cuộc bạo động này cũng bác bỏ ý kiến khẳng định của công tước đơ Li-nơ, ông này trong thời gian nổ ra cuộc bạo động ở Hà Lan đã từ chối giúp sức cho I-ô-đép II, viện lý do là lúc ấy đang là mùa đông, mà tuyết và nổi loạn vốn loại trừ lẫn nhau.

*Do C. Mác viết ngày 23 tháng Giêng 1855
Đã đăng trên tờ "Neue Oder - Zeitung" số
43, ngày 26 tháng Giêng 1855*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Đức*

C.MÁC

**ĐOẠN CHƯA ĐƯỢC CÔNG BỐ RÚT TRONG LOẠT
BÀI "NƯỚC TÂY BAN NHA CÁCH MẠNG"³³⁹**

... [đưa trở lại dưới] ngọn cờ của cách mạng đội quân của Ban-le-xte-rô-xơ sau khi viên chỉ huy của nó đầu hàng, đội quân này vẫn còn tập trung ở Pri-e-gô cách Ma-la-ha 10 li-ơ về phía Bắc.

Trong thời gian cuộc viễn chinh Ca-di-xơ lần thứ hai³⁴⁰ của mình, ông ta^{1*} bị một người lính thuộc đội quân của tướng Mô-li-to bắt làm tù binh, rồi giao cho một toán thánh đồ áp giải về Ma-đrít, ở đây ông bị xử tử ngày 7 tháng Mười một, bốn ngày trước khi Phéc-di-năng trở về thủ đô.

"Non por suo culpa caja Riego,

Por traicion

D'un vil Borbon"

("Ri-e-gô chết không phải do sự sơ xuất của mình, mà do sự phản bội của một tên Buốc-bông vô liêm sỉ").

Khi Phéc-di-năng đến Ma-đrít, bọn sĩ quan của các toán "quân tín đồ"³⁴¹ đến yết kiến và chào mừng ông ta; sau khi chúng đi, ông ta thốt lên với các viên cận thần của mình: "Vẫn là những con chó ấy, chỉ có vòng cổ là khác thôi".

Số tu sĩ lên tới 16310 người vào năm 1822 thì đến năm 1830 đã tăng lên 61727 người, nghĩa là tăng 45417 trong 8 năm^{2*}. Qua tờ "Gaceta" ở Ma-đrít, chúng ta thấy rằng trong một tháng từ ngày 24 tháng Tám đến ngày 24 tháng Chín 1824 đã có 1200 người bị xử bắn, treo cổ và phanh thây, hơn nữa, các sắc lệnh đã man chống lại những người Cô-mu-nê-rô-xơ³⁴², những người theo hội kín còn chưa được công bố.

1* - Ri-e-gô

2* Trong bản thảo ở đoạn tiếp theo đã bị xóa đi mấy chữ: "bọn ăn xin chuyên nghiệp".

Trường đại học Xê-vi-li-a bị đóng cửa nhiều năm, nhưng thay vào đây người ta đã mở trường quốc lập để huấn luyện nghề thợ bò.

Phri-đrich Đại đế, khi nói chuyện với bộ trưởng Bộ chiến tranh của mình, đã hỏi ông bộ trưởng rằng theo ý ông ta thì trong số các nước châu Âu, nước nào khó bị làm khánh kiệt hơn cả? Thấy vị bộ trưởng của mình có phần lúng túng, nhà vua đã trả lời thay ông ta:

"Đây là Tây Ban Nha, vì Chính phủ Tây Ban Nha đã nhiều năm nay ra sức làm cho nó khánh kiệt, nhưng vẫn uống công".

Phri-đrich Đại đế dường như đã thấy trước vương triều Phéc-đi-năng VII.

Thất bại của cuộc cách mạng 1820 - 1823 là điều dễ hiểu. Đây là cuộc cách mạng tư sản, nói đúng hơn, đó là cuộc cách mạng thành thị, trong đó dân cư nông thôn, dốt nát, thủ cựu, ưa chuộng những lễ nghi hào nhoáng thì vẫn là những người bàng quang tiêu cực đối với cuộc tranh giành giữa các phe phái và chưa chắc họ hiểu được ý nghĩa của cuộc tranh giành. Ở một số ít tỉnh có trường hợp ngoại lệ là dân cư nông thôn tích cực tham gia cuộc đấu tranh, nhưng họ thường đứng về phía phản cách mạng, - đây là một sự thật hoàn toàn dễ hiểu ở Tây Ban Nha, ở "cái kho chứa các phong tục cổ lỗ này, ở nơi tàng trữ tất cả những cái mà ở những nơi khác đã trở thành mục nát và đã bị lãng quên từ lâu", ở cái đất nước mà trong thời kỳ chiến tranh giành độc lập người ta còn bắt gặp những nông dân cầm kiếm lấy trong kho vũ khí ở cung An-ham-bra và được trang bị bằng giáo và mác kiểu cổ được chế tạo tinh vi và đã được dùng trong những cuộc chiến tranh thế kỷ XV. Ngoài ra, Tây Ban Nha có đặc điểm là mỗi người nông dân hễ có trên cửa ngôi nhà thảm hại của mình cái huy hiệu quý tộc khắc trên đá thì đều cho mình là quý tộc và, do đó, tuy bị cướp bóc và nghèo nàn, dân cư nông thôn nói chung vẫn không bao giờ cảm thấy cảm giác về sự nhục nhã sâu sắc, là cảm giác đã làm cho nông dân tất cả các nước phong kiến châu Âu căm giận. Việc đảng cách mạng không gắn được lợi ích của nông dân với phong trào thành thị, thì đã được hai nhân vật đóng vai trò xuất sắc nhất trong cách mạng, là tướng Mô-ri-lô và Xan-Mi-ghen, thừa nhận. Mô-ri-lô - một con người mà người ta không

thể nào nghi là có cảm tình với cách mạng - đã từ Ga-li-xi-a viết thư cho công tước Ăng-gu-lê-m như sau:

"Nếu như nghị viện thông qua đạo luật về các quyền của chủ phong kiến và, do đó, tước đoạt lãnh địa của đại quý tộc làm lợi cho đám dân đen, thì quan lớn sẽ xung đột với những đội quân đông đảo, có tình thần yêu nước và đáng sợ, những đội quân tổ chức một cách tự phát, như điều này đã xảy ra ở Pháp trong tình hình tương tự".

Mặc khác, Xan-Mi-ghen (xem cuốn "Nội chiến ở Tây Ban Nha" của ông, Ma-đrít, 1836³⁴³) nói:

"Sai lầm lớn nhất của phái tự do là họ không tính đến sự lạnh nhạt, thậm chí sự thù địch của đại đa số nhân dân đối với các đạo luật mới. Nhiều pháp lệnh do nghị viện ban bố để cải thiện điều kiện vật chất của nhân dân, đã không đem lại hiệu quả nhanh chóng như tình thế yêu cầu. Việc giảm một nửa thuế thập phân của giáo hội, cũng như việc bán ruộng đất của tu viện đều không góp phần cải thiện đời sống vật chất của các tầng lớp dưới trong nông dân. Trái lại, biện pháp sau cùng ấy, biện pháp chuyển ruộng đất từ tay giới tăng lữ khoan dung sang tay bọn tư bản mang đầu óc tính toán chỉ ly lại làm xấu thêm tình cảnh của tá điền cũ, gây ra tình trạng nâng mức địa tô, khiến cho những định kiến có tính chất mê tín của giai cấp đông đảo ấy, vốn đã cảm thấy bị sỉ nhục vì sự chuyển nhượng tài sản của giáo hội, càng trở nên sâu sắc thêm do ảnh hưởng của những lợi ích vật chất bị xâm phạm".

Thị dân cách mạng đã cách ly bằng cách như vậy khỏi khối quần chúng nhân dân cơ bản, nên buộc lòng phải phụ thuộc vào quân đội và vào những người lãnh đạo quân đội trong cuộc đấu tranh của mình chống lại đại quý tộc, giới tăng lữ nông thôn, giới thầy tu và quốc vương đại biểu cho tất cả những phần tử đã lỗi thời trong xã hội. Song, *bản thân* địa vị mà quân đội cướp đoạt được bằng cách đó trong phe cách mạng, cộng thêm sự xa rời quần chúng của quân đội, đã biến nó thành một công cụ nguy hiểm đối với bất cứ ai sử dụng nó, nhưng lại vô hại đối với kẻ địch mà nó phải giáng đòn đánh vào. Sau hết, tầng lớp trên của giai cấp tư sản, tức cái gọi là phái ôn hoà, đã nhanh chóng lạnh nhạt với cách mạng, rồi phản bội cách mạng, ôm ấp hy vọng rằng có thể giành được chính quyền nhờ sự can thiệp của Pháp và do đó, không cần mất công sức thiết lập xã hội mới, họ sẽ toạ hưởng thành quả của nó mà không cho bình dân dự phần.

Những kết quả tích cực của cách mạng năm 1820 - 1823 không phải chỉ quy tụ vào quá trình gây men vĩ đại góp phần mở rộng tầm mắt

của đông đảo tầng lớp nhân dân và đem lại cho họ những đặc tính mới. Bản thân cuộc phục tích lần thứ hai³⁴⁴ là sản phẩm của cách mạng, trong cuộc phục tích này, những phần tử lỗi thời của xã hội cũng sử dụng những hình thức không dung thứ được và không dung hợp được với sự tồn tại của Tây Ban Nha với tính cách là một dân tộc. Sự nghiệp chủ yếu của cuộc phục tích là đưa sự đối kháng tới mức độ gay gắt đến nỗi không còn khả năng thỏa hiệp nào nữa và cuộc chiến tranh tiêu diệt đã trở thành không tránh khỏi. Theo lời phát biểu của chính huân tước Li-vóc-pun, chưa từng có một đổi thay chính trị quan trọng nào diễn ra ít tàn bạo và ít đổ máu hơn là cuộc cách mạng Tây Ban Nha năm 1820 - 1823. Vì vậy, khi chúng ta thấy cuộc nội chiến năm 1833 - 1843³⁴⁵ đã tiêu diệt bằng lửa và gươm những phần tử lỗi thời^{1*} trong xã hội Tây Ban Nha và tự bồi nhọ bằng những hành động dã thú, thì chúng ta không nên quy sự tàn bạo khủng khiếp của thời kỳ ấy cho một đức tính nào đó của dân tộc Tây Ban Nha, mà phải quy cho cũng chính cái sức mạnh của hoàn cảnh đã từng gây ra sự ngự trị của làn sóng khủng bố ở Pháp. Trong khi người Pháp tập trung sự khủng bố và nhờ vậy mà rút ngắn được thời kỳ ngự trị của tình trạng khủng bố, thì người Tây Ban Nha, trung thành với truyền thống của mình, lại phân tán sự khủng bố và do đó kéo dài thời kỳ ngự trị khủng bố. Do truyền thống của Tây Ban Nha, Đảng cách mạng vị tất giành được thắng lợi, cho dù nó có lật đổ được ngay vàng. Ở Tây Ban Nha, bản thân cách mạng muốn thắng lợi phải biểu hiện ra với tư cách người có tham vọng chiếm ngôi vua. Cuộc đấu tranh của hai chế độ xã hội đã phải mang hình thức cuộc đấu tranh giữa những lợi ích của những triều đại đối lập nhau. Tây Ban Nha ở thế kỷ XIX đã hoàn thành được dễ dàng cuộc cách mạng của mình, khi nó có thể làm cho cuộc cách mạng ấy mang hình thức của cuộc nội chiến ở thế kỷ XIV. Chính Phéc-đi-năng VII đã trao cho cách mạng ngọn cờ quân chủ mang tên I-da-be-la, trong khi đó ông ta di chúc để lại cho phái phản cách mạng người em trai của mình là Đôn Các-lốt, một nhân vật Đông Ki-sốt của toà án tôn giáo thần thánh. Phéc-đi-năng VII đã trung thành với bản thân mình đến

1* Tiếp theo đó là đoạn bị xóa đi: "chính quyền của bọn chúa phong kiến và bọn vua chúa".

cùng. Nếu như suốt đời mình, ông ta đã lừa gạt phái tự do bằng những lời hứa giả dối, thì chẳng lẽ ông ta lại có thể tự khước từ cái thú vui là lừa gạt phái nô lệ trước lúc lâm chung hay sao³⁴⁶? Về lĩnh vực tôn giáo, ông ta bao giờ cũng là người theo thuyết hoài nghi! Ông ta không thể làm cho mình tin rằng trong thiên hạ lại có một người nào đó - dù là đáng thần linh - có thể ngu xuẩn đến mức nói ra sự thật.

*Do C.Mác viết ngày 21 tháng Mười một 1854
Công bố lần đầu tiên bằng tiếng Nga trên tạp
chí "Lịch sử cận đại và hiện đại" số 3, 1957*

*In theo bản thảo
Nguyên văn là tiếng Anh*

PHÁO ĐÀI CRÔN-STÁT³⁴⁷

Từ khi ngài Sác-lơ Nây-pia tiến vào biển Ban-tích sau khi được bộ trưởng Bộ hải quân Anh "hoàn toàn cho phép tuyên chiến", thì bộ phận lạc quan hơn trong xã hội Anh không ngừng mong ngóng nhanh chóng được tin tức về việc pháo kích Crôn-stát, về việc chiếm các ngã đường đi vào Xanh-Pê-téc-bua, và có thể (biết đâu đấy!) thậm chí cả về việc cắm lá quốc kỳ Anh lên đỉnh sáng ngời của trụ sở Bộ hải quân Nga.

Những hy vọng ấy đều dựa vào một tư tưởng rất đúng đắn cho rằng Crôn-stát là chiếc chìa khóa cho thắng lợi của bất cứ cuộc tấn công nào vào nước Nga từ mặt biển ở khu vực Ban-tích. Ai chiếm được Crôn-stát thì Xanh-Pê-téc-bua thuộc về người ấy, hạm đội Nga không còn tồn tại nữa, còn nước Nga thì sẽ rơi xuống địa vị mà nó giữ trước thời Pi-ốt Đại đế. Nếu như Anh, khi *đã có được* ở trên biển Ban-tích những lực lượng cần thiết để thực hiện chiến công đó, mà nó lại tiêu phí lực lượng ấy vào những việc nhỏ ở mức độ quá mức tuyệt đối cần thiết cho việc tấn công các cứ điểm có ý nghĩa thứ yếu, thì Anh sẽ mắc phải sai lầm to lớn, mà hậu quả tai hại của nó có thể biểu hiện ở hai - ba chiến dịch sắp tới đây. Nhưng nếu chúng ta hiểu ý nghĩa quyết định của Crôn-sát, thì người Nga cũng hiểu như vậy, và họ đã hành động một cách tương ứng. Cái yết hầu đi vào nước Nga ấy được bảo vệ bằng hai, ba lớp vỏ sắt tua tủa gần một ngàn khẩu pháo.

Mọi người đều biết, Crôn-stát ở mũi đông-nam của một hòn đảo nhỏ chạy dài khoảng 5 dặm; đảo này yểm hộ lối vào phần thất lại của vịnh Phần Lan và cách cửa sông Nê-va chừng 16 dặm. Ở hai bên đảo, biển hầu như chỗ nào cũng rất nông, và đối với tàu biển chỉ có hai lạch đi lại được. Một lạch ở phía bắc đảo, cách bờ bắc của đảo chừng hai - ba dặm, sâu ít ra là 4 hải xa-gien^{1*}; ở chỗ cách đầu phía đông của đảo 4 dặm,

1* hải xa-gien = 182 cm

con lạch uốn khúc, nhích gần đến đầu phía đông, chỉ còn cách 1400 i-ác-đơ, nhưng ở đây chiều sâu giảm đi một hải xa-gien. Như thế là pháo ở trên bất cứ chiến hạm nào đi trên lạch này cũng đều không bắn tới bờ đông-bắc của đảo; chỉ có mặt phía tây và phía đông của đảo là ngoại lệ. Cho nên, chỉ có những mặt ấy có xây dựng công sự, ở phía tây có các pháo đài Ê-ca-tê-ri-na, A-lếch-xan-đơ và Mi-kha-in, ở phía đông là tường lũy của chính thành phố và hai khẩu đội xây trên bãi cát ở phía trước tường lũy này chừng 1000 i-ác-đơ; nhưng nghe nói, khẩu đội lớn trong hai khẩu đội ấy đã đổ nát. Ở độ cao của bờ bắc đảo, giữa các công sự phòng ngự phía đông và phía tây của đảo, trên bãi cát cách bờ hầu một dặm người ta còn xây dựng một pháo đài, nhưng nó cũng ở ngoài tầm hỏa lực của chiến hạm ở trên con lạch sâu 4 xa-gien.

Do đó, vì nó ở xa các công sự phòng ngự, vì những khó khăn to lớn về phương diện hàng hải do nó gây ra, vì chiều sâu của nó giảm rõ rệt ở phần đông - nam của nó, con lạch phía bắc này phải được coi là không thích hợp cho bất cứ một cuộc tấn công tương đối quan trọng nào nhằm vào Crôn-stát. Nếu một sự phân tán lực lượng nào đó không gây ra hậu quả tai hại, thì có thể lợi dụng con lạch ấy để phái một số chiến hạm loại nhẹ tiến hành vu hồi hòn đảo; nếu không chế được pháo đài phía đông không có sức uy hiếp lớn, thì những chiến hạm ấy có thể chiếm được trận địa thuận tiện cho việc pháo kích thành phố Crôn-stát, trong đó không những có các kho buồm và dây chủ yếu và các xưởng đóng tàu của hạm đội Nga ở Ban-tích, mà còn có rất nhiều gỗ xây dựng của tư nhân, do đó đây áp những vật liệu dễ cháy, và chỉ mấy phát đạn pháo bắn trúng là có thể gây ra đám cháy lớn có thể thiêu huỷ trong một đêm các kho tàng của hải quân được góp lại trong nhiều năm. Liệu có khả năng thực tế dùng một số lượng chiến hạm nhẹ đủ để chiếm trận địa như thế không? Chỉ có nghiên cứu kỹ tình hình tại chỗ kết hợp với việc đo lại độ sâu của nước, mới có thể xác định được điều đó. Có nên làm việc đó không? Điều đó tùy thuộc vào tình hình so sánh lực lượng. Ở đây chúng ta cần hạn chế ở những kết luận có thể rút ra được thậm chí ở nơi xa xôi, từ sự đối chiếu những tin tức đáng tin cậy nhất mà chúng ta có được.

Vì thế, hướng tấn công chính chỉ có thể là con lạch phía nam dẫn đến Bến lớn và Bến nhỏ, hoặc gọi là đường hầm. Ở đây con lạch sâu bốn xa-gien, rộng mấy dặm ở đầu tây-bắc của đảo, đột nhiên thu hẹp lại một dặm ở chỗ cách cảng nội hai dặm, rồi hình thành một góc rất nhọn mà đỉnh của nó đối diện với Quân cảng. Ở chỗ này, một bãi cát hẹp chạy dài từ đồi cát Ô-ra-ni-en-bôm đến đảo đã cắt ngang con lạch, khiến cho chiều sâu nhất của nó giảm xuống 3,5 hải xa-gien. Quân Nga ra sức bảo tồn cái công sự tự nhiên ấy của Quân cảng của họ, tuy rằng tàu cuộc hoạt động tí chút là đủ để có thể loại trừ bãi cát ấy. Do đó, con lạch sâu 4 xa-gien ấy - mà quãng giữa của nó chỗ nào cũng sâu ít ra là 4,5 hải xa-gien và bảo đảm tàu chiến lớn qua lại được - là con đường chính dẫn vào Crôn-sát và cuộc chiến đấu có tính chất quyết định phải triển khai ở đỉnh góc nhọn, ở nơi có một đoạn dài một dặm rưỡi mà bề rộng không quá 4 i-ác-đơ.

Các công sự có thành lũy yểm hộ con lạch này thật lắm hình nhiều vẻ, từ những kiến trúc cũ kỹ thời Pi-ốt Đại đế cho đến những công sự tối tân rất mạnh mẽ có hai, ba tầng hỏa lực pháo chồng lên nhau. Đáng chú ý là địa điểm quan trọng nhất lại được yểm hộ bởi những công sự có thành lũy lỗi thời mà lại rất không hoàn thiện: *đấy là nhược điểm của Crôn-stát*. Những công sự cũ kỹ ấy là những pháo đài nằm cạnh không lớn lắm; pháo bố trí sau tường chắn lộ thiên, còn pháo ở hầm ngầm thì rất ít hoặc hoàn toàn không có; các lô cốt nằm góc thì nhỏ và hẹp, do đó số lượng pháo bố trí trên những pháo đài đó hết sức ít so với chiều rộng của phía chính diện của chúng. Ngoài ra, cần chỉ rõ rằng một nửa số pháo ấy về cơ bản là hướng vào những nơi nước nông mà từ đó có thể sẽ có cuộc tấn công, phần nhiều là của pháo hạm. Nhưng ngay pháo hạm cũng gây nguy hiểm cho những công sự ấy.

Khác với những công sự trên, các công sự hiện đại đều được xây dựng theo những nguyên lý do *Mông-ta-lăm-be* công bố đầu tiên, những nguyên lý được thừa nhận phổ biến dưới hình thức sửa đổi ít nhiều và được áp dụng đặc biệt rộng rãi trong việc xây dựng công sự phòng thủ bờ biển. Ngoài Crôn-stát, Séc-bua và Xê-va-xtô-pôn có thể dùng làm ví dụ về cách vận dụng những nguyên lý ấy vào mục đích trên. Đặc điểm của những công sự ấy là có hai - ba tầng pháo bố trí chồng lên nhau,

mà pháo của tầng thấp nhất thì được đặt trong hầm ngầm, tức là trong những hầm nhỏ hình vòm, ở đó pháo và pháo thủ được che chở chắc chắn nhất chống pháo địch. Chỉ có pháo thuộc tầng trên cùng là được bố trí sau tường chắn lộ thiên, nhưng do ở vị trí cao hơn boong cao nhất của tàu chiến lớn loại có ba boong, cho nên các cỗ pháo ấy được bảo vệ một cách tốt chống lại đạn pháo. Cuộc tấn công đầu tiên sẽ chứng minh rằng những pháo đài ấy được cấu trúc có đủ kiên cố để chịu đựng sự chấn động khi các khẩu pháo của chúng bắn ra và chịu được sức phá hoại của pháo địch hay không; nếu được như vậy thì chúng là những quả hồ đào hết sức rắn.

Có thể cho rằng ở khu vực lạch Crôn-stát có ba tuyến công sự.

Tuyến thứ nhất, hoặc tuyến ngoài, hình cánh cung yểm hộ lối vào Bến lớn, hoặc đoạn rộng từ một đến một nửa dặm của con lạch sâu 4 xa-gien. Cánh phải hoặc cánh phía bắc của trận địa này do những công sự sau đây hợp thành: *pháo đài Pi-ốt* là một pháo đài không quan trọng, nằm ở trên đảo cách lạch sâu chừng 1400 i-ác-đơ; *khẩu đội súng cối* cũng ở trên đảo, nhích về phía đông nửa dặm, có thể được coi là hầu như vô dụng, và *pháo đài Công-xtăng-tanh* là một pháo đài mạnh, kín ở phía sau, được xây dựng trên bãi cát, cách rìa lạch 1000 i-ác-đơ, đối diện với khẩu đội súng cối. Đây là một lô-cốt hiện đại, có hai tầng pháo gồm 50 khẩu. Tác dụng của nó là yểm hộ các ngả tiếp cận từ bên ngoài; nó có thể gây nhiều lo ngại cho hạm đội khi chuyển sang đội hình chiến đấu; nhưng một khi vượt qua được pháo đài này, thì một nửa số pháo của nó trở thành vô tác dụng.

Ở giữa tuyến thứ nhất là *Pháo đài A-léch-xan-đơ* (không phải pháo đài ở đầu phía bắc đảo và đã được chúng tôi nói ở trên kia); đây là một kiến trúc hình cánh cung, xây nên ngay dưới biển ở độ sâu ba hải xa-gien, ở xa 400 i-ác-đơ cách con lạch thu hẹp lại còn nửa dặm. Do đó, pháo đài này không chế được bằng hỏa lực toàn bộ con lạch từ rìa nó đến rìa kia, và nhìn trên bình đồ và bản đồ tuy pháo đài ấy rất nhỏ, vậy mà nó có vừa vận 72 khẩu pháo bố trí thành hai tầng. Nếu như pháo đài hình tháp này được cấu trúc đủ kiên cố, và nếu như hầm ngầm của nó không được thông gió tốt và không ùn khói, thì cần ít nhất là hai tàu chiến loại ba boong để đối phó với nó.

Sau pháo đài này có *Thành cũ*, đây là một lô cốt mà bản thân sự tồn tại của pháo đài mới bao quát được một nửa xạ giới của các khẩu pháo của nó đã chứng minh tính chất kém quan trọng của nó.

Sau hết, cánh trái hoặc cánh nam được hình thành bởi *pháo đài và khẩu đội Ri-xban-cơ* được xây dựng ở phía nam lối vào Bến lớn. Pháo đài này được xây dựng từ thế kỷ trước, đã được hiện đại hoá, cho nên một bộ phận số lượng pháo của nó được bố trí thành hai tầng, còn tổng số pháo lên tới 50 khẩu. Nhưng tuy vậy, nó chiếm một diện tích rộng hơn nhiều so với pháo đài hiện đại, còn phía chính diện của nó, hướng về phía bến tàu, có chiều rộng chừng 300 i-ác-đơ và chịu hỏa lực bắn dọc, một phần là hỏa lực bắn từ khu vực lạch, và chịu toàn bộ hỏa lực bắn từ trận địa mà các tàu chiến có mồm nước nông có thể chiếm ở khu vực có độ sâu 3 - 3,5 hải xa-gien, cách nửa dặm về phía tây. Để bù đắp cho thiếu sót đó, cách 600 i-ác-đơ về phía sau người ta có xây dựng *khẩu đội Ri-xban-cơ*, nhưng vị trí của nó không thích hợp mấy đối với mục đích ấy. Pháo đài Ri-xban-cơ ở cách *pháo đài A-lếch-xan-đơ* đúng một dặm về phía nam, và hai pháo đài ấy yểm hộ lối vào Bến lớn bằng hỏa lực đan chéo.

Bản thân tuyến công sự thứ nhất này không khó đánh chiếm lắm, nếu như nó không được chi viện hỏa lực của tuyến thứ hai, được bố trí ở phía sau. Tuyến thứ hai yểm hộ toàn bộ Bến lớn, cũng như lối vào Bến nhỏ. Nó gồm có hai công sự phòng ngự yểm hộ bên sườn, là *pháo đài Pi-ốt I* (một loại pháo đài mũ kiểu cũ, được xây dựng sơ sài, ở cách pháo đài A-lếch-xan-đơ nửa dặm về phía đông và ở phía chính diện, cách 250 i-ác-đơ nó chỉ có tất cả 24 khẩu pháo), pháo đài *Crôn-slốt* (một pháo đài năm cạnh kiểu cũ, có 5 phía chính diện, trong đó hai chính diện hướng về biển cạn, cho nên vô dụng, tuy đường chéo dài nhất là 400 i-ác-đơ, một số lượng pháo của nó không quá 36 khẩu) và sau hết là tường bảo vệ phía tây của *Thương cảng*, nó nằm ở giữa. Tường này chạy dài quá phạm vi đảo Crôn-stát và chạy dài đến tận con lạch, cùng với con lạch nó tạo thành một góc vuông, ở đây tường đó chỉ rộng có 300 i-ác-đơ. Trên tường có đặt 70 khẩu pháo nòng dài và 12 khẩu cối, nhưng xem ra, một phần đã bị tháo đi, do đó ít có thể cản trở tàu thuyền. Kết hợp với các phía chính diện chủ yếu của pháo đài Pi-ốt I và hai phía chính diện của Crôn-stát, các khẩu pháo của tường này có thể dùng hỏa lực đan chéo để yểm hộ hết sức hiệu quả phía trong của

Bến lớn; do hỏa lực của tuyến thứ nhất và do lạch hẹp, rõ ràng là bất cứ tàu chiến nào, trừ tàu chạy bằng chân vịt, đều hết sức khó lòng chiếm được trận địa tốt với đầy đủ lực lượng.

Tuyến thứ ba trực tiếp yểm hộ Bến nhỏ, hay là Bến trong, được tạo thành ở phía nam lạch bởi phía chính diện thứ ba (phía chính diện đông - bắc) của Crôn-slốt, còn ở phía đông - bắc thì bởi bức tường lũy của *Thương cảng*. *Cảng giữa* và *Quân cảng*. *Quân cảng* cùng với đầu phía đông của *Cảng giữa* tạo thành một góc tù khống chế toàn bộ Bến nhỏ bằng hỏa lực bắn dọc, còn những bức tường phía nam của *Thương cảng* và *Cảng giữa* thì yểm hộ Bến nhỏ bằng hỏa lực chính diện. Ở sườn của hai bức tường đều có một số lô cốt nằm cạnh, của có công sự và những chỗ nhô ra khác. Vì ở đây bề rộng của lạch không có chỗ nào vượt 250 i-ác-đơ, nên trận chiến đấu sẽ hết sức gay go, nhưng không nghi ngờ gì nữa, trước khi tàu chiến có thể vào sâu như vậy, Crôn-stát đã buộc phải đầu hàng rồi.

Pháo đài Men-si-cốp, pháo đài năm cạnh đầu tiên kể từ phía tây, trên bức tường phía nam của *Thương cảng*, là công sự trung tâm của tuyến thứ ba ấy và là công sự duy nhất có thể đem lại lợi ích thực tế vào lúc nào đó. Pháo đài năm cạnh này đã được cải tạo thành một tháp có quy mô đồ sộ, trên đó có 44 khẩu pháo được bố trí thành 4 tầng (tầng nọ ở trên tầng kia), mà một nửa số pháo ấy khống chế, bằng hỏa lực bắn dọc, phần lớn Bến lớn và Bến nhỏ, còn nửa thứ hai hầu như vô dụng do hướng được tạo ra bởi các lỗ châu mai. Câu hỏi vẫn còn được đề nghị là: bốn tầng pháo có quá ư nặng nề đối với cái công trình có một nền móng không kiên cố ấy không?

Cũng cần chỉ rõ rằng về phía đất liền, Crôn-stát được mấy pháo đài năm cạnh chính quy ở phía chính diện yểm hộ, muốn chiếm những pháo đài ấy phải tổ chức vây hãm hết sức cẩn thận; còn nếu chỉ dùng hạm đội làm căn cứ tác chiến để tổ chức vây hãm trên khu đầm lầy của đảo nhỏ, thì sẽ gặp nhiều khó khăn hơn. Chỉ có thể chiếm Crôn-stát từ mặt biển.

Đương nhiên, chúng tôi chỉ có thể mô tả những công sự lâu bền ấy dựa trên những tài liệu về đo đạc địa hình và những báo cáo quân sự gần đây. Mấy năm vừa qua có thể có những thay đổi, nhưng vị tất là những thay đổi lớn.

Chúng tôi tóm tắt lại những điều đã trình bày. Số phận của bất cứ cuộc tấn công nào vào Crôn-stát đều phải được quyết định ở Bến lớn, mà ở khu vực này những công sự duy nhất có thể phản kích hạm đội một cách thành công là các pháo đài A-léch-xan-đơ, Pi-ốt I, Ri-xban-cơ, hai mặt chính diện của pháo đài Crôn-slốt, bức tường phía tây của bến cảng và đồn Men-si-cốp. Tổng cộng lại, những công sự ấy có thể đồng thời sử dụng ³⁵⁰ khẩu pháo bắn vào kẻ địch tấn công, mà phần lớn số pháo ấy đều có tường và nóc xây cuốn yểm hộ chắc chắn và bắn qua những lỗ châu mai hẹp. Những pháo đài khác thì hoặc hướng về những đoạn khác của khu vực tấn công, hoặc không có tác dụng đặc biệt, hoặc là mục tiêu cần bắn lại ở ngoài tầm bắn của chúng. Vấn đề đặt ra như sau:

Liệu có thể cử một số lượng đầy đủ tàu chiến vượt qua con lạch hẹp và phức tạp ấy, để đương đầu với phía chính diện bắc và nam của tuyến phòng ngự và khống chế hỏa lực của chúng được hay không, nếu như bản thân những tàu chiến ấy bị hỏa lực tạt sườn bắn từ các pháo đài Men-si-cốp và Crôn-slốt trên tường lũy của cảng? Có lẽ các chuyên gia hải quân sẽ trả lời được câu hỏi ấy, nếu họ không muốn chờ đợi để cho cuộc sống trả lời. Dựa vào sự hiểu biết có hạn của mình trong lĩnh vực chiến thuật hải quân, chúng tôi có thể cho rằng ở đây chính là trường hợp mà ưu điểm của các tàu chiến chủ lực chạy bằng chân vịt có thể đạt được kết quả mà các tàu chạy bằng buồm và các tàu chạy bằng bánh xe không đạt tới được.

Chúng tôi xin nhắc lại: chỗ yếu nhất của Crôn-stát là những pháo đài cũ kỹ. Chúng ở vào vị trí thuận lợi nhất và chiếm đại bộ phận không gian, nhưng còn xa mới bảo đảm được hiệu quả cần thiết của hỏa lực. Nếu pháo đài Ri-xban-cơ đã được hiện đại hoá, thì pháo đài Pi-ốt I và Crôn-slốt vẫn ở trình độ rất thấp. Có lẽ có thể khá dễ dàng khống chế, thậm chí chiếm lĩnh chúng, và trong trường hợp đó lợi dụng chúng để pháo kích thành phố. Nhưng chỉ cần tàu chiến đột nhập đến ngang pháo đài A-léch-xan-đơ và Ri-xban-cơ, là chúng có thể bắn phá thành phố và gây thiệt hại lớn, nếu sự chú ý của chúng không bị cuốn hút nhiều vào các đồn.

PHỤ LỤC

Chúng tôi tóm tắt lại những điều đã trình bày. Số phận của bất cứ cuộc tấn công nào vào Crôn-stát đều phải được quyết định ở Bến lớn, mà ở khu vực này những công sự duy nhất có thể phản kích hạm đội một cách thành công là các pháo đài A-léch-xan-đơ, Pi-ốt I, Ri-xban-cơ, hai mặt chính diện của pháo đài Crôn-slốt, bức tường phía tây của bến cảng và đồn Men-si-cốp. Tổng cộng lại, những công sự ấy có thể đồng thời sử dụng ³⁵⁰ khẩu pháo bắn vào kẻ địch tấn công, mà phần lớn số pháo ấy đều có tường và nóc xây cuốn yểm hộ chắc chắn và bắn qua những lỗ châu mai hẹp. Những pháo đài khác thì hoặc hướng về những đoạn khác của khu vực tấn công, hoặc không có tác dụng đặc biệt, hoặc là mục tiêu cần bắn lại ở ngoài tầm bắn của chúng. Vấn đề đặt ra như sau:

Liệu có thể cử một số lượng đầy đủ tàu chiến vượt qua con lạch hẹp và phức tạp ấy, để đương đầu với phía chính diện bắc và nam của tuyến phòng ngự và khống chế hỏa lực của chúng được hay không, nếu như bản thân những tàu chiến ấy bị hỏa lực tạt sườn bắn từ các pháo đài Men-si-cốp và Crôn-slốt trên tường lũy của cảng? Có lẽ các chuyên gia hải quân sẽ trả lời được câu hỏi ấy, nếu họ không muốn chờ đợi để cho cuộc sống trả lời. Dựa vào sự hiểu biết có hạn của mình trong lĩnh vực chiến thuật hải quân, chúng tôi có thể cho rằng ở đây chính là trường hợp mà ưu điểm của các tàu chiến chủ lực chạy bằng chân vịt có thể đạt được kết quả mà các tàu chạy bằng buồm và các tàu chạy bằng bánh xe không đạt tới được.

Chúng tôi xin nhắc lại: chỗ yếu nhất của Crôn-stát là những pháo đài cũ kỹ. Chúng ở vào vị trí thuận lợi nhất và chiếm đại bộ phận không gian, nhưng còn xa mới bảo đảm được hiệu quả cần thiết của hỏa lực. Nếu pháo đài Ri-xban-cơ đã được hiện đại hoá, thì pháo đài Pi-ốt I và Crôn-slốt vẫn ở trình độ rất thấp. Có lẽ có thể khá dễ dàng khống chế, thậm chí chiếm lĩnh chúng, và trong trường hợp đó lợi dụng chúng để pháo kích thành phố. Nhưng chỉ cần tàu chiến đột nhập đến ngang pháo đài A-léch-xan-đơ và Ri-xban-cơ, là chúng có thể bắn phá thành phố và gây thiệt hại lớn, nếu sự chú ý của chúng không bị cuốn hút nhiều vào các đồn.

PHỤ LỤC

GIAI CẤP TƯ SẢN ANH³⁴⁸

Do ảnh hưởng tăng lên của các phần tử tư sản ở Anh, đương nhiên người ta có thể nghĩ rằng địa vị trước đây của họ đối với quý tộc sẽ thay đổi dần và những quan hệ hiện tồn tại giữa hai giai cấp ấy trên thực tế sẽ trở thành không thể chấp nhận được nữa. Giả định đó đã được một số sự việc đáng chú ý của 5 năm vừa qua chứng thực. Năm năm trước đây, chủ ngân hàng giàu có Giôn-xơ Lôi-đơ được nâng lên thành quý tộc với tước vị huân tước Ô-vơ-xtôn. Ông ta dùng một bộ phận trong số tài sản kếch sù của mình để mua một lãnh địa lớn ở vùng Noóc-hem-pton. Giai cấp quý tộc, trung thành với chính sách cũ của mình, đã quyết định nhận ông ta vào hàng ngũ họ; nhưng đó không phải vì ông ta là nhà triệu phú, mà là vì ông ta là một đại địa chủ. Nhưng họ đặt ra cho Giôn-xơ Lôi-đơ những điều kiện gì? Ông ta phải cắt đứt mọi quan hệ với hoạt động ngân hàng và thương mại, và Giôn-xơ Lôi-đơ đã tiếp thu những điều kiện ấy. Như thế, rõ ràng là giai cấp quý tộc không thay đổi tí gì quan điểm truyền thống của họ về điều kiện cần có thể trở thành quý tộc. Nhưng phải chăng tất cả đại biểu của *giai cấp tư sản lớp trên* đều dễ dãi như Giôn-xơ Lôi-đơ? chắc là không phải tất cả. Hơn nữa, chúng tôi biết, có trường hợp một quan chức quan trọng trong suốt đời mình đã cự tuyệt danh hiệu quý tộc và cấm các con trai mình nhận danh hiệu ấy sau khi mình chết. Chúng tôi muốn nói đến ví dụ đáng ghi nhớ về ngài Rô-bốt Pin đã quá cố. Là con trai và là người cháu trai của một nhà công nghiệp và chủ xưởng ở Lan-kê-sia, trong những năm cuối đời mình, ông luôn luôn có tham vọng đóng vai lãnh tụ của giai cấp đại tư sản; và tuy ông có thể trở thành quý tộc từ lâu, ông vẫn chọn con đường ở lại làm nghị sĩ thứ nhất ở hạ nghị viện, chứ không muốn chiếm một ghế ở thượng nghị viện và xa rời hoạt động xã hội. Cuộc đời của ông là một bằng chứng đầy sức thuyết phục nói lên rằng trọng tâm của chính quyền là ở tại

nơi nào đó trong nội bộ giai cấp tư sản. Tấm gương về tinh thần cách mạng đó và tiền lệ đó thể hiện ở một điều trong di chúc của ông - nếu xem xét nó dưới ánh sáng của những sự kiện năm 1848 hãy còn sống trong trí nhớ của nhân dân - trong đó Rô-bốt Pin cấm các con mình nhận danh hiệu quý tộc, nếu chúng được người ta tặng do công lao xã hội của bố chúng! Khi lâm chung, ông đã trả thù gay gắt bọn quý tộc thế tập về tất cả những lời chế nhạo mà chúng chồng chất lên ông do nguồn gốc bình dân của ông và làm tổn thương nặng nề tâm hồn nhạy cảm của ông từ khi ông còn là một đứa trẻ mới đến ở Hác-rôi. Huân tước Giôn Rốt-xen cũng noi gương ngài Rô-bốt Pin. Tuy ông là con trai và em trai của các công tước dòng họ Brét-phoóc-đơ và có thể trở thành quý tộc từ lâu, song ông vẫn khước từ điều đó. Nhiều năm sau đó, quyết định của ông đã chịu một cuộc thử thách nặng nề. Chức chủ tịch Hội đồng cơ mật hầu như bao giờ cũng do quý tộc nắm giữ, và trong cuộc cải tổ nội các vừa rồi, khi Rốt-xen nhận chức vụ ấy, mọi người đều tin rằng ông sẽ nhận danh hiệu quý tộc. Nhưng không! Ông thà tiếp tục làm nghị sĩ ở hạ nghị viện, đã từ chối chức vụ mới và ra mắt với cử tri thành phố Luân Đôn và được cử tri nhất trí bầu vào hạ nghị viện. Khi có tin đồn về ngài Uy-li-am, Môn-xơ-uốt nói rằng ông sắp sửa vào thượng nghị viện, thì ông cảm thấy đấy chỉ là sự sỉ nhục đối với ông với tư cách là một nhà hoạt động chính trị và ông cho công bố ý kiến kiên quyết cải chính, tuyên bố rằng ông hoàn toàn không có ý định *tiếp nhận* danh hiệu quý tộc.

Tất cả những cái đó toàn liên quan đến danh hiệu quý tộc. Nhưng người ta có thể cảm thấy rằng danh hiệu hiệp sĩ - vì nó không dẫn việc tiếp xúc với chính quyền - được sử dụng để thỏa mãn bọn mới phát lên xuất thân từ giai cấp tư sản. Việc ngài Giô-dép Pác-xtôn - là người coi vườn chính của công tước Đê-vơ-sia - và ngài Giôn Phốc-xơ, nhà thầu khoán, được nâng lên đẳng cấp ấy có thể được giải thích như vậy. Nhưng danh hiệu hiệp sĩ phải chăng có thể thỏa mãn trong mọi trường hợp lòng tự trọng của giai cấp tư sản? Chắc là không. Kỹ sư Xê-phen-xơn với thái độ khinh bỉ đã cự tuyệt cái danh hiệu hào nhoáng bên ngoài ấy, và cách đây không lâu nhà thầu khoán đường sắt Đéc-ghen đã noi gương ông ta, vì hiển nhiên Đéc-ghen cho rằng việc nhận danh hiệu ấy sẽ đặt ông ta vào một địa vị bị ngạo nhận. Nữ hoàng

đã uống công đến thăm ông ta ở ngôi biệt thự tuyệt vời của ông, - đây là một vinh dự mà trước đây chỉ có các đại biểu của giới quý tộc lớp trên mới được hưởng. Anh chàng thị dân khiêm tốn ấy đã cự tuyệt cúi đầu trước nữ hoàng và nữ hoàng Vích-tô-ri-a nắm lấy tay người công dân cố chấp ấy, tự cho phép mình tuyên bố rằng hiện nay chế độ phong kiến cần đến sự ủng hộ của các thủ lĩnh công nghiệp của thời đại.

Nhưng nếu giai cấp tư sản giành được chút ít quyền lực trong tay quý tộc, thì đương nhiên người ta sẽ đặt câu hỏi là nó sử dụng ảnh hưởng mới giành được như thế nào? Điều đó phải được xem xét không phải theo quan điểm giai cấp, mà phải xét theo lập trường nhân văn rộng rãi hơn. Một vấn đề hết sức quan trọng nảy sinh từ đó là: sự biến đổi ấy sẽ ảnh hưởng trên mức độ như thế nào đến số phận và điều kiện xã hội của hàng triệu người lao động Anh.

Một số nhà chính trị thuộc cái gọi là trường phái tự do kể lể dài dòng về "liên minh của giai cấp tư sản với giai cấp công nhân", nhưng tư tưởng ấy là phi lý và ảo tưởng. Một vực thẳm rộng lớn ngăn cách chủ với thợ, ngăn cách ông chủ với đầy tớ.

Còn về những đày tớ trong nhà, thì châm ngôn gần đây của Tan-pho tự nó đã nói rõ cả rồi:

"Không khỏi đau lòng" - ông ta nói - "khi nghĩ đến điều sau đây: sống bên cạnh chúng ta là những người đàn ông và đàn bà trông nom tiện nghi và nhu cầu của chúng ta, những người thường trú trong nhà chúng ta mà chúng ta lại biết rất ít về *tình cảm và tính cách* của họ, như thể họ là *cư dân của một hành tinh khác*"?

Và để khỏi lầm lẫn "cư dân của hai hành tinh" các bà tư sản, vì quên rằng cách đây không lâu bản thân các bà ấy còn thuộc đẳng cấp bên dưới, đã buộc đầy tớ gái của mình đội "mũ bịt tóc" để đánh dấu nguồn gốc thấp hèn của họ, và hiếm khi cho phép đầy tớ gái ăn mặc đẹp để một chút, sợ rằng không làm như thế thì sẽ mất đi những đặc trưng của người sở hữu, nếu không phải sở hữu *ruộng đất* thì cũng sở hữu *tiền bạc*.

Còn như các loại thợ công nhật, thì quan hệ của họ với chủ là như sau: mọi người đều biết, bọn chủ xí nghiệp đã chống lại dự luật ngày làm việc 10 giờ như thế nào. Đảng To-ri bất mãn về những thiệt hại do

việc huỷ bỏ "các đạo luật về ngũ cốc" vừa rồi gây ra, đã giúp giai cấp công nhân giành được đạo luật đó; nhưng khi đạo luật được thông qua, thì người ta lẩn tránh nó bằng cách sử dụng một cách vô liêm sỉ mọi mảnh lối, thủ đoạn nhỏ nhen và sự phản bội bí mật, điểm này được các báo cáo của các viên thanh tra khu xác nhận. Tại nghị viện, đại biểu của giai cấp tư sản đã dùng những lời hô hét về chủ nghĩa cộng sản để phản ứng trước mọi ý đồ tiếp tục dành cho người lao động những điều kiện sinh sống nhân đạo hơn. Ông Cốp-den đã rất nhiều lần làm như thế. Từ nhiều năm nay, trong các xí nghiệp, mục đích của bọn chủ là kéo dài ngày làm việc ra ngoài mọi giới hạn của sức chịu đựng của con người và hạ thấp tiền công của công nhân lành nghề xuống mức tiền công của công nhân không chuyên môn bằng chế độ hợp đồng vô liêm sỉ và bằng cách đối lập bộ phận công nhân này với bộ phận công nhân khác. Chế độ này, cuối này, đã thúc bách Hội thợ máy liên hợp nổi dậy. Những lời lẽ thô lỗ trở thành hiện tượng thường thấy ở bọn chủ xí nghiệp trong những ngày này chứng tỏ rằng người ta ít có thể trông đợi tình nhân loại ở bọn chúng. Sự dốt nát thô lỗ của chúng còn biểu hiện ở chỗ Hội liên hiệp chủ xí nghiệp đã thuê một nhà văn hạng bét là Xít-ni Xmít, kẻ được nó trao cho trách nhiệm bào chữa cho nó trên báo chí và gây ra cuộc đấu khẩu chống lại những công nhân nổi dậy. Phong cách của tên bồi bút ấy hoàn toàn thích ứng với nhiệm vụ mà hắn phải hoàn thành; khi cuộc chiến đấu kết thúc, bọn chủ xí nghiệp không cần đến tác phẩm văn học, cũng như không cần đến báo chí nữa, chúng đã đá đít kẻ viết thuê cho chúng. Nếu như giai cấp tư sản không đặt mục đích của mình là học một khóa huấn luyện cổ điển, thì điều đó không có nghĩa là nó nghiên cứu các môn khoa học hiện đại và văn học hiện đại. Sổ sách, quầy hàng, hoạt động thương mại - đấy là nền học vấn mà nó cho là đủ rồi. Tuy tốn kém nhiều tiền bạc vào việc giáo dục các cô tiểu thư tư sản, nhưng các cô ấy chỉ tiếp thu được những mẫu "giáo dục trần tục", chứ ở đây không thể nói đến một trình độ trí dục chân chính hoặc đến một sự phong phú của bộ óc về khoa học.

Cả một lớp nhà văn tiểu thuyết hiện đại xuất sắc của nước Anh trong các tác phẩm chói lọi và hùng hồn đã vạch ra cho toàn thế giới nhiều

chân lý chính trị và xã hội, hơn là tất cả các chính khách chuyên nghiệp, các nhà chính luận và các nhà đạo đức học chuyên nghiệp gộp lại, họ đã phân tích đặc điểm của tất cả các tầng lớp trong giai cấp tư sản, từ kẻ thực lợi "hết sức cao thượng" và nhà tư bản - là kẻ cho rằng làm bất cứ việc gì cũng đều là điều tầm thường - cho đến người tiểu thương và anh viên chức nhỏ trong phòng giấy luật sư. Đích-ken-xơ và Tếch-kê-rây, cô Brôn-tơ và bà Ga-xken đã mô tả họ như thế nào? Như những con người hoàn toàn trợ phụ, giả nhân giả nghĩa, chuyên quyền và dốt nát; còn thế giới văn minh thì đã xác nhận lời tuyên án ấy bằng một bài thơ châm biếm tàn khốc: "họ cúi đầu bợ đỡ trước những kẻ cao hơn họ, và họ đối xử như những tên bạo chúa với người ở dưới họ".

Sự tù túng và sự hạn chế của cái phạm vi trong đó họ quay cuồng, đã được bắt nguồn, trên mức độ nhất định, từ cái chế độ xã hội mà họ là một bộ phận nhỏ. Giống như giai cấp quý tộc Nga, một mặt, cảm thấy sự áp bức của Nga hoàng ở bên trên, nhưng mặt khác, lại cảm thấy sợ hãi trước khối quần chúng bị nô dịch ở bên dưới, - giống như vậy, giai cấp tư sản Anh bị kẹp giữa một bên là giai cấp quý tộc và một bên là giai cấp công nhân. Từ khi ký bản hòa ước năm 1815, mỗi lần giai cấp tư sản muốn đứng lên chống lại giai cấp quý tộc, thì họ đều làm cho giai cấp công nhân tin rằng nguyên nhân nỗi thống khổ của giai cấp công nhân là đặc quyền hoặc độc quyền nào đó của giai cấp quý tộc. Bằng cách đó giai cấp tư sản đã kích động giai cấp công nhân giúp nó, vào năm 1832, giành lấy đạo luật cải cách, nhưng từ khi giành được *cho mình* đạo luật ấy, nó lại cự tuyệt không để cho giai cấp công nhân dành cho bản thân mình đạo luật tương tự; hơn nữa, năm 1848, nó đã tự vũ trang bằng cây gậy cảnh sát đặc biệt để chống lại giai cấp công nhân. Sau đó, việc huỷ bỏ luật ngũ cốc được tuyên bố là liều thuốc tiên đối với mọi sự thống khổ của giai cấp công nhân. Tuy đã giành được điều đó trong tay giai cấp quý tộc, nhưng "thời hoàng kim" chưa đến, và năm ngoái, dường như để loại trừ khả năng cuối cùng lấp lại trong tương lai một chính sách tương tự, giai cấp quý tộc buộc phải đồng ý thi hành thuế đối với bất động sản kế thừa, mà năm 1793 giai cấp quý tộc ấy đã tự miễn cho mình thứ thuế ấy một cách ích kỷ, biến bất động sản ấy thành động sản kế thừa. Cùng với cái đặc quyền cuối cùng

không đáng kể ấy của giai cấp quý tộc, cũng mất đi cả khả năng cuối cùng lừa gạt giai cấp công nhân bằng cách làm họ tin rằng nguyên nhân của tình cảnh nghèo khổ của họ là chế độ lập pháp do giai cấp quý tộc đặt ra. Giai cấp công nhân hiện nay đã mở to mắt, nó bắt đầu nói: "Xanh- Pê-téc-bua của chúng ta là ở Pre-xton!". Thật vậy, trong tám tháng vừa qua, thành phố này đã chứng kiến những sự kiện lạ lùng: đội quân thường trực gồm 14000 đàn ông và đàn bà, được sự ủng hộ vật chất của những người theo chủ nghĩa công liên và của các công nhân công xưởng khắp nơi trong Vương quốc liên hợp, đã bắt đầu cuộc đấu tranh xã hội vĩ đại, giành chính quyền và chống lại bọn tư bản, còn bọn tư bản ở Pre-xton, thì đến lượt chúng, chúng lại được sự giúp đỡ của bọn tư bản ở Lan-kê-si-a.

Trong tương lai, cuộc đấu tranh xã hội ấy dù mang hình thức mới mẻ gì đi nữa, thì chúng ta cũng mới chỉ trông thấy bước đầu của nó mà thôi. Xem ra, nó nhất định trở thành cuộc đấu tranh trên phạm vi cả nước và sẽ trải qua những giai đoạn mà lịch sử chưa biết tới. Cần chú ý rằng tuy giai cấp công nhân còn có thể vấp phải những thất bại tạm thời, nhưng đã bắt đầu thấy sự tác động của những quy luật xã hội và những quy luật kinh tế vĩ đại bảo đảm thắng lợi cuối cùng của nó. Chính sự phát triển của công nghiệp đã từng thúc bách giai cấp tư sản chống lại giai cấp quý tộc, thì giờ đây - quá trình di dân đang và sẽ góp phần vào đó - đang thúc đẩy giai cấp công nhân đứng lên chống lại giai cấp tư sản. Giống như giai cấp tư sản đánh vào giới quý tộc, giai cấp tư sản ấy cũng sẽ chịu những đòn giáng của giai cấp công nhân. Sự hiểu biết theo bản năng về thực tế ấy đã ràng buộc hành động của giai cấp tư sản quý tộc. Những hoạt động đấu tranh chính trị cách đây không lâu của giai cấp công nhân đã dạy cho giai cấp tư sản biết thù ghét phong trào chính trị công khai và sợ hãi phong trào ấy. Nói theo cách nói riêng của giai cấp tư sản, thì "thưa ngài, những người đứng đắn không tham gia vào phong trào đó". Tầng lớp trên của giai cấp tư sản bất chước - như khi bất chước - lối sống của giai cấp quý tộc và ra sức làm thân với nó. Do đó, ở Anh chế độ phong kiến sẽ không diệt vong, mà sẽ được bảo tồn dưới sự che chở của giai cấp tư sản đã bắt đầu thối nát. Vinh dự giành thắng lợi cuối cùng đối với chủ nghĩa

phong kiến sẽ thuộc về giai cấp công nhân. Khi thời cơ chín muồi, thì trên vũ đài đấu tranh chính trị sẽ công khai xuất hiện ba giai cấp hùng mạnh đối địch nhau: giai cấp thứ nhất trong số đó sẽ đại biểu cho chế độ chiếm hữu ruộng đất, giai cấp thứ hai đại biểu cho tiền bạc, giai cấp thứ ba đại biểu cho lao động. Cũng như giai cấp thứ hai chiến thắng giai cấp thứ nhất, đến lượt mình giai cấp thứ hai cũng sẽ phải nhường chỗ cho người kế thừa nó trên vũ đài đấu tranh chính trị và xã hội.

*Đã đăng làm xã luận trên tờ "New-York
Daily Tribune" số 4145, ngày 1 tháng
Tám 1854*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Anh
In toàn văn bằng tiếng Nga lần đầu*

CHÚ THÍCH

- 1 Ph.Ăng-ghen viết bài "Cuộc chiến tranh châu Âu" nhân việc hạm đội Anh - Pháp tiến vào Hắc Hải đêm ngày 3 rạng ngày 4 tháng Giêng 1854. Trước sự kiện này, Thổ Nhĩ Kỳ đã tuyên chiến với Nga vào tháng Mười 1853 sau khi quân đội Nga chiếm các công quốc thuộc vùng sông Đa-nuýp (tháng Sáu 1853); trận đánh lớn đầu tiên giữa quân Nga và quân Thổ Nhĩ Kỳ đã xảy ra ở gần Ôn-tê-nít-sa ngày 4 tháng Mười một (23 tháng Mười) 1853 (xem chú thích 31); tiếp theo đó là các tàu chiến Nga tiêu diệt phân hạm đội Thổ Nhĩ Kỳ trong trận hải chiến ở gần Xi-nô-pơ ngày 30 (18) tháng Mười một 1853. Sự xuất hiện của hạm đội Anh - Pháp ở Hắc Hải trên thực tế có nghĩa là sự mở đầu của hành động quân sự của Pháp và Anh chống lại Nga.

Bài "Cuộc chiến tranh châu Âu" là một trong nhiều bài bình luận quân sự mà Ăng-ghen viết, theo yêu cầu của Mác, cho tờ báo Mỹ "New-York Daily Tribune" ("Diễn đàn Niu Ốc hàng ngày") xuất bản từ năm 1841 đến năm 1924. Tờ báo này, do nhà báo Mỹ nổi tiếng Hô-ra-xơ Gri-li sáng lập, cho đến giữa năm 50 của thế kỷ XIX là cơ quan ngôn luận của cánh tả đảng Vích ở Mỹ, về sau trở thành cơ quan của đảng cộng hoà. Trong những năm 40-50, tờ báo này đứng trên lập trường tiến bộ và phản đối chế độ nô lệ. Nhiều nhà văn và nhà báo lớn của Mỹ đã tham gia tờ báo, một trong những tổng biên tập của nó vào cuối những năm 40 là Sác-lơ Đa-na, một nhân vật chịu ảnh hưởng của tư tưởng xã hội chủ nghĩa không tưởng. Sự cộng tác của Mác với tờ "New-York Daily Tribune" bắt đầu từ tháng Tám 1851 và kéo dài trên 10 năm, cho đến tháng Ba 1862; phần lớn các bài gửi cho tờ báo này là do Ăng-ghen viết theo yêu cầu của Mác. Những bài của Mác và Ăng-ghen viết cho tờ "New-York Daily Tribune" bao gồm những vấn đề quan trọng nhất về chính trường quốc tế và chính trường trong nước, về phong trào công nhân, về quá trình phát triển kinh tế của các nước châu Âu, về sự bành trướng thuộc địa, về phong trào giải phóng dân tộc ở các nước bị áp bức và phụ thuộc, v.v.. Trong thời kỳ thế lực phản động ngự trị ở châu Âu, Mác và Ăng-ghen đã lợi dụng tờ báo Mỹ phát hành rộng rãi ấy để bóc trần, trên cơ sở những tài liệu cụ thể, tệ đoan của xã hội tư bản chủ nghĩa, những mâu thuẫn không thể điều hòa vốn có của nó, cũng như để chỉ rõ tính chất hạn chế của nền dân chủ tư sản.

Ban biên tập của tờ "New-York Daily Tribune" nhiều khi xử lý tùy tiện đối với các bài Mác gửi đến, đăng một số bài không có chữ ký của tác giả để dùng làm xã luận của ban biên tập và tự ý sửa chữa nguyên bản. Vì vậy những bài có ý nghĩa nhất và quan trọng nhất đã được đăng trên tờ báo ấy không có chữ ký của Mác. Mác đã nhiều lần phản đối hành động đó của ban biên tập. Cuối tháng Ba 1854, Mác kiên quyết yêu cầu ban biên tập hoặc chỉ đăng

những bài bình luận quân sự làm xã luận, hoặc là đăng không ký tên tất cả các tài liệu Mác gửi đến. Ban biên tập tờ "Tribune" bắt đầu sử dụng một cách có hệ thống những bài bình luận quân sự, mà phần lớn do Ăng-ghe-n viết, làm xã luận. Mùa thu năm 1854, hầu hết các bài do Mác gửi đến đều đăng không ký tên và nhiều bài trong đó được đăng làm xã luận.

Từ mùa thu năm 1857, do cuộc khủng hoảng kinh tế ở Mỹ - cuộc khủng hoảng này cũng ảnh hưởng đến tình hình tài chính của tờ báo - ban biên tập đề nghị với Mác rút bớt bài gửi cho báo. Sự cộng tác của Mác với tờ báo này đã hoàn toàn chấm dứt từ đầu cuộc Nội chiến ở Mỹ; sự tăng thêm trong ban biên tập những phần tử tán thành thỏa hiệp với các bang có chế độ nô lệ và việc tờ báo xa rời lập trường tiến bộ đã có tác dụng quan trọng đối với sự cắt đứt quan hệ giữa tờ "New-York Daily Tribune" với Mác. -9.

- 2 Mác muốn nói đến chính sách của Chính phủ Pháp, chính phủ này trong thời kỳ Na-pô-lê-ông Bô-na-pác-tơ tiến vào I-ta-li-a năm 1796 - 1799 đã lợi dụng phong trào cộng hòa và giải phóng dân tộc của nhân dân I-ta-li-a chống ách áp bức của Áo để lập ra một loạt quốc gia ở I-ta-li-a mà trên thực tế phụ thuộc vào Pháp; một số khu vực của I-ta-li-a trực tiếp bị sáp nhập vào Pháp. -10.

- 3 Đây muốn nói đến sự diệt vong của nước Cộng hòa La Mã và sự khôi phục quyền thế tục của giáo hoàng hồi tháng Bảy 1849 do kết quả của cuộc can thiệp của Pháp được thực hiện theo quyết định của chính phủ của Lu-i Bô-na-pác-tơ.

Lu-i Bô-na-pác-tơ nhằm vào Na-pô-lê-ông Luy-xiêng Sác-lơ Mui-ra, con trai nguyên soái của Na-pô-lê-ông là I-ô-a-sim Mui-ra, nguyên là vua Na-plơ năm 1808 - 1815, để làm người tranh ngôi vua vùng Na-plơ. -10.

- 4 Trong thời kỳ chiến tranh giành quyền kế thừa ngôi vua Ba-vi-e (1778 - 1779) giữa Áo và Phổ, thì Phổ đã trông đợi sự viện trợ của Chính phủ Nga hoàng, do vậy đã tránh những trận quyết chiến. Điều đó đã tăng cường vị trí của Nga, kẻ đã đứng ra làm trọng tài khi ký hòa ước và được quyền can thiệp vào công việc nội bộ của Hiệp bang Đức. Liên minh phòng thủ ký kết sau đó (năm 1780) giữa Nga và Áo đã giáng một đòn hết sức nặng nề vào toàn bộ kế hoạch của Phổ.

Năm 1800, trong thời kỳ chiến tranh Áo - Pháp, Phổ mưu toan chiếm lấy vai trọng tài, nhưng kết quả là bản thân Phổ bị cô lập.

Năm 1805, trong thời kỳ nổ ra cuộc chiến tranh của liên minh tay ba (Áo, Anh và Nga) chống nước Pháp Na-pô-lê-ông, Phổ ngồi chờ tiến trình phát triển của sự kiện, giữ lập trường trung lập. Sau khi liên minh bị đánh tan, quân đội của Na-pô-lê-ông đã đánh tan cả Phổ vào năm 1806. -11.

- 5 *Nuốt lạc đà và khạc ra muối* là một ngụm ngữ Anh lấy từ kinh thánh, ý nói chú ý việc nhỏ quên việc chính. -11.

- 6 *Pháo Péc-xan* là pháo nòng dài dùng trong hải quân, do tướng Pháp Péc-xan phát minh năm 1822; bắn đạn phá. -12.

- 7 Việc quân Phổ bị tiêu diệt ở I-ê-na ngày 14 tháng Mười 1806 đem lại hậu quả là sự đầu hàng của phổ trước nước Pháp của Na-pô-lê-ông và cho thấy rõ tất cả sự thối nát của chế độ chính trị - xã hội của vương triều phong kiến Hô-hen-txô-léc. -13.

- 8 Sau thất bại của cách mạng Hung-ga-ri năm 1848 - 1849, Cô-sút và những người ủng hộ ông đem cất giấu ở vùng Oóc-sô-va các biểu chương của quốc vương Xtê-phan trong đó có chiếc vương miện mà các hoàng đế Áo sử dụng khi thụ phong làm quốc vương Hung-ga-ri. Ngày 8 tháng Chín 1853, Chính phủ Áo phát hiện nơi cất giấu, do đó đã lan truyền nhiều tin đồn rằng người nào đó đã tiết lộ địa điểm cất giấu vật báu. Ngày 19 tháng Mười 1853, ban biên tập tờ "New-York Daily Tribune", căn cứ vào ý kiến của phóng viên của mình ở Luân Đôn là A. Pun-xki, đã đổ tội oan cho nhà cách mạng Hung-ga-ri B. Xê-me-rô làm việc ấy.

Đoạn đầu bài này được in bằng tiếng Nga lần đầu. -15.

- 9 *Nội các của những tài năng* là tên gọi châm biếm đối với nội các liên hiệp A-béc-đin (1852 - 1855), trong đó có đại biểu đảng Vích và phái Pin. Sự tồn tại của nội các ấy trong điều kiện đảng cầm quyền và đảng To-ri đối lập có số ghế ngang nhau trong hạ nghị viện, đã phụ thuộc vào sự ủng hộ của cái gọi là tập đoàn Ai-rơ-len, tức là nhóm nghị sĩ Ai-rơ-len trong nghị viện Anh gồm trên 60 người. Khi thành lập nội các, A-béc-đin đã giao chức bộ trưởng cho ba nghị sĩ Ai-rơ-len, do đó gây ra sự chia rẽ của tập đoàn Ai-rơ-len (xem chú thích 116). -16.

- 10 Ngày 6-9 tháng Giêng 1854, do giá lương thực cao vọt, ở một số thành phố ở Đê-vôn-sia đã nổ ra những lần sòng cướp lương thực, trong những ngày sau đó, làn sóng này lan rộng hầu như khắp quận. Tham gia vào các vụ cướp lương thực này chủ yếu là phụ nữ và trẻ em, họ đã đập phá các cửa hàng lương thực. Làn sóng này đã bị đàn áp bằng lực lượng vũ trang. -16.

- 11 "La Patrie" ("Tổ quốc") là một tờ nhật báo Pháp được lập ra vào năm 1841; năm 1850 báo này phản ánh lợi ích của phái quân chủ liên hợp, tức cái gọi là đảng trật tự, sau cuộc chính biến ngày 2 tháng Chạp 1851 nó trở thành tờ báo của phái Bô-na-pác-tơ. -16.

- 12 Có ý nói đến thông điệp của Anh, Pháp, Áo và Phổ, do đại sứ của bốn cường quốc ấy ở Công-xtăng-ti-nô-plơ ký ngày 12 tháng Chạp 1853 và được trao cho Thổ Nhĩ Kỳ ngày 15 tháng Chạp 1853. Bốn cường quốc ngỏ ý với Chính phủ Thổ Nhĩ Kỳ sẵn sàng làm trung gian để khôi phục hòa bình giữa Nga và Thổ Nhĩ Kỳ, đưa ra những điểm quan trọng nhất sau đây làm cơ sở đàm phán: quân Nga rút khỏi các công quốc thuộc vùng sông Đa-nuýp, khôi phục hiệu lực của các hiệp ước trước đây giữa Nga và Thổ Nhĩ Kỳ, bảo đảm bằng sắc lệnh các quyền lợi đặc biệt của tín đồ Cơ Đốc giáo ở Thổ Nhĩ Kỳ. -16.

- 13 Đây muốn nói đến công ước Luân Đôn về các eo biển Hắc Hải ký ngày 13 tháng Bảy 1841 giữa một bên là Nga, Anh, Pháp, Áo, Phổ với một bên là Thổ Nhĩ Kỳ. Công ước quy định rằng trong thời bình cấm các tàu chiến của tất cả các cường quốc đi qua các eo biển Bô-xpho và Đắc-da-nen. Công ước thủ tiêu Hiệp ước Un-ki-ác-I-xkê-lê-xi năm 1833 có lợi cho Nga. -17.

- 14 "The Times" ("Thời báo") là tờ nhật báo lớn nhất ở Anh theo xu hướng bảo thủ; được sáng lập ở Luân Đôn năm 1785. -17.

- 15 "The Standard" ("Ngon cờ") là tờ nhật báo Anh theo xu hướng bảo thủ, được sáng lập ở Luân Đôn năm 1827. -17.
- 16 "The Morning Chronicle" ("Tin buổi sáng") là tờ nhật báo tư sản Anh, xuất bản ở Luân Đôn từ năm 1770 đến năm 1862; cơ quan ngôn luận của đảng Vích, đầu những năm 50 là cơ quan ngôn luận của phái Pin, rồi của đảng bảo thủ. -18.
- 17 "The Daily News" ("Tin tức hằng ngày") là tờ báo của phái tự do Anh, cơ quan ngôn luận của giai cấp tư sản công nghiệp; xuất bản ở Luân Đôn dưới tên gọi ấy từ năm 1846 đến năm 1930. -18.
- 18 "The Press" ("Báo chí") là tờ tuần báo Anh, cơ quan ngôn luận của đảng To-ri; xuất bản ở Luân Đôn từ năm 1853 đến năm 1866. -18.
- 19 Đây muốn nói đến điều khoản bí mật của hiệp ước hữu nghị và phòng thủ chung Nga - Thổ Nhĩ Kỳ, được ký ở Un-ki-ác-I-xkê-lê-xi ngày 8 tháng Bảy (26 tháng Sáu) 1833; theo điều khoản này, Thổ Nhĩ Kỳ thực tế có nghĩa vụ căn cứ vào yêu cầu của Nga mà cấm tàu chiến nước ngoài vào Hắc Hải. -18.
- 20 "Neue Preussische Zeitung" ("Báo Phổ mới") là tờ nhật báo Đức cực kỳ phản động, bắt đầu xuất bản ở Béc-lin từ tháng Sáu 1848; là cơ quan ngôn luận của bọn gian thần cung đình phản cách mạng và của bọn gioong-ke Phổ. Tờ báo này cũng được gọi bằng cái tên "Kreuz-Zeitung" ("Báo chữ thập") vì đầu tờ báo có in hình chữ thập. -18.
- 21 Nhà chính luận và nhà ngoại giao trước đây của Anh Đa-vít Uốc-các-tơ từ đầu những năm 30 của thế kỷ XIX đã công bố trên tạp chí "Portfolio" của mình (xem chú thích 40) và dưới hình thức các tập sách nhỏ, những văn kiện về hoạt động ngoại giao bí mật của các cường quốc châu Âu, trong đó có một loạt văn kiện vạch trần hoạt động ngoại giao của Pan-móc-xtơn, kẻ lãnh đạo thực tế chính sách đối ngoại của Anh trong nhiều năm.

Mác là người đấu tranh không mệt mỏi nhằm vạch trần hoạt động ngoại giao bí mật của các giai cấp thống trị; năm 1853 trong một loạt bài vạch mặt "Huân tước Pan-móc-xtơn" (xem C.Mác và Ph. Ăng-ghe-n, Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 1993, t.9, tr 453-537), ngoài những nguồn tài liệu khác, Mác đã sử dụng những văn kiện mà Uốc-các-tơ công bố. Mặt khác, một số bài của Mác về Pan-móc-xtơn đã được Uốc-các-tơ in lại thành những tập sách nhỏ. Đồng thời Mác đã gay gắt phê phán Uốc-các-tơ và kiên quyết bác bỏ những lời vu khống của báo chí tư sản nói rằng Mác là "phần tử theo Uốc-các-tơ". Mác thường xuyên nhấn mạnh sự khác nhau về nguyên tắc giữa lập trường của mình với lập trường Uốc-các-tơ. Trong khi Uốc-các-tơ yêu cầu duy trì và củng cố Đế quốc Thổ Nhĩ Kỳ phong kiến, thì Mác và Ăng-ghe-n ra sức chủ trương giải quyết cái gọi là vấn đề phương Đông bằng con đường cách mạng và cho rằng cần phải trao trả độc lập dân tộc cho các dân tộc Xla-vơ và các dân tộc khác sống dưới ách áp bức của Thổ Nhĩ Kỳ. Trong một loạt bài đăng trong tập này (xem tr.289 và v.v.), Mác vạch rõ bản thân Uốc-các-tơ là một phần tử phản động, sợ cách mạng hơn hết, là một con người căn bản tách khỏi chính

- đảng vô sản - chính đảng duy nhất có thể loại trừ cái nền tảng nghị viện thối nát của tập đoàn thống trị ở nước Anh. -18.
- 22 Muốn nói đến việc Pan-móc-xtơn từ chức bộ trưởng Bộ nội vụ trong một thời gian ngắn ngủi (16-24 tháng Chạp 1853). Pan-móc-xtơn dùng biện pháp mị dân ấy hòng trở lại cầm quyền với cương vị thủ tướng (xem bài "Sự từ chức của Pan-móc-xtơn" của C. Mác trong C.Mác và Ph.Ăng-ghe-n, Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 1993, t.9, tr 712-716). -24.
- 23 Bài "Cuộc chiến tranh ở phương Đông" do Mác viết riêng cho tờ "Zuid Afrikaan" ("Người Nam Phi") xuất bản ở Cáp-stát (Cây-pơ-tao) và được xuất bản đồng thời bằng tiếng Anh và tiếng Hà Lan. Mác nhận được lời mời cộng tác với tờ báo ấy vào tháng Chạp 1853 qua em rể là I. K. I-út. Trong ba bài Mác gửi đến chỉ có một bài được đăng. -25.
- 24 Tin tức về việc quân Thổ Nhĩ Kỳ bắn chìm tàu chiến chủ lực "Rô-xti-xláp" của Nga được đăng trên tờ "Times" ngày 9 tháng Giêng 1854. Theo tài liệu chính thức của Nga ("Báo cáo của P. X. Na-khi-mốp gửi A. X. Men-si-cốp về trận hải chiến Xi-nô-pơ" và "Bản kê khai thiệt hại của các hạm tàu thuộc phân hạm đội P. X. Na-khi-mốp trong trận Xi-nô-pơ") thì sau trận Xi-nô-pơ, tàu "Rô-xti-xláp" đã an toàn trở về bến cảng Xê-va-xtô-pôn để sửa chữa. -28.
- 25 Đây muốn nói đến một trong những mưu toan hợp nhất phái chính thống gồm những người ủng hộ chi trưởng của triều đại Buốc-bông ở Pháp với phái Ốc-lê-ăng gồm những người ủng hộ chi thứ của triều đại này, vụ mưu toan này được thực hiện vào năm 1850 sau khi Lu-i Phi-líp chết. Vào cuối năm 1853 đã có cuộc gặp mặt giữa bá tước Săm-bo, người có tham vọng lên ngôi vua và thuộc phái chính thống, với công tước Nê-muốc-xơ, đại biểu của phái Ốc-lê-ăng, tiếp đó vào năm 1854 Săm-bo đã đến thăm vợ goá của Lu-i Phi-líp. -32.
- 26 "*Entente cordiale*" ("Sự hòa thuận thành tâm") là câu nói được quen dùng hồi thế kỷ XIX để biểu thị sự gần gũi giữa Pháp và Anh sau cuộc Cách mạng tháng Bảy 1830. Tuy có "entente cordiale", trong những năm 30, cũng như thời gian sau đó, mâu thuẫn Anh - Pháp đã nhiều lần trở nên sâu sắc thêm trên một loạt vấn đề quốc tế, trong đó có vấn đề phương Đông. -32.
- 27 Đây muốn nói đến nghị định thư ký ngày 5 tháng Chạp 1853 tại hội nghị Viên giữa đại biểu của Anh, Pháp và Phổ với bộ trưởng Bộ ngoại giao Áo Bu-ôn. Trong nghị định thư này, cũng như trong những công hàm tiếp theo, bốn cường quốc đã ngỏ ý đứng làm trung gian để giải quyết xung đột giữa Nga và Thổ Nhĩ Kỳ.
- Bức thư ngày 12 tháng Chạp 1853 - mà Mác nhắc tới - của các đại sứ Pháp và Anh ở Công-xtăng-ti-nô-pơ gửi bộ trưởng Bộ ngoại giao Thổ Nhĩ Kỳ Rê-sít-pa-sa chỉ rõ rằng sự xuất hiện của hạm đội Pháp và Anh ở Bô-xpho là bằng chứng về nguyên vọng hữu nghị của Chính phủ Anh và Pháp đối với Thổ Nhĩ Kỳ, và trong trường hợp Chính phủ Nga hoàng cho quân đổ bộ lên lãnh thổ Thổ Nhĩ Kỳ thì hạm đội của các cường quốc ấy sẽ đứng ra bảo vệ Đế quốc Ốt-tô-man. -32.

28 Theo *Hiệp ước Quy-súc - Cai-nắc-gia* (năm 1774), Nga được một phần khu vực bờ biển phía bắc Hắc Hải giữa Nam Búc và Đni-e-prơ với cứ điểm Kin-bua, cũng như các thành phố A-dốp, Kéc-sơ và Ê-ni-ca-lơ và đạt được sự thừa nhận quyền độc lập của Crum. Tàu buôn Nga được quyền tự do đi qua Bô-xphơ và Đắc-da-nen. Theo hiệp ước, vua Thổ Nhĩ Kỳ phải ban nhiều đặc quyền cho giáo hội chính thống, trong đó điều 14 quy định xây dựng nhà thờ đạo Chính thống ở Công-xtăng-ti-nô-plơ.

Theo *Hiệp ước A-đri-a-nô-pôn* (năm 1829) thì cửa sông Đa-nuýp với các hòn đảo và đại bộ phận bờ biển phía đông Hắc Hải về phía nam cửa sông Cu-ban đều thuộc về Nga. Theo hiệp ước này, Thổ Nhĩ Kỳ phải thừa nhận quyền tự trị của Môn-đa-vi-a và Va-la-ki, trao cho họ quyền tự bầu quốc vương của mình. Nga được trao trách nhiệm bảo đảm quyền tự trị đó, điều đó có nghĩa là xác lập sự bảo hộ của Nga hoàng đối với những công quốc này. Chính phủ Thổ Nhĩ Kỳ cũng phải thừa nhận Hy Lạp là một nước độc lập và hợp pháp hóa bằng sắc lệnh nền tự trị của Xéc-bi.

Theo *Hiệp ước Un-ki-ác-I-xkê-lê-xi* (năm 1833) Nga và Thổ Nhĩ Kỳ có nghĩa vụ giúp đỡ nhau khi xảy ra chiến tranh với bất cứ nước nào khác. Về điều khoản bí mật của hiệp ước, - xem chú thích 19. -33.

29 "*Augburger Zeitung*" ("Báo Au-xbuốc") là tên gọi mà người ta dùng để gọi tờ nhật báo phản động Đức "*Allgemeine Zeitung*" ("Báo phổ thông") được lập ra năm 1798; từ năm 1810 đến năm 1882 tờ báo được xuất bản ở Au-xbuốc. -37.

30 Quân hậu bị là một bộ phận của lực lượng vũ trang Phổ gồm những người cao tuổi nhưng còn trong diện phải làm nghĩa vụ quân sự và đã hết hạn phục vụ trong quân đội thường trực và quân dự bị. Theo luật pháp của Phổ, thì chỉ có thể trưng tập quân hậu bị khi có chiến tranh. -41.

31 Ngày 1 tháng Mười một (20 tháng Mười) 1853, quân Thổ Nhĩ Kỳ từ Tước-tu-cai (hữu ngạn sông Đa-nuýp) vượt sông sang một hòn đảo, từ đó uy hiếp trạm kiểm dịch Ôn-tê-nít-sa do quân Nga chiếm lĩnh. Sau đó, lợi dụng sự án binh bất động của tướng Đan-nen-béc-gơ, viên chỉ huy của một quân đoàn của quân Nga phòng thủ sông Đa-nuýp, quân Thổ Nhĩ Kỳ từ hòn đảo vượt sang tả ngạn sông Đa-nuýp, chiếm trạm kiểm dịch Ôn-tê-nít-sa và thiết lập công sự đầu cầu vững chắc được sự yểm hộ của pháo binh bố trí trên đảo và ở hữu ngạn. Ý đồ của quân Nga dự tính ngày 4 tháng Mười một (23 tháng Mười) đánh bật quân Thổ Nhĩ Kỳ ra khỏi các vị trí vừa bị chiếm, đều đã kết thúc thất bại. -44.

32 Đây là nói về công hàm của bốn cường quốc trao cho Thổ Nhĩ Kỳ ngày 15 tháng Chạp 1853 (xem chú thích 12). Trong công hàm trả lời ngày 31 tháng Chạp 1853, Thổ Nhĩ Kỳ đã đưa ra những điều kiện làm cơ sở để Thổ Nhĩ Kỳ đồng ý tiến hành đàm phán hòa bình với sự trung gian của Anh, Áo, Pháp và Phổ: 1) duy trì và bảo đảm toàn vẹn lãnh thổ của Thổ Nhĩ Kỳ, 2) quân Nga rút khỏi các công quốc thuộc vùng sông Đa-nuýp, 3) khôi phục và tuân thủ hiệp ước năm 1841, 4) tôn trọng chủ quyền của vua Thổ Nhĩ Kỳ. Những điều kiện đó đã được tán

thành tại hội nghị Viên mới của các đại sứ họp này 13 tháng Giêng 1854, rồi được chuyển cho Chính phủ Nga hoàng. -46.

33 Đây muốn nói đến yêu cầu mà Men-si-cốp thay mặt Chính phủ Nga hoàng đưa ra với Thổ Nhĩ Kỳ trong thời gian ông ta ở Công-xtăng-ti-nô-plơ với tư cách đặc sứ (28 tháng Hai - 21 tháng Năm 1853). Nga hoàng đòi thừa nhận quyền bảo hộ của Nga hoàng đối với tất cả thần dân Thổ Nhĩ Kỳ theo đạo Chính thống và cố gắng đạt cho được việc thể thức hóa điều đó bằng một hiệp ước ngoại giao tương ứng. -47.

34 "*The Spectator*" ("Khán giả") là một tờ tuần báo Anh theo xu hướng tự do chủ nghĩa, xuất bản ở Luân Đôn từ năm 1828. -49.

35 Mác đã sử dụng những tài liệu rút từ tờ tuần báo của phái Hiến chương "The People's Paper" ("Báo nhân dân") số ra ngày 21 tháng Giêng 1854 để nhận định về cuộc vận động chống lại An-be, hoàng thân và là chồng nữ hoàng.

"*People's Paper*" là tờ báo do E. Giôn-xơ, một trong những lãnh tụ của phái Hiến chương cách mạng, bạn của Mác và Ăng-ghe-n, sáng lập ở Luân Đôn vào tháng Năm 1852. Mác và Ăng-ghe-n đã viết bài và giúp đỡ công tác biên tập của tờ báo ấy từ tháng Mười 1852 đến tháng Chạp 1856. Ngoài những bài mà Mác và Ăng-ghe-n viết riêng cho tờ báo "People's Paper", báo này còn đăng lại những bài quan trọng nhất của hai ông đã đăng trên tờ "New-York Daily Tribune". Trong thời kỳ này, "People's Paper" đã bảo vệ triệt để lợi ích của giai cấp công nhân và tuyên truyền tư tưởng xã hội chủ nghĩa. Sự gần gũi của Giôn-xơ với phái cấp tiến tư sản đã làm cho Mác và Ăng-ghe-n ngừng cộng tác với tờ "People's Paper" và đưa đến sự cắt đứt nhất thời của hai ông với Giôn-xơ. Tháng Sáu 1858, tờ báo đã chuyển sang tay bọn tư sản kinh doanh. -49.

36 "*The Morning Advertiser*" ("Người đưa tin buổi sáng") là một tờ nhật báo Anh, được sáng lập ở Luân Đôn năm 1794; trong những năm 50 của thế kỷ XIX là cơ quan ngôn luận của giai cấp tư sản cấp tiến. -50.

37 Ở đây muốn nói đến bản tuyên bố của Thụy Điển và Đan Mạch (tháng Chạp 1853) về thái độ trung lập trong trường hợp có chiến sự ở biển Ban-tích. -53.

38 *Trường phái Man-se-xơ* là một xu hướng trong tư tưởng kinh tế ở Anh, nó phản ánh lợi ích của giai cấp tư sản công nghiệp. Những người theo xu hướng này, phái mậu dịch tự do, chủ trương mậu dịch tự do và nhà nước không can thiệp vào đời sống kinh tế. Trung tâm cổ động của phái mậu dịch tự do là Man-se-xơ, tại đây đứng đầu phong trào là hai chủ xưởng dệt Cốp-den và Brai-tơ, họ đã tổ chức ra Đồng minh chống những đạo luật về ngũ cốc vào năm 1838. Trong những năm 40-50, phái mậu dịch tự do tạo thành một tập đoàn chính trị độc lập, sau đó nó gia nhập phái tự do Anh. -54.

39 Có ý muốn nói đến sắc lệnh của Chính phủ Nga hoàng ngày 2 tháng Ba (19 tháng Hai) 1836 về việc thành lập trên sông Xu-lin, nhánh của sông Đa-nuýp, trạm kiểm dịch của Nga, trên thực tế trạm này đóng vai trò trạm thuế quan kiểm soát sự đi lại của tàu bè trên khúc sông này. -55.

- 40 "*Portfolio*" là tên gọi tắt của tập văn kiện và tài liệu ngoại giao do Đ.Uốc-các-tơ xuất bản ở Luân Đôn. Tập "The Portfolio; or a Collection of State Papers" ("Tập công văn hoặc tập văn kiện quốc gia") xuất bản năm 1835 - 1837; một tập văn kiện mới xuất bản năm 1843-1845 mang tên gọi "The Portfolio. Diplomatic Review" ("Tập công văn. Bình luận ngoại giao"). -55.
- 41 A. Somerville: "Cobdenic Policy, the Internal Enemy of England. The Peace society, its combativeness. Mr. Cobden, His secretiveness. Also, a Narrative of Historical Incidents". London, 1854, p.36 (A.Xô-méc-vin: "Chính sách của Cóp-đen - kẻ thù bên trong của nước Anh. Hội hòa bình, tính hiếu chiến của nó. Ông Cóp-đen, tính thiếu cởi mở của ông ta. Cũng có cả câu chuyện về các sự kiện lịch sử". Luân Đôn, 1854, tr.36). -55.
- 42 Đây muốn nói đến cuốn sách đả kích khuyết danh của Cóp-đen "Russia. By a Manchester manufacturer; author of "England, Ireland, and America"", Edinburgh, 1836 ("Nước Nga. Một chủ xưởng ở Man-se-xtơ là tác giả và cũng là tác giả cuốn "Nước anh, Ai-rơ-len và Mỹ"", Ê-đin-buốc, 1836). -55.
- 43 *Đồng minh chống những đạo luật về ngũ cốc* do các chủ xưởng ở Man-se-xtơ là Cóp-đen và Brai-tơ thành lập năm 1838. Đưa ra yêu sách đòi hoàn toàn tự do về mậu dịch, Đồng minh muốn đạt được việc hủy bỏ luật ngũ cốc nhằm mục đích hạ thấp tiền công của công nhân và làm yếu địa vị kinh tế và chính trị của tầng lớp địa chủ quý tộc. Sau việc hủy bỏ những đạo luật về ngũ cốc vào năm 1846, Đồng minh không tồn tại nữa. -56.
- 44 Theo truyền thống vốn có ở Anh, trong số khoảng 100 quý tộc Ai-rơ-len hiện có (đó là những địa chủ Anh được nhận ruộng đất ở Ai-rơ-len trước sự hợp nhất vào năm 1801) thì có 26 người được bầu vào thượng nghị viện, số còn lại có thể được bầu vào hạ nghị viện. -57.
- 45 "The Economist" ("Nhà kinh tế học") là tờ tuần báo chính trị và kinh tế ở Anh, được sáng lập vào năm 1843 ở Luân Đôn; là cơ quan ngôn luận của giai cấp đại tư sản công nghiệp. -57.
- 46 "Moniteur" là tên gọi tắt của một tờ nhật báo Pháp "Le Moniteur universel" ("Báo đại chúng"), cơ quan ngôn luận chính thức của chính phủ; được xuất bản ở Pa-ri từ năm 1789. - 58.
- 47 Từ cuối tháng Giêng đến đầu tháng Hai 1854, theo sự ủy nhiệm của Ni-cô-lai I. A. Ph. Ốc-lốp đã đàm phán với hoàng đế Áo Phran-tơ-I-ô-xíp ở Viên. Sứ mệnh của Ốc-lốp là cố đạt cho được sự trung lập hữu nghị của Áo trong cuộc chiến tranh Crim; để đổi lấy cái đó, Nga bảo đảm hoàn toàn không xâm phạm các lãnh thổ của Áo và đảm nhận trách nhiệm thôi thúc Phổ và toàn Hiệp bang Đức tham gia sự bảo đảm ấy. Ngoài ra, Nga hoàng còn đề nghị Áo cùng bảo hộ những quốc gia có thể được thành lập ở vùng Ban-căng trong trường hợp Đế quốc Thổ Nhĩ Kỳ tan rã. Do mâu thuẫn giữa Nga và Áo trong vấn đề phương Đông, sứ mệnh của Ốc-lốp không hoàn thành thắng lợi. -60.
- 48 Đây là nói về cuộc đàm phán mà A. Ph. Ốc-lốp tiến hành vào tháng Năm - tháng Bảy 1833 ở Công-xtăng-ti-nô-plơ với tư cách là đặc sứ và tổng tư lệnh các lực lượng quân Nga đến để giúp vua Thổ Nhĩ Kỳ Ma-khơ-mút II đàn áp pa-sa Ai Cập Mô-ha-mét-A-li nổi loạn. Kết quả

- của cuộc đàm phán là hiệp ước Un-ki-ác-I-xkê-lê-xi đã được ký ngày 8 tháng Bảy (26 tháng Sáu) 1833 (xem chú thích 28). Thắng lợi ngoại giao của Nga làm sâu sắc thêm mâu thuẫn Anh - Nga. -60.
- 49 Mác muốn nói đến bài của mình đăng trên tờ "New-York Daily Tribune" số ra ngày 22 tháng Sáu 1853 (xem C.Mác và Ph.Ăng-ghe-n, Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 1993, t.9, tr.157 - 169). -61.
- 50 Đây muốn nói đến đạo luật cơ bản mới của vương quốc Đan Mạch, được thảo luận vào đầu năm 1854 và được ban hành vào tháng Bảy 1854 (xem tập này, tr. 422-424). Luật này tăng cường sự lệ thuộc của các bộ phận hợp thành của vương quốc (gồm có bản thân Đan Mạch, Slê-đơ-vích, Hôn-stai-nơ và Lau-en-buốc) vào nhà vua Đan Mạch, làm tổn hại đến quyền tự trị của các bộ phận ấy. Đạo luật này vấp phải sự phản đối mạnh mẽ và bị xóa bỏ vào năm 1863 do hiến pháp mới đã được thông qua.
- Đoạn cuối của bài này được in bằng tiếng Nga lần đầu. -64.
- 51 *Sách xanh* là tên gọi chung của các tài liệu của nghị viện Anh và các văn kiện ngoại giao của Bộ ngoại giao đã được công bố. Sách xanh mang tên gọi đó vì bìa màu xanh, được ấn hành ở Anh từ thế kỷ XVII và là tư liệu chính thức chủ yếu về lịch sử kinh tế và ngoại giao của nước này.
- Ở chỗ này, Mác muốn chỉ tập "Correspondence respecting the Rights and Privileges of the Latin and Greek Churches in Turkey". Presented to both Houses of Parliament by Command of Her Majesty. London, 1854 ("Thư từ về quyền lợi và đặc quyền của giáo hội Thiên chúa giáo và giáo hội Chính thống giáo ở Thổ Nhĩ Kỳ". Được trình lên hai viện theo lệnh của nữ hoàng. Luân Đôn, 1854). - 65.
- 52 Năm 1859 người ta đã đưa ra nghị viện các báo cáo về cuộc đàm phán giữa đại biểu toàn quyền của Anh ở Ca-bun là Bóc-xơ với vua Áp-ga-ni-xtan Đô-xtơ-Mô-ha-mét, dựa vào đó năm 1838, theo yêu cầu của Pan-móc-xtơ-n, Chính phủ Anh đã tuyên chiến với Áp-ga-ni-xtan. Về sau người ta phát hiện thấy rằng trong tập văn kiện đã bị rút mất những giấy tờ quan trọng nhất, do đó có thể mô tả chính sách của Đô-xtơ-Mô-ha-mét như là chính sách thù địch rõ rệt với Anh. -65.
- 53 Năm 1839 nổ ra cuộc chiến tranh Thổ Nhĩ Kỳ - Ai Cập, mà kết quả là vào đầu những năm 40 vấn đề phương Đông trở nên gay go thêm và mâu thuẫn giữa các cường quốc thêm sâu sắc. Năm 1839 quân đội của vua Thổ Nhĩ Kỳ tiến vào Xi-ri lúc đó đã bị vua Ai Cập là Mô-ha-mét-A-li chiếm giữ trong những năm 1831 - 1833, nhưng quân Thổ Nhĩ Kỳ bị đánh tan. Các nước phương Tây sợ Nga can thiệp riêng rẽ vào cuộc xung đột Thổ Nhĩ Kỳ - Ai Cập, nên đã đòi gửi công hàm chung ngày 27 tháng Bảy 1839 cho vua Thổ Nhĩ Kỳ đề nghị Chính phủ Thổ Nhĩ Kỳ chấp nhận sự giúp đỡ của tất cả các cường quốc. Nhưng cuộc đấu tranh giữa Anh và Pháp để giành phạm vi ảnh hưởng ở Cận Đông, đặc biệt là Ai Cập, đã đưa đến kết quả là công ước Luân Đôn ký ngày 15 tháng Bảy 1840 về biện pháp viện trợ quân sự của các cường quốc cho vua Thổ Nhĩ Kỳ đã được ký kết giữa Anh, Nga, Áo và Phổ không có

Pháp. Pháp thực sự trông cậy vào Mô-ha-mét - Ali, chẳng bao lâu buộc phải nhượng bộ, bỏ mặc Mô-ha-mét-A-li. -66.

54 Đây muốn nói đến vụ đắm tàu Anh "Tay-lo" đi về Men-bua-nơ; tai nạn xảy ra ngày 21 tháng Giêng 1854 ở vùng đảo Lam-bây (gần Điu-blin); cuộc điều tra chứng tỏ rằng toàn thể thủy thủ của tàu "Tay-lo" đều được tuyển lựa trong đám thủy thủ hủ huơ, không thành thạo về tay nghề. -70.

55 *Phố Đao-ninh* là một phố ở trung tâm Luân Đôn, nơi đóng trụ sở chính thức của Chính phủ Anh.

Tập đoàn Ai-rơ-len là nhóm nghị sĩ Ai-rơ-len trong nghị viện Anh. Trong những năm 30-50 thế kỷ XIX, đại bộ phận của nhóm này gồm đại biểu của cánh hữu, thỏa hiệp trong phong trào dân tộc, cánh này phản ánh lợi ích của tầng lớp trên của giai cấp tư sản Ai-rơ-len, đại địa chủ và các giới giáo quyền Thiên chúa giáo. Đồng thời thành phần của nó còn gồm những nhà hoạt động thuộc phái tự do Ai-rơ-len dựa vào tầng lớp nông dân lĩnh canh khá giả. Trong tình hình cân bằng lực lượng giữa đảng To-ri và đảng Vích, tập đoàn Ai-rơ-len cùng với phái Man-se-xtơ có khả năng làm thay đổi so sánh lực lượng ở nghị viện, gây ảnh hưởng đến tiến trình đấu tranh nội bộ của nghị viện và đôi khi quyết định số phận của Chính phủ. -70.

56 Đây muốn nói đến hiệp định ký kết vào tháng Hai 1835 giữa Ô' Côn-nen, thủ lĩnh phong trào dân tộc tư sản Ai-rơ-len và là người cầm đầu tập đoàn Ai-rơ-len ở nghị viện, với các lãnh tụ đảng Vích. Vì cuộc đàm phán diễn ra ở dinh huân tước Li-xphin-đơ ở Luân Đôn, nên hiệp định ấy mang tên hiệp định dinh Li-xphin-đơ. -71.

57 "*Hội nghệ thuật và lừa bịp*" là tên gọi mà Mác dùng để gọi Hội nghệ thuật và thủ công nghiệp, một tổ chức giáo dục và từ thiện mang tính chất tư sản, được thành lập năm 1754; trong những năm 50 thế kỷ XIX, hội này do hoàng thân An-be lãnh đạo. Hội này lớn tiếng tuyên bố rằng mục đích của mình là "khuyến khích nghệ thuật, thủ công nghiệp và thương mại" và khen thưởng những ai góp phần "cấp công ăn việc làm cho người nghèo, phát triển thương mại, làm cho đất nước giàu có, v.v.". Năm 1853, với ý đồ ra sức ngăn cản sự phát triển của phong trào bãi công có tính chất quần chúng ở Anh và việc phái Hiến chương chuẩn bị thành lập Nghị viện công nhân (xem chú thích 92), Hội nghệ thuật và thủ công nghiệp mưu toan đứng ra đóng vai trò người điều đình giữa thợ và chủ xí nghiệp. Tháng Giêng 1854, Hội họp hội nghị có chừng 200 người thuộc đủ các phái tham gia. E. Giôn-xơ định đưa ra dự thảo nghị quyết thừa nhận quyền bãi công của công nhân và lên án việc thải thợ, nhưng người ta đã không để cho Giôn-xơ được phát biểu. Sau đó, ông và các đồng chí của ông rời phòng họp. Hội nghị biến thành cuộc tranh luận vô bổ về các vấn đề thải thợ, bãi công và mức tiền công, v.v.. -71.

58 Đây muốn nói về cái gọi là Ủy ban Lúc-xăm-buốc, Ủy ban của chính phủ về vấn đề công nhân, họp ở cung Lúc-xăm-buốc do Lu-i Blăng chủ trì. Ủy ban này do Chính phủ lâm thời Pháp thành lập ngày 28 tháng Hai 1848 dưới áp lực của công nhân đòi thành lập bộ lao động.

Hoạt động thực tế của Ủy ban này - gồm đại biểu của công nhân và chủ xí nghiệp - là đóng vai trung gian hòa giải các vụ tranh chấp lao động, thường thường theo hướng có lợi cho bọn chủ do sách lược thỏa hiệp của Lu-i Blăng. Sau cuộc nổi dậy của quần chúng nhân dân ngày 15 tháng Năm 1848, ngày 16 tháng Năm 1848 chính phủ đã giải tán Ủy ban Lúc-xăm-buốc. -71.

59 Năm 1849, Chính phủ Áo và Nga yêu cầu Chính phủ Thổ Nhĩ Kỳ trao lại những người cách mạng Hung-ga-ri và Ba Lan chạy trốn sang Thổ Nhĩ Kỳ sau khi cuộc cách mạng 1848 - 1849 bị đàn áp. Do áp lực của Anh và Pháp (phân hạm đội Anh tiến vào Đắc-da-nen tháng Chạp 1849) - hai nước này sợ Nga tăng cường ảnh hưởng của Thổ Nhĩ Kỳ, - yêu cầu lúc đó bấy giờ đã được rút về. -74.

60 *Ca-pi-tu-la-rơ* (hiệp định về trị ngoại pháp quyền) là văn kiện quy định sự ưu đãi và đặc quyền về thương mại của công dân có quốc tịch các nước châu Âu sống tại các nước phương Đông, kể cả ở Thổ Nhĩ Kỳ (xem bài của C.Mác: "Tuyên chiến. - Bàn về lịch sử phát sinh vấn đề phương Đông", tập này, tr. 187 - 189). -75.

61 Ở đây Mác sử dụng một cách châm biếm tước hiệu mà giáo hoàng phong cho quốc vương xứ A-ra-gông là Phéc-đi-năng (1479 - 1516) vì đã có công đánh đuổi người Mô-rơ ra khỏi Tây Ban Nha, và sau đó tước hiệu này thường xuyên được các giáo hoàng La Mã dùng để xưng hô trong khi tiếp xúc với các vua Tây Ban Nha. -76.

62 Đây muốn nói đến tác phẩm của L.F.Simpson. "The Eastern Question: a Connected Narrative of Events from the Missions of Count Leiningen and Prince Menschikoff to Constantinople, to the present Day". London, 1854 (L. Ph. Xim-xơn. "Vấn đề phương Đông: câu chuyện mạch lạc về những sự kiện xảy ra từ khi các phái đoàn của bá tước Lai-ninh-ghen và công tước Men-si-cốp thăm Công-xtăng-ti-nô-pơ cho đến ngày nay". Luân Đôn, 1854). Ở phía dưới, Mác dẫn ra những tài liệu về cuộc xung đột Áo - Thổ Nhĩ Kỳ xung quanh vấn đề Séc-nô-gô-ri-a, được dẫn ra ở các trang 3 - 6 và 8 - 10 trong cuốn sách này. - 76.

63 Đây muốn nói đến cuộc khởi nghĩa ở Hy Lạp nổ ra vào mùa xuân năm 1821. Cuộc khởi nghĩa là do các hội bí mật của những người Hy Lạp yêu nước - các hê-ta-ri - chuẩn bị. Tín hiệu của cuộc khởi nghĩa này là cuộc vượt sông Prút của đội quân của A-lếch-xan-đơ Íp-xi-lan-ti - một sĩ quan Hy Lạp phục vụ trong quân đội Nga lãnh đạo một tổ chức hê-ta-ri ở Ô-đét-xa - tiến vào các công quốc thuộc vùng sông Đa-nuýp vào tháng Ba 1821 nhằm xâm nhập Hy Lạp. Cuộc tiến quân của đội quân của Íp-xi-lan-ti kết thúc thất bại, nhưng nó thúc đẩy cuộc khởi nghĩa của quần chúng nhanh chóng lan rộng cả nước. Tháng Giêng 1822, Quốc hội được triệu tập ở Ê-pi-đáp đã tuyên bố nền độc lập của Hy Lạp, và thông qua hiến pháp. Vua Thổ Nhĩ Kỳ không đủ sức đối phó với cuộc khởi nghĩa của người Hy Lạp bằng lực lượng của bản thân, nên đã cầu cứu chư hầu của mình là vua Ai Cập Mô-ha-mét-A-li, quân đội của Mô-ha-mét-A-li dưới quyền chỉ huy của Ibra-him-pa-sa đã xâm nhập Mô-rê-a (Pê-lô-pôn-nét), đi đến đâu cũng gây nên hành động đàn áp tàn bạo đối với dân cư Hy Lạp. Khi cuộc khởi nghĩa bắt đầu, các nước thuộc Liên minh thần thánh, đặc biệt là nước Nga Nga hoàng, đã có thái độ tiêu cực rõ ràng

đối với nó. Nhưng sự đồng tình rộng rãi mà cuộc đấu tranh của người Hy Lạp giành được ở khắp mọi nơi, và chủ yếu là khả năng lợi dụng cuộc đấu tranh ấy để củng cố ảnh hưởng của mình ở nam bán đảo Ban-căng, đã thúc đẩy nước Anh, nước Nga Nga hoàng và Pháp thừa nhận Hy Lạp là một bên tham chiến và đã viện trợ quân sự cho Hy Lạp. Thắng lợi của Nga trong cuộc chiến tranh 1828 - 1829, mà kết quả là Thổ Nhĩ Kỳ buộc phải thừa nhận Hy Lạp là một quốc gia độc lập, đã có ý nghĩa quyết định đối với công cuộc giành độc lập của Hy Lạp. Nhưng theo quyết định của các tập đoàn thống trị tại các cường quốc châu Âu, chế độ quân chủ phản động đã được áp đặt lên nhân dân Hy Lạp. -77.

64 Đây muốn nói đến bức thư ngày 29 tháng Giêng 1854 của Na-pô-lê-ông III gửi hoàng đế Ni-cô-lai, bức thư này được công bố trên tờ "Moniteur universel" ngày 14 tháng Hai; thư này được đăng lại trên tờ "New-York Daily Tribune" ngày 6 tháng Ba 1854. -81.

65 Ăng-ghe-nơ gọi bản dự thảo hiệp định thỏa hiệp giữa Nga và Thổ Nhĩ Kỳ, do bộ trưởng Áo Bu-ôn soạn và được hội nghị các đại sứ Pháp, Anh và Phổ ở Viên chấp thuận vào cuối tháng Bảy 1853, là *bức thông điệp Viên đầu tiên*. Bức thông điệp này quy định vua Thổ phải tuân theo các hiệp ước Quy-súc - Cai-nắc-gia (1774) và A-dri-a-nô-pôn (1829) và duy trì sự bất khả xâm phạm của các quyền lợi và đặc quyền của giáo hội Chính thống ở Đế quốc Ôt-tô-man. Theo quyết định của hội nghị, thông điệp phải được trao cho Nga hoàng trước, nếu Nga hoàng đồng ý với nó sẽ được trao tiếp cho vua Thổ Nhĩ Kỳ. Ni-cô-lai I đồng ý nội dung của bức thông điệp, đồng thời dành cho mình quyền giải thích nó theo ý của mình, nhưng vua Thổ Nhĩ Kỳ lại đưa ra một loạt ý kiến sửa đổi và điều kiện phụ thêm - mà Chính phủ Nga hoàng coi là không thể chấp nhận được - coi đó là điều kiện cho sự đồng ý ký vào bức thông điệp đó. -82.

66 Ăng-ghe-nơ có ý nói đến cuộc chiến tranh của Anh chống Pháp kéo dài từ năm 1793 đến 1815. -83.

67 Tiếp theo là đoạn cuối, do ban biên tập tờ "New-York Daily Tribune" thêm vào: "Ở một chỗ khác, phóng viên của chúng tôi ở Luân Đôn ngờ ý cho thấy rằng ông không muốn tin vào sự phản bội đó, nhưng sự thật lại ngoan cố và rút cục lý trí phải thừa nhận nó. Sau khi các cường quốc phương Tây đã thi hành những biện pháp tuyệt vọng như thế để tránh nổ ra chiến tranh, thì khó bề tưởng tượng được rằng họ có thể nói chung dừng lại trước việc gì". Ở chỗ này, ban biên tập có ý ám chỉ A. Pun-xki là phóng viên ở Luân Đôn. -85.

68 Những tin tức đăng trong bài này là do Ph. Lát-xan báo cho Mác trong bức thư ngày 10 tháng Hai 1854. Mác cho rằng việc công bố kế hoạch cho Chính phủ Phổ, bao gồm cả ý đồ bắt giam các nhà dân chủ, có thể ngăn cản việc thực hiện kế hoạch ấy. -86.

69 Trong bài này, cũng như trong mấy bài tiếp sau phân tích cuộc tranh luận về chiến tranh ở nghị viện Anh, Mác đã sử dụng các bản tường thuật tốc ký của tờ "Times" đôi khi có những chỗ sai sự thật và những chỗ in sai. Để phân tích cuộc tranh luận ở nghị viện mấy năm về trước, Mác phần lớn đã sử dụng cuốn sách do Hác-xác-đơ xuất bản ở Luân Đôn "Những cuộc tranh luận tại nghị viện" (Hansard's Parliamentary Debates).

Đoạn đầu của bài này được in bằng tiếng Nga lần đầu. -89.

70 Theo thủ tục của nghị viện Anh, khi thảo luận một số vấn đề quan trọng, hạ nghị viện tự tuyên bố phiên họp của mình là đầy đủ thành phần với tư cách một ủy ban (Committee of the whole House), như thế có nghĩa là phiên họp kín; trách nhiệm chủ tọa (Chairman of the Committees) trong những phiên họp đó được trao cho một người có trong danh sách chủ tịch, được chủ tịch hạ nghị viện chỉ định riêng để điều khiển cuộc họp ấy. Khi thảo luận một loạt vấn đề quan trọng liên quan đến việc trang trải các khoản chi của nhà nước, hạ nghị viện sẽ họp với tư cách ủy ban tìm kiếm kinh phí (Committee of Ways and Means). -89.

71 Năm 1844, bộ trưởng Bộ nội vụ Anh Grê-hê-m, để làm vừa lòng Chính phủ Áo, đã ra lệnh cho ngành bưu điện trao cho cảnh sát kiểm duyệt thư từ của các nhà cách mạng I-ta-li-a lưu vong. Trong số các thư từ khác người ta đã kiểm duyệt các bức thư của anh em Ban-đê-ê-ra gửi Mát-di-ni, trong đó họ trình bày kế hoạch cuộc đột kích của họ vào Ca-la-bri. Khi thực hiện cuộc đột kích ấy, những người tham gia đã bị bắt, anh em Ban-đê-ê-ra bị xử bắn. -90.

72 Tháng Năm 1851, đại sứ Pháp La-va-le-tơ đã đến Công-xtăng-ti-nô-plơ chuyển cho vua Thổ Nhĩ Kỳ yêu cầu của tổng thống nước Cộng hòa Pháp Lu-i Na-pô-lê-ông về việc tôn trọng mọi quyền lợi và đặc quyền của giáo hội Thiên chúa giáo ở Giê-ru-da-lem. Sắc lệnh ngày 9 tháng Hai 1852 của vua Thổ Nhĩ Kỳ thừa nhận quyền lợi của Pháp đã được quy định trong nhiều hiệp ước Pháp - Thổ Nhĩ Kỳ trước đây. Nhưng giới ngoại giao Nga cũng đạt được những đặc quyền như vậy cho giáo hội Chính thống; cuộc đấu tranh trên vấn đề này trên thực tế là cuộc đấu tranh giành ưu thế cho ảnh hưởng của Nga hoặc của Pháp ở phương Đông, nó làm gay gắt nghiêm trọng quan hệ Nga - Pháp và sau này nó là một trong những nguyên nhân gây ra cuộc chiến tranh Crưm. -91.

73 Ngày 20 tháng Mười 1827, ở gần Na-va-rin (hiện nay là Pi-lốt, một thành phố và hải cảng của Hy Lạp) đã xảy ra trận chiến đấu giữa hạm đội Thổ Nhĩ Kỳ - Ai Cập với phân hạm đội liên hợp Anh, Pháp và Nga dưới quyền chỉ huy của đô đốc Anh E. Cô-đrinh-ton, do các cường quốc phương Tây cử đến vùng biển Hy Lạp nhằm mục đích vũ trang hòa giải cuộc chiến tranh giữa Thổ Nhĩ Kỳ với những người khởi xướng Hy Lạp. Trận đánh nổ ra sau khi bộ tư lệnh Thổ Nhĩ Kỳ cự tuyệt không chịu ngừng cuộc đàn áp dân cư Hy Lạp đã đưa tới việc hoàn toàn đập tan hạm đội Thổ Nhĩ Kỳ - Ai Cập và đẩy nhanh sự bùng nổ của cuộc chiến tranh Nga - Thổ Nhĩ Kỳ vào các năm 1828 - 1829, đem lại thắng lợi cho Nga. Trong trận đánh ở gần Na-va-rin, phân hạm đội Nga, nhất là kỳ hạm "A-dốp", mà người chỉ huy là M. P. La-da-rép, đã đóng vai trò xuất sắc. -96.

74 "*The Morning Post*" ("Bưu điện buổi sáng") là tờ nhật báo của đảng bảo thủ Anh; xuất bản ở Luân Đôn từ năm 1772 đến 1937. Vào giữa thế kỷ XIX, nó là cơ quan ngôn luận của các phần tử cánh hữu trong đảng Vích tập hợp xung quanh Pan-mốc-xtôn. -107.

75 Đây muốn nói đến công văn khẩn của đại sứ Nga ở Pháp là Pốt-xô-di-Bóc-gô gửi thủ tướng bá tước Nê-xen-rô-đe ngày 16 (4) tháng Mười 1825. Báo cáo khẩn này trả lời thông tư ngày 18 (6) tháng Tám 1825, do Nê-xen-rô-đe thảo ra theo chỉ thị của A-lếch-xan-đơ I, để hỏi ý kiến các đại sứ Nga ở nước ngoài về thực chất chính sách của các cường quốc phương Tây

đối với Nga trong vấn đề phương Đông và về đường lối ngoại giao của Nga. Trong báo cáo khải của mình, Pốt-xô-đi-Boóc-gô, dựa trên sự phân tích lập trường của các cường quốc trong vấn đề phương Đông, đã đề nghị Nga áp dụng những hành động quân sự trực tiếp chống lại Thổ Nhĩ Kỳ. Báo cáo khải này được đăng trong "Recueil des documents relatifs à la Russie pour la plupart secrets et inédits utiles à consulter dans la crise actuelle", Paris, 1854 ("Tập văn kiện về nước Nga, phần lớn là những văn kiện bí mật và chưa được công bố, hữu ích để tham khảo trong cuộc khủng hoảng hiện nay", Pa-ri, 1854). Bản in lần thứ nhất của tập văn kiện này xuất bản ở Pa-ri tháng Bảy 1853 dưới nhan đề: "Recueil des documents pour la plupart secrets et inédits et d'autres pièces historiques utiles à consulter dans la crise actuelle" (juillet 1853) ("Tập văn kiện phần lớn bí mật và chưa được công bố và những văn kiện lịch sử khác hữu ích để tham khảo trong cuộc khủng hoảng hiện nay" (tháng Bảy 1853)). -108.

76 Xem Ca-ram-din. "Lịch sử nhà nước Nga", t.XI, Xanh-Pê-téc-bua, 1835, ch. I, tr.23. -109.

77 Mác dùng từ liên minh thần thánh chống Pháp để chỉ chính sách ngoại giao cô lập Pháp mà giới ngoại giao Anh thi hành năm 1840 (xem chú thích 53).

Công ước về Đắc-đa-nen - xem chú thích 13. -111.

78 Đây muốn nói đến cuộc nổi dậy của nhân dân Hy Lạp nổ ra tháng Giêng 1854, bao trùm nhiều vùng Hy Lạp thuộc Đế quốc Thổ Nhĩ Kỳ. Những người nổi dậy đòi thống nhất với Hy Lạp là nước đã cử quân đội của mình đến khu vực nổ ra cuộc nổi dậy. Chính phủ Thổ Nhĩ Kỳ dựa vào sự chi viện của Anh và Pháp đã đàn áp được cuộc nổi dậy vào tháng Sáu 1854. -113.

79 Trong cuộc chiến tranh Áo - Thổ Nhĩ Kỳ năm 1788 - 1790, quân đội Áo đã chiếm Xéc-bi (1789). Dưới sức ép của Anh và Phổ, năm 1791 Áo đã ký hòa ước với Thổ Nhĩ Kỳ ở Xi-xtốp (Xvi-stốp), theo hòa ước đó Áo phải rút khỏi tất cả các khu vực mà Áo chiếm đóng. -114.

80 *Nervus belli* là cách viết tắt câu tục ngữ La Mã: pecunia est nervus belli - tiền là thần kinh của chiến tranh. -116.

81 Âm chỉ Société générale du Crédit Mobilier, ngân hàng cổ phần lớn ở Pháp do anh em Pê-rây-ra thành lập năm 1852. Ngân hàng này có quan hệ mật thiết với Chính phủ Na-pô-lê-ông III, hoạt động đầu cơ dưới sự che chở của Chính phủ này; năm 1867 ngân hàng này đã phá sản và năm 1871 đóng cửa. -116.

82 Tháng Hai 1846, các nơi ở Ba Lan đều chuẩn bị khởi nghĩa nhằm mục đích giải phóng dân tộc Ba Lan. Những người dân chủ cách mạng Ba Lan là những người khởi xướng chủ yếu của cuộc khởi nghĩa. Nhưng do sự phản bội của các phần tử quý tộc và do cảnh sát Phổ bắt giam những người lãnh đạo khởi nghĩa, nên cuộc tổng khởi nghĩa đã bị phá và chỉ xảy ra những cuộc nổi dậy cách mạng lẻ tẻ. Chỉ có ở nước Cộng hòa Cra-cốp thuộc quyền kiểm soát chung của Áo, Nga và Phổ từ năm 1815, những người khởi nghĩa đã giành được thắng lợi ngày 22 tháng Hai và thành lập Chính phủ dân tộc, ra tuyên ngôn thủ tiêu các đảm phụ phong kiến. Đồng thời cũng nổ ra cuộc khởi nghĩa của nông dân U-cra-i-na ở Ga-li-xi-a. Cuộc khởi nghĩa ở Cra-cốp bị đàn áp vào tháng Ba 1846, sau đó Chính phủ Áo đã dẹp được phong trào nông

dân Ga-li-xi-a. Tháng Mười một 1846, Áo, Phổ và Nga đã ký hiệp ước về việc sáp nhập Cra-cốp vào Đế quốc Áo. -120.

83 Theo hòa ước giữa Áo và Vương quốc Xéc-di-ni (Pi-ê-mông) ngày 6 tháng Tám 1849, Pi-ê-mông phải bồi thường cho Áo 75 triệu phlo-rin.

Năm 1853, Chính phủ Áo đã tịch thu ở Lôm-bác-di và Vơ-ni-dơ tài sản của những người tham gia cuộc cách mạng 1848 - 1849 đã lưu vong ra nước ngoài. -121.

84 *Biên giới quân sự* là tên gọi vào thế kỷ XVI - XIX của khu vực phía Nam Đế quốc Áo (Xi-lô-vê-ni, Crô-a-xi, Xla-vô-ni-a và Ba-nát) mà dân cư ở các vùng đó - dân biên giới - phải làm nghĩa vụ quân sự biên phòng để được sử dụng đất đai. -121.

85 Năm 1789 ở Hà Lan thuộc Áo (Bỉ) đã xảy ra cuộc khởi nghĩa dân tộc chống lại nền thống trị của Áo, gọi là cuộc cách mạng Bra-ban. Cuộc khởi nghĩa này đã bị quân Áo đàn áp vào năm 1791. -122.

86 Xem chú thích 26. -123.

87 "Chateaubriand. "Congrès de Véronne. Guerre d'Espagne. Négociations. Colonies espagnoles". T.I - II Bruxelles 1838" (Sa-tô-bri-ăng. "Hội nghị Vê-rô-na. Chiến tranh Tây Ban Nha. Các cuộc đàm phán. Các thuộc địa Tây Ban Nha". T.I-II. Bruy-xen, 1838). -128.

88 Đây muốn nói đến hiệp ước ký tháng Tư 1834 giữa Anh, Pháp, Tây Ban Nha và Bồ Đào Nha (gọi là đồng minh bốn nước). Trên hình thức hiệp ước này được ký nhằm chống lại các "cường quốc phương Bắc" chuyên chế (Nga, Phổ và Áo), nhưng trên thực tế nó đã cho phép Anh vin cớ viện trợ quân sự cho các Chính phủ Tây Ban Nha và Bồ Đào Nha trong cuộc đấu tranh chống lại bọn theo đuổi ngôi vua là Đôn Mi-ghen ở Bồ Đào Nha và Đôn Các-lốt ở Tây Ban Nha, để củng cố các vị trí của mình ở hai nước ấy. Đây là nguyên nhân làm cho quan hệ Anh - Pháp xấu đi. -128.

89 Đây muốn nói đến các cuộc hôn lễ được tổ chức vào năm 1846 giữa nữ hoàng Tây Ban Nha I-da-be-la II với Đôn Phran-xi-xô Đê A-xi-xô và giữa công chúa Lu-i-dơ Phéc-di-năng với con trai vua Pháp Lu-i Phi-líp là công tước Mông-păng-xi-ê. Vì I-da-be-la không có người kế thừa trực tiếp, nên công tước Mông-păng-xi-ê trở thành một trong những người hàng đầu theo đuổi ngôi vua ở Tây Ban Nha. Thắng lợi ngoại giao đó của Pháp gây ra sự bất bình mạnh mẽ của Anh là nước đã ủng hộ phe tư sản đối lập với Chính phủ Lu-i Phi-líp ở Pháp. -128.

90 Năm 1838, do thủ lĩnh Hồi giáo Áp-ga-ni-xtan là Đô-xtơ-Mô-ha-mét đã cự tuyệt ký kết hiệp ước liên minh với Anh chống I-ran và Nga, Anh không thể biến Áp-ga-ni-xtan thành công cụ của chính sách của mình, nên đã quyết định can thiệp bằng quân sự để lật đổ Đô-xtơ-Mô-ha-mét và đặt tay sai của mình là quốc vương Sút-gia lên ngôi vua. Quân đội Anh xâm nhập Áp-ga-ni-xtan cướp phá hầu như toàn bộ đất nước, cầm tù Đô-xtơ-Mô-ha-mét; nhưng nền thống trị của người Anh không duy trì được bao lâu. Do cuộc khởi nghĩa nhân dân vào tháng Mười một 1841, quân đội Anh bị đánh bại và bị tiêu diệt. Năm 1842, người Anh lại mưu đồ chinh phục Áp-ga-ni-xtan một lần nữa, nhưng cũng kết thúc bằng sự thất bại hoàn toàn. -129.

91 Năm 1851 ở Trung Quốc diễn ra phong trào giải phóng chống phong kiến mang tính chất một cuộc chiến tranh nông dân lớn mạnh. Trong quá trình cuộc chiến tranh, những người khởi nghĩa đã thành lập "Thái bình thiên quốc", do đó toàn bộ phong trào mang tên phong trào Thái bình thiên quốc. Quân Thái bình thiên quốc đã tiêu diệt bọn phong kiến Mãn Thanh thống trị ở Trung Quốc, xóa bỏ thuế khóa, thủ tiêu chế độ đại chiếm hữu phong kiến. Cuộc khởi nghĩa cũng mang màu sắc tôn giáo vốn có đối với phong trào nông dân, đặc biệt là ở phương Đông, đánh vào bọn tăng lữ và chùa chiền Phật giáo là trụ cột của vương triều Mãn Thanh. Cuộc cách mạng Thái bình thiên quốc đặt cơ sở cho cuộc đấu tranh rộng lớn của nhân dân Trung Quốc chống chế độ phong kiến và bọn xâm lược ngoại bang, nhưng không xóa bỏ được phương thức sản xuất phong kiến ở Trung Quốc. Trong nội bộ Thái bình thiên quốc đã hình thành tầng lớp phong kiến bên trên thỏa hiệp với giai cấp thống trị, đây là một trong những nguyên nhân đưa phong trào đến suy sụp. Cuộc cách mạng đã bị giáng đòn chủ yếu do cuộc can thiệp công khai của Anh, Mỹ và Pháp; lực lượng vũ trang của các nước này đã cùng với quân đội của bọn phong kiến Trung Quốc đàn áp được cuộc khởi nghĩa Thái bình thiên quốc vào năm 1864. -130.

92 Do sự phát triển của phong trào bãi công có tính chất quần chúng của giai cấp vô sản Anh năm 1853, một nhóm của phái Hiến chương, đứng đầu là Giôn-xơ, đã nêu lên tư tưởng thành lập một tổ chức công nhân rộng rãi gọi là "Phong trào quần chúng", mà nhiệm vụ của nó là đoàn kết các hội công liên, cũng như các công nhân chưa tham gia tổ chức, trước hết nhằm mục đích phối hợp các cuộc bãi công ở các khu vực trong nước. Tổ chức này phải chịu sự lãnh đạo của Nghị viện công nhân được triệu tập định kỳ, gồm các đại biểu được bầu ra trong các cuộc mít tinh của các công nhân chưa tham gia tổ chức và tại các cuộc hội nghị của các hội công liên tham gia "Phong trào quần chúng". Nghị viện công nhân khai mạc ở Man-se-xtơ ngày 6 tháng Ba 1854 và bế mạc ngày 18 tháng Ba 1854. Nghị viện công nhận đã thảo luận và thông qua cương lĩnh của "Phong trào quần chúng" và thành lập Ban chấp hành gồm 5 người. Mác được bầu làm đại biểu danh dự của Nghị viện, đã gửi một bức thư (xem tập này, tr.139 - 140) được đọc vào ngày 10 tháng Ba. Trong thư Mác nêu lên nhiệm vụ hàng đầu của phong trào công nhân Anh là thành lập một chính đảng vô sản độc lập có tính chất quần chúng. Coi trọng việc triệu tập Nghị viện công nhân, Mác xem nó như là ý đồ đưa phong trào công nhân Anh vượt ra ngoài khuôn khổ chật hẹp của chủ nghĩa công liên và tiến tới sự kết hợp giữa đấu tranh kinh tế với đấu tranh chính trị.

Nhưng ý đồ tổ chức "Phong trào quần chúng" đã không thành công, vì đa số lãnh tụ của các hội công liên phản đối đấu tranh chính trị, nên không ủng hộ chủ trương thành lập một tổ chức công nhân thống nhất có tính chất quần chúng. Sự suy sút của phong trào bãi công vào mùa hè năm 1854 cũng có ảnh hưởng không thuận lợi đến sự tham gia của đông đảo quần chúng công nhân vào phong trào này. Sau tháng Ba 1864, Nghị viện công nhân không còn hợp nữa. -131.

93 Xem chú thích 58. -131.

94 *Hội Hiến chương toàn quốc* thành lập vào tháng Bảy 1840. Hội này là chính đảng công nhân có tính chất quần chúng đầu tiên trong lịch sử phong trào công nhân, có tới 4 vạn hội viên trong những năm cao trào của phong trào Hiến chương. Trong hoạt động của Hội đã biểu hiện tình trạng thiếu sự thống nhất về tư tưởng và sách lược trong hàng ngũ các thành viên của Hội và biểu hiện tư tưởng tiểu tư sản của đa số các lãnh tụ của phong trào Hiến chương. Sau thất bại của phái Hiến chương năm 1848, các đại biểu tiên tiến của phái Hiến chương cách mạng, trước hết là E. Giôn-xơ, hướng về chủ nghĩa cộng sản khoa học, đã dự định cải tổ lại phong trào Hiến chương trên cơ sở chủ nghĩa xã hội vào đầu những năm 50. Điều đó được phản ánh trong cương lĩnh mà đại hội của phái Hiến chương thông qua năm 1851. Trong nửa sau những năm 50, do thắng lợi nhất thời của chủ nghĩa cơ hội trong phong trào công nhân Anh và do sự sa sút của phong trào Hiến chương, Hội này trên thực tế đã ngừng hoạt động. -132.

95 Có ý muốn nói đến bản tuyên ngôn ngày 21 (9) tháng Hai 1854 của Ni-cô-lai I về việc cắt đứt quan hệ ngoại giao với Pháp và Anh; trong thư gửi Na-pô-lê-ông III ngày 9 tháng Hai (28 tháng Giêng) 1854, Ni-cô-lai I cự tuyệt mọi sự thỏa hiệp trong vấn đề phương Đông. -134.

96 *Công ty Nam Hải* được thành lập ở Anh vào khoảng năm 1712 dưới chiêu bài buôn bán với Nam Mỹ và các đảo Thái Bình Dương; mục đích thực sự của nó là đầu cơ chứng khoán quốc gia. Công ty được Chính phủ cho hưởng nhiều thứ đặc quyền và độc quyền, trong đó có quyền phát hành chứng khoán quốc gia có giá và nó đã mở rộng hoạt động đầu cơ trên quy mô đồ sộ, kết thúc bằng sự phá sản của Công ty vào năm 1720. Kết quả của sự phá sản là nhà nước mắc một khoản nợ lớn mà năm 1853 Glát-xtôn định trang trải một phần bằng việc mua những cổ phiếu đã mất giá của công ty này. -138.

97 *Chiến tranh giành độc lập của Hy Lạp* - xem chú thích 63. -146.

98 Bài "Quân Nga rút khỏi Ca-la-phát" của Ph.Ăng-ghe-n nằm trong số những bài của Mác và Ăng-ghe-n được đăng đồng thời trên hai báo. Cũng như trong những trường hợp tương tự khác, do bản thảo thất lạc, bản dịch sang tiếng Nga được tiến hành dựa trên cơ sở bài nào đầy đủ nhất và đáng tin cậy nhất trong số những bài đã đăng báo hiện có, còn những chỗ khác nhau hết sức quan trọng thì được đưa vào phần chú thích ở cuối trang. Bản dịch này dựa vào nguyên văn đăng trên tờ báo "People's Paper", cơ quan của phái Hiến chương. -150.

99 Chiến lũy Bun-xen-vi-xơ (hay Véc-ben) được xây dựng năm 1761 trong cuộc chiến tranh bảy năm, theo lệnh của vua Phổ Phri-đrich II.

Các đồn phòng thủ To-rê-xơ - Vê-dra-sơ (ở Bồ Đào Nha, giữa sông Ta-khô và bờ biển Đại Tây Dương) được xây dựng năm 1810 theo lệnh của Oen-lin-tôn để yểm hộ Li-xbon chống lại quân đội Pháp.

Các đồn do quân đội của đại công tước Áo Các-lơ xây dựng trong cuộc chiến tranh của liên minh tay ba (1805) chống nước Pháp của Na-pô-lê-ông thì xây ở gần Vê-rô-na.

Trong cả ba trường hợp trên, trận địa có công sự đều không bị địch chiếm. -152.

- 100 Đây là nói về sự trao đổi công hàm bí mật giữa công sứ Anh ở Pê-téc-bua, huân tước Xê-mua, với bộ trưởng Bộ ngoại giao Anh về cuộc đàm phán giữa Xê-mua với Ni-cô-lai I về vấn đề Thổ Nhĩ Kỳ vào đầu năm 1853. Tiến trình của cuộc đàm phán ấy và lập trường lập lờ của Chính phủ Anh trong cuộc đàm phán ấy đã được Mác phân tích tỉ mỉ trong bài này và trong bài có liên quan trực tiếp tiếp sau đó "Thư tín ngoại giao bí mật" (xem tập này, tr. 167 - 183). -155.
- 101 "*Journal de Saint - Pétersbourg*" (Báo Xanh-Pê-téc-bua") là cơ quan của Bộ ngoại giao Nga xuất bản dưới tên gọi đó bằng tiếng Pháp từ năm 1825 đến năm 1914 ở Pê-téc-bua.
- Đây là nói đến bài đăng trên tờ "Journal de Saint - Pétersbourg" ngày 2 tháng Ba (18 tháng Hai) 1854 nhân bản tham luận của Giôn Rốt-xen ngày 17 tháng Hai 1854 tại hạ nghị viện (xem tập này, tr. 90-91). Bài này ám chỉ sự thông đồng của Chính phủ Nga hoàng với Chính phủ Anh trong vấn đề Thổ Nhĩ Kỳ, và để xác nhận điều đó bài báo viện dẫn công văn trao đổi bí mật của Xê-mua năm 1853 và bản bị vong lục năm 1844. -155.
- 102 Mác có ý nói đến sự theo dõi mà Chính phủ Phổ tiến hành một cách có hệ thống đối với Mác. Một trong những người tổ chức sự theo dõi ấy là đại sứ Phổ Bun-den ở Luân Đôn được sự giúp đỡ nào đó của nhà cầm quyền Anh. Trong thư từ trao đổi giữa Mác và Ăng-ghe-nh đã nhiều lần nhắc tới việc thư từ của hai ông đã bị kiểm duyệt. -166.
- 103 Ngày viết bài này được xác định dựa vào sổ ghi chép của Mác. Bài đăng trên tờ "New-York Daily Tribune" đã bị đề sai ngày là "thứ sáu, ngày 24 tháng Ba 1854". -184.
- 104 Theo luật pháp thi hành ở Anh từ năm 1662, những người nghèo xin cứu tế ở sở tế bản thuộc bất cứ giáo khu nào đều có thể - dựa vào quyết định của tòa án - bị cưỡng bức buộc trở về nơi cũ. Ngày 10 tháng Hai 1854, người ta đã đưa ra hạ nghị viện dự luật cấm thực hiện ở Anh và xứ Oen-xơ việc cưỡng bức người nghèo di chuyển chỗ ở. - 185.
- 105 Ngày 12 tháng Ba 1854, Pháp, Anh và Thổ Nhĩ Kỳ đã ký tại Công-xtăng-ti-nô-plơ một hiệp ước, theo đó các nước đồng minh có nghĩa vụ viện trợ Thổ Nhĩ Kỳ về hải quân và lục quân, còn Thổ Nhĩ Kỳ thì có nghĩa vụ không được đàm phán hòa bình và không được ký hòa ước với Nga, nếu không có sự đồng ý của Anh và Pháp. -185.
- 106 *U-lê-ma* là tầng lớp tối cao trong hàng ngũ các nhà thần học và luật học ở các nước Hồi giáo Trung Đông và Cận Đông, họ nắm trong tay việc tổ tụng và việc quản lý mọi cơ quan tôn giáo và trường học; *U-lê-ma* có ảnh hưởng rất lớn trong đời sống chính trị của Đế quốc Ô-tô-man.
- Phê-ta* là quyết định của nhân vật tăng lữ Hồi giáo tối cao ở các nước phương Đông, cho phép thực hiện biện pháp này hoặc biện pháp khác xét theo quan điểm của kinh Hồi giáo và kinh Sa-ri-át. -185.
- 107 *Các quốc gia Béc-be-rơ* là tên gọi mà trong sách báo thế kỷ XIX người ta dùng để gọi các quốc gia ở Bắc Phi trên bờ Địa Trung Hải (An-giê-ri, Tuy-ni-di, Ma-rốc, v.v). -186.

- 108 C. Famin. "Histoire de la rivalité et du protectorat des églises chrétiennes en Orient", Paris, 1853 (X.Pha-manh. "Lịch sử cạnh tranh của các giáo hội Cơ Đốc giáo ở phương Đông và sự bảo hộ các giáo hội đó". Pa-ri, 1853) tr. 13; các chỗ được trích dẫn ở phía dưới ở các trang 15, 49, 50 và 54 - 55. -186.
- 109 "Capitulations, ou Traités anciens et nouveaux entre la cour de France et la Porte ottomane, renouvelés et augmentés l'an de J.C. 1740, et de l'hégire 1153; traduits à Constantinople par le sieur Deval, secrétaire-interprète du roi et son premier drogman à la cour ottomane, 1761". -189.
- 110 Trong lời tựa viết cho vở kịch "Xê-mi-ra-mít" (1748), dưới nhan đề "Bàn về bi kịch cổ đại và bi kịch hiện đại", Vôn-ten viết như sau về vở bi kịch "Hăm-lét" của Sếch-xpia: "Có thể cho rằng tác phẩm này là sản phẩm của trí tưởng tượng của một con người mọi rợ say rượu. Nhưng trong sự phá hoại thô bạo ấy đối với những hình thức hiện đang còn làm cho sân khấu của Anh là một cái gì phi lý và dã man, thì trong "Hăm-lét", ngoài những cái hết sức kỳ quái, còn có tư tưởng cao thượng xứng đáng với thiên tài vĩ đại nhất". -194.
- 111 *Păng-ta-lông* là một trong những nhân vật trong một vở hài kịch hóa trang dân gian I-ta-li-a mô tả nhà buôn Vơ-ni-dơ, một ông già giàu có, bủn xỉn và ngu xuẩn. -194.
- 112 *Chiếc hộp Păng-đơ-rơ* là chiếc hộp chứa đầy tội ác và hiểm khịch; hình tượng văn học bắt nguồn từ truyện thần thoại cổ Hy Lạp về Păng-đơ-rơ, là nhân vật do tò mò mà đã mở chiếc bình chứa mọi thứ tai họa và gieo rắc những tai họa ấy ra ngoài. -197.
- 113 *Phố Đao-ninh* - xem chú thích 55. -198.
- 114 Đây muốn nói đến bài xã luận của báo "Times" số ra ngày 3 tháng Tư 1854, trong đó ban biên tập phê phán gay gắt bản tham luận của Lây-ác tại hạ nghị viện và tỏ ý hoài nghi hoạt động của ông ta với tư cách là nhà khảo cổ học và nhà nghiên cứu môn Át-xi-ri-học. Những tác phẩm quan trọng nhất của Lây-ác trong lĩnh vực khảo cổ học là "Nineveh and its Remains" ("Ni-nê-vi-a và những tàn tích của nó"), xuất bản ở Luân Đôn năm 1848 - 1849 và "Nineveh and Babylon" ("Ni-nê-vi-a và Ba-bi-lon"), xuất bản ở Luân Đôn năm 1853. -199.
- 115 Trong những bài tiểu luận châm biếm "Huân tước Pan-mốc-xtơn" (xem C.Mác và Ăng-ghe-nh, Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 1993, t.9, tr. 453 - 537) viết vào tháng Mười - đầu tháng Chạp 1853, Mác đã phân tích tỉ mỉ chính sách đối ngoại của Pan-mốc-xtơn. -204.
- 116 Trong khi thành lập nội các liên hợp vào tháng Chạp 1852, thủ tướng A-béc-đin trao chức bộ trưởng cho ba thành viên của tập đoàn Ai-rơ-len: Ki-ôi, Xát-lơ, Mông-xê-lơ, gây ra sự phản đối mạnh mẽ của nhiều nghị sĩ Ai-rơ-len và đưa tới sự chia rẽ trong nội bộ tập đoàn này. Đằng sau những nghị sĩ Ai-rơ-len ủng hộ chính phủ là tầng lớp trên trong giới tăng lữ Thiên chúa giáo, giai cấp tư sản Ai-rơ-len và bọn đại địa chủ lo sợ sự phát triển của phong trào giải phóng dân tộc ở Ai-rơ-len. Một bộ phận khác của tập đoàn này đứng đầu là Đáp-phi thì dựa vào tầng lớp nông dân lĩnh canh khá giả ở Ai-rơ-len đang đòi hỏi chính phủ ban hành đạo luật mới về chế độ phát canh ở Ai-rơ-len. -207.

- 117 Tin tức sai lầm về việc quân Nga rút khỏi các đảo A-lăng được đăng trên tờ "Times" số ra ngày 7 tháng Tư 1854. -207.
- 118 Đây muốn nói đến một loạt hội nghị được tiến hành ở Viên trong những năm 1853 - 1854 giữa các đại biểu của Anh, Pháp và Phổ (giữa các đại sứ của những nước này ở Áo) với bộ trưởng Bộ ngoại giao Áo Bu-ôn. Hội nghị thứ nhất, được triệu tập vào tháng Bảy 1853, cũng có mời cả đại sứ Nga tới dự, nhưng bị từ chối. Hội nghị này nhằm mục đích chính thức là đứng ra làm trung gian giữa Nga và Thổ Nhĩ Kỳ nhân có tình hình quan hệ căng thẳng giữa hai nước này. Trong những cuộc hội nghị được triệu tập nhiều lần ấy, người ta đã dần dần đi đến nhất trí và định ra những yêu cầu của bốn cường quốc đối với Nga và Thổ Nhĩ Kỳ; những yêu cầu này về sau trở thành cơ sở cho nội dung họp của Hội nghị Viên năm 1855 và hòa ước Pa-ri năm 1856 chấm dứt cuộc chiến tranh Crưm. -212.
- 119 Đầu năm 1853, Chính phủ Áo trục xuất khỏi Lô-m-bác-di hơn 5000 người nguyên quán ở bang Tét-xin của Thụy Sĩ. Chính phủ Áo nêu lý do khiến họ phải thi hành biện pháp đó là cuộc khởi nghĩa Mi-la-nô tháng Hai 1853 đã do các nhà cách mạng I-ta-li-a lưu vong sống ở Tét-xin chuẩn bị. Mãi đến tháng Ba 1855, sau cuộc đàm phán ngoại giao lâu dài, Chính phủ Áo mới cho phép những người Tét-xin bị trục xuất trở về chỗ cũ. -218.
- 120 Mác dùng chữ đảng lập hiến I-ta-li-a để chỉ phái tự do (cái gọi là moderatti - phái ôn hòa) do Ca-vuốc lãnh đạo; đảng này đại biểu cho lợi ích của giai cấp đại tư sản bảo hoàng - tự do và của quý tộc đã tư sản hóa lúc đó đấu tranh nhằm thống nhất nước I-ta-li-a bằng con đường từ trên xuống, dưới sự bảo trợ của vương triều Xa-voa; lo sợ phong trào cách mạng của quần chúng nhân dân, đảng này xây dựng sách lược của mình trên cơ sở lợi dụng tình hình quốc tế thuận lợi và sự viện trợ của nước khác. Năm 1853 - 1854, đảng này đã thúc đẩy Pi-ê-mông đứng về phía Anh và Pháp tham gia cuộc chiến tranh Crưm, hy vọng rằng bằng cách đó sẽ bảo đảm được sự ủng hộ của các cường quốc ấy trong sự nghiệp thống nhất nước I-ta-li-a. Pi-ê-mông tham chiến năm 1855.
- Tờ "Unione" ("Liên minh") ở Tu-rin là cơ quan ngôn luận của cánh tả trong đảng này. - 219.
- 121 Đây muốn nói đến bài xã luận của tờ "Times" số ra ngày 19 tháng Tư 1854, trong đó tờ báo phê phán sự do dự của chính phủ trong các vấn đề có liên quan đến việc tiến hành chiến tranh. -224.
- 122 "Lloyd" là tên gọi tắt của tờ báo của phái tự do Anh "Lloyd's Weekly London Newspaper" ("Tuần báo Lôi-đơ ở Luân Đôn"), xuất bản dưới tên gọi ấy từ năm 1843 đến 1918. -226.
- 123 Hiệp ước Áo - Phổ ký ngày 20 tháng Tư 1854 ở Béc-lin. -227.
- 124 Đây muốn nói đến bản nghị định thư của hội nghị thường kỳ họp ở Viên do đại biểu của Anh, Pháp, Phổ và Áo ký ngày 9 tháng Tư 1854. Các nước ký nghị định thư đã từ chối hành động riêng rẽ trong vấn đề giải quyết cuộc xung đột giữa Nga và Thổ Nhĩ Kỳ. Đã định ra cơ sở cho hiệp nghị sau này: sự toàn vẹn của Đế quốc Thổ Nhĩ Kỳ, quân Nga rút khỏi các công quốc thuộc vùng sông Đa-nuýp, cho thần dân theo Cơ Đốc giáo của vua Thổ Nhĩ Kỳ

- hưởng những quyền tự do tín ngưỡng và tự do công dân không phương hại đến nền độc lập và chủ quyền của vua Thổ Nhĩ Kỳ, và tìm kiếm sự bảo đảm cần thiết để duy trì được thế cân bằng ở châu Âu khi giải quyết quan hệ chính trị của Thổ Nhĩ Kỳ. -230.
- 125 Qua sổ tay của Mác có thể thấy rằng ngày 2 và 5 tháng Năm 1854, ông đã gửi cho ban biên tập tờ "New-York Daily Tribune" hai bài. Nhưng ban biên tập đã gộp hai bài ấy thành một bài, cho đăng vào ngày 16 tháng Năm 1854 có chữ ký của Mác. Trong tập này, bài ấy được in theo bản đã đăng trên báo. Một phần tài liệu mà Mác gửi - về chính sách của Phổ - đã được ban biên tập sử dụng dưới hình thức thay đổi đi rất nhiều, trong bài xã luận của mình, đăng trên tờ báo ngày 19 tháng Năm 1854. -233.
- 126 "*L'Indépendance belge*" ("Độc lập của Bỉ") là tờ nhật báo tư sản, thành lập ở Bruy-xen năm 1831; cơ quan ngôn luận của phái tự do. -234.
- 127 "*Die Press*" ("Báo chí") là tờ nhật báo của phái tự do tư sản Áo, xuất bản ở Viên từ năm 1848 đến năm 1894; trong những năm 1861 - 1862, khi tờ báo giữ lập trường chống phái Bô-na-pác-tơ, có đăng các bài báo và bản tin của Mác. -238.
- 128 "*Agramer Zeitung*" ("Báo A-gram") là tờ nhật báo xuất bản ở A-gram (Da-grép) từ năm 1826, cơ quan bán chính thức của Chính phủ Áo. -238.
- 129 Đây muốn nói đến cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc của nhân dân Đức chống sự thống trị của Pháp, được triển khai sau thất bại của quân đội Na-pô-lê-ông ở Nga. Trong cuộc đấu tranh ấy, các giai cấp thống trị và các triều đại cầm quyền ra sức nhóm lên tâm lý số-vanh và lợi dụng cuộc đấu tranh của nhân dân để củng cố chế độ phong kiến phản động ở Đức. -238.
- 130 *Treubund* (Liên minh những người trung thành) là một tổ chức số-vanh phản động do phái bảo hoàng Phổ thành lập ở Béc-lin vào cuối năm 1848. -238.
- 131 Mác muốn nói đến một loạt bài của mình về ngân sách tài chính của Glát-xtôn viết vào mùa xuân năm 1853 (xem C.Mác và Ph. Ăng-ghe-n, Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 1993, t.9, tr. 62 -114.). -242.
- 132 Đây muốn nói đến hiệp định do đại biểu của Nga, Anh và Hà Lan ký ngày 19 (7) tháng Năm 1815 ở Luân Đôn về việc bồi thường cho Nga các khoản chi phí chiến tranh trong cuộc đánh đuổi quân đội Na-pô-lê-ông ra khỏi các tỉnh của Hà Lan và Bỉ. Theo hiệp định này thì Chính phủ Anh và Hà Lan có nghĩa vụ thanh toán, - coi đây là khoản bồi thường - một phần khoản nợ của Nga đối với các chủ ngân hàng Hà Lan là Hốp và công ty (mỗi nước trả 25 triệu gun-đen Hà Lan) và số lợi tức của món nợ ấy chưa được trả tính đến ngày 1 tháng Giêng 1816. Một điều khoản đặc biệt của hiệp định quy định rằng việc thanh toán nợ sẽ bị đình chỉ trong trường hợp một số tỉnh của Bỉ tách khỏi Hà Lan. Sau cuộc cách mạng 1830 và sự thành lập quốc gia Bỉ độc lập, Chính phủ Hà Lan ngừng thanh toán. Nhưng Pan-móc-xtôn thay mặt Chính phủ Anh đã ký với Nga hiệp định mới ngày 16 (4) tháng Mười một 1831 thừa nhận nghĩa vụ tài chính trước đây của Anh. -247.

- 133 Chỗ này không đúng với thực tế: tướng Đ.E. Ô-xten-Xa-ken chỉ huy quân đoàn ba ở vùng Đa-nuýp, rồi sau đó (từ tháng Chạp 1853) viên tướng này lại chỉ huy các đơn vị phòng thủ bờ biển từ sông Béc đến sông Đa-nuýp; bộ tham mưu của viên tướng này đóng ở Ô-dét-xa. - 249.
- 134 *Trận chiến đấu gần Éc-két-phuê-đơ* ngày 5 tháng Tư 1849 là một trong những hoạt động trong cuộc chiến tranh Slê-dơ-vích - Hôn-stai-nơ xảy ra giữa Đan Mạch và Phổ vào các năm 1848 - 1850. - 251.
- 135 Các bài báo của C.Mác về việc tảo thanh các trại ập ở Xcôt-len và Ai-rơ-len, xem C.Mác và Ph.Ăng-ghe-n, Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 1993, t.8, tr.661-669 và t.9, tr.208. - 215.
- Phía dưới, Mác dẫn ra những tài liệu thực tế mà E. Giôn-xơ công bố trong bài xã luận của tờ "People's Paper" số ra ngày 13 tháng Năm 1854. - 254.
- 136 Đây muốn nói đến một trong những cuộc bãi công lớn nhất của công nhân Anh trong những năm 50 của thế kỷ XIX. Tháng Tám 1853, công nhân dệt và công nhân kéo sợi của xưởng dệt vải bông ở Prê-xtơn và vùng ngoại ô đã bãi công đòi tăng lương 10%; công nhân các ngành khác đã ủng hộ họ. Để đối phó lại, tháng Chín 1853 Hội liên hiệp các chủ xí nghiệp đã tuyên bố thải thợ. Trong số 30000 công nhân Pê-xtơn, khoảng 25000 người đã ngừng làm việc. Đặc điểm của phong trào bãi công năm 1853 là sự giúp đỡ của công nhân các thành phố khác đối với các công nhân bãi công, nhờ đó mà công nhân Prê-xtơn có thể đứng vững được trên 36 tuần lễ. Cuộc thải thợ ngừng vào tháng Hai 1854, nhưng cuộc bãi công vẫn tiếp tục. Để phá hoại nó, Hội liên hiệp chủ xí nghiệp bắt đầu đưa công nhân từ Ai-rơ-len và từ các trại lao động ở Anh đến Prê-xtơn. Tháng Ba 1854, những người lãnh đạo cuộc bãi công bị bắt. Do hết quỹ, công nhân buộc phải trở lại làm việc. Cuộc bãi công kết thúc vào tháng Năm. Về nguyên nhân của cuộc bãi công ở Prê-xtơn, xem C.Mác và Ph.Ăng-ghe-n, Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, 1993, t.9. - 259.
- 137 Bài này, được đăng lại theo tờ "People's Paper", đã được đăng trên tờ "New-York Daily Tribune" dưới đầu đề: "Hoạt động quân sự ở biển Ban-tích và Hắc Hải. Phương thức tác chiến của Anh - Pháp".
- Ở phía trên bài này, ban biên tập tờ "People's Paper" có thêm đoạn sau đây: "Để dành chỗ cho bài viết tài tình dưới đây, do một nhà hoạt động chính trị nổi tiếng của châu Âu hiện đang ở Anh viết, chúng tôi buộc phải bỏ phần tin tức thời sự thường lệ". - 260.
- 138 Đây muốn nói đến các báo cáo của đô đốc Ha-me-lanh gửi Chính phủ Pháp ngày 1 và 5 tháng Năm 1854 thông báo về hoạt động của phân hạm đội liên quân ở Hắc Hải sau cuộc pháo kích Ô-dét-xa; các báo cáo này đã được đăng tóm lược trên tờ "Moniteur universel" số ra ngày 21 tháng Năm 1854. - 263.

- 139 Đây muốn nói đến cuộc tập huấn dã ngoại lớn và cuộc diễn tập quân sự được tiến hành ở gần thành phố Sô-bem cách Luân Đôn không xa, từ ngày 21 tháng Sáu đến 20 tháng Tám 1853 để chuẩn bị cho cuộc chiến tranh chống lại nước Nga. - 270.
- 140 *Phái cấp tiến Mây-phe* là biệt hiệu của nhóm cấp tiến giả hiệu (Môn-xơ-uốt, Béc-nan Ô-xbôóc-nơ v.v.), trên thực tế nó đại biểu cho bộ phận quý tộc Anh ve vãn phái dân chủ. Chữ "Mây-phe" lấy từ tên gọi của một trong những khu quyền quý ở Luân Đôn là khu Mây-phe, nơi có lâu đài của các nhà quý tộc. - 273.
- 141 Đây muốn nói đến nghị định thư của hội nghị thường kỳ của các đại biểu Anh, Pháp, Áo và Phổ, ở Viên ngày 23 tháng Năm 1854. - 275.
- 142 "*The Morning Herald*" ("Truyền tin buổi sáng") là nhật báo Anh có xu hướng bảo thủ, xuất bản ở Luân Đôn từ năm 1780 đến năm 1869. - 281.
- 143 "*The Globe*" là tên gọi tắt của một tờ nhật báo buổi chiều ở Anh "The Globe and Traveller" ("Trái đất và nhà du hành"), xuất bản ở Luân Đôn từ năm 1803; cơ quan của đảng Vích, là tờ báo của chính phủ vào các thời kỳ đảng này cầm quyền; từ năm 1866 là cơ quan của đảng bảo thủ. - 284.
- 144 "*The Manchester Guardian*" ("Người bảo vệ Man-se-xtơ") là tờ báo tư sản Anh, cơ quan của phái mật dịch tự do, về sau trở thành cơ quan của đảng tự do; được lập ở Man-se-xtơ năm 1821. - 286.
- 145 Đây muốn nói đến việc quân Thổ Nhĩ Kỳ bị quân Áo - Đức - Ba Lan tiêu diệt ở gần Viên ngày 12 tháng Chín 1683, trong trận này quân đội Ba Lan, dưới quyền chỉ huy của I-an Xô-be-xki, đã đóng vai trò quyết định. Trận đánh này ngăn chặn quân Thổ Nhĩ Kỳ tiến vào Trung Âu. - 288.
- 146 J. Hammer. "Geschichte des Osmanischen Reiches, grossentheils aus bisher unbenützten Handschriften und Archiven". Bd. 1-10, Pest, 1827 - 1832 (I. Ham-méc. "Lịch sử Đế quốc Ôt-tô-man, biên soạn chủ yếu trên cơ sở những bản thảo và hồ sơ lưu trữ trước kia chưa sử dụng". Tập 1-10, Pét, 1827-1832). - 288.
- 147 *Phái Pin* là phái bảo thủ ôn hòa tập hợp xung quanh R. Pin và ủng hộ chính sách của ông ta là nhượng bộ giai cấp tư sản công - thương nghiệp trong lĩnh vực chính sách kinh tế trong khi vẫn duy trì quyền thống trị chính trị của đại địa chủ và các nhà tài chính. Năm 1846, vì lợi ích của giai cấp tư sản công nghiệp, Pin đã hủy bỏ những đạo luật về ngũ cốc, gây ra sự bất mãn sâu sắc của phái thuế quan bảo hộ trong đảng To-ri và đưa tới sự chia rẽ của đảng To-ri và sự phân lập của phái Pin. Từ khi Pin chết vào năm 1850, phái Pin là một tập đoàn chính trị không có cương lĩnh rõ ràng. Phái Pin đã tham gia chính phủ liên hiệp của A-bóc-đin (1852 - 1855). Từ cuối những năm 50 đến đầu những năm 60, phái Pin tham gia đảng tự do. - 289.
- 148 Trong sổ tay của Mác có ghi là bài viết về Xanh - Ác-nô đã được gửi cho ban biên tập tờ "New-York Daily Tribune" vào ngày 6 tháng Sáu 1854. Bài này không được đăng báo. - 291.

- 149 Đây muốn nói đến cuộc cách mạng tư sản tháng Bảy 1830 ở Pháp. -291.
- 150 "*Hãy tự giúp mình, thì trời sẽ giúp cho*" là tên gọi của một đoàn thể chính trị theo xu hướng tự do ôn hòa, được thành lập ở Pháp năm 1827, với sự tham gia của nhiều nhà hoạt động tương lai của nền Quân chủ tháng Bảy sau này (Ghi-dô, Ba-rô, La-phay-ét v.v.); nhóm cộng hòa tư sản (Phlô-công, Gốt-phroa Ca-ve-nhắc v.v.) cũng tham gia tổ chức này.
- Hội ngày 10 tháng Chạp* là một hội bí mật của phái Bô-na-pác-tơ, được thành lập năm 1849, chủ yếu bao gồm các phần tử thoái hoá giai cấp. Mác đã trình bày tỉ mỉ về Hội ngày 10 tháng Chạp trong tác phẩm "Ngày 18 tháng Sương mù của Lu-i Bô-na-pác-tơ" (Xem C. Mác và Ph.Ăng-ghe-n, Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 1993 t.8, tr.209 - 214). - 291.
- 151 Đây muốn nói đến cuộc chính biến ngày 2 tháng Chạp 1851 của Lu-i Bô-na-pác-tơ. -294.
- 152 Moltke: "Der russisch - türkische Feldzug in der europäischen Türkei 1828 und 1829. Berlin, 1845, S.206 (Môn-cơ. "Chiến dịch Nga - Thổ Nhĩ Kỳ năm 1828 và 1829 ở bộ phận châu Âu của Thổ Nhĩ Kỳ". Béc-lin, 1845, tr.206). -301.
- 153 *Ba-si-bu-dúc* là tên gọi của các đơn vị quân không chính quy của quân đội Thổ Nhĩ Kỳ thế kỷ XVIII - XIX, nổi tiếng về vô kỷ luật, tàn bạo và cướp bóc. -303.
- 154 Bài này do Ph.Ăng-ghe-n viết ngày 14 tháng Sáu 1854 theo yêu cầu của Mác, là người đã viết bổ sung cho bài đó và gửi đến tờ "New-York Daily Tribune" ngày 16 tháng Sáu. Ban biên tập đăng bài này làm xã luận, có kèm một đoạn mở đầu sau đây: "Tin tức từ châu Âu và những cuộn báo mà chúng tôi nhận được hôm qua do tàu "A-mê-ri-ca" đem đến, hoàn toàn xác nhận tin tức về việc quân Nga bị đuổi khỏi các chiến hào ở Xi-li-xtơ-ri và sau đó rút từ Va-la-ki về tuyến sông Xê-rét. Chúng tôi được biết, quân Áo nhất định sẽ tiến vào Va-la-ki, nơi mà quân Nga đã rút, căn cứ vào hiệp ước đã được ký kết ở Công-xtăng-ti-nô-pô-ly ngày 14 tháng trước. Như người ta cho chúng tôi biết, bản hiệp ước này - mà trong tình hình hiện nay nó có ý nghĩa quan trọng đối với Nga hoàng - đã được ký kết theo chỉ thị trực tiếp của công tước Mét-téc-ních, người mà trên thực tế lại chỉ đạo chính sách đối ngoại của vương triều Hấp-xbuc".
- Qua sổ tay của Mác người ta thấy rằng Mác đã đưa vào bài này những tài liệu về Xanh-Ăc-nô dùng để kết thúc sự nhận định về nhà hoạt động thuộc phái Bô-na-pác-tơ ấy trong bài viết ngày 9 tháng Sáu 1854 (xem tập này, tr. 291 - 294). Ban biên tập tờ báo đã bỏ phần này. -307.
- 155 Đây muốn nói đến sự tham gia của quân đội Nga hoàng vào việc đàn áp cách mạng Hung-ga-ri năm 1849. - 309.
- 156 "*Wiener Medizinische Wochenschrift*" ("Tuần báo y học Viên") là tạp chí xuất bản ở Viên từ năm 1851. Rõ ràng là Mác muốn ám chỉ một loạt bản tin được gửi từ Va-la-ki về và một bản tin được gửi từ Đô-brút-gia về, đều đã được đăng, không ký tên, trên tạp chí này nửa đầu năm 1854. -310.

- 157 Đây muốn nói đến bài phát biểu của A-bóc-đin trả lời bài tham luận của Linh-huê-xtơ trong cuộc thảo luận vấn đề phương Đông tại thượng nghị viện ngày 19 tháng Sáu 1854. Linh-huê-xtơ, đại biểu của phe bảo thủ đối lập, đã phê phán gay gắt chính sách đối ngoại của Chính phủ Nga hoàng đối với Thổ Nhĩ Kỳ và đổ lỗi cho chính phủ liên hiệp là thiếu kiên quyết trong việc tiến hành chiến tranh. Trong bài phát biểu của mình, A-bóc-đin đã bênh vực chính sách của Chính phủ Nga hoàng. -320.
- 158 Mác trích trong báo cáo khẩn của đại sứ Nga ở Anh là công tước Li-ven và của bá tước Ma-tu-sê-vích gửi bá tước Ne-xen-rô-đe ngày 13 (1) tháng Sáu 1829, căn cứ theo bản đăng trên tạp chí "Portfolio", số 1, 1843, tr.17 - 19, 21. -322.
- 159 *Liên minh bốn nước* - xem chú thích 88. - 326.
- 160 Đây muốn nói đến cuộc nổi loạn vũ trang (prô-nun-xi-a-men-xtô) xảy ra ở Ma-đrít ngày 28 tháng Sáu 1854. Do tình hình kinh tế trong nước nghiêm trọng và do sự hoành hành của thế lực phản động, sự bất mãn của nhân dân ở Tây Ban Nha đã phát triển từ mùa xuân năm 1854; sự bất mãn của quần chúng đặc biệt trở nên gay gắt do việc giải tán nghị viện, nghị viện này định phản đối việc chính phủ ban hành sắc lệnh thu thuế trước 6 tháng. Những người lãnh đạo cuộc nổi loạn là các tướng Ô Đôn-nen và Đun-xơ, họ đã vì mục đích cá nhân mà tìm cách lật đổ nền chuyên chính của Xan-Lu-i-xơ, họ định lợi dụng sự bất mãn đó của quần chúng và đã buộc phải hứa hẹn tiến hành một số cải cách có tính chất tư sản trong lĩnh vực thuế khoá; họ cũng hứa quét sạch bọn gian thần, triệu tập nghị viện, thành lập đội cảnh vệ quốc dân và tiến hành những cải cách khác. Sự tham gia của quần chúng nhân dân vào cuộc đấu tranh này đã đưa tới cuộc cách mạng tư sản năm 1854 - 1856, trong tiến trình cuộc cách mạng đó chính quyền lại được chuyển vào tay phái cấp tiến, đứng đầu là E-xpác-te-rô, vào năm 1854. Nhưng hoảng sợ trước tính tích cực của đồng đảo quần chúng nhân dân, giai cấp tư sản đã chuyển sang phía phản cách mạng, và năm 1856 chính quyền lại lọt vào tay tập đoàn phản động cực đoan. -329.
- 161 Rõ ràng là Mác ám chỉ cuộc khởi nghĩa xảy ra trong các đơn vị quân đồn trú ở Xa-ra-gốt vào tháng Hai 1854. -329.
- 162 Mác dùng những từ "sự kiện nổi tiếng ở Brôn-xen-lơ" để gọi một cách châm biếm trận chiến đấu không đáng kể ngày 8 tháng Mười một 1850 giữa các đơn vị tiền tiêu của quân Phổ và quân Áo. Là các bên đấu tranh giành bá quyền ở Đức, nên Phổ và Áo giành giật nhau quyền can thiệp vào công việc nội bộ của Cuộc-hét-xen để đàn áp cuộc khởi nghĩa nổ ra ở đây; vì Áo được sự ủng hộ về ngoại giao của Chính phủ Nga hoàng, nên Phổ buộc phải nhượng bộ. -331.
- 163 *Thông điệp Viên* - xem chú thích 65. -333.
- 164 Theo một điều khoản trong hiệp ước A-đri-a-nô-pôn giữa Nga và Thổ Nhĩ Kỳ (năm 1829), Môn-đa-vi-a và Va-la-ki do quân đội Nga chiếm đóng cho đến khi Thổ Nhĩ Kỳ thực hiện xong khoản bồi thường chiến tranh (việc chiếm đóng kéo dài đến năm 1834). Thổ Nhĩ Kỳ phải thừa nhận quyền tự trị của các công quốc thuộc vùng sông Đa-nuyp, cho họ quyền tự bầu ra quốc vương của mình. Năm 1831, hội nghị quý tộc và tăng lữ ở Môn-đa-vi-a và Va-la-ki, căn cứ vào đề án do Chính phủ Nga hoàng soạn thảo, đã thông qua Quy chế tổ

chức, theo đó thì quyền lập pháp ở mỗi công quốc đều thuộc về nghị viện do các địa chủ lớn cử ra, còn quyền hành pháp thuộc về các quốc vương do đại biểu của địa chủ, tăng lữ và thành thị bầu ra để cầm quyền cho đến cuối đời. Các chế độ phong kiến trước kia, trong đó có chế độ lao dịch, được duy trì, chính quyền tập trung trong tay bọn đại địa chủ chủ nô. Đồng thời bản Quy chế thực hiện nhiều cải cách có tính chất tư sản: xóa bỏ thuế quan nội địa, thực hiện tự do mậu dịch, tòa án tách khỏi chính quyền, cho phép nông dân được chuyển từ chủ này sang chủ khác, thủ tiêu cực hình. Trong thời kỳ nổ ra cuộc cách mạng 1848, bản Quy chế tổ chức bị bãi bỏ. -335.

- 165 *Hiệp ước Ban-ta - Li-man* là công ước ký kết giữa Nga và Thổ Nhĩ Kỳ ngày 1 tháng Năm (19 tháng Tư) 1849 về việc quân đội của hai nước này tiến vào Môn-da-vi-a và Va-la-ki với mục đích đàn áp phong trào cách mạng. Căn cứ vào công ước này thì chế độ chiếm đóng sẽ được duy trì cho đến khi hoàn toàn hết nguy cơ cách mạng (quân đội nước ngoài đã chỉ rút khỏi các công quốc ấy vào năm 1851), tạm thời thì hành nguyên tắc là vua Thổ Nhĩ Kỳ bổ nhiệm các quốc vương sau khi đã thỏa thuận với Nga hoàng, và có quy định rằng Nga và Thổ Nhĩ Kỳ thì hành một loạt biện pháp, trong đó có việc tái chiếm đóng bằng quân sự nếu xảy ra cách mạng. Ở các công quốc này Quy chế tổ chức đã được khôi phục (xem chú thích 164). -337.
- 166 Qua thư của Mác gửi Ăng-ghen ngày 7 tháng Bảy 1854 thì thấy rằng bài "Chiến tranh ở vùng Đa-nuýp" (trong số tay của Mác đề là "Cuộc vây hãm Xi-li-xtơ-ri. Phần cuối") Mác đã để chậm lại mãi đến ngày 11 tháng Bảy 1854 mới gửi đi. -339.
- 167 Bài tường thuật của phóng viên tờ "Times" S. Nê-xmít "Cuộc vây hãm Xi-li-xtơ-ri", đề ngày 2 tháng Sáu, đã được đăng trên tờ "Times" ngày 3 tháng Bảy 1854. -340.
- 168 "*Gaceta*" là tên gọi tắt của tờ báo Tây Ban Nha "Gaceta de Madrid" (Báo Ma-đrít"), thành lập năm 1661, cơ quan chính thức của chính phủ. -345.
- 169 Đảng tư sản - tự do của phái tiến bộ được thành lập vào những năm 30 của thế kỷ XIX; phái tiến bộ dựa vào giai cấp tư sản hạng trung và tiểu tư sản thành thị, dựa vào trí thức và một bộ phận sĩ quan. Yêu sách cơ bản của họ là chế độ quân chủ hạn chế. Năm 1854, khi nổ ra cuộc cách mạng tư sản (1854 - 1856), phái tiến bộ, đứng đầu là Ê-xpác-te-rô, đã lên nắm chính quyền. Trong quá trình cách mạng, do hoảng sợ trước sự phát triển của phong trào quần chúng nhân dân, phái tiến bộ đã nhượng bộ bọn phản cách mạng, dọn đường cho việc thiết lập chế độ phản động ở Tây Ban Nha. -348.
- 170 Âm chỉ sắc lệnh của Chính phủ Tây Ban Nha (tháng Năm 1854) về việc đóng thuế ruộng đất và thuế công nghiệp trước 6 tháng. -349.
- 171 "*Kölnische Zeitung*" ("Báo Khuê") là tờ nhật báo Đức xuất bản dưới tên gọi ấy ở Khuê từ năm 1802; trong thời kỳ nổ ra cuộc cách mạng 1848 - 1849 và trong những năm ngự trị của chế độ phản động tiếp sau đó, tờ báo này đã phản ánh chính sách nhu nhược và phản bội của giai cấp tư sản tự do Phổ; tờ báo đã tiến hành đấu tranh kịch liệt chống lại tờ "Neue Rheinische Zeitung". -349.
- 172 Đây muốn nói đến công văn khẩn ngày 12 tháng Sáu 1854 của thủ tướng kiêm bộ trưởng Bộ ngoại giao Phổ Man-toi-phen gửi công sứ ở Pê-téc-bua là nam tước Véc-te. -350.

- 173 "*Spenerische Zeitung*" ("Báo Spê-nơ") - đó là tên gọi mà người ta dùng để gọi tờ "Berlinische Nachrichten von Staats- und gelehrten Sachen" ("Tin tức Béc-lin về các vấn đề chính trị và khoa học"), gọi theo tên của người xuất bản tờ báo đó, tờ báo này được phát hành ở Béc-lin từ năm 1740 đến 1874. Tờ báo mang xu hướng quân chủ - lập hiến. -351.
- 174 "*Le Siècle*" ("Thế kỷ") là tờ nhật báo xuất bản ở Pa-ri từ năm 1836 đến 1939. Trong những năm 40 của thế kỷ XIX, tờ báo này đã phản ánh quan điểm của bộ phận giai cấp tiểu tư sản chỉ hạn chế trong khuôn khổ yêu sách đòi thực hiện những cải cách lập hiến ôn hòa; trong những năm 50 nó là tờ báo của phái cộng hòa ôn hòa. -352.
- 175 Trong thời kỳ cách mạng Tây Ban Nha 1834 - 1843, ngày 18 tháng Sáu 1837 người ta đã thông qua bản hiến pháp mới, đây là sự thỏa hiệp giữa một bộ phận của phái tự do tư sản với giới quý tộc tự do chủ nghĩa. Bản hiến pháp năm 1837 trao cho nghị viện quyền tự triệu tập, nhưng đồng thời duy trì quyền của quốc vương được phủ quyết và được quyền giải tán nghị viện. Điều kiện bầu cử vào hạ nghị viện được nới rộng, nghị sĩ được bầu cử trực tiếp; thượng nghị viện do quốc vương bổ nhiệm trong danh sách mà các hội đồng tuyển cử chuyên môn đệ trình lên. Hiến pháp thừa nhận Thiên chúa giáo là quốc giáo ở Tây Ban Nha. Bản hiến pháp năm 1837 tồn tại cho đến năm 1845. -357.
- 176 Âm chỉ bức thông điệp ngày 29 (17) tháng Sáu 1854 của bá tước Nê-xen-rô-đe gửi đại biểu Nga ở Viên là công tước Goóc-tra-cốp; bức công hàm này là lời phúc đáp của Chính phủ Nga đối với yêu cầu kiên quyết của Áo về việc quân Nga rút khỏi các công quốc thuộc vùng sông Đa-nuýp mà theo hiệp ước Áo - Thổ Nhĩ Kỳ ký ngày 14 tháng Sáu 1854 phải do quân đội Áo chiếm đóng. Mác đã sử dụng tin tức đăng trên tờ "Indépendance belge" ("Độc lập của Bỉ") số ra ngày 12 tháng Bảy 1854 về bức thông điệp ấy, bấy giờ còn chưa được công bố toàn văn. -357.
- 177 Đây muốn nói đến hiệp ước giữa Áo và Phổ ngày 20 tháng Tư 1854. Việc phân tích tỉ mỉ về hiệp ước này đã được tiến hành trong bài viết của Mác nhan đề "Cuộc khởi nghĩa của người Hy Lạp. - Giới lưu vong Ba Lan. - Hiệp ước Áo - Phổ. - Những tài liệu về việc vũ trang nước Nga" (xem tập này, tr. 226 - 232). - 359.
- 178 "*Oesterreichische Correspondenz*" ("Tin tức nước Áo") là tờ báo in li-tô, cơ quan bán chính thức của Chính phủ Áo; được xuất bản dưới tên gọi ấy ở Viên trong những năm 1850 - 1863. -359.
- 179 Âm chỉ "Bị vong lục của Chính phủ Xéc-bi gửi Chính phủ Thổ Nhĩ Kỳ tối cao về vấn đề quân đội Áo chiếm đóng công quốc này", được công bố ngày 17 (5) tháng Tư 1854. Vấn đề về bản bị vong lục đã được đưa ra hạ nghị viện ngày 20 tháng Sáu 1854, còn lời chất vấn bằng văn bản yêu cầu công bố văn kiện ấy thì được đưa ra ngày 22 tháng Sáu 1854. -359.
- 180 *Hiệp bang Đức* được thành lập theo nghị quyết của Hội nghị Viên năm 1815. Ngoài các quốc gia Đức, gia nhập Hiệp bang còn có công quốc Hôn-stai-nơ phụ thuộc quốc vương Đan Mạch và Lúc-xăm-buốc, lãnh địa của quốc vương Hà Lan. Quốc vương Đan Mạch với

- tư cách là công tước Hôn-stai-nơ và quốc vương Hà Lan với tư cách là đại công tước Lúc-xăm-buốc đều đã tham gia nghị viện hiệp bang của Hiệp bang Đức. -362.
- 181 Phần cuối bài này nói về vụ án Pây-tơ-man, cũng như những phần tương ứng trong bài của Mác ở tr.371 - 372 và tr.399 - 400 trong tập này đều được in bằng tiếng Nga lần đầu. -362.
- 182 Mác muốn nói đến đại biểu của một số quốc gia Đức (Ba-vi-e, Dắc-den, Ha-nô-vơ, Vuyéc-tem-béc, Ba-den, Cuốc-hét-xen, Hét-xen - Đác-mơ-stát và Na-xan) họp hội nghị ở thành phố Băm-béc-gơ vào tháng Năm - tháng Sáu 1854 để quyết định tham gia hiệp ước Áo - Phổ ký ngày 20 tháng Tư 1854 (xem tập này, tr. 226 - 229). -365.
- 183 "*The Observer*" ("Người quan sát") là tờ nhật báo Anh theo xu hướng bảo thủ; xuất bản ở Luân Đôn từ năm 1791. -366.
- 184 "*Journal des Débats*" là tên gọi tắt của tờ nhật báo tư sản Pháp "Journal des Débats politiques et littéraires" ("Báo tranh luận chính trị và văn học"), được lập ra ở Pa-ri năm 1789. Trong thời kỳ nền Quân chủ tháng Bảy nó là tờ báo của chính phủ, cơ quan ngôn luận của giai cấp tư sản phái Óc-lê-ăng. Trong thời kỳ cách mạng 1848, tờ báo này phản ánh quan điểm của giai cấp tư sản phản cách mạng, cái gọi là đảng trật tự. Sau cuộc chính biến năm 1851, nó là cơ quan của phái đối lập Óc-lê-ăng ôn hòa. -368.
- 185 *Oai-tơ-hôn* là một khu phố ở Luân Đôn, nơi có nhiều cơ quan chính phủ. -371.
- 186 *Xcu-i-rơ-xơ* là nhân vật trong tiểu thuyết của Đích-ken-xơ "Cuộc đời và những chuyện phiêu lưu của Ni-cô-lát Ni-cơ-nơ-bi", một nhân vật điển hình về sự ngu dốt, sự tàn nhẫn và tính tham lam và về sự giả nhân giả nghĩa. -371.
- 187 Cuộc chính biến năm 1843 là cuộc đảo chính quân sự phản cách mạng, do các tướng Nác-va-e-xơ, Côn-sa và một số nhân vật khác thực hiện vào tháng Năm nhằm chống lại nền độc tài của Ê-xpác-te-rô, lãnh tụ của phái cấp tiến. Nó được sự ủng hộ của một bộ phận phái cấp tiến đã bất mãn với chính sách của tên độc tài. Ngày 30 tháng Bảy 1843, Ê-xpác-te-rô trốn khỏi Tây Ban Nha; một thủ lĩnh của phái ôn hòa là Nác-va-e-xơ dựa vào bọn đại địa chủ - đã trở thành tên độc tài. Trong nước đã thiết lập nền thống trị phản động tồn tại lâu dài cho mãi đến cuộc cách mạng 1854 - 1856. -373.
- 188 Người ta gọi cuộc chiến tranh giữa Anh và Pháp tiến hành trong các năm 1808 – 1814 trên lãnh thổ Tây Ban Nha và Bồ Đào Nha, là cuộc chiến tranh trên bán đảo Pi-rê-nê hay là cuộc chiến tranh Tây Ban Nha. Đồng thời trên toàn bán đảo đã triển khai cuộc đấu tranh giành độc lập của nhân dân Tây Ban Nha và Bồ Đào Nha chống lại sự chiếm đóng của Pháp. – 373.
- 189 Mác muốn nói đến bản Hiến pháp Ca-đi-xơ được thông qua năm 1812 (xem chú thích 191).

Năm 1822 là điểm phát triển cao nhất của cuộc cách mạng tư sản 1820 - 1823. Trong tình hình đấu tranh giai cấp ngày càng trở nên gay gắt, sau khi âm mưu của phái bảo hoàng bị đập tan vào mùa hè năm 1822, chính quyền chuyển vào tay các đại biểu cánh tả của

- phong trào cách mạng, phái éch-xan-ta-đốt (ecsaltados nghĩa là hân hoan) mà một trong số các lãnh tụ của phái ấy là Ri-e-gô. Việc chính quyền lọt vào tay phái éch-xan-ta-đốt, được sự ủng hộ của bộ phận dân chủ trong giới sĩ quan, của giai cấp tư sản hạng trung, giai cấp tiểu tư sản thành thị, của thợ thủ công và công nhân, đã chứng minh quá trình phát triển hơn nữa của cách mạng. Về vai trò của quân đội cách mạng, xin xem loạt bài viết của Mác nhan đề "Nước Tây Ban Nha cách mạng" (xem tập này, tr. 463 - 526). -373.
- 190 *Phái Các-lốt* là tập đoàn chuyên chế - giáo quyền phản động ở Tây Ban Nha, nó đã ủng hộ Đôn Các-lốt là em trai của Phéc-đi-năng VII và là kẻ theo đuổi ngôi vua. Dựa vào bọn quân phiệt và giới tăng lữ Thiên chúa giáo, cũng như lợi dụng sự ủng hộ của số nông dân lạc hậu ở một số khu vực Tây Ban Nha, phái Các-lốt đã gây ra trong những năm 1833 - 1840 một cuộc nội chiến mà trên thực tế đã biến thành cuộc đấu tranh giữa các phần tử Thiên chúa giáo phong kiến và các phần tử tư sản - tự do và đã dẫn tới cuộc cách mạng tư sản thứ ba. Trong những năm 1872 - 1876, phái Các-lốt lại gây ra chiến tranh nhằm đưa một nhân vật con cháu của Đôn Các-lốt lên ngôi vua Tây Ban Nha. Cuộc chiến tranh này cũng kết thúc bằng thất bại của tập đoàn này. -374.
- 191 *Hiến pháp năm 1812* (Hiến pháp Ca-đi-xơ) do nghị viện khoá 1810 - 1813 thông qua. Bản hiến pháp này hạn chế chế độ quân chủ, tuyên bố quốc dân là người nắm quyền lực tối cao, đã chuyển giao chức năng lập pháp cho nghị viện với cơ cấu một viện và do tổng tuyển cử bầu ra. Nghị viện hưởng quyền rộng rãi trong lĩnh vực chính sách đối ngoại và đối nội. Hiến pháp này đã thực hiện quyền tự trị địa phương, thuế lũy tiến, nghĩa vụ quân sự toàn dân. Ở mỗi tỉnh đều thành lập quân cảnh vệ quốc gia địa phương; toàn bộ chế độ tư pháp được cải tổ. Trong khi nhằm mục đích thực hiện quá trình dân chủ hóa đời sống trong nước Tây Ban Nha, bản hiến pháp này đồng thời đã duy trì sự thống trị của Tây Ban Nha đối với các thuộc địa. Năm 1814 do thắng lợi của thế lực phản động, bản Hiến pháp Ca-đi-xơ đã bị bãi bỏ. Trong nửa đầu thế kỷ XIX, hiến pháp năm 1812 là ngọn cờ của phong trào lập hiến - tự do trong một số nước ở châu Âu. -374.
- 192 Tin tức về sự kiện Bác-xê-lô-na được đăng ngày 19 tháng Bảy 1854 trên tờ báo Pháp "Moniteur universel", cơ quan chính thức của Chính phủ Na-pô-lê-ông III. -377.
- 193 Tháng Ba 1848 Chính phủ lâm thời nước Cộng hòa Pháp - trong đó vai trò lãnh đạo đã thuộc về đảng cộng hòa tư sản ôn hòa tập hợp xung quanh tờ "Le National" ("Báo dân tộc") - đã tổ chức ở Pa-ri những công xưởng quốc gia, với ý định biến công nhân của những công xưởng ấy thành chỗ dựa của mình trong cuộc đấu tranh chống giai cấp vô sản cách mạng. Mưu toan chia rẽ giai cấp công nhân ấy đã không thành công, và công nhân ở các công xưởng quốc gia đã tạo thành hạt nhân chủ yếu của những người khởi nghĩa trong cuộc khởi nghĩa tháng Sáu 1848. -378.
- 194 Tàu tuần dương hạng vừa của Anh "Ti-grơ" khi tiến hành trinh sát bờ biển Hắc Hải đã va phải đá ngầm ngày 12 tháng Năm 1854 ở gần Ô-dét-xa; tàu bị pháo kích và bị hư hỏng nặng, đội thủy thủ bị bắt làm tù binh, con tàu thì bị tiêu hủy. -395.

- 195 Xem các bài của Mác và Ăng-ghe-nơ in trong tập 5 và 6 của bộ Toàn tập này. -398.
- 196 Âm chỉ lập trường của Pan-mốc-xtơn trong cuộc xung đột Anh - Hy Lạp năm 1850 về vụ nhà buôn Pa-xi-phi-cô, người gốc Bồ Đào Nha, lấy quốc tịch Anh. Nhà của Pa-xi-phi-cô ở A-ten bị đốt cháy, do đó Pan-mốc-xtơn, bấy giờ là bộ trưởng Bộ ngoại giao, đã cử hạm đội Anh đến Hy Lạp và trao cho Chính phủ Hy Lạp một tối hậu thư kiên quyết. Trong bài phát biểu sắc mùi xâm lược tại nghị viện, Pan-mốc-xtơn đã bào chữa cho hành động của mình rằng cần phải giữ uy tín cho công dân Anh, ví họ như công dân La Mã thời cổ. Câu "civis romanus sum" ("tôi là công dân La Mã") mà Pan-mốc-xtơn sử dụng bấy giờ, đã trở thành công thức để chỉ đặc quyền và địa vị cao quý mà công dân La Mã được hưởng. -399.
- 197 Đây muốn nói đến các cuộc chiến tranh xâm lược mà bọn thực dân Pháp tiến hành ở An-giê-ri trong những năm 30-40 của thế kỷ XIX để chinh phục nước này. Sự xâm nhập của quân Pháp vào An-giê-ri đã gây ra cuộc kháng chiến lâu dài và ngoan cường của người A-rập. Người Pháp tiến hành chiến tranh một cách cực kỳ tàn bạo. Đến năm 1847, cuộc chinh phục An-giê-ri đã hoàn thành về cơ bản, nhưng cuộc đấu tranh giành độc lập của nhân dân An-giê-ri thì không chấm dứt. - 406.
- 198 *Xích* là một giáo phái ra đời vào thế kỷ XVI ở Pen-giáp (Bắc Ấn Độ). Tư tưởng bình đẳng giữa con người với nhau của người Xích đã trở thành hệ tư tưởng của cuộc đấu tranh của nông dân được triển khai từ cuối thế kỷ XVII chống bọn phong kiến Ấn Độ và bọn xâm lược Ấp-ga-ni-xtan. Về sau, trong nội bộ tín đồ đạo Xích đã phân hóa ra tầng lớp trên phong kiến, mà các đại biểu của nó đã đứng đầu quốc gia Xích bao gồm, vào đầu thế kỷ XIX, toàn bộ vùng Pen-giáp và nhiều khu vực lân cận. Năm 1845 - 1846 và 1848 - 1849 Anh đã tiến hành các cuộc chiến tranh xâm lược đẫm máu đối với người Xích, kết thúc bằng sự thiết lập nền thống trị của Anh ở Pen-giáp, sự kiện đó đã kết thúc việc biến toàn bộ Ấn Độ thành thuộc địa Anh.
- Từ năm 1811, Anh đã tiến hành, với những thời kỳ gián đoạn ở vùng Cáp "các cuộc chiến tranh Ca-phơ-rơ" nhằm mục đích xâm lược (Ca-phơ-rơ là tên gọi chung được dùng vào thế kỷ XIX để chỉ các bộ tộc cư trú ở đông-nam châu Phi) chống lại bộ tộc Cô-xơ. Theo hòa ước năm 1853, bộ tộc Cô-xơ buộc phải nhường một phần lãnh thổ của mình cho bọn thực dân Anh. -406.
- 199 Đây muốn nói đến phong trào năm 1847 ở Thụy Sĩ và I-ta-li-a, báo hiệu cho cuộc cách mạng 1848 - 1849 ở châu Âu. Xem bài của Ph.Ăng-ghe-nơ "Các phong trào năm 1847" (xem C.Mác và Ph. Ăng-ghe-nơ, Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội 1987, t.4, tr.614 - 626). -407.
- 200 Đây là nói về cuộc khởi nghĩa anh dũng của giai cấp vô sản Pa-ri diễn ra vào các ngày 23-26 tháng Sáu 1848 và đã bị giai cấp tư sản Pháp đàn áp dã man. Thất bại của cuộc khởi nghĩa tháng Sáu báo hiệu thời kỳ phản cách mạng ở các nước châu Âu đã đến. -407.
- 201 "Espartero. Historia de Su vida Militar y Politica y de los grandes Sucesos contemporáneos" ("Ê-xpác-te-rô. Lịch sử hoạt động quân sự và chính trị của ông và những

- thành tích to lớn đã đạt được hiện nay"); tác phẩm gồm 4 tập của nhà sử học tư sản tự do chủ nghĩa Tây Ban Nha Hồ-xê Xê-gun đơ Phlô-rê-xơ, xuất bản ở Ma-drít năm 1843. Mác đã sử dụng bản in lần thứ hai của tác phẩm này; tập 1 và 2 của tác phẩm đó được xuất bản năm 1844, còn tập 3 và 4 thì được xuất bản năm 1845. -410.
- 202 Trận đánh ở đồng bằng Ai-a-cu-sô (Pê-ru) là một trong những trận đánh lớn trong cuộc chiến tranh giành độc lập của các thuộc địa Tây Ban Nha ở châu Mỹ (1810 - 1826), xảy ra ngày 9 tháng Chạp 1824. Trong trận này, quân đội Cô-lôm-bi-a và Pê-ru hầu như đã tiêu diệt hoàn toàn quân đội Tây Ban Nha. Kết quả là sự thành lập nước Cộng hòa Bô-li-vi-a độc lập và bảo đảm nền độc lập của Nam Mỹ. -410.
- 203 Ngày 31 tháng Tám 1839, tổng tư lệnh các lực lượng của phái Các-lốt là tướng Ma-rô-tô và tư lệnh quân đội vương quốc là Ê-xpác-te-rô đã ký với nhau ở Véc-gác hiệp nghị chấm dứt cuộc nội chiến ở Tây Ban Nha. Quân của phái Các-lốt bị giải tán, còn Đôn Các-lốt lưu vong sang Pháp ngày 14 tháng Chín 1839. Ý đồ tiếp tục chiến đấu của tướng Ca-brê-ra thuộc phái Các-lốt đã đưa đến chỗ phái Các-lốt bị hoàn toàn đập tan vào tháng Bảy 1840. -410.
- 204 Rõ ràng là Mác muốn nói đến cuốn "Historia politica de la España moderna" ("Lịch sử chính trị của Tây Ban Nha hiện đại") của Mác-li-a-ni, xuất bản ở Béc-xê-lô-na năm 1840. -410.
- 205 Mác trích dẫn cuốn sách khuyết danh của Hi-u-dơ: "Revelations of Spain in 1845. By an English resident". London, 1845, v. I, p.14 ("Sự thật về Tây Ban Nha năm 1845. Tác phẩm của một người Anh đã sống liên tục tại nước đó". Luân Đôn, 1845, t.I, tr.14). Ở phía dưới, Mác trích dẫn ở trang 15-16 cùng trong cuốn sách ấy. -411.
- 206 *Phái Mo-đe-ra-đốt* (moderados - ôn hòa) là phái những người ủng hộ chế độ quân chủ lập hiến, đại biểu cho lợi ích của giai cấp tư sản lớn và bọn quý tộc thuộc phái tự do, xuất hiện vào thời kỳ đầu cuộc cách mạng 1820 - 1823. Trong những năm 40-50 một trong số các lãnh tụ của phái này là tướng Nác-va-e-xơ, người đã tổ chức cuộc đảo chính quân sự phản cách mạng năm 1843 (xem chú thích 187), sau này trên thực tế viên tướng này là kẻ cầm quyền độc tài ở Tây Ban Nha. Trong cuộc cách mạng tư sản thứ tư (1854 - 1856), phái ôn hòa chống lại bất cứ cuộc cải cách tư sản nào và đồng lõa với các thế lực phản động nhất. -411.
- 207 *Ôn-đéc-men* là thành viên các hội đồng thành phố hoặc quận ở Anh.
- Men-sen-hau-dơ*: một tòa nhà ở Luân Đôn, trong đó có trụ sở của thị trưởng Luân Đôn. -413.
- 208 M. A. Principe, R. Giron, R. Satorres, A. Ribot. "Espartero: su pasado, su presente, su porvenir". Madrid, 1848. -414.
- 209 Đây muốn nói đến vụ án ly hôn xảy ra ở Anh năm 1820 giữa quốc vương Gioóc-giơ IV với hoàng hậu Ca-rô-li-na bị buộc tội là bội tình. -416.

- 210 Phía dưới còn có một câu do ban biên tập tờ "New-York Daily Tribune" thêm vào: "mong bạn đọc của chúng tôi phán đoán xem liệu có thể trông chờ những kết quả tích cực ở cuộc cách mạng Tây Ban Nha được không". Trong thư ngày 10 tháng Mười một 1854, Mác đã báo cho Ăng-ghe-nh biết câu này do ban biên tập thêm vào. -416.
- 211 Bài này là bài bình luận quân sự do Ăng-ghe-nh viết theo yêu cầu của Mác và là một phần của một bài dài mà Mác gửi đi Niu Ôc ngày 8 tháng Tám 1854. Nhưng ban biên tập tờ "New-York Daily Tribune" lại đăng bài bình luận ấy làm xã luận ngày 21 tháng Tám, còn phần còn lại cũng đăng trên số báo ấy có ký tên C.Mác (xem tập này, tr. 420 - 427). Trong lần xuất bản này, cả hai bài đều in theo bản đã đăng trên báo. -417.
- 212 Đây muốn nói đến nội các cực kỳ phản động được thành lập vào tháng Mười 1847, trên thực tế do Nác-va-e-xơ, tên độc tài Tây Ban Nha, lãnh tụ phái ôn hòa, lãnh đạo. -422.
- 213 Mác trích dẫn diễn văn của Êc-ne-xtơ Giôn-xơ đăng trên tờ "People's Paper" số ra ngày 5 tháng Tám 1854. -427.
- 214 Hiệp ước Áo - Thổ Nhĩ Kỳ quy định Áo có quyền chiếm đóng trong thời chiến Môn-đa-vi-a và Va-la-ki sau khi quân đội Nga rút khỏi các công quốc đó, đã được ký kết ngày 14 tháng Sáu 1854. -429.
- 215 "Chiến tranh khoai tây" là tên gọi châm biếm đối với cuộc chiến tranh Áo - Phổ tranh quyền kế thừa ngôi vua xứ Ba-vi-e (1778 - 1779), trong đó hầu hết các hoạt động quân sự đều quy tụ vào những cuộc hành quân chỉ nhằm tước đoạt dự trữ lương thực của quân địch.
- Ở đây Mác dùng chữ "chiến tranh khoai tây" để chỉ cuộc xung đột giữa Áo và Phổ nổ ra hồi mùa thu năm 1850, xuất phát từ cuộc đấu tranh giành quyền bá chủ ở Đức (xem chú thích 162). -430.
- 216 Đây muốn nói các hoạt động của chiếc tàu chiến Nga "Vla-di-mia" ở Hắc Hải. Đầu tháng Tám 1854, tàu "Vla-di-mia" trong khi tiến hành cuộc hành trình từ Xê-va-xtô-pôn đến Bô-xpho đã tập kích chiếc tàu chiến Anh "Xi-clô-pơ", đánh đắm mấy tàu Thổ Nhĩ Kỳ và không bị sự đánh trả của hạm đội Anh - Pháp, đã trở về Xê-va-xtô-pôn một cách an toàn. -432.
- 217 *Tuyên bố về sự trung lập vũ trang*, do Ê-ca-tê-ri-na II đưa ra ngày 11 tháng Ba (28 tháng Hai) 1780, là nhằm chống lại Anh trong thời kỳ chiến tranh giành độc lập của Mỹ (1775 - 1783). Trong văn kiện này đã tuyên bố: tàu của các nước trung lập đang ở trên biển có quyền vũ trang tự vệ chống lại sự tập kích của các nước tham chiến; các nước trung lập có quyền tự do buôn bán với các cường quốc tham chiến, nguyên tắc bất khả xâm phạm của tài sản của đối phương dưới lá cờ nước trung lập, việc phong tỏa chỉ có hiệu lực trong trường hợp lỗi vào hải cảng bị phong tỏa thực sự bị hải quân bịt kín. Bản tuyên bố này đã được dùng làm cơ sở cho bản công ước được ký kết giữa Nga và nhiều nước. Trong những năm 1780 - 1783 các nước Đan Mạch, Thụy Điển, Hà Lan, Phổ, Áo, Bồ Đào Nha và Vương quốc hai xứ Xi-xin đã tham gia bản tuyên bố này. -433.

- 218 "*Le Charivari*" ("Tiếng ồn") là tờ báo châm biếm theo xu hướng cộng hòa - tư sản ở Pháp; xuất bản ở Pa-ri từ năm 1832; trong thời kỳ nền Quân chủ tháng Bảy tờ báo này đã dă kích gay gắt chính phủ; năm 1848 đã chuyển sang phe phản cách mạng. -434.
- 219 Năm 1845, nghị viện đã phê chuẩn đạo luật về việc sửa đổi bản hiến pháp năm 1837 (xem chú thích 175); theo đạo luật mới thì điều kiện bầu cử bị nâng cao rất nhiều, quốc vương được quyền không hạn chế trong việc bổ nhiệm thượng nghị sĩ, thủ tiêu quyền tự triệu tập của nghị viện nếu không có sự cho phép đặc biệt của quốc vương, và phạm vi các vấn đề mà nghị viện xem xét thì do quốc vương quy định. -434.
- 220 Bản điều ước giữa giáo hoàng La Mã Pi IX và nữ hoàng Tây Ban Nha I-da-be-la II được ký kết ngày 16 tháng Ba 1851 và được nghị viện phê chuẩn tháng Mười 1851. Theo bản điều ước ấy, quốc vương Tây Ban Nha phải lấy công quỹ để trang trải cho giới tăng lữ Thiên chúa giáo, phải chấm dứt việc tịch thu ruộng đất của giáo hội và trả lại cho các tu viện số ruộng đất đã bị tịch thu trong thời kỳ xảy ra cuộc cách mạng tư sản thứ ba (1834 - 1843) mà chưa bị đem bán. -434.
- 221 Cái gọi là "âm mưu của các nhà cách mạng ở Béc-lin" là vụ khiêu khích của cảnh sát (xem C.Mác và Ph.Ăng-ghe-nh, Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 1993, t.9, tr. 42 - 45). -436.
- 222 *Vụ án những người cộng sản ở Khuê-n* (ngày 4 tháng Mười - ngày 12 tháng Mười một 1852) là một vụ án khiêu khích do Chính phủ Phổ tổ chức, 11 thành viên của tổ chức cộng sản quốc tế, Liên đoàn những người cộng sản (1847 - 1852), đã bị đưa ra toà với lời buộc tội là đã thực hiện "âm mưu mang tính chất phản quốc". Bằng chứng buộc tội là "Tập biên bản thực sự" của các hội nghị Ban chấp hành trung ương, do các nhân viên đặc vụ của cảnh sát Phổ dựng ra, và những tài liệu giả tạo khác, cũng như những tài liệu mà cảnh sát đánh cắp được của nhóm bè phái phiêu lưu Vi-lích - Sáp-pơ đã bị khai trừ khỏi Liên đoàn những người cộng sản. Căn cứ vào những tài liệu và bằng chứng giả tạo ấy, bảy bị cáo đã bị kết án tù từ 3 đến 6 năm. Hành động khiêu khích của những kẻ tổ chức ra vụ án và các thủ đoạn bỉ ổi mà nhà nước cảnh sát Phổ sử dụng chống lại phong trào công nhân quốc tế đã bị Mác và Ăng-ghe-nh hoàn toàn vạch trần (xem bài của Ăng-ghe-nh "Vụ án mới đây ở Khuê-n" và bài tiểu luận châm biếm của Mác "Vạch trần vụ án những người cộng sản ở Khuê-n" trong C.Mác và Ph.Ăng-ghe-nh, Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 1993, t.8, tr. 529 - 537, 539 - 625). -436.
- 223 *Bức thông điệp Viên* - xem chú thích 65. -438.
- 224 Đây muốn nói đến công ước Luân Đôn ngày 13 tháng Bảy 1841 (xem chú thích 13). -438.
- 225 Âm chỉ dự định thực hiện cuộc hôn nhân - dự định này được đưa ra năm 1845 - giữa hoàng thân Lê-ô-pôn-Xác-xen-Cô-buốc-gơ-gốt - anh em thím bá của hoàng thân An-be, chồng nữ hoàng Anh - với nữ hoàng Tây Ban Nha I-da-be-la II, cuộc hôn nhân ấy có thể đưa tới sự tăng cường vị trí của Anh ở bán đảo Pi-rê-nê. Pan-móc-xtơn, sau khi trở thành bộ trưởng Bộ ngoại giao vào năm 1846 đã tích cực ủng hộ kế hoạch này. Dự định này đã không được thực hiện (xem chú thích 89). -439.

- 226 Chateaubriand. "Congrès de Vérone. Guerre d'Espagne. Négociations. Colonies espagnoles". Bruxelles, 1838, t.I, pp. 112, 119 - 120, 132 - 133; t.II, pp. 220-221, 225. -439.
- 227 Đây muốn nói đến bức thông điệp nổi tiếng của tổng thống Mỹ Giêm-xơ Môn-rô gửi Quốc hội Mỹ ngày 2 tháng Chạp 1823, trong đó tuyên bố cái gọi là chủ thuyết Môn-rô nhằm chống lại sự xâm phạm của các cường quốc châu Âu đối với các nước châu Mỹ. Về sau chủ thuyết Môn-rô đã bị bọn bành trướng Mỹ lợi dụng để xác lập quyền bá chủ của Mỹ ở châu Mỹ. -440.
- 228 Marliani. "Historia politica de la España moderna". Barcelona, 1840. -440.
- 229 Phái mậu dịch tự do - mà một trong số các lãnh tụ của họ là Cốp-đen - vì lợi ích của giai cấp tư sản công nghiệp Anh đã đưa ra yêu sách giảm bớt mọi chi phí phi sản xuất về quản lý nhà nước. Họ xếp các khoản chi phí trong việc chinh phục và cai trị các thuộc địa vào loại chi phí trên. Cốp-đen và những người khác cho rằng Anh là nước công nghiệp phát triển nhất có thể chiếm bất cứ thị trường nào, gạt bỏ kẻ cạnh tranh với mình bằng hàng hóa rẻ hơn. -441.
- 230 Căn cứ vào chương IV hiến pháp Tây Ban Nha năm 1812, dân cư thuộc địa Tây Ban Nha, trừ người da đen, được nhận quốc tịch Tây Ban Nha và quyền chính trị ngang hàng với dân cư chính quốc Tây Ban Nha trong đó có quyền bầu đại biểu của mình vào nghị viện. Tạo ra cái vỏ bình đẳng giữa thuộc địa và mẫu quốc, phái tự do Tây Ban Nha đặt ra hiến pháp hồng ngân cản cuộc chiến tranh giành độc lập bấy giờ đang mở rộng ở các thuộc địa Tây Ban Nha ở châu Mỹ. -441.
- 231 "*Punch*" là tên gọi tắt của tờ tuần báo hài hước theo xu hướng tư sản - tự do ở Anh "Punch, or the London Charivari" ("Sự vụng về hay là sự ồn ào ở Luân Đôn"), xuất bản ở Luân Đôn từ năm 1841. -443.
- 232 *Câu lạc bộ đồng minh* là một trong những tổ chức dân chủ nhất, ra đời vào đầu cuộc cách mạng tư sản 1854 - 1856 ở Tây Ban Nha. Tham gia tổ chức này có những người cộng hòa, cũng có đại biểu của chủ nghĩa xã hội không tưởng; Phi-ghe-rát, Pi-i-Mác-gan, Ô-ren-xe v.v.. Tổ chức này đưa ra yêu sách về quyền phổ thông đầu phiếu, quyền tự do tín ngưỡng, tự do báo chí, tự do hội họp, tự do thỉnh cầu, đòi thủ tiêu thuế gián thu và đòi bãi bỏ án tử hình, cũng như yêu sách đòi vũ trang phổ thông cho toàn dân. Đồng thời cương lĩnh này đã hoàn toàn xem thường vấn đề ruộng đất. Khi xuất hiện thời kỳ ngụt trị của thế lực phản động vào cuối năm 1854, câu lạc bộ đã bị đóng cửa (xem tập này, tr.528). -445.
- 233 Trong thời kỳ cách mạng tư sản những năm 1820 - 1823 ở Tây Ban Nha, ngoài các câu lạc bộ dân chủ còn xuất hiện nhiều đoàn thể bí mật tập hợp giai cấp tư sản thành thị, giới sĩ quan và đại biểu của các tầng lớp bên dưới ở thành thị. Những đoàn thể nào có được một tổ chức giỏi hoạt động bí mật, có các phân hội ở các vùng trong nước, thì đã gây được ảnh hưởng lớn đối với chính sách của chính phủ và nghị viện; trong số những nhà hoạt động nổi tiếng nhất của những đoàn thể ấy có Ri-e-gô, Xan-Mi-ghe-n, An-pu-en-te v.v.. - 448.

234 *Cô-buốc-gơ-Bra-gan-xa* là một vương triều cầm quyền ở Tây Ban Nha.

Danh từ Đảng liên hợp dùng để chỉ những người chủ trương thành lập một nước quân chủ thống nhất ở bán đảo Pi-rê-nê. -448.

235 Như chính Ăng-ghe-n đã nêu rõ, khi viết mấy bài về cuộc đánh chiếm Bô-mác-xun-đơ, ông chỉ có trong tay những tin tức hạn chế về diễn biến của chiến sự và những tài liệu mô tả hết sức thiếu sót về cứ điểm Nga ấy trên quần đảo A-lăng. Do đó nhiều chi tiết về cuộc đánh chiếm Bô-mác-xun-đơ đã không được phản ánh trong các bài của Ăng-ghe-n.

Tuy việc xây dựng cứ điểm chưa hoàn thành (mới hoàn thành được 1/5 tổng số các công trình ghi trong đề án), tuy quân địch có ưu thế gấp gần mười lần về sinh lực và pháo binh, nhưng cuộc vây hãm vẫn kéo dài gần một tháng. Trong 6 ngày đêm, quân đồn trú bảo vệ cứ điểm đã đánh lui mọi cuộc tấn công dữ dội và chỉ đầu hàng theo lệnh của chỉ huy, sau khi đã gây cho quân đội Anh - Pháp vây hãm những thiệt hại to lớn. Hành động quân sự chống cứ điểm này chứng tỏ giới quân sự Anh từ bỏ kế hoạch trực tiếp tấn công Crôn-stát. Việc chiếm được Bô-mác-xun-đơ ngày 16 (4) tháng Tám 1854 là một thắng lợi chiến thuật có tính chất tạm thời không có ảnh hưởng quan trọng đến diễn biến chiến sự trên biển Ban-tích vì chiến sự trên biển Ban-tích nhìn chung đã không đem lại kết quả.

Bài này, cũng như bài sau, đều được đăng trên tờ "New-York Daily Tribune" dưới cùng một tiêu đề. Tiêu đề phụ là do Viện nghiên cứu chủ nghĩa Mác - Lênin trực thuộc Ban chấp hành trung ương Đảng cộng sản Liên Xô thêm vào. -452.

236 Vauban. "Traité de l'attaque des places" (Vô-băng. "Bàn về tấn công các cứ điểm"). Tác phẩm này được xuất bản ở Pa-ri năm 1739 với tư cách là phần thứ nhất của một cuốn sách gồm hai tập "Traité de l'attaque et de la défense des places" ("Bàn về tấn công và phòng thủ các cứ điểm"). -456.

237 Douglas. "A Treatise on naval gunnery" (Đu-glát. "Bàn về pháo binh hải quân"), xuất bản lần thứ nhất ở Luân Đôn năm 1820. -459.

238 Loạt bài nhan đề "*Nước Tây Ban Nha cách mạng*" do Mác viết cho tờ "New-York Daily Tribune" vào tháng Tám - tháng Chạp 1854. Khi theo dõi mọi triệu chứng của phong trào cách mạng châu Âu, Mác rất chú ý đến sự kiện xảy ra ở Tây Ban Nha mùa hè năm 1854; Mác cho rằng cuộc đấu tranh cách mạng ở Tây Ban Nha có thể thúc đẩy sự phát triển của phong trào cách mạng ở các nước khác thuộc châu Âu. Để hiểu rõ hơn tính chất đặc thù và đặc điểm của cuộc cách mạng mới ở Tây Ban Nha, Mác đã nghiên cứu kỹ lịch sử các cuộc cách mạng Tây Ban Nha nửa đầu thế kỷ XIX; hiện còn giữ lại được 5 tập bút ký của Mác có trích các tác phẩm của các tác giả Anh, Pháp, Tây Ban Nha. Qua sổ tay của Mác có thể thấy rằng ông đã gửi cho tờ "New-York Daily Tribune" 11 bài bao trùm thời kỳ diễn ra cuộc cách mạng tư sản thứ nhất (1808 - 1814), thứ hai (1820 - 1823) và thứ ba (1834 - 1843) ở Tây Ban Nha. Trong những bài ấy, tờ "New-York Daily Tribune" chỉ đăng có 8 bài đầu (trước năm 1820). Ba bài còn lại trình bày các sự kiện 1820 - 1822 và 1833 thì chưa được công bố. Trong những bài chưa công bố chỉ còn giữ lại được một đoạn của bản thảo

nói về nguyên nhân thất bại của cuộc cách mạng tư sản thứ hai đang trong tập này, tr. 693 - 697). - 463.

239 *Cuộc chiến tranh của Liên minh thần thánh* (1520 - 1522) là cuộc khởi nghĩa của các thành phố (tự trị) Ca-xti-li-a chống lại chế độ chuyên chế của Sác-lơ I. Cuộc khởi nghĩa ban đầu mang tính chất cuộc đấu tranh duy trì đặc quyền phong kiến của thành thị, từ năm 1521 phong trào này mang tính chất phản phong kiến do tầng lớp dưới của thành thị và một bộ phận nông dân tham gia phong trào. Tháng Bảy năm 1520 ở A-vi-la đã thành lập Liên minh thần thánh (hoặc hội đồng nhiếp chính) của thành thị khởi nghĩa, tháng Chín, Liên minh buộc phải chuyển trụ sở đến Toóc-tê-xi-li-ác, rồi tháng Mười một thì chuyển đến Va-li-a-đô-lít, nơi đây đã thành lập nghị viện có đại biểu của 10 thành phố tham gia. -466.

240 Trên bìa trong của một tập bút ký của Mác có ghi những đoạn trích dẫn về Tây Ban Nha, chính tay ông đã ghi bản liệt kê một phần những tác phẩm ông đã nghiên cứu. Dưới đây là những dòng chữ mà người ta đã đọc ra được bằng thứ tiếng của nguyên bản và bản dịch ra tiếng Việt:

Campomanes. Jovellanos)

London. 1854. May. June. July.

- 1) *Parish* (H.H.) *Diplomatic History of the Monarchy of Greece*. London, 1838.
 - 2) *Thierry* (A.) *Essai sur l'histoire de la formation et du progrès du Tiers Etat*. 2nd ed. 2 vol. Paris 1853.
 - 3) *Una Plomada sobre la Indole y Tendencia de la Revolucion en España Madrid. 1846.*
 - 4) *Révolution d'Espagne. Examen critique. 1820-36. Paris. 1836.*
 - 5) *The Crisis of Spain*. 2d edit. *London. 1823.*
 - 6) *Revelations on Spain in 1845. 2 vol. London. 1845*
 - 7) *Señor de Marlioni*. *Historia Politica de la España Moderna*. Barselona. 1849.
 - 8) *Principe. Espartero, su Passado* etc. Madrid. 1848.
- (Căm-pô-ma-nét. Hô-ven-la-nốt)

Luân Đôn. 1854. Tháng Năm. Tháng Sáu. Tháng Bảy.

- 1) *Pa-ri-sơ* (H.H.) *Lịch sử ngoại giao của nước quân chủ Hy Lạp*. Luân Đôn, 1838.
- 2) *Chi-e-ri* (Ô.) *Lịch sử hình thành và phát triển của đảng cấp thứ ba*. Xuất bản lần thứ hai. Hai tập. Pa-ri, 1853.
- 3) *Các bản ghi chép về tính chất và xu hướng của cách mạng Tây Ban Nha*. Ma-đrít. 1846.
- 4) *Cách mạng ở Tây Ban Nha. Bình luận có phê phán. 1820 - 1836. Pa-ri. 1836.*
- 5) *Cuộc khủng hoảng ở Tây Ban Nha. Xuất bản lần thứ hai. Luân Đôn. 1823.*
- 6) *Sự thật về Tây Ban Nha năm 1845. Hai tập. Luân Đôn. 1845.*
- 7) *Ngài Đơ Mác-li-a-ni*. *Lịch sử chính trị của Tây Ban Nha hiện đại*. Béc-xê-lô-na. 1849.

8) *Prin-xi-pê. Ê-xpác-te-rô, quá khứ của ông* v.v.. Ma-đrít. 1848. - 467.

241 *A-i-un-ta-men-tốt* là những cơ quan tự trị địa phương ở Tây Ban Nha, những cơ quan này đóng vai trò chính trị quan trọng trong thời kỳ rê-công-ki-xta - thời kỳ đấu tranh giải phóng Tây Ban Nha khỏi ách thống trị của người A-rập (thế kỷ VIII-XV). Sau khi cuộc khởi nghĩa của các thành phố tự trị hồi thế kỷ XVI bị đàn áp (xem chú thích 239), a-i-un-ta-men-tốt, về cơ bản, đã bị thủ tiêu. Khôi phục a-i-un-ta-men-tốt là một trong những yêu sách dân chủ được đưa ra trong thời kỳ nổ ra các cuộc cách mạng tư sản đầu thế kỷ XIX. A-i-un-ta-men-tốt đã được hiến pháp năm 1812 và nghị viện năm 1820 khôi phục lại trong một thời gian. - 469.

242 Đây muốn nói đến nghị viện Ca-xti-li-a họp ở Va-li-a-đô-lít vào tháng Giêng - tháng Hai 1518 có nhiệm vụ phê chuẩn Sác-lơ làm quốc vương Ca-xti-li-a, tuyên thệ trung thành với Sác-lơ, cũng như tiếp nhận lời thề của Sác-lơ tuân theo phụ-ê-rốt (xem chú thích 267).

Ở chỗ này Mác đã viết nhầm: nghị viện họp trước khi Sác-lơ được cử làm hoàng đế (1519) và trước khi hoàng đế này sang Đức để lên ngôi (1520). -470.

243 *Hội thánh hữu* hoặc *Héc-man-đát-đa thần thánh* là liên minh các thành thị Tây Ban Nha, do chính quyền của nhà vua thành lập vào cuối thế kỷ XV nhằm lợi dụng giai cấp tư sản trong cuộc đấu tranh chống bọn đại phong kiến vì lợi ích của chế độ chuyên chế. Từ giữa thế kỷ XVI lực lượng vũ trang của Héc-man-đát-đa thần thánh đảm nhiệm các chức năng cảnh sát. -471.

244 Hiến pháp do Na-pô-lê-ông I soạn ra cho Tây Ban Nha được thông qua tại hội nghị đại biểu quý tộc Tây Ban Nha họp ở thành phố của nước Pháp Bai-ôn-nơ (nghị viện Bai-ôn-nơ) vào tháng Bảy 1808. Theo hiến pháp, quốc vương (Giô-dép Bô-na-pác-tô) có được quyền lực hầu như vô hạn. Ông ta chỉ định đại biểu của quý tộc Tây Ban Nha vào thượng viện mới thành lập và chỉ định khoảng một nửa số đại biểu nghị viện. Theo hiến pháp, người ta áp dụng chế độ xét xử công khai, xóa bỏ tra tấn, thủ tiêu thuế quan nội địa. Thiên chúa giáo được thừa nhận là quốc giáo duy nhất. Việc thông qua hiến pháp Bai-ôn-nơ đã tăng cường ách thống trị của vương triều Bô-na-pác-tô ở Tây Ban Nha và đã làm gay gắt thêm cuộc đấu tranh giải phóng của nhân dân Tây Ban Nha chống ách chiếm đóng của Pháp và làm cho cuộc cách mạng tư sản (1808 - 1814) tiếp tục phát triển thêm nữa. Trong quá trình cuộc cách mạng này, nghị viện cách mạng Ca-đi-xơ đã thông qua bản hiến pháp tự do - tư sản vào năm 1812 (xem chú thích 191). -474.

245 Phía dưới là một câu do ban biên tập tờ "New-York Daily Tribune" thêm vào "Chúng tôi hy vọng rằng những trang mới mà nhân dân Tây Ban Nha ghi vào sử sách của mình, sẽ xứng đáng với họ và đem lại những thành quả tốt đẹp cho họ, cũng như cho toàn thế giới" (xem thư của C.Mác gửi Ph.Ăng-ghen ngày 10 tháng Mười một 1854). -474.

246 "Mémoires et correspondance politique et militaire du roi Joseph". Paris, 1853 - 1854 ("Hồi ký và thư từ trao đổi về các vấn đề chính trị và quân sự của quốc vương Giô-dép", Pa-ri, 1853 - 1854). Văn bản hiệp ước bí mật, mà người ta cho rằng đã được ký kết ở Tin-dít giữa A-léch-xan-đơ I với Na-pô-lê-ông I, được dẫn ra trong tập 4, tr.246 - 247 căn cứ theo tờ "Gaceta" ở Ma-đrít số ra ngày 25 tháng Tám 1812.

- Trong chính hiệp ước Tin-dít ký giữa Nga và Pháp ngày 7 tháng Bảy (25 tháng Sáu) 1807, cũng như trong các công ước bí mật bổ sung cho bản hiệp ước ấy, đều không có điều khoản nào như thế. -475.
- 247 Đây muốn nói đến sự tham gia của Tây Ban Nha vào cuộc chiến tranh của liên minh thứ nhất chống lại nước Pháp theo chế độ cộng hòa (1793 - 1795). Sau một số thắng lợi, năm 1793 quân đội Tây Ban Nha đã bị thất bại hoàn toàn, và Tây Ban Nha đã buộc phải ký hòa ước riêng rẽ với Pháp vào tháng Bảy 1795. -476.
- 248 R. Southey. "History of the Peninsular War", 3 vol., London, 1823 - 1832 (R.Xa-u-ti. "Lịch sử cuộc chiến tranh ở bán đảo Pi-rê-nê", 3 tập, Luân Đôn, 1823 - 1832). Mác trích dẫn ở tập 1, tr.301. -478.
- 249 Carnicero. "Napoleón o El verdadero D. Quixote de la Europa, o sean Comentarios critico - patriótico - burlescos a varios decretos de Napoleón y su hermano José, distribuidos en dos partes y cincuenta capítulos y escritos por un español amante de su patria". V. 1-6. Madrid, 1813 (Các-ni-xe-rô. "Na-pô-lê-ông - một Đông-Ki-sốt chính cống của châu Âu hay là bình luận có tính chất phê phán - yêu nước - châm biếm đối với cái sắc lệnh của Na-pô-lê-ông và của người anh em ông ta là Giô-dép, gồm hai phần và 50 chương, do một người Tây Ban Nha yêu tổ quốc viết". T. 1-6, Ma-đrít, 1813); "Historia razonada de los principales sucesos de la gloriosa revolución de España". V. 1-4, Madrid, 1814 - 1815 ("Phân tích lịch sử những sự kiện chính yếu của cuộc cách mạng vinh quang ở Tây Ban Nha". T. 1-4, Ma-đrít, 1814 - 1815); "La Inquisición justamente restablecida e impugnación de la obra "Anales de la Inquisición en España" por Llorente". V. 102, Madrid, 1816 ("Sự khôi phục hợp lý tòa án tôn giáo và bác bỏ cuốn "Sử biên niên về tòa án tôn giáo ở Tây Ban Nha" của Luê-ren-tô". T. 1-2, Ma-đrít, 1816). -478.
- 250 Đây là nói về bản báo cáo do Hô-ve-li-a-nốt viết "Informe de la sociedad económica de esta corte al real y supremo Consejo de Castilla en el expediente de ley agraria" ("Bị vong lục của Hội kinh tế Ma-đrít gửi Hội đồng quốc vương tối cao của Ca-xti-li-a về luật ruộng đất", xuất bản lần đầu ở Ma-đrít năm 1795. Mác đã sử dụng tập 7 của bộ tác phẩm của Hô-ve-li-a-nốt gồm 8 tập, xuất bản ở Bắc-xê-lô-na năm 1839 - 1840. -479.
- 251 Sismondi. "De la Littérature du Midi de l' Europe", t.4, Paris - Strasbourg, 1813, p. 258 - 259 (Xi-xmôn-đi. "Về văn học Nam Âu", tập 4, Pa-ri - Xơ-ra-xbua, 1813, tr. 258 - 259). -480.
- 252 Cuộc khởi nghĩa nhân dân ở Bin-bao chống bọn chiếm đóng Pháp đã nổ ra vào tháng Tám 1808. Cuộc khởi nghĩa đã bị tướng Méc-lin đàn áp tàn khốc, quân của viên tướng này đã đánh chiếm thành phố. -483.
- 253 Ngày 27 tháng Chín - 14 tháng Mười 1808 ở Éc-phua đã diễn ra cuộc hội kiến giữa Na-pô-lê-ông và A-lếch-xan-đơ I. Quốc vương Ba-vi-e, Dắc-den, Vuyéc-tem-béc và nhiều quốc vương Đức khác, từng tỏ ra xu nịnh Na-pô-lê-ông, đã tham gia các buổi lễ chúc mừng tổ chức trong thời gian có cuộc đàm phán. -484.

- 254 Mác muốn nói đến hội nghị đại biểu kiểu Hội nghị Quốc ước ở Pháp được lập ra trong thời kỳ cách mạng tư sản Pháp cuối thế kỷ XVIII nhờ kết quả cuộc khởi nghĩa nhân dân ngày 10 tháng Tám 1792. Hội nghị Quốc ước, do toàn thể dân cư nam giới trong nước (trừ tầng lớp đầy tớ trong nhà) bầu ra gồm 750 đại biểu. Trong thời kỳ chuyển chính của phái Gia-cô-banh (2 tháng Sáu 1793 - 27 tháng Bảy 1794), Hội nghị Quốc ước, được sự ủng hộ của quần chúng nhân dân, đã thủ tiêu quan hệ phong kiến ở Pháp và đấu tranh kiên quyết chống thế lực phản cách mạng ở trong nước và ngoài nước, thi hành chính sách khủng bố có tính cách mạng. Sau cuộc chính biến phản cách mạng ngày 27 tháng Bảy 1794, Hội nghị Quốc ước biến thành công cụ của thế lực phản cách mạng tư sản. Tháng Mười 1795, Hội nghị Quốc ước bị giải tán. -485.
- 255 Câu này - mà người ta cho là của Bê-cơn - được trích trong cuốn sách của nhà sử học Tây Ban Nha Tô-re-nô "Historia del levantamiento, guerra y revolucion de España", t.I, Paris, 1838, p.278 ("Lịch sử khởi nghĩa, chiến tranh và cách mạng ở Tây Ban Nha", t.I, Pa-ri, 1838, tr.278). -485.
- 256 Tín đồ dòng Tên bị trục xuất khỏi Tây Ban Nha năm 1767; quyết định này được thông qua theo đề nghị của Phlô-ri-đa-blan-ca, chương lý của Hội đồng quốc vương Tây Ban Nha. -486.
- 257 Mác trích trong cuốn sách của một tăng lữ Tây Ban Nha tên là Bê-ni-tô Xô-le-đát "Memorial historico y politico, que descubre las ideas del Christianissimo Luis XIV, para librar a España de los infortunios, que experimenta por medio de su legitimo Rey Don Carlos III" ("Kỷ yếu lịch sử và chính trị vạch rõ những tư tưởng của Lu-i XIV, một tín đồ Cơ Đốc giáo hết sức ngoan đạo, nhằm giải thoát Tây Ban Nha khỏi sự bất hạnh mà nó phải chịu đựng do quốc vương hợp pháp Sác-lơ III của mình"), xuất bản ở Viên năm 1703. -489.
- 258 Mác muốn nói đến chương mục tương ứng của bộ luật được soạn ra ở Tây Ban Nha vào thế kỷ XIII và chia thành 7 phần (las Partidas); từ thế kỷ XIV, bộ luật ấy được gọi là "Pác-ti-đa". -490.
- 259 Toreno. "Historia del levantamiento, guerra y revolucion de España", Paris, 1838, t.I, p.374. -492.
- 260 Mác trích dẫn lời kêu gọi của Hội đồng nhiếp chính trung ương gửi nhân dân Tây Ban Nha ngày 28 tháng Mười 1809. -494.
- 261 *Comité de salut public* (Ủy ban cứu nguy xã hội) là cơ quan trung ương của chính phủ cách mạng nước Cộng hòa Pháp, được thành lập tháng Tư 1793. Trong thời kỳ chuyển chính Gia-cô-banh (2 tháng Sáu 1793 - 27 tháng Bảy 1794), Ủy ban đã đóng vai trò đặc biệt quan trọng trong cuộc đấu tranh chống thế lực phản cách mạng ở trong nước và ngoài nước, trong việc giải quyết theo tinh thần bình dân các nhiệm vụ của cuộc cách mạng tư sản; sau cuộc chính biến phản cách mạng ngày 9 tháng Nóng, Ủy ban đã mất tác dụng lãnh đạo của mình và bị giải tán vào tháng Mười 1795. -494.

- 262 Pradt. "Mémoires historiques sur la révolution d'Espagne", Paris, 1816, p.224 (Prát. "Hồi ký lịch sử về cách mạng ở Tây Ban Nha", Pa-ri, 1816, tr.224). Ở phía dưới có trích dẫn trang 202-203 cũng trong cuốn sách này. -495.
- 263 Năm 718, ở thung lũng Ca-va-đôn-ga (vùng núi Ác-tu-ri-a), quân đội Tây Ban Nha đã đánh bại quân A-rập. Thắng lợi này thúc đẩy sự xuất hiện ở vùng núi Ác-tu-ri-a một quốc gia độc lập nhỏ mà về sau trở thành một trong những thành trì đấu tranh chống bọn xâm lược A-rập.
- Ở Xô-brác-bơ, một khu vực nhỏ ở vùng núi phía bắc A-ra-gông, cũng xuất hiện - chậm hơn ở Ác-tu-ri-a đôi chút - một khu vực kháng chiến chống bọn xâm lược A-rập. -502.
- 264 *Mita* - chế độ cưỡng bức người da đỏ đến lao động ở các mỏ vàng và bạc ở các thuộc địa Tây Ban Nha tại Nam Mỹ.
- Repartimiento* - chế độ định kỳ phân phối lại ruộng công theo lối rút thăm; việc xóa bỏ repartimiento bằng pháp lệnh ngày 4 tháng Giêng 1813 đã biến ruộng công thành tài sản tư hữu. -508.
- 265 *Hiến pháp 1791*, do Quốc hội lập hiến tư sản thông qua, đã xác lập chế độ quân chủ lập hiến ở Pháp và bảo đảm quyền lợi của giai cấp đại tư sản và giới quý tộc tự do chủ nghĩa. Hiến pháp trao cho quốc vương toàn bộ quyền hành pháp và quyền phủ quyết; bằng cách chia công dân thành loại công dân tích cực và loại công dân thụ động, bản hiến pháp thực tế đã tước bỏ quyền lợi chính trị của đại đa số dân cư. Cuộc khởi nghĩa nhân dân ngày 10 tháng Tám 1792 đã lật đổ vương quyền và đã thủ tiêu bản hiến pháp này. -508.
- 266 Pradt. "De la révolution actuelle de l'Espagne, et de ses suites". Paris - Rouen, 1820, p. 177 - 178 (Prát. "Về cuộc cách mạng hiện nay ở Tây Ban Nha và những hậu quả của nó". Pa-ri - Ru-ăng, 1820, tr.177-178). -508.
- 267 *Phu-ê-rốt* là giấy chứng nhận trong đó, ở Tây Ban Nha thời trung cổ, người ta quy định các đặc quyền và các đặc lợi dành cho các thành thị và các công xã nông thôn trong lĩnh vực tự quản, tư pháp, thuế khoá, binh dịch v.v.. *Phu-ê-rốt* hạn chế sự chuyên quyền phong kiến, nhưng đồng thời thúc đẩy sự phát triển của tinh thần cát cứ địa phương. -508.
- 268 Đây muốn nói đến điều 35 của bản Tuyên ngôn nhân quyền và quyền công dân - phần mở đầu của bản hiến pháp Gia-cô-banh năm 1793 - được thông qua tháng Tư 1793. Điều này quy định:
- "Khi chính phủ vi phạm các quyền của công dân, thì khởi nghĩa là quyền thiêng liêng nhất và là nghĩa vụ tất yếu nhất của toàn thể nhân dân và của mỗi bộ phận nhân dân". -508.
- 269 *Phái xéc-vi-lét* (serviles - xu nịnh) là biệt hiệu của tập đoàn chuyên chế - giáo quyền phản động ở Tây Ban Nha đã hoạt động trong thời kỳ cuộc cách mạng tư sản thứ nhất (1808 - 1814) nhằm chống lại mọi cải cách tư sản và bảo vệ chế độ quân chủ chuyên chế; về sau phái xéc-vi-lét trở thành bọn gian thần ở triều đình Phéc-di-năng VII, và trong những năm cuối đời Phéc-di-năng, tập đoàn này đã gắn lợi ích của mình với lợi ích của em trai Phéc-di-năng VII là Đôn Các-lốt.

Phái tự do đại biểu cho lợi ích của giai cấp tư sản Tây Ban Nha và giới quý tộc tự do chủ nghĩa Tây Ban Nha, họ đã đưa ra bản hiến pháp năm 1812 (xem chú thích 191) làm cương lĩnh của mình.

"Phái châu Mỹ" là một nhóm nhỏ trong nghị viện, đại biểu cho những người Tây Ban Nha sống ở các thuộc địa Tây Ban Nha ở châu Mỹ la-tinh. Trong nghị viện "phái châu Mỹ" khi thì ủng hộ phái xéc-vi-lét, khi thì ủng hộ phái tự do và không đóng một vai trò nào quan trọng. -514.

270 *Hội đồng Tô-ri-đen-tơ* của giáo hội Thiên chúa giáo đóng trụ sở ở các thành phố Tô-ri-đen-tơ (Tô-ri-en-tơ) và Bô-lô-nhơ năm 1545 - 1563. Hội đồng lên án đạo Tin lành và thông qua một loạt nghị quyết về giáo hội Thiên chúa giáo, trong đó nói riêng đã tuyên bố quyền lực của giáo hoàng cao hơn quyền lực của các hội đồng và tăng cường quyền lực của giáo chủ. Các quyết định của Hội đồng Tô-ri-đen-tơ đã trở thành cương lĩnh của bọn ủng hộ thế lực phản động phong kiến - Thiên chúa giáo chống lại mọi phong trào cải cách tôn giáo. -514.

271 *Lát-xa-rô-ni* là biệt hiệu của những phần tử vô sản lưu manh, đã biến chất giai cấp ở I-ta-li-a; bọn lát-xa-rô-ni đã nhiều lần bị tập đoàn quân chủ - phản động lợi dụng trong cuộc đấu tranh chống phong trào tự do và dân chủ. -516.

272 E. San Miguel. "De la guerra civil en España", Madrid, 1836 (Ê. Xan-Mi-ghen. "Về nội chiến ở Tây Ban Nha", Ma-đrít, 1836). -521.

273 Ở Tây Ban Nha, sau khi Phéc-di-năng VII trở về nước, từ tháng Năm 1814 đã thiết lập nền thống trị của thế lực phản động, nó đã xóa sạch mọi thành quả của cuộc cách mạng tư sản 1808 - 1814; các nhà hoạt động cách mạng bị bỏ tù, một số bị xử tử.

Ngày 1 tháng Ba 1822, trong tiến trình cuộc cách mạng tư sản 1820 - 1823, người ta đã triệu tập một kỳ họp của nghị viện được bầu ra trên cơ sở bản hiến pháp năm 1812, đại biểu của phái cấp tiến tư sản (xem chú thích 189) đã chiếm đa số trong nghị viện này. -523.

274 Ngày 20 (8) tháng Bảy 1812 tại Vê-li-ki-e Lu-ki Chính phủ Nga và đại biểu của nghị viện Ca-di-xơ đã ký một hiệp ước về quan hệ đồng minh hữu nghị giữa Nga và Tây Ban Nha trong cuộc chiến tranh chống nước Pháp của Na-pô-lê-ông, cũng như về việc khôi phục và phát triển quan hệ mậu dịch giữa hai nước. Bằng việc ký hiệp ước này, Nga đã thừa nhận tính hợp pháp của nghị viện Ca-di-xơ và của bản hiến pháp do nghị viện này định ra. -524.

275 Đây muốn nói đến tác giả cuốn sách khuyết danh "Examen critique des révolutions d'Espagne de 1820 à 1823 et de 1836" ("Phân tích có phê phán những cuộc cách mạng ở Tây Ban Nha trong những năm 1820 - 1823 và 1836"), xuất bản ở Pa-ri năm 1837, gồm 2 tập. -524.

276 Xem chú thích 227. -524.

277 Đoạn trích dẫn này lấy trong tập I cuốn sách: Martignac. "Essai historique sur la révolution d'Espagne et sur l'intervention de 1823", Paris, 1832 (Mác-ti-nhắc. "Khảo luận lịch sử về cuộc Cách mạng Tây Ban Nha và về cuộc can thiệp năm 1823", Pa-ri, 1832). Cuốn "Tây Ban Nha và cuộc cách mạng của nó" do Mác-li-a-ni viết. -526.

- 278 Đầu đề bài này là lấy theo tờ "New-York Daily Tribune". Trong sổ tay của Mác, bài này được ghi là "Cách mạng Tây Ban Nha". -527.
- 279 Mác trích dẫn ở cuốn sách của Hi-u-dơ (xem chú thích 205). -530.
- 280 Việc tịch thu tài sản của hoàng tộc Óc-lê-ăng được thực hiện theo pháp lệnh ngày 2 tháng Giêng 1852 của Lu-i Bô-na-pác-tơ. -535.
- 281 Mác gọi thời kỳ thống trị của các vua Tây Ban Nha Phi-líp II (1556 - 1598), Phi-líp III (1598 - 1621), Phi-líp IV (1621 - 1665) là thời đại của vương triều Phi-líp. -537.
- 282 Số liệu thống kê lấy ở tạp chí "Economist" số 576, ra ngày 9 tháng Chín 1854. -546.
- 283 Đây muốn ám chỉ cuộc cải cách biểu thuế được thực hiện ở Anh năm 1842 vì lợi ích của giai cấp tư sản công nghiệp, theo đó thuế nhập khẩu về lương thực và về nhiều mặt hàng nhập khẩu khác được hạ xuống. -548.
- 284 Ngày 16 tháng Sáu 1815 ở gần Li-nhi (Bi) đã diễn ra trận đánh giữa quân đội của Na-pô-lê-ông với quân đội Phổ do nguyên soái Phổ Bluy-khơ chỉ huy. Tuy quân Phổ bị thua, Bluy-khơ đã cùng với đội quân của mình thoát khỏi cuộc truy kích của quân địch và hội quân được với cánh quân Anh - Hà Lan đang chiến đấu ác liệt với chủ lực của quân Pháp ở Oa-téc-lô. Thắng lợi của trận đánh - mà thoát đầu nghiêng về phía quân Pháp - đã được định đoạt nhờ sự xuất hiện của quân Phổ. -552.
- 285 Đêm ngày 1 rạng ngày 2 tháng Chạp 1851, một tiểu đoàn của trung đoàn do Ê-xpi-nắc chỉ huy, được lệnh bảo vệ Quốc hội; Ê-xpi-nắc bị phái Bô-na-pác-tơ mua chuộc, ngày 2 tháng Chạp đã cho quân của mình chiếm tòa nhà trong đó nghị viện đang họp, bằng cách như vậy đã thúc đẩy cuộc chính biến của Lu-i Bô-na-pác-tơ. -552.
- 286 Trong nguyên bản viết là Lower Empire, từ này vốn là tên gọi đã từng được dùng trong các tài liệu lịch sử để chỉ Đế quốc Bi-dăng-xơ, cũng như để chỉ Đế quốc La Mã sau này; sau này đã trở thành danh từ chung để chỉ các quốc gia ở vào giai đoạn suy đồi và tan rã. -553.
- 287 Đây muốn nói đến mưu toan của Lu-i Bô-na-pác-tơ định gây ra cuộc đảo chính ngày 6 tháng Tám 1840. Lợi dụng sự rối rắm nào đó của tâm lý ủng hộ Bô-na-pác-tơ ở Pháp, ông ta đã đổ bộ lên Bu-lô-nhơ với một nhóm kẻ hoạt động âm mưu và mưu mô gây ra cuộc bạo động trong các đơn vị quân đội đồn trú ở đây. Mưu đồ ấy hoàn toàn thất bại. Bô-na-pác-tơ bị kết án tù chung thân, nhưng năm 1846 đã chạy trốn sang Anh. -555.
- 288 Đây là nói về cuộc viễn chinh của hạm đội Anh ở cửa sông Sen-dơ, được tiến hành vào năm 1809 trong thời kỳ chiến tranh của liên minh lần thứ năm chống nước Pháp của Na-pô-lê-ông. Chiếm được đảo Van-khe-ren, quân Anh không mở rộng được chiến quả, và sau khi một vạn quân bị chết vì đói và bệnh tật trong số 4 vạn quân đổ bộ thì họ buộc phải rút khỏi đảo này. -557.
- 289 Rô-đô-mông là một trong những nhân vật trong bản trường ca của A-ri-ô-xtơ "Rô-lăng giặc dữ", nhân vật này nổi tiếng về tài bịa đặt khoác lác. -563.

- 290 Cũng số báo này đã đăng tin về diễn từ của Na-pô-lê-ông III trước quân đội. Đoạn này chứng tỏ ban biên tập tờ "New-York Daily Tribune" đã sửa chữa văn bản bài viết của Ăng-ghen. -563.
- 291 Muốn nói đến nghị định thư Luân Đôn ngày 8 tháng Năm 1852 về sự toàn vẹn lãnh thổ của nước quân chủ Đan Mạch, do đại biểu của nước Nga, Áo, Anh, Pháp, Phổ, Thụy Điển cùng nhau ký với đại biểu của Đan Mạch. Cơ sở của điều ước này là bản nghị định thư do các nước thành viên kể trên của hội nghị Luân Đôn (trừ Phổ) thông qua ngày 4 tháng Bảy 1850 và nghị định thư này xác định nguyên tắc không thể chia cắt của các lãnh địa của quốc vương Đan Mạch, gồm cả các công quốc Slê-dơ-vích và Hôn-stai-nơ. Nghị định thư Luân Đôn nêu lên rằng hoàng đế Nga là một trong những người theo đuổi hợp pháp ngôi vua Đan Mạch (vì ông là dòng dõi của công tước Hôn-stai-nơ - Gốt-toóc-pơ, Các-lơ - Pê-tơ - Un-rích đã từng cai trị ở nước Nga dưới vương hiệu Pi-ôt III), trước đây họ đã từ bỏ quyền lợi của mình, nhường cho công tước Cri-xti-an thuộc vương triều Bluych-xbuốc là người được coi là người kế thừa của vua Phrê-dê-rích VII. Điều đó tạo cho Nga hoàng tiền lệ để sau này đòi kế thừa ngôi vua Đan Mạch khi vương triều Bluych-xbuốc chấm dứt. -571.
- 292 Đây muốn nói đến mệnh lệnh ngày 3 tháng Mười 1854 của Na-pô-lê-ông, theo đó A. Bác-be, một nhà dân chủ tiểu tư sản Pháp ngày 15 tháng Năm 1848 đã bị xử án tù chung thân (từ năm 1850 Bác-be ngồi tù ở đảo Be-lơ-I-lơ) vì tham gia hoạt động cách mạng của quần chúng nhân dân Pa-ri, nay được phóng thích vô điều kiện. Lý do ban hành lệnh đó là việc bắt được bức thư riêng của Bác-be viết ngày 18 tháng Chín 1854, trong đó ông ta tỏ ý hoan nghênh cuộc chiến tranh với Nga và "nhân danh nền văn minh" chúc mừng thắng lợi của quân đội Pháp. Toàn văn mệnh lệnh và đoạn trích bức thư được đăng trên tờ "Moniteur universel" số ra ngày 5 tháng Mười 1854. Sau khi được thả, ngày 11 tháng Mười 1854, Bác-be gửi thư cho ban biên tập tờ "Moniteur", trong đó ông ta thừa nhận rằng bức thư ấy là có thật, và tuyên bố rằng "sự vĩ đại của nước Pháp bao giờ cũng là tín ngưỡng của ông", nhưng trước sau ông đã và vẫn là kẻ thù của chế độ Bô-na-pác-tơ. Bức thư được đăng trên các tờ báo của phái dân chủ, như ngày 18 tháng Mười 1854 nó được đăng trên tờ tuần báo "L'homme. Journal de la démocratie universelle" ("Con người. Tờ báo của nền dân chủ toàn thế giới"), do những người lưu vong tiểu tư sản xuất bản trong những năm 1853 - 1855 ở đảo Gióc-xi, rồi ở Luân Đôn. Chẳng bao lâu sau đó, Bác-be rời nước Pháp và từ bỏ mọi hoạt động chính trị. -573.
- 293 Bài "Câu chuyện thần bí về Xê-va-xtô-pôn. - Điểm tình hình chung" là một phần của bài mà Mác và Ăng-ghen viết ngày 5 - 6 tháng Mười 1854; phần khác của bài ấy cũng được đăng trên cùng số báo "New-York Daily Tribune" (xem tập này, tr. 565 - 569). Bài "Câu chuyện thần bí về Xê-va-xtô-pôn. - Điểm tình hình chung" được đăng không ký tên tác giả, vì từ tháng Chín 1854 ban biên tập tờ báo này đã đăng tất cả các bài của Mác không ký tên tác giả, về sự việc này Mác đã viết cho Ăng-ghen ngày 29 tháng Chín 1854.

Đoạn cuối, do ban biên tập tờ "New-York Daily Tribune" thêm vào có viết: "Tin tức về hạm đội Mỹ, về hai tàu tuần dương hạng vừa, ba tàu tuần dương hạng nhẹ và hai tàu chạy bằng hơi nước tiến vào vịnh Xa-man để giành lấy sự nhượng bộ đối với Mỹ, và tin tức về một hạm đội khác từ Niu Oóc tiến về Grây-ta-un đều là những tin tức từ Gia-mai-ca gửi về nước Anh và đều được đăng trên tờ "Times" ở Luân Đôn. Hai trăm tù nhân Nga, sĩ quan và binh sĩ, cùng với gia đình họ, bị giải đến một nhà tù ở Đê-von-sia. Binh sĩ thuộc các đơn vị lính thủy đánh bộ hiện nay đã được phép để râu, dù là ở trên biển hay trên đất liền. Nữ hoàng và triều đình của ngài hiện đang ở Ban-mo-ran trên các vùng núi ở Xcôt-len. Một đặc phái viên đến Ban-mo-ran ngày 4 tháng Mười và đem tới đó bức điện đưa tin về sự thất thủ của Xê-va-xtô-pôn, tin này gây ra ấn tượng mạnh mẽ trong hoàng cung. Vũ khí thu được ở Bô-mác-xun-đơ đủ trang bị cho 2000 binh sĩ, và được chuyển về kho vũ khí Tau-e-rốp". -574.

294 *Quân đoàn Anh ở Tây Ban Nha* là tên gọi của đội quân được tuyển mộ ở Anh để giúp Chính phủ Ma-ri-a-cri-xti-na trong thời kỳ nổ ra cuộc chiến tranh của phái Các-lốt (xem chú thích 190). Đội quân này gồm khoảng 10000 người, dưới quyền chỉ huy của tướng Ê-van-xơ, đã tham gia hoạt động quân sự trong những năm 1835 - 1837. -576.

295 Có ý nói đến cuộc chiến đấu của quân đội Pi-ê-mông với quân đội Áo ở Bắc I-ta-li-a trong thời kỳ cách mạng 1848 - 1849. -577.

296 Trận đánh gần Luy-tơ-xen (Đắc-den) giữa quân đội Na-pô-lê-ông I với quân Nga - Phổ xảy ra ngày 2 tháng Năm (20 tháng Tư) 1813, trận đánh của liên quân với quân Pháp gần thành phố Bau-txen (Đắc-den) xảy ra ngày 20-21 (8-9) tháng Năm cùng năm đó; trong hai trận đánh ấy, Na-pô-lê-ông đã phải trả giá bằng những tổn thất lớn mới buộc được quân Nga - Phổ rút lui; trong cả hai trường hợp, cuộc rút lui diễn ra hoàn toàn có trật tự.

Trận đánh ở sông Ca-xbắc giữa quân Pháp và liên quân Nga - Phổ xảy ra ngày 26 (14) tháng Tám 1813. Nhờ vận động khéo léo, Bluy-khơ đã giáng cho quân đội Pháp một thất bại nặng nề. -580.

297 Ở đây Ăng-ghen dùng biệt hiệu châm biếm chỉ người tư sản Anh và người nông dân Pháp để đả kích tầng lớp dân cư mang tư tưởng tiểu thị dân ở Anh và Pháp. -582.

298 Pháo Lan-ca-xtéc là loại pháo cỡ 8 in-sơ nòng có rãnh xoắn ốc, được gọi theo tên người phát minh ra loại pháo đó. Pháo Lan-ca-xtéc được người Anh sử dụng lần đầu tiên trong thời kỳ chiến tranh Crưm; về sau loại pháo này không được sử dụng rộng rãi. -591.

299 Đoạn đầu của bài này, cũng như của nhiều bài khác mang dấu vết sự sửa chữa trực tiếp của ban biên tập tờ "New-York Daily Tribune" cố làm cho các bài luận văn quân sự của Ăng-ghen - được đăng làm xã luận trên tờ báo ấy - mang tính chất của các bài viết ở Mỹ. Điều đó, Mác đã vạch ra từ trước, khi viết thư cho Ăng-ghen ngày 22 tháng Tư 1854 như sau: "Sự tự quảng cáo bằng những luận văn quân sự của anh đã trở thành cách làm mang tính chất "hợp hiến" của ban biên tập. -594.

300 Ở đây nêu lên các thí dụ về mấy trận đánh gay go nhất, trong đó quân đội Nga đã biểu hiện tinh thần dũng cảm và sự kiên cường cao độ.

Trận đánh ở Xoóc-nơ-đoóc-phơ ngày 25 (14) tháng Tám 1758 giữa quân Nga và quân Phổ là một trận đánh lớn trong cuộc chiến tranh bảy năm (1756 - 1763). Nhiều cuộc tấn công của quân Phổ đã thất bại trước sự ngoan cường của quân Nga đã từng tiến hành phản kích và dùng hỏa lực pháo binh giáng cho địch những thiệt hại nặng nề.

Trận đánh ở Prây-xi-sơ - Ấy-lau (Đồng Phổ) ngày 7-8 tháng Hai (26 - 27 tháng Giêng) 1807 giữa quân Pháp và quân Nga là một trong những trận đánh ác liệt nhất trong cuộc chiến tranh của liên minh thứ tư chống lại Pháp. Tuy bị tổn thất ghê gớm, Na-pô-lê-ông vẫn không thu được thắng lợi quyết định.

Trận Bô-rô-di-nô ngày 7 tháng Chín (26 tháng Tám) 1812 là trận đánh lớn nhất trong cuộc Chiến tranh bảo vệ tổ quốc năm 1812, trong trận này quân Nga đã thể hiện những phẩm chất chiến đấu cao và gây tổn thất nặng nề cho quân Pháp; kết quả của trận đánh đã chuẩn bị điều kiện cho bước ngoặt trong quá trình chiến tranh một cách có lợi cho Nga và chuẩn bị cho sự thất bại của quân đội Na-pô-lê-ông, mặc dù quân đội Nga buộc phải bỏ Mát-xcơ-va, nhưng điều đó hoàn toàn là hợp lý trong điều kiện bấy giờ. -596.

301 Bài này đăng trên tờ "New-York Daily Tribune" dưới nhan đề: "Chiến tranh phương Đông".

Đoạn đầu bài này mang dấu vết sự sửa chữa của ban biên tập tờ báo. -603.

302 Đoạn đầu và đoạn cuối mang dấu vết sự sửa chữa của ban biên tập tờ báo. -612.

303 *Trận An-bu-ê-ra* (Tây Ban Nha) xảy ra ngày 16 tháng Năm 1811 giữa quân đội Anh của Bê-rê-xpho, lúc ấy bao vây cứ điểm Ba-đa-hốt do quân Pháp chiếm, với quân đội Pháp của nguyên soái Xun-tơ đến cứu viện cứ điểm. Trận đánh kết thúc bằng thất bại của quân đội Na-pô-lê-ông. -614.

304 *"Người tàn tật Nga"* là cơ quan ngôn luận của Bộ chiến tranh, xuất bản từ năm 1813 đến năm 1917 ở Xanh-Pê-téc-bua, từ năm 1816 nó được xuất bản hàng ngày. -619.

305 Trận Ô-xtéc-lít ngày 2 tháng Chạp (20 tháng Mười một) 1805 giữa một bên là quân đội Nga - Áo (liên minh thứ ba) với bên kia là quân đội Pháp, kết thúc bằng thắng lợi của Na-pô-lê-ông I.

Về trận Prây-xi-sơ - Ấy-lau, xin xem chú thích 300. -620.

306 Qua sổ tay của Mác có thể thấy rằng cuối bài này có một mục nói về hiệp ước đồng minh giữa Anh, Pháp và Áo được ký ngày 2 tháng Chạp 1854. Theo hiệp ước này, các cường quốc đó có nghĩa vụ không được đàm phán riêng rẽ với Nga và không để cho quân Nga chiếm các công quốc thuộc vùng sông Đa-nuýp. Cơ sở để đàm phán với Nga phải là bốn điều khoản nổi tiếng (xem tập này, tr. 669 - 674). -626.

307 Ngày 2 tháng Chạp 1854 là ngày kỷ niệm ba năm cuộc chính biến của Lu-i Bô-na-pác-tơ và hai năm ngày xưng đế của ông ta; những sự kiện ấy được Lu-i Bô-na-pác-tơ gắn với ngày kỷ

niệm Na-pô-lê-ông Bô-na-pác-tơ xưng làm hoàng đế Pháp (2 tháng Chạp 1804) và trùng với ngày kỷ niệm trận Ô-xtéc-lít (2 tháng Chạp 1805). -627.

308 Về dân biên giới, xem chú thích 84. -638.

309 Bài này mở đầu sự cộng tác của C.Mác với tờ nhật báo dân chủ - tư sản Đức "Neue Oder - Zeitung" ("Báo Ô-đe mới"), được xuất bản dưới tên gọi ấy ở Brê-xláp (Vrót-xláp) trong những năm 1849 - 1855.

Được sáng lập vào tháng Ba 1849 do hậu quả sự chia rẽ trong ban biên tập của tờ "Allgemeine Oder - Zeitung" ("Báo phổ thông Ô-đe") thuộc phe đối lập Thiên chúa giáo, là tờ báo được xuất bản từ năm 1846, tờ "Neue Oder - Zeitung" mang xu hướng dân chủ - tư sản. Trong những năm 50, nó được xem là tờ báo cấp tiến nhất ở Đức và bị các cơ quan chính phủ truy nã.

Đầu những năm 50, đứng đầu ban biên tập là các nhà dân chủ tư sản En-xơ, Tem-mê và Stai-nơ; Mô-rít-xơ En-xơ là biên tập viên của tờ "Neue Oder - Zeitung" từ tháng Giêng 1855 và tổng biên tập từ tháng Chín; người xuất bản tờ báo là Ma-xơ Phrit-len-dơ, một nhà chính luận Đức, anh em họ của Lát-xan, người đã giới thiệu Mác cộng tác với tờ báo. Năm 1855, Mác viết bài cho tờ "Neue Oder - Zeitung" với tư cách phóng viên ở Luân Đôn, mỗi tuần gửi hai - ba bài. Trong thời kỳ thế lực phản động thống trị hầu như hoàn toàn không có báo chí công nhân, Mác và Ăng-ghe-nơ coi trọng việc lợi dụng báo chí dân chủ - tư sản để đấu tranh chống thế lực phản động; sự cộng tác với tờ "Neue Oder - Zeitung" tạo cho Mác khả năng duy trì sự liên hệ với nước Đức, giới thiệu với bạn đọc Đức những vấn đề quan trọng nhất về tình hình chính trị quốc tế và trong nước, về phong trào công nhân và dân chủ, về sự phát triển kinh tế của các nước tư bản, trước hết là Anh và Pháp. Trong thời kỳ chiến tranh Crưm, Mác đã thường xuyên gửi cho tờ "Neue Oder - Zeitung" những bài về tình hình chiến sự; khi trình bày về diễn biến của cuộc chiến tranh, có khi Mác hoàn toàn sử dụng các bài bình luận quân sự mà Ăng-ghe-nơ viết cho tờ "New-York Daily Tribune" bằng cách dịch các bài đó ra tiếng Đức; có khi Mác gửi cho tờ "Neue Oder - Zeitung" bài của Ăng-ghe-nơ đã được rút gọn, trong một số trường hợp ông có sửa chữa và bổ sung.

Trong tập này có in mười hai bài của Mác và một bài của Ăng-ghe-nơ đã được đăng trên tờ "Neue Oder - Zeitung"; phần lớn các bài của hai ông đã đăng trên tờ báo này đều được in vào tập 11 của lần xuất bản này.

Bài này được đăng trên tờ "Neue Oder - Zeitung" dưới đầu đề "Rückblicke" ("Nhìn lại"). -640.

310 Đây muốn nói đến cuộc hội nghị của đại biểu các nước Anh, Pháp, Áo và Nga khai mạc ở Viên hồi tháng Chạp 1854 và tiếp tục vào tháng Giêng 1855, được triệu tập sau khi Nga hoàng chấp nhận bốn điều khoản mà người ta đưa ra cho Nga hoàng (xem chú thích 322). Cuộc đàm phán bị thất bại vì Nga hoàng cự tuyệt yêu cầu của các nước phương Tây đưa ra trong hội nghị này về việc hạn chế lực lượng hải quân của Nga ở Hắc Hải. -640.

311 Dự luật tuyển mộ người nước ngoài phục vụ trong quân đội, quy định thành lập một quân đoàn nước ngoài gồm 15000 người, là do bộ trưởng Bộ chiến tranh Niu-ca-xlơ đưa ra trước nghị viện ngày 12 tháng Chạp 1854 nhằm mục đích bổ sung cho quân đội Anh ở Crưm. Dự luật được nghị viện thông qua ngày 22 tháng Chạp và đã được nữ hoàng phê chuẩn. Nhưng người ta đã không thành lập được quân đoàn nước ngoài vì khắp nước nổi lên phong trào phản đối việc sử dụng quân đội đánh thuê người nước ngoài trong chiến tranh. -641.

312 Dự luật về việc kéo dài thời hạn phục vụ của dân binh cho đến hết chiến tranh, được nghị viện thông qua tháng Năm 1854. Dân binh ở Anh là tổ chức quân sự tình nguyện, được tuyển mộ theo từng quận, với thời hạn 6 năm. Năm 1907, dân binh được cải tổ và trở thành một bộ phận của quân đội chính quy. -641.

313 *Trận I-ê-na* giữa quân Phổ và quân Pháp xảy ra ngày 14 tháng Mười 1806 và kết thúc bằng thất bại của quân Phổ. -645.

314 Trong trận đánh ngày 19 tháng Năm 1643 ở Rốc-cua (cứ điểm của Pháp tại biên giới Bỉ) trong cuộc chiến tranh ba mươi năm (1618 - 1648) các đơn vị quân đội Tây Ban Nha vây đánh cứ điểm này đã bị tiêu diệt hoàn toàn. Thất bại của bộ binh Tây Ban Nha, trước đó vẫn được coi là vô địch, đã tạo ra bước ngoặt trong tiến trình cuộc chiến tranh. -646.

315 Xem chú thích 52 và 90. -649.

316 Đây muốn nói đến công ước Luân Đôn do Anh, Nga, Áo và Phổ ký ngày 15 tháng Bảy 1840 về việc viện trợ cho vua Thổ Nhĩ Kỳ để chống lại quốc vương Ai Cập là Mô-ha-mét-A-li (xem chú thích 53). Công ước được ký kết không có sự tham gia của Pháp, là nước đang ủng hộ Mô-ha-mét-A-li, khiến Pháp đứng trước nguy cơ của một liên minh chống Pháp sẽ được hình thành, do đó nó đã buộc phải từ bỏ việc ủng hộ quốc vương Ai Cập. -650.

317 *"Cú mèo được chuyển về A-ten"* là ngôn ngữ Hy Lạp, có nghĩa na ná với ngôn ngữ Nga: "chỗ ấm xa-mô-va đến Tu-la". Ở A-ten và vùng phụ cận có rất nhiều cú mèo. -661.

318 *Hội hòa bình* là một tổ chức tư sản hòa bình chủ nghĩa, do giáo phái Quây-cơ thành lập ở Luân Đôn năm 1816. Hội này được sự ủng hộ tích cực của phái mật dịch tự do là phái cho rằng trong điều kiện hòa bình, Anh có thể dựa vào chế độ mật dịch tự do mà sử dụng một cách đầy đủ hơn nữa ưu thế công nghiệp của mình và giành được sự thống trị về kinh tế và chính trị. -662.

319 Âm chỉ các cuộc chiến tranh Nga - Thổ Nhĩ Kỳ vào những năm 1806 - 1812 và 1828 - 1829. -664.

320 *Trường phái Man-se-xơ* - xem chú thích 38. -665.

321 Mác ám chỉ tờ "Examiner and Times" ("Người quan sát và Thời đại") của phái tự do Anh, xuất bản ở Man-se-xơ. Tờ báo được lập ra năm 1848 do hợp nhất tờ "Manchester Times" ("Thời báo Man-se-xơ") với tờ "Manchester Examiner" ("Người quan sát Man-se-xơ"). Trong những năm 40-50 tờ báo này ủng hộ phái mật dịch tự do; xuất bản cho đến năm 1894 với những tên gọi khác nhau. -665.

322 Đây muốn nói đến những yêu sách mà các cường quốc phương Tây đưa ra với Nga trong công hàm ngày 8 tháng Tám 1854 làm điều kiện tiên quyết cho việc bắt đầu đàm phán hòa bình. Nga phải từ bỏ quyền bảo hộ đối với Môn-đa-vi-a, Va-la-ki và Xéc-bi để thay thế bằng sự bảo đảm của toàn thể châu Âu; cho phép tự do đi lại trên sông Đa-nuyp; đồng ý sửa lại công ước Luân Đôn năm 1841 về các eo biển và từ bỏ quyền bảo hộ đối với thần dân theo đạo Cơ Đốc ở Thổ Nhĩ Kỳ. Chính phủ Nga hoàng lúc đầu cự tuyệt bốn điều khoản ấy, đến tháng Mười một 1854 đã buộc phải đồng ý lấy những điều khoản ấy làm cơ sở cho cuộc đàm phán hòa bình sau này. -669.

323 Xem chú thích 65. -669.

324 Xem chú thích 13. -670.

325 Trong cuộc khởi nghĩa Ba Lan 1830 - 1831, những người cách mạng Ba Lan đã chiếm được kho lưu trữ hồ sơ của Đại công tước Công-xtăng-tanh ở Vác-sa-va, trong kho này có nhiều văn kiện bí mật về ngoại giao của Nga hoàng. Một phần các văn kiện ấy được đăng trên tờ "Portfolio" năm 1835 - 1836, một phần được in trong tập sách xuất bản ở Pa-ri năm 1854 nhan đề "Recueil des documents relatifs à la Russie pour la plupart secrets et inédits utiles à consulter dans la crise actuelle". Báo cáo khẩn của Pốt-xô-di-Boóc-gô ngày 16 (4) tháng Mười 1825 được in ở trang 4 - 47 tập sách đó. -670.

326 *Vườn hoa Prin-tin-hao* là quảng trường ở Luân Đôn, trụ sở của ban biên tập tờ "Times". -672.

327 Xem chú thích 71. -672.

328 "*The Sunday Times*" ("Thời báo chủ nhật") là tờ tuần báo Anh, xuất bản ở Luân Đôn từ năm 1822; trong những năm 50 của thế kỷ XIX là cơ quan ngôn luận của đảng Vích. -673.

329 "*The Leader*" ("Lãnh tụ") là tờ tuần báo tư sản của phái tự do Anh sáng lập ở Luân Đôn năm 1850. -673.

330 "*The Examiner*" ("Người quan sát") là tờ tuần báo theo xu hướng tự do - tư sản Anh; xuất bản ở Luân Đôn trong những năm 1808 - 1881. -673.

331 Theo điều V của công ước Luân Đôn, do Nga, Anh và Pháp ký ngày 6 tháng Bảy 1827, liên quan đến cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc của nhân dân Hy Lạp chống ách áp bức của Thổ Nhĩ Kỳ, - thì các cường quốc ký vào bản công ước này cam kết không được có bất kỳ hành động nào nhằm mở rộng lãnh thổ, không được độc chiếm ảnh hưởng hoặc ưu thế về mậu dịch trong khi hai nước khác lại không đồng thời được có ảnh hưởng và ưu thế ấy.

Theo Hiệp ước A-dri-a-nô-pôn năm 1829 kết thúc cuộc chiến tranh Nga - Thổ Nhĩ Kỳ 1828 - 1829, Nga được hưởng các đảo ở cửa sông Đa-nuyp, hiệp ước này cũng bảo đảm sự tự do đi lại của tàu bè tất cả các cường quốc trên sông Đa-nuyp.

Ngày 2 tháng Ba (19 tháng Hai) 1836, theo lệnh của Chính phủ Nga hoàng, người ta đã lập trên cửa sông Xu-lin thuộc sông Đa-nuyp một trạm kiểm dịch, mà trên thực tế trạm này lại thực hiện chức năng hải quan. -674.

332 Đây là nói về các bài của C.Mác "Sự kiện chính trị. - Tình trạng thiếu lương thực ở châu Âu", "Các cường quốc phương Tây và Thổ Nhĩ Kỳ", "Triệu chứng của khủng hoảng kinh tế", "Chiến tranh. - Bãi công. - Giá sinh hoạt đắt đỏ", được đăng trên tờ "New-York Daily Tribune" tháng Chín - Mười một 1853 (xem C.Mác và Ph.Ăng-ghe-n, Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 1993, t.9, tr.400-410, 422-436, 573-582). -679.

333 Xem chú thích 91. -681.

334 Xem chú thích 53. -685

335 Douglas. "A Treatise on Naval Gunnery", London, 1855. -686.

336 Đây muốn nói đến quyết định mà Hội đồng lập pháp của Pháp thông qua ngày 30 tháng Chạp 1854 về việc phát hành 500 triệu phrăng công trái ở trong nước; số tiền thu được nhờ công trái ấy đã được dùng để trang trải những chi phí chiến tranh. -687.

337 "*The Sun*" ("Mặt trời") là tờ nhật báo tự do - tư sản Anh xuất bản ở Luân Đôn từ năm 1798 đến năm 1876. -689.

338 Xem chú thích 306. -690

339 Qua sổ tay ghi chép của Mác có thể thấy rằng trong các ngày 14, 21 tháng Mười một và ngày 8 tháng Chạp, Mác đã gửi cho tờ "New-York Daily Tribune" ba bài trong loạt bài "Nước Tây Ban Nha cách mạng", các bài này được đề là "Tây Ban Nha năm 1820 - tháng Bảy 1822", "Tây Ban Nha. Sự can thiệp" và "Tây Ban Nha. Năm 1833". Trong số các bài đó không bài nào được đăng trên báo. Đoạn được trích in ở đây là một phần của bài gửi ngày 21 tháng Mười một 1854. -693.

340 Mác gọi cuộc hành quân năm 1823 của Ri-e-gô là *cuộc viễn chinh Ca-di-xơ thứ hai*. Tháng Tám 1823, Ri-e-gô đã từ Ca-di-xơ bị quân Pháp bao vây tiến được về Ma-la-ha, mưu tính từ đây kéo về Ca-ta-lô-ni-a, là nơi mà bấy giờ tướng Mi-na đang tiến hành cuộc chiến đấu ngoan cường chống bọn can thiệp. Ý đồ của Ri-e-gô lôi kéo đội quân của Ban-le-xte-rô-xơ đã ngừng kháng cự, không thành công và ông đã xuất kích cùng với một đơn vị nhỏ, vừa tác chiến vừa tiến về hướng Các-ta-hê-na. Ở Hê-rê-xơ, đơn vị của ông bị tiêu diệt bởi quân đội Pháp mạnh hơn nhiều; ngày 15 tháng Chín Ri-e-gô bị bắt và bị trao cho quân Pháp.

Cuộc viễn chinh Ca-di-xơ thứ nhất là cuộc hành quân của Ri-e-gô năm 1820, mở đầu cuộc cách mạng (xem tập này, tr. 521 -523). -693.

341 "Quân tín đồ" là tên tự gọi của các đội quân do tập đoàn Thiên chúa giáo - chuyên chế - phái tông đồ - tổ chức ra, các đội quân này đã gây ra cuộc bạo loạn chống chính phủ cách mạng ở Ca-ta-lô-ni-a, Na-va-rô và Bi-xcay năm 1822; trong thời gian Pháp tiến hành can thiệp vào năm 1823, "quân tín đồ" đã chiến đấu ở phía bọn can thiệp. -693.

342 *Cô-mu-nê-rô-xơ* là tên gọi các thành viên của liên minh chính trị bí mật - liên minh Cô-mu-nê-rô-xơ Tây Ban Nha - được thành lập trong thời kỳ cách mạng tư sản những năm 1820 - 1823. Cô-mu-nê-rô-xơ đại biểu cho quyền lợi của những tầng lớp dân chủ nhất trong dân cư thành thị: thợ thủ công, công nhân, một bộ phận trí thức, một bộ phận sĩ quan, giai

cấp tiểu tư sản thành thị. Số lượng của họ lên tới 70000 người. Cô-mu-nê-rô-xơ là những người ủng hộ cuộc đấu tranh kiên quyết nhất chống bọn phản cách mạng. Sau khi cách mạng bị đàn áp, Cô-mu-nê-rô-xơ đã bị truy nã hết sức tàn khốc và đã chấm dứt hoạt động. -693.

- 343 E. San Miguel. "De la guerra civil en España", Madrid, 1836. -695.
- 344 Đây muốn nói đến sự khôi phục chế độ chuyên chế của Phéc-di-năng VII ở Tây Ban Nha, sau khi cuộc cách mạng 1820 - 1823 bị đàn áp. Cuộc phục tích đầu tiên chính quyền của Phéc-di-năng VII xảy ra năm 1814 sau thất bại của Na-pô-lê-ông I. -696.
- 345 Ấm chỉ cuộc chiến tranh của phái Các-lốt năm 1833-1840 và cuộc cách mạng tư sản Tây Ban Nha năm 1834 - 1843. -696.
- 346 Tháng Chín 1832 trong tình trạng bị bệnh nặng, Phéc-di-năng VII đã huỷ bỏ sắc lệnh năm 1830, theo đó ngôi vua Tây Ban Nha phải được truyền cho con gái nhỏ của Phéc-di-năng VII là I-da-be-la; sau khi khỏi bệnh, Phéc-di-năng lại khôi phục quyền nối ngôi của con gái, làm tiêu tan hy vọng của phái xéc-vi-lét (xem chú thích 269) ủng hộ em trai của Phéc-di-năng VII là Đôn Các-lốt. -697.
- 347 Bản thảo "Pháo đài Crôn-stát", in lần đầu trong tập này, là một trong những bài báo về quân sự mà Ăng-ghe-nê dự định gửi cho tờ "The Daily News" ("Tin tức hàng ngày") xuất bản ở Luân Đôn, là tờ báo mà hồi tháng Ba 1854 ông đã đề nghị được cộng tác. Ăng-ghe-nê dự tính làm phóng viên cho tờ báo này với hy vọng rằng điều đó sẽ cho phép ông thoát khỏi công việc ở hãng buôn ở Man-se-xtơ, và chuyển đến chỗ Mác ở Luân Đôn. Bản thảo không được đăng và ngay từ cuối tháng Tư, Ăng-ghe-nê đã báo cho Mác biết rằng "câu chuyện với "Daily News" đã không thành" (xem thư Ăng-ghe-nê gửi tổng biên tập tờ "Daily News" ngày 30 tháng Ba 1854 và bức thư của Ăng-ghe-nê gửi Mác ngày 20 tháng Tư 1854).
- Quan điểm của Ăng-ghe-nê trên nhiều vấn đề như: ý nghĩa chiến lược của Crôn-stát đối với nước Nga, khả năng sử dụng trong chiến đấu hạm đội các tàu chạy bằng chân vịt trong trường hợp tấn công cứ điểm, v.v., đều có ý nghĩa to lớn xét theo góc độ lý luận quân sự. Trong một số trường hợp những số liệu về bố trí pháo ở cứ điểm Crôn-stát - các số liệu này được đưa ra trong bài của Ăng-ghe-nê - không ăn khớp với tài liệu của bộ chỉ huy Nga, sở dĩ như vậy vì thiếu tin tức hoàn chỉnh, và chính Ăng-ghe-nê đã viết về điều này. -698.
- 348 Bài "Giai cấp tư sản Anh" - có thể là đã được Mác gửi đi Niu Ốc ngày 31 tháng Ba 1854 - sở dĩ được in ở phần phụ lục của tập này, vì bài này đã bị ban biên tập tờ "New-York Daily Tribune" sửa chữa nhiều để đăng làm xã luận. Phần thứ nhất của bài này rõ ràng đã bị xuyên tạc và có nhiều luận điểm trái với quan điểm của Mác. Chẳng hạn, luận điểm cho rằng cần xem xét chính sách của giai cấp tư sản không phải theo quan điểm giai cấp, mà là theo quan điểm nhân đạo chủ nghĩa chung chung, là luận điểm thuộc loại ấy. Mặt khác, trong bài này có nhiều tư tưởng và luận điểm hiển nhiên là của Mác. Đó trước hết là sự đánh giá về các nhà văn hiện thực Anh và phần viết về cuộc bãi công ở Prê-xtơn năm 1853 - 1854, là cuộc bãi công được nhắc đến trong nhiều bài của Mác (xem C.Mác và Ph.Ăng-ghe-nê, Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 1993, t.9, và tập này, tr.258 -259). -707.

cấp tiểu tư sản thành thị. Số lượng của họ lên tới 70000 người. Cô-mu-nê-rô-xơ là những người ủng hộ cuộc đấu tranh kiên quyết nhất chống bọn phản cách mạng. Sau khi cách mạng bị đàn áp, Cô-mu-nê-rô-xơ đã bị truy nã hết sức tàn khốc và đã chấm dứt hoạt động. -693.

343 E. San Miguel. "De la guerra civil en España", Madrid, 1836. -695.

344 Đây muốn nói đến sự khôi phục chế độ chuyên chế của Phéc-di-năng VII ở Tây Ban Nha, sau khi cuộc cách mạng 1820 - 1823 bị đàn áp. Cuộc phục tích đầu tiên chính quyền của Phéc-di-năng VII xảy ra năm 1814 sau thất bại của Na-pô-lê-ông I. -696.

345 Âm chỉ cuộc chiến tranh của phái Các-lốt năm 1833-1840 và cuộc cách mạng tư sản Tây Ban Nha năm 1834 - 1843. -696.

346 Tháng Chín 1832 trong tình trạng bị bệnh nặng, Phéc-di-năng VII đã huỷ bỏ sắc lệnh năm 1830, theo đó ngôi vua Tây Ban Nha phải được truyền cho con gái nhỏ của Phéc-di-năng VII là I-da-be-la; sau khi khỏi bệnh, Phéc-di-năng lại khôi phục quyền nối ngôi của con gái, làm tiêu tan hy vọng của phái xéc-vi-lét (xem chú thích 269) ủng hộ em trai của Phéc-di-năng VII là Đôn Các-lốt. -697.

347 Bản thảo "Pháo đài Crôn-stát", in lần đầu trong tập này, là một trong những bài báo về quân sự mà Ăng-ghen dự định gửi cho tờ "The Daily News" ("Tin tức hàng ngày") xuất bản ở Luân Đôn, là tờ báo mà hồi tháng Ba 1854 ông đã đề nghị được cộng tác. Ăng-ghen dự tính làm phóng viên cho tờ báo này với hy vọng rằng điều đó sẽ cho phép ông thoát khỏi công việc ở hãng buôn ở Man-se-xtơ, và chuyển đến chỗ Mác ở Luân Đôn. Bản thảo không được đăng và ngay từ cuối tháng Tư, Ăng-ghen đã báo cho Mác biết rằng "câu chuyện với "Daily News" đã không thành" (xem thư Ăng-ghen gửi tổng biên tập tờ "Daily News" ngày 30 tháng Ba 1854 và bức thư của Ăng-ghen gửi Mác ngày 20 tháng Tư 1854).

Quan điểm của Ăng-ghen trên nhiều vấn đề như: ý nghĩa chiến lược của Crôn-stát đối với nước Nga, khả năng sử dụng trong chiến đấu hạm đội các tàu chạy bằng chân vịt trong trường hợp tấn công cứ điểm, v.v., đều có ý nghĩa to lớn xét theo góc độ lý luận quân sự. Trong một số trường hợp những số liệu về bố trí pháo ở cứ điểm Crôn-stát - các số liệu này được đưa ra trong bài của Ăng-ghen - không ăn khớp với tài liệu của bộ chỉ huy Nga, sở dĩ như vậy vì thiếu tin tức hoàn chỉnh, và chính Ăng-ghen đã viết về điều này. -698.

348 Bài "Giai cấp tư sản Anh" - có thể là đã được Mác gửi đi Niu Ôc ngày 31 tháng Ba 1854 - sở dĩ được in ở phần phụ lục của tập này, vì bài này đã bị ban biên tập tờ "New-York Daily Tribune" sửa chữa nhiều để đăng làm xã luận. Phần thứ nhất của bài này rõ ràng đã bị xuyên tạc và có nhiều luận điểm trái với quan điểm của Mác. Chẳng hạn, luận điểm cho rằng cần xem xét chính sách của giai cấp tư sản không phải theo quan điểm giai cấp, mà là theo quan điểm nhân đạo chủ nghĩa chung chung, là luận điểm thuộc loại ấy. Mặt khác, trong bài này có nhiều tư tưởng và luận điểm hiển nhiên là của Mác. Đó trước hết là sự đánh giá về các nhà văn hiện thực Anh và phần viết về cuộc bãi công ở Prê-xtơn năm 1853 - 1854, là cuộc bãi công được nhắc đến trong nhiều bài của Mác (xem C.Mác và Ph.Ăng-ghen, Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 1993, t.9, và tập này, tr.258 -259). -707.

THÂN THỂ VÀ SỰ NGHIỆP CỦA C.MÁC và PH.ĂNG-GHEN (Tháng Giêng 1854 - tháng Giêng 1855)

1854

*Tháng Giêng - tháng
Chạp*

Mác tiếp tục công tác nghiên cứu khoa kinh tế chính trị, tập trung một cách có hệ thống những số liệu thống kê và những số liệu khác về kinh tế cụ thể, ông đã sử dụng một phần những số liệu ấy trong những bài viết của mình cho tờ "New-York Daily Tribune" ("Diễn đàn Niu Ôc hàng ngày").

Ăng-ghen đẩy mạnh việc nghiên cứu các vấn đề lý thuyết quân sự và phân tích cụ thể các sự biến quân sự, đồng thời thường xuyên làm sáng tỏ các sự biến ấy trong các bài bình luận của mình viết cho tờ "New-York Daily Tribune" theo yêu cầu của Mác.

1 tháng Giêng

Ăng-ghen, sau mấy ngày đến chơi nhà Mác ở Luân Đôn, lại trở về Man-se-xtơ.

2 tháng Giêng

Mác nhận được thư của S.Đa-na, tổng biên tập tờ "New-York Daily Tribune" gửi ngày 16 tháng Chạp 1853 thông báo rằng bài báo "Chiến tranh ở vùng Đa-nuýp" của Mác vừa gửi đến, cũng như những bài bình luận quân sự trước đó, đều được đăng khuyết danh và dùng làm xã luận.

5 tháng Giêng

Mác thông báo cho Ăng-ghen rằng những bài bình luận do Ăng-ghen viết theo yêu cầu của Mác cho tờ "New-York Daily Tribune", đã gây

	ấn tượng mạnh mẽ ở Mỹ và người ta cho rằng viên tướng nổi tiếng Xcốt-tơ là tác giả của những bài viết đó.
8 tháng Giêng	Nhân việc hải đoàn của Anh và của Pháp vào Hắc Hải, Ăng-ghe-n viết bài báo, trong đó ông đã phân tích những triển vọng của cuộc chiến tranh và khả năng - do nó tạo ra - nổ ra cuộc cách mạng ở châu Âu. Bài báo dưới nhan đề "Cuộc chiến tranh ở châu Âu" được đăng trên tờ "New-York Daily Tribune" làm xã luận ngày 2 tháng Hai. Ngày 3-4 bài báo được dịch ra tiếng Đức đăng trên báo Niu Ốc "Die Reform" ("Cải cách"), cơ quan ngôn luận của liên hiệp công nhân Đức ở Mỹ (Liên đoàn công nhân Mỹ).
10 tháng Giêng	Mác nhận được lời đề nghị của nhà xuất bản Ta-cơ ở Luân Đôn về việc xuất bản bài tiểu luận trào phúng "Pan-mốc-xtơn và nước Nga" vì lý do là lần xuất bản lần thứ nhất đã bán hết. Má đã đồng ý. Mác chuyển cho Ăng-ghe-n bức thư của A.Clút-xơ, thành viên cũ của Liên đoàn những người cộng sản, phóng viên tờ "Reform". Thường xuyên trao đổi thư từ với Clút-xơ, Má đã giúp ông những lời khuyên trong hoạt động của ông nhằm truyền bá tư tưởng của chủ nghĩa cộng sản khoa học ở Mỹ. Má thường xuyên nhận được tin tức của Clút-xơ" nói về giới lưu vong tiểu tư sản Đức ở Mỹ.
14 tháng Giêng	Theo đề nghị của một người họ hàng tên là I.K. I-út, Má đã viết bài "Cuộc chiến tranh ở phương Đông" cho tờ "Zuid Afrikaan" ("Người Nam Phi") xuất bản ở Cáp-xtát (Cây-pơ-tôn). Bài viết được đăng trên số báo ra ngày 6 tháng Ba. Hai bài khác, do Má gửi ngày 14 tháng Hai và ngày 14 tháng Ba, chưa được công bố.
Giữa tháng Giêng	Bài tiểu luận đả kích của Má "Chàng hiệp sĩ cao quý" đã được xuất bản ở Niu Ốc, trong đó Má, qua thí dụ về Vi-lích, đã vạch trần chủ nghĩa bẽ phái, thói bẻm mép và lối chơi trò cách mạng mỵ dân, là những đặc điểm của những thủ lĩnh giới lưu vong tiểu tư sản. Bài tiểu luận đả kích đã được một người lưu vong Đức ở Mỹ tên là I. Vây-đơ-may-ơ, trước là thành viên của Liên đoàn những người cộng sản, xuất bản.
18 tháng Giêng	Má thông báo cho Ăng-ghe-n ý kiến của mình về trận chiến đấu ở Sê-ta-te và yêu cầu Ăng-ghe-n viết bài theo đề tài này để gửi cho tờ "New-York Daily Tribune".
19 tháng Giêng	Ăng-ghe-n viết bài "Trận chiến đấu cuối cùng trên chiến trường châu Âu" để nói về trận chiến đấu ở Sê-ta-te. Bài này được đăng làm xã luận ngày 8 tháng Hai trên tờ "New-York Daily Tribune".

20 tháng Giêng	Má viết bài "Chiến sự ở Phương Đông. - Nền tài chính Áo và Pháp. - Công cuộc phòng thủ Công-xtăng-ti-nô-plơ". Bài viết được đăng trên tờ "New-York Daily Tribune" ngày 8 tháng Hai.
Nửa sau tháng Giêng	Má thương lượng về việc xuất bản tập tiểu luận đả kích mới về Pan-mốc-xtơn, soạn thảo từ những bài viết của Má đăng trên tờ "New-York Daily Tribune".
27 tháng Giêng	Má và Ăng-ghe-n viết bài "Công cuộc phòng thủ Công-xtăng-ti-nô-plơ. - Sự tập trung của Đan Mạch. - Thành phần nghị viện Anh. - Mất mùa ở châu Âu". Trong phần nói về thành phần nghị viện Anh, Má đã chỉ ra rằng chế độ bầu cử ở Anh đảm bảo cho quyền thống trị của tập đoàn quý tộc đầu sỏ. Bài viết được đăng trên tờ "New-York Daily Tribune" ngày 16 tháng Hai. Má nhận được từ Mỹ 100 bản ấn phẩm của tập tiểu luận đả kích của mình "Chàng hiệp sĩ cao quý".
Đầu tháng Hai	Bài tiểu luận đả kích của Má "Pan-mốc-xtơn và nước Nga" được xuất bản lần thứ hai. Đồng thời cũng nhà xuất bản này đã cho xuất bản tập tiểu luận đả kích khác "Pan-mốc-xtơn và Hiệp ước Un-ki-ác-I-xcê-lê-xi", là bản in lại các bài báo của Má được đăng vào cuối năm 1853 trên tờ "The People's Paper" ("Báo nhân dân"), cơ quan ngôn luận của phái Hiến chương.
Đầu tháng Hai - 10 tháng Hai	Má nghiên cứu những tài liệu đã được công bố trong những cuốn Sách xanh về vấn đề phương Đông và viết bài "Nền ngoại giao Nga. - Sách xanh về vấn đề phương Đông. Vùng Séc-nô-gô-ri-a"; bài này đã được đăng trên tờ "New-York Daily Tribune" ngày 27 tháng Hai.
3 tháng Hai	Má viết bài "Số mệnh của bá tước Ốc-lốp. - Nền tài chính chiến tranh của Nga". Bài này đã được đăng trên tờ "New-York Daily Tribune" ngày 20 tháng Hai.
6 tháng Hai	Má theo dõi những bài phát biểu tại nghị viện Anh về vấn đề phương Đông và ngân sách quân sự và nhân dịp đó viết một loạt bài, trong đó vạch trần chính sách của tập đoàn cầm quyền đầu sỏ ở Anh. Bài báo được đăng trên tờ "New-York Daily Tribune" ngày 21 tháng Hai, ngày 9, 13 và 24 tháng Ba.
7 tháng Hai	Sau khi chăm chú theo dõi hoạt động của Giôn-xơ và các nhà hiến chương cách mạng khác trong việc chuẩn bị triệu tập Nghị viện công nhân, Má đã viết một bài báo cho tờ "New-York Daily Tribune" để vạch trần âm mưu của phái cấp tiến tư sản định phá hoại việc triệu tập hội nghị ấy của các đại biểu công nhân. Bài viết này được đăng báo ngày 21 tháng Hai.

<i>9 tháng Hai</i>	Mác gửi Ăng-ghe-nơ một số bản của tập "Chàng hiệp sĩ cao quý" và của tập luận văn đả kích "Pan-móc-x-tơ và nước Nga", cùng lời đề nghị hãy chuyển mỗi thứ một bản cho V. Vôn-phơ và Ê. Đrôn-ke, là những người mà Mác và Ăng-ghe-nơ thường xuyên có mối liên hệ, cũng như có liên hệ với những thành viên cũ của Liên đoàn những người cộng sản.
<i>13 tháng Hai</i>	Ăng-ghe-nơ viết bài "Vấn đề chiến tranh ở châu Âu", được đăng làm xã luận trên tờ "New-York Daily Tribune" ngày 6 tháng Ba.
<i>Khoảng 17 tháng Hai</i>	Sau khi được Ph. Lát-xan cho biết rằng Chính phủ Phổ sắp tâm tiến hành cuộc bắt bớ hàng loạt những nhà hoạt động dân chủ, Mác quyết định công bố các kế hoạch này để ngăn cản việc thực hiện chúng; ông đã nêu vấn đề này lên trong bài "Tuyên bố của nội các Phổ. - Các kế hoạch của Bô-na-pác-tơ. - Chính sách của Phổ", được đăng làm xã luận trên tờ "New-York Daily Tribune" ngày 9 tháng Ba.
<i>Cuối tháng Hai - tháng Ba</i>	Thực hiện ý định viết một loạt bài về lực lượng quân sự của Nga cho tờ báo của phái tự do ở Luân Đôn "The Daily News" ("Tin tức hàng ngày"), Ăng-ghe-nơ bắt đầu viết bài "Pháo đài Crôn-stát". Ăng-ghe-nơ dự định trở thành phóng viên thường trực của phòng biên tập quân sự của tờ báo này và hy vọng rằng sự hợp tác với tờ báo này sẽ tạo điều kiện cho ông thoát khỏi công việc nhân viên phục vụ văn phòng trong hãng "Ăc-men và Ăng-ghe-nơ" ở Man-se-x-tơ và dọn đến chỗ Mác ở Luân Đôn. Mác và Ăng-ghe-nơ giúp đỡ H. Hây-da, một nhà chính luận dân chủ người Đức, tổng biên tập báo châm biếm "Hornisse" ("Ông bò vẽ"), xuất bản ở Ca-xê-lơ năm 1848 - 1850, để ông này đặt cơ sở ổn định ở Man-se-x-tơ.
<i>3 tháng Ba</i>	Mác viết bài về nền tài chính của Áo. Bài báo nhan đề "Sự phá sản của nước Áo" đã được đăng làm xã luận trên tờ "New-York Daily Tribune" ngày 22 tháng Ba. Mác gửi cho tờ "New-York Daily Tribune" bài báo "Các kế hoạch quân sự của Pháp và Anh. - Cuộc khởi nghĩa ở Hy Lạp. - Tây Ban Nha. - Trung Quốc". Bài báo này được công bố ngày 18 tháng Ba.
<i>6 tháng Ba</i>	Tại phiên họp thứ nhất của Nghị viện công nhân khai mạc tại Man-se-x-tơ, người ta đã nhất trí thông qua nghị quyết mời tiến sĩ Mác tham dự hội nghị với tư cách là đại biểu danh dự.
<i>7 và 10 tháng Ba</i>	Trong các bài báo của mình viết cho tờ "New-York Daily Tribune", Mác đã trình bày rõ hoạt động của Nghị viện công nhân. Các bài "Khai mạc Nghị viện công nhân. - Ngân sách quân sự của Anh" và

	"Nghị viện công nhân" đã được đăng trên các số báo ra ngày 24 và ngày 29 tháng Ba.
<i>9 tháng Ba</i>	Đáp lại lời mời tham dự các phiên họp của Nghị viện công nhân ở Man-se-x-tơ với tư cách là đại biểu danh dự, Mác đã gửi bức thư chào mừng, trong đó ông đã nêu lên nhiệm vụ đang đặt ra trước giai cấp công nhân Anh là thành lập một chính đảng độc lập mang tính chất quần chúng của giai cấp công nhân. Bức thư của Mác gửi Nghị viện công nhân được đọc tại phiên họp ngày 10 tháng Ba và được công bố trên tờ "People's Paper" số ra ngày 18 tháng Ba.
<i>Ngày 10 tháng Ba</i>	Ăng-ghe-nơ nhận được lời mời của Giôn-xơ mời tới chỗ ông ta để tìm hiểu nội dung bức thư của Mác gửi Nghị viện công nhân.
<i>Ngày 13 tháng Ba</i>	Ăng-ghe-nơ viết bài "Quân Nga rút khỏi Ca-la-phát"; bài viết này được đăng làm xã luận trên tờ "New-York Daily Tribune" ngày 30 tháng Ba. Để ủng hộ Ê. Giôn-xơ trong việc xuất bản và làm công việc chủ biên tờ "People's Paper", Mác gửi cho ông ta bài báo trên. Bài này được đăng trên số báo ra ngày 18 tháng Ba.
<i>21-24 tháng Ba</i>	Sau khi nghiên cứu thư từ trao đổi bí mật của đại sứ Anh với bộ trưởng Bộ ngoại giao, được công bố trong những cuốn sách xanh vào năm 1853, Mác viết các bài "Những tài liệu về việc chia cắt Thổ Nhĩ Kỳ" và "Thư tín ngoại giao bí mật". Bài viết được đăng trên tờ "New-York Daily Tribune" ngày 5 và 11 tháng Tư.
<i>23 tháng Ba</i>	Trong bức thư gửi cho Mác, Ăng-ghe-nơ phê phán những ý kiến của Lát-xan về cách tiến hành cuộc chiến tranh Crưm mà Lát-xan đã trình bày trong bức thư gửi cho Mác.
<i>27 tháng Ba</i>	Trong bức thư gửi Đa-na, Mác phản đối thái độ bất nhả của ban biên tập tờ "New-York Daily Tribune" đối với các bài báo của ông. Ông kiên quyết phản đối việc sử dụng các bài báo của ông - trừ các bài về quân sự - làm xã luận, nếu không được như vậy thì ông đề nghị đăng tất cả các bài viết của ông dưới dạng khuyết danh, vì ông không muốn để tên tuổi của mình ghi ở dưới những tài liệu viết không quan trọng.
<i>28 tháng Ba</i>	Mác viết bài "Tuyên chiến. - Bàn về lịch sử phát sinh vấn đề phương Đông". Để viết bài này Mác đã sử dụng những tài liệu chính thức, và cả cuốn sách của Pha-manh "Lịch sử cạnh tranh của các giáo hội Cơ Đốc giáo ở phương Đông và sự bảo hộ các giáo hội đó". Bài viết được đăng trên tờ "New-York Daily Tribune" ngày 15 tháng Tư.
<i>30 tháng Ba</i>	Ăng-ghe-nơ gửi cho tờ "Daily News" bài "Pháo đài Crôn-stát". Sau khi biết được hoạt động cách mạng và các chính kiến cộng sản chủ nghĩa

	của Ăng-ghe-nen, ban biên tập khước từ ý muốn cộng tác của ông. Bài viết không được công bố.
<i>Cuối tháng Ba - đầu tháng Tư</i>	Mác đọc cuốn sách của Ham-méc "Lịch sử Đế quốc Ô-tô-man" nhân dịp nghiên cứu vấn đề phương Đông.
<i>4 tháng Tư</i>	Mác viết bài "Những cuộc tranh luận ở nghị viện về chiến tranh", trong đó ông nói tỉ mỉ về những cuộc đàm phán bí mật năm 1844 giữa Nga hoàng và các nhà ngoại giao Anh về vấn đề chia cắt Thổ Nhĩ Kỳ. Bài viết được công bố trên tờ "New-York Daily Tribune" ngày 17 tháng Tư và đã được đăng bằng tiếng Đức trên tờ "Reform" ngày 20-22 tháng Tư.
<i>4 tháng Tư - 1 tháng Sáu</i>	Trong cuộc tranh luận với Lát-xan về đặc điểm cuộc chiến tranh Crưm, Mác chứng minh rằng các giai cấp cầm quyền ở Anh sợ phong trào cách mạng ở châu Âu tăng lên, đã không muốn đánh bại Nga hoàng về mặt quân sự, và vì vậy các giai cấp ấy tỏ ra không có khả năng triệt để và kiên quyết tiến hành cuộc chiến tranh chống Nga hoàng.
<i>7 tháng Tư</i>	Mác viết bài "Nước Nga và các cường quốc Đức. - Giá cả lúa mì", trong đó ông nêu lên ý kiến cho rằng việc Áo và Phổ tham gia vào cuộc chiến tranh đã làm cho cuộc chiến tranh mang tính chất toàn châu Âu và có thể đẩy nhanh cuộc khủng hoảng cách mạng toàn châu Âu tới gần. Bài viết được công bố trên tờ "New-York Daily Tribune" ngày 21 tháng Tư.
<i>13 tháng Tư</i>	Ăng-ghe-nen viết bài "Tình hình quân đội các nước ở Thổ Nhĩ Kỳ", đã được công bố trên tờ "New-York Daily Tribune" ngày 28 tháng Tư, để dùng làm xã luận.
<i>18 tháng Tư</i>	Mác viết bài "Thông điệp của Rê-sít-pa-sa. - Báo chí I-ta-li-a nói về vấn đề phương Đông", trong đó ông chỉ ra rằng "các dân tộc Đức, Hung-ga-ri, I-ta-li-a quan tâm đặc biệt tới việc giải quyết đúng đắn vấn đề phương Đông; ông chỉ ra rằng không có một dân tộc nào lại có thể giành được cho mình quyền tự do, một khi đem hy sinh nền độc lập của dân tộc khác. Bài này được đăng trên tờ "New-York Daily Tribune" số ra ngày 2 tháng Năm.
<i>20 tháng Tư</i>	Sau khi bị ban biên tập tờ "Daily News" từ chối in các bài báo quân sự của ông, Ăng-ghe-nen thông báo cho Mác về dự định của mình muốn gửi bài viết về lực lượng quân sự của Nga cho tờ báo lớn nhất ở Luân Đôn "The Times" ("Thời báo"). Các bài viết của Ăng-ghe-nen gửi cho tờ "Times" đã không được đăng.
<i>28 tháng Tư</i>	Mác viết bài "Cuộc khởi nghĩa của người Hy Lạp. - Giới lưu vong Ba Lan. - Hiệp ước Áo - Phổ. - Những tài liệu về việc vũ trang nước

	Nga". Bài viết, trong đó đã dẫn ra hàng loạt tài liệu chính thức của Nga nêu lên đặc trưng của chế độ phong kiến - quan liêu của nước Nga Nga hoàng, đã được công bố trên tờ "New-York Daily Tribune" ngày 15 tháng Năm.
<i>Cuối tháng Tư</i>	Ăng-ghe-nen giúp Hây-da viết bài phê phán các kế hoạch quân sự phiêu lưu của Sim-men-phen-ních, một phần tử đã tham gia cuộc khởi nghĩa Ba-den - Pphan-xơ năm 1849, có quan hệ với nhóm phân liệt của Vi-lích ở Mỹ. Bài viết này được viết cho tờ "Reform" ở Niu Oóc, đã không được công bố, vì tờ báo bị đình bản.
<i>Cuối tháng Tư - tháng Năm</i>	Mác nghiên cứu tiếng Tây Ban Nha - ông đọc nguyên bản tác phẩm của Can-đê-rôn, "Đồng Ki-sốt" của Xéc-van-téc và những cuốn sách khác.
<i>Tháng Năm - đầu tháng Sáu</i>	Mác đọc tập tài liệu có liên quan đến cuộc cách mạng 1848 - 1849 ở I-ta-li-a, được công bố trong tập "Hồ sơ lưu trữ ba năm về tình hình của I-ta-li-a từ khi Pi IX lên ngôi hoàng đế đến ngày trao nộp thành Vơ-ni-dô". Ông cho rằng tập tài liệu ấy - chứa đựng những tài liệu khác nhau cũng như những bức thư bắt được - là rất có giá trị cho việc nghiên cứu cách mạng ở I-ta-li-a.
<i>Đầu tháng Năm</i>	Nhân cuộc khởi nghĩa của cư dân Hy Lạp ở Phết-xa-li và Ê-pia - các xứ thuộc Đế quốc Thổ Nhĩ Kỳ - Mác nghiên cứu lịch sử hình thành quốc gia Hy Lạp độc lập vào cuối những năm 20 - đầu những năm 30 của thế kỷ XIX, ông đọc và tóm tắt nội dung cuốn sách của Pa-ri-sơ "Lịch sử ngoại giao của chế độ quân chủ Hy Lạp từ năm 1830".
<i>2 và 5 tháng Năm</i>	Mác viết hai bài về các sự kiện trước mắt cho tờ "New-York Daily Tribune". Ban biên tập đã nhập hai bài vào một. Bài báo "Cuộc bắn phá Ô-đét-xa. - Hy Lạp. - Lời kêu gọi của hầu tước xứ Séc-nô-gô-ri-a Đa-ni-lô. - Diễn văn của Man-toi-phen", trong đó đã phê phán gay gắt chính sách của Phổ trong vấn đề phương Đông và phê phán chủ nghĩa Phổ nói chung, đã được công bố ngày 16 tháng Năm. Một phần tài liệu - sau khi bị xuyên tạc rất nghiêm trọng - đã được ban biên tập sử dụng làm bài xã luận của mình trong số báo ra ngày 19 tháng Năm, dưới đầu đề "Chính sách của Phổ".
<i>9 tháng Năm</i>	Mác viết bài "Nền tài chính của nước Anh", trong đó ông vạch trần tính chất mị dân của các biện pháp tài chính của Glát-xtôn. Bài báo đăng trên tờ "New-York Daily Tribune" ngày 23 tháng Năm đã gây một ấn tượng mạnh mẽ ở Niu Oóc và được đăng lại ngày 25 tháng Năm trên tờ "The New-York Times" ("Thời báo Niu Oóc").

<i>Khoảng 10 tháng Năm</i>	Mác nhận được bức thư của Clút-xơ thông báo rằng những người lưu vong Đức sống ở Mỹ có ý định xuất bản ở Luân Đôn một tờ báo bằng tiếng Anh và dự định mời Mács tham gia ban biên tập; dự định này không thực hiện được.
<i>Khoảng 10 tháng Năm - cuối tháng Năm</i>	Mács ốm nặng. Vì thế, phần lớn những bài viết cho tờ "New-York Daily Tribune" là do Ăng-ghe-nh viết.
<i>Khoảng 12 tháng Năm</i>	Mács nhận được thông báo của Clút-xơ cho biết rằng ngày 26 tháng Tư tờ "Reform" phải đình bản vì thiếu kinh phí.
<i>22 tháng Năm</i>	Ăng-ghe-nh viết bài bình luận quân sự thường kỳ; bài viết được công bố, dưới đầu đề "Chiến tranh", trên tờ "People's Paper" số ra ngày 27 tháng Năm và cả trên tờ "New-York Daily Tribune" số ra ngày 9 tháng Sáu làm xã luận.
<i>24 tháng Năm</i>	Ăng-ghe-nh phê phán toàn diện hệ thống quân sự lỗi thời của Anh trong bài viết cho tờ "New-York Daily Tribune". Bài viết, dưới đầu đề "Tình trạng hiện nay của quân đội Anh, chiến thuật, trang phục, hậu cần v.v. của nó", được đăng trên báo ngày 10 tháng Sáu, dưới ký tên của Mács.
<i>30 tháng Năm</i>	Mács viết bài "Hiệp ước giữa Áo và Phổ. - Các cuộc tranh luận ở Nghị viện ngày 29 tháng Năm". Bài viết, trong đó Mács chỉ ra rằng giới ngoại giao Anh tìm cách đạt được sự trung lập của Áo và Phổ để giữ tính chất hạn chế của cuộc chiến tranh Crưm, - đã được đăng trên tờ "New-York Daily Tribune" số ra ngày 12 tháng Sáu.
<i>Cuối tháng Năm</i>	Vì cảnh sát theo dõi việc trao đổi thư từ của Mács, nên ông đã buộc phải sử dụng các địa chỉ giả; ông có được hai địa chỉ có thể sử dụng được để trao đổi thư từ với nước Đức.
<i>Tháng Sáu - tháng Bảy</i>	Nhân các sự kiện cách mạng đang chín muồi ở Tây Ban Nha, Mács bắt tay vào việc nghiên cứu lịch sử Tây Ban Nha. Ông đọc các cuốn sách của các tác giả: Phlo-rê-xơ, Prin-xi-pê, Mács-li-a-ni, Hi-u-dơ và của các tác giả khác, ông đã ghi lại nhiều đoạn trích trong các cuốn sách đó.
<i>Tháng Sáu - tháng Mười một</i>	Ăng-ghe-nh nghiên cứu lịch sử cuộc chiến tranh cách mạng ở Hung-ga-ri vào những năm 1848 - 1849, với hy vọng là qua mùa đông sẽ viết được cuốn sách về vấn đề này.
<i>Khoảng 3 tháng Sáu - khoảng 21 tháng Sáu</i>	Vợ của Mács bị ốm, Mács không có tiền để trả cho thầy thuốc chữa bệnh. Như mọi lần, Ăng-ghe-nh đến giúp người bạn của mình.
<i>6 tháng Sáu</i>	Mács gửi cho ban biên tập tờ "New-York Daily Tribune" bài báo, trong đó ông bắt đầu vạch mặt một đại biểu của tập đoàn Bô-na-pác-tơ, đó là Xanh Ác-nô, tổng tư lệnh của quân Pháp. Bài báo này không được đăng.

<i>9 tháng Sáu</i>	Trong bài "Việc cải tổ ngành quân sự của Anh. - Các yêu sách của Áo. - Tình hình kinh tế của nước Anh. - Xanh - Ác-nô", viết cho tờ "New-York Daily Tribune", Mács chỉ rõ rằng do các giai cấp cầm quyền ở Pháp và ở Anh âm mưu duy trì chế độ phản động được thiết lập ở châu Âu theo quyết định của Hội nghị Viên, cho nên chúng không dám đánh bại hoàn toàn Chính phủ Nga hoàng, không thể coi cuộc chiến tranh của các nước đồng minh chống lại nước Nga là cuộc chiến tranh giữa chế độ tự do và chế độ chuyên chế. Phê phán lập trường của nhà chính luận Anh là Đ. Uốc-các-tơ, Mács nhấn mạnh rằng chỉ có đảng vô sản là đảng duy nhất có thể thủ tiêu hệ thống chính quyền thối nát ở Anh. Bài báo này được đăng ngày 24 tháng Sáu.
<i>10 tháng Sáu</i>	Ăng-ghe-nh viết bài báo này nhân có cuộc vây hãm của quân Nga vây đánh cứ điểm Xi-li-xơ-ri của quân Thổ Nhĩ Kỳ. Bài báo này, chứa đựng nhiều tài liệu lịch sử - quân sự, đã được đăng dưới đầu đề "Cuộc bao vây Xi-li-xơ-ri" trên tờ "New-York Daily Tribune" số ra ngày 26 tháng Sáu.
<i>16 tháng Sáu</i>	Mács viết bổ sung bài báo của Ăng-ghe-nh viết cho tờ "New-York Daily Tribune" nhan đề "Tình hình chiến sự ở chiến trường Nga - Thổ Nhĩ Kỳ", và gửi bài đó đến Niu Oóc. Bài báo này được đăng báo ngày 8 tháng Bảy.
<i>23 tháng Sáu</i>	Mács sử dụng những tài liệu do Ăng-ghe-nh gửi cho ông để viết bài đăng trên tờ "New-York Daily Tribune". Bài báo nhan đề "Cuộc rút lui của quân Nga" được đăng báo ngày 10 tháng Bảy.
<i>27 tháng Sáu</i>	Mács viết bài "Chiến tranh. - Những cuộc tranh luận tại nghị viện". Bài báo vạch trần hoạt động ngoại giao bí mật của Anh, đã được đăng trên tờ "New-York Daily Tribune" ngày 10 tháng Bảy.
<i>6 tháng Bảy</i>	Ăng-ghe-nh viết bài bình luận quân sự thường kỳ cho tờ "New-York Daily Tribune". Bài báo nhan đề "Chiến tranh ở vùng Đa-nuýp được đăng làm xã luận trong số báo ra ngày 25 tháng Bảy.
<i>7 tháng Bảy</i>	Theo dõi chăm chú tình hình ở Tây Ban Nha, Mács viết bài "những chi tiết về cuộc khởi nghĩa ở Ma-đrít. - Các yêu sách của Áo và Phổ. - Đột công trái mới ở Áo. - Va-la-ki", trong đó song song với việc giải thích các vấn đề khác, ông đã nêu rõ rằng cuộc binh biến nổ ra ở Tây Ban Nha trong tình hình sự bất bình của quần chúng nhân dân ngày càng tăng có thể biến thành cuộc tổng khởi nghĩa. Bài báo này được đăng trên tờ "New-York Daily Tribune" số ra ngày 21 tháng Bảy.

<i>14 tháng Bảy</i>	Mác viết bài báo "Tình hình sôi sục ở I-ta-li-a. - Các sự kiện ở Tây Ban Nha. - Lập trường của các quốc gia Đức. - Các quan tòa ở Anh". Bài báo này được đăng trên tờ "New-York Daily Tribune" ngày 28 tháng Bảy.
<i>20 tháng Bảy</i>	Trong bức thư gửi Má, Ăng-ghe, căn cứ vào lời của Đron-ke, thông báo một số tin tức về các thành viên cũ của Liên đoàn những người cộng sản: Nai-tơ, Đa-ni-en-xơ, Béch-cơ và những người khác.
<i>Nửa cuối tháng Bảy</i>	Mác đọc cuốn sách của nhà lịch sử học tư sản Ô. Chi-e-rơ, xuất bản năm 1853, nhan đề "Lịch sử sự hình thành và phát triển của tầng lớp thứ ba" - Má đã tìm hiểu các tác phẩm khác của nhà sử học này trước đó - và ghi lại nhiều đoạn trích trong cuốn sách này; trong bức thư gửi Ăng-ghe ngày 27 tháng Bảy Má đã phân tích có phê phán cuốn sách kể trên, mà tác giả của nó là một trong số những người đầu tiên phát hiện ra sự tồn tại của đấu tranh giai cấp trong quá trình lịch sử, mặc dù tác giả ấy đã không từ đó rút ra được những kết luận tương ứng về phương diện lý luận.
<i>21 tháng Bảy</i>	Mác viết bài "Cuộc cách mạng Tây Ban Nha. - Thổ Nhĩ Kỳ và Hy Lạp", trong đó ông chỉ rõ rằng phong trào cách mạng nổ ra ở Tây Ban Nha đã vượt ra ngoài khuôn khổ một cuộc binh biến thông thường và phong trào này, nhờ sự tham gia của quần chúng nhân dân, đã mang tính chất dân chủ. Bài báo này được đăng trên tờ "New-York Daily Tribune" số ra ngày 4 tháng Tám.
<i>24 - 25 tháng Bảy</i>	Mác tham dự các phiên họp của nghị viện Anh, trong đó đã diễn ra các cuộc tranh luận về chiến tranh; ông đã nói rõ những ấn tượng của mình trong các bài "Những cuộc tranh luận về chiến tranh tại nghị viện" và "Chính sách của Áo. - Những cuộc tranh luận về chiến tranh tại Hạ nghị viện"; những bài này đăng trên tờ "New-York Daily Tribune" số ra ngày 7 và 9 tháng Tám.
<i>27 tháng Bảy</i>	Mác thông báo cho Ăng-ghe về lời đề nghị của Ta-cơ muốn cho in một số bài lấy trong báo "New-York Daily Tribune" dưới hình thức những ấn phẩm riêng lẻ. Má có ý định viết cùng với Ăng-ghe bài tiểu luận châm biếm về hoạt động ngoại giao và về các hoạt động quân sự của người Anh từ khi tuyên chiến, cũng như có ý định đồng ý để Ta-cơ in lại bài "Tài liệu trao đổi ngoại giao bí mật" và bài tiểu luận về Pan-mốc-xton. Má đề nghị Ăng-ghe cho biết ý kiến về vấn đề này.
<i>29 tháng Bảy - 1 tháng Tám</i>	Mác và Ăng-ghe viết bài "Cuộc chiến tranh buồn tẻ", trong đó hai ông chỉ rõ rằng các sự kiện cách mạng ở Tây Ban Nha có thể mở ra một kỷ nguyên cách mạng mới ở châu Âu. Bài này được đăng trên tờ "New-York Daily Tribune" số ra ngày 17 tháng Tám.

<i>Tháng Tám - đầu tháng Chạp</i>	Mác tiếp tục công việc nghiên cứu lịch sử Tây Ban Nha tại Viện bảo tàng Anh quốc. Ông đọc rất nhiều sách báo in bằng các thứ tiếng: Anh, Pháp, Tây Ban Nha, ghi lại những đoạn trích dẫn đầy đủ rút từ các tác phẩm của Tô-ren-nô, Prát, Hô-ve-li-a-nốt và các tác giả khác.
<i>4 tháng Tám</i>	Mác viết bài "Ê-xpác-te-rô" trên cơ sở các tài liệu mà ông đã nghiên cứu về tiểu sử của thủ lĩnh đảng cấp tiến ở Tây Ban Nha. Bài viết này - trong đó vạch trần Ê-xpác-te-rô là một nhân vật không đủ khả năng lãnh đạo cuộc đấu tranh giải phóng của quần chúng nhân dân - được đăng làm xã luận trên tờ "New-York Daily Tribune" trong số ra ngày 19 tháng Tám.
<i>8 tháng Tám</i>	Rất coi trọng việc giới thiệu với công nhân Mỹ về kinh nghiệm đấu tranh của phong trào Hiến chương cách mạng, cho nên trong bài viết thường kỳ cho tờ "New-York Daily Tribune", Má dẫn ra các tài liệu về chuyển đi cố động của Giôn-xơ khắp nước Anh hồi mùa hè 1854. Bài này được đăng ngày 21 tháng Tám.
<i>25 tháng Tám - 8 tháng Chạp</i>	Mác viết loạt bài "Nước Tây Ban Nha cách mạng". Trong số mười một bài do ông viết, chỉ có 8 bài được đăng trên tờ "New-York Daily Tribune" (9 và 25 tháng Chín, 20, 27 và 30 tháng Mười, 24 tháng Mười một, 1 và 2 tháng Chạp). Những bài này giải thích lịch sử các sự kiện cách mạng diễn ra vào những năm 1808 - 1814 và 1820 ở Tây Ban Nha. Ba bài cuối cùng, nói về các sự kiện năm 1820 - 1823 và 1833, đều không được đăng báo.
<i>8 - 13 tháng Chín</i>	Mác nhận được hai bức thư của Êc-ne-xơ Giôn-xơ, trong đó Giôn-xơ trình bày tình trạng gay go của tờ "People's Paper" và đề nghị Má giúp đỡ trong giới hạn khả năng cho phép.
<i>13 tháng Chín</i>	Mác thông báo cho Ăng-ghe biết về tình cảnh vật chất khó khăn của Pi-tơ và Xtê-phen-xơn, hai đảng viên cộng sản Đức lưu vong, mà ông thường xuyên có liên hệ.
<i>15 tháng Chín</i>	Mác viết bài "Hoạt động của hạm đội liên quân. - Tình hình tại các công quốc thuộc vùng sông Đa-nuyp. - Tây Ban Nha. - Nền ngoại thương của Anh" cho tờ "New-York Daily Tribune", trong đó, ngoài những vấn đề khác, ông còn làm sáng tỏ - trên cơ sở các tài liệu thống kê của ông thu thập được - quá trình biến động của nền ngoại thương nước Anh. Bài báo này được đăng ngày 2 tháng Mười.
<i>18 tháng Chín</i>	Nhân việc quân Anh - Pháp bắt đầu mở cuộc tiến công vào Xê-va-xtô-pôn, Ăng-ghe viết một bài báo, trong đó ông đã phê phán các hoạt động quân sự của liên quân. Bài báo nhan đề "Cuộc tiến

	công vào Xê-va-xtô-pôn" được đăng làm xã luận trên tờ "New-York Daily Tribune" số ra ngày 14 tháng Mười.
<i>Chậm nhất là 29 tháng Chín</i>	Mác nhận được tin báo của ban biên tập tờ "New-York Daily Tribune" cho biết là do khó khăn về kinh phí nên báo này buộc phải giảm một nửa số nhuận bút của Mács và đề nghị mỗi tuần Mács chỉ gửi một bài, ngoài ra các bài này sẽ được đăng khuyết danh.
<i>2 tháng Mười</i>	Ăng-ghe-n viết bài "Tin tức từ Crưm", trong đó ông phân tích tỉ mỉ tin tức đã nhận được về việc Xê-va-xtô-pôn thất thủ và tỏ ý nghi ngờ tính chất chính xác của tin này. Bài này được đăng trên tờ "New-York Daily Tribune" số ra ngày 17 tháng Mười.
<i>5 - 6 tháng Mười</i>	Do tin tức về sự thất thủ của Xê-va-xtô-pôn tỏ ra là một tin không chính xác, nên Mács và Ăng-ghe-n đã viết một bài báo, trong đó hai ông vạch trần các thủ đoạn của các chính phủ Anh và Pháp lợi dụng tin đồn nhằm để phục vụ các mục đích mị dân. Cũng trong bài báo này, Mács và Ăng-ghe-n phê phán lập trường sô-vanh của Béc-be, một nhà dân chủ tiểu tư sản Pháp, và hai ông chỉ rõ rằng Ô. Bălăng-ki là nhà lãnh đạo thật sự của nước Pháp cách mạng. Ban biên tập tờ "New-York Daily Tribune" phân bài báo này thành hai phần, một phần được đăng ngày 21 tháng Mười, với nhan đề "Câu chuyện thần bí về Xê-va-xtô-pôn", để làm xã luận, còn phần khác, được đăng cũng trong số báo này, thì lấy nhan đề "Câu chuyện thần bí về Xê-va-xtô-pôn. - Điểm tình hình chung" và bài này không ký tên.
<i>9 - 30 tháng Mười</i>	Ăng-ghe-n viết các bài: "Trận đánh ở An-ma", "Lực lượng quân sự của Nga", "Cuộc bao vây Xê-va-xtô-pôn", những bài này được đăng ngày 26 và 31 tháng Mười và 15 tháng Mười một trên tờ "New-York Daily Tribune" để làm xã luận. Các bài báo này đã gây một ấn tượng to lớn ở Niu Ôc.
<i>Sau 29 tháng Mười</i>	Mác nhận lời mời tham gia hoạt động của ủy ban chống Bô-na-pác-tơ, do các thành viên phong trào Hiến chương ở Luân Đôn tổ chức ra, nhân dịp Na-pô-lê-ông III dự định mở cuộc đi thăm nước Anh. Theo đề nghị của Giôn-xơ, Mács đã được bầu làm ủy viên danh dự của ủy ban này bên cạnh các nhà hoạt động của phong trào dân chủ - tư sản, như: Mács-di-ni, V. Huy-gô, Lu-i Bălăng và những nhân vật khác. Mács đã từ chối; ông giải thích với Giôn-xơ rằng hoạt động ấy sẽ mang lại một hiệu quả lớn hơn nhiều, nếu hoạt động ấy sẽ mang tính chất thuần túy của nước Anh; Giôn-xơ đồng ý với Mács và lấy ý kiến đó làm kim chỉ nam trong hoạt động sau này của mình ở trong ủy ban kể trên.

<i>9 tháng Mười một - 4 tháng Chạp</i>	Theo đề nghị của Mács, Ăng-ghe-n tiếp tục viết đều đặn các bài bình luận quân sự cho tờ "New-York Daily Tribune" về tiến trình diễn biến các hoạt động quân sự ở Xê-va-xtô-pôn. Các bài báo của ông nhan đề: "Chiến dịch Crưm", "Trận đánh ở Ba-lắc-la-va", "Trận đánh ở In-ke-rơ-man" và Chiến dịch Crưm" được đăng báo ngày 27 và 30 tháng Mười một, ngày 14 và 27 tháng Chạp.
<i>22 tháng Mười một</i>	Mác thông báo cho Ăng-ghe-n biết về ý định của Blin-đơ, cũng như của những thủ lĩnh khác của các phần tử tiểu tư sản lưu vong ở Luân Đôn, định tổ chức các cuộc mít-tinh phản đối nước Nga và phản đối lập trường của các quốc vương Đức trong cuộc chiến tranh Crưm, có sự tham gia của đại biểu tất cả các phái trong giới lưu vong Đức, trong đó có Mács. Vì không tán thành lập trường của các thủ lĩnh phái dân chủ tiểu tư sản đối với cuộc chiến tranh Crưm, cho nên Mács khước từ không tham gia, đồng thời còn dự định - trong trường hợp cần thiết - tổ chức cuộc phản mít-tinh có sự tham gia của các thành viên phái Hiến chương ở Anh.
<i>Tháng Chạp 1854 - tháng Giêng 1855</i>	Mác đọc lại các tập bút ký của mình về kinh tế chính trị đã được ghi chép những năm trước, "nếu không phải để chỉnh lý các tập ấy, thì chí ít cũng là để nắm vững tư liệu và chuẩn bị tài liệu để chỉnh lý". Ông đã làm một bản tóm tắt mà ông đặt tên là "Tiền, tín dụng, các cuộc khủng hoảng", và sau mỗi đoạn trình bày lại viện dẫn tập bút ký tương ứng, với những đoạn trích dẫn lấy từ tác phẩm của các tác giả khác nhau (Gin-béc-tơ, Toóc-nơ-tơn, Tu-cơ, Huê-bác-dơ, Gi. Xt. Mìn, Phu-lắc-tơn và những nhân vật khác), có ghi rõ tên tác giả, tên tác phẩm và số trang trong tập bút ký của mình. Tài liệu này về sau đã được ông sử dụng trong tác phẩm "Grundrisse der Kritik der Politischen ökonomie" ("Nguyên lý phê phán khoa kinh tế chính trị") và trong tập III của bộ "Tư bản".
	Ăng-ghe-n nghiên cứu nhiều cuốn sách và tài liệu về lịch sử nước Nga và các dân tộc Xla-vơ, bằng tiếng Đức, tiếng Nga và các thứ tiếng khác. Ông đọc các sách của Hắc-xơ-hau-den, Ghéc-xen ("Từ bến bờ ấy", "Nước Nga và thế giới cũ", "Quá khứ và suy ngẫm"), cũng như các tác phẩm của Pa-tơn, Ran-kê, Sa-pha-rích, Ma-sây-ốp-xki, En-ghe-n và những tác giả khác.
<i>Đầu tháng Chạp</i>	Ăng-ghe-n trao đổi thư từ với Đron-ke về vấn đề vận chuyển 65 - 70 bản của số cuối cùng, số mẫu đỏ, của báo "Neue Rheinische Zeitung" ("Báo mới vùng Ranh").
<i>Khoảng 2 tháng Chạp</i>	Thông qua Lát-xan, Mács được người ta đề nghị hợp tác với tờ báo dân chủ - tư sản Đức "Neue Oder - Zeitung" ("Báo Ô-de mới"), xuất bản

- ở Brê-xláp (Vrôt-xláp) với sự tham gia của các nhà dân chủ M. Phrit-len-dơ và M.En-xơ.
- 15 tháng Chạp* Mác viết bổ sung cho bài của Ăng-ghen gửi đến, trong đó Mác một lần nữa nhấn mạnh tư tưởng cho rằng việc Áo và Phổ tham chiến có thể thúc đẩy nổ ra một cuộc cách mạng ở châu Âu. Bài báo nhan đề "Quá trình phát triển chiến sự" đã được đăng trên tờ "New-York Daily Tribune" số ra ngày 1 tháng Giêng 1855.
- 20 tháng Chạp* Mác thông báo cho En-xơ biết về việc ông đồng ý cộng tác với tờ "Neue Oder - Zeitung".
- 21 tháng Chạp* Ăng-ghen viết bài "Lực lượng quân sự của Áo", bài này được đăng làm xã luận trên tờ "New-York Daily Tribune" số ra ngày 8 tháng Giêng 1855.
- Khoảng 22 tháng Chạp 1854 - đầu tháng Giêng 1855* Ăng-ghen có mặt ở nhà Mác tại Luân Đôn.
- 29 tháng Chạp 1854 - 1 tháng Giêng 1855* Mác viết hai bài dưới nhan đề chung "Nhìn lại chiến dịch Crum" ("Rückblicke"), mở đầu sự cộng tác của ông với tờ "Neue Oder - Zeitung". Các bài này được đăng báo ngày 2 và 4 tháng Giêng 1855.

1855

- Tháng Giêng - đầu tháng Hai* Mác tiếp tục đọc lại các tập bút ký của mình về kinh tế chính trị. Ông soạn thảo bản chỉ dẫn cho các tập bút ký này, trong đó có chứa đựng những đoạn trích trong tạp chí "Economist" ("Nhà kinh tế học") của một số năm, các đoạn trích trong các tác phẩm của Đê-vê-năng-tơ, A-li-xơn, Pét-ti, Boa-ghin-be, Lốc-cơ, Xtiu-át và các tác giả khác, chủ yếu về những vấn đề địa tô và học thuyết dân số.
- 4 tháng Giêng* Sau khi trở về Man-se-xơ, Ăng-ghen viết bài báo kịch liệt phê phán toàn bộ hệ thống quân sự của Anh. Bài báo nhan đề "Thảm họa của Anh ở Crum" được đăng làm xã luận trên tờ "New-York Daily Tribune" số ra ngày 22 tháng Giêng.
- 5 - 6 tháng Giêng* Mác dịch sang tiếng Đức - để đăng trên báo "Neue Oder - Zeitung" - bài báo của Ăng-ghen "Thảm họa của Anh ở Crum" và có sửa chữa bài này ở một số chỗ. Bài báo này được đăng trên các số báo ra ngày 8 và 9 tháng Giêng.

- 8 - 22 tháng Giêng* Mác viết loạt bài trên tờ "Neue Oder - Zeitung", lấy nhan đề là "Cuộc khủng hoảng công - thương nghiệp", trong đó dựa trên cơ sở phân tích nền thương mại của Anh ông đã đi đến kết luận là chu kỳ kinh tế lại đạt đến thời điểm khi mà "tình trạng sản xuất thừa và nạn đầu cơ quá đáng lại được thay thế bằng khủng hoảng". Các bài báo này được đăng vào các ngày 11, 12, 20 và 25 tháng Giêng. Mác cũng gửi bài viết về đề tài này đến cho báo "New-York Daily Tribune" và bài đó được đăng vào ngày 26 tháng Giêng.
- 9 - 23 tháng Giêng* Mác tiếp tục gửi đều đặn cho tờ "Neue Oder - Zeitung" các bài viết về nội tình nước Anh, cũng như gửi các bài bình luận quân sự, trong đó ông đã sử dụng tài liệu rút từ các bài viết do Ăng-ghen gửi cho tờ "New-York Daily Tribune"; các bài này được đăng trên các số báo ra ngày 13, 15, 18, 22, 23 và 26 tháng Giêng.
- 16 tháng Giêng* Mác lại có một cô con gái ra đời.
- 23 tháng Giêng* Trong bức thư gửi Lát-xan, Mác trả lời một số vấn đề kinh tế, cụ thể là sự ảnh hưởng của việc bãi bỏ thuế quan về ngũ cốc đối với giá cả các công nghệ phẩm và đối với tiền lương. Mác hứa rằng hễ có dịp sẽ sưu tập ngay cho Lát-xan các số liệu chính xác về những vấn đề mà Lát-xan quan tâm, các số liệu này rút trong các tập bút ký kinh tế của Mác, còn trước mắt tạm thời ông chỉ hạn chế ở các số liệu chung.

BẢN CHỈ DẪN TÊN NGƯỜI

A

A-bóc-đin (Aberdeen), Gioóc-giơ *Gioóc-đơn* (1784 - 1860) - nhà hoạt động nhà nước Anh, đảng viên đảng To-ri, từ năm 1850 làm lãnh tụ phái Pin, bộ trưởng Bộ ngoại giao (1828 - 1830, 1841 - 1846) và thủ tướng nội các liên hiệp (1852 - 1856). - 9, 13, 15, 54, 101, 153, 155, 157-158, 184, 194-198, 200, 205, 262, 317, 318, 319-328, 381, 382, 384, 398, 413, 650.

A-dút-pa-sa - thống đốc quân sự Thổ Nhĩ Kỳ ở Ben-grát những năm 1854 - 1857. - 360.

A-đri-an ở U-tơ-rếch (1459 - 1523) - thầy dạy vua Tây Ban Nha Sác-lơ I, từ năm 1517 làm giáo chủ, từ năm 1518 làm thẩm phán tối cao tòa án tôn giáo, năm 1520 - 1521 cầm quyền ở Tây Ban Nha, từ năm 1522 làm giáo hoàng La mã với danh hiệu A-đri-an VI. - 467.

A-khmét I (1589 - 1617) - vua Thổ Nhĩ Kỳ (1603 - 1617). -188.

A-khmét - pa-sa - tướng Thổ Nhĩ Kỳ, cuối năm 1853 làm tư lệnh quân Thổ Nhĩ Kỳ ở Cáp-ca-dơ. -30, 37.

A-lếch-xan-đrơ I (1777 - 1825) - hoàng đế Nga (1801 - 1825). -63.

A-lếch-xan-đrơ II (1818 - 1881) - hoàng đế Nga (1855 - 1881). -170.

A-lếch-xan-đrơ Ca-ra-ghê-oóc-ghi-ê-vích (1806 - 1885) - công tước Xéc-bi (1842 - 1858). -39, 437.

A-mét-lê-i-đê Ca-brê (Ametller y de Cabrer), Nác-xi-xơ (mất năm 1877) - đại tá lục quân Tây Ban Nha, năm 1843 - 1844 là một trong những nhà lãnh đạo cuộc khởi nghĩa của phái cộng hòa và phái cấp tiến ở Ca-ta-lô-ni, đã tham gia cách mạng tư sản Tây Ban Nha 1854 - 1856. -545.

A-mê-li-a - xem Ma-ri - A-mê-li-a.

A-ri-ô-xtô (Ariosto), Lô-đô-vi-cô (1474 - 1533) - nhà thơ I-ta-li-a lỗi lạc nhất thời kỳ phục hưng, tác giả trường ca "Rô-lăng giận dữ". -563.

Ác-cô A-guy-e-rô (Arco Agüero), Phê-li-pơ - sĩ quan Tây Ban Nha, tham gia cách mạng tư sản 1820 - 1823, một trong những lãnh tụ của phái cấp tiến cách mạng. -519.

Ác-đăng (Ardant), Pôn Giô-dép (1800 - 1858) - đại tá Pháp, từ 1855 được thăng cấp tướng, công trình sư quân sự, năm 1854 lĩnh sứ mạng quân sự sang Thổ Nhĩ Kỳ. -70.

Ác-guy-ê-le-xơ (Argüelles), A-gu-xtin (1776 - 1844) - nhà hoạt động nhà nước Tây Ban Nha, thuộc đảng tự do, nhân vật nổi tiếng đã tham gia cuộc cách mạng tư sản 1808 - 1814 và 1820 - 1823, bộ trưởng Bộ nội vụ (1820 - 1821), nghị sĩ (1822 - 1823). -523.

Ác-nim (Arnim), Hen-rích Phri-đrich, bá tước (1791 - 1859) - nhà ngoại giao Phổ, bộ trưởng Bộ ngoại giao (1849) trong nội các phản động Bran-đen-buốc, công sứ ở Viên (1845-1848, 1851 - 1858). -356.

An-be (1819 - 1861) - hoàng thân Dắc-den - Cô-buốc-gơ - Gô-ta, chồng nữ hoàng Anh Vích-tô-ri-a. -34, 47-51, 60, 372, 399.

An-cốc (Alcock), Tô-mát (sinh năm 1801) - nhà hoạt động chính trị Anh, ban đầu thuộc đảng Vích, sau thuộc đảng tự do, nghị sĩ. -386.

An-rép - En-mơ-ptơ, I-ô-xíp Rô-ma-nô-vích (1798 - 1860) - bá tước, tướng Nga, năm 1853 - đầu năm 1854 chỉ huy các đơn vị quân đội đóng ở Đa-nuýp. -38.

An-tô-ni-ô Pa-xcu-an Buốc-bông (1755 - 1817) - con trai vua Tây Ban Nha Sác-lơ III, chủ tịch Hội đồng nhiếp chính tối cao ở Ma-đrít, được thành lập tháng Tư 1808 theo lệnh của Phéc-đi-năng VII. -479.

An-xli (Annesley), Uy-li-am Ri-sốt (1830 - 1874) - nhà quý tộc Anh, thuộc đảng To-ri, nghị sĩ. -57.

Áp-bát-pa-sa (1813 – 1854) – pa-sa Ai Cập (1849 – 1854). – 28.

Áp-đi-pa-sa (sinh năm 1801) - tướng Thổ Nhĩ Kỳ, năm 1853 làm tư lệnh quân đội Thổ Nhĩ Kỳ ở Cá-p-ca-dơ. -30, 37.

Áp-đun - Mét-giú (1823 - 1861) - vua Thổ Nhĩ Kỳ (1839 - 1861). -16, 33, 34, 79, 126, 127, 167 - 168, 175, 182, 183, 185, 275, 291, 336, 391.

Ăng-gu-lê-m (Angoulême), Lu-i Ăng-toan (1755 - 1844) - con vua Pháp Sác-lơ X; năm 1823 chỉ huy quân đội Pháp đàn áp cuộc cách mạng tư sản Tây Ban Nha. -525, 695.

B

Ba-ra-xtê-ki (Barastequi) - sĩ quan Tây Ban Nha, ủng hộ Ê-xpác-te-rô. -376.

Ba-rai-ban (Baraiban) - sĩ quan Tây Ban Nha, tham gia cách mạng tư sản 1854 - 1856. -377.

Ba-rô (Barrot), Ô-đi-lông (1791 - 1879) - nhà hoạt động chính trị tư sản Pháp, trước tháng Hai 1848 là thủ lĩnh phái đối lập vương triều theo chủ nghĩa tự do; tháng Chạp 1848 đến tháng Mười 1849 lãnh đạo nội các dựa vào khối liên minh phản cách mạng gồm các phái bảo hoàng. -75.

Bác-be (Barbès), Ác-măng (1809 - 1870) - nhà cách mạng Pháp, nhà dân chủ tiểu tư sản, một trong những nhà lãnh đạo đoàn thể cách mạng bí mật thời kỳ Quân chủ tháng Bảy; nhà hoạt động tích cực trong cách mạng 1848, đại biểu Quốc hội lập hiến, bị xử bỏ tù vô thời hạn vì tham gia sự kiện 15 tháng Năm 1848, được ân xá năm 1854, sau khi được ân xá đi cư ra nước ngoài và chẳng bao lâu đã từ bỏ hoạt động cách mạng. -573.

Bác-rinh-ton (Barrington), Uy-li-am Kê-pe-lơ (sinh năm 1793) - nhà quý tộc Anh, nghị sĩ. -57.

Ban-bo-a (Balboa), Va-xô Nu-nhe-xơ (1475 - 1517) - nhà hàng hải và nhà chinh phục Tây Ban Nha, người Âu đầu tiên vượt dải đất hẹp Pa-na-ma và đến được bờ biển Thái Bình Dương. -472.

Ban-cơ-xơ (Bankes), Gioóc-giơ (1788 - 1856) - luật gia và nhà hoạt động chính trị Anh, thuộc đảng To-ri, nghị sĩ, bộ trưởng Bộ tài chính. -386.

Ban-đê-ê-ra (Bandiera), hai anh em Át-ti-li-ô (1810 - 1844) và Ê-mi-li-ô (1819 - 1844) - các nhà hoạt động trong phong trào giải phóng dân tộc I-ta-li-a, sĩ quan của hạm đội Áo, hội viên của hội "Nước I-ta-li-a trẻ"; bị xử tử về âm mưu phát động khởi nghĩa ở Ca-la-bri (1844). -90, 672.

Ban-le-xte-rô-xơ (Ballesteros), Phran-xi-xô Lô-pe-xơ (1770 - 1833) - một viên tướng và một nhà hoạt động chính trị Tây Ban Nha, tham gia chiến tranh giành độc lập (1808 - 1814), trong thời kỳ phản động, làm bộ trưởng Bộ chiến tranh (1815); tham gia cách mạng tư sản 1820 - 1823. -693.

Ban-ra-ghe d'In-li-ê (Baraguay d'Hilliers), A-si-lơ (1795 - 1878) - tướng Pháp, từ năm 1854 là thống chế, thuộc phái Bô-na-pác-tơ, đại sứ ở Công-xtăng-ti-nô-pô-ly (1853 - 1854), năm 1854 chỉ huy quân viễn chinh Pháp ở biển Ban-tích. -16, 33, 69, 79, 82, 112, 127, 222, 353, 368, 541.

Bát (Butt), I-xắc (1813 - 1879) - luật sư, nhà hoạt động chính trị Ai-rơ-len, phần tử tự do, nghị sĩ; trong những năm 70 là một trong những người tổ chức ra phong trào tự trị Ai-rơ-len. -70, 96, 400.

Bát-lơ (Butler), Giêm-xơ Ác-ma (1827 - 1854) - sĩ quan Anh, một trong những người tổ chức trận phòng ngự Xi-li-xtơ-ri năm 1854. -396, 402.

Bát-ti-a-ni (Batthyany), Ca-di-mia, bá tước (1807 - 1854) - nhà hoạt động chính trị Hung-ga-ri, đại biểu phái tự do trong giới quý tộc Hung-ga-ri, tham gia cách mạng 1848 - 1849 ở Hung-ga-ri, năm 1849 làm bộ trưởng Bộ ngoại giao trong chính phủ cách mạng; sau khi cách mạng thất bại, lưu vong sang Thổ Nhĩ Kỳ rồi sang Pháp. -15.

Bây-li (Baillie), Hen-ri Giêm-xơ (sinh năm 1804) - nghị sĩ, thuộc đảng To-ri. -65.

Béc-gơ - nhà ngoại giao Nga, bí thư thứ nhất đại sứ quán Nga ở Luân Đôn (khoảng 1842 - 1854). -67.

Béc-lép-sơ (Berlepsch), Ma-ri-a Giô-xê-phe-na Géc-tơ-ru-đơ (mất năm 1723) - quan hầu của nữ hoàng Tây Ban Nha Ma-ri-a An-na Noi-buốc, sau cuộc khởi nghĩa nhân dân 1699 bị trục xuất khỏi Tây Ban Nha. -446.

Béc-nan Ô-xboóc-nơ (Bernal Osborne), Ran-phơ (1808 - 1882) - nhà hoạt động chính trị Anh, thuộc phái tự do (thuộc cái gọi là phái cấp tiến Mây-phe), nghị sĩ, bộ trưởng Bộ hải quân (1852 - 1858). -272, 274.

Béc-nơ-stoóc-phơ (Bernstorff), An-brếch, bá tước (1809 - 1873) - nhà ngoại giao Phổ, công sứ ở Luân Đôn (1854 - 1861), bộ trưởng Bộ ngoại giao (1861 - 1862), đại sứ ở Luân Đôn (1862 - 1873). -222.

Béc-ri (Berry), Ma-ri-a Ca-rô-li-na Phéc-di-năng-đơ Lu-i-dơ, nữ công tước (1798 - 1870) - mẹ của bá tước Săm-bo, người theo đuổi ngôi vua chính thống ở Pháp; năm 1832 định gây cuộc bạo động ở Van-đây để lật đổ Lu-i - Phi-líp. -292.

Bét-xi-e-rơ (Bessières), Giảng Ba-ti-xơ (1768 - 1813) - nguyên soái Pháp, tham gia cuộc viễn chinh của Na-pô-lê-ông I, năm 1808 và năm 1811 tham gia chiến tranh ở Tây Ban Nha. -483.

Bê-con (Bacon), Phren-xít (1561 - 1626) - bá tước Vê-ru-lam, nhà triết học Anh lỗi lạc, người sáng lập ra chủ nghĩa duy vật Anh; nhà vạn vật học, nhà sử học. -485.

Bê-đô (Bedeau), Ma-ri An-phông-xơ (1804 - 1863) - tướng và nhà hoạt động chính trị Pháp, thuộc phái Cộng hòa tư sản ôn hoà; những năm 30-40 tham gia xâm lược An-giê-ri; trong thời kỳ nền Cộng hòa thứ hai làm phó chủ tịch Quốc hội lập hiến và Quốc hội lập pháp, sau cuộc chính biến ngày 2 tháng Chạp 1851 bị trục xuất khỏi nước Pháp. -293, 294, 553.

Bi-be-xcu - xem *Stia-bây*.

Bi-đan-phơ (Biddulph), Mai-côn An-tô-ni (1823 - 1904) - sĩ quan Anh, sau khi được thăng cấp tướng, tham gia chiến tranh Crưm, tác giả một cuốn sách về trận vây đánh Xê-va-xtô-pôn xuất bản năm 1854. -592.

Bin-lơ - Bra-hơ (Bille - Brahe), Hen-rích, bá tước (sinh năm 1798) - nhà ngoại giao Đan Mạch, trong những năm 50 làm công sứ ở Viên. -365.

Biu-ke-nen (Buchanan), En-đri-u (1807 - 1882) - nhà ngoại giao Anh, năm 1853 - 1858 là công sứ ở Cô-pen-ha-ghen. -53.

Bla-cơ (Blake), Hô-a-kin (1759 - 1827) - tướng và nhà hoạt động chính trị Tây Ban Nha, tham gia cuộc chiến tranh giành độc lập (1808 - 1814), năm 1810 làm chủ tịch hội đồng nhiếp chính, sau khi Phéc-di-năng VII trở về nước, ông đứng ra chống chế độ chuyên chế. -500.

Bla-xơ-i-Xan-Mác-tin (Blaser y San Martin), An-xen-mô *Đơ-Xi-ga* (1813 - 1872) - tướng Tây Ban Nha, phân tử phản động, bộ trưởng Bộ chiến tranh trong chính phủ Xác-tô-ri-út (1853 - 1854). -345, 346, 357, 378.

Blai (Bligh), Giêm-xơ - một trong những nhà hoạt động tích cực của phong trào Hiến chương trong những năm 50. -131, 145.

Blăng (Blanc), Lu-i (1811 - 1882) - nhà xã hội chủ nghĩa tiểu tư sản Pháp, nhà sử học; năm 1848 là thành viên của chính phủ lâm thời và chủ tịch Ủy ban Lúc-xăm-buốc, đứng trên lập trường thỏa hiệp với giai cấp tư sản; tháng Tám 1848 lưu vong sang Anh, là một trong những nhà lãnh đạo nhóm lưu vong tiểu tư sản ở Luân Đôn. -71, 131.

Blăng-ki (Blanqui), Ô-guy-xơ (Lu-i Ô-guy-xơ) (1805 - 1881) - nhà cách mạng Pháp, nhà cộng sản không tưởng, người tổ chức ra nhiều đoàn thể bí mật và nhiều vụ âm mưu; tham gia tích cực vào cuộc cách mạng 1830 và 1848, nhà lãnh đạo lỗi lạc nhất của phong trào vô sản Pháp; nhiều lần bị án tù. -574.

Blê-cơ-vút (Blackwood), Hen-ri Sti-ven-xơn (sinh năm 1819) - giao thông viên ngoại giao Anh. -184.

Blếch-két (Blackett), Giôn Phê-nu-ích Biéc-gô-in (1821 - 1856) - nghị sĩ Anh. -275.

Bluy-khơ (Blücher), Ghép-hác Lê-bê-rếch (1742 - 1819) - nguyên soái Phổ, tham gia chiến tranh Na-pô-lê-ông I. -268, 552, 580, 610, 658.

Bô-mông (Beaumont), Mai-xơ Tô-mát *Xtai-pơ-ton*, nam tước (1805 - 1854) - nhà quý tộc Anh, thượng nghị sĩ, thuộc đảng tự do. -325.

Bô-na-pác-tơ, Giô-đép (1768 - 1844) - anh của Na-pô-lê-ông I, vua Tây Ban Nha (1808 - 1813). -129, 473 - 478, 481, 483, 486, 498, 518.

Bô-na-pác-tơ, Lu-i - xem *Na-pô-lê-ông III*.

Bô-na-pác-tơ (Bonaparte), Na-pô-lê-ông Giô-đép Sác-lơ Pôn (1822 - 1891) - em họ của Na-pô-lê-ông III, năm 1854 chỉ huy một sư đoàn ở Crưm. -576, 577.

Bô-xkê (Bosquet), Pi-e Giô-đép Phrăng-xoa (1810 - 1861) - tướng Pháp, từ năm 1856 thăng nguyên soái, trong những năm 30-50 tham gia xâm lược An-giê-ri, năm 1854 chỉ huy một sư đoàn, rồi một quân đoàn ở Crưm (1854 - 1855). -575 - 579, 596, 604, 605, 607, 610, 615.

Bốc-clì (Berkeley), Mo-ri-xơ Phrê-đê-rích Phít-sơ-hác-đinh (1788 - 1867) - đô đốc và nhà hoạt động chính trị Anh, thuộc đảng Vích, nghị sĩ, ủy viên Bộ hải quân (1833 - 1839 và 1846 - 1857). 393, 395 - 399.

Bra-ti-a-nu (Bratiano), I-ôn (1822 - 1891) - nhà hoạt động chính trị Ru-ma-ni, thành viên chính phủ lâm thời ở Va-la-ki trong thời kỳ cách mạng 1848, sau thất bại của cách mạng, lưu vong sang Pa-ri; từ 1866 là một trong những lãnh tụ của đảng dân tộc tự do Ru-ma-ri, nhiều lần làm thủ tướng (1867 - 1868 và 1876 - 1888). -336.

Bra-vô Mu-ri-lô (Bravo Murillo), Hoan (1803 - 1873) - nhà hoạt động nhà nước Tây Ban Nha, thuộc phái ôn hòa, đứng đầu chính phủ (1851 - 1852). -530.

Brai-tơ (Bright), Giôn (1811 - 1889) - chủ xưởng Anh, nhà hoạt động chính trị tư sản, một trong những lãnh tụ của phái mậu dịch tự do và một trong những người sáng lập ra đồng minh chống những đạo luật về ngũ cốc, đầu những năm 60 là thủ lĩnh cánh tả của đảng tự do; đã nhiều lần giữ chức bộ trưởng trong nội các của đảng tự do. -48, 54, 92, 204, 278, 279, 462, 665.

Brau-nơ (Brown), Gioóc-giơ (1790 - 1865) - tướng Anh, năm 1854 - 1855 chỉ huy một sư đoàn ở Crum. -431, 576, 577.

Brây-đi (Brady), Giôn (sinh năm 1812) - thầy thuốc Anh, nghị sĩ. -57.

Brê-ni-ê (Brenier), A-na-tôn, nam tước (1807 - 1885) - nhà ngoại giao Pháp, bộ trưởng Bộ ngoại giao (1851), công sứ ở Na-plơ (1855 - 1856 và 1859 - 1860), từ 1861 là thượng nghị sĩ. -86, 87.

Brôn-tơ (Brontë), Sác-lốt-tơ (1816 - 1855) - nữ văn sĩ Anh, đại biểu cho xu hướng hiện thực. -711.

Bru-tút (Mác-cút Giu-ni-út Bru-tút) (khoảng 85 - 42 trước công nguyên) - nhà hoạt động chính trị La Mã, một trong những người khởi xướng âm mưu của phái cộng hòa quý tộc chống I-u-li-út Xê-da. -50.

Brúc (Bruck), Các-lơ Lút-vích, nam tước (1798 - 1860) - nhà hoạt động nhà nước và nhà ngoại giao Áo, chủ xí nghiệp lớn, bộ trưởng Bộ thương nghiệp, công nghiệp và công trình công cộng (1848 - 1851), công sứ ở Công-xtăng-ti-nô-plơ (1853 - 1855), bộ trưởng Bộ tài chính (1855 - 1860). -222, 390.

Brum (Brougham), Hen-ri Pi-tơ, nam tước (1778 - 1868) - luật sư và nhà văn học Anh, nhà hoạt động xuất sắc của đảng cấp tiến trong những năm 20-30, thẩm phán tối cao (1830 - 1834), từ những năm 50 không có vai trò quan trọng trong đời sống chính trị. -35, 195, 328.

Brun-nốp, Phi-líp I-va-nô-vích, nam tước (1797 - 1875) - nhà ngoại giao Nga, công sứ (1840 - 1854, 1858 - 1860) rồi đại sứ (1860 - 1874) ở Luân Đôn. -32, 47, 81, 162, 197, 358.

Bruy-a (Bruat), Ác-măng Giô-dép (1796 - 1855) - đô đốc Pháp, năm 1854 là tư lệnh một phân hạm đội, năm 1855 là tổng tư lệnh hạm đội Hắc Hải. -74, 368, 431.

Bu-ôn - Sao-en-stai-nơ (Buol - Schauenstein), Các-lơ Phéc-di-năng bá tước (1797 - 1865) - nhà hoạt động nhà nước và nhà ngoại giao Áo, công sứ ở Pê-téc-bua (1848 - 1850) rồi ở Luân Đôn (1851 - 1852), thủ tướng và bộ trưởng Bộ ngoại giao (1852 - 1859). -35, 178, 357, 365, 437.

Bu-xê-ta (Buceta) - đại tá Tây Ban Nha, thuộc phái tự do ôn hoà, tham gia cuộc cách mạng tư sản năm 1854 - 1856. -370, 377.

Buyéch-gô-in (Burgoyne), Giôn Phốc-xơ (1782 - 1871) - tướng Anh, công trình sư quân sự, từ 1868 được thăng nguyên soái; năm 1854 - 1855 làm cố vấn quân sự và cục trưởng công binh ở Crum. -70.

Bun-den (Bunsen), Cri-xchi-an Các-lơ I-ô-di-át, nam tước (1791 - 1860) - nhà ngoại giao Phổ, nhà chính luận và nhà thần học, đại sứ ở Luân Đôn (1842 - 1854). -165, 222.

Bun-vơ - Lít-tơn (Bulwer - Lytton), Êt-uốt Gioóc-giơ Lít-tơn (1803 - 1873) - nhà văn và nhà hoạt động chính trị Anh, ban đầu thuộc đảng Vích, từ năm 1852 thuộc đảng To-ri, nghị sĩ. -57.

Buóc-bông - vương triều ở Pháp (1589 - 1792, 1814 - 1815 và 1815 - 1830) và ở Tây Ban Nha (1700 - 1868 và 1874 - 1931). -34, 48, 292, 472, 502.

Bút-béc-gơ, A-lếch-xan-đơ I-va-nô-vích (1798 - 1876) - tướng Nga, năm 1853 - 1854 làm đặc phái viên ở các công quốc thuộc vùng sông Đa-nuýp. -332, 354, 390, 421, 542.

Buy-giô Đơ La Pi-côn-nơ-ri (Bugeaud de la Piconnerie), Tô-ma Rô-be (1784 - 1849) - tướng Pháp, từ năm 1843 thăng nguyên soái, thuộc phái Oóc-lê-ăng, nghị sĩ hạ nghị viện thời kỳ nền Quân chủ tháng Bảy; năm 1848 - 1849 tổng tư lệnh quân đội đóng ở vùng núi An-pơ, đại biểu Quốc hội lập pháp. -293.

C

Ca-brê-ra-i-Gri-nhi-ô (Cabrera y Griño), Ra-môn, bá tước *Mô-rê-li-a* (1806 - 1877) - tướng Tây Ban Nha, phần tử phản động, một trong những thủ lĩnh của phái Các-lốt. -410.

Ca-léc-ghi-xơ, Đê-mi-tơ-ri (1803 - 1867) - tướng và nhà hoạt động chính trị Hy Lạp, tham gia cuộc chiến tranh giải phóng của nhân dân Hy Lạp chống ách Thổ Nhĩ Kỳ (1821 - 1829); bộ trưởng Bộ chiến tranh (1854 - 1855). -539.

Ca-lích (Kalik), An-tôn (sinh năm 1818) - đại tá của quân đội Áo, mùa hè 1854 được cử đến các công quốc thuộc vùng sông Đa-nuýp với sứ mệnh đặc biệt. -437.

Ca-nhê-đô (Cañedo), A-lôn-xô - linh mục Tây Ban Nha, phần tử phản động cực đoan, nghị sĩ Nghị viện Ca-di-xơ. -514.

Ca-ninh (Canning), Gioóc-giơ (1770 - 1827) - nhà hoạt động nhà nước và nhà ngoại giao Anh, một trong những người lãnh đạo đảng To-ri; bộ trưởng Bộ ngoại giao (1807 - 1809, 1822 - 1827), thủ tướng (1827). -162, 323.

Ca-pô-đi-xơ-ri (Kapodistrias), I-ô-han, bá tước (1776 - 1831) - nhà hoạt động nhà nước Hy Lạp; năm 1809 - 1822 phục vụ ở Nga, đã làm thứ trưởng Bộ ngoại giao Nga (1815 - 1822); năm 1827 được bầu làm tổng thống Hy Lạp (1827 - 1831). -539.

Ca-ra-đốc (Caradoc), Giôn Hô-bác-tô, nam tước *Hây-đơn* (1799 - 1873) - nhà ngoại giao Anh, công sứ ở Ma-đrít (1850 - 1858). -377 -378, 439 -440, 441.

Ca-ra-xcô (Carrasco), A-gu-xtin - nhà kinh tế học Tây Ban Nha nửa đầu thế kỷ XIX. -443.

Ca-ram-din, Ni-cô-lai Mi-khai-lô-vích (1766 - 1826) - nhà sử học và nhà văn Nga xuất sắc, nhà viết sử chính thức về A-lếch-xan-đrô I. -109.

Ca-rô (Caro), Hô-xê Ven-tu-ra (1742 - 1809) - tướng Tây Ban Nha, tham gia cuộc chiến tranh giành độc lập (1808 - 1814). -493.

Ca-rô-li-na (1768 - 1821) - nữ hoàng Anh (1820 - 1821), vợ của Gioóc-giơ IV. -416.

Ca-ve-nhắc (Cavaignac), Lu-i Ô-gien (1802 - 1857) - tướng và nhà hoạt động chính trị Pháp, thuộc phái cộng hòa tư sản ôn hoà, trong những năm 30-40 tham gia cuộc xâm lược An-giê-ri, từ tháng Năm 1848 bộ trưởng Bộ chiến tranh Pháp, đàn áp tàn khốc cuộc khởi nghĩa tháng Sáu của công nhân Pa-ri; đứng đầu chính phủ (tháng Sáu - tháng Chạp 1848). -553.

Ca-buốc (Cavour), Ca-mi-lô Ben-xô (1810 - 1861) - bá tước, nhà hoạt động nhà nước I-ta-li-a, nhà tư tưởng và lãnh tụ của bọn tư sản tự do - bảo hoàng và của bọn quý tộc tư sản hoá; đứng đầu chính phủ Xác-đi-ni (1852 - 1859 và 1860 - 1861); được sự ủng hộ của Na-pô-lê-ông III đã thực hiện chính sách thống nhất nước I-ta-li-a từ bên trên dưới sự lãnh đạo của vương triều Xa-voa, năm 1861 đứng đầu chính phủ đầu tiên của I-ta-li-a. -86.

Ca-xtan-nhi-ô-i-A-ra-gô-ni (Castaños y Aragoni), Phran-xi-xcô Ha-va-ê (1785 - 1852) - tướng Tây Ban Nha, tham gia cuộc chiến tranh giành độc lập (1808 - 1814), chỉ huy quân đội Tây Ban Nha trong trận Bai-len. -481, 483, 500.

Ca-xten-ba-giắc (Castelbajac), Béc-tê-lê-mi Đô-mi-ních Giắc Ác-măng, hầu tước - tướng Pháp, thuộc phái chính thống, năm 1850 - 1854 làm công sứ ở Pê-téc-bua, từ năm 1856 là thượng nghị sĩ của Đế chế thứ hai. -47, 81.

Ca-xtô-rô - xem *Pê-re-xô Đơ Ca-xtô-rô*, Ê-va-ri-xtô.

Các-đi-gan (Cardigan), Giêm-xơ Tô-mát *Brút-nen-lơ*, bá tước (1797 - 1868) - tướng Anh, năm 1854 chỉ huy một lữ đoàn kỵ binh ở Crưm. -552, 607.

Các-đu-en (Cardwell), Êt-uốt (1813 - 1886) - nhà hoạt động nhà nước Anh, một trong những lãnh tụ của phái Pin, về sau tham gia đảng tự do, bộ trưởng Bộ thương mại (1852 - 1855), bộ trưởng về vấn đề Ai-rơ-len (1859 - 1861), bộ trưởng Bộ thuộc địa (1864 - 1866) và bộ trưởng Bộ chiến tranh (1868 - 1874). -248.

Các-lốt, Đôn (1788 - 1855) - em Phéc-đi-năng VII, theo đuổi ngôi vua Tây Ban Nha, đứng đầu phái tăng lữ - phong kiến phản động gây ra cuộc nội chiến Tây Ban Nha (1833 - 1840). -524, 696.

Các-lơ - Lút-vích - I-ô-han (1771 - 1847) - đại công tước Áo, nguyên soái, tổng tư lệnh trong các cuộc chiến tranh với Pháp (1796, 1799, 1085 và 1809), bộ trưởng Bộ chiến tranh (1805 - 1809). -152.

Cát-ni-xe-rô (Carnicero), Hô-xê Clê-men-tê - nhà văn Tây Ban Nha đầu thế kỷ XIX, tác giả một loạt tác phẩm về lịch sử Tây Ban Nha. -478.

Cam-pô-ma-ne-xơ (Campomanes), Pê-đrô Rô-đri-ghe-xơ, bá tước (1723 - 1803) - nhà hoạt động nhà nước Tây Ban Nha, nhà sử học, nhà ngôn ngữ học và nhà kinh tế học, ủng hộ chế độ chuyên chế khai minh; bộ trưởng Bộ tài chính (1762 - 1791). -511.

Can-đê-rôn Đơ La Béc-ca (Calderon de la Barca), Pê-đrô (1600 - 1681) - nhà viết kịch lỗi lạc Tây Ban Nha. -487.

Can-rô-béc (Canrobert), Phrăng-xoa Xéc-tanh (1809 - 1895) - tướng Pháp, được thăng lên nguyên soái từ năm 1856, thuộc phái Bô-na-pác-tô, những năm 30 - 40 tham gia cuộc xâm lược An-giê-ri; một trong những người tích cực tham gia cuộc chính biến ngày 2 tháng Chạp 1851, tổng tư lệnh quân đội Pháp ở Crưm (tháng Chín 1854 - tháng Năm 1855). -431, 590, 612, 619, 627.

Can-vô Đơ Rô-xa-xơ (Calvo de Rozas), Lô-ren-xô - nhà hoạt động chính trị Tây Ban Nha, đại biểu cho phái dân chủ trong giai cấp tư sản, tham gia cuộc cách mạng tư sản 1808 - 1814 và 1820 - 1823; một trong những người tổ chức trận phòng ngự anh dũng ở Xa-ra-gốt năm 1808, ủy viên Hội đồng nhiếp chính trung ương, một trong những người đề xướng ra Nghị viện Ca-di-xơ. -487.

Cát-các-lơ (Cathcart), Gioóc-giơ (1794 - 1854) - tướng Anh, năm 1854 chỉ huy một sư đoàn ở Crưm. -576, 596, 607.

Cau-li (Cowley), Hen-ri Rì-sôc Sác-lơ *Oen-xli*, nam tước (1804 - 1884) - nhà ngoại giao Anh, đại sứ ở Pa-ri (1852 - 1867). -100, 101.

Căm-brít-giơ (Cambridge), Gioóc-giơ Uy-li-am Phrê-đê-rích Sác-lơ, công tước (1819 - 1904) - tướng Anh, năm 1854 chỉ huy một sư đoàn ở Crưm, tổng tư lệnh quân đội Anh (1856 - 1895). -576, 577, 607.

Chi-e (Thiers), A-đôn-phơ (1797 - 1877) - nhà sử học tư sản và nhà hoạt động nhà nước Pháp, bộ trưởng Bộ nội vụ (1832, 1834), thủ tướng (1836, 1840), tổng thống nước Cộng hòa (1871 - 1873), tên đồ tể đối với Công xã Pa-ri. -292.

Cla-ren-đôn (Clarendon), Gioóc-giơ Uy-li-am Phrê-đê-rích *Vi-li-ê-xơ*, bá tước (1800 - 1870) - nhà hoạt động nhà nước Anh, thuộc đảng Vích, sau tham gia đảng tự do, làm tổng đốc Ai-rơ-len (1847 - 1852), đàn áp tàn khốc cuộc khởi nghĩa của Ai-rơ-len; bộ trưởng Bộ ngoại giao (1853 - 1858, 1865 - 1866 và 1868 - 1870). -66, 67, 92, 93, 99 - 103, 113, 126, 127, 167, 171, 177 - 183, 194, 195, 199, 206, 327, 371, 384, 428, 429, 438.

Clan-ri-các-đơ (Clanricarde), U-lích, Giôn *Đơ Biéc-gơ* (1802 - 1874) - nhà hoạt động chính trị và nhà ngoại giao Anh, thuộc đảng Vích, đại sứ ở Pê-téc-bua (1838 - 1841). -17, 66, 321, 325, 327, 383, 684, 685.

Co-rơ-téc (Cortes), Êc-nan (Phéc-nan-đô) (1845 - 1547) - thành viên quân đội Tây Ban Nha xâm lược, đã chinh phục quốc gia của người A-dơ-tếch (Mê-hi-cô) (1519 - 1521). -472.

Coóc-ni-lốp, Vla-di-mia A-lếch-xi-ê-vích (1806 - 1854) - nhà hoạt động hải quân xuất sắc của Nga, đô đốc, tham mưu trưởng hạm đội Hắc Hải (1849 - 1853), một trong những người cổ vũ và tổ chức trận đánh bảo vệ Xê-va-xtô-pôn anh hùng. -28.

Cô-buốc-gơ (Coburg) - một dòng họ công tước ở Đức mà nhiều vương triều ở Bỉ, Bồ Đào Nha, Anh và nhiều nước châu Âu khác đều thuộc về hoặc gắn bó với dòng họ này. -35, 129, 399.

Cô-la-đô (Collado), Hô-xê-Ma-nu-en - nhà hoạt động chính trị Tây Ban Nha, chủ ngân hàng, thuộc phái cấp tiến; bộ trưởng Bộ tài chính (1854 - 1856). -348, 439, 529.

Cô-oen (Cowelee), Gioóc-giơ - công nhân Anh, nhà hoạt động trong phong trào Hiến chương, một trong những người lãnh đạo cuộc bãi công ở Pre-xtơn 1853 - 1854. -259.

Cô-ra-đi (Coradi), Phéc-nan-đô (chết năm 1885) - nhà hoạt động chính trị và nhà báo Tây Ban Nha, chủ bút tờ "Clamor Público". -528.

Cô-rô-ni-ni - *Crôn-béc-gơ* (Cronini - Cronberg), I-ô-han Báp-ti-xơ, bá tước (1794 - 1880) - tướng Áo, năm 1854 chỉ huy một quân đoàn ở các công quốc thuộc vùng sông Đa-nuýp. - 330, 365.

Cô-sút (Kossuth), La-i-ốt (Lút-vích) (1802 - 1894) - lãnh tụ phong trào giải phóng dân tộc Hung-ga-ri, lãnh đạo phái dân chủ - tư sản trong cuộc cách mạng 1848 - 1849, đứng đầu chính phủ cách mạng Hung-ga-ri; sau thất bại của cách mạng, đã lưu vong ra nước ngoài. -15, 105, 227, 288, 289.

Cô-va-lép-xki, Ê-go Pê-tơ-rô-vích (1811 - 1868) - sĩ quan, nhà du lịch, nhà văn và nhà ngoại giao Nga; năm 1853 làm cao ủy ở Séc-nô-gô-ri-a, về sau phục vụ ở bộ tư lệnh quân đội Nga. - 239.

Cốc (Kock), Pôn Đơ (khoảng 1794 - 1871) - nhà văn tư sản Pháp, tác giả một số truyện giải trí phù phiếm. -175.

Côn-sa (Concha), Hô-xê *Gu-the-re-xơ Đơ La* (1809 - 1895) - tướng Tây Ban Nha, phần tử phản động, toàn quyền quân sự ở Cu-ba (1850 - 1852, 1854 - 1859), đàn áp tàn khốc phong trào giải phóng dân tộc ở Cu-ba; đứng đầu chính phủ (1868). -441.

Côn-sa (Concha), Ma-nuy-en *Gu-the-re-xơ Đơ La* (1808 - 1874) - tướng Tây Ban Nha, thuộc phái ôn hoà, năm 1854 làm chủ tịch Hội đồng nhiếp chính quân sự, một trong những người tổ chức cuộc đàn áp cuộc cách mạng tư sản 1854 - 1856. -412, 448, 538.

Côn-xtan-ti Ni-cô-la-ê-vích (1827 - 1892) - đại công tước Nga, con thứ của Ni-cô-lai I, đô đốc, lãnh đạo ngành hải quân (1853 - 1881) và hạm đội (1855 - 1881). -303.

Cốp-bét (Cobbet), Uy-li-am (1762 - 1835) - nhà hoạt động chính trị và nhà chính luận Anh, đại biểu nổi tiếng của phái cấp tiến tiểu tư sản, đấu tranh cho công cuộc dân chủ hóa chế độ chính trị ở Anh. -195, 280, 667.

Cốp-đen (Cobden), Ri-sóc (1804 - 1865) - chủ xưởng Anh, nhà hoạt động chính trị tư sản, một trong những lãnh tụ của phái mật dịch tự do và một trong những nhà sáng lập ra Đồng minh chống những đạo luật về ngũ cốc; nghị sĩ. -48, 53 -56, 90 - 96, 97, 204, 387.

Cri-xti-na - xem *Ma-ri-a*, *Cri-xti-na*.

Cru-den-stéc-nơ Ni-cô-lai I-va-nô-vích - tướng Nga, trong thời gian chiến tranh Crưm là tổng đốc quân sự ở Ô-dét-xa. -542.

Cu-ê-xta - xem *Gác-xi-a Đơ La cu-ê-xta*, Grê-gô-ri-ô.

Cu-ra-kin, A-lếch-xan-đrơ Bô-ri-xô-vích (1752 - 1818) - công tước, nhà ngoại giao Nga, phó thủ tướng (1796 - 1798 và 1801 - 1802), năm 1807 tham gia ký hòa ước Tsin-dít giữa Nga và Pháp, đại sứ ở Pa-ri (1808 - 1812). -475.

D

Đa-môi-xki (Zamojski), Vla-di-xláp, bá tước - đại địa chủ Ba Lan, tham gia cuộc khởi nghĩa 1830 - 1831, sau thất bại của cuộc khởi nghĩa là một trong những người lãnh đạo nhóm bảo hoàng bảo thủ Ba Lan lưu vong ở Pa-ri, thời kỳ chiến tranh Crưm định tổ chức quân đoàn Ba Lan tham gia chiến tranh chống lại nước Nga. -227.

Đ

Đa-ni-lô Nê-gô-sơ (1826 - 1860) - công tước xứ Séc-nô-gô-ri-a (1852 - 186). -238.

Đan-nen-béc-gơ, Pi-ốt An-đrây-ê-vích (1792 - 1872) - tướng Nga, năm 1853 - 1854 chỉ huy quân đoàn ở Đa-nuýp và ở Crưm -150, 615, 628, 629.

Đéc-gia-vin, Ga-vri-na Rô-ma-nô-vích (1743 - 1816) - nhà thơ Nga lỗi lạc, đại biểu cho chủ nghĩa cổ điển. -339.

Đen-ma (Delmas) - kiều dân Pháp ở Tây Ban Nha. -434.

Đi-a-xơ Pôóc-li-ơ (Diaz Porlier), Hoan (1788 - 1815) - tướng Tây Ban Nha, thuộc phái tự do, chỉ huy quân du kích trong cuộc chiến tranh giành độc lập (1808 - 1814), bị xử tử vì mưu toan phát động khởi nghĩa chống chế độ chuyên chế của Phéc-di-năng VII. -500, 518, 525.

Đi-bích, I-van I-va-nô-vích, bá tước (1785 - 1831) - nguyên soái Nga, tổng tư lệnh trong cuộc chiến tranh Nga - Thổ Nhĩ Kỳ 1828 - 1829, tổng tư lệnh quân Nga đàn áp cuộc khởi nghĩa Ba Lan 1830 - 1831. -172, 297, 299, 326.

Đi-xra-e-li (Disraeli), Ben-gia-min, bá tước *Bi-con-xphìn* từ năm 1871 (1804 - 1881) - nhà hoạt động nhà nước và nhà văn Anh, một trong những lãnh tụ của đảng To-ri, sau trở thành lãnh tụ đảng bảo thủ; bộ trưởng Bộ tài chính (1852, 1858 - 1859 và 1866 - 1868), thủ tướng (1868 và 1874 - 1880). -47, 57, 91, 97 - 100, 102 - 106, 137, 138, 199, 204, 241, 278, 279, 327, 371, 381, 386, 388, 393, 398, 566, 675.

Đích-ken-xơ (Dickens), Sác-lơ (1812 - 1870) - nhà văn hiện thực vĩ đại Anh. -370 -371, 711.

Đô-tê-dắc (Dotézac), A-đôn-phơ (1808 - 1889) - nhà ngoại giao Pháp, công sứ ở Cô-pen-ha-gen (1848 - 1869). -53.

Đô-xơ Mô-ha-mét (1793 - 1863) - quốc vương Áp-ga-ni-xtan (1826 - 1839 và 1842 - 1863). -128, 129 -130.

Đôn-na (Dohna), Các Phri-drích Ê-min, bá tước (1784 - 1859), tướng Phổ, tham gia cuộc chiến tranh chống Na-pô-lê-ông I, năm 1812 - 1815 phục vụ trong quân đội Nga, năm 1842 - 1854 là tư lệnh quân đội Phổ ở Khuê-ních-xbéc. -238.

Đon-côm-bơ (Duncombe), Tô-mát Xling-xbi (1796 - 1861) - nhà hoạt động chính trị Anh, phần tử cấp tiến tư sản, trong những năm 40 tham gia phong trào Hiến chương, nghị sĩ. -259.

Đon-đa-xơ (Dundas), Giêm-xơ Uýt-li *Đin-xơ* (1785-1862) - đô đốc Anh, từ năm 1852 đến tháng Giêng 1855 là tổng tư lệnh hạm đội Địa Trung Hải của Anh, tham gia cuộc chiến tranh Crưm. -9, 97, 112, 249 -250, 252, 312, 432, 599.

Đon-ken-lin (Dunkellin), U-lích *Can-ninh* (sinh năm 1827) - nam tước, sĩ quan Anh, tham gia chiến tranh Crưm, về sau trở thành nghị sĩ. -684.

Đớc-bi (Derby), Ê-đu-ác Gioóc-giơ Giê-phri Xmít Xten-li (1799 - 1869) - bá tước từ năm 1851, nhà hoạt động nhà nước Anh, lãnh tụ đảng To-ri, về sau trở thành một trong những lãnh tụ của đảng bảo thủ, bộ trưởng Bộ thuộc địa (1833 - 1834, 1841 - 1844), thủ tướng (1852, 1858 - 1859 và 1866 - 1868). -27, 70 - 71, 77 - 78, 185, 194, 196 - 199, 279, 630.

Đram-môn-đơ (Drummond), Henri (1786 - 1860) - nhà hoạt động chính trị Anh, thuộc đảng To-ri, nghị sĩ, ủy viên ủy ban điều tra tình hình quân đội Anh ở Crưm (1855). -95, 96.

Đruên Đờ Luy-xơ (Drouyn de Lhuys), Ê-đu-a (1805 - 1881) - nhà ngoại giao và nhà hoạt động chính trị Pháp, những năm 40 tham gia phái bảo hoàng Oóc-lê-ăng ôn hoà, sau năm 1851 theo phái Bô-na-pác-tơ; bộ trưởng Bộ ngoại giao (1848 - 1849, 1851, 1852 - 1855, 1862 - 1866), -13, 16, 18, 32, 438.

Đruy-ê (Druey), Hăng-ri (1799-1855) - nhà hoạt động nhà nước Thụy Sĩ, thuộc phái cấp tiến, ủy viên Hội đồng liên bang (1848 - 1854), năm 1850 chủ tịch Liên bang Thụy Sĩ. -534.

Đu-glát (Douglas), Hô-vác-đơ (1776 - 1861) - tướng và nhà văn quân sự Anh, tác giả của những tác phẩm về pháo binh và xây công sự. -459, 686.

Đun-xơ-i-Ga-rai (Dulce y Garay), Đô-mia-gô, bá tước (1808 - 1869) - tướng Tây Ban Nha, tham gia phái ôn hoà, lãnh đạo cuộc khởi nghĩa vũ trang ở Ma-đrít năm 1854 mở màn cho cuộc cách mạng tư sản năm 1854 - 1856. -329, 345, 357, 369, 439, 442, 448, 538.

Duy-cô (Ducos), Tê-ô-đơ (1801 - 1855) - nhà hoạt động chính trị Pháp, thuộc phái bảo hoàng ôn hòa, trong thời kỳ nền Cộng hoà thứ hai tham gia phái Bô-na-pác-tơ, bộ trưởng Bộ hải quân (1851 - 1856). -261.

Duy-ga-men, A-lếch-xan-đơ Ô-xi-pô-vích (1801 - 1880) - tướng Nga, năm 1848 nhận sứ mệnh đặc biệt ở các công quốc thuộc vùng sông Đa-nuýp. -337.

Duy-phua-rơ (Dufour), Ghi-ôm Hăng-ri (1787 - 1875) - tướng Thụy Sĩ, nhà hoạt động chính trị tư sản; năm 1847, chỉ huy quân đội liên bang đánh tan quân đội Đồng minh đặc biệt; tác giả nhiều tác phẩm về xây dựng công sự, pháo binh và chiến thuật. -560.

Duy-pông Đờ L'Ê-tăng (Dupont de l'Etang), Pi-e Ăng-toan (1765 - 1840) - tướng Pháp, năm 1808, trong cuộc chiến tranh Tây Ban Nha, đã đầu hàng cùng với sư đoàn của mình ở gần Bai-len. -481.

E

Éc-xtét (ørsted), An-đéc-xơ Xan-đê (1778 - 1860) - nhà luật học và nhà hoạt động chính trị Đan Mạch, thủ tướng trong những năm 1853 - 1854. -53.

Ê-ca-tê-ri-na II (1729 - 1796) - nữ hoàng Nga (1762 -1796). -62, 126, 160, 339.

Ê-len-bô-rô (Ellenborough), Êt-uốt Lô, bá tước (1790 - 1871) - nhà hoạt động nhà nước Anh, thuộc đảng To-ri, toàn quyền Ấn Độ (1842 - 1844), bộ trưởng Bộ hải quân (1846), chủ tịch Hội đồng kiểm tra về vấn đề Ấn Độ. -382.

Ê-lê-na Páp-lốp-na (1806 - 1873) - nữ đại công tước Nga, vợ của đại công tước Mi-kha-in Páp-lô-vích, em trai của Ni-cô-lai I. -158.

Ê-li-ô (Elio), Phran-xi-xô Ha-vi-ê (1767 - 1822) - tướng và nhà hoạt động chính trị phản động Tây Ban Nha, tham gia cuộc chiến tranh giành độc lập (1808 - 1814), năm 1814 đã giúp Phéc-đi-năng VII thiết lập chế độ chuyên chế; trong thời kỳ cách mạng tư sản 1820 - 1823 bị xử tử vì là một trong những kẻ tổ chức ra cuộc phản loạn phản động. -500, 518.

- Ê-re-rô-xơ* (Herreros), Ma-nu-en Gác-xi-a - nhà hoạt động chính trị Tây Ban Nha, thuộc phái tự do, nghị sĩ Nghị viện Ca-di-xơ, bộ trưởng Bộ tư pháp (1808 - 1814 và 1820). -523.
- Ê-rô-le-xơ* (Eroles), Hoa-kin *I-ban-ne-xơ*, nam tước (1785 - 1825) - tướng Tây Ban Nha, chỉ huy du kích trong thời kỳ chiến tranh giành độc lập (1808 - 1814), một trong những thủ lĩnh của phong trào bảo hoàng trong thời kỳ cách mạng tư sản (1820 - 1823). -500.
- Ê-sa-gu-ê* (Echagüe), Ra-pha-en (1815 - 1887) - sĩ quan Tây Ban Nha, tham gia cuộc cách mạng tư sản 1854 - 1856, thuộc phái ôn hoà. -345, 442.
- Ê-sli* (Ashley), An-tô-ni *Cu-pơ*, bá tước *Sép-xbe-ri* từ năm 1851 (1801 - 1885) - nhà hoạt động chính trị Anh, những năm 40 là thủ lĩnh của nhóm các nhà từ thiện thuộc đảng To-ri trong quốc hội, từ năm 1847 trở thành đảng viên đảng Vích. -147.
- Ê-van-xơ* (Evans), Gioóc-giơ *Đơ Lây-xi* (1787 - 1870) - sĩ quan Anh, từ năm 1846 được thăng lên cấp tướng, nhà hoạt động chính trị thuộc phái tự do, nghị sĩ; năm 1854 chỉ huy một sư đoàn ở Crum. -576.
- Ê-xpác-te-rô* (Espartero), Ban-đô-me-rô (1793 - 1879) - tướng và nhà hoạt động chính trị Tây Ban Nha, lãnh tụ phái cấp tiến, nhiếp chính vương Tây Ban Nha (1841 - 1843), đứng đầu chính phủ (1854 - 1856). -369, 374, 376, 377, 409 - 416, 422, 434, 442, 445, 527-530, 537, 571.
- Ê-xpi-nắc* (Espinasse), Sác-lơ Ma-ri Êt-pri (1815 - 1859) - tướng Pháp, theo phái Bô-na-pác-tơ, trong những năm 30-40 tham gia cuộc xâm lược An-giê-ri, một trong những người tích cực tham gia cuộc chính biến ngày 2 tháng Chạp 1851, tham gia chiến tranh Crum. - 552, 553.
- Ê-xéc-ga-di Phôn Ga-lan-ta* (Esterhazy von Galanta), Va-len-tin Lă-di-xla-uyt (1814 - 1858) - nhà ngoại giao Áo, năm 1854 -1858 là công sứ ở Nga. -236.
- Êm-pe-xi-na-đô* (Empecinado), Mác-tin Hoan (1775 - 1825) - nông dân Tây Ban Nha, lãnh tụ lực lượng du kích trong thời kỳ chiến tranh giành độc lập (1808 - 1814), được quốc hội phong cấp tướng, tích cực tham gia cuộc cách mạng tư sản 1820 - 1823, bị xử tử vì mưu toan phát động khởi nghĩa chống Phéc-đi-năng VII. -500.

G

- Ga-ri-gô* (Garrigò), An-tô-ni-ô Ma-ri-a - sĩ quan Tây Ban Nha, tham gia cuộc cách mạng tư sản 1854 - 1856. -535.
- Ga-xken* (Gaskell), Ê-li-da-bét (1810 - 1865) - nữ văn sĩ Anh, trong những tác phẩm ưu tú của mình đã tỏ rõ là đại biểu cho xu hướng hiện thực. -771.

- Gác-xi-a Đơ La Cu-ê-xta* (Garcia de la Cuesta), Grê-go-ri-ô (1741 - 1811) - tướng Tây Ban Nha, tham gia cuộc chiến tranh giành độc lập (1808 - 1814). -484, 500.
- Gây-đen*, Lô-ghin Pê-tơ-rô-vích (1772 - 1850) - đô đốc Nga, tư lệnh phân hạm đội trong trận Na-va-rin năm 1827, tổng tư lệnh hạm đội Địa Trung Hải của Nga trong cuộc chiến tranh Nga - Thổ Nhĩ Kỳ 1828 - 1829. -321.
- Ghê-oóc-ghi Pê-tơ-rô-vích* - tướng vùng Séc-nô-gô-ri-a, họ hàng với Đa-ni-lô Nê-gô-sô. -238.
- Ghi-ca* (Ghika), Gri-gô-ri A-lếch-xan-đơ (1807 - 1857) - vua Môn-đa-vi-a (1849 - 1853 và 1854 - 1856). -391.
- Giê-rôn* (Jerrold), Đu-gla-xơ Uy-li-am (1803 - 1857) - nhà văn châm biếm và nhà viết kịch tư sản Anh. -685.
- Gioóc-giơ IV* (1762 - 1830) - vua Anh (1820 - 1830). -267, 439.
- Gioóc-xlin* (Jocelyn), Rô-bốt, tử tước (1816 - 1854), - sĩ quan Anh, nghị sĩ. -90.
- Giôn-xơ* (Jones), Êc-ne-xơ Sác-lơ (1819 - 1869) - nhà hoạt động lỗi lạc của phong trào công nhân Anh, nhà thơ và nhà chính luận vô sản, một trong những lãnh tụ của phái Hiến chương cách mạng, một trong những chủ bút của tờ "Northern Star", chủ bút tờ "Notes to the People" và "People's Paper", bạn của Mác và Ăng-ghe-n. -71, 131, 132, 145, 423 - 427.
- Giôn-xơ* (Jones), Hác-ni Đa-vít (1791 - 1866) - tướng Anh, kỹ sư quân sự; 1810 - 1813 tham gia chiến tranh Tây Ban Nha, năm 1854 là tư lệnh quân viễn chinh Anh ở biển Ban-tích, năm 1855 chỉ huy các đơn vị công trình trong cuộc chiến tranh Crum. -455, 461, 541.
- Glát-xtôn* (Gladstone), Uy-li-am I-u-át (1809 - 1898) - nhà hoạt động nhà nước Anh, thuộc đảng To-ri sau tham gia phái Pin, nửa sau thế kỷ XIX làm lãnh tụ đảng tự do; bộ trưởng Bộ tài chính (1852 - 1855 và 1859 - 1866), thủ tướng (1868 - 1874, 1880 - 1885, 1886, 1892 - 1894). -57, 103, 133 - 138, 207, 241 -245, 246, 247, 545, 650, 665.
- Goóc-tra-cốp*, A-lếch-xan-đơ Mi-khai-lô-vích (1798 - 1883) - nhà hoạt động nhà nước và nhà ngoại giao Nga, đại sứ ở Viên (1854 - 1856), bộ trưởng Bộ ngoại giao (1856 - 1882). -349, 357, 358, 365, 437, 671.
- Goóc-tra-cốp*, Mi-khai-in Đmi-tờ-ri-ê-vích, công tước (1793 - 1861) - tướng Nga, tư lệnh quân đoàn Đa-nuýp (1853 - 1854), tổng tư lệnh quân đoàn miền Nam (từ tháng Chín 1854 đến tháng Hai 1855), rồi tổng tư lệnh quân đội đóng ở Crum (tháng Hai - tháng Chạp 1855); toàn quyền Vương quốc Ba Lan. -44, 47, 150 - 151, 154, 307, 355, 365, 390, 420.
- Gô-đôi* (Godoy), Ma-nu-en (1767 - 1851) - bộ trưởng của vua Tây Ban Nha Sác-lơ IV, trên thực tế là người cầm quyền ở Tây Ban Nha (1792 - 1798 và 1801 - 1808), năm 1795 được phong làm "công tước hòa bình"; đã giúp Pháp chiếm đóng Tây Ban Nha, năm 1808 bị lật đổ sau cuộc khởi nghĩa nhân dân. -466, 474, 477, 485, 486, 510, 531.
- Gô-lu-ây* (Golway), Gioóc-giơ Ê-du-a *A-run-đen*, tử tước, (1805 - 1876) - nhà quý tộc Anh, thuộc đảng To-ri, nghị sĩ. -57.

- Gôn-xa-lét Bra-vô* (Gonzalez Bravo), Lu-i-xơ (1811 - 1871) - nhà hoạt động nhà nước Tây Ban Nha, một trong những lãnh tụ của phái ôn hoà, đứng đầu chính phủ (1843 và 1868), bộ trưởng Bộ nội vụ (1866 - 1868), năm 1868 đi theo phái Các-lốt. -415, 416, 442, 530.
- Gốt-phrít Bu-li-ôn-xki* (khoảng 1060 -1100) - công tước Hạ Lo-ren-nơ (1089 - 1100), một trong những người cầm đầu cuộc viễn chinh thập tự thứ nhất (1096 - 1099). -95.
- Gơ-tơ* (Goethe), I-ô-han, Vôn-phơ-găng (1749 - 1832) - nhà văn và nhà tư tưởng vĩ đại Đức. -666.
- Gra-khơ* (Grach), Phri-đrich (1812 - khoảng 1856) - sĩ quan Phổ, từ năm 1841 phục vụ ở Thổ Nhĩ Kỳ, một trong những người lãnh đạo trận phòng ngự Xi-li-xơ-ri năm 1854. -300, 301.
- Gran-tơ* (Grant), Giêm-xơ (1802 - 1879) - nhà báo và nhà văn cấp tiến Anh, chủ biên của tờ "Morning Advertiser" (1850 - 1871). -683.
- Gran-vin* (Granville), Gioóc-giơ Lu-xơn-Gô-e-rơ, bá tước (1815 - 1891) - nhà hoạt động nhà nước Anh, thuộc đảng Vích, về sau là một trong những lãnh tụ của đảng tự do, bộ trưởng Bộ ngoại giao (1851 - 1852, 1870 - 1874 và 1880 - 1885), bộ trưởng bộ thuộc địa (1868 - 1870, 1886), năm 1852 - 1854 làm giám đốc Hội đồng cơ mật. -196 - 198, 671.
- Grây* (Grey), Gioóc-giơ (1799 - 1882) - nhà hoạt động nhà nước Anh, thuộc đảng Vích, bộ trưởng Bộ nội vụ (1846 - 1852, 1855 - 1858 và 1861 - 1866) và bộ trưởng Bộ thuộc địa (1854 - 1855). -195, 289.
- Grê-hêm* (Graham), Giêm-xơ Rô-bốt Gioóc-giơ (1792 - 1861) - nhà hoạt động nhà nước Anh, ban đầu thuộc đảng Vích, về sau thuộc phái Pin; bộ trưởng Bộ nội vụ (1841 - 1846), bộ trưởng Bộ hải quân (1830 - 1834, 1852 - 1855). -70, 90, 98, 104, 106, 111, 127, 205, 287, 437, 672.
- Grim-sô* (Grimshaw), Moóc-ti-mơ (sinh khoảng 1827) - nhà hoạt động của phong trào hiến chương, một trong những người lãnh đạo cuộc bãi công lớn ở Pre-xơn năm 1853 - 1854. -259.
- Grip-bơ*, tướng Nga, tham gia cuộc chiến tranh Crưm. -605.
- Gu-ri-ép*, Đmi-tơ-ri A-lếch-xan-đrô-vích, bá tước (1751 - 1825) - nhà hoạt động nhà nước Nga, bộ trưởng Bộ tài chính (1810 - 1823). -62.

H

- Ha-me-lanh* (Hamelin), Phrăng-xoa An-phông-xơ (1796 - 1864) - đô đốc hải quân của Pháp, tổng tư lệnh hạm đội Địa Trung Hải và Hắc Hải vào các năm 1853 - 1854, sau đó làm bộ trưởng Bộ hải quân (1855 - 1860). -9, 101, 112, 233, 250, 252, 263, 285, 575.
- Ha-min-tơn*, xem *Xây-mua*, Gioóc-giơ Ha-min-tơn.

- Ha-lin-pa-sa* Halil (mất năm 1856) - nhà hoạt động quân sự và hoạt động nhà nước Thổ Nhĩ Kỳ, nhiều lần giữ chức bộ trưởng; năm 1854 - 1855 bộ trưởng Bộ hải quân. -35.
- Ha-tem* (Hotham), Bô-mông, nam tước (1794 - 1870) - tướng Anh, thuộc đảng To-ri, sau sang đảng bảo thủ, nghị sĩ. -157.
- Hác-đinh* (Hardinge), Hen-ri, tử tước (1785 - 1856) - tướng và nhà hoạt động nhà nước Anh, thuộc đảng To-ri, từ 1855 thăng nguyên soái, bộ trưởng Bộ chiến tranh (1828 - 1830 và 1841 - 1844), toàn quyền ở Ấn Độ (1844 - 1847), tổng tư lệnh quân đội Anh (1852 - 1856). -15.
- Hác-uych* (Hardwicke), Sác-lơ Phi-líp I-oo-c, bá tước (1799 - 1873) - đô đốc và nhà hoạt động chính trị Anh, thuộc đảng To-ri. -195, 382.
- Ham-méc-Puốc-gờ-stan* (Hemmer-Purgstall), I-ô-dép (1794 - 1856) - nhà sử học tư sản Áo nghiên cứu về phương Đông, tác giả nhiều tác phẩm về lịch sử Thổ Nhĩ Kỳ, từ năm 1796 đến năm 1835 làm các công tác ngoại giao có liên quan đến Cận Đông. -288.
- Hàm Phong* (khoảng 1831 - 1861) - hoàng đế Trung Quốc (1850 - 1861). -129.
- Háp-xbuốc* - triều đại các hoàng đế của cái gọi là Đế quốc La Mã thần thánh từ 1273 đến 1806 (với những thời kỳ gián đoạn), các vua Tây Ban Nha (1516 - 1700), các hoàng đế Áo (1804 - 1867) và hoàng đế Áo - Hung-ga-ri (1867 - 1918). -317, 472.
- Hay-nau* (Haynau), I-u-li-út I-a-cốp (1786 - 1853) - nguyên soái Áo, đã đàn áp tàn khốc phong trào cách mạng ở I-ta-li-a và Hung-ga-ri năm 1848 - 1849. -544.
- Hăng-ri-ích IV* (1553 - 1610) - vua Pháp (1589 - 1610). -188.
- Hây-đơn* - xem *Ca-ra-đốc*, Giôn Hô-bác-tơ, nam tước *Hây-đơn*.
- Héc-bốt* (Herbert), Xít-ni (1810 - 1861) - nhà hoạt động nhà nước Anh, ban đầu thuộc đảng To-ri, sau sang phái Pin, bộ trưởng Bộ quân vụ (1845 - 1846 và 1852 - 1855) và bộ trưởng Bộ chiến tranh (1859 - 1860). -96 -99, 393-399, 642.
- Hen-li* (Henley), Giô-dép Uốc-nơ (1793 - 1884) - nhà hoạt động nhà nước Anh, thuộc đảng To-ri, bộ trưởng thương nghiệp (1852 và 1858 - 1859). -399.
- Hen-ri-ích IV* (1425 - 1474) - vua xứ Ca-xi-li-a (1454 - 1465 và 1468 - 1474). -465, 466.
- Hen-txơ* (Hentze), A. - sĩ quan Đức, ủy viên Đồng minh những người cộng sản, sau sự phân liệt của đồng minh vào năm 1850 tham gia nhóm bè phái phiêu lưu Vi-lích-Sáp-pơ, là nhân chứng nguyên cáo trong vụ án những người cộng sản ở Khuê-n (1852). -436.
- Hết-xơ* (Heß), Hen-rích, nam tước (1788 - 1870) - tướng Áo, sau thắng nguyên soái; tích cực tham gia đàn áp cuộc cách mạng I-ta-li-a năm 1848 - 1849; năm 1854 - 1855 tổng tư lệnh quân đội Hung-ga-ri, Ga-li-xi-a và các công quốc thuộc vùng sông Đa-nuýp. -209, 350, 544.
- Hê-ghe-n* (Hegel), Ghê-ôóc Vin-hem Phri-đrich (1770 - 1831) - đại biểu lỗi lạc nhất của triết học cổ điển Đức, theo chủ nghĩa duy tâm khách quan, nghiên cứu một cách toàn diện nhất phép biện chứng duy tâm. -555.

Héch-ke-ren (Heeckeren), Gia-cốp, nam tước - nhà ngoại giao Hà Lan, trong những năm 30 làm công sứ ở Pê-téc-bua, từ 1842 đến 1876 làm đại sứ ở Viên. -365.

Hi-u-xê-in-pa-sa - tướng Thổ Nhĩ Kỳ, một trong những người chỉ huy trận phòng ngự ở Xi-li-xtô-ri-a năm 1854. -343.

Hi-um (Hume), Giô-dép (1777 - 1855) - nhà hoạt động chính trị Anh, một trong những lãnh tụ của phái cấp tiến tư sản, nghị sĩ. -105, 106, 386.

Hin-đi-ác-đơ (Hildyard), Rô-béc Sác-lơ - nhà hoạt động nghị viện Anh, thuộc đảng To-ri. - 398.

Hoan II (1405 - 1454) - vua Ca-xti-li-a và Lê-ông (1406 - 1454). -465.

Hoéc-xphôn (Horsfall), Tô-mát Bê-ri (sinh năm 1805) - chủ mỏ lớn ở Anh, thuộc đảng To-ri, nghị sĩ. -94, 95, 107.

Hô-ve-li-a-nôt-i-Ra-mi-rết (Jovellanos y ramirez), Ga-xpác (1744 - 1811) - nhà hoạt động nhà nước Tây Ban Nha, nhà văn, nhà luật học và nhà kinh tế học, người kế thừa phái khai sáng Pháp thế kỷ XVIII, chống chế độ giáo quyền phong kiến ở Tây Ban Nha; bộ trưởng Bộ tư pháp (1797 - 1798), lãnh đạo phái thiểu số cánh tả trong Hội đồng nhiếp chính trung ương. -479, 485, 486, 491, 511.

Hồng Tú Toàn (1814 - 1864) - một trong những nhà lãnh đạo và nhà tư tưởng của chiến tranh cách mạng nông dân Trung Quốc (1851 - 1864), giáo viên nông thôn, năm 1851, lãnh đạo Thái bình thiên quốc và nhận vương hiệu Thiên Vương. -130.

Hóp-xơ (Hobbes), Tô-mát (1588 - 1679) - nhà triết học lỗi lạc Anh, đại biểu cho chủ nghĩa duy vật máy móc, quan điểm xã hội - chính trị của Hóp-xơ có khuynh hướng phản dân chủ rõ ràng. -57, 273.

Hu-li-an - xem *Xan-se-xơ*, Hu-li-an.

Hu-u-dơ (Hughes), T.M. - nhà văn Anh nửa đầu thế kỷ XIX, cư trú nhiều năm ở Tây Ban Nha. -411, 412, 530.

I

I-da-be-la I (1451 - 1504) - nữ hoàng Ca-xti-li-a (1474 - 1504). -469.

I-da-be-la II (1830 - 1904) - nữ hoàng Tây Ban Nha (1833 - 1868). -128 - 130, 345, 348, 357, 373, 374, 412 -416, 439, 441, 443, 445, 527 - 530, 571, 696.

I-dét-pa-sa - toàn quyền quân sự của Thổ Nhĩ Kỳ ở Ben-grát năm 1853 - 1854. -360, 437.

I-ô-dép II (1741 - 1790) - hoàng đế của cái gọi là Đế quốc La Mã thần thánh (1765 - 1790). -122, 485, 690.

I-xcan-đơ-bếch (A-lếch-xan-đơ *I-lin-xki*) (1810 - 1861) - tướng Thổ Nhĩ Kỳ, vốn là người Ba Lan, trong những năm 30-40 đã phục vụ trong các quân đội Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha, Ba Tư, Pháp; đã tham gia cách mạng 1848 - 1849 ở Hung-ga-ri, sau thất bại của cách mạng, lưu vong sang Thổ Nhĩ Kỳ, rồi nhập quốc tịch Thổ Nhĩ Kỳ, đã chỉ huy quân Thổ Nhĩ Kỳ ở Đa-nuýp (1853 - 1854), ở Crưm (1855) và ở Cáp-ca-dơ (1855 - 1856). -430.

I-xma-in-pa-sa (1805 - 1861) - tướng Thổ Nhĩ Kỳ, vốn người Tréc-kê-xi, năm 1853 - 1854 chỉ huy quân Thổ Nhĩ Kỳ ở Đa-nuýp. -151 -152.

I-xma-in-pa-sa (Đi-óc-đơ *Cmê-ti*) (1810 - 1865) - tướng Thổ Nhĩ Kỳ vốn người Hung-ga-ri, tham gia cách mạng 1848 - 1849 ở Hung-ga-ri, sau thất bại của cách mạng, lưu vong sang Thổ Nhĩ Kỳ và nhập quốc tịch Thổ Nhĩ Kỳ, chỉ huy quân Thổ Nhĩ Kỳ ở Đa-nuýp (1853 - 1854), rồi ở Cáp-ca-dơ (1854 - 1855). - 61.

I-xtu-rít (Isturiz), Phran-xi-xcô Ha-vi-ê (1790 - 1871) - nhà hoạt động chính trị Tây Ban Nha, thuộc phái tự do, tham gia cuộc chiến tranh giành độc lập (1808 - 1814) và cách mạng tư sản 1820 - 1823; đứng đầu chính phủ (1836 - 1846 và 1858), đại sứ ở Luân Đôn (1848 và 1858). -370.

In-glen-đơ (England), Ri-sốt (1793 - 1883) - tướng Anh, năm 1854 - 1855 chỉ huy một sư đoàn ở Crưm. -576.

In-phan-ta-đô (Infantado), Pê-đrô An-can-ta-ra đơ *Tô-le-đô*, công tước (1773 - 1841) - tướng và nhà hoạt động chính trị phản động Tây Ban Nha, năm 1823 làm Chủ tịch hội đồng nhiếp chính, năm 1824 đứng đầu chính phủ. -476.

K

Ken-nơ Phôn Quê-len-xtanh (Kellner von Köllenstein), Phri-đrich, nam tước (sinh năm 1802) - tướng Áo, từ năm 1849 là sĩ quan tùy tùng của hoàng đế Phran-txơ - I-ô-xíp I. -78.

Ki-xê-lép Ni-cô-lai Đmi-tơ-ri-ê-vích (1800 -1869) - nhà ngoại giao Nga, công sứ ở Pa-ri năm 1851 - 1854. -32, 67, 81, 234.

L

La-ba-xô-ra (Labazora) - tham gia cuộc chiến tranh giành độc lập ở Tây Ban Nha (1808 - 1814), ủy viên Hội nhiếp chính trung ương. -493.

La-bi-xban (La Bisbal), En-ri-kê Hô-xê Ố Đôn-nen, bá tước (1769 - 1834) - tướng Tây Ban Nha, tham gia cuộc chiến tranh giành độc lập (1808 - 1814); giỏi về mảnh lối vô nguyên tắc; trong thời kỳ phản động (1814 - 1820) vừa giữ liên hệ với phái tự do, vừa bán rẻ những người cách mạng cho chính phủ, năm 1820 được phái đi đàn áp cuộc khởi nghĩa ở Ri-rê-gô đã đứng về phía cách mạng, định lợi dụng khởi nghĩa cho mục đích cá nhân. -500, 519, 520, 522.

Lan-li - *Tô-lăng-đan* (La-lly - Tollendal), Tô-rô-phim Giê-ra (1751 - 1830) - nhà hoạt động chính trị Pháp, trong thời kỳ cách mạng tư sản Pháp cuối thế kỷ XVIII, thuộc phái bảo hoàng ôn hòa, đại biểu cho tầng lớp đại tư sản và quý tộc tư sản hóa. -487.

La Mác-môn (La Marmora), An-phông-xơ Phe-re-rô (1804 - 1878) - tướng và nhà hoạt động nhà nước I-ta-li-a, bộ trưởng Bộ chiến tranh của Pi-ê-mông (1848, 1849 - 1855, 1856 - 1859), năm 1855 chỉ huy một quân đoàn ở Crum, về sau làm thủ tướng. -355.

La-mô-ri-xi-e (Lamoricière), Cri-xtốp Lu-i Lê-ông (1806 - 1865) - tướng và nhà hoạt động chính trị Pháp, thuộc phái cộng hòa tư sản ôn hòa, trong những năm 30-40 tham gia cuộc xâm chiếm An-giê-ri, năm 1848 tham gia tích cực vào việc đàn áp cách mạng tháng Sáu, sau đó làm bộ trưởng Bộ lực quân trong Chính phủ Ca-ve-nhắc (tháng Sáu - tháng Chạp), giữ lập trường phản đối chính phủ của Lu-i Bô-na-pác-tơ, sau cuộc chính biến ngày 2 tháng Chạp 1851 bị trục xuất ra nước ngoài. -553.

La-phay-ét (Lafayette), Ma-ri Giô-dép Pôn (1757 - 1834) - tướng Pháp, một trong những lãnh tụ của giai cấp đại tư sản trong thời kỳ cách mạng tư sản Pháp cuối thế kỷ XVIII và trong cách mạng tư sản tháng Bảy 1830. -519.

La-ra (Lara), Hoan - tướng Tây Ban Nha, bộ trưởng Bộ chiến tranh (1851 - 1853), năm 1854 tư lệnh quân khu Tân Ca-xti-li-a. -346, 378.

La Rô-sơ-giắc-cơ-lanh (La Rochejaquelein), Hăng-ri Ô-guy-xtơ Gioóc-giơ, hầu tước (1805 - 1867) - nhà hoạt động chính trị Pháp, thượng nghị sĩ, một trong những nhà lãnh đạo phái chính thống, trong thời kỳ nền Cộng hòa thứ hai là nghị sĩ của Quốc hội lập hiến và Quốc hội lập pháp, sau là thượng nghị sĩ dưới nền Đế chế thứ hai. -47.

La-va-le-tơ (Lavalette, hoặc La Valette), Sác-lơ Giảng Ma-ri Phê-lích (1806 - 1881) - nhà hoạt động nhà nước Pháp, theo phái Bô-na-pác-tơ, năm 1851 - 1852 là đại sứ ở Công-xtăng-ti-nô-plơ; bộ trưởng Bộ nội vụ (1865 - 1867), bộ trưởng Bộ ngoại giao (1868 - 1869). -91.

La-xi (Lacy), Lu-i-xơ Đơ (1775 - 1817) - tướng Tây Ban Nha, tham gia xuất sắc vào cuộc chiến tranh giành độc lập (1808 - 1814), bị xử bắn vì mưu toan phát động khởi nghĩa ở Ca-ta-lô-ni chống lại chế độ chuyên chế của Phéc-đi-năng VII. -500, 518, 525.

Lai-ninh-nghen - *Ve-xtơ-buốc* (Leininghen - Westerburg), Cri-xchi-an Phran-xtơ, bá tước 1812 - 1856) - tướng Áo, năm 1853 được cử sang Công-xtăng-ti-nô-plơ với sứ mệnh đặc biệt. -79, 80.

Lai-ôn-xơ (Lyons), Ét-môn, (1790 - 1858) - đô đốc Anh, công sứ ở A-ten (1835 - 1849), năm 1854 làm phó tổng tư lệnh, năm 1855 làm tổng tư lệnh hạm đội Hắc Hải. -123, 264, 368, 567, 600.

Lan-xđao-nơ (Lansdowne), Hen-ri *Pét-ti* - *Phi-xơ-mô-rít* (1780 - 1863) - nhà hoạt động nhà nước Anh, thuộc đảng Vích, bộ trưởng Bộ tài chính (1806 - 1807), chủ tịch Hội đồng cơ mật (1830 - 1841, 1846 - 1852), Bộ trưởng không bộ (1852 - 1863). -195.

Lây-ác (Layard), Ô-xtin Hen-ri (1817 - 1894) - nhà khảo cổ và nhà hoạt động chính trị Anh, phần tử cấp tiến của giai cấp tư sản, sau vào đảng tự do, nghị sĩ. -57, 89, 185, 199, 201, 320, 387.

Lê-ô-pôn II (1747 - 1792) - hoàng đế của cái gọi là Đế quốc La Mã thần thánh (1790 - 1792). -122.

Lê-ô-pôn II - đại quốc công Tô-xca-nơ (1824 - 1859). -566.

Li-đéc - A-lếch-xan-đrơ Ni-cô-la-ê-vích (1790 - 1874) - tướng Nga, năm 1853 - 1854 chỉ huy một quân đoàn ở Đa-nuýp, năm 1855 chỉ huy quân đoàn phương nam, đầu năm 1856 tổng tư lệnh quân đội ở Crum. -151, 307, 330, 355, 625.

Li-na-gê (Linage), Phran-xi-xcô (1795 - 1847) - tướng Tây Ban Nha, tham gia phái tiến bộ, bạn thân của Ê-xpác-te-rô, từ năm 1835 làm bí thư cho Ê-xpác-te-rô, năm 1843 là thanh tra bộ binh và dân quân; sau khi nền chuyên chính của Ê-xpác-te-rô bị lật đổ, đã cùng Ê-xpác-te-rô lưu vong sang Anh. -411.

Li-nơ (Ligne), Các-lơ I-ô-dép, công tước (1735 - 1814) - tướng Áo, nhà ngoại giao và nhà văn, từ năm 1809 thăng nguyên soái. -690.

Li-pran-đi, Pa-ven Pê-tơ-rô-vích (1796 - 1864) - tướng Nga, năm 1853 - 1854 chỉ huy một sư đoàn ở Đa-nuýp, năm 1854 - 1855 chỉ huy một sư đoàn ở Crum. -330, 594, 602, 605, 607, 610, 628.

Li-ven Đa-ri-a (Đô-rô-tây-a), Khơ-ri-xtô-phô-rốp-na - công tước phu nhân (1875 - 1857) - vợ của nhà ngoại giao Nga K. A. Li-ven, đóng vai trò nổi bật trong đời sống ngoại giao châu Âu với tư cách nữ chủ nhân phòng khách chính trị ở Luân Đôn và Pa-ri. -649.

Li-ven, Khơ-ri-xtô-pho An-drây-ê-vích, công tước - (1774 - 1839) - nhà ngoại giao Nga, công sứ ở Béc-lin (1810 - 1812), đại sứ ở Luân Đôn (1812 - 1834). -321.

Li-vóc-pun (Liverpool), Rô-bốt Bên-xơ *Giên-kim-xơn* (1770 - 1828) - nhà hoạt động nhà nước Anh, một trong những lãnh tụ của đảng To-ri, nhiều lần làm bộ trưởng, thủ tướng (1812 - 1827). -696.

Linh-huê-xtơ (Lyndhurst), Giôn Xinh-lơ-tôn *Cốp-li*, nam tước (1772 - 1863) - nhà hoạt động nhà nước Anh, nhà luật học nổi tiếng, thuộc đảng To-ri, thẩm phán tối cao (1827 - 1830, 1834 - 1835 và 1841 - 1846). -320, 323, 684.

Lô-pe-xơ (Lopez), Hô-a-kin Ma-ri-a (1798 - 1855) - nhà luật học Tây Ban Nha, nhà văn học và nhà hoạt động chính trị, một trong những lãnh tụ của phái tiến bộ, đứng đầu chính phủ năm 1843. -411, 415.

Lô-pe-xơ Ba-nhi-ô (Lopez Baños) - sĩ quan Tây Ban Nha, tham gia chiến tranh giành độc lập (1808 - 1814) và cách mạng tư sản 1820 - 1823, một trong những lãnh tụ của phái dân chủ trong giai cấp tư sản Tây Ban Nha, bộ trưởng Bộ chiến tranh năm 1820. -519.

Lô-xa-nô Đơ Tô-re-xơ (Lozano de Torres), Hoan Ê-xtê-ban - nhà hoạt động chính trị Tây Ban Nha, phần tử phản động, năm 1817 - 1819 làm bộ trưởng Bộ tư pháp. -494.

Lơ-phe-vơ (Lefebvre), Pi-e Phrăng-xoa Giô-dép (1755 - 1820) - nguyên soái Pháp, tham gia cuộc viễn chinh của Na-pô-lê-ông I, năm 1808 tham gia cuộc chiến tranh Tây Ban Nha. -481.

Lu-can (Lucan), Giôóc-giơ Sác-lơ *Bìn-hem*, bá tước (1800 - 1888) - tướng Anh, thuộc đảng To-ri, năm 1854 - đầu năm 1855 chỉ huy một sư đoàn kỵ binh ở Crum. -576, 608.

Lu-han (Lujan), Phran-xi-xcô (1798 - 1867) - tướng Tây Ban Nha, nhà văn và học giả, một trong những người sáng lập ra Viện hàn lâm khoa học Tây Ban Nha, từ năm 1836 là nghị sĩ, thuộc phái ôn hoà, bộ trưởng Bộ phát triển kinh tế quốc dân (1854, 1856 và 1863). -422.

Lu-i - XI (1423 - 1483) - vua Pháp (1461 - 1483). -466.

Lu-i - XIV (1638 - 1715) - vua Pháp (1643 - 1715). -188.

Lu-i - Na-pô-lê-ông - xem *Na-pô-lê-ông III*.

Lu-i Phi-líp (1773 - 1850) - công tước Oóc-lê-ăng, vua Pháp (1830 - 1848). -110, 114, 123, 129, 194, 292, 411, 414, 442.

Lu-na (Luna), An-va-rô (1388 - 1453) - bộ trưởng của Hoan II, vua Ca-xti-li-a và Lê-ông. -465.

M

Ma-cô-lây (Macaulay), Tô-mát (1800 - 1859) - nhà sử học và nhà hoạt động chính trị của giai cấp tư sản Anh, thuộc đảng Vích, nghị sĩ. -57.

Ma-da-ri-ni (Mazzarini), Giuy-li-ô Ray-môn-đô (1602 - 1661) nhà hoạt động nhà nước Pháp, hồng y giáo chủ; từ năm 1643 làm thượng thư, trên thực tế là người cầm quyền ở Pháp khi Lu-i XIV chưa trưởng thành. -192.

Ma-ghi-ê-rô (Maghiero), Ghê-oóc-ghi-ô (sinh năm 1804) - tướng Va-la-ki, nhà cách mạng tư sản, năm 1848 tham gia chính phủ lâm thời và chỉ huy quân đội cách mạng ở Va-la-ki. -338.

Ma-ri-a - A-me-li-a (1782 - 1866) - nữ hoàng Pháp (1830 - 1848), vợ của Lu-i - Phi-líp. -379.

Ma-ri-a - An-na Noi-buốc (1667 - 1740) - nữ hoàng Tây Ban Nha (1689 - 1700), vợ của Sác-lơ IV. -466.

Ma-ri-a Cri-xti-na (1806 - 1878) - nữ hoàng Tây Ban Nha (1829 - 1833), vợ Phéc-đi-năng VII, nữ nhiếp chính vương (1833 - 1840). -348, 369, 373, 376, 411, 415, 421, 434, 442, 528, 530, 531, 535, 536.

Ma-ri-a-Lu-i-da Pác-mơ (1751 - 1819) - nữ hoàng Tây Ban Nha (1788 - 1808), vợ của Sác-lơ IV. -466, 474.

Ma-ri-a Tê-re-di-na (1717 - 1780) - nữ đại công tước Áo (1740 - 1780), nữ hoàng của cái gọi là Đế quốc La Mã thần thánh (1745 - 1780). -118, 119.

Ma-rô-tô (Maroto), Ra-pha-en (1783 - 1847) - tướng Tây Ban Nha, phần tử phản động, tổng tư lệnh quân đội của phái Các-lốt. -410.

Ma-tu-sê-vích, An-drây, bá tước (1796 - 1842) - nhà ngoại giao Nga, tham gia các cuộc hội nghị ở Tơ-rốp-pau (1820), ở Vê-rô-na (1822) và ở Luân Đôn (1830). -321.

Ma-xa-rê-đô (Mazarredo), Ma-nu-en (1807 - 1857) - tướng Tây Ban Nha, phần tử phản động, bộ trưởng Bộ chiến tranh (1847), năm 1854 là tư lệnh quân khu Ba-xcô-ni. -376.

Mác (Marx), Cắc (1818 - 1883) (những tài liệu tiểu sử). -18, 54, 60, 65, 75, 86, 105, 131, 139, 140, 166, 208, 399, 438, 534.

Mác Grê-gô (Mac Grego), Giôn (1797 - 1857) - nhà thống kê học và nhà sử học Anh, theo thuyết mật dịch tự do, nghị sĩ, người sáng lập và một trong những giám đốc của ngân hàng Hoàng gia Anh. -57.

Mác-li-a-ni (Marliani), Ma-nu-en (mất năm 1873) - nhà hoạt động chính trị và nhà sử học, trước năm 1859 ở Tây Ban Nha, sau đó di cư sang I-ta-li-a. -410, 440.

Mác-môn (Marmont), Ô-guy-xơ Phrê-đê-rích Lu-i *Đơ* (1774 - 1852) - nguyên soái Pháp, đã tham gia cuộc viễn chinh của Na-pô-lê-ông I, tháng Tư 1814 chạy sang phía vương triều Buốc-bông, trong thời kỳ cuộc cách mạng tháng Bảy, chỉ huy quân đội của Sác-lơ X. -125.

Mác-sê-xi-i-Ô-lê-a-ga (Marchesi y Oleaga), Hô-xê Ma-ri-a (1801 - 1879) - tướng Tây Ban Nha, thuộc phái ôn hòa, tư lệnh quân khu Ca-ta-lô-ni (1853 - 1854), bộ trưởng Bộ chiến tranh (1864). -376.

Mác-ti-nê-xơ Đơ La Rô-da (Martinez de la Rosa), Béc-đơ-khô *Hô-me-xơ-i-A-rôi-ô* (1787 - 1862) - nhà văn và nhà hoạt động chính trị Tây Ban Nha, tích cực tham gia cách mạng tư sản 1808 - 1814 và 1820 - 1823, một trong những lãnh tụ phái ôn hòa, đứng đầu chính phủ (1834 - 1835), bộ trưởng Bộ nội vụ (1844 - 1846). -370.

Mác-ti-nhắc (Martinac), Giảng Ba-ti-xơ Xin-véc *Ghê-đơ* (1778 - 1832) - luật sư và nhà hoạt động chính trị phản động Pháp, thuộc phái bảo hoàng, năm 1823 tham gia đàn áp cách mạng tư sản Tây Ban Nha, năm 1828 - 1829 làm bộ trưởng Bộ nội vụ, thực tế đứng đầu nội các -525, 526.

Mai-an (Miall), Ê-đu-a (1809 - 1881) - nhà chính luận và nhà tuyên truyền phi quốc giáo Anh, thuộc phái cấp tiến tiểu tư sản, trong những năm 40 ngả về phong trào Hiến chương, tích cực tham gia cuộc đấu tranh chống quốc giáo Anh; nghị sĩ. -57.

Mai-cơn (Michell), Uy-li-am - thầy thuốc Anh, nghị sĩ. -57.

Man-mơ-xbê-ri (Malmesbury), Giêm-xơ Hô-vác *Ha-rít*, bá tước (1807 - 1889) - nhà hoạt động nhà nước Anh, thuộc đảng To-ri, sau trở thành nhà hoạt động nổi tiếng của đảng bảo thủ; bộ trưởng Bộ ngoại giao (1852, 1858 - 1859), quan chưởng ấn (1866 - 1868, 1874 - 1876). -77, 78, 194 -198.

Man-nớc-xơ (Manners), Giôn Giêm-xơ Rô-bóc (1818 - 1906) - nhà hoạt động nhà nước Anh, thuộc đảng To-ri, sau sang đảng bảo thủ, những năm 40 tham gia nhóm "Nước Anh trẻ", nghị sĩ, nhiều lần giữ chức bộ trưởng trong chính phủ bảo thủ. -93, 94.

Man-toi-phen (Manteuffell), Ôt-tô Tê-ô-đo, nam tước (1805 - 1882) - nhà hoạt động nhà nước Phổ, đại biểu cho chế độ quan liêu quý tộc, bộ trưởng Bộ nội vụ (1848 - 1850), thủ tướng kiêm bộ trưởng Bộ ngoại giao (1850 - 1858). -87, 165, 210, 212, 228, 230,, 239, 240.

Man-xbắc (Mansbach), Các-lơ (1790 - 1867) - tướng và nhà ngoại giao Thụy Điển, công sứ ở Viên (1852 - 1855). -365.

Mát-di-ni (Mazzini), Giu-đép (1805 - 1872) - nhà cách mạng I-ta-li-a, nhà dân chủ tư sản, một trong những lãnh tụ của phong trào giải phóng dân tộc I-ta-li-a, năm 1849 đứng đầu chính phủ lâm thời nước Cộng hòa La Mã, năm 1850 là một trong những người tổ chức ra Ban chấp hành trung ương Phong trào dân chủ châu Âu ở Luân Đôn. -227, 534.

Mát-vích (Madvig), I-ô-han Ni-cô-lai (1804 - 1886) - nhà ngôn ngữ học và nhà hoạt động nhà nước Đan Mạch, thành viên hội đồng nhà nước (1849 - 1874), chủ tịch hội đồng nhà nước (1856 - 1863). -451.

Mắc-kìn-nôn (Mackinnon), Uy-li-am A-lếch-xan-đơ (1789 - 1870) - nhà hoạt động chính trị Anh, ban đầu thuộc đảng To-ri về sau sang đảng tự do, nghị sĩ. -57.

Mây-en-đoóc-phơ, Pi-ốt Ca-di-mi-rô-vích, nam tước (1796 - 1863) - nhà ngoại giao Nga, năm 1850 - 1854 làm công sứ ở Viên. -35.

Méc-lin (Merlin), Cri-xtốp Ăng-toan (1771 - 1852) - tướng của quân đội Pháp chiếm đóng Tây Ban Nha năm 1808 - 1813. -483 -484.

Men-bước (Melbourne), Uy-li-am *Lam*, tử tước (1779 - 1848) - nhà hoạt động nhà nước Anh, thuộc đảng Vích, bộ trưởng Bộ nội vụ (1830 - 1834), thủ tướng (1834 và 1835 - 1841). -71, 649 - 650.

Men-ga-rơ (Melgar), Hoan Tô-mát *Ca-brê-ra*, bá tước (1652 - 1705) - thượng thư của vua Tây Ban Nha Sác-lơ I (1693 - 1699), sau cuộc khởi nghĩa của nhân dân năm 1699, bị trục xuất khỏi Tây Ban Nha. -466.

Men-si-cốp, A-lếch-xan-đơ Xéc-gây-ê-vích, công tước (1787 - 1869) - nhà hoạt động quân sự và nhà hoạt động nhà nước Nga, năm 1853 làm đặc sứ ở Công-xtăng-ti-nô-pô; tổng tư lệnh hải lục quân Nga ở Crưm (1853 - tháng Hai 1855). -28, 47, 80, 93, 99 -103, 170, 175, 178, 182, 183, 556, 558, 559, 562, 563, 568, 570, 577 - 581, 590, 594 -599, 602, 612, 613, 619, 622, 645.

Mét-téc-ních (Metternich), Clê-men-xơ (1733 - 1859) - nhà hoạt động nhà nước và nhà ngoại giao Áo, kẻ thù không đội trời chung của phong trào dân chủ và cách mạng; bộ trưởng Bộ ngoại giao (1809 - 1821) và thủ tướng (1821 - 1848), một trong những người tổ chức ra Liên minh thần thánh phản động. -39, 319, 325.

Mê-ken-di Phô-ma-Phô-mích (mất năm 1786) - đô đốc Nga, năm 1783 - 1786, tư lệnh phân hạm đội Hắc Hải, người sáng lập ra Xê-va-xtô-pôn, vốn là Xcôt-len. -864.

Mê-tắc-xa-xơ, An-đrây, bá tước (khoảng 1786 - 1860) - nhà hoạt động nhà nước và nhà ngoại giao Hy Lạp, thủ tướng (1843 - 1844), đại sứ ở Công-xtăng-ti-nô-pô (1850 - 1854). -217, 222

Mê-xa (Meza), Cri-xchi-an I-u-li-út (1792 - 1865) - tướng Đan Mạch, năm 1849 - 1856 chỉ huy một lữ đoàn pháo binh. -433.

Méch-khơ-mét II (1430 - 1481) - vua Thổ Nhĩ Kỳ (1451 - 1481). -334.

Méch-khơ-mét IV (khoảng 1641 - khoảng 1692) - vua Thổ Nhĩ Kỳ (1648 - 1687). -188.

Méch-mét-pa-sa (1810 - 1871) - nhà hoạt động quân sự và hoạt động nhà nước Thổ Nhĩ Kỳ đầu năm 1854 làm bộ trưởng Bộ hải quân, sau làm thủ tướng. -113.

Méch-len-bước-Stơ-re-li-xơ (Mecklenburg - Strelitz), Ghê-oóc, công tước (1824 - 1876) - nhà quý tộc Đức, tướng phục vụ trong quân đội Nga. -207.

Méch-mét - A-li-pa-sa (1807 - 1868) - nhà hoạt động quân sự và nhà hoạt động nhà nước Thổ Nhĩ Kỳ, từ 1852 đến tháng Năm 1853 làm thủ tướng, rồi làm bộ trưởng Bộ lục quân (1853 - 1854). -113.

Mi-kha-in Ni-cô-la-ê-vích (1832 - 1909) - đại công tước Nga, con thứ tư của Ni-cô-lai I. -174.

Mi-kha-in Ô-brê-nô-vích (1823 - 1868) - công tước Xéc-bi (1839 - 1842 và 1860 - 1868). -31, 39.

Mi-lô-sơ Ô-brê-nô-vích (1780 - 1860) - công tước Xéc-bi (1817 - 1839 và 1858 - 1860), người sáng lập ra vương triều Ô-bren-nô-vích. -31-39.

Mi-na (Mina) (Ê-pô-xơ-i - Mina), Phran-xi-xcô (1781 - 1836) - tướng Tây Ban Nha, một trong những người lãnh đạo quân du kích trong thời kỳ chiến tranh giành độc lập (1808 - 1814), tích cực tham gia cách mạng tư sản 1820 - 1823 và 1833 - 1836, tham gia chiến tranh chống phái Các-lốt. -500.

Mi-na (Mina), Phran-xi-xcô Ha-vi-ê (1789 - 1817) - nhà cách mạng tư sản Tây Ban Nha, một trong những người lãnh đạo quân du kích trong thời kỳ chiến tranh giành độc lập (1808 - 1814); sau thất bại của mưu đồ phát động khởi nghĩa chống chế độ chuyên chế vào

năm 1814 bỏ sang châu Mỹ, nơi đây ông hy sinh trong chiến đấu cho nền độc lập của Mê-hi-cô. -498, 500, 525.

Mi-ni-ê (Minie), Clô-đơ Ê-chiên (1804 - 1879) - sĩ quan Pháp, người phát minh ra súng trường kiểu mới. -271, 273, 600, 613 - 617.

Mi-ních, Buốc-khắc-tơ Cri-xtốp (Khri-xtô-pho-rơ An-tô-nô-vích) (1683 - 1767) - nguyên soái Nga, kỹ sư xây dựng công sự, tổng tư lệnh trong thời kỳ chiến tranh Nga - Thổ Nhĩ Kỳ (1735 - 1739); vốn người Đức. -406.

Min-xơ (Milnes), Ri-sốt *Môn-cơ-tơn* (1809 - 1885) - nhà văn và nhà hoạt động chính trị Anh, ban đầu hoạt động trong đảng To-ri, nửa sau thế kỷ XIX sang đảng tự do, nghị sĩ. -57, 147, 277.

Moóc-la (Morla), Tô-mát (1752 - 1820) - tướng Tây Ban Nha, ủy viên Hội đồng nhiếp chính tối cao, năm 1808 đứng về phía bọn chiếm đóng Pháp, làm bộ trưởng Bộ lục quân và Bộ hải quân trong chính phủ của Giô-dép Bô-na-pác-tơ. -500.

Mô-li-to (Molitor), Ga-bri-en Giảng Giô-dép (1770 - 1849) - tướng Pháp, chỉ huy một quân đoàn trong thời kỳ vũ trang can thiệp vào Tây Ban Nha năm 1823. -693.

Mô-re-nô (Moreno), An-tô-ni-ô Ghi-léc-mô - chủ ngân hàng và nhà hoạt động chính trị Tây Ban Nha. -348.

Mô-ri-lô (Morillo), Páp-lô (1778 - 1837) - tướng Tây Ban Nha, tham gia cuộc chiến tranh giành độc lập (1808 - 1814); trong những năm 1815 - 1820 chỉ huy quân đội Tây Ban Nha, được cử đi đàn áp các cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc ở các thuộc địa Tây Ban Nha ở Nam Mỹ; trong thời kỳ cách mạng tư sản 1820 - 1823, đứng về phía phản cách mạng. -410, 694.

Môn (Mon), A-lếch-khan-đrô (1801 - 1882) - nhà hoạt động chính trị Tây Ban Nha, thuộc phái tự do, bộ trưởng Bộ tài chính (1837, 1844 - 1846), đứng đầu chính phủ (1864). -348, 442.

Môn-cơ (Monck), Sác-lơ Xten-li, tử tước (1819 - 1894) - nhà hoạt động chính trị Anh, thuộc phái tự do, ủy viên Bộ tài chính (1855 - 1858) - toàn quyền Ca-na-đa (1861 - 1866 và 1867 - 1868). -57.

Môn-rô (Monroe), Giêm-xơ (1758 - 1831) - nhà hoạt động nhà nước Mỹ, tổng thống Hợp chúng quốc Mỹ (1817 - 1825), thuộc đảng cộng hoà. -439, 524.

Môn-te-mô-len (Montemolin), Các-lốt Lu-i-xơ Ma-ri-a (1818 - 1861) - hoàng tử Tây Ban Nha, con trưởng Đôn Các-lốt, trong những năm 50 theo đuổi ngôi vua Tây Ban Nha, lấy vương hiệu Sác-lơ VI. -370.

Môn-ti-hô (Montijo), Ê-u-khe Pa-la-phốc-xơ-i - Poóc-tô-ca-re-rô, bá tước - nhà phiêu lưu Tây Ban Nha. -500.

Môn-tơ-kê (Moltke), Hen-mút Các-lơ Béc-nơ-hác-đơ (1800 - 1891) - sĩ quan Phổ sau thăng nguyên soái, nhà hoạt động và nhà văn quân sự phản động, một trong những nhà tư tưởng của chủ nghĩa quân phiệt và chủ nghĩa sô-vanh Phổ; năm 1835 - 1939 phục vụ trong quân đội Thổ Nhĩ Kỳ, tổng tham mưu trưởng quân đội Phổ (1857 - 1871) và quân đội đế quốc (1871 - 1888). -301.

Môn-xơ-uốt (Molesworth), Uy-li-am (1810 - 1855) - nhà hoạt động nhà nước Anh, thuộc đảng tự do (tham gia cái gọi là phái cấp tiến Mây-phe), nghị sĩ, bộ trưởng Bộ các công trình công cộng (1853 - 1855) và bộ trưởng Bộ thuộc địa (1855). -57, 273.

Mông-păng-xi-ê (Montpensie), Ăng-toan Ma-ri Phi-líp Lu-i, công tước (1824, 1890) - con trai vua Pháp Lu-i Phi-líp, chồng của công chúa Tây Ban Nha Ma-ri-a Lu-i-da Phéc-di-năng, năm 1868 - 1869 theo đuổi ngôi vua Tây Ban Nha. -129.

Mông-ta-lăm-be (Montalembert), Mác-cơ Rê-nơ (1714 - 1800) - tướng Pháp, kỹ sư quân sự, đã nghiên cứu được một hệ thống công sự mới áp dụng rộng rãi trong thế kỷ XIX. -417, 453, 554, 556, 600, 701.

Mông-ta-lăm-be (Montalembert), Sác-lơ (1810 - 1870) - nhà hoạt động chính trị và nhà chính luận Pháp, trong thời kỳ nền Cộng hòa thứ hai là nghị sĩ của Quốc hội lập hiến và Quốc hội lập pháp, thuộc phái Óc-lê-ăng, đứng đầu phái Thiên chúa giáo. -75.

Mông-te-xki-ơ (Montesquieu), Sác-lơ (1689 - 1755) - nhà xã hội học, nhà kinh tế học và nhà văn xuất sắc ở Pháp, đại biểu của phong trào Ánh sáng của giai cấp tư sản thế kỷ XVIII, nhà lý luận của chế độ quân chủ lập hiến. -487.

Mu-nhi-ô-xơ (Muñoz), A-gu-xtin Phéc-nan-đô, công tước *Đơ Ri-an-xa-re-xơ* (khoảng 1808 - 1873) - sĩ quan quân đội vương quốc, chồng của nữ hoàng nhiếp chính Tây Ban Nha Ma-ri-a Cri-xti-na. -531, 536.

Mu-nhi-ô-xơ Bê-na-ven-tê (Munñoz Benavente), Hô-xê (Pu-xê-ta) (1820 - 1856) - dũng sĩ đấu bò tốt Tây Ban Nha, tích cực tham gia cách mạng tư sản 1854 - 1856, một trong những người lãnh đạo quần chúng nhân dân ở Ma-đrít, hy sinh trong chiến đấu ở chiến lũy đường phố. -434, 442.

Mu-nhi-ô-xơ Tô-re-rô (Muñoz - Torrero), Đê-ê-gô (1761 - 1829) - linh mục Tây Ban Nha, giám đốc Đại học tổng hợp Ca-la-man-ca, một trong những nghị sĩ cấp tiến nhất trong Nghị viện Ca-đi-xơ (1810 - 1813), tham gia cách mạng tư sản 1820 - 1823. -514.

Mu-ni-ê (Mounier), Giắc Giô-dép (1758 - 1806) - nhà hoạt động chính trị Pháp, trong thời kỳ cách mạng tư sản Pháp cuối thế kỷ XVIII, tham gia phái bảo hoàng ôn hòa đại biểu cho giai cấp đại tư sản và quý tộc tư sản hoá. -487.

Mu-rơ (Moore), Gioóc-giơ Hen-ri (1811 - 1870) - nhà hoạt động chính trị Ai-rơ-len, một trong những lãnh tụ của phong trào bảo đảm quyền lợi của tá điền, nghị sĩ. -206.

Mu-xa - pa-sa (khoảng 1810 - 1854) - tướng Thổ Nhĩ Kỳ, năm 1853 - 1854 chỉ huy quân Thổ Nhĩ Kỳ ở Xi-li-xtơ-ri. -303, 341. Ỡ

Mun-txơ (Muntz), Gioóc-giơ Phrê-đê-rích (1794 - 1857) - nhà hoạt động chính trị Anh, phần tử cấp tiến tư sản, nghị sĩ. -273.

Muy-ra (Murat), I-ô-a-sim (1767 - 1815) - nguyên soái Pháp, tham gia cuộc viễn chinh của Na-pô-lê-ông I, năm 1808 là tổng tư lệnh quân đội Pháp ở Tây Ban Nha, vua Na-plơ (1808 - 1815). -422, 474.

Muy-ra (Murat) Na-pô-lê-ông Luy-xiêng Sác-lơ (1803 - 1878) - hoàng thân, nhà hoạt động chính trị Pháp trong thời kỳ nền Cộng hòa thứ hai và Đế chế thứ hai, con trai của I-ô-sim Muy-ra, anh họ của Na-pô-lê-ông III. -10, 422.

Muy-rơ (Mure), Uy-li-am (1799 - 1860) - nhà ngôn ngữ học và nhà sử học Anh, chuyên gia về văn cổ Hy Lạp, thuộc đảng To-ri, nghị sĩ. -57.

N

Na-đô (Nadaud), Mác-tanh (1815 - 1898) - thợ nề Pháp, nhà chính luận, môn đồ của Pru-đông, năm 1849 - 1851 là nghị sĩ Quốc hội lập pháp, tham gia phái Núi, sau cuộc chính biến ngày 2 tháng Chạp 1851 bị trục xuất khỏi Pháp, kiều cư ở Anh cho đến năm 1859. -131.

Na-pô-lê-ông I Bô-na-pác-tơ (1769 - 1821) - hoàng đế Pháp (1804 - 1814 và 1815). 114, 180, 189, 263, 267, 272, 275, 277, 289, 466, 474-478, 479, 481 -485, 487, 489, 496, 498, 511, 516, 561, 563, 586, 587, 589, 612, 613, 616, 617, 625, 631-634, 636, 645, 646, 658.

Na-pô-lê-ông III (Lu-i Na-pô-lê-ông Bô-na-pác-tơ) (1808 - 1873). cháu Na-pô-lê-ông I, tổng thống nền Cộng hòa thứ hai (1848 - 1851), hoàng đế Pháp (1852 - 1870). - 10, 11, 25, 40, 48, 50, 64, 75, 77, 81, 86 - 88, 91, 96, 111, 114, 123, 128, 131 - 135, 165, 184, 266, 272, 277, 289, 291, 362, 369, 370, 378, 379, 295, 400, 422, 535, 553, 554, 561 - 564, 566, 570, 574, 591.

Na-pô-lê-ông, hoàng thân - xem *Bô-na-pác-tơ*, Na-pô-lê-ông Giô-đép Sác-lơ Pôn.

Na-va-rô (Navarro) (mất năm 1817) - nhà cách mạng Tây Ban Nha bị xử tử vì mưu tính tuyên bố hiến pháp năm 1812 ở Va-len-xi-a. -525.

Na-xơ-ết-đin (1831 -1896) - vua I-ran (1848 - 1896). -16.

Nác-va-e-xơ (Narvaez), Ra-mông Ma-ri-a (1800 - 1868) - tướng và nhà hoạt động nhà nước phản động Tây Ban Nha, lãnh tụ phái ôn hoà, đứng đầu chính phủ (1844 - 1846, 1847 - 1851, 1856 - 1857, 1864 - 1866 và 1866 - 1868), đàn áp tàn khốc phong trào cách mạng quần chúng. -348, 369, 374, 410 - 413, 415, 421, 422, 442, 443.

Nai-tơ (Knight), Phrê-đơ-rích Uyn-nơ (sinh năm 1812) - nhà hoạt động chính trị Anh, nghị sĩ. - 386.

Nây (Ney), Mi-sen (1769 - 1815) - nguyên soái Pháp, tham gia cuộc viễn chinh của Na-pô-lê-ông I, năm 1808 - 1811, tham gia vào cuộc chiến tranh ở Tây Ban Nha. -492.

Nây-pia (Napier), Sác-lơ (1786 - 1860) - đô đốc Anh, tham gia các cuộc chiến tranh ở Bồ Đào Nha (1810 - 1834) và cuộc chiến tranh ở Xy-ri (1840), năm 1854 là tổng tư lệnh hạm đội Ban-tích. -68, 83, 123, 260, 262, 312, 353, 354, 362, 397, 398, 460, 461, 566, 698.

Nê-muốc-xơ (Nemours), Lu-i Sác-lơ Phi-líp Ra-pha-en, công tước (1814 - 1896) - con thứ hai của vua Pháp Lu-i-Phi-líp. -34.

Nê-xen-rô-đê, Các Va-xi-lê-vích, bá tước (1780 - 1862) - nhà hoạt động nhà nước và nhà ngoại giao Nga, thủ tướng (1816 - 1856). -53, 98, -103, 108, 155, 159, 176, 196, 210, 228, 236, 438.

Nê-xmút (Nasmyth), Sác-lơ (1826 - 1861) - sĩ quan Anh, phóng viên quân sự của tờ "Times" tại bộ tư lệnh của Ô-me-rơ-pa-sa vùng Đa-nuýp. -302, 340, 341, 396, 402.

Ni-cô-lai I (1796 - 1855) - hoàng đế Nga (1825 - 1855). -9, 10, 15, -19, 25, 26, 28, 32, 38, 39, 41, 47, 48, 53, 55, 56, 60, 61, 63, 66, 69, 73 - 77, 81 - 83, 91, 92 - 95, 100, 113, 123, 125, 127 - 130, 133, 155, 157 - 163, 165 - 180, 182 - 185, 194, 196 - 199, 204, 209, 210, 224, 228, 233 - 237, 247, 249, 264, 285, 308, 309, 314 - 318, 319, 340, 349, 354, 369, 371, 385, 392, 423, 429, 433, 439, 460, 461, 541, 572, 585, 619, 620, 634, 641, 672, 684, 690.

Niu-ca-xlơ (*Newcastle*), Hen-ri Pê-lem Phen-xơ Pê-lem Clin-tôn, công tước (1811 - 1864), nhà hoạt động nhà nước Anh, thuộc phái Pin, bộ trưởng Bộ lực quân và Bộ thuộc địa (1852 - 1854), bộ trưởng Bộ lực quân (1854 - 1855) và bộ trưởng Bộ thuộc địa (1859 - 1864). - 281, 289, 320, 371, 568, 650.

Noóc-phôn-cơ (Norfolk), Hen-ri Sác-lơ *Hau-ác-đơ*, công tước (1791 - 1836) - nhà quý tộc Anh, thuộc đảng Vích. -15.

Nô-ta-ra-xơ, Lu-ca (mất năm 1453) - nhà hoạt động nhà nước Bi-dăng-xơ lỗi lạc, tư lệnh hạm đội, thủ lĩnh phái chống Thiên chúa giáo, bị xử tử theo lệnh của vua Thổ Nhĩ Kỳ Mếch-khơ-mét II sau khi Công-xtăng-ti-nô-plơ thất thủ. -113.

O

Oen-lin-tôn (Wellington), Ác-tuya Oen-xli, công tước (1769 - 1852), - thống soái và nhà hoạt động nhà nước Anh, thuộc đảng To-ri, năm 1808 - 1814 và 1815, chỉ huy quân đội trong cuộc chiến tranh chống lại Na-pô-lê-ông I; tổng cục trưởng tổng cục quân giới (1818 - 1827), tổng tư lệnh (1827 - 1828, 1842 - 1852), thủ tướng (1828 - 1830), bộ trưởng Bộ ngoại giao (1834 - 1835). -157, 161, 197, 267, 269, 272, 275, 295, 321, 323, 393, 405, 413, 494, 496, 555, 657, 658.

Oen-xli (Wellesley), Ri-sốt *Cô-lì*, hầu tước (1760 - 1842) - nhà hoạt động nhà nước Anh, toàn quyền Ấn Độ (1797 - 1805), đại sứ ở Ma-đrít (1809), bộ trưởng Bộ ngoại giao (1809 - 1812), tổng đốc Ai-rơ-len (1821 - 1828, 1833 - 1834), đàn áp tàn khốc phong trào giải phóng dân tộc trong nước. -496, 657.

Oóc-lê-ăng, triều đại vua Pháp (1830 - 1848). -34, 128, 535.

Oóc-lốp, A-lếch-xây Phê-đô-rô-vích, bá tước, sau năm 1856 thăng công tước (1786 - 1861) - nhà hoạt động quân sự và hoạt động nhà nước, nhà ngoại giao Nga; đã ký với Thổ Nhĩ Kỳ Hiệp ước A-đrì-a-nô-pôn (1829) và Hiệp ước Un-ki-ác-I-xkê-lê-xi; lãnh đạo đoàn đại biểu Nga tham gia Hội nghị Pa-ri năm 1856. -60, 68, 73, 74, 208.

Oóc-lốp, Ni-cô-lai A-lếch-xê-ê-vích, bá tước (1827 - 1885) - đại tá Nga, năm 1854 tham gia trận cường tập Xi-li-xtơ-ri; sau thăng cấp tướng và thành nhà ngoại giao, nhiều lần là đại biểu của Nga ở nhiều nước châu Âu. -304, 307.

Ô-bren-nô-vích, vương triều công quốc (1817 - 1842 và 1858 - 1882), sau thành vương triều vương quốc (1882 - 1903) ở Xéc-bi. -31, 39.

Ô-bru-sép, A-lếch-xan-đrơ A-pha-na-xi-ê-vích - tướng Nga. -29, 37.

Ố-Cô-nen (O' Connell), Đa-ni-en (1775 - 1847) - luật sư và nhà hoạt động chính trị tư sản Ai-rơ-len, lãnh tụ phái tự do cánh hữu trong phong trào giải phóng dân tộc. -71.

Ố-de-rốp - nhà ngoại giao Nga, năm 1853 làm đại biện lâm thời ở Công-xtăng-ti-nô-plơ. -78.

Ố Đa-li (O'Daly), Pê-đrô - sĩ quan Tây Ban Nha tham gia cuộc chiến tranh giành độc lập (1808 - 1814) và cách mạng tư sản 1820 - 1823. -519.

Ố Đôn-nen (O'Donnell), Lê-ô-pôn-đơ (1809 - 1867) - tướng và nhà hoạt động chính trị phản động Tây Ban Nha, một trong những thủ lĩnh của phái ôn hòa; năm 1854 mưu toan lợi dụng cuộc khủng hoảng cách mạng trong nước để thiết lập nền độc tài quân sự; với tư cách bộ trưởng Bộ chiến tranh lãnh đạo việc đàn áp cách mạng tư sản 1854 - 1856; đứng đầu chính phủ phản động (1856, 1858 - 1863 và 1865 - 1866). - 329, 345, 357, 369, 370, 374, 377, 378, 412, 421, 434, 439, 519, 531, 537.

Ô-li-vây-ra (Oliveira), Ben-gia-min - nghị sĩ Anh. -57.

Ô-lô-xa-ga (Olozaga), Xa-lu-xti-a-nô Đơ (1805 - 1873) - nhà hoạt động nhà nước và nhà ngoại giao Tây Ban Nha, một trong những lãnh tụ của phái tiến bộ - đứng đầu chính phủ (1843), công sứ ở Pa-ri (1840 - 1843 và 1854), tham gia cách mạng tư sản 1854 - 1856. - 411, 412, 415, 416, 442.

Ô-me-rơ-pa-sa (Mi-kha-in *La-ta-xơ*), (1806 - 1871) - tướng Thổ Nhĩ Kỳ, vốn người Crô-a-xi, trong những năm 20 phục vụ trong quân đội Áo; đầu những năm 30 nhập quốc tịch Thổ Nhĩ Kỳ; chỉ huy quân đội Thổ Nhĩ Kỳ ở Va-la-ki (1848 - 1849), ở Séc-nô-gô-ri-a (1853), tổng tư lệnh quân đội vùng Đa-nuýp (1853 - 1854), ở Crưm (1855) và ở Cáp-ca-đơ (1855 - 1856). -9, 39, 44, 61, 70, 76, 84, 85, 150, 152, 153, 213 - 116, 281, 283, 284, 297, 303, 308, 315, 337, 338, 343, 366, 367, 389, 396, 403, 405, 420, 431, 437, 544, 562, 565, 569, 570, 629, 645.

Ô-oen (Owen), Rô-bóc (1771 - 1858) - nhà xã hội chủ nghĩa không tưởng vĩ đại Anh. -71.

Ô-rô-pê-xa, (Oropesa) Ê-ma-nu-en Hô-a-kim, bá tước (1642 - khoảng 1707) - thượng thư của vua Tây Ban Nha Sác-lơ II (1685 - 1691 và 1698 - 1699), sau cuộc khởi nghĩa nhân dân 1699, bị trục xuất khỏi Tây Ban Nha. -466.

Ô-rô-xcô - sĩ quan Tây Ban Nha, tham gia cách mạng 1854 - 1856 ở Tây Ban Nha. -357.

Ô-tu-ây, (Otway), Ác-tua Giôn (1822 - 1912) - nhà hoạt động nghị viện Anh, những năm 50 thuộc đảng To-ri. -362, 372, 399.

Ô-xca-rơ I (1779 - 1859) - vua Thụy Điển và Na Uy. -207, 433, 450, 462.

Ô-xten - *Xa-ken*, Đơ-mi-tơ-ri Ê-rô-phông-ê-vích (1789 - 1881) - tướng Nga, thời kỳ chiến tranh ở Crưm, chỉ huy quân đoàn ở miền Nam nước Nga (1853 - 1854), tư lệnh quân đội phòng thủ Xê-va-xtô-pôn (cuối 1854 - 1855). -44, 151, 249, 250, 615.

Ố-Xuy-li-van Đơ Gra-xơ (O' Sullivan de Grass), An-phông-xơ An-be Hăng-ri (1798 - 1866) - nhà ngoại giao Bỉ; năm 1837 - 1866 làm công sứ ở Viên. -365.

Ôn-tơ-ra (Oltra) - sĩ quan Tây Ban Nha, tham gia cách mạng tư sản 1820 - 1823. -520.

Ố-tôn I (1815 - 1867) - hoàng tử Ba-vi-e, sau làm vua Hy Lạp (1832 - 1862). -111, 127, 217, 231, 365.

P

Pa-đi-li-a (Padilla), Hoan (1490 - 1521) - nhà quý tộc Tây Ban Nha, một trong những lãnh tụ của cuộc khởi nghĩa ở các thành thị (khởi nghĩa Cô-mu-ne-rô-xơ) ở Ca-xti-li-a, bị xử tử sau thất bại ở gần Vi-li-a-lác. -470.

Pa-kinh-tơn (Pakington), Giôn Xô-móc-xết (1799 - 1880) - nhà hoạt động nhà nước Anh thuộc đảng To-ri, sau sang đảng bảo thủ; bộ trưởng Bộ chiến tranh và Bộ thuộc địa (1852), bộ trưởng Bộ hải quân (1858 - 1859 và 1866 - 1867) và Bộ chiến tranh (1867 - 1868). -372.

Pa-la-phốc-xơ - i - Men-xi (Palfox y Melci), Hô-xê (1776 - 1847) - tướng Tây Ban Nha, tham gia cuộc chiến tranh giành độc lập (1808 - 1814), lãnh đạo trận phòng ngự Xa-ra-gốt. -500.
Pa-la-phốc-xơ - i - Men-xi (Plafox y Melci), Phran-xi-xcô (sinh năm 1774) - nhà hoạt động chính trị Tây Ban Nha, tham gia cuộc chiến tranh giành độc lập (1808 - 1814), ủy viên Hội đồng nhiếp chính trung ương (1808 - 1809), bị khai trừ vì phản đối triệu tập nghị viện và mưu toan thiết lập chế độ nhiếp chính ở Tây Ban Nha. -481.

Pa-nuy-tin, Phê-đô Xéc-ghê-ê-vích (1790 - 1865) - tướng Nga, đầu cuộc chiến tranh Crưm chỉ huy quân đoàn, năm 1855 - 1856 tư lệnh quân đoàn dự bị ở tây - nam nước Nga. -330, 344, 689.

Pa-se-cô (*Pacheco*), Hoan, hầu tước *Đơ Vi-lê-ra* (1419 - 1474) - thượng thư của vua Ca-xti-li-a Hen-rích IV. -465.

Pa-se-cô-i-Gu-ti-e-réc-xơ Can-đê-rôn (*Pacheco y Gutierrez Calderon*), Hoa-kin Phran-xi-xô (1808 - 1865) - nhà luật học, nhà văn và nhà hoạt động chính trị Tây Ban Nha, tham gia phái ôn hòa, tham gia cách mạng tư sản 1854 - 1856, bộ trưởng Bộ ngoại giao (1854). -422.

Pa-xkê-vích, I-van Phe-đô-rô-vích, công tước (1782 - 1856) - nguyên soái Nga, từ mùa hè 1831 tổng tư lệnh quân đội Nga đàn áp cách mạng Ba Lan 1820 - 1831, từ năm 1832 toàn quyền Vương quốc Ba Lan, năm 1849 tổng tư lệnh quân đội Nga tham gia đàn áp cách mạng ở Hung-ga-ri; năm 1854 tư lệnh quân đội đóng ở biên giới tây và nam nước Nga, tháng Năm - tháng Sáu chỉ huy quân đội vùng Đa-nuýp. - 62, 227, 304, 305, 307, 316, 330, 341, 354, 406.

Pa-xtơ-rơ Đì-a-xơ (*Pastor Diaz*), Ni-cô-me-đéc (1811 - 1863), - nhà hoạt động chính trị và nhà văn Tây Ban Nha, thuộc phái ôn hòa, thượng nghị sĩ, đại sứ ở Tu-rin (1854). -442.

Pác-cơ-Ca-xtơ-ri-lô (*Parque Castrillo*), Đì-e-gô *Can-nhắc - i - Poóc-tô-ca-re-rô*, công tước (1755 - 1832) - tướng Tây Ban Nha, tham gia cuộc chiến tranh giành độc lập (1808 - 1814) và cách mạng tư sản 1820 - 1823, năm 1820 làm chủ tịch nghị viện. -476.

Pai-cô-xơ (*Paikos*) A. - nhà hoạt động nhà nước Hy Lạp, 1851 - 1854 làm bộ trưởng Bộ ngoại giao. -237.

Pan-môc-xtôn (*Palmerston*), Hen-ri Giôn *Tem-pon*, tử tước (1784 - 1865) - nhà hoạt động nhà nước Anh, ban đầu hoạt động trong đảng To-ri, từ năm 1830 trở thành một trong những lãnh tụ của đảng Vích, dựa vào các phần tử cánh hữu của đảng này; bộ trưởng Bộ ngoại giao (1830 - 1834 - 1841 và 1846 - 1851), bộ trưởng Bộ nội vụ (1852 - 1855) và thủ tướng (1855 - 1858 và 1859 - 1865). - 9, 23, 24, 47, - 51, 57, 65, - 68, 103 - 108, 127, 128, 134, 185, 197, 200, 204, 205, 248, 262, 281, 289, 320, 323, 325, 327, 337, 370, 371, 387 - 390, 399, 400, 413, 439, 539, 567, 572, 640, 647 - 650, 674.

Pây-tơ-man (*Peitman*) - nhà giáo dục Đức. -362, 363, 372, 399.

Péc-xi-nhi (*Persigny*), Giảng Gin-be Vích-to (1808 - 1872) - nhà hoạt động nhà nước Pháp, thuộc phái Bô-na-pác-tơ, đại biểu Quốc hội lập pháp (1849 - 1851), một trong những người tổ chức cuộc chính biến ngày 2 tháng Chạp 1851, bộ trưởng Bộ nội vụ (1852 - 1854 và 1860 - 1863). -40.

Pen-hem (*Pelham*), Phrê-đê-rích Tô-mát (1808 - 1861) - sĩ quan hải quân Anh, từ 1858 phó đô đốc. -459.

Pê-đru V (1837 - 1861) - vua Bồ Đào Nha (1853 - 1861). -370.

Pê-li-xi-ê (*Pelisier*), Giảng Giắc (1794 - 1864) - tướng Pháp, từ năm 1855 thăng nguyên soái, trong những năm 30-50 tham gia cuộc xâm chiếm An-giê-ri, tổng tư lệnh quân đội ở Crutn (tháng Năm 1855 - tháng Bảy 1856). -70.

Pê-nơ (*Paine*), Tô-mát (1787 - 1809) - nhà chính luận cấp tiến Anh, theo chế độ cộng hòa, tham gia cuộc chiến tranh giành độc lập của Hợp chúng quốc Mỹ và cách mạng tư sản Pháp cuối thế kỷ XVIII. -400.

Pê-re-xơ Đơ Ca-xtô-rô (*Perez de Castro*), Ê-va-ti-xtô (1778 - 1848) - nhà hoạt động chính trị Tây Ban Nha, thuộc phái tự do, nghị sĩ Nghị viện Ca-đi-xơ (1810 - 1813), tham gia cách mạng tư sản năm 1820 - 1823, đứng đầu chính phủ (1838 - 1840). -523.

Pê-xu-e-la - i - Xê-ba-li-ô-xơ (*Pezuela y Caballos*), Hoan (1809 - 1906) - tướng và nhà văn quân sự Tây Ban Nha, tham gia phái ôn hòa, bộ trưởng Bộ hải quân (1846), từ 1867 là thượng nghị sĩ. -412.

Pếch-xan (*Paixhans*), Hăng-ri Giô-đép (1783 - 1854) - tướng Pháp, công trình sư và nhà phát minh quân sự, tác giả của nhiều tác phẩm về pháo binh. -12, 397.

Phan-mê-rai-ơ (*Fallmerayer*), I-a-cốp Phi-líp (1790 - 1861) - nhà sử học và nhà du lịch Đức. -148.

Phan-lu (*Falloux*), An-phrết (1811 - 1896) - nhà hoạt động chính trị và nhà văn Pháp, theo chủ nghĩa chính thống và chủ nghĩa giáo quyền, năm 1848 đề xướng việc giải tán các công xưởng quốc gia và cổ vũ việc đàn áp cuộc cách mạng tháng Sáu ở Pa-ri; bộ trưởng Bộ Giáo dục (1848 - 1849). -75.

Phi-ê-rôn (*Fiéron*), Giắc A-mê-đê Phi-líp (sinh năm 1796) - tướng Pháp, tham gia chiến tranh Crutn. -353.

Phéc-đi-năng I (1793 - 1875) - hoàng đế Áo (1835 - 1843). -122.

Phéc-đi-năng II (1810 - 1859) - vua Na-plơ (1830 - 1859), biệt hiệu vua Bom vì đã cho oanh tạc Mét-xi-na năm 1848. -356, 422, 439, 566.

Phéc-đi-năng IV (1285 - 1312) - vua Ca-xti-li-a và Lê-ông (1295 - 1312). -509.

Phéc-đi-năng V Ca-tô-lích (1452 - 1516) - vua (1474 - 1504) và nhà cầm quyền (1507 - 1516) Ca-xti-li-a, vua A-ra-gông với vương hiệu Phéc-đi-năng II (1479 - 1516). -469 - 472.

Phéc-đi-năng VII (1784 - 1833) - vua Tây Ban Nha (1808 và 1814 - 1833). -415, 446, 466, 474, 476, 477, 480, 493, 518 - 526, 693, 694, 696.

Phi-líp II (1527 - 1598) - vua Tây Ban Nha (1556 - 1598). -489.

Phi-líp IV (1605 - 1665) - vua Tây Ban Nha (1621 - 1665). -466.

Phi-líp V (1683 - 1746) - vua Tây Ban Nha (1700 - 1746). -489.

- Phi-xhéc-béc-tơ* (Fitzherbert), A-lây-nơ, nam tước *Xanh-Hê-len* (1753 - 1839) - nhà ngoại giao Anh, năm 1783 - 1787 làm công sứ ở Pê-téc-bua. -95 -96.
- Phin-đơ* - tướng Anh, năm 1854 - 1855 là tư lệnh quân khu của Anh ở Crưm. -393.
- Phin-len* (Finlen), Giêm-xơ - nhà hoạt động xuất sắc của phong trào Hiến chương, năm 1852 - 1858 là ủy viên Ban chấp hành của Hội Hiến chương toàn quốc. -132, 145.
- Phút-xơ-uy-li-am* (Fitzwilliam), Sác-lơ Uy-li-am, bá tước (1786 - 1857) - nhà hoạt động nghị viện Anh, thuộc đảng Vích. -382.
- Phlê-min-gơ* (Flemming), bá tước - nhà ngoại giao Phổ, bí thư sứ quán Viên (1854 - khoảng 1859). -365.
- Phlô-ri-đa-blan-ca* (Floridablanca), Hô-xê Mo-nhi-nô, bá tước (1728 - 1808) - nhà hoạt động nhà nước và nhà ngoại giao Tây Ban Nha, ủng hộ chế độ chuyên chế khai minh, bộ trưởng (1777 - 1792), thực hiện một loạt cải cách tiến bộ; chống lại cách mạng tư sản Pháp cuối thế kỷ XVIII; năm 1808 làm chủ tịch Hội đồng nhiếp chính trung ương, mưu toan ngăn chặn sự phát triển của cách mạng tư sản 1808 - 1814. 486, 487, 491, 511.
- Phlô-rê-xơ* (Florez), Hô-xê Xê-gun-đơ Đờ (sinh năm 1789) - nhà sử học và nhà chính luận thuộc phái tự do tư sản Tây Ban Nha, tác giả cuốn "Lịch sử Ê-xpác-te-rô" (1843). -410.
- Phoóc-rơ* (Forey), Ê-li Phrê-đê-rích (1804 - 1872) - tướng Pháp, sau thắng nguyên soái, trong những năm 30 -40 tham gia xâm chiếm An-giê-ri, thuộc phái Bô-na-pác-tơ, một trong những người tích cực tham gia cuộc chính biến ngày 2 tháng Chạp 1851, năm 1854 - 1855 chỉ huy quân Pháp ở Crưm. -257 - 258, 577.
- Phổ*, hoàng tử - xem *Vin-hem I*.
- Phốc-xơ* (Fox), Uy-li-am *Giôn-xơn* (1786 - 1864) - nhà hoạt động chính trị Anh, nhà tuyên truyền và nhà chính luận, theo thuyết mật dịch tự do, về sau vào đảng tự do, nghị sĩ. -57.
- Phran-txơ I* (1768 - 1835) - hoàng đế Áo (1804 - 1835), hoàng đế của cái gọi là Đế quốc La Mã thần thánh với đế hiệu Phran-txơ II (1792 - 1806). -121, 122.
- Phran-txơ - I-ô-xíp I* (1830 - 1916) - hoàng đế Áo (1848 - 1916). -79, 116, 122, 290 - 291, 314, 404, 439, 570, 572.
- Phran-xi-xcô Đơ A-xi-xơ*, Ma-ri-a Phéc-nan-đô (1822 - 1902) - chồng của nữ hoàng Tây Ban Nha I-da-be-la II. -529. 571.
- Phrăng-xoa I* (1494 - 1547) - vua Pháp (1515 - 1547). -188, 378.
- Phrê-đê-rích VII* (1808 - 1863) - vua Đan Mạch (1848 - 1863). -432 -434, 451, 571.
- Phri-đrich II* (1712 - 1786) - vua Phổ (1740 - 1786). -126, 152, 378, 485, 694.
- Phri-đrich* - *Vin-hem IV* (1795 - 1861) - vua Phổ (1840 - 1861). -61, 87, 165, 207, 211, 290, 386.

- Phu-át-Ê-phen-đi* (1814 - 1869) - nhà hoạt động nhà nước Tây Ban Nha, năm 1848 là cao ủy tại các công quốc thuộc vùng sông Đa-nuýp, một trong những người tổ chức đàn áp đẫm máu phong trào giải phóng dân tộc; trong những năm 50 - 60 đã nhiều lần làm thủ tướng và bộ trưởng Bộ ngoại giao. -336, 338.
- Pi IX* (1792 - 1878) - giáo hoàng La Mã (1846 - 1878). -75, 194.
- Pi-đan* (Pidal), Pê-đrô Hô-xê (1800 - 1865) - nhà hoạt động chính trị phản động Tây Ban Nha, tham gia phái ôn hòa, chủ tịch nghị viện (1843), bộ trưởng Bộ nội vụ (1844 - 1848), bộ trưởng Bộ ngoại giao (1848 - 1851). -348.
- Pi-ôt I* (1672 - 1725) - Nga hoàng, từ năm 1682 hoàng đế toàn Nga. -620, 646, 698, 700.
- Pi-xa-rô* (Pizarro), Phran-xi-xcô (1475 - 1541) - kẻ xâm chiếm Tây Ban Nha, đã xâm chiếm quốc gia người In-ca (Pê-ru) trong những năm 30 thế kỷ XVI. -472.
- Pin* (Peel), Rô-bớt (1788 - 1850) - nhà hoạt động nhà nước Anh, lãnh tụ phái ôn hòa trong đảng To-ri, do đó phái này mang tên phái Pin, bộ trưởng Bộ nội vụ (1822 - 1827 và 1828 - 1830), thủ tướng (1834 - 1835 và 1841 - 1846), được sự ủng hộ của đảng tự do, huỷ bỏ luật ngũ cốc (1846). -71, 90, 157, 196, 649.
- Poóc-li-ơ* - xem *Đi-a-xơ Poóc-li-ơ*, Hoan.
- Pô-pô-vích* (Popovich), Ti-mô-phây (1795 - 1867) - tướng Áo, vào thời kỳ Áo chiếm đóng các công quốc thuộc vùng sông Đa-nuýp, năm 1854 làm toàn quyền quân sự ở Bu-ca-rét. -544.
- Pôm-ban* (Pombal), Xê-ba-xti-an Giô-dê, hầu tước (1699 - 1782) - nhà hoạt động nhà nước Bồ Đào Nha, ủng hộ chế độ chuyên chế khai minh, trên thực tế là người cầm quyền ở Bồ Đào Nha (1756 - 1777). -485.
- Pôm-pê* (Gơ-nai, Pôm-pê Ma-gơ-nút) (106 - 48 trước công nguyên) - nguyên soái và nhà hoạt động nhà nước La Mã. -374.
- Pôn-xơ-bi* (Ponsonby), Giôn, tử tước (khoảng 1770 - 1855) - nhà ngoại giao Anh, công sứ ở Na-plơ (1832), đại sứ ở Công-xtăng-ti-nô-plơ (1832 - 1841) và ở Viên (1846 - 1850). -185.
- Pôt-xô-đi-Boóc-gô*, Các-lơ Ô-xi-pô-vích, bá tước (1764 - 1842) - nhà ngoại giao Nga, vốn người Coóc-xi-ca, từ năm 1814 đến năm 1821 làm công sứ, từ năm 1821 đến năm 1835 làm đại sứ ở Pa-ri, rồi ở Luân Đôn (1835 - 1839). -108, 160, 670.
- Prát* (Pradt), Đê-mi-ních Đuy-phua-rơ *Đơ* (1759 - 1837) - linh mục, nhà ngoại giao, nhà chính luận và nhà sử học Pháp. -495, 499, 508.
- Prim-i-Prát-xơ* (Prim y Prats), Hoan (1814 - 1870) - tướng và nhà hoạt động chính trị Tây Ban Nha, một trong những lãnh tụ của phái tiến bộ, tham gia cách mạng tư sản (1834 - 1843 và 1854 - 1856), trong những năm 1843 - 1844 đã đàn áp tàn khốc cuộc khởi nghĩa của những người cộng hòa và cánh tả phái tiến bộ ở Ca-ta-lô-ni. -545.

Prin-xi-pê-i-Vi-đau (Principe y Vidaud), Mi-ghen A-gu-xtin (1811 - 1866) - nhà văn Tây Ban Nha, tác giả của một loạt tác phẩm về lịch sử và văn học Tây Ban Nha, tham gia phái tiến bộ. -414.

Prit-sét-tơ (Pritchett), Rô-bóc Tay-lo (1828 - 1907) - thợ làm súng Anh, đã cải tiến súng trường kiểu Mi-ni-ê. -271.

Pu-se-ta - xem *Mu-nhi-ô Bê-na-ven-tê*, Hô-xê (Pu-se-ta).

Puy-giôn (Pujol), Lu-i - nhà chính luận Pháp, thuộc phái Blăng-ki, tham gia cuộc khởi nghĩa tháng Sáu 1848 ở Pháp và các sự kiện cách mạng ở Tây Ban Nha năm 1854. -434.

Q

Quy-rô-ga (Quiroga), An-tô-ni-ô (1784 - 1841) - sĩ quan Tây Ban Nha, thuộc phái tự do, tham gia cuộc chiến tranh giành độc lập (1808 - 1814) và tham gia cách mạng tư sản 1820 - 1823. -519 -522.

Quy-ta-na (Quintana), Ma-nu-en Hô-xê (1772 - 1857) - nhà thơ và nhà hoạt động chính trị Tây Ban Nha, môn đồ phái khai sáng thế kỷ XVIII ở Pháp, tham gia cuộc cách mạng tư sản 1808 - 1814 và 1820 - 1823; năm 1808 - 1810 làm thượng thư Hội đồng nhiếp chính trung ương. -487.

R

Ra-đét-xki (Radetzky), bá tước I-ô-dép, (1766 - 1858) - nguyên soái Áo, từ năm 1831 tư lệnh quân đội Áo ở Bắc I-ta-li-a, 1848 - 1849 đàn áp tàn khốc phong trào cách mạng và giải phóng dân tộc ở I-ta-li-a; năm 1850 - 1856 toàn quyền ở Vương quốc Lô-m-bác-đi - Vơ-ni-đơ. -215, 355, 614.

Ra-glan (Raglan), Phi-xrôi Giêm-xơ Hen-ri Xô-méc-xét, nam tước (1788 - 1855) - tướng Anh, nguyên soái từ năm 1854; tham gia chiến tranh chống Na-pô-lê-ông I (1808 - 1814 và 1815) với tư cách sĩ quan tham mưu của Oen-lin-tơn; bí thư quân vụ văn phòng bộ tổng tư lệnh (1827 - 1852), cục trưởng cục quân giới (1852 - 1854), tổng tư lệnh quân đội ở Crưm (1854 - 1855). -281, 308, 310, 394, 404, 405, 431, 552, 554, 558, 569, 588, 589 - 593, 597, 600, 603, 609, 610, 612, 614, 619, 644, 648, 651, 654.

Rê-sit-pa-sa (1802 - 1858) - nhà hoạt động nhà nước Thổ Nhĩ Kỳ, nhiều lần giữ chức vụ thủ tướng và bộ trưởng Bộ ngoại giao. -32, 34, 113, 217, 227, 352, 354, 389 - 392.

Rê-ven-tơ-lốp - *Cri-mi-nin Hen-rích*, bá tước (1798 - 1869) - nhà hoạt động nhà nước và nhà ngoại giao Đan Mạch, bộ trưởng Bộ ngoại giao (1842 - 1848), bộ trưởng về vấn đề Hôn-stai-nơ (1852 - 1854). -32.

Rết-clip-phơ - xem *Xtơ-rát-phơ* - *Đơ Rết-clip-phơ*.

Ri-da-pa-sa (1809 - 1859) - tướng và nhà hoạt động nhà nước Thổ Nhĩ Kỳ, trong những năm 40-50 đã nhiều lần giữ chức bộ trưởng Bộ lục quân. -34, 113.

Ri-e-gô - *i* - *Nu-nhe-xơ* (Riego y Nuñez), Ra-pha-en *Đơ* (1785 - 1823) - sĩ quan Tây Ban Nha, tham gia cuộc chiến tranh giành độc lập (1808 - 1814), một trong những lãnh tụ nổi tiếng của cách mạng tư sản 1820 - 1823. - 501, 520 - 523, 693.

Ri-ô-xơ-i-Rô-xa-rơ (Ryos y Rosas), An-tô-ni-ô (1812 - 1873) - nhà hoạt động chính trị Tây Ban Nha, tham gia phái ôn hòa, nghị sĩ, bộ trưởng Bộ nội vụ (1856). -442.

Ri-séc (Richard), Vi-xen-tơ (mất năm 1816) - nhà cách mạng tư sản Tây Ban Nha, bị xử tử sau thất bại của mưu đồ phát động khởi nghĩa chống chế độ chuyên chế của Phéc-di-năng VII. -525.

Rô-bác (Roebuck), Giôn Ác-tu-a (1801 - 1879) - nhà hoạt động chính trị và nhà chính luận Anh, phân tử cấp tiến tiểu tư sản, nghị sĩ, năm 1855 là chủ tịch ủy ban điều tra tình hình quân đội Anh ở Crưm. -35, 91.

Rô-bin-xơn (Robinson), A-bra-ham - một trong những nhà hoạt động của phong trào Hiến chương những năm 50. -145.

Rô-bin-xơn (Robinson), Phrê-đê-rích Giôn, tử tước *Gô-đrich* (1782 - 1859) - nhà hoạt động nhà nước Anh, thuộc đảng To-ri, bộ trưởng Bộ tài chính (1823 - 1827), và thủ tướng (1827 - 1828). -666.

Rô-đơ (Rose), Hưm Hen-ri (1801 - 1885) - sĩ quan Anh, từ 1854 thăng cấp tướng, sau lên nguyên soái; đại biện ở Công-xtăng-ti-nô-pơ (1852 - 1853), trong thời kỳ chiến tranh Crưm, làm đại diện của quân đội Anh tại Bộ tư lệnh quân đội Pháp, một trong những kẻ đã đàn áp cuộc khởi nghĩa giải phóng dân tộc ở Ấn Độ (1857 - 1859). -101, 242, 247.

Rô-man-na (Romana), Pê-đrô *Ca-rô-i-Xu-rê-đa*, hầu tước *Đơ-la* (1761 - 1811) - tướng Tây Ban Nha, tham gia cuộc chiến tranh giành độc lập (1808 - 1814), ủy viên của Hội đồng nhiếp chính trung ương tại Ác-tu-ri-a. -481, 492, 500.

Rôt-xen (Russel), Giôn (1792 - 1878) - nhà hoạt động nhà nước Anh, lãnh tụ đảng Vích, thủ tướng (1846 - 1852 và 1865 - 1866), bộ trưởng Bộ ngoại giao (1852 - 1853 và 1859 - 1865), chủ tịch Hội đồng cơ mật (1854 - 1855). -47, 57, 67, 80, 91, 98, 100, 103, 109, 111, 113, 127 133, 158, 160, 162, 167 - 173, 175 - 178, 184, 199, 206, 247, 275 - 280, 289, 319, 320, 327, 371, 372, 318, 384 - 388, 392, 393, 397, 398, 566, 630, 631, 650.

Ruy-li-e-rơ (Rulhières), Giô-dép Mác-xê-lanh (1787 - 8162) - tướng và nhà hoạt động chính trị Pháp, tham gia cuộc viễn chinh của Na-pô-lê-ông I, trong những năm 30 tham gia cuộc xâm chiếm An-giê-ri, 1848 - 1849 là đại biểu Quốc hội lập hiến và Quốc hội lập pháp, bộ trưởng Bộ chiến tranh, từ chức sau cuộc chính biến ngày 2 tháng Chạp 1851. -294.

S

Sa-min (khoảng 1798 - 1871) - người lãnh đạo cuộc đấu tranh của dân miền núi ở Đa-ghe-xtăng và Sê-sen chống lại bọn thực dân Nga trong những năm 30 - 50 thế kỷ XIX, một trong những nhà tư tưởng của phái cuồng tín phản động bị vua Thổ Nhĩ Kỳ lợi dụng vào mục đích xâm lược. -264, 315, 316, 379, 542.

Sa-rát (Charras), Giảng Ba-ti-xtơ A-đôn-phơ (1810 - 1865) - nhà hoạt động quân sự và hoạt động chính trị Pháp, thuộc phái cộng hòa tư sản ôn hoà, tham gia đàn áp cuộc cách mạng tháng Sáu 1848 của công nhân Pa-ri; trong thời kỳ nền Cộng hòa thứ hai là nghị sĩ Quốc hội lập hiến và Quốc hội lập pháp; chống Lu-i Bô-na-pác-tơ, sau cuộc chính biến ngày 2 tháng Chạp 1851, bị trục xuất khỏi Pháp. - 422.

Sa-tô-bri-ăng (Chateaubriand), Phrăng-xoa Rê-nơ, tử tước Đơ (1768 - 1848) - nhà văn Pháp nổi tiếng, nhà hoạt động nhà nước và nhà ngoại giao phản động, bộ trưởng Bộ ngoại giao (1822 - 1824), đại biểu của Pháp tại hội nghị Vê-rô-na (1822). -128, 439.

Sác-lơ I (1600 - 1649) - vua Anh (1625 - 1649), bị xử tử trong cuộc cách mạng tư sản Anh thế kỷ XVII. -642.

Sác-lơ I (1500 - 1558) - vua Tây Ban Nha (1516- 1556), hoàng đế của cái gọi là Đế quốc La Mã thần thánh, mang đế hiệu Sác-lơ V (1519 - 1556). -469 - 472, 479, 510.

Sác-lơ II (1661 - 1700) - vua Tây Ban Nha (1665 - 1700). -466.

Sác-lơ III (1716 - 1788) - vua Tây Ban Nha (1759 - 1788) -486, 518.

Sác-lơ IV (1748 - 1819) - vua Tây Ban Nha (1788 - 1808). -466, 474, 486, 523.

Sác-lơ VI (1685 - 1740) - hoàng đế của cái gọi là Đế quốc La Mã thần thánh (1711 - 1740). -121.

Sác-lơ X (1757 - 1836) - vua Pháp (1824 - 1830). -324, 440.

Sác-lơ XII (1682 - 1718) - vua Thụy Điển (1697 - 1718). -632.

Sác-tô-rư-xki (Czartoryski), A-đam Ê-giu, công tước (1770 - 1861) - địa chủ Ba Lan; đầu thế kỷ XIX là bạn thân của A-lếch-xan-đrơ I, bộ trưởng Bộ ngoại giao Nga (1804 - 1806); thời kỳ khởi nghĩa ở Ba Lan 1830 - 1831, đứng đầu chính phủ lâm thời, sau khi khởi nghĩa bị đàn áp chạy sang Pa-ri, nơi đây ông lãnh đạo nhóm lưu vong bảo hoàng bảo thủ Ba Lan. -105, 227.

Săm-bo (Chambord), Hăng-ri Sác-lơ, bá tước (1820 - 1883) - đại biểu cuối cùng của dòng trưởng vương triều Buốc-bông, cháu Sác-lơ X, người theo đuổi ngôi vua Pháp dưới vương hiệu Hăng-ri V. -34.

Săng-gác-ni-ê (Changarnier), Ni-cô-la Ăng Tê-ô-đuyn (1793 - 1877) - tướng và nhà hoạt động chính trị tư sản Pháp, theo phái bảo hoàng, trong những năm 30-40 tham gia xâm chiếm An-giê-ri, trong thời kỳ nền Cộng hòa thứ hai, nghị sĩ Quốc hội lập hiến và Quốc hội lập pháp, sau cuộc chính biến ngày 2 tháng Chạp 1851 bị trục xuất khỏi Pháp. -553.

Sâu (Shau), Giôn - một trong những nhà hoạt động của phong trào Hiến chương, những năm 50, ủy viên Ban chấp hành Hội Hiến chương toàn quốc. -132.

Sê-ô-đa-ép, Mi-kha-in I-va-nô-vích (mất năm 1859) - tướng Nga, tham gia cuộc chiến tranh năm 1812, trong chiến tranh Crưm chỉ huy một quân đoàn và quân đội dự bị. -151, 153, 154.

Sê-ri-đan (Sheridan), Rì-sốt Brinh-xki (1751 - 1816) - nhà soạn kịch và nhà hoạt động chính trị người Anh, đại biểu của phái cấp tiến trong đảng Vích. -146.

Sếch-xpia (Shakespeare), Uy-li-am (1564 - 1616) - nhà văn vĩ đại Anh. -106, 194, 273, 366, 684.

Sép-xbê-ri - xem *Ê-sli*, An-tô-ni *Cu-pơ*.

Sin-đéc, Các-lơ An-đrê-ê-vích (1785 - 1854) - tướng Nga, kỹ sư quân sự và nhà phát minh lỗi lạc trong cuộc chiến tranh với Thổ Nhĩ Kỳ 1828 - 1829, năm 1854 đã lãnh đạo xây dựng công sự vây đánh của quân Nga ở vùng Đa-nuýp. -83, 153, 299, 304 - 307, 342, 406.

Slích-cơ (Schlick), Phran-xơ Hen-rích, bá tước (1789 - 1862) - tướng Áo, tham gia đàn áp cách mạng Hung-ga-ri năm 1848 - 1849; năm 1854 - 1859 chỉ huy quân đội ở Ga-li-xi-a và Bu-cô-vi-na. -41.

Stia-bây (Stirbei), Bác-bu Đmi-tơ-ri *Bi-be-xcu* (1801 - 1869) - vua Va-la-ki (1849 - 1853 và 1854 - 1856). -352, 353, 391.

T

Ta-lây-răng - Pê-ri-go (Talleyrand - Perigord), Sác-lơ Mo-ri-xơ, công tước (1754 - 1838) - nhà ngoại giao nổi tiếng Pháp, bộ trưởng Bộ ngoại giao (1797 - 1799, 1799 - 1807, 1814 - 1815), đại biểu của Pháp tại Hội nghị Viên (1814 - 1815), đại sứ ở Luân Đôn (1830 - 1834), nổi bật ở tính vô nguyên tắc cao độ về mặt chính trị và tính cầu lợi. -327, 475.

Ta-ti-xép, Đmi-tơ-ri Pa-vlô-vích (1767 - 1845) - nhà ngoại giao Nga, công sứ ở Ma-đrít (1815 - 1821), đại biểu của Nga tại Hội nghị Vê-rô-na (1822), đại sứ ở Viên (1826 - 1841). -524, 526.

Téch-kê-rây (Thackerey), Uy-li-am Mây-cpi-xơ (1811 - 1863) - nhà văn hiện thực lỗi lạc Anh. -711.

Thiên Vương - xem *Hồng Tú Toàn*.

Ti-li-sơ (Tillisch), Phrê-đê-rích Phéc-đi-năng (1801 - 1889) - nhà hoạt động nhà nước phản động Đan Mạch, thuộc phái bảo hoàng, bộ trưởng Bộ nội vụ (1851 - 1852, 1854, 1864 - 1865). -433.

Ti-mua (Ta-méc-lan) (1336 - 1405) - nguyên soái và nhà chinh phục ở Trung Á, người sáng lập ra một quốc gia rộng lớn ở phương Đông. -53, 307.

Ti-rơ-tây (thế kỷ 7 - 6 trước công nguyên) - nhà thơ cổ Hy Lạp. -285.

Tô-re-nô (Toreno), Hô-xê Ma-ri-a *Cai-pô-lô Li-an-nô Ru-xơ Đơ Xa-ra-vi-a*, bá tước (1780 - 1843) - nhà hoạt động chính trị tự do tư sản và nhà sử học Tây Ban Nha, tham gia cách mạng tư sản 1808 - 1814 và 1820 - 1823, nghị sĩ Nghị viện Ca-di-xơ, bộ trưởng Bộ tài chính và thủ tướng (1834 - 1835), sống ở nước ngoài trong những năm 1814 - 1820, 1823 - 1833 và từ năm 1835. -491 - 492.

Tuy-rơ (Türr), I-stơ-van (1825 - 1908) - sĩ quan Hung-ga-ri, tham gia phong trào giải phóng dân tộc I-ta-li-a và cách mạng 1848 - 1849 ở Đức, tham gia chiến tranh Crum trong hàng ngũ quân Thổ Nhĩ Kỳ và quân Anh. -534.

U

U-gác-tê - *La-ri-xa-ban* (Ugrate y Larrizabal), An-tô-ni-ô (1780 - khoảng 1833) - nhà hoạt động chính trị Tây Ban Nha, phần tử phản động, thủ lĩnh bọn gian thần ở triều đình của Phéc-đi-năng VII. -524.

U-sa-cốp, A-lếch-xan-đrơ Clê-ô-na-cô-vích (1803 - 1877), tướng Nga, năm 1854 chỉ huy quân đội ở vùng Đa-nuýp, năm 1855 chỉ huy một sư đoàn ở Crum. -355.

Un-géc-nơ - *Stéc-nơ-béc*, Êc-nơ-xơ Vin-hem, nam tước - nhà ngoại giao Nga, trong những năm 50 làm công sứ ở Cô-pen-ha-ghe. -53.

Uốc-các-tơ (Urquhart), Đa-vít (1805 - 1877) - nhà ngoại giao Anh, nhà hoạt động chính trị và nhà chính luận phản động, thân Thổ Nhĩ Kỳ, trong những năm 30, nhận nhiệm vụ ngoại giao ở Thổ Nhĩ Kỳ; năm 1847 - 1852 là nghị sĩ, thuộc đảng To-ri. 19, 24, 66, 73 - 77, 178 - 179, 281, 289, 392, 430, 571, 683.

Uốc-các-tơ (Urquhart), Uy-li-am Pôn-lác-đơ (1814 - 1871) - nhà kinh tế học và nhà hoạt động chính trị thuộc phái tự do ở Anh, nghị sĩ. -57.

Uốc-ki-hô (Urquijo), Ma-ri-a-nô Lu-i-xơ (1768 - 1817) - nhà văn và nhà hoạt động chính trị Tây Ban Nha, thuộc phái bảo hoàng, trong thời kỳ Pháp chiếm đóng Tây Ban Nha (1808

- 1814) theo Pháp, đứng đầu chính phủ của vua Giô-đép Bô-na-pác-tô, năm 1813 di cư sang Pháp. -484.

Uôn-sơ (Walsh), Giôn Ben-nơ *Oóc-ma-tu-ây-tơ* (1798 - 1881) - nhà hoạt động chính trị và nhà chính luận Anh, thuộc đảng To-ri, sau sang đảng bảo thủ, nghị sĩ. -111.

Uy-li-am (Williams), Giêm-xơ - một trong những nhà hoạt động của phong trào Hiến chương những năm 50. -131, 145.

Uy-li-am III O-răng-giơ (1650 - 1702) - tổng đốc Hà Lan (1672 - 1702), vua Anh (1689 - 1702). -642.

Uy-li-am IV (1765 - 1837) - vua Anh (1830 - 1837). -49, 71.

Uyn-xơn (Wilson), Giêm-xơ (1805 - 1860) - nhà kinh tế học tư sản, nhà hoạt động chính trị Anh, theo phái mật dịch tự do, người sáng lập và biên tập viên tạp chí "Economist", năm 1853 - 1858 là bộ trưởng Bộ tài chính. -57, 400, 545, 665.

Uyn-xơn - *Pát-tơn* (Wilson Patten), Giôn (1802 - 1892) - nhà hoạt động chính trị Anh, thuộc đảng To-ri, sau sang đảng bảo thủ, nghị sĩ. -684.

V

Va-lép-xki (Walewski), A-lếch-xan-đrơ Phlô-ri-ăng Giô-đép Cô-lô-na, bá tước (1810 - 1868). - nhà ngoại giao và nhà hoạt động nhà nước Pháp, con trai của Na-pô-lê-ông I với vợ bá tước Ba Lan Va-lép-xki, tham gia cuộc khởi nghĩa Ba Lan 1830 - 1831, sau thất bại của cuộc khởi nghĩa lưu vong sang Pháp, bộ trưởng Bộ ngoại giao (1855 - 1860); chủ trì đại hội Pa-ri năm 1856. -171.

Va-xcông-xen-lô-xơ (Vasconcellos), Mi-ghen (mất năm 1640) - bộ trưởng người Tây Ban Nha trong chính phủ Mác-ga-ri-ta Xa-voa ở Bồ Đào Nha, bị giết trong cuộc khởi nghĩa nhân dân chống bọn thống trị Tây Ban Nha. -465.

Van-Ha-len (Van Halen), An-tô-ni-ô, bá tước *Đơ Pê-ra-cam-pô-xơ* (mất năm 1858), tướng Tây Ban Nha, gia nhập đảng tiến bộ, tham gia cuộc chiến tranh giành độc lập (1808 - 1814) và cách mạng tư sản 1820 - 1823 và 1834 - 1843, trong thời gian 1843 - 1847 lưu vong cùng với Ê-xpác-te-rô. -412.

Ven-lan (Vendtland) - bí thư riêng của vua Hy Lạp Ôt-tô I năm 1854. -365.

Vê-đen (Vedel), Đô-mi-ních Ô-nô-rê Ma-ri Ăng-toan (1771 - 1848) - tướng Pháp, năm 1808, trong cuộc chiến tranh Tây Ban Nha đã đầu hàng cùng với sư đoàn của mình ở gần Bai-len. -481.

Vi-dan (Vidal), Hô-a-kim (mất năm 1819) - sĩ quan Tây Ban Nha, thuộc phái tự do, năm 1819 lãnh đạo cuộc khởi nghĩa ở Va-len-xi-a chống lại chế độ chuyên chế của Phéc-đi-năng VII. -525.

Vi-len-na - xem *Pa-se-cô*, Hoan, hầu tước *Vi-len-na*.

Vi-ri-át (mất năm 139 trước công nguyên) - thủ lĩnh cuộc khởi nghĩa của bộ lạc Tây Ban Nha Cổ chống sự thống trị của La Mã những năm 150 - 139 trước công nguyên. -447.

Vi-xta - *Éc-mô-xa* (Vista Hermosa), An-xen Gác-xi-a Lô-i-go-ri, bá tước (mất năm 1889) - tướng Tây Ban Nha, năm 1854 chỉ huy quân chính phủ rắp tâm đàn áp cách mạng Tây Ban Nha, bị thất bại đã bỏ trốn ra nước ngoài. -357.

Vích-to Ê-ma-nu-en II (1820 - 1878) - vua Pi-ê-mông (1849 - 1861), vua I-ta-li-a (1861 - 1878). - 86.

Vích-tô-ri-a (1819 - 1901) - nữ hoàng Anh (1837 - 1901). -34, 50, 60, 177, 184, 194, 205, 267, 291, 372, 378, 381, 388, 399, 413, 570, 630.

Viéc-gi-lơ (Pu-bli-uyt Viéc-gi-li-uyt Ma-rô) (70 -19 trước công nguyên) - nhà thơ La Mã vĩ đại. -462.

Vin-hem I (1979 - 1888) - hoàng thân Phổ, vua Phổ (1861 - 1888), hoàng đế Đức (1871 - 1888). - 87.

Vin-hem III (1817 - 1890) - vua Hà Lan (1849 - 1890). -63.

Ven-len (Villel) - nhà quý tộc Tây Ban Nha, ủy viên Hội đồng nhiếp chính trung ương (1808). - 493.

Vin-lia-cam-pa (Villacampa), Pê-đrô (1776 - 1845) - tướng Tây Ban Nha, chỉ huy lực lượng du kích trong thời kỳ cuộc chiến tranh giành độc lập (1808 - 1814), tham gia cách mạng tư sản 1820 - 1823, về sau làm các chức vụ chỉ huy trong quân đội, thượng nghị sĩ. -500.

Vla-đơ V - vua Va-la-ki (1456 - 1462 và 1476 - 1479). -334.

Vô-băng (Vauban), Xê-ba-xchiêng Lơ Prét-tơ-rơ (1633 - 1707) - nguyên soái Pháp, kỹ sư quân sự, tác giả của một loạt tác phẩm về công sự và vây đánh. -455, 599.

Vô-rôn-xốp, Mi-kha-in Xê-mê-nô-vích, công tước (1782 - 1856) - nhà hoạt động nhà nước Nga, tướng, năm 1844 - 1845 là tổng chỉ huy quân đội ở Cáp-ca-dơ và tổng đốc Cáp-ca-dơ. -313, 315, 316, 319, 393, 394, 399.

Vôn-te (Voltaire), Phrăng-xoa Ma-ri (họ thật là *A-ru-ê*) (1694 - 1778) - nhà triết học Pháp theo tự nhiên thần luận, nhà văn châm biếm, nhà sử học, đại biểu lỗi lạc của phong trào khai sáng của giai cấp tư sản thế kỷ XVIII, chống chế độ chuyên chế và đạo Thiên chúa. -194.

Vư-xô-xki, I-u-dép (1809 - 1873) - nhà hoạt động chính trị Ba Lan, tướng và nhà văn quân sự, tham gia các cuộc khởi nghĩa 1830 - 1831 và 1863 - 1864 ở Ba Lan và cuộc cách mạng 1848 - 1849 ở Hung-ga-ri, sau thất bại của các phong trào ấy, sống lưu vong ở Pháp; thời kỳ chiến tranh Crưm định tổ chức quân đoàn Ba Lan để tham gia chiến tranh chống Nga. -227.

X

Xa-ba-la-i-đơ La Pu-en-tơ (Zabala y de la Puente), Hoan, (1804 - 1879) - tướng Tây Ban Nha, thuộc phái ôn hoà, tham gia cách mạng tư sản 1854 - 1856. -376, 377.

Xa-ga-xti (Sagasti), Ma-nu-en - tướng Tây Ban Nha, ủng hộ chế độ độc tài của Ê-xpác-te-rô, tổng đốc Ma-đrit (1843 và 1854 - 1855). -448, 528.

Xan-la-man-ca-i-Mai-ôn (Salamanca y Mayol), Hô-xê (1811 - 1883) - nhà hoạt động chính trị Tây Ban Nha, chủ ngân hàng, tham gia phái ôn hoà, bộ trưởng Bộ tài chính (1847). -448.

Xa-la-xa-rơ (Salazar), Hô-xê A-len-đơ (1802 - 1893) - tướng Tây Ban Nha, tham gia phái tiến bộ, bộ trưởng Bộ hải quân (1854). -422.

Xa-mi-pa-sa - nhà hoạt động nhà nước Thổ Nhĩ Kỳ, năm 1852 - 1854 làm toàn quyền Vi-đin. -343.

Xa-phi (Saffi), Au-rê-li-ô (1819 - 1890) - nhà cách mạng và nhà văn I-ta-li-a, nhà hoạt động trong phong trào giải phóng dân tộc, bạn chiến đấu của Mát-di-ni, tham gia cuộc cách mạng 1848 - 1849 ở I-ta-li-a; năm 1851 di cư sang anh, từ năm 1872 lãnh đạo đảng cộng hòa ở I-ta-li-a. -534.

Xa-u-ti (Southey), Rô-béc (1774 - 1843) - nhà thơ và nhà văn Anh, thuộc đảng To-ri. -478.

Xác-tô-ri-út (Sartorius), Phéc-nan-đô Lu-i-xơ Hô-xê, bá tước *Xan-Lu-i-xơ* (1820 - 1871) - nhà hoạt động nhà nước và nhà chính luận phản động Tây Ban Nha, một trong những thủ lĩnh của phái ôn hoà, bộ trưởng Bộ nội vụ (1847 - 1851), đứng đầu chính phủ (1853 - 1854). -345, 348, 373, 378, 413, 415, 421, 448, 465, 528 - 531, 537.

Xai-đơ-pa-sa - tướng Thổ Nhĩ Kỳ, năm 1854 chỉ huy quân Thổ Nhĩ Kỳ ở vùng Đa-nuýp. -367.

Xan-Lu-i-xơ - xem *Xác-tô-ri-út*, Lu-i-xơ Hô-xê, bá tước *Xan-Lu-i-xơ*.

Xan-Mi-ghen-i-Van-lê-đơ-rơ (San Miguel y Valledor), Ê-va-ri-xô (1785 - 1861) - tướng, nhà văn và nhà hoạt động chính trị Tây Ban Nha, tham gia cuộc chiến tranh giành độc lập (1808 - 1814) và cách mạng tư sản 1820 - 1823, đứng đầu nội các của phái tự do (1822), sau tham gia phái ôn hoà, bộ trưởng Bộ chiến tranh (1840 - 1842). - 348, 519 - 522, 527, 538, 695.

- Xan-Phéc-nan-đô* (San Fernando), Hoa-kin Hô-xê *Men-ga-rê-hô*, công tước (mất năm 1835) - nhà hoạt động chính trị phản động Tây Ban Nha, đứng đầu chính phủ (1819). -520, 524.
- Xan Rô-man* (San Roman) - tướng Tây Ban Nha, năm 1853 - 1854 làm thứ trưởng Bộ chiến tranh. -357.
- Xan-se-xơ* (Sanchez), Hu-li-an - một trong những người lãnh đạo quân du kích trong thời kỳ cuộc chiến tranh giành độc lập (1808 - 1814). -498, 499.
- Xan-ta - Cô-lô-ma* (Santa - Coloma), Đan-ma-xi-ô *Kê-ran-tơ*, bá tước (mất năm 1640) - nhà hoạt động nhà nước Tây Ban Nha, phó vương Ca-ta-lô-ni-a, bị giết trong cuộc khởi nghĩa nhân dân ở Bắc-xê-lô-na. -465.
- Xan-ta - Cru-xơ-i-Pe-se-cô* (Santa Cruz y Pacheco), Phran-xi-cô, hầu tước (khoảng 1802 - 1883) - nhà hoạt động chính trị Tây Ban Nha, bộ trưởng Bộ nội vụ (1854 - 1856) và bộ trưởng Bộ tài chính (1856). -415, 422, 445, 528.
- Xanh-Ác-nô* (Saint Arnaud), Ác-măng Giắc *Lơ-roa Đờ* (1801 - 1854) - nguyên soái Pháp, thuộc phái Bô-na-pác-tơ, những năm 30-40 tham gia xâm chiếm An-giê-ri, một trong những người tổ chức cuộc đảo chính ngày 2 tháng Chạp 1851, bộ trưởng Bộ chiến tranh (1851 - 1854); năm 1854 là tổng tư lệnh quân đội ở Crưm. -81, 265, 272, 281, 291 - 295, 308, 311, 355, 404, 405, 431, 541, 552 - 555, 558, 559, 561, 569, 579, 597.
- Xanh-Hê-len* - xem *Phi-xhéc-béc-tơ*, A-lây-nơ, nam tước *Xanh - Hê-len*.
- Xát-lơ* (Sadleir), Giôn (1814 - 1856), - chủ ngân hàng và nhà hoạt động chính trị Ai-rơ-len, một trong những lãnh tụ của nhóm Ai-rơ-len trong nghị viện, năm 1853 làm thứ trưởng Bộ tài chính. -15.
- Xây-mua* (Seymour), Gioóc-giơ Ha-min-tơn (1797 - 1880) - nhà ngoại giao Anh, năm 1851 - 1854 là công sứ ở Pê-téc-bua. -28, 66, 81, 99 - 103, 127, 158 - 163, 167 - 179, 181, 183, 236, 242, 672.
- Xác-lét-tơ* (Scarlett), Giêm-xơ I-ôc (1799 - 1871) - tướng Anh, năm 1854 - đầu năm 1855 chỉ huy một lữ đoàn kỵ binh rồi toàn bộ kỵ binh Anh ở Crưm (1855 - 1856). 609.
- Xéc-ra-nô- i - Đô-min-ghe-xơ* (Serrano y Dominguez), Phran-xi-xô (1810 - 1885) - tướng và nhà hoạt động nhà nước Tây Ban Nha, bộ trưởng Bộ chiến tranh (1843), tham gia cuộc đảo chính năm 1856, đứng đầu chính phủ (1868 - 1869, 1871 - 1874), bộ trưởng Bộ ngoại giao (1862 - 1863), nhiếp chính vương (1869 - 1871). -356, 374, 378, 442.
- Xéc-van-tét Đơ Xa-a-vê-đra* (Cervantès de Saavedra), Mi-ghen (1547 - 1616) - nhà văn hiện thực vĩ đại Tây Ban Nha. -413 -415, 497 - 498, 536, 696.
- Xen-van* (mất năm 1854) - tướng Nga, năm 1854 chỉ huy quân Nga ở Xi-li-xơ-ri. -304.
- Xê-ba-xti-a-ni* (Sébastieni), Hô-ra-xơ, bá tước (1772 - 1851) - nguyên soái Pháp, nhà ngoại giao; bộ trưởng Bộ ngoại giao (1830 - 1832), đại sứ ở Công-xtăng-ti-nô-plơ (1806 - 1807) ở Luân Đôn (1835 - 1840). -562.

- Xê-da* (Cai-uyt I-u-li-uyt Xê-da) (khoảng 100 - 44 trước công nguyên) - nguyên soái và nhà hoạt động nhà nước nổi tiếng La Mã. -374.
- Xê-lim-pa-sa (Đê-đlin-xki)* - tướng Thổ Nhĩ Kỳ, vốn người Ba Lan, năm 1853 - 1854 chỉ huy quân Thổ Nhĩ Kỳ ở vùng Đa-nuýp. -38, 61.
- Xê-lim-pa-sa*, tướng Thổ Nhĩ Kỳ, năm 1853 - 1854 chỉ huy quân đoàn ở Cáp-ca-dơ. -312.
- Xê-me-rơ* (Szemere), Bác-ta-lan (1812 - 1869) - nhà hoạt động chính trị và nhà chính luận Hung-ga-ri, bộ trưởng Bộ Nội vụ (1848) và đứng đầu chính phủ cách mạng (1849), sau thất bại của cách mạng, rời khỏi Hung-ga-ri. -15.
- Xê-ô-a-nơ* (Seoane), An-tô-ni-ô - tướng Tây Ban Nha, ủng hộ chế độ độc tài của Ê-xpác-te-rô, sau năm 1843 tham gia phái ôn hoà, tham gia cách mạng tư sản 1854 - 1856. -412.
- Xê-vin-lan-nô* (Sevillano), Xi-hô-ra Hoan, hầu tước *Đơ Phun-en-tét Đơ Đu-e-rô* - nhà hoạt động chính trị Tây Ban Nha, bộ trưởng Bộ tài chính. -348.
- Xi-xmôn-đi* (Sismondi), Giăng Sác-lơ Lê-ô-na *Xi-môn Đơ* (1773 - 1842) - nhà kinh tế học Thụy Sĩ, nhà phê bình tiểu tư sản đối với chủ nghĩa tư bản. -480.
- Xim-sơn* (Simpson), Lê-ô-na-đơ Phren-xít - nhà văn Anh giữa thế kỷ XIX. -76, 79.
- Xin-xin-nát* (Lu-xi-út Canh-tút Xi-xin-na-tuyết) (thế kỷ V trước công nguyên) - quý tộc cổ La Mã, quan chấp chính (460 trước công nguyên) nhà độc tài (458 và 439 trước công nguyên), tục truyền sống giản dị, tự mình cấy hái. -413.
- Xô-be-xki*, I-an (1624 - 1696) - vua Ba Lan (1674 - 1696), năm 1683 chỉ huy liên quân Ba Lan và Áo - Đức đánh bại quân Thổ Nhĩ Kỳ ở Vê-va. -288.
- Xô-la* (Sola), Hoan Ma-ri-a (mất năm 1819) - sĩ quan Tây Ban Nha, nhà cách mạng tư sản, bị xử tử vì tham gia cuộc khởi nghĩa ở Va-len-xi-a chống lại chế độ chuyên chế của Phéc-di-năng VII. -525.
- Xô-le-đát* (Soledad), Bê-ni-tô - thầy tu Tây Ban Nha, ủng hộ chế độ chuyên chế khai minh: - 489.
- Xô-mơ-vin* (Somerville), A-lếch-xan-đơ (1811 - 1885) - nhà báo Anh, phần tử cấp tiến tư sản. -56.
- Xô-môn-nốp*, Phê-đo I-va-nô-vích (1800 - 1854) - tướng Nga, trong thời kỳ chiến tranh Crưm đã chỉ huy quân nga ở vùng Đa-nuýp và ở Crưm, chết trong trận In-ke-rơ-man. -420.
- Xtéc-linh* (Stirling), Uy-li-am (1818 - 1878) - nhà sử học và nhà lý luận nghệ thuật Anh, thuộc phái To-ri ôn hoà, nghị sĩ, tác giả của nhiều tác phẩm về nghệ thuật Tây Ban Nha. -57.
- Xten-li* - xem *Đốc-bi*, Ê-đu-ác Gioóc-giơ Giê-phri Xmit.
- Xtê-phen-xơn* (Stephenson), Rô-bóc (1803 - 1859) - công trình sư và nhà hoạt động chính trị Anh, thuộc đảng To-ri, nghị sĩ. -57.

Xtư-át (Stuart), huân tước Đa-đi Cút-xơ (1803 - 1854) - nhà hoạt động chính trị Anh, thuộc đảng Vích, nghị sĩ, có quan hệ với nhóm bảo hoàng bảo thủ lưu vong Ba Lan. -69, 80, 90, 337, 387, 388, 393, 396, 397.

Xtơ-rát-phơ Đơ Rết-clíp-phơ (Stratford de Red -cliffe), Xtơ-rát-phơ *Can-ninh*, tử tước (1786 - 1880) - nhà ngoại giao Anh, công sứ ở Công-xtăng-ti-nô-pơ (1810 - 1812, 1825 - 1828, 1841 - 1858). -16, 32, 41, 68 - 69, 75, 79, 92, 99 - 103, 112, 113, 123, 127 - 128, 150, 167, 182, 207, 217, 219, 222, 227, 337, 338, 368, 429, 567, 571.

Xu-lây-man I Ca-nu-ni (1494 - 1566) - vua Thổ Nhĩ Kỳ (1520 - 1566). -188.

Xu-lây-man Đại đế - xem *Cu-lây-man I Ca-nu-ni*.

Xu-lây-man - pa-sa - tướng Thổ Nhĩ Kỳ, năm 1854 chỉ huy quân đội không chính qui ở vùng Đa-nuýp. -336.

Xu-lơ (Soulé), Pi-e (1801 - 1870) - luật sư và nhà hoạt động chính trị Mỹ, đại sứ ở Ma-đrít (1853 - 1854), đã ra sức đòi Chính phủ Tây Ban Nha nhường Cu-ba cho Hợp chúng quốc Mỹ. - 441.

Xu-vô-rốp, A-lếch-xan-đơ Va-xi-li-ê-vích (1730 - 1800) nguyên soái vĩ đại Nga. -303 -306, 406, 616.

Xun-tơ (Soult), Ni-cô-la Giăng (1769 - 1851) - nguyên soái và nhà hoạt động nhà nước Pháp, năm 1808 - 1814 chỉ huy quân đội Pháp ở Tây Ban Nha, trong thời kỳ chế độ quân chủ tháng Bảy, làm bộ trưởng Bộ chiến tranh (1830 - 1834, 1840 - 1845), bộ trưởng Bộ ngoại giao (1839 - 1840), thủ tướng (1832 - 1834, 1839 - 1840 và 1840 - 1847). -492.

Xuốc-ba-nô (Zurbano), Mác-tin (1788 - 1844) - tướng Tây Ban Nha, nhà cách mạng tư sản, một trong những nhà lãnh đạo quân du kích thời kỳ cuộc chiến tranh giành độc lập (1808 - 1814), bị xử tử vì định tuyên bố hiến pháp năm 1837. -411, 412.

Xuy-sơ (Suchet), Lu-i Ga-bri-en (1770 - 1826) - nguyên soái Pháp, tham gia chiến tranh ở Tây Ban Nha (1808 - 1814), năm 1812 - 1813 là toàn quyền quân sự của Pháp ở Va-len-xi-a. -493.

BẢN CHỈ DẪN CÁC XUẤT BẢN PHẨM ĐỊNH KỲ

"Người tàn tật Nga" (Xanh Pê-téc-bua). -619.

"Aftonbladet" ("Báo buổi chiều") (Xtốc-khôm). -542.

"Agramen Zeitung" ("Báo A-gram") (A-gram, nay là Đắc-rép). -238.

"Allgemeine Zeitung" ("Báo phổ thông") (Au-xbuốc). -37, 76, 77, 236, 541.

"L'Assemblée nationle" ("Quốc hội") (Pa-ri). -444.

"Augsburger Zeitung" - xem *"Allgemeine Zeitung"*.

"Berlinische Nachrichten von Staats und gelehrten Sachen" ("Tin tức Béc-lin về các vấn đề chính trị và khoa học"). -351.

"Boletin del pueblo" ("Trang tin nhân dân") (Ma-đrít). -444.

"El Catolico" ("Tin đồ Thiên chúa giáo") (Ma-đrít). -444.

"Le Charivari" ("Tiếng ồn") (Pa-ri). -434.

"Chronicle" - xem *"The Morning Chronicle"*

"Clamor de las Barricades" ("Tiếng nói chiến lũy") (Ma-đrít). -527.

"El Clamor Público" ("Tiếng nói nhân dân") (Ma-đrít). -348, 442, 444, 528.

Le Constitutionnel" ("Người lập hiến") (Pa-ri). -541.

"Correspondenz" - xem *"Preussische Lithographische Correspondenz"*.

"Il Corriere Italiano" ("Người truyền tin I-ta-li-a") (Viên). -330.

"Las Cortes" ("Nghị viên") (Ma-đrít). -527.

"The Daily News" ("Tin tức hàng ngày") (Luân Đôn). -18, 42, 207, 281, 544, 648, 649, 669.

"El Diario - spañol" ("Tây Ban Nha hàng ngày") (Ma-đrít). -348, 444.

"The Dublin Evening Mail" ("Bưu điện Đu-blin buổi chiều"). -15.

"Düsseldorfer Zeitung" ("Báo Đuyt-xen-đoóc-phơ"). -433.

"El Eco de la revolución" ("Tiếng vang cách mạng") (Ma-đrít). -444.

"The Economist" ("Nhà kinh tế học") (Luân Đôn). -57, 400, 545, 548, 572, 660, 664, 665.

- "Englishman, a weekly political and industrial journal* ("Người Anh, tuần báo chính trị và công nghiệp") (Luân Đôn). -53.
- "La Época"* ("Thời đại") (Ma-đrít). -348, 444, 546.
- "La España"* ("Tây Ban Nha") (Ma-đrít). - 348, 444, 536.
- "El Esparterista"* ("Người ủng hộ Ê-xpác-te-rô") (Ma-đrít). -444.
- "Espectador"* ("Khán giả") (Ma-đrít). -444.
- "La Esperanza"* ("Hy vọng") (Ma-đrít). -444.
- "La Europa"* ("Châu Âu") (Ma-đrít). -444.
- "The Examiner"* ("Người quan sát") (Luân Đôn). -673, 674.
- "Examiner and Times"* ("Người quan sát và Thời đại") (Man-se-xtơ) . -665.
- "Frankfurter Journal"* ("Báo Phran-phuốc"). -571.
- "Frankfurter Postzeitung"* ("Bưu điện Phran-phuốc"). -350.
- "Gaceta de Madrid"* ("Báo Ma-đrít"). -345, 346, 356, 370, 377, 445, 475, 498, 522, 529, 537 693.
- "Gazette"* - xem *"The London Gazette"*.
- "Gazzetta Ufficiale di Milano"* ("Công báo Mi-la-nô"). -61, 534.
- "Gazette du Midi"* ("Báo miền Nam") (Mác-xây). -431.
- "The Globe and Traveller"* ("Trái đất và nhà du hành") (Luân Đôn). -284, 289, 352, 400, 690..
- "El Guardia Nacional"* ("Cận vệ quốc gia") (Ma-đrít). -444.
- "El Guirigay"* ("Chuyện phiếm") (Ma-đrít). -443.
- "Hamburger Correspondent"* - xem *"Staats und Gelehrte Zeitung des Hamburgischen unparteiischen Correspondenten"*.
- "Hannoversche Zeitung"* ("Báo Han-nô-vơ"). -227.
- "Herald"* - xem *"The Morning Herald"*.
- "El Heraldo"* ("Người truyền tin") (Ma-đrít). -444.
- "La Iberia"* ("I-be-ri-a") (Ma-đrít). -444.
- "L'Indépendance belge"* ("Độc lập của Bỉ") (Bruy-xen). - 234, 346, 347, 357, 358, 442, 536.
- "La Independencia"* ("Độc lập") (Ma-đrít). -444.
- "Journal de Constantinople"* ("Báo Công-xtăng-ti-nô-plơ"). -218, 539.
- "Journal de Progrès"* ("Báo tiến bộ") (Li-xbon) -449.
- "Journal de Saint - Pétersbourg"* ("Báo Xanh Pê-téc-bua"). -155, 177, 183, 230, 235, 285,
- "Journal des Débats politiques et litteraires"* ("Báo tranh luận chính trị và văn học") (Pa-ri). - 368, 370, 445, 535.

- "Kölnische Zeitung"* ("Báo Khuên"). -349, 436, 536.
- "The Leader"* ("Lãnh tụ") (Luân Đôn). -673.
- "El Liberal"* ("Người tự do chủ nghĩa") (Ma-đrít). -444.
- "Lloyd"* - xem *"Wiener Lloyd"*.
- "Lloyd's Weekly London Newspaper"* ("Tuần báo Lôi-dơ ở Luân Đôn"). -226, 685.
- "The London Gazette"* ("Báo Luân Đôn"). -184, 224, 567, 667.
- "Manchester Examiner"* - xem *"Examiner and Times"*.
- "The Manchester Guardian"* ("Người bảo vệ Man-se-xtơ"). -286.
- "The Mark Lane Express, Agricultural Journal"* ("Người truyền tin thị trường lúa mì và tạp chí nông nghiệp") (Luân Đôn). -225, 286, 291.
- "Mensajero"* ("Người truyền tin") (Ma-đrít). -444.
- Messenger de Bayonne* ("Người truyền tin Bai-on-nơ"). -346, 357, 370, 447.
- "El Miliciano"* ("Cận vệ") (Ma-đrít). -444.
- "Le Moniteur de l'Armée"* ("Truyền tin quân đội") (Pa-ri). -420.
- "Le Moniteur universel"* ("Báo đại chúng") (Pa-ri). -58, 64, 111, 226, 233, 276, 283, 293, 330, 348, 359, 368, 379, 400, 428, 437, 462, 530, 540, 541, 562, 537, 628.
- "The Morning Advertiser"* ("Người đưa tin buổi sáng") (Luân Đôn). -50, 66, 134, 247, 285, 320, 363, 372, 670, 683, 684.
- "The Morning Chronicle"* ("Tin buổi sáng") (Luân Đôn). -18, 277, 281, 283, 285, 289, 308, 329, 330, 356, 359, 366, 421, 648, 650, 669, 690.
- "The Morning Herald"* ("Truyền tin buổi sáng") (Luân Đôn). -281, 287, 320, 371, 432, 612, 650.
- "The Morning Post"* ("Bưu điện buổi sáng") (Luân Đôn). -107, 207, 224, 289, 290, 391, 640, 648, 649, 669 - 673.
- "La Nación"* ("Dân tộc") (Ma-đrít). -348, 444.
- "Le National"* ("Báo Dân tộc") (Pa-ri). -378.
- "Neue Oder - Zeitung"* ("Báo Ô-de mới") (Brê-xláp, hiện nay là Vrôt-xláp). -646, 650, 657, 668, 675, 685, 688, 690.
- "Neue Preussische Zeitung"* ("Báo Phổ mới") (Béc-lin). -18, 26, 366, 440.
- "Neue Rheinische Zeitung. Organ der Demokratie"* ("Báo mới vùng Ranh. Cơ quan của phong trào dân chủ") (Khuên). -398.

"New-York Daily Tribune" ("Diễn đàn Niu Oóc hàng ngày"). -14, 24, 42, 46, 51, 59, 64, 72, 80, 85, 88, 104, 115, 122, 130, 138, 145, 149, 154, 166, 183, 193, 205, 212, 216, 221, 225, 226, 232, 240, 248, 253, 259, 262, 266, 274, 280, 287, 294, 306, 313, 318, 328, 338, 344, 353, 364, 372, 380, 388, 401, 408, 416, 419, 427, 429, 435, 439, 444, 451, 451, 457, 462, 463, 533, 539, 549, 557, 564, 565, 568, 569, 574, 581, 587, 593, 598, 602, 611, 618, 626, 634, 639, 658, 679, 682, 688, 713.

"The Northern Ensign" ("Ngọn cờ phương bắc") (thành phố Uých, Xcốt-len). -255, 256.

"Nouvelliste de Marseilles" ("Người truyền tin Mác-xây"). -237.

Las Novedades" ("Tin tức mới") (Ma-đrít). -444.

"The Observer" ("Người quan sát") (Luân Đôn). -336.

"Oesterreichisch Kaiserliche Wiener Zeitung" ("Báo Hoàng gia Áo ở Viên"). -68, 116.

"Oesterreichische Correspondenz" ("Tin tức nước Áo") (Viên). -359, 365.

"Oesterreichischer Soldatenfreund" ("Người bạn lính Áo") (Viên). -15, 350.

"Oesterreichische militärische Zeitschrift" ("Tập chí quân sự Áo") (Viên). -498.

"Ost-Deutsche Post" ("Bưu điện Đông Đức") (Viên). -330.

"La Patrie" ("Tổ quốc") (Pa-ri). -16, 41, 662.

"The People's Paper" ("Báo nhân dân") (Luân Đôn). -140, 154, 266.

"The Portfolio" ("Cái cặp") (Luân Đôn). -55, 672.

"The Press" ("Báo chí") (Luân Đôn). -18, 47, 51, 195, 205, 640.

"Die Presse" ("Báo chí") (Viên). -238, 330, 433.

"La Presse" ("Báo chí") (Pa-ri). -235, 542.

"Preussische Correspondenz" - xem *"Preussische Lithographische Correspondenz"*.

"Preussische Lithographische Correspondenz" ("Tin tức in thạch của Phổ") (Béc-lin). -41, 222.

"Punch, or the London Charivari" ("Sự vụng về hay là sự ồn ào ở Luân Đôn"). -443.

"Le Siècle" ("Thế kỷ") (Pa-ri). -450.

"Soldatenfreund" - xem *"Oesterreichischer Soldatenfreund"*.

"The Spectator" ("Khán giả") (Luân Đôn). -49

"Spenersche Zeitung" - xem *"Berlinische Nachrichten von Staats und gelehrten Sachen"*.

"Staats und Gelherte Zeitung des Hamburghischen unparteiischen Correspondenten" ("Báo chính trị và khoa học của thông tin viên vô tư ở Hăm-buốc"), -185, 368.

"The Standard" ("Ngọn cờ") (Luân Đôn). -17.

"The Sun" ("Mặt trời") (Luân Đôn). -689.

"Sunday Times" ("Thời báo chủ nhật") (Luân Đôn). -673.

"The Times" ("Thời báo") (Luân Đôn). -17, 27, 60, 68, 73, 74, 83, 114, 124, 127, 153, 162, 171, 185, 199, 200, 206, 224, 237, 275 - 278, 281 - 285, 286, 287, 290, 302, 312, 319, 340, 366, 370, 380, 399, 402, 417, 428, 430, 432, 436 - 440, 441, 445 - 448, 452, 528, 561, 562, 566, 588, 603, 611, 612, 625, 642, 644 647, 648, 651, 656, 669 - 673 683, 686, 687.

"Tribune" - xem *"New-York Daily Tribune"*

"El Tribuno" ("Diễn đàn") (Ma-đrít). -434, 444.

"Ultimas Baricadas" ("Chiến lũy cuối cùng") (Ma-đrít). -527.

"La Union" ("Liên minh") (Ma-đrít). -444.

"Unione" ("Liên minh") (Tu-rin). -219, 392.

"L'Univers religieux, philosophique, polotique, scientifique et littéraire" ("Thế giới tôn giáo, triết học, chính trị, khoa học và văn hóa") (Pa-ri). -75.

"Wiener Liold" ("Lôi-đơ ở Viên"). -350, 351.

"Wiener medizinische Wochenschrift" ("Tuần báo y học Viên") (Viên). -310.

"Wiener Zeitung" - xem *"Oesterreichisch Kaiserliche Wiener Zeitung"*.

"De Zuid - Afrikaan" (*"The Zuid Afrikaan"*) ("Người Nam Phi") (Cáp-stát, Cây-pơ-tôn). -35.

BẢN CHỈ DẪN ĐỊA DANH

A

A-bô (Tuốc cu) -542

A-brút-xơ (Abrút-xơ A-ben-nanh), núi -356.

A-các-na-ni-a, một tỉnh ở Hy Lạp -126.

A-dốp, biển -11, 26, 125, 379, 671.

A-đi-giơ, sông -215.

A-đri-a-nô-pôn (Ê-di-rơ) -33, 125, 154, 282, 300, 311, 322 -326, 335, 383, 674.

A-đri-a-nô-pôn, đồng bằng -172.

A-i-a-cu-sô -410.

A-khan-xích (A-khan-xi-khơ) -29,36.

A-la-đanh -554.

A-lăng, quần đảo -207, 417, 452, 462, 562.

A-léch-xăng-đri-a -355.

A-léch-xăng-đrô-pôn (Lê-ni-na-can) -29, 36.

A-li-can-tơ -375.

A-lu-ra -357, 370.

A-luy-ta (Ôn-tơ), sông -39, 366, 390.

A-na-pa -263, 368, 396, 417, 431, 568, 580.

A-na-tô-li -174, 539.

A-ra-gông -370, 375, 412, 448, 469, 508.

A-ran-hu-ê-xơ -348, 448, 484, 515, 546.

A-ráp-Ta-bi-a, pháo đài -301 - 306, 339 -343, 454, 552.

A-rát -70.

A-ren-đen -57.

A-rê-ki-pa, ở Bô-lô-vi-a -410.

A-ten -127, 217, 254, 277, 538, 573.

A-út-dơ -117.

A-vi-la -470.

A-xơ-ra-khan -585.

Ác-cô-xơ (Ác-cô xơ đơ-la - Phrôn-tê-ra) -520.

Ác-đã-gan -29, 36.

Ác-giê-xơ, sông -420.

Ác-khan-ghen-xơ -287.

Ác-mê-ni-a -29, 36.

Ác-ta -126, 217.

Ác-tu-ri-a -474, 476, 492, 493, 498, 511, 535.

Ai-cập -173, 174 300.

Ai-đun, ở Thổ Nhĩ Kỳ -539.

Ai-rơ-len -57, 58, 70, 74, 135, 247, 248, 254.

Am-xtéc-đam -309, 329.

An-ba-ni -113, 124, 126, 174, 223, 238.

An-ba-xê-tơ - 412.

An-bu-ê-ra -614.

An-ca-la-đơ - Ê-na-rê-xơ -329.

An-đa-lu-di-a -356, 370, 375, 378, 422, 476, 521.

An-đrô-xơ, đảo -223.

An-giê-ri -70, 74, 406.

An-khơ-xi-rát -521, 530.

An-ma, sông -558 -563, 565, 566, 568, 570, 571, 575, 576, 581, 582, 588, 597, 598, 600, 603, 611, 622, 644.

An-ma, một thôn ở Crum -576, 577.

An-mây-đa -529.

An-pơ, dãy núi -14, 305, 630.

An-pơ, dãy núi ở vùng Tơ-ran-xin-va-ni -355.

Át-lát, dãy núi -578.

Át-ra-mi-ti (Ết-rê-mít) -321.

Ấn, sông -272, 406.

Ấn Độ - 30, 269, 271, 651, 653.

Ây-xbơ-ri - 57.

Â-lau - xem *Prây-xi-sơ-Ay-lau*.

B

Ba-ba-đác, ở Ru-ma-ni -432.

Ba-dác-gích (Đô-brích, Tôn-bu-khin) -314, 315.

Ba-đa-hốt -455.

Ba-đen -87.

Ba-lắc-la-va - 588, 591, 594, 598, 604, 605, 610, 611, 613, 620, 622, 644, 645, 686, 689.

Ba-lắc-la-va, vịnh -567.

Ba-lê-a-rơ, quần đảo -375, 513, 571.

Ba-lơ -534.

Ba-nát -41.

Ba-tum (Ba-tu-mi) -25, 38, 69.

Bác-xê-lô-na -375, 377, 411, 414, 443, 448, 476, 522.

Bác-xê-lô-nê-ta, vùng ngoại ô Bác-xê-lô-na -376.

Bắc-si-xa-rai -580, 597, 602, 604, 605, 622, 627, 689.

Bạch Hải -379, 432, 584, 585.

Bai-a-dét (Đô-gu-bai-a-dít), ở Thổ Nhĩ Kỳ -539.

Bai-đắc-xcai-a, thung lũng -590, 623.

Bai-len -481 - 484.

Bai-ôn-nơ -376, 474, 476, 528, 530.

Băm-béc-gơ -365.

Ban-căng -66, 96, 213 - 216, 265, 276, 283, 296, 297, 308, 327.

Ban-sích, ở Bun-ga-ri -405, 431.

Ban-ta-Li-man (Ban-ta-li-ma-nut) -337.

Ban-tích, biển -10 -14, 26, 53, 108, 195, 261, 262, 266, 312, 353, 355, 361, 368, 382, 383, 395, 397, 398, 423, 542, 566, 583 - 586, 698, 699

Bát-đa - 41.

Bau-txen, ở Dắc-den -580.

Bắc-kinh-hêm -57, 58.

Bây-cô-dơ -9, 69, 206.

Be-lơ-I-lơ, một hòn đảo ở vịnh Bi-xcay -573.

Béc-cơ-sia -57, 58.

Béc-nơ -534.

Béc-lin -42, 68, 165, 206 -211, 329, 351, 366, 436.

Ben-bếch -567.

Ben-đéc -629.

Ben-grát -31, 39, 208, 222, 360, 391, 437.

Bét-xa-ra-bi-a -150, 154, 298, 323, 330, 344, 430, 542, 569, 622, 628, 629.

Bê-lút-gi-xtan -661.

Bê-cốp -424, 425.

Bê-di-ca (*Bê-si-ca*) vịnh ở biển Ê-giê -92.

Bi-xcay -375, 511.

Biển Bắc -53.

Biển Cẩm thạch -52, 124.

Bìn-bao -441.

Blê -292.

Boóc-đô -356.

Boóc-nô-xơ -520.

Boóc-nơ-khôn-mơ -41.

Bôc-mác-xun-đơ -355, 397, 417, 418, 450, 452 - 462, 541, 556, 600, 686.

Bô-rô-đi-nô -596.

Bô-tô-sa-ni -330.

Bô-xni-a -124, 126, 174, 664.

Bô-xpho -52, 103, 112, 124, 125, 206, 311, 540, 551, 563, 664.

Bốt-mìn -57.

Bốc-minh-hêm -286, 289, 290, 668.

Brai-lốp (Brai-la) -151, 153, 154, 297, 330, 355, 542.

Brét-Li-tốp-xcơ (Brét) -586, 632

Brê-xtô-va-xơ -437.

Brê-xtơ, ở Pháp -74, 82, 261.

Brôn-xen-lơ -331.

Bruy-xen -67, 357.

Bu-ca-ra -129, 661

Bu-ca-rét -43 - 45, 70, 84, 85, 124, 213, 227, 297, 298, 309, 310, 319, 330, 336, 338, 355, 366, 367, 420, 430, 431, 437, 544, 561, 566-569, 571, 645, 664,

Bu-cô-vi-na -343.

Bu-dê-u, sông -343, 428.

Bu-lô-nhơ - 362, 555, 563, 564, 566, 570, 591.

Búc (Nam Búc), sông -151, 585, 629.

Búc (Tây Búc), sông -633.

Bun-ga-ri -124, 174, 237, 276, 282 - 285, 309, 390, 404, 406, 551, 553, 622, 664.

Bun-ga-ri, cao nguyên -301.

Bun-xen-vi-xơ (Lê-gơ-nít-ke Pô-lê), ở Xi-lê-di -152.

Buốc-gô-xơ -375, 481, 483.

Buốc-luy-cơ -576, 577.

Bu-xtơ-ri-xa -456.

C

Ca-bun -129.

Ca-đi-xơ - 412, 439, 477, 484, 493, 502, 508-512, 513, 516, 519 - 522, 693.

Ca-la-phát -30, 38, 39, 43-46, 47, 70, 82-85, 150-153, 175, 213, 216, 226, 311, 402, 404, 406, 589, 645, 688.

Ca-la-ra-sơ (Kê-lê-ra-sơ) -213,297, 302, 403.

Ca-li-phoóc-ni-a -665, 677.

Ca-lơ -345, 371, 379.

Ca-lu-ga -610.

Ca-lu-ga, tỉnh -633.

Ca-men-xơ -330.

Ca-na, quần đảo -484.

Ca-pha (Phê-ô-đô-xi-a) -69, 126.

Ca-ra-can -315.

Ca-ra-xu, sông -214, 298.

Ca-ran-tin, vịnh -592.

Ca-sa, sông -559.

Ca-ta-lô-ni -370, 375, 377, 422, 447, 466, 513, 545.

Ca-va-đôn-ga, ở Tây Ban Nha -502.

Ca-xa-lơ pháo đài ở I-ta-li-a -355.

Ca-xbắc (Ca-sa-va), sông ở Xi-lê-di -580, 610.

Ca-xpiên biển -313, 584.

Ca-xti-li-a -345, 375, 469 -472, 476, 479, 484, 485, 489, 508, 510.

Ca-xti-on-nơ -577.

Các-lét -357.

Các-lơ-xơ-cru-na, ở Thụy Điển -433.

Các-pát, dãy núi -338, 390.

Các-ta-hê-na -375, 477.

Các-xơ -29, 36, 37, 313, 539.

Can-đi-a -174.

Can-nơ -57.

Cam-trích (Cam-tsi-a), sông -297.

Cáp-ca-dơ -11, 29, 37, 312, 324, 568, 584, 586.

Cát-ta-rô (Cô-tô-rơ), ở Séc-nô-gô-ri-a -78.

Cát-tê-gát, eo biển -312.

Cát-khi, điểm dân cư ở Crưm -597.

Cây-en-na -119.

Chiếc sừng vàng, vịnh -52.

Coóc-đô-va -521.

Cô-đô-ni-ô -355.

Cô-ma-rư, điểm dân cư ở Crưm -605.

*Cô-pen-ha-ghe*n -31, 57, 68, 423, 433, 451, 541.

Cô-san-bam-ba ở Bô-li-vi-a. -410.

Cô-ra-ben, vịnh -592.

Côm-pi-iêng -474.

Côn-béc-gơ (Cô-lốp - giéc) -343, 451.

Côn-téc-xơ, (Oóc-pha-nu), vịnh -127.

Công-xtăng-tanh, mũi đất -419.

Công-xtăng-ti-nô-plơ (Xtam-bun) - 9, 16, 18, 31-35, 41, 42, 46, 52, 60, 69, 70, 74, 75, 78, 79, 93, 99, 100, 105, 110-114, 123, 124, 126, 150, 154, 161, 168, 170, 174, 175, 182, 186, 191, 196, 206, 216, 218, 222-224, 226, 227, 234, 236, 265, 281, 324, 326, 336, 337, 354, 360, 361, 368, 389, 394, 404, 429, 431, 437, 442, 530, 541, 551, 554, 562, 563, 567, 569, 570, 630, 644 654, 661, 681.

Cra-cốp -120, 247, 354.

Crai-ô-va -30, 38, 70, 152.

Crê-di-tôn -16.

Crô-a-xi -124, 174.

Crôn-stát -4, 26, 109, 312, 318, 353, 354, 362, 397, 398, 417, 566, 698 -704.

Cru-sva-xơ, ở Xéc-bi -208.

Crưm -11, 26, 125, 263, 312, 316, 319, 344, 387, 388, 430, 431, 551, 553-556, 558, 565-569, 572, 582, 584, 586, 588, 590, 595-598, 617, 619, 621-626, 628, 629, 651, 654-657, 686, 687, 689.

Cu-ba, đảo -435, 441.

Cu-en-ca -370, 377.

Cuốc-đi-xtan -29, 307.

Crưm-pi-na -330.

D

Dun-đơ (E-rơ-xun), eo biển -31, 53, 436.

Đ

Đa-nuýp, sông - 13, 30, 39, 43-45, 48, 55, 61, 82-85, 95, 128, 150-152, 154, 213-216, 247, 260, 276, 282, 296, 297-301, 302, 305, 306, 307-311, 316, 324, 327, 330, 338, 339, 340, 342, 343, 355, 368, 382, 389, 394, 395, 402-406, 429, 430, 438, 540, 542, 550, 552, 582, 625, 629, 630, 663, 664, 671, 674, 679.

Đa-ri-an, hẻm núi -312, 313.

Đa-ri-en, vịnh ở Trung Mỹ -472.

Đác-đa-nen, eo biển -52, 111, 125, 321, 438 -439, 550, 670, 674.

Đại Ben-tơ, eo biển -31, 261, 541.

Đại Tây Dương -11, 677.

Đan-txích (Gơ-đan-xơ) -286, 343, 451, 586.

Đảo Rắn -540.

Đép-nen-xca, sông -297, 552, 553.

Đép-ni-ca -394, 554.

Đê-lô-ni-a, một tỉnh ở Hy Lạp -126.

Đê-ni-xli, ở Thổ Nhĩ Kỳ -539.

Đê-von-sia -16.

Đê-xpê-ni-a-xpéc-rô-xơ -370.

Địa Trung Hải -108, 321.

Đu-blin -50.

Đni-e-prơ, sông -629, 632.

Đni-e-xtơ-rơ, sông -214, 344, 406, 552, 585, 628, 633.

Đôn luy cũ hay là *Pháo đài cũ* -556, 559, 563, 568, 595.

Đông, sông -406.

Đông Ấn -641, 660.

Đô-brút-gia -206, 213, 214, 216, 226, 297, 298, 303, 310, 330, 332, 354, 355, 395, 403, 404, 432, 552, 553, 569.

Đun, ở Xcốt-len -255.

Đvi-na, sông -632.

E

E-nô-xơ -124, 125, 128, 550.

Ênô-xơ, vịnh -321.

Êc-dê-rum (Êc-du-rum) -41.

Êc-két-phuê-đơ -251.

Éc-phua -484.

Ép-bê-a, đảo -126, 221.

Ép-pa-tô-ri-a -556, 688, 689.

Ê-brơ, sông -483.

Ê-đin-buốc -57.

Ê-gri-pô -126.

Ê-ni-ca-lơ - xem *Kéc-sơ*.

Ê-pia -114, 147, 238.

E-tô-li, một tỉnh ở Hy Lạp -126.

Ê-xtơ-rê-ma-đu-ra -356.

G

Ga-e-tơ -356.

Ga-lát -154, 297, 421, 431.

Ga-li-xi -109, 120, 276, 343, 428, 551, 629, 634.

Ga-li-xi-a -441, 476, 492, 493, 498, 513, 522, 695.

Gát-si-na -47.

Ghi-đri-a (I-đra), đảo -223.

Ghi-pu-xcô-a -376.

Gi-bran-ta -312.

Gia-bli-ác -76, 238.

Gia-ni-na -126.

Giát-xi -227, 330, 335, 342, 664.

Giê-nơ -392.

Giê-rô-na -375.

Giê-ru-da-lem -17, 100, 189 - 193.

Giơ-ne-vơ -534.

Giút-lan, bán đảo -296.

Giuyéc-giê-vô (Giuốc-giu) -47, 297, 298, 319, 330, 355, 367, 368, 430.

Gla-xgô -57, 256, 258, 356.

Gli-na, điểm dân cư ở Bu-ca-rét -420.

Gmun-đen, ở Áo -117.

Gra-na-đa -375, 469, 477, 483, 516.

Gra-na-tu-la -414.

Grim-xbi, điểm dân cư ở Xcốt-len -57.

Grôt-nô, tỉnh -633.

Gru-di-a -312.

Gu-át-xtan-la, ở I-ta-li-a -86.

Gu-xtáp-xvéc-nơ -260, 541.

Gva-di-a-na, sông -357.

H

Ha-ba-na -529.

Ha-en -375, 378, 477, 571.

Hac-li-phắc, ở Anh -424.

Ha-li-phắc, ở Ca-ma-đa -563, 581.

Ha-li-pô-li (Hê-li-bô-lu) -223, 264, 272, 282, 311, 550, 554, 653, 654.

Ha-ti-va -357.

Hác-phoóc-sia -57.

Han-gút (Han-cô) -260, 541.

Hắc Hải - 9-14, 18, 25, 26, 29, 33, 38, 39, 41, 84, 96, 103, 112, 123-126, 205, 213, 216, 261, 263, 269, 309, 312, 315, 316, 353, 379, 382, 383, 395, 431, 432, 584, 617, 625, 664, 670, 671.

Hăm-buốc -330, 450, 461, 541.

Héc-man-stát (Xi-bi-u) -380.

Héc-txê-gô-vi-na -124, 174, 238.

Hen-xích-phoóc (Hen-xin-ki) -417.

Hét-xen -87.

Hê-rắc-lây, một tỉnh ở Crưm -604, 605, 607.

Hê-rê-xơ (Hê-rê-xơ-dơ la Phông-tê-ra) -520.

Hi-ma-lay-a, những đỉnh núi -130.

Hiếc-xô-va (Hước-sô-va) -43, 45, 84, 214, 298, 403.

Hin-đu-xtan -661.

Hung-ga-ri -10, 13, 61, 109, 119 -122, 205, 211, 219, 276, 288, 369, 387, 433, 634, 636.

I

I-a-lô-mi-xa -298, 355, 420.

I-a-rô-xláp, tỉnh -633.

I-ê-na -13, 68, 612, 613, 645.

I-ô-niêng, quần đảo -114, 146.

I-ô-xa-phát, sông -193.

I-lút-xa, một tỉnh ở Hy Lạp -126.

I-van-gô-rốt -586.

I-xmai -297, 629.

I-xắc-tra -330.

In-ke-rơ-man -590, 612 - 614, 616 - 620, 623, 627, 645, 646.

K

Kéc-sơ -580.

Kéc-sơ, eo biển -69.

Kê-bếch, ở Ca-na-đa -224.

Kê-lu-ghe-ê-ni -420.

Khéc-xôn -125, 430, 622, 629.

Khéc-xô-nét Hê-rắc-lây -604, 656, 688.

Khéc-xô-nét, mũi -567.

Khéc-xô-nét Phra-ki-a (bán đảo Ha-li-pô-li) -125, 264, 550.

Khuê-ních-xbéc (Ca-li-nin-grát) -238, 451.

Khuên -436.

Ki-ép -629.

Ki-ép, tỉnh -633.

Ki-si-nhốp -13.

L

La-Ca-rô-li-na -370, 477.

La-Cô-ru-ni-a -481, 492, 525.

La Mã -14.

La Man-sơ -369, 378, 414, 522.

La Măng-sơ, eo biển -11, 42, 312.

La-Pa-xơ, ở Bô-li-vi-a -410.

La-xơ-Ca-bê-xát-đơ-Xanh-Hoan -520.

Lan-grê-ô -535.

Lan-kê-si-a -51, 58, 681, 712.

Len-nhi-a-gô, ở I-ta-li-a -215.

Lê-bri-ha -520.

Lê-gan-nét -374.

Lê-ôn, đảo -375, 439, 495, 500, 502, 513, 520, 521, 525.

Lê-ri-đa -375, 448.

Lê-xtơ-sia -58.

Li-nhi, ở Bỉ -552.

Li-ông -369.

Li-tơ-rim -57.

Li-voóc-nô -566.

Li-xbon -442, 465, 528.

Li-vóc-pun -107, 563, 617, 641.

Lìn-côn -58.

Lít-xơ -132, 666.

Lô-grô-ni-ô -414, 571.

Lôm-bác-đi -121, 122, 355.

Luân Đôn -35, 62, 67, 81, 86, 105, 112, 114, 118, 131, 132, 139, 140, 142, 146, 153, 156, 157, 165, 171, 178, 200, 281, 292, 318, 321, 329, 362, 365, 367, 371, 395, 413, 550, 562, 567, 612, 617, 631, 641, 674.

Luy-tơ-xen, ở Dắc-đen -580.

M

Ma-đrít - 129, 329, 345 - 349, 356, 369, 373 - 378, 412, 413, 415, 421, 422, 440-443, 448, 449, 466, 474, 476, 477, 479, 481, 483-486, 490, 500, 511, 516, 519, 521, 522, 525, 528, 531, 536, 537, 545, 693.

Ma-la-ha -448, 521, 571.

Ma-li-oóc-ca, đảo -525.

Ma-ri-sa, sông -124.

Ma-xê-đoan -113, 174.

Man-xtê-sắc, một tỉnh ở Thổ Nhĩ Kỳ -539.

Mác-xây -353, 354, 368.

Man-se-xtơ -14, 51, 53, 72, 131, 140, 142, 286, 290, 329, 667.

Man-tơ, đảo -69, 82.

Man-xan-na-rê-xơ -369, 434.

Mãn Châu Lý -129.

Mát-xcơ-va -82, 151, 586, 610, 632-633.

Mát-xcơ-va, tỉnh -632.

Măng-tu -355.

Mét-sin -30, 47, 330, 403, 542.

Mét-xơ -70, 87, 88.

Mê-ghê-đin-xơ (Mê-hê-đin-xi) -352, 353.

Mê-ha-đi-a -208.

Mê-men (Clai-pê-da) -451.

Min-xcơ, tỉnh - 633.

Mít-đơn-xếch -58.

Môn-đê-na -86, 392.

Mô-ghi-lép - 632.

Mô-ghi-lép, tỉnh -633.

Mô-si-na -420.

Môn-đa-vi-a -13, 16, 55, 61, 77, 83, 92, 102, 108, 126, 150, 174, 178, 182, 196, 249, 276, 282-285, 309, 314-318, 323, 327, 330-338, 343, 344, 352, 355, 358, 365, 366, 382, 385, 389-392, 395, 397, 404, 428-432, 437, 438, 537-539, 542, 544, 552, 622, 629, 663, 678, 679.

Môn-tê-cát-xi-nô, điểm dân cư ở I-ta-li-a -356.

Môn-tơn -58.

Mốt-lin (Tân Ghê-oóc-ghi-ép-xơ) -586.

Mu-rơ-xi-a -375, 513.

N

Na-va-ra -376, 498, 509 -511, 525.

Na-va-rin (Pi-lốt) -96, 217.

Na-plơ -86, 355, 370, 566.

Nác-va -620, 646.

Nan-tơ -292.

Nê-grô-pôn - xem *Ép-bê-a*.

Nê-pan -30.

Nê-va, sông -698.

Những công quốc thuộc vùng sông Đa-nuýp - xem *Va-la-ki* và *Môn-đa-vi-a*.

Ni-ê-man, sông -483.

Ni-cô-lai-ép -622, 629, 689.

Ni-cô-pôn, ở Ru-ma-ni -151.

Ni-giơ-gô-rốt, tỉnh -633.

Ni-sơ, ở Xéc-bi -208.

Ních-si-a, ở Tréc-nô-gô-ri -238.

Niu-cát-xơ-an-đéc-Lai-nơ -57.

Niu Oóc -563.

Niu-ri, ở Ai-rơ-len -18.

Noi-đắc-tơ, điểm dân cư ở Xcốt-len -255.

Noóc-tan-léc-tơn -58.

Nốt-tinh-hêm -684.

Núi Đen, ở Crum -590.

O

Oa-téc-lô -180, 268, 552, 561, 569, 658.

Oen, ở Xcốt-len -258.

Oen-xơ -58, 224, 641.

Oóc-sô-va -330.

Ô-ca-ni-a -497, 522.

Ô-duốc-ghê-tư -312.

Ô-đê, sông -483.

Ô-đét-xa , 10 - 13, 26, 28, 29, 37, 38, 53, 125, 151, 154, 206, 233-235, 241, 249, 250, 254, 260, 265, 285, 354, 384, 395, 542, 622, 664, 689.

Ô-nê-ga, sông -432.

Ô-vê-đô -480, 492, 535.

Ô-xtéc-lít -620, 627.

Ốc-xphốt -57.

Ôn-đêm -57.

Ôn-muyt-xơ (Ô-lô-mu-xơ) -68.

Ôn-tê-nít-sa -9, 43 - 46, 84, 103, 152, 175, 213, 214, 298, 315, 366, 367, 402, 420, 569, 589, 606, 645.

Ôn-xtéc -18.

Ốt-sa-cốp -456.

P

Pa-léc-mơ -293.

Pa-ri -14, 16, 42, 64, 67, 75, 81, 86, 99, 101, 112, 113, 131, 132, 146, 165, 266, 292-294, 356, 365, 378, 411, 432, 442, 524, 551, 555, 569, 627, 631, 667.

Pa-vi-a -534.

Pác-mơ -86, 392.

Pác-te-nơ -292.

Pam-plô-na -375, 476, 516, 522, 525.

Péc-tơ-sia -57.

Pen-giáp -661.

Pét, thủ đô của Hung-ga-ri, phía tả ngạn của thành phố Bu-ca-pét ngày nay. -14.

Pê-rê-cốp -126, 456, 568, 580, 625, 689.

Phần Lan -12, 13, 26, 31, 260, 262, 263, 303, 312, 323, 450, 584, 586.

Phần Lan, vịnh -260, 541, 698.

Phét-xa-li -113, 124, 146, 147, 174, 223, 238.

Phê-ra-ra -392.

Phi-hê-rát -476, 545.

Phi-líp-pin -416, 529.

Phốc-san-nư -297, 355, 390, 420.

Phông-te-nơ-blô -466, 474.

Phra-ki-a -174.

Phran-phuốc, trên sông Mai-nơ -118, 329.

Phrê-đê-ri-xi-a, ở Đan Mạch -296.

Phrê-tê-sti -367, 368, 380.

Phrít-lan-đơ (Práp-đin-xơ) -632.

Phuy-nanh (Phuyn), đảo -476, 481.

Pi-a-sen-txa -86.

Pi-e-rô-Coóc-rin -535.

Pi-rê-nê, dãy núi -479.

Phi-rê-nê, bán đảo -272, 349, 373, 412, 440, 470, 495, 524, 614, 657.

Pin-đơ, những dãy núi thuộc vùng Ban-căng -146.

Plô-ê-sơ-ti -330.

Poóc-xmút -57.

Pô-dơ-nan -276, 634.

Pô-dô-li-a -330, 344, 585, 633.

Pô-tô-xi, ở Bô-lô-vi-a -410.

Pô-xô-blancô -370.

Pôn-ta-va -632.

Pôn-ta-va, tỉnh -633.

Pôn-tê-phrắc-tơ -57.

Prây-xi-sơ-Ây-lau (Ba-gra-ti-ô-nốp-xơ) -596, 620, 632.

Prê-xton -259, 712.

Pri-e-gô -693.

Prô-văng-xơ -469.

Prút, sông -151, 154, 284, 315, 319, 330, 336, 337, 428.

Pu-éc-tô-đơ-Xan-ta Ma-ri-a -520.

Pu-xtéc-lác-xô -355.

Q

Quy-súc-Cai-nắc-gia (Cai-nắc-gia) -33, 99, 189

Quy-xten-gi (Côn-xtan-xa) -213, 214, 297, 309, 431, 553.

R

Ra-dơ-grát -214, 341.

Ra-xô-va -299.

Rai -57.

Ranh, sông -14, 630, 632.

Rây-xơ -370

Ren-phriu-sia -57

Rê-đút-Ca-lơ, pháo đài phòng thủ bờ biển Cáp-ca-dơ -263.

Rê-ven (Ta-lin) -585, 628.

Rét-voóc-đơ -57.

Ri-a-dan, tỉnh -633.

Ri-ga -12, 451.

Rô-đô-xơ, đảo -539.

Rô-đô-xơ -124, 125, 128.

Rô-manh -330

Rô-đen -57.

Rô-téc-tuốc-mơ-pát-xơ (Tuốc-nu-rô-su), đèo -330.

Rô-xtóc -286.

Rốc-rua, ở Pháp -146.

Rôn-đa -521

Ru-mê-li -124, 126.

Ru-súc (Ru-xơ) -43, 84, 214, 215, 297, 311, 367, 380, 403, 404, 430, 569.

S

Sác-ca-xơ, ở Bô-lô-vi-a -410.

Se-xơ -57.

Séc-bua -700.

Séc-na-vô-đa -213, 214, 297.

Séc-ni-gốp, tỉnh -633.

Séc-nô-gô-ri-a -76, 77, 126, 158, 175, 183, 405.

Sen-ghen, pháo đài ở Xi-li-xơ-ri -302.

Sép-can-tin -xem pháo đài Thánh Ni-cô-lai

Séc-phin-đơ -288.

Sê-ta-te -38, 43, 45, 83, 152, 175, 304, 315, 366, 621.

Si-blắc, một đảo trên sông Đa-nuýp -303.

Si-séc-tơ -58.

Si-va -63, 129.

Siếc-nét-xơ -83.

Sin (Ghi-u), sông -39.

Sla-va -420.

Slê-dơ-vích -53, 251.

Sô-bem, ở gần Luân Đôn -270.

Sô-tin -13, 585.

Sông Đen -559, 590, 596-599, 604, 605, 610, 613, 619, 627.

Sta-lây-nơ, ở Áo -117.

Stét-tin (Sê-xin) -286.

Stê-ri-a -637.

Sum-la (Cô-la-rốp-grát) -44, 84, 215, 216, 296, 297, 298, 303, 310, 311, 327, 342, 367.

T

Ta-gan-róc -664.

Tác-ra-gô-na -375.

Tây Ấn -667.

Tây Tạng -130.

Tem-blê-cơ -357.

Tem-dơ, sông -68, 83.

Tê-hê-ran -16, 31, 41.

Tê-me-sơ (Prê-di-an), đèo, dãy núi An-pơ ở vùng Tô-ran-xin-va-ni -355.

Tê-ra-pi-a (Ta-ra-bi-a) -540.

Tê-ru-en -412.

Thánh Ni-cô-lai, bến cảng và pháo đài (Sê-phơ-ca-tin) -29, 36, 112, 312, 456.

Ti-nô-xơ, một đảo ở biển Ê-giê -223.

Ti-véc-tôn -57.

Ti-phlít (Tơ-bi-li-xi) -29, 36, 313, 315, 542.

Tia -539.

Tin-dít (Xô-viết-xơ) -475.

To-re-xơ-Vê-đra-sơ (Tơ-ri-giơ-Vê-đra-sơ), ở Bồ Đào Nha -152.

Toóc-rê-lô-ba-ton -470.

Toóc-rê-khôn (Toóc-rê-khôn-đen-Rây), - 377, 412.

Toóc-tê-xi-lì-ác (Toóc-ta-léc-đơ - Êc-ghê-va) -470.

Toóc-tô-xa -447.

Tô-le-đô -356.

Tô-lô-xa -375.

Tô-xca-nơ -356.

Tơ-ra-i-a-nốp, đèo -214, 216, 298, 330.

Tơ-ra-pê-dun (Tơ-ra-bơ-dôn) -16, 112.

Tơ-ran-xin-va-ni -61, 121, 153, 265, 428, 551, 629.

Tơ-rê-vi-dô -534.

Tơ-ri-ca-la -223.

Tơ-ri-e-xtơ -534.

Tréc-kê-xi -263, 264, 265.

Tréc-nô-vi-xe -350.

Tu-la, tỉnh -633.

Tu-lông -69, 82.

Tu-rin -86, 442.

Tun-sa -432.

Tuốc-tu-cai (Tu-tơ-rắc-can) -214, 303, 402.

Tuy-ni-di -174.

Tước-gô-vi-xtơ -213.

U

U-rê-sti, điểm dân cư ở Ru-ma-ni -420.

Uê-tơ -377.

Uê-xtơ-bê-ri -57.

Uê-xtơ-mít -57.

Un-ki-ác-I-xkê-lê-xi -33, 60, 324.

Uóc-di-sê-ni -420.

Út-rê-ra -520.

Uýt-bi -57.

V

Va-la-ki -13, 17, 30, 43, 45, 55, 61, 69, 77, 83, 92, 94, 102, 108, 109, 124, 126, 146, 150, 151, 153, 174, 178, 182, 196, 213, 226, 249, 276, 282-285, 297, 298, 301, 307-309, 314-318, 323, 327, 330-338, 350, 351-355, 358, 359, 361, 365, 366, 382, 385, 386, 389-392, 394, 397, 404, 421, 428-431, 437, 438, 441, 537-539, 542, 544, 550, 552, 569, 622, 663, 664, 678, 679.

Va-len-xi-a -357, 370, 375, 412, 422, 447, 476, 477, 493, 500, 513, 515, 518, 522, 525, 530.
Va-li-a-đô-lít -375, 470, 477.
Vác-na -205, 215, 216, 223, 265, 281, 282, 296, 303, 308, 311, 361, 367, 379, 385, 394, 399, 404, 406, 417, 431, 457, 539, 550-554, 557, 561, 568, 579, 581, 591, 653-656.
Vác-sa-va -14, 60, 83, 433, 456, 585, 586.
Van-đây -292.
Van-khe-ren, đảo -557.
Ven-tát-đen -Ê-xpi-ri-tu-Xan-tô, điểm dân cư ở gần Ma-đrít -347.
Vê-li-ki-e Lu-ki -524.
Vê-rô-na -152, 215, 355, 439, 440, 502, 577.
Vi-can-va-rô -346, 527.
Vi-đin -44, 45, 124, 151, 208, 343.
Vi-li-a-lác (Li-brốt) -470.
Vi-tép-xcơ -632.
Vi-tô-ri-a -375.
Vi-xla, sông -586.
Vích-tô-ri-a, ở Ô-xtơ-rây-li-a -206.
Viên -11, 26, 32, 39 - 42, 61, 66, 68, 74, 76, 80, 111, 116, 117, 178, 180, 210, 226, 247, 289, 316, 328, 349, 361, 365 - 369, 390, 530, 669, 671.
Vin-nô (Vin-nhút) -632.
Vịnh lớn -418, 419, 559, 567, 604.
Vla-đi-cáp-ca-dơ (Oóc-giô-ni-kít-dê) -29, 37.
Vô-lun (tỉnh Vô-lun) -344, 585, 633.
Vôn-ta, ở I-ta-li-a -355.
Vô-rô-ne-giơ, tỉnh -633.
Vuyéc-tem-béc -87.

X

Xa-ha-ra -553.
Xa-la-man-ca -516.
Xa-lô-ni-ki, vịnh -127.
Xa-ra-gốt -329, 376, 377, 448, 466, 481, 487, 522, 530, 538.

Xa-voa -86, 355.
Xa-rô-xơ, vịnh -321.
Xác-đi-ni -355.
Xan -344.
Xan-lu-các (Xan-lu-các-đơ-Bắc-ra-mê-da) -477.
Xan-Xê-bát-ti-an -375, 455, 476.
Xanh-Ê-len-na, đảo -180.
Xanh-Mô-ri-xơ -355.
Xanh-Ô-méc -261.
Xanh-Pê-téc-bua (Lê-nin-grát) -12, 13, 26, 39, 42, 66, 73, 74, 81, 109, 111, 156, 158, 162, 170, 171, 178, 196, 197, 200, 210, 239, 316, 319, 325, 386, 450, 541, 572, 585, 586, 698.
Xao-hêm-pton -361.
Xa-tu-ác -57.
Xcốt-len -57, 58, 135, 247, 254.
Xcu-ta-ri -124, 264, 281, 311, 554, 644, 653 -655.
Xéc-bi -13, 30, 31, 39, 43, 114, 126, 146, 174, 213, 222, 359, 360, 361, 391, 437, 438, 664.
Xê-rét, sông -154, 297, 308, 309, 315, 340, 389, 403.
Xê-va-xtô-pôn -9 -14, 25, 26, 28, 29, 37, 38, 53, 109, 112, 125, 206, 233, 252, 254, 263, 265, 295, 312, 316, 318, 319, 353, 354, 384, 387, 393, 394 - 397, 405, 417 - 419, 431, 457, 550, 556, 558 - 569, 570, 571, 579 - 583, 585 - 604, 615, 617 - 620, 622, 623, 627, 628, 645, 647, 686 - 690, 700.
- Pháo đài *A-lếch-xan-đrốp* -599.
- Pháo đài *Ca-ran-tin* -592, 599, 601.
- Pháo đài *Công-xtăng-tin-nốp-xki* -562, 600.
- *Mạn Bắc* -567, 622, 623, 688.
- Đồn lũy *phía bắc* hay là *pháo đài phía bắc* -556, 559, 589, 627, 644.
- *Khẩu đội thông tin* -599.
- *Mạn Nam* -419, 602.
Xê-va-xtô-pôn, vịnh - xem *Vịnh lớn*
Xê-vi-li-a - 375, 378, 411, 412, 480, 481, 483, 484, 491, 494, 500, 511, 545, 694.
Xi-e-ra - *Mô-rê-na*, dãy núi -370, 521.
Xi-ê-rô - 535.

Xi-li-xtơ-ri (Xi-li-xtơ-ra) -45, 213 -215, 282, 284, 290, 296, 297 - 317, 319, 327, 330, 339 - 344, 366, 396, 402, 403, 406, 429, 456, 551, 557, 562, 569, 589, 606, 615, 620, 621, 645, 670, 688.

Xi-nô-pơ - 16 - 18, 27, 28, 33, 37, 48, 69, 92, 94, 103, 112, 263, 387, 395, 631.

Xi-ri -189.

Xi-rô-xơ, một đảo ở biển Ê-giê -223.

Xi-xin -355.

Xi-xtốp (Xvi-stốp) -78.

Xim-phê-rô-pôn -571, 597, 627, 644, 688.

Xin-đơ -661.

Xla-ti-na -420.

Xlai-gô -206.

Xlô-bốt-dê-a (Xlô-bốt-di-a) -330.

Xmiếc-na (I-dơ-mia) -219, 321.

Xmô-len-xơ -632, 633.

Xmô-len-xơ, tỉnh -633.

Xô-ra, ở I-ta-li-a -356.

Xoóc-nơ-đoóc-phơ - 596.

Xô-phi-a -44, 208.

Xô-brác-bơ, vùng núi ở Tây Ban Nha -502, 508.

Xta-ti-ra -366.

Xtam-bun - xem Công-xtăng-ti-nô-plơ.

Xtáp-phớc-sia -58, 667.

Xtốc-khôm -31, 207, 450.

Xtốc-poóc -131.

Xtơ-ra-xbua -70, 87, 88.

Xtơ-rát-các-rôn, ở Xcốt-len -257, 258.

Xu-a-xô -520.

Xu-khum-Ca-lơn -263.

Xu-lin, cửa sông ở vùng châu thổ sông Đa-nuýp -355, 368, 432, 679.

Xút-xéch -58.

Xuy-đa-đơ-Rê-an -357, 369.

Xuy-đa-đơ-Rốt-ri-gô -455, 477, 498.

Xuy-rích -534.

Xvê-a-boóc-gơ (Xu-ô-men-li-na) -312, 566.

Xvi-nê-muyn-đơ (Xvi-nô-uy-xơ) -451.

Y

Y-oóc-sia -57.